VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TỤC BIÊN

(1676-1789)

Dịch và khảo chứng:
Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng
Hiệu đính: **Nguyễn Đổng chi**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ
TỤC BIÊN
(1676-1789)

Dịch và khảo chứng

NGÔ THẾ LONG – NGUYỄN KIM HƯNG

Hiệu đính

NGUYỄN ĐỔNG CHI

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Đại Việt sử ký tục biên (1676 - 1789) / Dịch, khảo chứng: Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng ; Nguyễn Đổng Chi h.đ.. - H. : Hồng Đức, 2018. - 518tr. ; 24cm

ĐTTS Ghi: Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. - Phụ lục: tr. 415-518

1. Lịch sử trung đại 2. 1676-1789 3. Việt Nam

959.70272 - dc23

HDH0041p-CIP

✓*Những thư viện mua sách của Nhà sách Thăng Long được biên mục chuẩn Marc 21 miễn phí.*

✓*Dữ liệu được Nhà sách Thăng Long chép vào đĩa mềm, hoặc gửi email đến thư viện, hoặc download từ trang web:thanglong.com.vn*

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TỤC BIÊN

(1676-1789)

THƯ VIỆN
TỈNH VĨNH LONG
PĐ. TRA CỨU
@V_19
1373

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Lời giới thiệu

Nói đến các bộ thông sử có tiếng của Việt Nam dưới thời phong kiến, hẳn không ai có thể bỏ qua hai tác phẩm quan trọng: *Đại Việt sử ký toàn thư* do Quốc sử quán triều Lê nhiều đời kế tiếp biên soạn, và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* do Quốc sử quán triều Nguyễn dựa chủ yếu vào *Đại Việt sử ký toàn thư* và biên soạn lại vào khoảng giữa thế kỷ XIX. Một trong hai bộ sử đó tuy có được phiên dịch một vài phần từ trước Cách mạng tháng Tám[1] nhưng phải đợi đến những năm 60 - 70, với công trình dịch thuật và chú giải nghiêm túc của các dịch giả trong Tổ biên dịch Viện Sử học, cả hai bộ mới được công bố một cách trọn vẹn[2].

Tuy nhiên, sau khi đọc 4 tập *Đại Việt sử ký toàn thư* đã dịch và xuất bản rồi so sánh theo từng năm tháng với *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, các nhà sử học đều nảy sinh một mối phân vân: tại sao *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi chép lịch sử dân tộc từ họ Hồng Bàng trở đi (bao gồm các phần *Ngoại kỷ, Bản kỷ, Bản kỷ thực lục, Bản kỷ tục biên*) lại chỉ chép đến năm 1675 đời Lê Gia Tông, tức hết quyển XIX, là kết thúc? Trong khi, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* dựa trên bộ "sử mẹ" đó thì lại chép được đến tận năm 1789 là năm cuối đời Lê Chiêu Thống, ông vua cuối cùng của triều Lê, tức là dài hơn *Đại Việt sử ký toàn thư* đến 114 năm? Phải chăng cơ quan chép sử của triều đình nhà Lê chỉ mới chính thức soạn xong lịch sử biên niên của triều đại mình cho đến năm 1675 mà thôi, còn từ 1676 đến 1789 gồm 113 năm về sau thì chưa soạn kịp? Và các sử gia triều Nguyễn sau này đã độc lập tìm kiếm những nguồn tài liệu ngoài *Đại*

---

(1) Đại Việt sử ký toàn thư *do Mục Bài thần dịch một phần, Nxb Tân Việt công bố.*

(2) Khâm định Việt sử thông giám cương mục do Tổ biên dịch Viện sử học dịch, in thành 20 tập, Nxb Văn Sử Địa và Nxb Sử học Hà Nội, 1957 – 1960.

Đại Việt sử ký toàn thư do Cao Huy Giu dịch, Gs Đào Duy Anh hiệu đính chú giải và khảo chứng, in thành 4 tập: Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1967. Tái bản 1971 – 1973.

Việt sử ký toàn ký để bổ sung và xây dựng sử liệu cho 113 năm nói trên trong cuốn *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*?

Sự thực hoàn toàn không phải vậy. Lịch sử biến thiên của triều đại Lê - Trịnh trong 113 năm sóng gió cuối cùng này cũng đã được chính sử gia nhà Lê vâng mệnh triều đình ghi lại. Theo *Lịch triều hiến chương loại chí, Văn tịch chí*, thì vào những năm đầu đời Lê cảnh Hưng (khoảng 1740), một nhóm triều thần đã được lệnh chép nối quốc sử, từ đời Lê Hy Tông (1676) cho đến Lê Ý Tông (1740) gồm 64 năm. Bộ sách chép nối này gọi là *Quốc sử lục biên*[1]. Lại theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* thì việc chép nối trên đây được giao cụ thể cho nhóm Ngô Thì Sĩ (1626 - 1780), Phạm Nguyễn Du (1740 - 1787), Ninh Tôn (1744 - ?) và Nguyễn Sá (? - ?) làm đồng biên tập, dưới quyền Tổng tài của nhóm Nguyễn Hoãn (1712 - 1791), Lê Quý Đôn (1726 - 1784) và Vũ Miên (1718 - 1782), đây là sự kiện được Trịnh Sâm đề xuất vào năm 1775 chứ không phải vào đầu đời Cảnh Hưng như lời *Lịch triều hiến chương loại chí*. Sách hoàn thành chia thành 6 quyển, mang phụ đề là *Bản kỷ tục biên*[2]. Như vậy, tuy có trình bày chênh lệnh với nhau về năm làm sách, cả hai tài liệu đều thống nhất cho thấy, vào khoảng giữa thế kỷ XVIII, các sử gia nhà Lê đã hoàn thành bộ sử chép nối vào *Đại Việt sử ký toàn thư*, không có gì phải phân vân nghi ngờ. Dĩ nhiên, sau khi bộ sử này ra đời, việc chép nối của sử thần nhà Lê không phải đã dừng lại, vì xét về nhiều phương diện, nhất là về tình hình chính trị của triều đình phong kiến, thì cho mãi đến sát những năm 80, vẫn chưa có sự đảo lộn gì ghê gớm để sử quan triều đình thôi không tiếp tục công việc của họ nữa. Mặt khác, nhiều tài liệu sử học còn lại đến nay cũng chứng tỏ, thời kỳ lịch sử mấy chục năm cuối cùng của nhà Lê lại là *đối tượng quan tâm đặc biệt* của nhiều nhà chép sử đương thời, nhờ đó họ đã viết lên không ít bộ sử có giá trị như *Lê quý dật sử* (Bùi Dương Lịch), *Văn Lê di sử* (Nguyễn Quốc Ninh), *Lê quý kỷ sự* (Nguyễn Thu), *Lịch triều tạp kỷ* (Lê Cao Lãng), *Lê sử bổ, Sử bổ, Lê triều dã sử, Tây Sơn thuật lược* v. v... Không có lý gì trong khi sử riêng của các nhà xuất hiện nhan nhản như thế mà một cơ quan trọng đại như Viện quốc sử thì lại nằm im, không có chút động tĩnh nào cả. Cho nên, mặc dầu không sử sách nào ghi chép, vẫn có thể phỏng đoán rằng lịch sử biên niên giai đoạn từ 1740 - 1789 cũng đã được triều đình nhà Lê giao cho sử quan phác thảo, tuy rằng có thể chưa xong hẳn hoặc chưa kịp ấn hành.

Nhưng vì sao những bộ sử chép nối đã thành hoặc chưa hoàn thành này, đến nay lại không còn thấy, và bản in *Đại Việt sử ký toàn thư* vẫn phải dừng lại ở năm 1675? Tìm trong các tài liệu sử sách của thế kỷ XIX ta mới phát hiện ra một nguyên nhân: vào năm 1838, Minh Mạng, vua thứ hai nhà Nguyễn, đã ban đạo

---

(1) *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch, tập IV, tr. 49, Nxb sử học Hà Nội, 1961.
(2) *Việt sử thông giám cương mục*, bản dịch, tập XIX, tr.46, Nxb Sử học Hà Nội, 1960.

dụ cấm lưu hành bộ sách gọi là *Bản kỷ tục biên*, hay *Lê sử bản kỷ tục biên*. Bộ sách đó chính là phần cuối của sách *Đại Việt sử ký toàn thư* mà Viện Quốc sử triều Lê đã vâng lệnh chép nối vào năm 1740 (như lời Phan Huy Chú) hoặc năm 1775 (như ghi chép của *Việt sử thông giám cương mục*). Toàn văn đạo dụ như sau: "Trong các sách sử ký các đời của An Nam có nhiều chỗ văn nghĩa sự tích giản lược. Cho đến đời Lê Trung hưng trở về sau chính quyền về tay họ Trịnh, vua Lê chỉ ngồi ôm hư vị, cho nên những việc chép trong sách Bản kỷ tục biên đều là tôn họ Trịnh dìm vua Lê. Thậm chí những hành vi bội nghịch của họ Trịnh cũng đều uốn cong ngòi bút để khen là đẹp. Tình trạng "mũ, giày điên đảo" không lúc nào tệ bằng lúc ấy, do đó những người biên soạn sử sách thời bấy giờ đều là người riêng của họ Trịnh không hề xuất phát từ ngòi bút ngay thẳng do công nghị. Đến nay tuy những ván khắc cũ đã bị thất lạc, nhưng những bản sách đã in do sĩ dân tàng trữ, há lại không còn hay sao? Nếu còn để sách ấy lại, người nọ truyền riêng cho người kia xem thì nó sẽ làm chìm đắm lòng người, không thể không một phen thu hồi và tiêu huỷ đi để tính kế tốt nhất cho phong tục thời đại.

Vậy truyền dụ các quan đầu các địa phương thông sức cho quan lại sĩ dân trong hạt mình cai trị nếu còn có nhà nào chứa chấp sách Lê sử bản kỷ tục biên thì bất cứ sách in hay sách chép đều phải nộp lên quan ngay do quan đầu địa phương đệ nạp tại bộ. Khi sách đã đến bộ, bộ sẽ tâu xin trên huỷ đi. Đợi đến sau này sưu tập được nhiều việc cũ khảo đính thêm cho tường tận, sai quan làm lại chính sử sẽ cho đem khắc in và ban hành để tỏ rõ là tín sử. Nếu ai còn dám chứa riêng trong nhà thì sẽ bị khép vào điều luật chứa chấp "yêu thư" mà xử tội nặng"[1].

Rõ ràng, đạo cụ trên đây đã vô tình mách cho chúng ta biết: sách Bản kỷ tục biên tức Đại Việt sử ký toàn thư Bản kỷ tục biên, phần biên chép từ đời Lê Trung hưng trở về về sau, tức là từ 1676 - 1740, cũng đã từng được khắc ván và phổ biến rộng rãi trong dân chúng, và cho đến trước 1838 bản in vẫn hãy còn lưu hành nhiều. Nhưng từ 1838 trở đi thì nó bị truy lùng ráo riết và huỷ hoại vô tội vạ, đến nỗi bản in dần dần mất hẳn. Mặt khác, ta cũng biết rằng trong thế kỷ XIX sách Đại Việt sử ký toàn thư đã được in lại, nhưng người khắc in, lẽ ra phải gộp cả phần Bản kỷ tục biên, từ 1676 - 1740 và có thể cả từ 1740 - 1789 vào bộ sách, thì vì nhà Nguyễn đã tuyệt đối cấm kỵ, nên cũng chỉ dám khắc đến năm 1675 đúng như bản in năm Chính Hoà thứ mười tám (1697) mà thôi.

---

(1) Đại Nam văn tuyển thống biên q. 15, tờ 14. Trích theo Trần Văn Giáp trong Tìm hiểu kho sánh Hán Nôm, tập I, Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội, 1970, tr. 86 - 87. Đạo dụ này cũng được in trong Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị thế kỷ XVI, bản dịch tập XX, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1968, tr. 61, nhưng có khác một số chữ. Cũng theo Trần Văn Giáp thì cuốn Lê kỷ tục biên mà dạo dụ của Minh Mạng nói tới chính là cuốn Đại Việt sử ký tiền biên in năm 1800 dưới triều Tây Sơn. Chúng tôi không nhất trí với nhận định này.

Và khi thời gian càng lùi vào quá khứ, những hành vi phá hoại văn hoá độc đoán của triều Nguyễn không còn là câu chuyện thời sự nóng hổi nữa, thì lớp người sinh sau cũng ít người hiểu nguyên do vì đâu có sự đứt khúc kể trên. Người ta cứ đinh ninh rằng Đại Việt sử ký toàn thư chỉ chép đến năm 1675 là dừng.

Kể từ đầu thế kỷ XX cho đến sát gần đây, nhiều nhà thư tịch học người Pháp và người Việt đã bỏ nhiều công sức lần tìm manh mối bộ sách từng bị Minh Mạng tiêu huỷ. Và sự nỗ lực bền bỉ của họ đã từng bước đưa lại những kết quả khả quan. Không những họ đi dần tới một nhận định nhất trí: cuốn sách bị tiêu huỷ kia chính là những phần còn thiếu của sách *Đại Việt sử ký toàn thư* mà họ còn cố gắng chỉ ra đích xác mặt mũi của những bản sao sách đó hiện còn. Từ Ca-đi-e (L. Cadière) và Pen-liô (P. Pelliot[1], qua Ô-rút-xô (L. Aurousseau)[2], đến Ga-xpác-đon (E. Gaspardone)[3] rồi đến Trần Văn Giáp[4] và Nguyễn Đổng Chi[5], lần lượt một số cuốn "Lê sử tục biên" chép tay, có những đặc điểm tương đối giống nhau về văn bản, được thu thập từ lâu hay mới thu thập lại ở các Thư viện Viễn Đông bác cổ, tức nay là Thư viện Khoa học Xã hội, và Thư viện Viện Sử học... đã được xác minh và công bố với bạn đọc. Và chín bộ sách mà chúng tôi mô tả dưới đây, có thể nói là sự tổng hợp những kết quả tìm tòi, phát hiện đáng kể trong vòng 80 năm qua của các nhà nghiên cứu đó mà có phần chắc đều là dị bản xa gần của những phần vốn đã bị đứt đoạn ở cuối bộ sách *Đại Việt sử ký toàn thư*.

1- Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên: sách của Thư viện Viện Thông tin Khoa học Xã hội[6], ký hiệu A - 1415, gồm hai phần có tên khác nhau, đóng thành hai tập, khổ 14 x 27. Phần một, gồm 2 quyển, mang tên *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên*. Quyển đầu đề là "quyển XX" từ 1676 - 1705, 24 tờ. Quyển sau là "quyển XXI", 31 tờ. Phần hai, không chia quyển, mang tên *Hậu Lê thì sự kỷ lược*, từ 1730 - 1753, 10 tờ.

2- Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên: sách của Thư viện KHXH, ký hiệu A.2089, Ga-spac-đon đoán có lẽ được chép vào nửa thế kỷ XIX, đóng thành một tập 75 tờ, khổ 16 x 26, chia làm ba quyển: a - quyển XX: Lê hoàng triều kỷ: 1676 - 1705,

---

(1) Trong *Première étude sur les sources annamites de l'histoire d' Annam;* BEFEO; số4; 1904.
(2) Trong một bài giới thiệu sách in trong BEFEO; tập XX; số" 4; 1920.
(3) Trong *Biobliographie annamite; BEFEO; số 34; 1934.*
(4) Trong *Les chapitres biblisgraphiques de Lê Quý Đôn; et de Phan Huy Chú;* Bulletn de la Société des études indochinoises; tập XIII, *số* 1, Sài Gòn; 1983; trong *Lược khảo về bộ "Đại Việt sử ký toàn thư" cùng tác giả của nó; Nghiên cứu lịch sử* số 63; 1964; tr. 5 - 13; và *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, sdd.
(5) Trong *Đọc thư mục Hán Nôm; Khảo cổ học số* 20 năm 1976 và trong *Tìm hiểu văn bản sách Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên hay là những phần cuối của bộ Đại Việt sử ký toàn thư;* bản đánh máy.
(6) Từ đây trở xuống xin gọi tắt là Thư viện KHXH.

từ tờ 1 - 27b. b - quyển XXI: 1706 - 1729, tờ 28a - 63b. c - quyển XXII: 1730 - 1733, tờ 64a - 75b, phần cuối có thiếu một *số* tờ.

3- Việt sử tục biên: sách của Thư viện KHXH, ký hiệu A.6, chép từ sách của Nội các ở Huế, từng được Ca-đi-e và Pen-li-ô miêu tả và đoán là phần sách nối tiếp bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Sách gồm 4 quyển: khổ 22 X 32; a – Hy Tông: 1676 - 1705, 32 tờ (mất 1 tờ đầu), b - Dụ Tông: 1706 - 1721, 22 tờ. Tờ đầu quyển này đề là "Đại Việt sử ký tục biên quyển XXI". c - Dụ Tông: 1722 - 1729, 23 tờ (mất 2 tờ đầu), d - Phế Đế (Duy Phường) đến Ý Tông: 1730 - 1740, 35 tờ (mất tờ cuối). Theo Ca-đi-e và Pen-li-ô thì ở ngoài bìa quyển d ở bản Nội các có đề "quyển thứ XVI" mà hai ông đoán là quyển XXII.

4- Đại Việt sử ký tục biên: sách của Thư viện KHXH, ký hiệu A.1210, gồm hai tập: a - 124 tờ; b - 149 tờ. Cả hai tập ghi chép lịch sử từ 1676 - 1789.

5- Đại Việt sử ký tục biên: sách của Thư viện KHXH, ký hiệu A.I 189/1 - 3, khổ 17 x 30, Ga-spác-đon đoán là sách được sao vào cuối thế kỷ XIX, gồm 3 tập: a - từ 1417 - 1497, 100 tờ; b - từ 1533 - 1732, 61 tờ; c - 1736 - 1773, 104 tờ (cuối tập c có 6 tờ phụ chép các việc lặt vặt), về sách này, Ô- rút-xô (L. Aurousseau) có nhận định rằng: phần biên chép từ Lê Lợi đến năm 1675 chỉ là phần tóm lược lại *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhưng từ 1736 đến 1773 thì có giá trị như một bản sao của sách *Đại Việt sử ký tục biên* xưa, mặc dù không đầy đủ.

6- Đại Việt sử ký tục biên: sách của Thư viện KHXH, ký hiệu A.2706, khổ 14 x 28, 62 tờ, chép lịch sử từ 1741 - 1773.

7- Đại Việt sử ký tục biên: sách của Thư viện KHXH, ký hiệu A. 4, sao từ bản của Nội các năm 1903, đóng thành 5 tập, khổ 16 x 29, bốn tập đầu gồm 9 quyển; a - từ 1417 - 1442, 40 tờ; b - từ 1533 - 1556, 10 tờ; c - từ 1557 - 1572, 27 tờ; d - từ 1573 - 1599 và đ - từ 1600 - 1719; e - từ 1620 - 1643, 27 tờ; g - biên chép linh tinh 24 tờ (tờ cuối cùng của quyển này có đề *Việt sử tân biên)*. Tập 5 mang đầu đề *Lê hoàng triều kỷ*, được Ga-spác-đon đoán là được sao chép sớm hơn các tập kia, có thể là vào cuối thế kỷ XIX, vì khổ có chênh lệch chút ít (15 x 29) chép từ 1740 - 1786, 104 tờ, từ tờ 70b - 72a phụ chép Quảng Thuận đạo địa chí. Tờ cuối cùng có những dòng chữ ghi chú không rõ của ai nhưng nội dung có liên quan đến Ngô Thì Nhậm.

8- Lê hoàng triều kỷ: sách của Thư viện KHXH, ký hiệu A.14, khổ 23 X 32, là bản sao lại tập 5 của sách Đại Việt sử ký tục biên, ký hiệu A. 4 đã nói ở trên.

9- Hậu Lê thì sự lý lược: sách của Thư viện Viện Sử học, ký hiệu HV.119, do Nguyễn Đổng Chi sưu tầm được tại gia đình con cháu Lê Trọng Hàm (1872 - 1931) tác giả *Minh đô sử*, vào năm 1962. Sách đóng thành 4 quyển khổ 25 x 16

chép lịch sử, từ 1730 - 1769: a - từ 1730 - 1753; 90 tờ; b - từ 1754 - 1766: 55 tờ; c - 1767 - 1773, 49 tờ; d - 1774 - 1789, 101 tờ. Đặc biệt sách có chép xen lẫn nhiều sự kiện lịch sử ở xứ Đàng Trong thời các chúa Nguyễn.

*

* *

Từ chín bản *Đại Việt sử ký tục biên* miêu tả ở trên chúng ta rút ra được những nhận định gì? Có thể xét chúng trên nhiều khía cạnh, nhưng chủ yếu là ở hai khía cạnh chính: về phương pháp ghi chép lịch sử và về lập trường quan điểm của tác giả.

Về phương pháp ghi chép lịch sử, có thể nhận thấy một sự khác biệt khá rõ giữa hai nhóm sách:

a) Nhóm thứ nhất, gồm các bản 2; 3; 4; 5; 6 và phần đầu của bản 1, các ghi chép nói chung hết sức cô đúc và thường là tóm lược chứ không tỉ mỉ. Mặc dầu trong sách vẫn chia ra "cương" và "mục" nhưng sự kiện lịch sử chép ở đây phần lớn đều thiếu chi tiết, chỉ được kể tóm gọn một cách sơ sài. Cách ghi chép này thống nhất với sử bút quen thuộc của các nhà chép sử dưới thời phong kiến, như các tác giả *Đại Việt sử ký toàn thư.*

b) Nhóm thứ hai, gồm các bản 1 (phần thứ hai); 7; 8; 9, các ghi chép có tỉ mỉ hơn trích dẫn tương đối đầy đủ hơn, chẳng hạn bài *Khải* của Bùi Sĩ Tiêm viết năm 1732 gồm 10 điều, các bản 2 và 3 chỉ trích sao điều thứ nhất. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* trích sao điều thứ nhất và điều thứ 7, nhưng các bản 1 và 9 thì chép toàn văn. Nếu so với phương pháp chép sử của sử gia phong kiến nói chung thì ở đây quả đã có ít nhiều đổi mới và hình như từ 1730 trở đi mới thật sự có hiện tượng đổi mới này. Phải chăng đây là một kết quả gián tiếp của sự rạn vỡ trong đời sống tư tưởng của toàn xã hội bước vào mấy thập niên đầu của thế kỷ XVIII, nó đặt ra cho người chép sử cái yêu cầu phải nhận thức đời sống hiện thực chính xác hơn, cụ thể hơn, sắc nét hơn và do đó dù muốn hay không muốn, họ cũng phải ghi chép sự việc chi tiết và đầy đủ hơn.

Còn xét về *lập trường quan điểm* của người viết sử, thì cũng có thể nêu lên một vài nhận xét xoay quanh vấn đề "khuông phò chính thống" là vấn đề tối ư quan trọng của sử bút phong kiến. Nói chung sách *Đại Việt sử ký tục biên* do sử gia của triều đại Lê Trịnh viết ra nên tất yếu đứng trên lập trường đề cao họ Trịnh, coi vua Lê ở hàng thứ yếu và coi nhà Tây Sơn cũng như nhà Nguyễn đều là kẻ thù. Lập trường này bộc lộ ở cách chọn lọc các sự kiện lịch sử và ở cả những ước lệ trong dùng chữ đặt câu. Nhưng đi sâu vào thì trên lập trường chung đó cũng có thể chia ra ba loại, với ba mức độ khác nhau:

1. Loại đề cao họ Trịnh: đó là các bản 2; 3; 4; 5; 6 và phần đầu của bản 1. Tiếp tục lập trường đề cao họ Trịnh của phần *Bản kỷ tục biên* (tức các quyển XVII; XVIII; XIX) trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*, các bản trên đây tuy chưa gọi các chúa Trịnh bằng những tiếng vẫn dùng để tôn xưng hoàng đế (những tiếng đó vẫn phải dành cho vua Lê) nhưng thái độ đề cao đã được bộc lộ không còn ở mức bình thường. Nhiều chỗ họ coi chúa Trịnh như những nhân vật "nhà trời" thần thông về năng lực, siêu việt về trí tuệ. Thậm chí trước hành động tàn nhẫn của một số chúa Trịnh đối với các vua Lê và gia tộc nhà vua, ngòi bút chép sử của họ cũng cố tình che đậy hoặc bênh vực cho kỳ được. Chẳng hạn, việc Trịnh Giang giết Lê Duy Phường năm 1732 được giải thích bằng một lý do bịa đặt là do chỗ Duy Phường đã tư thông với vợ Trịnh Cương nên mới có chuyện ấy, v. v...

Lập trường thiên lệch quá đáng như vậy tất nhiên không được triều đình nhà Nguyễn vui lòng tán thưởng. Lời kết án gay gắt của Minh Mạng trong đạo dụ năm 1838 có phần chắc là sự phản ứng đối với thái độ xu phụng này. Tuy nhiên cũng phải nói từ sau đời Trịnh Giang thì cùng với sự đổi mới về sử bút nói chung theo hướng tỉ mỉ, chân xác và phóng khoáng hơn, thái độ người chép sử đối với họ Trịnh ít nhiều cũng đã có thay đổi. Những việc làm xấu xa của Trịnh Sâm đối với giòng dõi đời vua Lê đã được nói tới, thậm chí nói khá rành rẽ.

2. Loại có sửa chữa bổ sung nhằm bày tỏ thái độ tôn trọng họ Nguyễn: đó là các bản 9 và phần hai của bản 1. Việc sửa chữa này biểu hiện ở hai phương diện: hoặc đưa vào danh sách một số sự kiện lịch sử của xứ Đàng Trong; hoặc dùng những mỹ hiệu tôn xưng hoàng đế để gọi các chúa Nguyễn. Nhưng dầu sao sự sửa chữa vẫn không quán triệt được trong toàn bộ sách nên đây đó vẫn còn sót nhiều từ ngữ tỏ rõ lập trường đề cao họ Trịnh, miệt thị họ Nguyễn. Điều đó càng chứng tỏ những sự sửa chữa kia chỉ là sửa chữa vào một quyển sử đã viết từ trước, nói cách khác tuy tên gọi đã bị đổi đi (như *Hậu Lê thì sự kỷ lược)* nhưng văn bản của chúng về cơ bản vẫn là quyển *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* viết dưới thời Lê - Trịnh.

3. Loại có sửa chữa bổ sung nhằm bày tỏ thái độ tôn trọng nhà Tây Sơn: hầu hết các bản trong 9 bản đã trình bày ở trên đều có sự sửa chữa này, nếu ta so sánh chúng với sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Chẳng hạn việc Nguyễn Hữu Chỉnh theo về với Tây Sơn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục chép:* "Nguyễn Hữu Chỉnh bỏ chạy đi hàng Tây Sơn (quyển 45, tờ 32b)" trái lại, các bản *Đại Việt sử ký bản kỷ tục* biên thì đều chép một câu với lời lẽ uyển chuyển: "Nguyễn Hữu Chỉnh theo chịu mệnh với Quảng Nam" (Sự kiện năm 1782). Vì sao có thái độ mềm mỏng

với Tây Sơn như trên đây? Ga-spác-đon cho rằng đó là bằng chứng xác nhận văn bản *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* đã được sửa chữa lại hoặc được viết lại dưới thời Tây Sơn. Bằng một câu văn ghi cuối bản 7, tập V và bản 8, ông còn đi tới xác nhận vai trò khá quan trọng của Ngô Thì Nhậm trong việc biên soạn nên quyển sách *Đại Việt sử ký tục biên* này.

Tóm lại, từ một vài nhận xét đã nêu, ta có thể rút ra mấy điều suy nghĩ: sách *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* mà một *số* bản sao hiện còn giữ được quả thật là cuốn sách do Viện Quốc sử dưới triều Lê Trịnh biên soạn, nối tiếp vào quyển XIX của *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nhưng bộ sách này cũng không thuần nhất. Trước hết, nó được sử gia ghi chép trong nhiều thời kỳ khác nhau, ít nhất là hai chặng, tạo thành hai phần riêng biệt: a - Phần đầu từ 1676 - 1740 đã được biên soạn hoàn chỉnh và ngay dưới triều Lê đã được khắc in. Tuy rằng tờ đầu bản 2 (A.2089) còn có dòng chữ ghi rằng: *"Nội các quan bản tự thử quyển dĩ chí Lê quý vị hữu ấn bản"* (sách công của Nội các, từ quyển này cho đến cuối Lê chưa có bản in), nhưng ý kiến này có lẽ không xác đáng, vì từ 1740 trở về trước thì rõ ràng đạo dụ của Minh Mạng cho thấy là đã được in rồi. b - Phần sau từ 1741 - 1789 cũng đã được soạn xong về cơ bản nhưng chưa kịp tu chỉnh lần cuối cùng thì các biến cố lịch sử dồn dập nổ ra tại Thăng Long làm cho chúng trở nên tam sao thất bản. Mặc dù vậy, phần cuối này vẫn không bị thất lạc hẳn, mà vẫn được lưu giữ trong sử quán, hoặc có thể lưu lạc ra ngoài và được sao chép, nhưng người xem vẫn biết đó là sách của Triều đình. Sau khi nhà Tây Sơn lên ngôi, Ngô Thì Nhậm lĩnh chức Tổng tài Viện Quốc sử chắc đã có sử dụng một bản trong những bản *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* này đem sửa chữa, chỉnh lý để định khắc in, nhưng rốt cuộc cũng chưa kịp in thì nhà Tây Sơn đã đổ. Trong một vài bản sao (như bản A.4) có những dòng ghi chép liên quan đến cái tên Ngô Thì Nhậm có lẽ là vì vậy... 36 năm sau khi nhà Nguyễn lên ngôi, Minh Mạng ban bố lệnh cấm bản in *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên*, chính là cấm phần đã được chỉnh lý và khắc in (1676 - 1740). Nhưng hậu quả của lệnh cấm đó là làm cho tất cả các bản in *Đại Việt sử ký tục biên*, phần in rồi cũng như phần chưa in, đều bị đe dọa. Những người còn tàng trữ các bản đó hoặc phải đốt đi theo đúng lệnh, hoặc nếu vì quá yêu thích bộ sách thì đành sửa chữa, thêm thắt để cho chúng không còn nguyên hình thù cũ. Và từ đó mà dẫn đến tình trạng phức tạp của các văn bản bộ sách hiện còn.

*

* *

Nhận thấy ý nghĩa lớn lao của việc phát hiện ra nguồn gốc sách *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên*, Viện nghiên cứu Hán Nôm từ ngày còn là Ban Hán Nôm, đã cho tiến hành giám định văn bản và khẩn trương phiên dịch tập sách ra tiếng Việt, nhằm một mặt góp phần trả về cho bộ "sử mẹ" *Đại Việt sử ký toàn thư* cái hình dáng tương đối đầy đủ như nó đã có trước năm 1838, mà chắc chắn ai nấy đều mong khôi phục lại, mặt khác còn nhằm giới thiệu những di sản văn hoá của cha ông ra đời vào giai đoạn cuối Lê đầu Nguyễn (cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX), một giai đoạn văn hoá và nghệ thuật dân tộc có nhiều biểu hiện rực rỡ, đa dạng, nhưng cũng là giai đoạn mà thư tịch bị thất lạc và xáo trộn ghê gớm, do trải qua không ít những biến cố thăng trầm.

Tất nhiên vì đây là một văn bản đã chịu nhiều sự sửa đổi thêm thắt nên công việc khảo đính phải được đặt lên hàng đầu. Sau khi tìm hiểu kỹ, chúng tôi đã chọn hai bản: bản 1 (thư viện KHXH: A.1415) và bản 9 (thư viện Viện Sử học: HV.119) trong số chín bản đã được trình bày ở trên, vốn là hai bản chép sự việc kỹ càng, nhiều "đầu việc" và gồm nhiều năm nhất làm bản trục để dịch; đồng thời có đối chiếu kỹ với các bản khác để nhặt cho hết các sự kiện lịch sử đã chép trong các bản. Chỗ nào các bản chép khác nhau thì ghi chú xuống cuối trang để bạn đọc tham khảo. Bản A.1415 chép sự việc từ 1676 - 1753. Vì vậy, từ 1676 - 1753 dựa chủ yếu vào bản này, còn từ 1654 - 1789 dựa vào bản HV.119.

Cũng do chỗ đây là bản sao phần cuối bộ sách *Đại Việt sử ký toàn thư* có sửa đổi và cải dạng nên có bản còn ghi tiếp được thứ tự các quyển từ XX đến quyển XXII. Sau đó không bản nào ghi số quyển nữa mà chỉ ghi chép liên tiếp sự việc theo năm tháng. Người dịch trung thành với cách chia quyển dở dang như vậy để may cho sau này có tìm ra một bản gần nguyên tác hơn sẽ khảo đính lại. Nhưng để bạn đọc dễ theo dõi các sự kiện lịch sử, cũng để tiện chỉ dẫn và khảo chú trong từng năm, mỗi năm đều cố gắng chia làm nhiều đoạn, đánh số từ 1 trở đi, mỗi đoạn tương đương với một "đầu việc" trong năm ấy. Gặp "đầu việc" nào trần thuật quá dài, hoặc là một bài văn dài thì chia thành nhiều đoạn để tiện đánh dấu khảo dị và chú giải.

VỀ CÁC BẢN TRỤC

Phần I: Biên niên sử từ năm 1676 đến 1740, chúng tôi lấy bản A.1415 của Viện Hán Nôm làm bản trục. Phần này có phụ đề là *"Bản kỷ tục biên"*.

Phần II: Biên niên sử từ năm 1741 đến 1789 chúng tôi lấy bản HV.119 của Viện Sử học làm bản trục, và có phụ đề là *"Hậu Lê thi sự kỷ lược"*.

CÁC KÝ HIỆU DÙNG TRONG BẢN DỊCH

(...) ngoặc đơn: là dịch các nguyên chú chữ Hán, hoặc đôi khi là các lời giải thích thêm của người dịch để bạn đọc tiện theo dõi, đối chiếu, tham khảo, khỏi phải mất công tìm ở cuối trang.

[...] ngoặc vuông: là phần người dịch thêm vào cho rõ ý nguyên văn.

(... chữ số, kèm a, b, c...): là dấu báo có sự sai biệt giữa các dị bản, đã có khảo chú ở cuối trang.

VIẾT TẮT TÊN CÁC SÁCH THAM KHẢO

CM: *Khâm định Việt sử thông giám cương mục.*

LTTK: *Lịch triều tạp ký.*

LTHCLC: *Lịch triều hiến chương loại chí.*

TT: *Đại Việt sử ký toàn thư.*

VỀ ĐỔI CÁC NGÀY ÂM LỊCH RA DƯƠNG LỊCH

Chúng tôi theo cách chuyển đổi của Phó tiến sỹ Lê Thanh Lân và vẫn để trong ngoặc vuông (Giai đoạn này ở Việt Nam dùng lịch riêng, đúng như Giáo sư Hoàng Xuân Hãn tìm ra, Lê Thanh Lân đã bổ sung và đổi ra dương lịch).

*

* *

Mặc dù người dịch cũng như người duyệt đã cố gắng hết sức mình, nhưng chắc chắn rằng bản dịch vẫn không tránh được còn nhiều sai sót nhất là vì các văn bản dùng để dịch hầu hết đều chép lối chữ đá thảo rất khó đọc. Rất mong bạn đọc, đặc biệt là giới nghiên cứu sử học và giới Hán Nôm vui lòng chỉ bảo cho, để những lần in sau có thể chỉnh lý tốt hơn.

Hà Nội, ngày 1-VII-1981
Bổ sung ngày 12-12-1990
NGUYỄN KIM HƯNG

VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ TỤC BIÊN

QUYỂN XX

(tờ 1b)

HY TÔNG CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ

(Huý là Duy Hiệp, con út của Thần Tông, ở ngôi ba mươi năm, rồi nhường cho Hoàng thái tử, ra ở cung riêng, được 12 năm thì mất[1]. Hưởng thọ 54 tuổi, táng ở lăng Phú Ninh).

Vua tuân giữ cơ nghiệp có sẵn của tiên vương, rủ ấo khoanh tay mà [nước được] trị, kỷ cương được chấn hưng, thưởng phạt nghiêm minh, các công khanh phần nhiều đều xứng chức, các quan lại vâng theo pháp luật, dân chúng yên ổn làm ăn. Chính sự khoảng niên hiệu Vĩnh Trị (1676 - 1680) và Chính Hoà (1681 - 1704) xứng đáng được coi là đứng đầu đời Trung Hưng.

Bính Thìn Vĩnh Trị năm thứ 1 (1676) (Thanh, Thánh Tổ năm Khang Hy thứ 15)

1. Mùa xuân tháng ba, thi hội các cử nhân[1a] trong nước lấy đỗ bọn Ngô Sách Tuân (người xã Tam Sơn, huyện Đông Ngàn[1b] hai mươi người). Thi đình, cho Nguyễn Quý Đức (người xã Thiên Mỗ, huyện Từ Liêm[1c]) đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (thám hoa)[1d]. Bùi Công Phụ

---

[1] A. 1189: "được 20 năm thì mất", ở đây người sao đã chép nhầm.

[1a] Cử nhân: đời Lê những người đỗ thi hương gọi là hương cống, chứ chưa gọi là "cử nhân". Cử nhân ở đây nghĩa là những cống sĩ được địa phương tiến cử lên triều đình.

[1b] [1c] Theo A. 2089.

[1d] Ở đây người sao chép sai là "đệ nhị danh" chắc do sót nét ngang. A. 1189 và Lịch triều đăng khoa lục đều chép là "đệ tam danh" (thám hoa).

(người xã Bình Dân, huyện Đông Yên[1d]), Phạm Quang Chiếu (người xã Đào Xá, huyện Đường An[1e]), Phạm[1g] Tiến Triều (người xã Nam Nguyễn, huyện Phúc Lộc[1h] ba người đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp). Bọn Trần Lương Năng (người xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm[1i] 16 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

2. Mùa hạ, tháng năm, ngày mồng 1 [11 - VI - 1676] nhật thực.

3. Mùa thu, tháng bảy, sai Thượng thư bộ Công Hồ Sĩ Dương[3a] coi việc soạn (giám tu) quốc sử.

4. Khảo xét thành tích[4a] các quan trong kinh ngoài trấn. Đô ngự sử Thân Toàn vì khảo xét không đúng sự thực, nên bị biếm xuống làm Tả thị lang bộ Hộ, Phó đô (ngự sử) Vũ Duy (tờ 2a) Hài (người xã Mộ Trạch[4b], Thiêm đô ngự sử Nguyễn Triết Thứ (người xã Sơn Đông, huyện Đan Phượng[4c] đều vì tại chức chưa được bao lâu, nên chỉ bị luận vào tội phạt. Bấy giờ các quan ở ngoài trấn do đợt khảo công, đứng vào hàng cuối, phải giáng chức hơn mười người.

5. Triều đình đàn hặc cựu Thiêm đô ngự sử Nguyễn Sĩ Giáo (người xã Mi Sơn, huyện Thanh Chương[5a] về tội a dua phụ hoạ, bè đảng, nên bãi chức.

6. Bồi tụng giám sát ngự sử Trần Thế Vinh (người xã Phong Xuyên huyện Tiên Phong[6a]) do triều đình bảo cử được thăng chức Đề hình, nghe tin bậc thân chết lại giấu không phát tang, bị bọn Hiệu thảo Nguyễn Công Vọng (người xã Vịnh Kiều huyện Đông Ngàn, Đăng khoa lục chép là Đức Vọng[6b] thay nhau dâng biểu đàn hặc về tội bất hiếu. Thế Vinh cũng phải chịu tội.

7. Tháng tám, cho Tả thị lang bộ Hộ[7a] Lê Vinh (người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn[7b] làm Đô ngự sử. Bọn Vũ Duy Hài và Nguyễn Viết Thứ

[1d] Theo A. 2089 riêng Bùi Công Phụ thì LTTK lại chép khi là "Độ", khi là "Phụ".
[1g] A. 2089 và A. 1189 chép là họ Nguyễn.
[1h] [1i] Theo A. 2089.
[3a] *Hồ Sĩ Dương:* (1621 - 1681) người xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu (nay thuộc Nghệ An), tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1652). Năm 1663 là Đại học sĩ toà Đông các, tước tử.
[4a] Dịch chữ "khảo khoá", hoặc "khảo công", "khảo tích", đều là thuật ngữ hành chính thời phong kiến chỉ việc kiểm ra thành tích thường kỳ các quan trong kinh ngoài trấn tại chức. Sự việc này đặt ra từ năm 1665. (Xem TT q.XIX, CM q.XXXIII).
[4b] [4c] [5a] Theo A.2089.
[6a] [6b] Theo A.2089.
[7a] A. 1189: "Tả thị lang bộ Công"
[7b] [7c] [7d] Theo A. 2089.

đều xin từ chức, nên cho Vũ Công Đạo (người xã Mộ Trạch[7c] và Trần Lương Bật (người xã Cổ Am, huyện Vĩnh Lại[7d] lên thay.

8. Cho Tả thị lang bộ Hình Đào Công Chính (người xã Hội Am, huyện Vĩnh Lại[8a] làm Hữu thị lang bộ Lại[8b].

9. Tháng chín, Tham tụng thượng thư bộ Hộ Phương quận công Vũ Duy Chí về hưu (bấy giờ 72 tuổi) được thăng Thượng thư bộ Lại, quốc lão, thiếu phó[9a].

10. Mùa đông tháng mười, cho Thượng thư bộ Binh Nguyễn Mậu Tài (người xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm[10a]; Thượng thư bộ Công Hồ Sĩ Dương, đều giữ chức Tham tụng.

11. Thi Đông các, cho bọn Nguyễn Tông Nho[11a] (người xã Lãng Sơn, huyện Tiên Du, Đăng khoa lục chép là Danh Nho[11b] 6 người vào hạng hợp cách (cất nhắc Tông Nho làm Đại học sĩ; Nguyễn Viết thứ làm Học sĩ) . Bọn Nguyễn Đăng Long (người phường Công Bộ, huyện Quang Đức[11c], Nguyễn Công Vọng, Nguyễn Tiến Triều, Nguyễn Đình Cẩn (người xã Bích Triều, huyện Thanh Chương[11d] đều làm Hiệu thư (trong toà Đông Các).

12. Ngày mồng 1 tháng mười hai [4 - 1 - 1677]

13. Định rõ lại 6 điều[13a] về việc khám xét kiện tụng (các tạp tụng như việc hộ, việc hôn, việc ruộng đất thì trình tự theo thứ bậc các quan (tờ 2b) đưa lên phúc thẩm đến ty Hiến[13b] của bản đạo[13c] là cùng; về nhân mạng thì cho quan các phủ, huyện xét xử; phúc thẩm đến bản đạo thì thôi. Còn những vụ kiện khác như trộm, cướp, giết người, hà khắc, ức hiếp cho phúc thẩm đến đài Ngự sử mới thôi).

THƯ VIỆN TỈNH VĨNH LONG PĐ. TRA CỨU CV - 19 1373

(8a) (8b) A. 1189: "Tả thị lang bộ Lại".
(9a) A. 1189: "Thái phó".
(10a) Theo A. 2089.
(11a) A.6 "Sùng Nho", DKL: "Danh Nho", nên phân biệt với Nguyễn Danh Nho khác (xem sau) vì người này cũng là chân tiến sĩ khoa Quý Sửu (1673).
(11b) Theo A. 2089.
(11c) Theo A. 2089.
(11d) Theo A. 2089.
(13a) A. 6 chép: "đại diều", chắc là nhầm.
(13b) Ty Hiến: tức là Ty Niết, coi việc hình án.
(13c) Bản đạo: chỉ tỉnh (đạo) của đương sự theo kiện.

Đinh Tỵ [Vĩnh Trị] năm thứ 2 (1677) (Thanh, Khang Hy thứ 16)

1. Mùa xuân. Kéo đại quân đi dánh Cao Bằng. Trước kia, Mạc Kính Vũ mạo tên là Nguyên Thanh, xin với ty Đốc phủ tỉnh Quảng Tây tâu lên vua Thanh, dụ bên ta trả lại cho y đất Cao Bằng, rồi nhân đó chiếm lấy. Đến khi Ngô Tam Quế[1a] [bề tôi] nhà Thanh, làm phản ở Vân Nam, Nguyên Thanh nhận ngụy hiệu [của Tam Quế], giúp lương và quân trang cho [Tam Quế]. Đến nay Ngô Tam Quế chết, quân Thanh kéo vào Quảng Tây. Chúa Trịnh cùng đình thần bàn: [nên] thừa cơ tiến quân lên tiễu trừ. Trước hãy gửi thư cho tướng Thanh kể rõ tội trạng của Nguyên Thanh, rồi sai bọn Đinh Văn Tả người ở Hàm Giang[1b], Nguyễn Hữu Đăng[1c] đem tướng sĩ đi đánh dẹp, Thân Toàn[1d] làm Thị sư Đoàn Tuấn Hòa[1d] Tham [tán] quân sự.

2. Mùa thu, tháng bảy, định phép nhiêu ấm[2a] cho các công thần cùng bách quan văn võ và sĩ dân.

Kể từ đầu niên hiệu Vĩnh Tộ (1619 - 1628), các quan quân nào có đủ hai công: theo [vua Lê] hồi loan, và đi đánh [nhà Mạc] thì được phong công thần và được ban cho đời đời tập ấm khá nhiều. Đến nay [chúa] cắt xén, giảm bớt đi. Người ta mới biết được tư ấm[2b] là quý. (Theo phép thì: khai sáng nghiệp nước[2c] và khôi phục trung hưng[2d] đều là công thần: võ từ Đô đốc trở lên, văn từ Thị lang trở lên, [con cháu] nhiều đời đều được là công thần quan viên tử, quan viên tôn).

[1a] *Ngô Tam Quế*: người Liêu đông, làm quan Tổng binh nhà Minh. Khi nghĩa quân Lý Tự Thành đánh Yên Kinh, Tam Quế không theo, đầu hàng Mãn Thanh và đem quân Thanh vào xâm lược Trung Quốc, được tước Bình Tây vương. Năm Khang Hy thứ 6 (1667) chuyển đi trấn thủ Vân Nam. Sau đó năm 1673 cùng Ngô Ứng Lân, Ngô Quốc Quí làm phản nhà Thanh, tự xưng là Thiên hạ đại nguyên soái, rồi xưng Hoàng đế, quốc hiệu là Đại Chu. Sau bị bệnh chết, cháu là Thế Phồn nối nghiệp, đến năm 1681, bị quân Thanh đàn áp.

[1b] *Đinh Văn Tả*: (? - 1686) năm 1667 có công lớn trong việc dánh Mạc ở Cao Bằng, thăng Tả đô đốc, Thiếu bảo.

[1c] A. 1189: "Nguyễn Hữu Tham". Nguyễn Hữu Đăng người phường Đông Các, huyện Thọ Xương (nay thuộc Hà Nội).

[1d] A.6: "Do Toàn".

[1d] A. 1189: "Tuấn Khoa". Đoàn Tuấn Hoà sau đổi tên là Tuấn Khoa, người xã Cự Đồng huyện Siêu Loại (nay thuộc Bắc Ninh) tiến sĩ khoa Bính Thìn năm Vĩnh Trị (1676).

[2a] *Nhiêu ấm:* Nhiêu là miễn trừ sưu dịch, ấm là tập ấm.

[2b] *Tư ấm:* chữ dùng để chỉ người có công lao cá nhân được phong ấm còn những công lao nói trên là công lao tập thể.

[2c] Chỉ những người có công đánh đuổi giặc Minh, lấy lại nước, dựng nên triều đại nhà Lê.

[2d] Chỉ những người có công diệt Mạc khôi phục nhà Lê.

Hạng công thần trung hưng giữ chức Đô đốc đồng tri. [Đô đốc] thiêm sự cũng được như vậy.

(Tờ 3a) Hai ban: võ từ Tam Thái đến Đô đốc đồng tri, Đô đốc thiêm sự; văn từ Thượng thư đến Thị lang thì trong 5 đời [con cháu] được tập ấm, đều giảm dần theo thứ bậc: hàng võ từ tứ phẩm trở xuống, có quân công, đã từng nhậm chức. Hàng văn thì hạng trúng trường[2d] và từng được trao giữ chức Tá nhị[2d] thì các con [của họ] mới được là quan viên tử. Nếu [các viên đó] mới được trao chức lần đầu thì chỉ được miễn [lao dịch] cho một người con trai.

Các chức tụng quan, tạp lưu[2e] và các viên lại ở nha môn thì chỉ được miễn dao cho bản thân. Sinh đồ [miễn] một nửa thuế dung.

Dân thường ai đã đến năm mươi tuổi thì thuộc lão hạng, đến sáu mươi là lão nhiêu.

3. Tháng tám, bọn Đinh Văn Tả cả phá quân Nguyên Thanh (Mạc Kính Vũ) ở Cao Bằng. Nguyên Thanh chạy đến Long Châu, dư đảng đều tan vỡ. Bốn châu[3a] lấy lại và được yên. Sau đó ít lâu triệu Văn Tả về, đưa Đặng Công Chất[3b] lên thay, lưu Tuấn Hòa làm Tham trấn.

Mậu Ngọ, [Vĩnh Trị] năm thứ 3 (1678) (Thanh, Khang Hy thứ 17)

1. Mùa hạ, tháng tư, ngày Quý Tỵ (ngày 24) [12 - VI - 1678] ban đêm động đất.

2. Tháng năm, ngày Nhâm Tỵ (ngày 13) [1 - VII – 1678] sao Thái Bạch mọc giữa ban ngày.

3. Mùa thu, tháng bảy, ban hành 16 điều về thể lệ thi hương. Ra lệnh các quan châu, huyện khảo hạch sĩ nhân người nào thông văn lý là hạng tứ trường, thông vừa là hạng tam trường. Sĩ nhân tứ trường cùng với sinh đồ các khoa được chọn đưa đi khảo thí riêng. Do đó người có học ít kẻ bị bỏ rơi hay đọng lại.

[2d] *Tá nhị:* như tự thừa, trường sử, bình sự, lục sự, v.v... đều là thuộc viên ở các nha môn.

[2e] *Tụng quan:* quan thị hầu vua. *Tạp lưu:* tức các chức về tôn giáo, như: tăng chính, tăng phó, đạo chính, đạo phó (theo CM).

[3a] *Bốn châu:* gồm Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang và Hạ Lang thuộc Cao Bằng bị Mạc Kính Vũ chiếm cứ từ năm 1669.

[3b] *Đặng Công Chất:* (1621 - 1683) người làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, đỗ trạng nguyên năm 1661.

4. Thiếu phó[4a] về hưu Vũ Duy Chí mất, truy tặng Thái phó. Duy Chí (người xã Mộ Trạch, huyện Đường An) hầu chúa Trịnh [Tạc] từ khi còn chưa lên ngôi, đã lâu ngày. Chí là người cẩn thận, kín đáo, lại có tâm cơ[4b]. Chúa cho rằng có thể làm được việc lớn, cho nên từ chân duyện lại làm đến chức Tể tướng mới về hưu. Có người thắc mắc về dường xuất thân của Chí, nhưng cũng không thay đổi được ý chúa[4c]. Con của Chí là Duy Hài đỗ (tờ 3b) tiến sĩ cũng ở địa vị quý hiển mà trong sạch, có tiếng đương thời (Duy Hài nguyên tên là Bật Hài, 32 tuổi đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi niên hiệu Vĩnh Thọ (1659)[4d].

Cho Trần Quang Huy, Trần Đăng Danh, Nguyễn Trọng Thiếp làm Thừa chính sứ ở các xứ Thái Nguyên, An Quảng[5a], Hưng Hóa. Trước kia, bọn Quang Huy[5b] cùng Phạm Công Phương[5c], Vũ Phương Trượng đều do chân gia thần phong phủ chúa, có người có công lao từng được giữ trách nhiệm ở ngoài đến Tự khanh. Tham tụng Vũ Duy Chí bàn cho họ được về triều. Lệnh chúa đã ban xuống, nhưng bọn Nguyễn Mậu Tài có ý kiến cho rằng công luận chưa được thỏa thiếp, vì thế việc đó im đi. Bọn Quang Huy không được vào triều ban, nhiều lần dâng sớ xin triều đình rộng xét ân diển, nhưng bị đình nghị trì hoãn đến vài năm. Đến nay mới được bổ đi nhận chức các trấn phên giậu ở ngoài.

Kỷ Mùi, [Vĩnh Trị] năm thứ 4 (1679) (Thanh, Khang Hy thứ 18)

1. Mùa xuân, tháng hai, bàn công lao ở Giang Mãng[1a]. Ban cho Tham đốc Hoàng Nghĩa Hy[1b] tước Lãng quận công, thăng thưởng theo thứ bậc cho 160 người có công. Ngoài ra tính theo số tai cắt được của giặc mà thưởng bạc, nhiều ít có khác nhau.

2. Xứ Thanh Hoa nước dâng to, đê vỡ, hoàng trùng làm hại lúa, dân chúng nhiều người ly tán, xiêu giạt.

[4a] A.2089 và A.1189: "Thiếu bảo".

[4b] *Tâm cơ*: Chỉ người khéo dùng tâm trí, tổ chức sắp xếp công việc dâu ra dấy, có nghĩa là vận dụng tâm trí như là bộ máy.

[4c] Xem thêm ở chú thích q. XXI, năm 1726.

[4d] Theo A. 2089.

[5a] A.2089: "Tuyên Quang".

[5b] A.2089 và A.1189: "Quang Trạc". A.6: "Quang Diệu".

[5c] A.6: "Phạm Công Ngôn".

[1a] Giang mãng: ở cách tỉnh thành Cao Bằng 13 dặm về phía Bắc là tên địa điểm mà quân Trịnh đã đánh thắng Mạc Kính Vũ.

[1b] Hộ phần: chưa rõ là gì, có lẽ những phần đóng góp bổ cho dân thuộc về việc như phu đài tạp dịch thường và bất thường.

3. Mùa thu, tháng tám, cho Nguyễn Công Vọng làm Đô ngự sử.

4. Mùa thu, tháng mười, dân Thanh Hoa bị đói. Ra lệnh (tờ 4a) tha hộ phần[4a], giảm tế lễ, tha các thuế tuần ty, chợ và bến đò. Phỏng theo lối xưa, thi hành chính sách cứu đói: Cấm trong dân gian kén chọn tiền [đồng] để việc trao đổi buôn bán được thông.

Canh Thân, niên hiệu Chính Hòa thứ 1 (1680) (Thanh, Khang Hy thứ 19)

1. Cho Lê Thì Hài[1a] làm Trấn thủ Cao Bằng. [Đặng] Công Chất[1b] cai trị ở trấn, bị quân dân tố cáo, [triều đình] triệu về, biếm truất, nên đưa Thì Hài lên thay.

2. Mùa đông, tháng mười, ngày Kỷ Tỵ [4 - XI - 1680] con cả của vua là Hoàng tử Duy Đường sinh[2a].

3. Ngày Canh Ngọ [5 - XI - 1680][3a] sao chổi mọc ở phương tây. Ban chiếu [đại] xá cả nước, đổi niên hiệu là Chính Hòa.

4. Thi hội các viên cống cử trong nước, lấy đỗ bọn Nguyễn Côn 19 người. Khi thi đình cho bọn Phạm Công Thiện (người Ngọc Thiện, huyện Gia Định[1a]), Nguyễn Công Xán[1b] (người xã Thượng Yên Quyết, huyện Từ Liêm[1c]) đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp).

Tân Dậu, [Chính Hòa] năm thứ hai (1681) (Thanh, Khang Hy thứ 20)

1. Mùa xuân, tháng hai, ngày Giáp Dần [18 - IV - 1681][1a], sao Chổi hiện ra ở vị trí sao Chẩn. Đại hạn.

2. Năm ấy, suốt từ mùa xuân đến mùa hạ trời không mưa, lúa khô cháy, trăm họ đói to.

3. Tham tụng thượng thư bộ Hình Hồ Sĩ Dương chết, được truy tặng Thượng thư bộ Hộ. Thiếu bảo[3a] [Sĩ Dương] người xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu.

[1a] Theo A.2089.
[1a] A.1189: "Dương Thì Hài".
[1b] A.6 toàn chép lầm là "Công Toản".
[2a] A.6: "cháu trưởng của vua là Duy Đường sinh".
[3a] CM: "Canh Ngọ" (4 - 1 - 1681) đúng hơn.
[4a] Theo A. 2089.
[1a] A.1210: "Nguyễn Công Dược"; A.6: "Nguyễn Công Quán".
[1c] Theo A.2089.
[1a] Ngày Giáp Dần đúng ra phải là mồng 1 tháng ba.
[3a] A.6: Thiếu phó.

4. Thái tể Lỵ quận công Trịnh Đông chết. Đống là em chúa, nhiều lần vâng lệnh thông lĩnh tướng sĩ đi đánh dẹp Nam [Hà] có (tờ 4b) công, được truy tặng tước Lỵ trung công, gia phong phúc thần.

5. Người huyện Thanh Lâm[5a] làm phản, tiếm đặt niên hiệu là Đinh Trị, tự xưng là Bắc vương. Trấn thủ Hải Dương là Đào Quang Thì[5b] bắt được và giết chết. Thăng Quang Thì làm Đề đốc.

6. Đề bảng nêu tội ác của Đô đốc thiêm sự Tấn quận công Đặng Tiến Quyền[6a] ở đường sá và các ngã tư. Tiến Quyền là con Thái tể Doanh quận công [Đặng] Thể Tài, cậy thế, ngang ngược kiêu ròng, cướp đoạt tiền của, hàng hóa của lái buôn và lữ khách. Việc lên đến trên, [chúa] sai đề lĩnh yết bảng nêu tội của Quyền ở đường sá, ngã tư. Tiến Quyền thẹn sợ, được vài tháng thì chết. Bấy giờ Thái phó Kiên quận công Trịnh Thụ[6b] cũng cậy mình là em chúa, kiêu ròng càn rỡ; [chúa bèn] ra lệnh thu hết ấp ăn lộc của Thụ, chỉ tính xem hàng ngày cần chi dùng bao nhiêu thì cấp cho, Thụ do đó cũng hơi đỡ.

Nhâm Tuất, [Chính Hòa] năm thứ 3 (1682) (Thanh, Khang Hy thứ 21)

1. Mùa xuân, tháng giêng, sai bọn Thân Toàn, Đặng Công Chất sang nhà Thanh tuế cống.

2. Mùa hạ, tháng năm, truy phong cho quý phi của [Lê] Thần Tông là Nguyễn Thị làm Minh Thục hoàng thái hậu (phi sinh ra vua Chân Tông).

3. Tháng sáu, nhà Thanh sai Đốc phủ Quảng Tây trả về (tờ 5a) cho ta tộc thuộc nhà Mạc còn sót lại. Tuần phủ Hác Dục[3a] đem việc đó báo cho ta. Chúa rất vui mừng, sai viết thư trả lời và hẹn kỳ giao nhận.

4. Mùa thu, tháng tám, ngày Mậu Dần, sao Chổi hiện ở vị trí sao Dực, sao Chẩn.

5. Biếm Tham tụng Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Mậu Tài[5a] xuống Tả thị lang bộ Hộ. Bấy giờ Tham chính Thanh Hoa là Nguyễn Viết Đương (người xã Bồ Xáo, huyện Bạch Hạc). Đăng khoa lục chép là "Văn Phú"[5b]

[5a] Tên là Trác ở huyện Thanh Lâm, Hải Dương.
[5b] A.2089, A.1189 và LTTK: "Đào Quang Tích"; A.6: "Đào Quang Đặc".
[6a] A.2089 đều chép: "Đặng Đình Quyền".
[6b] A.2089, A.1189 và LTTK: "Trịnh Thì".
[3a] A.1189 và LTTK: "Hác Lạc".
[5a] *Nguyễn Mậu Tài:* người xã Kim Sơn, Gia Lâm, 31 tuổi, tiến sĩ khoa Bính Tuất năm Phúc Thái thứ 4 (1646).
[5b] Theo A.2089.

dâng khải nói: "Chính sự một nước là gắn vào Tể tướng. Mọi việc chính sự làm hay bỏ quan hệ đến người Tể tướng chính trực hay gian tà. Nay Thượng thư Mậu Tài từ khi nắm quyền chính đến giờ, ghen người hiền, ghét người tài, riêng gây bè đảng cùng với Thượng thư trước kia là Hồ Sĩ Dương kết làm thông gia, mỗi khi bàn luận thời sự thì bên xướng bên họa, lừa dối che lấp tai mắt bề trên, không vâng phép công, tụ họp cùng bọn gian tà. Như vậy thật không xứng đáng với ý ủy nhiệm của bề trên. Mấy năm lại đây, nào động đất, nước lụt, nào sao Chổi, hạn hán, hoàng trùng, những điềm quái gở nhiều lần hiện ra. Thế mà [Mậu Tài] không nhận trách nhiệm về mình mà quay lại đổ lỗi cho bề trên. Các bề tôi ở triều đình đều kiêng dè [Mậu Tài] thì còn ai dám thẳng thắn vạch rõ sự sai trái của y. Vậy mong hãy rộng chọn trong đám kẻ sĩ đang làm quan, khiến cho địa vị Tể tướng phải là người có tài trí, đức hạnh thì sự bổ nhiệm mới được người xứng đáng mà có thể gây được (tờ 5b) khí trung hòa trong trời đất.

6. Chúa[5c] vốn biết Mậu Tài là người thuần cẩn, không phạm lỗi gì lớn, nhưng vì Viết Đương là người dám nói, có ý muốn khích lệ trăm quan, bèn biếm truất Mậu Tài, cất Viết Đương làm Bồi tụng Hữu thị lang bộ Binh[5d].

7. Ngày Mậu Tuất [23, tức 24 - IX - 1682], Đại nguyên soái chưởng quốc chính thượng sự thái phụ đức công, nhân uy minh thánh Tây vương[6a] [Trịnh Tạc] mất, hưởng thọ 70 tuổi, truy tôn là Dương Vương, đặt tên thụy là Thông Hiến, táng ở Sách Vạn Lại, miếu hiệu là Hoằng tổ.

8. Mùa đông, tháng mười hai[7a], Đốc phủ[7b] Cao Bằng là Lê Thì Hài[7c] dụ được đồ đảng của họ Mạc là Nguyễn Công Chu[7d] đem bộ thuộc hơn nghìn người đến hàng. [Triều đình] trao cho Công Chu chức Đề đốc, tước Hiệu quận công và thăng Thì Hài chức Đề đốc.

Quý Hợi [Chính Hoà] năm thứ 4 (1683) (Thanh, Khang Hy thứ 22).

1. Cho Thượng thư bộ Hộ Đồng Tôn Trạch[1a] làm Tham tụng.

[5c] A. 2089 gọi hẳn tên chúa Trịnh Tạc, Trịnh Căn v. v...
[5d] A.6 và A.1189: "Tả thị lang bộ Binh".
[6a] A.6: "Đại Nguyên soái tổng quốc chính thượng sư thái phụ Đức công, Nhân Thanh, Minh thánh Tây vương".
[7a] A.1189: "mùa đông tháng mười".
[7b] A.1189 và A.6: "Trấn thủ".
[7c] *Lê Thì Hài:* (1639 - 1716) con Lê Thì Hiến.
[7d] CM: "Nguyễn Công Hồi".
[1a] A.1189: "Đồng Nhân Trạch". A.6 chép nhầm là: "Chu Tôn Trạch". *Đồng Nhân Trạch:* người làng Lôi Dương, huyện Chí Linh (nay thuộc Hải Dương) là cháu Đồng Đắc, tiến sĩ khoa

2. Đem sáu điều răn dạy bề tôi và dân chúng ở trong kinh ngoài trấn:

- Răn các thân huân đại thần có công lao, không được ỷ thế cậy mình thân [với vua chúa];

- Răn các võ thần cai quản quân lính, khi giảng tập phải giữ đúng thời khắc, chăn dân thì chớ có làm điều hà khắc bạo ngược;

- Răn các văn thần phải cần cù, cẩn thận, công bằng, thanh liêm;

- Răn các nội thần[2a] phải có lòng trung lương, chuyên cần với chức vụ;

- Răn dạy nhân dân phải mến chuộng đạo nghĩa, biết hổ thẹn khi làm điều xấu.

3. Cất Trấn thủ Sơn Nam là Lê Đình Kiên[3a] làm Hữu đô đốc. Đình Kiên ở trấn đã lâu, giặc cướp im hơi, việc kiện tụng tinh giảm (tờ 3a) , chúa khen, nên mới có lệnh này.

4. Sai bọn Bồi tụng Nguyễn [Tông] Quai[4a], Cấp sự Trần Thế Vinh[4b], Đặng Đình Tướng[4c] đến cửa quan nhận tù binh họ Mạc [do nhà Thanh trao trả].

5. Bãi chức tước của Thượng thư bộ Công Vũ Duy Đoán[5a] và Đô ngự sử Vũ Công Đạo[5b]. Trước kia Duy Đoán với tư cách là Phó đô ngự sử cùng Trấn thủ Lạng Sơn là Hân quận công Thân Công Tài[5c] đều được mệnh đến [Nam] Quan [nhận tù binh Mạc]. Lúc đó trong công văn đi lại, tên của Duy Đoán ở dưới Công Tài. Đến bây giờ lại đi, thì Duy Đoán đã lên chức Thượng thư, nhưng chúa Trịnh (Căn) muốn cứ để tên theo thứ tự cũ. Duy Đoán không chịu ký tên, Công Đạo cũng làm găng không chịu. Cả hai đều làm trái ý chúa, nên bị bãi.

Bính Tuất năm Phúc Thái thứ 4 (1646) từng làm đến Đô ngự sử (1669) bị bãi, rồi lại được dùng.

[2a] Nội thần: chỉ các hoạn quan hầu hạ trong cung.

[3a] *Lê Đình Kiên:* người làng Bái Trại, huyện Yên Định (Thanh Hoá).

[4a] A.6 chép nhầm là: "Nguyễn Đường". *Nguyễn Tông Quai* (hoặc đọc âm Khuê): người xã Vân Điềm, huyện Đông Ngàn (nay thuộc Hà Bắc), tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670).

[4b] *Trần Thế Vinh:* người xã Phong Xuyên (có sách chép là Phong Châu), huyện Tiên Phong, tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670).

[4c] *Đặng Đình Tướng*: người xã Lương Xá, huyện Chương Đức (nay là Chương Mỹ, Hà Nội) tiến sĩ khoa Canh Tuất (1670) con Đặng Tiến Thự, tức Trịnh Liễu.

[5a] Vũ *Duy Đoán:* người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, tiến sĩ khoa Giáp Thìn, niên hiệu Cảnh Trị (1664).

[5b] Vũ *Công Đạo:* người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1659).

[5c] *Thân Công Tài:* một hoạn quan, LTTK: "Nguyễn Công Tài". CM: "Thân Đức Tài".

6. [Chúa] thay đổi, sai bọn Quai[6a] và Công Tài cùng đi. Khi đến cửa quan, uỷ quan nhà Thanh ở Quảng Tây là bọn Vương Quốc Trinh[6b] yêu sách hối lộ đến 5.500 lạng bạc[6c] mới cho đem bọn họ hàng và những người đi theo Mạc Kính Nhậm, tất cả trai gái già trẻ là 350 người về. Bọn Công Tài xét duyệt đảng Mạc, rồi chia ra đưa đi an tháp ở Lạng Sơn. Riêng bọn Mạc Kính Liệu[6d] gồm 124 người thì dẫn về cửa khuyết (về sau vì Đình Tướng cho thêm số bạc quá nhiều và làm tờ cam kết chưa được thoả đáng, nên bị biếm chức xuống một bậc. Bọn Quai, Vinh vì đau ốm không tham gia [vào việc đó] nên chỉ bị phạt tiền nhiều ít có khác nhau). Lại gửi thư sang quan Tuần phủ Quảng Tây là Hán Dục nói về tình hình yêu sách vô lễ của Quốc Trinh. Dục nhận được thư bên ta, bèn giao cho án sát xét hỏi. Quốc Trinh không chịu nhận. Tổng đốc Ngô Hưng Tộ[6d] đem vụ án tâu lên [vua Thanh], rồi lại tư [công văn] tra cứu hỏi tìm ra **(tờ 6b)** sự thực. Vua Thanh ra lệnh xử tử Quốc Trinh và thu số bạc [mà Quốc Trinh ăn hối lộ] sung công. Việc này xảy ra vào năm Chính Hoà thứ 7 (1686).

7. Định rõ lại ba điều trong *Thiện chính*[7a]:

Điều thứ nhất: việc khảo xét thành tích hàng năm làm một lần, chia làm ba bậc. Ba năm mới bàn việc truất bãi hay thăng chức.

Điều thứ hai: Cấm người dân gửi tờ khai lên vượt bậc[7b] và khám quan nhận khám trái lệ[7c].

Thứ ba: Định lệ các khoản tiền phạt, tiền thưởng tiền chuộc, tiền tạ và tiền giấy bút cùng cách quân phân cho quan lại[7d].

[6a] A.6 chép nhầm là "thất".

[6b] A.6 chép nhầm là "Vương Quốc Tồn".

[6c] A.1189 và LTTK: "1.500 lạng bạc".

[6d] *Mạc Kính Nhậm, Mạc Kính Liệu:* đều là tôn thất nhà Mạc, tước Quận công, theo Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng. LTHCLC (q.X) chép truyện Đinh Văn Tả cho rằng năm 1667, họ Đinh "bắt được Quận công ngụy là Mạc Kính Liệu", như vậy đem so với sự việc này không đúng.

[6d] A.6: A.1189 và LTTK: "Ngô Quốc Tộ".

[7a] *Thiện chính:* chỉ sách *Lê Triều thiện chính* hay còn gọi là *Quốc triều chiếu lệnh thiện chính*, sách ghi những điều luật, chiếu, lệnh của triều Lê.

[7b] Theo LTTK: việc ngục tụng có lệ định xếp theo thứ bậc, hễ ai đưa đơn kiện lên vượt bậc thì phải phạt 20 quan cổ tiền.

[7c] Theo LTTK, viên quan nào nhận đơn vượt bậc cũng bị phạt 20 quan cổ tiền.

[7d] Theo LTTK thì: các nha môn khi khám xét phân xử các việc kiện tụng hễ có các món tiền phạt, tiền chuộc hoặc tiền tạ thì cho phép quan bản nha thu tiền "giấy bút". Số tiền đó chia làm hai phần: một phần cho khám quan và sai nha; phần nữa cho xá nhân và tướng thần lại (đều là chức lại nhỏ ở các nha môn đương thời). Bọn này cứ mỗi năm 2 kỳ mùa hạ và mùa đông đến lĩnh ở khám quan.

8. Mùa hạ, tháng sáu, bọn Thân Công Tài đem tù binh họ Mạc là bọn Kính Liêu dâng ở cửa khuyết. Vua ngự ra điện Triều Nguyên[8a] nhận tù binh. Lại giải tù sang phủ chúa. Bọn Kính Liêu nhận tội nhưng xin cho được sống. [Triều đình] đều tha cả. Trao quan tước cho ba người trong bọn Kính Liêu. Số còn lại thì chia đất an tháp các nơi, hàng năm cấp tiền, vải dầy dủ.

9. Cho Nguyễn Danh Thực[9a] làm Đô ngự sử; Nguyễn Viết Đương làm Tả thị lang bộ Lại[9b].

10. Cho Thượng thư bộ Binh Thân Toàn và Thượng thư bộ Hình Đặng Công Chất đều làm Tham tụng.

11. Cho Đoàn Tuấn Khoa làm Đốc trấn Cao Bằng, Ngô Sách Tuân làm Đốc đồng.

12. Người huyện Lập Thạch[12a] làm phản, đặt quan thuộc nguỵ, chống nhau với lính trấn. Sai Trấn thủ Sơn Tây là Nguyễn Công Triều[12b] đem quân đi đánh, bắt được. Dư đảng giặc đều bị dẹp yên.

13. Ra lệnh cho quan quân[13a] được đề cử những người có tài thao lược, tâm thuật[13b], trí dũng, khéo tay trong số thuộc hạ của mình trình tên lên cho [triều đình] biết. Con em các nhà tướng, có người nào tài lược có thể dùng được thì cho phép tự tiến cử.

14. Tham tụng Đặng Công Chất (tờ 7a) chết, truy tặng Thiếu bảo, Thượng thư bộ Lại. [Công Chất] người xã Phù Đổng, huyện Tiên Du.

15. Tháng chín, vua nhà Thanh sai Thị độc Minh Đồ[15a], Biên tu Tôn Trác Vinh sang nước ta... Lại sai bọn Thị độc Ô Hắc và Lang trung Chu Xán sang điếu tế hai vị trước[15b]. Bọn Đô đến kinh đô làm lễ [xong], lại riêng [sắm sửa] lễ vật khác viếng Dương vương [Trịnh Tạc]. (Xán khi vào

---

[8a] A. 1210 và A.2089: "điện Càn (hoặc Kiền) Nguyên".

[9a] *Nguyễn Danh Thực*: người xã Đại Bái, huyện Gia Định (thuộc Bắc Ninh), 29 tuổi đỗ thám hoa khoa Sĩ vọng.

[9b] A.6; A.2089; A.1210 đều chép: "hữu thị lang bộ Lại". *Nguyễn Viết Đương*: trước tên là Văn Phú, người xã Bồ Sào huyện Bạch Hạc (nay thuộc Phú Thọ), 46 tuổi, tiến sĩ khoa Tân Sử, năm Vĩnh Thọ thứ 4 (1661).

[12a] Lập Thạch: thuộc tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay.

[12b] Nguyễn Công Triều: hoạn quan, quê làng Đông Lan, huyện Từ Liêm (nay thuộc Hà Nội).

[13a] A. 2089: "võ thần".

[13b] Tâm thuật: chỉ người khéo vận dụng tâm trí, như chữ "tâm cơ".

[15a] A.6: "Thị độc Minh Bức".

[15b] *Hai vị* trước: chỉ Lê Duy Vĩ tức Lê Huyền Tông (1663 - 1671) và Lê Duy Khoái tức Lê Gia Tông (1672 - 1675).

cửa quan có cùng quan bạn tiếp[15c] là bọn Hoàng Công Trí[15d], Vũ Duy Khuông[15d] làm thơ xướng hoạ và làm thành tập thơ Nam giao hảo âm tập [trong đó] rất khen ngợi những người giỏi về lý học, văn học và kinh [bang] tế [thế] xưa nay của nước Nam. Khi trở về [bọn Xán] đem tập thơ dâng lên vua Thanh).

16. [Vua Lê] xuống chiếu tôn chúa Trịnh[16a] với lễ đặc biệt: không phải viết tên vào tấu sớ; không phải lạy khi làm lễ bái yết; đặt chỗ ngồi ở bên tả điện Thị Triều để tỏ lòng tôn sùng.

17. Mùa đông, tháng mười một, thi hội các công cử, lấy đỗ bọn Phạm Quang Trạch 19 người.

18. Tri châu châu Quy Thuận là Sầm Ám Tôn và Tri châu châu [Tư] Thành là Triệu Quốc Kiều bên Thanh đều sai sứ đến cống sản vật địa phương và dâng khải ca ngợi: "Quân của vua đi đến đâu thì các nước bốn phương đều đến chầu, nay nghịch Mạc đã trừ, đất nước quy về một mối". Chúa sai viết thư trả lời, ban cho bạc và lụa, hậu tặng sứ rồi cho về.

Giáp Tý, [Chính Hoà] năm thứ 5 (1684) (Thanh, Khang Hy thứ 23)

1. Mùa xuân, tháng giêng, thi Đình. Cho Nguyễn Đăng Đạo[1a], Phạm Quang Trạch[1b], Quách Giai[1c] ba người đỗ tiến sĩ cập đệ **(tờ 7b)**. Nguyễn Đương Hồ[1d] tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp); bọn Trần Thiện Thuật[1d] 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

2. Tháng ba, thi Sĩ vọng, lấy đỗ bọn Hà Tông Mục[2a] 26 người.

3. Biểu dương tiết phụ đã mất là Lê Thị. Lê Thị là thiếp của Thiệu nghĩa công[3a] giữ tiết, ở goá, có phong thái của người liệt phụ. [Triều

---

[15c] Bạn tiếp: người được cử đón tiếp sứ thần nước ngoài trong suốt cuộc đi sứ của sứ thần đó.

[15d] A.1210; A.1189: "Hoàng Công Thực". A.6: "Hoàng Công Khoan". *Hoàng Công Trí:* người xã Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi, tiến sĩ khoa Canh Tuất, niên hiệu Cảnh Trị (1670).

[15d] *Vũ Duy Khuông:* người xã Mộ Trạch, huyện Đường An, tiến sĩ khoa Canh Tuất niên hiệu Cảnh Trị (1670).

[16a] A.2089 chép sai ra là: "Bình an vương Trịnh Căn".

[1a] *Nguyễn Đăng Đạo:* người xã Hoài Bão (Bịu), huyện Tiên Du, (Bắc Ninh), 33 tuổi đỗ trạng nguyên, tức trạng Bịu.

[1b] *Phạm Quang Thạch:* người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm (nay thuộc Hà Nội) 31 tuổi bảng nhãn.

[1c] *Quách Giai:* người xã Phù Khê, huyện Đông Ngàn (Bắc Ninh) 24 tuổi thám hoa. A.6 chép nhầm là "Quách Điệt".

[1d] *Nguyễn Đương Hồ:* người xã Dương Húc, huyện Tiên Du. LTTK chép là "Dương Hồ".

[1d] *Trần Thiện Thuật:* người xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm. A.6 chép nhầm là "Trần Thiện Nhạc".

[2a] *Hà Tông Mục:* người xã Tỉnh Thạch, huyện Thiên Lộc

[3a] A.6: "Chiêu nghĩa công".

đình] đặc biệt sai phong tặng là Tự phu nhân, ban hiệu là Trinh Khiết.

4. Mùa hạ, tháng tư, ra lệnh cho ty Hiến các xứ đi tuần trong bản hạt, thăm hỏi tình trạng đau khổ và tình tệ của dân gian, cuối năm thì trình bày đầy đủ [cho trên biết]. [Việc này] được ghi chép đặt làm lệ thường.

5. Mùa thu, tháng tám, đêm Giáp Ngọ[5a] [mồng 1, tức 9 - IX - 1684] trời bão, đê sông Nhị bị vỡ, các huyện phía Tây bắc [thành Thăng Long] ruộng lúa bị thiệt hại rất nhiều.

6. Mùa đông, tháng mười, cho Nguyễn Quán Nho[6a] làm Phó đô ngự sử. Lê Hy[6b] làm Hữu thị lang bộ Binh.

7. Phong con thứ của chúa là Thái bảo Khiêm quận công Trịnh Bách làm Khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư doanh, kiêm chưởng thứ chính, Thái uý Khiêm quốc công. Cho mở phủ Lý Chính. Trước đây, con trưởng của chúa được tiến phong Quốc tế[7a], bị mất sớm, các cháu thì còn nhỏ, người con thứ là Bách hơi lớn tuổi hơn, cho nên lập lên, làm người kế vị.

8. Tiến phong chúa [Trịnh Căn] làm Đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng thánh phụ sư thịnh công **(tờ 8a)** nhân minh uy đức Định vương[8a]. Trước kia, chúa do chức Tiết chế nhận mệnh đi dánh dẹp ở Nam Hà, thu lại được đất đai vùng biên cảnh, có công lao lớn, chức vị và danh vọng ngày một cao. Thời Dương vương [Trịnh Tạc] đã được phong tước vương. Dương vương chết rồi, vua dụ cho triều thần bàn tiến phong [Trịnh Căn] tước vương đặt một chữ[8b] và thêm các mỹ tự để tỏ sự tôn quý. Chúa khiêm tốn từ chối đã mấy năm. Đến nay mới nhận sách mệnh này.

9. Tháng mười hai, chọn người để bổ nhiệm làm Đô ty Cao Bằng. Cho Cấp sự trung Ngô Sách Tuân làm Đốc trấn thự tổng binh sứ ty sự[9a].

[5a] LTTK chép "đêm Giáp Tý", là sai.

[6a] *Nguyễn Quán Nho:* người xã Văn Hà, huyện Thụy Nguyên (Thanh Hóa), tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1667).

[6b] *Lê Hy:* người xã Thạch Khê, huyện Đông Sơn (Thanh Hóa), tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664). Về quan hệ Lê Hy và Nguyễn Quán Nho, xem thêm năm 1708. A6 chép nhầm là "Lê Tín".

[7a] A.1189: "Quốc công"; A.6: "Quốc quân".

[8a] A.6: "Cao đức Định vương".

[8b] Trước, Trịnh Căn được phong là Định quốc vương, nay phong là Định vương, tức là tước vương một chữ, to hơn và quý hơn tước vương hai chữ.

[9a] A.1189: "thự đốc sứ ty sự" LTTK: "thự đô đốc ty sự". *Thự tổng binh sứ ty sự:* tạm quyền coi việc ở ty tổng binh sứ (tức đô ty).

10. Vịnh quận công Đàm Cảnh Kiên chết, được truy tặng Thái bảo. Cảnh Kiên là người tráng kiện, nhanh nhẹn, quả cảm, có sức mạnh đánh được hổ. Trong chiến dịch đánh Nam Hà nhiều lần lập được chiến công, khiến kẻ địch khiếp sợ. Chúa cũng yêu Kiên là người chất phác, thật thà, nên ban thưởng rất hậu.

11. Ra lệnh khảo xét quan coi việc binh và quan coi việc dân, xem người nào biết vỗ về, thương xót [binh hay dân]. Có bọn Yên quận công Trịnh Liễu[1a] 16 người được binh dân yêu mến và bảo cử, nên đều được thăng thưởng có hơn kém khác nhau.

Ất Sửu [Chính Hoà] năm thứ 6 (1685) (Thanh, Khang Hy thứ 24)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Trấn thủ Thanh Hoa là Dĩnh quận công Ngô Hữu Dụng xin từ chức. [Chúa] cho Nguyễn Sĩ Gia lên thay. Hữu Dụng do chân Nội giám được [chúa] thân và yêu. Khi ở trấn (hơn 30 năm [1a]) ban lệnh gì thì lệnh ấy được thi hành, cấm việc gì thì việc ấy phải thôi hẳn. Bọn trộm cướp phải im hơi. Đến (tờ 8b) nay tuổi đã 83, xin từ chức ở trấn mà ở lại kinh. Chúa đặc cách phong Thái bảo.

2. Cho Tham đốc Trịnh Huyến làm Trấn[3a] thủ Hải Dương, Yên Quảng.

3. Tướng làm phản ở Tuyên Quang là Vũ Công Tuấn quấy nhiễu biên giới. Trước đây (1672) Công Tuấn trốn sang Vân Nam nương dựa thổ quan họ Nùng[3b] kêu gọi tụ tập lính Thổ và người Nùng cướp bóc vùng Tuyên Quang, Hưng Hoá. Dân biên giới bị quấy rối [triều đình] sai Nguyễn Công Triều đốc suất quan quân đi đánh.

4. Cho Thạc quận Lê Thì Hài làm Trấn thủ Thái Nguyên; Thuỵ quận công Trịnh Công Thuyên làm Trấn thủ Kinh Bắc.

5. Thiếu bảo Lộc quận công Đinh Văn Tả mất. Văn Tả là người có sức mạnh và mưu lược, thường theo đi đánh dẹp, đến đâu thắng đó, trở

(1a) Theo A.6.

(3a) Vũ *Công Tuấn*: Con Vũ Công Đức, là cháu 5 đời Vũ Công Mật ở Đại Đồng (Tuyên Quang). Sau khi Công Tuấn về hàng ở kinh đô, được triều đình phong tước là Khoan quận công. Năm 1672, nhân lúc Trịnh Cán mang quân đi đánh chúa Nguyễn, từ Thăng Long. Công Tuấn lên về Tuyên Quang có nhiều hoạt động chống đối triều đình. TT (q.XIX) chép: Công Tuấn bị "Trịnh ốc sai quân đuổi theo giết" là sai. Thực ra, Công Tuấn trốn sang Trung Quốc nương tựa các thổ ty ở Vân Nam, liên kết với tàn quân Mạc rồi đem lực lượng về quấy phá dân vùng biên giới ở Tuyên Quang, Hưng Hoá.

(3b) Tức Nùng Tiên Lai.

thành danh tướng một thời. Nay chết được tặng Thái bảo, truy phong làm phúc thần (Văn Tả người Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng[5a]).

6. Mùa thu, tháng bảy[6a], cho Nguyễn Mậu Tài làm Thượng thư bộ Công.

7. Tháng tám, định rõ phép khảo xét thành tích các quan trong kinh ngoài trấn và điều lệ, cách thức về thăng, truất, thưởng, phạt. Trước đây, đối với các quan trong kinh ngoài trấn, mỗi năm một lần khảo xét thì lập tức thi hành việc thăng hay truất. Người ta khổ sở vì [thời hạn] gấp gáp. Nay định lại phép: mỗi năm khảo xét thành tích một lần, ba lần khảo xét [rồi mới] truất bãi hay thăng trật. Còn việc thưởng hay phạt thì chia ra làm bậc thượng khảo, trung khảo, hạ khảo khác nhau tuỳ theo thành tích nhiều hay ít[7a]. Do đó các ty[7b] đua nhau cố gắng, ít có công việc bỏ bê.

8. Tháng chín (tờ 9a) Thái bảo Trịnh Miên có tội, bị giết.

9. Dĩnh quận công Ngô Hữu Dụng mất. Được phong tặng Thái phó[9a] ([Hữu Dụng] người xã Yên Thường, huyện Đông Ngàn).

10. Sai Chánh sứ Nguyễn Đình cẩn, Hoàng Công Trí[10a], Phó sứ Nguyễn Tiến Tài, Trần Thế Vinh, sang nhà Thanh.

11. Cho Nguyễn Mậu Tài làm Tham tụng gia phong tước bá. Mậu Tài bấy giờ tuổi đã 70, xin được về hưu. Chúa cho rằng Mậu Tài là người kỳ cựu, vững vàng nên lưu luyến giữ lại không cho hưu.

12. Mùa đông tháng mười hai, đêm Quí Tỵ (mồng 7, tức 1 - I - 1686) động đất.

Thi Hội các cống cử, lấy đỗ bọn Nguyễn Danh Dự (người xã Dương Liễu, huyện Đan Phượng[12a] 13 người.

Bính Dần [Chính Hoà] năm thứ 7 (1686) (Thanh, Khang Hy thứ 25)

1. Mùa xuân, tháng giêng. Bồi tụng Hữu thị lang bộ Lại Nguyễn Viết Đương được về hưu với chức Tả thị lang bộ Binh. Viết Đương là

(5a) Theo A.1210.
(6a) A.6 và LTTK: "tháng tám".
(7a) A.1189: "đa thiểu vi chuẩn" [lấy thành tích] nhiều hay ít làm tiêu chuẩn.
(7b) A.1189: "chư hầu".
(9a) A.2080 và A.1189: "Thái bảo".
(10a) LTTK không chép: "Hoàng Công Trí".
(12a) Theo A.2089.

người tính tình trong sáng, cứng rắn, ít hợp với ai. Nói về chính sự triều đình thì không kiêng dè, né tránh. Người dương thời khen Đương là người cương trực (Đương người xã Bồ sào, huyện Bạch Hạc).

2. Thi đình. Cho Vũ Thạch (người xã Đan Loan, huyện Đường An[2a]) đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (thám hoa). Bùi Công Tốn (người xã Thương Trung, huyện Bạch Hạc[2b]) đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp); bọn Trương Công[2c] 11 người đỗ tiến sĩ xuất thân.

3. Tháng hai. Liêm quận công Trịnh Kiền có tội, bị giết. Trước kia, Kiền cùng Trịnh Vĩnh Phúc đã có quan hệ với nhau, đến nay họ lại (tờ 9b) dung nạp tụ tập những kẻ vô loài[3a] ngầm nuôi chí khác. Bị kẻ dưới tố cáo, đưa triều đình xét xử, [chúa] cho được chết.

4. Kẻ phản nghịch ở Tuyên Quang là Khoan[4a] liên kết dẫn dắt giặc Nùng, xâm lược cướp bóc vùng đất biên giới Tuyên Quang và Hưng Hoá, [Triều đình] sai Nguyễn Công Triều đem các tướng đi đánh.

5. Mùa hạ, tháng năm, ngày Nhâm Dần [19, tức 9 - VII - 1686] tăng tôn (chất) của chúa là Trịnh Cương sinh.

6. Tháng sáu, giặc Nùng lại quấy nhiễu biên giới, [triều đình] sai bọn Đề đốc Trịnh Cấp[6a] đem quân đi đánh. Quân lính tiến đánh cũng có thắng trận, nhưng bọn Cấp không biết răn dạy lính để chúng đến đâu ngang ngược sách nhiễu đến đó, nên khi kéo quân về không được thưởng.

7. Mùa thu, tháng chín[7a]. Cho Nguyễn Quý Đức[7b] làm Thiêm đô ngự sử.

Đinh Mão, [Chính Hoà] năm thứ 8 (1687) (Thanh, Khang Hy thứ 26):

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Quý Mùi[1a] [mồng 4, tức 16 - II - 1687], Tiết chế thái uý Khiêm quốc công[1b] Trịnh Bách mất, truy tặng Thượng tể thượng tướng công.

(2a) (2b) Theo A.2089.

(2c) A.1189: "Nguyễn Công Triều"; A.2089 "Nguyễn Công", LTTK: "Trương Công Khải" đúng hơn cả. *Trương Công Khải* (hoặc đọc âm Giai): người xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm.

(3a) *Vô loài*: dịch chữ "phi loại" không phải loài [người] tức chỉ bọn trộm cướp.

(4a) *Khoan*: có lẽ là Vũ Công Tuấn tức Khoan quận công.

(6a) A.2089, A.1189, LTTK: "Trịnh Công Thuyên".

(7a) A.2089, A.1189: "tháng tám".

(7b) A.6 chép nhầm là "Nguyễn Chân Đức".

(1a) A.2089; A.1189: "ngày Kỷ Mùi".

(1b) A.6 "Khiêm quận công".

2. Sai đốc suất[2a] Thạc quận công Lê Thì Hải, đốc thị Đặng Đình Tướng đi dánh dẹp dư đảng nghịch Khoan ở Tuyên Quang.

3. Mùa hạ, tháng tư[3a] định kỳ hạn phúc khám các vụ kiện tụng (án mạng; hạn trong 4 tháng; những vụ trộm, cướp ruộng, đất hạn trong 3 tháng; các tạp tụng như việc hộ, việc hôn, việc ngỗ nghịch, việc đánh nhau hạn 2 tháng[3b] thì trình lên).

4. Sai Lê Thì Hài[4a] làm trấn thủ Lạng Sơn **(tờ 10a)** [Châu mục] châu Quy Thuận thuộc tỉnh Quảng Tây sai sứ sang dâng ngựa. [Chúa] ban yến cho sứ giả, rồi cho về.

Mùa đông, tháng mười. Không mưa [Triều đình] sai các quan ở kinh đô đi về các đạo xem xét địa thế, làm xe nước để tưới (ruộng), khám những ruộng lúa bị thiệt hại. Bàn việc khoan xá. Năm đó, lúa má thu hoạch ít, giá gạo cao vọt.

Mậu Thìn [Chính Hoà] năm thứ 9 (1688) (Thanh, Khang Hy thứ 27)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Bọn Ngô Sách Tuân[1a] Đốc trấn Cao Bằng đi đánh bọn giặc ở Nông thượng Đàn[1b] và cả phá được, đưa tù binh về kinh đô. Do công lao ấy, [Sách Tuân] được thăng Tham chính và được lưu nhậm ở trấn.

2. Tháng hai, tiến phong cháu của chúa là Phó đô tướng Thái phó Tấn quận công[2a] Trịnh Bính làm Khâm sai tiết chế các xứ thuỷ bộ chư doanh kiêm Tổng chính quyền Thái uý Tấn quốc công, mở phủ Dực quốc.

3. Mùa hạ, tháng năm, Tham tụng Thượng thư bộ Công[3a] Nguyễn Mậu Tài lại xin hưu. [Chúa] ưng cho. Mậu Tài nhiều lần dâng sớ xin cáo lão, Chúa an ủi lưu lại. Đến nay tuổi đã 73 được mới chuẩn y. Chưa kịp về [quê nhà] thì chết, được tặng Thượng thư bộ Lễ, Thiếu bảo. Mậu Tài là

(2a) A.6: "Đô đốc".
(3a) LTTK: "mồng 3 tháng năm".
(3b) Ở đây người sao chép nhầm là 3 tháng. Các bản A.2089; A.6; A.1210 và LTTK đều: "hạn 2 tháng".
(4a) A. 1189, A.2089, A6: "Lê Thì Liêu".
(1a) A.6: "Ngô Khang Tuân".
(1b) A.1210: "Nông Sơn Đàn", A.6: "Nông Thượng"; A.1189; A2089 và LTTK: "La Thượng Đàn".
(2a) A.2089: "Tấn Quốc Công".
(3a) A.6: "Thượng thư bộ Hộ".

người trong sạch, trung hậu, chưa từng bị ai oán giết. Đương thời khen là người đức độ (Mậu Tài là người xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm).

4. Trịnh Thị, chính cung của Chân Tông **(tờ 10b)** chết, truy phong là Phương Từ hoàng hậu[1a] (hoàng hậu là con gái của Văn tổ Nghị vương [Trịnh Tráng])[1b].

5. [Bấy giờ] thổ quan ở phủ Khai Hoá, Vân Nam nhà Thanh xâm chiếm các động thuộc ba châu Vị thuỷ[5a], Bảo Lạc[5b], Thuỷ Vũ, đặt tuần ty, đòi thu thuế buôn. [Triều đình] sai Trấn thủ Hải Dương là Trinh Huyên[5c] đến làm trấn thủ Hưng [Hóa] Tuyên [Quang]. Trịnh Đức Nhuận[5d] (người Hoa Lâm, huyện Đông Ngàn[5d], Trần Thọ (người xã Điền Trì, huyện Chí Linh[5e], làm Đốc đồng gửi thư [sang nhà Thanh] biện chính [về biên giới]; lại hiểu dụ dân các động quay về [với nước nhà], nhưng thổ quan cuối cùng vẫn không chịu rút lui và trả lại [đất cho ta].

Mùa đông, tháng mười, thi hội các cống cử, lấy đỗ bọn Nguyễn Quốc Cương 7 người (Quốc Cương người xã Nguyên Xá huyện Yên Phong, sau đổi tên là Quốc Vĩ[6a]).

Kỷ Tỵ, [Chính Hòa] năm thứ 10 (1689) (Thanh, Khang Hy thứ 28).

1. Mùa xuân, tháng giêng, thi đình, cho bọn Nguyễn Đình Hoàn (người xã Bái Ân, huyện Quảng Đức[1a]) đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp), bọn Nguyễn Hành (người xã Phù Khê, huyện Đông Ngàn[1b]) 6 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

2. Mùa hạ, tháng sáu, người Thanh bắt phản nghịch Khoan đưa về cho ta. Trước đó, chúa sai Nguyễn Công Triều kết hiếu với Lý Thế Bình ở huyện Mông Tự. [Bình] sai người nói với Đốc phủ Vân Nam ra lệnh cho ba phủ Khai Hóa, Quảng Nam, Lâm An[2a] phải thanh tra các địa

---

(4a) A.6: "truy tôn là Phương Gia Từ hoàng hậu".
(4b) A.2089: "Con gái Trịnh Tráng".
(5a) A.2089: "Vị Xuyên", A.6: "Vị Châu".
(5b) A.6: "Bảo Sàng".
(5c) *Trịnh Huyên* hoặc đọc là Huyến. CM: "Lê Huyến", nguyên là tôn thất nhà Lê ban theo họ Trịnh. Về việc trên, LTTK không nhắc đến Trịnh Huyền mà chép nhầm là: "Trịnh Đức Nhuận làm Trấn thủ Tuyên Quang, Hưng Hóa".
(5d) CM: "Đặng Đức Nhuận".
(5d) (5e) (6a) Theo A.2089.
(1a) (1b) Theo A.2089.
(2a) A.6: "Phú Yên".

phận biên giới, [thì thấy] phủ Khai hóa dôi ra hơn 120[2b] người. Bèn ước hẹn với tướng giữ đồn ở Thông Khê[2c] là Nông Văn Cương[2d] hội [quân] nơi biên cảnh, bắt được nghịch Khoan trả về cho ta. Đồ đảng của Khoan đều tan rã.

3. (tờ 11a) Dân ba thôn của động Ngưu Dương chạy đến Nậm Uy cầu xin quy phụ[3a]. Tù trưởng động Hồ Điệp là Nùng Đắc Tước cũng sai người dâng biểu xin quy thuận[3b]. [Triều đình] sai quan trấn viết thư an ủi vỗ về. [Ra lệnh] rút quân ở đền Tam Kỳ về kinh đô.

4. Mùa đông, tháng mười, Đoàn Tuấn Khoa họp với người Thanh định lại địa giới châu Lộc Bình (thuộc phủ Trường Khánh, xứ Lạng Sơn[4a]). Trước đó, phiên mục châu Lộc Bình là Vi Đức Thắng[4b] [mưu] chiếm [lại] tam thôn ở châu Tư Lăng [đã bị] nhà Thanh [xâm chiếm][4c]. Thổ quan nhà thanh là Vi Vinh Diệu tố cáo với Tổng đốc Quảng Tây là Ngô Hưng Tộ. [Nhà Thanh] gửi công văn sang ta đề hội khám. [Triều đình] sai bọn Vũ Duy Khuông, Phạm Công Phương (người xã Liêu Xuyên, huyện Đường Hào[4d]) đi lại để phân trần và tranh biện. Việc đó kéo dài đến vài năm vẫn chưa ngã ngũ. Ít lâu sau [triều đình] sai Tuấn Khoa và Chí Tuân[4d] (người xã cổ Đôi, huyện Nông Cống[4e]) cùng đi. Đến nơi bị những lời nói sơ hở của Đức Thắng làm rối, [do đó] việc không xong. [Triều đình] đình chỉ chức Bồi tụng của Tuấn Khoa. Đến nay lại sai đi, Tuấn Khoa giấu Đức Thắng [ở một chỗ] không cho ra mắt, [rồi] tự mình cùng với hai ủy quan của [nhà Thanh] là Trần và Trương[4g] đi khám xét, Vinh Diệu bị đuổi lý, [phải] đem thôn Na Oa trả về cho ta.

[2b] A.1189: "Hơn 20 người".

[2c] A.2089 và A.1189: "Nông Khê".

[2d] A.1189 và LTTK: "La Văn Cương".

[3a] A.1189 và LTTK: "xã Thanh Oai, thôn dân động Ngưu Dương cầu xin quy phụ".

[3b] *Động Ngưu Dương và động Hồ Điệp:* đều thuộc châu Vị Xuyên lúc ấy còn thuộc Tuyên Quang (CM q.XXXIV, 27) bị bọn bành trướng nhà Thanh lấn chiếm. Sự kiện trên cho thấy các động này không muốn theo Trung Quốc.

[4a] Theo A.2089.

[4b] A.2089; A.1189 LTTK: "Chương Đức Thắng"; CM: "Vi Đức Thắng".

[4c] Theo A.2089. Cách ghi của bản trục A.1415: "Vi Đức Thắng chiếm 8 thôn ở châu Tư Lăng của nhà Thanh", là nhầm, vì có phần mâu thuẫn với diễn biến ở dưới. Còn LTTK thì "Phiên mục Chương Đức Thắng nói về việc tám thôn thuộc châu Tư Lăng bị [nhà Thanh] xâm chiếm". 8 thôn, CM: "7 thôn".

[4d] Theo A.2089.

[4d] Sách chép Sĩ Tuân, có lẽ nhầm, vì các bản A.2089; A.6; CM và LTTK đều chép: "Lê Chí Tuân".

[4e] Theo A.2089.

[4g] Trần và Trương không rõ tên.

Đình thần cho rằng việc biện luận của Tuấn Khoa lần này là hợp, nên chuẩn tha cho lỗi lần trước.

Tuấn Khoa họp với người Thanh dựng mốc bằng đá, rồi về. Sáu thôn mà [người Thanh] bỏ đi ấy đều là vùng đất hoang rậm rạp (tờ 11b) không có người ở, chỉ riêng Na Oa là nơi đất rộng người đông, lợi ích khá lớn, về sau đến năm Thanh Ung Chính thứ 4 (1726), [Tổng] đốc Quảng Tây là Khổng Tính[4h] sức cho thổ quan Tư Lăng là Vi Thế Hoa đem 400 hốt bạc[4i] giao cho thổ quan châu Lộc Bình bên ta là Vi Phúc Kiêm để đoạn tuyệt lời thương nghị thỏa đáng trước kia. Đất đai của Na Oa lại thuộc về Tư Lăng. [Họ] đào hào dựng bia [làm mốc giới], ba tấm bia đá đều ở xã Yên Khoái, châu Lộc Bình. Nay vẫn còn.

5. Ngày Canh Dần [27, tức 8 - XII - 1690] sao Chổi hiện ở vị trí sao Dực, sao Chẩn.

Canh Ngọ, [Chính Hòa] năm thứ 11 (1690) (Thanh, Khang Hy thứ 29)

1. Mùa hạ, tháng tư, giặc biển ở vùng Yên Quảng có Phương Vân Long, Tân Ấn Sùng chiếm cứ đầm Vạn Ninh, họp chúng cướp bóc, Trấn tướng xứ Long Môn, nhà Thanh là Diệp Thắng[1a] gửi thư [sang ta] xin hội tiễu. [Triều đình] sai Trịnh Huyên đem quân đến hội. Bắt được Ấn Sùng và đồ đảng của nó hơn 200 người giải đến Long Môn. Bọn Huyên đã rút về, Thắng vẫn còn mượn danh nghĩa chia quân đi lùng bắt. đi vào [huyện] Tiên Yên và Hoành Bồ, yêu sách dân cung đốn. Dân không sao chịu nổi sự khổ sở. Chúa sai gửi thư sang Tổng đốc Quảng [Tây] nhờ chuyển đạt lên (tờ 12a) vua Thanh. Thắng cuối cùng bị tội chém.

2. Đêm Mậu Tý [27, tức 4 - VI - 1690] mưa đá.

3. Tháng năm, Trấn thủ xứ Sơn Tây là Nguyễn Công Triều chết, thọ 77 tuổi. [Triều đình] sai Trần Đăng Doanh thay làm Trấn thủ. Công Triều do đánh dẹp có công, được tặng Thái bảo, truy phong phúc thần (Công Triều người xã Đông Lao, huyện Từ Liêm).

4. Sai Chánh sứ Nguyễn Danh Nho (người xã Vịnh Kiều, huyện Đông Ngàn[4a]), Nguyễn Quý Đức, Phó sứ Nguyễn Đình Sách[4b] (người xã Văn Trung, huyện Bạch Hạc[4c]), Trần Thọ[4d], sang Thanh tuế công.

5. Sai quan kinh đo đi khám xét các huyện bị vỡ đê ở vùng Sơn Nam, tùy nơi thiệt hại mà tha hoặc giảm quí thuế[5a] có khác nhau.

Tân Mùi, [Chính Hòa] năm thứ 12 (1691) (Thanh, Khang Hy thứ 30)

1. Mùa xuân, tháng giêng, lại dùng cựu Đô ngự sử Vũ Công Đạo, cho làm Hữu thị lang bộ Hình. Trước kia Công Đạo vì trái ý chúa, bị bãi chức về. Đến nay chúa nghĩ đến sự thẳng thắn của [Công Đạo] lại sai khởi dụng.

2. Cho Nguyễn Danh Thực (người xã Đại Bái, huyện Gia Định, nguyên tên là Văn Thực[2a]) làm Thượng thư bộ Binh[2b]; Nguyễn Viết Thứ làm Thượng thư bộ Hình[2c]; Trần Đăng Doanh[2d] làm Thượng thư bộ Công; Nguyễn Công Trực[2d] làm Đô ngự sử; Nguyễn Quán Nho làm Tả thị lang bộ Lại; Lê Hy[2e] làm Tả thị lang bộ Lễ; Hoàng Công Trí[2g] làm Phó [đô] ngự (tờ 12b) sử; Đoàn Tuấn Khoa làm Tả thị lang bộ Binh[2h].

3. Tháng hai, ngày Đinh Tỵ[3a] [mồng 1, tức 28 - II - 1691] nhật thực.

[4a] Theo A.2089. *Nguyễn Danh Nho* này 24 tuổi đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất năm Cảnh Trị thứ 8 (1670), như vậy có khác với lời đoán của LTTK cho là một Nguyễn Danh Nho khác người xã Nghĩa Phú, huyện Cẩm Giàng (Hải Dương) đậu tiến sĩ năm 33 tuổi cùng khoa với người trên. CM cũng chú theo LTTK.

[4b] A.6: "Nguyễn Đình Vinh"; CM: "Nguyễn Tiến Sách".

[4c] Theo A.2089.

[4d] *Trần Thọ*: người xã Điền Trì, huyện Chí Linh, 32 tuổi đậu tiến sĩ cùng khoa với Nguyễn Danh Nho và Nguyễn Đình Sách (tức Tiến Sách).

[5a] *Quý thuế*: thuế đinh.

[2a] Theo A.2089.

[2b] A.6 "Thượng thư bộ Hình".

[2c] A.6: "Thượng thư bộ Hình". Nguyễn Viết Thứ người xã Sơn Đông, huyện Đan Phượng (nay thuộc Hà Nội) tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664). LTTK cũng chép là Thượng thư bộ Hình.

[2d] *Trần Đăng Doanh*: LTTK đoán là Trần Đăng Tuyển, tiến sĩ khoa Canh Thìn (1640), là sai (xem ở sau).

[2d] A.1210; A.1189; A.2089: "Nguyễn Công Vọng"; A.6; "Nguyễn Tất Vọng". *Nguyễn Công Vọng:* tên cũ là Đức Vọng, người xã Vịnh Kiều, huyện Đông Ngàn, tiến sĩ khoa Quý Sửu (1673).

[2e] Ở đây chép Lê Đức Hy có lẽ nhầm, các bản A.1210; A.2089 đều chép: "Lê Hy".

[2g] A.6: "Hoàng Công Thực".

[2h] A.2089; A.1210; A.6: "Hữu thị lang bộ Binh".

[3a] A.1189: "ngày Đinh Sửu [21, tức 20 tháng III dương lịch] A.6: "ngày Kỷ Tỵ [13, tức 12 tháng III dương lịch]".

4. Cho Trịnh Đức Nhuận[4a] làm Thiêm đô ngự sử.

5. [Tháng ba] Tham tụng Thượng thư bộ Hộ là Nghĩa lĩnh hầu Đồng Tôn Trạch[5a], 75 tuổi xin về hưu, [Chúa] ưng cho, gia thăng Thiếu bảo.

6. Thi Hội các cống cử, lấy đỗ bọn Nguyễn Hữu Đạo (người Quì Lăng, huyện Đông Thành[6a]) 11 người. Thi Đình, cho bọn Ngô Vi Thực (người xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai[6b]) 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp). Bọn Đào Quốc Hiến[6c] (người xã Phù Ninh, huyện Đông Ngàn[6d]) 8 người đồng tiến sĩ xuất thân.

7. Biếm chức Tả thị lang bộ Lại Trần Thế Vinh làm Đại lý tự khanh, Giám sát Lê Chí Tuân[7a], Đỗ Công Bật (người xã Thượng Tổn, huyện Gia Lâm[7b]) đều xuống làm Tư huấn. Bọn Thế Vinh [khi làm việc] thì sai người làm trước rồi mới xin mệnh sau, có một tên họ Bành được ủy sai đi yêu sách dân châu cung đốn rất khổ, Thế Vinh cứ lờ đi, cầu thả buông trôi, nên bị biếm chức.

8. Mùa hạ, tháng tư, Trấn thủ Sơn Tây là Thượng thư bộ Công Liêm quận công[8a] Trần Đăng Doanh chết, được tặng Thượng thư bộ Hộ, Thiếu phó[8b]. [Triều đình] cho Lê Thì Liêu[8c] lên thay. Đăng Doanh hầu chúa đã lâu từ khi còn là Thế tử chưa lên ngôi, theo [chúa] đi đánh Thuận Hóa, có công, [nên] từ chân gia thần được tiến dùng. [Đăng Doanh] nói năng, bàn luận rõ ràng, dứt khoát, được chúa tin yêu. [Chúa] hỏi cưới (tờ 13a) con gái của Đăng Doanh làm Chính phu nhân cho Tấn quốc công [Trịnh Bính] (Đăng Doanh người huyện Đông Thành).

9. Đại tư đồ[9a] thự thủ sự Điện quận công Trịnh Óc[9b] chết, được phong tặng Điện Nghĩa công.

(4a) *Trịnh Đức Nhuận*: người xã Hoa Lâm, huyện Đông Ngàn đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676).

(5a) A.1189 chép nhầm là "Chu Tổn Trạch"; "Chu" và "Đồng" tự dạng giống nhau. A.1189 và A.2089 đều chép: "Nghĩa lĩnh bá".

(6a) (6b) Theo A.2089.

(6c) A.1210 "Đào Quốc Đề"; A.6: "Đào Hưng Ngưng".

(6d) Theo A.2089.

(7a) *Lê Chí Tuân*: người xã Cổ Đôi, huyện Nông Cống (Thanh Hoá) tiến sĩ Khoa Ất Sửu (1685).

(7b) Theo A.2089. Riêng LTTK chép tên là Đỗ Công Giản, tức Đỗ Đề, người xã Hương Ngãi, huyện Thạch Thất, tiến sĩ đồng khoa với Lê Chí Tuấn.

(8a) A.1189 và A.2089 "Cơ quận công".

(8b) A.1189 và LTTK: "Thiếu bảo".

(8c) A.6: "Lê Thì Hái".

(9a) A.1189; A.2089: "Đại tư khổng".

10. Tháng năm, thăng Nguyễn Hy Quang[10a] [được vào hạng] tiến triều[10b].

11. Thi khoa Hoành từ, lấy đỗ bọn Lê Phan, 19 người.

12. Tháng sáu, Hoàng thái hậu Phạm Thị mất, được ban tên thụy là Đoan Thuần (Hoàng thái hậu là mẹ đẻ [vua Lê] Huyền Tông).

13. Mùa thu tháng tám. Ra lệnh cho thủ thần[13a] hai xứ Tuyên Quang, Hưng Hóa chiêu tập dân xiêu giạt ở hai châu Văn Bàn và Thủy Vĩ.

14. Mùa đông, tháng mười một[14a] cho Ngô Sách Tuân[14b] làm Thái thường tự khanh[14c]. Sách Tuân từ Cao Bằng được triệu về. Chúa nghĩ rằng Sách Tuân ở đất biên giới đã lâu, nhiều lần lập được chiến công, nên đặc cách ban từ chức Tham chính lên [chức này], rồi lại sai ra trấn.

15. Bấy giờ việc khảo xét thành tích các quan trong kinh ngoài trấn làm rất nghiêm. Ai có thành tích cao về chính sự tất được thăng trật cao, được điều trấn nhậm ở những nơi nhiều việc và phức tạp. Ai vào hạng kém thì bị truất giáng, không ai có thể lọt được.

16. Tham chính Sơn Nam là Tống Nho (người Tiên Mộc, Nông Cống[16a]), Tham chính Thái Nguyên là Nguyễn Trí Trung (người xã Lực Điền, huyện Đường An[16b]), Phủ doãn Nguyễn Đăng Tuân (người xã Hoài Bão, huyện Tiên Du[16c]), Giám sát Vũ Duy Trí[16d] đều bị liệt vào hạng kém, bị biếm xuống không cho làm nhiệm vụ cũ. Tham chính Kinh Bắc là Phạm Quang Trạch[16d] vì khảo xét thành tích các quan trong kinh không thích đáng, bị biếm xuống làm Đô cấp **(tờ 13b)** sự. Tư

[9b] A.1183 và A.2089: "Yên quận công Trịnh ốc"; LTTK: "Yên quận công Trịnh Liễu". Năm 1664 Trịnh Ốc được bổ dụng chức Bắc quân đô đốc phủ Tả đo đốc thự phủ sự Thiếu phó Điện quận công. CM (XXXIII, 13) chép "Yên quận công Trịnh Ốc" là sai. Yên quận công là tước của Trịnh Liễu. Nên biết Phạm Công Trứ cũng có tước là Yên quận công (viết như chữ Yên).

[10a] A.1189: "Quang Huy"; A.6: "Ân Quang".

[10b] LTTK còn thêm: "lên chức Công khoa cấp sự trung tấn phong Hiền phương bá".

[13a] Thú thần: bề tôi có nhiệm vụ trấn giữ ở biên cương hoặc đồn ải quan trọng.

[14a] A.1189; A.2089: "tháng mười".

[14b] A.6 chép nhầm: "Ngô Sùng Tuân".

[14c] A.1210 chép ngược là: "Thái thường khanh tự".

[16a] [16b] [16c] Theo A.2089.

[16d] A.1189: "Vũ Duy"; A.6; A.2089: "Vũ Duy Dương".

[16d] A.1189: "Phạm Quang".

huấn[16e] Nguyễn Quang Thọ (người Quảng Bá, huyện Quảng Đức[16g]) vào hạng kém, bị truất, vì xin suy ân, nên lại bị biếm xuống Tư nghị là chức thuộc viên trong hàng văn. Do đó các sĩ đại phu đều lấy việc giữ gìn phong cách tiết tháo để tự cổ lệ mình. Việc thỉnh thác cầu cạnh không còn. [Việc làm này] được khen là trong sáng.

Nhâm Thân(*), [Chính Hòa] năm thứ 13 (1692) (Thanh, Khang Hy thứ 31)

1. Mùa xuân, tháng giêng, mồng một là ngày Tân Hợi [17- II -1692] nhật thực.

2. Tháng ba, Ngô Sách Tuân sai phiên thần là Bế Công Quỳnh[2a] dụ dỗ viên quan ở Long Châu [Trung Quốc] bắt được Ngụy Hán dường công Mạc Kính Chư[2b], Ngụy Đô đốc Đinh Công Định[2c] và đồ đảng của chúng, đưa về kinh sư, giết đi. [Triều đình] luận công thăng Sách Tuân làm Hữu thị lang bộ Công. Giám hộ Lê Bật Huân, Nguyễn Công Ban đều được thăng Giám sát ngự sử, được tiến triều. Công Quỳnh được ban tước Quận công.

3. Mùa hạ, tháng sáu, cho Vũ Công Đạo làm Hữu thị lang bộ Lại[3a].

4. Định phép thuyên bổ của bộ Lại. Chín năm có một kỳ thuyên chuyển lớn. Về bổ thì tùy những nơi khuyết mà mỗi năm làm một lần. Tại chức lấy 6 năm làm hạn[4a]. Các chức tân tá ở các doanh[4b], [đợi] kỳ thuyên chuyển lớn [mới] nhận lệnh chỉ thi hành.

5. Thái bảo về hưu là Đồng Tồn Trạch chết, [truy] tặng Thượng thư bộ Lại, tước Nghĩa quận công. Tồn Trạch (tờ 14a) từ chỗ bị loại, lại được dùng, phong thái lại càng cao. Cầm quyền chính trong chín năm mà trong nhà không chứa của thừa. Được người ta khen là thanh liêm (Tồn Trạch là người xã Triền Lương huyện Chí Linh).

(16e) A. 1210: "tư hình". *Tư huấn:* chức quan ở quán Chiêu Văn hay cục Tú Lâm, hàm bát phẩm, thuộc viện Hàn lâm (theo CM).

(16g) Theo A.2089.

(*)A.1210 chép "Nhâm Dần"

(2a) *Bế Công Quỳnh:* Thổ ty ở Cao Bằng (CM q.XXXIV, 30).

(2b) LTTK: "Mạc Trí Kính".

(2c) A.1189 và LTTK: "Đinh Công Tiệp".

(3a) A.6: "Hữu thị lang bộ Hộ".

(4a) Nghĩa là viên quan nào đã thực sự giữ chức vụ nào đủ 6 năm thì thuyên chuyển cho viên khác tới thay.

(4b) *Tân tá:* Viên chức thừa hành ở các doanh.

6. Bồi tụng Đô ngự sử Thọ ngạn tử Nguyễn Công Vọng chết, truy tặng Thượng thư bộ Hộ.

7. Tham tụng Thượng thư bộ Hình là Mai sơn nam Nguyễn Viết Thứ chết, [truy] tặng Thượng thư bộ Lại. Công Vọng, khi bàn luận sáng suốt, hăng hái, nói thẳng, không né tránh. Viết Thứ nắm giữ phép nước, không tư vị, hay tiến dẫn người [hiền]. [Cả hai] đều là danh thần đương thời (Công Vọng người xã Vịnh Kiều, huyện Đông Ngàn; Viết Thứ người xã Sơn Đồng, huyện Đan Phượng).

8. Mùa thu, tháng bảy, Tham chính sơn nam Lê Nho Công[8a] khi khảo xét thành tích đứng vào bậc thượng khảo, được thăng chức Thiêm đô ngự sử.

9. Mùa đông tháng mười hai[9a], cho Nguyễn Quán Nho làm Đô ngự sử, Lê Hy làm Tả thị lang bộ Lại.

Quý Dậu, [Chính Hòa] năm thứ 14 (1693) (Thanh, Khang Hy thứ 32)

1. Mùa hạ, tháng sáu, thi môn từ mệnh cho các quan văn. Lấy trúng cách bốn người: Nguyễn Công Đỗng (người Đồng Khê, huyện Thanh Lâm[1a]) Vũ Thanh, Hà Tông Mục, Nguyễn Hành (người Huê Cầu, huyện Văn Giang[1b]).

2. Khôi phục thể văn đời Hồng Đức. Từ Trung hưng đến nay những người học hành, chuyên chuộng [tầm] chương [trích] cú, văn chương ngày càng thấp kém và dở. Bài trường thiên đến chỗ trực đoạn tất dùng một câu "khai giảng". Để chiếu ứng toàn đoạn thì đặt chữ "nhiên" [nhưng] ở đầu gọi là "quá tiếp thể" (thể chuyển tiếp) cứ nhắm mắt (tờ 14b) mà viết thẳng ra, cho nên thực ra không có cấu tứ gì. Thi, phú, tứ lục đều rập theo thể văn cũ, không ngại trùng lặp. Đến đây mới ra lệnh chấn chỉnh lại: Từ nay phép thi nhất nhất dùng[2a] thể văn đời Hồng Đức[2b]. Lúc làm bài văn thì tùy câu hỏi, cốt dùng ý mình nghĩ mà viết ra, hơi văn hồn nhiên, không được viết trầm theo lời văn cũ [đã thuộc].

[8a] A.6: "Tham chính Sơn Tây là Đinh Nho Công".

[9a] A.1189; A.2089; A.6: "tháng mười".

[1a] [1b] Theo A.2089.

[2a] A.1189; A.2089: "nhất nhất tuân theo".

[2b] *Thể văn đời Hồng Đức:* Về kinh nghĩa, tuỳ ý dùng chữ, cốt phát huy nghĩa trong sách; về tứ lục, vừa dùng sử cổ vừa dùng thời sự; về phú, hoặc dùng thể ty tao, hoặc dùng thể văn tuyển; về thơ không câu nệ ngũ ngôn hay thất ngôn đều dùng xen cả diễn trong sử, truyện

3. Bọn Tham tụng Nguyễn Danh Thực[3a] dâng khải nói: Nhân tài là do trường học mà ra. Các triều đại được nhiều nhân tài đều do giáo dục bồi dưỡng đã có nếp sẵn. Ngày nay Quốc tử giám nên đặt quan kiêm nhiệm[3b], nên lựa chọn các Tế tửu, Tư nghiệp, và Giáo thụ ngũ kinh học chánh, cho họ ở tại nhà Giám để ngày thường hướng dẫn học tập, khiến [việc đào tạo] nhân tài có được thành tựu, cung cấp người cho nhà nước dùng. Chúa nghe theo.

4. Cho Nguyễn Tiến Tài làm Đô ngự sử; Trần Thọ làm Phó đô ngự sử.

5. Tham tụng Thượng thư bộ Binh Nguyễn Danh Thực chết, tặng Thượng thư bộ Lại tước Hải quận công[5a].

6. Mùa đông, tháng mười hai[6a], định phép khảo xét thành tích các thuộc lại, chia làm bốn hạng: hạng thanh liêm chuyên cần[6b]; hạng lười biếng; hạng bình thường; hạng tham lam giảo quyệt. [Định thể lệ] thăng, giáng[6c], lưu, đuổi đi (trục)[6d] có khác nhau. Cứ 3 năm một lần khảo xét, vĩnh viễn đặt làm lệ thường.

7. Cho Thượng thư bộ Binh **(tờ 15a)** Nguyễn Quán Nho; Thượng thư bộ Hình Lê Hy đều làm Tham tụng[7a].

Giáp Tuất, [Chính Hòa] năm thứ 15 (1694) (Thanh, Khang Hy thứ 33)

1. Mùa xuân, tháng giêng. Mưa đá.

2. Mùa hạ, tháng năm, dân ấp Đa Giá Thượng có tội, bị triệt hạ. Ấp này ở vào vùng núi hiểm trở, hẻo lánh, có nhiều hang đá. [Dân ấp] cùng nhau lập giao ước riêng; đặt tuần phiên, giết khách qua đường, quăng xác xuống hang rồi chia nhau của cải của họ, việc ấy kéo dài hơn 20 năm, trở thành mối nguy hại cho việc giao thông. Đến nay quan cai trị mới phát giác ra việc này. [Triều đình] sai Thạc quận công Lê Thì Hải đi tra xét, bắt được 290 tên ác nghịch, bêu đầu 52 tên đầu sỏ gian ác. Số còn lại

---

hoặc sách ngoài cùng các cành vật khác. Theo Ngô Thì Sĩ thì thể văn trên không phải người học hỏi rộng rãi thì không thể làm được.

(3a) CM: "Nguyễn Văn Thực".

(3b) A.1189: "nên đặt quan viên".

(5a) A.6: "Hải quốc công".

(6a) A.1189; A.6: "tháng mười".

(6b) LTTK "liêm năng" tức là thanh liêm và có năng lực.

(6c) A.1139; A.2089 và LTTK: "thăng sung, thoái sung" nghĩa là thăng lên hay giáng xuống nhưng bổ sung vào chức gì đó.

(6d) A.1189; A.2089: "nhưng lưu".

(7a) Đoạn này (7) A.1189; A.2089 đặt lên trên đoạn (6).

đều chặt ngón tay, đầy viễn châu. Xoá bỏ tên xã. Xã Đa Giá, thuộc huyện Gia Viễn[2a].

3. Nhắc rõ lại điều lệ về việc khám xét các vụ kiện tụng.

4. Quy định mới về phép khảo xét thành tích: (các nha môn trong kinh ngoài trấn, nha môn nào ở chỗ phiền nhiệm[4a] mà án kiện ít và giản, lại khi xử kiện không phải phúc đi xét lại, thì được liệt vào hạng thượng khảo).

5. Mùa thu, tháng bảy. Biếm chức Tả thị lang bộ Lại Nguyễn Danh Nho[5a] làm Hữu thị lang bộ Hình; Hữu thị lang bộ Lại Ngô Sách Tuân làm Tham chính Lạng Sơn. Bấy giờ Danh Nho làm việc thuyên chuyển các chức quan, có người nói rằng **(tờ 15b)** thuyên bổ không đúng tài năng và bàn xét chưa được hoà hợp. Sách Tuân thì tư vị cho hai người học trò của mình. Việc giao xuống triều đình xét bàn. [Cả hai] đều bị giáng chức. Còn Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Đình Trụ[5b] không biết xét kỹ, thẩm tra lại để bác, nên bị giáng làm Hiệu thảo. [Do việc này] truy đoạt giấy "cáo thân"[5c] do bộ Lại trao cho 24 người. Sách Tuân lại tố cáo rằng Tham tụng Lê Hy, khi ở bộ Lại có tư vị cho con mình là Lê Thuyên và học trò là Tô Hinh[5d], lại cùng Bồi tụng Nguyễn Quý Đức ngầm làm việc cầu cạnh gửi gắm. Việc đó đưa xuống các quan văn võ xét bàn, những lời của [Sách Tuân] đều không đúng sự thực, nên [Sách Tuân] lại bị giáng xuống làm Đô cấp sự.

6. Cho Nguyễn Quý Đức làm Tả thị lang bộ Lại; Nguyễn Đăng Đạo làm Hữu thị lang bộ Lại[6a].

7. Ra lệnh cho các quan châu, quan huyện làm sổ địa giới [cùng các xã]. Phàm địa giới bốn bể, núi sông, khe suối, ruộng đất, miếu đền, đường sá, bến đò, chợ đều phải kê khai ghi chép hết cả, gọi là Tu trí bạ.

(2a) A.1189 chép nhầm là "Gia Định".

(4a) *Phiền nhiệm:* nơi nhiều việc và phức tạp, trái với giản nhiệm, nơi ít việc và đơn giản.

(5a) *Nguyễn Danh Nho:* Nguyễn Danh Nho này là người xã Nghĩa Phú huyện Cẩm Giàng (nay thuộc Hải Dương), tiến sĩ Khoa Canh Tuất (1670) (LTTK).

(5b) A.6 chép: "Lại bộ cấp sự trung Nguyễn Đình Hoàn". *Nguyễn Đình Trụ:* người xã Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì hội nguyên tiến sĩ khoa Bính Thân (1656).

(5c) *Cáo thân:* Giấy cấp cho người được tuyển bổ tức là sắc mệnh và giấy khám hợp.

(5d) A.1189: "Tô Thanh".

(6a) Theo A.2089.

8. Các huyện ở trấn Sơn Nam, Hải Dương mất mùa[8a]. [Triều đình] sai quan chia nhau đi xem xét sự thiệt hại, tha thuế nhiều ít có khác nhau.

9. Mùa đông tháng mười, chúa đến nhà Thái Học, yết Tiên thánh[9a], thân làm thơ ca tụng đạo đức thánh nhân, khắc vào bia dựng ở cửa nhà Thái Học.

10.(tờ 16a) Thi Hội các cống cử lấy trúng cách 5 người. Thi Đình. Cho Ngô Công Trạc[10a] (người xã Lý Trai, huyện Đông Thành[10b]) đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ất Hợi, [Chính Hoà] năm thứ 16 (1695) (Thanh, Khang Hy thứ 34).

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa vì thấy Thanh Hoá bị lụt, mất mùa bèn phát ra một vạn tiền công [trong kho] phủ An Trường[1a] sai trấn quan chia cấp cho dân dinh đắp đê. Lại ra lệnh cho [bề tôi] tham khảo châm chước chính sách cứu hoang, giảm hộ phần, nhẹ việc xây dựng để dân được vui lòng.

2. Tháng ba, cho Nguyễn Thế Bá làm Thiêm đô ngự sử.

3. Mùa hạ, tháng sáu, không mưa. Chúa trai giới cầu đảo ở trong cung. Tối hôm ấy, trời mưa.

4. Mùa thu, tháng bảy, ngày Mậu Dần [18, tức 28 - VIII - 1695] sao Chổi hiện ở phương Đông.

5. Mùa đông, tháng mười, ra ơn cho ban võ; cho Trịnh Du, Trịnh Quyên, Trịnh Liễu đều làm Thái phó. Trịnh Quán[5a], Trịnh Liễu đều làm Thái bảo. Ngoài ra, mọi người khác đều được thăng chức cao thấp có khác nhau.

6. Tháng mười một[6a] cho Nguyễn Quý Đức làm Đô ngự sử, Ngô Hải[6b] làm Phó đô ngự sử. Bấy giờ Đài quan[6c] là Nguyễn Tiến Tài[6d],

---

[8a] Nguyên văn: "bất thục": (lúa) không chín.

A.2089; A. 1189 chép: "Hoà cốc tổn thất": lúa mùa bị thiệt hại. A.6: "bất phong": không được mùa.

[9a] *Tiên thánh*: Khổng Tử.

[10a] A.1210: "Công Diệu".

[10b] Theo A.2089.

[1a] *An Trường*: ở xã An Trường (nay thuộc huyện Thiệu Hoá, Thanh Hoá) trước có hành tại vua Lê, nên có kho công.

[5a] A.2089: "Trịnh Luân"; A.6 thêm: "Trịnh Nông"; LTTK lại chép khác: "Trịnh Luân, Trịnh Quyền và Trịnh Liễu Thái phó; Trịnh Du và Trịnh Liêu Thái bảo".

[6a] A.2089: "tháng mười hai".

Trần Thọ xử kiện có nhiều việc không thoả đáng, đều bị biếm chức, nên cho bọn Quý Đức thay.

7. Tháng mười hai, cất nhắc Lê Thì Liêu, trấn thủ Sơn Tây **(tờ 16b)** lên làm Đô đốc. Bấy giờ Liêu cai trị ở trấn dẹp được trộm cướp, tắt những việc tranh giành. Chúa cho là xứng đáng với chức vụ, bèn đặc cách thăng chức này để biểu dương.

Bính Tý, [Chính Hoà] năm thứ 17 (1696) (Thanh, Khang Hy thứ 35)

1. Mùa xuân tháng hai, tướng dồn giữ châu Bố Chính là Hữu đô đốc Hàn quận công Ngô Phúc Đang[1a] chết, Thiếu bảo Phúc Đang coi quân nghiêm túc, khí giới tinh bén. Do tổ phụ có chiến công nên nhiều đời được làm tướng. Đến nay [dòng họ] có rất nhiều người chức quan võ cầm quân ở trong ban. [Họ Ngô] cùng với họ Vũ ở xã Hà Hoàng đều là tướng con dòng của huyện Thạch Hà. Phúc Đang người xã Trảo Nha huyện Thạch Hà[1b].

2. Tháng ba, khảo xét các bậc kỳ cựu có tài (kỳ tuấn) trong nước ở nhà Quốc học, lấy bọn Trần Xuân Vũ, 10 người.

3. Bấy giờ Hiệu thảo Nguyễn Đình Trụ[3a] bị biếm trích đã lâu, nhân sống nhàn [mở trường] dạy dỗ kẻ hậu tiến, [trong số đó] có nhiều người làm nên, học trò có tới hàng nghìn. Được học giả đương thời suy tôn (Đình Trụ người xã Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì).

4. Mùa thu, tháng bảy, định lại lệnh cấm người trong nước học đạo Hoa Lang[4a]

5. Tháng tám, biếm Tham tụng Thượng thư bộ Binh Nguyễn Quán Nho xuống Tả thị lang bộ Binh. Sau đó lại cho làm Đô ngự sử. Quán Nho là người giản dị[5a]. Bấy giờ sắp có việc khảo xét thành tích các quan trong kinh ngoài trấn, chúa cho mời Quán Nho và **(tờ 17a)** Lê Hy dự bàn các

---

(6b) A.1210; A.2089: "Ngô Thuyên".
(6c) *Đài quan:* quan ở đại Ngự sử. A.6: "Đình Thẩn".
(6d) A.2089: "Nguyễn Đình Tài".
(1a) A.6: "Ngô Phúc Mân".
(1b) A.2089; A. 1189 và LTTK chép: "Phúc Đang người Trảo Nha, huyện Thạch Hà, danh vọng của nhà ngang với họ Vũ ở xã Hà Hoàng cùng huyện". Xã Trảo Nha về sau thuộc huyện Thiên (hoặc Can) Lộc.
(3a) A.6 chép nhầm là: "Nguyễn Đình Quế", "trụ" và "quế" tự dạng giống nhau.
(4a) Chỉ đạo Thiên chúa do người Âu (bấy giờ ta quen gọi là Hoa Lang) truyền sang nước ta.
(5a) A.1189 chép: "vi chính giản dị" tức là: làm việc chính sự có phong cách giản dị.

vấn đề, và răn nếu làm tiết lộ sẽ bị tội. Quán Nho ngẫu nhiên ngồi nói chuyện cùng Đặng Đình Tướng, bất giác hơi lộ ý của vấn đề[5b], Thái giám Ngô Phan Lân vốn không ưa Quán Nho, lập tức vào triều đem sự việc tâu lên chúa. Chúa rất giận, sai biếm [Quán Nho] xuống làm Tả thị lang bộ Binh. Hôm sau chợt việc Đô ngự sử Nguyễn Quý Đức bị tội phải giáng chức, lại đổi lệnh cho Quán Nho làm chức [Ngự sử].

6. Biếm Đô ngự sử Nguyễn Quý Đức làm Tả thị lang bộ Binh. Quý Đức khi giữ chức Bồi tụng, con em có kẻ nhận hối lộ của người di kiện, Quý Đức phát giác ra đã đem giải dến và tự trình bày. Nhưng dình nghị cho rằng Quý Đức xử kiện không thoả dáng, và trình bày tang vật không dúng thực số, nên biếm xuống ba cấp.

7. Bồi tụng Đoàn Tuấn Khoa có con ăn hối lộ bị phát giác. Biếm Tuấn Khoa xuống Đô cấp sự trung; con Khoa bị tội đồ.

8. Tháng chín, Triều Phúc[8a] làm vua Ai Lao. Triều Phúc là dòng dõi Ai Lao, người cha gặp nạn, trốn chạy vào động Sơn Vị[8b]. Động Sơn Vị ở huyện Hội Nguyên (thuộc Thanh Hóa) ở được vài năm. Đến nay vua Ai Lao mất, người trong nước hỏi thăm biết được chỗ ở của Triều Phúc báo cho quan lang của huyện ấy là bọn Cầm Át, Cầm Đương xin (tờ 17b) đưa về nước...[8c].

9. [Bắt đầu] chia sai các quan văn võ phúc khám tử tụng. Trước đây, các vụ kiện từ khi kêu lên đến đài Ngự sử thì lâm thời sai quan đi phúc khám. Việc xong thì thôi. Đến nay vì đơn kiện ngày càng nhiều mới bắt đầu chia ra làm ba tích[9a] sai quan văn võ tra khám (về sau phủ liêu trong năm phủ có chức quan thiêm sai là bắt đầu từ đấy).

10.Mùa đông, tháng mười, thi Hương sĩ tử các xứ. Ra lệnh cho các quan viên chấm thi (thí viện) phải phúc hạch trước, phân loại các thí sinh tứ trường do hai ty[10a] khảo hạch, định rõ được hỏng rồi mới cho vào trường thi. Trường Thanh, Nghệ, Sơn Tây và Phụng Thiên [thí sinh bị] đánh hỏng rất nhiều, [do đó] quan hai ty và quan Phủ Doãn đều bị biếm,

---

(5b) CM lại cho rằng: Quán Nho và Lê Hy được Trịnh Cãn triệu vào phủ dể nghĩ dề bài thi và dặn "chớ tiết lộ cho người ngoài biết". Quán Nho ngồi chơi nói chuyện với Đặng Đình Tướng, vô tình hơi lộ ý dầu bài thi...

(8a) A.1189 và LTTK: "Phúc Triều" là nhầm.

(8b) A.6: "động Sơn Hải".

(8c) Từ trang này dến cuốn sách, những chỗ... là lược bỏ một vài dòng.

(9a) *Tích:* Thuật ngữ hành chính xưa cũng như nhóm, tốp.

(10a) Hai ty: Ty Thừa (bố) và Ty Hiến (án).

các quan huyện vì làm không đúng sự thực cũng bị giáng chức, bãi chức rất nhiều.

11. Tháng mười hai, Hộ khoa đô cấp sự trung Ngô Sách Tuân bị tội chết. Bãi chức Phó đô ngự sử Ngô Hải(11a). Trước đó, Sách Tuân làm Giám thị trường Thanh Hoa, đến yết kiến Tham tụng Lê Hy. Hy nói quyển thi của các con mình đều dùng giấy Thanh Hoá, Tuân ghi nhớ lời dặn. Kịp đến trường đệ tứ **(tờ 18a)** quyển văn của con Hy không trúng cách. Sách Tuân tự nghĩ mình trước đây có hiềm khích với Lê Hy, muốn nhân dịp này giả ơn để dẹp nỗi oán giận cũ, bèn đưa riêng [quyển thi của con Hy] cho khảo quan phê lại, lấy trúng cách. Để điệu Ngô Hải(11b) biết rõ việc này nhưng thề sẽ giấu kín cho. [Đến khi] Tham chính [Thanh Hoa] Phan Tự Cường(11c) phát giác, việc đưa xuống các quan văn võ bàn xét. Sách Tuân bị khép vào tội giảo [thắt cổ chết]. Ngô Hải vì không biết giữ chính sự phải bãi chức; phúc khảo, giám khảo đều bị phạt. Thăng Tự Cường lên chức Thiêm đô ngự sử.

Đinh Sửu, [Chính Hoà] năm thứ 18 (1697) (Thanh, Khang Hy thứ 36)

1. Mùa xuân, tháng giêng, sai Chánh sứ Nguyễn Đăng Đạo, Nguyễn Thế Bá(1a), Phó sứ Đặng Đình Tướng, Nguyễn Đình Hiền(1b) sang Thanh tuế công.

2. Tháng ba, ngày mồng 1 là ngày Tân Tỵ(1c) [24 - IV - 1697] nhật thực.

3. Mùa thu tháng bảy, Bồi tụng hữu thị lang Nguyễn Đình Tài chết, tặng Tả thị lang (Tài người xã Nhân Thành, huyện Thanh Chương. Đăng Khoa lục chép là Tiến Tài(2a)).

(11a) A.1210; A.6: "Ngô Thuyên".

(11b) A.1210; A.6 chép nhầm là: "Ngô Thuyên".

Ngô Hải: Người xã Đường Hào, huyện Đường Hào 27 tuổi tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1664) cùng khoa với Lê Hy.

(11c) *Phan Tự Cường:* Người xã Võng La, huyện Yên Lãng, 35 tuổi tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1667).

(1a) *Nguyễn Thế Bá:* tên cũ là Ngô Chung, người xã Cẩm Chương, huyện Đông Ngàn, tiến sĩ khoa Bính Thìn (1697).

(1b) A.6: "Đặng Đình Hiền"; CM: "Nhữ Tiền Hiền"; A.2089; A.1189: *"Nhữ Đình Hiền"* đúng hơn.

(1c) Sách chép nhầm là "Tân Dậu".

(2a) Theo A.2089.

4. Mùa thu tháng chín[3a], Bồi tụng tả thị lang Nguyễn Đình Sách chết, tặng Thượng thư bộ Công (Sách người xã Văn Trung, huyện Bạch Hạc[3b]).

5. Mùa đông, tháng mười một[4a], bọn Lê Hy dâng bộ *Quốc sử tục biên thực lục*. Đầu niên hiệu Cảnh Trị (1663), sai Tể thần Phạm Công Trứ biên soạn sử **(tờ 18b)** từ Lê Trang Tông đến Lê Thần Tông (1533 - 1662) nhưng việc khắc in chưa xong. Chúa lại sai Lê Hy, Nguyễn Quý Đức biên soạn từ Lê Huyền Tông (1663 - 1671) đến Lê Gia Tông (1672 - 1675) gồm những sự thực trong 13 năm cũng gọi là Tục biên[4b]. Đến đây sách đã hoàn thành đem dâng lên, [chúa] bèn sai khắc in luôn để ban hành[4c].

6. Mùa đông tháng mười, thi Hội các công cử trong nước, lấy đỗ bọn Nguyễn Quyền (người xã cổ Linh, huyện Gia Lâm[5a]) 10 người.

7. Thi Đình. Cho Nguyễn Quyền, Nguyễn Trù (người phường Đông Các, huyện Thọ Xương[6b]) tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp), bọn Phạm Quang Huân (người xã Hoàng Xá, huyện Đông Quan[6c]) 8 người đồng tiến sĩ xuất thân.

8. Thiêm đô ngự sử Phan Tự Cường (người xã Võng La, huyện Yên Lãng[7a]) vì già ốm, từ chức, sai Bồi tụng Vũ Thạnh tạm giữ quyền Thiêm đô ngự sử.

9. Tháng mười hai thi Sĩ vọng, lấy đỗ bọn Lương Ngụ 19 người.

Mậu Dần [Chính Hoà] năm thứ 19 (1698) (Thanh, Khang Hy thứ 37)

1. Mùa xuân tháng giêng, đêm Bính Thân [20, tức 2 - III - 1698] mưa đá.

(3a) A.1189; A.2089: "tháng tám".

(3b) Theo A 2089.

(4a) A.2089: "tháng mười".

(4b) *Tục biên:* tức là *Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên* q.XIX trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*. Phần của Phạm Công Trứ cũng mang tên ấy, tức là q.XVI đến q.XVII trong bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*.

(4c) Hiện nay chúng ta còn một bản *Đại Việt sử ký toàn thư* kể từ ngoại kỷ trở đi cho đến năm 1675 (gồm Ngoại kỷ 5 quyển, Bản kỷ 19 quyển) khắc in vào năm 1697, quen gọi là bản Chính Hoà. Như thế có nghĩa là triều đình sau đó cho khắc in không phải chỉ có phần tục biên mà là toàn bộ.

(5a) Theo A.2089.

(6b) (6c) (7a) Theo A.2089.

2. Trấn thủ Nghệ An là thái phó Yên quận công Trịnh Liễu[2a] chết. Liễu là tằng tôn (chắt) của Hậu trạch công Đặng Đình Huấn[2b] và là con Doanh quận công Đặng Thế Tài, lấy Quận chúa chị của chúa Trịnh [Căn], được ban họ Trịnh. Liễu là người khiêm nhường, cung kính, khoan hậu, thận trọng, kín đáo. Cai trị ở trấn 24 năm, biên cương vô sự. Chết năm 68 tuổi, được tặng **(tờ 19a)** Thái tể, truy phong phúc thần, [Liễu] có 14 người con[2c] trong đó Tiến Lân (Gia quận công), Tiến Tướng (Ứng quận công), Tiến sở (Lại quận công), Tiến Luân[2d] (Bộc quận công), Đình Trứ[2d] đều làm quan to, phúc lộc dồi dào, ít ai sánh kịp.

3. Tháng hai, cho Luân quận công Trịnh Huyên làm Trấn thủ Nghệ An.

4. Cấm đánh bạc. Bấy giờ trong nước vô sự, quan dân nhiều người thích đánh hốt lú[4a] (sách Hậu Hán thư chép Lương Ký hay chơi hốt lú (ý tiền). (Cách chơi này là lấy 4 đồng tiền làm lệ, giấu vào [tay] rồi xia ra, là thế) hơi lơ là với chức nghiệp. Bèn sai quan Đề lĩnh đi giám sát và cho người lạ tố cáo, phát giác. Những nhà chứa chấp và những người đánh bạc đều bị phạt, [tiền phạt nhẹ] nặng tuỳ theo ngôi thứ và phẩm trật.

5. Bãi miễn quan tước của Thái phó[5a] Toàn quận công Trịnh Quyền. Quyền là con thứ của Quốc tể Lương [Mục] Công[5b] [Đặng Thế Tài] được chúa thương yêu. Trước kia, vì còn niên thiếu, [Quyền] kiêu ngông, mỗi khi vào chầu hầu thì dàn quân chỉnh đốn hàng ngũ mà đi, lại hay ức hiếp cướp đoạt của cải của dân thường. Việc bị phát giác, [chúa] tước mất sáu trăm lính là bộ hạ của Quyền và cắt một nửa bổng lộc. Đến đây bị người thiếp đem việc kín vu cáo, gây chuyện. Chúa cả giận, tước hết quan tước của Quyền, cho tống ngục để trị tội. [Quyền] không chịu

---

(2a) *Trịnh Liễu:* vốn tên là Đặng Tiến Thự, lúc được phong tước và mang họ Trịnh mới 15 tuổi (1644) (theo LTHCLC, Nhân vật chí, q.X).

(2b) *Đặng Đình Huấn:* tức Đàng Huấn, người làng Lương Xá, huyện Chương Đức (nay thuộc Hà Sơn Bình) từng làm tham quan cho Mạc, năm 1549 theo Lê.

(2c) LTHCLC: "17 người con".

(2d) A.1189 và A.2089: "Đình Lân, Đình Tướng, Đình Sở, Đình Luân".

(2d) A.1210 và A.6: "Tiến Trứ".

(4a) *Hốt lú:* dịch chữ "ý tiền", tên một trò đánh bạc cũng gọi là "phán thán", còn gọi là "than tiền". Cách chơi như sau: trong bàn đánh bạc để một chiếc hộp chia thành 4 cửa: 1; 2; 3; 4, muốn đánh cửa nào thì đặt tiền vào cửa ấy. Xong rồi, người cầm cái đổ số tiền đã đựng trong hộp ra đếm, cứ xia 4 đồng tiền làm một đơn vị. Cuối cùng xem số lẻ còn lại bao nhiêu. Số lẻ này là 2 thì người đánh ở cửa số 2 được, là 3 thì người ở cửa số 3 được v. v... (theo *Từ hải*).

(5a) A.1189 và A.6: "Thái bảo".

(5b) A.2089 và A. 1189: "Lương Mục Công".

phục. Tiết chế Tấn quốc công [Trịnh Bính] xin tha cho Quyền để đưa về nuôi dạy. Chúa ưng cho. Quyền được ở trong phủ **(tờ 19b)**, được an ủi, thương yêu đến điều, lại được cùng ăn. Người đời đều khen ngợi lòng hữu ái của [Tấn quốc công].

6. Mùa hạ, tháng sáu[6a], đoàn sứ thần Nguyễn Đăng Đạo về đến kinh đô. Trước kia, ba động Ngưu Dương, Hồ Điệp, Phổ Viên thuộc châu ở Tuyên quang bị thổ quan Vân Nam nhà Thanh xâm chiếm. Trấn thủ Trịnh Huyên thường đem quân vào cõi đất Khai Hoá[6b] trình bày [với triều đình] đầy đủ nguyên nhân việc xâm chiếm[6c].

Chúa sai bàn tính để tranh biện đòi lại[6d] [ba động]. Tể thần Nguyễn Danh Thực xin đợi đến kỳ tuế cống sẽ làm tờ phụ tấu. Danh Nho đã sang [trình bày] nhưng việc không xong. Kịp khi đoàn Đăng Đạo sang cống, [triều đình] lại sai cầm thư đi. Khi đã đến Yên Kinh, vua Thanh sắp sai đại thần đi khám xét [việc ấy], chợt tuần phủ Vân Nam vào chầu dâng bản đồ. [Vua Thanh] bèn cho với bọn Đăng Đạo và bề tôi nội các, phủ[6d], viện cùng nhau biện luận, nhưng việc chưa quyết định thì vua Thanh nghe lời tấu của bề tôi, sai làm tờ tư sang ta, từ chối việc ấy. Tờ tư bên bộ nhà Thanh [gửi sang ta] trước khi sứ thần ta trở về. Chúa sai viết thư sang lại tranh biện [việc này]. Tuần phủ Quảng Tây cấm các quan ở Long [Châu], Bằng [Tường] không được thông báo việc này. Khi Đăng Đạo trở về, chúa lại sai gửi thư đệ sang, nhưng [nhà Thanh] cũng không chịu nhận. Do đó việc nghị bàn về đất ba động ấy mới ngừng lại.

[6a] A.2089; A.1189: "tháng tư"; A.6: "tháng năm".

[6b] *Khai Hoá*: bản trực chép nhầm là Quan Hoá. Câu này ý nghĩa có sự mâu thuẫn, nếu đã đem quân vào Khai Hoá, tức là vào đất Trung Quốc, đó là việc mà một biên thần không dám tự tiện. Chúng tôi cho là có chép sót chữ (xem chú thích dưới).

[6c] Câu này bản trực và A.2089; A.1210 chép là: "cụ liệt xâm chiếm chi nhân", nghĩa là: trình bày đủ nguyên nhân xâm chiếm. A.1189 và LTTK: "cụ liệt xâm chiếm chi đồ": trình bày đầy đủ bản đồ đất đai bị xâm chiếm. Còn A.6 và CM thì: "cụ liệt xâm chiếm chi trạng": trình bày đầy đủ tình trạng bị xâm chiếm. Theo chúng tôi thì câu này cùng với câu trên là một mệnh đề, đại khái là: Trấn thủ Trịnh Huyên thường đem việc quân Khai Hoá vào cõi [nước ta] trình bày [với triều đình] đầy đủ nguyên nhân xâm chiếm. Dịch như câu văn của LTTK (NXBKHXH, Hà Nội, 1975, Tr.154) tuy có ra ngoài chữ nghĩa, nhưng lại là đạt. Như sau: Trịnh Huyên thường trình bày việc thổ quan nhà Thanh đem quân vào bờ cõi [nước ta] và Huyên đã vẽ cả bản đồ chỗ đất bị xâm chiếm để dâng lên".

[6d] Bản trực là "biên phục"; A.1189 chép nhầm là: "biện báo"; chữ "phục" và chữ "báo" tự dạng gần giống nhau.

7. Mùa thu, tháng bảy, cho Lê Hy làm Thượng thư bộ Binh, tước bá. Biếm truất Hoàng (tờ 20a) Công Chí[7a] xuống làm Hữu thị lang bộ Lễ. Khi Công Chí làm ở bộ Lại, có kẻ tố cáo Chí tư vị con của thầy học là Hồ Lại. Lại là con Hồ Sĩ Dương do chân Tự thừa, khi mãn nhiệm được thiên bổ lên chức Viên ngoại lang bộ Hình. Người tố cáo phát giác việc ám muội của Lại[7b], Chí thực ra không biết đến. Hy đem việc này tâu lên, Chí bèn chịu tội biếm.

8. [Mùa đông] tháng mười hai, Bồi tụng hồng lô tự khanh Vũ Thạnh bị bãi chức. Thạnh giữ chức Nội tán[8a]. Tiết chế phủ chúa là Trịnh Bính thường hỏi Thạnh về việc công ở bên ngoài, Thạnh đem việc nội cung thỉnh thác về việc từ tụng ra nói. Tiết chế nói lại với chúa. Chúa [Trịnh Căn] vặn hỏi người ấy là ai, có ý muốn răn giới trừng trị. Nhưng Thạnh không dám trả lời. Chúa cả giận sai đưa xuống cho đình thần xét bàn. [Đình thần] cho là Thạnh nói xấu, bèn bãi chức, Thạnh về ở nhà thu nhận học trò giảng dạy[8b]. Kẻ đến học có tới hàng nghìn, có nhiều người sau này trở thành danh thần.

9. Cho Nhữ Đình Hiền làm quyền Phó đô ngự sử[9a], Nguyễn Công Đồng quyền Thiêm đô ngự sử[9b]. Cho Nguyễn Quý Đức làm Tả thị lang bộ Lại, Nguyễn Danh Nho làm Hữu thị lang.

Kỷ Mão, [Chính Hòa], năm thứ 20 (1699) (Thanh, Khang Hy thứ 38)

1. Mùa xuân tháng hai, ngày Ất Mão [15, tức 16 - III - 1699] Hoàng trưởng tử Duy Tường sinh[1a].

2. Mùa hạ tháng tư, ra lệnh thi hành (tờ 20b) hai điều trong *Thiện chính*[2a], tuyên bố trong ngoài đều biết:

Một là răn các nhà quyền quí về sự gửi gắm việc từ tụng, áp bức lấn át quan Hữu ty (người giữ việc xử kiện).

(7a) A.1189: "Công Khoan, Công Chí"; A.6: "Công Khoan" LTTK; "Công Trí (có chỗ chép là Công Khoan". Đúng ra là Công Trí, người xã Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi, tiến sĩ khoa Canh Tuất 1670.

(7b) Viên ngoại lang phải có hàm tùng lục phẩm, còn Tự thừa mới có hàm Chính thất phẩm.

(8a) *Nội tán:* tức Tư giảng, chức quan coi việc giảng nghĩa, phường Hào Nam bên hồ Bảy Mẫu (Hà Nội).

(9a) Bản A.6; "Nhữ Đình Giám".

(9b) Bản A.1210: "Nguyễn Công Đồng làm Thiêm đô ngự sử".

(1a) A.2089; A.1189; A.1210; A.6: "Hoàng trưởng tôn Duy Tường".

(2a) Có lẽ chỉ sách *Quốc triều chiếu lệnh thiện chính*, sách ghi những điều luật, chiếu lệnh của triều Lê, A.6: "thi hành hai điều đức chính".

Hai là cho quan Phủ doãn và quan hai ty[2b] xét kỹ các thuộc viên quan xem ai hay ai dở, rồi tâu trình sự thực đưa lên để làm chu đáo việc thăng hay giáng chức.

3. Sai Hà Tông Mục và Nguyễn Hành[3a] đi kinh lược miền tây[3b]. Bấy giờ [quân] châu Tiểu Trấn Yên[3c] nhiều lần quấy nhiễu vùng đất châu Bảo Lạc, thuộc Tuyên Quang. Lính trấn giữ ở đó không thể chế ngự nổi. [Triều đình] bèn sai bọn Tông Mục đi. Tông Mục, Nguyễn Hành gửi thư cho Sầm Trì Phượng[3d] đem lý lẽ sự việc ra hiểu dụ, Sầm liền đáp thư tỏ ý hổ thẹn và tạ lỗi, xin rút quân về. Dân nơi biên giới lại được yên ổn như cũ.

Khi về, chúa khen là có năng lực, bèn cất Tông Mục lên chức Tự khanh; Hành làm Đô cấp sự trung.

4. Biếm Thái bộc tự khanh[4a] Nguyễn Công Đồng xuống làm Hộ khoa cấp sự trung[4b]. Công Đồng không chịu giữ [mình, vướng vào] những cái lặt vặt, đi vay nợ để kiện người. Khi quan phúc khám luận tội đáng biếm chức, chúa ưng thuận, nhưng không khiển trách gì nhiều, vẫn dùng như cũ.

5. Tháng sáu, sai Trấn thủ Sơn Tây Lê Thì Liêu làm Trấn thủ Hải Dương. Cho Gia quận công Trịnh Lân thay làm Trấn thủ Sơn Tây.

6. Mùa thu tháng chín[6a], Bồi tụng hữu thị lang Nguyễn Danh Nho (tờ 21a) chết, truy tặng Tả thị lang.

Canh Thìn, [Chính Hòa], năm thứ 21 (1700) (Thanh, Khang Hy thứ 39)

1. Mùa xuân, tháng giêng, mồng 1, ngày Ất Mùi[1a] [19 - II - 1700] nhật thực.

2. Tháng hai, thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ bọn Nguyện Hiệu 19 người (Hiệu, người xã Lan Khê, huyện Nông Cống). [Trước đó]

(2b) *Hai ty:* ty Thừa và ty Hiến; A.2089; "quan ba ty".
(3a) A.1189: "Nguyễn Duy Hành".
(3b) CM: "kinh lý biên giới đất Tuyên Quang".
(3c) *Tiểu Trấn Yên:* tên châu của Trung Quốc, trước là một động, đời Minh thuộc phủ Tư Minh; đời Thanh lại thuộc phủ Trấn Yên. A.2089; A.1189; A.6: "châu Trấn Yên".
(3d) A.1189: "Sầm Sa Phượng".
(4a) A.2089 "Thái thường tự khanh".
(4b) A.6: "Hộ bộ Đô cấp sự trung".
(6a) A.2089; A.1189: "tháng tám".
(1a) A.1210 chép "Kỷ Mùi" là sai.

chúa thường nằm mộng thấy người Lan Khê đỗ đầu, bèn đem chuyện ấy nói với Tổ thần Lệ Hy. [Nay] quả ứng nghiệm.

3. Mùa hạ, tháng tư, Sầm Trì Phượng sai Tổng quân Diệp Chi Quế đến cung khuyết dâng ngựa, [chúa] hậu thưởng rồi cho về.

4. Tháng năm. Vua Lê ban sắc dụ cho viên Tiết chế phủ [Trịnh Bính] và các quần thần văn võ, đại khái nói: "Vương phụ[4a] phía nam dẹp giặc Nguyễn, phía bắc trừ họ Mạc, công đức to lớn khó có thể nói hết. Vậy đình thần họp bàn, nên tôn thêm bốn chữ hiệu để thỏa lòng trẫm". Chúa khiêm tốn từ chối không nhận[4b].

5. Thi Đình. Cho Nguyễn Đình Ức đỗ [đệ nhất giáp] tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (thám hoa)[5a] (Ức người Nguyệt Áng, huyện Thanh Trì, 15 tuổi đỗ Sĩ vọng và thi Hương, khoa này đỗ vào lúc 25 tuổi, làm quan đến Tham chính, [dòng dõi] nhiều đời khoa mục. Ghi rõ ở Đăng khoa lục)[5b] bọn Tạ Đăng Huân (người Đại Phùng huyện Đan Phượng[5c]) ba người đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp); bọn Trần Toàn (người Nghĩa Đô, huyện Từ Liêm[5d]) 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

6. Lệnh cho Bồi tụng tả thị lang bộ Binh Trần Thế Vinh[6a] vào hầu ở tòa Kinh diên.

7. Tháng sáu, Phó đô tướng thái phó Phái quận công Trịnh Luân[7a] chết, truy tặng Đại tư không.

8. Lạc Hòn[8a] là bộ lạc thuộc Ai Lao dấy quân đánh Ai Lao nhưng không thắng, quân lính **(tờ 21b)** bị trúng tên chết rất nhiều. Họ gửi thư cho Đốc suất (Nghệ An) Trịnh Huyên xin vào cống và xin bắt xà bồn[8b] đem về để Ai Lao lập xà khắc và đóng góp thuế quý[8c]. Chúa vời các đại

---

(4a) *Vương phụ:* chỉ Trịnh Căn.

(4b) Nguyên văn bản trục "Vương khiêm thụ bất từ" nghĩa là chúa khiêm tốn nhận mà không từ chối, chúng tôi thấy không hợp lý, mà các bản A.1210, A.1189 đều chép: "Vương từ bất thụ" nghĩa là chúa từ chối không nhận. Tham khảo cả mấy bản, chúng tôi dịch là: "chúa khiêm tốn từ chối không nhận".

(5a) Bản A.1189 chép: "Đệ nhị giáp tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh" (bảng nhãn). Đối chiếu với *Đăng khoa lục* thì đúng như bản trục.

(5b) (5c) (5d) Theo A.2089.

(6a) A.1189: "Nguyễn Thế Vinh".

(7a) A.1189: "Trịnh Du".

(8a) *Lạc Hòn:* bộ lạc ở thượng du phía tây nam tỉnh Nghệ An. Từ đời Lê khi xin phụ thuộc với ta, khi phụ thuộc Xiêm không nhất định. Đời Nguyễn lại theo ta. Năm Minh Mệnh đặt là phủ Lạc Biên, về sau lại theo Xiêm. Nay là tỉnh Cam Môn (Lào).

(8b) *Xà bổn:* Tiếng Lào chỉ tù trưởng, cũng gọi là "xà". Xà bổn ở đây là chỉ vào Triều Phúc.

(8c) *Thuế quý:* Thuế đánh vào từng suất đinh, tức thuế đinh.

thần họp bàn, [mọi người] cho rằng Trấn Ninh là đất thần thuộc đã lâu, cống thuế không để thiếu. Và lại danh phận các tù trưởng ngang nhau, triều đình không nên [có thái độ] trọng bên này, ghét bên kia. Nhân đó hạ lệnh cho Trịnh Huyên theo ý của triều đình mà dụ bảo sứ giả của họ là không ưng giúp.

Lạc Hòn có quân chúng đông ước hơn ba nghìn người, không sắp thành đội ngũ gì cả, họ ở tản mát làm việc canh tác. Họ thấy ở thành Mang Chăn[8d] có quân áo đen, ngờ rằng [Triều Phúc] được triều đình ta viện cho nên rất lo sợ.

Mùa thu năm ấy[8d] [Lạc Hòn] lại xin được hòa giải với Triều Khúc và xin dâng voi. Trịnh Huyên dịch thư của họ gửi lên. Chúa ra lệnh hãy yên ủi họ.

Bọn Triều Phúc đánh Lạc Hòn thua chạy, quân đuổi theo bao vây nhưng không hạ được. (Phong tục người Man gọi tù trưởng của mình là "xà").

9. Mùa đông, tháng mười, cho Tư huấn Đỗ Công Bật (người Thượng Tôn, huyện Gia Lâm[9a]), Trần Phú Dực (người Bảo Triện, huyện Gia Định[9b]), Tư nghị Nguyễn Quang Trù (người xã Yên Lãng, huyện Yên Lãng[9c]) làm Giám sát ngự sử các đạo. Bọn Công Bật chịu tội biếm suốt mười năm không được điều chỉnh, đến đây [Chúa] xét thấy có sự lầm lẫn, lại cho bổ dụng.

10. Biếm Phó đốc thị Nghệ An Nguyễn Danh Dự làm Hiến sát sứ An Quảng. Danh Dự cùng Đốc thị[10a] **(tờ 22a)** Trần Đình Gián[10b] không ưa nhau. [Dự] tố cáo các Đốc suất Trịnh Huyên rằng Gián ăn hối lộ, bẻ cong phép nước, Huyên đem việc đó tâu lên. Triều đình họp bàn đều ghét Dự, theo luật cùng là đồng liêu mà không hòa thuận nhau, nên biếm truất Danh Dự, còn Đình Gián thì bị phạt vì tội không biết răn dạy tôi tớ trong nhà, người nhận của dút thì bị tội chặt ngón chân[10c].

[8d] *Mang Chăn:* CM dựa vào hai chữ "Trấn Ninh" cho Mang Chăn thuộc đất Trấn Ninh. Theo chúng tôi, Triều Phúc là dòng vua Ai Lao, mà kinh đô Ai Lao từ lâu là Viêng Chăn Mang Chăn hay Mường Chăn chính là Viêng Chăn.

[8d] A.1189: "mùa thu năm trước" (khứ thu).

[9a] [9b] [9c] Đều theo A.2089.

[10a] A.2089: "Đốc thị Nghệ An".

[10b] A.2089: "Trần Tiến Gián"; A.6: "Trần Thì Gián".

[10c] A.6; A.1189; A.2089. "ngoại hình" (hình phạt chặt chân).

Tân Tỵ, [Chính Hòa], năm thứ 22 (1701) (Thanh, Khang Hy thứ 40)

1. Mùa hạ, tháng tư. Cho Thạc quận công Lê Thì Hài làm Trấn thủ Kinh Bắc.

2. Thổ quan châu Tư Lãng nhà Thanh là Vi Vĩnh Diệu đem quân xâm chiếm ruộng của dân ở châu Lộc Bình (thuộc phủ Trường Khánh, xứ Lạng Sơn[2a]), (rồi lại lui về bản châu[2b]). [Chúa] hạ·lệnh cho quan phòng thủ ở cửa ải là Vi Phúc Vĩnh phải đốc suất dân cày cấy ở địa hạt trong châu; khi lúa chín phải canh phòng cẩn mật hơn, đừng để cho [người nước ngoài] vượt biên vào gặt tranh mất lúa mà thôi, chứ không động binh càn để gây hấn khích ở biên giới.

Ngày Giáp Dần[2c] sao Chổi xuất hiện ở địa phận sao Dực sao Chẩn.

3. Trịnh Du có tội, bị bãi chức. Bấy giờ có Nguyễn Công Minh[3a] vì là kẻ gian tà, nịnh hót nên bị tội. Thế mà Du riêng cùng hắn giao du, lại ngợi khen ngụy Mạc, chê bai chính sự đương thời. Việc ấy bị quan ở Ngự sử đài dàn hặc, nên bị bãi chức.

(Tờ 22b) Nhâm Ngọ, [Chính Hòa], năm thứ 23 (1702) (Thanh, Khang Hy thứ 41)

1. Mùa xuân tháng giêng, vì Thanh Hóa mất mùa, lúc đó lại có việc đắp đê, [triều đình] xuất tiền trong kho một vạn, sai quan Tham trấn đem một nửa cấp cho dân mất mùa, một nửa cấp cho dân phu đắp đê. Ít lâu lại cho mở kho thóc ở trấn để chẩn cấp cho dân đói. Tha thuế hộ phần, thuế bài biểu[1a] và các thứ thuế khác.

2. Mùa thu tháng bảy, Tham tụng Thượng thư bộ Binh Lại sơn bá Lê Hy chết, Lê Hy năm 19 tuổi đỗ tiến sĩ (có vâng mệnh đi sứ[2a]). Giữa chừng bị phế bỏ, mấy năm sống nhàn tản, làm nhà ở Hồ Tây, lấy thơ văn mua vui. Khi đã được khai phục rất được chúa chú ý, tin yêu. Cầm quyền chính trong mười năm, tham gia họp bàn nơi màn trướng, không lời nào

---

(2a) Theo A.2089.

(2b) Theo A.6.

(2c) Tháng tư năm Tân Tỵ không có ngày Giáp Dần. Nếu sử đúng là ngày Giáp Dần thì phải sang tháng năm tức là ngày 28 - V [3 - VIII - 1701].

(3a) A.6: "Nguyễn Công Vũ". A. 1189 và LTTK: "Nguyễn Công Triều". Công Triều theo LTTK có lẽ là Triều Triều người xã Nam Nguyễn, huyện Phúc Lộc, đỗ tiến sĩ.

(1a) *Thuế bài biểu:* theo LTHCLC thiên "Quốc dụng chí" thì đó là thứ thuế mà hàng năm nhân dân phải đóng góp để làm lễ vật nộp lên vào những ngày lễ, ngày tết nhất, sinh nhật, mừng thọ vua chúa.

(2a) Theo A.1189.

là không được [chúa] nghe theo, từ triều đình tới nơi đồng nội, ai nấy đều sợ ông là người nghiêm nghị. Nhưng tính tình hơi giảo quyệt, nham hiểm, từng kiếm chuyện làm cho Công Chí[2b] bị truất chức, lại đem chuyện dặn dò riêng tư để đến nỗi Sách Tuân phải chết[2c]. Vậy mà không bị công luận kết [tội]. Đến đây chết, hưởng thọ 57[2d] tuổi, truy tặng Thượng thư bộ Lại, tước Lai quận công (Hy người Thạch Khê[2d], huyện Đông Sơn).

3. Khôi phục Nguyễn Quán Nho làm Thượng thư bộ Binh. [Trước kia] Quán Nho ở địa vị đứng đầu trăm quan bị Lê Hy ghen ghét đưa xuống làm Đài trưởng[3a] 7 năm, đến đây mới được khôi phục chức cũ.

4. Tháng bảy nhuận, sai Chánh sứ Hà Tông Mục, Nguyễn Hành, phó sứ Nguyễn Công Đồng (tờ 23a), Nguyễn Đương Bao[4a] (người Tây Mỗ, huyện Từ Liêm)[4b] sang Thanh tuế cống.

5. Mùa đông, tháng mười hai[5a], thái úy Tấn quốc công Trịnh Bính ở phủ Dực Quốc qua đời, truy phong Tham tể thượng tướng công, ban thụy là Minh Khánh[5b].

Quý Mùi, [Chính Hòa] năm thứ 24 (1703) (Thanh, Khang Hy thứ 42)

1. Mùa xuân, tháng giêng, tiến phong tằng tôn (chắt) của chúa là Phó đô tướng Phổ quận công[1a] Trịnh Cương[1b] làm Khâm sai tiết độ sứ các xứ thủy bộ chư doanh kiêm tổng chấp chính[1c] thái úy An quốc công, mở phủ Lý Quốc. Bấy giờ ở phủ chúa việc lập người nối nghiệp chưa quyết định, chúa bèn vời Nguyễn Quý Đức vào hỏi. Quý Đức đáp rằng: "Việc giữ nước, vỗ về dân là trách nhiệm nặng nề, nên cho thuộc về tằng tôn (chắt) là giòng đích, điển lệ đã rõ rằng như vậy. Xin hãy

---

(2b) A.1189: "Công Khonn".

(2c) Sách Tuân lúc ấy làm Giám thị, theo lời dặn dò của Lê Hy, lấy lại quyển thi của con Hy vốn đã bị đánh hỏng, để con Hy được trúng cách. Việc bị lộ, Sách Tuân bị tội thắt cổ chết. Xem thêm năm 1696, điều 11.

(2d) A.1189: "thọ 80 tuổi".

(2d) A.6: "Hà Khê".

(3a) *Đài trưởng*: người đứng đầu dài Ngự sử. A.1210: "đài quan": quan ở đài Ngự sử

(4a) A.6: "Nguyễn Đương Khởi".

(4b) Theo A.2089.

(5a) A.6: "tháng mười".

(5b) A.6: "Minh Quảng".

(1a) A.6: "Phổ quốc công".

(1b) A.1189 và LTTK: "Trịnh Chù". Chù là một tên khác của Trịnh Cương.

(1c) A.1 189: "tổng cơ chính"; A.6; A.1210; A.2089: tổng chính cơ.

sớm định rõ danh phận để chấm dứt sự ngấp nghé, dòm nom". Chúa lại hỏi Đặng Đình Tướng, Đình Tướng cũng trả lời như vậy. Do đó ý chúa mới quyết định.

2. Tiết chế phủ [chúa][2a] bấy giờ mới 18 tuổi, thông minh, sáng suốt, ham học hỏi. Khi đã được nối ngôi chính phủ[2b], quần thần đều bằng lòng.

3. [Năm ấy] hạn hán, đói kém. [Triều đình] sai quan chia đi các đạo để điều tra, họp bàn thi hành chính sách nới rộng và chẩn tuất cho dân.

4. Tham chính Sơn Nam Nguyễn Đăng Long bị bãi chức. Bấy giờ [Triều đình] phúc thẩm lại các án kiện tụng các quan trong kinh, ngoài trấn. Nguyễn **(tờ 23b)** Đăng Long (người phường Công Bộ, huyện Quảng Đức[4a]) bắt bớ, đòi hỏi, sách nhiễu quá lạm, làm việc lại tầm thường, nên [chúa] bãi chức.

5. Sai Đề lĩnh[5a] Quế quận công Nguyễn Đức Uyên kiêm Trấn thủ Lạng Sơn. Quan ở kinh đô từ xa kiêm lãnh nhiệm vụ ngoài trấn, là bắt đầu từ đấy.

6. Vì Thanh Hóa gặp năm đói kém, tha cho các lệ thuế về thuế quý[6a] năm nay.

7. Xuất tiền trong kho nội phủ chẩn cấp cho dân đói ở kinh đô.

8. Mùa hạ, tháng tư. Lễ khoa cấp sự trung Nguyễn Hưng Công[8a] có tội. bị đày (Hưng Công người làng Tiến Thành, huyện Đông Thành[8b]). Hưng Công trước kia làm Hiến sát Thanh Hoa, vì hà khắc tham nhũng, làm cho dân chúng bàn luận xôn xao. Đến đây bị thuộc lại tố cáo, nên bị khép vào tội đồ.

9. Tháng sáu, hạ lệnh cho các nhà giàu bán thóc ra theo giá nhà nước. [Tùy theo] lượng [thóc bán] mà được trao chức phẩm cao thấp có khác nhau (giá thóc: cứ bốn bát trị giá 1 tiền).

10. Mùa đông, tháng mười. Thi Hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Nguyễn Trí Cung (người Sơn Đồng, Đan Phượng[10a]) 6 người.

(2a) Chỉ Trịnh Cương.
(2b) Tức lên ngôi chúa.
(4a) Theo A.2089.
(5a) A.1189: "đề đề", chắc là chép nhầm.
(6a) Tức thuế đinh.
(8a) A.1189: "Nguyễn Quốc Công".
(8b) (10a) Theo A.2089. *Nguyễn Quang Luân:* bấy giờ nổi tiếng là thần đồng. Về sau đổi tên là Công Luân. *Nguyễn Quang Nhuận:* về sau đổi tên là Huy Nhuận.

11. Tháng mười hai, thi Đình. Ban cho Nguyễn Quang Luân (người xã Lý Hải, huyện Yên Lãng[11a]) đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp), bọn Nguyễn Quang Nhuận (người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm[11b]) 5 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

12. Thi Sĩ vọng, lấy đỗ bọn Phạm Đình Chung[12a] 20 người.

Giáp Thân [Chính Hòa], năm thứ 25 (1704) (Thanh, Khang Hy thứ 43)

1. Mùa xuân, tháng hai. Trấn thủ Sơn Nam Thiếu bảo[1a] quận công Lê Đình Kiên chết. Đình Kiên làm Nội thị trong **(tờ 24a)** cung cấm, nhiều lần theo [chúa] đi chinh phạt, có công lao, ở trấn trước sau đến 40 năm. Làm việc chính sự chuộng nghiêm khắc, cứng rắn, [vì vậy] trộm cướp nằm im không dám hoạt động. Kiên nổi tiếng về cai trị. Đến đây chết, 82 tuổi, truy tặng Thái bảo[1b], truy phong là phúc thần.

2. Tháng ba. Thái bảo Hằng quận công[2a] Trịnh Luân, Đĩnh quận công Trịnh Phất[2b], cùng Đề quốc Quỳnh quận công Đào Quang Nhai[2c], Trịnh lộc hầu Lê Thì Đường[2d], Hân thọ hầu Nguyễn Quang Phụ mưu làm phản, đều bị giết. Trước kia, con trưởng của chúa Trịnh là Quốc tể Lương mục công Trịnh Vinh chưa kịp mở phủ đã chết sớm, cho con thứ là Chưởng tể công Trịnh Bách lên thay, mở phủ Lý Chính[2d] [Sau] Bách lại chết, nhân đó cho con của Quốc tể công[2e] là Tấn quốc công Trịnh Bính được kế tự, mở phủ Dực Quốc. Kịp khi Tấn quốc công qua đời, Luân và Phất tự cho mình là con của Chưởng tể công[2g], âm mưu toan tính những chuyện không có hy vọng. Đến đây, chúa cho người chắt thuộc dòng đích (Trịnh Chù) được tiến phong Tiết chế. Bọn Luân bèn ngầm kết đảng thân, âm mưu làm việc trái phép. Hiệu thảo Nguyễn Công Cơ dò xét được tình trạng, bèn tâu lên. [Chúa] giao xuống cho quan lại trừng

---

(11a) (11b) Theo A.2089. *Nguyễn Quang Luân:* bấy giờ nổi tiếng là thần đồng. Về sau đổi tên là Công Luân. *Nguyễn Quang Nhuận:* về sau đổi tên là Huy Nhuận.
(12a) A.2089; A.1189: "Nguyễn Đình Huyền". A.1210; A.6: "Phạm Đình Huyền".
(1a) Theo A.2089.
(1b) A.2089: "Thái phó".
(2a) A.6: "Hoàn quận công".
(2b) A.2089: "Trịnh Bạt".
(2c) A.2089: "Quỳ quận công Đào Quang"; A.6: "Trịnh Chu Nhài"; Cương mục: "Đào Quang Giai".
(2d) A.6: "Lê Thì Hải".
(2d) A.2089; A.1189; A.6: "Lý Quốc" là sai. Lý Quốc là tên phủ của Trịnh Cương.
(2e) Tức Trịnh Vinh.
(2g) Tức Trịnh Bách.

trị, bọn chúng đều bị khép vào pháp luật. Cất nhắc Công Cơ lên làm Hữu thị lang bộ Công.

3. Mùa thu, tháng tám, cho Nguyễn Mại làm (tờ 24b) Đốc trấn Cao Bằng.

4. Mùa đông, tháng mười hai. Cho Nhữ Đình Hiền làm phó đô ngự sử.

Ất Dậu, [Chính Hòa], năm thứ 26 (1705) từ tháng tư trở đi là năm Vĩnh Thịnh thứ nhất đời Dụ Tông. Thanh, (Khang Hy thứ 44)

1. Mùa xuân, tháng ba. Trấn thủ Nghệ An Luân quận công Trịnh Huyên chết.

Huyên vốn là dòng dõi Bản quốc công Lê Bách, con trưởng của vua Anh Tông, được ban họ Trịnh. [Huyên] là người trầm mặc, cương nghị, có mưu lược, cầm quân nghiêm túc, đã cai trị ở sáu trấn, đều được tiếng tốt. Được truy tặng Thái phó(1a).

2. Tháng ba nhuận. Sai Bồi tụng Đặng Đình Tướng làm trấn thủ Sơn Nam. Từ khi Đình Kiên mất, đã từ lâu triều đình khó tìm được người thay thế. Chúa thấy Đình Tướng là người có tâm cơ, biết việc binh, bèn đổi Tướng từ Tả thị lang sang Đô đốc, cho ra trấn thủ ở ngoài, ban tước Quận công. Đình Tướng là người giản dị, rộng rãi, ôn hòa nên dân cũng được yên(2a).

3. Mùa hạ, tháng tư. [Vua Lê] ban chiếu truyền ngôi cho Hoàng thái tử Duy Tường. Thái tử lên ngôi hoàng đế, đại xá, đổi niên hiệu là Vĩnh Thịnh, tôn vua làm Thái thượng hoàng, đặt ngày sinh nhật làm Xuân minh thánh tiết(3a). Tha hai phần mười thuế vụ hạ năm nay cho cả nước, [những thuế] từ năm Quí Mùi (1703) trở về trước còn thiếu thì đều tha cả. Cho phép lưu dân Thanh, Nghệ và dân tứ trấn (tờ 25a) được phép đến cửa khuyết trình bày tình trạng. [Sau khi] điều tra xem số người còn ở lại và số người phiêu tán nhiều ít ra sao sẽ liệu tha phú thuế và sai dịch.

4. Tháng sáu, ra tờ sức răn hiệu quan ở các huyện khi phúc hạch học trò, hễ người nào thực đỗ rồi thì nên yết bảng ngay, đừng để người ta mơ hồ về việc đỗ hay hỏng, đến nỗi đua nhau chạy vạy cầu cạnh, [làm thế] để phép khảo khóa được công minh.

(1a) A. 1210; A. 2089; A. 1189; A. 6: "Thiếu phó".
(2a) A. 6: "dân đều cho là tiện lợi".
(3a) A. 1189: "Thanh minh thánh tiết".

5. Bấy giờ vì Thanh, Nghệ luôn năm mất mùa đói kém, lính phần nhiều trốn và thiếu không bổ sung được. Chúa sai phụ thần[5a] họp bàn về việc đối xử khoan hòa hay cứng rắn. Bọn tham tụng Nguyễn Quán Nho cho rằng dân tình[5b] ai cũng tránh nặng cầu nhẹ, nơi phiêu tán thì ương bướng, nơi giàu có thì che giấu. Nếu thảy đều giảm ngạch thì chỉ làm lợi rộng rãi cho hương thôn, nếu thảy đều cho hoãn kỳ hạn thì họ sẽ đua nhau kêu là nghèo khổ. Nay xin ra lệnh cho những nơi có lính trốn, đặt trách nhiệm cho các viên thổ mục cùng lính ở kinh phải dẫn người đến thế [những lính trốn], nếu không thay thế được thì ủy cho trấn quan đòi bắt. Xin đình chỉ ngay cái lệ cho Binh phiên bắt bớ để giảm phiền phí. Nếu có nơi nào thực sự nghèo khổ thì cho trấn quan mật tâu lên, đợi lệnh chỉ sẽ thi hành. Chúa nghe theo.

[5a]) A. 1189: "dình thần".

[5b] Bản trục và A. 6 chép là "bình tình", chúng tôi theo A. 1189 và A. 2089 chép: "dân tình", đúng hơn.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ TỤC BIÊN

QUYỂN XXI

(tờ 1b)

DỤ TÔNG HÒA HOÀNG ĐẾ

1. (Húy là Duy Đường, con trưởng của Hy Tông[1a]) (được nhường ngôi từ tháng tư năm Ất Dậu, Chính Hòa thứ 26 (1705), đổi niên hiệu là Vĩnh Thịnh[1b]) ở ngôi 26 năm, nhường ngôi được một năm, mất ở điện Trường Thọ, thọ 53 tuổi, táng ở lăng Cố Đô (nay dời đến Kim Thạch, Lôi Dương[1c]).

2. Bấy giờ [vua] thừa hưởng cơ nghiệp thái bình, không xảy binh đao, trong nước vô sự, triều đình làm được nhiều việc, pháp độ rất đầy đủ, kỷ cương thi hành tốt, hết các phương xa đến nạp khoản, thượng quốc[2a] trả lại đất, đáng gọi là đời cực thịnh. Vua khoanh tay rủ áo ngồi ở trên, không khó nhọc mà đâu ra đấy. Nói đến đời Thịnh trị tất phải quy về nhà vua.

Bính Tuất, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 2 (1706) (Thanh, Khang Hy thứ 45)

1. Mùa xuân, tháng ba. Thi Hội các cử nhân, lấy hợp cách bọn Đỗ Công Đĩnh (người xã Thượng Tôn, huyện Gia Lâm) 5 người[1a].

(1*) A.6: "Huý là Duy Hy, con trưởng vua Huy Tông" là sai.

(1b) Theo A.1189.

(1c) Theo A.6.

(2a) Chỉ Trung Quốc.

(1a) Theo A.2089; A.6: "Đỗ Đình Đĩnh".

2. Mùa hạ, tháng năm. Thi Đình, ban cho bọn [5 người] Phạm Quang Dung[2a] (người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm[2b]) đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

3. Trước kia Ai Lao bị [bộ lạc] Lạc Hòn bức bách, thường phải khổ vì sự xâm lấn bạo ngược. Khi Triều Phúc[3a] đã[3b] về Mang Chăn[3c] thành lũy hoang tàn, nhà cửa đổ nát, **(tờ 2a)** quân lính lệ thuộc "xà" chỉ còn hơn 700, khi có việc gì mới trưng binh. Lúc bình thường chỉ có năm, ba dân đinh hầu hạ hộ vệ. Các thứ khí giới dự bị không đầy đủ, khi giặc đến thì trốn chạy bất thường...

Đinh Hợi, [Vĩnh Thịnh] năm thứ 3 (1707) (Thanh, Khang Hy thứ 46)

1. Mùa xuân, tháng giêng, định rõ tội trốn lính.

2. Tháng hai, định lại phép khảo công các quan trong kinh ngoài trấn (chuẩn định rằng người nào ba lần khảo được ở thượng hạng thì thăng chức hai bậc; hai lần thượng hạng một lần trung hạng, thăng một bậc. [Cả hai loại] đều được thưởng 50 quan tiền. Người nào năm đầu vào thượng hạng, năm sau vào trung hạng năm sau nữa vào hạ hạng, là loại trung bình, được điều vào nơi giản nhiệm[2a]. Người nào hai lần vào hạ hạng, một lần vào trung hạng, thì giáng chức hai bậc (hai lần vào trung hạng, một lần vào hạ hạng thì giáng chức một bậc[2b]). Trong ba năm đã khảo đủ theo thể lệ thượng, trung, hạ rồi thì dùng phép trên làm chuẩn để cân nhắc thăng, hay giáng.

Định điều lệnh về việc tăng, tuất đối với người chết.Các tướng sĩ chết trận: cai đội, đội trưởng được truy tặng chức Hiệu điểm và cấp ruộng. Còn binh lính[2c] thì được cấp ruộng và miễn việc quan dịch cho con của họ.

(2a) LTTK: "Phạm Quang Khách".

(2b) Theo A.2089.

(3a) A.1189: "Phúc Triều".

(3b) Bản trục chép chữ "ký" ra chữ.

(3c) Xem lại chú thích (8d), năm 1696.

(2a) Giảm nhiệm: tức là nơi công việc nhẹ nhàng ít bận rộn.

(2b) Theo A.2089 và A.1189.

(2c) Theo A.1210.

Tháng ba. Cho Tả thị lang bộ Công Hoàng Công Chí làm Tả thị lang bộ Hình[3a]; (tờ 2b) Tự khanh Trương Công Giai[3b] (người xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm[3c]) làm Hữu thị lang bộ Công.

Mùa hạ, tháng tư. Cho Tả thị lang bộ[4a] Hình Trần Đình Gián[4b], Nguyễn Đương Bảo (người xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm[4c]) làm Thiêm sai bồi tụng.

Tháng sáu, cho Khánh quận công Trần Công Hoàn làm Trấn thủ Sơn Tây; Điển quận công Đặng Đình Thuyên làm trấn thủ Tuyên Quang - Hưng [Hóa][5a].

3. Mùa thu, tháng chín[6a], mồng 1, là ngày Ất Sửu[6b] có nhật thực.

4. Ban định niên hạn ân tuất rộng rãi cho lưu dân. Những người phiêu tán được miễn phú thuế và sai dịch trong 5 năm. Người nào thấy sống trong cảnh nghèo khổ được tạm tha thuế hộ phần trong ba năm.

5. Bấy giờ các vụ kiện ở dài Ngự sử có nhiều đơn chống án xin khiếu nại. [Triều đình] bèn sai các quan văn võ chia làm hai tích (nhóm) mà xét hỏi. Giao cho bọn Bồi tụng Nguyễn Thế Bá, Hoàng Công Chí[8a], Đề đốc Đặng Đình Thuyên, Đinh Văn Vĩ, 8 người làm việc này.

6. Mùa đông, tháng mười, hạ lệnh cho hai ty[9a] cử những viên huyện lệnh thuộc dưới quyền mình xem ai có thể làm nổi nhiệm vụ Chánh và Tá nhị trong một phủ thì cho phép cùng với người đề cử đến [kinh đô] để xét duyệt lại và thuyên bổ.

7. Tháng mười hai. Tham tụng thượng thư bộ Lễ tri trung thư giám Hương giang bá Nguyễn Quán Nho, 70 tuổi xin trí sĩ. Chúa ưng thuận.

[3a] A.6: "cho Hữu thị lang bộ Công Hoàng Công Khoan làm Hữu thị lang bộ Hình".

[3b] A.6: "Nguyễn Công Giai".

[3c] Theo A.2089.

[4a] A.6: "Thị lang bộ Binh"; A.2089: "Hữu thị lang bộ Hình".

[4b] A.2089: "Trần Tiến Gián".

[4c] Theo A.2089.

[5a] A.1189; A.6: "Tuyên Quang".

[6a] A.2089; A.6: "tháng bảy".

[6b] Cả tháng bảy lẫn tháng chín, ngày mồng 1, đều không phải là ngày Ất Sửu. Tháng bảy ngày mồng 1 là ngày Tân Hợi [29 - VII - 1707] đến 15 mới là Ất Sửu. Tháng Chín mồng 1 là ngày Canh Tuất [26 - IX - 1707] đến 16 mới là Ất Sửu.

[8a] A.6 toàn chép Hoàng Công Chí ra Hoàng Công Khoan.

[9a] *Hai ty*: ty Thừa chính và Hiến sát.

Quán Nho người làng Vãn Hà[10a], huyện Thụy Nguyên, kế chân Lê Hy lên cầm quyền chính chỉ cốt nắm giữ đại thể, theo dường khoan dung trung hậu. Người trong nước **(tờ 3a)** có đặt lời hát rằng:

Tham tụng Vãn Hà,

Bách tính âu ca,

Thượng thư Lê Hy, thiên hạ sầu bi[10b].

[Quán Nho] về hưu được một năm thì mất, truy tặng Thượng thư bộ Lại, tước Quận công (Nho đi thi Đình được ban đồng tiến sĩ dệ nhất[10c]) .

Mậu Tý, [Vĩnh Thịnh] năm thứ 4 (1708) (Thanh, Khang Hy thứ 47)

1. Cho Nguyễn Quý Đức làm Thượng thư bộ Hình, tước Tham tụng[1a].

2. Mùa thu tháng tám[2a]. Sức lại cho quan ở hai ty Thừa chính, Trấn thủ[2b] đốc thúc việc đắp đê, tùy theo địa thế mà bồi đắp sửa chữa để ngăn nước lụt, làm lợi cho nông dân.

3. Tháng chín. Cấm phụ đạo ở các phiên trấn không được tự tiện đến kinh đô giao du với các nhà quyền quí, [giữ chức] trọng yếu. Khi có đại lễ, vào chầu không được xem quá 4 người, lưu lại không quá 20 ngày.

Kỷ Sửu, [Vĩnh Thịnh] năm thứ 5 (1709) (Thanh, Khang Hy thứ 48)

1. Mùa xuân tháng giêng. Sai Trần Đình Gián, Lê Kha Tông[1a] (người xã Trân Tào, huyện Gia Lâm[1b]), Đào Quốc Hiến[1c], Nguyễn Danh Dự sang Thanh.

2. Mùa hạ tháng năm, ngày Mậu Tý[2a]. Đại nguyên soái tổng quốc chính thượng thánh phụ sư thịnh công nhân minh uy đức Định vương [Trịnh Căn] chết, hưởng thọ 77 tuổi, truy phong là Khang vương, đặt tên

---

[10a] A.1180 chép là Giác Hà.
[10b] Theo A.1189 và A.1210.
[10c] Theo A.1189.
[1a] A.1210 ; A.1189; A.6: "Thượng thư bộ Binh, Tham tụng" A.2089: "Binh bộ Tham tụng".
[2a] A.6: "tháng bảy"
[2b] A.1189: "Hiến sát".
[1a] A.6: "Lê Hà Tông".
[1b] Theo A.2089.
[1c] A.6: "Nguyễn Quốc Hiền".
[2a] Tức là ngày 18 (25 - VI - 1709).

thụy là Dung Hoán, miếu hiệu là Chiêu tổ, an táng ở cánh đồng Diên Thượng (tại huyện Yên Định, Thanh Hóa)

3. Mùa thu tháng chín[3a] tiến phong[3b] Tiết chế thái úy An quốc công [Trịnh Cương] làm nguyên soái tổng quốc chính An đô vương[3c].

4. Mùa đông tháng mười, giảm một nửa sôd tô năm nay cho các nơi (tờ 3b) và tha các thuế còn thiếu chất chứa từ lâu.

5. Tháng mười hai, ra ơn cho các quan văn võ được thăng trật, trao chức cao thấp khác nhau. (Cẩm đạo Hoa Lang[5a]).

Canh Dần [Vĩnh Thịnh] năm thứ 6 (1710) (Thanh, Khang Hy thứ 49)

1. Mùa xuân, tháng giêng. Định rõ lại sáu điều răn dạy thần dân trong kinh ngoài trấn (tham khảo châm chước theo điều lệnh năm Vĩnh Trị thứ 4 (1679)[1a].

2. Tháng ba. Thị Hội các cống sĩ, lấy đỗ bọn Nguyễn Đồng Lam (người xã Ngọc Hoạch, huyện An Định[2a]) 21 người.

Thị Đình, ban cho Phạm Khiêm Ích (người xã Bảo Tiện, huyện Gia Lâm[2b]) đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (thám hoa), Nguyễn Công Quai (người xã Lê Xá, huyện Chương Đức[2c]) đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp), bọn Nguyễn Quốc Tĩnh[2d] (người xã Ông Mặc, huyện Đông Ngàn[2d]) 19 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

[3a] A.6: "tháng bảy".

[3b] A.1189; A,6: "truy phong", là sai.

[3c] A.6: "Tiết chế đại thuộc An quốc công làm Nguyên soái tổng quốc chính An đô quốc". Có lẽ chép nhầm, lại chú mấy chữ "miếu hiệu Hy tổ" không đúng chỗ.

[5a] Theo A.1189.

[1a] Sáu điều giáo hóa theo CM là:

1) Người đại thần không được cậy quyền thế.

2) Bầy tôi về hang võ phải siêng năng thao luyện, các viên thủ huyện không được hà khắc bạo ngược.

3) Bầy tôi hàng văn phải siêng năng cần mẫn.

4) Bầy tôi trong nội điện phải giữ lòng trung thành lương thiện.

5) Quân sĩ phải tuân theo pháp lệnh.

6) Nhân dân phải dốc hết lòng phân biệt điều liêm điều sỉ.

[2a] [2b] [2c] Theo A.2089.

[2d] A.1189: "Nguyễn Đang" cũng đúng bởi vì Nguyễn Quốc Tĩnh và Nguyễn Đang đều nằm trong số 19 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

[2d] Theo A.2089.

3. Mùa đông, tháng mười một[3a]. Thi Sĩ vọng, lấy đỗ bọn Vũ Công Tể, 26 người.

Tân Mão [Vĩnh Thịnh] năm thứ 7 (1711) (Thanh, Khang Hy thứ 50)

1. Mùa xuân, tháng giêng[1a]. Bắt đầu sai quan văn, võ là bọn Lê Dị Tài (người xã An Hoạch, huyện Đông Sơn[1b]) , Trần Đông Trụ[1c]... chia nhau đi đôn đốc việc đê điều. Theo chế độ cũ, việc đê công đều ủy cho trấn quan đôn đốc bồi đắp. [Họ] đốc thúc, bắt bớ đóng góp, dân phải phí tổn không xiết, mà công việc phần nhiều xong một cách tạm bợ. Đến đây mới đổi lại, sai quan kinh đi. [Việc này] bèn thành lệ thường.

2. Định lệ quân cấp ruộng công (lấy 6 năm làm một kỳ hạn. Ruộng vụ thu không được để quá tháng ba, ruộng vụ hạ không được để quá tháng chín)[2a].

3. Định lễ thờ ở đền hai Vương[3a]. Chúa vốn là chắt của Chiêu tổ (tờ 4a) Khang Vương lên kế vị, truy phong ông là Quốc Tổ Công (Trịnh Vĩnh) làm Lượng Mục Vương và bố là Tham Tổ Công (Trịnh Bính) làm Tấn Quang Vương. Đến nay, bàn về chế độ lập đền. Có người nói nên thờ ở đền riêng. Tham tụng Nguyễn Quý Đức nói: "Hai vị đều là chính tông dòng đích, đức dày để phúc muôn đời, chỉ nên rước vào chính cung ở đền đông mới là thuận lẽ[3b], còn nếu thờ ra đền riêng thì có 5 điều đáng ngờ...". Chúa nghe theo, việc bàn mới định.

4. Tháng ba, triệu Tham trấn Thanh Hoa Trương Công Giai[3a] làm Phó đô ngự sử. Cho Thái giám Đoàn Hữu Toán[4b] thay làm Lưu thủ. Đổi chức Tham trấn làm Lưu thủ là bắt đầu từ đấy.

5. Cầu lời nói thẳng:

Chúa[5a] đích thân xem xét những chương sớ của các bầy tôi, cho

---

[3a] A.6: "tháng mười"; A.2089 "tháng mười hai".
[1a] A.2089; A.1210: "tháng ba".
[1b] Theo A.2089.
[1c] Bản A.6: "Trần Công Chân".
[1d] A.6: "thân quan": quan có họ hàng thân thích (với vua hoặc chúa).
[2a] Cách quy định như trên nhằm thích hợp với thời tiết làm ruộng của dân.
[3a] *Hai Vương*: Chỉ Trịnh Vĩnh, ông của Trịnh Cương và Trịnh Bính, cha của Trịnh Cương.
[3b] A.1189: "Ư lễ vi thuận", nghĩa là: đối với lễ mới thuận.
[4a] A.1189: "Trương Quốc Khải"; LTTK: "Trương Công Khải"; A.6: "Nguyễn Công Giai".
[4b] A.1189: "Đoàn Hữu Đăng"; A.2089: "Trương Hữu Toán".
[5a] A.2089 chép hẳn là: "An đô vương [Trịnh] Cương".

những lời nghị luận của Đề hình Nguyễn Công Hãng (người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn[5b]) ,Biên lục Nguyễn Công Triều là mạnh dạn, thẳng thắn; cho những lời trình bày của bọn Cấp sự Hồ Phi Tích (người xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu[5c]) , Thị lang Nguyễn Công Đồng là có lý lẽ rành mạch. Đều được thưởng bạc và lụa hơn kém có khác nhau.

6. Mùa thu tháng chín, ngày Nhâm Tý (6 - XI - 1711), con chúa là Khương sinh[6a].

7. Cho Tuyên quận công[7a] Trịnh Quán và Vị quận công[7b] Trịnh Liêu làm Chưởng phủ sự.

8. Thi viết chữ và làm toán.

9. Mùa đông, tháng mười. Thi võ nghệ. Thi Hương (tờ 4b) cho sĩ tử các nơi.

Theo lệ cũ: quan chấm thi nghĩ soạn sẵn, đề thi thường lấy trong [tứ] thư và sử; về thể văn tứ lục không quá mươi bài; về thể phú không quá 4, 5 bài, đều làm thành đề thi, không có sự thay đổi gì, gọi là "sách mẫu" (sư thư). Học giả nhiều kẻ soạn thành phiếu tóm tắt (thiếp quát) rồi chuyển cho nhau để bán chác, sĩ tử đi thi đua nhau tìm mua, học thuộc thể văn để lén đưa vào [trường thi] y theo thế mà chép ra; quan chấm thi cứ tùy theo bài văn mà chọn lấy đỗ, không kể gì trùng lặp. Cho nên việc lén đem văn vào trường hay nhờ người làm thay tuy có lệnh cấm nghiêm ngặt [nhưng vẫn xảy ra], mà những người trúng tuyển đại loại là hạng không có thực tài. Đến khoa này [triều đình] mới ra lệnh cho các quan chấm thi, không được noi theo lệ cũ. Thói xấu ở trường thi nhờ thế dần dần được sửa đổi.

Nhâm Thìn, [Vĩnh Thịnh] năm thứ 8 (1712) (Thanh, Khang Hy thứ 51)

1. Mùa xuân, tháng ba, Chúa dụ bảo các quan phủ Liêu rằng: "Gần đây duyệt các tờ khai của các quan[2c] bàn về thời vụ, phàm có quan hệ đến thể chế chính trị không việc nào không trình bày. Nhưng khảo trong các hiến chương đã có sẵn thì sự việc vạch ra nhất trí cả, chỉ bởi lâu năm

---

(5b) (5c) Theo A.2089.

(6a) A.6 chép: "mùa thu tháng tám, ngày Nhâm Tý con chúa là Mặc sinh" là sai.

(7a) A.6: "Dần quận công".

(7b) A.6: "Mi quận công".

nhân tuần thành tệ hại. Nay đặc biệt chọn lấy[1a] 16 điều nên làm, xem xét kỹ lưỡng rồi tùy nghi sửa lại cho đúng đem ban bố thi hành để tỏ rõ chính sự[1b] của đời thái bình thịnh trị (tờ 5a) ([chẳng hạn]: làm cho giáo hóa được sáng tỏ; sửa lại phong tục và các việc binh, dân cho đúng đắn; phép khảo công các quan lại; sửa lại hộ tịch; quân phân thuế ruộng; định rõ quy chế hành nghi[1c] việc bổng lộc cho quan lại, v.v... gồm 16 điều).

2. Thi Hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Nguyễn Cơ[2a] 16 người[2b] (Cơ người xã Thụy Hà, huyện Kim Hoa).

Thi Đình, ban cho Nguyễn Duy Đôn tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp) (Đôn người xã Cao Lãm, huyện Sơn Minh, 34 tuổi đỗ[2d]), Từ Bá Cơ (người xã Phương Quế, huyện Thương Phúc[2d]) 16 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

3. Cấm đạo Hoa Lang.

4. Bọn Tham tụng Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Thế Bá dâng tờ khải nói rằng: chức quan Trấn thủ ngày nay tức là chức nhiệm Đô ty[4a] theo quan chế ngày xưa. Lỵ sở [các viên ấy đóng] thành quách vẫn còn y nguyên. Trước đây các trấn Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn[4b] hoặc giao cho [một quan] kiêm quản lĩnh, hoặc sai cận thần ra làm. Viên quan kiêm quản lĩnh thì còn bị ràng buộc ở nội trấn; viên cận thần thì quyến luyến chốn kinh đô, cứ cẩu thả, tùy tiện, theo chế độ nắm quyền từ xa, dần dần làm thành thói thường. Tuy có võ thần thay thế, cũng cứ viện chế độ ấy, thường lấy cớ là nơi núi rừng, sơn lam chướng khí đối với binh sĩ không được tiện lợi. [Họ] không biết rằng địa thế giữa kinh đô và phiên trấn trong ngoài xa cách nhau. Ở nơi biên

---

[1a] Bản trục chép là "thể", không có nghĩa. A.1189 chép: "thái" (chọn) có lẽ đúng hơn.

[1b] Bản trục chép: "hiệu" nghĩa là thành hiệu. A.1189 chép: "chính" (chính sự) có lẽ đúng hơn.

[1c] Tức là tiêu chuẩn dùng nghi trượng và lính hầu của từng cấp bậc quan lại (theo lời chú trong LTTK).

[2a] A.1189: "Từ Bá Cơ".

[2b] A.2089; A.1210: "17 người".

[2c] Theo A.2089.

[2d] Theo A.1189.

[2d] Theo A.2089.

[4a] *Đô ty*: tức Đô tổng binh sứ ty nói tắt. Đầu niên hiệu Quang Thuận đời Lê Thánh Tông đặt Đô ty ở 12 thừa quyên trong Đô ty có chức Tổng binh và Phó tổng binh, tức là chức quan Trấn thủ. Sau Trung hưng bãi bỏ Đô ty đặt Trấn thủ (theo lời chú của CM (XXXV, 12)).

[4b] A.1189: Tuyên Quang, Thái Lạng, Tuyên Hưng. Thái Lạng, Tuyên Hưng là: Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên và Lạng Sơn.

cương giữa bên này với bên kia sao có thể bình thường được. Nếu thình lình có biến cố xảy ra, sao có thể ứng cứu ngay được. Còn như việc từ tụng: nào đòi bắt, nào tông giải, [bọn lại dịch] cứ tính theo hành trình [xa] mà yêu sách dân cung đốn, làm phiền nhiễu và phí tổn cho dân càng nhiều. Vậy xin từ nay về sau các quan nơi biên trấn đều phải đến [lỵ sở] phó nhậm, cũng giống như quan ở nơi tứ trấn[4c] vậy. An (tờ 5b) Quảng[4d] nguyên cho [trấn quan] Hải Dương kiêm lãnh, nhưng xứ này bờ biển xa khơi, xin sai riêng người bề tôi có năng lực chuyên giữ nhiệm vụ cẩm phòng chế ngự. Lại nữa hai ty [thừa chính, hiến sát] ở Tuyên [Quang], Lạng [Sơn] ai nấy cũng nên đến phó nhậm theo như qui chế xưa để tỏ rõ chế độ của đời thái bình. Chúa nghe theo, hạ lệnh cho các trấn thủ ở ngoại trấn[4d] đều phải đến làm việc ở lỵ sở.

5. Cấm dân gian làm truyền văn lệnh chi giả mạo, càn rỡ đặt lời phao đồn và viết giấy [rải, dán] dọc đường phi báng chính sự đương thời, bài xích, dị nghị các nhà chức trách.

6. Mùa hạ, tháng năm. Cấm các quan không được kết giao riêng với nhau.

7. Mùa thu, tháng chín. Hạn hán, đói kém. Ra lệnh tha các tù tội nhẹ đang bị giam, hoãn các thứ thuế còn thiếu từ lâu, giảm một nửa thuế tuần ti và bến đò, bớt các việc tạo tác để tu sức dân, tu sửa những nơi thờ đã hoang phế để cầu phúc thần.

8. Năm ấy từ tháng sáu đến tháng mười hai không mưa, dân chúng đói to.

Quý Tỵ [Vĩnh Thịnh] năm thứ 9 (1713) (Thanh, Khang Hy thứ 52)

1. Mùa xuân, tháng giêng. Bấy giờ hạn hán lâu ngày, thóc gạo cao vọt, gạo một đấu nhỏ trị giá một tiền. Dân gian phải tước cả vỏ cây, lá trúc mà ăn, người chết đói đầy đường, xóm làng đâu cũng tiêu điều. Chúa sai quần thần họp bàn về chính sách cứu đói. **(Tờ 6a)** Hạ lệnh cho quan, dân trong nước nộp thóc, lượng theo [số thóc nộp] mà trao cho chức tước, phẩm hàm. Chia số thóc cho dân đói ở kinh kì. Sai quan lưu

---

(4c) *Tứ trấn:* Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây.

(4d) *An Quảng:* sau này là Quảng Yên.

(4d) Đời Lê Trung Hưng gồm: An Quảng, Cao Bằng, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn.

thủ Thanh Hóa lấy một vạn quan tiền trong kho An Trường[1a] cấp thêm cho dân đói.

2. Tháng hai[2a] quy định giá trung bình (bình giá) cho thóc gạo.

3. Châm chước tha tô thuế trong nước. Lấy việc lúa bị mất hoàn toàn, hay mất một nửa chia làm hai hạng. Hạng mất hoàn toàn thì thuế vụ hạ năm nay đều được miễn cả; hạng mất một nửa thì được tha cho 5 phần mười.

4. Mùa thu tháng bảy. Mưa dầm không ngớt, nước sông tràn ngập, đê ở 13[4a] huyện thuộc Sơn Tây, Sơn Nam, Thanh Hóa đều bị vỡ, cuốn trôi hàng vạn nóc nhà, nhân dân đói khổ.

5. Cho Thị lang nội giám Hưng hậu hầu[5a] Trần Công Tôn làm Lưu thủ Hanh Hóa[5b]; Cẩm quận công[5c] Phạm Gia Vượng làm Lưu thủ Tuyên Quang; Tuyên, Hưng chia làm hai trấn là bắt đầu từ đấy.

Giáp Ngọ [Vĩnh Thịnh] năm thứ 10 (1714) (Thanh, Khang Hy năm thứ 53)

1. Mùa xuân tháng giêng. Trước đây giặc biển ở An Quảng mấy lần cướp bóc tàn bạo. Bọn Lưu thủ Văn Đình Nhậm (người xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn) là võ thần [1a]; Đốc đồng Đinh Phụ Ích (người xã Bình Trù, huyện Siêu Loại[1b]) đem quân đi tiễu trừ và nã bắt, chiêu hàng được đảng giặc 300 người, giết chết và bắt tù hơn 70 tên. Bọn giặc thảy đều bị dẹp yên.

2. Bồn Man[2a] (tờ 6b) đến cống.

3. Tham tụng thượng thư bộ Hình Nguyễn Thế Bá về trí sĩ.

4. Mùa hạ, tháng sáu[4a] Định quy chế về việc dùng có hạn áo thanh cát và mũ đội (theo phong tục xưa của nước ta: lấy áo vải nhuộm xanh

---

(1a) *An Thường:* thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

(2a) A.6 và A.2089 "tháng ba".

(4a) A.6: "30 huyện".

(5a) A.1189; "Quốc hậu hầu".

(5b) Nguyên văn bản trực và A.6 là "Thanh Hóa" xem xuống đoạn dưới thì đây đang nói về việc hai xứ Tuyên, Hưng được chia làm hai trấn, chứ không nói gì đến xứ Thanh Hóa cả. A.1189 chép là Hưng Hóa.

(5c) A.1189: "Miên quận công". 1714

(1a) (1b) Theo A.2089.

(2a) *Bồn Man:* Một bộ lạc ở vùng thượng du phía tây Nghệ An (theo lời chú của CM).

(4a) A.6 "tháng năm".

chàm rồi nhuộm nâu sẫm, đem hồ đi, lấy chày nện rồi phơi khô đem dùng, gọi là áo thanh cát. Không kể quan, dân sang, hèn đều mặc cả, chỉ lấy sự dài hay ngắn để phân biệt, về sau [nhiều kẻ] vượt quá hạn. Đến nay mới định thành quy chế dùng có hạn, lấy kích thước dài, ngắn, rộng, hẹp để phân biệt sự khác nhau).

5. Không mưa. Chúa bí mật cầu đảo ở lầu Kính Thiên. Ngày hôm ấy mưa.

6. Sắc dụ bách quan họp bàn về việc tiến tôn[6a] cho chúa Trịnh sách vàng hai chữ[6b].

Mùa thu, tháng chín, ngày Ất Mão (24 - X - 1714). Tiến tôn chúa [Trịnh Cương] làm Đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng sư[6c] An Vương

Ngày Bính Thìn (25 - X - 1714), Chúa đến bái yết ở nhà Thái miếu, trở về vào chầu vua ở điện Vạn Thọ[6d].

7. Mùa đông, tháng mười, ngày Nhâm Thìn (30 - XI - 1714). Ban ơn cho các quan văn võ: thăng Trịnh Quán, Trịnh Liêu làm Đại tư không; Trịnh Thực làm Thái tể; Đặng Đình Tướng, Nguyễn Quý Đức làm Thiếu phó; Nguyễn Đăng Tiến[7a], Nguyễn Đương Bao, Nhữ Đình Hiền (người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An[7b]) làm Thượng thư; Nguyễn Công Đống làm Đô ngự sử; bọn Nguyễn Hành, Nguyễn Danh Dự (Nguyễn Nha[7c]) làm Tả hữu thị lang. Ngoài ra các người khác đều được thăng chức hơn kém có khác nhau.

Ất Mùi, [Vĩnh Thịnh] năm thứ 11 (1715) (Thanh, Khang Hy thứ 54)

1. Mùa xuân, tháng giêng. Sai sứ thần Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn (người xã Thanh Mai, huyện Tiên Phong[1a]), Đinh Nho Hoàn

---

(6a) A.1189: "truy phong".

(6b) *Hai chữ*: theo chế độ xưa, tước phong nâng cao cực điểm thì chữ gọi rút bớt lại, ví dụ đối với Trịnh Cương từ "An đô vương" rút lại là "An vương".

(6c) A.1210: "sư thượng".

(6d) A.1189 "Vương yết Thái miếu ư Vạn Thọ điện": chức bái yết Thái miếu ở điện Vạn Thọ.

(7a) A.1189; A.2089; A.6: "Nguyễn Đăng Liên".

(7b) Theo A.2089.

(7c) Theo A.1189.

(1a) Theo A.2089.

(người xã An Áp, huyện Hương Sơn[1b]), Nguyễn Mậu Ích[1c] (tờ 7a) (người xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm[1d]) sang Thanh.

2. Tháng hai. Bấy giờ Lai quận công Đặng Đình Sơ[2a] Trấn thủ Sơn Tây; Nhượng quận công Hoàng Sĩ Xứng[2b] Trấn thủ Kinh Bắc, cầm quyền bính nới lỏng trễ tràng, khiến trộm cướp ở đây nổi lên khắp nơi, dân bị thiệt hại, nên cả hai đều bị phạt và giáng chức. Cho Phó đô ngự sử Nguyễn Mại[2c], Án thủ Sơn Tây; An quận công Trần Đăng Phụ Trấn thủ Kinh Bắc. Mại đến nhậm chức, bọn trộm cướp phải im hơi, nên [chúa liền] cho Mại làm Chánh trấn thủ Sơn Tây.

3. Bãi bỏ lệnh cấm [mua bán] quế, muối trắng, đồng đỏ, và cho được công khai lưu hành buôn bán các thứ đó.

Về quế thì cho thổ dân đi bẻ về đem nộp[3a]. Cho người dung công[3b] và nộp quan mỗi bên một nửa. Dung công bẻ được 500 cân thì cho họ 50 quan tiền còn thì trưng thu quế cho họ[3c].

4. Sắc dụ cho các quan về việc gia ban lễ đặc biệt cho chúa Trịnh; Từ nay, trong các biểu chương, tấu sớ chỉ xưng vương chứ không cần xưng tên. Khi nào chầu yết không phải lạy để biểu thị sự tôn quý.

5. Thi Hội các cống sĩ, lấy đỗ bọn Nguyễn Công Thái... (người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì[5a]) 20 người.

(1b) Theo A.2089.

(1c) A.6 và CM: "Mậu Áng"; A.2089: "Mậu Thịnh" cũng đúng vì Mậu ích tên cũ là Mậu Thịnh.

(1d) Theo A.2089.

(2a) A.6: "Trà quận công Đặng Đình Hán" là sai.

(2b) A.2089; A.6: "Cổn quận công Hoàng Sĩ Bình"; A. 1189: "Hoàng Thì Xứng".

(2c) Nguyễn Mại là người xã Ninh Xá, huyện Chí Linh, đỗ tiến sĩ khoa Tân Mùi năm Chính Hòa (1691).

(3a) Nguyên văn là "quế bì thính thổ sản thái nạp" không có nghĩa, có lẽ là do viết nhầm, đúng ra phải là "quế bì thính thổ dân thái nạp" chúng tôi tạm dịch theo câu sửa lại.

(3b) *Dung công:* người đi làm thuê.

(3c) Cả đoạn nói về lệnh bãi bỏ việc cấm mua bán quế, đồng đỏ, muối trắng, v. v... ở A.1189 chép hơi khác và có phần rõ hơn, như sau: "trước đây đã có đặt quế hộ, diêm hộ, đồng hộ (tức các hộ về quế, muối và đồng). Cấm dân không được mua bán riêng với nhau. Đến đây đặt ra diêm, đồng hộ; cho công khai buôn bán với nhau, về quế thì cho thổ dân đi bóc về đem nộp, cứ 50 cân trị giá 100 quan, trừ thuế quan 50 quan, phát cho người đi bẻ thuê 50 quan; còn quế của họ thì trưng thu vào kho nhà nước.

(5a) Theo A.2089.

Thi Đình. Ban cho Bùi Sĩ Tiêm (người Kinh Lũ, huyện Đông Quan[5b]), Nguyễn Quý Ân (người Thiên Mỗ, huyện Từ Liêm[5c]) đỗ tiến sĩ xuất thân; Bọn Phùng Bá Kỳ (người Vĩnh Mỗ, huyện An Lão[5d]) 18 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

6. Mùa hạ, tháng tư, Hoàng thái hậu Nguyễn Thị[6a] mất, đặt tên thụy là Ôn Từ.

7. (tờ 7b) Tháng năm. Định rõ phép khảo công về [diện] trưng thu [thuế khóa]. Cứ theo số trưng thu đủ, hay thiếu, nhiều hay ít và hành động thương xót hoặc hà khắc [đối với dân], tham bác so sánh với nhau. Ba năm khảo xét một lần, chia ra hạng nhất và hạng bét để định rõ việc thưởng hay phạt.

8. Mùa đông, tháng mười hai. Triệu Nguyễn Khắc Thuần[8a] Đốc trấn Cao Bằng về kinh, cho Thiêm dô Nguyễn Công Hãng[8b] lên thay.

Bấy giờ có người ở trong châu tên là Uyên Hiệp, giả danh là Mạc Trạch, phiến động mê hoặc dân châu, chực làm loạn. Nhưng công việc bị lộ, không bùng nổ được. Chúa cho Khắc Thuần khu xử trái đường lối, triệu về kinh. Ra lệnh cho chính phủ họp bàn chọn người đi thay [các quan] có đưa tên một vài người lên xin [ý kiến], nhưng đều không được chúa ưng thuận. [Đốc trấn] Cao Bằng vốn là chức quan trọng yếu, chúa muốn ban cho Công Hãng đi. [Bèn] khiến Đỗ Bá Phẩm hở lời dụ chỉ của chúa [cho Hãng biết] nhưng Công Hãng nói: xin được khỏi lìa bên tả hữu chúa, không muốn phó lỵ ở châu, quận xa. Chúa cố sai Bá Phẩm đi dụ bảo nữa, Công Hãng mới vâng mệnh, và vào tạ ơn. Chúa cho [Công Hãng] được tùy tiện làm việc.

9. Sai Nguyễn Hiệu làm Thiêm sai bồi tụng. Hiệu hiến kế sách "trị bình" [9a], chúa khen là người trung thành, cho là có thể ủy nhiệm việc lớn. Do đó ngày nay được chúa để ý thương yêu.

[5b] [5c] Theo A.2089.

[5d] A.6: "Phùng Bá Cơ".

[6a] Thái hậu tên húy là Ngọc Dệ, người xã Trùng Quán, huyện Đông Ngàn, sinh ra Dụ Tông (theo CM).

[8a] CM: "Lê Khắc Thuần" người xã Phù Minh, huyện Hoàng Hóa, đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần (1710).

[8b] Công Hãng người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn (1760).

[9a] Trị nước, bình thiên hạ.

Bính Thân, [Vĩnh Thịnh] năm thứ 12 (1716) (Thanh, Khang Hy thứ 55)

1. Mùa xuân, tháng ba. Thự phủ sự Lê Thì Hãi chết, hưởng 78 tuổi[1a], truy tặng Thái phó (Thì Hải người xã Phú Hào, huyện Lôi Dương).

2. (tờ 8a) Mùa hạ, tháng tư, ngày Quý Mão (3 - VI - 1716). Thái thượng hoàng mất ở điện Kiến Thọ, dâng tên thụy là Thông Mẫn, anh quả, đôn khoát khoan dụ vĩ độ[2a] huy cung Chương hoàng đế, miếu hiệu Hy Tông.

3. Bồi tụng thượng thư bộ Hình Nhữ Đình Hiền[3a] chết. Đình Hiền từng làm quan ở đài sảnh, có tiếng tốt về chính sự, được truy tặng Thượng thư bộ Lễ (Đình Hiền người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An[3b]).

4. Bắt đầu thi hành lệ chia đều [thuế] đinh và điền. Về thuế đinh và thuế ruộng thì lấy số người và số mẫu ruộng làm tiêu chuẩn, [đinh và điền] mỗi bên đều chịu một phần, khiến cho giàu và nghèo, nhiều và ít tương trợ lẫn nhau không có sự thiên lệch bên này phải chịu nặng, bên kia được nhẹ.

5. Mùa thu, tháng tám. Cấm không được lén lút bán đồng đỏ. Kẻ nào trái lệnh phải chịu tội và bị tịch thu tang vật sung công.

6. Thái tổ Diên quận công Trương Dự chết, được truy tặng Diên Khánh công, lập đền thờ ở kinh sư (Dự người xã Như Kinh, huyện Gia Lâm, là cha của Thái phi Trương Thị[6a]).

7. Sứ thần Nguyễn Công Cơ từ Yên Kinh về nước...

[1a] A.1189; A.2089: "hưởng thọ 98 tuổi".

[2a] A.1189; A.2089: "Vĩ Hoàng".

[3a] A.6: "Nhữ Đình Gián".

[3b] A.1189 chép về Đình Hiền có thêm nhiều chi tiết hơn ở bản trục nên dịch ra đây để tham khảo: "Bồi tụng thượng thư bộ Hình Nhữ Đình Hiền chết. Hiền là người xã Hoạch Trạch, huyện Đường An, năm 22 tuổi đỗ tiến sĩ, làm bài ứng chế được vào hạng nhì, từng nhận chức ở đài sảnh, có tiếng tốt về chính trị. Khi chết được truy tặng Thượng thư bộ Lễ, tước tá. Con là Đình Toàn, cháu là Công Trí đều đỗ tiến sĩ, cháu họ là Trọng Thai đỗ bảng nhãn".

[6a] A.6: "Dự người xã Thạch Kinh, huyện Gia Lâm, là con cháu của Thái phi Trương Thị".

Đinh Dậu, [Vĩnh Thịnh] năm thứ 13 (1717) (Thanh, Khang Hy thứ 56)

1. Mùa xuân, tháng giêng. Nhắc lại lệnh cấm cờ bạc.

2. Tháng hai, Bồi tụng đô ngự sử Nguyễn Công Đồng chết, truy tặng (tờ 8b) thượng thư bộ Binh (Công Đồng người xã Đồng Khê, huyện Thanh Lâm) . Do khoa Sĩ vọng, năm 25 tuổi đỗ tiến sĩ. Năm Quí Dậu (1693) thi từ mệnh[2a] được đỗ thứ 2[2b].

3. Mùa hạ, tháng tư[3a] ngày Giáp Ngọ (20 - V - 1717) sinh Hoàng trưởng tôn là Duy Diêu.

4. Tháng sáu, sai các quan văn soạn bài châm "biết người" (Tri nhân châm).

5. Mùa thu, tháng chín. Định lại 10 điều các việc xử kiện, soát kiện, trưng thu phú, thuế, và nã bắt phạm nhân trốn tránh. Sức cho các ty trong kinh ngoài trấn [biết để thi hành].

6. Mùa đông, tháng mười. Con chúa là Trịnh Khương[6a] ra ở phủ riêng. Cho Bồi tụng Đàm Công Hiệu làm Tán thiện, Nguyễn Hiệu làm Tả tư giảng, Nguyễn Quý Ân làm Hữu tư giảng. Quý Ân chết sớm (Quý Ân năm 43 tuổi đỗ tiến sĩ. Khi chết được tăng Thượng thư bộ Công, truy phong phúc thần[6b]). Chỉ còn một mình Hiệu hầu hạ nơi màn trướng, tùy việc hướng dẫn, chỉ bảo thấm nhuần đến nơi đến chốn. Được con cháu rất kính trọng, chúa Trịnh lại càng tin yêu.

7. Vời đốc trấn Cao Bằng là Nguyễn Công Hãng về triều, cho làm Hữu thị lang bộ Hình.

Tham tụng thượng thư bộ Binh, Thiếu bảo Nguyễn Quí Đức xin trí sĩ. Dâng thư tới ba lần mới được ưng thuận. Chúa gia phong Thái phó quốc lão tham dự triều chính, ban cho hai bài thơ[7a] rồi ngựa, xe và ruộng lộc điền, ân điển ban tặng rất trọng hậu. Giới tấn thân đều cho là vẻ vang.

(2a) Thi từ mệnh: nội dung thảo thư từ công văn về ngoại giao, chính trị hay quân sự.

(2b) Theo A.1189.

(3a) Bản A.6 chép: "tháng năm", là sai.

(6a) A.1189: "Trịnh Chù", là sai. Trịnh Khương tức là Trịnh Giang.

(6b) Theo A.1189.

(7a) A.1210; "ba bài thơ".

8. Mùa đông, tháng mười. Thi Hương ở các xứ. Đô cấp sự Nguyễn Quý Thành(8a) làm Giám thị trường Phụng Thiên phạm tội nghĩ sẵn đề thi, bí mật đưa cho sĩ tử. Việc phát giác ra, nên bị bãi chức.

9. Biểu dương người đàn bà tiết nghĩa là Phan Thị.

Phan Thị người xã Do Lễ, huyện Hưng Nguyên (thuộc Nghệ An) là vợ bé Đinh (tờ 9a) Nho Hoàn. Nho Hoàn đi sứ phương Bắc, chết ở dọc đường. Sau khi đưa về chôn cất, Phan Thị thương nhớ tự thắt cổ chết. Việc này đến tai triều đình. Sai quan cấp cho ruộng thờ, tặng phong là Á thân nhân(9a) lập đền thờ (nay ở xã An Ấp, huyện Hương Sơn vẫn còn ngôi miếu thờ(9b)) và ban cho bảng vàng khắc hai chữ "tiết phụ" treo để biểu dương.

10. Tháng mười hai. Định rõ chế độ khu xử với các khách buôn nước ngoài. Cho phép ở đâu được nhập tịch và chịu tạp dịch ở đó. Từ tiếng nói, ăn mặc đến đầu tóc đều phải nhất nhất tuân theo phong tục nước ta. Ai làm trái bị trục xuất về nước.

11. Định rõ về sự hạn chế số người làm ở các trường khai mỏ (nhiều nhất là 300 người, vừa thì 200, ít là 100).

Mậu Tuất, [Vĩnh Thịnh] năm thứ 14 (1718) (Thanh, Khang Hy thứ 57)

1. Mùa xuân, tháng hai, thi Hội các cử nhân. Lấy đỗ bọn Vũ Công Tể (người xã Hải Bối, huyện Yên Lãng(1a)) 17 người.

2. Thi Đình, ban cho Vũ Công Tể đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (thám hoa); Ninh Dịch (người xã Côi Trì, huyện Yên Mô (2b)) đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp) ; bọn Lê Hữu Kiều (người xã Liêu Xá, huyện Đường Hào(2c)) 14 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

3. Mùa hạ, tháng tư. [Triều đình] sai Bồi tụng Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Bá Tông sang Thanh cáo phó về việc tang vua Huy Tông, Bá Tông chết dọc đường (Bá Tông người xã Phù Ninh, huyện Đông Ngàn; 36 tuổi đỗ tiến sĩ, làm quan đến Phủ doãn, vâng mệnh đi sứ. Khi chết được truy tặng Tả thị lang bộ Binh, tước Nam(3a)).

(8a) A.6: "Nguyễn Quý Mậu"; A.2089: "Nguyễn Công Thành".

(9a) A.1210 "tặng chí Thận nhân": truy tặng đến chức Thận nhân. CM: "Á thận phu nhân".

(9b) Theo A.6.

(1a) (2a) (2b) (2c) Theo A.2089.

(3a) Theo lời chú thêm ở A. 1189.

4. Tháng năm. Cho Tham tụng Nguyễn Đăng Liên; Đông các đại học sĩ Đàm Công Hiệu; Tri trung thư giám bồi tụng Lê Anh (tờ 9b) Tuấn vào hầu ở tòa Kinh diên.

5. Đem người con gái trong họ tôn thất lấy danh nghĩa là Quận chúa gả cho Triều Phúc [tù trưởng] Ai Lao.

6. Định rõ thể lệ về việc xét kiện, tra hỏi; nộp tiền tạ, tiền đảm(6a) và cách thức thúc giục, đòi bắt.

7. Mùa thu, tháng chín(7a). Định rõ lại điều lệ về việc đáng nói cho đài Ngự sử và ty Hiến sát. Ty Hiến nếu có việc đáng nói đáng đàn hặc thì [viết vào giấy tờ] niêm phong lại rồi nộp cho đài Ngự sử. Quan Ngự sử hễ nhận được giấy niêm phong (phong sự) đều phải chuyển lên cho chúa biết. Hằng năm cho [chuyển] vào hai kỳ: mùa hạ, mùa đông(7b). Riêng việc bạn nghịch ác đảng thì phải trình báo ngay, không câu nệ vào kỳ hạn.

8. Thiếu phó Đặng Đình Tướng trí sĩ, được gia phong quan tước, ân sủng ban ra cũng ngang với Quí Đức.

9. Mùa đông, tháng mười. Bắt đầu đặt quan lục phiên.

Theo chế độ cũ [thì phủ chúa] chỉ có ba phiên Binh, Hộ và Thủy sư, dùng hơn một trăm tướng thuộc lại làm việc. Đến nay mới đặt làm 6 phiên: Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công, lại quy [các hiệu trưng thu] thành 6 cung: Tả trung, Hữu trung, Đông, Tây, Nam. Bắc, gọi là lục cung. Phàm chính sự trong [lục] cung(9a) và các việc tài chính; thuế má, quân sự, dân sự ở Thanh, Nghệ, Tứ trấn, các trấn ngoại phiên đều lệ thuộc [vào lục phiên]. Sai văn quan(9b) làm Tri phiên, nội thần cùng văn thuộc sung làm Phó tri, Thiêm tri. Mỗi phiên có 60 thuộc lại.

10. Mùa đông, tháng mười nhuận. Nghiêm lệnh cấm về uống rượu.

(6a) *Tiền tạ:* tức là lễ tạ quan tòa sau khi sử xong một vụ kiện, về sau biến thành một thứ thu nhập của nha môn xử kiện. *Tiền đảm:* tức là tiền đóng góp khi quan đi công cán hoặc phó nhậm, về sau biến thành một thứ tiền hành lý của quan lại mà người hầu kiện thường phải nộp.

(7a) A.2089; A.l 189: "tháng tám" theo LTTK thì việc nay vào ngày 29 tháng chín.

(7b) A.1210: "Mùa hạ, mùa thu".

(9a) Nguyên văn là: "phàm cung trung", A.1189: "phàm cung nhân" tức là tất cả các nhân viên ở [lục] cung...

(9b) A.1210; A.6: "mệnh văn vũ...": sao quan văn võ.

11. Phó đô ngự sử Nguyễn Mậu Áng (nguyên tên là Mậu Thịnh, đi trốn đổi là Mậu Áng[11a]) dâng tờ khải trình bày 4 việc: 1. Cấm xa xỉ; 2. Bãi bỏ việc xây dựng, sửa sang các công trình; 3. (tờ 10a) Bớt các cuộc du quan[11b]; 4. Tinh giảm những cuộc tuần hạnh[11c]. Chúa khen ngợi và tiếp thu, cho thi hành việc thứ nhất và việc thứ hai, còn việc thứ ba và thứ tư thì lưu lại [để xét].

Kỷ Hợi [Vĩnh Thịnh] năm thứ 15 (1719) (Thanh, Khang Hy thứ 58)

1. Mùa xuân, tháng hai, ngày Nhâm Tý [29 - III - 1719] sinh Hoàng thứ tử Duy Thần.

2. Tháng ba. Bãi bỏ việc lực dịch.

Trước đấy sửa chùa Phước Long, điều dân đinh ba huyện Gia Định, Lương Tài, Quế Dương đến làm việc suốt từ năm Giáp Ngọ (1714) đến nay là đã 6 năm. Có người nói [với chúa] rằng như vậy là làm dân mệt nhọc. Chúa chấp thuận, lập tức ra lệnh thôi việc phu dịch [sửa chữa này].

3. Định rõ kỳ hạn cho ngũ phủ, phủ liêu xét xử kiện tụng (án mạng hạn 8 tháng, các vụ về ruộng đất, trộm cướp, đều hạn 6 tháng; các tạp tụng hạn 4 tháng).

4. Định phép khảo công cho quan chức các trấn ty[4a]. Cứ mỗi năm khảo một lần, đài Ngự sử chia [thành tích] của các quan tuần ty làm ba hạng: thượng, trung, hạ để làm rõ kẻ hơn người kém. Phép khảo công dựa vào 5 điều: Cấm phòng chế trị [giặc cướp]; Khám xét tra hỏi [kẻ gian]; Đắp đê sửa đường; Xem xét kiểm soát [nơi biên ải]; Bắt lính đào ngũ. (Việc khảo công các *dề lĩnh*[4b] ở bốn [cửa] thành cũng giống như vậy).

5. Thượng thư bộ Công trí sĩ Hoàng Công Chí[5a] chết, thọ 79 tuổi, truy tặng thượng thư bộ Lễ (Công Chí người xã Thổ Hoàng, huyện Thiên Thi, 30 tuổi đỗ tiến sĩ[5b])

(11a) Theo A.2089.

(11b) Có lẽ chỉ các cuộc đi chơi thăm danh lam thắng cảnh của vua chúa và quý tộc.

(11c) Chỉ những cuộc đi xa của vua chúa lấy tiếng là đi tuần.

(4a) A.1189: "Trấn quan".

(4b) *Đề lĩnh:* chức quan giữ nhiệm vụ tuần phong và trị an ở kinh đô, cũng như Đô ty ở các trấn (theo CM). Thành ở đây chỉ Thăng Long.

(5a) A.6: "Hoàng Công Minh".

(5b) Theo A.1189.

6. Mùa thu, tháng bảy, ngày Ất Tỵ [11 - IX - 1719], mặt trăng xâm phạm địa phận sao Kim, Tư thiên giám xin [vua] đổi nguyên hiệu.

7. Tháng chín, đoàn sứ thần Nguyễn Công Hãng từ Yên Kinh về nước... (tờ 10b).

8. Mùa đông, tháng mười một[8a]. Sai quân đi đo ruộng. Lời dụ rằng: "Thương dân thì nên thi hành chính sự nhân đức, thi hành chính sự nhân đức thì phải chia đều phú thuế và tạp dịch. Triều trước rất chán ghét chế độ cũ làm phiền nhiễu về việc duyệt tuyển, bèn sáng lập ra phép bình lệ, [thành thử] người đăng ký thêm vào sổ cũng không tính, người chết đi cũng không trừ. Đến nay đã 50 năm. Trong thời gian đó số hộ khẩu tăng giảm bất thường mà nguyên ngạch vẫn theo như cũ. Vì vậy dân nhiều phải gánh vác nặng nề, dần dần đi đến chỗ nghèo khó phiêu tán. [Nên nay] đình thần họp bàn nghĩ cách tìm phương cứu chữa. Mọi người đều nói rằng: ruộng đất, ở trong nước, không kể công hay tư, đều phải nên tiến hành khám xét đo đạc, rồi [cứ đó] lượng tính phân bổ thuế ngạch, tham duyệt so sánh với số định suất, định thành lệ thường. Khiến cho giàu, nghèo tương trợ lẫn nhau, nặng nhẹ [gánh vác] ngang nhau, mãi mãi đặt làm điển lệ lâu dài. Khi công luận đã thống nhất, nên thi hành. Nên biết rằng phải thi hành là một sự bất đắc dĩ, chỉ là tùy lúc mà chữa tệ, chứ chẳng phải thích thay đổi để cầu lập công hơn người xưa đâu".

9. Tháng mười hai, vua Thanh sai Nội các điển tịch Đặng Đình Hiệt[9a], Hàn lâm viện biên tu Thành Văn sang nước ta... làm lễ điếu tế trước[9b].

Bọn Đình Hiệt khi mới đến công quán, đòi (tờ 11a) làm lễ ba lần quỳ gối, 9 lần khấu đầu. Chúa sai đưa thư xin làm theo lễ của nước ta[9c] để tiện diễn tập, tranh biện qua lại đến 4 lần. Đình Hiệt cũng miễn cưỡng nghe theo. [Bọn họ] về nước...

10.[Vua] sắc dụ cho quần thần họp bàn việc tiến tôn 4 chữ mỹ tự làm huy hiệu cho chúa để hợp với điển lễ tốt đẹp[10a].

(8a) A.6, A.1189: "Tháng mười".

(9a) Nguyên văn chép ( ) Từ điển không thấy có chữ này, tạm phiên là Hiệt. A.2089; A.1189 chép: "Đặng Đình Cật"; CM: "Đặng Đình Triết"; A.6: "Đặng Đình Hách".

(9b) Tức Lê Hy Tông.

(9c) Lễ của nước là lạy 5 lần, khấn dầu 3 lần (theo CM).

(10a) Nguyên văn "thịnh điển"; A.1189: "điển lễ".

Canh Tý, [Vĩnh Thịnh] năm thứ 16 (1720) (từ tháng sáu trở về sau là niên hiệu Bảo Thái thứ nhất. Thanh, Khang Hy thứ 59)

1. Mùa xuân, tháng hai. Định phép khảo công cho Trấn ty Cao Bằng. Dựa vào 4 điều: cầm giữ đề phòng [giặc cướp]; Chuyển đệ [công văn]; Trưng thu [thuế má]; Kiểm soát, xét hỏi [nơi quan ải]. Cứ cuối năm thì khảo công, cũng giống như [đối với quan chức] ở tứ trấn, để biểu thị sự khích lệ.

2. Tháng ba. Bắt đầu sai huyện quan ở tứ trấn chia nhau đi đo đạc ruộng của dân.

3. Mùa hạ, tháng tư. Tham tụng thượng thư bộ Công Đàm Công Hiệu được thăng lên Thượng thư bộ Lễ, tước Quận công, tham dự triều chính trong khi về trí sĩ. Công Hiệu nắm việc chính sự đã lâu ngày, lại có công giúp rập vương tử, cho nên được ban ân điển ngang với Quí Đức và Đình Tướng.

4. Khảo thành tính các quan văn võ trong 10 năm.

Quan văn võ là Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn, Lê Thì Liêu, Trịnh (tờ 11b) Lân, 14 người được tự dự vào hạng thượng khảo.

5. Tháng năm, ngày Ký Mão[5a] [18 - VI - 1720]. Tiến tôn chúa Trịnh [Cương] làm Đại nguyên soái tổng quốc chính, sự thượng [thượng] phụ Uy nhân[5b] minh công thánh đức An vương.

6. Lập Vương tử Trịnh Khương (Giang)[6a] làm Thế tử.

7. Thái phó[7a] trí sĩ Liêm quận công Nguyễn Quý Đức chết, thọ 73 tuổi, [triều đình] truy tặng Thái tể và sai quan đến trông coi việc tang.

Quý Đức là người rộng rãi, trung hậu, trầm tĩnh[7b] thường ngày cư xử, thù tiếp thì tỏ ra dễ dãi, vui vẻ. Những khi tiến lên bàn luận [chính sự] có điều gì chưa thỏa đáng thì kiên quyết giữ [ý kiến của mình] đến vài bốn lần, cứ vững chắc như vậy không ai lay chuyển nổi. Làm văn thì không chuộng đẽo gọt nhưng ý tứ vẫn tinh tế, chặt chẽ. Triều đình [có] làm những việc gì lớn, thì phần nhiều đều có tay ông. Ông làm tể tướng

---

(5a) A.2089: "ngày Quý Mão".

(5b) A.2089; A.1210: "Uy minh".

(6a) A.2089: "Trịnh Mậc", là sai.

(7a) A.6: "Thái Bảo".

(7b) A.1189: "trầm trọng", có nghĩa là trầm tĩnh và trì trọng (cẩn thận).

hơn 10 năm, chính sự cốt ở sự khoan hòa trung hậu, trong đám hậu tiến có nhiều người suy tôn và noi theo. Việc sửa sang, trang trí nhà [Thái] học[7c], dựng bia tiến sĩ, ông đều đích thân trông coi cho đến khi hoàn thành tốt đẹp. Dư luận phần nhiều khen ngợi ông (ông người Thiên Mụ, huyện Từ Liêm).

8. (Cho Hiến ty sứ Nghệ An Nguyễn Công Thái làm đốc đồng Thanh Hoa. Trước đây khi Công Thái làm việc ở Nghệ An, có cung nhân là Bồ Thị thường sai người vào Nghệ quấy nhiễu dân. Công Thái cứ trừng trị theo đúng pháp luật. Bồ Thị đem việc đó cáo [với chúa], Công Thái bị triệu về kinh. Bạn đồng niên có người lo cho ông. Công Thái vui vẻ nói: "Đã có thánh quân ở trên thì không lo gì cả". Đến khi vào ứng đối, không giấu giếm quanh co gì, bèn được bổ làm chức này[8a]).

9. Tháng sáu. Trấn thủ Sơn Tây Tả thị lang bộ Lễ Nguyễn Mại chết.

Mại là người có sức khỏe, khí lực, giỏi cưỡi ngựa bắn cung. Khi giữ chức Nội tán, thường[9a] coi việc ở công phủ. [Một hôm] có con voi sổng đến trước mặt, các bạn đồng liêu đều kinh hãi, trốn nấp, riêng Mại (tờ 12a) vẫn ngồi yên không chạy. Chúa lấy làm lạ về đởm lược của Mại, nhiều lần hỏi Mại về việc binh. Mại trải cai giữ thủy quân. Khi ra làm Trấn thủ, hễ ra lệnh gì là được thực hiện ngay, hễ cấm điều gì điều ấy phải đình chỉ. Trộm cướp phải im hơi. Ông được tiếng tốt về cai trị. Đến đây ông chết, được tặng thượng thư bộ Lễ tước Đông quận công[9b] (Mại người Ninh Xá, huyện Chí Linh).

10. Sai [ban] phẩm thứ cho bách quan, nhất nhất tuân theo chế độ cũ đời Hồng Đức.

11. Ban ân cho các quan văn võ. Cho Trịnh Quán làm Đại tư mã, Trịnh Hoàn làm Đại tư không, Lê Thì Liêu, Trịnh Lân đều làm Thái bảo, Thượng thư Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn, Trương Công Giai và Đô ngự sử Nguyễn Dương Hồ đều được ban tước Quận công. Tả thị lang[11a] Nguyễn Hiệu, Hồ Thi Tích, Phạm Khiêm Ích, Tô Thế Huy (người Bình Đàng, huyện bạch Hạc[11b]), Phó đô ngự sử

[7c] *Nhà Thái học*: tức Quốc tử giám văn miếu, ở Hà Nội ngày nay.

[8a] Theo A.1189.

[9a] A.1189: "Chường".

[9b] A.6: "Giản quốc công".

[11a] A.2089: "Tả hữu thị lang".

[11b] Theo A.2089.

Nguyễn Huy [Nhuận] (người Phú Thị, huyện Gia Lâm[11c]), đều được thăng tước Hầu. Còn mọi người khác đều được thăng trật, được ban tước [cao thấp] có khác nhau. Bấy giờ Đình tướng và Công Hiệu dã trí sĩ, [nhưng] chúa cho là họ có công giúp rập và giảng giải dạy nên đặc biệt cho thăng phẩm thứ. Cả hai đều được gia phong "Ngũ lão"[11d].

12. Cho Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Công Cơ, Lê Anh Tuấn làm Tham tụng; Nguyễn Đình Hoàn, Phạm Khiêm Ích, Tô Thể Huy làm Bồi tụng.

13. Quy định phẩm phục hành nghi cho các quan văn võ.

Bắt đầu quy định các kiểu áo, mũ, khăn. Chế độ cũ thì quan văn võ, các lại viên lớn nhỏ, các chức sắc, quân sĩ đều mặc áo thanh cát, đội khăn kiểu chữ *đinh*[13a], (tờ 12b) không phân biệt cao, thấp, sang, hèn. Đến nay chúa cùng với tham tụng Nguyễn Công Hãng bàn việc sửa đổi và qui định lại để làm rõ phẩm phục. (Hoàng thân, Vương thân[13b] áo mặc: xuân, hạ dùng sa tàu; thu, đông dùng đoạn tàu, đều màu trầm lương[13c]. Khăn đội: mùa hạ, mùa xuân dùng mã vĩ[13d]; thu, đông dùng đoạn màu huyền [13d]).

Các quan văn võ từ nhất phẩm đến tam phẩm, áo: xuân, hạ dùng sa tàu; thu, đông dùng đoạn tàu, đều màu huyền. Khăn: hàng văn dùng khăn [quấn] nhiều tao (trùng diệp); hàng võ dùng một tao (đơn diệp).

Các quan văn võ tứ phẩm, áo mặc cũng giống như nhất đến tam phẩm. nhưng chỉ có sa đoạn thì phải dùng hàng ta.

Các thị nội giám, khăn: dùng loại bằng (bình đính)[13e] sau đổi làm khăn lục lăng.

Các quan văn võ và nội giám [sung] làm chấp sự, hành lễ, khi làm việc đều dùng áo thanh cát và mũ sa thâm (ô sao mão), các quan văn khi vào hầu ở Nội các cũng như vậy.

[11c] Theo A.2089.

[11d] A.1189: "Quốc lão".

[13a] *Áo thanh cát:* nói rõ ở trên (năm 1714), *Nhật dụng thường đàm dịch* là "áo đen".
Đinh tử cân: Nhật dụng thường đàm dịch là "mũ nhục".

[13b] *Hoàng thân:* thân thích nhà vua. *Vương thân:* thân thích nhà chúa.

[13c] Tức là màu đen nhợt như màu gỗ trầm.

[13d] Nguyên văn: *mã vĩ cân:* khăn đuôi ngựa (chưa rõ kiểu) *Nhật dụng thường đàm* dịch là "mũ ông mã vĩ".

[13d] Tức màu đen.

[13e] *Bình đính: Nhật dụng thường đàm* dịch "bình đính mão" mũ bằng.

14. Ngày Canh Tuất [19 - VII - 1720], Ân xá trong thiên hạ và đổi niên hiệu. Lấy [ngày tháng này] năm này làm năm Bảo Thái thứ nhất. Tha 3 phần 10 thuế vụ hạ năm nay. Các quan viên ai lỡ phạm sai lầm, bị chìm đắm oan uổng đều được cất nhắc bổ dùng theo thứ bậc.

15. Mùa thu, tháng bảy[15a], mồng 1 là ngày Bính Dần[15b] [4-VIII-1720], nhật thực.

16. Quy định thể lệ huệ dưỡng cho các quan văn võ và nội giám đã về hưu.

Bọn Hàn quận công Trần Công Thực[16a], 9 người đều xin về hưu. Chúa ưng thuận.

Thể lệ cho các bề tôi hàng võ trí sĩ bị bỏ đã lâu. Đến đây bọn Thực tuổi đều gần 80 mới được nghỉ việc. Ngày tiễn đưa, người kinh đô xúm xít đi xem, truyền nhau cho là một việc tốt đẹp.

17. Tháng tám, ban hành 10 điều giáo hóa. Sức báo cho trong kinh, ngoài trấn, đại lược nói: 1) Làm học trò phải chuyên cần về nghề học, trước hết nên giảng giải cho rõ những điều lễ, nghĩa, trung tín; 2) Làm người phải đúng luân thường, người cùng họ và người thân thích bên họ ngoại không được kết hôn lẫn lộn với nhau (tờ 13a); 3) Quân dân lễ cách, không được ngạo mạn khinh nhờn; 4) Đồ mặc và đồ dùng trong dân gian không dược tiếm vượt; 5) Chớ quen theo tập tục xấu mà đua nhau phung phí vào cỗ bàn ăn uống; 6) Chớ mê hoặc dị đoan[17a] theo nhau chơi bời lười biếng; 7) Việc lễ bái phải tiết độ ở mức trung bình để nêu rõ phong tục kiệm ước; 8, 9, 10) Đối với nhà có tang ma phải thương xót cứu giúp lẫn nhau để phong hóa thêm thuần hậu.

18. Mùa đông, tháng mười. Thi Hương cho sĩ tử bốn trấn. Trước đây thi Hương đều do quan trường ra đề. Bấy giờ [chúa] cho rằng hai kỳ đệ tam, đệ tứ mới là thời kỳ quyết định khoa thi của các sĩ tử, [nên] đặc biệt sai quan ở kinh đô vào trong phủ nghĩ đề bài đem trình dâng lên chúa, để đề phòng tệ nạn riêng tư. Sai người chạy trạm phân chia [đề bài] cho các trường. Duy có trường Thanh, trường Nghệ vì là địa phương ở xa nên

---

(15a) A.1210: "tháng chín", là sai.

(15b) A.6: "Bính Thìn" là sai.

(16a) A.1210: "Trần Đình Thực".

(17a) A.6: "Vô học dị đoan": chớ học dị đoan.

ủy cho quan Hiến sát mở sách, quan Khâm sai ra đề theo như chế độ cũ. [Lệ] trường thi ở tứ trấn do [chúa] ra đề là bắt đầu từ đó.

19. Chúa đi tuần phương Nam, khi trở về, vào xem trường thi Sơn Nam thấy số sĩ tử đông gấp bội, ra lệnh tăng thêm số ngạch lấy đỗ. Theo lệ cũ [trường Sơn Nam] được lấy 60 hương cống, nay tăng thêm 20; sinh đồ trước lấy 600, nay tăng thêm 200, cứ theo đó làm thành thể chế lâu dài.

20. Tháng mười một[20a], ngày Mậu Thìn [4 - XII - 1720], con thứ của chúa là Trịnh Doanh sinh.

21. Chỉ dụ sức răn các bề tôi lớn nhỏ, đại lược nói rằng: người bề tôi phải có lòng trung thờ vua, liêm khiết sửa mình. Nay thấy lòng người (tờ 13b) hướng theo điều lợi, ngày càng chăm việc bon chen. Có kẻ không tự biết mình tài mọn mà lại cầu may làm được quan to; có kẻ không muốn phẩm cấp thấp, mà trông ngóng cầu cạnh để được ở địa vị cao[21a]. [Do đó] sáng đi chơi ở vách tường phía đông, chiều dã gõ cửa nhà phía tây[21b]. Có ai vì công lao mà ngẫu nhiên được thăng chức thì đều nhao nhao nói với nhau rằng họ vì đút lót mà được thăng quan. Hoặc giả có ai nghĩ đến những người cũ mà đề cử người mình biết thì tụ tập[21c] đưa ra những lời tầm bậy càn rỡ, bảo họ là khéo mưu tính nên được đắt. Tệ hại này không phải mới có một ngày, mà tích tụ từ lâu đã thành thói tục. Nay nêu rõ đầy đủ mọi điều để răn đe người có ngôi vị làm bậc đại thần, chớ nên làm ơn huệ, gây bè đảng mà chỉ nên biết có việc công quên bỏ việc tư; kẻ tiểu thần chớ nên dựa dẫm để giữ [nhiệm vụ]. Ai có tài là dùng, lấy lòng mình mà xét đoán, không mảy may tư vị, [như vậy] đủ để nêu rõ thưởng điển[21d]. Phàm trong kinh cũng như ngoài trấn [nên] thể theo lời chỉ dụ này tuân lệnh thừa hành. [Chỉ dụ] do chúa đích thân soạn, lại tự diễn ra quốc âm. Rồi triệu các quan văn võ vào Nội các, tuyên bố dụ bảo ân cần mọi điều để tỏ ý răn đe, hoặc khích lệ họ.

22.Bắt đầu thi hành phép đánh thuế đồng và quế.

[20a] A.6: "tháng mười hai".

[21a] Bản trục chép là: "nhi vọng cầu cao vị": mà hy vọng cầu được địa vị cao; A.1189 chép là: "nhi doanh cao vị": mà xây dắp địa vị cao.

[21b] A.1210: "mộ khẩu đông môn" "chiều gõ cửa phía đông".

[21c] Nguyên văn: "quần"; A. 1189: "quần khẩu".

[21d] A.1189: "thịnh diển": điển lệ tốt đẹp.

23. Chúa cùng bọn Công Hãng họp bàn cho rằng: đồng và quế là sản vật quốc gia, lệ cũ cho phép được mua bán riêng tư [như vậy mối lợi] quy về người buôn mà không giúp ích gì cho việc dùng công[23a], bèn quy định về người thuế, sai quan trông coi (tờ 14a) việc này. Phàm hộ nào di buôn đồng, bóc quế, khi đi phải nhận giấy chứng nhận, lúc về bắt xuất trình khám nghiệm. [Nếu] trao đổi với lái buôn nước ngoài thì phải đợi lệnh chỉ rồi sau mới cấp phát giấy; nếu mua bán ở trong nước thì chỉ phải nộp bản giao khế ở quan giám đương[23b] làm bằng chứng. Còn những việc lén lút chuyên chở và làm vụng trộm đều bị nghiêm cấm.

24. Trấn thủ Kinh Bắc Trần Đăng Phụ bị miễn chức[24a], [Phụ] bắt dân ở ven đường cái chặt cây, phá nhà, người ta dều khổ sở vì việc ấy[24b].

Chúa thương tình Phụ tuổi già không nỡ giết[24c] chỉ sai phải đình nhiệm[24d] và cho Nguyễn Minh Chu thay làm Trấn thủ.

Tân Sửu, niên hiệu Bảo Thái thứ 2 (1721) (Thanh, Khang Hy năm thứ 60)

1. Mùa xuân, tháng giêng. Ban cho các quan văn võ từ tứ phẩm[1a] trở lên, khi vâng lệnh vào hầu [chúa] được dùng áo sa, hoặc áo đoạn. Đại thần bọn Trịnh Quán, Nguyễn Công Hãng nhân đó xin chúa khi tiếp kiến quần thần dùng y phục màu vàng. Chúa bèn triệu họ tới dụ rằng: "Ta từ khi lên nối cơ nghiệp nhà chúa[1b], giúp rập nhà vua, thường vẫn giữ lòng tôn kính. Màu vàng là đồ mặc của thiên tử, để suy tôn Hoàng thượng ta, hợp với ý nghĩa của lễ[1c]. Từ nay những lúc coi việc chính sự, hội họp ở triều và những lúc bình thường yến tiệc, tiếp kiến quần thần, ta chỉ dùng y phục màu tía, ngõ hầu để phân biệt với các ông mà thôi".

[23a] A.1189: "quốc dụng".

[23b] Giám *đương:* Viên quan trông nom thu thuế các hộ kinh doanh đồng và quế, phải lĩnh chứng chỉ ở viên này mới được hành nghề. Muốn có chứng chỉ phải có tiền hoặc lễ vật nộp viên giám đương và tiền dâng phủ chúa Trịnh "CM.XXVII.27".

[24a] Theo A.1189.

[24b] A.2089: "địch dân trị đồ, tiễn thụ, triệt ốc, dân giai khổ chi" nghĩa là: bắt dân sửa đường, chặt cây, phá nhà, dân đều khổ vì việc đó.

[24c] Theo A.1189.

[24d] Tức đình chỉ chức vụ.

[1a] A.6: "từ ngũ phẩm".

[1b] A.2089: "phi cơ" tức là: cơ nghiệp lớn lao.

[1c] Nguyên bản: "suy tôn ngã hoàng thượng dĩ hiệp lễ ý" A.1189 chép "suy" ra "duy" cũng có nghĩa, tức là chỉ Hoàng thượng ta dùng để hợp với ý nghĩa của lễ.

2. Bỏ luật hình chặt tay chân. Chúa cho rằng (tờ 14b) trong luật quốc triều có năm thường hình[2a]. Gần đây mới thêm hình luật chặt ngón tay[2b], dáng thương xót lắm. Bèn ra lệnh cho các phạm nhân bị tội ngoạt lưu[2c] đều được giảm xuống tội đồ cư tác[2d], tùy theo tội nặng hay nhẹ mà định niên hạn nhiều ít có khác nhau, (tội bị chặt hai tay[2d] rồi đầy đi châu xa[2e], đổi xuống làm tội đồ cư tác trung thân; tội chặt một tay[2g] rồi đày đi châu gần[2h], đổi xuống làm tội đồ cư tác 12 năm; tội chặt hai ngón tay rồi đổi xuống đi đày châu gần, đổi xuống làm tội đồ cư tác 6 năm; trộm, cướp phạm tội ngoạt lưu, không nằm trong lệ này).

3. Tháng ba, sai Chánh sứ Hồ Phi Tích, Phó sứ Tô Thế Huy, Đỗ Lệnh Danh sang Thanh tuế cống.

4. Đình chỉ công việc xây dựng ở trong kinh, ngoài trấn.

5. Mùa hạ, tháng năm. Quốc lão Đàm Công Hiệu[5a] chết, thọ 69 tuổi. [Triều đình] bãi chầu ba ngày, sai quan đến lo liệu việc tang, truy tặng Thái bảo (Công Hiệu người xã Ông Mặc, huyện Đông Ngàn).

6. Ra lệnh cho quan hai ty (Thừa chính, Hiến sát) các xứ đo đạc ruộng.

7. Đêm Tân Mùi [ngày 11 (5 - VI - 1721)] động đất.

8. Bấy giờ trời đã lâu không mưa, giá gạo cao vọt, dân trong kinh kỳ đem những lời phao đồn về việc phiến động truyền cho nhau làm nghi ngờ, kinh sợ. Họ tranh nhau chuyển vận tài sản, dắt díu gia quyến về làng kẻ trước người sau lũ lượt nối gót nhau ra khỏi cửa thành. Sự việc đến tai chúa. Chúa ra lệnh cho quan đề lãnh phải kiểm soát, đề phòng, việc cấm ngăn tăng cường nghiêm ngặt. Binh phiên truyền lời dụ bảo quan dân, lại trừng trị rất nghiêm những người phạm lệnh cấm. Lâu dần những lời đồn bậy cũng hết, lòng người cũng được yên định.

[2a] *Năm thường hình* là: 1. thát (đánh bằng roi); 2. trượng (đánh bằng gậy); 3. đồ (đầy đọi); 4. lưu (đẩy đi xa); 5. tử (xử tử) (theo LTHCLC).

[2b] A.2089: "chặt ngón chân".

[2c] *Ngoại lưu:* chặt (tay hoặc chân) rồi đày đi nơi khác.

[2d] *Đồ cư tác:* giữ tại chỗ bị đày theo thời hạn đã định và bắt làm việc khổ sai.

[2d] A.1189 chép nhầm là "lưỡng chí".

[2e] Tức là châu Bố Chính (CM q.15 tờ 10).

[2g] A.1189 chép nhầm là: "nhất chí".

[2h] Tức là châu Nghệ An (CM q.15 tờ 10).

[5a] A.& "Đàm Quốc Hiệu".

9. Vì đại hạn, trưng cầu những lời nói thẳng. Cho phép các quan văn võ đều được phép dâng phong sự, mạnh dạn nói hết những điều hay, điều dở, không giấu giếm, kiêng kỵ để giúp đỡ nhà chúa[9a].

10. Ra lệnh (tờ 15a) cho quan, dân trong nước quyên nộp thóc cho quan chức. Sau đó lại ra lệnh quyên nộp tiền đồng, tiền giấy để trao cho chức phẩm[10a].

11. Cho Trịnh Quán, Trịnh Lâm làm Chưởng phủ sự; Trương Nhưng[11a], Nguyễn Minh Châu[11b] làm Thự phủ sự.

12. Mùa thu, tháng bảy nhuận. Đem những lời nói thẳng đã nghe được, thi hành 10 điều, ban bố cho trong kinh ngoài trấn biết (như: hàng năm vào đầu mùa xuân, ban bố lại mệnh lệnh cũ; bàn về việc cứu giúp dân nơi biên giới; quy định phép chạy trạm[12a]; giảm bớt việc tuần du; phòng ngừa việc đặt [ruộng, mua ruộng]; tiết kiệm sức quân[12b]; [làm ra] nhiều tiền của[12c] tất cả là 10 việc, đều do thu nhận những [lời nói thẳng], rồi dựa vào đó mà ban lệnh thi hành).

13. Tháng tám, họp bàn thi hành phép học võ và thi võ. Lập trường học võ, đặt quan Giáo thụ, lệnh cho con cháu các công thần và bề tôi đều được vào học. Luyện tập chiến lược trong võ kinh và các môn võ nghệ. Hàng năm lần lượt những tháng mùa xuân, mùa thu thi tiểu tập, bốn tháng trọng[13a] thi đại tập. Xuân, thu tập [võ] nghệ, đông, hạ tập văn. Quan giáo thụ đề cử người trúng tuyển để điều động bổ dụng. Chuẩn định ba năm một lần thi, tất cả những bậc tuấn tú trong nước cũng được ứng cử. Về phép thi, trước hết hỏi qua về nghĩa cốt yếu trong sách Tôn Tử[13b], ai thông hiểu nghĩa sách thì cho vào đua võ nghệ: môn thứ nhất, cưỡi ngựa, múa thanh mâu dài; môn thứ hai: đánh kiếm có múa khiên;

(9a) Nguyên văn: "bất dãi" tiếng khiêm xưng của các bậc vua chúa cũng như "bất cốc".

(10a) Bản trục chép "dĩ thụ chức phẩm": để trao chức phẩm; Bản A.1189 chép "Lượng thụ chức phẩm" lượng xét trao cho chức phẩm.

(11a) A.6: "Nguyễn Nhưng".

(11b) A.6: "Nguyễn Minh".

(12a) Bản trục chép: "dịch pháp": phép trạm dịch. A.1189 và A.2089 "dịch pháp": phép sai dịch.

(12b) A.1189: "tiết binh phong": tiết kiệm lương binh.

(12c) A.1189: tiết kiệm tiền của.

(13a) *Bốn tháng trọng:* trọng xuân (tháng hai), trọng hạ (tháng năm), trọng thu (tháng tám), trọng đông (tháng mười một).

(13b) *Tôn Tử: tức Tôn Tử binh pháp*, sách do Tôn Vũ người thời Xuân Thu biên soạn, gồm 13 thiên.

môn thứ ba: múa đao; kỳ chót thi về phương lược quân sự. Ai trúng cách thì sẽ được dẫn vào sân phủ chúa thi phúc hạch, sau đó được bổ dùng tùy theo đỗ cao hay thấp.

14. Quy định phép thi Hương và khảo hạch ở các trường hương học và quốc học.

Trường quốc học (tờ 15b): dùng Tế tửu và Tư nghiệp làm chức quan giảng dạy. Con cháu các quan văn, võ công thần đều được vào học cùng với những học trò khác. Mỗi tháng, học quan cho thi một kỳ tiểu tập để thi khảo các học trò đã được vào học. Bốn tháng trọng[14a], quan giám khảo cho thi đại tập để khảo các sinh đồ và cử nhân. Ai thi bốn kỳ đều trúng tuyển thì cho quan giám khảo đứng ra bảo cử, bộ Lại sẽ bổ dùng.

Trường hương học: Dùng hiệu quan[14b] để giảng dạy các sinh đồ và đồng sinh[14c] tuấn tú trong phủ mình tình nguyện vào học. Mỗi tháng có hai khóa thi khảo. Ai trúng được 8 kỳ thi, mà là sinh đồ thì được miễn các kỳ thi khảo hàng năm[14d], còn là đồng sinh thì cho được vào trường thi hương. Cho phép huyện quan khảo hạch các sĩ tử, số ngạch lấy đỗ hạn định theo huyện: lớn, vừa và nhỏ (huyện lớn 200 người; huyện vừa 150 người; huyện nhỏ 100 người). [Sau đó] chọn lấy những người trội nhất đem dẫn lên cho quan Phủ doãn và hai ty Thừa chính, Hiến sát khảo hạch lại kỹ càng hơn: có sự phân biệt ra hạng xảo thông[14d] và thứ thông[14e] rồi cho thi với nhau để định ra hạng giỏi, hạng kém.

15. Quy định phép chạy trạm ở ven đường. Các nhà trạm đều có đặt Quân giám[15a]. Nội trấn dùng huyện quan, ngoại trấn dùng phụ đạo để sung vào chức này, Bộ Binh nắm giữ và trông coi công việc này. Nếu có [giấy tờ đồ vật gì] phải đệ chuyển bằng đường trạm thì ở nội trấn dùng bài hiệu của bộ Binh, ngoại trấn dùng giấy chứng nhận của quan trấn,

---

(14a) Xem chú thích (13a).

(14b) *Hiệu quan:* quan trông coi việc dạy học. Ở đây chỉ các viên Giáo thụ ở các phủ đương thời.

(14c) *Đồng sinh:* học trò được đi thi hương mà chưa vào học ở trường hương học gọi chung là đồng sinh.

(14d) Nguyên bản trục: "miễn lịch khảo"; A.1189: "Miễn hoàn khảo" nghĩa là: miễn thi khảo lại.

(14d) *Xảo thông*: khá thông thạo.

(14e) *Thứ thông:* thông vừa.

(15a) A.1189: "các thiết bưu đình mệnh quan giám kỳ sự": các nơi đều đặt nhà trạm, sai quan trông coi công việc.

đều ghi rõ số phu trạm. Cho phép Quản giám thuê dân đinh để làm, cấp cho họ tiền cước lực (tờ 16a)[15b]. Chuyển đệ văn thư tính vào hạng nhẹ, đồ vật phải gánh vác tính vào hạng nặng, tiền công đều tới lĩnh ở nơi quan trấn. Cứ cuối năm tính gộp các khoản chi tiêu, quan trấn kê khai đầy đủ từng loại, bộ Binh tra xét kiểm nghiệm. Nếu có kẻ nào cấp thiếu số phu trạm hoặc ăn bớt tiền công thuê phu sẽ bị giáng chức và luận vào tội đồ.

16. Mùa thu, tháng chín. Lưu thủ Hưng Hóa Nguyễn Công Chính báo rằng: Đèo Mỹ Lâm ở châu Chiêu Tấn chiếm đoạt Lai Châu, đánh phá Quỳnh Nhai, dân nơi biên giới phần nhiều bị dốt phá cướp bóc. [Triều đình] sai Công Chính cùng Đốc đồng Bùi Sĩ Tiêm, lo liệu bàn xem nên nã bắt hay chiêu dụ [Mỹ Lâm]. Công Chính tiến quân đến Mai Châu, liền bị chết.

17. Mùa đông, tháng mười. Chúa cùng với các đại thần chấp chính họp bàn về phép phú thuế và sai dịch. Dụ rằng: "Ta xem các đời chế độ lấy[17a] vào của dân có khác nhau, nhưng chỉ có ba thứ tô, dung, diệu là chính. Ngày nay tô ruộng và sổ đinh đang được bàn để định diễn chế, thì phép điệu cũng nên bàn tính để cùng thi hành một thể. Ngoài ba thứ thuế đó ra, các thứ điêu dịch, tạp phú[17b] khác, thảy đều nên đình chỉ hoặc giảm bớt. Đời xưa, định sự chi dùng bao giờ cũng cân nhắc số thu vào để trừ số chi ra. Nhưng nay trước tiên ta nên tính số chi ra rồi sau mới quy định số cho dân phải nộp. Các ông mỗi người nên xét kỹ trên các điều mục, để thi hành có thứ tự".

18. Bãi bỏ lính đồn thú ở Cao Bằng.

Theo lệ cũ (tờ 16b). lính địa phương (thổ binh) ở Thái Nguyên luân[18a] phiên nhau đi đồn thú ở Cao Bằng. Chúa cho rằng đất nước thừa hưởng thái bình đã lâu, cõi biên vô sự, quân lính sở tại (thổ trước) cũng đủ[18b] sức chống giữ, bèn sai bãi bỏ đồn thú để giảm bớt sự khó nhọc vì phải thay nhau luân phiên.

(15b) *Cước lực tiền:* ý nói tiền trả công về sức chân phải đi. Ngày nay ta vẫn dùng từ "cước phí".

(17a) Nguyên bản chép thiếu chữ "thủ" (lấy).

(17b) *Tạp phú:* các thứ thuế linh tinh.

(18a) A.1189 chép nhầm chữ "luân" (luân phiên) thành chữ "du" (vận tải).

(18b) A.1189 chép nhầm chữ "túc" (đủ) ra chữ "thị" (là).

Chúa đi chơi Tây hồ. Trịnh Quán[18c], Đặng Đình Tướng, Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn đi hộ giá. Chúa thân làm hai bài thơ quốc âm ban cho họ. Trong đó có ví [cảnh chúa, tôi] như cá nước, tương đắc. Bọn Quán ai nấy đều dâng khải ca tụng và cảm tạ.

19. Giảm bớt số viên chức ở ngoại trấn. Dụ rằng: "Xưa, Đường Ngu, ngoài chín châu chỉ đặt có 5 viên trưởng; đời Thành Chu, giữ nơi biên cương chỉ đặt mỗi nơi một chức giám, [như vậy đủ thấy] muôn cho công việc được chạy, không cứ phải nhiều người. Ngày nay dân nơi biên giới phiêu tán. thôn xóm tiêu điều. Nếu không giảm số viên chức thì sự chi phí về thóc gạo, bổng lộc và sự phiền nhiễu biếu xén vận chuyển biết bao giờ mới thôi. Bèn định từ nay hai ty (Thừa chính, Hiến sát) và phủ huyện ở các trấn Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Lạng Sơn đều đình chỉ việc phó nhậm[19a], công việc của các chức quan ấy thảy đều dồn về cho các trấn quan. Riêng có hai ty ở Thái Nguyên và các huyện ở Phú Bình[19b], địa phận giáp với một trấn, không thể ví như các nơi biên viễn khác, nên cho được nhậm chức như cũ. Còn các phủ, huyện, châu, như Thông, Hóa[19c], Vũ Định[19d] cũng theo lệ chung đình chỉ [việc cử người đến] nhậm chức và dồn việc về cho trấn (tờ 17a) quan. [Làm như vậy] để giảm bớt sự tổn phí về người thừa[19d] và trừ bỏ tệ mọt dân.

20. Sai Bồi tụng Đinh Phụ Ích làm Đốc trấn Lạng Sơn. Lạng Sơn dùng văn thần làm Đốc trấn là bắt đầu từ đó.

21. Thi hội các cử nhân, lấy đỗ bọn Nguyễn Tông Khuê 25 người (Tông Khuê, người Phúc Khê, huyện Ngự Thiên, ứng chế hợp cách, hai lần vâng mệnh đi sứ phương Bắc[21a]). Các khoa thi Hội trước đây, cứ tùy theo từng kỳ mà lấy đỗ hay loại bỏ, khi nhiều khi ít, không có thể lệ nhất định. Đến đây, chúa muốn rộng cầu hiền tài, vì lo quan trường cứ tùy ý mình mà lấy hay bỏ, đến nỗi có sự bỏ sót nên đặc biệt chỉ định rõ "phân

---

(18c) A.1189: "Trịnh Hoành" là sai.

(19a) *Phó nhậm:* đến nhậm chức.

(19b) *Phú Bình:* phủ thuộc trấn Thái Nguyên ngày trước (theo *Đất nước Việt Nam qua các đời* của Đào Duy Anh). A.6 chép nhầm là Cao Bình.

(19c) *Thông, Hóa:* châu Bạch Thông và huyện Cảm Hóa, thuộc phủ Thông Hóa, trấn Thái Nguyên (theo *Đất nước Việt Nam qua các đời).*

(19d) *Vũ, Định:* huyện Vũ Nhai và Định Hóa thuộc Thái Nguyên.

(19d) A.1189 chép là: "dĩ tinh những viên" nghĩa là để giản bớt những viên quan lại thừa.

(21a) Theo A. 1189. Chữ "Khuê" cũng đọc là "Quai".

số"[21b] để lấy hay bỏ ở hai kỳ[21c], còn số ngạch lấy hay bỏ ở kỳ thứ ba, phải xin lệnh chỉ của chúa quyết định

22. Tháng mười hai. Quy định số ngạch tuyển lính ở tứ trấn và hai xứ (Thanh, Nghệ).

Dụ rằng: Hồi đầu nước ta[22a] đánh dẹp giặc Ngô, lập ra sổ quân, đặt ra các vệ, các sở, đều duyệt tuyển dân dinh các xứ để sung vào quân ngũ, vốn có chép đủ trong sổ sách. Đến đời Trung hưng dùng lính Thanh, Nghệ diệt trừ ngụy Mạc, khôi phục cơ đồ, rồi lưu lính đó lại kinh đô để đủ số lính làm việc túc vệ. Tứ trấn chỉ còn ngạch lính không, lúc có việc mới trưng dụng, xong việc lại cho trở về làm ruộng. Trước đây, nhân vì mất mùa đói kém, số nhân khẩu có sự chênh lệnh khác nhau, những lúc truy gọi lấy lính, dân thường khổ vì việc [cứ người] này thế người khác (tờ 17b), địa phương riêng chịu cái hại này. Nay muốn khôi phục chế độ xưa, noi theo[22b] khuôn khổ đã sẵn có, châm chước, thêm bớt khiến cho được công bằng.

Cốt để cho hai xứ [Thanh, Nghệ] được hưởng chút vui nghỉ vai, và bốn phương cùng quy về như thân thể sai khiến cánh tay[22c]. Vậy nay định lệ lần lượt thi hành. Còn việc duyệt sổ tuyển lính như thế nào thì nên hội họp bàn định rồi ban bố. Suất lính hai xứ [Thanh, Nghệ] châm chước giảm bớt, nếu có nơi nào phải riêng chịu quá nặng thì sẽ san bổ. Trong tứ trấn, nơi nào có quan điền thì lấy lính sung vào đội ngũ rồi cấp quan điền cho họ để làm lương ăn; nơi nào không có quan điền thì tham khảo châm chước ngạch cũ mà lượng xét cho họ về làm ruộng.

25. Bắt đầu thi hành phép đánh thuế muối.

Dụ rằng: Từ xưa, từng chế hóa các thức dùng trong nước, sản vật ở núi và biển không phải là không có thứ còn bỏ sót. Việc làm muối lợi ích rất rộng. Nay nước nhà [gặp lúc] rảnh việc thật là lúc nên khảo cứu việc xưa mà đặt phép mới, cốt khiến cho mối lợi lớn ở đầm, biển không dồn hết vào bọn lái buôn mà giúp ích cho dân nghèo. Sự tiêu dùng của quốc gia không riêng trông vào số tô thường thu mà còn được ngạch ngoài

---

[21b] Phân số: điểm chấm bài thi ngày xưa có ưu, bình, thứ, liệt gọi là "phân số".

[21c] Tức trường đệ nhất và trường đệ nhị.

[22a] Chỉ triều Lê, thời Lê Thái Tổ.

[22b] A.1189: "thủ": giữ lấy.

[22c] Nguyên văn bản trục: "tứ phương đồng sử tí chi qui" dùng chữ trong *Hán thư* "Giả Nghị truyện" có câu "như thân chi sử tí, tí chi sử chỉ", nghĩa là như thân thể đồng sử tí chi phong", vô nghĩa.

thuế khóa gánh đỡ, [như vậy] có thể đủ sự chi dùng cho nước và giúp ích cho việc nông. Bèn định rõ phép đánh thuế [muối]: đặt quan Giám đương để trông coi. Phàm dân miền biển mà tình nguyện nấu (tờ 18a) muối thì cho làm "táo dinh"[23a], lái buôn tình nguyện buôn muối thì cho làm "diêm hộ" [23b].

Những dân [làm] muối đều được miễn thuế khóa, tạp dịch. Cứ tính theo số muối đã nấu được mà liệu lượng đánh thuế, lấy hai phần mười làm muối công. "Diêm hộ" phải có bài của quan Giám đương mới được đến trường muối: trước hết mua muối công, rồi mới đến muối của "táo đinh", nhưng chỉ cấp cho đủ số thì thôi. Việc mua, bán muối đều có giấy tờ làm bằng chứng.

26. Ra lệnh chọn nho sinh để giảng dạy Hoàng tử.

Nhâm Dần [Bảo Thái] năm thứ 3 (1722) (Thanh, Khang Hy thứ 61)

1. Mùa xuân, thi Đình, ban cho Ngô Sách Tố[1a], đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (thám hoa) (Sách Tố người xã Tam Sơn, huyện Đông Ngàn, là cháu xa của Gia Mưu, cháu [nội] của Sách Thí, là con của Sách Tuân, cháu họ [điệt] của Sách Dụ[1b]). Nguyễn Tông Khuê, Trương Thì (người xã Nhân Mục cựu, huyện Thanh Trì[1c]), Nguyễn Trác Luân (người xã Bình Lao, huyện Cẩm Giàng[1d]), ba người[1d] đều đỗ tiến sĩ xuất thân. Bọn Nguyễn Đức Đôn (người xã Vịnh Kiều, huyện Đông Ngàn[1e]), 21 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

2. Định rõ lệ tập ấm cho công thần và các quan văn võ.

Bấy giờ các công thần khai quốc được đời đời tập ấm quá xa[2a], nên có lắm kẻ giả mạo. Khoảng năm Thận Đức (1600) Hoằng Định (1601 - 1618) các bề tôi có công hộ giá hồi loan[2b] được ban danh hiệu công thần,

---

[23a] *Táo dinh:* người nấu [muối] chữ này phân biệt với "diêm dân" là dân làm muối.

[23b] A.1189 thiếu câu này.

[1a] A.1189 chép lầm là Ngô Sách Tuân.

[1b] [1c] [1d] [1e] Theo A.1189.

[2a] Nguyên văn: "thế ấm liêu viễn" (đời đời tập ấm đã xa).
A.1189 chép "thế cửu, ấm viễn" (trải đã lâu đời, sự tập ấm cũng xa).

[2b] *Hộ giá hồi loan:* hộ tống xe vua trở về [kinh đô], chỉ việc năm 1600 do Phan Văn Ngạn làm phản, Lê Kính Tông phải bỏ Thăng Long chạy về Thanh Hoa. Năm sau 1601, quân Lê-Trịnh đánh lấy lại kinh đô, Kính Tông lại trở về. Trong thời gian ấy người bề tôi nào theo đi hộ giá hoặc kéo quân đẹp loạn đều được ban danh hiệu "công thần" con cháu đều được phong tước và tập ấm (theo CM. q34 tờ 6).

được tập ấm phần nhiều quá lạm và phức tạp. Lại nữa con cháu các quan văn, võ dược nhiêu ấm vẫn noi theo nếp cũ, đẳng cấp không được rõ ràng. Bọn Công Hãng bàn xin với chúa chấn chỉnh lại cho đúng. Chúa nghe theo[2c].

3. Điểm duyệt lớn binh lính ở tứ trấn sung vào sổ quân. Sai bọn Nguyễn Công Hãng (tờ 18b) làm Chưởng đốc, chia nhau trông coi việc này.

4. Cho các quân nhân có học thức năm nào gặp kỳ thi hương cho được cùng với các sĩ tử khác ứng cử.

5. Tháng ba. Quân đội đánh châu Kiến Thủy[5a]. Trước đó, ở phía nam châu có [Đèo] Mỹ Ngọc cùng với người bộ lạc của mình đánh giết nhau. Chúa sai bọn Nguyễn Thành Lý từ động Khánh An tiến quân đánh dẹp. Mỹ Ngọc sai mẹ đem bạc[5b], đoạn tới hiến và xin đến quân thú chịu tội. Nhưng sau đó ỷ có sự giúp đỡ của châu Kiến Thủy [nhà Thanh] Ngọc lại do dự không quyết. Đến đây, quân đội tới sát cõi của Ngọc, Mỹ Ngọc đem dân trốn đi xa, đuổi không kịp, quân bèn trở về. Chúa cho rằng Mỹ Ngọc là tù trưởng người Man ở ngoài biên, nhân hiềm khích riêng mà đánh nhau, nay sợ bị tội phải trốn tránh, bèn hạ lệnh cho Lưu thủ Tuyên Quang, Hưng Hóa chiêu dụ, vỗ về. Những đồ dâng của Ngọc bị bắt đều thả cho về.

6. Định lại phép tuyển lính.

Đầu đời Trung hưng, chuyên dùng lính Thanh, Nghệ cứ ba suất đinh thì lấy một. Năm tháng đã lâu dần, số hộ khẩu tăng, háo bất thường, phần nhiều là có sự thiên lệnh nơi nặng nơi nhẹ. Chúa bèn ra lệnh châm chước theo chế độ khoan dung, định lại phép tuyên lính: cứ năm đinh lấy một làm lính; cho chọn người khỏe mạnh nhà giàu có mới được dẫn đi tuyển.

7. Bấy giờ, công việc phần nhiều đã được mở mang, canh cải. Chúa một hôm (tờ 19a) đang đêm nghĩ đến việc nước[7a], đặc biệt sai Trung sứ

(2c) Nguyên văn: "tòng chi" (nghe theo); A.1189 chép là: "cố hữu mệnh" (cho nên có lệnh này).

(5a) CM: Sự việc này tiếp với sự việc Đèo Mỹ Lâm thổ tù châu Chiêu Tấn chiếm Lai Châu. Nguyễn Công Chính cùng Bùi Sĩ Tiêm đem quân đội đi kinh lý. Nhưng Công Chính mới đến Mai Châu bị chết, quân kéo về (1721). Nay triều đình lại sai Nguyễn Thành Lý đưa quân lên.

(5b) A.6: "sai đồ dâng của mình đem bạc".

(7a) A.6 chép có khác: "Chúa chuyên cần với chính trị suốt ngày lo việc thiên hạ, một đêm sai Trung sứ...".

đi triệu Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn vào Nội các cùng nghị bàn. Lúc ấy giọt lậu đã đến canh năm, hai người còn ngủ chưa dậy, chúa ngồi để chờ họ. Khi bọn Hãng đến, chúa cười bảo rằng: "Vừa rồi ra cho đánh thức các ông đang giấc ngủ, từ xưa có việc này chăng?". Bọn Hãng lạy tạ, nói: "Thánh thượng lo lắng, siêng năng mọi việc chính sự là thể theo đức tính mạnh khỏe của trời, chẳng phải là điều mà bọn thần kém cỏi tầm thường dây theo kịp. Còn như việc khuyên răn khích lệ bề tôi, đang đêm thức giấc [lo việc] thì thực là chuyện mà đời trước chưa từng có". Chúa bảo họ ngồi, ban cho trà rồi thung dung hỏi kể sách cho đến chiều họ mới ra về.

8. Mùa thu, tháng bảy. Định phép bảo cử các quan văn, võ: từ tam phẩm trở lên phải do lệnh chỉ đặc biệt [mới quyết định], từ tứ phẩm trở xuống, nếu có chức vụ nào khuyết thì hàng năm một kỳ, giao cho Đô đường[8a] bảo cử xin lệnh chỉ quyết định (hàng võ từ chánh nhất phẩm đến tòng ngũ phẩm[8b] 92 viên[8c]; hàng văn từ tòng nhị phẩm[8d] đến tòng ngũ phẩm 52 viên; lục phẩm trở xuống cả văn lẫn võ đều không hạn chế số viên chức) . Lại quy định thể lệ phong tặng, cấp tuất và thờ cúng cho các quan văn, võ tùy theo phẩm trật, thứ bậc có khác nhau.

9. Tháng tám. Bọn sứ thần Hồ Phi Tích về đến kinh đô. Trước đây sứ thần nhà Thanh là bọn Đặng Đình Hiệt[9a] trở về nước, nói nước ta trong cõi yên lặng, lễ nhạc đầy đủ rõ ràng...

10. Tháng chín. Chúa đi chơi phía Tây thành [Thăng Long] xem xét việc gặt mùa. Bấy giờ lúa đã chín vàng, nông dân ở ngoài kinh kỳ kéo nhau gặt hái, chúa dích thân đi xem, ban cho họ trâu rượu. Mọi người đều nhảy múa, đánh trống vui mừng. Chúa lại làm bài ca được mùa để ghi nhớ.

11. Mùa đông, tháng mười. Chúa hạ lệnh cho các người thân giải tán binh quyền. Chúa cho triệu bề tôi trong tôn thất tới ban dụ chỉ, đại lược rằng: "Ta nghe nói[11a] người có đức sáng thì mở rộng tình thân họ hàng; muốn lời thề của tông chi rộng mở, số họ thêm đông người, mà không nghĩ cách vun trồng và bảo toàn họ hàng thì cũng không phải là đạo

---

[8a] *Đô đường:* đài Đô ngự sử. A.1210: "Đô đài".

[8b] A.1210; A.6: "cửu phẩm".

[8c] A.2089; A.1189 và CM: "91 viên".

[8d] A.1189; 2089: "tứ nhất phẩm" đúng hơn.

[9a] A.6: "Đình Tĩnh" A.1189: "Đình Cật".

[11a] Theo A.1189. Bản trục chép nhầm chữ "ngã văn" (ta nghe) ra "ngã quốc" (nước ta).

thân yêu. Nhà ta tôn phò hoàng đế, xây dựng nền vương, con cháu đều nắm trọng binh, người thân thuộc [cầm quân] vẫn có định hạn, việc đó nhân tuần thành thói, chưa có lúc rảnh để suy nghĩ lại cho chu đáo.

Do đó thế lực ngang nhau dễ sinh hiềm nghi và gây hấn khích, có khi bản thân mình vốn không có ý ngấp nghé nom dòm gì khác, nhưng bọn tiểu nhân thì có tà tâm[11b0] hoặc bức bách hoặc ủng hộ mình. Cuối cùng đưa đến thành chuyện của câu vè "đầu túc" [11c] và bài thơ "đậu ky" [11d]. Ta đã biết duyên cớ sâu sắc nên chỉ lo tính kế lâu dài. Vậy các ông cũng nên thể theo ý này của ta: ai nấy đều thôi nắm trọng binh, mà sông cảnh ưu du nơi phủ đệ, ăn lộc giữ tước cùng vui hưởng thái bình, dứt hết hiềm nghi kia khác, (tờ 20a) để giữ lấy phú quý tiếng tốt vĩnh viễn. Cách đối xử nhân hậu với người thân và hòa thuận trong họ hàng còn gì tốt hơn thế". Các thân thuộc của chúa đều lạy tạ.

12. Tháng mười một. Vua Thanh mất (ở ngôi 61 năm, thọ 69 tuổi, miếu hiệu là Thánh tổ Nhân hoàng đế) con thứ tư là Dận Chân lên ngôi, đổi niên hiệu là Ung Chính.

13.Bắt đầu đặt sáu doanh Trung quân. Cho bọn Gia quận công Trịnh Lân, Thiêm quận công Trương Nhưng gồm 6 người chia nhau cai quản (Trung Dực, Trung Uy, Trung Thắng, Trung Khuông, Trung Nhuệ, Trung Tiệp) tất cả 6 doanh gồm 800 người, Trung Uy nay đổi là Trung Hùng (vì "Uy" là mỹ tự của chúa nên phải đổi lại[13a]).

14.Bắt đầu quy định phép tô[14a], dung[14b]. Phép tô: Ruộng công điền chia làm ruộng hai mùa[14c], ruộng một mùa[14d], nộp tiền, thóc có khác

---

[11b] A.1189 chép lầm là: "sơ tùm".

[11c] [11d] A.2089; A.1189: "đầu túc xích bố" (đấu thóc thước vải) và "chử đậu nhiêu đậu ky" (nấu hạt đậu đun bằng cảng đậu). *Đầu túc:* người đời Hán có câu vè rằng: "nhất xích bố thượng khả phùng, nhất đầu túc, thượng khả thung, huynh đệ nhị bất tương dung" nghĩa là: "một thước vải còn có thể may để mặc được, một đấu thóc còn có thể giã để ăn được. Vậy sao hai anh em lại không thể bao dung nhau", để chỉ việc Hán Văn Đế và Hoài Nam Vương Trường đều là con Hán Cao Tổ mà Văn Đế lại đày Trường đi xa. *Đậu ky:* Tào Thực bị anh Tào Phi bức bách phải làm xong một bài thơ trong khoảng bảy bước, nếu không làm được sẽ bị giết. Tào Thực đã làm bài thơ: "*chử đậu nhiên đậu ky, đậu tại thử trung khấp, bản thị đồng căn sinh, tương tiễn hà thái cấp*", nghĩa là: nấu đậu đun bằng cảng đậu, hạt đậu ở trong nồi thóc, vốn cùng một gốc sinh ra, sao lại nung nấu nhau gay gắt đến thế?" để nói lên cảnh cốt nhục tương tàn.

[13a] Theo A.2089.

[14a] [14b] *Tô:* thuế ruộng; *Dung:* thuế đinh.

[14c] [14d] Nguyên văn: "nhị chủng", "nhất chủng".

nhau. (Một mẫu nộp 8 tiền. Ruộng hai mùa nộp hai phần ba thóc, ruộng một mùa nộp một phần ba thóc). Đất bãi công (quan châu thổ), hiện trồng cấy được thì chia làm hai hạng: một nửa trồng dâu; một nửa trồng hoa màu[11d] (chuẩn tính mỗi mẫu một quan hai tiền). Có nơi nào trồng dâu thì nộp một nửa sổ tơ, nơi nào không trồng dâu thì nộp thay bằng tiền.

Ruộng tư cũng có sự phân biệt ruộng hai mùa và ruộng một mùa (ruộng hai mùa, một mẫu nộp 3 tiền; ruộng một mùa, một mẫu nộp 2 tiền).

Phép dung. Hàng năm mỗi suất đinh phải nộp một quan hai tiền. Sinh đồ, lão hạng[14e], hoàng đinh[14g] nộp một nửa.

15.Được mùa to. Chúa ngự lầu Đông, ra lệnh dẫn lính mới tuyển vào lạy dưới lầu, tuyên bố sắc chỉ dạy bảo.

16.Định lệ miễn thuế tô cho ruộng tư của quan viên chiếu theo phẩm trật, (nhất, nhị phẩm được miễn tô 50 mẫu[16a]; [từ tam phẩm] đến cửu phẩm cứ giảm dần mỗi phẩm 10 mẫu[16b]).

17.Đinh thể lệ cấp ruộng công theo khẩu phần cho binh lính ở tứ trấn (tờ 20b) (ruộng hai mùa, ruộng một mùa, được cấp phát nhiều ít tùy theo ngạch nội hai ngoại binh).

18.Bắt đầu thi hành phép thuế điệu.

Theo chế độ cũ hàng năm các việc: đóng tiền về bài biểu[18a], tế tự, đê đường, cầu cống, miếu điện, kho vựa đều chiếu theo suất đinh mà phân bổ, thu nộp. Nhưng phần nhiều có sự vượt lệ lại thêm thúc giục làm tội lắm thứ, dân bị những nhiễu không sao chịu nổi. Đến đây mới họp bàn, quy định: mỗi suất đinh mùa hạ và mùa đông [chi] nộp lên quan 6 tiền, rồi quan tự thuê mướn người làm. Mọi người đều cho là tiện lợi.

19. Ban cho Nguyễn Hiệu tước Nông quận công. Bấy giờ khảo công các quân thần, Hiệu đứng hàng thượng khảo, nên được khen thưởng.

(11d) (14d) Nguyên văn là "sinh bông", từ Việt quen dùng để chỉ hoa màu.

(14e) *Lão hạng:* dân đinh đến 60 tuổi.

(14g) *Hoàng đinh:* từ 17 đến 19 tuổi.

(16a) A.1189: "55 mẫu", về sự kiện này LTTK chép có khác và chi tiết: nhất nhị phẩm 25 mẫu, tam tứ phẩm 20 mẫu, ngũ lục phẩm 15 mẫu, thất bát phẩm 10 mẫu, cửu phẩm 5 mẫu.

(16b) A.2089; A.1189: "cứ hai phẩm giảm 10 mẫu" đúng hơn.

(18a) Bài hiểu: xem chú thích (1a) năm 1702.

Quý Mão [Bảo Thái] năm thứ tư (1723) (Thanh, Ung Chính thứ nhất)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa đi tuần phía đông.

2. Định lại cương giới châu huyện, dụ bề tôi phò tá rằng: "Cương giới các quận trong nước hoặc căn cứ vào núi sông, hoặc dựa vào đồng bằng, nên làm cho dứt khoát. Vậy hãy bàn việc chia vạch, để giới phận bờ cõi được chính xác". Tiếp đó, hạ lệnh cho quan Thừa ty làm việc ấy.

3. Cấp ruộng cho trường quốc học và hương học, nhiều ít có khác nhau (trường quốc học được cấp 60 mẫu ruộng; [trường hương học] phủ lớn: 20 mẫu, phủ vừa: 18 mẫu[3a], phủ nhỏ: 16 mẫu[3b]).

4. Định phép bắt trị trộm cướp (phép đó là: lệnh cho các ty, trấn chọn người khán thủ để cai quản, dò xét bọn gian phi. Nếu có xảy ra [trộm cướp] thì xã sở tại phải bắt ngay, xã lân cận phải ứng viện, đều lấy tiếng trống mõ làm hiệu. Nếu người khán thủ nào lười biếng làm trái lệ không đến cứu hay đến làm chỉ đơn độc ít người, đến nỗi [trộm cướp] trốn thoát, thì sẽ tùy từng việc mà luận tội).

5. Mùa hạ tháng năm. [Chúa thấy] phép đánh thuế tô, dung, điệu mới quy định, bèn ban dụ chỉ, đại lược rằng: "Đời Tam đại[5a] xưa chế độ lấy của dân, duyên cách không giống nhau, chỉ là do tình thế cứu chữa tệ hại khiến phải như vậy. Quốc triều khai sáng, cứ ba (tờ 21a) năm một lần làm sổ, tuy phép độ [đánh thuế ruộng] công [ruộng] tư, khi tăng khi giảm không nhất định nhưng dân đương thời cũng cho là vừa phải. Đến lúc bắt đầu trung hưng vẫn noi theo phép cũ nhưng do thời thế ngày một khác, phép đặt lâu ngày, sinh ra tệ hại. Ta từ khi lên nắm quyền chính đến nay không lúc nào là không nghĩ nhiều tới dân sinh[5b], trằn trọc suy nghĩ rộng tìm sách vở xưa, chỉ thấy phép tô, dung, điệu của đời Đường[5c] là tốt hơn cả. Ta đọc rồi ngẫm nghĩ, dò hỏi mọi người, ai cũng đồng tình.

[3a] Bản trục chép nhầm là 80 mẫu, tham khảo CM và A.1210; A.1189, chúng tôi sửa lại là 18 mẫu.

[3b] Bản trục chép nhầm là 18 mẫu, tham khảo các sách đã dẫn trên, chúng tôi sửa lại cho đúng.

[5a] *Tam đại:* tức Hạ, Thương, Chu, ba triều đại xưa của Trung Quốc được coi là thịnh trị, mẫu mực.

[5b] Nguyên văn bản trục: "quốc bảo" tức là gốc của nước.

Kinh thư có câu: "Dân duy bang bản, bản cố bang ninh" nghĩa là dân là gốc của nước, gốc có vững thì nước mới yên. Vì vậy "quốc bản" là chỉ vào dân. A.2089: "quốc kế" nghĩa cũng tương tự.

[5c] A.6: "Hoàng tổ".

Bèn quy định đầy đủ các điều lệnh theo thứ tự, phẩm thức để ban bố rộng rãi, khiến cho ai nấy biết để ngày nay thi hành. Đại để là theo thời, đặt phép đúng để thích hợp với phép cai trị, tuy điều mục phẩm tiết hơi có thay đổi và mở rộng, nhưng cách chia đều tạp dịch, làm tiện cho dân, nghĩ đến sự chu toàn cho [dân sinh] quốc kế cũng là ngửa trông tấm lòng tổ tông mà thôi"...

6. Bấy giờ chúa Trịnh hăng hái cố gắng lo tính cuộc thịnh trị. Tể thần là bọn Công Hãng có nhiều kiến nghị sáng suốt, cho nên những chế độ về binh, dân, tài chính và phú thuế được xây dựng xếp đặt có thể gọi là kỹ càng đầy đủ trong một thời.

7. Đặt thêm quan ty tuần sát. (Các trấn nói trên đều đặt thêm một sở tuần ty, đánh thuế một phần bốn người; Nội trấn mỗi trấn cũng được đặt thêm một sở tuần sát. Phàm những người buôn bán qua lại, tùy theo thuyền bè lớn nhỏ, hàng chở nặng hay nhẹ mà lượng tính thu tiền thuế).

8. Quy định thể lệ tiền cửa đình cho các xứ và tiền dung, tiền điệu, cho giáo phường (Tiền cửa đình: căn cứ vào xã lớn, xã vừa và xã nhỏ làm chuẩn. Giáo phường ở tứ trấn nộp tiền dung; giáo phường Thanh, Nghệ nộp tiền điệu.

Nghệ An so với tứ trấn giảm 5 phần 10. Thanh Hóa càng nhẹ hơn).

9. Mùa thu tháng tám[9a]. Lệnh cho ngũ (tờ 21b) phủ phủ liêu chia ra sáu "tích" để xử kiện. Dựng sáu toà nhà ở ngoài cửa phủ làm nơi xét xử hình ngục[9b].

10.Tháng chín. Quy định thể lệ nhiêu ấm cho công thần khai quốc[10a] và công thần trung hưng[10b].

11.(Ngày Giáp Ngọ[11a]) sao Chổi xuất hiện ở phận sao Nữ. Ngay đêm thấy sao Chổi xuất hiện, chúa đích thân làm bài cáo văn cúng tạ, giảm đồ ăn, bỏ ca nhạc. Bấy giờ chúa sắp đi chơi Sơn Tây, bên ngoài đã sửa soạn hành trang nghiêm chỉnh để chờ đợi, chúa cho rằng đang có điềm

---

[9a] A.6: "tháng bảy".

[9b] Câu này dịch theo bản A.1189, bản trục chép nhầm nhiều nên không rõ nghĩa.

[10a] *Công thần khai quốc:* bề tôi có công đánh dẹp giặc Minh từ thời Lê Lợi khởi nghĩa.

[10b] *Công thần trung hưng:* bề tôi có công trong việc đánh dẹp nhà Mạc.

[11a] Theo A.2089; A.1210; A.1189. Ngày Giáp Ngọ tức là ngày 18 tháng chín (16 - X - 1723).

biến dị về sao, bèn thôi. Ngày Quý Mão (27 tháng chín) sao Chổi biến mất.

12. Trấn thủ Nghệ An là Trung quận công Lê Thì Liêu chết. [Triều đình] cho Tham lĩnh Siêu quận công Nguyễn Minh Châu lên thay. Thì Liêu [cai trị] ở trấn 19 năm, cùng làm hai việc oai vũ và ơn huệ, được lính và dân tâm phục. Khi chết, hưởng thọ 77 tuổi, được tặng Thái tể[12a], truy phong phúc thần (Thì Liêu là con của Thì Hiến[12b]).

13.Mùa đông, tháng mười, có hoàng trùng [cắn hại lúa].

14.Bắt đầu đặt khoa thi võ[14a]. Lấy những năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thi Sở cử, những năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thi Bác cử: cả hai đều ba năm thi một lần. Phép thi: trước hết hỏi qua về Vũ kinh, rồi sau nhiều lần thi đua võ nghệ đến kỳ cuối cùng thi một bài văn sách. Thi sở cử: ti thí võ nghệ, người nào trúng cách được làm *sinh viên*[14b]; quan viên tử, quan viên tôn [mà trúng cách] được làm *biển sinh*[14c]. Đợt thi văn sách mà hợp cách thì được làm *học sinh*[14d]; *quan viên tử, quan viên tôn mà hợp cách, được làm biển sinh hợp thức*[14d], thi Bác cử: đến kỳ cuối cùng mà trúng cách được làm (tờ 22a) *tạo sĩ*. Người nào kỳ đệ tam được dự vào hạng *toát thứ*[14e] cũng cùng được bổ dụng như tạo sĩ[14g].

15. Sai sứ sang nhà Thanh. Chính sứ là Phạm Khiêm Ích[15a], sang mừng vua Thanh mới lên ngôi[15b], Phó sứ là bọn Nguyễn Huy Nhuận[15c], Phạm Đình Kính[15d]...

(12a) (12a) A.6 "Thái Bảo".

(12b) Bản trục chép: "Thì Huệ" Chúng tôi sửa theo A.2089. Có tham khảo LTHCLC. Nhân vật chí.

(14a) Việc này CM chép vào tháng mười một năm Giáp Thìn (1724).

(14b) *Sinh viên:* tương đương với sinh đỗ khoa thi về văn.

(14c) *Biển sinh:* tương đương với nho sinh.

(14d) *Học sinh :* tương đương với hương cống.

(14d) *Biển sinh hợp thức:* tương đương với nho sinh trúng thức.

(14e) *Toát thứ:* chọn lấy trước, tức là hạng trội nhất.

(14g) Thi Bác cử tại kinh đô cũng như thi hội và thi đình bên văn, còn thi Sở cử thì tiến hành tại các trấn cũng như thi hương.

(15a) *Phạm Khiêm Ích:* người xã Bảo Triệu, huyện Gia Định, đỗ thám hoa khoa Canh Dần, niên hiệu Vĩnh Thịnh (1710).

(15b) Chỉ việc Thanh Thế Tông lên nối ngôi năm 1723.

(15c) *Nguyễn Huy Nhuận:* người xã Vĩnh Lại, huyện Thiên Bản, tiến sĩ khoa Quý Mùi, niên hiệu Chính Hòa (1703).

(15d) *Phạm Đình Kính:* người xã Vĩnh Lại, huyện Thiên Bản, tiến sĩ khoa Canh Dần, niên hiệu Vĩnh Thịnh (1710).

Giáp Thìn [Bảo Thái] năm thứ 5 (1724) (Thanh, Ung Chính thứ 2)

1. Mùa xuân, tháng giêng. Chúa đến đàn tế Nam Giao. Theo chế độ cũ, đầu mùa xuân làm lễ giao tế trời, tương truyền là lễ lớn của các bậc đế vương[1a]. Đến nay nhà vua bị đau chân, chúa đi làm lễ bái yết thay vua. Các bề tôi phò tá xin chúa theo nghi lễ như vua đích thân đi tế, nhưng chúa không theo, đặc cách sai đặt nơi dâng hương và bái vị ở sân điện Chiêu Sự, tạm làm lễ tế. Trong kinh ngoài trấn đều vui mừng cảm kích, khen chúa là người có lòng tôn phù, có đức tốt.

2. Tháng hai, Đốc trấn Cao Bằng là Nguyễn Trù dâng khải nói: "Thánh nhân không vì sự đương lúc vô sự mà lơ là việc đề phòng hữu sự. Theo thể chế cũ, việc đồn thú và phòng vệ ở bản trấn do lính Thái Nguyên luân phiên nhau đến phòng ngự rất chu tất, cho nên chốn biên cương được yên ổn, dầu có lũ giặc cướp như cá nhảy khỏi bờ đập, nhưng rồi cũng chỉ là tôi cho nhuần xanh chảo cả thôi. Gần đây được đội ơn. trên thương kẻ phải đi thú xa đã chuẩn cho việc miễn phải đi đồn thú [ở Cao Bằng], chính là vì bấy giờ chốn biên ải đang yên tĩnh và tấm lòng bề trên tha thiết muốn dân được ở yên. Nhưng lòng người dễ bị mê hoặc, thấy có việc gì mới lạ thì sợ hãi (tờ 22b) kinh ngạc. Mà những kẻ ngấp nghé mưu dồ ở bên ngoài thì lại hay cầu may ở những chỗ [thay đổi] xếp đặt [của ta], biết đâu không nảy lòng gian tham. Vì vậy không thể không dự tính phòng bị trước. Xin cho binh lính Thái Nguyên cứ luân phiên nhau [đến đồn thú] như cũ". Chúa nghe theo, bèn ra lệnh cho phiên thần Thái Nguyên đem lính đến Cao Bằng tạm đồn thu một năm, kể từ tháng tư bắt đầu.

3. Quy định phép đóng tô, thuế cho Thanh, Nghệ và kinh đô. Chúa cho rằng Thanh, Nghệ là ấp thang mộc[3a], ứng nghĩa[3b]. Kinh kỳ là nơi kẻ ngay dưới xe vua, kiệu chúa. Vậy tô thuế, diêu dịch ở các nơi ấy đều nên theo [chính sách] nới nhẹ, khoan dung: Xứ Thanh, Nghệ duy thuế

[1a] A.2089; A.1189: "cựu chế Xuân thú giao thiên, đế thân yết. Vương hộ tống bồi bái" (theo thể chế cũ: đầu mùa xuân làm lễ tế giao (tế trời), vua đích thân bái yết, chúa đi hộ tông làm phụ tế).

[3a] *Ấp thang mộc:* Khu đất do thiên tử phong cho chư hầu để dùng làm nơi nghỉ ngơi và lấy hoa lợi, dùng vào việc trai giới tắm gội thanh khiết trước khi vào triều cận thiên tử. Về sau dùng rộng ra, chỉ chung chỗ đất được phong. Ở đây chỉ Thanh Hóa là nơi phát tích của nhà Lê.

[3b] *Ứng nghĩa:* ở đây chỉ việc dân Nghệ An hưởng ứng theo Lê Trang Tông đánh Mạc Đăng Dung.

điệu là theo như lệ [đóng góp] ở tứ trấn, còn tô ruộng đều được giảm một nửa và cho miễn thuế dung, [Ở kinh kỳ] công điền mỗi mẫu 6 tiền, được miễn nộp thóc. Tô ruộng tư và thuế dung, thuế điệu đều được giảm bớt so với tứ trấn có sai biệt.

4. Tháng ba, thi Hội các công sĩ, lấy đỗ bọn Chu Nguyên Lâm[4a] 17 người (Lâm người xã Cát Động, huyện Thanh Oai, do khoa Sĩ vọng mà đỗ[4b]).

5. Thi Đình. Cho Hà Tông Huân đỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh (bảng nhãn) (Huân người Kim Vực, huyện Yên Định, do khoa Sĩ vọng mà đỗ[5a]), Trần Danh Dĩnh, Lương Nguyễn Huyền tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp) (Dĩnh người xã Hoàng Trường, huyện Đông Thành. Huyền người xã Đông Khê, huyện Thanh Lâm[5b]), bọn Nguyễn Đức Hoằng 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân (Hoằng người Nguyễn Xá, huyện Thụy Nguyên[5c]).

6. Mùa hạ, tháng tư nhuận. Quy định luật đối với quân lính đào ngũ (trốn lần đầu bị phạt 60 trượng; trốn lần thứ hai bị đồ làm tượng phường binh (lính dọn chuồng voi) trong 6 năm. Khi có việc đi chinh chiến hay đi đồn thú mà trốn thì bị chém).

7. Biếm Thượng thư bộ Hình là Trương Công Khải[7a] xuống làm Tả thị lang bộ Lại. Và Tả thị lang bộ Lại[7b] Hồ Phi Tích[7c] xuống làm Hữu thị lang bộ Lễ.

Bấy giờ có một người di kiện ở huyện Đường Hào[7d] vì việc kiện, bị kết tội đồ, [tự] mổ bụng kêu oan. Việc này giao xuống [cho bề tôi] được tham dự xử lại, thì quả nhiên người ấy lý thẳng. [Chúa cho] trước kia ở đài Ngự sử không biết làm rõ lẽ thẳng, cho nên biếm chức.

8. Mùa đông, tháng mười mộ [8a], bắt đầu thi khoa Bác cử, lấy đỗ bọn Nguyễn Công Tự 11 người. Từ đó về sau cứ 3 năm mở một khoa, đặt làm

---

(4a) A.1189 chép lầm là Tống Nguyên Lâm.

(4b) (5a) (5b) (5c) Theo A.1189 (cũng đọc âm Giai).

(7a) *Trương Công Khải:* người Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Ất Sửu năm Chính Hòa (1685).

(7b) Theo A.1189.

(7c) *Hồ Phi Tích-*, người xã Hoàn Hậu, huyện Quỳnh Lưu, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn, năm Chính Hòa (1700).

(7d) Nay là huyện Mỹ Hào, tỉnh Hải Dương.

(8a) A.6: "tháng mười".

chế độ lâu dài. (Khoa ấy, chúa rước nhà vua tới dự xem thi, về sau chỉ một mình chúa tới duyệt, làm thành lệ thường).

9. Định rõ thể lệ tiếp tục làm sổ hộ tịch. Trước đó, định sổ hộ tịch cứ 3 năm làm sổ một lần. Từ năm Nhâm Dần (1722) đến năm tới là năm Ất Tỵ (1725) chính là kỳ hạn đáng phải làm lại [sổ hộ tịch], nhân đó đặt làm thể thức. Nay lệnh cho thừa ty các xứ báo cho các quan huyện thuộc quyền mình tuân hành.

10. Đã lâu trời không mưa, hạ lệnh đình chỉ mọi công việc xây dựng ở trong kinh cũng như ngoài trấn.

11. Tháng mười hai, tha thuế còn thiếu cho các xứ.

12. Lệnh cho Quốc lão Đặng Đình Tướng làm Chưởng phủ sự.

13. Định thể lệ cấp phát đất bãi ven sông (hạ lệnh cho quan huyện khám xét đo đạc, cứ 3 năm đo đạc một lần, dựa theo thể lệ làm sổ hộ tịch [mà cấp phát].

14. Định rõ phép tô, dung, điệu và tuyển lính ở ngoài trấn.

15. Định rõ chế độ lộc điền dùng để ra ơn nuôi dưỡng các quan văn đã về hưu.

Ất Tỵ [Bảo Thái] năm thứ 6 (1725) (Thanh, Ung Chính thứ 3)

1. Mùa xuân, tháng ba[1a], lấy tiền trong kho nội phủ ban phát cho quân sĩ. Chúa cho rằng khẩu phần thóc của nội, ngoại binh được phát lĩnh ở (tờ 23b) các hiệu[1b] phần nhiều bị các thuộc lại bớt xén. Vì vậy đặc cách ban cho 10 vạn quan tiền công[1c] chiếu theo thứ bậc mà ban cấp. Quân sĩ đều cả mừng

2. Mùa hạ, tháng tư. Ra lệnh cho bọn Bồi tụng Nguyễn Đình Hoàn cùng Đốc trấn Lạng Sơn là Đinh Phụ Ích hội đồng với viên quan do triều đình nhà Thanh ủy nhiệm đi điều tra khám xét địa giới châu Lộc Bình và Tư Lãng.

[1a] A.2089: "tháng giêng".

[1b] *Các hiệu:* cơ quan đặt theo đơn vị hành chính của chủ chúa chuyên giữ việc phú thuế và tài chính các trấn và ngoại phiên, các hiệu đều lệ thuộc vào 6 cung (theo LTHCLC).

[1c] Bản trục chép nhầm là: Đặc ban văn quan tiền thập vạn (đặc cách ban cho quan văn 10 vạn quan). Đây theo A.2089.

3. Tháng sáu, tha thuế còn đọng thiếu chồng chất nhiều năm cho bách tính(3a).

4. Bấy giờ dân gian vì nghèo khó phải xiêu giạt lưu tán, nên tiền thuế tô, dung, diệu phần nhiều còn đọng thiếu. Chúa ra lệnh họp bàn thi hành việc châm chước tha thuế. Tiếp đó, cho rằng các huyện thuộc Hải Dương, thóc lúa bị thiệt hại nhiều vì nước mặn tràn ngập, nên tha cho thuế bằng tiền và thóc về vụ hạ năm nay [tùy nơi nhiều, ít] có khác nhau.

5. Mùa thu, tháng tám, đổi tên sông Hát(5a) làm sông Vân Bào, sông Tô Lịch(5b) làm sông Đại bảo (để đối với hai sông Thiên Đức và Nguyệt Đức).

6. Thi Sĩ vọng, lấy đỗ bọn Đỗ Huy Kỳ(6a), 11 người.

7. Tháng chín, Trấn thủ Sơn Tây là Đạt quận công Lê Đình Khôi chết, truy tặng Tả đô đốc.

8. Lưu thủ Tuyên Quang(8a) Hiển trí hầu Đặng Kính, khi tại chức, tham nhũng và tà dâm, bị dân tố cáo. [Thều đình] triệu về kinh, thì tiếp đó chết; truy giáng chức hai bậc.

9. Cho Hoàn quận công Mai Công Cán làm Trấn thủ Sơn Tây và Bảo ngạch hầu Nguyễn Danh Quỹ làm Lưu thủ(9a) Tuyên Quang.

10. Mùa đông, tháng mười (tờ 24a) lệnh cho bọn Bồi tụng Hồ Phi Tích, Vũ Công Tế đi sang hội đồng với ủy quan(10a) nhà Thanh để điều tra khám xét địa giới Tuyên [Quang], Hưng [Hóa].

Trước đó, hai châu Vị Xuyên và Thủy Vĩ(10b), bị Tổng trấn Vân Nam nhà Thanh xâm chiếm; chúa sai gửi thư cho Tổng đốc [Lưỡng] Quảng là Khổng Dục Tuân(10c) nhờ chuyển đạt cho vua Thanh. Vua Thanh đã có lệnh chỉ sai quan liệu lý. Chúa bèn sai bọn Phi Tích đi hội khám.

(3a) *Bách tính:* trăm họ, ở đây có nghĩa là dân nghèo, hoặc bình dân.

(5a) *Sông Hát:* thuộc địa phận huyện Phúc Lộc, phủ Quốc Oai, Sơn Tây (nay là Hà Nội).

(5b) *Sông Tô Lịch:* thuộc địa phận huyện Thọ Xương, phủ Hoài Đức (nay thuộc Hà Nội), sông Hát và sông Tô Lịch đều là sông nhánh của sông Nhị.

(6a) A.1189: "Đỗ Duy Kỳ".

Đỗ Duy Kỳ: người xã Thái Cốc, huyện Thụy Nguyên, tỉnh Thanh Hóa.

(8a) (9a) A.1210: "Trấn thủ".

(10a) *Ủy quan:* Viên quan được vua ủy nhiệm đi làm một việc gì.

(10b) A.6: "Thủy-long".

(10c) A.1189: "Khổng Dục Giản".

11. Tha thuế còn thiếu cho hai xứ Thanh, Nghệ.

12. Sai bọn Tham tụng Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn, quan Ngũ phủ là Trương Nhiêu, Đặng Đình Giản[12a], Nội giám Đỗ Bá Phẩm, Nguyễn Khuê làm khuyến nông sứ. Bấy giờ việc làm sổ điền mới được quy định, dân sở tại nhiều nơi tranh nhau địa giới, không thể giải quyết được. [Triều đình] bèn sai những bề tôi giữ trọng trách chia làm 4 tích đi tuần hành; lại tùy nghi phân xử giải quyết và thăm hỏi nỗi đau khổ của dân gian, để bàn bạc thi hành chính sách hợp thời cứu dân.

13. Định rõ lệnh về việc lùng bắt những hộ khẩu đào vong.

Bấy giờ, làm lại sổ dinh, dân chúng nhiều người gian ngoan khéo náu mình lẩn tránh: [Triều đình] bèn họp bàn dùng pháp luật để triệt việc này. Chiếu theo họ tên mà xã trưởng đã liệt kê, dựa vào sổ gốc, truy nã [kẻ trốn tránh] đem dẫn nộp. Duyệt xem những người nào khỏe mạnh thì cho sung vào quân ngũ, những người nào già yếu thì cho làm dịch phu. Cách khen thưởng cho việc tố cáo này cũng giống như lệ đối với những việc tố cáo.

14. Ra lệnh bắt đầu tuyển chọn nhất (tờ 24b) binh[14a] để mùa xuân sang năm làm đại duyệt. Định rõ làm lệ thưởng.

Bọn Công Hãng bàn cho rằng việc tuyển lính đã thành ngạch nhất định, việc cử hành đại duyệt cũng đã có quy định kỳ hạn. Vậy nên lấy năm tới làm năm bắt đầu [thực hiện]. Bèn hạ lệnh cho các nhất binh đã được tuyển ở tứ trấn và phủ Trường An, đều chiếu theo sổ thực, đến tháng giêng năm tới đều đến kinh đô, giao về quan sở quản, dạy bảo luyện tập, thao diễn cho biết sơ về cách đi, đứng. Rồi đợi sau khi chầu hầu về, tế cờ xong[14b] nấy cho về làm ruộng.

15. Tháng mười một. Định rõ hành nghi, phẩm phục cho trăm quan và các đồ dùng, y phục trong dân gian có cấp bậc khác nhau.

16. Sai Tham tụng Nguyễn Công Hãng kiêm chức Đô ngự sử.

17. Định rõ thể thức duyệt các quyển thi Hội. Quan khảo thí trước hết định rõ tiêu chuẩn về văn bài, rồi công đồng diễm duyệt, một người

---

[12a] Bản trục chép: "Đặng Đình Khóa" dây sửa theo A.2089; A.6 và A.1189.

[14a] *Nhất binh:* chỉ lính quê ở 4 trấn để phân biệt với "ưu binh" là lính Thanh, Nghệ.

[14b] A.1189 chép hơi khác như sau: "đãi kỳ đạo tế hậu" nghĩa là đợi sau khi tế cờ đạo xong...

đọc, một người nghe, xét cho kỹ càng thỏa đáng, sau mới quyết định lấy hay bỏ. Đặt làm thể thức lâu dài.

18. Lệnh cho bách tính trong nước [được phép] ca tụng hoặc chê bai việc tốt xấu của quan cai trị.

Bọn tham tụng Công Hãng khải rằng: "Nhân phẩm của những viên quan cai trị không giống nhau, đối với bản thân thì thanh liêm, có tham ô; [thi hành] chính sự có tốt, xấu. Nếu không phân biệt kẻ hay người dở thì sao có thể tỏ rõ được sự khuyến khích trừng trị. Không xét nghiệm ở lòng dân, sao biết được ai hay ai dở. Vậy nên cho phép dân sở tại yết biển[18a] viết đầy đủ những lời ca tụng hoặc chê bai, để xem viên quan nào tốt, viên quan nào xấu (tờ 25a). [Làm như thế] là khiến cho người ta biết kiêng sợ, mài dũa tu dưỡng thành người thanh liêm. Nên [khiến cho] toàn hạt có cùng một lời, không được vì cảm tình mà khen chê [bậy]. Chúa nghe theo.

19. Sai Tham tụng Công Hãng làm Thế tử thiếu phó[19a].

20. Cho Công Hãng được mở quân doanh Trung nhuệ.

21. Biếm Tả thị lang bộ Công là Tô Thế Huy làm Hữu thị lang bộ Công, và Phạm Công Dung[21a] (người Đông Ngạc, Từ Liêm, trước kia tên là Quang Dung[21b]) làm Thừa chỉ viện Hàn lâm.

Trước đó, các hiệu làm việc trưng thu phần nhiều có thói xâm lạm, ẩn giấu thuế lương[21c]. Chúa sai công phiên bội tính lại, nắm được hết tình trạng ấy. Vì [quan công phiên] làm tròn chức vụ nên được ban thưởng. Những kẻ xâm lạm ẩn giấu [thuế] đều biện giải một cách gượng gạo. Bọn Thế Huy lấy tư cách bộ Công phúc thẩm, lại tha cho chúng. Đến nay [Chúa] lại sai bọn Trương Công Khải thẩm tra lại thấy đúng. Thế Huy, Công Dung đều vì cẩu thả, dung tha kẻ có tội[21d], nên bị biếm chức.

(18a) A.1189 "yết bảng".

(19a) A.1189: "Thế tử Thái bảo"; A.2089; A.6; A.1210: "Thế tử bảo phó".

(21a) A.1189: "Nguyễn Công Dung".

(21b) Theo A.2089.

(21c) A.1189: "thuế ngân" (bạc thuế).

(21d) Nguyên văn: "thất xuất" danh từ luật pháp chỉ việc quan tòa xét xử người đáng tội mà không bắt tội, gọi là thất xuất.

Bính Ngọ, [Bảo Thái] năm thứ 7 (1726) (Thanh, Ung Chính thứ 4)

1. Mùa xuân tháng giêng, bọn sứ thần Phạm Khiêm Ích từ Yên Kinh về nước... (tờ 25b).

2. Tháng hai, đại duyệt các quân.

Binh lính mới chuyển ở các trấn tập hợp hơn một vạn người. Vì đội ngũ các bộ thuộc chỉnh tề nên chúa thưởng cho quân, tướng nhiều ít có khác nhau.

3. Gia phong cho Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn chức Thiếu bảo.

4. Mùa hạ, tháng tư, thăng sứ thần Phạm Khiêm Ích lên làm Tả thị lang bộ Hộ[4a], tước Thuật quận công; Nguyễn Huy Nhuận làm Tả thị lang bộ Hình, tước Triệu quận công; Phạm Đình Kính làm Hữu thị lang bộ Binh[4b], tước Lại khê hầu... (tờ 26a).

5. Tháng sáu, thăng Nguyễn Công Đĩnh, Nguyễn Khắc Trung[5a], Nguyễn Danh Quán[5b] lên "tiến triều[5c]" đều cho làm Giám sát ngự sử.

Đầu đời Trung hưng, dùng người không xét theo tư cách[5d] cũng không phân biệt lưu phẩm[5d], như: Lưu Đăng Sĩ là sinh đồ, Vũ Duy Chí[5e] chỉ là duyện lại mà đều làm đến Thượng thư. Trần Đăng Doanh[5g], Vũ Phương Trượng[5h] chưa có chân tiến triều thể mà người thì

[4a] A.6 1726 "Hữu thị lang bộ Hộ"; A.2189: "Tả thị lang bộ Binh".

[4b] A.1189: "Phạm Đình Kính làm Hữu thị lang bộ Lại"; A.6: "Nguyễn Đình Kính làm Tả thị lang bộ Binh".

[5a] A.6: "Nguyễn Chân Trung".

[5b] A.6; A.2089: "Vũ Danh Quán".

[5c] *Tiến triều:* quan có công trạng, lại được triều thần hiệp đồng bảo cử, thì dù chưa phải là tiến sĩ, cũng được cất nhắc như là tiến sĩ. Việc này từ lâu đã thành lệ, gọi là "tiến triều" Xem thêm chú ở quyển XX.

[5d] *Tư cách:* thân phận con người trong xã hội.

[5d] *Lưu phẩm:* lưu là dòng phái, phẩm là phẩm giá, chỉ địa vị con người trong xã hội.

[5e] *Vũ Duy Chí:* (1604 - 1678) quê xã Mộ Trạch, huyện Đường An, thuộc Hải Dương. Tuy không đỗ đạt gì nhưng là người có văn hóa, lại thông hiểu công việc triều chính, phục vụ được việc cho Trịnh Tạc từ khi chưa làm chúa nên được Trịnh Tạc tin cẩn cất nhắc. Khi thấy có người dị nghị về tư cách của Chí, Trịnh Tạc làm bài luận "Giải nghi" việc dẫn Tiêu Hà, Tào Tham (đời Hán), Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối (đời Đường) đều không phải khoa mục xuất thân mà làm quan to để giải mối dị nghị của họ cho Chí (xem lại năm 1678).

[5g] *Trần Đăng Doanh:* người xã An Lạc, huyện Đông Thành nay thuộc Nghệ Tĩnh.

[5h] Vũ *Phương Trượng:* em ruột Vũ Duy Chí cũng không đỗ đạt mà làm đến Thượng thư, tước Quận công.

do Tự khanh làm Tri phiên[5i], người thì do Thị lang [lên đến chức cao] về trí sĩ. Khoảng niên hiệu Vĩnh Trị (1676 - 1680), Chính Hòa (1681 - 1704), những bề tôi theo hầu chúa từ khi chúa còn ở phủ riêng, thăng hoặc cũng có người được mệnh cho tiến triều, nhưng triều đình còn căn cứ[5k] vào tư cách để phân biệt kẻ trong người đục. Người được trao cho chức thì cũng chỉ trông vào chức phẩm được cao hay thấp. Đến đây chế độ về hàng văn thuộc và tốn phẩm[5l] mới được quy định. [Cho nên] dẫu người nào có mặc áo mầu hồng, đeo hạt ngọc[5m] mà chưa được dự vào sổ triều tịch[5n] thì các sĩ phu cũng không cho là vẻ vang. Bấy giờ người ta mới biết tấn thân[5o] làm trọng.

6. Mùa thu tháng tám[6a] cho Trung úy Nguyễn Khắc Xứng làm Tuần thú Sơn Nam. Các trấn Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, mỗi trấn đều đặt một viên võ quan làm Tuần thú [ở các trấn] là bắt đầu từ đó.

7. Sai Hiệu thư Vũ Đình An (người Mộ Trạch, huyện Đường An[7a]) đón tiếp chỉ dụ của vua Thanh ở Tuyên Quang.

Trước đây, sai bọn Hồ Phi Tích đi hội bàn với ủy quan nhà Thanh là Phan Doãn Mẫn tra khám cương giới, nhưng việc thương nghị không giải quyết được. Doãn (tờ 26b) Mẫn cuối cùng nghe theo thổ quan Khai Hóa cho rằng nước ta bá chiếm, trở về tâu với vua Thanh. Sai cùng lập mốc giới ở dưới núi Duyên Xưởng[7b].

8. Định rõ thể lệ phong ấm cho bách quan theo chức tước. (Cha mẹ, vợ con các quan văn võ được dự phong ấm thì [các quan] nhất, nhị phẩm tùy theo tước; tam phẩm, tứ phẩm theo chức) . [Việc này là] theo lời xin của Trịnh Quán và [Nguyễn] Công Hãng.

(5i) *Tri phiên:* coi một trong 6 phiên của phủ chúa.

(5k) Bản trục chép nhầm là "vị dĩ tư dồ" thừa chữ "vị" chúng tôi sửa theo LTTK và các bản khác cho hợp với ý của câu.

(5l) *Văn thuộc:* chỉ chung gia thần trong phủ chúa Trịnh.

Tốn phẩm: bề tôi của chúa Trịnh khi đã được tiến triều, nhưng việc tổ chức và phong ấm đều kém hai bậc so với người đã đỗ tiến sĩ (CM, ch.b.XXXVI, 28; LTHCLC "quan chức chí").

(5m) Chỉ người đỗ tiến sĩ.

(5n) *Triều tịch:* sổ đăng ký các quan trong triều.

(5o) *Tấn thân:* chỉ những người cầm hốt, thắt đai. Từ "tấn thân" chỉ vào hàng quan cao ở trong triều đình phong kiến.

(6a) A.6: "tháng bảy".

(7a) Theo A.2089.

(7b) *Núi Duyên xưởng:* nơi có xưởng khai mỏ chì.

9. Mùa đông tháng mười, thi Hương. Tăng thêm ngạch lấy đỗ ở trường thi Phụng Thiên (theo ngạch cũ lấy trúng tam trường ngoài 100 người, nay tăng thêm trong khoảng 150[9a] người; lấy trúng tứ trường ngoài 10 người, nay tăng lên trong khoảng 20 người). Bèn thành lệ thường.

10. Giảm nhẹ phú dịch cho Cao Bằng. Chúa nghĩ rằng Cao Bằng (là nơi biên giới[10a] phải chịu phú dịch phiền phức nặng nề, các phiên thần lại nhiều lần đem những nỗi đau khổ của dân về kêu ca. Vì vậy hạ lệnh giảm bớt các tuần ty, bỏ thuế đánh vào đầu trâu, và miễn lệ nộp thuế quả hồng (hồng quả[10b]).

Đình chỉ việc binh lính tùy thuộc các viên quan thừa sai làm việc kiểm củi, gánh nước. Định ngạch vải hoa (hoa bố) được nộp thay [bằng tiền][10c]. Dân trong bốn châu[10d] mới được nghỉ ngơi hồi sức lại.

11. Tháng mười một[11a], thi lại Công sĩ[11b] các xứ ở lầu Ngũ Long. Bấy giờ, những người đỗ thi Hương phần nhiều nhờ người gà văn cho, lấy đỗ một cách quá lạm. Lại nữa con em các nhà thế gia, được đỗ [khoa Hương] phần nhiều không có thực tài. Cáo quận công[11c] Nguyễn Công Cơ nói về việc này. [Chúa] bèn ra lệnh thi lại. Các con của Tham tụng Lê Anh Tuấn, Tắc quận công Phạm Công Trần[11d], Vân quận công Đỗ Bá Phẩm, Đồng quận công Đặng Đình Giám[11d] đều trượt cả, cộng [những người thi hỏng] ở các xứ tất cả là 28 người, đều (tờ 27a) bị đưa xuống cho đình thần xét hỏi và trị tội nặng. Chúa cho Nguyễn Công Cơ là người nói thẳng, gia thăng Thiếu bảo.

(9a) A.1210 "trong khoảng 500 người".

(10a) Theo A.1189; A.6.

(10b) Nguyên văn bản trục: "hồng quả" không thấy trong Từ nguyên, chúng tôi đoán tác giả "dùng Nôm thay cho chữ thị" vì chữ "thị' cũng có nghĩa là quả thị cũng có nghĩa là quả hồng (chu thị) (*Nhật dụng thường đàm*), nên chúng tôi tạm dịch là quả hồng. Cao Bằng vốn là thổ sản hồng ngon.

(10c) Về việc này, theo LTTK: thuế vải hoa trước kia hàng năm phải nộp 57 tấm, nay phải nộp ở trấn 20 tấm còn 37 tấm cho nộp thay bằng tiền, mỗi tấm 8 quan sử tiền.

(10d) *Bốn châu:* tức các châu Thượng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm, Quảng Uyên thuộc Cao Bằng.

(11a) A.2089: "tháng mười hai".

(11b) *Cống sĩ:* người thi đỗ Hương cống.

(11c) Bản trục chép "Ngốc quận công" như LTTK A.1189: "Cáo quận công", A.6 "Quả quận công" Còn LTHCLC nói: Nguyễn Công Cơ người xã Minh Tảo, huyện Từ Liêm... được phong là Tảo quận công.

(11d) A.6: "Phạm Công Linh".

(11d) A.6: "Nguyễn Đình Giám" CM: "Huấn quận công Đặng Đình Giám".

12. Định phép khảo công các Xã trưởng. Trước dây sai bầu đặt Xã trưởng, căn cứ vào xã lớn, xã vừa hay xã nhỏ mà định số. Cho phép quan Trấn thủ, cai mục giao cho [họ] việc coi giữ xóm làng, và thu nộp thuế tô và dung. [Xã trưởng nào] qua hai lần khảo công đều xứng đáng với nhiệm vụ thì được trao cho chức phẩm. Đến nay họp bàn định ba năm khảo công một lần, bắt đầu từ năm nay.

13. Sai Bồi tụng Nguyễn Hiệu[13a] đến Thanh Hoa lấy 14 vạn quan tiền[13b] của kho nhà nước, chia ra phát chẩn cho dân đói.

Đinh Mùi, [Bảo Thái] năm thứ 8 (1727) (Thanh, Ung Chính thứ 5)

1. Mùa xuân tháng hai[1a], tha thuế còn thiếu.

Dân các huyện có sổ thuế quý và thuế thổ sản còn đọng thiếu từ trước khi chưa định lệ thuế về tô và dung, đều rộng tha cho, nhiều ít có khác nhau.

2. [Làm cờ đuôi beo (dùng vào việc khi kéo cờ lên) cấm nội bất xuất, ngoại bất nhập để tỏ ưu thế về quân sự[2a]].

3. Duyệt các quân về trận pháp[3a] ở lầu Ngũ Long.

4. Ngày Ất Mão (28, tức 19 - IV - 1727) chúa Trịnh đích thân làm lễ cúng thần Tiên nông[4a] ở xã đàn[4b]. Khi lễ xong có trận mưa lành, trăm quan chúc mừng.

5. Tháng ba, giảm thuế tô cho ruộng các huyện thuộc Sơn Nam. Vì nước lớn tràn ngập, lúa bị thiệt hại nên ra lệnh tùy theo phân số thiệt hại mà lượng giảm hoặc tha. Đó là theo lời xin của [Nguyễn] Công Hãng.

6. Thi Hội các cống sĩ, lấy đỗ bọn Đặng Công Diễn (tờ 27b) 10 người[6a] (Diễn người xã Phù Đổng, huyện Tiên Du[6b]).

[13a] *Nguyễn Hiệu:* người xã Lan Khê, huyện Nông Cống, đỗ tiến sĩ khoa Canh Thìn năm Chính Hòa (1700).

[13b] A.6: "40 vạn quan".

[1a] Bản trục chép: "tháng hai"; A.6 chép là tháng giêng.

[2a] Theo A. 1189; A.2089.

[3a] *Trận pháp*: phép đánh trận, tức là chiến thuật dạy trong binh thư.

[4a] *Tiên nông:* thần mở đầu nghề nông.

[4b] *Xã đàn:* đàn thờ thần Đất. A.2089; A.1210; A.6: "Tân đàn" có lẽ là sai.

[6a] A.6: "11 người".

[6b] Theo A.1189.

7. Định chế độ cho các bề tôi văn, võ. Những ai bị lầm lỡ và bị giáng truất, chuẩn hạn cho ba năm hoặc 6 năm mới được thăng chức.

8. Mùa hạ, tháng năm[8a], thi Đình. Cho Nguyễn Thế Lập (người xã Bồng Lai, huyện Quế Dương), 26 tuổi đỗ, làm đến Thừa chỉ[8b] đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (thám hoa), bọn Nguyễn Đức Vĩ[8c] (người làng Phật Tích, huyện Tiên Du[8d]), 9 người đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

9. Cho Thiếu bảo Nguyễn Công Cơ giữ chức Thự phủ sự. Công Cơ là người thẳng thắn, bạo nói, bị Công Hãng đố kỵ, khi ở phủ Liêu nhiều lần bị chèn ép, bèn xin đổi sang võ giai. Đến đây được làm Thự phủ sự[9a].

10. Tháng sáu, ra lệnh xét lại và lục dụng[10a] những người thân trong họ nhà chúa bị phạm tội trước đây, về tình cũng có điều đáng lượng thứ. Bọn Trịnh Toàn, Trịnh Liêu đều được rửa tội và được tha, lại được lục dụng con cháu. Lệ ban ơn có khác nhau.

11. Định lệ tại nhậm cho quan Trấn thủ và Lưu thủ, cứ 6 năm là mãn hạn. Việc khảo công thì chia ra làm ba bậc để tỏ ra có sự phân biệt.

12. Mùa thu tháng bảy, ra lệnh bàn định thể chế thăng thụ [phẩm trật] cho các hoàng thân. Bấy giờ, Hoàng trưởng tử Duy Đường ra ở Đông cung, trải hơn 10 năm, tuổi đã 29. Đến đây, vì Duy Đường em Duy Tường do Chính cung là quận chúa họ Trịnh sinh ra, nên định lập [Duy Phường] làm Hoàng thái tử. Chúa muốn làm lễ đặc biệt gia phong, mới tìm thể chế cũ ra hỏi bề tôi phò tá. Bọn Công Hãng (tờ 28a) nói: "Việc thụ phong cho Hoàng tử, lệ ban ân từ trước vẫn chưa có sự nhất định[12a]. Nay xin tùy theo tuổi nhiều hay ít mà chia ra làm hai hạng: bắt đầu thì trao cho tước Quận công, chức tứ phẩm, căn cứ vào tuổi lớn hay còn nhỏ mà chia ra chính tòng. Còn những ai chưa đến 18 tuổi, nên đợi đến đủ tuổi đã". Chúa nghe theo.

13.Mồng 8, ngày Nhâm Tuất[13a] (8, tức 24 - VIII - 1727), lập Hoàng tử Duy Phường làm Hoàng thái tử, bấy giờ mới 19 tuổi.

(8a) A.2089: "tháng tư".

(8b)(8d) Theo A.1189.

(8c) A.1189: "Đức Hoa" là sai.

(9a) Theo A.6 và A.2089; Bản trục chép là "Thự nhũ phủ".

(10a) *Lục dụng*: Lựa ra mà dùng làm việc.

(12a) A.2089: "đã có [lệ] nhất định".

(13a) A.2089; A.1189: "Ngày Nhâm Tý" là sai.

14. Tháng tám, Quốc lão chưởng phủ sự Đặng Đình Tướng dâng cuốn *Thuật cổ qui huấn lục*, xin đem ban cho Thế tử nhà chúa. Sách gồm 8 thiên:

1 Dưỡng đức tính (bồi dưỡng đức tính).

2 Thời triều thị (coi chầu cho đúng thời).

3 Sùng chính học (đề cao đạo học chân chính).

4 Viễn nữ sắc (xa lánh sắc đẹp phụ nữ).

5 Thân chính nhân (gần gũi người trung chính).

6 Trạch bộc tòng (chọn người thần bộc, tùy tùng).

7 Giới kiêu xa (răn ngừa thói kiêu căng, xa xỉ).

8 Biện trung nịnh (phân biệt kẻ trung, kẻ nịnh)[14a].

Mỗi mục lại viện dẫn 1, 2 chương hoặc 3, 4 điều ở kinh truyện và cổ thư có ý nghĩa cảnh giác, răn dạy, khuyến miễn, rồi phụ thêm ở dưới. Chúa xuống chỉ đặc biệt khen ngợi[14b], [sai] đem [sách ấy] ban cho thế tử.

15. Ngày Kỷ Hợi (16, 30 - IX - 1727), vì chúa sắp đi tuần du về phía tây, sai các Trung sứ chia nhau đi san những chỗ hiểm, sửa đường, xây dựng hành cung nhà cửa. Bùi Nhân Hữu[15a] xây dựng ở núi Độc Tôn[15b], Trần Đình Ngọc làm chùa ở Tây Thiên[15c], Hoàng Nghĩa Chữ làm cung Hy Sơn[15d] (tờ 28b), bắt phu dịch dân trong tám huyện[15d].

16. Mùa đông tháng mười, tha các thứ thuế thổ sản.

Bấy giờ [triều] nghị cho rằng các phép tô, dung diệu đã được quy định, nhưng các thứ thuế ngoài lệ ngạch vẫn bị trưng thu sách nhiễu nhiều bề. [Chúa] bàn hạ lệnh tha cho hết thảy, duy chỉ có nộp tiền thuế tô, dung.

17. Lập phép lựa chọn, thải hồi, và tuyển mộ nhất binh.

(14a) A.6: "thân trung viễn nịnh" (thân với người trung xa kẻ nịnh).

(14b) A.1189: "chúa xuống chỉ khen ngợi đáp lại một cách ưu hậu".

(15a) LTTK: "Bùi Nhân Dục".

(15b) *Núi Độc Tôn:* ở xã Cát Nê, huyện Phổ Yên (Thái Nguyên). Theo CM thì xây dựng chúa ở núi này.

(15c) *Chùa Tây Thiên:* ở xã Sơn Đình, huyện Tam Dương, thuộc vùng núi Tam Đảo.

(15d) A.2089 và LTTK: "Nghĩa Sơn" đều chưa rõ ở đâu.

(15d) LTTK chép: "gồm 8 điều" là sai.

Phép lựa chọn: Chiếu theo số đinh khẩu kiến tại[17a] mà lưu nhất binh, còn ngoài ra đều thải về[17b]. Nhắc rõ lại một cách nghiêm chỉnh lệnh cấm truy nã bắt bớ phiền nhiễu.

Phép mộ lính: phàm người nào thân thể khỏe mạnh, tình nguyện làm lính thì cho nộp đơn, đợi xét duyệt, sẽ đưa sung vào đội ngũ, cấp cho quân điền, làm lương.

18. Ngày 17 là ngày Kỷ Hợi (29 - IX - 1727). Phong Thế tử nhà chúa là Trịnh Khương (Giang) làm Khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh, kiêm nắm các việc chính sự, cơ mật, chức Thái úy Thịnh quốc công và cho mở phủ Điện Quốc[18a]. Chúa đích thân làm bài "Bảo huấn" và hai bài thơ ban cho (Bài "Bảo huấn" đại lược nói: "Nhiệm vụ của người trưởng nam phải gách vác không phải là nhẹ, nên lấy lời dạy của hoàng cực[18b] làm khuôn phép. Kính sợ, lo lắng [để trau dồi] đạo đức của mình, sớm lo vào đó, tối lo vào đó, bất cứ một cử động gì cũng lại để ý vào đó. Thành tín, thật thà chứa đầy ở trong lòng, khi ở nơi cung đình phải như thế, khi làm chính sự to tát cũng lại như thế. Tu dưỡng đầy đủ các mặt "thể" lẫn mặt "dụng", suy ra[18c] làm quy mô để trị nước bình thiên hạ, để phỉ lòng giao phó gửi gắm của quân vương, sao cho rạng rỡ cơ nghiệp, mà tổ tông gây dựng vun đắp. [Người con biết] nối tiếp chí hướng của cha ông, làm theo công việc của cha ông để lại, sự hiếu thảo đó còn gì lớn hơn nữa?".

19. Tháng mười một[19a], xây dựng hành cung Cổ Bi. Chúa Trịnh đi đến Như Kinh[19b], ưa thích phong thủy ở Cổ Bi[19c] muốn xây dựng kinh đô mới ở đó. Các tụng thần[19d] cũng (tờ 29a) xin cho dựng hành cung để

(17a) (17a) *Kiến tại:* thấy tại chỗ. Lúc này đã làm lại sổ đinh có chỗ tăng nhưng cũng có chỗ hao "chiếu theo số đinh khẩu kiến tại" tức là theo số hiện có.

(17b) Về việc này ở đây chép không rõ. LTTK chép: "chiếu theo số đinh hiện tại, theo thể lệ tuyển lính, lưu những binh lính đã tuyển ấy ở lại làm binh dịch, còn thì đều phải về cả, miễn sự truy nã cũng chưa rõ. Chỉ có CM chép: "chiếu theo số đinh hiện tại, cứ mười người giữ lại một người làm việc, còn thì thải cho về làng" có lẽ theo CM đúng hơn, cũng do việc mười người lấy một mà có tên "nhất binh"; A.6: "giữ lại một đinh".

(18a) Theo A.1210; A.2089; A.6 Bản trục chép: "Điện khai" là sai.

(18b) *Hoàng cực:* Chuẩn thước do Thiên tử đặt ra để cho dân lấy đó làm phép tắc.

(18c) A.1 189: "thổ chỉ" (thị thổ ra).

(19a) A.6: "tháng mười hai".

(19b) (19c) *Như kinh* (nay là xã Như Quỳnh) và Cổ Bi: hai xã thuộc Gia Lâm (nay thuộc Hà Nội).

(19d) Tụng thần: chỉ các bề tôi tả hữu như thị tụng, bồi tụng, tham tụng.

chuẩn bị khi chúa đi tuần du. Chúa bèn lệnh cho quần thần chọn đất vẽ bản đồ dâng lên [chúa xem]. Công việc xây dựng trong một tháng thì xong. Nhân lúc ở hành cung [Cổ Bi], chúa cho tuyên đọc lệnh chỉ ban ơn phong chức cho các quan văn võ như bọn Đại tư đồ Trịnh Quán, Thiếu phó Nguyễn Công Hãng, cao thấp có khác nhau.

20. Tham tụng Nguyễn Công Hãng xin từ nhiệm vụ kiêm Đô ngự sử. Chúa chấp thuận, cho Nguyễn Hiệu làm Đô ngự sử.

21. Thượng thư bộ Lễ đã trí sĩ Thọ quận công Nguyễn Đương Bao chết, được truy tặng Thiếu bảo[21a]. (Bao người xã Tây Mỗ, huyện Từ Liêm[21b]).

22. Tháng mười hai, cho Thiêm đô ngự sử Ngô Đình Thạc kiêm quyền Phó đô ngự sử.

Mậu Thân [Bảo Thái] năm thứ 9 (1728) (Thanh, Ung Chính thứ 6)

1. Mùa xuân, Thị tụng thượng thư bộ Hình[1a] Lỵ quận công Trương Công Khải chết, được truy tặng Thiếu bảo[1b].

2. Tháng ba, sai quân đi phát chẩn cho dân nghèo.

Vì Thanh, Nghệ và tứ trấn, trải nhiều phen bị bão to, lụt lớn, dân phần nhiều đói kém. Bèn cho mở kho nội phủ, lấy 6 vạn quan tiền, sai các quan tam ty[2a] chia nhau đi chẩn cấp cho dân.

3. Cho Hữu thị lang bộ Lễ[3a] Tạ Đăng Huân kiêm chức Tế tửu, Hữu thị lang bộ Hình Nguyễn Trù kiêm chức Tư nghiệp, đều làm học quan trường Quốc tử giám.

[Bấy giờ] chúa lưu ý đến việc bồi dưỡng đào tạo nhân tài, sai các học quan cứ đến mùa xuân, mùa hạ (tờ 29b) khảo hạch các quan văn về từ chương văn học. Hàng năm đặt làm lệ thường.

(21a) A.6: "Thiếu phó".

(21b) Theo A.2089.

(1a) A.1189; A.1210: "Bồi tụng thượng thư bộ Hình".

(1b) A.6: "Bồi tụng thượng thư bộ Hình, Lỵ quận công Nguyễn Công Khải chết; truy tặng Thiếu bảo".

(2a) *Tam ty:* gồm Đô ty tức Trấn thủ và Thừa chính ty, Hiến sát ty.

(3a) A.2089; A.6 "Tả thị lang bộ Lễ".

4. Mùa hạ tháng tư, ngày mồng một, Tham tụng Nguyễn Công Hãng dẫn quan văn vào Quốc tử giám luyện tập thể văn bát cổ[4a]. Công Hãng cho rằng lối học kinh nghĩa là rập theo khuôn sáo cũ không có cốt tủy văn chương. Còn thể văn bát cổ thì lập ý đẻ chữ, có thể dùng để thu người có tài lạ[4b]. Vì muốn biến đổi thể văn để chọn học trò. Cho nên đem quan văn [vào Quốc tử giám] luyện tập [thể văn ấy] nhằm cổ võ khích lệ phong khí của kẻ sĩ.

5. Ai Lao sai sứ đến nước ta. Trước đó, gặp tiết Diên thọ[5a], sứ Ai Lao không đến...

6. Định lại phép thu tô ruộng.

Phép thu tô ruộng trước đây: công điền đại khái chuẩn cho mỗi mẫu thu 8 tiền, nộp thóc thì tùy theo ruộng một mùa, hai mùa mà có khác nhau. Đất bãi chia làm hai hạng mà thu tiền. Ruộng tư cũng tùy ruộng một mùa, hai mùa, mà nộp thuế. Đến nay lại sai quan thân đi khám xét, xem ruộng mầu mỡ hay xương xẩu mà chia ra làm ba hạng để định mức thuế cao, thấp, đặt làm lệnh.

7. (tờ 30a) Lại định thể lệ quân cấp ruộng đất cho lính đã tuyển được[7a]. (đất bãi và ruộng hạng nhất chuẩn cấp cho mỗi người 5 mẫu; ruộng hạng nhì, hạng ba cho 6 mẫu hoặc 7 mẫu có khác nhau).

8. Nhà Thanh trả lại xưởng đồng Tụ Long.

Trước kia, Vị Xuyên, vùng đất biên giới bị thổ quan phủ Khai Hóa xâm chiếm đã lâu. [Bên ta] nhiều lần đem việc ấy tâu bày sang [vua] Thanh. [Nhưng quan nhà Thanh] sai đến khám xét lại bênh vực thổ quan phụ họa câu chuyện cho rằng nước ta xâm chiếm nội địa[8a]. Sau khi lập giới mốc ở Xưởng Đồng[8b], [nhà Thanh] đặt quan ải, đắp bờ đường ngăn. Nước ta bị mất 40 dặm đất.

(4a) *Văn bát cổ:* thể văn có từ đời Minh Hiến Tông năm Thành Hóa 23 (1487). Lối văn này phải làm tám vế đối nhau, ở Việt Nam áp dụng thể bát cổ vào khoa cử là bắt đầu từ [Nguyễn] Công Hãng.

(4b) Bản trục chép: "tài lạ"; A.1189 "thực tài".

(5a) *Diên thọ:* lễ sinh nhật chúa Trịnh.

(7a) Áp dụng cho lính nhất binh mới tuyển.

(8a) *Nội địa:* chỉ đất Trung Quốc.

(8b) *Xưởng Đồng:* tức Đồng Xưởng, thực ra là Duyên Xưởng (Xưởng Chi, tên núi). Xem lại năm 1726.

Vua Thanh hai lần ra sắc dụ yêu sách nước ta phải theo. Tổng đốc Vân [Nam] là Ngạc [Nhĩ Thái] phi báo cho ta, nhưng thổ mục Tuyên Quang là Hoàng Văn Phác chống lại nhất thiết không chịu tiếp nhận. Việc kéo dài đến 5, 6 tháng(8c). Bên Thanh tinh thần Vân Nam Ngạc Nhĩ Thái(8d) ngờ ta có mưu đồ gì khác, bèn tâu với vua Thanh xin điều động doanh binh các tỉnh và tư cho hai tỉnh Quảng Đông, Hồ Quảng điều bát quân giúp đỡ. nhưng vua Thanh không y cho. Liền đó điều động binh mã ba tỉnh, sai bọn Phó đô ngự sử viện Đô sát Hàng Dịch Lộc, học sĩ Nội các kiêm Thị lang bộ Lễ Nhậm Lan Chi sang ta trước để xét động tĩnh bên ta. Rồi đó thấy Bắc triều tư công văn sang nói có Khâm (8d) sứ đến trước, mà không tỏ cho biết đến làm gì. Lại nữa, công văn của bộ Binh đã đến cửa ải, mà sứ giả vẫn còn trùng trình ở dọc đường. Trong kinh, ngoài trấn đều lấy làm ngờ, lòng người hoang mang sợ hãi. Riêng chúa đoán rằng đất ấy (tức đất Tụ Long) tất sẽ trả lại cho ta chứ chả lẽ không có hấn khích gì mà họ lại gây sự (tờ 30b) nơi Lãnh Đề (8e) là biên cương cũ. Vả lại [bên Thanh] nói rằng bộ Binh của họ đưa công văn trước như thế là để cho nước ta biết sớm việc trả đất, để tỏ ra có ân đức với ta. Bèn nghiêm sức cho [quân] biên giới(8g) không được hành động càn; sai viết quốc thư chuyển sang nhà Thanh. Đến nay quả nhiên nhà Thanh sai sứ đem đất trả cho ta. Hỏi ra mới biết rằng sứ nhà Thanh lưu lại ở đất Quảng [Tây] là để đợi viết lại sắc dụ, rồi mới khởi hành. Mọi tình tiết uẩn khúc đều đúng như phán đoán sáng suốt [của Chúa]. [Vì vậy] quần thần đều kính phục chúa cho là bậc thánh minh, trù tính định đoạt nơi cửu trùng soi tỏ ngoài muôn dặm. Bèn kéo nhau đến lạy tạ ca ngợi.

9. Tháng sáu, bọn Dịch Lộc đến kinh đô, làm lễ tiếp nhận [sắc dụ]. Sai Tả thị lang bộ Binh là Nguyễn Huy Nhuận, Tế tửu Nguyễn Công

---

(8c) CM. ch.b XXXVII, 4: "kéo dài 5, 6 ngày".

(8d) A.6: "Trịnh Nghi Thái".

(8d) *Khâm sứ:* quan được mệnh vua phái đi giao thiệp với nước ngoài.

(8e) *Lãnh Đề:* chỗ đất biên giới cũ. Dịch giả LTTK đoán là Lãnh Câu, một địa điểm ở Lào Cai, giáp Vân Nam, nơi đây quân Mộc Thạch nhà Minh đã bị nghĩa quân Lam Sơn ngày trước đánh bại.

(8g) A.1189: "nghiêm sức trị binh biên" nghĩa là nghiêm sức cho biên giới sửa sang việc binh.

Thái di hội đàm với ủy quan nhà Thanh để nhận đất làm mốc giới. Việc cương giới bắt đầu được ổn định[9a].

10. Hai xứ Thanh, Nghệ không mưa[10a]. [Chúa] sai sứ chia nhau tuần hành xem xét, rộng xá cho tiền thuế điệu. Ân xá vừa đến thì mưa lớn đầm thấm chan hòa.

11. Mùa đông tháng mười, thi khoa Đông các, lấy trúng cách bọn Phạm Khiêm Ích, Vũ Công Trấn (người xã Đôn Thư, huyện Thanh Oai[11a]), Nguyễn Công Thái 3 người; thưởng bạc và ban mũ, áo, đai bạc như lệ đối với người đỗ tam khôi [11b] (cho cưỡi voi vinh quy về làng như người đỗ trạng nguyên[11c]).

12. Có năm con rồng xuất hiện trước lầu Ngũ Long (tờ 31a) Được mùa lớn. Chúa đích thân làm thơ để ghi lại điềm lành này. Trăm quan dâng khải chúc mừng, xin tuyên bố giao cho sử quán[12a] [ghi việc này] để lại cho đời sau.

13. Định rõ lại phép xử tội những quân lính nào mượn người thế, bỏ trốn hoặc thiếu (phàm kẻ nào mượn người đi lính thay, cho quan quản kê khai, đi tróc nã[13a]) vẫn bắt sung vào đội ngũ Còn người đi thay cũng bị tội như thế. Lính nội binh đến 60 tuổi, lính ngoại binh 55 tuổi mới được miễn. [Kẻ nào] tự tiện bỏ về, trốn tránh, hay ngầm cầu cạnh đổi tên thay thế đều bị khép vào tội đồ. Xã trưởng cho thay thế càn; quan sở quản chịu nhận dung túng, đều bị tội.

(9a) Về việc này A.1189 và LTTK chép chi tiết hơn như sau: "sai Tả thị lang bộ Binh Nguyễn Huy Nhuận, Tế tửu Nguyễn Công Thái đến Tuyên Quang cùng ủy quan nhà Thanh tranh biện về việc biên giới. Bấy giờ Bắc triều lấy sông Đô Chú làm ranh giới, nhưng thổ quan (phủ Khai Hóa) chỉ bảy vào sông Đô Chú giả, muốn chặn lấy các sách (bản) ở Bắc Sơn. Bọn Công Thái xông pha lam chướng, vượt nơi hiểm trở đi qua các mỏ đồng, mỏ bạc, nhận ra sông Đô Chú thật. Bèn cùng với ủy quan nhà Thanh đưa công văn tranh biện, bẻ lý mãi, [cuối cùng] lập cột đồng [làm giới mốc]. Việc cương giới bắt đầu được ổn định".

(10a) A.1189; A.6: đã lâu không mưa".

(11a) Theo A.2089.

(11b) *Tam khôi*: trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa.

(11c) Theo A.1189.

(12a) A.1189: "sử quan".

(13a) A.2089: "cho quan quân kê khai đi nã bắt và phạt trượng".

Kỷ Dậu [Bảo Thái] năm thứ 10 (1729) (từ tháng tư trở về sau là Vĩnh Khánh thứ 1)(*) (Thanh, Ung Chính thứ 7)

1. Mùa xuân tháng giêng, chúa đi tuần phía đông đại duyệt chu su [1a] ở cửa biển Triều Châu [1b].

2. Mùa hạ, tháng tư, quy định lệ phạt trượng trong việc xử kiện (các vụ kiện, có vụ nào can phạm lỗi lầm đáng phạt [tiền] thì chỉ người nào có chức vị mới cho hưởng. Còn người vị nhập lưu[2a] và dân hạng thì tùy theo tội nặng, nhẹ mà phạt trượng).

3. Ngày Ất Mùi[3a] (21, tức 18 - V - 1729) vua truyền ngôi cho Hoàng thái tử Duy Phường. Vua nhường ngôi ra ở điện Kiền Thọ. Thái tử lên ngôi, đổi niên hiệu là Vĩnh Khánh nguyên niên, tôn vua làm Thái thượng hoàng, lấy ngày sinh nhật làm Tường minh thánh tiết.

4. Xá các thuế còn trốn[4a], thiếu từ năm Đinh Mùi (1727) trở về trước, và hai phần mười thuế vụ hạ năm nay (1729).

5. Tháng năm, [Nguyễn] Công Hãng nói rằng: "Việc công trong chính phủ rất nhiều, không rỗi để nhận đơn kiện tụng và xét hỏi, xin trả về cho hữu ty" Chúa nghe theo, lệnh cho Hồ Phi Tích trông coi những việc ấy.

6. Tháng sáu, các quan văn võ (tờ 31b) lại xin gia tôn mỹ tự [cho chúa], nhưng chúa khiêm tốn từ chối không nhận.

7. Ban cho Quốc lão Đặng Đình Tướng thóc, lụa, áo, chăn, ghế, gậy và 50 mẫu lộc điền. Khi vào công phủ bàn chính sự được ban cho ăn ở bếp công.

8. Mùa thu tháng bảy, nước lớn, vỡ đê Cự Linh[8a], nước tràn ngập hành cung Cổ Bi. Trong thành nước sâu đến 3 thước, nhà công hàng phố, phường xóm đều bị đổ nát, đê các nơi bị vỡ rất nhiều. Sai bọn Hồ

(*) Theo A.6.

(1a) A.1189 và LTTK: "duyệt chu xa": (duyệt thuyền xe).

(1b) LTTK: "cửa biển Triều Dương": Triều Dương: tên sông, phía trên ăn với sông Lục. Đầu dưới thông ra biển, gọi là cửa Triều Dương. Còn Triều Châu là bãi lớn nổi lên ở giữa sông Triều Dương, cũng gọi là Đại Than.

(2a) *Vị nhập lưu:* chỉ những viện chức chưa chính thức.

(3a) LTTK: "Giáp Ngọ, ngày 20" (17 - V - 1729).

(4a) Dịch chữ "bô" là thuế trốn tránh không nộp. Nhưng theo LTTK thì những dân nào bướng binh bỏ bê không nộp thuế dung và điệu thì không nằm trong lễ ân xá này.

(8a) *Đê Cự Linh:* Ở địa phận xã Cự Linh, huyện Gia Lâm.

Phi Tích khơi vét sông Nghĩa Trụ[8b] để cho thế nước lưu thông. Lại sai quan mở kho thóc Vị Hoàng[8c] để chẩn cấp cho những dân bị lụt. Phàm ruộng vụ thu ở các địa phương bị ngập lụt, thiếu thóc giống cấy đều được nhà nước cấp. Vì hành cung Cổ Bi bị lụt nên sai trung sứ đốc suất dân sửa chữa đường sá đợi [chúa] đi tuần hạnh.

9. Tháng bảy nhuận[9a] sai quan khuyến nông chia đường đi xem xét dân lưu tán[9b].

Tháng chín ngày Bính Tý (5, tức 26 - X - 1729) họp bàn thi hành việc cứu vớt dân lưu xá. Chia [dân] làm 4 hạng:

Hạng thứ nhất: dân phiêu tán mất tích; Hạng thứ hai: dân phiêu tán chỉ còn một hai suất; Hạng thứ ba: dân nghèo khổ, vong mạng sắp đi đến phiêu tán. Hạng thứ tư: dân chưa phải phiêu tán, chưa phải nghèo khó nhưng đã có tình trạng tệ hại.

10. Chúa đi tuần hành phía bắc, nghỉ lại ở núi Tiền Tích, tháng mười mới trở về cung.

11. Mùa đông tháng mười một[11a] (ngày Giáp Ngọ[11b]) chúa (tờ 32a) đi Như Kinh (xã thuộc huyện Gia Lâm[11c])

12. Vua sách phong tôn hiệu cho Thái thượng hoàng ở điện Kiền Thọ và tôn mẹ là Trịnh Thị làm Hoàng thái hậu[12a]. Phong Chính cung Đoan minh quận chúa Trịnh Thị làm Hoàng hậu.

13. Mưa dầm từ tháng chín đến tháng này không ngớt.

14. Ngày Mậu Tuất (28, tức 16 - I - 1730) chúa [Trịnh Cương] mất ở [hành cung][14a] Như Kinh, thọ 44 tuổi. Bọn thị nội giám Nguyễn Huân ban đêm đưa [thi hài] về kinh đô rồi mới phát tang. Tôn phong chúa là

(8b) *Sông Nghĩa Trụ:* Ở địa phận các xã Lệ Xá, Phú Thị, Nông Vụ và Cổ Bi, thuộc huyện Gia Lâm. A.6 chép nhầm là "Thạch Trụ".

(8c) *Vị Hoàng:* Tên xã thuộc huyện Mỹ Lộc, nay thuộc Nam Định.

(9a) Phải sửa theo A.1189: "Mùa thu, tháng tám" mới đúng lịch Việt Nam thời đó.

(9b) Theo A.1210.

(11a) Theo A.2089. Bản trục và A.6 chép tháng mười là sai.

(11b) Theo A.6 tháng mười âm lịch không có ngày Giáp Ngọ, tháng mười một đó là ngày 24, tức dương lịch 12 - 1 - 1730.

(11c) Theo A.2089.

(12a) A.1189: "Thái hoàng thái hậu".

(14a) A.6 toàn chép là "Thạch Kinh".

Nhân vương thụy là Ý lược; miếu hiệu Hy tổ, táng ở cánh đồng Xích Lạc (tại huyện Đông Sơn, Thanh Hoa).

15. Tháng mười hai, đình chỉ các công việc thổ mộc, xây dựng.

16. Sai Chính sứ Đinh Phụ Ích, Phó sứ là Đoàn Bá Dung[16a], Quàng Danh Dương[16b] sang Thanh...

[16a] *Đoàn Bá Dung* (hoặc Dong): người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần năm Vĩnh Thịnh (1710).

[16b] *"Quan Danh Dương"* Bản trục chép nhầm là *Quan Danh Tường*. CM: Danh Dương: người xã Huê Cầu, huyện Văn Giang, đỗ tiến sĩ khoa Canh Dần năm Vĩnh Thịnh (1710).

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ BẢN KỶ TỤC BIÊN

QUYỂN XXII(*)

(tờ 1b)

HÔN ĐỨC CÔNG (1A)

1. (Húy Duy Phường, con thứ vua Dụ Tông (được lập làm Hoàng thái tử(1b)), ở ngôi bốn năm, bị chúa Trịnh Khương(1c) phế làm Hôn Đức Công. Năm Vĩnh Hựu thứ 2 (1736) bị hại, bấy giờ 28 tuổi).

2. Vua giống với Thái Giáp(2a) thời kỳ đầu mà không có thời kỳ sau; có sự cuồng dại của Khương Áp(2b) mà không thể can ngăn được, về tuổi, về đức, cả hai đều không được một cái nào; gặp phải sự hối tiếc vì "cang long"(2c) là đáng lắm.

(*) Từ tờ (1a) của quyển tiếp này, bản trục (A.1415) chép tên sách là Hậu Lê thì sự ký lược; A.6 chép tên sách là Việc sử tục biên mà không dề gì thêm. Chỉ có A.2089, vẫn chép tên sách là Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên quyển XXII, chúng tôi ghi theo A.2089.

(1a) Bản trục: "Vĩnh Khánh Dế"; A.6: "Phế Đế"; A.2089; A.1210; A.1189: "Hôn Đức Công" chúng tôi theo phong cách chép sau.

(1b) Theo A.1189.

(1c) Bản trục chép: "Trịnh vương Khương phế" (bị chúa Trịnh Khương phế), các bản khác không có câu này. Trịnh Khương tức Trịnh Giang.

(2a) Thái Giáp: Vua nhà Thương (Trung Quốc), lúc mới làm vua bỏ cả pháp độ, bị đại thần là Y Doãn đuổi ra Đồng cung. Sau ba năm biết hối cải, Y Doãn lại đón về làm vua.

(2b) Xương Ấp: Xương Ấp Vương nhà Hán, hoang dâm vô độ, bị Thừa tướng là Hắc Quang phế bỏ, lập vua khác là Hán Tuyên Đế.

(2c) Cang Long: Kinh Dịch quẻ Càn, hào Thượng cửu có câu: "Cang Long hữu hối" nghĩa là: rồng ở địa vị cao, vì như vua cương quá thì dân không theo, quan không giúp, nên nếu có cử động gì thì tất có điều phải hối hận.

Canh Tuất, niên hiệu Vĩnh Khánh thứ 2 (1730) (Thanh, Ung Chính thứ 8)

1. Mùa xuân tháng giêng, Tiết chế phủ, thái úy Thịnh quốc công Trịnh Khương (Giang) ra lệnh cho bọn Tham tụng Nguyễn Công Hãng sửa đổi phép tô[1a], điệu[1b]. Bọn Hãng xin giảm thuế tô ruộng ở hai xứ Thanh, Nghệ, chuẩn cho chỉ thu bằng một nửa số ở tứ trấn[1c], còn công điền được miễn hoàn toàn. Lại việc thi hành phép điệu bàn ý là muốn giảm bớt sự phí tổn không chính đáng cho dân. Nhưng vì sự thu vào phát ra phiền phức, quan hữu ty không tiện thi hành. Xin miễn tiền thuế điệu cho tứ trấn và phủ Trường Yên[1d], cho quan trị nhậm chiếu theo lệ sưu sai cũ bổ theo hộ phần dắp đê đắp đường. Chuẩn cho tiền bưu đình (nhà trạm) được thu mỗi suất một tiền (tờ 2a) để chi phí việc chạy trạm. Chúa nghe theo.

2. Tháng hai, sai Đề đốc Đỗ Bá Phẩm làm Thự phủ sự.

3. Định lại lệ thu tiền sai cho hai xứ Thanh, Nghệ. Các thứ thuế như tiền giáo phường, tiền điệu thì cho dân tự đưa nộp. Thuế tô ruộng đem nộp vào tháng trọng đông[3a] tại kho công ở Vĩnh Doanh (Vinh), An Trường (Thanh Hoa). Tiền bưu đình nộp vào tháng trọng xuân[3b] tại huyện quan. Nếu xã nào để quá hạn thì phải truy thu vào tháng quí đông[3c], quí xuân[3d]. Tiền giáo phường, tiền điệu chính đinh[3d] được giảm một nửa, còn hoàng đinh và lão hạng được miễn cả.

4. Chia các quan văn võ sai đi tuần hành tứ trấn thăm hỏi nỗi nghèo khổ trong dân gian; phân [các làng xã] làm từng loại hạng để bàn việc thi hành khoan xá.

5. Cấm các tướng chế tạo những quân khí khác thường.

6. Sai bàn về việc giảm bớt thuế cửa quan và bến đò. Tiết chế Trịnh Khương (Giang) cho rằng việc tuần sát ở kinh kỳ và tứ trấn là việc quyền

---

[1a] Phép tô: thuế ruộng.
[1b] Phép điệu: thuế thân.
[1c] Tứ trấn.
[1d] Trường Yên: Ninh Bình.
[3a] Tháng 11 âm lịch.
[3b] Tháng 2 âm lịch.
[3c] Tháng 12 âm lịch.
[3d] Tháng 3 âm lịch.
[3d] Chính đinh: 18 tuổi trở lên.

nghi[6a]. Lại thêm những tuần ti mới đặt, phần nhiều làm phiền nhiễu cho dân, [bèn] lệnh cho chấp chính bàn thi hành giảm bớt để tỏ rõ chính sách khoan dung. Bèn giảm bớt hai sở tuần Thanh Trì[6b] và kinh kỳ. Tứ trấn chỉ (tờ 2b) còn hai sở tuần sát là Lãnh Trì[6c] thuộc Sơn Nam, Thuần Mỹ[6d] thuộc Hải Dương. Còn các sở tuần mới đặt đều triệt bỏ hết.

7. Miễn tiền thuế điệu cho tứ trấn và phủ Trường Yên.

8. Giảm thuế tô ruộng tư (ruộng tư hạng nhất đẳng, nhị đẳng y theo ngạch cũ. Hạng tam đẳng thu mỗi mẫu một tiền. Ruộng sâu và ruộng cao khô cho miễn thuế, ruộng chùa thì thôi không thu thuế).

Đầu đời Trung hưng đến nay chỉ thu thuế tô công tiền mà không thu tư điền. Từ (Thời Nhân vương[8a]) Công Hãng mới bàn phép sai điền xuất tô theo từng hạng. Lại thay đổi phép thuế cũ[8b] thi hành phép thuế điệu, dân buồn khổ vì ngạch thuế tô là muốn cho không một hộ nào thoát, không một thước đất nào lậu. Tìm bắt [đinh] trốn, tra xét [ruộng] lậu, khắc nghiệt quá chừng, trong dân gian cho là không lợi. Đến nay [chúa] đặc biệt ra lệnh đổi đi. Chỉ dụ một lần ban xuống, xa gần đều ca tụng chúa là rộng rãi.

9. Mùa hạ, tháng tư, vua sắc dụ cho bách quan đại thần bàn về việc phong tước vương cho Tiết chế Trịnh Khương (Giang) để chính danh vị. Các quan văn võ bẩm mệnh kính cẩn hoàn thành ý chỉ. [Chúa] chấp thuận việc đó.

10.Sách phong Thái úy Thịnh quốc công Trịnh Khương (Giang) làm Nguyên soái tổng quốc chính Uy nam vương[10a]).

[6a] Bản trục chép "Quan nghi" nghĩa không rõ. A.1189: "Quyền nghi" đúng hơn nên sửa theo A.1189.

[6b] A.6 chép "trì" ra "địa" vì tự dạng giống nhau.

[6c] Lãnh Trì: tức ngã ba sông thuộc huyện Nam Xang.

[6d] A.6: "Thuần Viêm" là sai. Thuần Mỹ: ở xã Mi Động, huyện Thanh Miện.

[8a] Theo A.1210.

[8b] A.2089; A.1189: "lại thay đổi phép hộ phần".

[10a] Theo A.2089. Bản trục chép đoạn này sai và không đầy đủ là: "mùa hạ, tháng tư, vua sai quan đem sách văn tấn phong Tiết chế phủ Thịnh quốc công Trịnh Khương làm Nguyên soái thống quốc chính An đô vương...". An đô vương không phải phong cho Trịnh Khương mà là Trịnh Cương. Riêng A.6 chép đoạn này có khác là: "tiến phong Thái úy Thịnh quốc công Trịnh Cương làm Nguyên soái tổng quốc chính Thanh nam vương (sai là Đoan trinh vương, rồi lại làm Toàn vương), truy tôn Dụ tổ Thuận vương".

Gia tôn bà tổ mẫu của chúa là Thái phi Trương Thị[10b] làm Thái tôn thái phi và mẹ đẻ của chúa là Chiêu viên Vũ Thị làm Thái phi. (Mỗi khi truyền đạt lời của Thái tôn thái phi thì gọi là "theo húy chỉ"; truyền đạt lời của Thái phi thì nói là "theo ý chỉ"[10c]). (Quan chế trong cung: Chiêu nghi, Chiêu dung, Chiêu viên đều làm tòng nhất phẩm).

Truy phong cha của Vũ Thị[10d] là Tuấn quận công Vũ Tất Tố[10d] làm Tuấn trạch công (tờ 3a) (người xã My Thử huyện Đường An), và đích mẫu[10e] Trịnh Thị làm Thái phu nhân, lập đền thờ ở kinh đô.

11. Gia tặng A bảo Đàm Công Tổ[11a] làm Thái tể. Truy tặng Hữu tư giảng[11b] Nguyễn Quý Ân làm Hữu thị lang bộ Hình[11c], tước quận công.

12. Nước lớn, vỡ đê Mạn Trù [đê Mạn Trù, tổng Đông Kết, huyện Đông An, nay thuộc tỉnh Hưng Yên]. Trước đây đê sông Nhị Hà đắp làm 24 sở, bọn quan võ thần và nội giám chia nhau trông coi việc ấy, ai nấy đều lĩnh tiền công trong kho để làm, nhưng thường thường họ đục khoét bóc lột thợ thổ đấu[12a] để lấy số tiền thuê còn thừa, xây đắp cẩu thả không mấy nơi vững chắc. Đến nay đê vỡ rất nhiều, thế nước tràn ngập, ruộng lúa bị thiệt hại gần tám, chín huyện.

13. (Vì cớ mới lên chấp chính, chúa ban ơn rộng[13a]) xá ba phần mười thuế vụ hạ năm nay và hai phần mười số thuế chính vụ[13b] còn thiếu [từ trước].

14. Đem ao ở trong cung uyển các xứ và ao ngự trì[14a] trả lại cho dân.

15. Đình chỉ việc sai quan nội sử đi lấy gỗ. Cho dân sở tại các nơi có sản vật núi rừng nhận đi lấy làm kế sinh nhai[15a].

[10b] Trương Thị: vợ Trịnh Bính, người xã Như Kinh, huyện Gia Lâm, sinh ra Trịnh Cương. Bản trục chép nhầm là "Trương Công".

[10c] Theo A.2089; A.1210.

[10d] A.2089; A.1189: "Cha của Thái phi".

[10f] A. 1189: "Vũ Quốc Hiệu".

[10e] A.2089; A.1189: "thân mẫu".

[11a] A.1210; A.1189; A.2089; A.6: "Đàm Công Hiệu".

[11b] A.1189: "tả tư giảng".

[11c] A.1189; A.6: "Tả thị lang".

[12a] Thợ thổ đấu : thợ chuyên môn đào đất đắp đê, dịch chữ "thổ dung" của bản A.6 và CM. Bản trục và A.2089 chép: "công dung", "công" và "thổ" tự dạng giống nhau.

[13a] Theo A.2089.

[13b] A.6; A.2089: "năm vụ"; A.1210 chép: "vụ đông".

[14a] Chữ "trì" bản trục và A.2089 đều chép "thì" có lẽ tự dạng giống nhau.

[15a] Hai việc 14 và 15 chỉ có bản trục và A.2089 chép A.6 không chép.

16. Lưu thủ Thanh Hoa Hoàng Bùi Hoàn dâng khải trình bày 12 điều nên làm ở xứ ấy. [Chúa] giao xuống cho chấp chính họp bàn; Họ đều nói (tờ 3b): trong những điều Hoàn trình bày chỉ có hai điều là: cấm khách nước ngoài đào mỏ bạc và Thông sự[16a] Ai Lao cần rỡ xin cai quản việc bắt voi công làm nhiều dân; hai điều đó có thể chọn lấy, còn nữa đều là những lời nói tầm thường, nên bác bỏ. Chúa nghe theo.

17. Định lại kỳ hạn làm sổ dinh. Trước kia Nguyễn Công Hãng lập ra phép: hàng năm[17a] kế tiếp sửa sổ đinh là muốn biết rõ người sinh ra người mất đi để xem số dân tăng hay hạo. Đến nay chính sách mới có nhiều cải cách, bèn bàn xin từ nay về sau việc sửa sổ dinh cứ lấy 12 năm làm một kỳ. Sửa lại từ năm Giáp Thìn (1724) kể là năm bắt đầu, cấm việc hàm hồ tố cáo ẩn lậu[17b]. Thể thức đổi sổ y theo năm Canh Tý (1720). Duy việc khai trình đầy đủ số dân tăng giảm[17c] và việc tăng hàng năm kế tiếp sửa lại đều đình chỉ, phép kế tiếp sửa sổ đinh bèn dẹp bỏ.

18. Sai làm nhà[18a] voi, chuồng ngựa ở kinh đô. Trước đây voi ngựa thường tùy tiện chọn thả ở gần rừng và bãi bồi để giảm bớt phí tổn chăn và cũng là nới sức quân. Đến nay lại sai làm chuồng để thuần dưỡng. Các nơi chăn dắt [trước] đều bỏ đi.

19. (tờ 4a) Tháng sáu mồng một, ngày Mậu Tuất[19a] (15 - VII - 1730) nhật thực.

20. Cấm trong nhà không được chứa các sách thiên văn, tượng vĩ, tinh tú[20a].

21. Ngày Nhâm Tý (15, tức 29 - VII - 1730) nguyệt thực.

22. Nghiêm cấm không được để thiếu thuế tô ruộng. Bấy giờ họp bàn, cho rằng: đồng tiền được mở mang, khai khẩn hết[22a], thu hoạch rất nhiều. Từ khi thi hành phép tô đến nay, người cày ruộng chưa từng

---

(16a) Thông sự: chức quan làm công việc phiên dịch.

(17a) Phép của Nguyễn Công Hãng không phải hàng năm (độ niên) mà cứ ba năm một lần. Xem lại năm 1724.

(17b) Ý nói cấm việc tố cáo lậu đinh không chính xác. "Hàm hồ" dịch chữ "lôi đồng".

(17c) Câu này CM lại hiểu là: "chỉ cốt để phòng bị việc tra cứt số dân đinh tăng hay giảm mà thôi".

(18a) A.2089: "phường" A.6 chép nhầm là "phòng" (đề phòng).

(19a) A.1210 chép: "Giáp Tuất" là sai.

(20a) Tượng vĩ: loại sách sấm ký. Tinh tú: ngôi sao, ở đây là sách xem sao ứng dụng vào bói toán sấm ký (chiêm tinh).

(22a) A.1189: "ngày càng được mở mang".

thiếu thuế, nhưng người cai thu đem chiết làm tiền ngoại, không nộp đồng nào vào kho công. Bèn ra lệnh từ nay về sau không cứ tiền "dung" đủ hay thiếu, tiền tô nhất thiết phải chuyển nộp y số, không được khấu chiết, làm lộn xộn và để thiếu, để làm rõ ngạch thuế.

23. Ban ơn cho bách quan:

Cho Trịnh Quán làm Tuyên Trung công; Đặng Đình Tướng, Trịnh Lân (tức Đặng Đình Lân) đều làm Đại tứ mã; Nguyễn Công Hãng vẫn làm Thượng thư bộ Lại gia Thái tử thái phó; Lê Anh Tuấn làm Thượng thư[23a] bộ Hộ gia Thái tử thái bảo; Nguyễn Hiệu làm Thượng thư bộ Binh[23b] gia Thiếu bảo; Hồ Phi Tích làm Thượng thư bộ Công; Phạm Khiêm Ích làm Đô ngự sử. (Nguyễn Công Thái làm Phó đô [ngự sử], Vũ Công Tể làm Thiêm đô [ngự sử][23c]); ngoài ra ai nấy đều được thăng cấp bậc [cao, thấp] có khác nhau.

24. Sai Nguyễn Công Hãng, Phạm Khiêm Ích cùng làm việc ở bộ Lại.

25.(tờ 4b) Cất nhắc Chu Minh Dương[25a] tiến triều[25b].

26.(Nhâm Thìn[26a]) ra lệnh cho Siêu quận công Nguyễn Minh Châu[26b] đi Trấn thủ Nghệ An, Gia quận công Trịnh Lân đi Trấn thủ Sơn Nam. Ngoài ra các trấn khác đều đổi Trấn thủ, Lưu thủ[26c].

27.Bấy giờ, chúa Trịnh Khương (Giang) mới lên nắm chính quyền[27a], muốn biết số tài chính, thuế khóa chi thu thừa thiếu ra sao, hỏi quan chức ở phủ Liêu về thứ thuế nào nộp ở hiệu nào, thuộc cung nào? Trưng thu đủ thiếu, tiêu tính hư thực ra sao? Bèn sai bọn Nguyễn Hiệu, Phạm Khiêm Ích hội đồng cùng văn quan ở lục phiên[27b] kiểm điểm tra xét việc chi dùng ở lục cung[27c]. Phủ Liêu nói rằng: dân nghèo dần dần phiêu tán, khốn khổ tiều tụy quá lắm (Vậy những thuế thiếu

---

[23a] A.1189: "Thượng thư bộ Lại".

[23b] A.1189: "Thượng thư bộ Công".

[23c] Theo A.1189.

[25a] A.1189: "Vũ Minh Dương".

[25b] Tiến triều: Xem chú thích (5c) năm 1726.

[26a] Theo A.1210 và A.6, nếu là ngày thì không đúng vì tháng sáu không có ngày Nhâm Thìn.

[26b] A.2089; A.1189 và CM đều chép: "Nguyễn Minh Châu". Bản trục lại là: "Nguyễn Như Châu". Nguyễn Minh Châu nguyên là Trấn thủ Kinh Bắc.

[26c] Việc thay đổi hàng loạt Trấn thủ này, CM cho là do Trịnh Giang hay nghi kỵ, sợ các viên Trấn thủ trị nhậm ở trấn lâu ngày, được lòng dân, e sẽ sinh biến động.

[27a] Theo A.1110; A.6.

[27b] [27c] Xem chú thích ở quyển 21.

chồng chất từ năm trước [27d]), nên châm chước giảm bớt truy thu. Lại nữa: a) Những thực hộ [trong làng] thì khốn đốn không cách gì chạy tiền thuế, mà những kẻ trốn tránh lại may mắn được miễn [phú dịch]. b) Lưu dân suất đinh thì rất ít mà hạng dân tạp lưu tài sản có nhiều và do quyên nộp nên được miễn trừ. Vậy xin không kể khách hộ[27d] [hay thực hộ], cứ chiếu theo suất [đinh] mà bổ thuế dung, cứ hai suất tạp lưu gánh một suất thuế dung, đợi dân đinh [phiêu tán] trở về đông đúc [lại] theo lệ cũ miễn trừ cho các hạng dân kể trên. Còn như việc khám của 4 tích, tình tệ không giống nhau. Phàm những việc gấp nhằm hưng lợi trừ hại đều nên bàn thi hành để cứu vớt (tờ 5a) dân tật khổ. Chúa nghe theo.

28. Sai quân chiêu tập dân lưu tán ở tứ trấn cộng được 527 xã thôn, chia làm 4 tích. Cho bọn Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn, Nguyễn Hiệu, Đỗ Bá Phẩm, 12 người[28a] làm Chiêu tập quan, xem xét việc lợi, hại của dân mà khu xử, hết thảy mọi ẩn tình đều[28b] thi hành việc cứu vớt.

29. Lại cấm các quan văn võ kết giao bè đảng.

([ngày] Quý Sửu 30 - VII – 1730 [30a]). Định phép chiêu tập. Sai quan chiêu tập và các thuộc viên lấy niên hạn làm khóa trình. Đúng hạn nhân dân trở về trù mật, thì có hậu thưởng. Nếu hết hạn mà dân chưa trở lại yên nghiệp thì bị phạt nặng. Đó là theo lời bàn của Nguyễn Công Hãng.

30. Định rõ luật tiêu mất tiền công.

31. Nguyễn Công Hãng nói rằng: theo chế độ cũ chức Hiến phó thì dùng Viên ngoại lang, chức Trị phủ, người nào xứng với chức vụ thì bảo cử cho làm. Chiếu khám, dùng Tri huyện mãn hạn trị nhậm thăng bổ cho làm. Gần đây bắt đầu cho Tri huyện mãn hạn trị nhậm thăng lên Hiến phó, người thi đỗ trúng trường, trao chức lần đầu cho làm Chiếu khám. Nhưng Hiến phó chức là quan hệ tới việc đàn hặc[32a] trong một địa phương. Chiếu khám cũng là chức có trách nhiệm làm công việc thẩm tra xét duyệt tỉ mỉ. Xin tuân theo (tờ 5b) lệ cũ để xứng đáng với chức vụ. Chúa nghe theo.

[27d] Theo A.2089; A.1189.

[27d] Khách hộ: thuật ngữ hành chính dương thời chỉ vào dân ngụ cư khác với "thực hộ" là dân ăn chịu của làng.

[28a] A.6: "16 người".

[28b] Theo A.1210; A.2089; A.6.

[30a] Theo A.1210; A.6.

[32a] Đàn hặc: chỉ trích tội lỗi của quan lại.

32. Mùa đông, tháng mười một. Xây dựng hai chùa Sùng Nghiêm[33a], Quỳnh Lâm[33b], lấy đinh phu ba huyện Đông Triều, Thủy Đường và Chí Linh sung vào công việc, miễn tiền đắp đê đắp đường, tiền bưu đình một năm [cho ba huyện ấy]. Sai dỡ gỗ ở hành cung Cổ Bi, đóng bè thả sông chở xuôi xuống để cung cấp vào việc xây dựng.

33. Tháng mười hai. Bàn rõ 13 điều về binh chính. Đại lược nghiêm lệnh cấm binh lính đào ngũ và tự tiện trở về nhà; Xã trưởng tự tiện thay thế người [đi lính]. Cho bộ Binh hợp đồng với Binh khoa tra hỏi thực trạng ấy ở các trấn quan và binh phiên truy nã lính trốn, giao lính trốn. Tuyển lính chỉ lấy con nhà gia tư sung túc, không câu nệ người cao, thấp hoặc độc đinh.

34.Xét các án tù giam.

35. Cho Nguyễn Hiệu làm Thượng thư bộ Binh thiếu bảo, mở doanh Trung Tiệp[36a].

Tân Hợi, Vĩnh Khánh năm thứ 3 (1731) (Thanh, Ung Chính thứ 9)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Ất Dậu (23, tức 27 - II - 1731), Thái thượng hoàng mất, dâng tôn hiệu là Thuần chính huy nhu ôn (tờ 6a) giản từ tường khoan huệ tôn mẫu hòa hoàng đế, miếu hiệu Dụ Tông, an táng tại lăng Cổ Đô[1a].

2. Tháng hai, triệt bỏ các xưởng mỏ mới xây dựng ở Thanh Hoa. Vì Thanh Hoa là đất long hưng[2a], không nên đào xẻ núi đồi [e hại địa mạch], [nên] lại nói rõ lệnh cấm ấy.

3. Tháng ba, sức cho nơi biên ải Thái Nguyên, Cao Bằng nghiêm thêm việc xét hỏi khách buôn phương Bắc để đề phòng gian tế.

4. Mùa hạ, tháng tư, sai quan ở các và viện hiệu duyệt văn bản ngũ kinh để khắc in ban bố.

(33a) Chùa Sùng Nghiêm: A.1189 chép là "Sùng Tước", chùa ở xã Nam Giản, huyện Chí Linh, nay thuộc Hải Dương.

(33b) Chùa Quỳnh Lâm: ở chân núi Quỳnh Lâm, xã Hà Lôi, huyện Đông Triều, nay thuộc Quảng Ninh.

(36a) A.6: "tạm coi quân doanh Trung Tiệp" là sai.

(1a) *Lăng Cổ Đô*: ở xã Cổ Đô, huyện Đông Sơn, Thanh Hóa. về sau người ta dời đi táng ở lăng Kim Thạch, huyện Lôi Dương (theo CM, XXXVII, 17) nay là xã Bái Trạch, huyện Thọ Xuân (Thanh Hóa). Năm 1964 tại nơi này các nhà khảo cổ đã khai quật mộ. Vì táng vào mộ hợp chất nên thi hài còn nguyên vẹn (xem tạp chí Khảo cổ học số 11 - 12 (XII - 1971).

(2a) *Đất long hưng*: theo quan niệm phong thủy cho là đất phát về ngôi vua chúa.

5. Tháng năm, ngày 25 (28 - VI - 1731), chúa Trịnh Khương (Giang) chỉ dụ cho các thân nhân đại thần và bách quan văn võ rằng: "Ta kế thừa nghiệp giúp chúa, giúp rập hoàng gia, một lòng kính trời, noi theo tiên tổ, một niềm lo trị nước, bảo vệ cõi bờ. Nơm nớp run sợ thức khuya dậy sớm, nghĩ lo muôn việc khó chu toàn đến nay. Chưa am hiểu nỗi gian nan của trăm họ, ngày từng mong nghe lời trung trực, khuyên bảo ân cần; lo mở rộng kiến văn để mở mang đạo trị. Từ xưa không ai mượn nhân tài ở đời khác, điều đó ta chỉ trông mong vào đời nay. Hỡi các bề tôi chầu hầu lớn nhỏ (tờ 6b) hãy trình bày hết những điều thiết thực cốt yếu, cho thích hợp với thời cuộc, ta sẽ tự chọn lấy để thi hành.

6. Tháng sáu mồng một, ngày Nhâm Thìn (4 - VII - 1731) nhật thực.

7. Thái thường tự khanh Bùi Sĩ Tiêm dâng khải rằng: "Quốc gia thừa hưởng thái bình đã lâu, trong nước an ninh, biên thùy yên lặng, vốn không có việc gì đáng nói. Nhưng trong buổi thái hòa chí trị mà thánh nhân vẫn lo lắng như những câu "[lúc chưa mưa] phải sửa sang nhà cửa[7a]" và câu "phải buộc chặt rễ dâu[7b]" chính là những việc cần kíp lúc này. Ngu tôi thiển nghĩ những việc thiết yếu của quốc gia chỉ [có 10 điều] là: 1) Gắng tôn phù để tiêu tan biến dị; 2) Dứt hẳn cầu cạnh để cho đúng đắn tiêu chuẩn; 3) Chăm[7c] đời sống của dân để bền mệnh mạch[7d]; 4) Thận trọng chính sách dùng binh để mạnh nanh vuốt; 5) Giảm bớt chức quan để đỡ phiền nhiễu; 6) Bỏ những lại để tắt nạn chài dân; 7) Chấn chỉnh thể văn để khích lệ người hiền tài; 8) Làm rõ lệ xét xử để cho thanh thỏa việc từ tụng; 9) Liêm phóng tường tận để phân biệt người hiền, kẻ gian; 10) Phân biệt nòi giống để chặn sự dòm ngó. Mười điều ấy đều là rất cấp bách đối với thời cuộc. Ngu tôi dám quên tội mạo muội, nhăm nhí, kính cẩn bày tỏ, cúi mong được tha thứ cho sự ngu cuồng, lược bỏ điều sai, khiến cho một chút thiện nhỏ không bị bỏ sót (tờ 7a), mưu lớn được dựng lên, đó là phúc của hàng triệu sinh dân vậy.

8. *Điều thứ nhất*: Quốc gia từ Trung hưng đến nay, các vị chúa thánh tôn phù nhà vua bao đời cố gắng, một lòng giúp rập, trong khoảng

---

[7a] *Nguyên văn là*: "trù mâu dũ lệ" dùng điển bài thơ Chi Hào trong Kinh Thi. "đãi thiên chi vị âm vũ, triệt bi tang dỗ, trù mâu dũ hộ", nghĩa là: lúc trời chưa mưa, đi lấy giấy dâu kia chằng buộc cửa sổ, ý nói việc gì cũng cần phải có sự phòng bị trước.

[7b] Nguyên văn: "hệ vu bào tang" dùng điển Kinh Dịch, quẻ bĩ: "kỳ vong kỳ vong, hệ vu bào tang" nghĩa là: mất chăng! mất chăng! phải buộc chặt như rễ dâu bám xuống đất!

[7c] Dịch từ chữ "hậu" nghĩa là dày trong nguyên văn.

[7d] Mệnh mạch: sinh mệnh và của cải.

hai trăm năm. Sở dĩ làm cho anh hùng hào kiệt lui tới mà thống trị được cõi bờ là chỉ cậy vào trung hiếu để bền gốc cội không gì lay chuyển được. Vì vậy cho nên nhà vua và nhà chúa như bánh xe và thân xe nương dựa nhau, như cột nhà và kèo nhà cùng chống đỡ, nên phải giúp đỡ lẫn nhau như cùng một thân thể, mà không nên coi nhau như nước Tần nước Việt mặc cho kẻ béo người gầy.

Gần đây, xem việc nhường ngôi khoảng năm Kỷ Dậu[8a] tuy cũng noi theo quy chế cũ, nhưng không biết có quả thật xuất phát từ việc mệt mỏi mà thật lòng phó thác hay là còn có sự bất đắc dĩ. Ngày nay mà bàn luận trở lại việc này, vẫn biết rằng điều nghe thấy là vô bằng cứ mà nói là bậy. Nhưng tôi trộm nghe khi [tiên đế] Dụ Tông đang tại ngự, cái khí sắc phẫn uất bất bình phát ra qua câu văn, lời nói; tai mắt thần dân đâu có thể che giấu mãi được? Và lại từ đầu mùa hạ năm Kỷ Dậu (1729) đến nay thiên tai xuất hiện liên tiếp, nhà tượng vĩ[8b] nếu không nói rằng việc cai trị không ra gì, thì tất nói rằng chính lệnh sai lầm. Ngu tôi chỉ cảm thấy ở (tờ 7b) dòng sông cạn, nước sông khô, mấy năm sợ mưa dầm, liền năm bị nước lụt mà biết là trời đất, tôn miếu linh thiêng quyến cố nên đặc biệt báo rõ cho biết điềm [sông] đầm cạn[8c], trời thường âm u[8d] để răn rằng ơn trạch không thể không rộng suy, nhà vua không thể không tôn phù. Và lại sẽ đem những công xoay trời chuyển đất, vá trời xanh, tắm mặt trời mà trách mà mong vào chúa ta vậy. Ôi! những điềm tai biến chẳng phải là việc ngẫu nhiên vậy. Cái quý ở thánh nhân là hiểu rõ ý trời, xét biết cơ vi[8d], sửa sang việc nhân sự để vãn hồi khí vận, chuyển dữ thành lành, biến xấu thành tốt, chính là việc đầu tiên ở ngày nay. Cúi mong [chúa] nghĩ công cũ vun trồng, chớ để cuối cùng bại hoại; nối chí tổ tiên tôn phò, chớ để sa sút. Việc đáng làm thì phải làm, đừng để lời nói nghi ngà của bọn tiểu nhân mê hoặc, nghĩa là nên mạnh dạn quyết đoán thì

(8a) Chỉ việc Trịnh Cương bỏ Dụ Tông, lập Duy Phường năm 1729.

(8b) Tượng vĩ: chỉ các nhà chiêm tinh sấm vĩ ngày xưa.

(8c) Điển sông cạn: đời Chu U vương (Trung Quốc), ba con sông là Kinh, Vị, Lạc đều khô cạn. Bá Dương đoán rằng các sông Y sông Lạc cạn là điềm nhà Hạ mất, sông Hạ cạn thì nhà Thương mất. Nay 3 con sông cạn là điềm nhà Chu sẽ mất.

(8d) *Trời thường âm u*: Cuối đời Hán Chiêu Đế (Trung Quốc), Hạ Hầu Thắng nói với Hoắc Quang rằng: "Thiên "Hồng Phạm" Kinh Thư có câu "hoàng chi bất cực, quyết phạt thường âm" (nghĩa là: "vua sắp bị phạt, trời thường âm u"). Nay trời âm u mà không mưa, tất có người bề tôi mưu hại vua". Quả nhiên Hoắc Quang đang mưu phế bỏ vua.

(8d) *Cơ vi*: chỉ những việc còn ở tình trạng mầm mống chưa thể hiện rõ rệt.

chớ câu nệ vào câu "ba năm không đổi [việc làm của cha]"[8e]. Làm việc lớn thông đạt được quyền nghi, chấn chỉnh đạo thường [muôn đời] không thay đổi [để] ngăn sóng to muốn vỡ [đê], kéo lại mặt trời lúc sắp lặn. Như thế thì tự nhiên tai biến ngày dần mất, phúc lộc ngày một thêm. Cơ nghiệp nhà vua nhà chúa ức muôn năm không thể lay chuyển được (tờ 8a). Đây gọi là gắng tôn phò để tiêu tan biến dị vậy.

9. *Điều thứ hai:* Chính sự tốt đẹp, cho việc trị bình của quốc gia không phải là không được khuếch trương. Nhưng lệnh có cái không thi hành, ơn trạch có chỗ chưa thấm, chỉ vì có sự cẩu cạnh hoành hành, mở ra đầu mối rối loạn pháp luật. Bởi vậy từ tiên triều trở lại đây chỉ lo tình dân khó thấu, đặc biệt cho phép quan ở ngoài sao cho khải lên đầy đủ. Trong thì nhờ cung cấm, ngoài thì nhờ trung quan chuyển đạt lên. Lúc đầu không phải là không có những oan uổng được bày tỏ, nỗi oan khuất được đạt lên. Lâu dần sự thỉnh thác ngày một thêm rộng. Việc hối lộ làm rất công nhiên. Người được tiến dẫn để bạt thì: quan, tước, lộc trật không ân nào là không được; kẻ cầu giải thoát thì chém, giảo, lưu, đày không tội nào là không tha. Thậm chí việc cai quản binh dân; việc điền bổ từ lại mục, công sai đốc thu áp đặt các việc; quản giám đò, chợ, tuần trường, không việc gì không do thỉnh thác mà được. Sau khi đã được rồi, thì tham lam dục khoét không gì là không làm, thành thử khiến cho trong ngoài trông ngóng nhau, lớn nhỏ bắt chước nhau. Phàm những việc kiện tụng thẳng hay cong; việc thuyên bổ cao hay thấp; khảo "hạch" (tờ 8b) được hay hỏng; công lao lâu hay mới; hộ khẩu tăng hay giảm; phú dịch có hay không; noi theo lẽ công mà làm thì ít, dựa theo của cải mà làm thì nhiều. Rốt cuộc khiến cho triều đình có bề tôi khinh nhờn luật lệ; nước nhà có những bọn khinh thường hiến chương. Pháp luật không thi hành được là bởi cớ ấy, kính mong [chúa] mở rộng đức lớn chí công, tỏ biểu tượng chí chính. Nghiêm cấm thần dân trong nước vô cớ ra vào nơi cung cấm và [ton hót] với thần thế quan nha, xin làm con nuôi hoặc đệ tử. Kẻ nào lén lút làm chuyện hối lộ để thỉnh thác thì chiếu luật trị tội, người ăn của dút cũng phải khép vào luật. Mọi việc quan hay dân ai có việc cần khai tấu, đều cho quỳ dâng. Nếu có kẻ gửi gắm người quen thỉnh thác nội thần đều tùy theo nặng nhẹ mà luận tội. Người nhận gửi gắm cũng phải

---

[8e] *Ba năm không đổi việc làm của cha*: lời của Khổng tử trong sách Luận ngữ ý nói sau khi cha mất, mà trong 3 năm người con không thay đổi công việc của cha, thì có thể gọi là người con có hiếu.

trị tội. Cốt cho cái cửa tà vạy cong queo vĩnh viễn đóng lại, con đường công bằng trong sạch được đi lại thong dong. Rồi đó mới tuyên bố chính lệnh, thứ tự cử hành. Ai vâng phép nước thì tùy việc nên khen, ai nhờn phép nước thì theo lẽ công trị tội. Như thế thì lệnh thi hành hay cấm chỉ [được tuân răm rắp], nêu cao chính lệnh, trị lý thành công thì sự nghiệp thăng bình có thể xây dựng. Đó gọi là (tờ 3a) dứt hẳn cầu cạnh để cho đúng đắn tiêu chuẩn vậy.

10. *Điều thứ ba:* Dân là mệnh mạch của nước. Chia đều ruộng làng, quân binh phú dịch, đều là chính sách lớn để nâng cao đời sống của dân. Tiên triều khám đạc ruộng dân để thi hành phép tô, dung, điệu là thiện chính nhân nghĩa. Nhưng dân sinh còn chưa toại là vì nhiều, ít chưa được đều, và bọn hào dân làm điều tệ hại. Và công điền đã cấp cho lính làm lương ăn, áo mặc thì số [ruộng] thừa ra cũng không có bao nhiêu. Vậy mà những kẻ không nộp thuế dung, thuế điệu thì chiếm hầu hết những đám màu mỡ. Còn những người chịu nặng thuế má, diêu dịch chỉ được những đám cằn cỗi, đầu thừa đuôi thẹo. Ruộng tư đã bị nhà hào phú kiêm tinh thì sự giàu nghèo đã cách biệt. Thế mà những người ruộng đồng liền khoảnh lại được phú dịch sơ sài, còn con nhà không đất cắm dùi thì lại chịu lo nhiều thứ trưng thu. Thuế ruộng không được công bằng là vậy đó. Thêm nữa lại vì xã trưởng, thôn hào đồng tình làm mất mát, yểm hộ bè đảng, che chở nô bộc, chuyên tính kế ních dầy túi, đến nỗi để thiếu tiền công, mong đến lúc trưng thu để mượn cớ quấy nhiễu dân. Thậm chí bỏ túi riêng. Tiền công sở dĩ (tờ 9b) thiếu nhiều, dân hộ sở dĩ nghèo khổ phiêu lưu, thảy đều là bởi cớ ấy.

Tính kế cho ngày nay chẳng gì bằng chọn kỹ xã trưởng, cốt được người tốt. Trước hết nói rõ điều nghiêm cấm, tiếp đó định lệ thưởng phạt. Ai vâng phép công sẽ được ban ân thăng quan, tiến trật, ai mà lộng phép sẽ trị tội; nặng chém, nhẹ đày. Thói quấy nhiễu một khi tắt, thì phép quân bình mới có thể thi hành. Bấy giờ mới cấm ngặt việc mua bán công điền để trừ cái tệ kiêm tinh. Còn như việc chia cấp công điền thì: phàm người nào có ruộng tư ở bản quán hoặc biệt quán cứ theo từng loại tra xét kỹ càng, chiếu theo số ruộng về người ấy và con cháu đáng được nhận là bao nhiêu, nếu thừa thì thôi, thiếu thì cấp thêm. Cốt khiến cho người dân bình thường có ruộng cày để đóng góp phú dịch. Rồi lại trục tính số lính với số suất đinh trong xã phải chịu phú dịch, kê rõ thành từng phần, quân cấp ruộng cho cày cấy. Liệu

tính dồng ruộng xấu, tốt, chuẩn định số thóc thu hoạch khác nhau để định lệ nộp một nửa thóc. Sau khi thu hoạch xong, người cày ruộng y lệ nộp cho chủ [được phần] ruộng, thể gọi là *phép trợ canh công điền*(10a). Còn như ruộng tư các xã, nên chuẩn định ba hạng (tờ 10a) nông phu: nông dân có ruộng trăm mẫu trở lên là thượng nông phu; có ruộng trăm mẫu trở xuống là thứ nông phu; có ruộng năm mươi mẫu trở xuống là hạ nông phu. Sau đó mới hợp tính tất cả số ruộng trong xã. Trước tiên ruộng cấp cho những người có ruộng tư: thượng nông phu [chỉ để lại] mỗi người mười lăm mẫu; thứ nông phu mỗi người mười mẫu; hạ nông phu mỗi người năm mẫu. Nếu kẻ nào số ruộng [tư] còn thừa nhiều mà con cháu đến tuổi thành đinh (18 tuổi) của họ chưa có ruộng, thì chuẩn theo lệ hạ nông phu cấp dù cho. Còn ruộng của người biệt xã không đếm cấp. Đem số ruộng thừa chiếu tính chia đều cho những người không có ruộng và ít ruộng để cày cấy và cũng lượng định số thóc thu hoạch khác nhau, lấy một phần mười. Trước tiên cho người cày ruộng nộp tô, rồi mới chuẩn cho nộp một nửa [số thóc còn lại cho chủ ruộng] y như lệ cũ. Như thế gọi là *phép trợ canh tư điền*(10b). Nếu làm được như thế thì dân đều siêng năng nghề nghiệp của mình, nhà nào cũng có lương nộp thuế dung, thuế điệu từ đó sẽ không có người dân nào thiếu hoặc trốn tránh nữa. Còn như tiền thuế tô, thuế điệu kể từ năm nay cứ ba phần giảm hai, sau ba năm, ba phần giảm một, đợi đến kỳ sửa lại sổ bạ tịch mới xét thực (tờ 10b) hộ chia đều, thì người phiêu tán không thể mặc ý gian ngoan, mà người thật sự phiêu tán bưởng bình cũng không lo rằng họ không vào sổ, sẽ thấy dân lưu tán trở về, người ở nhà thịnh vượng, hộ khẩu ngày thêm đông, tích trữ ngày một nhiều. Đó gọi là chăm đời sống của dân để bền mệnh mạch vậy.

11. *Điều thứ tư:* Lính là nanh vuốt của quốc gia, trị lính cũng nên có đạo. Tiên triều chiếu theo số hộ, tuyển bổ binh lính ưu tiên bằng việc cấp ruộng, lượng theo số mẫu ruộng mà nuôi lính không thể kể xiết. Nhưng

---

(10a) *Trợ canh công điền:* tức là lĩnh canh ruộng công.

(10b) *Trợ canh tư điền:* tức là lĩnh canh ruộng tư. Nói chung đây là một kiểu làm rẽ có được làng xã chứng nhận, nhưng tỷ lệ chia không có lợi cho người cày bao nhiêu. Xem đây đủ thấy ngày ấy dân nghèo thiếu ruộng đất đông nên mức tô gạt đôi đối với họ như thế đã là có lợi.

việc phụng cấp ngụ lộc[11a] thì rộng hơn san cấp mà phí tổn có khi mất cả tiền lương một vụ. Việc lĩnh tiền nhà nước thì bị hao hụt về khoản đòi hỏi hạch sách của người chiếu phát mà số tiền lĩnh chỉ còn 7, 8 phần mười. Việc cung cấp lực dịch thì áp đặt phiền hà mà dù tài lực lớn hay nhỏ cũng đều khốn đốn. Tống tiễn quan thì nội hầu lấy nhiều mà việc phú dịch ở ruộng vườn khó kham nổi. Hoặc khổ vì sự đòi hỏi của câu kê[11b]; thủ dịch[11c]; hoặc bị bức bách bởi sự nhiễu hại của thuộc viên tùy tiện. Lính đồn phiên muốn cầu may được ở doanh trại thì phải chịu tốn phí nhiều về khoản [dút lót] trà thuốc. Lính (tờ 11a) cắt cỏ không chịu được sự hà khắc thì phải xuất nhiều tiền thế nạp. Việc sửa chữa binh khí thì hoặc bắt bàn dội tạm ứng mà rất nhiều lần để mãi không trả. Việc tróc nã lính trốn thì hoặc lấy bổng riêng ở gia đồng[11d] mà nhận tiền rồi không đi nã cũng rất nhiều. Lính trấn lấy việc đi đòi hỏi sai bắt làm việc ban ơn, thế mà có người ở trấn suốt mấy năm không được một lần sai đi. Lính địa phương[11d] được phép lấy tiền của người hèn yếu làm ngụ lộc mà người ứng vụ có khi vài năm chưa từng một lần phát. Việc uống rượu, đánh bạc có khi răn cấm không nghiêm, đến nỗi trở thành tệ bần cùng. Người lầm lỡ bị phạt tiền có khi quá nặng đến nỗi trở thành dầu mối của đói rét. Việc ăn uống chi dùng của nhất binh đều phải tự lấy của nhà, không được như ưu binh đem vợ con theo, lấy của công chi dùng, mà có thể ở lâu được như ưu binh. Quan quản có kẻ vì cớ vay mượn [không được] không thương tình vợ chồng đến vài năm không được về nhà một lần. Vì thế họ không chịu nổi mà bỏ trốn, thì lại phải tróc nã phiền phức. Tiền công dịch nhiễu tróc đến nỗi người dân khánh kiệt tài sản cũng không đủ cung cấp. Vì cùng khốn mà phải trốn (tờ 11b), tình thế dẫn đến như vậy. Vì thế khiến lính trốn ngày một nhiều. Lại còn binh phiên làm các việc cấp phát, đưa đón, chia phần, tăng giảm, thay đổi mà quản binh không biết đến, chỉ ủy thác cho một vài người câu kê thủ dịch, đến nỗi họ lộng hành. Việc cấp [phát cho] tướng hiệu, cai quản thì lại xem có [được] dút lót hay không mà phát đủ phát thiếu khác đi. Việc bổ nhiệm đội ngũ tùy hậu thì tùy theo tiền tài nhiều hay ít mà tự ý thay đổi. Hoặc cố ý để

(11a) *Ngụ lộc:* Trong thời Hồng Đức, cấp những suất hộ theo hầu cho các quan văn gọi là ngụ lộc, cấp cho quan võ gọi là chế lộc. Về sau cấp lộc cho binh lính cũng gọi là khẩu phần ngụ lộc (theo CM, XXXV, 14).

(11b) *Câu kê:* hạng thuộc lại chuyên làm việc tính toán.

(11c) *Thủ dịch:* người đứng đầu coi công việc có các phu dịch làm.

(11d) *Gia đồng:* đầy tớ trong nhà. Ở đây chưa rõ gia đồng của ai.

(11d) *Lính địa phương*: dịch chữ "thổ binh" tức lính thổ trước.

chậm để dùng lính vào việc riêng, hoặc cho họ về làm ăn để lấy tiền phòng[11e]. Coi thường việc binh cơ đến như thế! Nếu có kẻ giấu tên làm gián điệp, giả mạo lộn vào làm lính, dem của dút lót thật nhiều, mượn được quân tịch về xem thì hình thế mạnh hay yếu của quốc gia há chẳng bị nó làm tiết lộ ư? Vậy cúi xin: nghiêm ngặt ban hành phép cấm, chuẩn định làm rõ quy tắc, tất cả việc cơ vụ binh phiên đều ủy cho quan Tri phiên nắm giữ xem xét, không cho các quan viên lại giảo hoạt được buông tuồng làm gian rồi sau mới chấm dứt những việc không cấp bách trong ngoài để giảm bớt phiền phức, mệt nhọc. Nghiêm cấm điều áp đặt hà khắc để răn de thói tệ. Giảm bớt số người hầu hạ trong dinh quan (tờ 12a) , cấm gây phiền nhiễu tư gia về phú dịch, việc binh thì cấm tùy tiện hứa cho người thiếu tư cách; kẻ rượu chè cờ bạc thì xử theo tội danh; nhầm lỗi thì nghiêm phạt bằng roi, trượng. Định lệ nhất binh lần lượt về lấy lương để mở rộng lòng nhân từ thể tất; miễn tiền khóa dịch nhiều lượt về lấy lương để mở rộng con đường bao dung. Luật cấm binh lính đào ngũ và xã trưởng bao che cần phải đưa ra nhắc nhở thi hành. Ai phạm thì bắt tội, phạt một người để răn trăm người thì lính trốn lính thiếu ít đi, không phải phiền tróc nã: Quân gắng binh cường là cái thế vô địch. Như vậy gọi là thận trọng chính sách dùng lính để mạnh nanh vuốt vậy.

12. *Điều thứ năm*: Đặt quan chia chức đều là vì dân. Bản triều đặt quan đều theo chế độ cũ; trung gian danh hiệu và số người có hơi khác, tiến cử sử dụng sai trái, dân ít quan nhiều, chẳng khỏi những tệ. Nay kính xin: liệu việc mà bổ quan, xem đất mà chia trị. Đặt ra lục phiên để nắm then chốt thì chưa có thể vội bàn tính giảm được[12a], chỉ nên lấy lục tào[12b] điền vào chức ấy, mà lấy Thị lang[12c] sung làm Tri phiên[12d], Đô khoa[12d] làm Phó tri[12e] (tờ 12b). Cấp sự[2g] làm Thiêm tri[12h]. Như thế

[11e] *Tiền phòng*: dịch chữ "phòng tiền" chưa rõ là loại tiền gì.

[12a] Ý câu này chỉ các chúa Trịnh đặt 6 phiên để trùm lên trên và thâu tóm công việc của 6 bộ, làm cho triều đình vua Lê tuy còn 6 bộ nhưng trở thành hư vị. Số người vì đó thêm ra.

[12b] *Lục tào:* chữ tào là chỉ 1 cơ quan nói chung, nhưng ở đây lục tào có lẽ chỉ vào 6 bộ.

[12c] *Thị lang:* chức quan thực tế coi việc ở mỗi bộ, dưới Thượng thư, phẩm trật thường là Tòng tam phẩm.

[12d] *Tri phiên:* chức quan coi việc ở mỗi phiên, thực tế nắm hết mọi việc của bộ. Chức Thị lang của bộ từ đấy trở nên nhàn.

[12d] *Đô khoa*: tức là Đô cấp sự trung coi việc ở mỗi khoa. Chức Đô cấp sự trung trở nên nhàn từ lúc hệ thống phiên thành lập.

[12e] [12h] *Phó tri và Thiêm tri:* tức Phó tri phiên và Thiêm tri phiên cùng giúp việc với Tri phiên coi việc một phiên, đều lấy từ nội thần hoặc thuộc quan hàng văn.

[12g] *Cấp sự:* tức Cấp sự trung giúp việc với Đô cấp sự trung ở mỗi khoa.

thì những viên chức thừa ở trong "phiên" có thể giảm hết mà chính sự không việc gì là không làm được.

Chức Thiếu [doãn], Phủ doãn[12i] ở phủ Phụng Thiên; chức Tham nghị, Hiến phó ở các xứ đều quan hệ đến bộ mặt và việc điều khiển châu quận, lệ từ xưa vẫn dùng quan trong triều, trung gian mới dùng làm người ấm tử[12k] và trúng trường[12l] bởi bấy giờ các quan mưu tính cho con cháu. [Việc đó] sĩ phu không phục, vậy nên theo lệ cũ, chọn dùng triều sĩ làm chức ấy để tôn trọng cách đặt quan.

Từ trước các phủ huyện thống thuộc ở các hạt, nhiều ít không đều, hoặc một vài huyện châu cũng đặt làm một phủ; hoặc một, hai mươi xã cũng đặt làm một huyện, một châu, chỉ có một nha môn bé nhỏ mà cũng đặt đủ số quan lại, việc công việc tư đều khó kham nổi. Nay cứ ước lượng lấy bốn huyện châu làm một phủ nhỏ, năm mươi xã làm một huyện nhỏ, còn không đủ số ấy thì tùy nơi tiện, gần mà hoặc là san bổ sang hạt khác, hoặc gộp những nơi ít thành nhiều, khiến cho không có sự khác nhau quá giữa nơi ít, nơi nhiều. Còn như ngoại trấn thì vào khoảng hoặc 1, 2 phủ, hoặc 6, 7 huyện châu nhu cầu quan lại lớn nhỏ mới không phiền phí. Nay cần xét xem địa thế, san hổ đều nhau. Liệu đem (tờ 13a) châu Trấn Yên, châu Văn Bàn thuộc trấn Hưng Hóa và châu Văn Lãng, châu Định Hóa thuộc phủ Phú Bình chia cho lệ thuộc vào trấn Tuyên Quang; đem châu Hữu Lũng, huyện Lục Ngạn của Kinh Bắc[12m] và các châu Quảng Yên, Hạ Lang của Cao Bằng chia thuộc vào Lạng Sơn; các huyện Thủy Đường, Kim Thành, An Dương thuộc phủ Kinh Môn chia thuộc về An Quảng. Các quan Thừa hiến ở phủ, huyện, châu còn chưa tinh giảm thì nhất thiết phải theo lệ tinh giảm đi. Cao Bằng nguyên trước là một trấn riêng, nay nên cùng với các phủ Phú Bình, Thông Hóa hợp lại vào làm trấn Thái Nguyên, duy có trấn sở thì vẫn để ở Mục Mã (Cao Bằng). Còn các xứ Tuyên [Quang], Hưng [Hóa], Lạng Sơn, An Quảng cũng nên đổi làm trấn, đặt quan theo lệ Lạng Sơn. Chỉ đặt Đốc trấn, Đốc đồng, riêng coi là phương diện [quốc gia], tất cả mọi việc ở trấn đều cho

---

(12i) (12j) *Thiếu doãn, Phủ doãn:* chức quan coi việc phủ Phụng Thiên (kinh đô) Phủ doãn là chính, thường là chính ngũ phẩm; Thiếu doãn là phó, thường là chính lục phẩm.

(12k) *Ấn tử:* người con nhờ địa vị của cha mà được chức tước chứ không phải đi đỗ hay lập võ công mới được làm quan như người thường (tùy theo cha có chức phẩm cao hay thấp mà con cũng được chức tước cao thấp, theo một thang bậc do triều đình quy định).

(12l) *Trúng trường*: xem chú thích quyển 21.

(12m) *Kinh Bắc:* bản trục chép nhầm thành Lạng Sơn.

họ nắm giữ xem xét. Duy kẻ sĩ đi thi thì cho người ở Tuyên [Quang], Hưng [Hóa] được [thi] phụ vào Sơn Tây; Thái [Nguyên], Lạng [Sơn] phụ vào Kinh Bắc; An Quảng phụ vào Hải Dương. Một khi quận, huyện đã giảm thì số quan không nhiêu. Lúc ấy mà lại thưởng cho người vỗ về, chăn dân giỏi, nghiêm cấm hình phạt bạo ngược, hà khắc, thì quan không tham lam cầu cạnh, dân không bị mệt nhọc phiền nhiễu. Như thế gọi là giảm bớt chức quan để đỡ phiền nhiễu vậy.

13. *Điều thứ sáu:* đặt lại mục ở các ty là để dùng vào biên chép, tính toán. Gần đây (tờ 13b) bọn cầu cạnh, chạy chọt rất đông có người không do khoa trường mà cũng được lạm bổ, có người không theo thứ tự mà được thăng nhanh. Khi điều sở cần đã được bèn sinh những tệ. Người giữ sổ bạ tịch ở các phiên mỗi khi công văn đưa xuống thì tăng giảm láo vào ngạch sổ để riêng mình mưu lợi trong việc kiểm tra so sánh và viết lại. Người giữ những điều lệ án kiện thì giấu kín bản án, lời án để sách nhiễu người ta về sự gửi gắm, nhờ vả khi thân tra. Các món tiền chiếu phát ân lệ thì người được lĩnh kêu rằng mười phần chỉ nhận được bảy phần. Khi vâng lệnh đi công cán bên ngoài thì đi đến đâu gieo cái khổ có mười nhà làm chín nhà trông. Lại mục trong ngoài tham lam vòi vĩnh sinh tệ như thế, dân sao kham nổi.

Vậy kính xin giao phó cho các tích của sáu cung[13a], Ngũ phủ, phủ liêu [của các quan][13b] cùng các nha môn trong ngoài kê khai thuộc lại từ năm Canh Tý (1720) lại đây người nào tham ô quá lắm thì mật tâu trình lên cả cho đài Ngự sử xét kỹ. Ở kinh các lại mục từ câu kê trở xuống mà tham nhũng rõ ràng đều được đưa ra giao xuống cho quan Phụng sai[13c], không cần tra hỏi, chỉ căn cứ (tờ 14a) vào lời tâu trình mà khép tội, nặng thì xin vào trảm, giảo, nhẹ thì lưu, đồ để răn tệ mọt dân. Nhân đó sai bộ Lại tra xét những viên lại nào không có chân khoa trường, đều nhất thiết

---

[13a] *Các tích của sáu cung:* Sáu cung là: Tả trung, Hữu trung, Đông, Tây, Nam, Bắc. Sáu phiên đều thuộc về sáu cung, mỗi cung có các tích (nhóm) chuyên về một việc gì. Theo LTHCLC thì mỗi phiên có thuộc lại 60 người. Riêng nói về Hộ phiên "Việc tiền tài thuế khóa những thuộc lại tinh quái làm gian bớt xén rất nhiều". (Quan chức chí, q.13).

[13b] *Ngũ phủ phủ Liêu*: Sau đời Lê Trung hưng các chức Chưởng phủ, Thự phủ, Quyền phủ gọi là quan Ngũ phủ, các chức Tham tụng, Bồi tụng gọi là quan Phủ liêu đều được chúa cho bàn bạc việc nước. Chính lệnh truyền ra không phải của chúa Trịnh đều gọi chung là Ngũ phủ phủ Liêu.

[13c] *Phụng sai:* quan được sai đi làm một việc gì.

phải về, ai đã được thuyên bổ làm chức vụ cũng đình bãi cho về để làm sạch con đường cầu may. Sau đó mới ước định số người tên tuổi thân nghiêm điều lệ, thì thuộc lại ít kẻ gian ô; dân cũng may mắn thoát khỏi sách nhiễu. Như thế gọi là bỏ những lại để tắt nạn chài dân vậy.

14. *Điều thứ bảy:* Văn chương là công cụ kén chọn học trò, là thứ của tô điểm nhà nước. Văn thể triều ta bắt đầu chấn chỉnh từ đời Thiệu Bình[14a], đại thành ở đời Hồng Đức[14b], từ ấy đến nay được nhiều người giỏi, xây nền thịnh trị vẫn có thể hình dung được. Đến trung gian một lần biến đổi mà thành ra thể văn noi theo các sách xưa, lại biến đổi lần nữa thì thành thứ văn tầm chương trích cú. Những điều quan hệ đến thế đạo cũng theo đó mà có thể khảo xét được. Khoảng niên hiệu Chính Hòa (1860 - 1705) bắt đầu khôi phục lại thể văn đời Hồng Đức. Lúc bấy giờ rừng nho khua động, vườn văn dấy lên, lại nhìn thấy cái tốt đẹp của văn minh. Nhưng thể văn ấy chỉ thi hành ở các kỳ thi hương, thi hội, mà thi đối sách ở điện đình vẫn dùng lối văn cũ. Chưa đầy 20 năm mà đầu đề ra trong kỳ thi hội lại chia ra từng điều, giải nghĩa từng câu như cũ (tờ 14b) . Kẻ ra đề thi, thì chọn những bài văn người ta ít học đến để thí sinh cầu may khó làm nổi. Quan chấm trường thì hâm mộ việc ám tả lời cũ mà quên việc lược giảng tâm thuật. Thậm chí cho thánh kinh là dấu vết cũ kỹ; cho cổ sử là câu chuyện nhàn đàm, chỉ chăm chăm vào những lời nói phù phiếm trong đối sách của chư tử để làm câu thần diệu mở đề. Rốt cuộc khiến cho sĩ tử trong một thời coi thường việc học sách kinh mà chỉ nghiên cứu các sách linh tinh. Có người chỉ viết một bài trong *Thập khoa sách lược*[14c] đã lấy đỗ cao, còn về học thuật cứu chữa thời thế thì không có lấy nửa chữ coi được. Có người chỉ sành một mục ở *Tứ đạo*[14d] *ở [Sách học] đề cương*[14d] để giật giải thi, mà mưu lược sửa chữa tệ hại không có một lời nào có thể dùng được. Xét đến lúc đưa ra làm việc thì vào Hàn lâm không làm nổi thể văn tứ lục, đi chấm trường xem văn của người ta thì mụ người, hoa mắt[14e]. Lấy văn chương như thế thì sự trông

---

(14a) *Thiệu Bình:* (1434 - 1439) niên hiệu vua Lê Thái Tông.

(14b) *Hồng Đức*: (1470 - 1497) niên hiệu vua Lê Thánh Tông.

(14c) *Thập khoa sách lược*: Tên sách của Lưu Định Chi hiệu là Ngốc Trai đời Minh biên soạn. Nội dung phát triển 10 điều mà kẻ sĩ xưa phải tu dưỡng rèn luyện để giúp vua trị nước. Những điều này căn cứ theo tiêu chuẩn của nhà Tống định ra để chọn học trò.

(14d) *Tứ đạo:* tức là *tứ đạo trường sách*: chưa rõ là sách gì và tên tác giả.

(14d) *Đề cương*: tức là *Sách học đề cương*: sách do Chúc Nghiêu nhà Nguyên biên soạn.

(14e) Dịch câu "Ngũ sắc thành mê" chưa rõ điển cố.

mong được giá trị như khuê như chương[14g], đẹp đẽ như phủ như phất[14h] sao có thể đáp ứng được.

Vậy kính xin dốc lòng tôn sùng cái học chính thống, chấn hưng phong thái nhà nho, khôi phục lối văn hồn hậu đời Hồng Đức, thay đổi thói viết chi ly đời Trung cổ. Phàm các tập văn của hậu nho (tờ 15a) như các sách *Ngốc Trai*[14i], *[Sách học] Đề cương, Tứ đạo [trường sách]* nhất thiết cấm hẳn. Người đi học không được học theo các sách ấy, quan trường không được giao đề bài theo các sách ấy. Việc hỏi thăm về văn sách nên giảm bớt điều mục mà cầu ở điều thiết thực cốt yếu. Văn cổ thì hỏi đại lược phải trái để xem học lực nông, sâu của học trò; văn kim thì hỏi những việc thời vụ, cơ nghi[14k] để xem xét mưu trí cao thấp. Khoa trường theo đấy mà chọn người; người đi học theo đấy mà tiến thân, như vậy không có thể văn nào là không xuất phát từ lẽ chính đáng. Sẽ thấy bậc túc nho học rộng đi thi, có thể dễ dỗ, còn bọn "nhãi ranh học vẽ" hết lối để đánh lộn sòng. [Thế rồi] người đỗ đại khoa đều có lối văn kinh luân, hữu dụng; người ra làm quan đều có sẵn cái học "tu tề trị bình". Các bậc hiền tài cùng tiến mà thế đạo cũng rõ ràng phát huy. Như vậy gọi là chấn chỉnh thể văn để khích lệ người hiền tài vậy.

15. *Điều thứ tám:* Việc xử kiện [thì pháp luật] đã có đủ điều mục nhưng quan hữu tư bỏ cách thức không theo, bọn hào hữu coi thường khinh nhờn phép nước. Vì vậy kiện cáo ngày thêm nhiều, gian phi ngày càng lắm, dân ngày càng đi đến chỗ cùng khổ. Nay nên làm rõ điển chế cũ, tuyên bố thi hành. Như việc khám [duyệt] quan lại, xét công lao thì cho viên nào dạy bảo vỗ về [dân giỏi] (tờ 15b) bớt được giấy tờ kiện cáo thì lấy làm bậc nhất; viên nào *[xử kiện]* thích đáng không sai, đòi hỏi không làm phiền nhiễu lấy làm bậc thứ hai. Có tạ mà không phạt, làm bậc thứ ba. [Như vậy] là coi trọng việc khen ngợi về sự công bằng, trong sạch. Đến như thể lệ xử thì kiện tụng phải theo thứ tự, cấm kêu kiện vượt bậc, ba lần xử đều y như nhau, thì cấm đòi xét xử lại một cách càn rỡ. Kẻ nào gửi gắm người trong nội phủ để thỉnh thác, thì tùy nặng nhẹ mà khép tội để răn bọn hào phú cậy cửa. Những ai đi kiện thay người khác thì giữ nguyên đơn lại rồi sau mới sai bắt, để cắt đứt sự oán ghét thù hằn

---

(14g) *Khuê chương:* tên các thứ ngọc quý.

(14h) *Phủ phất:* hoa văn gấm thêu trên áo xiêm, thường ví với vẻ đẹp văn chương.

(14i) *Ngốc Trai:* Tác giả sách *Thập hoa sách lược* đã dẫn.

(14k) *Thời vụ cơ nghi:* việc thì thế, sự cơ và cách nên giải quyết thế nào.

của tiểu nhân. Kẻ vu cáo thì khép tội nặng để răn việc hãm hại. Kẻ ra sức kiện cáo thì phạt để răn tính hung dữ, ngoan cố. Kẻ thêu dệt đơn kiện thì khép vào tội điêu toa. Ai liên tục khiếu nại thì nghiêm phạt để ngăn việc gửi gắm kiện tụng. [Gửi đơn] thì nên bác đơn, chi đòi xét một lần, bắt bên nguyên cáo phải bồi thường phí tổn để tắt mối kiện tụng càn. Việc nhỏ có thể đánh đòn [phát lạc] thì cấm lấy tiền đòi bắt, mà giải quyết ngay để bỏ tệ sinh sự [sự sinh]. Việc phạm luật hình không được xử hòa hoặc bắt ức người ta phải chấp thuận thôi kiện, thì cái tội bịa đặt (xảo văn) cũng không thể không trừng trị. Vu cáo người ngay [mà xử] tội giảm một bậc, hoặc giả hứa bồi thường phí tổn để rút (tờ 16a) đơn về thì việc làm gian trái phép, không thể không cấm. xử kiện tất phải cho sao chép lời luận [tội] ngay ngày ấy để ngăn chặn sự điên đảo, yêu sách gian trá. Khám tù tất phải đến nhà ngục kiểm điểm, xem xét người bị giam, để bỏ cái tệ tự tiện tha tù. Đến như việc sai người đi không đúng [chức vụ], hoặc móc ngoặc với người hầu, hoặc chạy chọt chốn quyền môn, mạo tên công sai, đến nơi lại bắt bậy phao vu, dọa dẫm để lấy tiền tài, người bị hại nếu như đem việc bị ức hiếp kêu lên, thì [kẻ] giả thác công sai lại không cho quan ty được tra khám mà lại bắt người [bị hại ấy] về giam đánh, bắt ức họ phải đền bồi, tạ tội, có người đến khuynh gia bại sản mà không biết kêu vào đâu. Như thế thì đứa cậy quyền cậy thế, để làm rối loạn không cho quan hữu ty làm việc, càng không thể không trừng trị nghiêm khắc. Nay nên lấy điển chương cũ có sẵn, ban bố trong ngoài, răn bảo kỹ càng. Lại sai các ty sao chép đem yết thị khiến cho mọi người đều biết điển chương, hiến pháp không thể trái được. [Như thế] thì quan lại noi theo thi hành, quân dân e sợ né tránh, người phạm pháp ngày ít đi, án kiện dần dần xong hết. Đó gọi là làm rõ rệt xét xử để cho thanh thỏa việc từ tụng vậy.

16. *Điều thứ chín*: Việc liêm phóng của Hiến ty, xưa đã thành quy củ (tờ 16b) , [triều đình] thông đạt được dân tình là bởi đạo ấy. Gần đây, tuy có tiến hành nhưng lại cho đó là việc cũ tầm thường. Nay nên chọn kẻ sĩ dứng đắn, cất nhắc làm Hiến ty, khiến đi liêm phóng tuần hành xem xét dân trong hạt. Phàm trời đất có những điềm hay điềm hao, lúa má được mất, vật giá cao hạ, chính lệnh lợi hại, đứa gian phi ẩn nấp, bậc hiền sĩ còn sót lại, đều xét hỏi cho được sự thực để tâu lên. Đến như các việc ruộng đồng cày cấy hay bỏ hoang, dân dụng thừa hay thiếu, nhà cửa trù mật hay thưa thớt, hộ khẩu tăng hay giảm, kiện tụng nhiều hay ít, trộm

cướp có hay không đều phải hỏi kỹ và xét nguyên do. [Rồi còn] việc thu thuế, bắt lính nặng, nhẹ, ít, nhiều, quan lại địa phương thanh liêm, giản dị hay phiền hà, hoặc có quan viên bản xã nào đó ngay hay gian, hoặc có người cộng sự với xã trưởng nào đó tham hay liêm, ruộng đất làng chia đều hay không đều, là vì cớ gì? Tiền thuế thu nộp đủ hay không đủ, là vì đâu? Xã này giàu thịnh là bởi ai nuôi vỗ, xã kia nghèo khổ hay phiêu bạt là bởi ai quấy nhiễu. Đều nên (tờ 17a) tìm rộng hỏi xa, trăm người một lời, mới là thấu được dân tình. Rồi đem những sự tình hỏi được phân loại kê khai đầy đủ, đúng sự thực. Những người theo phép công làm tốt với dân cùng những người loạn phép hại dân đều làm riêng ra một sách nộp ở chính dường, chuyển đạt lên xin chỉ dụ. [Chính dường] phụ sao một bản, trước sai quan chia đi xét hỏi lại cho được sự thực, tâu lên đầy đủ để giao xuống cho bộ Lại, bộ Hình bàn xét thưởng phạt để nghiêm chỉnh việc khen [thiện] phạt [ác]. Lại xét [viên chức] Hiến ty, ai hỏi được đúng sự thực thì bàn thăng chức tước, nên thưởng. Nếu có một việc không đúng sự thực mà việc thực có nhiều thì miễn bàn, dình thưởng, hai việc không thực thì bàn biếm, bãi [chức], ba việc trở nên không thực thì bàn khép vào trọng tội. Nếu Hiến ty nào trốn tránh không nói thì khép vào tội dung ẩn. Như thế thì người xét hỏi làm hết chức vụ mà sự nghe thấy [của bề trên] không bị che lấp, người hiền người xấu dễ thấy rõ, thiện ác đều được khuyến khích, trừng phạt, quan lại biết giữ phép, dân không bị nhũng nhiễu mà nước được yên. Đó gọi là được xét hỏi kỹ để phân biệt người hiền kẻ gian vậy.

17. *Điều thứ mười:* Quốc gia đối với khách nước ngoài cư trú đã có cách xử trí, cho ở có nơi, chưa từng buông thả (tờ 17b) cho họ ở lẫn với dân ta. Gần đây ở các trấn, người làm thuê trong các mỏ, những hộ lấy quế ở rừng núi phần nhiều là người nước ngoài. Họ kết tụ chia ở [các nơi] kể đến hàng nghìn vạn người. Có người làm khán thủ, có người sung làm công dịch ở nơi rừng sâu động vắng, có người mở lò đúc tiền, có người dùng thợ dúc súng, che chở những hộ trốn tránh, chứa chấp những bọn trộm cướp. Có khi vì tranh đoạt mà bày trận đánh nhau, có khi chặn đường mà giết người cướp của. Cũng có kẻ dốt duốc sáng cầm binh khí mặc sức làm điều ác. Có kẻ dựa vào núi chiếm chỗ hiểm chống lại quan quân, hung ác như thế, pháp luật có lúc không chế ngự được. Vả lại sản vật núi rừng vốn là của dành cho quốc dụng, nhưng trong khoảnh khắc ấy về sự nộp thuế, trăm phần không được một phần mà hầu hết đều vào

tay bọn cầu may, còn số phân tán vào tay khách nước ngoài không biết là bao nhiêu nghìn, ức, vạn. Huống nữa chúng không phải nòi giống ta, lòng chúng tất nghĩ khác. Những bọn chợt đi chợt đến biết đâu chẳng mưu làm gián điệp, những bọn ở tản ra các nơi biết đâu lại chả có ý dòm ngó. Đó lại là cái không nên nuôi dần cho nó lớn lên mà là việc có quan hệ to lớn đến quốc kế vậy (tờ 18a). Kính xin bỏ mối lợi nhỏ mà rộng mở cơ mưu sâu sa, xem những mỏ xưởng nào thổ sản còn ít; thuế má còn ít đều nên triệt bỏ. Xưởng mỏ nào thổ sản nhiều, thuế lợi đã thành mới cho đào bới lượm lặt như cũ. Lại sức cho quan cai quản chỉ cho chiêu mộ người bản quốc để làm phu mỏ còn người nước ngoài không được nhận vào nữa. Ai làm trái thì khán thủ phải tội xử trảm. Còn các hộ bóc quế cũng chiếu theo lệ này mà làm. Còn như khán thủ quế hộ là người khách (Trung Quốc) đều nên đình bãi đuổi về. Lại giao xuống cho quan địa phương báo cho dân các xã: hễ người ngoại quốc mới đến kiểu ngụ không phải là người có hộ tịch ba đời [ở đấy] thì không được lưu trú ở địa phương. Nếu coi thường dung túng thì Xã trưởng phải xử trảm. Như thế thì trong ngoài có giới hạn mà không có mối lơ chúng đi, ở hỗn tạp nữa. Đó gọi là phân biệt nòi giống để chặn sự dòm ngó vậy.

18. Mười điều trên đây đều là việc cấp bách ngày nay. Nhưng nếu được người giỏi mà thực hiện thì đủ làm lên chính sách trị bình. Nếu không được người giỏi thực hiện thì cũng chỉ là phép không mà thôi. Nay muốn mở ra quy mô to lớn (tờ 18b) thì đối với các bề tôi lớn nhỏ, trong ngoài phải nên lựa chọn cẩn thận, mà một viên [tể] tướng cốt phải chọn được người giỏi mới có thể khuyên dạy giúp đức nhà vua, dẫn vua theo đường phải, làm ra công lý của nước, gắng gửi mọi việc. Trăm quan trong triều ngoài quận, dẫn dắt nhau lên mà sắp hàng, khiến cho mỗi người đều xứng đáng với chức vụ của mình. [Như thế] thì nền thái bình thịnh trị có thể lập nên được. Người xưa có câu rằng: "hữu trị nhân, vô trị pháp[18a]" đó là lời bàn sâu sắc. Nhưng muốn dùng được người giỏi thì tự thân vua chúa phải bắt đầu. Cúi mong thánh thượng giữ đức trong sáng, cầm lòng trung chính, cẩm giữ cho nghiêm không bị chuyển dời bởi người thân cận, tinh tế ở sự quyết đoán, không bị che lấp mê hoặc bởi bọn gian nịnh. Trung, nịnh, chính, tà không có cái gì trốn được dưới đuốc sáng. Tha, giết, cho, lấy không có cái gì bị nhiễu trước quyền hành. Như

(18a) Nghĩa là: chỉ có người cai trị [giỏi] chứ không có phép cai trị [hay].

thế thì bậc hiền sĩ phấn khởi được dùng, kẻ gian không còn được đất, quy mô rộng lớn trị bình có thể dựng lên, nền thịnh trị tốt đẹp tin sẽ tiến tới. Truyện có câu: "một ông vua [giữ mình] chính thì nước được yên định"(18b). Xin bậc cao minh hãy xét kỹ.

19. Mười điều ấy, điều đầu tiên nói việc truyền ngôi, lời lẽ rất tha thiết, còn chín điều kia phần lớn trái ý người chấp chính và những quyền thần yếu nhân nhiều kẻ không bằng lòng. Chúa Trịnh Khương xem đến cả giận, ra lệnh đoạt quan chức của [Bùi Sĩ] Tiêm, đuổi (tờ 19a) về quê (Sau khi Tiêm chết, tặng Thanh chính đại học sĩ, ban tước Trung tiết hầu, cấp ruộng thờ(19a), Bùi Sĩ Tiêm người Kinh Lâu, Huyện Đông Quan(19b)).

20. Gia quận công Trịnh Lân chết, tặng Đại tư đồ (Lân là con của Liễu được ban họ Trịnh)(20a).

21. Mùa đông tháng mười, sai quan đi chiêu tập dân lưu tán ở Thái Nguyên.

22. Ra lệnh thi các cử nhân (thi Hội), lấy hợp cách họn Nguyễn Bá Lân (người xã Cổ Đô, huyện Tiên Phong(22a)) 12 người(22b).

23. Tháng mười một, ngày rằm Giáp Tuất [13-XII-1731] nguyệt thực.

24. Thi Đình. Cho Đỗ Huy Kỳ (người huyện Thụy Nguyên) đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (thám hoa). Trần Danh Ninh (người xã Bảo Triền, huyện Gia Định), Quân Đình Du (người xã Huê Cầu, huyện Văn Giang), Nguyễn Nghiễm (người xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân) đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp). Bọn Nguyễn Bá Lân 8 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

25. Tháng mười hai, mồng một là ngày Canh Dần [19 - XII - 1731], nhật thực.

(18b) Dịch từ câu: "nhất quân chính nhi quốc định".

(19a) Về bài điếu trần của Bùi Sĩ Tiêm chỉ có bản trục (A.1415) và (HV.119) là chép đầy đủ nhất còn các bản khác A.6; A.2089 chỉ chép đại lược điều thứ nhất. CM chép điều thứ nhất và điều thứ 7 cũng trích đoạn.

(19b) Theo A.2089; A.6 và A.1210.

(20a) Theo A.2089; A.1210 và A.6.

(22a) Theo A.2089.

(22b) A.6: "10 người".

Nhâm Tý, Vĩnh Khánh năm thứ 4 (1732) (Thanh, Ung Chính thứ 10. Tháng tám về sau là Lê Thuần Tông, năm Long Đức thứ nhất)

1. Mùa xuân tháng giêng, xuống chiếu tìm sách còn sót lại. Ai có sách cổ, thơ văn của nước nhà cùng văn chương cử nghiệp, bất câu rách nát đều cho dâng lên, tùy ít, nhiều mà có báo đáp và ban thưởng.

2. (tờ 19b) Thăng (Lại Trạch hầu)[2a] Phạm Đình Kính làm Tả thị lang bộ Hộ[2b]. Cao quận công Tô Thế Huy làm Tả thị lang[2c] bộ Công; Siêu quận công Nguyễn Gia Châu làm trấn thủ Sơn Tây.

3. Tháng hai. Đình chỉ các ngạch thuế thổ sản. Bấy giờ [chúa] muốn đặt lệ trưng thu các thuế thổ sản giao xuống cho dình thần bàn nghị. Tể thần cho rằng: từ trước ngạch thuế gọi là thổ sản như diêm tiêu, sắt, ván đóng thuyền và bơi chèo[3a] là những thứ có giúp chi dùng vào việc binh. Cũng có một vài thứ như cá, muối, là những vật nhỏ mọn nhưng cũng là do núi biển sản ra, nên dân dễ thu nộp. Từ năm Giáp Thìn (1724)[3b] có lệnh xét khắp dân gian xem ai có nghề nghiệp gì, đều chiếu bổ [thuế] thổ sản, trưng thu ngang lạm, vật lực do đó bị kiệt quệ không thể làm tiếp. Bèn đến chỗ bần cùng, bỏ nghiệp: vì thuế sơn mà có người đẵn cây sơn đi, vì thuế lụa mà có người phá khung cửi, vì thuế gỗ mà bỏ cả búa rìu, vì thuế tôm cá mà xé cả lưới chài, vì thuế mật đỏ mà không trồng mía nữa, vì thuế bông, thuế chè mà vườn tược bỏ hoang. Làng mạc tiêu điều, thuế hàng năm bỏ thiếu chồng chất, chi dùng của Nhà nước vì thế mà thiếu thốn. Bèn bàn sửa đổi, bắt đầu bỏ (tờ 20a) lệ thuế thổ sản. Nay nên xét kỹ thói tệ cũ, dình hẳn lệ thuế thổ sản, chỉ có người nào tình nguyện mới chiếu bổ. Chúa nghe theo.

4. Qui định văn kinh nghĩa trong kỳ thi Hương, thi Hội, thay dùng thể thức văn bát cổ[4a], lệnh cho sĩ đồ sĩ tử học theo để các khoa thi Hương, thi Hội về sau sẽ thi hành.

Bấy giờ tể thần Nguyễn Công Hãng thích lối văn bát cổ, thường đem khảo hạch nho thần, ai trúng tuyển thì biểu dương, nhưng người học

---

[2a] Theo A.1210.

[2b] A.6 "Tả thị lang bộ Binh".

[2c] A. 1210; A.6 "Tả thị lang bộ Lễ".

[3a] Sách chép "trạo phác" CM chú là bơi chèo chưa đẽo thành.

[3b] Bản trục và các bản A.6; A.2089 đều chép Canh Thìn (1700), chỉ CM chép Giáp Thìn và có chú đó là năm Bảo Thái thứ 5 (1724) định thuế thổ sản.

[4a] Xem chú thích (4a) năm 1728.

thường ngại vì thể ấy khó. Đến dịp Hãng mất hết chức vị, [việc ấy] chưa kịp thi hành mà bãi đi.

5. Chúa Trịnh Khương (Giang) ra chỉ dụ tôn sùng học sách kinh điển[5a], cấm sách [chư] tử. Bấy giờ nghị bàn cho rằng: sách vở thánh hiền là ông tổ của văn chương. Gần đây theo lối học thuộc lòng, người đọc sách *Kinh, Truyện* chỉ sưu tầm tiểu chú[5b] mà phần nhiều bỏ sót chính văn. Người đọc sách *Sử* chỉ thiệp liệp sách ngoài mà bỏ quên sách *Cương mục*[5c]. Học thuật sơ lược, lỗ mỗ, cần phải ra sức chấn chỉnh để thay đổi tập tục của kẻ sĩ. Bèn ra lệnh sức cho người đi học từ nay sách *Kinh, Truyện* phải thuộc về chính văn, còn như tập chú, tiểu chú thì chỉ chọn lấy phần tinh túy. Các sách *[Tự trị] thông giám cương mục, Tả truyện* cần phải đọc kỹ. Bởi thế việc học của nho gia mới bắt đầu có chỗ thống nhất.

6. (tờ 20b) Đặt thêm phép khoa thi võ: Chúa Trịnh Khương (Giang)[6a] cho rằng khoa Bác cử lấy đỗ có hạn, có khi bỏ sót nhân tài, bèn vẫn theo lệ thi Hoành từ bên văn đạt khoa thi *Hoành tuyển*[6b] khảo hạch võ nghệ, người nào giỏi thì biểu dương bổ dụng.

7. Tháng ba. Sửa định lễ coi triều và chế nhạc. Bấy giờ thừa hưởng thái bình đã lâu, chúa Trịnh Khương (Giang) muốn làm sáng việc chế tác để tô điểm cái đẹp của văn minh bèn sai tể thần bàn định lễ nhạc; xét duyệt sách *Hội điển* cùng các sách *Tam tài đồ hội*, thấy những chương về *Lễ nhạc* của Trung Quốc thì tùy nghi góp ý, châm chước để thi hành. Lễ nhạc lúc coi triều, lúc đi tuần hạnh phần nhiều có sự thêm, bớt[7a]. Ngày coi chầu thì nhạc công sắp hàng ở bốn tả hữu phủ đường, lúc mở cửa thì nhạc nổi lên, quan văn, võ lạy xong thì nhạc dừng. Trong ngoài sân đều treo cờ 8 mặt. Khi chúa đi tuần hạnh hoặc tiến phát đâu thì trước hết bắn ba tiếng súng (hỏa khí), lúc dừng nghỉ lại cũng thế. Khi ngự giá đi hai bên có cờ dẫn đi trước, nhạc công cũng đi trước như thế.

(5a) Học sách kinh điển, dịch chữ "kinh học".

(5b) A.2089: "tiểu cú": những câu nhỏ nhặt.

(5c) *Cương mục:* chỉ sách *Tư trị thông giám cương mục* của Tư Mã Quang đời Tống soạn.

(6a) A.2089 toàn chép: "Uy nam vương Khương".

(6b) *Khoa Hoành tuyển:* kỳ thi này chỉ mở cửa cho các quản binh xuất thân từ chính phó đội trưởng binh thị hậu trở lên, các tùy viên thuộc hiệu sinh, những người thi khoa Bác cử được trúng trường nhì V. V... (Theo LTHCLC, Binh chế chí, q.14).

(7a) A.2089: "đa tăng ích": phần nhiều có sự tăng thêm.

8. Chúa Trịnh Khương (Giang) đến Quốc Tử Giám bái yết tiên thánh, đem nhạc khí mới chế[8a] dâng cúng[8b]. [Nhạc khí] đều chạm trổ tô vẽ bằng vàng thiếc. Khi tế tự lấy [việc đánh nhạc khí mới] làm lệ thường.

9. (tờ 21a) Qui định lệ cấp lính ở trấn. Lính [này là người] nơi khác lệ thuộc vào trấn vốn không phải là người địa phương, vì xa cách không tiện, phần nhiều hay trốn mất. Bèn bàn lệ quy cấp: Huyện nào ở gần trấn sở, chiếu theo suất đinh [chọn lính] mà cấp cho quan trấn. Lấy làm lệ thường lâu dài.

10. Mùa hạ tháng tư, chúa Trịnh Khương đến thăm miếu Vũ Thành[10a].

11. Sai sứ thần là bọn Phạm Công Dung[11a], Ngô Đình Thạc (người xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai[11b]) sang nhà Thanh báo tang vua Dụ Tông, dâng biểu cùng lễ vật cầu phong.

12. Tháng tư nhuận, ngày rằm là ngày Tân Mùi (7 - VI - 1732).

13.Rồng đen hiện ra ở phương đông tại địa phận sao Phòng sao Tâm, dài 8, 9 thước.

14. Khôi phục qui chế cũ về khảo hạch thi Hương. Trước dây phép khảo hạch các khoa thì nho sinh, sĩ nhân khảo ở huyện; ai giỏi văn thì khảo hạch tại phủ. Đầu năm Bảo Thái (1720) mới bắt đầu cho quan phủ làm chủ khảo, quan huyện cũng dự hội đồng. Việc ít quan nhiều, dần dần thành tệ. Đến đây vì dư luận bàn tán sôi nổi nên ra lệnh khảo và xét cử học trò như cũ.

15. Tháng năm. Biếm chức Tả thị lang (bộ Lễ[15a]) là (Cảo quận công [15b]) Tô Thế Huy[15c] làm Thừa chánh sứ An Quảng. Bấy giờ vua đang cư tang, nết xấu ngày càng rõ. Các bậc đại thần bàn bỏ vua, lập vua khác. Huy vốn giỏi về chiêm tinh[15d], khi ở tòa Kinh diên thường dâng sách âm

---

[8a] A.2089: "dĩ thân chế lễ khí tiến chí" nghĩa là đem lễ khí (các đồ tế lễ) do [chúa] đích thân chế ra dâng lên. A.1210; A.6: "đem lễ khí mới chế dâng lên" .

[8b] Nguyên văn là "vi chi" tối nghĩa, chúng tôi tạm dịch "dâng cúng" là hiểu theo ý của câu cuối "khi tế tự lấy làm lệ thường" tức là đem nhạc khi đó ra biểu diễn.

[10a] *Miếu Vũ Thành*: miếu thờ tổ sư nghề võ (Thái Công Vọng) và các danh tướng thời xưa. (11a) *Phạm Công Dung:* người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất triều Vĩnh Thịnh (1706).

[11b] Theo A.2089.

[15a] [15b] Theo A.2089.

[15c] A.6: "Hiểm Hữu thị lang bộ Hình Tô Thê Huy".

[15d] A.6: "Thế Huy vốn giỏi nói năng".

dương cho vua (tờ 21b). Các [đại thần] bàn rằng [Huy] là bề tôi giảng dạy vua mà dựa dẫm phụ họa, không biết giúp vua về đạo đức. Bèn biếm chức.

16. Tháng sáu quy định các cấp cờ xí, hành nghi, quan phẩm. Chúa Trịnh Khương (Giang) cho rằng theo chế độ Trung Quốc, các quan đều có cờ để phân biệt. Sai tham khảo, châm chước, bàn thi hành để tỏ rõ văn vật. Những quan kinh khi ra ngoài đều chiếu theo phẩm cấp [mà chế cờ] nhiều ít có khác nhau. (Nhất phẩm [cờ] một đôi, nhị phẩm cán cờ dài 5 thước, [sơn màu] cánh gián thêm cây gỗ bên dưới có túm lông màu hồng. Lá cờ dùng lụa hình vuông sắc trắng, giữa màu hồng[16a]).

17. Mùa thu tháng năm[17a], ngày rằm là ngày Kỷ Tỵ (3 - X - 1732) có nguyệt thực.

18. Sao Hỏa phạm vào địa phận sao Đẩu.

19. Sao Thái bạch xuất hiện ngang trời giữa ban ngày.

20. Chúa Trịnh Khương (Giang) phế bỏ vua Vĩnh Khánh làm Hôn đức công, lập con trưởng Dụ Tông là Duy Tường làm vua. Lúc trước Vĩnh Khánh đế[20a] đã được lập làm vua, hoang dâm càn rỡ không kiêng kỵ gì. Đại thần là bọn Trịnh Quán bàn làm việc quyền biến để yên xã tắc. Chúa còn ẩn nhẫn chưa nghe, sai quan bày tỏ ý muốn cứu giúp, bảo vua phải tạm tránh chính điện ra ở cung bên cạnh. Số cung đốn [cho vua dùng][20b] trong nội điện đều xén bớt đi. Thái hậu vì không biết răn bảo giúp đỡ vua nên giáng xuống làm Quận quân. Vĩnh Khánh đế cuối cùng cũng không hối hận tỉnh ngộ. Đến nay bèn phế đi[20c], rước ra một ngôi nhà ở ngoài (ngoại đệ), chẳng bao lâu bị hại[20d]. Chúa Trịnh Khương (Giang) hội quần thần bàn chọn người lập làm vua. Sai (tờ 22a) dẫn 12 người con của Dụ Tông đến phủ đường xem mặt. Duy Tường do thứ bậc [là con trưởng] đáng được lập làm vua. Bèn sai quan hữu ty hộ vệ ra ở cung Phúc Thọ[20d]. Ngày Bính Tý (10 - X - 1732) làm lễ cáo ở nhà Thái

---

(16a) Theo A.2089; A.1210 và A.6.

(17a) A.6: "mùa thu tháng 7" là sai.

(20a) A.1210 và A.2089: toàn chép là Hôn đức công.

(20b) Số cung đốn [cho vua dùng]: dịch từ chữ "ân số".

(20c) A.2089: "Đến nay đưa xuống cho các quan văn võ nghị bàn phế đi".

(20d) CM chép việc Đại nguyên soái Uy nam vương là Giang giết đế Duy Phường, vào tháng chín năm 1735 và nói rõ: giết bằng cách thắt cổ. Đến năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740) mới làm lễ chiêu hồn, táng ở xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì (nay thuộc Hà Nội).

(20d) CM: "Thọ Phúc".

miếu, ngày Canh Thìn (14 - X - 1732) lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu là Long Đức, lấy ngày sinh làm Xương phù khánh tiết, truy phong mẹ đẻ Nguyễn Thị làm Hoàng thái hậu.

21. Tha tiền thuế điệu còn trốn tránh thiếu thốn cho dân nghèo và tha các tiền chuộc phạt nhiều lần không thu được. Lại các quan viên nào vì làm lỡ [bị truất bãi] đã lâu quá 10 năm đều cho được bổ dụng.

22. Ngày Nhâm Ngọ (16 - X - 1732), vua sai quan đem sách tỷ tiến tôn An quận vương Trịnh Khương (Giang) làm Đại nguyên soái thống quốc chính thượng sư Uy vương.

THUẦN TÔNG GIẢN HOÀNG ĐẾ

(Húy là Duy Tường, con trưởng Dụ Tông, làm vua 4 năm, thọ 37 tuổi, táng ở lăng Bình Ngô).

Vua có thiên tư tinh thuần đoan trang, thanh cao, hòa kính. Tuy ngày làm vua được ít nhưng (nhờ có nhà chúa giúp rập chính thống nên[1a] cơ đồ thần thánh (thần khí) trở về vua nối [đế nghiệp][1b], truyền đế lâu đời. *Kinh thi* có câu rằng: "thụ mệnh đất đãi, tại Vũ Đinh tôn tử" nghĩa là: chịu mệnh trời không nguy, lại truyền cho con cháu Vũ Đinh[1c]. Vua cũng như lời thơ ấy.

(Tờ 22b) Nhâm Tý, niên hiệu Long Đức thứ I (1732) (Thanh, Ung Chính thứ 10. Tháng tám về trước là niên hiệu Vĩnh Khánh thứ 4, tháng tám về sau là niên hiệu Long Đức thứ 1)

1. Tháng chín, ban ơn cho văn võ bách quan. Gia phong Trịnh Quán làm Quốc lão. Thăng Nguyễn Công Hãng làm Thái bảo, Nguyễn Hiệu làm Thiếu phó, đều ban hiệu là "tá lý công thần" còn nữa đều thăng có thứ bậc.

2. Mùa đông tháng mười, ngày Kỷ Tỵ là ngày rằm (2 - XII - 1732), nguyệt thực.

(1a) (1b) Đều theo A.6; A.2089, bản trục không có. Chúng tôi cho rằng người biên soạn *Hậu Lê thi sự ký lược* đã sửa chữa có ý thức. Lại khác với bản trục, A.6 và A.20S9 đưa kỷ Thuần Tông xuống đầu năm Quý Sửu (1733).

(1c) *Vũ Đinh:* Vua hiền nhà Thương, con cháu nối đời làm vua được thịnh trị.

Cho Thượng thư bộ Hộ tham tụng Điện quận công Lê Anh Tuấn ra làm Đốc trấn 2 trấn Lạng Sơn, Thái Nguyên.

3. Cho Phấn quận công Trương Nhiêu di trấn Hải Dương, Huân quận công Đặng Đình Giản trấn Sơn Tây. Vân quận công Đỗ Bá Phẩm trấn Sơn Nam. Thiêm quận công Trương Nhưng trấn Nghệ An. Ninh quận công Nguyễn Thọ Trường trấn Thanh Hoa. (Trương Nhiêu, Trương Nhưng là em ruột Thái phi Trương Thị, người xã Như Kinh huyện Gia Lâm).

4. Tháng mười một, giáng Thái bảo tham tụng Sóc quận công Nguyễn Công Hãng làm Thừa chính sứ Tuyên Quang, rồi bắt phải chết.

Hãng có tài giúp rập. Nhân vương [Trịnh Cương][4a] rất tin dùng. Hãng tự nghĩ mình được chúa dùng, quyết tâm đương việc nước, tâu bày tạo dựng đến trổ hết tài sức. Nhưng tính quyết đoán, tự chuyên, lấy tài lấn lướt người, cho nên nhiều người ghét, gây ra bè đảng, hãm vào tội[4b]. Ngày 25 tháng ấy (tờ 23a), hai ban văn võ dâng khải bản rằng: "Hãng là huân cựu đại thần mà không giữ phận, dám làm việc sai trái: táng mả vào kiểu đất cửu long[4c], chiếm lập sơn trang, chiêu mộ nuôi dưỡng những đứa vô lại, âm mưu cùng nhau nắm giữ quyền hành. Cho nên dư luận sôi nổi cho là trái đạo làm tôi, nên kết tội giảo (thắt cổ) cho nghiêm phép nước. Hai chỗ thổ trạch mới lập cùng nhà ở nên tịch thu nhập vào của công, chỗ mả táng phải đào đem đi nơi khác".

Chúa xuống chỉ: lời đình nghị cũng là đáng lý. Nhưng Hãng phụng sự tiên triều tích lũy nhiều công. Ta cũng không nỡ [xử nặng] , hãy tạm khoan thứ giáng làm phiên thần ngoại trấn, để giữ lấy sông thừa. Đình thần tâu giáng Hãng làm Thừa chính sứ Tuyên Quang. Lưu làm việc ở xứ ấy. Các bản khải do Thiêm sai Hộ phiên nói về việc ăn lộc [của Hãng] thì chờ bê trên quyết định. Hãng bèn bị giáng, rồi gặp nạn. Đầu đời Cảnh Hưng mới được đem hài cốt về làng[4d].

(4a) Bản trục chép nhầm là chúa Trịnh Khương (tức Giang).

(4b) A.6; A.2089: "cuối cùng gặp phải nạn".

(4c) *Kiểu đất cửu long:* đất có chín long mạch. *Sách An Nam cửu long kinh* tương truyền là sách phong thủy của Cao Biền có nói đến kiểu đất này. CM chú là Nguyễn Công Hãng chôn cất mồ mả tổ tiên ở núi Mộc Hoàn (huyện Quế Dương; nay thuộc Bắc Ninh) vì thế có người đem việc này thêu dệt để vu cho ông.

(4d) CM cho biết: "Công Hãng được Trịnh Cương rất tin dùng, nhưng có nhiều người ghét. Lúc Trịnh Giang còn làm Thế tử, Giang đã giận Công Hãng không muốn lập mình. Lúc Giang đã làm chúa, có người ở bên cạnh Giang lại thêu dệt thêm những điều sở đoản của Hãng. Họ nói Hãng cùng bọn Lê Anh Tuấn, Trương Nhưng, Đỗ Bá Phẩm cùng kết thành bè đảng. Và lại Công Hãng mưu tính việc chôn cất hài cốt tổ tiên ở một kiểu đất quý, có ý hy vọng toan làm quá phận định..." (Quyển XXXVII, 27).

(Hãng là người làng Phù Chẩn huyện Đông Ngàn, còn ít tuổi đã đỗ tiến sĩ, làm tê phụ đại thần hai triều, Phù Chẩn tục gọi là Kẻ Cháy. Sóc quận công là tên tước của Hãng).

Ngày 28 tháng ba, năm Quý Sửu Long Đức thứ 2 (1733). Vũ Công Tuấn[4d] dâng một bài thơ Nôm rằng:

Ái lang khói tắt đá bàn ai,
Cháy hỡi nhân sao bỗng cháy càn.
Thực tay châm nào lái lỉa,
Vì mặt nhọ mới chơi than.
Sóc gian ắt thấy sóc âu dụ,
Cháy quá cho nên cháy phải tàn.
Gặp bởi trời nam hào hỏa vượng,
Đuốc soi sáng tỏ suốt loài gian. [4e]

(Bài thơ này được chúa thưởng 6 quan tiền).

5. (tờ 23b) Bãi phép đánh thuế muối. Trước Nguyễn Công Hãng lập pháp, muốn nắm hết lợi của thiên hạ. Diêm hộ lĩnh bài ở giám đương và dâng nộp đều có lễ vật hậu hĩ, mà giá muối công lại cao. Để bù vào phí tổn họ đặt giá cao ở chợ búa. Các hàng muối khổ vị bị Diêm hộ bắt chẹt, ai nấy bèn đều tăng giá để bán, có khi một đấu muối giá đến một tiền, việc muối ăn ở dân gian ngày một khó khăn. Chúa biết rõ tệ ấy, đến nay ra lệnh thôi không đánh thuế muối nữa, cho dân vùng biển nấu muối tự do mua bán. Dân lấy làm tiện lợi.

6. Tháng mười hai, chúa Trịnh Khương (Giang) cho đặt hòm nhận lời kêu. Chỉ dụ rằng: "Gần đây nhân tình đổi khác, dần dần sinh ra chuyện trí trá. Dân mong được kêu oan, [tố cáo] kẻ làm càn ngoan cố, mà bậc cha mẹ dân lại làm ngơ mặc kệ. Ta mỗi lần nghe chuyện thì thương xót không nỡ nghe. Từ nay về sau thần thứ các người, có điều gì đang mong ngóng hoặc chưa năm nguyện, cho được đem sự thực [làm đơn] bỏ vào hòm, khiến cho tình dân oan khuất được đạt lên trên, đường

---

[4d] *Vũ Công Trấn:* (1685 - ?) người làng Đôn Thứ, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ năm 1724, vốn người không a dua. Lúc này ông đang làm Tế tửu coi Công Phiên. Chứng tỏ Hãng chuyên quyền không được lòng đồng liêu.

[4e] Bài thơ ca tụng việc chúa Trịnh trị tội Nguyễn Công Hãng, có tính cách chơi chữ: trong có những chữ "cháy" là tên làng "sóc" là tên tước của Hãng.

ngôn luận mở rộng, thói kiêu bạc dần dần tiêu tan"[6a].

7. (tờ 24a) Lửa trong đất phát ra ở bên xã Bát Tràng. Quán trọ ở Bát Tràng, có khách trọ vô tình vất lửa vào chỗ khe hở, lúc đầu thấy phát lửa xanh, rồi từ lửa sáng, cháy to, hơn một tháng mới tắt. Kẻ thức giả cho là điềm binh hỏa[7a].

(tờ 24b) Quý Sửu, Long Đức năm thứ 2 (1733)) (Thanh, Ung Chính thứ 11)

Mùa xuân tháng giêng, cấm trong nước không được xây cất chùa quán và đắp tượng.

1. Tháng hai, bãi lính tình nguyện. Trong năm Bảo Thái (1728) lập ra phép mộ lính, cho dân ai tình nguyện làm lính thì tuyển bổ vào đội ngũ, lấy ruộng làng của họ cấp cho. Về sau nhiều người tình nguyện làm lính. Đến nay vì phải bỏ nhiều ruộng để cấp, thuế tô sút kém, cho nên bãi việc mộ lính.

2. Xá việc bắt lính trốn cho bốn trấn: Trước đây lính nhất binh ở tứ trấn[2a] vì dinh điền hao hụt, đều được giảm suất. Đến nay lại bàn chọn bổ. Tể thần là bọn Nguyễn Hiệu cho rằng lấy lính cốt chế ngự đúng đường, không cốt ở số đông. Nếu chỉ tăng số hão, thì tổn phí nuôi lính nhiều, lại thành hại dân. Nay số ngạch nhất binh hơn trước gấp bội, trừ số giảm đi độ vài ngàn người cũng chả có gì là thiếu, vả lại suất lính giảm thì thuế điền tô thu vào sẽ giúp ích cho quốc dụng, mà dân nghèo được nhờ để sinh sống. Những ngạch lính trước đã từ giảm, xin nhân tiện đều cho xá miễn. Chúa Trịnh Khương (Giang) nghe theo.

3. Tháng ba, giảm thuế buôn ở tuần ty Thanh Hoa. Lúc bấy giờ Thanh Hoa gạo đắt, Lưu thủ là Nguyễn Thọ Trường xin rằng những thuyền tải gạo **(tờ 25a)** đi qua hạt ấy thì miễn đánh thuế trong hai tháng, để lưu thông buôn bán, tiện cho dân được đong ăn, Chúa nghe theo

4. Mùa hạ tháng tư, thi hội, lấy bọn Nguyễn Hồ Dĩnh 18 người trúng cách

---

(6a) Bài thơ ca tụng việc chúa Trịnh trị tội Nguyễn Công Hãng, có tính cách chơi chữ: trong có những chữ "cháy" là tên làng "sóc" là tên tước của Hãng.

(6a) Các dị bản không có đoạn này.

(7a) Bát Tràng vốn có một giải than bùn (tuorbe) mỏng ở dưới đất mặt. A.6; A.2089 bắt đầu chép kỷ Thuần Tông từ sau chỗ này. Từ đây trở xuống chúng tôi không đưa vào đây những phần mà bản trục chép sự việc xứ Đường Trong.

(2a) *Nhất binh:* Xem chú thích (14a) năm 1725.

5. Thượng thư bộ Binh kiêm Đông các đại học sĩ nhập thị Kinh diên, đổi chức Đề đốc Thiếu bảo, thự phủ sự.

6. Cơ quận công Nguyễn Công Cơ dâng khải trình bày việc chính sự có 4 điều: một là sáng suốt việc quyết đoán; hai là cẩn thận sự ham chuộng; ba là xét kỹ tình hình quân lính; bốn là thương đến ẩn tình của dân. Lời văn của tờ khải này có dùng chữ Nôm[6a].

7. Tháng năm thi Đình. Cho Nhữ Trọng Thái đỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh (bảng nhãn); Trần Trọng Liễu, Nguyễn Hồ Dĩnh đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng giáp). Bọn Nguyễn Kỳ Nhậm[7a] 15 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

8. Mùa thu tháng bảy, lại làm rõ rệt bắt bớ khám xét trong các vụ kiện.

9. Tháng tám cho Vũ Công Tể làm Đốc trấn Cao Bằng, không bao lâu lại cho Lê Vỹ thay.

10. Bãi chức Tri công phiên tế tửu của Vũ Công (tờ 25b) Trấn. Trấn làm quan chấp pháp, không a dua người quyền quý. Vì việc xét kiện trái ý chúa, nên bãi về.

11. Sai 2 ty Trấn, Thừa ở các trấn, mỗi năm đến tháng quý đông (tháng mười hai âm lịch) thân hành khám xét đê đường, dâng sổ sách lên, lại sai quan phủ Liêu đi khám lại, bèn thành lệ.

12. Thăng Nguyễn Huy Nhuận làm Thượng thư bộ Công; Phan Đình Kính làm Đô ngự sử; Đỗ Lệnh Danh làm Tả thị lang bộ Lại; Cao Huy Trạc làm Tả thị lang bộ Hộ; Nguyễn Công Thái làm Hữu thị lang bộ Công; Vũ Huy làm Phó đô ngự sử, Nguyễn Kiều làm Thiêm đô ngự sử.

13. Bãi bỏ chức quan Hà đạo. Trước đặt quan Hà đạo để khám sự bồi lở của các đất bãi ở các đạo để tăng hay giảm thuế. Đến nay cho rằng đất bãi trải nhiều ngày mới bồi hay lở mà sai quan hàng năm đi đốc thúc, thành phí tổn cho dân. Bèn bàn bỏ bớt đi. Bãi bồi ở hạt nào, cho quan huyện thân đến khám, đem sự thực trình lên.

14. Mùa đông tháng mười, lại thi hành lệ ứng chế. Lệ cũ, tiến sĩ sau khi vinh qui lại đến kinh, triệu vào thi thơ ngũ ngôn ở điện Vạn Thọ. Ai hợp cách (tờ 26a) thì ban cho sa, thăng cấp, gọi là ứng chế. Đến khoa Giáp Thìn (1724) bắt đầu miễn. Đến nay lại khôi phục.

(6a) Các dị bản không chép sự việc này. Do đó việc thi hội, thi đình không tách làm hai nơi, lại không vào hai tháng khác nhau.

(7a) HV.119 (bản Viện sử học: "Nguyễn Kỳ Dụng", chắc là kiêng tên Tự Đức).

15. Tháng mười một, Thiếu bảo Nguyễn Công Cơ chết, tặng Thái phó[15a]. Cơ tuy quyền quý mà không lập sản nghiệp, có tiếng là thanh bần.

16. Chọn thải buộc lại ở sáu phiên.

17. Cho Cao Huy Trạc làm Hữu thị lang bộ Lại.

Giáp Dần, Long Đức năm thứ 3 (1734) (Thanh, Ung Chính thứ 12)

1. Mùa xuân tháng giêng, khắc in sách Ngũ kinh ban bố cho thiên hạ[1a]. Chúa thân làm bài tựa.

2. Thổ tù đất Lạc Thổ trấn Thanh Hoa là Quách Công Thi họp đảng cướp bóc. Lưu thủ là Nguyễn Thọ Trường không thể chế ngự được[2a]. Triều đình nghĩ chức trách của trấn là phải bắt trộm cướp, không nên đem việc tâu nhàm. Bèn sức cho Thọ Trường phải nã bắt.

3. Tháng ba, sai văn thần bọn Phạm Huy Ích, Nguyễn Hiệu đôn đốc khắc in các sách *Tứ thư, Chư sử, Thi lâm, Tự vựng* ban hành.

4. Cất nhắc Phó tri Nguyễn Quý Kính (người xã Thiên Mỗ, huyện Từ Liêm, con Nguyễn Quý Ân) tiến triều, vẫn giữ chức Tự khanh, tri Hộ phiên.

5. (tờ 26b) Bản in *Ngũ kinh* khắc xong, sai chứa ván ở nhà Quốc học.

6. Cất nhắc Phó tri Nguyễn Công Luân tiến triều[6a], chức Tự khanh, tước hầu.

7. Làm chùa Quỳnh Lâm. Lấy dân phu 3 huyện thuộc Hải Dương phục dịch, khai 4 đoạn sông để thông đường chuyển vận kéo gỗ chở đá, thường đến vạn người, cả ngày lẫn đêm, không được nghỉ ngơi.

8. Mùa hạ tháng tư, lại sức cấm việc đi kiện vượt cấp.

9. Cho Đoàn Bá Dung làm Đô ngự sử, (Nhập thị bồi tụng[9a]); Cao Huy Trạc là Tả thị lang bộ Lại; Nguyễn Trọng Thường làm Hữu thị lang bộ Hộ; Nguyễn Công Thái làm Hữu thị lang bộ Hình; Nguyễn Duy

---

[15a] A.1210; A.2089: "tặng Thiếu phó"; A.6: "tặng Thiếu bảo" và chú: "Công Cơ người xã Minh Tảo, huyện Từ Liêm".

[1a] CM chép rõ là *"Ngũ kinh đại toàn"* sách này dựa theo bản khắc in của Trung Quốc. Hiện nay Thư viện Khoa học xã hội chỉ còn bản in lại vào đời Tự Đức (1861) ký hiệu AC.210.

[2a] Theo A.6; A.2089.

[6a] *Tiến triều:* xem chú thích (5c), năm 1726.

[9a] Trừ bản trục, các bản khách không chép.

Đôn[9b], Vũ Huy làm Tả thị lang bộ Công; Lê Hữu Kiều làm Phó đô ngự sử, Nguyễn Phùng Thì làm Thiêm đô ngự sử.

10. Cho Lê Thì Dần, Nguyễn Thì Vũ, Trần Đăng Phụ (người xã Cự Khánh, huyện Đông Sơn, do giám sinh văn chức được tiến dùng [10a]) làm Thự phủ sự; Lê Tăng, Đặng Đình Luân làm Quyền Phủ sự.

11. Mùa hạ tháng năm, chúa Trịnh Khương (Giang) thân sức về cáo điều giáo hóa. Chỉ dụ cho quân dân cả nước rằng: tiên thánh vương đời xưa thống ngự thần dân, giữ nước **(tờ 27a)** trị dân, tất lấy giáo huấn làm đầu. Nhà nước ta thiện chính chói sáng, qui chế đều đủ, giáo điều ban bố, lời giáo huấn rất rõ. Nhưng đã lâu, dần dần nảy sinh kiêu bạc. Đứa khinh thường thì cho là lưới luật pháp có thể lọt, kẻ ngu muội thì bị bọn thầy cò xúi giục, kiện càn kiện quấy, bị giam bị chấp. Thậm chí phải quì gối ở công đình, giao thân cho ô lại, khuynh gia phá sản, không thể nói hết. Khổ gì bằng không nghe giáo điều làm bậy mắc vào tội lỗi. Từ sau này ai có lỗi phải đổi, thấy điều thiện nên làm. Biết ngũ hình[11a] đáng sợ thì ngày tháng bảo nhau; biết pháp luật[11b] không tây vị, thì luôn luôn gắng giữ. Lính thì vui luyện tập võ nghệ, dân thì một lòng tôn vua kính bề trên. Tập tục tốt đẹp thì không cần bày ra hình phạt nữa.

12. Cấm quan quân thứ dân không được chạm khắc chữ triện, trang sức hoa mĩ vào các đồ vật thường dùng, người thợ không được đua nhau chế tạo thứ lạ thứ khéo đem bán. Ai trái lệnh thì trị tội.

13. Mùa thu tháng bảy, cho Phạm Đình Kính, Cao Huy Trạc tước quận công.

14. Bãi chức tước của Hữu dụ đức Nhị đà ba Lê Vỹ. Vỹ ra trấn (tờ 27b) Cao Bằng, chính sự khắc bạc, dao động trước tình hình biên giới, nhiều lần xin nhảm những việc nhỏ nhặt. Đình nghị cho là không xứng đáng với nhiệm vụ, xin bãi [chức tước].

15. Truất Nội giám Vân quận công Đỗ Bá Phẩm ra làm Tuần thủ xứ An Quảng. Tiếp đó lại cách chức, bắt phải chết[15a].

(9b) A.1210: "Huy Đôn". A.6 sót tên Duy đôn, chỉ còn Vũ Huy.

(10a) Trừ bản trục, các bản khách không chép.

(11a) Ngũ hình: đời cổ đặt năm hình lá: thích mực vào mặt, cắt mũi, chặt chân, thiến, chém chết.

(11b) Nguyên văn: Tam xích: 3 thước: Đời cổ chưa có giấy, người ta chép hình luật vào mảnh gỗ mảnh tre đều dài 3 thước cho nên gọi là "phép ba thước".

(15a) CM: "do phát sinh việc bè đảng [...] Trịnh Giang ghét hoạn quan Đỗ Bá Phẩm, bắt ép Bá Phẩm phải tự tử".

16. Giáng Nguyễn Hiệu làm Thượng thư bộ Hình, thự thiếu bảo, miễn chức Tham tụng. Lúc bấy giờ việc bè đảng phát sinh. Chúa Trịnh Khương (Giang) tính hay nghi kỵ, quyết ý bắt tội chết. Hiệu làm Tể tướng, chăm và nhân từ, trái ý chúa. Đến nay chúa muôn giết Đỗ Bá Phẩm, sai Hiệu bàn luận, Hiệu cố ý trì hoãn. Chúa cả giận cho nên giáng [chức Hiệu].

17. Cho Nguyễn Huy Nhuận làm Thượng thư bộ Lễ, thự thiếu phó, làm Tham tụng phủ Liêu.

18. Sai làm sách *Quốc triều hội diễn*[18a].

19. Tháng tám ngày 13 (10 - IX - 1734) sai quan hầu mệnh là Nguyễn Trọng Thường, Nguyễn Công Quai đem bọn Đồng trung thư Nguyễn Đình Bảng, Nguyễn Đăng Cao đến trước ở cửa quan Lạng Sơn nghênh tiếp sứ Trung Quốc sang sách phong[19a].

20. Tháng chín, ngày mồng 10 [6 - X - 1734] chúa Trịnh Khương (Giang) dụ thân huân đại thần và văn võ bách quan rằng[20a]: "Ta nhờ hồng phúc trời đất, được tổ tông **(tờ 28a)** phù hộ, sửa sang trình định mọi chính sách chấn chỉnh trăm việc. Thường nghĩ trị nước cốt phải xa lánh gian nịnh. Cho nên Cung Công, Hoa Dâu cùng đảng ác, Nghiêu Thuấn phải đem dày đi bốn cõi xa. Thiếu Chính Mão chứa lòng gian tà, đức thánh Khổng phải đem giết ở Lương Quán. Vừa đây có cận thần, được nhờ ơn hậu của nước ra coi trọng trấn, đáng lẽ nên tận trung theo nghĩa, sớm tối không quên, thế mà lại ngầm ôm chí khác. Lúc ta đương cư tang, riêng gây bè đảng, ngầm muốn chuyên quyền. Lại ngay giữa lúc triều hội vui mừng, dám múa mép nói lời bất kính. Đó không phải là đạo làm tôi. Những bọn ấy hiệp đảng đồng mưu, kết giao riêng, phạm vào điều cấm. Tội trạng đã rõ. Ta đã có lòng bao dung thương xót. Nhưng tiểu nhân oán vọng ngày càng sâu, há nên khoan dung ẩn nhẫn mãi. Bèn bằng vào lời bàn, khu xử thong dong. Muốn lưu lũ kia ở chức nhàn tản, để tiêu tan đảng ác từ lúc chưa thành, dứt mầm gian từ lúc chưa lộ, để răn kẻ bề tôi ăn ở hai lòng".

21. Ngày 18 [14 - X - 1734] quan phủ Liêu vâng, truyền chỉ cho Lưu phủ xứ An Quảng là Chỉ huy thiêm sự Thức vũ hầu Đinh Văn Thuần

---

[18a] CM chép thêm: "nhưng cũng vẫn không làm xong".

[19a] [20a]: Các sự kiện (19) (20) các bản khác không chép trừ bản trục.

rằng: Phàm các việc trấn cho quan Lưu thủ quản biện, còn lộc thường của nha môn ấy, chuẩn cho quan Lưu thủ 2 phần, **(tờ 28b)** còn 1 phần cho quan Tuần thủ Đỗ Bá Phẩm ở trấn sở.

22. Tháng mười một, sứ nhà Thanh là bọn Khởi cư chú Hàn lâm viện thị giảng học sĩ kiêm tá lĩnh Xuân Sơn, Binh khoa cấp sự trung Lý Học Dụ sang nước ta. Ngày mồng 9 (tháng chạp, tức 2 - 1 - 1735) làm lễ sách phong. Ngày mồng 10 làm lễ dụ tế vua Dụ Tông[22a].

23. ....

24. ....

25. ....

26. Cho Thuận quận công Nguyễn Minh Kiên làm Trấn thủ Thái Nguyên. Tiếp đó cho Đô đốc đồng tri Vịnh Quận công Đặng Đình Mật thay. Cho Siêu quận công Nguyễn Minh Châu làm Trấn thủ Kinh Bắc, tiếp đó lại chuyển đi Sơn Nam, cho Ngô Phúc Hiện thay[26a].

27. Vua sai quan đem sách tỷ tiến phong chúa Trịnh Khương làm Đại nguyên soái thống quốc chính thượng sư thái phụ thông đức anh nghị thánh công Uy vương.

28. Ban ơn cho văn võ bách quan, gia cho Nguyễn Hiệu Thượng thư bộ Lại, hàm Thiếu bảo. Phạm Khiêm Ích Thượng thư bộ Lễ (Tham tụng[28a]), còn nữa đều thăng chức có thứ bậc.

(Tờ 29b) [Chúa] giết Đốc trấn Lạng Sơn Lê Anh Tuấn, cho Đinh Gia Hành quyền Đốc trấn, Lê Anh Tuấn có tiếng văn học, tính trầm lặng, kín đáo, trước cùng Nguyễn Công Hãng làm tướng. Vào những năm cuối đời cũng lộng quyền, Chúa Trịnh Khương không bằng lòng. Gặp lúc có người nói Tuấn từ thời tiên triều đã cùng bọn Nguyễn Công Hãng, Trương Nhưng, Đỗ Bá Phẩm có mưu thay đổi Thế tử. Chúa sinh ngờ, cuối cùng lần lượt giáng chức, rồi bắt chết. Người trong kinh, ngoài trấn đều thương.

(22a) A.1210; A.6 chép việc này vào tháng 10, đều không chép rõ ngày làm lễ sách phong, ngày dụ tế.

(26a) A.1210 không chép việc cho Nguyễn Minh Kiên trấn thủ Thái Nguyên và sau đó cho Đặng Đình Mật thay. Lại chép việc của Thuận quận công sang việc của Siêu quận công Nguyễn Minh Châu. A.6: "Nguyễn Gia Châu".

(28a) A.1210 không có chữ 'Tham tụng".

Ất Mão, Long Đức năm thứ 4 (1735) Thanh, Ung Chính thứ 13. (Từ tháng năm về sau là Ý Tông Vĩnh Hựu năm thứ 1)

1. Mùa xuân tháng giêng. Đại tư đồ, quốc lão trí sĩ Ứng quận công Đặng Đình Tướng chết, truy phong phúc thần. Tướng tuổi trẻ đỗ tiến sĩ, làm tướng văn tướng võ (khoa Đinh Mùi niên hiệu Cảnh Trị (1667) 22 tuổi, một lần thi đỗ ngay tiến sĩ, lúc đầu vâng mệnh đi sứ được thăng Tả thị lang bộ Lại; đổi sang trao cho vũ chức, Tả đô đốc, thăng Tá Lý công thần, coi quân dinh Tiền Hòa, Thái phó, tham dự triều chính, quốc lão, về hưu lại gọi ra, quản quân dinh Trung Khuông, Đại tư mã, chưởng phủ sự, lại về hưu, gia phong Đại tư đồ). Là bậc kỳ cựu trong triều đình chúa Trịnh, được nhà chúa thân yêu tín cẩn, giữ lễ khác hẳn các quan. Con ông là Đình Giản, Đình Quỳnh, cháu ông là Đình Mật đều dự võ ban, lấy công chúa. Còn những người khác phần nhiều làm quan to, một nhà vinh diệu, không có điển lễ nào sánh bằng[1a], tuổi 87 thì mất, chúa cho đất để an táng.

2. Sai Tham tụng Nguyễn Hiệu khám xét xứ Sơn Nam, xét dân trù mật hay thưa thớt để chước định hộ khẩu[2a] **(tờ 30a)**.

3. Sương xuống [nhiều].

4. Sai quan tra xét thuộc lại các nha môn trong ngoài.

5. Tháng ba, cho Tổng binh đồng tri Hiển trung hầu Đặng Đình Quỳnh (có tên khác là Giáp) làm Lưu thủ Hưng Hóa; Tả thị lang bộ Công, Nghĩa phái hầu Phạm Công Dung[5a] làm Đốc trấn Lạng Sơn.

6. Mùa hạ tháng tư, sao Thái Bạch phạm vào vị trí sao Hỏa.

7. Ngày Giáp Thân (15, tức 5 - VI - 1735), vua mất, dâng tôn hiệu là Khoan hào đôn mẫu nhu tốn cẩn khắc trần tiềm (thần dị[7a]) Giản hoàng đế, miếu hiệu là Thuần Tông. Trước đó vua ốm, chúa Trịnh Khương (Giang) sai trọng thần vào tẩm điện săn sóc, nhân đó xét hoàng thân xem ai đáng lập làm vua. Lúc bấy giờ con trưởng vua là Duy Diêu (sau này là Hiển Tông Vĩnh hoàng đế) tuổi đã 19. Em vua là Duy Thần, là

[1a] A.6; A.1210: "Không ai sánh bằng" và còn thêm: "người đời ấy gọi là "ông tiên quốc lão (quốc lão tiên)".

[2a] CM: "Sơn Nam trải qua nạn thủy sai, dân bị phiêu tán. Bèn sai Nguyễn Hiệu đi khám, diễm số dân đinh từng nhà, tùy theo số dân nhiều hay ít, giảm bớt số hộ khẩu".

[5a] A.1210; A.6: "Phạm Đình Dung".

[7a] Theo A.1210; A.6

cháu gọi Thái phi Vũ Thị bằng cô, nuôi ở trong cung chúa, tuổi 17. Chúa ngại Duy Diêu đã trưởng thành, có trí khôn và nghĩ Duy Thần là chỗ thân quyến quen lờn, dễ chế ngự, bèn nói thác rằng Duy Thần có diện mạo giống tiên đế (Dụ Tông) quyết ý lập làm vua, quần thần cũng theo ý chúa, không ai bàn khác cả. Ngày Giáp Ngọ (35 tức 9 - VI - 1735) cáo ở Thái miếu. Ngày Bính Thân (27 tức 24 - VI - 1735) Duy Thần **(tờ 30b)** lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Vĩnh Hựu[7b].

Ý TÔNG HUY HOÀNG ĐẾ

1. (Húy Duy Thần, con thứ của Dụ Tông, làm vua 6 năm (truyền ngôi cho Hiển Tông)[1a] lui ra ở điện Càn Thọ, (xưng làm Thái thượng hoàng)[1b] trong 19 năm, mất, thọ 41 tuổi, táng ở lăng Phù Lê[1c] huyện Thụy Nguyên (Thanh Hoa).

2. Vua lúc lên ngôi là em nối anh. Lúc nhường ngôi lại là chú trả cháu, việc người mà ý trời, chứ chả có lòng nào. Rút cục lại được tôn xưng, hưởng mỹ thụy[2a], há chẳng là ngẫu nhiên đó sao.

Ất Mão, niên hiệu Vĩnh Hựu thứ 1 (1735) (Thanh, Ung Chính thứ 13. Từ tháng Tư về trước là Long Đức năm thứ 4 đời Thuần Tông)

3. Mùa hạ tháng tư ngày Bính Thân (17 - VI - 1735), đại xá. Lấy ngày sinh của vua gọi là "Xuân hòa thánh tiết".

4. Xá 2 phần 10 thuế tô, dung năm nay cho cả nước.

5. Thượng thư bộ Lại thiếu bảo tham tụng Nông quận công Nguyễn Hiệu chết. Hiệu là người trọng hậu, giữ mình ngay thẳng, thích bồi dưỡng kẻ sĩ, dắt dẫn kẻ hậu tiến. Đối với quan nhỏ cũng tiếp đãi theo lễ.

[7b] A.1210; A.6: "Trước đó, vua ốm, chúa sai trọng thần vào tẩm điện hỏi thăm sức khỏe, nhân đó xét các hoàng thân xem ai dáng lập thì trình với chúa. Bấy giờ Duy Thần 17 tuổi, kém hoàng tử Duy Diêu 2 tuổi, là cháu họ [gọi bằng cô] của Thái phi (vợ chúa) đã được nuôi trong phủ chúa. Chúa cho là trạng mạo giống tiên đế, bèn quyết ý lập làm vua. Ngày Giáp Ngọ cáo Thái miếu, ngày Bính Thân lên ngôi, đổi niên hiệu là Vĩnh Hựu, đại xá, lấy ngày sinh của vua gọi là "xuân hòa thánh tiết".

[1a] [1b] Các chữ trong ngoặc chỉ bản trục có.

[1c] Bản trục chép nhầm là "Phù nguyên".

[2a] Sau chữ "mỹ thụy" các bản A.1189 và A. 1210 còn thêm 2 chữ "đế vương".

Lúc tuổi già cầm đại chính, mong đổi phép tắc hà khắc, sửa phú dịch cho công bằng, nhẹ việc trưng thu thôi thúc, đều [tự mình] chủ bàn những việc ấy, trăm họ được nhờ. Mất năm 62 tuổi, tặng Thái bảo. Sau truy tặng **(tờ 13a)** Đại tư đồ, gia phong phúc thần.

6. Chúa Trịnh Khương (Giang) làm hành cung ở núi Chè (Trà Sơn) huyện Hiệp Hòa [nay thuộc Bắc Ninh].

7. (tờ 31b) Tháng chín ngày mồng 1 Đinh Dậu (16-X-1735), nhật thực.

8. Chúa Trịnh Khương (Giang) chế 6 bài nhạc gọi là Long hình, Thanh bình, Dung bình, Hòa bình, Tường bình[8a], Thừa bình, sai nhạc công lập, để ngày triều hạ đại lễ đem tấu. Ngày đoan dương, ngày khai ấn chi tấu 3 bài. Rồi lại nói rằng tấu nhạc ở sân là lễ thiên tử, từ nay không được cử nhạc.

9. Chúa Trịnh Khương (Giang) thích văn nghệ, thường những khi ngoài buổi triều hội, mời các bầy tôi thi tụng vào ăn yến trong lầu gác. Có lúc ở nhà Dưỡng Chính, đình Bát Giác, Tây Tung, Phượng Các cho các bầy tôi được xem, bàn bạc sách vở, nghiên cứu đúng rõ nghĩa văn. Hoặc cho xem phép viết chữ chân, thảo, triện. Hoặc hạn vần bảo làm thơ. Hoặc bảo tìm các bức thư, các bài ký, tụng, minh, châm, truyện, dẫn, (tờ 32a) chiếu, chế triều nay, để vịnh cảnh vật. Ai thi trúng thì khen thưởng trước mặt. Lại sai biên tập thi văn nước ta, chia ra từng mục từng loại, rõ cả họ tên tác giả để khi xem được đầy đủ. Lúc bấy giờ có văn thần Cao Huy Trạc thù tụng rất hợp ý chúa. Bọn Nguyễn Công Thái, Vũ Công Tễ, Nguyễn Trác Luân[9a], Dương Mại, Nguyễn Đức Huy, (Nguyễn Kiều[9b]) cũng vì có văn học được chúa thân yêu. Quản Dĩnh[9c] ám tả được toàn bài Bình Ngô đại cáo được bổ làm Đốc đồng Sơn Nam. Như thế nho thần ai cũng được khích lệ.

Bính Thìn, Vĩnh Hựu năm thứ 2 (1736) (Thanh, Kiền Long thứ 1)

1. Mùa xuân tháng giêng, làm 3 chùa là Quỳnh Lâm[1a] Hồ Thiên[1b], Hương Hải[1c] lấy dân phu các huyện Hiệp Sơn, Thủy Đường, Kim Thành.

[8a] A.1210: "Tĩnh bình".
[9a] Bản trục chép nhầm là Nguyễn Trác Thiên.
[9b] Theo A.6; A.1210.
[9c] A.6: "Quán Loại".
[1a] CM: "làm 2 chùa Hồ Thiên và Hương Hải".
[1b] Chùa Hồ Thiên: ở huyện Bảo Lộc trấn Kinh Bắc, đỉnh núi có am Hồ Thiên.
[1c] Chùa Hương Hải: ở xã Phụ Vệ, huyện Chí Linh.

Đông Triều, Thanh Hà phục dịch, tha cho tiền bưu đình và tiền đắp đê đường. Lúc bấy giờ cung quán chùa đền xây dựng liên miên, [nhà thờ họ ngoại của chúa] ở Tứ Dương, My Thử (tên hai xã) càng tráng lệ huy hoàng hơn. Nội sứ[1d] đi tìm mua gỗ đá thì áp đốc hà khắc, bắt ức người ta, nhà nông, nhà buôn đều gác nghề, dân lâu dần không chịu nổi.

2. Tiến phong em chúa là Trịnh Doanh làm [Khâm sai] tiết chế các xứ thủy bộ chư quân, thái úy tước An quốc công, được mở (tờ 32b) phủ Lượng Quốc để nhiếp việc chính. Cứ mỗi tháng ba phiên gặp các quan ở Trạch Các, lấy ngày 3 làm hạn[2a], quần thần có điều liên quan phải hạch, thì gọi là "cẩn bẩm". Lúc bấy giờ Doanh 17 tuổi.

3. Giáng Thái phó Siêu quận công Nguyễn Minh Châu[3a] làm Hữu đô đốc coi đồn Nghệ An. Trước đây Châu vào trấn thủ Nghệ An, gặp năm Kỷ Dậu có quốc tuất[3b], Châu tự nghĩ mình cầm trọng binh, lòng vẫn ngờ sợ, khẩn thiết xin vào chầu. Trịnh Khương (Giang) muốn cho Châu lại về trấn. Vừa khi Châu tâu bày các việc tai dị, không hợp ý, cho là chỉ trích, bèn bắt tội, giáng chức.

4. Tháng hai, thăng Đông các hiệu thư Nguyễn Vỹ làm Hữu thị lang bộ Hình. Đó là thưởng cái công cáo hặc Nguyễn Công Hãng.

5. (tờ 33b) [5a] Tháng ba, chúa Trịnh Khương (Giang) giết Đốc suất Nghệ An là Thiêm quận công Trương Nhưng, cho Hữu đô đốc Nguyễn Minh Châu[5b] thay. Nhưng và Phấn quận công Trương Nhiêu đều là em ruột Thái tôn (thái phi) Trương Thị. Chúa ngờ Nhưng cùng các đại thần kết đảng. Bề tôi được yêu là Hiệp quận công Hoàng Công Phụ cũng ghen ghét Nhưng. Chúa bí mật sai Thái giám Dật trung hầu[5c] đem thuốc độc bắt Nhưng chết. Lại quy tội cho Minh Châu tự tiện giết, triều đình cùng để dấy không xét (Trương Nhưng là nguyên cữu (cậu chúa) của tiên triều, là người vốn giữ lòng trung thành, tuy dự vào hành thân thích, mà vẫn thường thành khẩn, nghiêm trang, hăng hái[5d]) (Sau truy tặng Nhưng làm Thái tể, truy phong phúc thần).

[1d] *Nội sứ:* bề tôi trong cung, thường là hoạn quan được sai đi làm một việc gì.

[2a] Đoạn này A.6 chép: "mở phủ Lượng Quốc, tiếp xúc việc chính. Cứ mỗi tháng 3 phiên gặp các quan ở Bí Các" không có câu: "lấy ngày 3 làm hạn", ngày 3 tức là mồng 3, 13, 23.

[3a] Bản trục: "Nguyễn Gia Châu" là nhầm.

[3b] *Quốc tuất:* tức quốc tang, chỉ việc Dụ Tông mất truyền ngôi cho Vĩnh Khánh đế.

[5a] Từ 33a của bản trục chép việc các chúa Nguyễn dường trong nên không dịch.

[5b] A.1210; A.1189: "Nguyễn Gia Chân".

[5c] A.6 không chép tước mà chép tên: "Phạm Tư Quang".

[5d] Theo A.6.

6. Tham tụng Phạm Khiêm Ích dâng sách *Thẩm trị nhất lãm*. Chúa thưởng bạc và đoạn.

7. (tờ 34a) Thi Hội, lấy bọn Nhữ Đình Toán 15 người trúng cách.

8. Cho Đại tư không Doãn quận công Trịnh Đạc làm Chưởng phủ sự.

9. Mùa hạ tháng tư, cho Tham tụng thượng thư bộ Binh Cao Huy Trạc làm Thượng thư bộ Lễ: Bồi tụng thượng thư bộ Hình Phạm Đình Kính làm Thượng thư bộ Binh; Đô ngự sử Đoàn Bá Dung làm Thượng thư bộ Hình: Hữu thị lang bộ Hình Nguyễn Vỹ làm Hữu thị lang bộ Binh; Đông các đại học sĩ Nguyễn Đức Anh[9a] làm Hữu thị lang bộ Hình.

10. Tháng năm thi Đình, lấy Trịnh Tuệ (họ [chúa] Trịnh, quê xã Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc, cư trú ở xã Bất Quần, huyện Quảng Xương[10a]) đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (trạng nguyên); Nguyễn Quốc Hiệu đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (thám hoa). Bọn Lê Sĩ Triêm 12 người đỗ tiến sĩ xuất thân (hoàng Giáp). (Anh em Sĩ Triêm, Sĩ Bàng, đỗ cùng khoa, là người xã Nội Thiên Lộc, huyện Thiên Lộc[10b]) ; chế độ cũ những người thi ở bộ Lễ trúng cách vào thi Đình, vua cho bậc cao thấp. Khoa này bề tôi được yêu là Hoàng Công phụ vốn chơi thân với Trịnh Tuệ, nói với chúa xin cho vào ở phủ chúa, lấy Tuệ đỗ đầu. Tuệ vốn có tiếng tăm. Nhưng người thời ấy bàn tán ra vào việc đó, rốt cuộc Tuệ cũng không thanh minh được.

11. (tờ 34b) Cho Trương Nhiêu làm Trấn thủ Sơn Tây; Huận quận công Đăng Đình Giám làm Trấn thủ Kinh Bắc; Bính quận công Vũ Tất Thận, Giảng quận công Lê Tăng đều Thự phủ sự; Thượng thư Phạm Đình Kính làm Nhập thị tham tụng.

12. Tháng sáu, định lệ tiền lộc của quan binh. Cho Tham tụng quận công Phạm Khiêm Ích làm A bảo tá lý công thần. Du quận công Trần Đình Ngọc làm Phụ quốc công thần.

13. Cho tham tụng Cao Huy Trạc kiêm Nội các đại học sĩ. Thêm chức cho Quốc lão đại tư đồ Tuyên trung công Trịnh Quán được tham dự triều chính. Huệ quận công Trần Đăng Phụ làm Quốc lão.

[9a] A.1189; A.6: "Nguyễn Ánh"; A.1210: "Nguyễn Chiểu".

[10a] [10b] Những đoạn trong ngoặc: chỉ bản trục chép, A.1210; A. 1189; A.6 không chép lời dụ của chúa Trịnh, chỉ chép ý, như sau: "Phép chọn năm Bảo Thái trước đây, nhất loạt lấy định khẩu làm suất, đến đây tham khảo kiểm tra các hộ trong sổ đinh, xã nào trước có lính rồi, thì lưu lại, cho lệ vào các vệ, ngoài ra đều cho trở về làm dân".

14. Bãi lính mới chọn, cho về làm ruộng. Chúa xuống chỉ truyền cho quân dân tứ trấn và quân dân các xã phủ Trường Yên rằng: "Lính các xã từ trước đã định số ngạch: có người lưu lại ở kinh ứng vụ[14a] chia thuộc đội ngũ. Có người gọi ra rồi lại cho về làm ruộng. Đến năm Nhâm Dần niên hiệu Bảo Thái (1722) bàn định phép chọn lính, nhất loạt tính sổ đinh khẩu làm suất, chiếu số suất mà tuyển lính, đặt vào hàng ngũ. Nay tham khảo chế độ châm chước thời nghi: Những xã nào trước đã có lính ở kinh ứng vụ (tờ 35a) [thành ngạch] vẫn y cũ chọn theo suất, đem lính đã chọn ấy giao cho quan Binh phiên để chia ghép cơ đội của doanh của hiệu, để sung vào túc vệ. Những xã nào trước không có ngạch lính ứng vụ mà mới chọn, đều cho về làm ruộng, cùng dân chịu sai dịch[14b].

15. Định lệ xuất lính theo hầu quan văn có thứ bậc: khoa thi tiến sĩ: đỗ trạng nguyên thì được [lính hầu] 55 suất, bảng nhãn 50, thám hoa 45, hoàng giáp mỗi người 40, tiến sĩ mỗi người 35 suất. Khoa thi Đông các: trúng cách thứ nhất được 30 suất, trúng cách thứ nhì 25 suất, trúng cách thứ ba 20 suất.

16. Bấy giờ sách kinh sử [nhà nước khắc in ban hành, cho người học theo đấy công khai giảng dạy cho nhau. Cấm không được mua sách Trung Quốc.

17. Cấm tổ bậy ruộng lậu.

18. Có bệnh dịch lớn. Người cùng súc vật chết nhiều. Liệu giảm [suất đinh] ngạch cũ về binh và hộ nhiều ít khác nhau.

19. Định lệ ai nộp tiền thì được bổ quan. Cho quan văn võ cùng bách tính nộp tiền, sẽ được bổ chức phẩm. Chức quan cao hay thấp, việc nhiều hay ít đều tùy theo số tiền nộp nhiều hay ít [mà bổ] khác nhau. Triều ban quan lục phẩm trở xuống, ai nộp tiền 600 quan thì được thăng chức một bậc, dân gian ai nộp tiền 2800 quan thì được bổ thực chức Tri phủ, nộp 1800 quan bổ thực chức Tri huyện.

20. Làm hành cung chùa Sùng Nghiêm[20a].

(14a) *Ứng vụ*: phục dịch các việc công linh tinh, không có chuyên môn cũng như không phải đi chiến trận, thường gọi là "lính giản" có lẽ bắt đầu từ đấy.

(14b) A.6 chép thiếu và nhầm nhiều chỗ.

(20a) Ngày xưa thường làm hành cung cho vua nghỉ lại tại đình, ở đây làm hành cung tại chùa.

(tờ 35b) Đinh Tỵ[*], Vĩnh Hựu năm thứ 3 (1737) (Thanh, Kiền Long thứ 2)

1. Mùa xuân, tháng giêng ngày Canh Dần[1a], nhật thực.

2. Chúa Trịnh Khương (Giang) đi chơi chùa Phúc Long.

3. Bớt số ngày hầu ở trong phủ chúa. Thể chế cũ các bề tôi hầu mỗi tháng 9 phiên: phủ đường 3 phiên (lấy ngày 2 làm hẹn (mồng 2, 12, 22). Nội các 6 phiên (lấy ngày 6, ngày 9 (6, 16, 26 và 9, 19, 29)). Đến nay cho bớt đi 3 phiên.

4. Định vị thứ các quan yết kiến ở phủ Lượng Quốc (phủ Trịnh Doanh) và định chế độ mũ áo nghi trượng.

5. Đổi bổ Chỉ huy sứ Nguyễn Minh Kiên làm Tả thị lang bộ Hình, Cẩn thọ bá Nguyễn Đình Cẩn làm Hữu thị lang Bộ lễ, Kiên, Cẩn đều là võ biền vô học, nhanh chóng ở cấp cao hàng văn, người ta không bằng lòng, tiếp đó Kiên lại trở về võ ban.

6. Mùa hạ tháng tư, cho bọn [Phạm] Đình Dung, Đào Hoàng Thực Thiêm sai phủ Liêu khám xử các án kiện.

7. Cấm bắt trạm chuyển đệ dọc đường[7n]. Sai quan các trấn phải thường hỏi xét. [Những người đến bắt phu trạm nếu] không có bài của bộ [Binh] và giấy tờ của trấn thì bắt tội.

8. Tháng năm cho Tả thị lang bộ Lễ Nguyễn Tuấn[8a] làm Tả thị lang bộ Binh, Hàn lâm thừa chỉ Lê Hữu Kiều làm Hữu thị lang bộ Công.

9. **(tờ 36a)** Chúa cho đúc tượng phật to ở chùa Quỳnh Lâm. Sai các quan theo phẩm trật nộp đồng [để đúc].

10. Cho Cẩn quận công Đinh Văn Giai làm chức Đề lĩnh quân vụ. Thăng Huy quận công Ngô Đình Thạc làm Thượng thư bộ Binh (cùng Phạm Khiêm Ích đều làm tham tụng[10a]).

11. Tháng sáu Tả thị lang kiêm Hữu tư giảng Viêm lĩnh hầu Nguyễn Tuấn chết, truy phong phúc thần.

(*) Bản trực chép sai là Đinh Mùi.

(1n) Nguyên văn là Giáp Tuất sửa là Canh Dần. Tháng giêng âm lịch không có ngày Giáp Tuất. Chỉ có ngày Canh Dần là ngày đầu tháng hoặc cuối tháng mới có nhật thực. Vậy chúng tôi xin sửa là Canh Dần.

(7n) A.6: "Cấm nghênh bái dọc đường".

(8n) Nguyễn Tuấn, A.1210 và A.1189; chép: " tước Viêm lĩnh hầu" A.6: "Mỹ lĩnh hầu".

(10n) Theo A.1210; A.1189; A.6.

12. Miễn những tô thuế dồn lại còn thiếu cho tứ trấn và phủ Trường Yên.

13. Người Trung Quốc nhiều kẻ lén lút vào núi rừng Thanh, Nghệ bóc trầm vỏ quế, hạ lệnh sức rõ cấm việc ấy.

14. Sai sứ sang nhà Thanh lấy Đỗ lệnh Nghi[14a], Lê Hữu Kiều làm Chánh Phó Sứ.

15. Mùa thu tháng chín, ngày Mậu Tý [26 - IX - 1731] gặp sinh nhật chúa Trịnh Khương (Giang), các quan dâng bài tụng vạn thọ. Chúa cho Trịnh Tuệ làm Đông các đại học sĩ quan thiêm sai phủ Liêu.

16. Làm hành cung Nam Giản ở đất huyện Chí Linh.

17. Chúa Trịnh Khương (Giang), đi chơi hành cung Trà Sơn (núi Chè).

18.Sơn Tây, Thái Nguyên trộm cướp nổi lên nhiều. Chúa sai bọn Đàm Bá Khanh[18a] (có tên là Đàm Duy Trung)[18b] , Nguyễn Đình Lịch, Nguyễn Bá Lân, Phạm Trọng Côn[18c] đi đánh. Lúc bấy giờ có (tờ 36b) thầy tăng Nguyễn Dương Hưng[18d] họp đồ đảng trong núi Tam Đảo đi lại trong dân gian, dụ dỗ những kẻ ngu tối quê mùa, có nhiều người đi theo đến vài ngàn, bày ra xưng hiệu đặt quan liêu. Bọn bất dắc chí nơi thảo dã thường hưởng ứng. Lúc bấy giờ thiên hạ thừa hưởng thái bình, dân không hiểu hết việc binh cách, nay chợt có tin nguy cấp ở biên, xa gần đều kinh sợ. Người ở kinh đô dắt díu nhau ra khỏi thành, các nơi đào hầm chôn của, làm sẵn lương khô như là sớm tối giặc sắp kéo đến nơi. Không ai có chí cố thủ cả.

Mậu Ngọ, Vĩnh Hựu năm thứ 4 (1738) (Thanh, Kiền Long năm thứ 3)

1. Mùa xuân tháng giêng, đám giặc Thái Nguyên bị dẹp yên, các quan văn võ dâng khải mừng.

2. Tháng ba, bắt đầu đúc ấn sáu phiên phủ chúa[2a]. Trước đấy chưa cấp ấn công, nhiều người giả xưng là công sai; mà không lấy gì mà xét nghiệm được. Đến nay mới đúc ấn ban hành.

[14a] A.1210; A.1189; A.6 "Nguyễn Linh Nghị".

[18a] A.1210 và A.6 "Đàm Quách Khanh" A.1189: "Quách Khanh" (không có chữ Đàm).

[18b] Bản khác không chép trừ hán trục.

[18c] A.1210; A.1189 và A.6 "Nguyễn Trọng Côn".

[18d] Bản trục: "Nguyễn Dăng Hưng" có lẽ sai.

[2a] A.1210; A.1189 và A.6 đều chép: "thùy chú ngự phú lục phiên (đúc ấn năm phủ và sáu phiên)".

3. Tháng năm, lại thi hành phép cho quan huyện coi việc trạm dịch. Những nhà trạm dọc đường đi, cho quan huyện sở tại quản giám, cắt lượt lại dịch danh trực, có văn thư giao phó thì cho dân chuyển đệ.

4. (tờ 37a) Tháng sáu, sức rõ lệ Hình phiên khám xét, xử các sự kiện. Vì xét xử không xác đáng, phạt bọn Tri [hình] phiên Trần Hiển bạc tiền mỗi người có khác nhau.

5. Mùa thu tháng chín, Thượng thư bộ Lại Thuật quận công[5a], Phạm Khiêm Ích tử chức Tham tụng, chỉ còn một mình Ngô Đình Thạc làm tướng.

6. Thuận quận công Nguyễn Minh Kiên chết.

7. Mùa đông, tháng mười, các hoàng thân Lê Duy Chúc, Lê Duy Mật, Lê Duy Quy mưu phản ở Thanh Hoa (Mật, Chúc đều là con vua Dụ Tông). Bấy giờ lũ Mật bị lời phao đồn huyền hoặc, ngầm mang lòng khác, cùng với bọn triều sĩ là Phạm [Công Thế]. Vũ Thước, thuộc hiệu là Lại Thế Tế (người xã Quang Lãng, huyện Tống Sơn, là dòng dõi công thần Lại Thế Vinh, Lại Thế Quý[7a]) mưu đem đồ đảng đốt kinh đô, làm loạn không được, ai nấy thoát thân trốn đi. Quy chạy vào huyện cẩm Thủy; Chúc, Mật chạy ra huyện Nghi Dương, thổ hào là Ngô Hưng Tạo đưa vượt biển vào Thanh Hoa, ở trên phần đất huyện Thạch Thành. Bọn Duy Mật vừa đi được một ngày, Hoàng Ngọc Loan mới phát giác việc ấy ra, chúa (Trịnh Khương[7b] tung người đi các nơi lùng bắt, chỉ bắt được bọn Thước, giam vào ngục rồi giết đi. Chúc và Quy sau đó bị ôm chết, Mật (ở thượng du Thanh Hoa họp quân làm phản. Bắt đầu[7c]) làm trở ngại ở miền biên giới tây nam.

(tờ 37b) Kỷ Mùi, Vĩnh Hựu năm thứ 5 (1739) (Thanh, Kiền Long năm thứ 4)

1. Mùa xuân tháng giêng, cho Dật quận công Nguyễn Đình Thực, (Giám ban) Kế quận công Đặng Đình Luận[1a] làm Đốc phủ Hải Dương, Sơn Tây.

2. Tháng hai ngày Bính Tuất, thái úy Ân quốc công Trịnh Doanh sinh con trưởng là Trịnh Sâm.

[5a] Theo A.1210; A.1189; A.6.

[7a] [7b] [7c] Các bản khác không chép từ bản trực.

[1a] Bản trực chép: "Đặng Đình Phúc" đây sửa theo A.1210.

3. Đặt đài hỏa hiệu ở các lộ thuộc Sơn Nam và Thanh Nghệ. Sai dân sở tại ngày đêm cắt lượt nhau canh giữ.

4. Tháng ba, Lưu thủ Thái Nguyên bọn Lê Đình Tính khải rằng: 2 châu Bạch Thông, cảm Hóa tiếp giáp vào khoảng Lạng Sơn, Cao Bằng và Bảo Lạc, trước đây không có đồn ải. Bọn dân ngoài giáo hóa [triều đình] đi lại tự do. Phiên thần thì tự tiện vào kinh sư cầu may làm việc riêng tư, mà việc tuần phòng canh giữ đều phế trễ. Bọn giặc hung giữ không ai kiểm chế, sẽ làn tràn ra. Xin lập đồn ở những đường hiểm yếu, chia giao cho phiên tù [cho lính] tới đóng giữ, để việc phòng bị biên giới được nghiêm. Chúa nghe theo.

5. Mùa hạ tháng tư, khảo khí giám ban. Chế độ cũ chỉ có hai ban văn võ. Đến nay lại đặt thêm giám ban nữa, thành 3 ban, [tổ chức khảo thí] ai trúng thì trao chức.

6. [Các quan] chấp chính[6a] khải rằng: tài dụng là việc cần kíp của nhà nước. Đời xưa liệu thu để chi. Gần đây xuất nhập không có sổ sách tính toán. Cuối năm (tờ 38a) cũng không kê cứu kiểm tra. Nay nên chọn quan cẩn tín cùng với quan Hộ phiên tính toán, đem số thu năm cũ so với số chi năm ấy xem đủ hay thiếu, tùy nghi châm chước ứng phó. Chúa nghe theo.

7. [Các quan] chấp chính bàn 6 điều xử trí phiên trấn ngoài biên. Đại thể cho các trấn Thái Nguyên, Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa đều là phên dậu của nhà nước, nên tùy phương cách xử trí, để giữ vững vùng biên giới.

1) *Điều thứ nhất:* Phiên thần phụ đạo, có nhiều kẻ do cầu cạnh, mà được cai quản binh dân. Nay ủy cho quan trấn xét chọn người nào tài giỏi thì mới trao cho chức vụ ấy.

2) *Điều thứ hai:* các trường xưởng (mỏ) nên theo lệ cũ cho các phiên tù quản giám, để cho các phu mỏ có chỗ thống thuộc.

3) *Điều thứ ba:* xử trí đối với người Nùng áo xanh.

4) *Điều thứ tư:* nghiêm cấm cái tệ đặt mua gỗ ở đầu nguồn.

5) *Điều thứ năm:* cấm các tuần ty đặt thêm chi nhánh để thu càn thuế của người đi buôn.

[6a] Chấp chính: người nắm chính quyền, chỉ vào bọn Tham tụng, Bồi tụng vì đây không nói rõ là viên quan nào, nên chúng tôi xin để như nguyên văn là "chấp chính".

6) *Điều thứ sáu:* những dân điêu tàn nên miễn cho họ những thuế còn thiếu từ trước.

8. Lời bàn này đưa lên. Chúa Trịnh chuẩn cho thi hành 4 điều. Riêng 2 điều về phiên tù, và trường xưởng thì để lại, không trả lời.

9. Tháng sáu ngày Canh Dần, [15 tức 20 - VII - 1739], nguyệt thực.

10. Chúa (Trịnh Khương (Giang) nghĩ giặc cướp nhiều nơi nổi dậy[10a]) bèn sai chấp chính bàn đặt hương binh ở bốn trấn. Giao cho quan huyện thống suất (tờ 38b) cùng nhau đồn giữ. Đình thần bàn cho là hương binh cùng với dân binh không khác gì nhau. Năm trước mỗi làng đặt một khán thủ, cho họ chỉ huy bọn đinh tráng, hễ có việc phát xuất thì cho điều bát đi chặn bắt, việc hương binh phòng thủ đã có trong ấy rồi[10b]. Bây giờ không gì bằng chọn người trong ngạch lính ở trong dân đinh, để làm người chỉ huy. Chúa nghe theo.

11. Lại sai bàn việc lấy lính giản từ trấn đã phải về để bổ sung đội ngũ. Đình thần bàn cho là hiện nay vùng núi rừng biên giới các nhóm giặc nổi lên rất nhiều, 4 trấn ở nội địa cũng có lén lút phát xuất (Lê Duy Mật tụ tập quân ở thượng du Thanh Hoa. Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ họp quân ở Chí Linh, Ninh Xá. Người xã An Lịch là Đồ Tế giữ châu Sơn Dương, người xã Bình Ngô là Nho Bồng giữ huyện Phượng Nhãn. Người xã Ngân Già tên là Bắc giữ huyện Nam Chân. Người xã Dũng Thủy tên là Tú Cao giữ huyện Thư Trì, người xã Hoàng Xá tên Giáo Ly giữ huyện Đông Quan, đều họp quân làm loạn[11a]). [Dân] hương thôn đem nhau tự giữ làng mình còn không nổi, nay hễ hơi có động, tất họ sinh hoang mang. Và năm Nhâm Dần (1722) niên hiệu Bảo Thái số lính giản dẫu có tăng nhưng không có thực dụng. Quan điền đã cấp cho lính, nông dân không lấy gì để sống. Năm Bính Thìn (1736) xá miễn [ngạch lính ấy], dân mới được hồi phục sinh sản. Hơn nữa quan điền đã lấy cấp cho các cơ đội. Nếu lại muốn căn cứ số ruộng mà lấy lính giản thì khẩu phần của chư quân vì thế mà giảm đi, không khỏi có sự phiền về thay đổi cấp phát. Chẳng bằng cứ để như cũ, cho thái hồi là tiện. Chúa nghe theo **(tờ 39a)**.

(10a) Chỉ bản trục chép.

(10b) Sau câu "có trong ấy rồi" các bản A.1210; A.1189 và A.6 chép khác bản trục như sau: "Nay nếu đặt thêm ngạch lính mới, mà quyền thống suất lại quy về huyện, chỉ sợ lại sinh ra phiền nhiễu, làm cho dân tình náo động. Vả lại quan huyện cũng không phải là chức có nhiệm vụ thống suất quân đội. Chúa nghe theo".

(11a) Chỉ bản trục chép.

12. Sau đó lại chọn lấy "nhất binh" ở phủ Trường An chia đặt vào đội ngũ.

13. Xá hai phần mười thuế tô và dung năm nay cho cả nước. Tiền bưu dinh, tiền cửa·dinh ở hai xứ Thanh Nghệ, tiền phạt, tiền chuộc tội còn thiếu của tứ trấn, và các ngoại trấn đều cho miễn.

14. Mộ dân binh ở Thanh Nghệ, và tứ trấn. Có người nào là thủy thủ am hiểu và thành thạo mà tình nguyện sung vào làm lính "thiện trạo"; người có sức khỏe tình nguyện làm lính đều cho nộp đơn ứng duyệt bổ sung đội ngũ. Cấp cho tiền, thóc, khẩu phần và đất bài cùng quan điền làm lương.

15. Sức rõ cho các quan Đốc phủ tứ trấn phải vỗ yên tìm bắt và chế ngự giặc cướp. Chọn lấy thêm lính năm huyện là Thụy Nguyên, Vĩnh Phúc, Yên Định, Lôi Dương, Nông Cống (Thanh Hoa), cứ 5 suất lính cũ lấy thêm một suất.

16. Cho Tham tụng thượng thư bộ Lễ nhập thị kinh diên Huy quận công Ngô Đình Thạc ra làm Tổng phủ[16a] Lạng Sơn.

17. Cho Trịnh Tuệ làm Thượng thư bộ Lại, Tham tụng. Tuệ nóng lòng nhoi lên về đường sĩ hoạn, Hoàng Công Phụ bày mưu cho đỗ cao. Không đầy vài năm từ Thượng thư vào làm Tể tướng. Khi đã nắm chính quyền, thì trong xướng ngoài họa, lũ tiểu nhân không còn né sợ gì nữa, chính quyền phiền toái, thưởng phạt sai trái, trong nước từ đấy sinh ra lắm chuyện.

18. Bấy giờ bắt đầu đổi gọi Trấn thủ, Lưu thủ là Đốc phủ. Duy Lạng Sơn gọi là Tổng phủ. Nghệ An vẫn để tên cũ là Đốc suất.

19. (tờ 39b) Mùa thu tháng bảy, cho Trịnh Bá Tương vào hầu Kinh diên. Cho Đặng Đình Giám làm Đốc phủ Sơn Nam, rồi lại đổi đi Sơn Tây.

20. Quan binh phiên tâu rằng: số lính Thanh Nghệ bỏ trốn, cộng 3.380 người. Các cơ đội của doanh, hiệu đều không đủ số quân tại ngũ. Bèn chia nhau sai đi bắt số lính trốn ấy.

21. Cấm người bạch dinh chạy chọt làm chức sắc để trốn binh dịch.

22. Định lệ cho lính được so đo nhau về binh dịch: chỉ người giàu có và người nghèo hèn hai bên so đo nhau, còn không được làm ồ ạt.

[16a] Chữ "tổng phủ" xem chú thích của nguyên bản ở điều 18.

23. Cấm quan quân trong khi đánh giặc, không được cướp bóc nhà dân, ức hiếp đoạt lấy tài vật. Ai trái lệ này, thì lấy quân pháp xử trị.

24. Bấy giờ chính sự chuộng nghiêm khắc. Nhiều kẻ tố giác người về việc lộng hành, dung dưỡng bọn côn đồ, thông mưu với đảng giặc, hoặc bị bắt đi một cách bí mật, [căn cứ theo lời tố giác] thường thường người ta phá nhà [người bị cáo]. Đến lúc xét ra là bị vu, thì kẻ tố giác đã trốn mất. Bèn cấm. Từ nay ai tố cáo phải trình bày chi rõ sự thực, có lời cung khai phụ dính vào sau [đơn, người đến cáo tố] cũng phải giữ lại đợi tra xét, chứ không được làm chuyện mơ hồ, nộp đơn rồi đi ngay.

25. Cấm người sở tuần ngăn trở thương nhân giữ các bè mảng lại để yêu sách quá lạm.

26. Cấm các vụ kiện vượt cấp, tâu bày láo, và cầu cạnh chạy chọt để nội phủ giáo tra xét. Những vụ kiện nào đã qua quan sáu khoa và Ngự sử xét xử mà còn chưa chịu, thì cho phép đến ngày (tờ 40a) chúa ra triều nghe chính sự, làm tờ khải dâng lên. Có việc khẩn cấp trọng đại mới được gửi [đơn] vào phủ chúa.

27. Cho Nguyễn Công Thái làm Tả thị lang bộ Lại. Dương Lộ làm Tả thị lang bộ Lễ, Nguyễn Vỹ làm Tả thị lang bộ Hình, Nguyễn Quý Thân làm Tả thị lang bộ Binh.

28. Tháng tám cho Thượng thư bộ Lại thiếu bảo Thuật quận công Phạm Khiêm Ích ra làm Đốc phủ Thanh Hoa. Bồi tụng thượng thư bộ Hộ Lâm quận công Cao Huy Trạc làm Đốc đồng. Từ Trung hưng về sau các trấn đều dùng một quan võ làm Trấn thủ để cầm phòng, chế ngự giặc cướp, một quan văn làm Đốc đồng để khám hỏi kiện tụng. Thường dùng quan ngũ lục trở xuống và những kẻ triều sĩ vừa được cất nhắc ra làm. Khoảng năm Long Đức (1732 - 1735), các con cháu chúa ra làm Trấn thủ. Giản hoặc cũng có dùng đại thần tán lý[28a] việc trấn. Rồi sau lại bãi đi. Duy Nghệ An[28b] dùng chức Thị lang trở lên làm Tham nghị[28c] quyền gần bằng Đốc suất. Đốc thị, Phó đốc thị lâm thời chọn người, chứ không cứ phải là quan phẩm. Đến đây lấy Thượng thư ra làm Đốc đồng, trong kinh ngoài trấn ai cũng ngạc nhiên.

[28a] Tán lý: ở đây là giúp đỡ con chúa trong việc trấn.

[28b] A.6: "Duy Nghệ An vì phải chế ngự xa Thuận Quảng, có nhiệm vụ rất quan trọng, quan văn dùng Tả hữu thị lang trở lên: Tham tụng trông coi...".

[28c] Tham thị: cùng tham gia vào trông coi công việc ở trấn.

29. (tờ 40b) Tháng tám, tiết tôn (Trịnh Uy vương [Khương] làm Đại nguyên soái tổng quốc chính thượng sư thái phụ thông đức anh nghị thánh công bác đạt mậu hòa tuy du dụ nghĩa Trịnh vương[29a], sau lại đổi gọi là Toàn vương.

30. Mùa đông, tháng mười, có sương mù lớn.

31. Tháng mười một, cấm các quan trấn không được tạm đặt các chức sắc trái lệ. Trước đây cho dân chọn đặt khán thủ để hỏi bắt kẻ trộm nơi làng xóm. Về sau mới có các chức sắc Tuần huyện, Tri tổng, Tuần thám. Những kẻ gian ngoan mượn tiếng là tuần hà, ban đêm đi trộm cướp, khán thủ cũng không dám hỏi. Triều đình biết tệ ấy bèn ra lệnh cấm.

32. Định lệ và bắt giữ giải nộp [phạm nhân] để cho chức cai khám trong kinh ngoài trấn thực hiện.

33. Tháng mười hai, đặt phép "đoàn kết". Theo phép này: mỗi xã cứ 10 đinh lấy 7 cho tự sắm binh khí đặt diếm canh giữ. Tùy theo địa phận tiếp nhau, hoặc 4, 5 xã, hoặc 6 xã kết làm một "đoàn". Chọn một thủ dịch hoặc huyện lại làm đoàn trưởng đốc suất khán thủ các xã (tờ 41a) chỉ huy các đinh nam, khi có việc thì tùy nghi đánh hoặc phòng ngự. Khi không đánh nổi thì phi báo cho "đoàn" khác tiếp ứng. Bởi thế dân gian nơi nào cũng có binh khí. Đảng gian nhân sơ hở, tụ họp cướp bóc ban ngay càng dữ. Tiếp đó thay đổi lại, chọn người có danh vọng ở địa phương sung vào quản lãnh trông coi. Sai triều quan đi phủ dụ. Chưa bao lâu lại bãi, bắt đem nộp binh khí ấy lên quan.

34. Cho Văn Đình Dận tước Quận công.

35. Sai quan tứ trấn xét xử cho xong những việc ngục tụng còn đọng lại.

36. Sai Đốc phủ các trấn chọn luyện hương binh để dự bị đánh dẹp.

37. Giảm 3 phần 10 thuế tô và dung vụ hạ sang năm cho tứ trấn và 2 xứ Tuyên Quang, Hưng Hóa để chi phí khẩu phần lương cho hương binh.

38. Hạ lệnh cho tôn thất cùng dòng dõi công thần, ai có thể tập hợp gia đinh, và chiêu mộ tòng quân những người tình nguyện đi đánh dẹp,

---

[29a] Sai chữ "Trịnh vương" các bản A.1210; A.1189 và A.6 chép thêm một đoạn sau: "Lúc ấy chúa [Trịnh Giang] đương đi chơi ở xã Quê Trạo (thuộc Kinh Bắc là quê hương của hoạn quan Hoàng Công Phụ - Giang xây dựng phủ đệ để ở) bí mật sai Nguyễn Trác Luân và Trần Văn Hoán từ kinh sư chạy trạm lên phụng để sắc văn và ấn tỉ, nói giả thác ra rằng sứ thần nhà Thanh sang nước ta, phong cho Giang làm An Nam thượng vương". CM cũng chép sự kiện này.

thì cho làm tờ khải dâng lên, cấp lương thực khí giới sai đi, tùy công trạng sẽ khen thưởng bổ dụng.

39. Tri hộ phiên tự khanh Nguyễn Đình Tư chết. (Đình Tư trước tên là Đinh Luân, người xã Linh Đường huyện Thanh Trì[39a]), tặng A bảo công thần, lại lúc ấy nhà vua còn được nuôi trong phủ chúa, ông cũng phụng mệnh giảng dạy cho vua. Từ một người áo vải mà làm thầy dạy vua, chúa, dã dạy bảo mở mang được rộng rãi.

40. Chúa Trịnh Khương [Giang] trở về kinh sư. Chúa về cuối đời (tờ 41b) lười việc chính sự, thích đi chơi xem, làm nhiều cung quán ở tứ trấn, các nơi danh sơn chùa cổ, chỗ nào cũng có vết xe, dấu chân ngựa. Thường đóng ở hành cung Quế Trạo (xã Quế Trạo, huyện Quế Dương là làng quan Nội giám Hoàng Công Phụ) bất thần về kinh, lại đi tuần phương bắc. Bề tôi thân yêu của chúa là Hoàng Công Phụ nghi ngờ lính Thanh Nghệ, không muốn cho họ hầu xe chúa, đổi dùng lính tráng người làng để do mình sai khiến. Việc ấy khiến cho các quan và sáu quân không biết chúa ở đâu. Công việc triều đình, Nhiếp chính công (Trịnh Doanh) phải cho người đi lấy chỉ của chúa, không dám tự quyết, triều chính vì thế rối rắm. Về sau chúa không được khỏe, thích nghỉ ngơi tĩnh mịch. Hoàng Công Phụ lại đem chúa về kinh sư, làm cung Thường Trì[40a] cho ở trong nhà kín (mật thất), Chúa bèn ở sâu trong đó không ra nữa[40b]. Hoàng Công Phụ cùng thân đảng lộng hành trộm cầm quyền. Biết người trong nước nhiều người muốn hại y, cho nên phải lập nghiêm để làm oai, không ngày nào không có đại thần bị đuổi, (bị giết[40c]), khiển trách. Ngoài ra lại còn [nhiều người] bị mật cáo phải tội, những kẻ thù oán nhau lại dùng kế hãm hại nhau. Những nhà bị bắt bớ gia sản hết sạch không sót tý gì. Ai cũng không tự bảo toàn được thân mình. Phú dịch phiền phức nặng nề, không biết (tờ 42a) kêu vào đâu được. Dân đều

---

(39a) Đoạn cước chú trong ngoặc, các dị bản để ở sau chính văn.

(40a) Cung Thường Trì: CM chú: có sách chép: Tiên cung ở xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì (nay thuộc khu phố Hai Bà Trưng, Hà Nội).

(40b) Về việc này CM vẫn Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ nói: "Trịnh Giang dâm loạn, thông gian với vợ lẽ của bố là Kỳ viên phi Đặng Thị, Thái phi họ Vũ biết chuyện, bắt ép Đặng Thị phải tự tử. Một hôm bắt thình Giang bị sét đánh, gần chết, nhân đấy mắc bệnh "kinh quí", hễ nghe có tiếng sấm là sợ hãi mất cả hồn vía. Bọn hoạn quan nói dối rằng: đấy là vì dâm dục nên ác báo, bây giờ chỉ có cách đào lỗ xuống đất làm nhà để mà ở để tránh sấm sét, họa ra có thể thoát nạn. Giang bèn dựng cung Thường Thì để ở, không dám ra ngoài nữa".

(40c) Theo A.6.

than thở, oán hận, mong loạn. Bởi thế bọn Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở trấn Hải Dương (người xã Ninh Xá, huyện Chí Linh là con Nguyễn Mại) xui dục dụ dỗ làm loạn. Dân các xứ đông, nam, bắc rủ nhau vác bừa cầm gậy đi theo, đám nhiều đến hơn vạn, đám ít cũng số trăm số ngàn. Người chỗ nào cũng nổi lên hàng bầy, không thể cấm ngăn được.

Canh Thân, Vĩnh Hựu năm thứ 6 (1740) (Thanh, Kiền Long thứ 5. Tháng 5 về sau là đời Hiển Tông Cảnh Hưng nguyên niên)

1. Mùa xuân tháng giêng, ngày Mậu Dần[1a], vua tiến phong em chúa là Nhiếp chính thái úy An quốc công Trịnh Doanh làm Nguyên soái tổng quốc chính Minh đô vương. Tiến tôn Toàn vương Trịnh [Khương] làm Thái thượng vương. Trước đây, Toàn vương ở ngôi đã lâu chưa có con nối, biết em là Doanh có văn võ tài lược có thể yên định được nghiệp lớn. Muốn cho nối ngôi, nên mới cho Doanh lập "phủ đệ nhiếp" chính, cho thần liêu có chỗ lệ thuộc. Nội thần là Hoàng Công Phụ ghét Doanh là người sáng suốt quả quyết, nghĩ cách giảm bớt uy quyền, bảo trăm quan hễ trình bày việc gì, không được dùng chữ "bẩm" mà phải dùng chữ "thân" (trình). Cho Doanh ở cái nhà nhỏ ở phía nam phủ chúa làm nhà "đề"[1b]. Doanh cũng giữ gìn kín đáo. Lúc bấy giờ Hoàng Công Phụ chuyên lộng, khí thế hết ra lửa,, phẹ cánh y đều cầm trọng binh, chúng cất đặt phế truất gì không ai dám trái. [Trong nước] trộm cướp đầy rẫy **(tờ 42b)**, lòng người nhao nhao, cứ lo sớm tối sẽ có chuyện bất trắc. Thái phi Vũ Thị triệu Giảng thần Nguyễn Quý Kính khuyên Doanh, Doanh khóc, gạt đi, rằng: "Vương huynh đòi ra hành cung. Ta nghĩ nhà nước là nhất thể[1c], nghĩa không tránh được nên mới nhiếp chính, sớm tối ta sẽ trả triều chính. Việc lên thay ngôi chúa là việc không nên bàn". Kính bèn đem mệnh của Thái phi đến bàn với Nguyễn Công Thái cùng nhau định kế. Thân thần là bọn Trịnh Đạc, Trịnh Thiết (Vũ Tất Thắn người xã Từ Dương, huyện Đông An trú ngụ ở xã My Thữ, huyện Đường An, được chúa cho theo họ chúa, gọi là Trịnh Thiết) đều tán thành. Gặp lúc có giặc Ninh Xá (là Nguyễn Tuyển[1d]) càn rỡ, tin nguy cấp hàng ngày đưa đến, Hoàng Công Phụ[1d] nghĩ Nguyễn Tuyển ngày trước ở trong nhà

(1a) Tháng giêng không có ngày Mậu Dần.

(1b) Nhà để: phủ đệ của vương hầu, quen dùng để chỉ phủ đệ của Thái tử, Thế tử sắp kế vị.

(1c) Ý nói: việc nước là việc chung của người trong anh em nhà chúa, nên mình phải đứng ra gánh vác đỡ.

(1d) Theo A.6.

(1d) Hoàng Công Phụ, A.6 toàn chép chỉ có tước là quận Hiệp.

mình, muốn thân đến vỗ yên, lập công to để chế ngự triều đình. Bèn đem hết quân bản bộ sang sông, bỏ kinh thành trống không. Phụ đi rồi bọn quân tiểu không dựa vào dâu được nữa. Bọn Kính bèn dựa vào hương binh ở gần kinh kỳ sung vào việc bảo vệ để làm thanh thế. Bàn định lấy ngày khai bảo[1e] họp trăm quan dựng em chúa là Doanh lên ngôi chúa. Nhưng Doanh không nghe. Bọn Kính sợ việc chậm sinh biến, lại đem chỉ của Thái phi ra khuyên, và tâu lên vua. Vua sai sứ đến dụ bảo Doanh 2, 3 lần (tờ 43a) Doanh bất đắc dĩ gượng theo. Buổi chiều ngày Đinh Sửu[1g] Kính cùng Công Thái, Trương Khuông (người xã Như Kinh lúc ấy làm Đô đốc đồng tri) vào chầu [vua]. Lúc ấy bảo tỷ chưa mở, gia thần là Tào Thái[1h] giữ chức Tư lễ, nhận mật ước sáng mai xin chỉ vua đem đóng vào sắc văn. Đến sáng hôm sau Doanh vào triều. Bọn Kính, Khuông theo xe hộ vệ[1i], chỉ có các đội thân binh Tứ nghiêm, Tứ kính, tướng sĩ đều đeo gươm vác súng. Nội sai giám là Phan lại hầu lên tiếng hặc, chúng không trả lời. Được một lúc Tào Thái đem sắc đến, Công Thái truyền rằng "có sắc chỉ". Doanh quỳ nhận sắc. Phan lại hầu đứng bên cạnh la trách. Khuông lôi ra mắng là vô lễ, sai giam vào ngục. Trong triều nghiêm lặng. Công Thái lại tuyên bố ý chỉ của Thái phi khuyên Doanh lên ngôi. Doanh khóc không dám ngồi lên ngai. Khuông cùng Tả đô đốc Hoàn quận công Nguyễn Đình Hoàn[1k] dỡ Doanh lên ngai. Bọn Kính đứng chầu tả hữu. Khuê quận công Giáp Nguyễn Khoa (hoạn quan) lên lầu nổi hiệu trống, các quan bày hàng lạy mừng. Doanh lên ngôi chúa rồi sai tụng thần tuyên bố dụ chỉ ở phủ đường, bá cáo trong ngoài, đổi mới 15 điều:

1) Khôi phục hai ban [văn võ], để triều đình được trọng thể (tờ 43b); 2) Ba năm xét công, để phân biệt người giỏi người kém; 3) Lục dụng những người vô tội bị đuổi để chấn chỉnh sự yếm trệ; 4) Nghiêm ngặt thu hồi lại những đơn xin chức tước hoặc sắc mệnh, để làm trong sạch con đường làm quan; 5) Gia tăng [ruộng] khẩu phần cho lính đủ ăn; 6) Ruộng tha thuế tô, thuế dung, cứu dân đỡ khổ; 7) Đình tất cả các việc xây dựng để nới sức dân; 8) Bỏ các tuần ty bến đò lập trái lệ, để tỏ chính

---

(1e) Khai bảo: Bảo, tức bảo tỷ, tiếng gọi tôn con dấu của vua. Theo chế độ phong kiến, vào khoảng cuối tháng chạp người ta chọn một ngày làm lễ hạp tỷ để khóa hộp dấu lại, cho đến đầu tháng giêng năm sau chọn ngày tốt làm lễ khai bảo tỷ, mở ra bắt đầu việc triều đình của năm mới. Đối với các công sở nha môn cũng đại loại như thế.

(1g) Tháng giêng âm lịch không có ngày Đinh Sửu.

(1h) Tào Thái: CM chép là tước Tào thái hầu không rõ họ tên.

(1i) A.6 chép đến đây thì dừng lại.

(1k) Bản trực chép: "Nguyễn Đình Thực" là sai vì ở dưới vẫn chép là Nguyễn Đình Hoàn.

sách rộng rãi; 9) Cấm việc ức hiếp người. Chấm dứt việc đặt tiền trước để mua; 10) Định lệ thưởng công phạt tội đối với tướng sĩ. Mở rộng rãi việc miễn [sai dịch] đối với [gia đình] quân sĩ chết; 12) Đê điều và đường sá giao thông cho quan trấn đốc thúc sai dắp đê làm thuận lợi cho việc nông; 13) Tài phú thì giao bộ Hộ chưởng quản cho đủ quốc dụng; 14) Cấm dâng khải càn trong việc kiện tụng; 15) Miễn thuế tô cho hai xứ Thanh Nghệ. Chỉ này ban xuống trong kinh ngoài trấn đều cả mừng. Tiếp đó sai Nguyễn Đình Hoàn đem lính bảo vệ cung Thường Trì, bắt bè đảng của Hoàng Công Phụ đem giết đi. Triều đường cung cấm nhờ thế trong sạch. Hoàng Công Phụ đóng quân ở Văn Giang nghe tin ấy, lập tức cùng mươi người thủ hạ bỏ trốn. Do đó người trong nước đều lau mắt để trông đợi thái bình. Những người ở miền đông nam bị giặc bắt hiếp đi theo, dần dần giải tán. Lúc bấy giờ nạn bên trong vừa yên, các việc của nhà nước, có nhiều điều phải chấn chỉnh. Chúa Trịnh **(tờ 45a)** Doanh[1m] sai Nguyễn Quý Kính túc trực trong phủ, ngày đêm bàn bạc kê cứu việc chính sự. Kính hầu trong màn trướng, trù biện việc quân việc nước, khoảng mươi ngày, mọi việc đâu vào đấy. Trong việc gỡ rối, dẹp yên, [Kính] là người có công.

2. Chỉ chúa ban xuống, phàm quan hoặc quân để mất đồ vật công chưa đền, nếu do bảo quản không cẩn thận thì được miễn tội[2a]. Nếu nhân việc ấy mà luận tội phạt phải bồi thường thì cho khất lại. Ai vì lời bàn tán của mọi người mà bị phạt thì tha cho. Lục dụng con cháu công thần cũ. Tha tội các quan đã chết là bọn (Diên quận công[2b]), Lê Anh Tuấn (Vân quận công[2c]), Đỗ Bá Phẩm, Nguyễn Thọ Trường, giả lại cả chế sắc chức tước. Những người dính dáng bị đuổi là bọn Đào Hoàng Thực, Vũ Công Trấn, Lê Trọng Thứ, Lê Vỹ, Trần Lê Lân, Đỗ Huy Kỳ, Trần Hiển đều được tẩy rửa tội lỗi, lại được vào chầu hầu. Do đó người có tài bị yểm trệ ai cũng phấn khởi.

3. (Chế thẻ bài "hỏa tốc" để dùng khi điều động việc quân[3a])

4. Thăng thưởng chức tước cho những công thần có công tôn phò. Định chữ hiệu "công thần". Chúa cho Bính trung công Vũ Tất Thần mũ

[1m] Các chữ "Doanh" trong bản trục, các bản A.1210; A.1189 và A.6 đều chép là "thái độ" (em chúa).

[2a] Bản trục chép đoạn này có sai sót, chúng tôi dựa theo bản dịch của CM.

[2b] [2c] Theo bản HV.119, bản Hậu Lê thì sự ký lược của Thư viện Viện sử học.

[3a] Theo A.1210 và A.1189.

đai trang sức bằng vàng theo lệ vương thân (Lúc bấy giờ Vũ Tất Thấn đã được ban họ tên là Trịnh Thiết nắm giữ quân dinh Trung Khuông, kiêm tôn nhân phủ hữu tôn chính, Thự phủ sự, Tả đô đốc, thăng Đại tư đồ)[4a].

5. Thưởng công giết giặc. Tha tô thuế năm ấy cho dân tuẫn tiết.

6. Cho thêm ưu binh 2 trấn Thanh Nghệ. Lệ cũ ưu binh dùng sung vào quân cấm (tờ 44b) vệ. Theo ngạch 5 đinh lấy một lính. Đến nay chọn thêm, cứ 3 đinh lấy một làm ngạch. Chia [lính mới] cho quan quản luyện tập đưa vào phủ đinh, khảo lại, rồi bổ sung thuộc vào đội ngũ. Răn trăm quan không được tra bắt lính, sách nhiễu và cấm thu tiền "vọng" của lính trong kinh ngoài trấn quá lệ. Lính các đạo tòng chinh, ai hăng hái giết giặc, tính số thủ cấp mà thưởng. Ghi chép thành thể lệ.

7. Chia quân ba đạo tiến đánh giặc cỏ (thảo khấu) ở lộ Nam Sơn Hạ (người xã Ngân Già tên Bắc giữ huyện Nam Chân, người xã Dũng Thúy tên Tú Cao giữ huyện Thư Trì, người xã Hoàng Xá tên Giáo Ly giữ huyện Đông Quan, người xã Thanh Hà tên He, người huyện Thư Trì tên Chất họp quân ở địa phận các phủ Khoái Châu, Nam Sách[7a]). Lúc bấy giờ bàn rằng: xứ Sơn Nam địa thế dài rộng, trộm cướp ẩn hiện bất thường, [một mình] quan Thông lĩnh không thể chế ngự nổi. Bèn sai Cao quận công Trịnh Kinh đem quân tiến đánh theo thượng đạo ở ven núi. Trình quận công Hoàng Công Kỳ tiến đánh theo tả đạo ven sông. Nhạc thọ hầu Phạm Trần Tông tiến đánh theo hữu đạo ven sông, đều cho tiện nghi hành sự. Sau đó lại triệu Kinh về, cho Tông thay lĩnh cả quân ấy. Chưa bao lâu lại cho Khoản trung hầu Nguyễn Trọng Cảnh thay Tông đóng đồn chống giữ ở các huyện Thượng Nguyên[7b].

8. Thi hành phép hiến đồ dùng việc binh. Lúc bấy giờ quân các đạo đánh giặc phần nhiều dùng hỏa tiễn (súng đạn) đánh thắng giặc. Bèn sai các phiên mục ngoại trấn chọn nộp (tờ 45a) chì, diêm tiêu, lưu hoàng miễn thuế mỏ và thuế dung, thuế diệu cho dân đinh trong trấn ấy. Nếu ai xin ban thưởng chức phẩm cũng tùy theo số vật liệu dâng nhiều ít mà trao chức phẩm. Dân phố trong kinh kỳ và khách buôn ở Lại Triều (ở phía ngoài Hiến Đinh[8a] thuộc Sơn Nam) tình nguyện hiến để được trao

---

[4a] Đoạn này chỉ bản trục có.

[7a] Theo HV.119 và CM.

[7b] Thượng Nguyên: tên huyện, xưa là Thượng Hiền, thuộc trấn Sơn Nam, nay thuộc huyện Xuân Trường (Nam Định).

[8a] Hiến đinh: tức phố Hiến (Hưng Yên ngày nay).

cho quan chức. [Đều thưởng] cho theo như lệ nộp tiền nộp thóc. Ai không muốn nhận quan chức thì trả lại bằng tiền. [Ai có những thứ ấy mà] giấu giếm, nếu phát giác ra thì phải tội.

9. (Truy tôn huy hiệu cho thái miếu [nhà Lê] và gia tôn mỹ tự cho cung miếu [nhà Trịnh][9a])

10. Giặc đánh vào huyện Đông Yên[10a], Sai Đốc trấn Vũ Tá Liễn, và viên giữ việc phủ dụ là Đỗ Thành Doãn hợp quân lại đánh giặc ấy.

11. Giặc đánh vào đất trấn Sơn Tây, chia nhau cướp bóc các huyện Phúc Lộc, Tiên Phong. Sai Trần Đình Miên làm Đốc trấn đem quân đi đánh. Tiếp theo sai Nguyễn Bá Lân chiêu tập hương binh ba huyện thượng du để chống giữ.

12. Nêu khen nghĩa sĩ Hoàng Sĩ Châu. [Châu là] tường sinh[12a], ở châu Thu Vật thuộc Tuyên Quang (không rõ họ tên); khi giặc vây hãm Đại Đồng, bị giặc bắt, giặc khảo đả tra tấn, không chịu khuất phục, cầm dao tự vẫn chết. Lưu thủ Văn Đình Dân đem việc tâu lên, triều đình tặng cho hàm Tri huyện, tha thuế cho cả nhà. Bấy giờ Tri huyện Hoa Khê Nguyễn Hưng Vượng, Huyện thừa Phạm Danh Toàn[12b] chống đánh, bị chết vì tay giặc. Người dân huyện Sơn Dương là **(tờ 45b)** Dư Khắc Cung đánh nhau với giặc ở đường ngõ bị chết, đều được phong tặng [và ban tiền] tuất. Sau đó vợ viên tiến triều Nguyễn Đình Kính bị giặc bắt, không chịu khuất, cùng với con đều chết. Ban cho bàng [đề chữ] "trung tiết môn". Người huyện Yên Lạc (không rõ tên họ) cũng chửi giặc mà chết, truy phong làm phúc thần. Do đó người ta đều biết coi tiết nghĩa là trọng.

13. Thống lĩnh đạo Thanh Hoa là Đặng Đình Mật[13a] tiến đánh giặc ở Sơn Nam. Bọn tên Tú Cao, tên Bắc liên kết quân đến đánh uy hiếp phố Chân Ninh[13b]. Đốc trấn Nhuận trạch hầu Hoàng Kim Trảo, cùng tướng hiệu thuộc dưới quyền là Lê ky hầu Nguyễn Thế Siêu, Truyền thọ bá Trần Doanh Quán đánh nhau với giặc đều bị chết.

14. Tháng hai, Tổng phủ Lạng Sơn, cựu Thượng thư bộ Hộ tham

(9a) Theo A.1210; A.1189.

(10a) Huyện Đông Yên: thuộc Khoái Châu (Hưng Yên).

(12a) Tường sinh: danh hiệu gọi những người thi hương gồm 3 kỳ đầu đều trúng cách.

(12b) Chữ "Toàn" cũng đọc là "Thuyên". CM chép: "Phạm Danh Linh".

(13a) Chữ "mật" cũng đọc là "Bật".

(13b) Chân Ninh: nay thuộc huyện Trực Ninh.

tụng Huy quận công Ngô Đình Thục chết (tại trấn thành[14a]). Thạc ra làm Trấn thủ vài tháng, có thổ tù ở phiên trấn là Toàn Cơ làm phản, vây sát trấn thành, trong thành không có quân. Có người khuyên Thạc chạy đi có thể khỏi chết. Thạc nói rằng: "Chức vụ của ta là giữ đất [của triều đình], phải sống chết với thành này, còn toan đi đâu". Bèn bị sa vào tay giặc. Đến nay chết, tặng Thiếu bảo (Thạc người làng Tả Thanh Oai)(14b).

15. Cho Vũ Công Tể, Nguyễn (tờ 46a) Quý Kính, Nguyễn Công Thái đều làm Tham tụng.

16. Thống lĩnh (đông bắc đạo[16a]) Nguyễn Trọng Uông (người xã Quế Ô, huyện Quế Dương[16b]) đánh nhau với giặc Nguyễn Tuyển ở Bình Ngô[16c] thua chết. Uông dũng cảm, đánh giỏi, thường một mình một ngựa xông pha trận với giặc. Đến nay gặp giặc Ngô[16d] đem hết sức mình xông đánh dữ dội. Thuộc tướng [của Uông là] Nhã lộc hầu Nguyễn Hữu Nhuận chạy trước, cả đám quần kinh sợ tan vỡ. Tùy hiệu[16d] của bọn Đặng Đình Sắt, Thiều Vũ hầu Phạm Hữu Tá cũng chạy. Giặc đem hết quân lại vây đánh. Uông đánh đến kiệt sức, bị hại. Chúa [Trịnh Doanh][16e] rất thương, tặng hàm Thái bảo, tước [Hiển][16g] quận công, truy phong phúc thần, dùng con là Nguyễn Trọng Thân thay cầm quân. Thân cũng có tài chiến tướng, trong bốn tướng Bình tây, Thân cũng có dự.....

17. Tháng ba. Luận tội thua trận ở Bình Ngô. Giết Nguyễn Hữu Nhuận, Đặng Đình Sắt, đày Phạm Hữu Tá đi viễn châu. Giáng Tá lý hữu[17a] thị lang Nguyễn Bá Lâm (trước là Nguyễn Sỹ Lâm[17b] làm Tế tửu, cất tước hầu).

18. Hạ lệnh cầu lời nói [hay]: phàm những việc chính sự hay dở, dân tình u **(tờ 46b)** ẩn cùng sự nghi đánh giặc, đều cho làm thư phong kín lại, dâng lên.

19. Bãi việc xây dựng hành cung ở các chùa Quỳnh Lâm, Hồ Thiên, Long Hòa, Tây Phương, Từ Trầm. Đem những ruộng đất đã xâm chiếm trả cho dân.

(14a) (14b) Theo A.1210 và A. 1189.

(16a) (16b) Đoạn trong ngoặc chí bản trục có.

(16c) Bình Ngô: tên xã thuộc huyện Gia Bình (nay thuộc Bắc Ninh).

(16d) Ngô: chú Nguyễn Tuyển, em Nguyễn Mại. CM chép "Tuyển".

(16d) Tùy hiệu: hiệu quân đi theo sau làm nhiệm vụ tiếp ứng.

(16c) (16g) Theo A.1210 và A.1189.

(17a) A.1210; A.1189: "Tả thị lang".

(17b) Theo A.1210 và A.1189.

20. Dụ các quan văn võ ai nấy cử tướng tài, có phương lược vũ dũng có thể sai cầm quân; cùng những người có thuật là mưu kỳ, không câu nệ vào tư cách phẩm trật, đều kê tên tâu lên, tùy tài bổ dùng. Sau đó sức cho sức hàng cháu công thần, (công thần tôn diệt) đến kinh, chọn lấy người có sức mạnh, đánh trận khỏe, cấp lương bổng, cho đi theo quân chịu sự điều khiển.

21. Chinh tây đại tướng quân Thể quận công Vũ Tá Lý, cùng giặc tên là Tế đánh nhau ở Yên Lạc, bắt được Tế. Tế cùng người đất Bình Ngô tên là Bồng đều có tiếng là kiệt hiệt. Đến nay bắt được, chúa ban cờ gươm (và sắc dụ[21a]) để nêu thưởng Vũ Tá Lý.

22. (Bấy giờ, dư đảng của giặc Tế là Nguyễn Danh Phương (người huyện An Lạc) đóng giữ chân núi Tam Đảo, nhân chỗ hiểm dựng lũy, mộ quân, vét lương. Phương tính hung hãn, có cơ trí, cốt làm kế tích [lương] tụ [quân] tiềm phục, không liên hệ với bọn giặc cầu giặc Chất ở đông bắc. Nhiều lần Phương xin hàng để triều đình hoãn binh. Chúa Trịnh Doanh nắm hết tình hình. Nhân cùng (tờ 47a) các quan bí mật bàn rằng "Thể đánh đẹp nên tùy nơi hoãn nơi cấp mà giải quyết trước hoặc sau. Nay giặc Phương tự giữ chỗ kiên cố, thủ quân xin hàng mà đông nam là nơi nhiều của cải phú thuế, cầu, Chất liên kết với nhau, ngày càng đốt phá cướp bóc thả cửa. Nay tính sự thế, nên trước hết dẹp xong miền đông nam để gỡ mối nguy cấp cho dân. Đợi dẹp xong hai tên giặc này, kéo quân đắc thắng trở cờ về phía tây. Giặc Phương dù giảo quyệt cũng không lọt lưới được". Bàn định rồi lập tức xuống chỉ sai xứ Sơn Tây nhận cho Phương hàng, liệu lưu quan quân đóng đồi phòng ngự. Còn bao nhiêu quân rút về đạo đông nam, hợp sức lại đánh giặc[22a].

23. Cho Hoành Công Kỳ làm Đại tướng quân thống lĩnh quan quân đạo Sơn Nam[23a], tiến hành đánh giặc cỏ.

24. Mùa hạ tháng tư. Cho Nguyễn Huy Nhuận làm Tham tụng phủ Liêu.

25. Cầu lời nói thẳng: việc triều chính, việc quân cơ, đều cho không phải kiêng dè, trình bày thực, dù có quá đáng cũng không bắt tội.

(21a) Theo A.1210 và A.1189.

(22a) Cả đoạn 22, chỉ ở bản trục có.

(23a) A.1210 và A.1189: "Thống lĩnh chinh nam đại tướng quân". CM: "Thống lĩnh chinh tây đại tướng quân".

26. Nội các đại học sĩ thượng thư bộ Lại, thái tể tham tụng, ra làm[26a] Lưu thủ trấn Thanh Hoa là Thuật quận công Phạm Khiêm Ích mất [tại trị sở], tặng Đại tư không. [Chúa] nghỉ chầu 3 ngày. Khiêm Ích là người văn chương đức hạnh làm mô phạm lúc bấy giờ. Đi sứ sang nước Thanh (tờ 47b) làm tăng thêm quốc thể, người ta ví với Phùng Khắc Khoan (người xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, đỗ chánh tiến sĩ đời Lê Trung hưng, 2 lần đi sứ Bắc triều, gọi là Kỳ lão mà không gọi tên[26b]). Khiêm Ích ở chính phủ, chuộng sự rộng rãi. Về già bị đám quần tiểu ruồng rẫy, không được xét dùng [hết tài]. [Nay chết], trong triều ngoài nội đều lấy làm tiếc. (Khiêm Ích người xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm[26c]).

27. Cấm các lính mộ không được vào kinh kỳ. Trước đây các đạo có việc đánh giặc, quân số ít, có chỉ cho mộ trai tráng có sức khỏe để tăng số quân, gọi là quân chí nguyện. Rồi phần nhiều là con em bọn vô lại ở hàng xóm, cũng ứng mộ đến ở lẫn trong kinh kỳ, rủ nhau làm việc gian phi trộm cắp. Bắt đầu hạ lệnh: từ nay chọn lính, biên vào sổ, cấp phát khẩu phần lương thực, các quân hiệu không được đem vào trong thành cho ở xen vào nhà của quân dân, ai trái lệnh thì phải tội.

28. Cấm những người đi tuần sông khám xét những người buôn bán.

29. Cho cả nước nộp tiền nộp thóc, theo số tiền thóc nhiều ít, trao cho quan chức có khác nhau.

30. Bắt đầu bàn việc quân điền, nhưng chưa làm đã thôi. Chúa [Trịnh Doanh] lúc còn ở tiềm để biết sâu sắc dân tình khó khăn. Đến đây hâm mộ phép tỉnh điền[30a], muốn quân cấp [ruộng cho người] giàu nghèo đều nhau để thuế khóa lực dịch được công bằng. Đình thần bàn rằng: sau 3 đời (Hạ, Thượng, Chu) phép tỉnh điền đã phế bỏ, không còn sổ sách nào có thể làm bằng chứng. Các triều đại ở nước ta, không đời

---

(26a) Theo A. 1210; A.1189.

(26b) Đoạn này chỉ ở bản trục có.

(26c) Theo A.1210; A.1189.

(30a) Phép tỉnh điền: theo truyền thuyết Trung Quốc thì Hoàng đế vạch đất trong khu ra làm hình chữ tỉnh cho 8 nhà ở chung quanh, ở giữa đào một cái giếng, đó là tỉnh điền.
Đời nhà Thương dựa theo phép cổ, lấy đất 630 mẫu chia làm 9 khu mỗi khu 70 mẫu, khu giữa làm ruộng công, 8 nhà ở ngoài mỗi nhà nhận một khu, góp sức cày cấy ruộng công, gặt lúa nộp cho nhà nước còn ruộng riêng thì không phải nộp thuế. Đời nhà Chu lấy đất 900 mẫu làm một lý, chia làm 9 khu mỗi khu 100 mẫu, và cũng thu thóc như trên.

nào thi hành. Nay (tờ 48a) số đinh điền[30b] trong thiên hạ cũng có làng tăng có làng giảm, các phủ huyện thì trộm giặc chưa yên, việc trừng phạt không chừng. Nếu chia người đi khám đạc, chi thêm phiền phí, người nghèo khổ phiêu tán chưa chắc đã trở về, người giàu thì sinh nghi ngờ, ngăn trở. Muốn làm phép ấy[30c] phải đợi lúc thanh bình. Chúa cho là phải, bèn thôi không làm nữa.

31. Tháng năm, chi dụ cho các quan phải tuân giữ chức vụ và cử người hiền tài.

32. Cầu lời nói thẳng.

33. Thị giảng Nguyễn Bá Lân đánh phá giặc núi ở dồn Hoàng Cương, bắt được tù binh rất nhiều.

34. Giặc Hải Dương sang sông đánh phá các huyện Thượng Phúc, Phú Xuyên. Tướng hà đạo là Nguyễn Đăng Hiển đón đánh, đuổi được giặc, giặc chạy sang bắc. Quân của bọn Đốc lĩnh Côn quận công Trương Khuông, và Hiệp đồng Lê Sĩ Triêm[31a], chưa đến đã về.

35. Chọn thêm thủy binh. Đình thần bàn rằng miền hạ lưu đông nam có nhiều giặc ở sông biển (thủy khấu), nên tăng số thủy binh đề phòng bị khi điều khiển. Bèn sai chọn lấy lính ở các huyện ven sông thuộc Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, cứ 5 đinh lấy một, lấy thuyền công cấp cho, mỗi thuyền 10 người, cho ưu binh xen vào để tiện thao diễn luyện tập.

36. Lúc bấy giờ trong nước nhiều biến cố, dân sinh hai lòng. Chúa Trịnh Doanh nghĩ rằng hoàng điệt (cháu gọi vua bằng chú) Duy Diêu là ngành trưởng đáng làm vua, nên theo đúng phép tắc, để lấp đường (tờ 48b) kẻ phân trắc. Bèn xin vua trả ngôi cho cháu trưởng, để trong nước yên ổn. Vua nghe theo, lấy ngày Canh Thân (21, tức 14 - VI - 1740) truyền ngôi. Tờ chiếu truyền ngôi có câu rằng: "Nghĩ chốn biên cương còn có đứa ngu xuẩn ngang ngạnh, muốn cho kinh kỳ được yên mà bờ cõi được yên lặng, xét lẽ chính đáng nên suy tôn dòng đích, cốt để trọng tông thống mà thống nhất nhân tâm". Tờ chiếu ban xuống, nhân tình vui

---

(30b) Bản trục: "Đinh khẩu".

(30c) Theo A.1189.

(31a) Lê Sĩ Triêm: người huyện Can Lộc Hà Tĩnh . CM: "Lê Công Chiêm" là sai.

mừng lắm[36a]. Ngày ấy Duy Diên lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Cảnh Hưng. Tôn vua làm Thái thượng hoàng, đại xá. Lấy ngày sinh nhật vua gọi là "Thanh hòa thánh tiết"[36b] [36c].

[36a] Sau chữ "Đại duyệt" (mừng lắm), A.1210 và A.1189 còn thêm một đoạn như sau: "[mọi người] đều cho rằng từ ngày chúa lên nắm chính quyền đến nay việc làm này là một nghĩa cử cao nhất, [có tác dụng] xoay trời chuyển đất". Vì đây là một đoạn văn ca ngợi chúa Trịnh nên có lẽ bản trục bỏ đi cho khỏi trái với quan điểm của nhà Nguyễn.

[36b] A.1210 và A.1189 đảo đoạn từ Duy Diên lên ngôi Hoàng đế đến hết, lên trên.

[36c] Bản trục chấm dứt kỷ Ý Tông ở đây, nhưng A. 1210 và A. 1189 còn chép tiếp cho đến hết năm 1740 mới chấm dứt kỷ Ý Tông mở đầu kỷ Hiển Tông.

[tờ 48b]

HIỂN TÔNG VĨNH HOÀNG ĐẾ

(Húy là Duy Diêu, con trưởng vua Thuần Tông, cháu gọi Ý Tông bằng chú. Được Ý Tông truyền ngôi cho, làm vua 47 năm, thọ 70 tuổi, táng ở lăng Bàn Thạch[1a]).

Vua mũi rồng mắt phượng, ngồi như núi, đi như nước, thiên tính nhân từ, hiền hòa phúc hậu. Lúc làm hoàng tử, có chú ruột là Lê Duy Mật (con thứ 11 vua Dụ Tông, em vua Thuần Tông) lén đi thượng du Thanh Hoa họp quân để mưu đánh Trịnh. Chúa Trịnh Khương [tức Trịnh Giang] vì thế hơi ngờ đến cả vua, bí mật sai đem vua giam ở nhà Hồng quận công. Đến lúc Trịnh Doanh lên làm chúa, lại cho dời đến ở nhà Bính Trung công Vũ Tất Thận[1b]. Đêm trước hôm vua bị đưa tới nhà mình, Tất Thận mộng thấy một đại nhân đi xe đến nhà, cờ tán cùng nhã nhạc và kẻ theo hầu đều uy nghi thiên tử. Sáng sớm chợt thấy Hồng quận công đưa vua đến. Thận cả sợ, nghĩ thầm rằng giấc mộng đêm qua tất không phải là ngẫu nhiên, bèn đem chuyện mộng ấy bảo với chúa Trịnh Doanh. Lúc bấy giờ giặc cướp lan tràn, dân tình náo động. Doanh nghe nói mộng ấy, cho là điềm tốt, muốn nhờ phúc đức của vua để yên quốc gia **(tờ 49a)**, bèn lấy cớ chuộng dòng đích, tâu xin Ý Tông nhường ngôi cho vua. Lúc bấy giờ quyền ban tước, khen thưởng, cho hay lấy, tha hay giết, và việc chinh phạt đều do nhà chúa cả. Vua chỉ [tỏ ra] khiêm nhường, vô tâm, ỷ lại, rũ áo, chắp tay, trông đợi thành công. [Thời vua] giặc đã dẹp hết, bờ cõi yên lặng hơn 40 năm, an hưởng tôn vinh, về già, bị chúa Trịnh Sâm hơi có ý chèn ép, vua cũng thản nhiên im lặng, mong tự bảo toàn, đàn sáo múa hát làm vui. Họ Trịnh cũng sợ danh nghĩa mà

(1a) *Lăng Bàn Thạch:* ở huyện Lôi Dương, Thanh Hóa. Bản trục chép Vạn Lại là sai. Đây theo A. 1-189 và CM *(Khâm định Việt sử thông giám cương mục).*

(1b) Vũ Tất Thận: em vợ Trịnh Cương, cậu ruột Trịnh Doanh, sau được ban họ Trịnh, tức Trịnh Thiết (xem tập I, tr.239, 243).

không dám phạm. Năm Canh Tý [1780] về sau, việc Cán, Tông khi phế khi lập, việc Huệ, Chỉnh, hoặc diệt hoặc phù, vua đều mặc kệ cho họ làm, không hề để ý. Cho nên hưởng lộc trời dài lâu, cuối cùng giữ được tốt lành đến trọn đời. Há chẳng phải là phúc to lắm sao?(1c)(1c).

Canh thân [Cảnh Hưng] năm thứ I (1740) (Thanh, Kiền Long thứ 5)

1. Mùa hạ, tháng năm, sao Thái Bạch đi ngang bầu trời.

2. (Dụ các quan trong ngoài để cao đức lễ độ, đức nhún nhường, để cử người hiền tài, xa lánh kẻ gian tà)(2a).

3. Chỉ dụ sĩ dân hai xứ Kinh Bắc, Hải Dương đại lược rằng: "Nhà nước lấy lễ đãi kẻ sĩ, lấy nhân nuôi dân, nuôi dạy nhân tài như thợ

(1c) Đoạn này, các bản chép khác nhau. A. 1210 chép: [vua] húy Duy Diêu, là con trưởng của Thuần Tông, ở ngôi 47 năm, thọ 70 tuổi. Vua thiên tư tinh anh tốt đẹp, tính thâm trầm sâu kín. Ban đầu vì là con trưởng mà phải ở vào tình thế nguy hiểm, bị ngờ vực, nếm trải đủ mùi gian khổ. [Nhưng] trời cho, người theo về, bèn được lên ngôi báu. Đến lúc tuổi già, chúa Trịnh Tĩnh Vương thất lễ tôn phò, mà vua vẫn thản nhiên vui chơi nơi cung điện. Hơn 40 năm, thiên hạ nhờ đó mà yên tĩnh, đáng gọi là thái bình. Cũng là một vị vua nhân hậu của "nhà Lê".

A. 1189 chép: "Vua húy [Duy] Diêu, con trưởng của Thuần Tông, ở ngôi 47 năm, thọ 70 tuổi, táng ở lăng Bàn Thạch, bị nghi ngờ, nếm trải đủ mùi gian khổ. Nhưng trời cho người theo, bèn được lên ngôi báu. Phàm mọi việc đều chịu thuận theo mệnh trời, tính thâm trầm sâu kín, người ta không thấy được góc cạnh mà bên trong không phải là không nắm được gì. Nếu cái thiên tư ấy, lại thêm có học vấn thì sự thành tựu chưa dễ lường được. Thế nhưng vua thường nói: "Học là để thi thố ra các công việc, trẩm khoanh tay rủ áo trông đợi thành công, cần gì đọc sách". Chỉ ca múa để mua vui qua ngày. Đó là chỗ kém.

A.4 và A. 14 lại để lần vào năm 1741, nội dung cũng bình luận về vua Hiển Tông:

"... kinh thành náo động (vì việc Lê Duy Mật trốn ra Thanh Hoa) Toàn Vương (Trịnh Giang) do đó càng nghi ngờ các hoàng tử (nhà Lê). Sai nội quan bắt lại một nơi quản thúc, mỗi ngày điểm mặt hai lần. Vua [Hiển Tông] là con trưởng mà không được lập làm vua nên càng bị chúa nghi ngờ, chỉ sợ có người bắt đi mất. Chúa sai Bình quận công Trịnh Thiết giam giữ vua. Khi Minh Đô vương [Trịnh Doanh] nối ngôi thì các chính sách đời Toàn Vương đều thay đổi hết. Việc vua Vĩnh Hựu (Ý Tông 1735 - 1740) vốn là chỉ thứ mà được lập làm vua, chúa cũng cho là không đúng. Gặp khi Trịnh Thiết có việc đi vắng, chuyển vua tới nhà Trịnh quận công Hoàng Công Kỳ. Ban đêm Kỳ mộng thấy có người đến báo là phải quét dọn nhà cửa để đợi đón sẽ có thiên tử tới nhà. Sáng hôm sau thấy người của Bình quận công đem vua tới, trong lòng rất lấy làm lạ. Kỳ bí mật đem chuyện nói với chúa. Chúa cho như thế là có mệnh trời, bèn đem quần thần tới xin vua Vĩnh Hựu nhường ngôi. [Duy Diệu] bèn làm vua, đổi niên hiệu là Cảnh Hưng, tôn vua Vĩnh Hựu làm Thái thượng hoàng, ra ở cung Cần Thọ. Đại xá cho thiên hạ. Lấy ngày sinh làm Thanh Hòa thánh tiết, tôn mẹ là Nguyễn Thị làm Hoàng thái hậu (thái hậu người xã Bảo Vực, huyện Văn Giang)".

(2a) Đoạn trong ngoặc là bổ sung theo A.1210 và A.1189.

Thanh Nga[3a] vỗ yên nhân dân như thơ Hồng Nhạn[3b]. Vừa rồi lũ "giặc" Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, can phạm danh phận, sĩ dân xứ Đông xứ Bắc bị dụ dỗ bức bách kẻ sĩ được giáo dục tác thành mà lại vì nó dâng (tờ 49b) sức phơi gan. Người dân đang được yên vui nhàn nhã mà lại vì nó nhảy vào nước sôi, xông vào mũi nhọn. Có kẻ vì muốn khỏi lụy đến gia đình: có kẻ vì muốn khỏi bị chúng xâm phạm trước mắt. Dẫu cúi đầu gượng theo, lẽ nào quên mất đường quay về chính nghĩa? Nếu biết bỏ nghịch theo thuận, bỏ giáp về hàng, thì nhất thiết đều cho phép cùng đổi mới. Nếu ai dời tội lập công cũng được tha tội và khen thưởng. Cái lẽ nên tránh, nên theo, các ngươi nên gắng mà làm cho khéo".

Lúc bấy giờ, "giặc" Ninh Xá là Nguyễn Tuyển. Nguyễn Cừ, Nguyễn Diên (dòng dõi tiến sĩ Nguyễn Mại)[3c] tự cho mình là con cháu thế gia mà tung hoành, mượn tiếng nhân nghĩa xúi giục dân các phủ Từ Sơn, Thuận Thành, Hạ Hồng, Nam Sách nổi dậy. Các nơi ấy hưởng ứng, kẻ sĩ thất chí về khoa hoạn phần nhiều bị chúng cám dỗ. Quân "giặc" dan tre làm nón để làm dấu hiệu riêng. Cừ chiếm giữ Chí Linh (thôn Đỗ Lâm huyện Gia Phúc)[3d], Tuyển giữ Phao Sơn, nhóm họp liên lạc, có số người đều tới vài vạn. Triều đình muốn làm cho (kẻ sĩ, dân) hiểu, ai nấy giải tán, để cô lập thế "giặc", cho nên mới có dụ trên đây.

4. Tháng sáu, Bồi tụng Thượng thư bộ Hình Trịnh Bá Tương chết, tặng hàm Thiếu bảo.

5. Các huyện Đông An, Văn Giang, những người theo "giặc" trở về rất nhiều. Sai **(tờ 50a)** quan tuyên bố đức ý, hiển thị ở đường lớn để vỗ về họ.

6. Mặt trăng mọc giữa ban ngày, sáng khắp.

7. Cấm quan phủ dụ ở các huyện không được hà hiếp sách nhiễu dân vùng ấy.

8. Chọn hương binh, năm đinh lấy một.

9. Đinh lệ thờ ở Võ miếu, tôn Vũ Thành vương (Thái Công Vọng) lên chính vị, từ Tôn Vũ Tử. Quản Tử trở xuống 8 người, chia bày thờ ở

[3a] Thanh nga: lời thơ ở Tiểu nhã, Kinh thi, nói quân tử nuôi nấng nhân tài thì thiên hạ vui mừng.

[3b] Hồng Nhạn: lời thơ ở Tiểu nhã, Kinh thi khen vua Tuyên Vương nhà Chu an định được dân phiêu tán.

[3c] Đoạn trong ngoặc là bổ sung theo A.1210 và A.1189.

[3d] Đoạn trong ngoặc là bổ sung theo A.1210 và A.1189.

nhà hai bên cạnh, đem Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn triều Trần thờ theo vào dấy.

10. Lại lập miếu riêng thờ Quan Công dời Hán.

11. Sai người dụ Lê Duy Mật ở Thanh Hoa. Vua mới lên ngôi, nghĩ Mật cũng là người họ gần trong tộc thuộc, xuống sắc dụ bảo quy thuận, cùng các thổ tù đều quay về, chúa cũng tuyên chỉ tha lỗi cho. Cuối cùng Mật không nghe, những tù trưởng người man lại đem Mật đi.

12. Dụ các tướng hiệu đi đến quận ấp nào cũng phải chú ý vỗ về dân[12a].

13. Cấm ngặt bọn quyền hào không được ức hiếp bình dân[13a].

14. Cho Nguyễn Công Thái[14a] làm Tri Kinh diên.

15. Lúc bấy giờ dụng binh phí tổn nhiều, có người nói: nên quyền nghi xoay xở để giúp quân nhu[15a]. Chỉ chúa dưa xuống: quan huyện khám biên các chuông khánh ở các chùa trong hạt, cứ thực số khai nộp. Rồi lại sức cho các phiên dân[15b] ở trấn ngoài, ai nộp đồng hay chì, thì trao cho chức phẩm.

16. "Giặc" đánh chiếm huyện Đường An (phủ Thượng Hồng). Sai Bính quận công Vũ (tờ 50b) Tất Thận hợp sức với bọn Trình quận công Hoàng Công Kỳ chia đường đi đánh "giặc" ấy.

17. "Giặc" xâm lấn huyện Văn Giang, quan dồn ngự là Giáng quận công[17a] đánh nhau với "giặc" ở Đại Hanh, bị thua chết.

18. Mùa thu tháng bảy, thượng thư bộ Hình trí sĩ là Phúc quận công Nguyễn Dương Hồ[18a] mất, tặng Thiếu bảo.

19. Cho Nguyễn Kiều Quyền thự thiêm đô ngự sử[19a].

(12a) Dịch chữ "bách tính".

(13a) Dịch chữ "tề dân".

(14a) *Nguyễn Công Thái:* ở tập 99, 111, 212.

(15a) Bản chữ Hán chép là "tác bách tính" (giúp dân), nghĩa không sát, nên sửa lại là "giúp quân nhu".

(15b) *Phiêu dân*: Dân ở các vùng phiên giậu, ở đây chỉ dân các vùng có mỏ đồng, chì V.V... như Cao Bằng, Lạng Sơn.

(17a) *Giáng quận công:* tước của Lê Tăng (tập I, tr.224)

(18a) Nguyễn Dương Hồ: ở tập I, tr.112.

(19a) A.1210 chép: quyền phó đô ngự sử Nguyễn Kiều quê làng Phú Xá, huyện Từ Liêm (nay thuộc Hà Nội, đỗ tiến sĩ năm 1715, có đi sứ Trung Quốc, là chồng nữ sĩ Đoàn Thị Điểm).

20. Tháng bảy nhuận, cầu lời nói thẳng. Lời dụ chỉ đại lược nói: "Ta lúc đầu nối ngôi đã cho tiến cử người hiền để thu nhân tài còn sót. Cho thực phong[20a] để mở rộng đường ngôn luận. Người hiền mới tiến, đám quần tiểu đã nảy mầm. Thói cũ khinh nhờn pháp luật chưa chừa, tội rông càn xưa kia chưa đổi. Hỡi các thần thứ, nói chớ tiếc lời. Những kẻ nào là đại gian, là tiểu nịnh, đều cho được chỉ tên bày tỏ để ta mở rộng kiến văn".

21. Định phép lưu thông tiền và bạc. Khoảng năm Long Đức (1732 - 1735), Vĩnh Hựu (1735 - 1740) cả nước tiêu bằng tiền, giá bạc hơi rẻ. Đến lúc dụng binh, phần nhiều dùng bạc mua lương thực, nhà buôn càng giảm giá bạc xuống nên lương thực cho quân ăn bị ngăn trở. Triều đình bèn sai quan hữu trách, định giá chợ cho tiền bạc [đều được] thông dụng. Mỗi chợ đặt một người trưởng. Xét kỹ bạc thật, bạc giả mà cho (tờ 51a) mua bán. Bởi thế giá bạc được ngang bằng, bọn phú thương không cầu lợi vào đâu được.

22. Chúa sai bọn Đinh Văn Giai, Trương Khuông[22a] coi cục quân khí.

23. Xuống chiếu mộ lính tráng trong hai xứ Thanh Nghệ. Lúc bấy giờ tứ trấn nhiều giặc cướp. Đình thần bàn rằng: quê quán vua chúa nên có người ứng nghĩa, cần ban chỉ dụ xuống cho những viên mục, kẻ sĩ hai xứ mộ dân dinh trợ chiến. Chiếu theo số quân họ mộ được nhiều ít mà ban thưởng có cấp bậc. Sau đó lại chọn thêm suất lính ở Thanh Hoa, nhưng việc có nhiều trở ngại không làm được.

24. Định lễ cúng tế ở hai miếu Vũ Thành vương và Quan công. Xuân thu hai lần tế, đều dùng ngày Mậu, tuần đầu hai tháng Trọng Xuân [tháng hai] và Trọng Thu [tháng tám]. Cấp cho mỗi miếu bằng tiền thuế hộ của một ấp để cung phụng.

25. Thống lĩnh đạo Hải Dương, Bích quận công Hoàng Nghĩa Bá đánh thắng "giặc" Nguyễn Tuyển ở thành Phao Sơn. [Chúa] thưởng cho Nghĩa Bá bài vàng để nêu công. Bọn Tán lý Nguyễn Thế Khải, Hiệp đồng Trần cảnh, thuộc tướng Đăng Thọ hầu Trịnh Khải đều lĩnh thưởng có phân biệt.

26. Sương mù lớn.

[20a] *Thực phong*: thư viết những lời nói thực dán kín.

[22a] *Đinh Văn Giai*: tập I, tr.226. *Trương Khuông*, tập I, tr.240.

27. Đốt những văn thư bắt được [do "giặc" cấp cho] những người bị chúng bắt ép đi theo chúng. Tuyên bố việc này cho cả nước biết.

28. Chúa Trịnh Doanh sớm trưa lo việc trị nước, mỗi khi ra coi triều ôn hòa tiếp các quan, gợi ý cho nói. Lệ cũ: văn thần vào chầu nội các (tờ 51b): Tả hữu thị lang ngồi dự bàn triều chính, còn các người khác đều đứng. Đến nay đều cho ai nấy được trình bày việc gì nên làm, việc gì không nên làm, bàn bạc kỹ càng rồi sau xin chỉ thi hành.

29. Tháng tám, định việc thưởng cho tướng hiệu, binh lính và dân đinh theo đi đánh giặc. Chiếu theo số tai giặc cắt nộp được nhiều ít mà ban thưởng khác nhau.

30. Tháng chín, đem việc chúa đi tuần phương nam bá cáo cả nước.

31. Mùa đông tháng mười. Chúa Trịnh Doanh thân đem đại quân tiến đánh "giặc" Ngân Già[31a]. Lúc bấy giờ phía đông nam, trộm, giặc liên kết nhau, đốt cướp các châu huyện. Giặc Ninh Xá[31b] đương hăng, mà "giặc" Ngân Già cũng dữ, tướng "giặc" là bọn Vũ Đình Dung, Đoàn Bá Chấn[31c] đóng giữ huyện Nam Chân, tha hồ cướp bóc, người đi theo ngày càng nhiều. "Giặc" giữ chỗ bùn lầy làm thế hiểm, không có đồn lũy. Quân của họ đều nanh ác, không sợ chết, đi hay ở không có trận pháp gì. Gặp quan quân thì cầm dao xông vào chém vung chân người, chân ngựa, quan quân thường bị nó đánh thua. "Giặc" ấy đã từng xin quy thuận; triều đình cũng tạm khoan dung, trao cho chức phẩm, sai sứ ban cho cáo sắc, cuối cùng nó lại không nhận. Chúa giận **(tờ 52a)** hạ lệnh thân chinh. Chúa muốn dẹp xong cõi đông, rồi sai đem quân sang tây nam. Sai các quan đưa lời dụ đi các quận: Hễ xe quân đi qua, nên bình tĩnh chớ sợ. Kẻ sĩ nhỏ, thuộc lại thì trả lại chức sắc, đối với nhân dân thì cho về nhận điền sản. Lại đặt quan Hành quân phòng sát[31d] cấm chỉ việc cướp bóc.

(31a) *Ngân Già:* Tên xã thuộc huyện Nam Chân (nay là Nam Trực, Nam Hà).

(31b) *Ninh xá:* Chỉ cuộc nổi dậy của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở Ngô Đồng, Chí Linh, Hải Dương.

(31c) *Đoàn Bá Chấn:* A.1210 và A.1189 chép "Đoàn Danh Chấn".

(31d) *Hành quân phòng sát:* chức quan có nhiệm vụ giám sát thăm hỏi, nắm tình hình binh sĩ trong khi hành quân.

(32a) Bản trục chép sai là Vũ Diện

(32b) *Hiến Dinh:* ở gần phố Hiến, nay là thị xã Hưng Yên.

(32c) *Vị Hoàng:* nay thuộc thành phố Nam Định.

(32d) *Nguyễn Đình Hoàn* (? - 1765) quê làng Hương Huệ, huyện Kỳ Hoa, Nghệ An, thuộc dòng võ tướng Nguyễn Đình Trụ, Nguyễn Đình Thực *(Nghệ An ký)* tập I, tr.242.

Xe chúa đi đến đâu, phụ lão đón đường hoan nghênh. Có người xin nộp của, giúp lướng quân, có người xin tập hợp đinh tráng theo quân giết "giặc". Chúa đón quân ở bến Mộc Hoàn, sửa khí giới, tập thủy trận. Quan quân gặp "giặc" ở Đường Ngang, đánh lui được. Chúa nghĩ "giặc" Cừ chưa thể đánh tan ngay được, chẳng bằng trước hãy đánh "giặc" Ngân Già, để chặn quân cứu ứng của giặc. Bèn dẫn đại quân xuống phía nam.

32. Tháng mười một ngày Canh Ngọ (21 - XII - 1740). Chúa Trịnh Doanh tiến đóng ở Vũ Tuần[32a] (phủ Lý Nhân) Ngày Quý Dậu (24 - XII - 1740) dời quân đến đóng ở Hiến Dinh[32b] chư tướng ở các bộ phận cùng tiến. Chúa ở Hiến Dinh xuất phát từ sớm, chiều đến sông Vị Hoàng[32c], đến xã Lạc Đạo (phủ Thiên Trường), "giặc" đem hết quân đến chống đánh. Chúa sai Cần quận công Đinh Văn Giai, Hoán quận công Nguyễn Đình Hoàn[32d] Vũ **(tờ 52b)** Tất Thận, Trương Khuông, đốc quân các dinh tiến đánh. Quân "giặc" hơi lui. Khuông đem quân cánh tả tiến đến gò cỏ rậm. Phục binh của "giặc" đột nhiên xông ra, giết mất một viên tỳ hiệu. Chúa giận, lập tức cưỡi voi, chỉ huy các tướng đua sức đánh mạnh. Sào huyệt "giặc" bốn mặt bùn lầy, đại quân không vào được. Đến khi chúa đi tới, ruộng bùn tự nhiên khô, chỉ ướt chân ngựa. Ba quân lấy làm kinh lạ, cho là lòng trời giúp ta, nên càng hăng hái tiến lên. Nguyễn Đình Hoàn đem ngay quân mình bắn trả vào phía hữu và phía sau "giặc". Nhân phóng lửa đốt, khói lên ngút trời. "Giặc" bèn tan vỡ. Quan quân thừa thắng giáp đánh, "giặc" chết chồng chất lên nhau. Bắt được tướng "giặc", chém đi. "Giặc" Ngân Già dẹp yên, sai đổi làm xã Lai Cách. Thưởng cho Hoàn một bài vàng và 200 lạng bạc. Sai thuộc tướng là Trịnh Tự Thành tìm bắt dư đảng "giặc", vỗ về dân cư cho họ lại trở về yên nghiệp. Chúa liền chấn chỉnh quân lữ về kinh. Chưa về đến nơi, thì "giặc" Ninh Xá là Nguyễn Tuyển nghĩ chúa bận đánh Ngân Già, sai đồ đảng là Trần Thiềm đem quân thừa hư đến sát sông Nhị Hà. Tin ở kinh sư báo đến. Chúa sai chư quân **(tờ 53a)** đi gấp về cứu kinh đô. Lúc bấy giờ kinh

---

(32a) *Đoàn Bố Chấn:* A.1210 và A.1189 chép "Đoàn Danh Chấn".

(31d) *Hành quân phóng sát:* chức quan có nhiệm vụ giám sát thăm hỏi, nắm tình hình binh sĩ trong khi hành quân.

(32a) Bản trục chép sai là Vũ Diện

(32b) *Hiến Dinh:* ở gần phố Hiến, nay là thị xã Hưng Yên.

(32c) *Vị Hoàng*: nay thuộc thành phố Nam Định.

(32d) *Nguyễn Đình Hoàn* (? - 1765) quê làng Hương Huệ, huyện Kỳ Hoa, Nghệ An, thuộc dòng võ tướng Nguyễn Đình Trụ, Nguyễn Đình Thực *(Nghệ An ký)* tập I, tr.242.

thành không có quân. Thái phi ở trong điều khiển các tướng đóng giữ bốn cửa thành, dem hết dân binh trong phố phường bầy ra bờ sông canh giữ, nổi lửa đánh trống làm nghi binh. "Giặc" sợ bèn kéo đi. Kinh sư trở lại yên tĩnh như cũ. Quân nhà chúa vê đến ghềnh Kim Quan[33d] giặc đã trốn đi xa rồi.

Từ khi chúa lên ngôi, trận này là vũ công độ nhất. "Giặc" đông bắc[32e] đều run sợ. Cử, Tuyển cũng tự chia rẽ, đảng chúng ngày càng ly tán. Sau đó chúa sai tướng đánh phá. Từ đấy giặc Ninh Xá không còn sào huyệt nữa[32g].

33. Cất nhắc Trương Nghiêm[33a] ở cơ binh Hữu Nhuệ làm Trung úy, phong tước hầu. Nghiêm theo quan đạo tây đánh "giặc", bắt được Đại Đoàn (người Trung Quốc) cho nên được cất nhắc lên dùng. Lúc bấy giờ triều đình đang rất cần nhân tài: bọn Đinh Văn Thân, Đinh Văn Phục (đều người Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng), Hoàng Phùng Cơ[33b] trước đều làm "giặc", nay cũng triệu dến thu dùng. Trương Nghiêm, Nguyễn Phan[33c] xuất thân từ binh lính, về sau Cơ, Phan đều làm chiến tướng.

34. (tờ 53b) sao Thái Bạch vào vị trí sao Thái Vi. Mặt trăng nào vị trí sao Thái Vi, gần Đế Tinh.

35. Tháng mười một mặt trăng mọc ban ngày, lộ sáng[35a].

36. Tháng mười hai, dụ trong cả nước cho kẻ sĩ tài trí được phép tự tiến cử[36a].

(33d) *Kim Quan:* nay ở gần cống Xuân Quan, thuộc Văn Giang, Hưng Yên. A.1210 và A.1189 chép là "Kim Loan".

(32e) *Đông bắc*: chỉ cuộc nổi dậy của Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cử A.1210 và A.1189 chép là "tây bắc".

(32g) Xem thêm ở chú thích (2e) năm 1741.

(33a) *Trương Nghiêm :* quê xã Đồng Môn, huyện Thạch Hà (Hà Tĩnh, theo *Nghệ An ký)*

(33b) *Hoàng Phùng:* (? - 1786) quê huyện Bạch Hạc (Vĩnh Phú) theo *LTHCLC.*

(33c) Nguyễn Phan (1711 - 1784) quê làng Hà Dương, huyện Hoằng Hóa (Thanh Hóa) theo *LTHCLC.*

(35a) Nguyên văn là "lậu minh" nghĩa là đồng hồ kêu nhưng vào đây thì tối nghĩa, bản HV.119 có người chữa là chúng tôi dịch là lộ sáng còn có nghĩa hơn.

(36a) A.1189 và A.1210 chép tới đây mới chấm dứt ký Ý Tông, sau đó mở đầu ký Hiển Tông.

Tân Dậu [Cảnh Hưng] năm thứ 2 (1741) (Thanh, Kiền Long thứ 6)

1. Mùa xuân tháng giêng, chúa cho Diệu Đường hầu Trần cảnh[1a] làm Tham tụng phủ Liêu.

2. Đặt quan Chưởng đốc[2a] ở các trấn Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc. Lúc bấy giờ giặc cướp hoành hành, nhân tâm lo sợ. Triều đình muốn đem trọng thần vỗ yên ba trấn. Bởi thế chia Sơn Nam làm hai lộ thượng, hạ. Sai Trịnh Hoàn[2b], Ngô Đình Oánh, Trương Nhiêu, Nguyễn Đức Huy[2c] chia làm Chưởng đốc. Nguyễn Quý Kính[2d], Nguyễn Đức Bảng làm Chưởng đốc Sơn Tây. Nguyễn Đức Nhuận, Trần Đình Miên[2đ] làm Chưởng đốc Kinh Bắc, đều cai quản cả việc quân, việc dân trong hạt. Tính hộ khẩu, cứ ba đinh lấy một người sung làm hương binh, tìm chỗ hiểm đặt đồn, phòng giữ ngăn chặn giặc cướp. Cấm tướng sĩ cướp bóc, quan lại hà khắc nhiễu dân. Có kẻ nào tập hợp được người vì nghĩa đánh giặc, tự mình gắng sức thì cho (các quan) kê tên tâu lên[2e].

(1a) *Trần Cảnh:* quê làng Rồng (Điền Trì) huyện Chí Linh (Hải Dương), tiểu sử có nói đến trong một quyển gia phả có giá trị *Thế Đức đường ký*, Nam Phong (1925).

(2a) *Chưởng đốc* một chức quan tâm thời đặt ra coi việc quân lẫn việc dân, không phải cố định.

(2b) A.1210 và CP: "Trịnh Trụ" A.4 "Trịnh Thực".

(2c) *Ngô Đình Oánh:* có tên là Chất, quê xã Tả Thanh Oai (nay thuộc Hà Nội) đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721). *Trương Nhiêu:* quê xã Như Kinh, huyện Gia Lâm (Hà Nội). Xem tập I, tr.222. *Nguyễn Đức Huy*: tên cũ là Hoành, quê xã Nguyễn Xá, huyện Thụy Nguyên (Thanh Hóa) đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724) Xem tập I, tr.220.

(2d) *Nguyễn Quý Kính:* Xem, tập I, tr.212.

(2đ) *Trần Đình Miên:* Xem, tập I, tr.245.

(2e) A.4 còn thêm một đoạn như sau: "Chúa Minh Đô vương (Trịnh Doanh) thân đi đánh giặc Ngân Già, đầu sỏ "giặc" là Nguyễn Chiến thua chạy. Trước kia, khi chúa đi đánh, sai Diệu quận công Trịnh Đạc ở lại giữ kinh sư. Đạc là anh con mẹ thứ (thứ huynh) của chúa Nhân vương (Trịnh Căn). Vì mẹ là con nhà dân thường nên không được lập làm chúa. Khi chúa Trịnh Doanh lên ngôi, Trịnh Đạc có công phò lập. Trong hàng tôn thất có người nghi ngờ, nói với chúa. Chúa bảo "không nên thế, nếu bác ta ở ngôi thì cũng là trong huyết thống nhà ta cả thôi", rồi lại càng tín nhiệm Trịnh Đạc hơn. Đạc cũng tránh quyền thế và càng khiêm tốn để tỏ rõ lòng cung thuận. Chúa đi đánh trận, giao cho Đạc quyền giữ then khóa. Đi chưa được 10 ngày thì gặp lúc "giặc" Nguyễn Hữu cầu ở đông bắc tiến quân áp sát tới bến Bồ Đề. Mưu sĩ của Cầu là Trần Thiềm từ Yên Lãng qua đò Thụy Hương trở về quê ở Vân Canh. (Yên Lãng và Vân Canh là tên các xã thuộc trấn Sơn Tây. Đò Thụy Hương: tức bến đò Chèm) Thân bằng của y tụ tập cả lại. Kinh sư chấn động. Đạc và Nguyễn Quý Kính điều động hương binh ở Thanh Trì, Thanh Oai, cho ghép với lính ở các phường trong kinh sư, đặt dồn chia giữ, đánh trống, đốt rơm làm kế nghi binh. Thiềm cho rằng kinh sư đã có phòng bị, bèn từ từ rút đi. Ngày hôm ấy có tin báo đến là bọn Chiến của "giặc" Ngân Già cũng bị thua chết. Chúa bèn trở về kinh sư. Bản A.2706 còn thêm: "Bọn cầu, Thiềm cũng trốn đi trước rồi".

3. Khôi phục thi Hương. Thể chế thi hương cũ đầu đời Trung hưng là xã khảo hạch học trò chiếu theo xã lớn vừa và nhỏ, lấy số trúng tuyển nạp lên quan huyện. Quan huyện chọn người thông hiểu nghĩa lý văn chương, huyện lớn 20 người, huyện vừa 15, huyện nhỏ 10, gọi là tứ tràng. Vào thi thì quyển thi lọt kỳ đệ nhất, đệ nhị và đệ tam cùng với hạng nho sinh sinh đồ đều được vào khảo duyệt, làm được dù quyển đều lấy đỗ. Đến quãng giữa [đời Trung hưng] đổi hạng sảo thông, quyển thi lọt ba kỳ và thứ [thông] đều được lẫn lộn vào khảo duyệt, thành ra người có học phần nhiều bị sàng sẩy. Đến nay bàn khôi phục thể chế cũ, tuy con em nhà thế gia, không khỏi có sự lấy đỗ quá lạm, nhưng kẻ sĩ có thực tài thì không bỏ sót. Người ta đều cho là tiện[3a].

4. **(tờ 54a)** Sai đong thóc ở Nghệ An, Sơn Nam. Từ khi dụng binh về sau, thiên hạ mất mùa, dân đói, riêng hai xứ ấy mấy năm được mùa, dân giàu chứa nhiều thóc. Bèn sai xứ Nghệ An đong 200 vạn quan bát[4a] thóc và Sơn Nam đong 150 vạn quan bát. Cứ 50 quan bát giá một quan tiền[4b] [4c].

5. Quan quân đánh nhau với "giặc" tên là Kinh, quan quân thua, Hiệp mưu là Nhữ Đình Toản[5a] bị giặc bắt được. Toản dụ Kinh đến cửa quân đầu làng.

6. Sai các quan sai quản quân binh trong ngoài nghiêm răn quân sĩ. Lúc bấy giờ triều đình nghĩ bốn phương nhiều giặc, muốn thưởng hậu

---

[3a] Sự việc này cả hai (bản trục) đều chép sót. Riêng bản A.1415 có bổ sung xen sự việc vào giữa dòng. Các bản A.1210 và A.4 cũng như CM đều có.

[4a] *Quan bát* (bát của nhà nước) dụng cụ đo lường tiêu chuẩn do nhà nước quy định. Mỗi quan bát đếm được 84.000 hạt thóc (theo CM và A.2706).

[4b] Đó là theo A.2706, còn bản trục chép: "mỗi bát một quan" chắc chép lại.

[4c] Bản A.1210 và A.2706 chép hơi khác và thêm chi tiết:
"giá thóc ở Nghệ An thấp, còn ở Sơn Nam cứ một quan tiền thì mua được 15 quan bát thóc. [A.2706 nói: Giá ở Sơn Nam có cao hơn] vì mua ép, bấy giờ Nguyễn Minh Châu làm Trấn thủ Nghệ An, mộ người làm tay chân, hẹn hễ ai giỏi mua gom và dồn đốc vận chuyển thóc tới Kinh đô thì trọng thưởng. Ý muốn nhân cơ hội này mà kiếm chác cho gia đình mình. Nhưng không có ai ứng mộ cả. Chỉ có Nguyễn Mẫn là người xã Đông Hải huyện Chân Phúc ứng mộ. Thóc đong về đều cho đem xay giã (bỏ vỏ) [A.2706 chép: thóc còn để vỏ?] còn gạo thì nộp cho nhà nước và cho gia đình Nguyễn Minh Châu. Cứ 100 bát thóc thì nộp 50 bát gạo [nộp một nửa]. Rút cục Mẫn trở nên rất giàu. Mẫn là bố đẻ ra Nguyễn Hữu Chỉnh, sở dĩ Chỉnh có thể dùng tiền vùng vẫy để tiến thân là nhờ cơ sở này.

[5a] Nhữ Đình Toản: quê ở xã Hoạch Trạch huyện Đường An (Hải Dương) đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) là con Nhữ Đình Hiền. Xem tập I, tr.101, 222.

để chấn khí quân, từ Thập trưởng trở lên đều cho sắc mệnh, ưu binh cậy công sinh ra kiêu ngạo, lại xin tính xã mà trao chức phẩm cho họ[6a]. Tham tụng Nguyễn Quý Kính bác đi. Chúng giận, rủ nhau đến phá nhà Kính, muốn giết Kính. Kính trốn được. Chúa cho Kính túc trực trong phủ chúa, sai tra bắt đứa chủ mưu giết đi, mà bắt các quan cai quản ước thúc quân lính.

7. Hoàng Nghĩa Bá đã đánh phá được đồn Đại Định, tiến đánh Nguyễn Cừ và Vũ Trác Oánh, đánh tan được chúng. Quân "giặc" chạy sang An Quảng. Nghĩa Bá tâu rằng địa thế An Quảng nên dùng thủy binh. Xin sai binh các đạo đem thuyền đến sông Bạch Đằng hội đánh. Chúa nghe theo **(tờ 54b)**. Nghĩa Bá nhiều lần đánh thắng, "giặc" vỡ chạy lên Lạng Sơn. Chúa bèn triệu Nghĩa Bá rút quân về kinh

8. Tháng ba, đem 10 vạn quan bát thóc đong ở Sơn Nam phát chẩn cho dân đói Hải Dương.

9. Chúa nghĩ: Hải Dương đã dần dần bình định, chia làm bốn đạo là Thượng Hồng, Hạ Hồng, Đôn Triều, An Lão, mỗi đạo đặt một quan Tuần thủ vỗ yên dân cư. Dùng bọn Nhữ Đình Toán, Vũ Khâm Lân (trước tên là Thận), Phạm Đình Trọng, Vũ Phương Đề[9a] làm Hiệp đồng.

10. Chúa đem bốn điều răn bảo [cho các quan] trong ngoài: Một là cho các thuyền buôn thóc thông hành buôn bán. Hai là miễn tiền lễ tạ, tiền tra xét cho dân nghèo bị kiện. Ba là cấm bọn con em nhà quyền quý ỷ thế ức hiếp cướp bóc. Bốn là [những người sai đi việc công] nếu không có bài cấp thì không được dùng trạm chuyển đệ.

11. Mùa hạ tháng tư cho lấy gạo công nấu cơm, nấu cháo phát chẩn cho dân phiêu tán ở miền đông và bắc.

12. Tháng năm, "giặc" Nguyễn Diên cướp Sơn Tây. Sai Lê Thì Lệ[12a]

[6a] *Tính xã mà trao chức phẩm*: đời Lê, lương của cựu binh có lệ phát cho số dân xã nhiều ít tùy chiến công của từng người. Nay họ yêu cầu lấy số dân xã nhiều ít quy chiếu ra chức phẩm để ban cho họ (theo *CM*).

[9a] *Vũ Khâm Lân*: quê xã Ngọc Lặc, huyện Tứ Kỳ, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1727).
Phạm Đình Trọng: quê xã Khinh Dao, huyện Giáp Sơn, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739),
Vũ Phương Đề: quê xã Mộ Trạch, huyện Đường An (Hải Dương) đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736) là tác giả *Công dư tiệp ký*.

[12a] A.1210L "Thái Lệ", *CM* "Lê lệ". Lê Thì Lệ: quê làng Phú Hào, huyện Lôi Dương (Thanh Hóa) thuộc dòng Lê Thì Hiến (theo *CM*).

đem quân đi đánh. Lệ đánh tan quân của Diên ở Yên Lạc. Diên lại sai tướng đem thủy quân thuận dòng đi xuống, hẹn nhau đến 13 tháng sáu sang Bến Cốc[12b], Hiệp đồng đạo Tuyên Quang Nguyễn Tông Quai[12c] (tờ 55a) đánh úp, thuyền "giặc" bị chìm hết. [Trước đây] Quai vật vấn tù binh, biết được mưu kế của "giặc", mới chọn khinh binh cho cầm cờ đen, đội nón tre giống như quân của Diên, cho xuống thuyền đi trước. Quả nhiên Diên dẫn quân đến, trông thấy, tưởng là quân của mình, không phòng bị. Quai thình lình đem quân đến đánh. Giặc hoảng chạy, vứt bỏ hầu hết đồ quân dụng khí giới.

13. Đặng Đình Luận[13a] đánh "giặc" bị thua, bị lột tước quận công. Trần Trọng Liêu, Nhữ Trọng Thai[13b], bị bắt (sau trốn về được) đều bị cất chức[13c].

14. Cho người trong nước nộp thóc chứa vào kho sở tại. Những ai có thể đem thóc đến (xứ) đông (xứ) bắc mà bán thì liệu trao chức theo thứ bậc.

15. Cấp lộc điền[15a] cho quan văn. Trước kia quan văn được cấp quân tùy hành, coi phẩm cao thấp mà cấp nhiều ít (quan nhất phẩm được cấp 24 người tùy hành, giảm dần mãi xuống đến ngũ phẩm, cứ mỗi phẩm trật rút đi 4 người). Người được cấp, lấy tiền đi làm thuê của mấy người ấy làm lộc[15b]. Đến nay hộ khẩu hao hụt và do sai khiến lính

---

(12b) *Bến Cốc:* thuộc xã Vân Cốc, huyện Bạch Hạc, bản trục chép "Doãn", Doãn và Cố tự dạng giống nhau, ở đây theo CM và A.1210.

(12c) *Nguyễn Tông Quai:* [hoặc đọc Khuê] (1692 - 1766) quê làng Phúc Khê, huyện Ngự Thiên [nay thuộc Thái Bình] đỗ Hoàng giáp năm 1722 (Xem tập I, tr.124 - 127), 2 lần đi sứ Trung Quốc. Nên phân biệt với Nguyễn Tông Quai đậu tiến sĩ Canh Tuất (1670) làm Bồi tụng đời Lê Hy Tông (Xem tập I, tr.31, chú 4a). CM chép là "Nguyễn Quai".

(13a) *Đặng Đình Luận:* quê xã Lương Xá, huyện Chương Đức (nay Hà Nội). Xem tập I, tr.229.

(13b) *Trần Trọng Liêu:* quê xã Văn Giáp, huyện Thượng Phúc (Hà Nội), đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733).

Nhữ Trọng Thai: người xã Mộ Trạch, huyện Đường An (Hải Dương) đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733).

(13c) Đây chỉ việc đánh nhau với Nguyễn Tuyển ở Đông Triều.

(15a) *Điền Lộc:* khác với lộc điền. Lộc điền là ruộng lộc, loại ruộng của nhà nước ban thưởng cho công thần, cày cấy. Còn điền lộc là bổng lộc lấy từ ruộng, ruộng này là của dân đáng lý phải nộp tô thuế cho nhà nước phong kiến, đàng này nộp cho viên quan được cấp.

(15b) Vì thế, cũng gọi là "dân lộc", bổng lộc lấy từ việc bán sức lao động của người dân, nộp cho viên quan được cấp.

nhiều, không đủ [số người để cấp cho quan văn nữa], mới sai cấp ruộng để thay vào, gọi là liêm diền. Bãi việc quan văn thu tiền của quân tùy hành (Liêm điền của quan nhất phẩm là 50 mẫu giảm dần xuống đến bát phẩm, mỗi phẩm giảm đi 5 mẫu. Hộ phiên tìm ruộng nơi tiện gần mà cấp cho các quan).

16. Cấp lính tùy hầu cho các viên Tham tụng, Bồi tụng, Thiêm sai. Bèn thành lệ.

17. Đặt lính mới chọn ở Thanh Hoa làm 4 đội Tiền, Hậu, Tả, Hữu, mỗi đội 300 người, đóng giữ phủ An Trường[17a].

18. Tháng sáu, bọn Võ úy Điều Trung hầu Văn Đình Dận[18a] đánh "giặc" Đông Quang, phá tan được, giải vây xã Đại Đồng.

19. Thượng thư bộ Lễ là Phụ quận công Đoàn Bá Dung mất. Bá Dung cùng Nguyễn Huy Nhuận[19a], Cao Huy Trạc, Trịnh Bá Tương đều là người xã Phú Thị huyện Gia Lâm, đều đỗ tiến sĩ, làm Thượng thư đồng thời, tham gia vào những chính sách lớn.

20. Mùa thu tháng bảy, ban bố 6 điều về binh chính. Sai Thượng thư bộ Binh, Tham tụng Nguyễn Quý Kính làm việc bộ Lại, Kính xin từ, chúa không nghe.

21. Giáng Thượng thư cũ Trịnh Tuệ[21a] làm Tế tửu Quốc tử giám, tòng tứ phẩm, đoạt tước quận công. Đầu năm Canh Thân [1740] [khi Doanh lên ngôi] phe đảng Tuệ với Hiệp quận công Hoàng Công Phụ[21b] bị giam, đến bây giờ đình thần bàn rằng: Tuệ làm học cứu[21c] cho Hoàng Công Phụ, có lẽ không dự biết âm mưu phản nghịch, lại là người trong sổ tộc thuộc nhà chúa, nên phân biệt lục dụng. Vì vậy giáng chức và lại dùng.

22. Sai Lê Hữu Kiều[22a] làm việc bộ Hộ, coi việc tài chính thuế khóa. Đầu đời Hồng Đức tài chính thu chi đều quan hệ ở bộ Hộ, cuối năm tính sổ. Từ khi đặt ra và lệ thuộc về 6 phiên, bộ Hộ không được dự vào. Kỳ hạn kiểm tra tính toán **(tờ 56a)**, hoặc 10 năm, hoặc 5, 6 năm

---

(17a) *An Trường:* nơi có cung điện cũ của vua Lê thời gian chống Mạc.

(18a) *Văn Đình Dận:* quê xã Lạc Phố, huyện Hương Sơn (Hà Tĩnh) thuộc dòng võ tướng Văn Đình Nhậm *(Nghệ An ký).*

(19a) *Nguyễn Huy Nhuận*: tên cũ là Nguyễn Quang Nhuận (Xem tập I, tr.79, 137).

(21a) *Trịnh Tuệ:* Xem tập I, tr.223, 223.

(21b) *Hoàng Công Phụ:* Xem tập I, tr.237, 239.

(21c) *Học cứu:* người chuyên nghiên cứu kinh điển.

(22a) *Lê Hữu Kiều:* Xem tập I, tr.104.

không nhất định, sổ sách nửa còn nửa mất. Bọn thuộc lại nhân đó làm ẩn giấu gian lận, tệ lậu không thể xét hết được. Đến nay sai châm chước chế độ cũ: quan Thị lang bộ Hộ quản cả nước, mọi thứ tô thuế thu vào bao nhiêu, chi ra bao nhiêu, hai sổ thu phát phải biên rõ sổ, đưa nộp bộ Hộ. Cuối năm bộ Hộ tra tính đưa sổ ấy lên phủ Liêu, đếm số còn thừa trong một năm lưu lại kho công. Nếu có việc thu chi không rõ ràng và dối trá giấu giếm, tự tiện chi dùng thì đều phạt xử tội nặng. Bởi thế tài chính mới có thông thuộc, mà Tể tướng có quyền sử dụng. Nhưng quyền hành thuộc về bọn hoạn quan đã lâu, bộ Hộ cũng chỉ biết con số mà thôi. Không bao lâu lại bãi bỏ việc đó.

23. Gia phong Tư đồ Diệu quận công[23a] Trịnh Đạc làm Doãn Trung công.

24. Đặt chức nông quan ở bốn trấn. Mỗi trấn đặt một viên đại sứ, một viên phó sứ chuyện giữ việc ruộng nương, thân hành đi khuyên bảo nông dân. Lại đặt chức khuyến nông lại, để đôn đốc nông dân hết sức làm ruộng, tùy nghi mà giúp đỡ cho họ. Mỗi năm cứ tháng trọng đông [tháng 11 âm lịch], sai quan đi thăm hỏi xem xét ruộng đất khai khẩn hay bỏ hoang (tờ 56b), nhân dân đủ ăn hay thiếu đói, mà định việc thăng hay giáng các quan chức địa phương. Rồi bàn định đặt sở đồn điền. Cho lính kinh kỳ [kinh binh] đi làm 3 sở đồn điền, lính trấn làm 7 sở, lính tuần thú biên giới làm 9 sở. Ngoài ra tùy theo nơi đồng ngự của sở tại và những lính đánh giặc trở về, chia đi làm 14 sở nữa. Những lính trước đóng đồn ở chỗ nào, nay đều giữ lại ở đấy để tiện cầy cấy. Bởi thế lính biết làm ruộng, lương quân không đến nỗi khó khăn thiếu thốn.

25. Tham đốc Bích quận công Hoàng Nghĩa Bá mất[25a], (Nghĩa Bá người xã Hoàng Vân, huyện Kim Động). Bá tính dũng cảm, nhiều lần lập chiến công, là danh tướng một thời. Chết được gia hai chữ "công thần" sau lại truy phong làm phúc thần.

26. Quan quân đạo Đông Triều bắt được "giặc" Cừ ở núi Ngọa Vân (tức là núi Yên Tử) đóng cũi đưa về kinh sư. Trước kia trong trận đánh nhau ở đồn Đỗ Xá, Tuyển thua chạy rồi chết. Còn một mình Cừ họp quân làm loạn. Đến khi thua các trận Vu Lai, Bạch Đằng, Cừ trốn lên Đoàn Thành (Lạng Sơn). Đến bấy giờ lại về xứ Đông, muốn vượt biển đi.

[23a] *Diệu quận công*, bản trục chép là Nghiêm quận công, đây sửa theo A.4.

[25a] A.1210 thêm: "Phong hai chữ Trung liệt". *(CM* "chép tên là Trung liệt").

Đến Đông Triều dói và thiếu thốn, bèn giải tán quân chúng, cùng với bà con và thủ hạ vài mươi người ẩn náu ở nhà dân. Phạm Đình Trọng và Tuần thủ là Nguyễn Thự do thám bắt được. Bàn công, thăng Phạm Đình Trọng làm Tả thị lang bộ Công, Nguyễn Thự làm Tổng binh đồng tri.

27. Cho các quan văn từ tam phẩm trở lên có dự ở phủ Liêu mỗi người được cử một người có thể làm quan phủ, huyện.

28. Tháng tám, đói to. Sai bộ thóc công ra chia đi phát chẩn cho dân phiêu tán ở tứ trấn, cùng dân trong kinh kỳ, cứ 10 ngày lại phát một lần. Từ cuối năm Vĩnh Hựu [1739] trộm cướp nổi lên, lại thêm binh hỏa đốt cướp, các thứ tích chứa ở làng xóm hầu như mất hết. Hải Dương bị chiến tranh lâu, dân càng cơ cực. Sơn Nam hơi khá hơn. Dân đói dắt nhau đi ăn xin đầy đường. Giá gạo lên vọt, một trăm đồng tiền không được một bữa ăn no. Dân phần nhiều ăn rau khoai, đến nỗi có người ăn thịt rắn, thịt chuột cho qua ngày, bệnh tật cả phát, xác chết chồng lên nhau, xương trắng đầy đồng. Số người sống sót không được một phần mười, khói bếp tiêu diều lạnh lẽo, những nơi sầm uất thành ra gò đống[28a].

29. Tháng chín, sai Đô đốc Vịnh quận công Đặng Đình Mật[29a] đốc lĩnh quân các đạo đi đánh Lê Duy Mật. Đình Mật dẫn quân đến đánh đồn Võ Lao. Duy Mật lui giữ huyện Văn Lãng (thuộc trấn Thái Nguyên), quan quân 3 đạo ban đêm đến phá 3 lớp thành lũy và vài mươi đồn. Quân Duy Mật vỡ chạy **(tờ 57b)** dư đảng nhiều kẻ ra hàng. Chúa nghĩ Đình Mật là con nhà thế thần, lại là thân thích với nhà chúa[29b]. Muốn tỏ ra trọng vọng, lúc ra quân, triệu vào cho nhận gươm vàng, dụ cho vâng mệnh đánh giặc rồi ban tiết việt của vị tướng quân. Chúa chọn ngày làm lễ, thân bái yết ở cung miếu, các quan đều đủ mặt. Mật mặc nhung phục, mặt ngoảnh về phía bắc mà nhận [các thứ gươm, tiết việt]. Từ trước đến nay triều đình sai tướng ra quân chưa bao giờ có lễ như thế. Mật cũng cảm kích tự hết sức cố gắng, mỗi lần đi đánh thường thắng.

30. Mùa đông, tháng mười, sai bọn Vũ Công Tể[30a], Nguyễn Quý

(28a) Trước đoạn 29, bản A.1210 còn chép thêm một việc: "Chúa hạ chỉ hoãn thi. Theo chế độ cũ, thi hương cứ 3 năm mở một khóa, lấy các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu làm hạn. Đến nay vì nạn đói, nên xuống chỉ hoãn thi".

(29a) *Đặng Đình Mật*: con Đặng Đình Giám, cháu nội Đặng Đình Tướng, quê làng Lương Xá, huyện Chương Đức (nay thuộc Hà Nội) Xem tập I, tr.216, 217.

(29b) Chỉ việc Mật được chúa Trịnh gả quận chúa.

(30a) *Vũ Công Tể*: Xem tập I, tr.104.

Kính làm Chiêu phủ sự, đi các đạo khuyên dân cày ruộng, trồng dâu, chiêu tập dân phiêu tán về, mộ tuần, đề phòng giặc cướp.

31. Nêu khen dân trung nghĩa ở huyện Đại An trấn Sơn Nam. Trước đây "giặc" Ngần Già nổi lên, thuộc huyện Đại An có nhân dân (ấp) An Giang[31a] đem hết sức chống đánh, kịp khi liệu sức không địch nổi, họ bèn đem cả làng dời sang phía bắc. Lại có người theo quan quân đi đánh giặc có công, bèn cho biển ngạch "Trung nghĩa" để nêu khen.

32. Tháng Mười hai[32a] khởi phục Trần Danh Ninh làm Tri Lễ phiên Nhập thị Bồi tụng[32b]. Vì có Thự phủ sự Cổn quận công Trương Khuông (tờ 58a) tiến cử lên, cho nên gọi ra làm quan không câu nệ theo lệ để tang[32c].

33. Vì có tai dị, chúa Trịnh tâu xin vua xuống tờ chiếu ân xá cho cả nước gồm 5 điều, trong đó có xá thuế tô dụng cho dân nghèo, triệt bỏ những tuần ty trái lệ, cấm tố cáo bậy, bắt bậy những kẻ theo "giặc" đã tuân mệnh trở về.

34. Sai bọn Vũ Công Tễ chiêu phủ dân phiêu tán tứ trấn. Nơi nghèo phiêu tán nặng là 1730 hương, chưa nặng lắm là 1961 hương[34a].

35. Cất nhắc Nguyễn Đình Kính[35a] tiến triều[35b].

36. Sai chánh sứ Nguyễn Kiều, phó sứ Nguyễn Tông Quai, Đặng Công Mậu sang nhà Thanh[36a].

[31a] A.1210 chép là tổng, có thêm tên các tổng Hải Liêu (thuộc Đại An), huyện Nam Chân. Bản A.4 chép Hải Liêu là ấp.

[32a] A.1210: "tháng 11".

[32b] A.1210 sau đoạn này có thêm: "Ngày ấy Ninh vì tang mẹ về ở nhà". Trần Danh Ninh Xem tập I, tr.198.

[32c] A.1210: "Trương Khuông tiến Ninh, cho là có thể dùng làm việc trọng đại. Chúa đặc biệt cho khởi phục".

[34a] A.4 đều chép "xã" thay cho "hương".

[35a] A.1210: "Nguyễn Đình Cản, Nguyễn Đình Kính, có bản thường lẫn lộn với Phạm Đình Kính (Xem tập I, tr. 146).

[35b] *Tiến triều:* quan có công trạng, lại được triều thần hiệp đồng bảo cử thì dù chưa phải là tiến sĩ cũng được cất nhắc cấp bậc như đối với tiến sĩ (Xem tập I, tr.147, (31c) trừ bể tôi chúa Trịnh (Xem tập I, tr. 148, chú thích 51).

[36a] A.1210 có thêm câu (Tông Quai) có tập thơ *"Sứ Hoa tùng vịnh"* lưu hành ở đời. 1742

Nhâm Tuất [Cảnh Hưng] năm thứ 3 (1742) (Thanh, Kiền Long thứ 7)

1. Mùa xuân, tháng giêng, sai bọn đại thần Vũ Tất Thận, Nguyễn Quý Kính[1a] chia nhau cai quản hương binh các huyện ở gần kinh kỳ, để thời thường thao diễn, đợi khi có việc thì điều khiển.

2. Dân Thanh Hoa đói, sai quan tam ty[2a] (ở trấn ấy) phát thóc 15 vạn[2b] quan bát, phát chẩn cho họ.

3. Tháng hai, cho Đốc trấn Cao Bằng Nguyễn Ngọc Huyễn[3a] làm Tả thị lang bộ Hộ, Hành tham tụng phủ Liêu. Huyền ở Cao Bằng 7 năm, khéo vỗ về chế ngự dân, địa phương yên ổn, chúa rất coi trọng, đặc cách phong tước hầu. Đến đây lại triệu về, bèn vào Chính phủ.

Cho Bồi tụng Lê Hữu Kiều làm Lưu thủ Thanh Hoa. Sai Lê Hữu Kiều cùng Hà Tông Huân xét hỏi công việc và tình hình ở trong hạt Thanh Hoa, về quan lại ai hay ai dở, dân tình tật khổ, quan quân thúy bộ các đạo đánh dẹp, cùng công việc ở các tuần ty ra sao. Lại sai Đỗ Huy Kỳ thăm hỏi xem xét tình hình ở Nghệ An (Huân, Kỳ đều là người trấn Thanh Hoa).

4. Hoàng Công Luận tiến đánh "giặc" Vũ Trác Oánh, bắt được.

5. Nguyễn Danh Hiển bắt được "giặc" Toàn Cơ ở Hoành Bồ[5a].

6. Tháng ba đặt ống đồng, cho sĩ dân cả nước có ai muốn bí mật trình bầy quan lại tốt hay xấu thì viết thư bỏ vào, cứ 5 ngày một lần trình lên. Viên Tả chính ngôn Lê Trọng Thứ[6a] nói rằng: "Đời nay nhân tâm không giống đời xưa, yêu ghét khen chê, vị tất đã hết thảy công bằng. Nay chúa đã lấy đức công soi xét trăm năm ai tà ai chính rất rõ ràng như dưới ngọn đuốc sáng. Nếu muốn hỏi han kỹ càng, phân biệt hay, hèn, thì nên trình bày lời nói, thứ bằng việc làm, xét sự thực, nghiệm ở công trạng, chứ không nên mở ra cái cửa tố cáo bí mật, sẽ tăng thêm cái tệ kèn cựa nhau". Tờ sớ này đưa vào, chúa Trịnh Doanh khen ngợi. Lập tức sai đình chỉ.

(1a) A.1210: "Sai Nguyễn Quý Kính, Trịnh Liễu". Có lẽ là "Trịnh Thiết" (tức Vũ Tất Thận) chép nhầm vì tự dạng giống nhau. Còn Trịnh Liễu vốn tên là Đăng Tiến Thự thì đã chết năm 1698.

(2a) *Tam ty:* 3 ty: ty Trấn thủ, ty Thừa chính và ty Hiến sát.

(2b) A.1210 chép là 50 vạn bát.

(3a) *Nguyễn Ngọc Huyễn:* quê xã Bột Thái, huyện Hoằng Hóa (Thanh Hóa) đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721).

(5a) A.1210 thêm một đoạn: "Lúc đầu Cơ làm loạn, đánh Đoàn Thành (Lạng Sơn). Đốc trấn Ngô Đình Thạc bị thua. Khi chúa lên ngôi, ra lệnh tiến đánh Cơ. Cơ thua chạy, đến bấy giờ bắt được, đem chém".

(6a) Lê Trọng Thứ: thân phụ Lê Quý Đôn, đậu tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724).

7. Vua sai Nguyễn Huy Nhuận đem sách tiến phong chúa Trịnh Doanh làm Đại nguyên soái tổng quốc chính thượng sư Minh Vương (tờ 59a).

8. Mùa hạ, tháng tư, bỏ bớt chức Hiến ty ở các lộ Tuyên [Quang], Hưng [Hóa], An Quảng. Chúa Trịnh Doanh nghĩ: các trấn ở ngoài dân điêu hao, việc kiện tụng ít, cho nên giảm đi, đem chức trách ấy giao cả cho quan Trấn thủ làm.

9. Trịnh Bảng[9a] tiến công [Nguyễn Hữu cầu] ở Đồ Sơn, bị chết. Lúc ấy Bảng cùng Đặng Đình Miên nghe nói giặc tụ họp ở Lão Đăng[9b], hẹn nhau cùng tiến đánh. Giặc có hơn 10 chiếc thuyền, thấy quan quân thì chúng giả vờ bỏ chạy. Quan quân theo đến Giai Môn, giặc lui đóng ở bến Cát Bạc. Gặp lúc nước triều dâng lên, gió nam mạnh, quan thuyền to cao, bị gió ngăn trở lúng túng, trôi dạt vào bờ, thừa cơ giặc đem hơn 100 thuyền nhẹ đến, quan quân tan vỡ. Bảng bị hơn 10 vết thương, rồi bị bắt, chửi "giặc" không ngớt miệng mà chết.

10. Lê Trọng Thư trình bày hơn 10 điều về chính sự đương thời. Chúa Trịnh Doanh khen, cho 20 lạng bạc, 20 tấm lụa.

11. Khảo xét thành tích các quan văn võ. Các quan tam phẩm trở xuống lần lượt mỗi ngày triệu hai người vào gặp. Chúa hỏi về chính lệnh hay dở và việc nước nên như thế nào.

12. Cho các quan có dự chức Bồi tụng cùng hàng tam phẩm, có dự chức Thiêm sai, tứ phẩm trị nhậm bên ngoài trở xuống mà có làm Thiêm sai, đều thưởng cho tước hầu, tước tá.

13. Cho Cồn quận công Trương Khuông, Phượng quận công Đào Hoàng Thực (tờ 50a) cùng làm chức Hành tham tụng ở phủ Liêu[13a].

14. Mặt trời có quầng, đoán đó là điềm người bề tôi thừa mệnh vua, bách tính thân yêu quy phụ[14a].

[9a] *Trịnh Bảng:* người trong tộc thuộc chúa Trịnh.

[9b] A.1210 và CM: "Lão Phong" là tên xã thuộc huyện Nghị Dương [Hải Dương cũ].

[13a] A.4 và A.1210 chép hơi khác: "cho Trương Khuông, Đào Hoàng Thực làm Tham tụng, Nguyễn Quý Thận, Đinh Gia Hanh làm Bồi tụng".

[14a] A.14 còn thêm: "chúa sai làm lễ tế". CM chép "đoán nó là điềm bề tôi lấn quyền vua, được bách tính thân yêu quy phụ. Trịnh Doanh kính lễ để tế". Ngoài ra A.4 cũng như CM còn có một sự việc đặt vào tháng 5 là: "Tháng 5, định lệ thuyên khảo bộ Lại *(CM* là: các quan trong ngoài). Phàm bổ nhiệm sắp đặt trên dưới (thì dựa vào các triều) - Trúng trường (khoa thi Hội) - Khảo trúng (đầu bài do vua nghĩ soạn) - Tư cách lâu năm và khó nhọc - Nơi làm quan nhiều việc [phiền] ít việc [giản] sai biệt. Vì vậy những người có quân công thì không được cất nhắc trao chức thực thụ".
Cùng trong tháng 5, A.4 còn có: "Rằm (17 - VI - 1742) có nguyệt thực".

15. Tháng sáu, đặt quan Phủ dụ các huyện thuộc lộ Sơn Nam Hạ, dùng bọn Phạm Hữu Du[15a] làm chức ấy, để hợp sức với viên Đồn ngự sứ vỗ về tập hợp dân địa phương, ngăn cấm trộm giặc. Rồi nghe tin bọn ấy làm phiền nhiễu dân, chúa lại sai Nhữ Đình Toàn đi xem xét tình trạng ấy[15b].

16. Mùa thu tháng bảy, định rằng ai bắt được giặc Nguyễn Hữu Cầu ở Hải Dương (tên là He, người huyện Thanh Hà) thì thưởng chức hàm tam phẩm, tước quận công. Ai bắt được kẻ giúp cho giặc thì chước lượng giảm bớt.

17. Đặt quan Phúc hiến[17a]. Sai bọn Đô ngự sử Nguyễn Ngọc Huyễn. [Nhuệ] Xuyên hầu Ngô Đình Oánh[17b] cứ 4 tháng cuối 4 quý đi xét các án oan.

18. Tháng tám, điểm hương binh 11 huyện ở gần kinh kỳ. Lúc này tùy nơi giặc cướp lên lút nổi lên, chư quân chia đi đánh dẹp, ở kinh thành lính không còn mấy. Quân chấp chính[18a] xin quyền nghi chọn lính trong dân gần kinh kỳ, cứ năm dinh lấy một, tha diêu dịch, theo phép chính binh cho luyện tập. Chia đóng đồn ở ngoài thành, để dự phòng việc bất ngờ xảy ra. Chúa nghe theo.

19. Định quân lệnh 12 điều, huấn thị cho tướng sĩ các đạo **(tờ 60a)**.

20. Vì mấy năm mất mùa, dân đói, chi dùng của nhà nước không đủ, hạ lệnh cho các điện và miếu ở Thanh Hoa giảm lễ phẩm đi một nửa.

21. Hoãn khám xét các vụ kiện linh tinh. Chúa Trịnh Doanh cho rằng quan hữu ty[21a] xét kiện bất bớ khám xét phiền nhiễu, hạ lệnh các án kiện, chỉ có việc án mạng, trộm cướp, ức hiếp về điền thổ, đánh nhau, mới được nhận khám. Còn các việc khác đều hoãn cả.

22. Lê Hữu Kiều nói: "Hai xứ Thanh Nghệ đói kém, số lính trốn có đến hơn vạn. Quan cai quản bắt đòi, quan trấn trói nã, làm phiền nhiễu

---

(15a) *Phạm Hữu Du:* quê xã Quán Các, huyện Gino Thủy (Nam Định) đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1724).

(15b) Đoạn này A.1210 chép hơi khác: "Tháng 6, sai Nhữ Đình Toàn đi hỏi han ở lộ Sơn Nam Hạ. Trước đó, đặt chức Chiêu phủ ở lộ Sơn Nam Hạ, mỗi huyện một người. Cho bọn Phạm Hữu Du lĩnh nhận, hợp sức với Đồn ngự sứ để vỗ về dân địa phương, phòng giữ trộm cướp. Đến nay chúa nghe tin bọn này hà khắc quấy nhiễu, bèn sai Nhữ Đình Toàn đi hỏi xét sự trạng".

(17a) *Phúc hiến:* (hoặc đọc Nghiễn): chức quan xét lại các án ngờ.

(17b) *CM* chép: "Sai tham tụng Nguyễn Ngọc Huyễn, Đô ngự sử Ngô Đình Toàn. A.1210 không chép chức tước của họ. Bản trục thiếu chữ : "Nhuệ".

(18a) *Quan chấp chính :* người nắm chính quyền, các bọn Tham tụng, Bồi tụng trong Phủ liêu.

(21a) *Quan hữu ty:* (hoặc đọc tư): ở đây chỉ quan chuyên trách việc xét kiện.

dân, có bắt được chăng nữa, nếu không phải là người nghèo khổ thì lại là kẻ giả mạo, chọn ủy cho quan địa phương, thân hành đi hỏi dân tình, tùy nghi đòi hỏi chọn lựa thì tiện hơn". Chúa nghe theo lời xin ấy. Rồi ở Thanh Hoa thì sai Đỗ Duy Kỳ, Nghệ An thì sai Phạm Doãn Vỹ (người xã Thổ Hào huyện Thanh Chương, trước tên là Kinh Vỹ) chia đi chọn lính.

23. Tham tụng Thượng thư bộ Lại Lăng quận công Vũ Công Tể mất. Tặng Thái bảo. Tể sở trường về văn học, được chúa biết đã lâu, có mưu lớn kinh bang tế thế. Đầu năm Canh Thân (1740) việc nước bề bộn. Tể điều hành có phương pháp. Chúa rất coi trọng, bèn cất lên đứng đầu bộ Lại. giao cho việc then chốt. Tể hay tiến dẫn người khá, dẫu người có một tài nghệ **(tờ 60b)** cũng đều khuyến khích cất nhắc. Kẻ sĩ cũng vui vẻ đem tài ra làm việc. Cho nên ở nơi thôn đã có nhiều người ra giúp nước. Lúc "giặc" Ngũ [Nguyễn Danh Phương] mới nổi lên, triều đình bàn nên chiêu an. Riêng Tể trình bày hai điều, nói: "Tiễu trừ là chính pháp, thu dụng là quyền nghi. Đối với giặc này phải dùng chính pháp mới được". Về sau việc ấy xảy ra đúng như điều Tể đoán trước.

24. Cho Hoàng Công Kỳ làm Thống lĩnh quân bộ ở Hải Dương, Trần Cảnh Thống lĩnh quân thủy. Chúa Trịnh Doanh đều thân hành dặn bảo cơ mưu. Sau đó lại sai Kỳ làm Thống lĩnh cả quân của cảnh và đốc lĩnh các đạo quân của Vũ Tá Liễn cộng 29 cơ, đem quân ấy đi đánh "giặc".

25. Mùa đông, tháng mười một, thăng Đặng Đình Mật làm Tham đốc. Trước đây nhiều lần Đình Mật đánh phá được quân Lê Duy Mật. Khi Duy Mật sắp trốn, có sai quân mình đứng ở chỗ cao bắn lại quân đuổi theo. [Duy Mật] lẻn chạy sang Nghệ An giữ động Cổ Nam[25a]. Rồi hợp đảng tiến đánh Thanh Hoa. Theo đường huyện Bối Sơn, Lôi Dương đến đánh đồn Bái Thượng. Mưu sang sông (Lương Giang) dòm ngó phủ An Trường (ở huyện Thụy Nguyên). Đình Mật cùng bọn Hà Tông Huân, Nguyễn Lệ tiến đánh Duy Mật ở Thịnh Mỹ (thuộc Lôi Dương) thắng được. Duy Mật chạy về châu Lang Chánh. Đến nay bàn công thăng thưởng cho Đình Mật làm Thống lĩnh **(tờ 61a)**, thị lang Nguyễn Ngọc Huyễn làm Hiệp đồng, sai cùng lo tính việc đánh Lê Duy Mật.

26. Hoàng Công Kỳ nói: "giặc" (Nguyễn Hữu Cầu) chiếm Đồ Sơn dựa vào núi và biển, mà biển thì nước thủy triều lên xuống vô thường.

[25a] *Cổ Nam :* A.1210: "Cổ Dậu" thuộc châu Quan Hóa, nằm vào giữa hai trấn Thanh Hóa và Nghệ An.

Muốn đánh Đồ Sơn không tranh lấy đất là không được. Muốn tranh đất tất phải dùng bộ binh. Xin cho lưu lính đội Tứ Trạch để sẵn sàng điều khiển. Chúa nghe theo.

27. Tháng mười hai, ra lệnh cho quan tứ trấn, ai nấy cho đắp thành lũy ở trấn lỵ chắc chắn.

28. Chúa dụ các quan chấp chính bàn làm 3 điều: một là làm phép phú binh, hai là tạm bổ thêm thuế ruộng tư, ba là lại thi hành phép tiền thuế diệu[28a].

29. Bắt đầu lập phép phủ vệ. Lúc này đem quân đi đánh giặc phải điều động đến nhiều nơi. Đình thần bàn lấy thêm hương binh để thêm thanh thế. Bắt chước phép phủ binh nhà Đường, mỗi phủ đặt một vệ; vệ đặt Tuần phủ và Tuần thủ để quản lĩnh lính hạt ấy. Chọn trong các quan hàng văn, hàng võ có tài cán mưu lược, mỗi bên lấy một người [làm chức Tuần phủ và Tuần thủ] còn thuộc viên văn võ thì làm phó. Tứ trấn cộng 20 vệ. Phép này chọn dân trong sổ đinh, cứ 5 đinh lấy một người làm lính. Được 11.465 người. Đặt làm đội ngũ, thao diễn phép đánh trận **(tờ 61b)** (mỗi vệ đều chia làm 2 phiên).

Mỗi tháng một lần thay nhau thường trực, đổi phiên thì về quê làm ruộng, còn một nửa ở lại trong quân, do quan cấp lương tháng. Doanh trại, đồn, tàu voi, chuồng ngựa, quân nhu, kho lương, cái gì cũng đủ. Lúc có việc thì gọi ra, tất cả đều chịu sự điều khiển, tùy nơi thống thuộc. Việc xong lại về vệ, thay nhau nghỉ ngơi. Từ khi Trung hưng trở về sau phép vệ sở bỏ đã lâu. Đến nay lại thi hành; bèn thành binh ngạch.

Quý Hợi [Cảnh Hưng] năm thứ 4 (1743) (Thanh, Kiền Long thứ 8)

1. Mùa xuân, tháng giêng, định lệ cho các vệ trưng thu phát tiền[1a].

[28a] A.1210: "phép nạp tiền". *CM:* "tiền thuế điệu" có lẽ đúng hơn.

[1a] A.1210 và A.4 chép rõ thêm như sau: "Khôi phục phép diệu đời Bảo Thái: Đầu đời Trung hưng, các tiền bài, biểu, tế, khoán đều chia bổ thu theo hộ. Tiền *bài* tức là tiền nộp ngày lễ sinh nhật và ngày tết Nguyên đán để các nha môn làm lễ bái vọng, đêm hôm ấy có ca hát yến tiệc. Tiền *biểu* là tiền dùng vào trước khi tiến dâng biểu mừng (vua) chọn ngày làm lễ lạy biểu. Đêm hôm đó cũng có ca hát yến tiệc. Tiền *tế* (gồm có): tế *Đinh* xuân thu có hai lần tế, trường Quốc học và trường ở quận làm lễ thích điện (tế Khổng Tử) tế *lệ* ba lần [mỗi năm]; tế quỷ Y thần (do quan phủ dùng tế), tế *cung miếu* bốn mùa, tế Cao hoàng đế [Lê Lợi], có bày bài vị nhà chúa và các công thần Phạm Đốc, Nguyễn Hữu Liêu, Đặng Huân, Lê Thì Hiến [những công thần Trung hưng có công đánh Mạc] phối hưởng và tế bách thần mùa xuân.

2. Tháng hai, cho Tả thiếu giám Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc làm đốc lĩnh đạo kỳ binh[2a]. Ngũ Phúc dâng 12 điều về binh pháp. Chúa Trịnh Doanh sai thi hành[2b]. Nhân đem binh pháp ấy hiểu thị cho Thông tướng đạo chính binh là bọn Hoàng Công Kỳ.

3. Sai Thống suất Nghệ An là Nguyễn Gia Châu xếp đặt việc biên cương, tập hợp hào mục, mộ binh dinh, chia đồn đóng giữ. Sau đó lại sai bọn Khuê quận công Giáp Nguyễn Khoa đến trấn Nghệ An xem xét tình hình dinh lũy, tuần tra, đồn thú và quân nhu khí giới thê nào, tâu lên **(tờ 62a).**

4. Tháng ba, giặc dánh phá Lạng Sơn. Đốc trấn Vũ Tá Vinh, Đốc đồng Trần Công Hân chết[4a]. Lúc bấy giờ lũ giặc ở Cần Dinh[4b] hô hào tụ tập kéo đến sát thành, ngăn chặn đường vận lương. Vịnh cáp cấp về triều. Chúa sai Thự phủ sự Trần Đình Miên[4c] (trấn thủ ở Kinh Bắc) đem quân đi cứu. Miên lấy cớ bận tiễu trừ giặc biển, khước từ. Nhiều lần có chỉ giục tiến quân, Miên dềnh dàng mãi ở phía bắc (Xương) Giang, rồi không

---

Khoán là tiền sửa đê đường, cống cầu, kho lún, trường thi, giao cho quan huyện thu nộp, tiền bài, biếu thuộc về hai ty Thừa, Hiến. Tiền tế thuộc về quan phủ huyện, Tiền khoán thuộc về quan Trấn thủ. Năm Bảo Thái Nhâm Dần (1722), triều dình bàn cho ràng việc thu nộp phiền toái, bèn đổi định phép thuế điệu: hàng năm thu ở mỗi suất dinh 6 tiền (mạch) cổ tiền: các tiền bài, biếu, tế, khoán nằm cả trong ấy. Về sau vì cầu cống dường sá bị hư hại nhiều, lại bàn thu tiền *hộ phần*. Sau đó, vì việc bắt đòi thu nộp sinh ra trăm thú tệ, chúa biết rõ tệ ấy. Năm ngoái gộp việc binh chính và phép tô thuế, giao cho triều dình bàn bạc, đến đây cho thi hành.

[2a] A.4 và A.1210 chép "Việp Trung hầu Hoàng Ngũ Phúc làm Thông lĩnh kỳ đạo". Hoàng Ngũ Phúc quê xã Phụng Công, huyện Yên Dũng [Hà Bắc].

[2b] Chỗ này A.1210, A.4 còn chép: "Sai Ngũ Phúc cùng bọn Hoàng Công Kỳ hội tiễu. Bấy giờ Ngũ Phúc làm Hội sai ở Hình phiên, chưa quen ra trận. Lúc mới nghe mệnh Phúc rất lo lắng. Có người (môn) khách khuyên ông vay tiền công một vạn quan để chiêu mộ tráng sĩ. Ngũ Phúc nói: "Tiền công há nên dùng vào việc riêng? Sau này đòi lại, lấy gì bồi thường". Khách rằng: [ở đây A.4 và *CM* còn thêm: "Tục ngữ có câu "tướng vô tài, sĩ bất lai" tướng không tiền, tráng sĩ không đến]. Nếu quả ngài theo kế của tôi, thì các tráng sĩ dều hết sức với ngài, làm nên chiến thắng, từ đó ngài sẽ trở nên quý hiển, một vạn quan có thấm gì. Nếu vạn nhất vấp ngã dến chỗ không thể nói dược thì ai lại còn hỏi số tiền ấy đi dâu...". Ngũ Phúc nói: "Ông nói rất đúng". Bèn làm theo cuối cùng thành công, trở nên danh tướng một thời".

[4a] Tháng 3, A.1210 chép là: "Tháng 2". Trần Công Hân, A.4 "Trần Công Hân". A.1210 chép sai là "Nguyễn Công Hân". Trần Công Hân: quê xã Cổ Am, huyện Vĩnh Lại (Hải Dương), đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1733).

[4b] *Cần Dinh:* thuộc huyện Bảo Lộc (Bắc Giang).

[4c] *Trần Đình Miên: CM:* "Trần Đình Cẩm".

dám tiến[4d]. Phiên thần là Nguyễn Đình Sinh đem thổ binh đánh giặc, giặc thua chạy, bèn lấy lại được thành Lạng Sơn[4d].

5. Chúa cho Nguyễn Quý Kính, Lê Hữu Kiều cùng làm Tham tụng phù Liêu, Ngô Đình Oánh, Nguyễn Vĩ làm Bồi tụng.

6. Bãi thuế sở trần, thuế bến đò cho cả nước. Bấy giờ tuần ty trưng thu phiền nhiễu nặng nề, người buôn bán ít dần. Chúa Trịnh Doanh muốn bỏ việc đánh thuế ấy. Các quân chấp chính nói rằng: "Thuế sở tuần đã có định ngạch, chỉ nên cấm doán việc sách nhiễu hà lạm mà thôi". Chúa nói rằng: "Chính sách của tiên vương xưa, ở các quan ải, các nơi họp chợ chỉ xét hỏi người lạ mặt chứ không đánh thuế. Nay sau cơn binh hỏa, cái ăn của dân ít ỏi thiếu thốn, phải nhờ vào việc buôn bán lưu thông từ nơi có đến nơi không, vậy phải ban ơn thực, không nên chỉ răn bảo suông mà thôi". Bèn sai bãi các sở tuần, miễn hết thuế cho nhà buôn.

7. Cho các quan trong ngoài dâng thư kín (tờ 63a).

8. Sai các quan võ từ tam phẩm trở lên mỗi người đều được tiến cử một người có trí lược dũng cảm.

9. Mùa hạ, tháng năm, bãi bỏ chế độ quan văn giữ chức Tuần phủ ở các vệ. Lê Hữu Kiều nói rằng: "Vệ binh mới đặt, kỷ luật còn sơ lược. Xin cấp quân lính bổ sung đội ngũ. Chỉ đặt quan võ làm Tuần phủ[9a] thôi". Chúa nghe theo, bởi thế phép phủ vệ bèn bỏ.

10. Sao hỏa phạm vào vị trí sao Thái Vi.

11. Bãi Ngô (Ngô Châu) ở Biên Hòa nước lên to, lở tách ra làm 2: phía đông làm bãi Ngô, phía tây làm bãi Tân Trào (Biên Hòa thời xưa thuộc nước Đồ Bà, sau là nước Lục Chân Lạp, ... đông bắc tiếp đinh Bình Thuận, lấy nửa sông Ma Ly làm giới hạn. Chúa Nguyễn ta mở đất gồm thâu, gọi là dinh Biên Hòa. Bãi Ngô ở Mỏ Xoa phía bắc sông Phúc Giang dài hơn một dặm, cùng bãi Tân Trào liền hợp một. Đến bấy giờ mới tách ra làm hai. Bãi Tân Trào ở giữa sông Phúc Giang, dài 10 dặm, rộng hai dặm rưỡi).

[4d] A.4; A.1210 còn thêm: "Bọn Vịnh sức kiệt, thành bị hạ đều bị hại".

[4d] Sau đoạn 4, A.1210 thêm: "Đặt các trạm ở dọc sông, lấy 9 đội kỵ binh do thám tình hình giặc để chuyển đệ.

[9a] Ở đây chính ra phải là "chỉ đặt quan võ làm Tuần thủ" như ghi chép của CM. Nhưng A.1210 và bản trục chép là "Tuần phủ". Riêng A.4 chép sự việc này vắn tắt hơn là: "Tháng năm, bãi bỏ chế độ quan văn giữ chức Tuần phủ ở các vệ, là theo lời nói của Lê Hữu Kiều". Cũng xem đoạn 29 năm 1742.

12. Tháng sáu, "giặc" Nguyễn Hữu cầu họp quân vây đánh Thống lĩnh Hoàng Công Kỳ ở càng Hoa Nữ huyện Thanh Hà. Chúa sai Hoàng Ngũ Phúc đem quân đi cứu. Trước Cầu cướp được đồ quân dụng của Toàn Cơ, dụ dỗ được quân chúng ngày càng đông, bèn có chí xưng hùng, tiếm xưng danh hiệu là "Khâm sai Đông đạo tổng quốc bảo dân", chiếm cứ châu Vạn Ninh(12a). Đến lúc các đạo quân của Hoàng Công Kỳ, Nguyễn Danh Hiển tiến công nhiều trận thắng lợi (tờ 63a) thanh thế nổi lên. Cầu mỗi khi đánh nhau với quan quân bị thua thì chạy ra biển. Hiển không đuổi bắt ngay, lại dẫn quân về kinh sư. Cầu biết An Quảng ít quân, lại họp đồ đảng ở Đồ Sơn, dựa vào núi biển để cố thủ, thường ra miệt đông nam cướp bóc, diên cuồng quỷ quyệt dần dần không thể chế ngự được. Đến nay Cầu đánh Thanh Hà, Kỳ bị vây đã đến 10 ngày, ngầm sai người vượt vòng vây ra đi cáo cấp. Khi quân cứu viện chưa đến, Tán lý Vũ Khâm Lân bàn với Kỳ rằng: "Lính kinh sư bị giặc ngăn trở chưa đến ngay được. Nay giặc đánh nhau với binh lính kỳ đạo (12b), thế tất để nhiều quân ở mặt trước. Nếu ta chạy ra mặt sau, quân giặc đánh nhau mệt, ngủ say, tất nó không biết". Kỳ theo kế ấy. Bèn [ban đêm] lén kéo ra cửa sông Ngư Đại, gặp một ít quân "giặc", đánh lui được, ra sức phá nhổ kè do giặc cắm, mở thông được một lối đi, tiến ra cửa sông Ngư Đại về đóng ở sông Thanh, rồi họp với quân Hoàng Ngũ Phúc tiến đánh Nguyễn Hữu Cầu, phá được. Sau đó, chúa sai đem quân thủy đạo đánh gấp Đồ Sơn.

13. Mùa thu, tháng bảy, Thiếu phó Triệu quận công Nguyễn Huy Nhuận trí sĩ. Lúc bấy giờ Nhuận 66 tuổi, thăng thụ Thái tử thái bảo. Chúa (tờ 63b) ban xã của 6 tổng huyện [Gia Lâm] đến rước về làng.

14. Chúa Trịnh Doanh cho thơ rằng: (14a)

Phiên âm:

Lịch tiễn công giai hiệu tác lương
Hoàng du Hoàng du vương độ mậu khuông lương.
Uy dương sóc cảnh gian hùng khiếp,
Danh bá Yên Đài lẫm mặc lương.
Đĩnh phù do tư ưu dưỡng huệ,

(12a) *Vạn Ninh*, A.1210: "Vân Đồn".

(12b) Lính kỳ đạo lúc này do Hoàng Ngũ Phúc Đốc lĩnh, bị quân của Nguyễn Hữu Cầu chặn ở Vĩnh Lại.

(14a) Bài thơ này và bài thơ Nguyễn Huy Nhuận lưu tặng ở sau bổ sung theo bản của Viện Sử học (HV.119).

Khôn nang[14b] *cự dĩ địch hàm chương*[14c]
Công thành hỷ toại vinh hương cẩm,
Di đốc trung trinh đối nhật quang.

Dịch:

Bệ ngọc hằng đua sức cột rường,
Giúp vua, phò chúa, vẹn cương thường.
Oai lừng cõi Bắc, thù tan vía,
Danh rạng Kinh Yên, bút nhá hương.
Lộc nước nhuần sâu còn hẹn buổi,
Túi khôn thít chặt vội toan đường.
Thỏa lòng áo gấm về quê cũ,
Vằng vặc lòng trung đọ ánh dương.

15. Huy Nhuận có bài biểu khải tạ ơn[15a] đại lược có câu: "Làm quan trí sĩ, vinh hạnh xưa nay. Gieo trâm theo lễ, chính tuổi "tòng tâm" [15b] cởi ấn không đợi bảy mươi là người "tri túc" [15c]. Hào lục tam [15d] từng dâng khó nhọc, bốn mươi năm cũng đã lâu rồi. Ngồi ăn không lấp đường hiền giả. So kinh luân xa kém người tài. Há quên lòng ngựa nhớ tàu. Xin tạm treo xe nghỉ việc, Ngọ Kiều[15d] ngày ấm, tiêu dao non nước vui chơi. Thần cực trời cao, phảng phất quân thiều[15e] mộng tưởng".

16. Nguyễn Huy Nhuận lại có thơ lưu tặng các quan đồng triều:

Phiên âm:

Xích thốn công danh hạnh ngộ thì,
Tang bồng kim dĩ toại nam nhi.

[14b] *Khuôn nang*: *Kinh Dịch* quẻ "khôn", hào lục tứ có câu: "Quát nang vô cựu" nghĩa là: thít miệng túi lại không có lỗi gì. Ý nói: Đã đến lúc nên im lặng không nói gì nữa.

[14c] *Hàm chương*: (giấu hay); *Kinh Dịch* quẻ "Khôn" hào lục tam có câu: "lục tam hàm chương khả trinh" nghĩa là: hào lục tam giấu cái hay của mình đi, thì mình được vững vàng không có lỗi.

[15a] Bài biểu tạ ơn, bổ sung theo bản của Viện Sự học.

[15b] *Tòng tâm:* Sách *Luận Ngữ* có câu: "thất thập tòng tâm sở dục bất du củ". Nghĩa là đến năm 70 tuổi làm theo ý nghĩ của mình mà không sai đạo lý. Đây dùng chữ "tòng tâm" là để chỉ 70 tuổi (tục xưa chưa đầy 70, nhưng tôn xưng thì cũng coi như 70).

[15c] *Tri túc:* biết đủ. (ý nói: biết bổng lộc danh vị đã cao rồi, rút lui là tốt, không bị nhục).

[15d] *Hào lục tam:* đã chú, ở chữ "hàm chương" ở trên.

[15d] *Ngọ Kiều:* Bùi Độ tể tướng nhà Đường lúc trí sĩ làm nhà Lục Dã đường ở xóm Ngọ Kiều, cho nên dùng Ngọ Kiều làm điển để chỉ việc trí sĩ.

[15e] *Quân thiều:* Nhạc của thiên đình, đây tỏ ý về hưu vẫn nhớ tới vua chúa. *Thần cực:* chỉ ngôi vua.

Nhi công hề hữu tư diều nhiếp,
Liệt dầu tằng vô hiệu dực vi.
Tam khứ khước hoài Âu túy lão,
Tứ lưu cảm nghĩ Triệu tham tri.
Quyến ưu bội mộc Huân Hoa đức,
Di thọ tiêu dao thể hiệu hy.

Dịch nghĩa:

May được công danh chút tý tỳ,
Tang bồng đà thỏa chí nam nhi.
Việc làm đâu có thi vi giỏi,
Bàn hợp nào hay giúp đỡ gì.
"Tam khứ" mong bằng Âu túy lão[16a],
"Tứ lưu" đâu kịp Triệu tham tri[16b].
Thấm nhuần mưa móc trời Nghiêu Thuấn,
Tuổi thọ tiêu dao buổi thịnh thì.

Các quan đồng triều đều họa vần thơ này để tiễn. Các quan lại có bài trướng mừng, đại lược như sau:

17. "Như ông[17a] dòng danh nho ở mạn bắc sông Nhị Hà; bậc nhân kiệt ở phía nam sao Bắc Đẩu. Đăng khoa tuổi trẻ, trên vui lòng còn hai bóng xuân huyên[17b]. Mở nước công danh, xét công đầu cả hai lần phiên niết[17c]. Làm chức tai mắt : ba lần ngự sử, giữ nơi họng lưỡi : năm lượt thượng thư. Sang sứ mệnh ở Yên Kinh ba năm. Bàn cương giới ở Vị Tây mấy tháng. Kinh luân thực dụng hơn bốn mươi năm. Cây tùng bách trải rét mùa đông, đứng giữa xóm vang nhạc ngựa. Khóm chi lan dưới thềm ấm bóng, thi nhau mừng múa áo hoa[17d]. Nay ông: rõ đạo quẻ "khôn" [17d]

[16a] *Tam khứ:* Âu Dương Tu đời Tống làm quan đã 3 lần xin nghỉ việc, vua đều giữ lại.

[16b] *Tứ lưu:* Triệu Biện đời Tống làm quan cũng 4 lần xin nghỉ, đều được lưu lại, người đời gọi là "tứ lưu".

[17a] Bài trướng mừng. A.1415 và A.120 không có bổ sung theo bản Việt Sử học (HV.119)

[17b] *Xuân huyên:* Cha mẹ

[17c] *Phiên niết:* Phiên là ty Bố chính; Niết là ty Ấn sát (2 cơ quan cấp trấn hay tỉnh).

[17d] *Mừng múa áo hoa:* Ý nói con cháu vui mừng vì cha ông tuổi thọ cao.

[17d] *Đạo quẻ "khôn"*. Quẻ "khôn" tượng trưng cho bề tôi, cho sự nhu thuận, ở đây chỉ việc ông làm quan được lòng vua chúa.

tiếng hay nên giấu. Hiểu nghĩa quẻ "cấn"(17e) đáng thôi thì về. Sơ phó(17g) xin cáo ba lần biết cậu tri túc. Phú Bật(17h) tuổi chưa bảy chục, dâng sổ về hưu. Thực đã rõ cái lẽ: người quân tử hiểu biết mệnh trời, đạo trời ban phúc cho người khiêm nhường vậy"

18. Chúa hạ lệnh cho các quan Tham tụng trong phủ chúa cắt lượt nhau trực đêm ở trong phủ, để đợi chúa có việc hỏi han.

19. Mở khoa thi Hương cho sĩ tử các xứ. Bấy giờ trường Nghệ An [đến kỳ đệ tam] bị những kẻ càn rỡ đốt cháy. Giết đứa thủ mưu đem bêu. Lại cho thi kỳ đệ tứ(19a).

20. Tháng tám, cho Phạm Đình Trọng làm Phó đô ngự sử(20a).

21. Xá các thuế tô, dung, điệu cho huyện Thụy Anh theo lời xin của Tán lý Nhữ Đình Toàn. Chúa Trịnh Doanh dụ các quan chấp chính rằng: "Dân bần cùng ở miệt đông bắc đều là con đỏ của triều đình, nên cứu vớt ngay". Bèn sai chia đặt đồn thú chiêu tập dân lưu tán.

22. Cất nhắc Tham chinh Bùi Thuyên (người huyện Đông Quan) lên chức tiến triều(22a).

23. Tháng chín cho Trần Đình Miên Trấn thủ Kinh Bắc, Trịnh Đạc Trấn thủ Hải Dương.

24. Mùa đông, tháng mười, thi Hội các cử nhân, lấy bọn Nguyễn Hoàn(24a) 7 người đỗ trúng cách (tờ 64a).

(17e) *Nghĩa quẻ "cấn"*: Lời tự quái của quẻ "cấn" nói: "vật không thể động mãi", ở đây nói ông hoạt động nhiều rồi thì nên được hưu trí.

(17g) *Sơ phó:* Sơ quảng làm Thái phó đời Hán Tuyên Đế, cáo quan về, người đời cho là thanh cao.

(17h) *Phú Bật:* Người đời Tống làm quan có tài, đã chống lại Tân pháp của Vương An Thạch nên xin về hưu.

(19a) A.1210 chép hơi khác, như sau: Cho các kẻ sĩ thi Hương. Năm Tân Sửu (đúng ra là Tân Dậu) (1741) trước đây vì nạn đói, tạm hoãn đến nay mới cử hành. Lấy thêm số người đỗ thi Hương. Bấy giờ trường Nghệ An bị bọn càn rỡ đốt cháy. Giết mấy kẻ chủ mưu đem rao, rồi lại cho kỳ thứ tư".

(20a) A.1210 chép thêm một việc: "Tả thị lang bộ Công là Nguyễn Ngọc Huyễn mất, tặng thượng thư bộ Công, tước quận công (Huyễn là người xã Bột Thái huyện Hoằng Hóa). Việc này bàn trục chép vào năm 1744.

(22a) *Tiến triều:* xem chú (35b) năm 1741, tham chính Bùi Thuyên A.1210 là Tham nghị Bùi Thuyên.

(24a) A.1210 thêm một câu: Hoàn người xã Hương Khê huyện Nông Cống, là con Nguyễn Hiệu.

25. Tháng mười một, sao Chổi mọc dài ước chừng một thước[25a], hai tuần mới lặn[25b].

26. Có chỉ dụ sai bọn Đinh Văn Giai, Nguyễn Đình Hoàn hội nhau đi đánh "giặc cỏ" [thảo khấu]. Lúc trước, lộ phía đông bị tàn phá, ruộng đồng bỏ hoang, dân phiêu tán. Bọn vô lại tụ họp nhau ở chỗ cỏ rậm, nơi đông thì vài nghìn người, nơi ít cũng không kém năm sáu trăm người. Chúng cướp bóc bừa bãi. Một dải bờ bắc sông Nhị, cỏ rậm ngập mắt. Giặc ra vào không biết tung tích ở chỗ nào. Người bấy giờ gọi chúng là "giặc cỏ". Đã nhiều lần sai bọn Trương Nhiêu, Hoàng Công Kỳ, Đinh Văn Giai đem quân đi đánh. Nhưng các đám "giặc" ấy chợt tan chợt tụ, thế ngày càng thịnh, kiệt hiệt nhất là bọn Hoàng Công Thư[26a], Phạm Văn Đoan. Bọn chúng đã từng giả dối dâng thư xin hàng để hoãn việc đánh dẹp. Triều đình cũng chán việc dụng binh, và cũng mong có thể làm cho chúng quy thuận, liền trao quan tước và sai chúng cai quản đất ấy. Nhưng các đám "giặc" ấy ngày càng buông tuồng bạo ngược. Chấp chính cho gọi chúng đến cửa khuyết, tùy nghi xử trí. Bọn [Hoàng Công] Thư lại phản. Đến nay Đinh Văn Giai mới đánh phá chúng ở Đỗ Xá[26b]. Lúc này "giặc" Ngũ (tức Nguyễn Danh Phương) cũng đến cửa quân Lê Đoan Khải xin hàng. Các quan bàn rằng: "Chiêu hàng là thất sách". Rồi giặc Ngũ cũng không đến nữa **(tờ 64b)**. (Hoàng Công Thư người huyện Thư Trì)

27. Tháng mười một, cho Đinh Văn Giai làm thống lĩnh đạo Kinh Bắc, Trần Danh Ninh làm Tán lý.

28. Tháng mười hai, thi Điện, lấy Phan Cảnh[28a] đỗ tiến sĩ cập đệ đệ tam danh (thám hoa), Trần Văn Trứ đỗ tiến sĩ xuất thân. Bọn Lê Hoàng Vi 5 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

29. Sai Nguyễn Đình Hoan[29a] làm Thống lĩnh đạo Đông Nam, Trần Huy Bật làm Tán lý. Trước đây lũ "giặc cỏ" Hoàng Công Thư tráo trở, triều đình đều bàn không muốn chiêu an. Riêng Hoàn, Bật cố sức tán thành [cho chúng quy thuận]. Đến nay Công Thư lại nổi, nên chúa sai hai người này đi.

(25a) *CM* chép: dài hơn một trượng.

(25b) Hai tuần theo cách gọi xưa tức là 20 ngày đêm.

(26a) *Hoàng Công Thư:* Một tên khác của Hoàng Công Chất (CM chép là Hoàng Văn Chất).

(26b) *Đỗ Xá:* Tên xã thuộc huyện Kim Động (Hưng Yên).

(28a) *Phan Cảnh*: quê xã Lai Thạch, huyện La Sơn (huyện Can Lộc).

(29a) Nguyễn Đình Hoàn. A.1210 chép "Nguyễn Đình Viên".

Giáp Tý [Cảnh Hưng] năm thứ 5 (1744), (Thanh, Kiền Long thứ 9)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Nguyễn Đình Hoàn nói: Giặc ở chỗ rậm rạp, quan quân đến mé trước thì nó lẩn ra mé sau, chẹn bên tả thì chúng trốn sang hữu. Chỗ nào quan quân không tới thì chúng kéo đến cướp bóc. Xin lượng phái số lính (tờ 65a) kinh đô, phối hợp với dân đinh phòng thủ. Chúa bèn sai Hoàn chuyên khống chế đạo phía nam. Rồi sau, Hoàn lùa dân phu đi đánh giặc. Dân một phương náo động. Chúa Trịnh giận, xuống chỉ quở mắng, bắt lập tức đình chỉ việc ấy.

2. Triệu Đình Văn Giai về kinh. Trước mặt chúa Giai trình bầy cư mưu đánh giặc. Rồi lại sai Giai đi đến chỗ đóng quân. Nhưng "giặc cỏ" cướp bóc càng dữ. Hải Dương, Kinh Bắc không một ngày nào yên.

3. Tháng hai, có cá lớn dài hơn 4 thước[3a] tục gọi là "cá đầu voi" từ cửa biển Thần Phù vào sông Châu Cầu, đi ngược dòng sông mà lên, đến miếu sông Thuần Lương[3b] ở đấy 3 ngày, rồi lại đi ra biển.

4. Hoàng Ngũ Phúc dem quân đánh "giặc" ở Đồ Sơn, không thắng được. Vàng Hiệu hầu Trịnh Bá Vàng [4a] chết trận.

5. Đại tư đồ Đình Trung công Trịnh Trụ chết, truy tặng là Túc công.

6. Tháng ba, cho Hoàng Công Kỳ Trấn thủ Sơn Nam kiêm Thống lãnh. Triệu Nguyễn Công Thái về làm Tham tụng.

7. Cho Nguyễn Bá Lân làm Lưu thủ trấn Hưng Hóa[7a].

8. Bắt đầu cấp thực ấp cho bọn Nguyễn Công Thái, Đào Hoàng Thực, mỗi người một xã, gọi là "ngụ lộc", bèn thành lệ (tờ 65b).

9. Cho Lê Hữu Kiều lĩnh Trấn thủ Thái Nguyên.

10. Cho Vũ Công Trấn làm Thiêm đô ngự sử.

11. Bỏ thuế tô, dung sáu cung[11a] đã làm xong ở bốn trấn (là Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương), cùng phủ Trường Yên, tiền thóc,

---

(3a) *Bốn thước.* CM : "4 trượng", có lẽ đúng hơn.

(3b) *Miếu Thuần Lương:* thuộc xã Hương Lâm huyện Phú Xuyên (CM).

(4a) *Vàng Hiệu hầu:* A.1210 là: Vàng cảnh hầu Trịnh Bá Khâm, theo CM, Bá Khâm là tỳ tướng của Hoàng Ngũ Phúc.

(7a) A.1210: Bá Lân làm trấn thủ Hưng Hóa.

(11a) *Sáu cung:* Lê Dụ Tông năm Vĩnh Thịnh thứ 14 (1718) bắt đầu đặt 6 cung, chia nhau giữ tiền, thóc và thuế khóa của các trấn và các miền ngoại phiên (biên giới). Lệ cũ, đặt các hiệu trưng thu gồm 46 hiệu. Đến đây đặt quan 6 cung, các hiệu đều lệ thuộc vào đấy (LTHCLC)

gạo, thổ sản[11b] về thuế tô, dung đều đặt ra thành định ngạch.

12. Mùa hạ, tháng sáu. Cổ quận công Trương Khuông trình bày kế sách[12a] đánh dẹp "giặc cỏ" bảo vệ kinh thành. Chúa đều chấp nhận cả. Một là phủ binh các vệ một nửa lưu lại đồn đóng giữ, một nửa lệ thuộc theo đi đánh giặc. Hai là các quân đội Thị hậu đều cho cai quản một vệ binh để sai khiến. Quan Thủ hiệu đội ấy tạm đốc suất đội Phụng thị[12b]. Ba là ai đem gia đinh, tự cấp lấy lương thực, đi theo quân đánh "giặc", được 50 người trở lên thì thăng chức một cấp. Bốn là cấp sẵn các tờ để trắng [không dầu sắc] cho các quan Thống đốc, để khi lâm trận, tùy công lao mà ban thưởng. Năm là trừ dân các xã quý hương[12c] và tạo lệ[12d], còn thì chiếu lệ cũ lấy một nửa số suất để điều động dùng vào việc. Sáu là rút quan binh 2 cơ 2 đội thủy bộ về, chia nhau đi tuần ở vùng thượng lưu, hạ lưu để vững thế kinh kỳ.

13. Cho Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn[13a] làm Đốc trấn Cao Bằng. Trước đây nhà ngụy Mạc mất, dư đảng (tờ 66a) dời về phương bắc rồi ngụ ở Quảng Tây. Đến nay, nhân thấy trong nước có việc, bèn hội quân xâm phạm biên giới. Triều đình liền mấy năm đánh dẹp. Bọn Đặng Côn Diễn, Nguyễn Đình Bá[13b] có thắng lợi nhỏ, nhưng vỗ về trừ dẹp có sai phạm, làm cho thế địch mạnh lên. Lại không nghiêm cấm quân sĩ cướp bóc, do đó dân man kinh sợ, đua nhau theo giặc. Lính ở trấn vừa yếu lại vừa ít, không có kỷ luật, gặp giặc là thoái lui. Giặc bèn thừa thế tung hoành cướp bóc khắp cả vùng Hà Giang, Vị Xuyên. Chúng đi lại vùng Tuyên Quang, Cao Bằng, Hưng Hóa, Thái Nguyên. Dân tình náo động. Đến nay, Lê Hữu Kiều xin chọn nho thần yên ủi vỗ về vùng Cao Bằng. Chúa sai Chuẩn đi.

14. Hoàng Ngũ Phúc vây đánh giặc ở Đồ Sơn, thắng trận. Nguyễn Hữu Cầu trốn lên sông Thọ Xương trấn Kinh Bắc, đắp lũy dọc theo hai

---

(11b) A.14 thêm: "thủy sản"

(12a) Bản trục và A.1210 đều chép 7, nhưng nội dung đều chỉ có 6 điều.

(12b) *Phụng thị:* đội hầu cận vua chúa.

(12c) *Quý hương*: làng quê vua chúa.

(12d) *Tạo lệ:* Dân các xã do triều đình quy định được miễn phu dịch để phục dịch một chùa đền nào đó.

(13a) *Mai Thế Chuẩn*: quê xã Thạch Giản huyện Nga Sơn (Thanh Hóa) đỗ tiến sĩ năm 1731.

(13b) *Đặng Công Diễn*: quê xã Phù Đổng, huyện Tiên Du (Bắc Ninh)
Nguyễn Đình Bá: quê xã Bình Dân huyện Đông An (Hà Nam). Cả hai đều đỗ tiến sĩ năm 1727.

bờ sông, từ Quế Nham ở thượng lưu đến Khê Kiều ở hạ lưu đều cắm cọc gỗ. Dưới sông bầy chiến thuyền hơn vài trăm chiếc. Đồn lũy liên lạc với nhau. Quan quân lo sợ không dám đánh. Bọn Trần Đình Miên tiến quan di Thiết Sơn, mới đến chợ Trai [Trai thị][14a], bị "giặc" đánh, toàn quân đều vỡ. Miên chạy về Thị Cầu (địa giới huyện Võ Giàng). "Giặc thừa thắng đuổi theo phá trấn thành, phóng hỏa đốt, cướp. Miên cùng Vũ Phương Đề bỏ cả ấn tín mà chạy. Nửa đêm tin báo về kinh. Kinh sư nhốn nháo sợ hãi. Chúa sai quan phủ dụ vùng quanh kinh thành đem lính các vệ chia đi đóng đồn ở Trường Bắn [Xạ Đôi] và các xã Vân Canh, Nhân Mục, Cầu Giấy[14b] để vững thế kinh sư. Hoàng Ngũ Phúc nghe nói vùng bắc khổn thất thủ, liền đem quân theo sông Nguyệt Đức tiến đến đóng quân ở huyện Võ Giàng. Chúa Trịnh Doanh sai sứ quở trách Ngũ Phúc rằng: "Binh quý thần tốc. Bọn ngươi vâng mệnh đi đánh "giặc" đã hơn một năm, tiến vây Đồ Sơn đã năm sáu tháng, để quân đóng lâu tốn của, không biết do thám dịch tình, phòng thủ sơ lược, để "giặc" xảo quyệt lìa hang ổ, rồi qua bảy tám ngày mới lại đem quân đuổi theo, để đến nỗi bọn "giặc" rông càn, làm cho dân tình kinh động. Việc ở ngoài cửa khổn, ngươi há lại để như thế sao? Vậy phải lo toan hết cố gắng để chuộc lỗi trước".

15. Mùa thu, tháng bảy, Hoàng Ngũ Phúc tâu rằng: Nguyễn Hữu Cầu sau khi thua trốn, đồ đảng phân tán, thế dễ đánh. Nếu được voi khỏe đi cùng, giúp uy thế cho quân, tôi sẽ lùa voi xông đánh, khiến cho giặc đầu đuôi không cứu được nhau, thì ta có thể chắc thắng, vả lại tôi đã dò biết ý giặc đương muốn liên kết với "giặc cỏ" [15a], tiến sát sông Nhị Hà. Nay tôi tiến đóng ở Võ Giàng, giặc muốn đem hết quân tiến về phía trước, nhưng lại sợ bọn tôi đánh đằng sau. Coi đó đủ biết là chúng không làm gì được". Lúc quân Ngũ Phúc chưa về, vùng trên dưới ven sông đều phải giới nghiêm. Đến đây dân tình mới yên.

16. Trương Khuông đánh nhau với giặc, thu phục dinh trấn và Thị Cầu. Chúa sai Hoàng Ngũ Phúc cùng Khuông đều tiến quân.

17. Tháng tám, chia quân 5 đạo đánh Nguyễn Hữu Cầu. Chánh

(14a) Các địa điểm sông Thọ Xương, Quế Nham, Khê Kiều, Thiết Sơn,Trai Thị đều thuộc các huyện Bảo Lộc, Yên Thế, Yên Dũng (Hà Bắc). Chợ Trai bản trục chép sai là xã Như Kinh. Sông Thọ Xương tức sông Thương đổ về Lục Đầu.

(14b) Các địa điểm Trường Bắn, Vân Canh, Nhân Mục và Cầu Giấy đều thuộc huyện Từ Liêm, Thanh Trì (ngoại thành Hà Nội). Riêng Trường Bắn (Xạ Đôi) nay là khu ở Giảng Võ (Hà Nội).

(15a) *Giặc cỏ:* Chỉ nhóm khởi nghĩa Hoàng Công Chất.

thống lãnh Trương Khuông đi đường chính qua huyện Yên Dũng đánh mặt trước, Nguyễn Trọng Thân đánh bên tả lũy trước, Vũ Tá Liễn đánh bên hữu lũy sau. Lê Thì Lệ đánh bên tả lũy sau. Hoàng Ngũ Phúc đem quân chặn giặc ngang dòng sông. Giám quân đều là tôn thất đại thần. Hợp quân 5 đạo, có 10 đại tướng, 64 liệt hiệu[17a], quân sĩ hơn 12 nghìn người. Quân của Lê Thì Lệ đi đến đâu không lấy mảy may gì của dân. Dân huyện Yên Thế xin dâng một vạn bát gạo làm lương quân. Chúa ban khen và đem gạo ấy thưởng cho quân Lệ.

18. Dân Hải Dương xin chọn sai Trấn thủ, Lưu thủ, [triều đình] không trả lời. Bấy giờ "giặc cỏ" nhân lúc **(tờ 67b)** quan quân kéo lên mạn bắc, nổi lên cướp bóc vùng đông nam rất dữ. Các lộ Hồng Châu, Khoái Châu hễ chúng qua đâu là sạch sanh đấy. Chúng đặt ra các hình phạt bằng rắn, rết, dìa, ngược đãi những người bị chúng bắt, khiến họ muốn chết đi cũng không được. Hoặc treo ngược người lên, hoặc đem dìm nước, hoặc bỏ thóc vào mắt rồi khâu lại, để buộc người nhà đem của đến chuộc. Có chút gì không được như ý thì chúng giết ngay. Chúng còn dùng dáo xiên trẻ con, thiêu phụ nữ, cực kỳ tàn khốc. Những dân sống sót chạy đến cửa khuyết cáo cấp. Quan chấp chính cho rằng "giặc" ở bắc đang kịch liệt, chưa thể lo đến mặt đông, rồi im những tờ sớ ấy đi.

19. Trương Khuông đánh nhau với Nguyễn Hữu Cầu ở Ngọc Lâm, Khuông thua. Bấy giờ Khuông hẹn với bọn Vũ Tá Liễn, Hoàng Ngũ Phúc, Lê Thì Lệ [các mặt] khép lại đánh Nguyễn Hữu Cầu. Khuông tự đem quân bản bộ đánh mặt trước, cho Trịnh Phỏng làm tiên phong, cầu giữ chỗ hiểm cho quân già yếu ứng chiến, hàng ngũ không chỉnh đốn, quan quân trông thấy đều cười và nhân đà khinh suất tiến đánh, cầu vờ thua, dụ vào trong đường hẹp, quan quân đi như xâu cá mà vào. Cầu đem quân cảm tử xông đánh. Quân của Khuông tan vỡ, các quân khác cũng vỡ chạy cả. Chúa xuống chiếu thư khiển trách nặng nề và triệu Khuông về (tờ 68a). Quân Nguyễn Hữu Cầu thế càng to. Chúng đốt phá làm sáng rực cả bờ bắc sông Nhị Hà, dân cư một dải ven sông bị giặc cướp đốt gần hết.

[17a] Liệt hiệu: sĩ quan chỉ huy cấp thấp.

[21a] Ý nói: Giặc thế cùng mà vẫn chưa chịu khuất phục.

20. Lấy Đinh Văn Giai làm Thống lĩnh Bình tặc thượng tướng quân, kiêm Đốc quản quân 4 đạo. Cho Bồi tụng Ngô Đình Oánh làm Tán lý.

21. Tháng chín, chúa dụ Đinh Văn Giai, Ngô Đình Oánh rằng: "Nguyễn Hữu Cầu trước giữ Đồ Sơn, nay trốn đến sông Thương, dẫu thỏ đã lìa hang mà bọ ngựa còn chống bánh xe[21a]. Cưỡng ép dân đắp lũy, cướp của dân làm lương, dồn ong nhóm kiến, mong giữ lâu dài. Nếu ta không sớm tính trước đi, sợ lũy giặc ngày càng bền, dân diêu tàn ngày càng quá. Gọi là dân "điếu phạt" mà lại như thế ư? Các ông chức trọng nắm quân, quyền cao chế khổn[21b], quân nhu đã đủ, chiến sĩ đã đông, có đại quân chẹn đằng trước, các tướng vây đằng sau, nên một phen dàn quân đánh mạnh đuổi tràn, khiến cho "giặc" tai điếc không kịp che, phách xiêu không kịp tỉnh mà giành thắng lợi toàn vẹn trong trận này. Hãy cố gắng lên !".

22. Đồ đảng của "giặc" tên là Tương đến đánh cướp huyện Yên Sơn [Sơn Tây]. Tổng binh **(tờ 68b)** đồng tri Hiển Trung hầu Đặng Đình Quỳnh thua chạy (Quỳnh có tên là Đình Giáp, người xã Lương Xá, huyện Chương Đức), Tán lý Phạm Gia Ninh bị giặc giết chết[22a].

Tin báo đến, kinh sư giới nghiêm. Chúa sai Chưởng phủ sự Doãn Trung công Trịnh Đạc làm Thống lĩnh, đem quân đến đánh, cả phá quân của Tương, Tương chạy trốn[22b]. Bấy giờ "giặc" Cầu đang thế càn rỡ, các đám giặc khác theo đà nổi lên. Lũ tên Hòa, tên Cốc, tên Đàn, tên Hát, tên Đoan, tên Viết[22c] họp quân ở xã Bình Ngô, hẹn nhau đồng thời cất quân, chia nhau đến đánh úp cõi bắc để đón Nguyễn Hữu Cầu. Cả vùng Kinh Bắc vì thế náo động.

(21a) *Chế khổn:* được toàn quyền chỉ huy quân sự ở bên ngoài.

(22a) A.1210 chép rõ thêm như sau: Trước kia Tương chiếm cứ Mỹ Lương, còn Cầu thì thường ẩn hiện ở khoảng Yên Sơn, Thạch Thất. Triều đình cũng không quan tâm. Đặng Đình Quỳnh xuất thân là con nhà thế phiệt, vốn không có tài làm tướng, vì cớ lấy quận chúa mà thành lình trở nên quý hiển. Đến nay vâng mệnh đi đánh, lại đem quận chúa và tỳ thiếp đi theo. Đóng ở đường núi Yên Sơn, lấy chợ làm đồn, không đặt trinh sát. Phạm Gia Ninh thì ở nhà dân. Giặc đến Tiên Lữ, Quỳnh và quận chúa cùng tỳ thiếp bỏ trốn. Gia Ninh nghe tin cấp báo, vội đến chỗ Quỳnh thì Quỳnh đã chuồn rồi. Giặc ập đến, Gia Ninh bèn bị hại.

(22b) A.1210 lại thêm: Quỳnh bị truất chức, mọi người đều cho là chưa thỏa đáng.

(22c) A.1210 chép các tên giặc hơi khác như sau: "tên Hòa, tên Dưỡng, tên Đàn, tên Kệ, tên Nhật. Vì tự dạng gần giống nhau.

23. Mùa đông, tháng mười, sông Bồ Đề và sông Ninh Giang nước đỏ như son. Nước sông Lễ (tức là sông Mã) chảy ngược hai ngày[23a].

24. Tháng mười một, "giặc Ngũ" [Nguyễn Danh Phương] cướp huyện Bạch Hạc. Đốc suất Kế Phương hầu Văn Đình ức đem các quân kinh và vệ tiến đánh. Ngũ chạy vào lũy, quan quân vây lại. Bấy giờ dinh tráng các huyện đến hội đồng tới hơn vạn người, có kẻ nguyện ra sức tiến đánh, bắt lấy tướng giặc, cho dân được yên nghiệp. Thế "giặc" đã cùng quẫn, thế mà Văn Đình Ức nhút nhát, không có mưu kế gì, lại rút quân ra đóng ở xã Nghĩa Ân. Ngũ nhân sơ hở vượt vòng vây thoát thân. Chủ quân cùng dân ứng nghĩa ai cũng bực tức. Từ đấy, Ngũ không dám khinh suất kéo ra, chỉ bố trí dồn bảo, ước thúc đội ngũ, có thể kháng cự được với quan quân, đều do cái lầm của Văn Đình Ức.

25. Tháng mười hai, Hoàng Ngũ Phúc đánh tan quân cầu ở mặt Thị Cầu. Bấy giờ quân Đinh Văn Giai không có công trạng gì. Quân của Cầu càng đầy tràn cõi bắc, lại đến vây Thị Cầu. Ngũ Phúc chia quân làm hai chi, tự mình tiến quân đánh mặt trước. Đàm Xuân Vực (người xã Tương Trúc, huyện Thanh Trì) đánh phía tả, Nguyễn Danh Lệ đánh phía hữu. Cầu thua, sang sông chạy lên phía bắc, quân triều đình giải được vòng vây. Chúa Trịnh Doanh bèn triệu Đinh Văn Giai về[25a], cho Hoàng Ngũ Phúc Quyền trấn Kinh Bắc, rồi sau đó lại cho làm Thống lĩnh Bắc lộ.

[23a] A.1415 chép: ba ngày.

Sau sự việc này, A.1210 và A4 còn chép thêm việc Đinh Văn Giai thua trận như sau: Đinh Văn Giai đánh nhau với Nguyễn Hữu Cầu ở Xương Giang. Giai bị thua. Khi trước, chúa mới nối ngôi, thấy Giai là con dòng tướng võ, có danh vọng, rất trọng vọng, trông cậy. Đến khi Nguyễn Hữu Cầu chiếm cứ Xương Giang, Giai được chúa phong hàm Thượng tướng, ủy cho chuyên trách đánh dẹp. Thế quân rất thịnh, nhưng Giai đến nơi lại án binh bất động, nhiều người lấy làm ngờ. Đến khi có chỉ đốc chiến, Giai hẹn ngày hội tiễu. Nguyễn Hữu Cầu giả sai người khiêng một chiếc kiệu từ ngõ vào chỗ Cầu, một lát sau ra. Sau đó cầu hí hả khoe với bộ hạ của mình rằng: "Đinh Văn Giai đã ước hẹn xin hàng, nhưng sợ vợ con y bị liên lụy chưa dám ra mặt tới hàng, đã bí mật hẹn rằng khi ra trận sẽ để bị bắt nhằm bịt dư luận. Vậy khi ra trận các ngươi cứ theo sự hướng dẫn của ta, bắt lấy y đem về. Chuyến này người ta sẽ biết ai cao tay; Việc thiên hạ không cần bàn nữa". Đồng bọn của Cầu cho là thực, đến khi vào trận, cứ tranh nhau theo lá cờ và voi... của Đinh Văn Giai cướp mà xông vào. Thành thử quân của Giai một người phải chọi trăm, bị tan tác. Một người con của Giai cùng với người quản voi ngồi sau bành, bị giặc giết. Giặc vây quanh voi đông như kiến, rồi leo lên. Giai vẫn không hoảng sợ, đưa lá cờ cho người quản voi ngồi phía trước, còn mình thì múa phi thương giết rất nhiều giặc ở hai bên. Hai người con của Giai ở phía sau trận, hô lớn xông lên. Bấy giờ giặc hơi núng, bỏ đi. Giai thu quân tàn mác trở về dinh. Tin ấy báo về. Chúa rất giận, xuống chỉ khiển trách nặng. Trận ấy Giai bị coi là chậm tiến công, đùa với giặc, để cho giặc nuôi lớn cái chí phản gián cuối cùng đưa đến thất bại.

[25a] A.1210 thêm: biếm chức Đinh Văn Giai và Ngô Đình Oánh mỗi người 3 "thứ".

26. Cho Quán Nhạc hầu Văn Đình Ức làm Lưu thủ Thái Nguyên.

27. Tả thị lang bộ Công Nguyễn Ngọc Huyễn chết, tặng Thượng thư bộ Công, tước quận công.

28. Năm ấy xứ Thuận Quảng có điềm lành: cây sung nở hoa. Đại thần Hương danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh đem các quan dâng sách **[tờ 69b]** khuyên mời [Phúc Khoát] lên ngôi chúa. Sách văn có câu rằng: "Chính danh phận ở lúc đất nước đang đổi mới. Dấy lễ nhạc vào hồi trăm năm đã chứa đức". Lại có câu: "Thành Thang từ bảy mươi dặm đất đai, dựng cơ đồ dòng chim huyền điểu. Huống chúa ta có ba ngàn dặm dư đồ, sao còn đứng ở vị hoàn khuê[28b]". Chúa bèn chính vương hiệu; xưng làm "Hiếu vương", đúc ấn quốc vương, gọi chỗ ở là "điện". Thần dân có khai báo điều gì thì đổi chữ "thần" làm chữ "tẩu". Văn thư đưa cho thuộc quốc xưng là "thiên vương" truy tôn Chiêu Huân Tĩnh công[28c] làm Triệu Tổ vương. Cẩn Nghĩa Công[28d] làm Gia dụ Thái vương. Thụy quốc công[28d] làm Hiếu Văn Vương. Nhân quốc công[28e] làm Hiếu Chiêu vương. Dũng quốc công[28g] làm Hiếu Triết vương; Hoằng quốc công[28h] làm Hiếu Minh vương. Đính quốc công[28k] làm Hiếu Ninh vương. Phong thân nhân làm quận công. Đặt chức Tả nội, Tả ngoại, Hữu nội, Hữu ngoại, cho làm tứ trụ đại thần. Thân quân gọi là Ngự lâm quân. Đổi Ký lục làm bộ Lại, Vệ úy là bộ Lễ, Đô tri làm [tờ 70a] bộ Hình, Phó đoán sự làm bộ Hộ. Đặt thêm bộ Binh, bộ Công. Đổi hàng văn chức làm Hàn lâm viện. Bộ, viện dẫu có đặt đủ, mà thường sai Tín thần [hoạn quan] chia làm những việc ấy. Người trưởng thiếp ngự [vợ cả] xưng là "Tả hành lang", các vợ thiếp thì xưng là "Hữu hành lang", không đặt vương phi và thế tử. Con trưởng xưng là "đại công tử" còn thì lấy thứ tự: nhi, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu... công tử mà gọi là công tử, công tôn. Nam thì gọi là nữ, nữ thì gọi là nam. Lại nhân có người truyền đọc câu sấm "Bát thế hoàn trung đô" [28l],

---

[28b] Huyền điểu: do điển bà Giản Địch nuốt trứng chim huyền điểu, đẻ ra ông tổ nhà Thương. Đây chỉ nhà Thương.
Hoàn Khuê: cái hốt bằng ngọc khuê, ý nói địa vị tước công.
[28c] *Chiêu Huân Tĩnh Công*: Nguyễn Kim.
[28d] *Cẩn Nghĩa công:* Nguyễn Hoàng.
[28d] *Thụy quốc công:* Nguyễn Phúc Nguyên.
[28e] *Nhân Quốc công:* Nguyễn Phúc Lan.
[28g] *Dũng quốc công:* Nguyễn Phúc Tần.
[28h] *Hoằng quốc công*: Nguyễn Phúc Trăn.
[28k] *Đính quốc công*: Nguyễn Phúc Chú.
[28l] *Bát thế hoàn trung đô*: sau 8 đời lại trở về với trung đô.

chúa bèn đổi phong tục, đổi y phục, hạ lệnh cho quan dân hai xứ Thuận Quảng đều ăn mặc theo thể chế nhà Minh, để cả nước cùng đổi mới. Duy niên hiệu vẫn theo niên hiệu Cảnh Hưng, chưa đặt niên hiệu riêng.

29. [Chúa Nguyễn] Cho Vệ uý Nguyễn Đăng Thịnh quản việc bộ Lễ, nhắc Tri phủ Nguyễn Cư Trinh làm Tuần phủ Quảng Ngãi; Văn chức Nguyễn Quang Tiền sung vào Hàn lâm viện, tước Thạc Đức hầu. Nguyễn Cư Trinh người xã An Hòa huyện Hương Trà, hiệu Đạm Am, tổ sáu đời là Trịnh Cam người xã Phù Lưu Tràng, huyện Thiên Lộc, trấn Nghệ An, làm Thượng thư bộ Binh đời Lê trước. Gặp lúc Mạc cướp ngôi nhà Lê, tránh vào ở Thuận Hóa, đến cha Cư Trinh mới đổi ra họ Nguyễn. Đời chúa Hiếu Minh vương, làm Tri huyện ký lục. Cư Trinh ít tuổi giỏi văn [tờ 70b], thi đỗ sinh đồ. Lúc lớn học rộng, hay thơ, lại có mưu lược, trước làm Tri phủ, đến đây thăng Tuần phủ. Nguyễn Đăng Thịnh là chú Cư Trinh học rộng giỏi văn, đỗ hương cử, làm quan qua các chức Tri huyện, Cai bạ, Vệ úy. Có tập thơ Vịnh sử thi tập, lời thơ khắc khổ ảm đạm, từ điệu cũng khá.

Nguyễn Quang Tiền người xã Phù Ninh, huyện Quảng Điền, đời chúa Hiếu Minh ra làm quan, đã vâng lệnh soạn bài văn cầu phong. Đến khi vào viện Hàn lâm, những văn thư phúc đáp phiên bang phần nhiều do một tay ông soạn thảo.

30. Nhân phải viết thư phúc đáp cho viên Đốc bộ Mân Quảng, [chúa Nguyễn] sai bề tôi giữ việc từ hàn dùng mấy chữ "An Nam quốc vương" trong thư đáp lại, Nguyễn Quang Tiền cho là không nên. Vì cớ vua Lê ở kinh thành Thăng Long hiện đã nhận sắc phong của Nhà thanh làm "An Nam quốc vương" rồi. Nay ta lại xưng như vậy, nếu họ hỏi thì trả lời sao? Tiền không chịu viết. Chúa giận, cách tước, đuổi về quê. Nhưng sau đó khi đưa thư cho Mân Quảng vẫn xưng là "Thuận Quảng tư mục"[30a], hoặc xưng là "Thuận Quảng đạo tiết chế, Thái phó Nguyễn quốc công".

31. [Chúa Nguyễn] dóng dô trên đất xã Phú Xuân, huyện Hương Trà xứ thuận Hóa. (Phú Xuân nay là xã Thụy Lôi, là kiểu đất lớn, bày ra như bàn tay, rộng ước hơn 10 dặm. Đời Lê Chính Hòa năm thứ 8 [1687] chúa Hiếu Nghĩa bắt đầu lập trấn dinh ở đấy. Đất đặt dinh hơi cao, bốn bề đều thấp, là kiểu đất một đám nhô lên ở chỗ bằng phẳng, tọa kiền hướng tốn[31a], cưỡi ngang sống rồng, trông xuống bến sông. Toàn bộ thu

---

[30a] *Thuận Quảng tư mục:* đầu mục xứ Thuận Hóa, Quảng Nam.

[31a] *Tọa Kiền hướng Tốn:* hướng tây bắc - đông nam.

về hổ thủy(31b), mé trước bên hữu có nhiều núi non bảo vệ, cầu phục la liệt, vật lực cũng vì thế rất giàu thịnh. Chỗ phủ chúa ở có các điện Kim Hoa, Quang Hòa **[tờ 71a]** có ba gác Dao Trì, Triêu Dương, Quang Thiên, có các nhà Sướng Xuân đài, Thụy Vân đình, Đồng Lạc hiên, Nội viện am, Giáng Hương gia và công đường, học xá, thuế trường, ở thượng lưu bờ nam sông, xã Phú Xuân có phủ Tập tượng (tập voi), phủ Dương Xuân, Phủ Cam, điện Trường Lạc, hiên Duyệt Võ, đục chạm vẽ vời vô cùng khéo léo. Nền các tòa ấy đều lát đá bằng, trên lát ván gỗ kiền kiền. Chỗ giọt mái đều dùng thiếc làm máng hứng nước mưa. Trong vườn trồng các thứ cây như sung, mít, đều to vài ôm. Vườn sau có núi giả, đá lạ, ao vuông, hào quanh co, cầu vồng, nhà thủy tạ. Trong ngoài có nhiều lớp tường đều xây dày mấy thước, dùng vôi và mảnh sứ đắp hình long, hổ, phượng, lân, hoa cỏ. Ở thượng lưu và hạ lưu chính dinh [phủ chúa] đều dựng nhà lính(31c) bày như bàn cờ. Nhà xưởng thủy quân, xưởng thuyền, kho thóc đặt đối diện ở bờ sông các xã Phú Xuân, Hà Khê, Thọ Khang. Đằng trước chính dinh, chợ phố trên dưới liên lạc, nhà ngói tiếp nhau như vây cá, đường cái to đi ở giữa. Cây to bóng mát tả hữu thành hàng. Mành buôn **[tờ 71b]** đò ngang qua lại như mắc cửi. Nhà vườn của công tộc quý thần đều ở thượng lưu hạ lưu sông Phú Xuân, cùng hai bờ con sông nhỏ.

32. Nguyễn Quang Tiền đề thơ ở Giáng Hương gia có câu rằng:

Tổ Nga trường quải thiên thu giám(32a),
Kim mẫu(32b) *tần xứng vạn tuế tràng.*

Nghĩa là:

Gương ngàn đời Tổ Nga treo mãi,
Chén vạn tuế Kim Mẫu thường dâng.

Về sau Nội thị viện Hàn lâm là Trần Thiên Lộc đề vào hiên phía đông điện Trường Lạc bài thơ rằng:

Phiên âm:

Vũ lâm tiên trượng nhiễu Bồng Lai,
Nhất phái tiêu thiều phát thự lại.
Thần tọa cao lâm nam cực quýnh,

(31b) *Sống rồng hổ thủy*, chỉ kiểu "tả thanh long, hữu bạch hổ" theo quan niệm phong thủy.
(31c) *Nhà lính*: dịch chữ quân phòng, tức buồng nhà cho quân đội.
(32a) *Tổ Nga:* chỉ mặt trăng. Chữ Giám ĐNTL là Kính.
(32b) *Kim mẫu* tức nữ thần Tây Vương mẫu (ĐNTL chép là Vương mẫu).

Lô yên bất động ngũ vân khai.
Nguyệt luân thường bão thiên thu kính,
Lộ chưởng dao thiêm vạn thọ bôi.
Tối tiện thị thần đa sùng ốc[32c],
Minh kha tân hướng phượng tri hồi.

Dịch:

Vũ lâm nghi trượng cõi tiên liền,
Gọi sáng tiêu thiều tiếng vắng lên.
Nam cực vẻ sao sa sáng tỏ,
Năm mây lò khói tỏ bay lên.
Ngàn thu ôm mãi vầng trăng bạc,
Muôn tuổi dâng thêm giọt móc tiên.
Hầu cận nhiều mong nhiều sùng lộc,
Ngọc khua ao phượng[32d] *ngựa băng miền.*

Lại có thơ rằng:

Phiên âm:

Phượng liễn sơ hồi tiên lộ bình,
Hổ vi triều diện thự hoa sinh.
Dao biên phong độ vân hương tế,
Phù tọa yên phù ngọc kỷ hoành.
Liễu nhiễu văn tinh hoàn Bắc cực,
Ân cần thiện ngữ há Tây thành.
Thư sinh kinh thuật tàm vô bổ,
Hà hạnh thanh niên thị thánh minh.

Dịch:

Kiệu phượng đường tiên trở lại nhanh,
Trướng hùm trong điện buổi bình minh.
Gió qua sách quý hương thơm ngát,
Khói phủ nơi ngồi ghế quấn quanh.
Vây bọc sao văn[32e] *chầu Bắc cực,*
Ân cần lời ngọc xuống Tây thành[32g]

[32c] *ĐNTL* chép là: Tối thị thần vi sùng ốc.
[32d] *Ao phượng*: chỉ ngôi tể tướng.
[32e] *Sao văn*: chỉ các quan văn.
[32g] *Tây thành*: Chỉ nơi cung cấm.

Thư sinh những thẹn không tài cán,
May được chầu hầu lúc tuổi xanh.

Thiên Lộc đề thơ cộng 4 bài, đều viết vào tường, ốp đá lên thành hình chữ.

[tờ 72a] Ất Sửu [Cảnh Hưng] năm thứ 6 [1745] (Thanh, Kiền Long thứ 10)

1. Mùa xuân, tháng giêng, Lưu thủ Thái Nguyên là Văn Đình Ức thu phục trấn thành. Trước đây dòng họ Mạc đã phá Võ Nhai, Đốc trấn Lê Hữu Kiều vì ốm xin về. Thái Nguyên thất thủ. Chúa sai Văn Đình Ức tiến đánh, Ức dẫn quân sang sông Giang Dã[1a], cùng hội với quân Hoàng Ngũ Phúc, theo đường xã Úc Kỳ thẳng tiến đến Thái Nguyên. Quân Mạc trốn, bèn lấy lại trấn thành. Ức là con Văn Đình Dận. Trong số các tướng, Ức là người trẻ tuổi nhất, nhưng có mưu trí, nhiều lần đi đánh giặc đều có công[1b].

2. Thăng chức cho Đốc đồng Cao bằng là Trần Danh Lâm lên hai cấp, phong tước hầu. Trước đây giặc vây Cao Bằng hơn hai tháng, trong thành thiếu lương ăn. Lâm khuyên bảo thổ binh, chiến sĩ hết sức chống giữ, lại tùy tiện đem của kho cấp cho, ngầm sai người đưa thư cho quan các châu Quy Thuận, Trấn An, Long [Châu], Bằng [Tường][2a] Quảng Tây, bắt hết vợ con giặc. Chiêu dụ các họ tù trưởng man làm ngoại ứng, hứa trọng thưởng khi họ lập công. Họ đều vui vẻ làm việc, ngăn đường lấy củi, gánh nước, vận lương của giặc. Giặc sợ, thu quân rút đi. Tin thắng báo lên, đặc biệt nêu khen. Lâm lại đưa quân đánh bắt đảng giặc. Bốn châu Cao Bằng đều dẹp yên. Lại chiêu phủ dân lưu tán cho họ trở về yên nghiệp.

3. Tháng hai, ban cho phiên thần Thái Nguyên là Ma Thế Lộc tước quận công. Từ khi biên giới có việc, phiên thần nhiều lần cố gắng đánh dẹp. Thế Lộc có công lao hơn cả, cho nên mới có mệnh này.

4. Cho Thị lang Nhuyễn Đình hầu Trịnh Ngô Dung[4a] cùng Hà Tông Huân, Nhữ Đình Toàn đều giữ chức Hành Tham tụng phủ Liêu[4b].

[1a] *Giáng Dã:* CM chép Dã Giang, gồm các xã Thượng Dã, Trung Dã, Hạ Dã huyện Thiên Phúc.

[1b] A4 thêm: "Cùng với Phan Phái hầu Nguyễn Phan nổi tiếng ngang nhau.

[2a] A.1210 và A4 chép "Long bình có lẽ sai. Vì Long Bình thuộc tỉnh Trực Lệ.

[4a] *Trịnh Ngô Dụng*: người xã Vân Tràng, huyện Hiệp Hòa, (Bắc Giang), đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1721), Nguyễn Đình Hầu bản trục chép là Nhuyễn quận công.

[4b] A1210 thêm: Hà Tông Huân có tài về văn học làm đốc đông Sơn Nam, vì tội uống rượu, bị bãi. Đình Toàn làm Tán lý, điều hành công việc có sai lầm, quân thua, bị giặc bắt. Tuy có thuyết phục được giặc hàng, nhưng cũng vì thế bị liên lụy. Chúa nghĩ cách cất nhắc người bị khuất trệ, cho rằng hai người này có học thuật nên đặc biệt để bạt sử dụng. Hà Tông Huân điều trần các việc thời sự rất hợp ý chúa.

5. Con chúa Trịnh Doanh là Trịnh Sâm ra ở ngôi thế tử. Chúa sai Phủ doãn phủ Phụng Thiên là Dương Công Chú[5a] và Cấp sự trung Nguyễn Hoàn[5b] làm Tả, Hữu Tư giảng [cho Trịnh Sâm].

6. Chúa cho Hoàng Ngũ Phúc kiêm Trấn thủ Hải Dương, Kinh Bắc; Phạm Đình Trọng làm Hiệp trấn Hải Dương.

7. Mùa hạ tháng sáu, Thượng thư Đào Hoàng Thực lấy cớ tuổi già, xin từ các ban thứ của triều đình, chỉ lấy địa vị Ngũ Lão giữ việc chầu chực. Chúa ưng cho[7a].

8. Mùa thu tháng bảy, thăng Bình quận công Vũ Tất Thận[8a] (đã ban cho họ chúa là Trịnh Thiết), làm Tả Đô đốc quản lĩnh Tôn nhân phủ, chức Hữu tôn Chính. Tiếp đó sai ông ta xét duyệt con cháu công thần, các chi tôn thất, ai dùng được thì xin chọn bổ [tờ 37a].

9. Tháng tám, bọn Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Đình Trọng đánh tan Nguyễn Hữu Cầu ở thành Xương Giang, Cầu trốn đi ban đêm. Cầu sai đồ đảng là tên Thông đem hơn 100 thuyền nhẹ chở các thứ quý, thuận dòng sông mà xuống. Quan quân lại dồn đánh, bắt tù binh rất nhiều. Thông bỏ thuyền chạy. Quan quân thu được quân nhu khí giới nhiều không kể xiết.

10. Cho Phạm Đình Trọng làm Hiệp Thống lĩnh hai đạo Đông và Bắc[10a]. Trước đây Cầu mất căn cứ Xương Giang, chạy lên Thái Nguyên, rồi lại xuất hiện ở An Quảng, đóng quân ở Hạc Động, dựa vào biển để cố thủ. Thường đem thuyền nhẹ đi đánh phá Đông Nam, đi đến đâu của cải dân đều bị cướp sạch. Phạm Đình Trọng, Hoàng Ngũ Phúc đem các tướng đến đánh, chém được những tướng kiệt hiệt của cầu là bọn tên Thông gồm hơn 10 người. Khí giới, giáp, mã, hầu hết đều bị quan quân bắt được. Thông là kẻ mạnh tợn, dũng cảm, nhiều mưu. Cầu dựa vào y làm tâm phúc. Đến nay đảng của Cầu thế cô, bèn trốn tránh, không ở nhất định chỗ nào. Những người đi theo dần dần ly tán[10b].

(5a) *Dương Công Chú:* cũng đọc là Thụ, người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Tân Hợi (1731).

(5b) *Nguyễn Hoàn*: cũng đọc là Hoàn, người xã Hương Khê, Huyện Nông Cống, Thanh Hóa, đỗ tiến sĩ khoa Quý Hợi (1743).

(7a) A.1210 và A4 chỉ có một câu "ban cho Đào Hoàng Thực quốc lão".

(8a) *Vũ Tất Thận*: là em ruột Vũ Thị (vợ Trịnh Doanh) cậu ruột Trịnh Sâm. A.1210 chép: "Thăng Trịnh Thiết làm Đại Tư đồ". CM thêm: "cho đổi họ tên là Trịnh Áo".

(10a) A.1210: " Cho Phạm Đình Trọng làm Hiệp Thống lĩnh 3 đạo Đông, Nam và Bắc".

(10b) Chỗ này A.1210 thêm một câu: ... "Rồi về sau bắt được. Công lao của Đình Trọng và Ngũ Phúc rất lớn". Sau đó A.1210 còn chép thêm một sự việc như sau: "Tháng chín, đổi Hà Tông Huấn tước Kim Khê bá, chức Hành tham tụng. Tả thị lang bộ Binh làm Tham đốc, tước hầu, giữ chức Nhập thị đồng tham tụng.

11. Mùa đông, tháng mười một[11a], Phấn quận công Trương Nhiêu chết. Nhiêu là người thanh liêm, cẩn thận, có nho phong, cùng con là Khuông lần lượt tiết chế cõi ngoài, đều làm Tham tụng. Ngươi bấy giờ [tờ 73b] cho là vinh hạnh. Chúa tặng cho hàm Thái phó, gia phong làm phúc thần (Trương Nhiêu người xã Như Kinh, huyện Gia Lâm).

12. Chúa sai Hàn lâm hiệu thảo Nguyễn Danh Hiển[12a] đi tuyên dụ quân sĩ đạo Tam Dương, Thái Nguyên. Bấy giờ quân đạo phía Tây thì đánh "giặc" Ngũ, phía Bắc thì đuổi Hữu Cầu, bôn tẩu nhọc nhằn, nhiều người bị lam chướng, sốt rét. Chúa Trịnh Doanh rất thương, bèn sai quan đi hiểu dụ, tuyên dương đức ý. Nhân đem thuốc của y viện ban cấp cho.

13. Tháng mười hai, các quan chính phủ tâu rằng: Đầu đời Hồng Phúc, quan văn võ được phong tước công, hầu, bá thì phong ấm cho ông bà, cha mẹ, vợ con đích tôn. Ai chưa có tước thì theo phẩm. Từ nhất phẩm đến tứ phẩm đều có cấp bậc. Trung gian, vì quan võ, nội giám dự phong tước nhiều, mới đổi định cách thức nhiêu ấm: nhất phẩm, nhị phẩm theo tước, tam phẩm tứ phẩm theo chức, vẫn chưa thỏa đáng. Xin từ nay: công, hầu, bá do đặc cách phong cho, theo tước mà phong ấm, còn thì theo lệ cũ. Chúa nghe theo.

14. Sai võ thần chia phiên, diễn võ nghệ ở sân Trạch Các.

15. "Giặc" lại đánh phá Lạng Sơn. Đốc trấn Phan Phái hầu Nguyễn Phan đánh tan giặc, thu phục trấn thành [tờ 74a].

16. Đại tướng quân Hoàng Công Kỳ (người xã Trình Tuyền huyện Thần Khê) đánh "giặc", thua ở Tam Quế, chết. Kỳ có mưu lược làm tướng, nhiều lần lập chiến công, quân sĩ đều tin tưởng trọng vọng. Đến khi làm Trấn thủ Sơn Nam thì dẹp được "giặc cỏ", nhờ đó dân được yên ổn. Nhưng Kỳ có tính khinh dịch. Nay đem vài mươi người cưỡi voi ra xem dinh lũy, bị phục binh của giặc bắt được. Kỳ không chịu khuất phục, bị chết. Lúc ấy Kỳ hơn 60 tuổi. Tặng tước công hai chữ[16a].

(11a) *tháng 11*, bản trục chép "tháng 12", chắc là nhầm.

(12a) *Nguyễn Danh Hiển*, A.1210 chép là "Nguyễn Danh Thực".

(16a) A.1210 chép mở đầu như sau: "Trấn thủ Sơn Nam. Đại tướng quân Trịnh quận công Hoàng Công Kỳ bị giặc bắt, không chịu khuất, nên chết..." và chú thích ở cuối: (Hoàng Công Kỳ người xã Lê Nguyên huyện Thần Khê).

Bính Dần, [Cảnh Hưng] Năm thứ 7 [1746], (Thanh, Kiền Long thứ 11)

1. Mùa xuân, tháng giêng ngày mồng 1 (20 - II - 1746) nhật thực.

Bãi việc mộ lính đánh trận. Trước đây chiêu mộ người có sức chiến đấu, chia đặt các đội. [Bấy giờ các quan] bàn cho rằng những lính mộ ấy đều là con em thị dân, lúc có việc thì không thể dùng được. Bèn cho về cả.

2. Tháng hai, đem lính các vệ lệ thuộc vào quan Đốc trấn các đạo, cho một nửa đi đánh "giặc", một nửa về làm ruộng, cùng thay đổi nhau.

3. Bắt đầu dựng miếu thờ Quan Công. Lúc này chúa Trịnh Doanh để ý vào binh thư, hâm mộ lòng trung nghĩa của Quan Công, sai lập miếu thờ.

4. Nghiêm sức 14 điều về thể lệ xét kiện[4a]. **[tờ 74a]**

5. Tháng ba, thi Hội các cử nhân. Lấy bọn Trần Danh Tố[5a] 4 người hợp cách. Sao Thái Bạch mọc ban ngày.

6. Lúc này quan hai ty Đô, Hiến nhận nhàm[6a] các đơn kiện tập trung để đòi xét kiếm tiền, dân gian bị phiền nhiễu khổ sở. Chúa sai Ngự sử đài nghiêm sức. Những việc nhận đơn nhàm đương xét, bị kháng cáo, hay là xử rồi, đều phải phạt tiền có khác nhau và giữ lại án ấy[6b].

[4a] A.1210 và A4 chép rõ thêm như sau: Cấm tố cáo những điều không bức thiết. Trước đây, từ khi phép Hộ phần [xem chú (4a) năm 1679 và 1743/1a] thay đổi, quan không có lương bổng thường xuyên, lấy việc xử kiện làm lộc, quen thành lệ thường. Việc tra khám, xử kiện, giữ lại, đệ lên, bác đi, phần nhiều lý không thỏa đáng; trong các văn thư của chính phủ thì hồ sơ kiện cáo chiếm một nửa. Những người có trách nhiệm giải quyết phát chán. Triều đình bàn: "Nếu không phải là việc cấp thiết thì không được tố cáo bừa", làm thế để hy vọng chấm dứt việc kiện tụng. Nhưng cuối cùng không thể thay thế được. Mà các vụ trọng án giết người, đánh người thành thương, thì người bị hại không dám tố cáo, mà quan khám cũng không dám hỏi. Vũ Khâm Lân giữ việc tuyển chọn người, khi khảo hạch ra đề thi có câu: "người giữ chức quan, thấy xảy ra các vụ giết người, đánh người bị thương nếu bên khỏe chủ nhận hối lộ, không tố cáo, mà cứ xét xử (tr.69) trị tội, thì không đúng lẽ. Nếu chỉ ngồi trông thì bỏ pháp luật. Vậy thì làm thế nào cho phải". Ông đưa ra câu hỏi ấy là để chỉ trích cái tệ cẩu thả, bẻ cong pháp luật đó. Về sau Lân chấp chính, cuối cùng cũng không sửa được. Đó là tình thế nên như vậy.

[5a] Trần Danh Tố: người xã Ngọc Điền, huyện Thạch Hà (Hà Tĩnh).

[6a] Nhận nhàm: dịch chữ "phiếm thụ" ý nói nhận các đơn kiện không đúng quy định.

[6b] Sau sự kiện trên, A.1210 và A4 còn chép sự việc Nguyễn Hữu Cầu xin hàng, mà các bản khác không có, như sau: "Nguyễn Hữu Cầu xin hàng Nguyễn Phương Đĩnh. Chúa sai Thiêm tri Nguyễn Phi Sáng chiêu dụ Nguyễn Hữu Cầu, bảo Phạm Đình Trọng hoãn tấn công. Nhưng Phạm Đình Trọng không nghe.

7. Mùa hạ, tháng năm, thi Điện. Cho Đoàn Chú[7a] đỗ tiến sĩ xuất thân, Bọn Trần Danh Tố 3 người dỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

8. Tháng sáu, định phép đánh thuế muối. Đặt quan Giám tri diêm chính[8a]. Cho Phạm Doãn Vĩ, Lê Thì Bảo, Vũ Khâm Lân chia nhau coi [thuế muối] các đạo Thanh, Nghệ, Sơn Nam, báo cho các lờ nấu muối ở bãi biển, mỗi năm nộp thuế 40 hộc, mỗi hộc 180 đồng tiền, đông, hè hai kỳ thu thuế chứa ở kho công sở tại. Riêng đạo Sơn Nam thì nộp về Hộ phiên.

9. Mùa thu tháng tám, chúa Trịnh Doanh bảo các quan trong Chính phủ rằng: quan Thừa ty là kỷ cương của phủ huyện, dân sinh lợi hại ra sao là do ở đấy cả. Từ nay **[tờ 75a]** cho các ngươi bảo cử người làm Thừa ty, cốt được người.

10. Mùa đông, tháng mười, định lại ngạch thuế điền trang xứ Thanh Hoa. Từ khi có việc dụng binh đến nay, ruộng đồng bỏ hoang, tô thuế thu vào kém hẳn khi trước. Sai quan trì phủ An Trường [Thanh Hoa] [10a] khám kỹ khai nộp, bổ thuế có thứ bậc.

11. Tham tụng Trịnh Ngô Dụng chết, tặng Thượng thư, tước quận công[11a].

Trước đó Nguyễn Hữu Cầu ngông ngược hoành hành ở vùng đông và bắc, chiếm cứ Xương Giang, lại ra Đồ Sơn, tụ tán bất thường. Đến nay sức đuối xin hàng. Có Đĩnh ở trong chủ trì xin với chúa. Chúa bằng lòng cho. Đặc mệnh xóa tội cho Cầu cùng bọn Hoàng Phùng Cơ, ban hiệu cho Cầu là Ninh Đông tướng quân, phong tước Hướng Nghĩa hầu. Các tướng hiệu được thăng quan, ban thưởng rất hậu. Chúa bảo Hữu Cầu tới kinh đô. Hữu Cầu thực không có ý muốn hàng, bèn từ chối với lý do Phạm Đình Trọng chặn đường. Chúa sai Nguyễn Phi Sảng đem chỉ tới triệu Nguyễn Hữu Cầu và bảo Phạm Đình Trọng hoãn tấn công.

... Trước đây Cầu nhiều lần bị Trọng đánh bại, tức giận dào mả mẹ của Trọng đổ xuống sông. Trọng khóc, tố cáo với chúa, thề quyết diệt cho được Cầu. Chúa bằng lòng cho. Đến nay, Nguyễn Phi Sảng tới chỗ đóng quân, tuyên bố ý chỉ của Chúa. Trọng nói "Tướng ở ngoài có lúc không theo lệnh vua", tôi với Cầu không đội trời chung. Tôi đã từng nói rõ điều đó với Chúa rồi. Ông cứ mang chiếu tới chiêu dụ nó. Tôi cứ vâng mệnh diệt giặc. Nếu như ngay ngày mai tình thế có thể thừa cơ đánh được, tôi cũng không vì vướng có ông mà trì hoãn. Sảng và người đi theo trông nhau mà tái mặt. Nhưng Sảng vẫn quả quyết đến nói với Cầu, nói cả những ý của Chúa và lời của Trọng. Nói chưa dứt lời thì Trọng đem binh ập tới đánh úp Cầu. Cầu sai người theo đường tắt đưa Sảng ra ngoài, Cầu giao chiến chút ít với Trọng. Trọng bị thua to. Cầu lại trốn đi".

[7a] *Đoàn chú*: người xã Phù Lỗ huyện Kim Anh.

[8a] *Giám tri diêm chính*: trông coi việc thu thuế muối.
A.1210 là "giám tri diêm đạo".

[10a] A.1210 là "mệnh An phủ quan" (Sai quan An phủ).

[11a] A.1210 là "mệnh An phủ quan" (Sai quan An phủ).

12. Tháng mười một, người man Cao Châu[12a] và Lạc Hòn[12b] đến dâng phương vật. (Hai xứ này đều ở miền thượng du phía tây Nghệ An, tiếp giáp châu Quy Hợp, Trấn Ninh, biên giới nước Vạn Tượng).

13. Thị lang Lê Trọng Thứ tâu: "Việc lý tài cốt lấy nuôi dân làm đầu. Nay dân đã chịu thuế điền, lại bổ gia tô, lại gồm thuế lò nấu muối. Một mảnh ruộng chia ba thứ thuế, dân chịu sao được. Lại còn cấp dưỡng binh phu, rất phiền phí. Dẫu có chỉ khoan xá binh dịch, nhưng chưa thấy miễn trừ. Xin cho làm ngay đi để dân đỡ quẫn bách". Chúa nghe theo.

14. Cho Vũ Khâm Lân làm Tham tụng phù Liêu.

15. Chúa Trịnh Doanh hạ lệnh dụ thần dân, đại lược rằng: "điều "tín" là của báu của nước. Đế vương đời xưa đều dùng đạo ấy. Ta từ ngày thân nắm triều chính, [tờ 75b] đến nay, ngày đêm kính sợ, khuya sớm chăm lo, mong đạt được lẽ đó. Thế mà bụi ngoài biên chưa quét sạch, bệnh đau khổ của dân chưa chữa khỏi, không có gì khác, chỉ vì không giữ được điều tín mà thôi. Từ nay những việc bổ bán, thưởng phạt cùng các việc quân cơ, dân chính, đều cho các quan có tham dự cơ mật được bàn định kỹ càng, trình bầy nên chăng ngay trước mặt. Lệnh ra là phải làm, khiến cho ai cũng biết mà noi theo. Ai theo thói cũ mang lòng thiên tư, thì dẫu là người quyền quý thân sủng cũng xử theo pháp luật."

16. Đem 7 điều sức rõ cho quan Đề lĩnh thi hành để trong kinh kỳ được nghiêm túc trong sáng[16a].

17. Khảo trong cả nước có người nào tinh thông thuật thiên văn, phong vũ, thái ất, bói toán, bấm độn, ai trúng thì trao cho quan chức.

Đinh Mão [Cảnh Hưng] Năm thứ 8 [1747] (Thanh Kiền Long thứ 12)

1. Mùa xuân, tháng giêng, cấm chư quân dựa vào việc bắt đinh phu làm nghĩa vụ đánh giặc[1a] để nhiễu dân.

2. Lái buôn tỉnh Phúc Kiến là Lý Văn Quang trú ngụ ở bãi Đại Phố (cũng gọi là Đông Phố, lại gọi là Lễ Châu, tục gọi là Cù lao Phố) thuộc

---

[12a] *Cao Châu:* tức Trịnh Cao.

[12b] *Lạc Hòn:* xem chú (8a) năm 1700.

[16a] A.1210 chú thêm như sau: "Ví như cấm bọn gian tế, đến ngụ cư trong nhà dân nơi kinh kỳ và lính đi tuần làm cản hoặc tuần hành qua loa, sơ hở. Ban đêm không được ngủ ở ngoài thành, cửa thành ra vào phải đóng mở có giờ giấc.

[1a] *Nghĩa vụ đánh giặc:* dịch từ chữ "nghĩa chiến".

trấn Biên (nay là Biên Hòa) tự xưng là Đông Phố đại vương, dùng Hà Huy làm quân sự, Tạ Tam, Tạ Tứ làm Tả Hữu đô đốc, đem đồ đảng hơn 300 người đi đánh úp dinh Trấn Biên [tờ 76a], giết cai đội Nguyễn Cư Cẩn, tướng giữ dinh là Cường Uy hầu Nguyễn (khuyết tên)[2a], đốt bỏ cầu ván, giữ dinh để chống cự. Cai đạo Mũi Xoài là Tông Phúc Đại họp quân đánh dẹp yên. Bắt được Lý Văn Quang, Hà Huy, Tạ Tứ là đồ đảng 57 người, giải về kinh đô Phú Xuân. Chúa Nguyễn không nỡ giết, bèn hạ gục, đưa công văn sang cho vua nhà Thanh.

3. Tháng ba[3a] người man Lạc Hòn đến cống phương vật, và xin qui định kỳ hạn cống. Triều đình bàn cho cứ 3 năm một lần cống voi khỏe, cũng như lệ đối với Trấn Ninh, Cao Châu. Còn ngoài ra như tê giác, vải hoa, sáp vàng, chiêng đồng, cho tùy thổ nghi, có thứ gì thì phụ cống thứ ấy, không vào lệ thường. Sau các tù trưởng ấy xin dâng voi trắng. Chúa Trịnh Doanh nói : "Hán Văn Đế không nhận ngựa thiên lý, Đường Thái Tông bãi bỏ việc tứ di[3b] cống hiến phương vật. Nay ta theo gương người xưa, hòa với muôn nước, vật lạ không đáng quý". Bèn khước đi không nhận voi.

4. Tháng tư, Trấn mục Hà Tiên là Mạc Thiên Tứ ủy người đi thuyền Long bài chở các vật quý (ngọc thủy hỏa và ngọc toàn chiếu mỗi thứ một viên, chim anh vũ 5 sắc, mỗi sắc một con, gà tây, chó tây đều một con, hạc 3 con [tờ 76b] và vải Tây Dương, mây vằn, chiếu hoa các hạng) đến Phú Xuân dâng nộp. Chúa Nguyễn thưởng cho gấm đoạn, bảo khí, cho về trấn.

5. Mùa thu tháng bảy, giảm thuế muối. Trước đây nhà làm muối mỗi lò một năm phải nộp thuế 12 quan tiền, lại còn phải nộp thuế ruộng muối nữa. Dân lo vì nặng. Chúa Trịnh Doanh bèn sai giảm nguyên ngạch. Lại quan hữu ty nào trưng thu đốc thúc hà khắc, sai xét trị tội.

6. Sao Thái Bạch phạm vào chuôi sao Nam Đẩu.

7. Tháng tám, "giặc biển" ở phủ Quy Nhơn tên là Đức, ngụy xưng làm Vũ Vương. Bấy giờ thuyền Long Bài của Mạc Thiên Tứ ở trấn Hà Tiên từ Phú Xuân trở về, đến mặt biển Long Xuyên, Đức đem quân ra biển chẹn cướp người và thuyền. Thiện Tứ sai con rể là Cai đội Từ Hữu

---

(2a) theo *ĐNTL Tiền biên* chép là Nguyễn Cường.

(3a) Tháng 3, A.1210 là tháng 6.

(3b) *Tứ di*: man di bốn phương xung quanh. Trung Quốc (tứ gọi khinh man).

Dụng đem quân tinh nhuệ đi chiến hạm kíp đuổi theo, bắt được đồ đảng của Đức 4 người đem chém. Đức trốn ra vùng biển Ba Thắc. Thiên Tứ đem việc này báo cho quan Điều khiển Gia Định, sai người đi nã. Năm sau, bắt được tên Đức đem giết, đảng của y đều tan [tờ 77a].

8. Tháng chín, định phép khảo xét thành tích về trưng thu các thứ thuế. Sai hữu ty cứ đến cuối năm xét công giám thu thuế đò, thuế chợ, thuế muối, thuế quế, cùng thuế gia tô. Coi sự thể khó dễ, dân lực giàu nghèo, định làm 3 hạng. Mười phần được 9 là "thượng khóa", mười phần được 6 là "trung khóa", được 5 phần trở xuống là "hạ khóa". Thượng khóa được thăng một trật, hạ khóa giáng một trật, trung khóa thì miễn bàn.

9. Đặt chuông, mõ ở điếm cửa tả [phủ đường]. Ai muốn trình bày thời vụ sâu sắc cần thiết và ai có tài nghệ muốn tự tiến cử thì đánh chuông. Ai bị kẻ quyền quý ức hiếp và bị án xử mà tình lý chưa thỏa thì đánh mõ. Những người này đều phải làm giấy tờ niêm phong kín gửi lên. Lại phiên nhận lấy dâng lên chúa.

10. Mùa đông, tháng mười, thi Hương. Mỗi huyện định lấy số suất sĩ tử được đi thi có khác nhau. Trước đây cho thi theo chế độ tứ trường, con em thế gia có lợi trong việc thi, đến kỳ thi khảo hạch thường cầu cạnh quan huyện lấy trúng. Nhiều người vô học cũng lạm dự, mà người học giỏi nhưng nghèo thì bị bỏ sót. Chúa Trịnh Doanh biết cái tệ ấy, bèn bãi phép thi tứ trường và cho khôi phục phép thi sào thông, như trung gian đã thi hành[10a].

[10a] A.1210 chép rõ như sau: Thi Hương, bãi bỏ lệ "tứ trường", khôi phục phép "sào thông". Khoảng năm Bảo Thái [1721] bỏ lệ khảo hạch. Huyện lớn lấy 200 người, huyện vừa lấy 150 người, huyện nhỏ lấy 100 người. Người nào thông hiểu luật [làm thơ], đều được sung tuyển. Gọi là "thứ thông", Nhưng lọc lấy những người trội hơn, kê riêng ra một sổ, thi ở 2 ty Thừa, Hiến. Hai ty này cộng đồng thi khảo 2 lượt, ai trúng gọi là "sào thông". Những người đã thi kỳ đệ nhất, đệ nhị, đệ tam, được thi dự thi với hạng "thứ thông". Người có học không bị bỏ sót, cứ lần lượt được trúng tuyển. Đến năm Tân Dậu [1741] khôi phục lại phép thi tứ trường. Những kẻ nhờ thần thế hoặc tiền tài mà đỗ lạm chiếm tới quá nửa. Đến nay triều đình bàn rằng: "Mở ra phép thi tứ trường thì con em nhà thế gia lấn bức con em nhà nghèo hèn. Phép sào thông còn tốt hơn. Sắc chỉ ban ra rồi bèn đổi lại, ra lệnh đình bãi việc thi ở 2 ty, theo như lệ từ năm Mậu Ngọ [1738] trở về trước, khảo hạch lấy người sào thông. Những người có học đều được xét học.

11. [tờ 77b]. Sai chánh sứ Nguyễn Tông Quai, phó sứ Nguyễn Thế Lập, Trần Văn Hoán sang Thanh. Trần Văn Hoán chết trong khi đi đường[11a].

Mậu Thìn [Cảnh Hưng] Năm thứ 9 [1748] (Thanh, Kiền Long thứ 13)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1 [30 - I - 1748] nhật thực.

2. Trước dây vệ binh các phủ chia lệ thuộc về quan sở quản. Các quan cai quản phần nhiều bắt lính làm việc riêng hoặc thả cho họ về quê, mà chỉ thu ở họ tiền cỏ ngựa. Đôi khi lính mượn người nhỏ yếu lần lượt thay mình. Kỷ luật thì sơ sài, không có thực dụng. Đến nay chúa sai đổi đặt cơ đội (400 người làm một cơ[2a], 200 người làm một đội), chọn lấy người khỏe mạnh đem thao diễn, mỗi tháng cấp khẩn lương 6 tiền, khi có việc đi đánh dẹp thì cấp thêm lương cũng như ưu binh.

3. Tháng hai, quan chấp chính tâu: Nay sự chi tiêu của nhà nước đương cần, mà các thuế đánh vào ruộng đất giảm hơn trước nhiều. Xin từ nay ruộng hạng nhất cùng đầm, ao, bãi bồi đều mỗi năm thu mỗi mẫu 4 tiền, ruộng hạng nhì thì mỗi mẫu 3 tiền, thu làm hai vụ đông, hạ, để giúp chi dùng. Chúa nghe theo.

4. Tháng ba, thi Hội các công sĩ. Lấy bọn Vũ Miên[4a], 13 người hợp cách. Đến lúc thi Điện, lấy Nguyễn Huy Oánh[4b] tiến sĩ cập đệ đệ tam danh [thám hoa], Trịnh Xuân Chú, Vũ Miên 11 người đồng tiến sĩ xuất thân **[tờ 78a]**.

[11a] Sau sự việc này, A.1210 và A4 còn chép thêm việc thi lại công sĩ ở bãi Trung Sa, [Thăng Long]. Bấy giờ phép thi ở tỉnh [thi Hương] nới lỏng, người đỗ phần nhiều không xứng đáng. Chúa đặc biệt sai thi lại. Có người bàn rằng: học trò gặp binh loạn, học hành kém cỏi, nên khoan nới. Chỉ loại bỏ những người quá kém thôi. Chúa nghe theo, sa thải khoảng hai, ba phần mười (Nguyễn Kỳ người huyện Bình Lục đỗ đầu).
A4 chép thêm một việc khác nữa: "Cho Trịnh Tuệ làm Thừa chính sứ Sơn Nam. Tuệ là chi phái nhà chúa. Bọn nghịch Hiệp [Hoàng Công Phụ] thuở làm thầy. Trong kỳ thi đình năm Bính Thìn [1736] chúa Toàn Vương [Trịnh Giang] cho [thí sinh] vào đối sách ở phủ đường, lấy Tuệ đỗ trạng nguyên. Trải vài năm sau y làm đến thượng thư Tham tụng trong Chính phủ. Tất cả các việc chính trị trong phủ chúa đều do bọn Hiệp chủ trương từ bên trong, mà Tuệ cùng tán thành. Khi Minh vương [Trịnh Doanh] nối ngôi chúa bắt y hạ ngục. Có Trịnh Đạc can ngăn, y được khỏi chết, nhưng bị tước tên khỏi sổ quan tịch. Đến dây chúa mới dùng lại, cho làm chức ấy. (xem sự việc 21, năm 1741).

[2a] CM chép là 200 người làm một cơ.

[4a] *Vũ Miên*: người xã Xuân Lan, huyện Lang Tài.

[4b] *Nguyễn Huy Oánh*: người xã Lai Thạch, huyện La Sơn.

5. Bấy giờ quan quân tiến đánh "nghịch" Lân, "nghịch" Chất[5a]. "Giặc núi" nhân lúc sơ hở cướp bóc xã Sơn Đồng[5b]. Chúa Trịnh Doanh sai Hoàng Ngũ Phúc, Nhữ Đình Toàn thống suất các tướng hội đánh. Cơ mưu trong quân, cho được tiện nghi thi hành.

6. Định cách thức thưởng cho người bắt được "giặc": ai bắt được "nghịch Chất" thì thưởng quan tam phẩm, tước quận công. Bắt được "nghịch Lân"[6a] thì thưởng quan tứ phẩm, tước hầu[6b].

7. Chúa sai Thống lĩnh Hoàng Ngũ Phúc, Hiệp thống lĩnh Nhữ Đình Toàn, truy nã "giặc cỏ" và chiêu hàng đồ đảng của chúng.

8. "Nghịch Lân" đem đồ đảng ra hàng, chưa bao lâu lại phản.

9. Hạ lệnh quyên nạp. Chúa Trịnh Doanh cho rằng nhu dụng binh phí tổn nhiều, bèn hạ lệnh cho các quan văn, võ, nội giám cùng tạp lưu nộp tiền thóc, trao chức phẩm có cấp bậc.

10. Hạ lệnh cho các quan ai nấy cử người mình biết: người nào có trí dũng tài nghệ, có thể quản binh được và người nào can đảm xông pha có thể làm tiên phong, thì tùy tài thu dụng.

11. Tháng sáu, chúa dụ Hoàng Ngũ Phúc tảo trừ yên định "giặc" ở Sơn Tây. Bấy giờ Sơn Tây có "giặc" Ngũ chiếm đóng Việt Trì (huyện Bạc Hạc) đã lâu. Vùng ấy bị nhiễu động. Cho nên sai Ngũ Phúc vây đánh[11a].

12. Mùa thu, tháng tám, sai Hà Tông Huân, Vũ Khâm Lân, Ngô Đình Oánh, Lê Hữu Kiều, chia đóng dồn những chỗ trọng yếu ở kinh đô, ngày đêm tuần phòng cảnh giới. Bấy giờ ở Sơn Nam[12a] "giặc cỏ" vẫn còn, "giặc núi" bất thời tràn xuống, cho nên chuẩn bị phòng ngự.

13. Đặt Tả Hữu pháp ty, Cho Tham tụng Hà Tông Huân, Phó đô ngự sử Vũ Công Trấn làm chức ấy. Cho phép cứ theo chức vụ mà kháng nghị, tùy việc mà bổ cứu cho đúng.

[5a] A.1210: "đánh He, Chất".

[5b] Xã Sơn Đồng: trấn Sơn Tây dời Hậu Lê có 2 xã mang tên Sơn Đồng: một ở huyện Lập Thạch, một ở huyện Thạch Thất. Chưa rõ là xã nào. Giặc núi ở đây là chỉ nhóm Nguyễn Danh Phương.

[6a] A.1210: "Nghịch He (tức Nguyễn Hữu Cầu).

[6b] A.1210: "Tước quận công".

[11a] A4 chép thêm, một việc: tháng 7 mưa to, nước sông tràn ngập, lúa má bị chìm.

[12a] *Sơn Nam:* bản trục là "Sơn Tây". A.1210 là Đông Nam, chỉ có A.1415 chép Sơn Nam, đúng hơn.

14. Tháng chín nhuận, Nguyễn Hữu Cầu lại phản. Sai Phạm Đình Trọng đem quân đi đánh. Trước đây Cầu xin hàng, triều đình khoan dung nhận cho, đặt làm Hướng nghĩa Hiệu trưởng, Cầu đã nhận mệnh, lại cứ cướp bóc không thôi. Triều đình chưa nỡ giết, sai Nguyễn Thế Giai lấy việc mở đường khuyến dụ, buộc phải triệt quân chúng về đồn. Sau đó Cầu thông mưu với "nghịch" Lân, ngầm đến huyện Diên Hà, đánh úp trấn Sơn Nam Hạ, nhưng không được. Đến nay lại hợp nhau với giặc cỏ đánh đến sát trấn Sơn Nam. Trấn tướng là Sắt Vũ hầu(14a) [tờ 79a] đánh nhau với Cầu bị thua. Chúa Trịnh nghĩ Cầu chỉ sợ Phạm Đình Trọng, cho nên sai Trọng đi đánh. Nhân đó chúa bảo Hoàng Ngũ Phúc rằng: "Lộ Sơn Nam Hạ dân đông của lắm, là đất Quan Trung, Hà Nội(14a)của nhà nước. Nay bọn giặc chiếm đóng, thế dương nguy cấp. Các ông xếp đặt việc ở Sơn Đông hơi yên, nên đem quan quân đến tiễu trừ. Vẫn nên báo cho Phạm Đình Trọng bám ngăn chặn để bảo vệ cho đất Quan Trung, Hà Nội ấy(14b).

15. Mùa đông, tháng mười các quan Chính phủ dâng khải trình bầy 6 điều phòng thủ kinh thành . Đại lược là: trồng tre, trồng cây để củng cố lũy gỗ. Đặt 8 cửa khám xét người ra vào. Chọn đinh tráng để tuần phòng nơi gần kinh kỳ. Cho vệ binh đi tuần tra cảnh giới ở thượng lưu và hạ lưu phường Nhật Chiêu đặt đồn trên bộ. Trong thành chia đặt quân thuộc liên lạc. Chúa Trịnh Doanh cho thi hành như thế.

(14a) *Sắt Vũ hầu* tức Vũ Tá Sắt, người xã Hạ Hoàng, huyện Thạch Hà .

(14a) *Quan Trung, Hà Nội:* Hán Cao Tổ đóng đô ở Quan Trung (Thiểm Tây Trung Quốc), cho Tiêu Hà thu lương thực ở đây cấp cho quân, nhờ đó đi đánh các nơi, lấy được cả Trung Quốc. Hán Quang Vũ chiếm đóng Hà Nội (chỉ vùng đất ở phía bắc sông Hoàng Hà Trung Quốc), lấy quân ở đó đem đi đánh dẹp các nơi, nhờ đó khôi phục được nhà Hán.

(14b) A4 và A.1210 chép thêm 2 việc sau:

1. Nguyễn Hữu Cầu phạm đến bến Bồ Đề. Trước đây, những năm Canh Thân, Tân Dậu [1740 - 1741], liên tiếp bị nạn đói, xứ Hải Dương đói nhất. Hữu Cầu dùng thuyền nhẹ đi cướp các thuyền buôn, thu được gạo thóc đều đem phát chẩn, nhiều người được cứu sống. Y giảo quyệt cứu giúp người và lấy uy lực cưỡng bách người. Dân bị hiếp bách dụ dỗ, không ngờ lâu ngày trở nên tin phục y. Cho nên khi y bị thua, chỉ chạy thoát thân, nhưng lại có thể kêu gọi tụ tập lại nhanh chóng. Đến nay bị Phạm Đình Trọng đánh bạt ở Cẩm Giàng, y đi gấp rút, hẹn đến canh 5 tới bến Bồ Đề, lấy thuyền qua sông thì trời vừa sáng. Chúa Minh Vương [Trịnh Doanh] thân đem đại quân chống giữ. Phạm Đình Trọng được tin báo, đem toàn quân đuổi theo, Cầu lại trốn đi.

2. Tham tụng thị lang Diệu quận công Trần Cảnh trí sĩ, thăng Thượng thư, con trưởng của Cảnh là Tiến lại thi đỗ, cùng ngày hôm đó cũng vinh quy. Người đời khen là vinh dự.

16. Hạ lệnh chia bên trong kinh thành làm 36 khu, mỗi khu đặt một quan coi giữ việc tuần phòng khám xét. Lại định phép ty tộc đoàn[16a]. Tiếp đó lại chia làm 9 "điện", mỗi điện 4 khu, mỗi khu đặt một viên chánh khu[16b].

17. Thượng thư bộ Binh đã trí sĩ là Phượng quận công Đào Hoàng Thực mất. Thực từ khi bị khiển trách nhẹ, lại được dùng, nhiều lần giúp việc ngoài biên, rồi tham dự [tờ 79b] việc chính trị quan trọng, dâng sớ vài trăm điều đều thiết thực, xứng ý chúa. Chúa thường khen Thực là bậc Ngụy Trưng, Lý Giáng[17a]. Đến đây mất, tuổi 79, tặng Thiếu phó[17b].

18. Sai Hiệu điểm Hân Trung hầu Nguyễn Phương Dĩnh cùng bọn Nguyễn Đình Huấn chia đi các huyện gần kinh kỳ chọn đinh tráng, đặt đồn lũy, phòng chặn cướp giặc xâm phạm.

19. Cho Đô đốc Đàm Xuân Vực làm Trấn thủ Kinh Bắc, kiêm Đốc trấn, để làm thanh thế cho 2 đạo Tây và Bắc. Lại sai các ông Đô đốc Đoan Nghiêm hầu Bùi Thế Đạt, văn thần là Nguyễn Bá Lân, Đoàn Chú đem quân đi tiếp ứng.

20. Đảng "giặc" xâm lược Kinh Bắc. Quân "giặc" khá đông, phó trấn Nguyễn Trọng Thân xin thêm quân để chống đánh. Triều thần bàn rằng: "Bắc lộ là bình phong che chở kinh sư. Phía đông có "nghịch" Chất, tây có "nghịch" Canh. Các huyện Phượng Nhãn, Bảo Lộc dân tình nhiễu động, "giặc" có thể xông đến ba mặt, nên phòng bị trước. Nay vùng đông nam sự thế hơi thư, nên giao cho Phạm Đình Trọng lo liệu mà rút quan quân các đạo của Hoàng Ngũ Phúc, Đàm Xuân Vực về, cho chuyển đi đánh giặc ở Bắc lộ[20a]". Chúa nghe theo.

21. Chúa Trịnh Doanh dụ Đinh Văn Giai rằng: "Sơn Tây là phên dậu nhà nước, phía bắc gần bọn Canh Ngũ, phía nam liền với Tương, Mật, thế giặc lan tràn, nhân tình sợ hãi. Ông nên đem quân đến trấn. Công việc ở trấn cho được tiện nghi biện lý, để cho ta được thư cái lo về mặt tây".

(16a) *Ty tộc đoàn:* liên kết các gia tộc ở gần nhau thành tổ chức để bảo vệ khi có giặc.

(16b) Sau sự việc trên, A.1210 chép thêm một việc: Tham tụng Thượng thư bộ Lễ là Nguyễn Công Thái trí sĩ, thăng Thượng thư bộ Hộ, tước quận công.

(17a) *Ngụy Trưng* làm tể tướng đời Đường Thái Tông, Lý Giáng làm tướng đời Đường Hiến Tông, đều là tể tướng giỏi.

(17b) A.1210: tặng Thiếu bảo và chú: Hoàng Thực người xã Phượng Trì huyện Từ Liêm.

(20a) *Bắc lộ:* Chỉ chung vùng phía bắc. A.1210 chép là "Ngũ đạo", chưa rõ nghĩa.

22. Hoãn việc thu thuế muối ruộng tư cho hai xứ Thanh Nghệ.

23. Chúa Trịnh Doanh triệu quan văn võ thi ngay trước mặt mình bài văn sách "Trong sửa sang, ngoài trừ dẹp".

Kỷ Tỵ, [Cảnh Hưng] Năm thứ 10 [1749] (Thanh, Kiền Long thứ 14)

1. Mùa xuân, tháng giêng, miễn trừ thuế điệu và tiền thuế cho dân các huyện gần kinh kỳ. Bấy giờ việc trưng phát khá nhiều. Các lộ gần kinh kỳ như Thường Tín, Ứng Thiên, Thuận An dân càng khổ về cung ứng. Bèn bàn xóa tiền thuế điệu và những tiền thuế đã lâu năm.

2. Tháng hai, sai Đàm Xuân Vực trưng thu lệ thuế các xưởng mỏ ở huyện Nghi Dương [Hải Dương][2a].

3. Tháng ba, Phó tri Hộ phiên là Giáp Nguyễn Khoa[3a] trình bầy 8 điều về lý tài: Một là gia thêm tiền tô và điệu, mỗi phủ ủy cho trọng thần trưng thu. Hai là thuế sở tuần, bến đò nên ủy cho trọng thần trưng thu, đình chỉ không ban cấp cho ai nữa. Ba là đặt lệ bổ thuế các bãi bồi phù sa mới nổi. Bốn là đặt quan sứ chuyên mua thóc [tờ 80b], đúng lúc đắt rẻ mà mua bán. Năm là đặt lệ bổ thuế các núi rừng. Sáu là sai thu các thuế hầm mỏ, cửa ải, thị tứ[3b], đò ngang, cùng các ngạch thuế [người thiểu số] Thanh y, Sơn tử. Bảy là thuế cửa biển đình chỉ không cấp phân tán vào việc khác mà để vào ngân sách nhà nước. Tám là gia nặng thêm tiền thuế điệu cho các quý hương[3c] và dân tạo lệ. Chúa đều nghe theo.

4. Lụt to, đường đê lớn nhỏ bị phá lở. Sai tạm lấy dân lực đắp đê ấy, bảo quan giám trưng hoãn thu thuế gia tô.

5. Cấp thêm tiền khẩu lương cho vệ binh, mỗi người một quan hai tiền một tháng.

6. Đồ đảng của Lê Duy Mật thường ra địa phương Kính Lão[6a] và huyện Hoài An [ở Sơn Nam Thượng]. Nghịch Tương dem hết quân đến đóng ở Kệ Sơn[6b] gần sát kinh kỳ. Chúa sai các ông Quán Nhạc hầu Văn Đình Ức và ông Thị lang đã đổi làm chức Hiệu điểm là Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn tùy thế án ngự. Sai Lân Trung hầu thừa hư, kéo thẳng đến Ngọc Lâu[6c] để chống giặc.

[2a] A.1210 chép khác đi như sau: trưng thu thuế trường than ở Tuyên Quang và Hưng Hóa".

[3a] *Giáp Nguyễn Khoa*: Hoạn quan người xã Thiết Thượng huyện Yên Dũng (Bắc Giang).

[3b] *Thị tứ*: có nghĩa là chợ và các hiệu buôn ở thành thị.

[3c] *Quý hương*: làng quê vua chúa. A.1210 chép *ngoại hương*.

[6a] và [6b]: Kính Lão và Kệ Sơn đương thời thuộc Sơn Tây.

[6c] *Ngọc Lâu*: ở huyện Thạch Thành (Thanh Hóa), gần căn cứ của Lê Duy Mật.

7. Sai chia đặt vệ binh Sơn Nam làm 2 cơ (Nhất Hùng, Nhị Hùng) 6 đội; vệ binh Kinh Bắc làm 2 cơ (Nhất Dũng, Nhị Dũng) 6 đội. Bấy giờ vệ binh đã định phép chọn duyệt thao luyện. Chọn tướng hiệu đã lập nhiều chiến công cho cai quản. Bèn cho Hoàng Ngũ Phúc, Bùi Thế Đạt quản suất lính 2 vệ mới đặt.

8. Mùa hạ, tháng năm, định cách thức thưởng công và chức tước thứ bậc cho võ ban. Lệ cũ thưởng công, công to thì phong tước, cho thực ấp, công nhỏ thì thưởng vàng lụa. Gần đây chuyên lấy quan tước thưởng công. Năm Canh Thân [1740] về sau, nhiều lần thưởng phiếm lạm. Lại lệ cũ quan phẩm hai ban văn võ ngang nhau. Năm Canh Tý [1720] bàn bớt phẩm thứ võ ban đi, từ tam phẩm thăng đến nhất phẩm chỉ có 17 bậc. So với quan văn tam phẩm thăng đến nhất phẩm phải 27 bậc, thành ra nhanh chậm khác nhau. Cho nên tướng võ phần nhiều dễ vượt lên phẩm cao. Các viên quản lĩnh binh lính ai nấy đều được phong tới tước hầu, tước bá. Đến nay bàn định cách thức thưởng công bằng kim bài, ngân bài. Lấy kim ngân bài hạng lớn, hạng trung làm hạn mà thăng chức[8a]. Ban võ từ tam phẩm trở lên cũng như ban văn. Còn việc phong tước thì phải do đặc ân. Cái tệ [phiến lạm] dần dần đổi được.

9. Chúa Trịnh Doanh nghĩ rằng: Cầu, Chất thế chưa tắt nên chúa luôn có cái chí hăng hái mặc áo giáp đi đánh giặc. Nhân bảo tả hữu rằng: "Kinh sư là căn bản quốc gia, tông miếu xã tắc và trăm quan ở cả đấy, mà bốn bề tám mặt không có lũy gì để dựa vào. Nay hễ ngoài biên có việc, sáu quân một khi ra đi, không thể không để quân lưu thủ. Để lưu thủ nhiều thì quân đi đánh giặc lại ít [tờ 81b]. Cổ nhân nói: "Đặt chỗ hiểm để giữ nước", thực sự có ý sâu. Nước ta từ đời Lý đóng kinh đô ở Thăng Long cũng đã đắp thành Đại La, nay ta muốn nhân cũ mà tu bổ lại, để lúc có việc bên ngoài, không phải lo bên trong. Các ngươi nghĩ thế nào?". Tả hữu đều nói rằng: "Đấy thực là kế nhọc một lần mà yên mãi". Chúa bèn sai xem địa thế trong kinh kỳ, trù vật liệu tính nhân công, bắt dân phu 9 huyện ở gần kinh kỳ đắp thành Đại Đô[9a]. Mở 5 cửa là An Hoa, Vạn Bảo, Vạn Xuân, Thịnh

---

[9a] Thành Đại Đô tức thành Đại La cũ (theo CM).

Quang, Thọ Khang. Mỗi cửa đặt 2 ô tả hữu, chia lính tuần phòng túc trực[9b].

10. Tháng sáu dặt quan trưng thu trấn Hải Dương, lấy Hiệp trấn Phạm Đình Trọng làm chức ấy. Lúc trước Hải Dương bị điêu tàn vì binh hỏa, tiền thuế gia tô, thuế điệu đều được miễn cả. Đến nay dân địa phương đã được phục hồi, bèn sai cứ thấy những ruộng đã gặt được thóc thì thu tô mỗi mẫu một tiền quý. Chỉ bằng một nửa mức thuế ở các trấn tây nam.

11. Chọn đinh tráng ở trấn Sơn Nam [làm lính]. Bấy giờ đình thần bàn lấy thêm lính cho mạnh thế quân. Chúa bèn sai bọn Vũ Tá Quyền[11a] đi chọn dân đinh các huyện Nam Xang, Phú Xuyên, Thượng Phúc **[tờ 82a]** làm lính, cho tự lo liệu khí giới thao luyện, cho miễn thuế suất đinh. Hẹn xong việc lập tức cho về làm ruộng.

[9b] A.1210 và A4 chép việc đắp thành như sau: Đắp thành Đại Đô. Đặt 5 cửa An Hoa, Vạn Bảo, Thịnh Quang, Khang Thọ. Đó là theo lời xin của Hoàng Ngũ Phúc. Trước đây ở phía trong cầu Ngoạn Thiền của Hoàng thành và cửa gác ở phủ chúa, lối ra vào đều có phòng bị. Ngoài ra tuy có đặt điếm canh giữ, nhưng người ta từ ngõ hẻm đi tắt vào cũng có thể không phát hiện được. Nguyễn Hữu Cầu mấy lần phạm bến Bồ Đề nhưng còn cậy có sông Nhị Hà ngăn cách. Đến khi "giặc" Tiêu xâm lược Từ Liêm, "giặc" Tương xâm lược Yên Sơn (đều thuộc Quốc Oai, Sơn Tây) chúng đều theo đường bộ mà tiến quân. Kinh thành chấn động. Đến nay Hoàng Ngũ Phúc kiến nghị, xin đắp thành đất bao vây hai huyện Thọ Xương, Quảng Đức và đặt trại lính. Ở những nơi trước đây có đường tắt qua lại thì làm cửa, sớm tối đóng mở để tiện phòng thủ. Bấy giờ của hết, sức mỏn, dân quanh kinh kỳ lấy làm khổ sở. Có người làm bài ca rằng:

"Ta ta sinh lý như kim tận,
Sinh lý tuy tận cảm vân cùng,
Hựu văn thành ngoại tân khởi công"
Than ôi sinh kế đang khốn cùng,
Sinh kế khốn cùng dâu dám nói.
Lại nghe ngoài thành mới dấy lên công việc thổ mộc.

Đó là lời oán trách công việc đắp thành khó nhọc. Có người đem điều đó nói lên. Ngũ Phúc vẫn cố chấp không nghe. Cuối cùng công việc hoàn thành, người ta cho là tiện.

A4 thêm: Hoàng Ngũ Phúc thức thời đại thế là như vậy. Phạm Đình Trọng và Hoàng Ngũ Phúc lĩnh 3 đạo quân hội tiễu Hữu Cầu ở Hải Dương. Cầu bị thua chạy vào Nghệ An. Đình Trọng truy nã. Cầu kế cùng, đi theo Nguyễn Tuyển lúc đầu chiếm cứ miền thượng du Trà Lân, Quỳ Châu và 7 tổng huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An), thỉnh lình xuống đồng bằng cướp bóc rồi lại trốn vào rừng. Đến nay Tuyển giúp quân cho Cầu. Cầu được Tuyển giúp lại mưu đồ việc tiến đánh."

[11a] *Vũ Tá Quyền:* người xã Hà Hoàng, huyện Thanh Hà, (Hà Tĩnh), đỗ Tạo sĩ. CM là Vũ Tá Quán.

12. Bắt đầu định ngạch trưng thu "chính tang ngoại phụ"[12a], thuế điền. Định mỗi năm hai kỳ thu thuế vào mùa xuân và mùa thu. Cảnh nhà hoang tàn và chủ ruộng nghèo quá thì có lượng giảm, ai ngang ngạnh bỏ thiếu thì phải phạt. Quan trưng phủ thu đủ ngạch thuế mà dân không bị quấy nhiễu thì được khen thưởng, ai làm trái lệ thì phải tội

13. Định ngạch thuế tàu thuyền buôn của bắc khách [Khách buôn Trung Quốc]. Các thuyền chở hàng hóa: tàu thu tiền thuế 800 quan, mành to thu 600 quan, mành nhỏ thu 500 quan. Chọn người thanh liêm mẫn cán nắm công việc. Nghiêm cấm trốn thuế, thuyền lậu.

14. Mùa thu, tháng bảy, đặt cơ vệ binh Nhất Hùng. Sai lấy dân binh hai huyện Bình Lục, Nam Xang sung vào. Cho lệ thuộc thêm vào quyền quản lĩnh của Hoàng Ngũ Phúc. Việc sắm cờ xí, khí giới, kiểm thúc, thao luyện như đối với lính kinh.

15. Các quan Chính phủ tâu rằng: "Từ khi dụng binh đến nay, việc xây đắp thành đất, chọn bắt đinh tráng, cứ quyền biến hưng công, dùng sức dân đã nặng, mà kẻ thừa hành **[tờ 82b]** roi vọt càng dữ, bắt bớ thêm phiền, càng làm thất nhân tâm. Dân không đường kêu ca. Nay nên sức cho các quan hữu ty nghiêm cấm những người sai phái, lại đặc biệt dò xét để thi hành thưởng phạt, cho trăm họ hiểu rõ ý triều đình ân cần thương xót dân. Chúa nghe theo.

16. "Giặc" Ngũ tử Bạch Hạc tràn vào làng Cổ Đô huyện Tiên Phong, thế rất càn rỡ. Hiệp trấn Sơn Tây là Hà Tông Huân cáo cấp. Chúa bèn sai Cai cơ Nguyễn Phan, Phó Đốc thị Bùi Trọng Huyến[16a] đi dánh. Trấn thủ Đinh Văn Giai cùng làm tiếp ứng.

17. Chúa Trịnh Doanh nghĩ bọn "giặc" Cầu, Chất vẫn còn cướp bóc các lộ Đông Nam, Bắc. Quan quân lâu ngày bị trì trệ, chưa dẹp yên được. Chúa muốn ra lệnh thân chinh mặt đông. Quần thần đều cho rằng bọn ấy là "giặc du hồn"[17a] vốn không có tung tích. Chỉ nên ủy cho tướng giỏi mang một số quân đi cũng dẹp yên được không phải phiền đến xa giá. Chúa bèn ra lệnh quan quân ba đạo hội cả ở bờ bắc sông Bồ Đề[17b]. Sai Tả đô đốc Hoàng Ngũ Phúc làm Thống lĩnh, Bồi tụng Dao Lĩnh hầu

---

(12a) *Chính tang ngoại phụ:* tiền phụ thu ngoài thuế chính ngạch.

(16a) *Bùi Trọng Huyến:* người xã Tiên Mộc huyện Nông Cống, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1739). Bản trục chép Bùi Trọng Tuân là sai.

(17a) *"Giặc" du hồn:* "Giặc" ma trơi. Vì quân khởi nghĩa chợt ẩn chợt hiện không cố định.

(17b) *Sông Bồ Đề:* tức sông Nhị Hà.

Phạm Đình Trọng vẫn làm **[tờ 83a]** Hiệp thống lĩnh đem quan quân đi dánh. Bọn Ngũ Phúc chuyên môn tiết chế ở ngoài cửa khổn dã lâu, biết rõ địa thế và tình hình "giặc". Đến nay tùy cơ đánh chặn, nhiều lần thắng trận. Bọn "giặc" nhiều lần bị giết, bị thương, nhiều tên đến cửa quân đầu hàng. Những khu rậm rạp lâu năm đã dần dần có cái thế "dọn sạch" đi được

18. Nước sông Nhị Hà đục liền ba ngày(18a).

19. Chúa lại cho Vũ Khâm Lân làm Bồi tụng phủ Liêu. Bấy giờ Trần Cảnh, Lê Hữu Kiều lại làm Tể tướng, Khâm Lân làm khải trình bày rằng: "Về nghĩa có bốn điều nên tránh để xin miễn làm Tham tụng, chỉ vẫn làm Bồi tụng". Chúa ưng cho. Người đời ấy khen Khâm Lân là người biết giữ gìn.

Canh Ngọ, [Cảnh Hưng] Năm thứ 11 [1750] (Thanh, Kiền Long thứ 15)

1. Mùa xuân, tháng giêng. Bọn Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Đình Trọng đại phá "giặc" Cầu và Chất ở miền đông nam. Chất chạy vào Thanh Hoa, Cầu chạy vào Nghệ An. Phạm Đình Trọng đem quân đuổi theo. Chúa Trịnh triệu Hoàng Ngũ Phúc về kinh, bàn định kế sách thân chinh miền tây. Trước đấy người huyện Yên Lạc trấn Sơn Tây tên là Ngũ tức Nguyễn Danh Phương, nhân lúc trong nước nhiều nơi có biến động, quan quân đương bận có việc **[tờ 83b]** ở lộ miền đông, nam, bắc, bèn họp quân trộm chiếm núi Độc Tôn huyện Tam Dương, hoành hành cướp bóc. Những nguồn lợi mỏ, gỗ, tre, sơn ở thượng lưu đều cướp lấy cả. Dân một phương ai cũng sợ hãi, dắt nhau đi nơi khác. Các lộ Tuyên, Hưng, Thái, đem nhau đi theo, nộp tô thuế cho nó, của báu chất như núi, vây cánh ngày càng nhiều. Phương nghiễm nhiên tự xưng là "Thuận thiên khải vận đại nhân", tiếm xây cung phủ, đặt quan thuộc, quân hiệu, chế xe kiệu, làm màn trướng, may cờ nhật nguyệt, khí dụng, y phục, đồ chơi các thứ đều trang sức bằng vàng bạc châu ngọc. Đám thủ hạ xưng là quận công gồm vài mươi người. Các tên Đương, tên Điển, tên Trị là kiệt hiệt hơn cả. Đi đến đâu chúng thả sức giết người cướp của, quan quân nhiều lần bị nó vây đánh. Phương lại thường đem của đút lót quan quân. Các tướng cũng cứ dung túng giặc để tự bảo toàn, động một tý thì khoa trương thế giặc. Phương cũng hơi coi thường họ. Trận Thanh Lãnh, quân ba hiệu bị y vây khốn, đến nỗi phải trả em nó là tên Bì đã bị quan quân

---

(18a) *Ba ngày:* A.1210 là hai ngày.

bắt làm tù binh, Phương mới chịu giải vây. Từ đấy càng ngày y càng cần rỡ, quan quân không đủ sức chế ngự [tờ 84a] Văn thư cáo cấp có khi một đêm vài lần đưa về. Chúa bảo tả hữu rằng: "Nghịch Phương là "giặc" lâu năm, binh tình lương dủ, lại dựa vào chỗ hiểm yếu, không ví như các "giặc" khác. Ta nên thân hành cầm cờ tiết đi cứu dân phương này, nếu không thì suốt đêm nằm không yên gối".

Bèn sai người từ trước đi đến các đại dồn của Phương ngầm dò địa thế. Sai tướng hiệu các dồn ở đạo Sơn Tây, Thái Nguyên, sức cho quân tìm lấy tre gỗ làm khí cụ vây đánh thành.

2. Nghiêm cấm mành buôn phương bắc chở trộm hàng. Trước đây thuyền buôn của bắc khách khi trở về phải khám xét rất kỹ. Nhưng kẻ hữu trách tham của đút hậu nên dung cho ẩn giấu. Tiểu dân nhân đó thường chở trộm hàng đi trao đổi. Tiền trong nước ngày càng hao. Bèn bàn rằng: Từ nay ai phạm điều cấm này thì xử tội chém. Ai cáo giác ra thì đem một phần ba tang vật bắt được thưởng cho.

3. Đem 6 điều thân sức [bảo ban răn đe] quan lại.

4. Chúa Trịnh Doanh dụ thần dân cả nước, đại lược rằng: "thưởng người thiện, phạt người ác là quyền lớn của người trị nước, là để khuyến khích phong thể kẻ làm quan đưa dân tình vào khuôn phép [tờ 84b]. Ta nối tiếp truyền thống trước, mong dón lấy phúc to, hậu tước thưởng để khuyến khích người có công, nghiêm kỷ luật để răn kẻ phạm pháp. Vào lúc ngoài biên nhiều tin cáo cấp, đánh dẹp liền năm. Lấy quan tước để thưởng người có công, sử dụng tài năng, bỏ qua lầm lỗi, nên quan tước cho hơi lạm, pháp luật có hơi khoan. Lũ trá mạo gian xảo, ngày càng coi thường. Nay nên sửa đổi chấn chỉnh, cùng nhau đổi mới. Ai có công thì khen thưởng, ai phạm pháp thì phạt nặng. Khiến cho người được ban tước thì biết là vinh dự, pháp lệnh lập ra không ai dám phạm. Hỡi các thần thứ nghe ta nói dậy. Bèn đem 12 điều hiểu thị trong ngoài. Một là thân huân đại thần [trình bày việc gì] thì dâng thư kín. Hai là Chưởng phủ và Tham tụng tùy việc mà hiến [lời hay] thay [sự dở]. Ba là các Thống dốc các đạo phải xét định công việc cho hợp cơ nghi. Bốn là Ngự sử có quyền dàn hặc đối diện với hàng nghi trượng. Năm là các nhà thế gia không được ức hiếp dân thường. Sáu là quan Thiêm sai khám xét án kiện phải theo lẽ công bằng. Bảy là Nội sai thu vào, chi ra phải rõ ràng, cẩn thận. Tám là trăm quan ai nấy phải chăm lo làm tròn chức phận. Chín là binh lính phải có kỷ luật, không được sinh kiêu căng lười biếng.

Mười là dân phải theo lệnh trên, các sắc mục trong làng không được quấy nhiễu dân. Mười một là cấm tuần ty không được lấy thuế bậy. Mười hai là răn các thuộc lại [tờ 85a] không được tiết lộ [việc quan] hoặc lười biếng bỏ việc.

5. Mùa thu, tháng tám, ngày Mậu Tuất [28 - IX - 1750][5a] mẹ chúa là Thái phi Trương Thị mất[5b].

6. Lại khôi phục cách bổ dụng ấm tử[6a]. Lệ trước: quan văn võ có con vào học nhà giám, nếu là con quan nhị phẩm sẽ bổ chức Tự thừa, nếu là con quan tam phẩm thì bổ chức Tư vụ. Mãn nhiệm kỳ sẽ được thăng chức Viên ngoại hoặc Tri phủ. Về sau định lại: những người bổ Tư vụ mãn nhiệm kỳ chỉ được thăng chức Tư thừa. Đến nay lại theo điển lệ cũ.

7. Sơn Nam nước sông đục 4 ngày.

8. Sứ thần là Nguyễn Tông Quai từ nước Thanh về, thăng Quai làm Tả thị lang bộ Hộ, phong tước hầu. Quai vâng mệnh đi sứ, có tiếng hay thơ. Bấy giờ trong nước có "giặc". Văn thần nhiều người đi đánh "giặc". Đình thần bàn rằng: sứ thần ra nước ngoài vừa ung dung lại vừa được tước lộc. Mà Quai hai lần đi sứ là tham. Lại khi Quai làm Bồi tụng bị dân làng cáo giác. Rồi Quai phải giáng làm việc ở Viện Hàn lâm là nơi nhàn tản. Năm 75 tuổi mất. Quai có tập thơ Sứ Hoa tùng vịnh lưu truyền ở đời.

9. Mùa đông, tháng mười, mở trường thi Hương, cứ theo loại huyện cỡ lớn, vừa, nhỏ mà định số suất [sát hạch lấy người đi thi]: huyện lớn 70 người, huyện vừa 50 người, huyện nhỏ 30 người, về sau lấy thêm "toát vưu", ai trúng thì cho khảo "sảo thông" còn ngoài ra ai muốn đi thi thì nộp tiền "ba quan" gọi là tiền thông kinh[9a].

[5a] Bản trục chép Ngày Mậu Thìn là không đúng, đây theo A.1210.

[5b] A.1210 chép: "Tấn Quang vương Thái tôn Thái phi Trương Thị mất, tên thụy là Trung Tuyên".

[6a] Ấm tử: Chế độ ưu đãi con nhà quan nhờ địa vị cha mà được chứ không phải đỗ đạt (X. năm 1731, T.I chú 12k).

[9a] A.1210 chép rõ thêm: Bắt đầu cho thiên hạ nộp tiền vào thi Hương. Đầu đời Trung hưng mỗi người đi thi phải nộp 5 tiền, gọi là tiền "minh kinh" để giúp cho quan chi tiêu ở huyện, tốn phí rất nhiều. Năm Bảo Thái [1720 - 1729] thi hành phép thuế điệu thì thu tiền "minh kinh" để dựng trường thi và cung đốn các vật dùng cho việc thi. Đến nay (Đỗ Thế Giai lấy cớ nhà nước có việc dấy quân chi phí tốn kém, quốc dụng không đủ nên bắt thí sinh phải nộp 3 quan gọi là tiền "thông kinh" (vì kiêng tên Minh vương nên gọi minh kinh là thông kinh) (Dân cày và nhà buôn cũng xun xoe nộp tiền nộp đơn xin vào thi nhiều người dẫm đạp lên nhau đến chết ở cổng trường. Trong trường thì người ta đem sách vào chép, mượn người làm văn hộ một cách công khai. Do đó số người đỗ do thực học không được một phần mười). (Những ý trong ngoặc đơn là theo A.4).

10. Tháng mười một, bàn đem đại quân chinh phục mặt tây. Sai Hoàng Ngũ Phúc triệu tập quan quân các đạo và chiến sĩ các xứ ở bờ sông Bồ Đề. Chúa bảo Ngũ Phúc rằng: "Việc dụng quân của binh gia cốt ở chỗ quân nhất tề. Nay tướng sĩ họp lại, quân số tăng lên nhiều, nhưng từ trước kia chia lệ thuộc các đạo, phương pháp thao diễn có khác nhau. Và vệ binh, chiến sĩ lại chưa được vỗ về. Tất phải khiến cho toàn quân một lòng, cùng tai cùng mắt. Cần nhắc nhở chấp hành giáo lệnh [tờ 87a] cho nghiêm ngặt, mới là quân hữu dụng. Liên cho chia làm 4 quân. Tả quân thì Hoàng Ngũ Phúc, Hữu quân thì Đàm Xuân Vực. Tiền quân thì Bàn Thọ hầu Nguyễn Đình Quyền. Hậu quân thì Trì Thọ hầu Nguyễn Hữu Chí. Đều giao cho Hoàng Ngũ Phúc chiểu theo trận đồ đã ban, thao luyện tinh thục để sẵn sàng điều động. Lại cho lấy thêm dũng sĩ các huyện ở tứ trấn chuẩn bị chuyển vận[10a].

11. Tháng mười một (?) bàn công dẹp giặc của 3 đạo đông, nam, bắc. Kể từ Thống lĩnh trở xuống, đều chiếu theo công đánh bao nhiêu trận, bắt bao nhiêu giặc, ban tước thưởng lộc có thứ bậc.

12. Chúa sai Tả quân Hoàng Ngũ Phúc cùng Luyện quận công Đỗ Thế Giai định 37 điều quân yết thị cho quân sĩ.

13. Ngày mồng 8 [6 - XII - 1750] Chúa Trịnh sai đem việc chinh phạt tâu cho vua biết. Giờ Dậu xuất quân, đóng ở lầu Ngũ Long. Triệu Hoàng Ngũ Phúc đến trước lầu ủy cho quyền "Tri quân vụ"[13a] coi quan binh. Ai dũng cảm, ai nhút nhát, ai có công, ai có lỗi đều được quyền xét xử. Nhân bảo Phúc rằng "sào huyệt "giặc" Phương 4 mặt đều là núi,

---

[10a] Về sự kiện trên A.4 và A. 1210 đều chép rõ thêm: Riêng A.1210 chép gần với việc 1 của bản trục. Dưới đây chỉ thêm một số tình tiết của A.4 mà bản trục không có: "Tháng 12, ngày Kỷ Mão [7-1-1751] chúa Minh vương tự làm tướng thân đánh chinh Nguyễn Danh Phương. Phương người huyện Yên Lạc, hiệu là Canh Ngọ, lại có hiệu là Ngũ Thập. Khoảng năm Canh Thân [1740] phiến dụ bọn cuồng phỉ, và bọn vô lại kể đến vài vạn, chiếm cứ thượng du Sơn Tây, lập cung điện, đặt quan thuộc, xe, áo, khí dụng tiếm dùng cả kiệu. Lấy núi Độc Tôn làm sào huyệt, còn đồ dùng việc quân và của quý đều để ở Ngọc Bội; chỗ Phương chiếm cứ làm đại đồn. Thứ đến Hương Canh là trung đồn. Ức Kỳ là ngoại đồn. Chúng đều đem đồ đảng để binh cự với quan quân. Những đồn nhánh, kho lương lại nhiều gấp bội. Nơi sở tại cày ruộng chứa thóc làm kế tử thủ. Lại chiếm các sản vật ở thượng du như chè, sơn, tre, gỗ và trường mủ ở Tuyên [Quang], Hưng [Hóa]. Lúa thóc của báu tích chứa như núi. Các huyện thuộc Tam Đới, Lâm Thao, Đà Dương đều bị chúng chiếm. Đến đâu cướp giết đó. Quan quân từng đánh nhiều năm không thắng nổi. Đến nay chúa tự làm tướng thân chinh. Sai chia làm bốn đạo quân cùng tiến. Người hàng theo nhau về đầy đường".

[13a] *Tri quân vụ*: nghĩa là tư lệnh, tổng chỉ huy chiến dịch.

trong ấy có nhiều khe suối. Mặt trước Hương Canh giặc lại bày đồn dài để làm phên che, đánh **[tờ 87b]** chưa dễ nhổ được. Đồn Ức Kỳ giáp Thái Nguyên, tướng giỏi của Phương là tên Trì giữ một góc ấy, tự cậy là hiểm, xa, không phong bị lắm. Ta bất ngờ đánh vào chỗ ấy trước, để chặt tay trái của "giặc" Phương. Đánh một trận là xong, Ức Kỳ đã nhổ được, đồn giặc khác trông gió mà vỡ[13b]. Quan quân thừa thế đánh úp, làm gì chẳng thắng. Binh pháp gọi là "Bỏ chỗ rắn đánh chỗ mềm, tránh chỗ thực đánh chỗ hư" chính là thế đấy". Ngày mồng 10[13c] chúa vượt sông tiến phát. Mật truyền cho các quân lên đường tiến đến Giang Dã[13d]. Ngày 11, đại quân từ xã Lực Canh đi sang Thái Nguyên, gấp đường cùng tiến. Tiến đến trấn sở Giang Dã, sai lấy thổ binh của phiên thần Thái Nguyên để sẵn sàng điều khiển. Ngày 12, dầu canh tư, tiến đến đồn Ức Kỳ! Chúa cưỡi ngựa Long mã chỉ huy tướng sĩ dựng lũy rào dài vây quanh cố thủ. Ngày 17, chúa sai làm thang cao, vọng lâu và chiến cụ. Ngày 18, chúa sai tướng đã quy hàng là Nguyễn Bá Trạc đem lính đội Tứ Thuận đánh áp sát lũy "giặc". Ngày 19, đảng "giặc" là bọn Dương Sĩ Long, Dương Văn Tăng ngầm sai **[tờ 88a]** người đến cửa quần xin làm nội ứng. Chúa nghe theo. Ngũ Phúc bèn dặn Quế Võ bá Nguyễn Đức Hoành chọn lấy lính cảm tử, nhân buổi chiều lẻn vào góc lũy giặc, dò xem động tĩnh. Lúc này bọn Sĩ Long quả nhiên bí mật mở cửa ở góc lũy. Hoành đem quân đột nhập đánh rất dữ, phá được hơn 10 đồn giặc, phóng lửa đốt phá đại đồn Ức Kỳ. Quan quân 4 mặt cùng bắn vào. Giặc mở một đường máu ở sau lũy, muốn vượt qua mũi nhọn quan quân mà ra. Hai cánh quân hữu và phía sau các bọn Đàm Xuân Vực ra sức chặn đánh. Chúa đứng ở Vọng lâu kíp sai các dũng sĩ thân quân cưỡi voi, cưỡi ngựa tiếp chiến, "giặc" bị thương chết nhiều. Bọn "nghịch" Trị, "nghịch" Sầm sức cùng lực kiệt cùng đồ đảng 400 người giơ tay chịu trói. Quan quân thu được súng đạn, cờ xí, khí giới, thuyền, ngựa, trâu, dê thóc gạo nhiều không thể kể xiết. Chúa lập tức tâu báo tin thắng trận, thưởng cho tướng sĩ 1000 lạng bạc. Sai Tán lý Nguyễn Nghiễm, hiệp đồng với bọn

---

(13b) *Trông gió*: nguyên văn là vọng phong: Xuất xứ từ thành ngữ "phong thanh hạc lệ" (hạc kêu gió thổi) ở *Tấn thư Tạ Huyền truyện:* Bồ Kiên có binh mạnh 100 vạn bày trận ở Phi Thủy. Tạ Huyền đem 8000 quân qua sông đánh. Quân của Bồ Kiên vỡ chạy, bỏ giáp trốn trong đêm. Nghe tiếng gió thổi hạc kêu đều cho là quân địch đuổi đánh. Ở đây ý nói rất hoang mang sợ hãi.

(13c) Ngày mồng 10 ở đây là nói trong tháng một âm lịch [tức 8 - XII - 1750].

(13d) *Giang Dã:* Xem chú (1a) năm 1745.

Đoàn Chú tra hỏi tù binh, đem chém bọn Trị, Sầm cùng tì tốt 200 người. Số còn lại đều tha cả. Lại cử Thiêm sai **[tờ 88b]** Vũ Trần Thiệu (trước có tên là Tự) cùng với Lưu thủ Thái Nguyên là Bùi Thế Đạt khám hỏi nỗi khổ của dân và đem sự thực tâu lên.

14. Ngày 23 [21-XII-1750] chúa về đến hành tại ở xã Xuân Hy(14a). Nghĩ đến bọn Đốc tướng Nguyễn Phan, lưu thủ Bùi Thế Đạt, tham mưu Phan Cảnh trước sai đi đánh giặc không nên công trạng gì, đều biếm 2 tư.

15. Ngày 28 [26-XII-1750] thuộc tướng của Phạm Đình Trọng, Thống lĩnh đạo Nghệ An là Viêm Thọ hậu Phạm Đình Sĩ(15a) bắt được "nghịch" Cầu ở địa phương huyện Quỳnh Lưu. Trước Cầu chạy vào Nghệ An, ngầm cùng Chất lấp ló ở dầu cõi Thanh Hoa liệu lý, mà chọn úy Phạm Đình Sĩ làm Đốc lĩnh Nghệ An, trao cho cơ nghi đánh giặc. Đến đây báo tin thắng trận, Chúa mừng quá. Ngày ấy đáng "giặc" tên là Lễ cũng bó dồn Thạch Nham(15b) trốn đi(15c).

Tân Mùi, [Cảnh Hưng] năm thứ 12 [1751] (Thanh, Kiền Long thứ 16)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1 Chúa Trịnh Doanh mở cuộc duyệt binh lớn, khao thưởng chư quân. Chúa sai tuyên dụ các xứ Sơn Tây, Thái Nguyên, Tuyên [Quang], Hưng [Hóa] hoãn thu tiền thuế

(14a) *Xuân Hy:* nay thuộc huyện Kim Anh, Vĩnh Phúc.

(15a) *Phạm Đình Sĩ:* quê xã Bắc Trạch, huyện Châu Định (nay thuộc Kiến Xương, Thái Bình).

(15b) *Thạch Nham* A.1415 chép là Thạch Sơn, đều chưa rõ ở đâu.

(15c) A.4 chép: Ngày Canh Dần thuộc tướng của Hải quận công Phạm Đình Trọng là Nguyễn Viêm bắt được Nguyễn Hữu Cầu, đóng cũi giải về kinh sư. Cầu là người xã Lôi Động huyện Thanh Hà, lúc nhỏ đi ăn trộm. Khi lớn đi theo Nguyễn Cừ ở Ninh Xá. Khi Cừ thất bại. Cầu lại tụ tập quân đi đánh cướp. Bấy giờ bốn phương nhiều rối ren, trộm cướp nổi dậy như ong. Nguyễn Danh Phương chiếm thượng du Sơn Tây. Nguyễn Tuyển chiếm thượng du Sơn Nam. Hoàng Công Thư chiếm Khoái Châu, Lê Duy Mật chiếm Ngọc Lâu, mỗi người đều có vài vạn quân. Riêng Cầu kiệt hiệt nhất. Có lần bị vây mấy vòng, mà chỉ có một người một ngựa phá vây thoát ra. Vài tháng lại tập hợp được hàng hơn vạn quân, Cầu khỏe mạnh, đánh trận giỏi, giảo quyệt có trăm nghìn kế. Quan quân luôn bị y đánh bại. Các tướng sĩ nhiều người sợ Cầu. Riêng Phạm Đình Trọng xin đảm nhận nhiệm vụ diệt Cầu. Triều đình bàn bạc cũng đều trông cậy rằng Trọng diệt được. Trọng hành quân có kỷ luật. Hễ Cầu gặp Trọng là thua. Từ khi Cầu bị thua ở vùng biển chạy trốn vào Nghệ An dựa vào Tuyển. Tuyển là cháu gọi Cừ bằng chú. Sau Cầu lại phản lại Nguyễn Tuyển, định vượt biển trở về Hải Dương. Bỗng gặp gió bão, dạt vào bờ. Trọng đuổi theo kịp. Cầu và thủ hạ vài chục người lên bộ cướp đường mà chạy. Đến Hoàng Mai thuộc Quỳnh Lưu thì bị Viêm bắt được.

thiếu lâu năm của dân vùng cao ở các huyện: Bạch Hạc, Lập Thạch, Tam Dương, Sơn Dương, Sơn Vi, Phù Khang, Đông Lan, Tây Lan, Thanh Ba [tờ 89a] Hoa Khê, Hạ Hoa, Bình Tuyền[1a] và Yên Lãng, Yên Lạc. Dụ chỉ này ban xuống, dân gian đều vui mừng. Những người trước bị giặc sai khiến đều nhân khi chúng sơ hở bỏ đi. Ngụy Hiệp trấn Nguyễn Trọng Quế ở dồn Lao Khê đem hết số đồ đảng đến cửa quân xin hàng. Chúa trao cho chức Phó vệ úy.

2. Ngày mồng 3, đổi đặt quan coi bốn quân: cho Bùi Thế Đạt làm Tả tướng quân. Nguyễn Phan làm Tiền tướng quân. Hội lĩnh hầu Nguyễn Viết Tài[2a] làm Hữu tướng quân. Điển Vũ hầu Nguyễn Trọng Thân làm Hậu tướng quân, đều ban cho cờ, ấn.

3. Đêm ấy quan chỉ huy hiệu Tiền Thắng là Nguyễn Quốc Lương đem lính hiệu ấy đánh úp phá đồn Tiền Sơn của "giặc".

4. Ngày mồng 6, sai hai cánh quân hữu, hậu tiến sát đồn giặc ở Hương Canh hạ trại. Hai cánh quân Tiền và Tả cũng đều tiến lên, rồi giả vờ ra vẻ sẽ đánh. Ngày mồng 7, chúa sai Hoàng Ngũ Phúc đem quân bản bộ đến Hương Canh xem xét tình thế, lại sai Nguyễn Viết Tài đem Hữu quân đánh phá đồn mặt trước cầu Liêu. Tướng đã quy hàng là Nhật Vũ đem quân đội Tứ Thuận đánh phá [tờ 89b] đồn nhánh chùa Bào.

Ngày mồng 9, đại quân từ Xuân Hy tiến sát đồn "giặc" Hương Canh. Chúa sai quan quân ở chi khác đặt phục binh ở địa đầu xã Quất Lưu (huyện Yên Lãng) còn ở tả hữu đồn giặc thì sai thân quân kéo cờ đánh trống, dóng voi ngựa phô trương thanh thế cho giặc sợ hãi. Chúa đốc quân tiến thẳng đến sát mặt trước. Đêm ấy quân "giặc" theo đường Quất Lưu đi Đông Suất. Đàm Xuân Vực theo đúng kế hoạch phát hiệu lệnh, quân mai phục 4 mặt đều nổi dậy, phá tan "giặc" thu được súng. ngựa, khí giới rất nhiều.

5. Ngày mồng 10 [5 - II - 1751], Chúa cưỡi voi lên núi Quất Lưu, đốc quân truy, bắt được tì tốt của "giặc" và thu cờ trống, về đóng ở hành tại, thưởng tướng sĩ 100 lạng vàng, 200 lạng bạc. Vì Nguyễn Trọng Thân không đợi sai mà trước tiên đến sát lũy giặc, phạt 50 lạng bạc để răn

---

(1a) Các địa danh Hạ Hòa, Bình Tuyền ở đây chứng tỏ sách này được chép trước năm 1841, vì nếu chép sau 1841 phải đổi thành Hạ Hòa, Bình Xuyên theo lệ kiêng húy đời Nguyễn.

(2a) A.1415 chép là Kim Lĩnh hầu Nguyễn Hữu Tài.

người cậy mạnh khinh suất tiến bừa. Bấy giờ đại đồn "nghịch" Phương ở núi Ngọc Bội, tả dồn ở núi Quải Đăng (tục gọi là núi Cháy Đồn), Hữu dồn ở núi Phí (tục gọi là núi Sam) phòng thủ rất nghiêm. Ngày 13, Hoàng Ngũ Phúc, Đàm Xuân Vực vâng mệnh đốc suất tiền quân [tờ 90a] tiến đến núi Mễ Sơn (tục gọi là núi Cây Gạo), Tả quân tiến đến núi Huyền Doãn. Hữu quân tiến đến Lô Sơn (tục gọi là núi Lò Ngói). Hậu quân tiến đến cầu Đồng (tục gọi là Quai Thũng) tùy thế đóng trại. Đêm ấy tả quân ngầm lén lên núi Phí đến góc ngoài lũy "giặc" cắm 2 trại. Sớm hôm sau 2 quân Tiền, Hữu cùng tiến lên các đồn giặc ở trên núi Phí, núi Thiên Thị đều theo gió vỡ chạy. Quan quân giữ đất ấy. Bọn Hoàng Ngũ Phúc đang khải xin đánh dồn Thanh Lãnh. Chúa muốn tự đi đốc chiến. Tả hữu thấy trời rét, đường hiểm, can chúa dừng đi, chúa nói: "Trước Tông Thái Tổ vác đá mà đường hiểm trở thành đường bằng[5a], Sở vương xông pha trời tuyết áo rách mà vẫn ấm. Nay ta sai tướng sĩ xông pha mũi tên hòn đạn, mà ta lại sợ sương rét hiểm trở, thì không phải là đồng cam cộng khổ cùng chịu khó nhọc với tướng sĩ vậy". Liền sai lên ngựa tiến đi. Ngày 22 sai sĩ tốt phá núi làm đường, hơi núi bốn bề bốc lên, mây mù âm u dày đặc, cây cỏ và hình người trong gang tấc cũng không trông rõ. Đến sáng rõ từ núi Huyền Doãn tiến lên núi Phí, chúa mạo hiểm đi bộ tiến trước tướng sĩ. Bỗng chốc mây mù cuốn sạch, sắc trời bừng sáng. Chúa cưỡi voi lên **[tờ 90b]** ngọn núi cao nhất chỉ huy quan quân bốn mặt. Giặc nhìn nhau kinh hãi, cho là từ trên trời xuống, không dám kháng cự. Hơn 30 đồn Tân Sơn, Trúc Sơn, Thanh Lãnh và Trường Đê đồng thời vỡ chạy. Chư tướng chia quân đóng giữ các đồn ấy. Đêm ấy, chúa đóng ở núi Phí, núi cao gió mạnh, khí núi bốc lên, trời rét. Chúa sai lấy củi đốt lửa cùng các bề tôi đi theo ngồi sưởi, chiến bào thay gối, chẻ tre làm giường, bữa ăn chỉ có một món thịt hoẵng.

6. Ngày 23 [18-11-1751] Đàm Xuân Vực đốc suất quân bốn mặt tiến đánh đồn núi Ngọc Bội. Chúa từ núi Phí đi bộ vào Thanh Lãnh, qua trước suối Tân Sơn, cưỡi voi vẫy quân tiến đánh. "Giặc" lui giữ dồn cũ ở núi Yếm Nhĩ. Chúa vào đồn Ngọc Bội. Sai Bùi Thế Đạt đem Tả quân cùng thổ binh Thái Nguyên ra các huyện Phổ Yên, Đại Từ. Trịnh Tự

(5a) *Tống Thái Tổ vác đá:* Trong một cuộc hành quân, gặp đoạn đường có nhiều đá ngăn trở. Tống Thái Tổ ngồi trên lưng ngựa còn mang một hòn đá. Quân sĩ thấy vậy cũng phấn khởi đua nhau vác đá dọn đường, một chốc công việc xong ngay và đường được thông. *Sở vương xông pha trời tuyết:* Chưa rõ điểm này.

Hành dem lính tả hiệu nội thị cùng lính các hiệu quân Dũng Thắng từ núi Sạ Não qua núi Nga Hoằng, núi Dị Nâu, đi quanh qua bên hữu núi Tam Đảo, đều tùy đường hiểm yếu chia quân mai phục để đợi sẵn. Chúa từ Ngọc Bội đi nhành vào Phế Dinh, sai quân thành hàng một như xâu cá, như kiến bò, mở lũy đánh vào [tờ 91a]. Giặc dựa vào thành tử chiến. Phía Hữu quân, lính "Tuyển trạch" hơi lùi. Chúa cưỡi voi đi trước, tướng sĩ níu cành cây leo vách đá, cướp đường xông lên đánh. Ba mặt cùng bắn vào mấy tầng lũy sạt đổ. Quân "giặc" tan vỡ, thây chết chồng lên nhau, "nghịch" Phương chỉ trốn thoát được một mình, đến đêm đốt bỏ dồn, lẻn vào núi sâu trốn đi. Chúa ủy cho Đàm Xuân Vực đem quân chia đường tìm bắt.

7. Ngày 25 chúa lên núi Yểm Nhĩ xem khắp tình thế. Để Hoàng Ngũ Phúc đốc suất hậu quân, cho bọn Nguyễn Trọng Thân án giữ đồn Ngọc Bội. Chúa về hành tại Hương Canh. Sai quân tịch thu của cải của "giặc" Phương gồm các thứ vàng bạc, tiền, lụa, đồng, sắt, chì, thiếc, súng, đạn, chiêng, trống, voi, ngựa, khí giới. Còn thóc gạo, muối mắm, trâu, dê, gà, chó thì cho quân dân tha hồ lấy.

8. Bùi Thế Đạt, Đào Hoàng Trung (người xã Phụng Công, huyện Yên Dũng) cai quản hiệu Ngũ Dũng và phiên thần Thái Nguyên là Ma Thế Lộc nã bắt được đồ đảng "giặc" là tên Đang, tên Điển, tên Bì, tên Nhượng, tên Hồ, tên Hoan, tên Lễ, tên Bích, tên Quýnh, tên Sắc, tên Liên, tên Dù gồm hơn 10 người, lục tục giải nộp cửa quân.

9. Ngày 28 [23 - II - 1751] chúa sai Liêu Trung **[tờ 91b]** hầu Nguyễn Đình Cầu đến Ngọc Bội thưởng cho tướng sĩ 200 lạng vàng, 2000 lạng bạc. Tháng hai, chúa sai Hoàng Ngũ Phúc đến hành tại Hương Canh, biên tên bọn tù binh bắt được ở trận Hương Canh hơn 700 người. Sai Lãng Phương hầu Nguyễn Danh Thường, chỉ giết những tên tướng dữ là bọn tên Cán và tì tướng 41 người. Còn đều tha cả, hạ lệnh: Từ nay chư quân giải tù binh giặc đến, đều cho bọn Hoàng Ngũ Phúc, Nguyễn Nghiễm tra hỏi, đứa nào tội nặng thì giam lại, đứa nào tội nhẹ thì phát lạc, hoặc tha ra. Đàm Xuân Vực vâng mệnh truy đuổi "nghịch" Phương rất gấp. Ngày mồng 7, Phương giả làm lính bị thương, sai đồ đảng cáng ra chân núi ở phần đất xã Tĩnh Luyện, huyện Lập Thạch. Bị người đi do thám biết, phục binh vây bắt được. Ngày 12 giải đến hành tại Hương Canh dâng tù. Chúa sai bọn Nguyễn Phan, Nguyễn Viết Tải chém những tên giặc hung tợn là bọn tên Lễ, tên Hỗ 62 người.

10. Ngày 22 [19 - III - 1751] Chúa Trịnh Doanh cho mở tiệc khao các hàng văn võ và các tướng sĩ, định công bình Tây. Thưởng cho Hoàng Ngũ Phúc, Đàm Xuân Vực mỗi người 3 bài vàng. Đỗ Thế Giai, Bùi Thế Đạt, Nguyễn Phan, Nguyễn Viết Tài, Nguyễn Trọng Thân mỗi người đều một bài vàng. Thêm cho Thế Đạt 2 bài bạc nữa, Nguyễn Phan một bài bạc. Tán lý Nguyễn Nghiễm, Tham mưu Phan Cảnh, Hiệp đồng Đoàn Chú cùng Liệt hiệu là Nguyễn Đức Hoành cũng được thưởng bài bạc có thứ bậc.

11. Lúc bấy giờ Phạm Đình Sĩ đóng cũi giải "nghịch" Cầu vừa đến hành tại Hương Canh, chúa đương dự tiệc khao các quan, bèn sai Cầu thổi sáo, Phương rót rượu, ba quân vui mừng reo vang như sấm[11a].

12. Chúa sai bọn văn thần Nguyễn Tông Quai, Dương Công Chú, giám quan Nguyễn Bá Khánh, Nguyễn Đình Khôi chia đi các lộ Sơn Tây, Thái Nguyên, Kinh Bắc khám xét tình trạng nhân thân diêu tàn hao tổn và tuyên bố chỉ dụ. Lúc bọn Quai từ tạ ra đi, chúa dụ rằng: "Nghịch" Phương tàn phá, dân không được yên sống đã lâu rồi. Các khanh đi đến dân cốt trước hết tuyên bố ân đức, để đạt dân tình, vỗ về cho dân yên nghiệp. Càng nên nghiêm cấm bọn đầy tớ tham lam; Những

---

[11a] Các sự kiện trên, A.4 chép có khác, như sau: "Mùa xuân, tháng hai, ngày mồng 10 là ngày Tân Mão, [20 - III - 1751] bắt Nguyễn Danh Phương. Ngày Giáp Ngọ [23 - III - 1751] Minh Vương kéo quân về. Trước đó chúa bắt đầu đánh đồn Ức Kỳ, giặc đem hết quân ra chống giữ, bắn đạn như mưa. Chúa cười voi rút gươm đưa cho Nguyễn Phan, nói: "Không phá được đồn này lập tức xử theo quân pháp". Phan cởi chiến bào mặc áo lụa, xuống ngựa, đánh dưới đất, ngoảnh lại bảo thủ hạ rằng: "Trừ các quân đã có tên trong sổ quân, tự phải giữ phép quân. Bọn này đều là người nhà của ta. Nay chính là lúc ta bỏ mình báo quốc, cũng chính là ngày bọn mày báo ơn ta nuôi dưỡng. Nhưng tình thế không dễ dàng, vậy những ai có cha mẹ già, con bé thì đều cho lui ra. Còn nữa thì phải cố sức cùng ta quyết sống chết để báo ơn nước, khỏi thẹn cái thân mày râu này". Mọi người nghe, không ai chịu lùi. Phan thân đi trước sĩ tốt, đánh phá "giặc". Được 2 ngày cũi nhốt Nguyễn Hữu Cầu đưa tới và thư báo tiệp của Phạm Đình Trọng bắt được Cầu đến quân thứ. Chúa sai đưa lại cho thổ dân và bại binh của Phương tha hồ xem. Ai nấy đều thất kinh. Phương nghe tin cũng rất sợ. Tháng 1 ngày Mậu Thân đồn Hương Canh vỡ, ngày Tân Dậu [22] tiến công Ngọc Bội. Quân "giặc" tan tác, trốn vào núi Độc Tôn. Ngày Nhâm Tuất [23] đại phá chúng. Phương cùng đồ đảng đêm tối đốt lũy trốn. Tháng hai mồng 10 Kỷ Mão [11] truy nã ở Lập Thạch bắt được. Nhân mở tiệc lớn đãi tướng sĩ ở Gò Lư [Xuân Hy] sai Cầu thổi tiêu, Phương rót rượu. Chúa về kinh, tâu lên vua. Ngày Bính Thân [29] dâng tù ở Thái miếu, sai giam cả ở ngoài cửa phủ, xa gần người xem chen chúc, Cầu mưu vượt ngục bị lộ chuyện, bèn đem chém cùng với Phương, truyền thủ cấp đi bốn trấn, lại giết cả người thiếp của Cầu là Nguyễn Thị Quỳnh. Quỳnh là con gái của [Nguyễn] Cừ".

việc ăn uống, đưa đón nhất thiết không được làm phiền dân. Cho bọn Quai tiền phí hành trình là 200 quan.

13. Tờ dụ chỉ đại lược rằng: "Nuôi binh là để giữ nước, đánh giặc là để cứu dân. Việc binh đao là việc thánh nhân [tờ 92b] bất đắc dĩ mới làm. "Giặc" Ngũ ngu xuẩn kia chiếm giữ cõi tây, những dân lân cận ngoài mặt đi theo, đem thân phục dịch nó, cũng là để tạm sống qua ngày chứ không phải cam tâm theo giặc. Ta đem 6 quân[13a] hùng mạnh của nhà Hạ thổi bùng thêm ngọn lửa to đang cháy, mở ba mặt lưới vua Thang[13b] cũng chỉ muốn theo lòng nhân. Nào ngờ lũ "giặc", vẫn cứ quấy rối. Bèn đem đại quân tiến đánh, giết dứa cầm đầu mà tha kẻ bị cưỡng ép theo, thi hành chính sách ban ơn để chữa bệnh đau khổ cho dân. Dân các lộ đều nên yên tâm, chớ nên nghi ngờ lo sợ. Những xã nào trước có dinh tráng bị giặc cưỡng ép dụ dỗ đi theo, bị chúng sai khiến, thì phụ lão và người trong họ hàng phải bảo nhau, hoặc quay giáo lại đánh giặc, hoặc cởi bỏ áo giáp hồi hương. Việc thu nạp, vỗ về khoan xá thi hành đều y theo điều lệ khu xử với người đã đầu hàng và dân thường còn sống sót ở miền đông bắc, để tỏ lòng nhân không nỡ chém giết, cho dân nhờ được sống còn".

14. Ngày 24, sai Đàm Xuân Vực làm Thống lĩnh ba đạo, Nguyễn Nghiễm làm Tán lý, Phan Cảnh làm Thạm mưu, đem quan quân ba đạo tùy nghi tiễu trừ phủ dụ để bắt sạch dư đảng "giặc", cho dân được ở yên.

15. Ngày 25 [22 - II - 1751] chúa Trịnh Doanh đem đại quân khải hoàn. Ngày 26 [23 - III - 1751] [tờ 93a] về đến kinh sư. Kể từ ngày ra quân đến lúc đánh phá được đồn Ngọc Bội chỉ có 43 ngày.

16. Ngày 28 [25 - III - 1751] chúa đến tâu cáo ở Thái Miếu, áp giải "nghịch" Phương, "nghịch" Cầu đang tù ở cửa miếu và ngoài điện nhà vua.

17. Chúa cho Tri Lại phiên Dương Công Chú làm Hành bồi tụng phủ Liêu. Triệu Thừa chính sứ Sơn Nam là Trịnh Tuệ[17a], Tham chính Kinh Bắc là Lê Sĩ Bàng[17b] về kinh, sai trực ở điếm cửa tả, cầm bút khám hỏi các án kiện.

(13a) *Sáu quân*: Chỉ thiên tử, vì thiên tử có 6 quân.

(13b) *Mở ba mặt lưới vua* Thang có lòng nhân từ, đi săn mở ba mặt lưới, chỉ giữ một mặt, bắt những con vật nào *cố ý* chui vào lưới.

(17a) *Trịnh Tuệ*, bản trục chép nhầm là "Trịnh Đức".

(17b) *Lê Sĩ Bàng*: Người xã Nội Thiên Lộc, huyện Thiên Lộc (Nghệ An) đỗ tiến sĩ khoa Bính Thìn (1736).

18. Hạ lệnh thần dân cả nước được viết thư trình bày công việc, dán kín dâng lên[18a].

19. Phúc thi công sĩ mới đỗ ở lầu Ngũ Long, đánh hỏng hơn 200 người, phạt các quan chấm trường có khác nhau. Quan chấm trường vì hình tích [gian lận] bị bắt tra xét rất nhiều.

20. Chúa đem 11 điều nghiêm sức các quan xét kiện. Sai chính phủ đưa xuống ngự sử, chuyển sức cho các ty. Chúa tự ra đầu đề "Cách tệ hành thiện" [đổi điều tệ, làm điều thiện] hỏi quan lại sĩ phu, đều cho làm phong thư dán kín để tâu.

21. Mùa hạ tháng tư ngày mồng 2 [27 - IV - 1751], các quan 2 ban văn, võ là bọn Trịnh Đạc, Vũ Tất Thận, Nguyễn Gia Châu, Hoàng Ngũ Phúc, Nguyễn Huy Nhuận, Đỗ Thế Giai, Đàm Xuân Vực, Phạm Đình Trọng, Đinh Văn Giai, Đỗ Nguyễn Thụy, Trần Đình Miên, Nguyễn Công

---

[18a] A.1210 chép thêm một việc sau: "Chỉ dụ cho các học quan khôi phục thể văn đời Hồng Đức. Buổi quốc sơ về văn chương hùng hồn chứ không cần cân đối. Cốt nói được điều cốt yếu, đại thể, chứ không phân biệt từng mục nhỏ. Khoảng niên hiệu Thiệu Bình [1434 - 1439] Hồng Đức [1470 - 1498], môn kinh nghĩa không câu nệ ở chương nào, như câu: "Nhặng xanh kêu vo ve, dậu ở tấm phên" (1). Sĩ tử nếu không phải là người thông kinh truyện, thì không thể làm được kinh nghĩa, về môn tứ lục, thơ, phú, khi thì dùng cổ sử, khi thì dùng sách ngoại thư [ngoài kinh điển quy định] hoặc dùng chính sự đương thời, ví như những đề ra sau đây: Bài chế "Cho Lê Niệm giữ chức Bình chương", bài hiểu "Về việc Chiêm Thành cống voi" và các đề thơ phú như "Độ nghĩ Kiều" (2) "Nghiễn trì ngưu" (3), "Ngư phủ nhập đào nguyên" (4) "Hải dường thụy vị túc" (5) v. v... nếu không phải người giỏi về từ phú thì không thể làm được thơ phú và tứ lục. Văn sách cũng thế. Đầu đời Trung hưng, một lần biến thành lối văn tầm chương trích cú. Khoảng năm Chính Hòa, Giáp Tuất [1694] bàn khôi phục lại thể văn đời Hồng Đức. Vũ Thành (6). Ngô Vi Thực, nối nhau chấn chỉnh và chỉ thị ở 2 kỳ xuân thu. Nhưng kỳ văn sách thi Hội lại khôi phục thể cũ. Năm ngoái, kỳ phúc khảo ở bãi Trung Sa, Ngô Đình Oánh và Trần Huy Bật ra đề, lại chia ra nhiều mục. Nhữ Đình Toán ghét, xin với chúa ban dụ chỉ xuống rằng: Văn sách cổ hỏi về sự đúng sai của chính thể đại lược. Văn sách kim hỏi việc thời sự cơ nghi, các kỳ thi Hương, Hội, đình đều theo thể văn đời Hồng Đức".

Chú thích của đoạn khảo chú trên:

1) Một câu trong thơ Thanh dãng, thiên Tiểu mã, *Kinh Thi*, ý nói giống nhặng xanh làm cho thứ sạch thành bẩn, chỉ bọn tiểu nhân hay gièm pha.
2) Bắc cầu cho kiến bò qua: điển trong *Tống sử*. Tống Giao thấy đàn kiến bị mưa ngập sắp trôi bèn dùng cành cây làm cầu cho kiến bò qua.
3) Hình con trâu trong nghiên mực.
4) Ngư phủ vào nguồn đào, dùng điển ở bài "Đào hoa nguyên ký" của Đào Tiềm.
5) Hoa hải đường còn ngái ngủ: điển Đường Minh Hoàng với Dương Quý Phi, nàng còn ngái ngủ, vua nói: "hoa hải đường ngủ chưa đã đấy thôi!".
6) *Vũ Thành*: người xã Đan Loan, huyện Đường An, Hải Dương đỗ thám hoa khoa Ất Sửu (1685).
7) *Ngô Vi Thực*: người xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai.

Thái, Vũ Tá Liễn, Lê Trần Cẩn **[tờ 93b]**, Nguyễn Đình Thuần, Trịnh Phông, Trịnh Tôn, Nguyễn Trọng Thân, Phạm Đình Sĩ, Thái Triệu Cơ, Trịnh Tân, Ngô Như Dân, Lên Chấn Lệ, Nguyễn Phan, Lê Đình Cơ, Nguyễn Đình Khoan, Nguyễn Quý Kính, Trần Cảnh, Lê Hữu Kiều, Hà Tông Huân, dâng bài khải mừng việc bình Tây[21a]. Bài khải đại lược rằng:

22. "Bậc vương giả dẹp trừ giặc giã, người nhân từ ai địch nổi đâu. Kính nghĩ chúa thượng: Lễ đúng chỗ chôn ngọc[22a] được vâng mệnh cả, mặt trời quá ngọ lại quay về[22b]. Đổi sửa lại dây đàn, chấn chỉnh cơ đồ, lệnh xuống trước canh[22c] đà dự bị. Bên trong để tâm chính sự, bên ngoài lưu ý việc quân. Quyết ý nam chinh, đắt Ngân Già xác kình[22d] chôn cao thành đống, ra oai đông phạt, miền Ninh Xá chim quạ đến đậu trên thành[22đ]. Mọi nơi đều đã tảo thanh; khắp cõi dương vui hồi phục. Ngu xuẩn thay "giặc" Ngũ chiếm giữ chốn biên cương. Kiệt hiệt hơn Cầu, Chất mọc tên; quấy rối cả Tuyên, Hưng các lộ. Lũy cao núi xanh, bao quanh muôn thước, sào huyệt hiểm hơn Hạc Động, Đồ Sơn[22e]; lương chứa thóc đó khe suối ngàn kho, tích trữ giàu quá Xương Hà[22g], Đỗ Xá[22h]. Nhiều lần sai tướng, chưa dẹp được yên, lâu ngày tiến quân, chỉ nhọc giải cứu **[tờ 94a]**. Muôn dặm nơi hiểm nơi bằng, trong lòng hiểu rõ, cần gì đắp gạo làm núi hang[22i]. Ngàn mẹo quân kỳ quân chính, tự ý chuyển xoay đã đặt sẵn sàng thành trận đá[22k]. Áo cừu xông pha khi nửa đêm rét buốt, làm cho người trong tuyết ấm thân. Gốt ngọc trải khắp chỗ dường núi

---

[21a] *Bình tây:* chỉ việc đánh dẹp Nguyễn Danh Phương.

[22a] *Chôn ngọc:* Sở Cung Vương có 5 con muốn chọn lấy một người để nối ngôi, khi làm lễ ở Thái miếu, chôn hòn ngọc bích ở sân, cho các con vào lễ xem ai lễ đúng chỗ chôn ngọc thì chọn. Bấy giờ Sở Bình Vương lễ, đúng đúng chỗ chôn ngọc.

[22b] *Mặt trời quá ngọ lại quay về:* nguyên văn: "Hồi ngọ" Hán Văn Đế sắp lên ngôi, lúc ấy mặt trời đã quá ngọ. Văn Đế khấn rằng: "Nếu tôi đáng làm vua thì mặt trời quay lại vị trí giờ ngọ". Mặt trời quả xoay lại, bóng nắng trở về vị trí giờ ngọ (giữa trưa).

[22c] *Trước canh: Kinh Dịch* quẻ tốn có câu: "Tốn dĩ thân lệnh, tiên canh tam nhật" (trước ngày Canh ba ngày, là ngày Đinh, đã dự bị rồi).

[22d] *Kình:* cá voi, xác người tử trận. Xưa nước Tần sai Mạnh Minh thị đến chỗ chiến trận (Tần, Tấn đánh nhau) chôn xác chiến sĩ tử trận, gọi là đắp mả kình nghê, cũng gọi là "Kình quán".

[22đ] *Quạ đậu trên thành:* Sở, Tấn đánh nhau, quân Sở lui về quân Tấn đến xem chỗ trại quân của Sở. Thấy quạ đậu ở đấy mà quân Sở đã về hết.

[22e] *Hạc Động*, Đồ Sơn: chỗ Nguyễn Hữu Cầu đóng quân.

[22g] *Xương Hà* là Thọ Xương ở sông Thương. Chỗ Nguyễn Hữu Cầu đóng quân.

[22h] *Đỗ Xá* chỗ Nguyễn Tuyển đóng quân.

[22i] *Đắp gạo làm núi hang*: Mã Viện đời Hán đắp gạo làm núi hang, bày quân phục cho vua Quang Vũ xem, trước khi đem quân vào xứ Thục.

[22k] *Trận đá*: Khổng Minh đời Tam quốc xếp đá ở bãi sông, bày làm Bát trận đồ.

mấp mô, khiến cho kẻ sườn non bước rào. Xuống Thanh Lĩnh, quân hổ báo chạy nhanh không bén gót. Đánh Ngọc Bội thì đàn cáo thỏ chạy vào rừng. Tuyên, Hưng cùng Sơn, Thái đều dẹp yên. Lập Thạch cùng Nghệ An giải tướng giặc. Quân thì trăm phần hăng hái, những muôn đuổi thú đến cùng rừng. Chúa thì một bụng nhân từ, không nỡ giết chim ở đồng nội. Đến đâu cũng mong cho yên định, ra quân trước hết phải có danh. Cho dân đều được ở yên, triều đình không còn lo ngại. Lũ chúng tôi cố gắng giữ chức vụ siêng năng, tự thẹn không có công lao mang yên ngựa, giữ then khóa. Đánh dẹp toàn nhờ uy linh chúa thượng, xin nối theo lời ca tụng hạ Tây Thục[22l] bình Hoài Di[22m]. Cúi mong xét đến quẻ Khiêm, hào cửu Tam trong Chu Dịch: "Có đức khiêm được tốt về sau". Thời thường giữ gìn lòng thánh, cũng như vua Thang mười một lần đi đánh, mọi nơi không ai địch nổi, mà hàng ngày tu sửa nết hay. Vậy dâng khải mừng".

23. Ngày mồng 7 [2-V-1751] giết tướng "giặc" Nguyễn Danh Phương. Nguyễn Hữu Cầu cùng **[tờ 94b]** đồ đảng là bọn tên Đương, tên Điển, tên Bì (em Phương) gồm 19 người. Đem hai đầu của Phương, Cầu tế các tướng sĩ đã chết trận. Lại cho đem hai đầu ấy truyền đi bêu ở các trấn.

24. Tháng năm ngày mồng 1 [25 - V - 1751] nhật thực.

25. Tháng sáu, định lại chức trách trăm quan. Chúa Trịnh nghĩ trong cõi đã yên, trước nên chỉnh định quan chức. Sai Nhữ Đình Toàn tham chước thể lệ quan chế của các triều làm thành sách "Tấn thân sự lục" [25a]. Từ lúc Trung hưng trở lại, đại thần trong chính phủ lấy danh nghĩa Chưởng phủ, Thự phủ đứng đầu võ giai làm Ngũ phủ. Tham tụng; đứng đầu Văn giai làm phủ Liêu, đều quan hệ đến nhiệm vụ Tể tướng. Thứ đến Bồi tụng. Quyền phủ cùng nghị bàn chính sự. Những thuộc viên là Thiêm sai, Tùy sai, làm việc khám hỏi bổ dụng xen cả hàng văn hàng võ vào. Duy quan văn giữ chức Tri lục phiên làm văn thư. Bề tôi thân cận là Nội sai tiểu ty, giữ việc truyền mệnh lệnh ra và đưa biểu tấu vào. Các quan sáu bộ cầm đại cương cho sáu phiên. Các quan sáu khoa đàn hặc lầm lỗi của sáu bộ. Các quan Tự khanh trong sáu tự[25b] đều giữ chức

---

[22l] *Hạ Tây Thục:* Tư Mã Chiêu nước Ngụy đánh lấy nước Thục rồi bắt ca sĩ nước Thục múa hát nhạc nước Thục cho Hậu chủ Lưu Thiện nghe.

[22m] *Bình Hoài Di:* Thơ Giang Hán ở Đại nhã *Kinh Thi* ca ngợi việc Chu Tuyên Vương sai Thiệu Hổ đi đánh Hoài Di.

[25a] *Tấn thân sự lục:* CM chép là "Tấn thân thực lục".

[25b] *Sáu tự:* Đặt ra từ đời Lê Thánh Tông gồm có: Thượng bảo, Quang lộc, Hồng lô, Thái thường, Thái bộc và Đại lý. Mỗi tự đặt chức tự khanh và thiếu khanh.

vụ của mình. Ngự sử đài làm giường mối cho 13 đạo[25c] và các Đê lĩnh, Phủ doãn ở kinh kỳ, Đề hình **[tờ 95a]** giám sát đều thuộc Ngự sử đài. Các quan ngoài thì đặt ba ty là Trấn, Thừa, Hiến. Trấn ty thì coi việc cầm phòng. Thừa ty thì làm biểu suất cho các châu huyện. Hiến ty thì đàn hặc từ Trấn ty đến các quan huyện phủ, xét hỏi kiện tụng. Hiệu quan [giáo thụ] ở huyện thì khảo duyệt học sinh. Ba ty đều thuộc Ngự sử dài. Quan trong còn có Tôn Nhân phủ, Quốc tử giám, Kinh diên, Sử quán, Hàn lâm, Đông các, Tư lễ, Tư thiên giám, Lệnh sử, ai nấy có chức trách, đều thân sức lệ cũ. Đến nay lại đem 9 điều huấn thị cho chính phủ, để tùy tài bổ dụng, chọn lấy các chức, bởi thế trong ngoài ai cũng cố gắng, giữ phép nghiêm trang, có thể gọi là "Pháp điển đời thái bình" vậy. Chín điều là: 1) Chính quân tâm [làm cho lòng vua được ngay thẳng]; 2) Chọn xét quan lại; 3) Bàn việc dân chính; 4) Xét quân cơ; 5) Tiết chế việc quốc dụng; 6) Sáng tỏ thể lệ kiện tụng; 7) Làm rõ ràng việc tính toán thu chi; 8) Thưởng phạt cho đúng; 9) Pháp lệnh nghiêm minh.

26. Mùa thu, tháng bảy, mẹ chúa Trịnh Doanh là Vũ Thị mất[26a].

27. Mùa đông, tháng mười, Cần quận công Đinh Văn Giai[27a] mất. Giai là dòng tướng, vốn có tiếng. Chúa tin cậy trọng thị sai kiêm coi vài đạo **[tờ 95b]**, từ dấy nuôi uy danh lớn, gặp giặc thường dềnh dàng, không đánh. Triều đình ngờ có ý khác. Sau các tướng khác nối nhau tiến cử nhiều người lập được công, danh vọng của Giai bị giảm sút, nên rất thẹn. Đến nay mất, chúa còn nghĩ lại công lao cũ, tặng Hữu đô đốc.

28. Năm ấy Tuần phủ Quảng Ngãi Nguyễn Cư Trinh tâu với chúa Thế Tông [Phúc Khoát] rằng: "Dân là gốc của nước, gốc không bền thì nước tất không yên. Ngày thường không có sự cố kết dân tâm, khi có việc thì dựa vào đâu? Tôi trộm lo dân gian thói tệ đã quá, nếu cứ yên thường thủ cựu, không nhân thời thêm bớt, lập kỷ cương để sửa trị thì một xã còn không trị nổi nữa là một phủ. Nay tệ hại cho dân có 3 việc là: nuôi lính, nuôi voi, nộp tiền án. Còn ngoài ra những cái nhũng phí quá lệ cũng nhiều. Những việc tệ hại đó ở kinh kỳ tôi không dám vượt

---

(25c) *Mười ba đạo:* (1) Thanh Hoa, (2) Nghệ An, (3) Sơn Nam thượng, (4) Sơn Nam hạ, (5) Hải Dương, (6) Kinh Bắc, (7) Sơn Tây, (8) Hưng Hóa, (9) Tuyên Quang, (10) Thái Nguyên, (11) Lạng Sơn, (12) An Quảng, (13) Cao Bằng.

(26a) A.1210 chép: Mùa thu, tháng 9, mẹ chúa là Vũ Thị mất, tên thụy là Từ Đức.

(27a) *Đinh Văn Giai:* Người xã Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng dòng Đinh Văn Tả (X. tập I, 226).

chức, chi xin đem việc trong chức phận mà nói như sau: dân phủ Quảng Ngãi đã nhận lệnh ở các vệ viện trưng thu thuế sai dư tô ruộng, các thứ biệt tải, biệt nạp, vi tử, thuế đầu **[tờ 96a]** nguồn, lại chịu lệnh ở quan lại nha bản phủ và những người được sai đi săn. Đó là cái cảnh "mười con dê mà chín người chăn", làm cho họ phải cùng khôn thất nghiệp, thực là đáng thương. Đã không có hằng sản thì sao giữ được hằng tâm. Đương lúc bình thì dân tâm còn rất dao động, đến khi việc thì chế ngự làm sao cho kịp. Tôi xin trình bầy 4 điều thay đổi tệ nạn: Một là phủ huyện là chức trị dân, gần đây không giao trách nhiệm làm việc, chỉ cho khám hỏi án kiện. Xin từ nay về sau các tiền thóc, thuế sai dư, tô ruộng các thứ biệt tải, biệt nạp, cùng ngụ lộc, thuế đầu nguồn, nhất thiết ủy phó cho huyện thu biên, chuyển giao cho quan Quảng Nam đệ nộp, cho khỏi cái tệ phiền nhiễu của nhiều lại viên. Hai là quan phủ huyện từ trước đến nay chỉ lấy việc bắt bớ tra hỏi làm lộc thường xuyên, do đó của dân càng hao, tục dân càng bạc. Nay xin định cấp cho thường lộc, cứ lấy liêm, tham, siêng, lười làm căn cứ thăng truất. Ba là lậu đinh có hai thứ, có người trách thu dịch, tiền thuế mà đi lang thang; có người vì cơ hàn thiết thân mà xiêu dạt. Nay không chia đẳng hạng, nhất thiết vào sổ để thu thuế. Chúng hễn sợ mà xiêu tán, hoặc làm trộm cướp, dân xã ấy lại phải đền bồi cho đủ thuế nhà nước **[tờ 96b]** thì chịu sao nổi? Nay xin xét lậu đinh nào còn có làm ăn sinh sống được thì thu thuế như lệ. Còn những người đói rét cùng khốn thì miễn thuế, tùy cách vỗ nuôi, để cứu sống kẻ khốn cùng. Bốn là dân nên để cho tĩnh, không nên để cho động, động thì dễ loạn, tĩnh thì dễ trị. Nay sai người vào rừng săn bắn, đòi ngựa tìm chim, người sai đi không thể tất đức ý bề trên, nhiễu hãi dân một phương. Lại còn có người giả mạo danh nghĩa, đến đâu ức hiếp đó, dân đều oán thán. Xin từ nay sai người đi làm việc gì, đều có giấy tờ làm bằng, lúc đi, lúc về trình tại quan địa phương, khiến có thể xét nghiệm phải trái thật giả. Ai nhiễu hại dân thì cho quan địa phương được tiện nghi xử trị, hoặc bắt giải đưa người ấy về tâu lên, may ra lòng dân yên tĩnh, khỏi dao động. Tờ sớ này trình bày đại để muốn đổi cái tệ nhiều lại viên làm nhiễu dân, lời rất kích thiết; cũng thấy được Trinh là người có tài sửa sang cứu chữa. Chưa bao lâu chúa Nguyễn cho thăng Nguyễn Cư Trinh làm Ký lục dinh Bố Chính **[tờ 97a]**.

Nhâm thân, [Cảnh Hưng] năm thứ 13 [1752] (Thanh, Kiền Long thứ 17)

1. Mùa xuân, tháng hai, Chúa Trịnh Doanh sai các đại thần Tham tụng. Bồi tụng ngày ngày vào chính đường bàn việc.

2. Bấy giờ có việc hưng binh, sở tại bị tàn phá. Huyện Chương Đức trấn Sơn Nam và các huyện Mỹ Lương, Yên Sơn, Thạch Thất trấn Sơn Tây dân phiêu tán càng nhiều. Chúa sai Vũ Công Trấn, Đỗ Huy Kỳ, Lê Hoàng Vĩ(2a) chia nhau đi các hạt miền tây, nam thăm hỏi.

3. Chúa Trịnh bảo các quan chính phủ rằng: "Ngày nay tài chính là việc cần trước hết. Thuế khóa xưởng mỏ các đạo nên bàn bạc gấp", bèn sai quan hữu ty kê khai việc thu phát và số tiền hiện có nhiều hay ít.

4. Bọn Đàm Xuân Vực, Nguyễn Nghiễm đánh tan đảng "giặc" tên Tương ở Sơn Tây. Tên Tương thua chết, cắt lấy đầu đóng hòm dâng lên. Chúa sai Nguyễn Hoàn đến quân trung hỏi han yên ủi, đem 200 lạng bạc, hơn 2000 quan tiền thưởng phát cho tướng sĩ. Trước Tương cùng Lê Duy Mật họp đảng chúng, chiếm giữ các địa phương Ngọc Lâu, Vĩnh Đồng thuộc thượng du Sơn Tây, Hưng Hóa. Quan quân đến thì chạy tan, quan quân đi thì lại xuất hiện ở các nơi cướp bóc. Đến nay Tương chết, Lê Duy Mật trốn xa. Bọn Đàm Xuân Vực vì mưa lụt không tiện đuổi đến cùng, đóng quân ở Việt Trì **[tờ 97b]** (huyện Bạch Hạc).

5. Sai chính phủ bàn 3 điều sửa đổi tệ nạn: Một là cho quan Trấn thủ dò thám bắt những đứa nhiễu dân. Hai là đắp đê giữ nước sông. Ba là những tiền bắt phải đền mạng thu ở người phạm tội, giao cho bên khổ chủ nhận lĩnh(5a).

6. Sai tra tính các khoản chi phí hàng năm từ năm Kỷ Tỵ [1749] đến năm Tân Mùi [1751].

7. Mùa hạ, tháng năm, mưa.

8. Núi Tản Viên sụt 300 thước.

9. Sai quan khám xét dân diêu hao các huyện thuộc các trấn Thanh Hoa, Sơn Nam, Sơn Tây và Kinh Bắc, cho về yên nghiệp.

(2a) *Đỗ Huy Kỳ, Lê Hoàng Vĩ:* A.1210 chép là "Lê Quý Vĩ, Vũ Huy Kỳ". CM chép là: "Đỗ Duy Kỳ".

(5a) A.1210 chép có khác: "Một là cho trấn thủ bắt kẻ nhiễu dân. Hai là ở ven sông đắp đê, tính trừ số ruộng bị hao. Ba là tiền bồi thường nhân mạng thu ở phạm nhân cho phép chiết đồ vật".

10. Mùa thu, tháng bảy, thu thuế 7 tộc người Nùng[10a] ở các ngoại trấn. Lệ thuế hàng năm cho người Nùng là: Mỗi suất 6 tiền. 7 tộc mỗi nhà 7 quan. Lại 7 tộc có lệ "kiến ốc" [10b] 3 năm 1 kỳ, mỗi nhà phải nộp 2 lạng bạc.

11. Bàn việc cử đại binh đi đánh Lê Duy Mật. Chấp chính xin lại giao cho các quan đã được sai đi đánh giặc trước đây điều động. Chúa nghe theo.

12. Tháng tám. Răn các quan xét hình ngục không được giam tù lâu. Trừ các án ác nghịch, ăn cướp, giết người ra, còn các việc khác đều phải xét xử cho xong **[tờ 98a]**.

13. Mùa đông, tháng mười ngày mồng 1 [6 - XI - 1752] nhật thực.

14. Thi Hội các công sĩ, lấy bọn Lê Quý Đôn 6 người hợp cách[14a].

15. Tháng mười hai thi Đình, lấy Lê Quý Đôn dỗ tiến sĩ cập đệ đệ nhị danh (bảng nhãn), Đoàn Nguyễn Thục[15a] tiến sĩ xuất thân. Bọn Nguyễn Xuân Huyên 4 người đồng tiến sĩ xuất thân.

Quý Dậu, [Cảnh Hưng] năm thứ 14 [1753] (Thanh, Kiền Long thứ 18)

1. Mùa xuân, tháng giêng. Giảm suất đinh cho 2 phủ Kinh Môn, Nam Sách, cứ 5 suất giảm đi một suất.

2. Ngày rằm [17 - II -1753] nguyệt thực.

[10a] *Bảy tộc người Nùng* gồm Sơn trang Hắc tộc, Sơn tử Bạch tộc, Sơn tử Hắc tộc, Đại tiểu Bản tộc, Bát tiên tộc và Cao Lan tộc (theo CM).

[10b] *Kiến ốc:* theo CM là thuế nóc nhà. Chữ "Kiến" bản trục và A.1415 chép là sai. A.1210 và CM chép nghĩa là thấy nóc nhà thì đánh thuế (kiến ốc chinh thuế).

[14a] A.1210 chép thêm như sau: "Biếm chức viên quan ra đề là Nguyễn Quốc Khuê một "thứ". Phạt quan sơ khảo là Trần Danh Tố. Bấy giờ mới bắt đầu đổi thể văn, ngày thứ tư, vào hầu [chúa] chọn đề, các quan bảo Quốc Khuê làm. Khuê ra đề có câu: "Tam đại hành chính" (thi hành chính sự đời Tam Đại [Hạ Thương, Chu] ấy là cứ theo đề cũ mà Khuê không biết điều đó. Khi đề đã ra, trong trường xôn xao bàn tán. Hôm sau sĩ tử đánh chuông khải việc ấy với chúa. Chúa giận lắm, xuống chỉ cho thi lại. Biếm chức Quốc Khuê một "thứ". Đặc sai Nhữ Đình Toàn hầu ra đề, hỏi việc công và việc tư. Lấy đỗ 5 quyển. Có quyển của Ngô Thì Sĩ đáng ở hạng ưu, quan sơ khảo là Trần Danh Tố truất đi. Quan tri công cử là Trần Danh Ninh tâu lên. Chúa chuẩn cho Ngô Thì Sĩ làm chức Thiêm tri Công phiên, phạt tiền Trần Danh Tố 30 quan". [Nguyễn Quốc Khuê: người xã Bằng Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn [1748], Trần Danh Ninh: Người xã Báo Triện, huyện Gia Bình, Bắc Ninh].

[15a] *Đoàn Nguyễn Thục* [1718 - 1775] có tên là Duy Tĩnh người làng Hải An, huyện Quỳnh Côi (Thái Bình).

3. Tháng ba, hai huyện Yên Mô, Gia Viễn mưa xuống nước đen.

4. Chúa sai quan đi thăm hỏi dân diêu hao ở ven núi trấn Nghệ An.

5. Bàn việc dồn điền. Trước đây mặt đông nam trải binh lửa, đồng ruộng phần nhiều bỏ hoang. Sai quan sở tại lập dồn binh khai khẩn. Đến nay chước lượng lấy những lính ngoại binh đi đánh giặc về thay vào, chia ra các lộ cày cấy, chứa thóc để việc dự phòng nơi biên giới được đầy đủ.

6. Chúa cho Hương Lĩnh hầu Mai Thế Chuẩn làm Đốc trấn Lạng Sơn[6b] **[tờ 98b]**.

7. Mùa hạ, tháng tư, hai huyện Yên Sơn, Thạch Thất mưa đá, lúa ruộng địa phương ấy tổn hại lớn. Hạ lệnh giảm lệ thuế tô.

8. Thân sức về chức trách các ty, về lệ khám hỏi kiện tụng và cấm các quan khảo hạch học trò không được để người yết kiến riêng [để đút lót cầu cạnh].

9. Cho đô ngự sử Nguyễn Vĩ[9a] làm Hữu thị lang bộ Lại, Dương Công Chú làm Tả thị lang, Nguyễn Nghiễm làm Thiêm đô ngự sử.

10. Sai Hộ phiên tính toán số tiền của chi dùng xuất nhập trong một năm.

11. Đặt hiệu Bình đông, Bình tây để thu tiền tô của dân. Bấy giờ các lộ Tây, Nam, Bắc của trấn Hải Dương mới tập hợp dân diêu hao về, chưa đặt viên cai thu. Bèn đặt 2 hiệu (Bình đông, Bình tây) ở kinh sư cho dân tự nộp[11a].

12. Chúa Trịnh dụ các quan chính phủ rằng: Triều Ngu răn dè sự phiền toái. Chu Vương không kiêm việc ngục tụng vật. Đường Thái Tông cũng cho các việc vặt thuộc vào tả hữu thừa. Nay những văn án phiền phức nhỏ nhặt việc gì cũng xin ta phân xử, thực không phải thể thống

---

(6b) A.1210 chép thêm một việc: "Thưởng công các tướng sĩ đánh "giặc" Tương. Ai nấy đều được thăng chức có khác nhau".

(6a) A 1210 và A.4 chép thêm một việc: "Khôi phục Nguyễn Công Thái làm Tham tụng. Bấy giờ Trần Cảnh bị bãi chức Tể tướng. Chúa gọi Nguyễn Công Thái ra dùng lại. Công Thái bàn bãi bỏ phép "ứng cử" [nộp tiền thông kinh] Chúa nghe theo.

(9a) Nguyễn Vĩ, bản trục chép "Nguyễn Thường" là sai, đây theo A.1210 và CM.

(11a) CM đặt việc này vào năm 1751 và chú: Hiệu Bình đông: Sơn Nam và Hải Dương thuộc về hiệu này. Hiệu Bình tây: Sơn Tây và Kinh Bắc. A.1415 và A.1210 chép: Đặt hiệu Bình đông thu thuế tô của dân. Vì các lộ Nam Bắc, Hải Dương mới tập họp dân điêu hao, chưa kịp đặt chức cai trưng. Bèn quy về một hiệu. Sai quan thu thuế ở đó. Dân tự đem đến nộp.

làm chính trị. Từ nay về sau chỉ trừ các chức ty bị luận tội và tội phạm đến ngũ hình[12a] mới được thỉnh lên, còn các việc khác đều do quan chính phủ thẩm quyết

13. Cấm người đi kiện nộp khải vượt cấp. Và ai nhận riêng, nhờ cậy gửi gắm, dàn hòa thôi kiện thì phải phạt **[tờ 99a]**.

14. Tháng sáu, trời hạn, chúa cho các quan văn võ ai nấy đều dâng thư kín nói các việc.

15. Bãi vệ binh. Lúc trước cần quân đi đánh giặc, tạm lấy dân tứ trấn làm vệ binh, chia đặt cơ đội. Đến nay trong nước được bình, đều cho lính về quê làm ruộng. Duy hàng năm vào ngày tế cờ phải đến trấn thao luyện 5 ngày rồi lại cho về.

16. Miễn thuế thủy sản cho các lộ. Trước đây thuế thủy sản phần nhiều không theo ngạch cũ, hoặc đem sản vật dâng tiến, rồi thành lệ. Những thổ sản ấy không phải lúc nào cũng có, mà kẻ chức trách cứ trưng thu đốc thúc cho dân bị cái hại ấy, cho nên đặc cách miễn đi.

17. Chúa sai các quan văn tập bắn cung nỏ.

18. Mùa thu, tháng bảy, tù trưởng Trấn Ninh đến dâng phương vật (Trấn Ninh ở thượng du phía tây bắc Nghệ An, giáp đất phủ Trấn Man, trấn Thanh Hoa, có 7 huyện trực thuộc là Quang Vinh, Minh Quảng, Kim Sơn, Thanh Vị, Châu Long, Trung Thuận, Cảnh Thuần. Thổ tù là họ Lò Cầm nối đời làm [bổn] xà (tù trưởng), truyền đến đời Trấn quận công phía Bắc lấy đất Mường Ho, phía tây thông với Ai Lao, đất rộng dân đông, làm trưởng các man).

19. Cho Nguyễn Công Thái làm Tri Quốc Tử giám.

20. Định lệ thuế các mỏ. Trước lệ thuế mỏ vàng, bạc, đồng, chì, sắt, diêm sinh ở ngoại trấn phần nhiều ban cho các nhà quyền quý các sủng thần trưng thu. Nguồn lợi của mỏ đều bị tước bớt mà nhà nước thu thuế được rất ít. Đến nay ủy cho Trấn ty quản thu, những mỏ nào đã khai từ trước **[tờ 99b]** có sản phẩm thì thu thuế, chỗ hoang phế thì chiêu tập thuê người khai thác, liệu định mức thuế nộp lên.

21. Cho Hoàng Ngũ Phúc làm chức Chưởng phủ sự[21a].

[12a] *Ngũ hình:* 5 bậc hình phạt: 1) Xuy (đánh bằng roi). 2) Trượng (đánh bằng gậy). 3) Đồ (bắt làm khổ dịch). 4) Lưu (đầy phát văng). 5) Tử (giết chết). Mỗi bậc còn có hình thức nặng nhẹ khác nhau *(LTHCLC)*.

[21a] A.1210 còn thêm: "Đỗ Thế Giai làm Thự phủ sự".

22. Sai các quan chấp chính hàng ngày tập trung ở chính dường vào hầu giảng, bàn những ý nghĩa sâu xa của lời nói, việc làm cũ trong sách vở.

23. Dân lưu tản ở Thái Nguyên và các lộ Tây, Nam, Bắc đã hồi phục. Hữu ty trưng thu thuế tô, thuế điệu, phần nhiều nhiễu loạn quá lệ, dân hơi bị khổ vì việc ấy. Bèn hạ lệnh theo lệ Bình đông cho dân được tự đem nộp, cho quan sáu cung trực ở điếm tả hữu biên thu. Ai để chậm không thu ngay, sẽ bị tội.

24. Đặt phép đánh thuế quế, sai Đô ty 2 trấn Thanh Nghệ trông coi, đem tiền công giao cho thổ tù, sai dân đi tìm quế, lấy được bao nhiêu quế đưa đến quan giám đương[24a] cân rồi thu chứa.

25. Bấy giờ bộ Lại tuyển quan, có người mạo tuổi được lạm bổ, bị quan Lại khoa Trần Trọng Liêu cù hặc, bộ Lại bị tội về tuyển duyệt không tinh, bị giáng chức

26. Sai Đốc trấn Thanh Hoa là Nguyễn Nghiễm cho tướng giặc đã hàng đi khai khẩn ruộng bỏ rỗi.

27. Cho Hoàng Ngũ Phúc, Đỗ Thế Giai, Nhữ Đình Toàn ai nấy dâng sớ nói việc. Tiếp dó lại cho các quan viết thư kín trình bầy sự tốt xấu của chính sự **[tờ 100a]**.

28. Bãi trường đúc tiền của trấn, Chi trong kinh kỳ đặt hai trường đúc tiền ở Nhật Chiêu, Triền Dương[28a] ủy cho trọng thần giám đốc. Bởi vì các trấn đúc tiền phần nhiều quá lạm[28b] cho nên bãi đi

29. Sai quan văn tập bắn ở chính đường

30. Mùa đông, tháng mười, các lộ Nam, Bắc trấn Hải Dương bị gió bão, nước lụt, lúa ruộng bị chìm ngập, nhân dân mất mùa dói kém. Sai giảm và tha tiền gia tô. Các đồn điền do các cơ đội cày cấy bị tổn thất, cũng bàn cho khoan miễn.

31. Đàm Xuân Vực đi đánh giặc miền Tây về, đem sự cùng khốn của dân các huyện Trấn Thanh Hoa nói lên. Chúa bèn sai 2 ty Đô, Thừa của Thanh Hoa khám các suất hộ dân binh trong hạt so sánh với sổ cũ, tùy nghi tha giảm.

(24a) *Giám đương*: chức quan có quyền cấp giấy cho phép hành nghề và trông nom thu thuế các hộ làm muối, quế. Xem chú 23b, năm 1720 TI.

(28a) *Triền Dương*: A.1210 và CM chép là "Cầu Đền", Nhật Chiêu: nay thuộc Yên Phụ, Quận Ba Đình, Hà Nội.

(28b) Ạ 1210 và CM thêm: "mỏng manh".

32. Xuống chỉ cho Đốc suất Nghệ An Phạm Đình Trọng trình bầy đầy đủ các việc chủ yếu để đổi tệ, cứu dân ở trong hạt. Đình Trọng trình bày 4 điều: Một là việc đòi bắt lính trốn, làm tổn phí [cho dân]. Hai là thu tiền phạt làm nhũng nhiễu dân. Ba là con cháu công thần được tha trừ các thứ thuế mà dân phải chịu khống[32a]. Bốn là thợ đóng thuyền các xã nên cho lưu ở Vĩnh Dinh[32b].

33. Chúa Trịnh dụ Ngự sử cùng các Hiến ty rằng: "Gần đây cuối năm trình bày công việc, phần nhiều chỉ trích việc nhỏ nhặt. Còn việc quan **[tờ 100b]** lại tham nhũng, chính sự thiếu sót, dân tình u ẩn, đều bỏ sót không nói, như thế thì sao cho xứng chức? Nay trong nước mới yên, dân lưu tán mới về tập họp, các nơi tất có nhiều sự oan khuất, ức hiếp, đều nên cứ dâng thư kín, cốt được xác đáng để có thể thi hành".

34. Tháng 2 bàn phép đánh thuế muối, ủy cho Trấn ty coi việc ấy, chiếu thực số ruộng làm muối và lò nấu muối của dân làm muối nhiều ít liệu tính bổ thuế, trừ vào thuế tô ruộng tư, ai không có ruộng thì cho trừ hộ phần.

35. Sai chánh sứ Vũ Khâm Lân, phó sứ Đào Xuân Lan, Vũ Trần Tự đi sang nhà Thanh[35a].

36. Tháng mười hai sai Đốc trấn Thanh Hoa Nguyễn Nghiễm, Đốc trấn Sơn Tây, Hưng Hóa Bùi Thế Đạt truy tiễu "giặc cướp" ở núi: Chúa Trịnh dụ rằng: "Việc binh quí ở chỗ thần tốc. Nay cuối đông đầu xuân chính là lúc tiến đánh. Nhọc một lần mà nhàn mãi, cốt ở một trận này. Các khanh cố hết lòng, hết sức sớm tấu báo công to cho bõ ý ta kỳ vọng tác thành".

37. Chúa Trịnh Doanh lập con trưởng là Sâm làm thế tử. Trước đây các quan nhiều lần xin quyết định trước ngôi thế tử **[tờ 101a]** cho trọng tông thống, chúa nghe theo. Bèn tâu vua xin làm đủ lễ điển, lập Sâm làm thế tử, dùng Kiều quận công Nguyễn Công Thái làm chức bảo phó.

38. Cho Lê Hữu Kiều làm Nhập thị Kinh diên.

(32a) *Dân phải chịu khống*: CM chú: "Nhà Lê từ năm Cảnh Trị [1663 - 1671] trở về sau, định lại phép duyệt tuyển dân đinh, người sinh ra không tính, người chết đi không trừ, cho nên con cháu nhà công thần dù được trừ cả các khoản, mà sổ hộ thì dân vẫn phải chịu khống.

(32b) *Vĩnh Dinh:* thuộc Nghệ An, nay là Vinh.

(35a) A. 4 chép "tháng 2 sứ thần Nguyễn Thế Lập chết ở sứ quán. Sai Vũ Khâm Lân thay. Trước đây Lập nhận mệnh đi sứ Trung Quốc nhưng còn ở công quán; chưa khởi hành. Khi Thế Lập chết, chúa sai Vũ Khâm Lân đi thay".

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TỤC BIÊN

[Từ đây trở đi lấy bản Viện Sử học HV. 119 làm bản trục]

HIỂN TÔNG VĨNH HOÀNG ĐẾ

(tiếp theo)

[tờ 1a] Giáp Tuất, [Cảnh Hưng] năm thứ 15 [1754] (Thanh, Kiền Long thứ 19)

1. Mùa xuân tháng giêng, vì thương kẻ bị tù giam, chúa sai Vũ Công Trấn, Nguyễn Tông Quai xem xét các nhà giam, sửa sang những chỗ ẩm thấp, chật hẹp, chẩn cấp kẻ thiếu đói, người bị tội nhẹ thì xét xử đuổi về.

2. Đốc suất Nghệ An, Thượng thư bộ Binh Thái tử thái phó[2a] Phạm Đình Trọng mất. Trọng tính khảng khái, có tài lược, đỗ tiến sĩ, liền tham dự việc quân. Từ chức hiệu úy, có chiến công được thăng chức thị lang. Trải làm thống lĩnh quân các đạo, đánh đâu giặc đều tan vỡ, tảo trừ hoặc bắt tù giặc, công vào bậc nhất. Chúa Trịnh Doanh từng viết ban cho 4 chữ "văn võ toàn tài", theo thể "phi bạch" [2b], lại ban biển ngạch có mấy chữ "công thần đồng hưu" [2c], phong thực ấp mấy lần vài mươi hộ[2d]. Ông là nhà nho mà làm tướng võ, giữ chức trọng có danh vọng, dẫu ra làm quan ở biên trấn, sĩ phu ai cũng dều tưởng trông phong thái. Năm ông mất mới có 41 tuổi, được tặng Thái Phó, gia phong phúc thần, sai quan

---

[2a] A.1210: "Thái bảo" và có thêm "Hải quận công".

[2b] *Phi bạch*: kiểu chữ to mỗi nét được tô xung quanh còn ở giữa lại để trắng.

[2c] *"Công thần đồng hưu"*: bậc công thần cùng với nước hưởng phúc, đó là bậc biệt vinh phong đối với công thần có huân lao.

[2d] CM chép là "vài ngàn hộ", như vậy đúng hơn; chữ "thập" (mười với chữ "thiên" (ngàn) tự dạng giống nhau.

kính tế[2d].

(Bài văn tế có mấy câu rằng: "Núi Hoành Sơn có thể mài gươm, sông La Hà[2e] có thể rửa áo giáp, non sông còn mãi mà nay ông dã đi đâu! Ông, tên treo hổ bảng, bụng chứa long thao. Hơn mười năm xông tuyết, dầm xương, hăng hái một lòng, há quản mũi tên hòn đạn. Trải trăm trận phá non chặn sóng, công lao rất lớn đáng ghi cờ lụa trướng tơ. Ta dương mong [tờ 1b] hát thơ "Thái dĩ"[2g] ông dã vội bỏ ước hẹn "mùa dưa"[2h]. Nghĩa cả vua tôi, lâu cùng trời đất. Vậy sai quan kính tế, xin ông vui hưởng").

3. Miễn việc thao luyện cho vệ binh tứ trấn. Trước đây cho vệ binh về quê làm ruộng, nhưng cứ đến ngày tế cờ (tháng giêng) sức cho phải đến trấn diễn tập 5 ngày. Nhưng năm ấy vì mất mùa liên tiếp, chúa Trịnh Doanh không muốn làm nhọc sức dân, cho đình việc ấy.

4. Khảo xét công trạng các quan văn võ. Cho Hoàng Ngũ Phúc, Trịnh Tân, Nguyễn Đình Thạch xét công ở võ ban, Nguyễn Huy Nhuận, Nguyễn Vỹ, Vũ Công Trấn xét văn ban. Sai phân biệt có thứ bậc, lại đổi lẫn nhau duyệt đi duyệt lại, bàn bạc hòa hợp, bấy giờ mới xin chỉ của chúa [quyết định].

5. Trả lại ruộng cho các lộ. Đặt chức quan khuyến nông. Trước kia vì ở các lộ có nhiều ruộng bỏ hoang, sai lính làm đồn điền khai khẩn, và cấp cho người ra hàng khai khẩn cũng nhiều, về sau xâm chiếm tranh nhận không phân biệt được. Đến nay bốn phương đã yên ổn, dân phiêu tán lần lượt qua về, bèn đem những ruộng ấy chiếu số trả cho dân. Sai trọng thần làm quan khuyến nông. Chia nhau đi đốc suất lập đúng mốc giới, xét xử việc tranh kiện, định giá mua bán ruộng. Riêng ruộng công, ruộng của giặc, ruộng thừa thì nhà nước cày. Những [giặc] đã hàng cũng cho về quê quán nhận điền sản cũ làm ăn.

[2d] A,1210 chú thêm: "ông người xã Kinh Dao, huyện Giáp Sơn".

[2e] Núi *Hoành Sơn*: tức Đèo Ngang phía nam Nghệ Tĩnh giáp Quảng Bình. Sông *La Hà* tức sông Giang (Quảng Bình). Vì Phạm Đình Trọng từng có thời kỳ vào đóng ở đinh Cần (nam Nghệ An) để phòng quân chúa Nguyễn từ Quảng Bình kéo ra, nên bài văn dẫn tên núi sông trên.

[2g] Thái dĩ: Thơ *Tiểu nhã, Kinh Thi*, chép lời Chu Tuyên Vương ca ngợi công trạng Phương Thúc đã đánh rợ Hiểm Doãn phò giúp nhà Chu.

[2h] *Mùa dưa:* nguyên văn là cập qua: "(đến mùa dưa). Xưa vua Tề sai quân đi đồn thú ở Quì Châu, có hẹn "mùa dưa chín này ra đi, đến mùa dưa sang năm sẽ cho về" (ý nói đi một năm sẽ có người thay).

6. Tháng 3[6a], vua dụ triều thần gia tôn mỹ tự cho chúa Trịnh Doanh. Khi vua mới lên ngôi, gặp lúc nhiều gian nan. Chúa dốc lòng thành phò tá, lại không quản khó nhọc [tờ 2a] dẹp yên giặc dã, trong nước lại được yên. Vua khen chúa có công nghiệp lớn, cho nên mới có mệnh này. Chúa nhún nhường chưa nhận, các quan cố nài mới bằng lòng để tới sang năm.

7. Chúa cấm các quan kết làm tộc thuộc ăn thề với nhau.

8. Thi Hội các cử nhân, lấy bọn Phan Huy Cận[8a] 8 người người hợp cách. Thi Điện, cho bọn Nguyễn Tông Trình[8b] 8 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

9. Định phép chọn bổ quan chức bộ Lại. Bọn Nguyễn Vỹ, Dương Công Chú ở bộ Lại nói: "Từ trước đến nay việc chọn bổ, hoặc theo cũ hoặc đổi mới khác nhau". Bèn ra lệnh từ nay các ấm tử, con quan nhị tam phẩm thì việc sơ thụ, thăng thụ đều theo lệ định năm Nhâm Dần niên hiệu Bảo Thái [1722][9a]. Các chức chánh, tòng, chiếu tư cách và quan công xét thực, trao cho chức quan văn trong nội diện [hoặc phủ chúa][9b]. Ai dự trúng trường mới được thực nhậm [chức ở huyện][9c]. Còn việc khảo xét công trạng các quan trong, ngoài đều lấy thời hạn 6 năm một lần.

10. Miễn hẳn tô thuế của các trấn bỏ thiếu từ năm Nhâm Tuất đến nay, cộng là 13 năm[10a].

11. Dân Cao Bằng đói, lấy bạc kho là 300 lạng phát chẩn. Nhân thể sai trấn ty xét kỹ sự thực về việc cai quản trưng thu của thổ tù hại ấy, và hộ khẩu phiêu tán thế nào.

12. Mùa hạ, tháng tư. Thao diễn thủy sư ở sông Nhị Hà. Các quan làm lễ chầu. Bấy giờ chúa Trịnh Doanh nghĩ trong cõi mới yên, muốn cho chư quân diễu võ dương oai, bèn tâu xin rước vua **[tờ 2b]** ngự giá

(6a) A.4 chép thêm 1 việc: "Tháng 3 mùa xuân, trời mưa ra gạo".

(8a) *Phan Huy Cận:* (1721 - 1789) người làng Thu Hoạch huyện Thiên Lộc, là bố Phan Huy Ích, Phan Huy Ôn, ông Phan Huy Chú.

(8b) *Nguyễn Tông Trình*: người xã Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai (Hà Nội).

(9a) *Sơ thụ*: mới trao chức, *Thăng Thụ*: thăng chức. Lệ năm Bảo Thái là con quan văn hay võ học Quốc tử giám thuộc loại khá, thì con quan nhị phẩm được trao chức tự thừa (chính nhất phẩm), con quan tam phẩm chức Tư Vụ (tòng thất phẩm) đủ niên hạn sẽ thăng Viên ngoại hoặc tri phủ (CM).

(9b) (9c) chữ trong ngoặc vuông theo A. 1210.

(10a) Nguyên bản sai viết là "Từ Nhâm Tuất (1742) đến Mậu Thìn (1748)", như vậy chỉ có 7 năm. Đây theo CM.

cùng xem. Sai thủy sư bày trận thuyền ở trên sông, quân dung rất chỉnh tề, chèo đua ngược dòng sông, thuyền đi nhanh như bay. Vua xem rất hài lòng, xem gần đến tối mới về.

13. Nước sông lên to, đê Bộ Đầu, Võng Xuyên[13a] vỡ, dân cư lúa ruộng bị ngập hết. Chúa sai Hiến ty đi khám, đem tình trạng thiệt hại tâu lên, bàn việc thi hành cứu nạn.

14. Bồi tụng tả thị lang bộ Binh[14a] Vũ Công Trấn về hưu.

15. Quan Điều khiển[15a] Gia Định chia quân làm 2 đạo:

1) Tham mưu Nghi Thọ hầu[15b] Nguyễn Cư Trinh lĩnh kỳ binh, theo đường Bát Đông tiến đi (sông Bát Đông là thượng lưu sông Hưng Lợi, cửa tây rộng 18 trượng sâu 2 thước, trong cửa rộng hơn nửa dặm, có thủy cơ, dân thưa ít, thuộc hạt trấn Định Tường). Đi đến đâu quân giặc chạy dạt. Qua Tần Lê Bắc (tên đất) ra sông lớn[15c]. 2) Chính binh do Thông suất Thiện Chính hầu ở Tiền Giang chỉ huy. Hai cánh họp nhau ở đồn Lộ Yên. Bốn phủ Xoài Lạp, Tầm Đôn[15d], cầu Nôm, Nam Vinh của Cao Miên đầu hàng. Bọn Nguyễn Cư Trinh bèn chia sai thuộc tướng là cai đội Chấn Long hầu đi phủ Tầm Bông La[15e], chiêu dụ người Côn Man Thuận cũng có ở lẫn trong đất Cao miên nữa. Vua nước Cao Miên là Nặc Ong Nguyên đến ngụ cư ở phủ Tân Bông Tho [KompongThom] (nay là phủ La Bích [Lovek]. Gặp mùa thu nước lụt lên to, quân lính của quan Điều khiển đều về đồn sở nghỉ ngơi [tờ 3a].

16. Mùa thu tháng bảy, quan Kinh diên là Nguyễn Huy Nhuận, Lê Hữu Kiều tâu: "Lệ cũ, gia thần nội diện, quan hàm tam tứ phẩm do

---

[13a] Bộ Đầu: tên xã thuộc huyện Thượng Phúc (Thường Tín).
Võng Xuyên: tên xã thuộc huyện Phúc Thọ (Hà Nội).

[14a] A. 1210 thêm: [tước] Thư Trạch hầu.

[15a] Điều khiển: chức quan coi quân và dân do chúa Nguyễn tạm thời đặt ra để xử lý công việc ở Gia Định và các vùng đang khai thác. Cơ quan có lẽ đóng ở chỗ mà ngày nay là Chợ Dùi (hoặc Đuổi, tên cũ gọi là chợ Điều Khiển). Bài phú Cổ Gia Định có câu: "*Dù uống nghênh ngang chợ Điều Khiển) Quan quân rộm rạp cầu Khâm sai*".

[15b] Nghi Thọ hầu, ĐNTL, tiền biên chép "Nghi Biểu hầu".

[15c] *Sông lớn:* dịch chữ đại giang.

[15d] *Xoài lạp:* có sách chép là Lôi Lạp, tức Soi Rạp, ngày nay là đất Gò Công. *Tầm Đôn:* Có sách chép là Tầm Bôn, ngày nay là đất Tân An. Còn Cầu Nôm tức là Banam, Nam Vinh, tức Nam Vang thuộc về đất Căm-pu-chia; chưa rõ vì sao hai phủ trên và phủ dưới có khoảng khá xa như vậy.

[15e] *Tầm Bông La: Phủ biên tạp lục* chép là Tầm Bông Xiêm đúng hơn, tức Kom – pong - cham. Nơi đây là đất cư trú của một bộ phận người Chàm di cư đến từ lâu, tức bản trục gọi là Côn Man Thuận Thành.

mệnh lệnh đặc biệt trao cho, thường chỉ có vài người, còn ngoài ra hoặc vì chầu hầu lâu ngày hoặc vì có của dâng tiến, được tùy liệu cho chức sắc từ ngũ phẩm trở xuống. Nay xin theo như lệ cũ". Vua sai ban thi hành(16a).

17. Tám người thuộc đội Hoàng Sa xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, phủ Quảng Ngãi đi thuyền nhỏ vào bãi Hoàng Sa giữa hai đảo tìm lấy hai vật, bị gió dạt vào cửa sông Thanh Lan, huyện Văn Xương, phủ Lô Châu [nước Thanh]. Quan địa phương đó xét hỏi đúng sự thực rồi đưa trả về đúng nguyên quán. Chúa Thế Tông [Nguyễn Phúc Khoát] sai Cai bạ Thuận Hóa là Thức Lượng hầu(17a) viết thư đáp lại nước Thanh. (Ngoài biển xã An Vĩnh có các đảo lớn gồm 130 cái, cách nhau hoặc đi một ngày thuyền, hoặc vài trống canh. Trên đảo có suối nước ngọt. Trong đảo có bãi cát vàng(17b) (Hoàng Sa) dài ước hơn 30 dặm, nước trong. Đảo ấy có vô số tổ yến, ở bãi cát lại có ốc vằn, tục gọi là ốc tai voi(17c), ốc xà cừ, ốc hương và hải trùng, hải sâm, đồi mồi v.v... Đặt đội Hoàng Sa gồm 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào đội ấy, cắt lượt nhau đi thuyền đến xứ ấy mò tìm báu vật. Mỗi năm cứ tháng 3 ra đi, mang lương ăn 6 tháng, đi thuyền ra biển 3 ngày 3 đêm mới về đến đảo. Ở đấy tha hồ tìm nhặt, được sản vật gì, bao nhiêu, đến kỳ tháng tám thuyền về cửa Eo(17d), đem đến Phú Xuân nộp. Trong khoảng ấy cũng có người mò được tiền bạc, chì, thiếc, và nồi đồng, súng, khí giới, ngà voi, bát bằng đá vân vân).

18. Tháng chín, cho Hoàng Ngũ Phúc đi trấn Sơn Nam. Sau đó làm Đốc trấn Hải Dương(18a).

(16a) A 4/5 chép thêm: Tháng tám ngày rằm [1-X-1754], nguyệt thực; A.1210 chép thêm: Chúa đến chơi chùa [Thầy] ở Sài Sơn. Chúa dụ trăm quan rằng: "Trong nước vừa mới thanh bình, dân lưu tán mới tập hợp, nên thi hành chính sách của tiên vương là bồi bổ, giúp đỡ". Thuyền chúa đi tới đâu, dân phần nhiều đem việc đến kêu, đều bàn bạc thi hành.

(17a) *Thức Lượng hầu:* tước của Trần Đình Hý năm 1754 từ chức Tri bạ, được chúa Nguyễn cho bộ Hội kiêm bộ Binh (ĐNTL, tiền biên).

(17b) Trong một bản đồ của sách *Thiên hạ bản đồ* của Đỗ Bá có ghi chữ Bãi Cát Vàng.

(17c) Người Miền Nam quen gọi là "ốc tai tượng".

(17d) *Cửa Eo*: tức cửa Thuận (Thuận An hải khẩu). Cái tên này được đổi từ năm Gia Long 13 (1814).

(18a) A. 4 chép them một việc:

"Cấm đạo Hoa Lang của Tây Dương.

Trước đây, người Tây Dương là [Lợi] Mã Đậu sang Trung Quốc từ cuối đời Minh, rồi tín đồ của y đem đạo ấy quyến ra thiên hạ, gọi là "đạo Thiên Chúa" (Thiên Chúa đạo) cũng gọi là đạo Chữ Thập (Thập Tự giác). Vị thần họ thờ là Gia Tô, họ gọi là Thiên Chúa; Bà Ma - ri - a họ gọi là Thánh Mẫu. Gia Tô bị người ta giết đóng đinh trên giá

19. Bàn việc thi hành chính sách binh dân. Tứ trấn và phủ Trường Yên, từ năm Nhâm Dần [1722] niên hiệu Bảo Thái [tờ 3b] về sau, thuế tô, thuế dung hoặc theo ngạch cũ, hoặc chiếu số suất tăng hay giảm, nay cho dân khai rõ, so sánh với sổ sách của quan để phân biệt hư thực. Lại sai quan ở kinh xét các loại lính trong sổ so với sổ thực tại đã được giảm, cho Binh phiên hiệu chính. Nhưng rồi lại không thi hành.

20. Sai Hộ phiên kê khai lệ thuế các tuần đò các xưởng [mỏ] các [dồng] hộ[20a] trong một năm, và một số nhập do các hiệu[20b] trưng thu dủ thiếu thế nào.

21. Mùa đông tháng mười một[21a] thi võ[21b] (bác cử).

22. Tháng mười hai, khôi phục lại lệ thu thuế tô, dung, điệu ở các trấn ngoài[22a]: trấn ngoài giảm đi chỉ bằng một nửa lệ thuế của tứ trấn. Trước đây các trấn ngoài vì điêu tàn nên mấy lần liền miễn cả thuế chính tang. Đến nay mới lại thu.

Ất Hợi, [Cảnh Hưng] năm thứ 16 [1755] (Thanh, Kiền Long thứ 20)

1. Mùa xuân, quân của quan Điều khiển Gia Định là Thiện Chính hầu từ đồn Lô Yêm lui về đồn Mỹ Tho (hạt Định Tường). Sai tù trưởng Côn Man thuộc Thuận Thành đem bộ lạc xuống đánh đồn ở Bình Thanh (nay là Gò Bảo). Tinh binh của Côn Man gồm hơn một vạn người đi đến Vô Tà Ân (tên đất) bị hơn một vạn lính Cao Miên thừa cơ đánh úp.

---

chữ thập mà chết. Tượng vẫn để lại như thế, vì thế gọi là đạo Chữ Thập. Kinh sách của họ có chép mười điều về răn và phép rửa tội. Cũng gọi là thuyết địa ngục. Đại khái tương tự như giới luật và sám hối của nhà Phật. Họ cho việc tờ cúng tổ tiên là vô ích, cho ma quỷ là không có. Thầy đạo bày bày dàn thuyết pháp, đàn ông đàn bà vây quanh mà nghe. Dân ngu tin theo như điên. Các thầy đạo ở Tây Dương tới thì được họ bảo vệ phù trị. Tuy lệnh cấm rất nghiêm, nhưng họ không dám xúc phạm tới đạo, dù chết cũng không bỏ. Kẻ nào bị phát giác, xử cực hình thì lại vui mừng nói: được lấy thân tuẫn đạo. Tin sing đến như thế! Triều đình bàn cho rằng đó là dị đoan, mê hoặc quần chúng, đặc biệt cấm ngặt nhưng cũng không thể.

(20a) *Hộ*: Tức "đồng hộ" chỉ bọn lái buôn chuyên lời về việc buôn bán đồng có sự kiểm soát của nhà nước phong kiến.

(20b) *Hiệu*: Đời Hậu Lê, các thứ thuế linh tinh ở các địa phương thường chia ra cho 46 "hiệu" đời trưng thu.

(21a) A. 1210: tháng 10.

(21b) *Bác cử*: Kỳ vạch cuối cùng của trường thi võ, những người đạt được danh hiệu tạo sĩ. Xem tập I, tr 137.

(22a) Trấn ngoài: chỉ các trấn vùng xa kinh đô, xa với tứ trấn là 4 trấn bao quanh kinh kỳ (Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam, Hải Dương).

Người Côn Man thế cô, sức mỏng, làm lũy để chống giữ rồi cáo cấp với Thiện Chính hầu. Thiện Chính hầu vì [tờ 4a] bị đầm lầy ngăn trở không đến ứng cứu được. Chỉ có tham mưu Nguyễn Cư Trinh thân đem 5 đội tùy binh đến cứu. Lính Cao Miên nghe tin, sợ oai bèn rút lui, không dám chống lại. Nguyễn Cư Trinh đón được hơn 5 ngàn người Côn Man cả nam nữ về đóng ở dưới núi Bà Đinh[1a] (núi này ở phía tây trấn Phiên An, trên núi có chùa Vân Sơn phía dưới là hồ). Rồi dâng sớ hặc tội Thiện Chính hầu lui quân thất cơ, để cho số người Côn Man mới qui phụ bị lính địch đánh bắt. Lúc ấy Thiện Chính hầu đã dâng thư nói Nguyễn Cư Trinh tự tiện hành động. Chúa Thế Tông (Hiếu Vũ hoàng đế) giận, triệu về tra hỏi, bãi chức Thống suất của Thiện Chính hầu nhưng vẫn cho làm cai đội. Cho Cai đội Du Chính hầu thay[1b] làm Thống suất, dùng Côn Man làm hướng đạo đi đánh các phủ Cầu Nôm, Nam vang, giết được vài viên ốc nha (tên chức quan của Cao Man), vua Cao Miên là Nặc Ông Nguyên sợ, chạy sang ngụ ở Hà Tiên. Chúa Thế Tông nghe tin Cao Miên cầu cứu với trấn tướng Nghệ An, sợ họ Trịnh nhân thế mà động binh, lập tức sai người mật báo cho tù trưởng đầu nguồn Tầm Linh huyện Vũ Xương [Thuận Hóa] dò thám xét họ Trịnh có phát binh giúp Cao Miên và nước khác có viện binh đến không, gấp đem sự thực báo cho biết (đầu núi Tầm Linh có thể đi đến biên giới cao Miên [tờ 4b]). Chưa bao lâu Mạc Thiên Tứ trấn thủ Hà Tiên làm tờ khải nói hộ Cao Miên: việc đánh người Côn Man Thuận Thành là tại biên tướng Cao Miên là Chiêu Chùy Ếch tự tiện làm. Vua Cao Miên cũng dâng thư nhận lỗi. Chúa bèn khoan miễn cho.

2. Tháng ba, vua sai Tham tụng[2a] Nguyễn Công Thái đem sách gia phong chúa Trịnh Doanh làm Đại nguyên soái tổng quốc chính, Thượng sư, Thượng phụ, anh đoán văn trị võ công Minh vương.

3. Mùa hạ tháng tư, trời không mưa, Chúa Trịnh Doanh thành tâm mật đảo và tâu xin vua đặt đàn cầu đảo. Sai 2 hiệu Bình đông Bình Tây hoãn thu các tiền thuế thiếu. Các ty trong ngoài hoãn khám xét kiện tụng. Hai xứ Thanh Nghệ hoãn việc đòi bắt lính trốn. Giảm thuế tô công

---

(1a) *Núi Bà Đinh*: tức là núi Bà Đen ở Tây Ninh cũng gọi là núi Điện Bàn, năm Tự Đức thứ 3 đặt tên là Linh Sơn.

(1b) *Du Chính hầu*: tên là Trương Phúc Du.

(2a) A. 1210 thêm: "Kiểu quận công".

tư cho xứ Nghệ An. Tứ trấn cho giảm một nửa thuế gia tô[3a]. Những tiền thóc bỏ thiếu lâu năm đều miễn hết cả[3b].

4. Chúa cho Ngô Đình Oánh, Hà Tông Huân trông coi việc từ tụng.

5. Trời đại hạn. Cho các quan nói thẳng những việc thiếu sót sai lầm [của nhà nước].

6. Nước Xiêm La (đời Tống Cao Tông trở về trước gọi [nước này] là Xích Thổ Công) sai Nội các Tả thừa tướng chưởng lý loạn nghi, tổng đốc chính vụ đại quân sư là Chiêu Phi - nhã Thị [tờ 5a] dà mã lực khu Đề hải đài, đưa thư sang Thuận Quảng rằng:

"Nước Xiêm cùng An Nam trời biển tiếp liền, thông hiếu đi lại hai nước như một cõi đất. Nước tôi thường sai người đi thuyền đến các phương khác như Hạ Môn, Ninh Ba và Quảng Đông mua đồ vật về để cung quốc dụng. Trên đường về, có khi bị gió dạt vào cửa biển quí quốc. Đã từng xin quí quốc cấm ngăn quan hữu ty không chiết thu[6a] hàng hóa trong thuyền, và thuyền mành vượt biển nước tôi đều do tiền nhà nước phát biên, sai đi cùng. Cửa khách buôn và của dân có khác[6b]. Đã báo với quí quốc miễn đánh thuế, thế mà năm Kỷ Sửu [1709], đại thần nước tôi là Phi Nhã Hồng đi thuyền đến cửa Huệ An[6c] của quí quốc, quan An Nam cho là phạm cấm, bắt giữ thuyền cùng hóa vật lại. Năm Mậu Thìn [1748], vua nước tôi sai hai người là Chấn Nghiêm và Chấn Dinh đem thư đến Phú Xuân xin trả lại cho nước tôi. Quí quốc vương cũng cho trả lại ngay. Vua nước tôi có chỉ dụ: khi nào quí quốc sai người đem thư đến mua sắm các đồ vật, thì cho phép đem những thứ trong nước có, cho sứ thần quí quốc chọn mua. Thế là vua nước tôi hậu đãi nước láng giềng vậy. Năm Quý Dậu (1753) [tờ 5b] quan Điều khiển Gia Định của quý quốc có thư sai cai đội là các ông Hợp ông Đăng đem các thứ hương kỳ nam và lụa quyến, quạt đến tặng cho, và đưa người nước tôi tên Như tên Xuy[6d] trả cho nước tôi. Lại khẩn khoản cho bọn tổng

---

(3a) *Thuế gia tô:* Năm 1741 vì có việc dụng binh nên đánh thêm mỗi mẫu công cũng như ruộng tư 2 tiền qui gọi là "gia tô".

(3b) A.4 chép rõ: "những khoản thiếu từ năm Quý Dậu [1753] trở về trước đều miễn cả".

(6a) Chiết thu, tạm dịch chữ "trừu phán".

(6b) Nguyên văn là chữ "lợi" không có nghĩa, chúng tôi đoán là chữ "biệt" phù hợp với lời thư ở sau.

(6c) *Huệ An:* có lẽ là của Hội An (Quảng Nam).

(6d) Những tên người này *Phủ biên tạp lục* chép là: "bọn Thường Khổng, Thượng Nương, Thượng Xuy.

binh tên là Cai Ý và 39 người trở về quý quốc. Nguyên trước đây bọn Cai Ý đi thuyền đến đảo cướp bóc dân cư và thuyền buôn. Quan đồn thú duyên hải nước tôi sai người đi thuyền ra biển dò hỏi lai lịch, Cai Ý lại bắn súng vào thuyền đi tuần. Lúc ấy quan quân nước tôi đánh lại, giết chết 7 người, bắt sống được 39 người, giải về đợi chỉ. Vua nước tôi liền sai đem bọn Cai Ý 39 người giam lại. Quan Điều khiển Gia Định của quí quốc báo rằng Cai Ý là quan Tổng binh của quí quốc, sai đi Cao Miên chiêu an, dân địa phương Ốc Dã[6d] Bát Thắc, bị gió dạt đến Lục Khôn, xin vua nước tôi tha cho về nước. Vua nước tôi cho đem Cai Ý cùng thuộc binh 39 người giao cho bọn ông Hợp ông Đăng lãnh đem về nước. Sau đó, thấy chủ thuyền Kiển Môn[6e] là quan Tô tham dẫn về nước một chiếc thuyền Huệ An của An Nam cùng dàn ông đàn bà 15 người. Xét người và thuyền Huệ An [tờ 6a] không có giấy tờ, đi đến Đồng Nai[6g] mua gạo, bị gió dạt đến Côn Lôn, nhờ được quan [nước tôi] cứu cho được sống .Vua nước tôi cũng cho giao cả người và thuyền Huệ An cho ông Hợp đem về. Thế là [nước tôi] đã thêm hậu với quí quốc vậy. Ôi, bậc nhân giả mới biết lấy nước lớn thờ nước nhỏ, cho nên vua Thang thờ Cát Bá, Văn Vương thờ Côn Di; bậc trí tài giả mới biết lấy nước nhỏ thờ nước lớn cho nên Thái Vương thờ Huân Dục, Câu Tiễn thờ nước Ngô. Nước Xiêm tôi dẫu theo đạo Phật mà cũng biết đạo của Nghiêu, Thuấn, Văn, Vũ, Quí quốc là nước lễ nghĩa xin đừng làm kẻ thôn tính, khiến cho 2 nước được hòa mục, cùng hưởng thái bình. Lại năm Bính Dần (1746) vua nước tôi cho đem bạc kho 31 cân 2 thù 3 tiền[6h], giao cho chủ thuyền là Quách Ngọc Thành đem theo thủy thủ 83 người, và 6 cây súng, đi thuyền sang Quảng Đông mua hóa vật, lúc về bị gió dạt vào cửa biển quí quốc, bị quan quí quốc thu lấy mất các đồ đồng bằng bạc, gấm vóc và chiết thu thuế lệ và tạp phí. Năm Mậu Thìn (1748) chủ thuyền nước tôi là Trần Mạo đi Quảng Đông về, gặp gió dạt vào cửa biển quí quốc, Trần Mạo bị chết. Các đồ vật bằng bạc và gấm vóc các hạng trong thuyền dáng giá bạc là 65 cân 15 lạng 2 tiền, đều bị quan quí quốc thu lấy. Năm Quý Dậu (1752) chủ thuyền nước tôi là Dương Thành Chương đi [tờ 6b] Quảng Đông về, gặp gió dạt vào cửa biển quí quốc. Trong thuyền có bao nhiêu đồ bằng bạc và

(6d) *Phủ biên tạp lục* có thêm: "Liên Suốt".

(6e) *Phủ biên tạp lục:* "Hạ Môn".

(6g) Bản trục chép: "Đồng Cậy". Đây theo *Phủ biên tạp lục* "Nai" và "Cậy" tự dạng giống nhau.

(6h) Thù: một phần hai mươi bốn của lạng. *Tiền:* một phần mười của lạng.

gấm vóc hóa vật mua được cũng bị quan của quí quốc lấy hết, chi cho thuyền không trở về nước. Tính ra quan của quí quốc đã ba lần bắt chiết thu và cướp mất hóa vật của nước tôi mua về, cộng đáng giá bạc là 370 cân 15 lạng 3 thù 3 tiền. Đến nỗi kẻ thừa hành ở nước tôi mấy lần chịu hình phạt mà không biết kêu tố vào đâu được. Đại thần triều chính nước tôi là Bức Sa[6i] tâu rằng: thuyền dân buôn ra biển, sóng gió bất trắc, mạng người cùng tài sản quan hệ vào đấy. Huống chi Kim loan Tiền điện Trung Khung Phương Khôn Vương nước Xiêm tôi đã 3 lần cho người đi thuyền đến các nơi mua hóa vật để dùng vào việc kho tàng của nhà nước, việc đó không giống như dân buôn. Mà quí quốc không phải nghĩ tới cái nghĩa thuế má nặng nề phiền phức là mất thể thống của nước lớn. Vua Kim - Loan chính diện chúng tôi dụ rằng: "An Nam cùng nước ta là tình thân láng giềng, không nên vì có tài vật nhỏ mọn mà bỏ đại nghĩa. Chẳng qua do quan giữ cửa biển dấy không phải là viên quan có trọng trách phụ tá xã tắc, tự tiện làm bậy ở tử sở [cửa biển] hễ thấy thuyền hóa vật của nước ta đi qua thì tự ý thu thuế mà giấu đi, chứ không báo lên, khiến cho nước An Nam cùng nước ta mất tình hòa hiếu, thành ra cừu thù". Đây là lỗi lầm lớn của quan hữu ty của quí quốc. Nếu hàng năm mỗi lần thuyền và người nước tôi bị gió dạt đến cửa biển quí quốc khiến một lần báo tin [tờ 7a] thực là khó để chúng tôi bàn định[6k] Trung Cung vương nước tôi nhân ái hòa mục với láng giềng, không vì cớ nhỏ mà dấy binh gây oán, để cho sinh dân 2 nước được yên nghiệp. Nay may có quí quốc sai sứ sang làm lễ giao hiếu; vâng lệnh quốc vương tôi sai 2 quan chấp sự là Lãng-Phi-Văn Khôn, Khu-Xa-Lũ-Thao đem thư theo sứ bộ quí quốc, đến trước bày tỏ. Khẩn xin quí quốc tra hỏi từ năm trước đã 3 lần quan coi cửa biển là bao nhiêu xin phát giao cho bọn Lũ Thao kiểm nhận lĩnh về; Lại xin cho người hộ tống bọn Lũ Thao ra khỏi bờ cõi về nước, để không tổn thất đạo giao hiếu hậu tình giữa hai nước láng giềng. Lại xin quý quốc vương phát cho người nhận 10 tấm "long bài" kiểm điểm nhân khẩu làm bằng[6l]. Để ngày khác thuyền nước tôi hoặc thuyền quí quốc gặp gió dạt vào cửa biển nào, hai nước đều miễn trưng thu thuế lệ tạp phí để tránh sự tham lam sách nhiễu. Được như thế thì thuyền công tư của hai nước sẽ đi lại trên mặt biển không ngớt. Nay Quốc vương tôi dâng vải màn trắng 5 tấm, màn hoa 5 tấm, màn đỏ 3 tấm, màn hoa to

---

(6i) *Phủ biên tạp lục* chép là "Lãng-cái-khu-sa".

(6k) (6l) Những đoạn này trong nguyên văn có những ý khó hiểu, tạm dịch như trên.

2 tấm, giao cho sứ thần **[tờ 7b]** là bọn Lũ Thao đem đến dâng lên quí quốc vương, là đồ "phục ngoạn" từ ngàn dặm[6m].

Tháng ấy chúa Nguyễn [Phúc Khoát] sai[6n] quan Hàn lâm Nguyễn Quang Tiền[6o] viết thư trả lời. Thư đại lược rằng: "Bản quốc cùng quí quốc giao hiếu bền như vàng đá. Trước kia người bản quốc đi theo thuyền dạt đến địa phương quí quốc, nhờ được đưa về, quí quốc đối đãi thật là hậu. Nhưng còn thủy sư bản quốc và dân phiêu dạt vẫn còn bị giam giữ chưa giao trả, đã có giấy báo mà chưa thấy trả về. Thư ngài đưa lại chỉ nói một việc đòi đền bạc, không nói đến việc quân dân bản quốc bị phiêu dạt lưu lạc, có lẽ cũng vì cớ ấy chăng? Còn như những năm Bính Dần, Mậu Thìn, thuyền công của quý quốc vào cửa biển bản quốc. Nếu người sai nhân của bản quốc tham lam đánh thuế quá lệ sao vào lúc ấy không nghe thấy người quí quốc báo cáo. Vả bản quốc 5 năm một lần xét công [các quan] đã có thưởng điển, há có dung tha những người tham độc như thế đâu? Việc đã lâu năm không có bằng cứ, tạm thời không bàn đến nữa. Năm gần đây thuyền Dương Thành Chương từ Quảng Đông đến, trong thuyền không có hóa vật, chúng tôi không cho vào cửa, đấy là luật thường của bản quốc. Y tự xin cho thuyền [tờ 8a] vào càng, theo lệ nộp thuế. Quan hữu ty thu thuế không quá lệ thường, há đâu có việc vét hết cả? Bọn họ đem hóa vật đi, không tiêu phí vào vũ nữ ca nhi, thì huy hoắc vào tiệm rượu sòng bạc, đến lúc thuyền về đến nước, tìm cách nói dối, há nên nghe lời nói của một bên mà đòi tiền đòi bạc sao? Ngạn ngữ có câu "Già Trương uống rượu, già Lý bị say" việc đó chưa biết chừng cũng có! Huống chi người bản quốc học đạo Khổng, Mạnh, câu nói "có đạo giao lân" "lấy nghĩa làm lợi", há không biết tới sao? Hai nước chúng ta lấy tín nghĩa giao kết, mong về lâu dài, giả sử người hữu ty hám lợi thì đó cũng chỉ là lợi nhỏ thôi, có lẽ nào vì mấy lạng bạc mà bỏ nghĩa đá vàng? Còn

---

(6m) Bức thư trích dẫn trên câu văn viết có một số chỗ lủng củng, tối nghĩa. Trong *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn có chép toàn văn cũng có những câu những đoạn lủng củng tối nghĩa không kém.

(6n) Về bức thư ngoại giao của Xiêm, chúa Nguyễn Phúc Khoát bảo các quan: "Việc đánh thuế thuyền buôn buổi quốc sơ đã có định ngạch, quan sở tại chẳng qua chiếu lệ mà thu, có lẽ nào lấy cả hóa vật. Người Xiêm nói thế chỉ là muốn miễn đánh thuế mà thôi, đâu dám đòi ta phải trả lại bạc. Duy việc xin long bài thì cấp cho họ cũng không hại gì, nhưng cho một tấm cũng đủ rồi, chứ lấy nhiều làm gì". Bèn sai gửi cho một tấm long bài và viết thư trả lời *(ĐNTL, tiền biên)*.

(6o) *Nguyễn Quang Tiền:* làm quan ở Viện Hàn lâm viện năm 1756 vì không chịu viết hộ thư cho chúa Nguyễn Phúc Khoát tự xưng mình là An Nam quốc vương nên bị cách chức.

như việc xin 10 tấm long bài cho cũng không tiếc gì. Nhưng khi đã được long bài chi sợ chú thuyền lại bắt chước thói cũ của Dương Thành Chương, lấy tư hại công, lấy lợi hại nghĩa mà thôi! Nay giao một bản long bài tha hồ đi lại, năm nay như thế, sang năm lại như thế, mãi mãi như thế. Chỉ một là đủ, cần gì phải nhiều. Những lễ vật dưa đến đã cho thu nhận rồi, còn những quân dân của bản quốc phiêu dạt lưu lạc đã từng bị bên ấy giam giữ, nên trả lại tất cả, nghĩa ấy tình ấy tốt đẹp mãi mãi. Nay có các thứ sản vật đất tôi giao cho sứ thần đệ về kính dâng. Xin thâu nhận cho, để tỏ tình giao hảo láng giềng".

7. **[tờ 8b]** Tháng sáu[7a] người Man Trấn Ninh đến cống.

Bồn Man[7b] đến cống. Trong Man thư không biên họ tên [tù trưởng]. Lại xin 6 năm một lần cống và xin sức cho sứ Ai Lao không đi qua bờ cõi mình. Triều thần bàn rằng: vì là người Man nên không đáng trách lắm, nhưng nên gặp mặt người đi sứ cật vấn họ, khiến họ về báo Bồn Xà[7c] từ nay mỗi lần cống[7d], thư phải viết họ tên tù trưởng, còn đường đi sứ vẫn y theo như cũ". Bốn Xà[7d] lậy xin vâng theo ước lệ.

8. [Tháng tám, ngày rằm [20-IX-1755, nguyệt thực][8a].

9. Mùa thu, tháng chín, thi hành phép đánh thuế quế. Sai Trấn ty Thanh, Nghệ chiêu tập các hộ lấy quế. Cấp văn bằng cho đi lấy, lấy được bao nhiêu, báo quan trừng thuế.

10. Quan trí sĩ là Thư Trạch hầu Vũ Công Trấn mất, tặng hàm Thượng thư bộ Binh, tước quận công. [Trấn người xã Đôn Thư, huyện Thanh Oai][10a]

11. Mùa đông, tháng mười, lại định rõ lệnh đắp đê. Ra lệnh cho [các xứ] có đê ven sông: công trình nhỏ thì cho dân bồi đắp lúc rảnh việc nông, công trình lớn công việc nặng nề, thì cho trừ tiền thuế điệu[11a].

[7a] A. 4 và A. 1210 chép việc đến cống vào tháng 5.

[7b] *Bồn Man*: tên gọi dân tộc ít người thuộc hệ Thái, cũng gọi là Tồn Bồn Man tức là Mường Phồn, cư trú ở Mường Kham (Lào). Trừ CM ra A. 3 và A. 1210 cũng như bản trục đều chép việc cống này thành hai sự sự. Ở đây chúng tôi theo CM.

[7c] *Bồn Xà*: Danh hiệu tù trưởng người Bồn Man. Tiếng Lào chỉ tù trưởng là "Xà". Xem tập I, tr 73.

[7d] A. 1210 và CM đều chép "ba năm một lần cống nộp".

[7d] Bồn Xà ở đây chỉ người đi sứ Bồn Man.

[8a] Đoạn trong ngoặc vuông bổ sun theo A. 4.

[10a] Chú trong ngoặc vuông là theo A. 4.

[11a] A. 1210 chép thêm một việc: Tham tụng thượng thư bộ Binh, Liêu Đình hầu Lê Hữu Kiều về hưu, thăng thượng thư bộ Lễ.

12. Tháng mười một, đặt quan Tả hữu hà đạo [quan trông coi việc đê điều].

13. Đặt Ty thưởng công, Chúa Trịnh Doanh cho rằng thưởng quận công có nhiều sự lạm, và nhiều chức sắc, những đạo sắc cầu may, mảnh giấy vàng do nội phủ cấp(13a), làm cho danh khí phức tạp, bèn đặt ty này để tra xét lại. Chưa bao lâu lại bãi(13b).

14. [tờ 9a] Tháng mười hai, chúa Trịnh Doanh đi chơi cung Cổ Bi (ở địa phận xã Cổ Bi huyện Gia Lâm. Chúa làm cung, muốn dời đô sang đây).

15. Bắt đầu chế mũ miện áo cổn mặc vào tượng đức thánh Khổng Tử thờ ở Văn Miếu. Tham tụng Nguyễn Huy Nhuận nói: "Thánh nhân là thầy của đế vương muôn đời, mà lễ phục vẫn dùng phẩm phục quan Tư khấu(15a) không tỏ được lòng tôn sùng". Bèn đổi làm mũ miện áo cổn là phẩm phục của vương giả để thờ.

16. Mùa đông ấy [chúa Nguyễn] Thế Tông đưa thư cho vua nước Xiêm, đại lược rằng: "Mùa thu năm ấy, hành nhân của bản quốc là bọn Cai đội Trí, Thủ hợp Chương, về nói: quí quốc đưa thư trả lời và tặng cho hậu vật, lại giao trả người bản quốc như Cai Ý cùng 50 người dân phiêu dạt, đủ biết tình cao của nước láng giềng. Mở xem thư thì quí quốc có nói rằng: "Năm ngoái bản quốc đưa tặng hương kỳ nam thì lại là trầm hương, không phải là kỳ nam", vả chăng kỳ nam là vật quý, tuy là sản vật ở đất chúng tôi, nhưng cầu được thứ hương thanh chất tốt thì cũng ít khi gặp. Kỳ nam lần ấy đưa tặng, nếu không phải là thứ tốt, cũng không ví với trầm hương, đàn hương được. Duy chỗ sản xuất có năm tốt năm xấu, cho nên vật hơi không đều. Do địa khí làm ra thế, há có lẽ nào trong nghĩa giao lân lại đem đá vũ phu mà lộn sòng làm ngọc quỳnh cừu để tặng nhau ư? Giáp bảo là thật, nhưng Ất bảo là giả, trong khoảng thật giả

(13a) Nguyên văn "Dữ hành cầu nội hoàng chư chức sắc", chưa rõ ý nghĩa cụ thể. Tạm dịch như trên.

(13b) A. 4 chép việc này vào tháng 1 năm 1756 và thêm một số ý sau: "Lấy Cẩn Quận công Trương Khuông và Khuê quận công Giáp Nguyễn Khoa quản lĩnh việc này. Trước đó từ năm Canh Thần (1740) về sau, những người đi theo trận mạc đánh giỏi phần nhiều được trao cho quân công, quá lạm. Và các chức sắc cầu may để được ban cấp phần nhiều tràn lan. Đến nay dặt ty thưởng công sai quan tra lại. Những trường hợp kêu riêng, cầu may đều đình chỉ. Chưa bao lâu, vì bọn Ngũ Hoàng Phúc, Đỗ [Thế] giai ra sức ngăn trở, bèn xếp lại".
[Chữ *Thế* Giai. A.4 chép là *Như* Giai].

(15a) Tư khấu: chức quan coi việc hình phạt. Khổng Tử sinh thời làm Tư khấu nước Lỗ, cho nên tượng thờ mặc phẩm phục của chức Tư khấu.

hà tất phân biện? Nên lấy ý để hiểu mà thôi **[tờ 9b]**. Nay đã được đưa trả số dân bị phiêu dạt về cho nước tôi và bọn Cai Ý, tình ấy nghĩa ấy còn gì hậu hơn nữa. Nhưng thủy binh cùng dân của bản quốc bị gió dạt lần sau vẫn còn bị giam giữ chưa trả. Hoặc giả quý quốc chưa kịp trả về, hay là bọn kia có sự cớ gì mà bị giữ chăng?. Điều ấy tôi không hiểu, vả lại lần này thả về 54 người đó là quân dân bản quốc. Mà bọn thủy binh và dân phiêu dạt hiện còn bị giữ lại ở bên ấy cũng là quân dân của bản quốc! đều con đỏ dân đen của nước tôi cả, đã thương nên thương như một. Kẻ được về, người bị giữ, chưa hiểu quí quốc vì sao lại có sự rộng với bọn này, mà hẹp với bọn kia? Lại trong thư trả lời có nói: "Vài năm nay người An Nam thường thường xâm phạm cõi biên, cướp bóc dân cư". Tôi xem đến đây, bất giác lấy làm ngơ ngác nói rằng: Trong tai tôi chưa từng nghe lời ấy bao giờ. Nhà nước tự nó có pháp luật, chế độ, há dung những những loài quỷ quắc coi thường pháp luật ư? Nếu mà quả có như thế thì cũng do tướng giữ biên giới cấm đoán còn sơ hở. Trời biển mênh mông, tôi làm sao biết hết được! Từ nay tôi sẽ bàn sắc cho tướng giữ biên giới phải nghiêm cấm dân miền biển không được ra biển cướp thuyền buôn các nước. Nếu còn quen thói cũ thì sẽ trị tội rất nặng, và quí quốc cũng còn thương dân bị phiêu dạt mà cho về bản quốc thì tôi nỡ nào [tờ 10a] dung túng lũ vô lại quấy rối con đỏ của quí quốc sao? Lại trong thư có vài câu, không thể không bàn lại được, xin hãy vì quí quốc vương tỏ bày như câu nói rằng: "An Nam hướng hóa thực đáng khen" và câu nói "An Nam lấy tấm lòng thành mà tiến cống" Những câu nói như thế không biết Xiêm coi An Nam tôi là hạng nước nào, điều đó thì tôi chưa rõ. Ôi! người trên bắt người dưới phải nộp thì gọi là *"phú"*, người dưới cung phụng người trên gọi là *"cống"*. Chữ *"cống"* nghĩa là kẻ dưới dâng lên người trên. Hai chữ "hướng hóa" là nói nước ngoài mộ phong hóa Trung triều vậy. Nước Xiêm cùng với nước An Nam cũng như Tề Sở, Yên, Triệu là nước ngang hàng với nhau, có lẽ nào nước ngang hàng tặng nhau mà gọi là *tiến cống*, nước láng giềng giao hiếu với nhau mà gọi là *hướng hóa* được? Tôi tưởng người bề tôi cầm bút của quí quốc thích nói lời tự tôn tự đại, mà không biết nói như vậy là sai lầm. Quí quốc vương thông minh sáng suốt há không biết An Nam từ xưa là nước văn hiến mà lại nói như thế ư! Ơn cho quà biếu hậu đã nhận rồi. Đa tạ, Đa tạ[164]".

---

[164] Toàn văn bức thư có trong *Phi biên tạp lục*.

Bính Tý, [Cảnh Hưng] năm thứ 17 (1756) Thanh, Kiền Long thứ 21

1. Mùa xuân, tháng giêng. Ai Lao đến cống. Trước đây Ai Lao sang ta thường đi đường Trấn Ninh đến Nghệ An. **[tờ 10b]** sứ bộ của họ hay sinh sự hà hiếp quấy nhiễu. Bồn Xà lấy làm khổ, ngăn trở đường đi cống mất hơn 10 năm. Bồn Xà [gửi thư] tố cáo với triều đình. Chúa sai tù trưởng Cao Châu[1a] yên ủi dụ bảo Ai Lao. Đến nay sứ Ai Lao từ Cao Châu đến rồi theo đường qua Bồn Man mà về. Bồn Xà kêu xin cho quan quân hộ tống để khỏi bị nước Lào làm khổ. Chúa thương tình, nhận lời cho bớt số phu đưa trạm, và răn sứ Ai Lao không được quấy nhiễu nữa.

2. Chúa Trịnh Doanh sai làm cung miếu[2a] ở Cổ Bi.

3. Tháng ba, đổi phép trông coi thu thuế tô thuế điệu. Năm Quí Dậu (1753) định lệ: tiền thuế gia tô, tiền thuế điệu các trấn, cho thuộc 6 cung 6 phiên trông coi thu. Nhiều người dựa vào để lạm dụng, đến lúc tính toán lại che đậy cho nhau làm gian. [Về phần] dân cũng lợi được tự đem nộp, không bị ai thôi thúc gì nên để thiếu thuế cũng nhiều. Chúa bèn thay đổi: sai bọn tín thần Giáp Nguyễn Khoa đứng trông coi việc thu thuế ấy.

4. ...

5. Mùa hạ, tháng tư, Chúa sai bọn Lê Quí Đôn, Phan Huy Cẩn, Nguyễn Thường đi thăm hỏi tình hình các lộ miền đông, tây nam. Bọn Quý Đôn dâng khải nói quan phủ thanh liêm cần mẫn là bọn Nguyễn Duy Thuần, những tệ là bọn Trịnh Thụ[5a] cộng 13 người. Đem ra thăng truất có khác nhau.

6. Chúa Trịnh Doanh dụ các quan Chính phủ rằng: Gần đây chính sự không tốt, cớ ấy tại đâu? Các người ai nấy nên cố sửa chữa, chớ tỵ nạnh đổ lẫn cho nhau. Lại dụ Ngự sử đài là tai, mắt của triều đình: trăm ty trái phép, chính sự thiếu sót, đều không trình bày tâu hoặc, gần đây chỉ làm thù ứng việc thường, rất không đúng với cái ý đặt quan chia chức. Từ nay đều nên cố gắng. Lại nên chuyển sức cho các quan Thừa, Hiến xét quan thứ lệnh[6a] ai hay ai hèn liệu cử dưa lên.

(1a) Cao Châu: tức Trịnh Cao gần Bồn Man.

(2a) A.1210 là Hành cung.

(5a) A. 1210 chép là "Dương Công Chú", có lẽ sai vì người này đã lam quan bộ Lại, xem năm 1754, tr. 9.

(6a) *Thứ lệnh*: chỉ các quan phủ huyện.

7. [tờ 12a] Nguyễn Công Thái xin từ chức Tham tụng. Chúa cho từ. Khi Thái lại vào làm tướng, chúa nghĩ là bậc có lão công thần, đãi ngộ theo lễ[7a]. Thái cùng Đỗ Thế Giai không hợp ý nhau. Nhiều lần vì công việc ứ đọng, bị vặn hỏi quở trách. Thái tự trình bày là già yếu xin từ chức[7b].

8. Ra lệnh cho bộ Lại: đến kỳ tuyển bổ quan, thì dẫn người được tuyển ấy đến sân chính phủ đợi chỉ để đối diện hỏi về chính thuật, ai giỏi mới trao chức. Việc này định làm lệ thường.

9. Cho Nguyễn Bá Lân[9a] làm Thiêm đô ngự sử, nhập thị Bồi tụng. Lân có văn học, thật thà, thẳng thắn, dám nói. Chúa thường hay hỏi về kế sách trị trộm cướp. Lân nói vừa ý, được chúa khen, trao cho làm chức ấy ngay trước mặt. Sau đó lại dụ rằng: "Khanh nên hết lòng hết sức, biết điều gì cũng nói[9b], cho xứng đáng với sở hành".

10. Triệu các quan tam ty[10a] ở tứ trấn về kinh [vào hầu] và tấu đối trước mặt [Chúa].

11. Sai quan chính phủ sưu tầm điển lệ triều trước cùng những công việc thi hành từ năm Canh Thân [1740] tới nay, biên chép thành sách đầy đủ dâng lên cho chúa xem.

12. Quan trí sĩ Ngô Đình Oánh mất. Oánh nhiều mưu lược, có công tôn phò [chúa], làm quan đến Thượng thư bộ Binh, tước hầu. Nay mất, tặng Thiếu bảo, tước quận công[12a].

13. Tháng năm, chúa Trịnh Doanh dụ bọn Nguyễn Huy Nhuận, Nguyễn Vỹ, Nguyễn Bá Lân trong chính phủ rằng: "Trước vì ngoài biên nhiều việc, việc giảng đọc hơi ít. Nay triều đình vô [tờ 12b] sự, ta muốn ngày ngày giảng đọc để tắm gội đạo lý của thánh hiền. Các khanh ai nấy cũng nên cố gắng, chớ để một ngày giảng, mười ngày không[13a]".

(7a) Câu này, A. 1210 chép là: "chúa nghĩ là bậc công thần nên đãi bằng lễ đối với bậc già cả".

(7b) A. 4 chép là: "Bãi chức Nguyễn Công Thái. Bấy giờ Công Thái cùng Đỗ Thế Giai không hợp nhau. Thái ra sức xin từ chức. Tờ khải đưa lên nói: "Nay trong nước có chiều thái bình, thiên hạ không có việc khó khăn. Thần không xứng với trách nhiệm trao cho thấy rằng nên về hưu". Chúa miễn cưỡng nghe theo".

(9a) *Nguyễn Bá Lân*: người xã Cổ Đô, huyện Tiên Phong, đỗ tiến sĩ 1731

(9b) A. 1210 chép "Biết thì nói ra, nói thì nói hết".

(10a) *Tam ty*: Trấn ty, Thừa ty và Hiến ty.

(12a) A. 1210 chú thêm: "Oánh người làng Tả Thanh Oai huyện Thanh Oai".

(13a) Dịch chữ "hàn bộc", do thành ngữ "nhất bộc thập hàn" (một ngày phơi, mười ngày để lạnh).

14. Cho Tham tụng Nguyễn Huy Nhuận giữ chức Tri Quốc tử giám. Bồi tụng Nhữ Đình Toàn, Nguyễn Bá Lân kiêm Tế tửu, Tư nghiệp. Chúa dụ rằng: "Nhà giám là nơi tác thành nhân tài. Gần đây dạy và học hơi trễ nải, văn thể hơi biến đổi. Các khanh là bậc túc nho, ở vào chức vụ nhà Thành quân[14a] nên lưu ý cổ vũ, bồi dưỡng nhân tài để cho nhà nước dùng".

15. Bàn định lệ khảo hạch chức duyện lại[15a] ai trúng thì bổ dụng. Đến cuối năm các ty xét người siêng năng, người lười biếng để thi hành thưởng phạt[15b].

16. Đặt quan Giám lĩnh đồn điền, cho Mai Thế Chuẩn làm chức ấy.

17. Mùa thu tháng bảy, [Chúa Nguyễn] Thế Tông ta sai đem tội trạng bọn Lý Văn Quang, Hà Huy, Tạ Tử gồm 16 tên người Phúc Kiến, là giặc lưu động[17a] đã bắt được năm trước, làm án giao cho bọn Thiên tổng Lê Huy Đức, Bả tổng Thẩm Khôn Lang là tướng của Đài Loan [Trung Quốc] giải về tỉnh Mân, nộp tại Đốc bộ đường Mân Triết hành hình.

18. Mùa đông, tháng mười, Nghệ An mưa to, nước lụt, lúa ruộng bị ngập hết, quan Hiến ty không tâu báo. Chúa xuống chỉ vặn hỏi quở trách rằng: Từ nay về sau trong hạt có tai biến, tật bệnh hay trộm cướp dều **[tờ 13b]** phải đem sự trạng tâu lên, không được giấu giếm.

(14a) Thành quân: đời Chu đặt 5 nhà đại học, nhà học ở phía nam gọi là Thành quân.

(15a) *Duyên lại*: Cũng như thư lại, là chức viên lại cấp thấp.

(15b) A. 1210 và A. 4 chép them các việc như sau:

1) "Bàn định phép thi Hương: khôi phục việc nộp tiền thì được ứng cử y như lệ năm Canh Ngọ [1750]. Hai ty [Thừa, Hiến] khảo hạch để lấy học trò "sảo thông". Người nào trúng ba trường trở về trước thì dều vào khu "giáp", đặc biệt gọi là "tổng khảo", ngang với tứ trường". 2) A. 4 chép: Tháng năm, cấm các ty không được sách nhiễu dân. Bấy giờ sau kỳ dụng binh, dân chưa hồi phục. Các ty trong, ngoài và các nhà thế gia quyền quý, nhiều người tự tiện làm giấy tờ để đòi hỏi các thứ chim, cá, gà, chó, tre, gỗ, hoa, đá và các khí dụng, thủy sản, thổ sản, cùng các phường nghệ nhân, ca hát, múa rối, châm cứu hoặc đòi hỏi các thứ gỗ cau, cần câu... chúng hạch sách dân thường, đòi hỏi tram chuyện, làm cho dân nghèo them khốn quẫn, có người không kham nổi. Vì vậy đặc biệt ra lệnh nghiêm cấm. Chỉ dụ ban xuống cho các Hiến ty phải phát hiện, cứu xét và trừng trị để trừ bọn "mọt dân". 3) Định lệ tiền điệu và tiền gia tô: tiền gia tô và tiền điệu của các xã dân các xứ Sơn Tây, Sơn Nam, Kinh Bắc cho nộp vào quan thuộc cung vâng thu. Đều theo lệ đã qui định từ năm Quí Dậu [1753] cho hiệu Bình Đông, Bình Tây. Các thứ tiền "ngoại" đều cấm. Thuế vụ xuân nộp vào tháng hai, thuế vụ nộp vào tháng bảy. Quá hạn thì giao cho quan trấn nã thu.

(*Tiền gia tô*: Xem năm 1755; *Quan thuộc cung*: năm 1718, bắt đầu đặt 6 cung, chia nhau quản lý tiền thóc thuế khóa của các trấn, các viên chức trông nom ở đấy gọi là thuộc; *Hiệu Bình Đông Bình Tây*: xem năm 1752).

(17a) Giặc lưu động: dịch chữ "lưu tặc", chỉ giặc không có căn cứ nhất định.

19. Tháng mười hai nhuận, trời mưa ra giấy, rơi từ miếu Quan Công đến nhà Trai đường[19a].

20. Người Man ở đường trạm Trấn Ninh nói: quyền hành trong xứ ấy không ở trong tay Xà quan, mà bị kẻ bày tôi là Phì Then, Phì Cương áp chế ngăn trở, tục người man Trấn Ninh gọi vua là Chậu, là Xà, thứ nữa đến Phì Điệt, then [...], Quảng) cho nên đường sứ Lào đi về, lâu chưa được thông. Chúa sai quan trấn Nghệ An hòa giải.

21. Gửi thư cho nước Ai Lao. Lúc ấy Ai Lao đưa thư tâu nói rõ về số lễ nghi thổ sản đưa sang tặng. Lại nói: trong nước có 2 con voi trắng, xin sai sứ sang chọn lấy một con và xin đem đồ quý tiến nạp. Trình bày tình trạng Trấn Ninh ngăn trở đường đi sứ, xin triều đình đem quân sang cứu, nước ấy sẽ điều binh đến hội. Chúa Trịnh ngại có sự tráo trở, muốn đem ân nghĩa và điều tín để cảm hóa, bèn có thư dụ tù trưởng rằng: "Tặng cống vật cho được tùy theo thổ ngơi [có gì thì đưa nấy] Voi trắng cho tự chọn muốn đưa con nào thì đưa. Còn quý vật thì hãy giữ lại làm của báu trong nước. Đã dụ Trấn Ninh không được ngăn trở nữa. Ai nấy cùng hòa mục với nhau, không được gây sự (Ai Lao nay là nước Vạn Tượng Lao Lung và Nam Chưởng).

22. Nhắc rõ lệnh đúc tiền. Lúc bấy giờ tiền các trường đúc ra phần nhiều **[tờ 13b]** mỏng xấu, bèn sai hợp cả lại, cùng đúc ở trường Nhật Chiêu. Sai quan giám đốc răn bảo làm việc để bỏ cái tệ đúc tiền xấu.

23. Chúa Trịnh Doanh đến (lầu các) giảng sách, bảo thị thần rằng: ngày nay dù đã thanh bình cũng chưa nên bạc đãi người có chiến công. Gần đây nghe bộ Lại thuyên bổ người phần nhiều không xét đến quân công. Lại các quan văn võ làm việc siêng năng, trước đã cho thực ấp rồi, sau lại bàn tính giảm đi, đó không phải là đạo đãi bề tôi có công. Từ nay thuyên bổ cất nhắc không được hạn chế và bỏ sót quân công. Các bề tôi về hàng võ người nào có quân công thì vẫn cấp cho dân lộc[23a].

24. Xét chọn người tuyển cử ở sân phủ chúa, lấy bọn Ngô Thì Sĩ 48 người[24a].

[19a] A.1210 chép là "Trời mưa ra đá từ miếu Quan Công đến nhà Trai đường".

[23a] *Dân lộc*: số dân triều đình cấp cho quan lại, phải nộp thuế chi viện quan ấy.

[24a] A. 1210: "46 người". A. 4 chép "48 người" và có thêm "về sau đỗ đại khoa [tiến sĩ] hai người. Người bấy giờ khen là chọn được người khá. *Tuyển cử*: việc chọn người do địa phương từ xã đến trấn, cử lên triều đình dự các kỳ thi hội trở lên. Người nào được chọn gọi là cử nhân, hoặc cống sĩ.

Đinh Sửu, [Cảnh Hưng] năm thứ 18 [1757] (Thanh, Kiền Long thứ 22)

1. Mùa xuân, tháng giêng: chỉ dụ cho nhân dân toàn quốc rằng: dân có nghề nghiệp ổn định thì vật lạ không làm cho đổi lòng. Nước không có du dân[1a] thì phong tục tự nhiên thuần hậu. Nếu [trong hạt] có kẻ nào không làm trong 4 nghề[1b], hung hãn chơi bời cờ bạc thì cho sở tại trình bày cù hặc bắt tội.

2. Tháng ba, Đại tư đồ Siêu quận công Nguyễn Gia Châu mất. Châu là con người vú bầu [của chúa]. Châu có mưu lược, trải làm quan một vài trấn, nổi tiếng về chính trị. Lúc làm quan ở Nghệ An, triều đình đương dùng binh, Châu bên ngoài không gây sự với cừu địch[2a], bên trong ngăn chặn bọn bô đào, trộm giặc, cõi nam được yên. Lại mấy lần dâng của để giúp quân phí, chúa Trịnh **[tờ 14a]** ngợi khen lòng trung thành. Tuổi 70 xin trí sĩ. Lệ cũ: thống đốc Nghệ An không được cáo lão, nhưng chúa đặc biệt xuống chỉ chuẩn y. Đến bấy giờ mất, gia phong phúc thần[2b].

3. Sai quan kinh chia nhau đi khám các dồn điền, tùy ruộng tốt ruộng xấu bổ thuế, cho thổ dân cày cấy nộp thuế. Còn những lính đồn điền cũ đều cho rút về.

4. Thi Hội các cử nhân, lấy bọn Phạm Tiến 7 người hợp cách. Đến khi thi Điện, cho Bùi Đình Dự đỗ tiến sĩ xuất thân. Có Nguyễn Khiêm Hanh[4a], lúc thi Đình mang sách vào trường. Việc phát giác, bị truất, không được dự bảng. Ngày Bùi Đình Dự[4b], Phạm Tiến, Phạm Huy Cơ vinh qui, vợ con[4c] tranh đường. Đều cho họ về học hỏi, mùa đông năm sau mới chuẩn cho tiến triều thứ tự bổ dụng[4d].

5. Giặc Kinh Bắc là Phùng Quốc Khuê họp chúng cướp bóc. Trấn thủ là Nguyễn Đình Phiên bắt được, giải về kinh sư, giết đi.

6. Mùa hạ, tháng sáu, sai dề cử những người có học hạnh, có thành tích chính sự mà bị "ngâm dọng", đều cho kê tên hết tâu lên.

7. Sai Nguyễn Bá Lân sức ngục quan cho quét dọn nhà ngục, rửa

---

(1a) Du dân: dân khủng có chức nghiệp.

(1b) *Bốn nghề*: sĩ (đi học), nông (cày cấy), công (thủ công), cổ (buôn bán).

(2a) Cừu địch: ở đây chỉ xứ Đàng Trong do chúa Nguyễn cát cứ (từ sông Gianh trở vào)

(2b) A.1210 chú thêm: [Châu] người xã Kim Khê huyện Siêu Loại.

(4a) "*Nguyễn Khiêm Hanh*" A. 1210 chép là: "Phạm Khiêm Hanh".

(4b) *Bùi Đình Dự*: quê xã Nãi Sơn, huyện Nghi Dương (Hải Dương).

(4c) "Vợ con", A. 1210: "Vợ cả vợ lẽ", có lẽ đúng hơn.

(4d) A. 4 chép sự việc này vào tháng hai, nhưng không nói đến việc tranh đường.

gông cùm, cấp dưỡng cho người ốm đói, kẻ tội nhẹ thì xét xử cho xong ngay **[tờ 14b]**.

8. Mùa thu, tháng bảy, nước lụt.

9. Tháng tám, thi khoa Hoành từ[9a].

10. Tháng chín ban chỉ cấm người đôn đốc đê làm phiền nhiễu dân. Dụ rằng: "Đắp đê là để bảo vệ nghề nông. Nay chức hữu ty đặt ra phép tắc lại sách nhiễu hà lạm, làm hại nhà nông, sao cho xứng ý trên thương dân. Phải nên răn sợ, chớ quen thói cũ".

11. Mùa đông tháng mười, trấn Sơn Tây có 11 huyện dân bị đói, lại phát bệnh dịch, dân cư chỉ còn độ một hai phần mười.

12. Tháng mười hai, châu Bạch Thông xứ Thái Nguyên núi lở hơn 20 chỗ, nước dâng tràn ngập, người và súc vật lúa thóc tổn hại rất nhiều.

13. Năm ấy quốc vương Cao Miên là Nặc Ông Nguyên mất. Chú họ là Nặc Ông Nhuận quyền nhiếp việc nước. Quan coi ngoài cõi ở Gia Định làm khải về xin, [Chúa Nguyễn] Thế Tông nhân đó lập Nhuận làm vua, để tỏ bày ân nghĩa và cho vững biên giới. Bấy giờ các quan bàn: phải được đất 2 phủ Trù Vinh, Ba Thắc **[tờ 15a]** mới hứa giúp Nhuận làm vua. Vừa lúc ấy con rể Nhuận là Nặc Hinh giết Nhuận cướp ngôi, lên làm vua. Con Nhuận là Nặc Ông Tông chạy sang Hà Tiên. Thống nhất Trương Phúc Du thừa thế tiến đánh, Hinh chạy ra đất Tần Bông xoài, bị phiên thần ở biên giới là Ốc Nha Uông giết chết. Bấy giờ chức trấn mục Hà Tiên là Mạc Thiên Tứ cũng vì Nặc Ông Tông dệ khải trình bày tình trạng, bèn sách phong cho Tông làm quốc vương Cao Miên, sai Thiên Tứ cùng với tướng sĩ 5 dinh hộ tống về nước. Tôn bèn dâng đất Tầm Bông Long, quan quân bèn trở về Gia Định. Trương Phúc Du cùng Tham mưu Nguyễn Cư Trinh dâng khải xin dời dinh Long Hồ (ở xứ Cái Bè châu Định Viễn) đến xứ Tầm Bào (tức là đất thôn Hồ, tổng Vĩnh Trường, huyện Vĩnh Bình phủ Định Viễn). Lại đặt Đông Khẩu đạo ở xứ Sa Đích, đặt Tân Châu đạo ở xứ cù lao Tiền Giang, đặt dạo Châu Đốc ở xứ Châu Đốc, Hậu Giang, lấy lính dinh Long Hồ đi tiếp nhận đóng giữ. [Chúa

---

(9a) A. 4 chép việc này vào tháng năm, như sau: "Thi khoa Hoành từ. Lấy đỗ bọn các ông Ngô Tường Đạo 8 người, đều bổ vào các chức vụ và trách nhiệm trong kinh ngoài trấn. A. 1210 cũng chép vào tháng tám như bản trục, và thêm lấy đỗ bọn Ngô Đạo 8 người". *Ngô Tường Đạo*, cũng đọc âm "Dào" quê làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai (Hà Nội),là em Ngô Thì Sĩ.

Nguyễn] theo lời. Bấy giờ Nặc ông Tông lại cắt đất 5 phủ là Vụng Thơm, Cần Bột, Chân Sâm, Sài Mạt, Linh Quỳnh cho Thiên Tứ, để tạ ơn bảo toàn. Thiên Tứ nhân đó đặt xứ Rạch Giá làm đạo Kiên Giang, xứ Cà Mâu làm đạo Long Xuyên, đều đặt quan lại, chiêu mộ dân đến ở, lập thành thôn ấp. Hà Tiên bèn trở thành một trấn lớn.

Mậu Dần, [Cảnh Hưng] năm thứ 19 [1758] (Thanh, Kiền Long thứ 33)

1. Mùa xuân tháng giêng, mở thêm trường sở thi hội khoa bác học[1a].

2. Sai trấn quan [cho người] chia nhau đi tuần đường núi, những trang sách[2a] có sơn, quế. Các việc thu lấy quế, và phương pháp đánh thuế cho quan trấn được tiện nghi thi hành.

3. Lúc này dân khổ vì lụt, đói phiêu tán, chúa Trịnh lưu tâm nuôi dân, cho người chia nhau tìm hiểu hỏi han, bàn cách cứu vớt.

4. Mùa hạ, tháng tư, Thượng thư bộ Hộ Đại tư không đã về hưu là Triệu quận công Nguyễn Huy Nhuận mất, thọ 81 tuổi, tặng Đại tư mã, Nhuận là quan kỳ cựu mấy triều, phong độ nghiêm trang, làm tể tướng. Được đủ các điều phú, quí, thọ, kết cục tốt lành, người bấy giờ khen là hưởng phúc đầy đủ.

5. Tháng sáu, Thượng thư bộ Lễ đã về hưu là Diệu quận công Trần Cảnh mất. Cảnh có mưu lược của người làm tướng, hiểu tình hình giặc,

---

(1a) A. 4 chép thêm một việc sau: Hai tỉnh Quảng nước Thanh bị đói to. Thuyền lớn nhỏ của họ xúm xít ở các huyện Đại An, Nam Chân, Thụy Anh [Sơn Nam] xin đong thóc. Quan trấn tâu lên. Chúa sai Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc và Bá Trạch hầu Nhữ Đình Toàn tới bảo dân ta y theo giá [quy định] bán cho họ, hạn ngày buộc họ trở về nước. Chép them các việc sau vào tháng hai:
1) Mùa xuân, tháng hai, nhắc lại lệ phúc thẩm kiện tụng: Trước dây các vụ kiện chỉ lên đến 6 bộ và Ngự sử đài thì thôi. Nếu có oan tình, mới cho phép làm tờ khải kêu xin xét lại. Nếu tra xét ra người ấy trái lý, thì chiếu y như luật lệ mà luận tội. Gần dây phần nhiều cứ vin lệ mà phúc thẩm bừa bãi. Vậy nên xuống chỉ nhắc rõ lần nữa. Nhưng dân tình có thói coi thường, mà lộc của quan văn lại trông nhờ ở kiện tụng, cho nên không thể cấm chỉ được. 2) Cấm các viên tuần ty không được thu thuế hà khắc. Trước dây, lệ thuế tuần ty đã có ngạch nhất định. Các hiệu thu thuế đặt thêm sổ phụ tuần ty, thu lạm trái lệ. Chúa nghe biết việc đó, xuống chỉ sức bảo: mỗi tuần ty chỉ được đặt một sở chính, hai sở phụ, không được đặt bậy các danh hiệu và yêu sách các thứ tiền ngoài về thổ sản, ngồi thu, ngày về, giao canh. Việc tuần sát ở mỗi sở để xét hỏi các vật quốc cấm, và người nói tiếng lạ, ăn mặc khác thường. Còn người làm buôn bán qua lại thì không được mượn cớ quấy nhiễu họ.

(2a) *Trang, sách:* cũng như thôn, bản ở miền núi: trang là trang trại, sách là chỗ cư dân ở có trồng cọc rào bốn bên.

biết rõ địa thế, lập nhiều chiến công, bèn được trọng dụng, ở trong chính phủ. Sau vì suy yếu xin từ chức vị, được cấp 2 ấp làm dân ngụ lộc để về hưu. Chưa bao lâu thì mất, tặng Thái bảo(5a).

6. Chúa phong Vũ Tất Thận(6a) làm Đại tư đồ Bính Trung công, Nguyễn Mậu Du(6b) làm Đại tư đồ Luân Trung công.

7. Sai phúc thẩm lại các tù trọng tội. Sức cho quan xét kiện không được dề dọng, chậm trễ **[tờ 16a]**.

8. Bàn cách khu xử đối với lái buôn Trung Quốc. Lúc bấy giờ mành buôn Trung Quốc hợp đồng ở cửa biển vùng đông nam, cho thuyền nhẹ đi các nơi đong gạo, dân gian thấy giá gạo đắt, đốc ra để bán, những nơi ấy đông thành chợ, Bèn sai quan binh chọn đất mở chợ, định giá mua bán, mở đóng có chừng mực. Sai các trấn nghiêm xét đường biển, đề phòng bọn gian trà trộn chở trộm ra ngoài.

9. Mùa thu tháng tám, Bài tụng Đô ngự sử Vũ Khâm Lân mất. Lân thông hiểu việc quân, nhiều lần lập công, được vào chính phủ, tính khảng khái không a dua kẻ quyền quí, bị những người giữ chính sự bấy giờ ganh ghét. Đang ở chức Thị lang bộ Lại thì bị giáng, mãi sau mới thăng chức ấy. Khi mất được tặng Thượng thư(9a).

10. Ra lệnh kiểm tra hiệu chính chức phẩm ban võ. Bấy giờ sau thời kỳ dùng binh, chư tướng do quân công thăng bổ trong ban võ. Từ tòng tam phẩm trở xuống có nhiều người lén ghi công lao trận mạc, tự đặt chức vị giả mạo cũng nhiều, cho nên mới có lệnh ấy.

11. Năm ấy mùa hạ mùa thu không mưa, lúa ruộng khô héo, giá gạo cao vọt, xuống chi xá thuế gia vào tô, hoãn thu tiền phạt, tiền chuộc tội, tiền thuế thiếu. Triệt bỏ các chi nhánh tuần ty mới đặt ở các lộ. Sức cho quan trưng thu **[tờ 16b]** tuân chiếu theo lệ đã chuẩn mà làm. Hiến ty thời thường khám xét. Chưa bao lâu, Đỗ Thế Giai(11a) cho rằng cần thu

---

(5a) A.1210: chép là "tặng Thiếu Bảo".

(6a) A. 1210 chép nhầm là *Trịnh Liễu*. Phải là Trịnh Thiết mới đúng, vì Vũ Tất Thận là ngoại thích được chúa Trịnh ban cho tên Trịnh Thiết.

(6b) *Nguyễn Mậu Du*: Quê ở xã Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương (Thanh Hóa) là bố của Nguyễn Thị, vợ chúa Trịnh.

(9a) A. 1210 chép sơ lược nhưng có thêm: "tước Ôn quận công" và chú "quê ở xã Ngọc Lặc, huyện Tứ Kỳ [Hải Dương].

(11a) *Đỗ Thế Giai*: Người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm (Hà Nội) đỗ hương cống được dự tiến triều, làm quan chấp chính.

thuế nhiều ngạch, xin cứ để các chi nhánh tuần ty nhất thiết như trước đây đã đặt.

12. Mùa đông tháng mười, tiến phong thế tử nhà chúa là Trịnh Sâm làm Tiết chế các xứ thủy bộ chư quân, kiêm chưởng chính cơ, Thái úy Tĩnh quốc công, mở phủ Lượng Quốc. Các việc cơ mật của nhà nước đều ủy giao cho tài phán quyết định. Lúc bấy giờ Giảng quan là Nguyễn Hoàn[12a] làm Thập châm (mười bài châm) dâng lên. Sâm khen và nhận lấy [10 bài châm gồm]:

1) Chính tâm thân (con người và bụng nghĩ ngay thẳng); 2) Bác học vấn (rộng đường học vấn); 3) Tề nội chính (công bằng nội chính); 4) Bế biền tập (đóng cửa đối với nịnh hót và thói quen); 5) Nhất chính phủ (nhất trí trong chính phủ)[12b]; 6) Thận sai trừ (cẩn thận việc sai phái, cất nhắc); 7) Quảng thính nạp (mở rộng việc tiếp nhận lời khuyên can); 8) Thủ thành quy (giữ khuôn phép đã sẵn có); 9) Tín hiệu lệnh (hiệu lệnh phải cho tin); 10) Thẩm khoan nghiêm (xét kỹ việc nên khoan hay nên nghiêm) [12c].

13. Giảm suất lính cho phủ Trường Yên. Ngạch cũ: năm đinh lấy một lính. Năm Canh Thân [1740] lại gia thêm: ba đinh lấy một; về sau lại riêng biệt lấy vệ binh bổ vào đội ngũ. Đến nay cho như thế là nặng quá, hạ lệnh cho về hết[13a].

14. Thượng thư bộ Lại trí sĩ là Kiều quân công Nguyễn Công Thái mất, tặng thái tử Thái bảo[14a]. Công Thái tính ngay thẳng cứng cỏi, ít nói, ở chính phủ không thiên vị ai, cùng với các quan đồng liêu hễ có ý kiến hoặc giống hoặc khác, bọn tiểu nhân thường đánh vào chỗ sơ hở. Nhưng sự quyến chú của chúa không giảm. Đã về mà lại gọi ra làm tướng

---

[12a] *Hoàn*, cũng đọc âm "Hoàn".

[12b] A. 1210: "Nhất chính bản" (thống nhất căn bản chính sự).

[12c] CM chép việc tiến phong này là do Trịnh Doanh chứ không phải do nhà vua.

[13a] A. 4 chép việc này vào tháng tư năm 1759, và thêm các chi tiết hơi khác như sau: "Mùa hạ tháng tư, tha vệ binh Trường Yên. Trước đây ngạch lính ở phủ Trường Yên cứ 5 đinh lấy 1. Năm Canh Thân y theo lệ tuyển chọn thêm ở 2 xứ [Thanh, Nghệ]: Trừ số đã lấy làm lính rồi còn lại thiếu lệ 6 đinh lấy 1 gọi là vệ binh, đặt làm các đinh đội Trung Hùng, Hùng Trung và [đội] Biệt tổng, Tùy hầu. So với 2 xứ và 4 trấn thì [phủ Trường Yên] phải chịu gánh quá nặng. Chúa ban chỉ đặc biệt: chiếu theo số binh đinh hiện tại, cứ 3 đinh lấy 1, còn thừa đều cho về".

[14a] A. 1210: "tặng thái tử Thái phó" và chú thêm: "ông người xã Kim Lũ, huyện Thanh Trì".

tới 5 lần. Đến năm tuổi già lại bị quyền thần chỉ trích, dư luận bấy giờ lấy làm tiếc **[tờ 17a]**.

15. Sai quan đi thăm hỏi hai trấn Hải Dương và Kính Bắc tùy nghi xử lý việc cầm phòng [giặc cướp] và quan lại kẻ hay người dở, cùng tình trạng quan và dân.

16. Thự đốc thi Nghệ An là Phan cảnh[16a], Đốc đồng Thanh Hoa là Nguyễn Kỳ vì việc thỉnh thác bị lộ, đều bị bãi chức[16b].

17. Sai quan trấn Nghệ An liệu bổ thuế vàng cho đinh khẩu các động phủ Trà Lân. Miễn hẳn các thuế khóa tích lũy, chiêu hồi dân phiêu tán.

18. Nhắc rõ luật trộm và giấu tiền kho công, căn cứ theo tang vật nhiều ít mà xử tội khác nhau[18a].

Kỷ Mão, [Cảnh Hưng] năm thứ 20 [1759] (Thanh, Kiền Long thứ 24)

1. Mùa xuân, tháng hai, tế cầu mưa

2. Định lệ khai khẩn cho các xưởng mỏ: ai xuất riêng ra khai hoang thành mỏ, cho được làm quản giám, cứ theo [sổ khoán sản] khai lấy ra được mà đánh thuế.

3. Tháng ba, man Lạc Hoàn đến cống sản vật địa phương[3a].

4. Cho Vịnh quận công Đặng Đình Mật làm thủ thư Thanh Hoa, Nguyễn Phan làm Thự trấn thủ Hải Dương.

5. Dân Thanh Hóa đói, sai Hà Tông Huân đến nơi thăm hỏi, mộ dân giàu quyên góp của cải để phát chẩn cho dân đói[5a].

(16a) *Phan Cảnh*: người xã Lai Thạch, huyện La Sơn, Nghệ Tĩnh đỗ thám hoa năm 1763.

(16b) A. 1210: "giáng chức", và thêm "nơi làm việc cũng chức đều tạm đình chỉ".

(18a) A. 4 chép thêm một việc vào tháng mười một: "Tháng mười một ngày mồng một [1 - XII - 1758], nhật thực.

(3a) A. 4: "Quan bảo Lạc Hòn đến cống sản vật địa phương".
Quan bảo: chưa rõ nghĩa, phải chăng là tên của tù trưởng?

(5a) A. 4 chép hơi khác, như sau: "Tháng năm, sai Hà Tông Huân đi chẩn cứu đói ở Thanh Hoa và Nghệ An. Bấy giờ xứ Thanh Hoa và các huyện Đông Thành, Quỳnh Lưu của Nghệ An bị đói to. Chúa sai Huy Xuyên hầu Hà Tông Huân và quan lưu thủ trấn ấy lấy tiền "thông kinh" và căn cứ số thóc do Hộ phiên giao lại chở đến, tùy phương mà chẩn. Và mộ các nhà buôn ở Sơn Nam, cấp giấy tờ, sai họ chở thóc vào Thanh Hoa Bán. Lại sai các huyện ở tứ trấn, hễ thấy dân Thanh Nghệ lưu tán ra đó, thì trình rõ với Trấn thủ, lĩnh tiền thóc mà chẩn cấp cho họ". CM cũng chép như thế nhưng lại cho vào tháng hai.

6. Tháng năm ngày Giáp Thìn, [25, tức 19-VI-1759] ban đêm có sao sa từ phía tây bắc đi đến giữa trời, phát ra tiếng [nổ][6a].

7. Chúa nghĩ trời nắng lâu, cho ban xuống cách thức xe nước cho dân theo đấy mà chế tạo **[tờ 17b]** để tưới ruộng. Lấy thóc công chẩn cho dân phiêu tán. Sai các ty trong ngoài hoãn xét các việc kiện tụng vặt.

8. Tháng sáu nhuận, ngày Mậu Tuất [12-VIII-1759][8a], Thái thượng hoàng mất ở Kiền Thọ. Dâng tên thụy là Ôn gia Trang túc Khải túy Minh mẫn, khoan hồng Uyên duệ Huy hoàng đế, miếu hiệu là Ý Tông. Bấy giờ có người bàn: Hoàng thượng nên để tang 3 năm. Vua nói: trước đây Đại hành [Ý Tông] để tang tiên đế (Thuần Tông) một năm. Vả lại trẫm nối ngôi của hoàng khảo[8b] chứ có phải làm con nuôi Đại hành đâu, trẫm đâu dám nhận hai tông thống[8c]. Cuối cùng để tang 1 năm[8d].

9. Sai các quan trong chính phủ ai nấy cử người mình biết, có thể bổ dùng làm quan trong ngoài.

10. Mùa thu, tháng bảy, ngày Đinh Mão [19, tức 10-IX-1759], hoàng thái hậu ở điện Kiền Thọ là Nguyễn Thị mất, đặt tên thụy là Hiển Từ.

11. Tháng chín, có [nạn] sâu keo. Sai ba ty các trấn lập đàn tế trừ tai.

12. Thăng Nhữ Đình Toàn làm Thượng thư bộ Binh hành Tham tụng phủ Liêu.

13. Cưới con gái trưởng của chúa là Trịnh Thị Ngọc Nhuận về làm phi cho Hoàng thái tử.

14. **[tờ 18a]** Mùa đông tháng mười, thi Hương. Chúa Trịnh Doanh đến nhà Quốc học tế Tiên thánh. Chúa hỏi cống sĩ về tình trạng quan lại hào cường sở tại[14a]. Cho tiền 500 quan. Lúc bấy giờ Giám sát ngự sử

[6a] A. 1210 chép việc này vào tháng tư.

[8a] Bản trục chép "ngày Giáp Tuất", A. 1210 chép "ngày Mậu Tuất" đúng hơn.

[8b] *Hoàng Khảo*: bố của vua, chỉ Lê Thuần Tông, Hiển Tông vốn là con trưởng của Thuần Tông.

[8c] Dịch câu "Khởi cảm nhị bản" vì Hiển Tông là cháu gọi Ý Tông bằng chú, nên nói như vậy.

[8d] A. 4 chép thêm một việc vào tháng sáu. Xuống chỉ hoãn tra khảo xá khám xét kiện tụng. Bấy giờ việc nông đang dồn dập, lại không có mưa kịp thời. Chúa đặc biệt xuống chỉ cho các nha môn trong ngoài có trách nhiệm tra khảo khám xét phải hoãn. Riêng những vụ án về nhân mạng, trộm cướp, ức hiếp, thì cho phép tra khảo khám xét y như lệ định.

[14a] *Sở tại*: chỉ nơi mình ở. Bản A.4 chép sự kiện này hơi khác đi: "Tháng mười mùa đông, xuống chỉ cho các quan chức thuộc văn bản điều trần việc thời sự. Bấy giờ quan lại sở tại thì tham lam, cường hào ức hiếp dân... Chúa biết rõ tình tệ ấy, sai các cống sĩ dự thi ai nấy đem điều thấy trình bầy đầy đủ ra. Nhưng vì pháp chế nới lỏng, nhân tình coi thường kẻ đã lâu năm. Lời nói suông không thể thi hành được, đó là cái thế khiến như vậy".

Nguyễn Đình Ngọc[14b] làm giám khảo trường thi Phụng Thiên, vì làm gian, bị quan trường tố cáo, bị cách chức đuổi về.

15. Tháng mười một, có chỉ dụ cho cống sĩ toàn quốc rằng: "Làm cột giậu cho nhà chúa thực nhờ các kẻ sĩ. Bồi dưỡng tài năng cho kẻ sĩ, cốt ở sự dạy nuôi. Quốc triều ta từ lúc Trung hưng tới nay, theo dùng thể văn đời Hồng Đức. Việc học ở nhà, việc lựa chọn của nước, đều lấy văn chương diễn nhã hùng hồn làm quí. Gần đây văn thể hơi biến chuyển, dần dần thành ra hơi rời rạc. Quan trường ra bài, thì cố tìm những diển lạ chữ hiếm, người đi học thì vụ trích từng câu tìm từng chương. Đã không quan hệ đến nghĩa lý, sao có thể thi thố vào công việc? Nay đặc mệnh cho học quan chiểu qui thức của tiên triều, mà gia sức giảng dạy. Về ý nghĩa thì xét đến chỗ sâu sắc tinh vi, văn chương thì cốt cho thuần nhã. Ai nấy nên cố gắng dùi mài, ra công rèn giũa, để nghĩa lý lên trước, sau mới đến từ chương. Phải chuộng đôn hậu mà ghét phù phiếm, đem đạo nghĩa của thánh hiền làm nền tảng cho đất nước, để thỏa lòng **[tờ 18b]** khuyến khích nuôi dạy tác thành của ta".

16. Cho Huân Trung hầu Nguyễn Phương Đĩnh làm Lưu thủ thư Thanh Hoa cho Liêu quận công Vũ Đình Trác coi việc[16a] trấn Tuyên Quang.

17. Ban chỉ chuẩn định: từ nay ngày bàn việc, cho quan Ngự sử vào hầu, có điều gì chưa thỏa đáng cho biện luận ngay ở triều đường. Việc này cho lấy làm lệ thường lâu dài.

18. Sai các quan viên trong ngoài ai nấy được dâng thư kín nói sự việc.

19. Sai các ông chánh sứ Trần Huy Bật, phó sứ Lê Quý Đôn, Trịnh Xuân Chú sang tuế cống nhà Thanh, thêm vào việc báo tang vua Ý Tông.

20. Cho Thái giám Lãng Phương hầu Nguyễn Danh Thường làm Lưu thủ Thái Nguyên.

Canh Thìn, [Cảnh Hưng] năm thứ 21 [1760] (Thanh, Kiền long thứ 25)

1. Mùa xuân tháng giêng, đình chỉ thuế muối ở 2 xứ Tuyên [Quang], Hưng [Hóa][1a].

2. Người xứ Hưng Hóa tên Thành họp chúng cướp bóc, tràn sang biên giới Trung Quốc. Thổ quan nhà Thanh không chế ngự nổi. Đốc bộ

[14b] Nguyễn Đình Ngọc, A. 1210 chép là "Nguyễn Huy Ngọc".

[16a] Nguyễn Văn là "dao lĩnh" (từ xa coi việc chứ không đến nơi trực tiếp cai trị).

[1a] A. 1210 và CM chép việc này là vào tháng hai.

Vân Nam dưa thư báo triều đình ta hội quân đánh úp. Bèn sai quan trấn Hưng Hóa trả lời hẹn ngày dẫn quân tới hội.

3. Tháng ba khởi phục Thị lang [đã hưu] là Lê Trọng Thứ làm chức Hữu chính ngôn(3a).

4. Thi Hội các cử nhân, lấy bọn Nguyễn Huy Cẩn gồm 5 người hợp cách. Đến khi thi Điện **[tờ 19a]** cho bọn Ngô Trần Thực đỗ đồng tiến sĩ xuất thân (Nguyễn Huy Cẩn là con tiến sĩ Nguyễn Huy Dận, chăm học, làm văn giỏi, thi Đình đáng đỗ đầu, vì thất cách truất xuống cuối bảng. Cẩn xin từ về không làm quan(4a)).

5. Mùa hạ, tháng tư(5a) Chúa Trịnh Doanh đi tuần trấn Sơn Nam, tế vọng [thần] núi sông. Chúa muốn khảo sát quan lại, đổi mới chính trị, bèn cho quan 2 ty Thừa, Hiến vào yết kiến, sai trình bày các quan dạy học ở phủ huyện trong hạt, ai giỏi ai kém, để làm bằng mà thưởng truất. Lại sai các quan phủ huyện xét trong hạt có người nào học hành tài nghệ có thể lục dụng được, ai là con hiếu vợ hiền đáng nêu khen, ai là người già trăm tuổi đáng thăm hỏi. Và các công việc gây lợi trừ hại, đều cho đem sự thực tâu bày.

6. Việc quận công Hoàng Ngũ Phúc ở trấn, khéo dẹp giặc, vỗ yên dân, bộ hạ ca tụng chính sự giỏi. Chúa viết 4 chữ "Phiên tuyên lương hàn" (6a) ban cho để nêu khen.

7. Tháng năm, chúa Trịnh Doanh về kinh(7a).

8. Chúa sai Khuê Trung hầu(8a) Đinh Văn Thản (là con cháu Đinh Văn Tả, Đinh Văn Giai ở xã Hàm Giang) làm thủ thư Hưng Hóa để tiến đánh giặc Thành.

9. Mùa thu tháng bảy, vợ (phi) của Hoàng thái tử(9a) là Trịnh Thị mất **[tờ 19b]**.

10. Tháng tám, mưa dầm, nước mưa làm ngập lụt rất nhiều lúa.

(3a) A. 1210 chép là: "nhận thị Hữu chính ngôn".

(4a) A. 4: "Cẩn cáo ốm không làm quan, được chúa thuận cho lại ban cho 100 quan tiền. Về nhà mở trường dạy học, không tới thành thị, đời khen là thanh cao".

(5a) A. 1210 chép "Mùa hạ tháng năm".

(6a) *Phiên tuyên lương hàn:* Ý chỉ bầy tôi giỏi ở ngoài phiên trấn.

(7a) Xem A.4 chép thêm 1 việc: "Tháng năm ngày mồng 1 [12-VI-1760] có nhật thực.

(8a) A. 1210 chép "Quế Trung hầu".

(9a) A. 1210 chép rõ tên là Trịnh Thị Ngọc Nhuận.Tháng bảy, bản trục chép nhầm tháng chín.

11. Cho Nguyễn Đình Thạch, Lê Quán làm tứ thành chánh phó Đề lĩnh.

12. Sai Trấn thủ Kinh Bắc là Tạo Cơ hầu Phạm Ngô Cầu kiêm trấn Hải Dương. Trước đây Hải Dương có giặc biển cướp bóc hại dân, Trấn thủ Phạm Đình Sĩ không thể chế ngự được bị Hiến sát sứ Phan Huy Cẩn tâu hặc, bèn cho Nguyễn Phan thay. Phan đến, trộm cướp vẫn lén lút phát ra như cũ. Đến đây sai Phạm Ngô Cầu, kiêm làm Trấn thủ. Cầu gia sức tìm bắt nghiêm ngặt, đồ đảng giặc bị bắt hết, cõi Đông được yên.

13. Thượng thư bộ Lễ hưu trí là Liêu Đình hầu Lê Hữu Kiều mất. Kiều tính điềm đạm, kiệm ước, làm quan thuần cẩn, không lập sản nghiệp, công danh được trọn vẹn, trải làm Tham tụng. Đến đây mất, được tặng Thiếu phó.

14. Tháng chín, chúa nghĩ dân Thanh Hoa khổ vì nước lụt, sai quan tam ty lưu ý vỗ về, khoan giảm các việc đòi bắt thôi thúc. Bấy giờ lưu thủ Nguyễn Phương Đĩnh khải lên trình bày công việc cứu đói, đều chuẩn cho thi hành.

15. Chúa cho Nguyễn Mậu Thuật tiến triều, bổ vượt cấp lên làm Hồng lô tự khanh.

16. Chúa Trịnh chú trọng Nho thuật, để ý cổ vũ, nhiều lần dẫn văn thần vào phủ đường, thi sáng tác thơ phú, biện luận, ban thưởng cũng nhiều **[tờ 20a]**.

17. Lại sai triều thần và các thuộc chức hàng văn học tập thể cách văn thư từ mệnh[17a] để đợi khảo duyệt.

18. Hạ lệnh cho người cả nước nộp tiền thóc rồi liệu bổ cho làm quan[18a].

19. Vịnh quận công Đặng Đình Mật mất, tặng Tả đô đốc.

20. Nước Ai Lao cùng châu Trịnh Cao đến dâng phương vật (châu Trịnh Cao ở phía tây Nghệ An, thuộc phủ Ngọc Ma).

[17a] *Văn thư từ mệnh* là lối văn thư hành chính và ngoại giao.

[18a] A.4 và A.1210 chép như sau:

"Tháng bảy, ra lệnh cho thiên hạ cung tiến tiền thóc rồi lượng xét trao chức có thứ bậc. Bấy giờ sau năm được mùa. Bèn qui định thành cấp bậc: ai có thể nộp 6 vạn bát quan đồng thì trao chức tri phủ ở một phủ "thái phiền"; nộp 4 vạn bát quan đồng thì trao chức tri huyện ở một huyện "thái phiền". Ngoài ra đều theo thứ bậc".

"Thái phiền": rất phức tạp. Đời Hậu Lê người ta chia làm 4 loại địa phương loại 1. Xung (lắm việc) loại 2. Phiền (phức tạp) loại 3. Bì (mệt mỏi) loại 4. Nan (khó khăn), ở đây là loại 2, nhưng lại thái phiền rất phức tạp, đối với giới quan lại thì dễ kiếm ăn].

Tân Ty, [Cảnh Hưng] năm thứ 22 [1761] (Thanh, Kiền,Long thứ 26)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa Trịnh Doanh dụ thần liêu rằng: Nay đương mùa xuân, khí hòa người vui, chính là lúc ban bố ân đức, thi hành chính lệnh, vậy sức cho các nha môn tuân chiểu các điều lệnh đã ban bố mà thi hành cho xứng đáng với chức vụ. Sai quan khám bổ 2 hiệu Bình đông [Bình tây] chấn chỉnh ngạch thuế của dân. Hoãn thu tiền phạt tiền chuộc tội để bớt phí tổn cho dân.

2. Đặt sở Tuy Viễn ở Sơn Nam, thu thuế đất bãi của An Xá(2a) phát cấp cho dân man qui phụ. Ủy cho trấn quan thu nhận vỗ về.

3. Tham tụng Thượng thư bộ Binh Huy Xuyên hầu Hà Tông Huân về hưu (ông người xã Kim Thành, huyện Yên Định) thăng Thiếu bảo, cho tước Huy quận công và cho 8 đội cờ lọa vinh quy, lúc ấy ông 65 tuổi. Ông có bài thơ để lại tạ ơn các quan đồng triều rằng:

PHIÊN ÂM

Thiết đệ đăng triều trấp bát niên,
Nhất sinh vi(3a), phận bất vi thiên.
Miện vô động chúc vô tha kỹ,
Thân trụ tu phương hữu dụng hiền.
Quyện điểu cô sơn ân miện thế:
Nguy phàm hoạn hải chính đoàn viên.

[Tờ 20b]

Lâm tuyền phận hạ thanh bình phúc,
Thời đối huân phong ngưỡng Thuấn huyền.

DỊCH NGHĨA

May được dỗ làm quan ba mươi tám năm,
Một đời phận nhỏ không dám trái ý trời ở trên.
Không có tài, nhưng nhờ ơn thánh soi thấu cho,
Cũng được sử dụng nhưng công lao đâu dám so với bậc hiền tài.
Chim mỏi thường ngấp nghé muốn về rừng sâu,
Chiếc thuyền qua biển hoạn may được bình yên.
Hưởng phúc thanh bình ở nơi rừng suối,
Thường trước gió nam mát mẻ nghe tiếng đàn vua Thuấn.

(2a) Xã An Xá, A. 1210 chép "xã Yên Lệnh và Nhĩ Độ".
(3a): Chữ Vi bản trục chép nhầm chữ "vi" là trái.

Các quan văn võ đồng triều đều họa vần bài thơ ấy để tiễn và có bài "tựa" đại lược rằng:

"Xét ra đời người quý ở chỗ làm sao thỏa chí mà thôi. Thi cử mà đỗ khôi nguyên là chỉ lúc đi học. Làm quan mà đến tể tướng là chỉ lúc làm quan, lúc trẻ tuổi quí hiếm mà lúc già được hoàn toàn, công thành danh toại, đấy chí nguyện ai cũng muốn được như thế. Mà cái gì cũng thỏa chí cả thì là bậc toàn phúc ở nhân gian, chân tiên ở trên đời. Ai trông thấy nghe thấy đều phải khen ngợi vậy.

Đáng quí thay ông! Thanh giá như vàng, ngọc, phẩm chất như phượng, loan. Năm 12 tuổi đỗ ở quận. Năm 16 tuổi đỗ hương giải. Nổi tiếng thần đồng, vua chúa đều biết. Rồi đỗ đầu khoa Hoành từ, đỗ bảng nhãn. Bậc tấn thân xem bài văn sách đều biết đó là thứ văn chương trung hiếu. Chốn triều đình, nơi thôn dã đều tưởng vọng phong thái, biết là người có tài kinh luân. Bởi thế làm quan trong, quan ngoài, đi đến đâu cũng đều tốt. Khi gặp việc khó khăn giống như bổ củi rắn, gỡ tơ rối, cũng chỉ nhón tay là xong. Tới đất khách núi Bắc, hùng biện mà lấy được bờ cõi xưa, ở Nam quan tiếp khách quí, đối đáp làm cho bớt cung đốn. Cho đến làm Thừa tuyên, làm Trấn thủ, gần thì Sơn Tây, Sơn Nam, xa thì Thái Nguyên, An Quảng, đến đâu cũng làm ngôi sao phúc tinh soi sáng một phương, làm mưa ngọt thấm nhuần khắp cõi. Lúc đến thì dân mừng, lúc đi thì [tờ 21a] dân nhớ. Dân gian đều ca tụng. Lại còn làng quí hương[3a] là nơi căn bản nhà nước, vùng ven núi có giặc thì làm Tán lý, làm Thống lĩnh, làm Bình tặc đại tướng áo nhẹ đai lỏng mà quét sạch được bụi bặm ngoài biên. Dân đói vì mất mùa thì làm Thái phỏng[3b], làm Hiến sát, làm Tuyên úy đại sứ, lúa ruộng mưa nhuần mà cứu được bệnh dân khổ. Cái công giữ căn bản cho nước vững cả hai kinh, đến Tiêu Hà[3c], Khấu Chuẩn[3d] đời xưa chưa chắc đã hơn được. Khó khăn nhọc nhằn lập nên công lớn, mà vẫn tỏ ra ung dung thanh thản. Duyên may gặp chúa giỏi của ông cũng là chuyện kỳ lạ. Giữ việc cầm cân thì làm chức Tả chấp pháp, sung sang võ ban thì làm chức Đồng tham tụng. Ở ngôi trấn trị hai lần, làm chức ngôn quan ba lượt, lại dạy trường đại học,

---

(3a) *Làng quí hương:* (dịch chữ: thang mộc chi hương) là quê của vua chúa.

(3b) *Thái phỏng*: chức quan đi thăm hỏi tình hình đời sống của dân.

(3c) *Tiêu Hà:* Thừa tướng đời Hán giữ đất Quan Trung, cấp binh lương cho Hán Cao tổ.

(3d) *Khấu Chuẩn*: Thừa tướng đời Tống tự ra làm Tiết độ sứ, và nói rằng: cửa bắc là then khóa của Trung Nguyên nên mình phải đảm đương.

trông coi kiện tụng. Muối mơ chín vạc[3d] thì bên hữu ban võ, bên tả ban văn, định được qui mô nơi đài các. Cổ xúy sáu kinh[3e] thì học trò của ông đều là rường cột miếu đường. Quan tước vang lừng như Hoàng chung Đại lã[3g]. Danh vọng cao ngất như Kiều Nhạc, Thái Sơn[3h]. Lại còn lòng vẫn khiêm cung, chi dùng tiết kiệm. Lượng rộng thênh thang, nguyên lão mà để cử người tuổi trẻ. Ngôi cao thăm thẳm, đắc thời lại nhượng cho người sau. Đó là điều các vị danh tướng cũng khó mà làm được như vậy. Nay ông tuổi sáu mươi lăm, là đại nho làm thủ tướng. Làm mưa khi hạn, làm đá mài vàng. Trách nhiệm cũng đương cần thiết, là đá rắn mà biết thời cơ[3i] thấy nước lên nhanh ắt rút chóng[3k] [tờ 21b] nên lui về mong được thong dong đem cái chí khảng khái nhận việc đời, làm cái thân tự do tự tại. Thánh thượng thể tất lòng trung, không muốn trái lời xin. Mùa đông năm trước dâng sớ, mùa đông năm nay mới được chuẩn y. Thăng trật Tam thiếu, phong tước Thượng công, ban cho thái ấp. Yêu quí vinh hạnh biết nhường nào? Lúc vinh hồi lại đưa thơ ngỏ ý lưu tạ đồng triều, thực đáng khen ngợi. Ta nghe: Ái Châu[3l] đất dấy nghiệp vua, một con suối, một hòn núi đều là cảnh đẹp. Mà sông Ngọc Trủy, núi Đồng Cỏ[3m] lại là bộ mặt tiêu biểu cho cảnh suối rừng của quí huyện. Lại còn bên chân núi là vườn cũ Khương Công Phụ[3n] xã Đông Lý là nền cũ của Trịnh Thiết Trưởng[3o]. Di tích cố nhân, vẫn còn cả đấy. Nay ông về chống gậy hóng gió xuân, tiếng đàn chén rượu thưởng trăng thu, tìm chốn lạ chọn cảnh đẹp tiêu dao ở đây. Hội Kỳ Anh của Văn Lộ Quốc[3p] nhà Trú

(3d) *Muối mơ:* Ân Cao Tông bảo Phó Duyệt rằng: "Như nấu canh dùng người làm muối và mơ" (ý nói điều hòa cho vừa phải) đời sau ví chức Tể tướng với việc nấu canh. *Chín vạc:* chỉ triều đình.

(3e) *Cổ xúy sáu kinh:* Ý nói hăng hái tuyên truyền giảng giải nghĩa lý kinh sách.

(3g) *Hoàng chung, Đại lã:* là hai âm luật chủ yếu trong âm nhạc.

(3h) *Kiều nhạc, Thái Sơn:* là hai quả núi lớn trong Ngũ Nhạc của Trung Quốc.

(3i) *Đá rắn biết thời cơ:* Kinh dịch có câu: "Giới vu thạch bất chung nhật, trinh cát", nghĩa là rắn như đá cũng phải biết cơ, không đợi ngày thì tốt (ý nói: biết thời cơ, rút lui đúng lúc là tốt).

(3k) *Nước lên nhanh ắt rút chóng:* dịch câu " cấp lưu dũng thoái". Ví với người làm quan tiến nhanh thì cũng biết rút lui nhanh, không tham quyền cố vị. Hai câu này ý nói ông từ quan là đúng.

(3l) Ái Châu: tức Thanh Hóa, quê hương nhà Lê (đất thang mộc).

(3m) Ở huyện Yên Định có sông Ngọc Trủy, núi Đồng Cỏ (chú của bản trục).

(3n) *Khương Công Phụ:* Tể tướng đời Đường Đức Tông là người xã Sơn Ngôi, huyện Yên Định, (chú của bản trục).

(3o) *Trịnh Thiết Trưởng:* đỗ bảng nhãn triều Lê Thái Tổ là người xã Đông Lý huyện Yên Định, (chú của bản trục).

(3p) *Văn Lộ Quốc:* Văn Ngạn Bác tướng đời Tống về hưu ở Tây Lạc cùng bọn Tư Mã Quang. Phú Bật lập ra hội Kỳ Anh, vui tuổi già với nhau.

Cầm của Bùi Tấn Công[3q] đều là việc phong nhã như ông. Vui nhà tuổi thọ không thể tưởng tượng hết được. Nay tiếp cuộc tiễn Đông Môn[3r] tưởng đến ngày vui Tây Lạc[3s] đều đem lời tốt họa vần thơ, để ghi vào trướng lụa, phổ vào cung đàn, cho tiệc tiễn thêm phần long trọng" **[tờ 22a]**.

4. Tháng ba, trời lâu không mưa. Hạ lệnh cho các ty xét kiện tụng, phải xét xử đúng hạn. Những người bị tội lưu hiện bị giam ở nhà ngục Cửa Đông đều được giảm nhẹ, dưa đi phục dịch cắt cỏ voi, không để việc ngục tụng ứ đọng.

5. Bàn định công lao đánh giặc. Thăng Nội thần Đàm Xuân Vực làm Đại tư đồ, văn thần Nguyễn Nghiễm làm Đô ngự sử. Các tướng sĩ đều thăng chức có cấp bậc khác nhau.

6. Chúa Trịnh nghĩ đến công lao bầy tôi giúp đỡ phò lập mình lên ngôi năm Canh Thân [1740] bèn ban ơn đặc biệt cho 10 người công thần được ruộng thái ấp để hưởng lộc (10 người là [Doãn Trung công] Trịnh Bạc, [Bính Trung công] Vũ Tất Thận, [Kính quận công] Nguyễn Quí Kính, [Bính quận công] Nguyễn Đình Hoàn, [Khuê quận công] Giáp Nguyễn Khoa, [Liêu Trung công] Vũ Đình Trác, [Cổn quận công] Trương Khuông[6a], [Thư quận công] Trịnh Trụ[6b], [Cẩn quận công] Đinh Văn Giai, [Kiểu quận công][6c] Nguyễn Công Thái).

7. [Ngày 15 tháng tư [19-V-1761] có nguyệt thực][7a].

8. Mùa hạ tháng năm, khảo duyệt các quan văn về [soạn thảo] thư giản, bọn các ông tiến sĩ Vũ Miên được trúng cách, chúa cho làm giản quan.

9. Cấm đạo Hoa Lang [đạo Gia Tô].

10. Trấn thủ An Quảng là Nguyễn Đình Khoan (hoạn quan) bị dân tố cáo, chúa triệu về. Sai Trấn thủ Hải Dương Phạm Ngô Cầu kiêm nhiếp việc trấn An Quảng. Sau đó Khoan lại được khởi phục Trấn thủ.

[3q] *Bùi Tấn Công:* Bùi Độ, Tể tướng đời Đường về hưu làm Lục Dã đường ở Ngọ Kiều. Lục Dã đường cũng gọi là Trú Cẩm đường.

[3r] *Đông Môn:* Sơ Quảng và Sơ Thụ là hai anh em, người đời Hán Tuyên đế, đều làm quan dạy thái tử, sau xin về hưu. Các quan làm việc tiệc tiễn ở Đông Môn, cho nên dùng Đông Môn làm điển tiễn quan về hưu.

[3s] *Tây Lạc:* Nơi hoạt động của hội Kỳ Anh của Văn Ngạn Bác nói ở trên.

[6a] Trương Khuông, bản trục chép lầm: "Trương Cự", đây sửa chép theo CM.

[6b] Trịnh Trụ, bản trục chép lầm: "Trịnh Hoãn", A.1210 chép là: "Trịnh Quế", đây theo CM.

[6c] Chữ trong ngoặc vuông theo A.1210.

[7a] Các chữ trong ngoặc vuông là bổ sung theo A.4.

11. Bấy giờ, quan quân đạo Hưng Hóa vây nghịch Thành đã lâu, quân sĩ nhiều người bị nhiễm chướng dịch. Tháng chín giặc Thành nhân cơ hội nước lên to, phá vây chạy, quan quân đuổi theo, bắt được, giải về kinh sư, giết giặc Thành cùng đồ đảng. Hưng Hóa được yên.

Bàn chế độ cấp tuất cho quan quân đạo Hưng Hóa. Tặng Đốc đồng Tuyên Quang là Phan Cảnh chức Hữu thị lang, tước bá. Đốc lĩnh Đinh Văn Thản hãm quân ở chỗ nước độc nên nhiều người chết, nhiều lần bị quở, buồn bực mà chết(11a). Sai truy đoạt chức tước và đánh vào xác để làm nhục **[tờ 22b]**.

12. Tháng sáu, sai tra tính số tiền thuế tô, dung, tiền cửa đình của các xã bị thiếu. Sai quan huyện sức báo dân các xã đem nộp. Những xã nào điêu tàn thì đều cho miễn cả.

13. Mùa thu tháng bảy, hạn hán, sai các quan [2 ty](13a) ở địa phương xét kỹ tình hình lợi hại trong dân gian và trình bày cách nên bỏ, đều cho làm sớ dán kín dâng lên.

14. Cho Nguyễn Quý Thứ được tiến triều [Quý Thứ là con Nguyễn Quí Kính](14a).

15. Ban cho khai quốc công thần Lê Lai(15a) được thờ phụng vào miếu Quan công.

16. Thăng Nguyễn Nghiễm làm Thượng thư bộ Công, hành Tham tụng.

17. Quyền phủ sự Hữu hiệu điểm [Hương Lĩnh hầu](17a) Mai thế Chuẩn mất, tặng Đô đốc thiêm sự. Thế Chuẩn làm quan đến Thị Lang, Tế tửu đổi sang võ chức, làm Đốc lĩnh các đạo Tây Nam(17b), đánh giặc có

(11a) A.4 chép việc này vào tháng hai, và nói rõ: Trước đây sai Đinh Văn Thản Đốc lĩnh đạo Hưng Hóa đánh bọn giặc [Hoàng Công] Thư và Thành. Thản ngầm giao thông với giặc, dung dưỡng giặc, không đánh. Tra xét được thực trạng, chúa cả giận, sai giết Đinh Văn Thản tại quân. Lệnh tới nơi thì Thản đã chết. Bèn sai quật mả, đánh vào quan tài. Lại đổi sai bọn Đốc chiến Trần Đình Châu, Tham mưu Nguyễn Quốc Khuê, cùng Đốc đồng Tuyên Quang là Phan Cảnh hội tiễu Hoàng Công Thư và nghịch Thành. Thư chạy vào động Mãnh Thiên, trốn sang Trung Quốc rồi chết ở đó.

(13a) "2 ty" trong ngoặc vuông bổ sung theo A.1210.

(14a) Đoạn trong ngoặc vuông bổ sung theo A.1210. Nguyễn Quí Thứ, bản trục "Nguyễn Trung Thứ" là sai.

(15a) A. 4 và A.1210 thêm: "và Chinh nam tướng quân Trần Công Bách" [Trần Công Bách]: xem chú số 71g năm 1774.

(17a) Đoạn trong ngoặc vuông theo A.1210.

(17b) A.1210 chép là "Đốc lĩnh Sơn Tây".

công, ra làm Trấn thủ Lạng Sơn, việc phòng bị ngoài biên cũng khá chỉnh đốn. Đến đây được cử làm giám quân Hưng Hóa, rồi ốm chết[17c].

18. Mùa đông tháng mười, sau tiết lập đông, khí trời nóng dữ. Chúa Trịnh cho là thời tiết không thuận, dụ bọn quan chấp chính là Nhữ Đình Toàn, Nguyễn Nghiễm, khảo xét việc chính sự, thưởng phạt cho đúng, để vãn hồi ý trời.

19. Tháng mười một[19a], sứ nhà thanh là bọn Hàn lâm thị độc Chân Đức Bảo, Đại lý tự khanh Cố Nhữ Tu sang sách phong vua làm An Nam quốc vương **[tờ 23a]** và làm lễ dụ tế vua Ý Tông. Bấy giờ triều đình sai nhiều quan văn ra làm ban tiếp thư từ ứng đáp, được sứ Trung Quốc rất khen ngợi, kính trọng[19b]. Con trai Trần Danh Ninh là Trần Y Trạch 15 tuổi đến sứ quán thử [làm thơ] được sứ thần khen tài, gọi là "hải quốc anh tuấn" [19c].

20. Đặt chức tả hữu chấp pháp trông coi triều nghi. Cho Nguyễn Nghiễm, Lê Trọng Thứ làm chức ấy.

21. Tháng mười hai, ngày Kỷ Tỵ [5, tức 30-XII-1761] chúa Trịnh Toàn vương[21a] Khương [tức Giang] chết, thọ 51 tuổi, truy tôn là Thuận vương đặt tên thụy là Di Mục, miếu hiệu là Dụ Tổ, táng ở cánh đồng Nhân Lý[21b]. Trước chúa Khương đã nhường ngôi, mừng rằng tôn miếu đã có người dễ phó thác, muốn cùng Trịnh Doanh vui chơi. Doanh thường đến cung Thưởng Trì vui vẻ hầu thăm. Có lúc Khương đi chơi thường rủ Doanh cùng đi, hàng năm có yến tiệc vui mừng, tình cảm thắm thiết, gần gũi như người nhà. Đến khi Trịnh Khương chết, Doanh thương khóc quá lễ, quần thần can không nghe, về sau rước thần chủ vào miếu thờ, nhiều người bàn khác nhau. Doanh tự tay viết thư bày tỏ thái độ bất nhẫn, cuối cùng thờ ở chính miếu[21c].

[17c] A.1210 chép thêm: "Ông quê ở xã Thạch Tuyền, huyện Ngu Sơn".

[19a] Tháng 11. A.1210 chép "tháng 10", A.4 chép: "tháng 12".

[19b] A.4 chép rõ thêm: Bấy giờ trong nước mới yên, chúa muốn khoe với sứ Tàu ở xa đến rằng nước ta nhiều nhân tài. Phàm những chức bạn tiếp đưa đón đều được chọn những người có tài học, và ứng đối giỏi cho làm. Các chức văn thuộc như Ngô Thì Sĩ học vấn uyên bác, bọn Đức Bảo coi trọng.

[19c] *Hải quốc anh tuấn:* người tuổi trẻ tài tuấn của nước ngoài.

[21a] A 1210 chép "Thái thượng vương mất".

[21b] *Nhân Lý*: nhiều làng xã mang tên Nhân Lý, đây có lẽ thuộc phủ Thiệu Thiên, Thanh Hoa.

[21c] Trịnh Doanh là em Trịnh Giang, Giang nhường ngôi chúa cho em chứ không phải cho con, nên Doanh có thái độ như vậy.

Nhâm Ngọ [Cảnh Hưng] năm thứ 23 [1762] (Thanh, Kiền Long thứ 24)

1. Mùa xuân tháng giêng dặt quan Giám đốc trường đúc tiền Nhật Chiêu, Cầu Dền, và các trường Sơn Tây, Thái Nguyên. Sai các trường đều làm dấu riêng, để phòng đúc tiền quá lạm hoặc mỏng.

2. Mùa hạ tháng tư nhuận, ngày rằm [7-VI-1762], chúa Trịnh Doanh đi chơi cung Long Châu.

3. Tham tụng Thượng thư bộ Binh Bá Trạch hầu Nhữ Đình Toản xin đổi sang võ chức, chúa ưng cho, trao cho làm Hữu hiệu điểm, quản đội Nghiêm Hữu hầu[3a] nội.

4. Cho quyền Thừa chính sứ trấn Sơn Nam Đào Xuân Lan đổi về làm Thiêm đô ngự sử. Tiếp đó lại cho Vũ Trần Tự thay.

5. Chuẩn cho Nguyễn Nghiễm Hanh tiến triều. Hanh nhiều lần làm khải bày tỏ. Triều đình bàn rằng: Hanh dự thi Hội trúng cách, ngày thi Đình hành văn cũng lấy được, xin bổ dụng theo lệ trúng trường tiến triều. Chúa ưng cho.

6. Tháng ấy nắng nực quá, dân nhiều người bị bệnh dịch. Sai các trấn đặt đàn cầu đảo.

7. Tháng năm, thi thư toán. Ra lệnh từ nay theo lệ cũ 12 năm[7a] một lần thi thư toán, cho làm lệ thường.

8. Sa thải lại viên trong ngoài, [tờ 24a] xét thực chuyển bổ, cho nha ít việc nhiều việc đều đủ người làm.

9. Sứ của Cao Châu đến dâng lễ cống.

10. Vũ Tất Thận dâng lời nói rằng: Thanh Hoa ruộng bỏ hoang, dân ít người, mấy năm liền đói khổ, lại bị trưng cầu bóc lột, dẫn đến điêu hao. Xin hoãn thu thuế thổ sản, tiền thuế dung, và nghiêm cấm nha dịch sách nhiễu, cường hào ức hiếp cướp đoạt để trừ khổ cho dân. Chúa Trịnh nghe theo.

11. Định lệ thuế lò (táo) nấu muối ở trấn Sơn Nam. Sai quan trấn ấy khám ruộng muối ở ven biển, bổ thuế, cứ 5 mẫu làm một lò, thu thuế nửa quan tiền[11a].

[3a] *Hữu hiệu điểm:* vì kiêng húy Trịnh Kiểm nên tả hữu Kiểm điểm đổi làm tả hữu hiệu điểm, chức vụ là quản quân cấm vệ.(LTHCLC).
Đội *Nghiêm hữu*: tên một đội thân quân chầu hầu.

[7a] A.1210 chép "15 năm một lần". A.4 chép việc này vào tháng mười một.

[11a] A.1210 và CM chép "cứ 50 mẫu làm một lò, thu thuế 30 quan".

12. Truy tôn mỹ tự cho Chiêu tổ Khang vương Trịnh Căn. Triều đình bàn rằng: việc biên giới Tuyên Quang, tiên triều chia vạch hợp lý, có sức ngầm làm tắt việc binh đao, thu lại được đất biên giới. Công cao vọng trọng, đáng được khen tặng vẻ vang. Chúa bèn tâu vua xin truy tôn cho Khang Vương thêm 4 chữ mỹ tự "Bảo quốc truy phương"[12a]. Vua chuẩn lời tâu, sai thi hành.

13. Chấn chỉnh thể văn. Sai viên khởi phục tri Quốc tử giám Huy quận công Hà Tông Huân thân sức mẫu mực thể văn để Học quan huấn thị cho học trò học tập, nhằm đào tạo nhân tài[13a].

14. Mùa thu tháng bảy, sai các trấn khai mỏ để lưu thông hóa vật trong nước. Sơn Tây[14a] khai mỏ bạc Thượng Dã, Thái Nguyên khai mỏ gang Tiên Nông [tờ 25b], mỏ diêm tiêu Nà Nẫm, Hưng Hóa khai mỏ đồng Trình Lạn, đều hạn 3 năm thì bỏ thuế.

15. Tháng tám, sai Ngự sử dài chuyển sức các ty trong ngoài về điều lệ xét kiện tụng. Đại lược là cấm điêu toa, ngăn việc kiện lây lan, răn việc kéo dài để đọng án. Tiền phạt tiền tạ phải công bằng. Chiếu theo lệ cũ châm chước mà làm.

16. Tháng chín, ngày rằm [31-X-1762], nguyệt thực[16a].

17. Sửa lại nhà Quốc tử giám.

18. Mùa đông tháng mười, thi Hương. Bấy giờ chúa Trịnh đi tuần sát đến trường Sơn Nam, có một số học trò hỏng kỳ đệ nhị, kêu xin thi lại. Chúa ưng thuận, cho họ làm văn ở ngoài trường, dưa quyển vào khảo quan trường thi chấm, không ai trúng cả.

19. Chúa Trịnh nghĩ: sử tịch đời trước do học giả chép riêng, chưa có sự thống nhất, bèn sai các ông Hà Tông Huân sưu tập các sách *Thông*

(12a) *Bảo quốc tuy phương:* là bảo vệ đất nước, vỗ yên địa phương.

(13a) A 4 chép thêm một việc sau: "Mùa hè tháng sáu, sai quan nã bắt lính Thanh Nghệ. Bấy giờ lính hai xứ phần nhiều bỏ trốn, để thiếu. Dân thì diêu hao, bất trị. Đặc chuẩn cho theo số suất mà chọn lính. Sai quan khám đo, người nào cao lớn thì tuyển vào đội thị hầu, điền bổ vào các cơ đội. Lại cho lính ở kinh chọn bầu mỗi tổng lấy một người "cán dương" lĩnh bằng trở về quê, chọn người đem đến kinh ứng tuyển thay thế. Còn việc quan trấn trốc nã và quan quản bắt riêng, thì nhất thiết đình chỉ".

(14a) Bản trục chép: Sơn Nam khai mỏ Thượng Dã là sai. Đây theo A.1210 Thượng Dã là tên xã, trấn Thái Nguyên (CM).

(16a) Chữ "nguyệt" trong bản trục chép đã lầm với chữ "nhật". A.4 thì lại ghi như sau: "Ngày mồng 1 tháng 9 [17-X-1762], nhật thực".

giám Cương mục, Cương giám[19a] cùng lời bàn của tiên nho, hợp đính vào sách *Thiếu Vi* bản cũ[19b], ban bố cả nước. Nhưng rồi cũng không thực hiện.

20. Đặt thư các[20a]. Cho Nguyễn Bá Lân, Lê Quý Đôn [tờ 25a] làm học sĩ, để duyệt sách vở. Chọn người ở hàng văn, có văn học là bọn các ông Ngô Thì Sĩ sung chức Chính tự[20b].

Quí Mùi [Cảnh Hưng] năm thứ 24 [1763] (Thanh, Kiền Long thứ 28)

1. Mùa xuân tháng giêng. Chúa Trịnh đi tuần du đến Thanh Hoa. Nghĩ rằng dân địa phương phải sửa sang đường chạy trạm, tô điểm các thắng cảnh núi sông như núi Dục Thúy, động Bích Đào[1a] đã cung cấp phu dịch phiền phí khó nhọc, nên cho 6 huyện sở tại là Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang, Tống Sơn[1b], Nga Sơn, Thuần Lộc[1c] được miễn thuế một năm.

2. Tháng ba, chúa Trịnh về kinh.

3. Mùa hạ tháng tư, thi Hội các cử nhân, lấy bọn Nguyễn Duy Thức[3a] gồm 5 người trúng cách. Đến khi thi Điện, Thiếu bảo Huy quận Hà Tông Huân, Hàn lâm thừa chỉ kiêm Bí thư các học sĩ Dĩnh Thành bá Lê Quý Đôn tiến quyển đọc, cho bọn Vũ Cơ[3b] 5 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân[3c].

(19a) *Thông giám cương mục*: Sử biên niên Trung Quốc do Chu Hy đời Tống biên soạn. *Cương giám*: sử Trung Quốc do người đời sau lấy tài liệu của *Thông giám cương mục* dọn lại thành thông sử.

(19b) *Thiếu Vi*: tức là thông sử Trung Quốc đã được tóm tắt cho những người học để đi thi, do Thiếu Vi Giang chỉ người Trung Quốc soạn. Sách được tái bản nhiều lần ở Việt Nam cho học trò đi thi dùng. Tên sách cũng gọi là *Thiết Vi tiết yếu đại toàn*.

(20a) *Thư các*: gác chứa sách, nghĩa là thư viện. A. 1210 và CM chép "Bí thư các".

(20b) *Chính tự*: đính chính các chữ sai.

(1a) *Động Bích Đào*: ở huyện Nga Sơn, còn có tên là hang Từ Thức.

(1b) Tống Sơn, A. 1210 chép "Đông Sơn".

(1c) *Thuần Lộc*: tức sau này là Hậu Lộc.

(3a) *Nguyễn Duy Thức*: quê xã Vọng Nguyệt, huyện Yên Phong, Hà Bắc. A. 4 chép tắt là Nguyễn Thức.

(3b) *Vũ Cơ*: quê xã Ngọc Lặc, huyện Tứ Kỳ, Hải Dương. A. 4 chép là Vũ Kỳ.

(3c) A. 4 chép thêm 2 việc sau:

1. Mùa hạ tháng tư, chúa bảo các nha môn có trách nhiệm xét phải sửa sang nhà ngục cho khô ráo sạch sẽ để tỏ rõ ý hễ trên thương xót [kẻ có tội].

2. Sai duyệt các quyển thi hội bị hỏng. Phạt Hiến sát sứ Nguyễn Kỳ. Khoa ấy thi hội, Kỳ duyệt quyển. Có quyển văn lý khá, đáng đỗ, mà Kỳ tự tiện bỏ đi, nên bị phạt.

Nguyễn Kỳ: người xã An Lão, huyện Bình Lục, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1748). A. 4 chép Nguyễn Đình Kỳ.

4. [Tháng năm xuống chỉ][4a] bàn việc mở ân khóa, y như điển lệ thi hội, định đến mùa thu năm ấy cử hành. Nhưng vì mùa thu ấy nước lụt ướt át, không thi nữa.

5. Cho Đoan Nghiêm hầu Bùi Thế Đạt tạm coi việc trấn Nghệ An. Lúc bấy giờ, Lê Duy Mật đánh úp lấy Trấn Ninh, Cao Châu, chia quân đi cướp 2 phủ Quì Châu, Trà Lân. Dân tình náo động [tờ 25b]. Viên Án trấn là Vũ Tá Đoan nhiều lần xin chọn tướng khác coi việc biên khẩn. Bèn cho Bùi Thế Đạt tạm coi việc trấn. Sau đó cho kiêm làm Đốc suất, tùy nghi xếp đặt. Đạt dâng khải nói về sự nghi của trấn có 5 điểm. Đều giao cho đình thần bàn để thi hành[5a].

6. Tháng sáu chúa Trịnh nhân thấy có nhiều lần tai dị, muôn một phen chỉnh lý cải cách để đáp ý trời. Bèn cho triệu Tĩnh quốc công [Trịnh Sâm] cùng các quan phụ tá là bọn Hoàng Ngũ Phúc, Nguyễn Nghiễm vào chầu. Chúa bảo phát 5 cái bài ngà ghi 5 việc đem ra nhà nghị sự bàn bạc: Một là: cấm tuyệt việc thỉnh thác. Hai là: thưởng phạt đúng để giữ nghiêm kỷ cương triều đình. Ba là: nghiêm sức trăm quan để ai nấy đều vâng theo chức trách. Bốn là: lựa chọn cẩn thận trăm quan để phép tắc quan trường được ngay thẳng. Năm là: cân nhắc việc thu phát để cho tài dụng trong nước được đầy đủ[6a].

7. Trị tội kẻ thỉnh thác. Nội thị là Bùi Lê Viên, Nguyễn Đình Xuân nhiều lần cầu xin các việc cho người khác, nhận nhiều tiền bạc đút lót. Việc bị phát giác, đều bị giáng chức đuổi về làm dân [Phan Phái hầu Nguyễn Phan, Trân Lĩnh hầu Nguyễn Đình Khoan][7a] nợ tiền công hơn

---

[4a] Các chữ trong ngoặc vuông bổ sung theo A. 4.

[5a] A.4 chép rõ như sau: "Trấn thủ Nghệ An Bùi Thế Đạt trình bầy 5 điểm về công việc ở trấn ấy như sau: 1) Xin sai thêm binh lính để tiện điều động. 2) Xin chọn kỹ quản binh để tiện sai phái. 3) Xin ban phương lược của triều đình về sự nghi, đánh và giữ. 4) Xin ban thóc công để chở về kho ở trấn ấy dự trữ lương thực nơi biên giới. 5) Xin ban lệnh cho đúc súng. Chúa đặc chỉ y cho như lời trình bày. Riêng việc xin sai thêm lính kinh thì đợi sau".

Tiếp đó A.4 chép thêm một việc: Tháng sáu, lấy Đỗ Thế Giai làm Thự ngự sử. Bấy giờ trong phủ chúa có bệnh dịch, Chúa Minh Vương lấy làm lo. Hoàng Ngũ Phúc xin khởi dụng Đỗ Thế Giai. Chúa nghe theo. Lại cử Giai làm Thự phủ sự. Giai cùng với Hoàng Ngũ Phúc và Đàm Xuân Vực rất ăn cánh với nhau.

[6a] Sau sự việc này, A.4 chép thêm như sau: "Kỷ cương triều đình một phen chỉnh đốn, đều do Đỗ Thế Giai đề xuất, mà Hoàng Ngũ Phúc, Đàm Xuân Vực góp sức làm cho hoàn thành. Không điều gì là chúa Minh Vương không nghe theo. Từ đó quyền lớn trong nước lại qui về Đỗ Thế Giai.

[7a] Các chữ trong ngoặc vuông là bổ sung và dịch theo A. 1210 vì bản trục chép nhầm và sót tước hiệu.

một vạn quan, trước kia bọn Viên xin cho khỏi phải đền. Đến nay bọn Viên đều bị biếm chức. Số tiền bọn Nguyễn Phan nợ ấy đều bắt thu nộp vào kho công[7b].

8. Thự trấn thủ Nghệ An Hữu đô đốc Quán quận công Văn Đình Ức có tội, cách cả ba tước, tha cho tội chết. Ức ở Nghệ An, đục khoét hà khắc, nhiều [tờ 26a] lần bị dân tố cáo. Thường mật tâu việc chiêu hàng xứ Thuận Quảng để cầu công lạ. Bị các quan chấp chính gạt đi, cuối cùng không nên công trạng gì. Lại dám ẩn giấu tình hình giặc Trấn Ninh bắt giam sứ của Lư cầm Nhu[8a] cáo cấp không tâu lên. Triều đình cho là dối trá chuyên lộng, xin xử tử. Chúa Trịnh nghĩ cha Ức là [Văn] Đình Dận có công lao, tha cho Ức khỏi tội chết[8b].

9. Sai các quan đề cử người mình biết [là xứng đáng]. Quan nhị phẩm trở lên được cử hai người, quan tam phẩm trở xuống được cử một người, không cử người ở triều đình, hay ở thôn quê, người có thể bổ làm các chức các ty trong kinh ngoài trấn[9a]. Và có thể cai quản binh lính cơ đội, đều cho kê tên tâu lên.

10. Hàn lâm thừa chi Tuân Đình bá Bùi Trọng Huyến[10a] được sai làm Đề điệu trường thi Nghệ An, ẩn giấu hơn một nghìn quan tiền[10b] bị viên củ sát phát giác, Huyến bị cách chức đuổi về và phải đền gấp đôi số tiền ấy, nộp vào kho công.

11. Chúa Trịnh dụ các quan văn võ và các ty ngoại nhận rằng: "Vừa rồi nhân sau khi đánh đẹp, phép tắc quan trường bị lơi lỏng, các quan

---

(7b) A.4 chép hơi khác, như sau: Luận tội hoạn quan [Bùi] Lê Viên và Vũ Đình Xuân. Trước đây, bọn Viên và Xuân đều là con nuôi của Đàm Xuân Vực. Rất được thân sủng. Phàm những việc dặn dò gửi gắm của chúng không gì là không được như ý. Đỗ Thế Giai vào chính phủ, muốn gây thế, lập uy, bèn tra xét ra sự tình, phàm các việc chúng vâng chỉ ghi chép và truyền lệnh ra trái lệ, có liên quan nhận hối lộ v.v... bàn xét luận trị tội. Kết án bọn Viên đều vào tội giảo (thắt cổ). Chúa xuống đặc chỉ đuổi về làm dân. Từ đấy nhiều người cho là Đỗ Thế Giai mâu thuẫn với Đàm Xuân Vực. Nhưng thực ra họ chưa từng mâu thuẫn nhau.

(8a) Lư Cầm Nhu, trừ bản trục, các bản A.1210 và CM không có chữ "Nhu".

(8b) A.4 chép thêm chi tiết: "Lúc trước Văn Đình Ức làm Thự đốc suất để làm việc chiêu hàng Thuận Quảng... đã chống lại cấp trên... Chúa Minh Vương cho rằng Ức có quân công nên đặc biệt tha tội chết".

(9a) A.4 chép bám sát nguyên văn tờ dụ chỉ, nhưng nội dung cũng như bản trục.

(10a) A .1210 và bản trục chép "Bùi Đình Tuân". CM: "Bùi Trọng Huyến", đúng hơn (X, chú 16a, năm 1749).

(10b) Một nghìn quan, A.1210 chép "hơn 2000 quan".

tùy ý làm bừa. Ta đã tham khảo qui chế diển lệ định lại chức trách của các ty. Đến nay đã hơn 10 năm rồi, thế mà các quan vẫn coi thường lần lữa, ít ai làm tròn chức vụ. Nay ta sửa đổi lệ cũ, đổi mới chính trị. Vậy các người ai nấy đều phải kính giữ chức nghiệp, phát huy tài năng, chớ làm trái phép để mưu lợi riêng, bỏ việc công, chỉ cầu tiền của **[tờ 26b]**. Phải bỏ hẳn thói trễ biếng, thói theo hùa. Đưa nhau trở lại con đường công bình chính trực". Sai quan đem dụ này đi biểu thị các trấn ngoài biên(11a).

12. Mùa thu tháng tám, lấy Thượng thư bộ Hình là Bái Xuyên hầu Trần Huy Bật làm Đô ngự sử. Thái giám Hạo Trung hầu Nguyễn Đình Diễn làm lưu thủ Thanh Hoa. Tham đốc Đĩnh Trung hầu Bùi Thế Khanh làm lưu thủ Thái Nguyên (Diễn là người xã Nội Duệ huyện Tiên Du do hoạn quan xuất thân).

13. Chúa cho 5 người là Trịnh Lệ [Nguyễn Phi sảng](13a) Nguyễn Mậu Đĩnh, Nguyễn Trọng Hoằng, Ngô Thì Sĩ tiến triều.

14. Tháng chín ngày Mậu Ngọ [mồng 4 âm lịch tức 10-X-1763], con trưởng của Tĩnh Quốc công Trịnh Sâm là Trịnh Tông sinh (Nàng hầu của Sâm là Dương Thị Ngọc Hoan, người xã Long Phúc, huyện Thạnh Hà, có chị làm phi của Ân vương Trịnh Doanh, đẻ ra Thụy quận công Trịnh Lộ, được Ân Vương rất yêu. Ngọc Hoan có chị làm phi nên được vào hầu thế tử Sâm. Từ khi vào phủ, nàng ít được tiến ngự. Một đêm mộng thấy thần cho một đoạn vóc hoa thêu hình đầu rồng. Nàng nói với nội thị là Khê Trung hầu Chu Xuân Hán. Hán cho là điềm sinh quí tử. Ngày hôm sau Sâm cho Hán triệu phi tần tên là Ngọc Hoan, Hán cố ý giả nghe lầm, đưa Ngọc Hoan vào. Sâm thấy đã không thích, nhưng đã gọi đến không nỡ đuổi ra. Lại gọi Hán đến mắng. Hán dập đầu tạ tội, nhân đem chuyện nằm mộng của Ngọc Hoan nói với Trịnh Sâm. Sâm lặng im; Ngọc Hoan một lần tiến ngự, có thai, đến đây sinh ra Trịnh Tông. Sâm nghĩ: Rồng dù là tượng trưng cho vua nhưng thêu ra, không phải là rồng thực, và lại chỉ có đầu không có đuôi, không phải là điềm hoàn toàn tốt. Lại nhớ lại đời trước có Trịnh Cối và em chúa bấy giờ là Trịnh Lệ cũng đều do phi tần người xã Long Phúc sinh ra, sau đều mưu phản nghịch, nhưng không thành. Ý Sâm càng không thích. Lúc ấy các

---

(11a) A.4 bám sát nguyên văn dụ chỉ, nhưng nội dung cũng như bản trục.

(13a) Chữ trong ngoặc vuông bổ sung theo bản A.4.

quan văn võ vào mừng. Sâm chối là không phải vợ đích sinh ra, không nhận lễ mừng).

15. Chúa Trịnh Doanh nghĩ: "Đất Nghệ An xa xôi, quan lại phần nhiều có tệ tham ô. Duy Bùi Thế Đạt ở trấn, tính khá thuần cẩn [tờ 27a]. Bèn cho Thế Đạt xét kỹ các sự tình. Những tệ ở các nha môn trong hạt. Việc nào thuộc quan Thừa, Hiến ty thì cho được làm khải đàn hặc. Việc nào do quan huyện thì cho giải đến trừng phạt, để cho quan lại được trong sạch(15a).

16. Giảm bớt ty Thừa chính và số quan phủ huyện ở trấn An Quảng. Các việc binh dân, kiện tụng đều qui về Trấn ty(16a).

17. Chuẩn cho những người nộp thóc [để được bổ quan] và những người vì có quân công được ban ơn đã được bổ nhậm thì giải nhậm và đổi bổ sang chức khác, sẽ liệu giá lại số tiền theo thứ bậc.

18. Giảm bớt số thuộc viên ở sáu bộ. Bấy giờ sáu bộ có đặt quá nhiều thuộc viên. Đến nay hạn định: mội bộ Lang trung, Viên ngoại đều hai người, Tư vụ một người. Còn thừa đều đổi bổ làm chức khác(18a).

19. Cho Phạm Gia Hiến tiến triều.

20. Chúa Trịnh thương xót đối với việc hình ngục, thường nói: việc bình ngục người xưa thường thận trọng xét đi xét lại, há đâu có chuyện dung dị. Bèn sai hoãn các vụ hành quyết phạm nhân năm ấy, sai quan xét kỹ lại, không để có sự oan uổng.

21. Mùa đông tháng 1, ngày Quí Tỵ [11, tức 13-1-1764] chính phi của chúa Trịnh Doanh là Nguyễn Thị mất (húy là Thị Bân người xã Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương, cũng có tên là Thị Vinh, là dòng dõi công thần Nguyễn Mậu Nghi).

(15a) A. 4 chép sự việc như sau: Sai 2 ty bảo cử quan phủ huyện. Bấy giờ 2 ty Thừa Hiến làm khải trình bày sự trạng những viên chức dưới quyền ai tham ai liêm, và dự kiến bảo cử bọn Nguyễn Huy Tự 7 người. Mỗi người được thăng chức một "thứ". Số người bị trần tình chỉ trích là bọn Phạm Công Chí gồm 5 người. Họ đều bị đình nhiệm.

(16a) A. 4 chép việc này vào tháng mười.

(18a) CM chép; "Các chức Lang trung Viên ngoại, Tư vụ mỗi bộ và chức chiếu khám trong Ngự sử đài đều đặt một người. Còn lại đổi bổ chức khác". A.4 chép giống CM và thêm: Viên ngoại lang theo lệ dùng quan hàng văn, Tư vụ theo lệ dùng Nhiệm tử. Những người không theo lệ này thì nhất thiết đổi bổ sang chức khác. A.1210 chép: "Lang trung viên ngoại lang mỗi bộ 3 viên..." [Nhiệm tử: bổ dụng con quan theo chế độ ấm tử mà không dùng người ngoài].

Giáp Thân [Cảnh Hưng] năm thứ 25 [1764] (Thanh, Kiền Long năm thứ 29)

1. Mùa xuân, tháng giêng, chúa Trịnh cho rằng gia thần [trong phủ chúa] thăng chức trao chức phần nhiều có sự phiếm lạm. Bèn hạn định [tờ 27b]: các người theo hầu lâu năm chỉ trao cho vài ba người tòng tam phẩm chính tứ phẩm, còn nữa chỉ cho từ lục phẩm trở xuống. Các chức sắc không được trao cho người bạch đinh(1a).

2. Tháng hai, Đại tư đồ quốc lão Doãn Trung công Trịnh Đạc mất. Đạc là con Tấn Quang vương, trải thờ 3 triều, Cần Lao khiêm cẩn(2a), là người đứng đầu trong đám công thần.

3. Chúa Trịnh hăng hái chăm lo sự nghiệp bình trị. Muốn những người làm quan đều am hiểu chính sự để phòng khi hỏi đến. Bàn, sai quan văn lúc việc quan rỗi rãi nên xem tìm xét xưa nay, phàm những việc quan hệ đến sửa đổi chính trị xử lý việc dân, đều ghi sẵn ở trong lòng, để thi thố vào chính sự. Lại cho rằng lúc bình thì không nên quên võ bị. Sai quan võ, những người giữ chức chỉ huy quân đội ai nấy phải học tập binh thư, thao diễn võ nghệ, đợi đến mùa thu này khảo duyệt.

4. Mùa hạ, tháng tư, cho Thái giám Lãng Phương hầu Nguyễn Danh Quý làm Trấn thủ Sơn Nam; chỉ huy đồng tri Điện Lĩnh hầu Nguyễn Địch Bàn(4a) làm Trấn thủ Sơn Tây.

5. Tháng năm, lâu không mưa. Sai ba ty ở các trấn đảo vũ, sáng hôm sau trời mưa to, nước chan hòa.

6. Cấm chỉ trích đại thần [và báng bổ thời chính] Chỉ dụ đại lược rằng: [Nhà nước ủy nhiệm đại thần là để nối tiếp xoay chuyển chính sự] các quan đại thần dự vào chính phủ đều là người mà chúa biết rõ, và sự lựa chọn cẩn thận, tin dùng phó thác, không thể vì lời nói phù phiếm mà lay chuyển. Nếu có ai ăn ở gian tà, làm chính sự có thiếu sót **[tờ 28a]** thì cứ cho trình bày thẳng [được phép dâng khải bí mật](6a) chỉ ra sự thực [sẽ

(1a) *Bạch đinh*: người nghèo không có chức tước gì.

(2a) *Cần lao khiêm cẩn:* "Cần lao, trung thành, có công với quốc gia, mà khiêm tốn cẩn thận.

(4a) *Nguyễn Địch Bàn :* người xã Vụ Cầu, huyện Thanh Ba, Phú Thọ, đỗ tạo sĩ năm 1757.

(6a) Những đoạn trong các ngoặc vuông là bổ sung theo A.4. Đoạn cuối theo A.4 là: "Nếu chỉ nói suông rằng người này là không được mà không thể vạch rõ thế nào là không được, hay là bàn phiếm việc kia là không hay mà không thể chỉ ra vì sao mà không hay, thì sẽ cứ luật luận tội, để cảnh cáo thói bướng, làm rõ chính thể". Theo CM thì: "bấy giờ bọn Hoàng Ngũ Phúc xin Trịnh Doanh đặt lệnh cấm nghiêm ngặt để khóa miệng mọi người, nhưng cũng không sao cấm chỉ được". (Q.XIII, 20).

có trọng thưởng]. Nếu chi xôn xao bàn tán, do bực mình mà nói ra, tức là chi trích đại thần, báng bổ thời chính, đều theo luật trị tội nặng.

7. Mùa thu, tháng bảy, sai [Bái Xuyên hầu] Trần Huy Bật giữ chức Tri quốc tử giám.

8. Ngụy Thai họp quân làm phản, sai quan trấn hai xứ Sơn Tây Hưng Hóa hội đánh, bắt được Thai giải về kinh sư giết đi, bắt sống được đảng 159 người, đều định xử tử. Chúa Trịnh thương, ra lệnh cho phúc thẩm, nhiều người được rộng tha.

9. Bấy giờ dân châu Vạn Ninh, nhiều người lưu vong những khách đinh (Tàu) nhân chiếm ở. Sai quan bắt ở riêng biệt. Lại cho rằng lái buôn bắc khách nhiều người đến cư trú ở Vĩnh Đại, Triều Khẩu (xã Vĩnh Đại huyện La Sơn, xã Triều Khẩu ở huyện Hưng Nguyên hai xã đều thuộc trấn Nghệ An) mở cửa hiệu; sai sở tại bắt đưa ra ngoài cảnh thổ [ở riêng như trước].

10. Lại thu thuế gia tô mà trước đây đã xá. Bấy giờ sắp có việc dùng binh đánh xứ Trấn Ninh, cần dự trữ lương quân nên lại chiếu ngạch cũ, liệu thu một nửa, đều quy về vụ xuân, cho dân tiện nộp[10a].

11. Đặt quan Trưng phủ ở các phủ. Trước đây các tiền thuế điện, thuế đất bãi, tiền vệ suất, tiền cửa đình, tiền giáo phường, cùng tiền chuộc tội, tiền phạt, tiền thuế đã lâu,và việc chiêu tập lưu dân [do các nha môn] chia nhau thu phần nhiều làm phiền nhiễu dân. Đến đây mỗi phủ đều đặt quan Trưng phủ, dùng quan ở kinh và hào mục ở trấn làm chức ấy **[tờ 28b]** thống lĩnh việc trưng thu, chiêu phủ, mà cho quan Hiến ty xét hỏi[11a].

12. Chúa cho hoạn quan là Nguyễn Đình Huấn (người xã Yên Thường huyện Đông Ngàn) làm Đề lĩnh tứ thành[12a].

(10b) A.4 chép việc này vào tháng 12, và bám sát nguyên văn chỉ dụ, như sau: "... Chỉ dụ đại lược nói: có ruộng thì có tô, lý xưa nay đều thế. Nhà nước thu thuế tô đã có ngạch nhất định. Trước kia nhân biên giới có việc tạm thời thu thêm thuế gia tô ngoài thuế chính tô là bổ giúp chi dùng việc quân. Gần đây, nhân trong nước thanh bình, việc quân hơi rỗi, đã có khoán mới. Nay lại có việc [đánh dẹp]. Chi phí cần nhiều. Nên chiếu theo ngạch "gia tô" cũ, chước lượng thu một nửa, đều quy vào vụ xuân, cho tiện để nộp".

(11a) A.4 chép sự việc này vào tháng hai năm sau.
A.1210 thêm: "Sau đó cấp 22 quả ấn công".

(12a) A.1210 thêm 2 việc: 1) Chúa cho Nguyễn Viêm, Mai Thế Uông, Nguyễn Gia Vị tiến triều. 2) Sai Vực quận công Đàm Xuân Vực làm chức Thống suất kiêm coi việc 2 xứ Thanh, Nghệ, tiến đánh Lê Duy Mật.

13. Xét định lệ thuyên bổ bảo cử [về nhiệm tử]: ấm tử con quan nhất phẩm bổ ngang với [chức vụ] người tam trường tứ trúng[13a], ấm tử con quan nhị phẩm ngang với tam trường tứ trúng[13b], ấm tử con quan tam phẩm ngang với tam trường nhị trúng. Người trúng khoa Hoành từ[13c] ngang với người tam trúng. Người lọt thượng khảo[13d] ngang với người nhị trúng. Người trúng về Ngự đề[13d] ngang với nhất trúng. Nếu có người nào lý lịch sự trạng giống nhau thì tính theo khoa trường đỗ trước hay sau và so sánh xem làm việc ở nơi nhiều việc hay nơi ít việc, mà châm chước liệu cho thỏa đáng. Lý lịch làm việc, công trạng thưởng phạt, đều phải khai trong thời hạn sự thức rõ ràng. Ai ẩn lậu phát giác thì phạt nặng, còn ngoài ra tham chước lệ cũ mà thi hành.

14. Tháng tám, chúa Nguyễn (Thế Tông) ta sách phong dòng dõi vua Chiêm Thành Chính Trung hầu Phong Ba Hủ làm Thuận Thành Đức vương. Con là Vĩnh Trường hầu cùng 4 người con vua trước là Môn Lai Phù Tử, Xác Lai Phù, Mật Lật Xác, Mật Phù Tử đều làm Cai cơ. Lại sai một người thần thuộc làm Cai án, để xét kiện tụng. Lệ thường trấn vương ấy tiến cống là: voi đực hai con (một con nộp cho dinh Bình Khang, một con nộp thay bằng tiền là 150 quan) bò 20 con, [tờ 29a], ngà voi 6 cái, tê giác 10 cái, khăn vải trắng 500, sáp ong 50 bát, dạ cá 200 cái, cát suối nước nóng[14a] 500 thúng, thương diệp[14b] 500 ngọn, gỗ mun 200 cây thuyền dài một chiếc ước 3 trượng 2 thước rưỡi[14c]

15. Cuối năm Vĩnh Hựu [1740] Lê Duy Mật chạy ra Thạch Thành, hợp chúng làm loạn, nói dối là vâng mệnh vua Ý Tông, đúc ấn bảo ty riêng, sắm cờ gươm, dụ dỗ bức bách các tù trưởng hào mục ở thượng du Thanh Hoa bảo đem thổ binh đến giúp. Sai người làm bài hịch bằng quốc ngữ tuyên bố ở khắp xứ từ Hoành Sơn ra bắc, chiêu dụ hào kiệt. Bài hịch rằng:

(13a) *Tam trường tứ trúng*: Hương cống đi thi Hội 4 khoa đều lọt kỳ đệ tam, gọi là "tam trường tứ trúng".

(13b) *Tam trường tam trúng*: 3 khoa thi Hội đều lọt kỳ đệ tam.

(13c) *Hoành từ*: Khoa thi đặc biệt đặt ra từ đời Lê sơ để cho danh sĩ bị bỏ sót. Đề thi hoặc dùng thơ, phú, văn sách, hoặc hỏi công việc đến lúc thi tùy tiện ra đề không có qui cách nhất định (LTHCLC).

(13d) *Thượng khảo, xét* công trạng làm quan, được vào hạng giỏi.

(13d) *Ngự đề*: làm Văn bài ở trước mặt vua, hoặc làm bài chế, đầu bài do vua ra, (theo CM).

(14a) *Cát suối nước nóng*: dịch chữ "phất sa", thứ cát có chất bồ tạt để gội đầu và giặt.

(14b) *Thương diệp*: tức lá Kè, miền Nam quen gọi là "lá buông".

(14c) Có chép trong *Phủ biên tạp lục*. Về tên người giữa hai sách có xuất nhập ít nhiều.

"Đấng văn tôn văn tử[1] thù cha ông chi để đội trời; người vương thổ vương thần[2], lòng trung nghĩa phải toan vì nước. Nhớ từ thuở Lam Sơn khởi nghĩa, vua Thái Tổ ra oai, tuốt gươm thiêng chém quắc Liễu Thăng[3]; lên ngôi báu dựng đô Nam Việt. Trọc tóc lại nên dài tóc[4] đầu đội ơn công đức vô cùng; trắng răng đổi được đen răng[5], miệng chúc chữ thái bình hữu tượng. Ca lê liễn[6] dan tay hớn hở; khúc Nghiêu cù vỗ bụng nhởn nhơ[7] Trần Cao trở mặt mặc Trần Cao[8] nào chuyển được nhân tâm tâm tư Hán[9]; Mạc thị mống lòng dầu Mạc thị[10], khôn ngăn thiên hạ qui Chu[11]. Giữa trời Nam vận mở trung hưng, trong đất

Tống[12] mượn tay Nguyễn tướng[13]. Nguyễn Công ấy dã tràng xe cát, Trịnh việc gì tu hú đê nhờ. [Trước] ra tuồng tằm gửi lấn cành, đã thủng thỉnh như chuột sa chĩnh gạo; Sau quen thói bồ câu tranh tổ, lại hung hăng như trâu húc nhà thần[14]. Mắt Mãng Xà[15] dòm vạc Tây kinh. Rãi Tháo quỳ[16] thèm ngôi Đông Hán. Vẽ chân rắn những lời siểm nịnh, anh

---

(1) *Văn tôn văn tử*: con cháu nhà vua.

(2) *Vương thổ vương thần*: bề tôi vua, sống ở trên đất của vua. Lấy ở sách Luận ngữ: "suất thổ chi tân, mạc phi vương thổ", "thiên hạ chi dân mạc phi vương thần". Nghĩa là: khắp trong đất nước, chỗ nào chẳng là đất của vua, dân trong thiên hạ, ai chẳng là bề tôi của vua.

(3) *Chém quắc Liễu Thăng*: chém đầu Liễu Thăng.

(4) (5) *Trọc tóc... dài tóc, trắng rang... đen răng*: khi quân Minh xâm lược nước ta, chúng bắt dân ta cắt tóc, cạo răng trắng theo tục Trung Quốc, với âm mưu đồng hóa người Việt. Khi Lê Lợi khởi nghĩa giành độc lập, dân ta lại theo phong tục cổ truyền của mình.

(6) *Ca lê liễn*: chưa rõ loại ca gì.

(7) *Khúc Nghiêu cù vỗ bụng nhởn nhơ*: Đời vua Nghiêu, dân được sống no đủ, họ ra đường vỗ bụng hát nghêu ngao (sử Thiếu Vi).

(8) *Trần Cao*: cũng đọc là Trần Cáo, người huyện Thủy Đương nổi dậy dưới thời Lê Tương Dực. Năm 1516, đã kéo quân về chiếm kinh thành Thăng Long.

(9) *Nhân tâm tư hán*: lòng người nhớ nhà Hán, bỏ Vương Mãng, theo Quang Vũ. Ở đây mượn điển đó để nói dân Việt nhớ nhà Lê.

(10) *Mạc thị mống lòng*: Chỉ việc Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê. Mống lòng: dịch chữ "manh tâm" trong Hán ngữ.

(11) *Thiên hạ quy chu*: Thiên hạ theo nhà Chu: ở đây chỉ dân cả nước theo nhà Lê.

(12) *Đất Tống*: Chỉ Tống Sơn, quê hương của Nguyễn Kim, người đã dấy binh đánh Mạc, phò vua Lê Trang Tông lên ngôi.

(13) *Nguyễn tướng*: chỉ Nguyễn Kim.

(14) *Trâu húc nhà thần*: cách nói khác của thành ngữ "hung hục như trâu húc mả" hoặc "hung hang như trâu húc nhà tang" ý nói cán rỡ hung hãn không kiêng sợ gì.

(15) *Mắt Mãng xà*: Mãng xà là loại rắn to, dữ. Chữ Mãng còn có nghĩa chỉ vào Vương Mãng. *Dòm vạc Tây Kinh*: dòm dỏ toan cướp ngôi nhà Hán.

(16) *Rãi Tháo quỳ*: Rớt rãi của con quỷ Tào Tháo (Tào Tháo thèm ngôi vua nhà Đông Hán đến nhỏ rãi).

hùng miệng ngậm bồ hòn; Thêm lông lươn sinh sự phiền hà, thiên hạ đầu vò quả ké[17]. Thảm khắc mấy (bấy)! Rán sành ra mỡ; Oan khốc chi! Gắp lửa bỏ tay. Nhân dân thổ địa cõi bờ xưa, chi để sa hang tặc tử[18]; Xã tắc sơn hà nền nếp cũ, sao cho vào túi gian phu[19]. Nay dầu mà chẳng sớm liệu toan; Oan ấy bao giờ trả dặng; Vậy phải: liều mình vượt biển; gắng sức qua non. Mệnh khâm sai[20] sương nhuộm lá cờ; **[tờ 29b]**. Đoàn trung nghĩa gió lay con mác. Cóp nhặt một thành, một lữ, lò tàn bếp Hạ[21] thổi phù phù; Mở mang tấc đất tấc dân, thanh cũ gươm Lưu[22] mài sáng sáng. Chín thu trời tơ tưởng; năm canh nguyệt mơ màng. Giày nội Tần hươu chửa bẻ sừng[23] vào lưới vắng người hào kiệt[24]; Tắm sông Sở, khi còn đội mũ[25] ra tay thiếu kẻ anh hùng.

Tổ tông công đức phụ chi ai; Trung nghĩa lòng dân sao lánh mặt. Kẻ chịu hoàng ân khi sáng nghiệp, có trời, có đất, có tôn nhi[26]; Người nhờ hồng phúc thuở trung hưng, còn nước, còn non, còn tước lộc. Người vốn là người cõi Việt; Đất nào chẳng đất nhà Lê. Ngôi thiên vương chim phượng vẫn lông[27] trông thấy cũng sa nước mắt; Giặc quân trắc[28] miệng tằm ăn lá, xem vào bao chẳng cháy buồng gan[29]. Xác liu điu nào phải con rồng; Lửa đom đóm chen gần bóng ác[30]. Cấy lúa chẳng dung nuôi má khác; ăn quả nên nhớ kẻ trồng cây. Gà Lã[31] kia cứng cựa được ai,

---

(17) *Đầu vò quả ké*: chỉ sự rối loạn, bối rối.

(18) Tặc tử: kẻ làm giặc.

(19) *Gian phu*: thằng gian.

(20) *Mệnh khâm sai*: mệnh vua sai.

(21) *Bếp Hạ*: cơ đồ nhà Hạ lúc suy vi (bị Hán Súc cướp ngôi như lò bếp đang tàn).

(22) *Gươm lưu*: Lưu Bang (Nhà Hán) được gươm thần, chém rắn khởi nghĩa rồi lấy thiên hạ.

(23) *Nội Tần hươu chưa bẻ sừng*: thiên hạ của nhà Tần sau cuộc nổi dậy của Trần Thắng, Ngô Quảng đã rối loạn không ai quản lý nổi, ví như con hươu sổng ra ngoài cánh đồng, mọi người đua nhau đuổi bắt. Ai bắt được hươu là được thiên hạ.

(24) *Vào lưới vắng người hào kiệt*: có lẽ ví vua tìm kiếm nhân tài như đem lưới đánh chim. Vua được nhiều nhân tài đến giúp cũng như người dánh lưới dánh được nhiều chim.

(25) *Khi còn đội mũ*: Hán Sinh mắng Hạng Vũ là "con khỉ đội mũ". Hạng Vũ là nước Sở. Ở đây ám chỉ họ Trịnh còn có thể lộng quyền.

(26) *Nhị tôn*: con cháu.

(27) *Chim phượng vẫn long*: chim phượng bị cắt long cắt cánh, tượng trưng nhà Lê bị mất quyền (quyền hành về tay họ Trịnh).

(28) *Giặc quân trắc*: giặc ở bên cạnh vua, chỉ vào chúa Trịnh.

(29) *Cháy buồng gan*: chỉ sự tức giận.

(30) *Lửa đom đóm chen gần bóng ác*: họ Trịnh tranh quyền vua Lê, như đom đóm tranh sáng với mặt trời.

(31) *Gà lã*: Lã hậu là vợ Hán Cao Tổ cầm quyền, người ta ví như gà mái gáy sáng.

máu Lã sản[32] làm nhơ chợ Hán. Chó Hồ nọ nhăn nanh cắn chúa, bụng Lộc sơn[33] thêm nhớp gươm Đường.

Xin đừng dựa thế băng sơn[34]; Phải liệu cùng lòng tả đản[35]. Nhà Đại hạ[36] mới nghiêng nghiêng xuống, giương sức chốt cột rường; Dòng trung lưu đương cuồn cuộn trôi, ra tay cầm bánh lái. Bọc lên ngựa chớ tham của Tháo[37]; Hội Đào viên chớ phụ nghĩa Lưu[38]. Thu lò nước Quán nước Tầm[39] gặp thuở kỳ thu bền dạ sắt[40]; Dóm bếp ngươi Phùng ngươi

Đặng[41] trong khi thảng thốt dãi gan vàng. Hoặc tới quân môn; Hoặc thông tín sứ. Bàn Đãng[42] trỏ sông Hoàng núi Thái[43], ai phụ ai, mặc qui thần soi; Bình định trao khoán sắt thư son[44] đức báo đức, bui[45] trời đất biết. Mấy lời thủy chung dãi hết; Xin người quân tử nghĩ cùng".

16. Chúa Trịnh Doanh nghe tin ấy, nhiều lần sai người đi do thám, tiễu trừ. Mật bèn từ Cổ Lũng (đất huyện Cẩm Thủy, trấn Thanh Hoa) dời đến ở Ngọc Lâu. Khoảng năm Mậu Thìn Kỷ Tỵ [1748 - 1749] nhân sơ hở, chia quân đi các nơi, chiếm cứ Mông Sơn, tràn xuống địa đầu Thanh Hoa, bất chợt kéo đến tàn phá, dân ngoài biên vì thế náo động. Đến nay

---

(32) *Lã Sản*: là cháu gọi Lã Hậu bằng cô, được phong vương sau mưu cướp ngôi vua, bị bọn Chu Bột, Lưu Chương giết chết.

(33) Lộc Sơn: An Lộc Sơn người Hồ làm quan triều Đường Huyền Tông, sau dấy quân làm loạn, rồi bị giết.

(34) *Băng Sơn*: núi bang tuyết. Khi mặt trời mọc lên thì tan ngay, ví với quyền thế nhất thời, có lúc bị tan rã.

(35) *Tả đản*: Vén tay áo bên trái. Chu Bột đời nhà Hán sắp đem quân đi giệt họ Lã, phù họ Lưu, ra lệnh trong quân rằng: ai giúp họ Lã thì vén tay áo bên phải, quân đều vén tay áo bên trái. Ở đây tả đản có ý nói: ra tay bảo vệ chính nghĩa.

(36) *Nhà đại hạ*: tòa nhà to, ví với quốc.

(37) *Bọc lên ngựa*: Tào Tháo trọng đãi Quan Công, sai đi đánh giặc, lúc lên ngựa tặng một bọc vàng, lúc về xuống ngựa, lại tặng một bọc bạc. Sau Quan Công sắp về với Lưu Bị, đem vàng bạc ấy nộp trả Tào Tháo.

(38) *Nghĩa Lưu*: Lưu Bị cùng Quan Công và Trương Phi hội họp ở vườn đào, kết nghĩa làm anh em, thề cùng sống cùng chết với nhau. Sau Lưu Bị làm vua nước Thục Hán, Quan Công và Trương Phi làm tướng. Quan Công, Trương Phi bị giết. Lưu Bị thương xót rồi cũng ốm chết, thế là họ làm đúng lời thề cùng sống cùng chết với nhau ở vườn đào.

(39) *Nước Quán nước Tầm*: hai nước chư hầu đời Hạ, giúp Thiếu Khang đánh giết Hán Súc, lấy lại ngôi vua cho nhà Hạ.

(40) *Kỳ khu*: gian truân vất vả.

(41) *Phùng, Đặng*: Phùng Dĩ, Đặng Vũ là tướng của Hán Quang Vũ. Khi Quang Vũ thua trận chạy, mưa ướt cả quần áo. Hai tướng ấy đốt lửa cho Quang Vũ sưởi và hơ quần áo.

(41) *Bản Đãng*: nói đời loạn. *Kinh thi* có thơ Bản, thơ Đãng đều nói đời Chu Lệ Vương vô đạo, thiên hạ loạn lạc.

(43) *Sông Hoàng, núi Thái Sơn*: tượng trưng cho song núi của Trung Quốc.

(44) *Khoán sắt thư son*: ý nhắc tới lời thề của Hán Cao Tổ hứa bảo vệ.

(45) *Bui*: duy chỉ (từ cổ).

Đàm Xuân Vực làm thông suất 2 xứ Thanh Nghệ. Những việc cơ nghi đánh Lê Duy Mật và quan lại hay dở, công việc binh dân, thưởng **[tờ 30a]** phạt thăng, giáng chúa đều cho được tùy nghi xử quyết. Việc biên giới phía tây nam đều ủy cả cho Xuân Vực. Lê Duy Mật sợ bị quan quân đánh úp, bèn đem gia thuộc cùng binh tướng hơn 200 người lưu ngụ ở địa đầu Vũ Thản. Lại nghĩ Trấn Ninh dân đông, đất tốt, có thể làm nơi dụng võ được, bèn đánh úp bắt tù trưởng là Lò Cầm Hương giam ở nhà riêng, chiếm giữ Trình Quang, mở rộng thêm cung thất, đặt làm nội ngoại phủ và đặt thị vệ, có các danh hiệu Kim ngô, Cẩm y[16a]. Đồ đảng là bọn Quận Miêu (tức là tên Minh người xã Am Chương huyện Yên Dũng tự xưng là Hoàng y thượng tướng quân. Minh quận công, cũng có mưu lược, biết cách dùng binh, được Lê Duy Mật tôn làm sư phụ, coi là tâm phúc), Quận Lâm, Quận Biển, Quận Uyên, Quận Đài, Quận Hào, đều xưng làm phủ Liêu. Quận Nhám, Quận Thìn đều được quản lính thị vệ. Còn ngoài ra là Quận Bản, Quận Giám, tên Đẳng Tiêu, tên Thường Chu, tên Đồ Thuật, có người xưng là Đông các thiêm sự, có người xưng là Tổng nội, cộng hơn 200 người, quân đặt làm 10 khu, mỗi khu 10 hiệu. Lính Mường Thanh đặt làm 2 đội "cổ", "chiến"[16b]; quân chiến ước 3000 người, voi hơn 100 con, ngựa hơn 200 con, súng lớn, tên bắn lửa, thuốc súng cùng thuốc đạn diêm tiêu, khí giới, cái gì **[tờ 30b]** cũng có. Ngoài phủ, chung quanh chia đặt 60 đồn, trĩ[16c], đắp lũy đất, dựng lầu bắn, trồng tre, đào hào cắm chông sắt, chông tre như lông dím. Trên lũy đặt nõ gỗ, treo chuông voi, chạm đến thì kêu vang, phòng bị cái gì cũng chu đáo. Lấy oai mà khống chế phía tây từ Mường Ho các xứ Lào, đến các động ven biên giới Hưng Hóa; phía đông đến Lạc Hòn, Cao Châu; phía bắc đến 7 tổng Quỳ Châu, Trà Lân. Duy Mật từng sai người đi Phú Xuân xin thông hiếu, chúa Nguyễn Thế Tông [Phúc Khoát] khước từ không nhận.

Ất Dậu [Cảnh Hưng] năm thứ 26 [1765] (Thanh, Kiền Long thứ 30)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày rằm [7-III-1765] là ngày Nhâm Thìn[1a], nguyệt thực.

[16a] *Kim ngô, Cẩm y*: tên thường gọi các đơn vị bảo quản cung vua.

[16b] *Cổ, chiến*: đánh nhau giỏi, cảm tử.

[16c] Trĩ: đồn gác cao vừa làm vọng gác, vừa có thể chứa lương thảo.

[1a] Ngày rằm theo lịch ta là Nhâm Thìn, theo lịch Trung Quốc chính là Tân Dậu. Vậy sách này ghi theo lịch ta.

2. Ngày Ất Tỵ (?) sét đánh vào cột cửa tả[2a]. Nguyễn Mậu Du mất. Du là người xã Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương, dòng dõi công thần Nguyễn Mậu Nghi, con gái là Nguyễn Thị Bản làm chính phi chúa Trịnh Doanh, được chúa yêu quý. Bởi thế Du chóng được thăng quan, lĩnh quân dinh Trung Tiệp, dần dần thăng đến Tả đô đốc Đại tư mã, Đại tư đồ, phong tước Luận Trung công, được cho đứng họ Chúa, gọi là Trịnh Du, do chức quốc lão về hưu rồi lại gọi ra cho làm Chưởng phủ sự; lúc mất tặng tước Khiêm công, đặt thụy là Trung Hậu, gia phong phúc thần [tờ 31a].

3. Xá tiền dung và tiền thuế giáo phường cho dân điêu hao ở trấn Hải Dương và phủ Khoái Châu.

4. Cấm các quân tự tiện kê khai binh ngạch. Hễ thất thiệt một người, thì theo quân pháp trị tội[4a].

5. Tháng ba trời hạn, nhiều người bị tật dịch, chúa Trịnh Doanh thân đến làm lễ cầu yên ở lầu Kính Thiên. Lại sức cho ba ty các trấn đặt đàn chia nhau cầu đảo.

6. Đàm Xuân Vực tâu: "Gần đây có đặt riêng người cai thu để thu số tiền thuế dung do dân ở ven núi trấn Thanh Hoa nộp, như thế tựa hồ làm hại dân. Nay xin lại theo như cũ, giao cho Trấn ty trưng thu. Lại: theo lệ cũ thì việc thải lính già ở kinh và ở ngoài đều có kỳ hạn, gần đây nhiều người viện lệ làng, vội cho thay thế sớm. Lính mới vào thì kỷ luật còn sơ sài lỗ mỗ, không bằng lính thải về. Nên bắt phải theo đúng niên hạn. Lại nên nghiêm cấm việc đổi lính nhất binh quá sớm, mới được sáu, bảy năm đã đổi người khác rồi, để ổn định ngạch lính. Chúa nghe theo[6a].

(2a) A.1210 chép "sét đánh vào 2 cột cửa tả, hữu".

(4a) A.4 chép thêm 1 việc sau: Tháng hai: định phép thi Hương: cho khảo quan các châu huyện. Huyện lớn lấy 70 người, huyện vừa lấy 50 người, huyện nhỏ 40. Người ngoài sổ cũng cho thi với người đã có tên trong sổ. Những người ở sổ không trúng thì cho nộp mỗi người 3 quan, rồi cũng cho vào trường.

(6a) A.4 chép thêm việc sau: "Mùa hạ tháng tư ra lệnh nghiêm sức khảo hạch học trò. Có chỉ truyền cho 2 ty, phủ doãn và các quan châu huyện về phép khảo thí: cốt sao được người có thực tài. Muốn được người có thực tài thì tuyển chọn phải tinh. Gần đây cứ nhất loạt dựa theo số suất mà xếp loại và đề cử qua loa. Nay nên khảo xét cho kỹ càng. Những người đích thực là thông văn lý, thì xếp vào loại "sảo thông" Ai làm được thể văn xưa mới được đề cử lên. Có thiếu cũng không câu nệ ở số suất. Nếu cứ theo thói cũ, lấy bừa một người, thì phạt 3 quan cổ tiền; 10 người trở lên, thì xử trí thật nặng. Lại: đến kỳ phúc hạch, không được tư tình cho phép học trò ra vào cầu xin và dung túng cho nha dịch nhận lời gửi gắm của họ. Nếu còn theo thói cũ đến nỗi phát lộ ra, sẽ tra xét thực trạng mà trị tội".

7. Sai các quan Văn tập bắn.

8. Giáng Thiêm đô ngự sử [Viên Lĩnh bá] Đào Xuân Lan làm Hàn lâm thị giảng. Bấy giờ chúa triệu quan Ngự sử bàn việc. Đào Xuân Lan tâu trái ý chúa, nên bị giáng, cho Lê Doãn Giản làm Thự thiêm đô ngự sử.

9. Giáng Hàn lâm hiệu thảo Phan [Huy] Cẩn [tờ 31b] làm Cấp sự trung Công khoan. Cẩn tính sơ khoáng, các quan chấp chính ghét, rồi bị họ ngấm ngầm bới lông tìm vết, phải giáng xuống chức nhàn tản.

10. Lại lập miếu Hữu cung[10a]. Trước kia khi chúa Hy Tổ [Trịnh Cương][10b] mới cầm quyền, nghĩ ông và cha mình là Lương Mục vương, Tấn Quang vương đều chưa được chính thức lên ngôi chúa, cho nên lập Hữu miếu để thờ. Vì Nguyễn Quý Đức[10c] can ngăn bèn thôi. Đến nay lập lại. Qua 8 tháng, miếu gần làm xong. Tham tụng Nguyễn Nhiễm, Bồi tụng Trần Danh Lâm tâu rằng: "Trước Nhân vương [Cương] là cháu trưởng thừa trọng[10d] cho nên không suy tôn cha thân sinh, tạm thời thờ riêng ra. Về sau đình thần bàn rằng: ông cháu bố con một dòng nối nhau nên cùng thờ vào miếu tổ, cũng là lẽ phải. Nay đã qua vài mươi năm, tinh thần sum họp một nhà không có gì gián cách. Nay bỗng dưng nhất đán lại đem thờ riêng ra miếu khác, không những tai nghe mắt thấy, ai cũng lấy làm nghi ngà kinh lạ, mà về lễ ý tình cảm đều chưa thỏa đáng. Xin bãi công việc xây dựng miếu Hữu cung". Nhưng chúa không nghe.

11. Hàn lâm thừa chỉ Đĩnh Thành bá Lê Quý Đôn xin từ chức về quê nhà. Chúa ưng cho. Đôn vì có tài văn học, được chúa biết, ở viện Hàn lâm đã lâu. Nhiều lần được tiếp kiến chúa, có tâu bày được nhiều việc, sau bổ ra làm quan ngoài, từ chối mãi không được. Đến nay lại làm sớ tự bày tỏ, lời lẽ [tờ 32a] khẩn thiết. Quần thần cho là ông có ý oán hận. Đơn xin từ chức. Chúa thương cha Đôn là Trọng Thứ tuổi già, cho Đôn nghỉ việc nhưng ở lại kinh đô[11a]

(10a) *Miếu Hữu cung*: miếu thờ ở bên phải miếu chính, thờ các chúa Trịnh.

(10b) Hy Tổ, theo A.1210 bản trục chép "Trịnh Doanh" là sai.

(10c) Bản trục chép "Nguyễn Quí Kính" là sai, đây theo A.1210.

(10d) *Cháu trưởng thừa trọng*: cha con, con chết, sau cháu phải thờ ông thay cha, gọi là thừa trọng.

(11a) A. 4 chép hơi khác, như sau: "Tháng sáu, bãi chức Hàn lâm thừa chỉ Lê Quý Đôn. Bấy giờ triều đình cử ông làm Đốc đồng Hải Dương, Lê Quí Đôn dâng khải tự trình bầy 9 tội. Phàm những "tội" nêu ra lại đều là kể công. Ông lại nói: "Thần đi [sứ] muôn dặm, nay sống trở về, vợ chết, con còn thơ, mà phải phiêu đình giang hồ, thì thần thật không có cái vui làm quan, xin ban cho được quay về nơi điền dã". Chúa không hài lòng, nhưng cũng ưng cho.

12. Chúa Trịnh nghĩ Hoàng Ngũ Phúc, Đỗ Thế Giai, Đàm Xuân Vực đều là bề tôi cũ có công lớn, sai khắc hai chữ "đồng hưu"[12a] vào bài vàng, ban cho[12b].

13. Định phép thuyên bổ các quan của bộ Lại. Quan chức trong ngoài lấy người trúng thưởng nhiều năm, cùng người chầu hầu có khó nhọc, mới được, không được chiều theo lời xin của nội [phủ]. Người tôn thất đáng được bổ dụng tất phải xét kỹ, kể tên ra. Nếu không thì tước bỏ.

14. Mùa hạ tháng năm, ngày 25 [12-VII-1765], chúa Nguyễn Thế Tông ta mất. Thụy là Kiển cương Uy đoán Thần nghị Thánh du Nhân từ Duệ trí Hiếu Vũ vương. Chúa là người anh nghị quả quyết, cầm quyền 28 năm, thọ 62 tuổi, có 15 con, con trưởng là Hiệu, chết sớm (sau phong làm Tuyên vương) con Hiệu là Dương còn bé. Con thứ là Vũ, hơn 20 tuổi. Chúa giao cho quan Nội hữu là Ý Đức hầu bảo dưỡng, thường cho cùng chư tướng hội bàn công việc, trao cho làm Chưởng dinh, cố ý muốn cho nối ngôi. Đến nay Thái giám Chử Đức hầu cùng quan Nội tả Kính Thận hầu Tống Phúc Hợp làm giả di mệnh, cho viên Ngoại tả là Đạt quân công Trương Phúc Loan cùng lập con nhỏ [lên làm chúa]. Phúc Loan nhận lập mưu bí mật sai hơn 100 tráng sĩ mai phục, triệu Ý Đức hầu vào phủ bàn việc, trói giết Ý Đức hầu, bắt Vũ giam một nơi. rồi lập con bé là Phúc Thuần làm chúa, tức là Duệ Tông Hiếu Định hoàng đế. Lúc bấy giờ mới 12 tuổi xưng hiệu là Khánh Thiện đạo quân. Tiến phong Phúc Loan làm quốc phó, kiêm chưởng việc bộ Hộ, cai quản cơ Trung Thượng và Cai tầu vụ. Cho lấy thêm các thuế hàng năm ở nguồn Sái Tuyền và các nguồn Thu Bồn, Đường Hương, Trà Thiên, Trà Vân để làm ngụ lộc. Trương Phúc Loan mỗi năm ăn lộc đến tám chín vạn [quan]. Quan lại, quân dân đem lễ vàng bạc, châu ngọc, tiền lụa, gấm vóc và các của quý nhiều không thể kể hết; ruộng vườn nhà cửa nhất cả một châu. Loan mỗi ngày ăn 3 bữa cơm mà chi phát cho nhà bếp có 4 tiền,

---

- Lê Quý Đôn đỗ đầu đại khoa, vâng mệnh đi sứ trở về yết kiến chúa, đáng lý tham gia chính phủ, lại bị bổ ra trấn ngoài, rất là thất vọng. Tờ khải có giọng giống như biểu trần tình của Bộc Cố Hoài Ân, nên bậc thứ giả chê cười [Bộc Cố Hoài Ân đời Đường dâng biểu tự nhận tội, nhưng toàn kể lể công lao của mình]. A.1210 chép "Lê Quý Đôn đang làm Đốc đồng Kinh Bắc, được thăng làm Tham chính Hải Dương".

(12a) *Đồng hưu:* tức là nói tắt mấy chữ "dữ quốc gia đồng hưu thích" nghĩa là "cùng vui, cùng lo với nhà nước".

(12b) A. 4 chép có nhắc lại các tước hiệu của những người này: "Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc, Luyện quận công Đỗ Thế Giai, Vực quận công Đàm Xuân Vực".

cho chúng ra chợ mua hiếp của người ta, không ai dám nói gì. Thức ăn đầy mâm; hễ hơi thiếu một món gì, thì nhà bếp chạy đi các nơi tìm mua, náo động cả chợ phố. Nhưng Loan không ăn được nhiều, chỉ ăn mắm trắng và canh rau mà thôi. Loan cậy có công, chuyên chính, tham lam [tờ 33a] tàn nhẫn, giết hại khá nhiều. Y ghét Thường quận công Nguyễn Phúc Vàng, làm án vu cho ông mưu phản, nhưng xét không có chứng cớ. Bèn đem việc Vàng chế biến riêng một khẩu súng máy làm tang vật, bắt giam vào ngục. Sau Vàng phẫn uất, phát ung thư ở lưng mà chết. Lại khởi phục Nguyễn Quang Tiền vẫn làm Hàn lâm, phong tước như cũ. Triệu Nghi Biểu hầu Nguyễn Cư Trinh từ Gia Định về, trông coi bộ Lại. Cư Trinh là nhà văn uyên bác nhã nhặn, có mưu lược sâu xa; ở Gia Định 11 năm, mở rộng đất đai, dẹp yên biên cảnh, trù liệu kỹ càng, danh vọng rõ rệt đã lâu, có nhiều huân lao, đến bây giờ được triệu về, vài năm sau thì mất.

15. Đất Gia Định nhiều sông lạch, các thuyền đi lại thường hay húc vào nhau, hại thuyền, sinh ra kiện tụng. Cư Trinh bèn ra lệnh rằng: những thuyền đi lại không cứ gió nước thuận nghịch, hễ đi đến gần sát nhau đều phải hô "bát". Mọi thuyền đều đi bên tay phải cho thuận lái chèo, ai đi tay trái, không tránh, để thuyền mình húc phải thuyền người khác hư hỏng thì phải tội. Nếu hai bên còn cãi nhau chưa bên nào chịu phục, thì thuyền nào chở nhẹ, đi thuận dòng là trái. Từ đấy người Gia Định đi thuyền muốn cho người ta tránh mình thì chỉ hô "bát". Còn thuyền nào về đậu bến, hoặc gặp gió, mắc cạn, có sự cố gì mới hô là "cạy".

16. Lại ở Gia Định thường có một bọn cướp trên sông, chúng bôi mặt, cải trang, bơi thuyền đi ăn cướp, khó truy cứu được. Cư Trinh bèn ra lệnh cho quan ty sở tại: những thuyền lớn nhỏ trong hạt đều xét quê quán, họ tên, tra rõ, khắc chữ vào mảnh ván đóng ở đầu thuyền và trong buồng lái, lại ghi vào sổ lưu chiểu. Ai không theo lệnh này đều bắt tội. Bởi thế, người bị cướp có thể nhớ tên thuyền ăn cướp mà tố cáo. Dựa vào đó quan ty truy bắt được tang vật ăn cướp cũng nhiều. Cướp sông vì thế bị dập tắt.

17. Cư Trinh lại thường cùng Mạc Thiên Tứ ở Hà Tiên làm thơ văn tặng đáp nhau. Mười bài thơ vịnh Hà Tiên đều có họa vần đáp lại.

Họa bài "Kim dữ lan đào (Đảo kim chắn sóng) rằng:

Phiên âm:

Đế nộ Dương hầu sác phạm biên,
Dĩ tương tiên đảo trấn tiền xuyên.
Bạ điềm bất thức trường thành diện,
Thủy mãnh phương tri để trụ quyền.
Tinh vệ bán tiêu hàm thạch hận,
Ly long toàn ổn bão châu miên.
Tri quân diệc thị kình thiên vật,
Kim cổ thao thao [tờ 33b] độc nghiễm nhiên.

Dịch nghĩa:

Trời giận Dương Hầu[17a] xâm phạm bờ cõi,
Bèn dời đào tiên chắn đầu sông.
Sóng im nào biết trường thành khỏe,
Nước dữ mới hay cột đá vững.
Chim Tinh Vệ[17b] đã tiêu một nửa nỗi hận ngậm đá,
Con ly long (rồng đen) nằm ngủ yên ổn, ôm giữ hạt châu.
Biết ngươi cùng là vật chống trời
Dòng nước cổ kim cuồn cuộn chảy qua, mà chỉ riêng
ngươi vẫn đứng sừng đó.

*

Họa bài "Tiêu tự thần chung" (chuông sớm chùa Tiêu) [có câu] rằng:

Phiên âm:

Kim thú háo tàn tinh hải chử,
Mộc kình đả lạc nguyệt lâm ao.
Vạn gia tĩnh mộng Phật triều khuyết,
Bát thủy khai nhan tặng hạ sào.

Dịch nghĩa:

Tiếng chuông đồng kêu vang bãi biển đầy ánh sao,
Tiếng mõ gỗ hình cá kình khua, nguyệt lấn xuống rừng.

(17a) (17a) *Dương hầu:* Dương Lăng quốc hầu chết đuối được làm thần sóng nên gọi sóng là Dương hầu.

(17b) *Tinh Vệ:* con gái Viên Đế bị chết đuối, hóa làm chim tinh vệ cũng đá lấp biển.

Muôn nhà tinh mộng, Phật chầu cửa khuyết,
Tám dòng nước công đức nở cười thì nhà sư ra khỏi phòng[17c].

Học bài "Giang Thành dạ cổ" (Trống đêm Giang Thành) có câu:

Phiên âm:

Tế vũ hữu quyền thanh dục tốn,
Cuồng ba vô vận hướng thiên hào.

Dịch nghĩa:

Mưa nhỏ, có quyền, nhưng chịu nhường tiếng,
Sóng dữ không có số, tiếng vang kém mạnh.

*

Họa bài "Nam Phô' trừng ba" (sóng trong Nam Phố) có câu:

Phiên âm:

Cơ, Tất phận nhàn thiên sự thiểu,
Ngạc nghê quyền thất hải tâm tình.
Can thành khác hữu thừa phù tứ,
Hàng bộ hân vô vấn kiếm thanh.

Dịch nghĩa:

Sao Cơ sao Tất[17d] *nhàn rỗi, việc trời ít,*
Cá kình cá ngao mất quyền, biển im lặng.
Khách can thành[17d] *có ý muốn cưỡi bè rong chơi,*
Trong quân ngũ không người cất tiếng hỏi gươm.

*

Họa bài "Lộc trĩ thôn cư" (xóm dân Lộc Trĩ) có câu:

Phiên âm:

Lộc tu lưu khách dã trà hắc,
Đồn túc nghinh thê viên quả thanh.

(17c) Hai câu này, *Phủ biên tạp lục* chép khác đi như sau:
"Vạn gia tinh mộng thần sơ giá,
Thiên Phật khai nhan tặng hạ sào".
Nghĩa là: *"Muôn nhà tinh mộng thần vừa hạ giáng".*
"Nghìn Phật nở cười, tăng ra khỏi phòng".

(17d) Cơ Tất: tên hai chòm sao, sách thiên văn nói: sao Cơ làm gió, sao Tất làm mưa. Cơ Tất nhàn rỗi tức là ít mưa gió.

(17d) Khánh can thành: Những người làm tướng giữ bờ cõi.

Dịch nghĩa:

Mời khách bằng nem hươu và nước chè xanh đặc,

Đón vợ mang giò lợn về, ngoài vườn quả cây đang xanh.

*

Họa bài "Lư khê ngư bạc" (Chài cá khe Lư) có câu:

Phiên âm:

Xanh trì Giang Hán song chi trạo,

Thu thập kiền khôn nhất bả dăng.

Dịch nghĩa:

Vẫy vùng nơi sông Giang sông Hán chèo đôi mái,

Thu nhặt càn khôn lưới một tay.

*

Lại tự đề thơ "Tùng lãng" (Trông reo) có câu:

Phiên âm:

Lưu thanh tráng yểm cầm huỳnh tế,

Dũng khí hàn xâm chẩm đạm đa.

Dịch nghĩa:

Tiếng lướt lấp tiếng đàn và sáo,

Dũng khí lạnh thấu gối với chăn.

*

Vịnh "Ngư" (Câu cá) rằng:

Phiên âm:

Khiên ty hý bạng tranh giang duật,

Trúc dẫn huyền ngư khiếp thuỳ kê[17e]

Dịch nghĩa:

Kéo lưới bắt trai, cò không còn gì để mổ,

Giơ cần giật cá, ếch kinh hồn.

*

(17e) (17e) *Thuỳ kê:* tức là con ếch, tục gọi là gà đồng.

Vịnh "Tiều" (Hái củi) rằng:

Phiên âm:

Bào độ hữu nhân nguy Khuất Lý[17a],
Thổ sinh vô xứ bão Di Tề[17b].

Dịch nghĩa:

Có người nào đó dùng quả bầu làm thuyền, làm nguy cho Khuất Nguyên và Lý Bạch.
Không còn lá rừng để no bụng của Bá Di Thúc Tề.

*

Lại họa bài thơ "Qua nhà cũ Giả Nghị"[17c] của Trường Khanh đời Đường rằng:

Phiên âm:

Phục điểu tranh kham vấn sác trì,
Siêu thiên hà hỷ trích bà bi.
Hoàng đầu cánh nhập Hiên Đình mộng,
Thanh giản nan hành Giáng Quán thì.
Thanh hận ám lưu hổ tinh tại,
Cô trinh minh hứa thạch sàng tri.
Liên quân hoàn hữu hạnh quân ý,
Tuyên thất vị ôn, thiên nhất nhi (nhai).

[17a] *Khuất, Lý:* Khuất Nguyên là Tư đồ đời Sở Bình vương có lòng trung với vua nhưng bị dèm, vua ngờ, bèn ôm đá nhảy xuống sông tự tử; Lý Thái Bạch ở bến sông Thái Bạch, ngồi trên thuyền uống rượu say trông thấy mặt trăng ở dưới nước, nhảy xuống bắt mặt trăng nên chết đuối. Chưa rõ giữa cái chết của Khuất Nguyên và Lý Bạch với chú đề "hái củi" có liên quan gì với nhau.

[17b] *Di Tề:* Bá Di Thúc Tề là hai người con của vua nước Cô Trúc, nhường ngôi vua, theo Chu Văn Vương, nhưng khi Vũ Vương (con Văn Vương) dấy quân đánh Trụ, hai ông can không được. Sau Vũ Vương lấy được thiên hạ, lập ra nhà Chu, hai ông không chịu ăn thóc gạo trồng trên đất nhà Chu, bèn lên núi Thú Dương hái rau mà ăn, rồi sau chết đói. Ở đây lấy ý người hái củi dẫn cây rừng, làm mất rau của Di Tề. Hai câu trên, *Phủ biên tạp lục:* chép "Bảo độ hữu nhân nguy Vĩ Hiểu, Thổ sinh vô xứ ngạ Di Tề" cũng tối nghĩa.

[17c] *Giả Nghị:* nhân vật sống vào đời Hán Văn Đế, trẻ tuổi mà có tài, lúc đầu được vua trọng dụng, sau bị gièm, phải trích đi làm thái phó cho Trường Sa Vương, rồi cho Lương Vương. Khi ở Trường Sa, một hôm có con chim "phục" bay tới đậu trước cửa, mọi người cho đó là điềm gở, chủ nhà sẽ chết. Giả Nghị làm bài phú "Phục điểu" (chim phục) tỏ ý coi sống chết ngang nhau, vinh nhục bằng nhau... về sau vì chú là Lương Vương bị chết, Giả Nghị buồn thương cũng nhảy xuống giếng chết.

Dịch nghĩa:

Chim phục báo điềm gở[17k] chẳng cần hỏi chóng hay chầy,
Được thăng không mừng rỡ, bị giáng không lo âu[17l],
Mộng Hiên Đinh[17m] người khăn vàng đã cảm ứng rồi,
Đời Giáng Quán[17n] làm tướng thẻ tre khó thi hành được,
Niềm ân hận thanh cao, ngầm giữ dưới giếng khơi[17o],
Tấm lòng trung trinh cô độc có chiếc giường đá biết cho[17p],
Thương ông mà lại mừng ông đó.
Tuyên thất vừa ngồi chưa ấm chỗ đã đuổi đi xa một góc trời[17q],

[Nguyên chú]:

Sách Tương thủy ký chép: Trong vườn nhà Giả Nghị có một cái giếng do Giả Nghị đào, miệng nhỏ mà sâu, trên bé dưới to như hình cái chum, bên cạnh có một giường đá chân cao, vừa một người ngồi. Tương truyền Giả Nghị hay ngồi giường đá ấy.

Cư Trinh còn có các bài thơ Vịnh canh (Cày ruộng), Vịnh mục (chăn trâu), Dạ ẩm (uống rượu đêm), Mộ vũ lưu khách (Mưa buổi chiều lưu khách) và văn thư đối đáp qua lại, xem rõ ở *Phù biên tạp lục"* của Lê Quý Đôn.

[Sau sự việc trên, bản trục sót, người dịch bổ sung theo A.1210 và A.4, như sau: từ việc 18 đến việc 29].

18. A.1210 chép "Mùa thu, tháng bảy, ngày mồng 1 [16-VIII-1765] nhật thực".

19. A.1210 chép "Tháng tám, thăng Huấn Trung hầu Nguyễn Đình Huấn làm Tham đốc, vì cớ khi Huấn làm Đề lĩnh thì kinh kỳ được yên tĩnh".

(17k) Nhắc tới bài phú "chim phục" của Giả Nghị.

(17l) Nhắc ý: bài phú coi vinh nhục bằng nhau.

(17m) *Mộng, Hiên, Đinh:* Hiên Viên (Hoàng đế) mộng được trời cho một người bề tôi có tài là Phong Hậu: Vũ Đình (Ân Cao Tông) mộng được Phó Duyệt, cũng là tướng giỏi; còn Hán Văn Đế mộng được người khăn vàng là Đặng Thông cho núi đồng đúc tiền, mà sau Đặng Thông không có công danh gì.

(17n) *Giáng, Quán:* Giáng Hầu (Chu Bột) và Quan Anh. Hai người làm tướng đời Hán Văn Đế, đều là võ thần, gièm Giả Nghị cho rằng không thể đem nho thuật thi hành trong đời ấy được.

(17o) Nhắc việc Giả Nghị tự tử.

(17p) Nhắc tới chiếc giường đá của Giả Nghị vẫn ngồi còn lại ở vườn nhà ông ta.

(17q) *Tuyên thất*: tòa nhà chính diện ở trước cung Vị Ương đời Hán. Ở đây nói Giả Nghị được nhà vua trọng dụng, được ngồi bên cạnh vua trong cung điện. Cả câu ý nói: vừa mới được trọng vọng đã nhanh chóng bị thất sủng.

20. A.1210: "Biếm bọn khảo quan Nguyễn Đình Cơ. Bấy giờ 2 ty khảo duyệt học trò, phần nhiều theo ý riêng mà lấy hay bỏ. Đình Cơ làm Tham chính Sơn Tây, cùng Hiến sứ Nguyễn Tông Trình, và Thự tham chính Hải Dương Phan Nhuệ, đều bị biếm chức. Thự hiến sứ Hải Dương Nguyễn Lệnh Tân vì là chức cấp sự, phẩm cấp ở vào hàng cuối, bị biếm 4 tư. Đều bị thu số tiền ngoài tiền thông kinh, nộp vào quỹ công. Tiếp đó lệnh cho Phủ doãn và 2 ty đem các học trò "sào thông" được cử lên chia làm 2 loại: "đích thông" [thật thông] và "khô thông" [chưa thật thông]. Loại "đích thông" thì được cùng với sinh đồ các khoa vào dự khảo. Còn loại "thô thông", trúng trường đệ tam mới cho vào thi văn sách. Phạt khảo quan có thứ bậc khác nhau".

Sự việc này A.4 chép thêm vài chi tiết sau:

1. Ngoài số những người bị biếm trên còn có: "Tham nghị Lê Khanh, Hiến phó Nguyễn Tông Diệu". 2. Cho chuộc tội bằng 60 quan cổ tiền. Bấy giờ đã qui định phép thi rõ ràng. Các viên khảo hạch lấy lạm nên so với Thanh Nghệ và 1 trấn thì 2 xứ [Sơn Tây, Hải Dương] vượt quá nhiều. 3. "Riêng 2 viên Tham nghị và Hiến phó Sơn Tây được miễn. Trong lời nghị tội có nói 2 viên này già cả, thực thà, ít nói, và không dự biết việc sai trái. Việc này người đương thời chê Đỗ Thế Giai là thiên tư, không e sợ gì".

21. A.1210: chép "Bính Trung công Trịnh Thiết về hưu. Thiết là em của thái phi Vũ Thị, 12 tuổi đã coi cấm binh. Thân với nhà chúa không ai sánh bằng. Được ban họ chúa. 60 tuổi xin từ chức, được gia tước công một chữ (nhất tự công) để ưu đãi. Tiếp đó mất, được truy phong phúc thần (ông người xã My Thự, huyện Đường An).

22. A.1210 chép "Thân sức [các nha môn] trong ngoài về lệ khám kiện".

23. A.4 "Mùa thu tháng chín, ra lệnh cấm tăng ni [đạo Phật] và đạo Hoa - Lang. Trước kia đã có giáo điều[23a] ban ra, trong đó cấm chỉ dị đoan. Gần đây vì lâu ngày điều cấm lơi lỏng, người ta coi nhẹ. Nhiều kẻ đi theo đạo, quan chấp chính xin cấm gắt hơn. Chúa nghe theo".

24. A.4 chép "Ngày 15 [tháng chín (?)] nguyệt thực".

[23a] Giáo điều "Bốn mươi bảy giáo điều" do Phạm Công Trứ thảo, Nhữ Đình Toàn dịch văn vần.

25. A.4 chép "Thân sức viên chức các ty trong ngoài 6 điều:

1- Chính đường[25a] khi duyệt hoặc sửa đổi việc gì, phải hết sức rõ ràng thận trọng.

2- Thiêm sai thi hành công vụ không được dề trễ.

3- Lời kể khai của người kiện cáo phải tra xét rõ ràng chuẩn định thời hạn.

4- Kỳ hạn khám kiện không được vượt quá.

5- Giấy đòi bắt phải ghi rõ số tiền [đương sự phải cung đốn].

6- Cuối giấy luận án kiện phải ghi rõ ngày tháng".

26. A.1210 chép "Mùa đông tháng mười. Hoán quận công Nguyễn Đình Hoàn mất. Hoàn dòng dõi nhà tướng, ông nội là Quế, cha là Thực. [Hoàn] và người em gồm 4 người đến hầu giảng chúa về võ học. Đầu năm Canh Thân [1740], Hoàn có công đưa chúa lên ngôi, làm đến Thái phó, tặng Thái tể, gia phong làm phúc thần. (Ông người xã Hương Duệ. huyện Kỳ Hoa)".

27. A. 1210 chép "Phúc thi Công sĩ ở phủ đình [sân phủ Chúa].

28. A.1210 chép "Sai chính sứ Nguyễn Huy Oánh, phó sứ Lê Doãn Thân, Nguyễn Thưởng đi sứ sang sứ nhà Thanh".

29. A.1210 chép "Tháng mười hai, Hiến sứ Sơn Nam là Phạm [A.4 chép sai là "Nguyễn"] Huy Cơ ăn hối lộ. Việc phát giác bị giam cùm[29a].

A.4 chép rõ thêm: "...Việc phát giác công luận bàn xử giảo" A.4 thêm: "Tiếp đó lại bàn giảm xuống: phải giam cùm ở nhà Đề lĩnh Nguyễn Đình Huấn".

Bính Tuất [Cảnh Hưng] năm thứ 27 [1766] (Thanh, Kiền Long thứ 31)

1. Mùa xuân tháng giêng, ngày Bính Tuất [tức 16, 24-11-1766], nhật thực[1a].

2. Sai quan đúc tiền ở lò Nhật Chiêu, Trúc Bạch[2a] (đều thuộc huyện Quảng Đức, nay đổi làm huyện Vĩnh Thuận)[2b] đều đặt chức quan giám đốc.

[25a] *Chính đường*: công đường ở phủ chúa Trịnh, nơi các quan chấp chính làm việc.

[29a] Giam cùm: dịch chữ "kiên giam".

[1a] A.1210 và A.4 chép: "Nguyệt thực" mới đúng. Riêng A.1 chép ngày rằm"

[2a] *Nhật Chiêu, Trúc Bạch:* nay thuộc khu phố Ba Đình, Hà Nội.

[2b] Tên huyện Vĩnh Thuận có từ đầu đời Nguyễn. Đây chứng tỏ những dòng chữ này được thêm vào từ đầu đời Nguyễn.

3. [Thượng thư bộ Binh][3a] Thiếu bảo phụng thị ngũ lão Huy quận công Hà Tông Huân mất. Tặng Thái tử Thái bảo. Huân lúc ít tuổi có tiếng thần đồng. Sau nhờ học rộng đỗ cao, được người đương thời trọng vọng. Trải làm quan trong ngoài, đều có công trạng, tiếng tốt. Học trò nhiều người làm quan có tiếng hay [tờ 34a]. Đương thời coi là bậc tôn sư [ông người xã Kim Vực, huyện Yên Định][3b].

4. Tháng hai, cẩn quận công Trịnh Đồng mất, tặng tả đô đốc, gia phong phúc thần.

5. Mùa hạ tháng tư, thi Hội lấy các ông Ngô Thì Sĩ 11 người trúng cách[5a].

6. Tháng năm, sao Thái Bạch đi ngang qua bầu trời. Ban đêm có sao sa chạy suốt bầu trời.

7. Tháng sáu, trời mưa dầm, chúa Trịnh dụ các quan rằng: "Nay mưa dầm đã gần một tuần, tổn hại lúa má, ta ngày đêm lo lắng. Hoặc giả chính sự có điều gì sai sót chăng, cho nên không cảm cách được lòng trời. Hãy viết thư kín, nói cho hết, đừng giấu giếm gì". Chưa bao lâu trời lạnh.

8. Thăng Tả đô đốc Tán trị công thần. Thự phủ sự Luyện quận công Đỗ Thế Giai làm Đại tư đồ.

9. Lộ Kinh Bắc, nước sông lên to, đê vỡ, cửa nhà lúa ruộng đều chìm ngập hết. Sai quan ở kinh đi hộ đê, và bảo các ty hoãn khám xét các việc kiện cáo. Liệu tính các khoản thiệt hại của nơi bị lụt, bàn kế cứu vớt.

10. [Lúc bấy giờ chúa Trịnh Doanh [tờ 34b] coi quốc chính đã lâu, công đức tốt đẹp][10a]. Các quan xin gia thêm tôn hiệu, chúa khước đi và nói rằng: "Bề tôi nên lấy đạo Nghiêu Thuấn để thờ vua. Vừa rồi mưa nhiều gây hại, đó chẳng phải có quan hệ đến chính sự ư! Các khanh chưa ai dâng được việc tốt, xin bỏ việc xấu, mà vội xin dâng tôn hiệu cho ta, có phải là lúc nên làm việc ấy đâu, không nên nói đến nữa".

[3a] [3b] Chữ trong ngoặc vuông là bổ sung theo A.1210.

[5a] A.4 thêm: Thì Sĩ, trải 3 khoa Quý Hợi [1743] Nhâm Thân [1752] và Đinh Sửu [1757]. Quyển thi của ông bị truất, đều do Khảo quan chấm thi kém nên hỏng. Năm Quí Mùi, được đặc ban cho tiến triều, trải làm đến Giám sát, Đốc đồng. Ông có dâng tờ khải xin vào thi. Chúa xuống đặc chỉ ưng cho. Trước đó Sĩ làm gia thần cho Minh Vương. Vì có văn học, được Minh Vương biết đến. Mỗi khoa chúa lại bỏ tiền vàng ra đánh cuộc với các quan tả hữu. Nhưng Sĩ vẫn không trúng. Chúa bèn duyệt lại các quyển bị trượt, và bắt tội hữu ty. Khoa này, chúa lại đem việc ông Sĩ thi ra đánh cược, quả quyết sẽ thắng. Bấy giờ mới đỗ. Bản trục chép Thì Sĩ làm "Thì Nhậm", là sai.

[10a] Đoạn trong ngoặc vuông (khen ngợi chúa Trịnh) chỉ có ở bản trục.

11. Thi Điện, cho Cấp sự trung Ngô Thì Sĩ[11a] đỗ tiến sĩ xuất thân. Các ông Lý Trần Quán 10 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Thì Sĩ làm phiên liêu được chúa biết đã lâu, nhưng chưa đỗ tiến sĩ, chúa Trịnh cho tiến triều, cho ăn lộc. Đến khoa thi này, từ đệ tam trường đến thi Đình đều đỗ đệ nhất, chúa yêu là người có tài, ngày vinh qui, chúa cho một bài thơ và cho lính, cho voi bảo vệ tiễn về làng. Tĩnh quốc công [Sâm][11b] cũng cho một bài thơ, để tỏ sự yêu đặc biệt.

12. Mùa thu tháng chín mặt trăng phạm vào sao Tâm.

13. Thự phủ sự Đỗ Thế Giai mất. Giai là gia thần được tiến dụng, khéo biện luận, lại khéo viện dẫn nghĩa sách, nói nhiều điều được chúa nghe theo, các quan đều sợ cái miệng của Giai. Khi Giai đã được cầm quyền: tìm cách ngăn cấm các người thỉnh thác từ trong [phủ chúa]. Lại cấm gièm chê, để giữ vững quyền mình, ngăn lời bàn của người khác, thanh thế lừng lẫy khắp triều dã, trải thăng đến Tư mã, Tư đồ, tước quận công[13a]. Lúc chết lại tặng tước công hai chữ, gia phong phúc thần.

14. Bớt phần ruộng khẩu phần cấp thêm cho nhất binh[14a]. Bấy giờ triều đình bàn rằng: thái bình đã lâu, lính không phải làm tạp dịch, không nên ban cấp ngoại lệ. Bèn ủy cho quan Trưng phủ thu tô các ruộng [đã cấp thêm].

15. Mùa đông tháng mười, có ngôi sao to bằng cái đấu bay ngang suốt nền trời[15a].

16. Thống suất Thanh Nghệ là Đàm Xuân Vực trình bầy cụ thể cơ nghi phòng bị chế ngự, cùng kê số quan quân sai đi, về triều. Nhưng Vực vâng mệnh làm việc đã hơn một năm không nên công trạng gì, tiếp đó lại bị bệnh. Cho triệu về kinh.

17. Tháng mười hai, chúa cho Tĩnh quốc công Sâm hai quyển sách: một chép huấn từ; một khắc chương thơ.

18. Tiến triều Phạm Gia Huệ (người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm) vì lém linh theo hùa kẻ quyền thần nên được tiến dẫn, được làm chức

---

(11a) Bản trục chép lầm ra "Ngô Thì Nhậm". Sự thực Ngô Thì Nhậm đỗ năm 1775.

(11b) A.1210 chép là: "Tiết chế phủ", có ý nghĩa tôn trọng hơn là "Tĩnh quốc công" và thêm: "ban thi chương, tiễn sao, ngựa để tỏ sự yêu đặc biệt".

(13a) A.1210 chép "thăng đến Đại tư đồ Thự phủ sử, tước Luyện quận công, tặng tước công 2 chữ".

(14a) *Nhất binh*: lính lấy ở bốn trấn, phân biệt với ưu binh lính lấy ở Thanh Hoa, Nghệ An. "Ruộng khẩu phần", bản trục chép "ruộng hộ phần", đây theo A.1210 đúng hơn.

(15a) A.1210 thêm: "có đám mây như thành trận xa xuất hiện ở hướng đông nam".

Quyền tri Công phiên, làm Trưng phủ phủ Bắc Hà, thu lạm tiền của dân tới hơn 2000 quan. Quan Thái phòng là Nguyễn Phùng Thì[18a] đem sự trạng tâu lên. Gặp lúc dân phủ Bắc Hà tập hợp ở dưới cửa khuyết tố cáo. Sai phát tiền ở kho công trả cho dân và giao việc này cho dình thần bàn. [Đình thần bàn] xử tội đồ. Chúa Trịnh còn thương y, chỉ biếm chức, cho miễn tội[18b].

19. Tham tụng Thượng thư bộ Lại, Đại tư mã hưu trí là Kính quận công Nguyễn Quý Kính mất [tờ 25b]. Kính hầu giảng sách cho chúa từ lúc chúa chưa lên ngôi. Gặp lúc có việc ngờ vực nguy biến, Kính đứng đầu quyết đoán mưu lớn[19a], có công với xã tắc. Lúc tuổi già cố tránh quyền thế và ân sủng, cáo bệnh không dự chính quyền. Chúa Trịnh mấy lần đến nhà ban ơn dãi ngộ không giảm sút. Đến đây mất, tặng Đại tư đồ, Nghị Trung công, gia phong phúc thần[19b].

20. Lộ Kinh Bắc động đất.

21. Thượng du 2 trấn Sơn Tây Hưng Hóa có bọn giặc tự xưng là Thuận Nghĩa họp chúng cướp bóc dân gian. Sai tướng ngoài biên là Nguyễn Địch Bàn, Hoàng Phùng Cơ họp quân cùng đánh, dẹp yên được.

[18a] *Nguyễn Phưng Thì*: người xã Hoa Lâm, huyện Nam Đường Xứ (Nghệ Tĩnh), đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715).

[18b] A. 4 chép khác là: "Xử tội đồ tượng [phường binh] Chúa tha cho, chỉ bãi chức".

[19a] Chỉ việc Kính đóngvai trò quan trọng đưa Trịnh Doanh lên ngôi.

[19b] A.1210 chép: "Tước Kính quận công" và chú: "Ông là cháu Nguyễn Quý Đức, con Nguyễn Quý Ân".

HIỂN TÔNG VĨNH HOÀNG ĐẾ

(Tiếp theo)

Đinh Hợi [Cảnh Hưng] năm thứ 28 [1767], (Thanh, Kiền Long thứ 32)

1. Mùa xuân tháng giêng, núi lở ở xứ Thanh Hoa. Hai huyện Đông Thành, Quỳnh Lưu xứ Nghệ An động đất[1a].

[1a] A.4 chép thêm: Tháng giêng, ngày mồng một Bính Dần [30-1-1767], có nhật thực.
A.4 và CM còn chép thêm một việc vào tháng này trong khi A.1210 chép vào tháng 6. Sai Nguyễn Huấn, Vũ Miên, Ngô Thì Sĩ đem quân 17 cơ đến xưởng Tống Tính, [châu Bạch Thông, Thái Nguyên], tùy nghi vỗ về, đánh dẹp người "khách", không có kết quả, mà về. Trước kia, các trường khai thác thổ sản và việc lấy vỏ quế ở rừng đều do người Nùng Hóa Vi[1b] ở nước ta khai đào và bóc lấy. Gần đây, các trường xưởng mở nhiều, quan giám đương[1c] chiêu tập đông đảo người "khách" nước ngoài khai lấy cho rộng đường thuế khóa. Do đó mỗi xưởng thuê nhiều phu, thậm chí có tới số vạn. Phu mỏ nhà lò[1d] tụ tập thành từng nhóm. Trong đó phần nhiều là người ở Triều [Châu] (A.1210 chép "tên Hổ") Thiều [Châu][1d]. Chúng hung hãn, hay đánh nhau. Mỗi khi tranh cướp cửa lò, chúng liền nổi quân đánh nhau. Kẻ nào chết thì bị ném xuống mương rãnh. Triều đình coi họ ở ngoài vòng giáo hóa, chỉ cốt nộp đủ thuế khóa, ngoài ra mặc kệ. [Ngô Thì Sĩ] làm đốc đồng Thái Nguyên, dẫn lời điều trần của Bùi Sĩ Tiêm[1e] nói rằng thổ sản ở núi rừng, vốn cung cấp cho nhu cầu nhà nước. Thế mà cái số nộp vào thuế khóa nhà nước, mười phần không được một. Đã vậy tình hình núi sông hiểm, dễ; hang động sâu, nông, dễu bị người nước ngoài thông tỏ và nương náu. Đó là một điều không nên. Địa mạch của nước ta, thì xứ Thái Nguyên lại ở về thượng lưu, bọn kia rõi theo khí mạch loài kim, đào đất để vận chuyển ra cửa lò, trên dất bằng tạo thành hàng trăm nghìn đống đất, trong hầm lò có thể chứa hàng trăm người. Việc làm đó tổn thương đến "địa mạch" nước ta biết chừng nào. Đó là hai điều không nên.
Người "khách" còn cắt tóc, mặc quần áo người phương Bắc, mỗi khi lấy được bạc, lập tức họ đem về nước. Khi đã đem về nước họ, thì không còn là bạc của ta. Đó là ba điều không nên.
Xin gửi công văn cho hai tỉnh Quảng [Trung Quốc], nói rằng: Nước ta vốn cung thuận [song] người bên ấy sang đây trú ngụ lại dám lẫng loàn khinh mạn, chưa được ý kiến của các ngài, chưa biết khu xử thế nào. Vì theo lệ cũ của Bắc triều, những người được sai sang nước ta mua quế thỉnh thoảng cũng có. Nhưng vào nước phải theo tục, mua bán phải có sự thỏa thuận, không được cậy thế mà khinh hạ quốc.
Chúa Minh Vương cho lời ông Sĩ là rất phải, ra lệnh y theo thi hành. Hai tỉnh Quảng gửi công văn tới, không nhận [có cấp giấy cho người nào cả][1g]. Chúa bèn sai bọn [Nguyễn Đình] Huấn lên đó đuổi hết bọn "khách" về Trung Quốc. Có ai xin ở lại nước

2. Ngày 27 tháng ấy [25-11-1767][2a]. Minh Vương Trịnh Doanh mất, thọ 48 tuổi, đặt tên thụy là Ân Vương, miếu hiệu là Nghị Tổ.[2b]

3. Tháng hai, kinh sư động đất.

4. Trấn Kinh Bắc có giặc nổi lên, Trấn thủ Nguyễn Gia Kiên tâu lên. Sai Hội Vũ hầu Nguyễn Trọng Thân[4a] đi đánh, dẹp yên được. Để Thân ở lại đống đồn giữ, chẹn cắt đường hiểm yếu mặt đông bắc

5. Vua có sắc dụ các quan dến phủ Lượng Quốc mời Tĩnh quốc công Trịnh Sâm nối ngôi chúa.

6. Tháng ba, Thượng thư bộ Lễ, Bồi tụng Bảo Huy hầu Trần Danh Ninh mất, tặng Thiếu bảo[6a].

7. Rợ phía tây nam là nước Miến Điện (người Miến Điện bụng có viết chữ, cho nên gọi là "vẽ bụng", lại gọi là "bụng đen", người Xiêm gọi người Miến Điện là Phù Sàng), nhân chúa nước Xiêm là Phong Vương[7a]

---

ta thì phải để tóc, đổi y phục, ghi vào sổ làm dân, mới được cùng với dân Nùng khai thác thổ sản và chịu thuế. Bọn Huấn đến Giang Dã[1h] thì gặp lúc Minh Vương mất. Bèn tùy nghi chiêu dụ vỗ về, định ngạch thuế rồi trở về".

(1h) *Nùng Hóa Vi*: Một ngành Nùng ở Trung Quốc xưa cũng gọi là Hóa Thường vốn ở vùng Hồ Bắc di cư sang, giỏi nghề khai thác các mỏ đồng sắt (theo Kiến văn tiểu lục).

(1e) *Giám dương*: Chức quan được triều đình giao cho việc khai thác mỏ. Họ được phép bỏ vốn, mở xưởng thuê người làm, đóng thuế, như Nguyễn Đình Huấn chẳng hạn.

(1d) Phu mỏ, dịch chữ "khoáng dinh". Nhà lò, dịch chữ "tàu hộ", có lẽ là người đứng nhận với giám dương một hầm mỏ thuê người đào, như kiểu thầu khoán.

(1d) *Triều châu, Thiều châu*: đều thuộc tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc).

(1e) *Bùi Sĩ Tiêm*: Xem tiểu sử và bài điếu trần ở tập I, năm 1731.

(1g) Nguyên văn "Lưỡng Quáng di lai vô sở nhận" tạm dịch như trên dựa theo bản dịch CM (Chính biên XLIII, 2). Còn bản dịch LTHCLC lại là: "không nhận được tờ tư nào của quan Lưỡng Quảng" *(Quốc dụng chí)*.

(1h) *Giang dã*: tức là vùng các xã Thượng Dã và Hạ Dã, huyện Thiên Phúc, Kinh Bắc. CM và LTHCLC chép là "Dã giang".

(2a) A. 4: "Ngày 17 [tháng giêng] Đại nguyên súy Thượng sư Thượng phụ Minh Vương mất, con cả là Trịnh Sâm nối ngôi chúa. Vua sai các quan sách phong làm Tĩnh Đô Vương".

(2b) A. 4 chép thêm một việc: "Hoàng Công Thư ở động Mãnh Thiên, Lê Duy Mật ở Trấn Châu, Mật xâm lấn vào Hương Sơn [Nghệ An]. Quan trấn tâu lên. Đặc biệt sai Nguyễn Đình Huấn đem quân đánh Thư, Lê Đình Châu đem quân đánh Mật, cùng ngày hai người đem quân đi.

[Việc này bản trục chép kỹ hơn và hơi khác, xem ở đoạn 12 dưới].

(4a) Nguyễn Trọng Thân, A. 1210 là "Nguyễn Đức Thân", CM là "Điển Vũ hầu Nguyễn Văn Điển".

(6a) A. 1210 thêm: "Ninh cùng với em là [Trần Danh] Lâm đều ở trong chính phủ. Người đương thời cho là vinh hạnh".

(7a) *Phong Vương*: Đoạn dưới có chú: vua ấy có bệnh phong nên gọi là "Phong Vương".

hung hăng đi xâm lược, bèn cất quân sang đánh nước Xiêm, đốt phá cung điện, cướp lấy của báu, bắt được Phong Vương [tờ 36a] cùng con là Chiêu Đốc Đa, và bắt dân vài vạn người đem về Miến Điện. Con thứ 3 là Chiêu Xi Xoang chạy sang Cao Miên, con thứ 2 là Chiêu Thúy chạy sang Hà Tiên.

8. Trước đây thám tử của Hà Tiên báo rằng: Phong Vương (vua ấy có bệnh phong cho nên gọi là Phong Vương). Chính sự hà khắc bạo ngược, chỉ đi xâm lược nước láng giềng, đã sửa sang chiến thuyền (chiến thuyền nước Xiêm to bằng thuyền "tam bản"[8a] của Tây Dương, thủy thủ ngồi ngoảnh mặt về đằng sau mà bơi thuyền) chuẩn bị binh lính, hẹn ngày đến đánh úp Hà Tiên. Đô đốc Mạc Thiên Tứ cầu cứu với quan Điều khiển Gia Định, quan thống suất Tống Phúc Khôi, tham mưu Nguyễn Hữu Miên sai cai đội Siêu Nghĩa hầu cùng cai đội đạo Tân Châu là Kế Thiện hầu, Bình Luận bá đem 20 thuyền hải đạo[8b] đến cứu.

Đến bấy giờ Mạc Thiên Tứ xin rút viện binh về, cho khỏi khó nhọc khổ sở.

9. Mùa hạ tháng tư, sao Thái Bạch, sao Huỳnh hoặc phạm vào nhau ở khu vực sao Tinh[9b].

10. Chôn cất Trịnh Ân Vương [Doanh] ở núi Chân Tiên (trước Ân Vương thương nhớ chính phi Nguyễn Thị Bản, muốn sau khi chết cùng chôn cất chung một huyệt. Khi Ân Vương mất, tạm để ở cung Tây Hồ. Đến nay đưa quan tài xuống thuyền đem về táng ở núi Chân Tiên. Tĩnh quốc công Trịnh Sâm trông thấy Thị Bản ngồi thuyền thuận dòng sông đi xuôi, đến gần chỗ thuyền chở quan tài Ân Vương bỗng không trông thấy nữa. Bèn lên bờ sông lạy để tống tiễn, rất thương cảm)

11. Tháng năm ngày Đinh Mão tức 4 [31-V-1767], vua sai Tham tụng Nguyễn Nghiễm đem sách ấn tiến phong Trịnh Sâm làm Nguyên soái, Tổng quốc chính Tĩnh Đô Vương. Chúa nhận [tờ 37a] sách, nước mắt ướt cả áo. Tả hữu ai cũng động lòng. Vua lại sai sách phong mẹ chúa là Trường cung Hoa dung[11a] Nguyễn Thị làm Thái phi.

(8a) *Thuyền tam bản*: thuyền ván có 3 mặt: 2 thành và đáy, không có mui, loại nhỏ như thuyền đinh của ta.

(8b) *Thuyền hải đạo*: Thuyền to đi biển.

(9b) A. 4 thêm: "Tháng tư trời mưa dầm, bầu trời tối đen" và cho Thượng thư bộ Công tước Xuân Nhạc hầu Nguyễn Nghiễm làm Nhập thị bồi tụng, gia tước quận công.

(11a) *Hoa dung*: Tên một bậc trong 9 bậc cung tần (vợ vua, chúa).

12. Bấy giờ Lê Duy Mật đã giữ Trấn Ninh, lấp chặt đường Mường Then Trạm Mãn, nghe tin Trịnh Sâm nối ngôi chúa, nhân sơ hở đánh phá địa phương các huyện Hương Sơn, Thanh Chương xứ Nghệ An. Quan đồn thủ là Hà Lãm thua chạy. Tin báo đến, chúa sai Nguyễn Nghiễm làm Hiệp đốc suất, cùng Bùi Thế Đạt hội bàn việc đánh dẹp. Quan quân tiến đến nơi, quân Duy Mật lui chạy[12a]. Chúa nghĩ không trừ được Lê Duy Mật thì hai xứ Hoan (Nghệ), Ái (Thanh) vẫn bị ngáng trở. Bèn cùng Hoàng Ngũ Phúc mật bàn rằng: Lê Duy Mật là giặc già, đã hơn 30 năm, dựa vào chỗ xa xôi hiểm trở, có hào sâu lũy bền, quân nhiều lương đủ. Tất trước phải biết rõ tình hình mới có thể theo đó mà tính liệu. Bèn bí mật dụ Bùi Thế Đạt dò thám tình hình. Lại hỏi kế hoạch tiến quân vận lương v.v... Thế Đạt dò biết được các số mục về đồ dâng, voi ngựa của Lê Duy Mật, thành lũy rộng, cao, hào sâu và lương thực có thể chi dùng được một năm, kê đủ sự trạng ấy khải lên. Lại nói Trấn Ninh có ba con đường có thể tiến quân vào: Đường chính ở phủ Trà Lân có đường thủy có thể tải lương được, quân đi yên ổn thuận tiện **[tờ 37b]**. Lại nói: quân số của ta nên dùng 2 vạn người. Lương thực chở đến nên đặt ở 10 đồn. Quân đi mỗi người nên mang lương 3 tháng, thuyền nên dùng 400 chiếc, Chúa cùng Hoàng Ngũ Phúc bàn tính: Sai bắt thuyền biển Thanh Nghệ chở thóc công đến chứa trước ở kho Vĩnh Dinh Sa Nam để sẵn sàng cấp lương quân. Chúa lại muốn thân chinh. Vì mẹ chúa cố can ngăn nên thôi. Bèn cho triệu Bùi Thế Đạt về kinh bảo rằng: "Năm trước ngươi trình bày cơ nghi rất hợp ý ta. Nay ta muốn giao cho ngươi việc ngoài biên, cầm trọng binh đi đánh phá sào huyệt của Mật. Nếu không, ta phải tự đi đánh". Thế Đạt tâu rằng: "Chút thân ngu độn, dâu dám từ chối gian lao khó nhọc. Chỉ xin chúa rộng cho ngày tháng, dừng luôn luôn sai quan đốc thúc. Không cứ chậm hay chóng, chỉ cốt thành công". Chúa ưng cho, sai Thế Đạt về trấn trù liệu, để đợi ngày xuất quân. Chúa lại sai thêm nội quan Lê Đình Châu đem bọn Trịnh Phóng, Nguyễn Trọng Thân, Nguyễn Đình Đống đem 5.000 lính lệ thuộc Bùi Thế Đạt theo đi đánh giặc [Lê Duy Mật]. Chúa lại nghĩ Thanh Hoa gần đất giặc, sai lưu thủ Nguyễn Đình Diễn[12b] chia đặt đồn phòng ngự, chặn các nơi xung yếu.

[12a] A.1210 Lê Duy Mật ở trấn Ninh cướp xã Tình Diễm, huyện Hương Sơn. Sai Lê Đình Châu đốc suất bọn Trịnh Phóng, Nguyễn Đức Thân, Nguyễn Đình Đống lệ thuộc Đốc suất Bùi Thế Đạt, đi đánh".

[12b] Nguyễn Đình Diễn: Hoạn quan người xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

13. Miễn thuế tô, thuế dung thiếu dọng dã lâu cho hai xứ Thanh, Nghệ. Và cho tứ trấn giảm 5 phần 10 **[tờ 38a]** thuế gia tô, ngoại trấn giảm 2 phần 10 thuế tô, thuế dung(13a).

14. Tặng Tả tư giảng, Thượng thư bộ Công, Dạo Phái hầu Dương Công Chú làm Thiếu bảo, tước quận công, gia phong phúc thần(14a).

15. Thăng Thiêm tri Hình phiên Nguyễn Gia Dung làm thái tử Thiếu bảo(15a). Vì vợ Dung có công cho bú bồng bế [chúa khi trước].

16. Thăng và trao chức tước cho trăm quan có cấp bậc. Cho Hoàng Ngũ Phúc tước công một chữ(16a) Nguyễn Nghiễm làm Thiếu phó tước Trạc quận công; Nguyễn Hoàn làm Tả thị lang bộ Công, tước hầu. Còn ngoài ra các quan đều thăng một cấp. Tiếp đó lại gia cho Hoàng Ngũ Phúc là Dực vận đồng đức công thần.

17. Truy tặng Nam quận công(17a) Nguyễn Đình Tư làm Triệu Khánh công. Trước kia Đình Tư thị giảng cho Ân Vương ở tiềm đề. Mẹ Trịnh Sâm Nguyễn Thị là con gái thứ của Đình Tư. Đến nay chúa tặng và lập từ đường ở kinh sư.

18. Mạc Thiên Tứ ở Hà Tiên sợ nước. Miến Điện thừa thế mạnh đến xâm lấn, bèn sai người đem quân đồn thủ ở xứ Trực Bôn ngay đầu cõi nước Xiêm, đề phòng giặc đến từ ngoài biên giới. Lúc bấy giờ ở nước Xiêm phát bệnh dịch lớn, lính thú nhiều người chết. Cai cơ Từ Hữu Dụng, cai đội đội Thắng Thủy là Trần Đại Lực cũng chết dịch. Thiên Tứ lại sai cai đội Đức Nghiệp hầu thay, đem lính thú đi dò xét các hải đảo là Cổ Công, Cổ Cốt, Đầu Khảm. Lúc bấy giờ có tên côn đồ tàn ác là Hoắc Nhiên người Triều Châu Trung Quốc biết võ nghệ, khéo dùng khiên

---

(13a) A.1210: "Ngoại trấn giảm 3 phần 10 thuế tô, dung diệu". A.4 chép rõ thêm như sau: "Tháng 4, tha tiền thuế gia tô năm nay và các thứ tiền thiếu thuế, từ các năm trước, tiền chuộc [tội] tiền phạt cho 2 xứ Nghệ An, Thanh Hóa và 4 trấn. Bấy giờ Tĩnh Đô Vương mới nối ngôi nghĩ đến việc thi hành nhân chính. Gặp lúc mưa dầm trân trề, lúa má bị ngập. Chúa rất lấy làm lo. xuống đặc chỉ tha các khoản đó để đáp lại sự khiển trách của trời". A.4 chép thêm một việc: "Sai Xuân quận công Nguyễn Nghiễm làm Tri Quốc tử giám".

(14a) A.1210: " Vì có công hầu giảng sách nên tặng Công bộ Thượng thư dương Công Chú hàm Thiếu bảo, tước quận công, lại gia phong phúc thần. (Chú người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm). CM: "tước công".

(15a) A. 1210: "Thái tử. Thái báo".

(16a) A. 4 "tước công hai chữ" (nhị tự công).

(17a) A.1210 "Dương quận công".

mây lao sắt, họp quân kết trại chiếm giữ chỗ hiểm ở dảo Cổ Công, đón cướp thuyền đi biển, hoành hành trên mặt biển, đồ dảng rất nhiều, ngầm mưu đến cướp Hà Tiên. Thiên Tứ đò biết, ngầm sai cai đội là Khang Thành hầu đem thuyền quân ngầm đi vây bắt. Hoắc Nhiên nhảy xuống nước, bị dâm chết, bọn đồ dảng đều giải tán.

19. Tháng sáu ngày mồng một [26-VI-1767], chúa Trịnh Sâm cùng Hoàng Ngũ Phúc bí mật [bàn kế đánh Lê Duy Mật] trước hãy dùng kế đánh bằng văn từ. Đem việc tâu vua, sai làm sắc chỉ, sai Thự tham chính Nghệ An Nguyễn Mậu Dĩnh, đốc đồng Thanh Hoa Nguyễn Mậu Tiệp đến Trấn Ninh dụ Lê Duy Mật. Lại nghĩ sẵn tờ di văn[19a] của trấn quan giao cho Bùi Thế Đạt sai người đệ trước đến dồn của Mật báo cho Mật nghênh tiếp sắc chỉ. Bài di văn đại lược nói rằng: "Từng nghe nói thần khí[19b] rất trọng, ngôi thiên tử rất khó. Phàm người thừa cơ cử sự, nhân việc lập công, tất phải danh chính ngôn thuận, trời cho, người theo **[tờ 39a]** mới có cơ hội làm được. Há có phải như lũ đuôi hươu lóng ngóng, đem trí lực mà cầu được đâu? Xét từ đời nhà Trần mất quyền, họ Hồ tiếm loạn. Bèn bị nước láng giềng phía Bắc bá chiếm, phong trần rồi ren, gần 20 năm, những dân sống sót qua thời loạn, mong mỏi được sống lại từ lâu. Thái Tổ ta: trời sinh thần võ, ứng vận mà nổi dậy, dấy binh từ Lam Sơn dẹp yên giặc Ngô, khiến dân ta khỏi phải thay lối ăn mặc[19c] đưa đời này lên dài xuân. Các thánh nối nhau đã hơn trăm năm. Việc đời đi rồi lại lại, bằng rồi lại lệch, lý phải như thế. Đến lúc vận nước trung gian suy yếu, kẻ quyền gian tiếm ngôi, dời về Dương Kinh [Hải Dương] hơn 60 năm, thước đất tấc dân đều không phải sở hữu của nhà Lê nữa. May có Thái Vương [Trịnh Kiểm] Triết Vương [Trịnh Tùng] tư chất nhân hậu, chí khí anh hùng, đem vương sư đi điếu phạt, đón dòng dõi vua mà tôn phù, tái tạo cơ đồ, đổi mới xã tắc. Lấy thiên hạ từ tay bọn trộm trả về cho hoàng triều, công đức sánh bằng trời đất, trung nghĩa suốt đến mặt trời, mặt trăng. Từ đấy các vua ngồi hưởng thành công, các chúa truyền nhau nối dõi. Sự nghiệp càng to mà đức càng sáng, công lao cũng nhiều mà chí càng bền. Đầu có mưu cướp đời Hoằng Định [1601 - 1610][19d] vận rủi đời

---

[19a] Di văn: Thư hoặc công văn chuyển đến.

[19b] Thần khí: Đồ vật của thánh thần để lại chỉ ngôi vua.

[19c] Nguyên văn "tả nhậm" mặc áo cài khuy bên tả. Chỉ việc bị nước ngoài đô hộ, bắt bỏ phong tục cũ của mình.

[19d] Chỉ việc Lê Kính Tông chạy đi Thanh Hoa, Mạc Kính Cung chiếm Đông Kinh, (Thăng Long) Trịnh Tùng đánh đuổi Mạc Kính Cung đi.

Đức Nguyên [1674 - 1675][19d] cũng vẫn trung trinh một tiết **[tờ 39b]** trước sau không thay đổi, nhà vua, nhà chúa cùng chung một nước. Đến nay hơn 200 năm, nhờ cậy, tôn thân, mọi người không ai muốn khác. Khoảng năm Kỷ Mùi [1739] việc cung Thường Trì[19e] dẫn đến việc bọn gian[19g] lộng quyền, pháp lệnh không sáng, nhân tình hoang mang, đám trộm nhỏ ở bãi lau, sông lẩn lút trong đầm cỏ. Túc hạ[19h] là người thân trong hoàng tộc ở vào chỗ ngờ vực nguy nan, tình thế bức bách, sợ mang tai họa, mong được tự toàn, tự cho mình là ánh sáng thừa của cờ hoàng ốc[19i] tránh đến ở cõi xa là đất Ngọc Lâu, sau thất lợi ở sông Mã, lại đến ở Trấn Ninh là khu vực người man lạc. Con vua đùa với binh đao, như thể chắc chi là việc bất đắc dĩ. Từ bấy đến nay, bao nhiêu mưu thần mượn đũa[19k] võ tướng vác gươm, chỉ muốn tiến thắng tới Đông Sơn[19l] vì nghĩa cử mà đánh cho mẻ búa gãy gươm, chứ chưa có lời cáo thị sắc dụ cho yên kẻ phản trắc. Túc hạ dẫu muốn tỏ lòng thành, theo đường thuận, cũng không có lỗi. Nay chúa ta mới cầm đại quyền, theo chí tiền nhân lấy việc dẹp kẻ tiếm, khai thác dư đồ làm nghĩa cử thứ nhất trong việc tôn Lê. Vừa rồi, sai một toán quân đi đánh miền Tây[19m] những đám "giặc" lâu năm nghe gió tan tác chạy trốn. Mường Thanh[19n] là đất hiểm thiên nhiên nhưng cũng bị san bằng. Thần vũ đi đến đâu không ai là không khuất phục. Duy một cõi Trấn **[tờ 40a]** Ninh còn ở ngoài bản đồ. Mưu cơ bình định Lũng, Thục[19o]. Lời bàn thu phục U, Yên[19p] không thể nào quên được. Nay đã sắp sẵn voi ngựa, chỉnh sức quân lính, kỳ đem

---

[19d] Chỉ việc vua Lê Gia Tông mất sớm từ năm 15 tuổi không có con, Trịnh Tạc lập em vua là Lê Hy Tông lên ngôi.

[19e] Việc cung Thường Trì: Trình Giang sợ sấm, ở cung Thường Trì trong hầm đất, không ra coi việc được.

[19g] Bọn gian: Chỉ bọn hoạn quan Hoàng Công Phụ chuyên quyền.

[19h] Túc hạ: Từ tôn xưng người đối thoại với mình.

[19i] Hoàng ốc: Xe thiên tử đi, có cờ hoàng ốc và cờ tả đạo. Đây nói Lê Duy Mật là dòng dõi vua Lê.

[19k] Mượn đũa tính: Hán sử chép: Để vạch kế hoạch cho Hán Cao Tổ, nhân lúc Cao Tổ ăn cơm, Trương Lương nói: "Chúa công cho tôi mượn chiếc đũa trước mặt, tôi tính cho chúa công". Người sau thường dùng điển này để chỉ việc bàn tính việc nước.

[19l] Đông sơn: Đời Chu, Quản Thúc, Thái Thúc là em Chu Công, đã liên kết với Vũ Canh để làm phản, chống lại nhà Chu, Chu Công phải đem quân đến Đông Sơn giết hai em mình.

[19m] Đánh miền Tây: Chỉ việc đánh Nguyễn Danh Phương ở Hương Canh.

[19n] Mường Thanh: Hoàng Công Thư tức Hoàng Công Chất tụ tập quân ở Mường Thanh xứ Hưng Hóa.

[19o] Lũng Thục: Đời Hán Quang Vũ sai quân đi đánh Ngôi Ngao (giữ Hữu Lũng), Công Tôn Thanh (giữ đất Thục).

[19p] U, Yên: Đời Ngũ Đại: Thạch Kính Đường cắt 16 châu U, Yên cho Khiết Đan, suốt đời Tống thường bàn cách lấy lại.

quân đi chẳng sớm thì chiều. Nhưng chỉ còn nghĩ: túc hạ là dòng họ nhà vua, chưa có một phen ra cáo dụ, mà vội đem quân công phạt, lòng cũng không nỡ. Bản chức vâng mệnh cầm quân, tưởng đến người xuất thân từ cửa son gác tía, mà chịu sự lầm than, dòng dõi lá ngọc cành vàng, lại mang vết xấu thực cũng thảm thương.

Bèn có một bức thư này, mở ra hai đường, cái cơ yên, nguy lợi hại, nay nên quyết đoán. Nếu biết đến cửa quân dưa dồ lễ, trông cửa khuyết dâng lòng thành, thì trừ số quân, voi, khí giới phải đem nộp, còn vàng bạc, tiền lụa trâu dê thóc, gạo, đồ dùng mọi vật đều cho túc hạ giữ làm của riêng. Khi đã về triều thì bỏ oán ghi ân, tước cao lộc hậu, đều theo như lệ đối với hoàng thân mà đãi. Nhà đẹp Phượng thành[19q] sáng soi lầu hoa ngạc[19r] tiệc vui chung hạc cầm[19s] hòa vui tiếng kèn sáo[19t]. Cùng dòng hoàng phái mà hàng năm triều yết. Dự triều chính mà thong thả nơi miếu đường [tờ 40b]. Dứt hẳn lời chê bai là loạn tặc sau này,

Hưởng phúc bốn biển thanh bình mãi mãi. Khỏi nỗi khổ luôn năm chạy trốn, trọn tấm thân phú quý trăm năm. Tổ tiên chín miếu thiêng liêng ở trên trời, biết rằng con cháu mình được phúc. Đứa trẻ 3 thước chưa biết gì cũng mừng cho dòng dõi nhà vua. Mưu tốt bảo toàn, còn gì hơn nữa. Nếu túc hạ cứ mê man không tỉnh ngộ, giữ chỗ hiểm sống tạm thời. Thì thiên hạ đã thống nhất, bên cạnh giường há dung kẻ khác nằm ngáy.

[Với tư cách] người đi săn lũ chim phá ruộng, ta đã nắm chắc thế thắng trong tay. Xem như năm đầu đời Hồng Đức, tên thổ tù Cầm Công giữ chỗ hiểm như ở Bồn Man, lòng dân chúng quy phụ, binh giáp tinh nhuệ, thế mà một khi quân vua tiến đánh, cũng dập tắt ngay. Huống hồ túc hạ ở lâu đất khách, tất dân man cũng chán. Nhà nước nhân vào cái uy vô địch mà dánh dẹp bốn phương, nhờ cái thế trăm họ đều là binh,

---

[19q] Phượng thành: Con gái Tần Mục Công là Lộng Ngọc thổi sáo thì chim phượng đến dậu ở thành, do đó gọi là phượng thành, đời sau gọi kinh đô là Phượng thành.

[19r] Hoa ngạc: Đường Huyền Tông làm Tây cung, đề tên là "Hoa ngạc tương huy chi lâu" nghĩa là hầu "hoa ngạc sáng ngời" mời các thân vương anh em chơi vui với nhau. Hoa là cái hoa, ngạc là cái đài, cánh hoa che đài, đài hoa đỡ cánh hoa, ví như tình anh em sum họp đùm bọc nhau.

[19s] Hạc cẩm: Cung Thái tử.

[19t] Kèn sáo: Nguyên văn "huân trì": Huân là nhạc khí làm bằng sành, Trì là cái sáo, Kinh Thi có câu "Bá thị xuy huân, trọng thị xuy trì" nghĩa là "anh thổi kèn em thổi sáo" nói tình anh em một nhà hòa thuận.

[19u] Dịch câu: "Họa phúc vô môn, duy nhân sở hữu"

người man đến cửa khuyết xin giúp binh lương và ra sức bôn tẩu. Đem sức toàn thiên hạ đánh một châu nhỏ, hẳn không phải đợi giao chiến ở đồng nội rồi mới quyết định ai thắng ai bại! Chớ nghĩ là khe núi xa xôi hiểm trở, trèo vượt nghìn trùng chắc không sao qua nổi; Chớ nghĩ là vận lương **[tờ 41a]** khó khăn, mất 6 tháng vận chuyển quân sẽ đói mà vỡ tan! Sau trận đánh Mường Thanh ra sao, chắc túc hạ cũng đã biết rồi? Sao không liệu cơ sớm quyết, mà còn dám giơ tay bọ ngựa chống bánh xe? Chỉ sợ đại quân đến nơi, uy thanh lừng lẫy, quân ô hợp sẽ theo ngọn gió trút như ngói xô, lũ chó trộm đón mũi dao sẽ tan như tro bụi. Những của cải vài mươi năm góp lại sẽ thành sở hữu của triều đình, ăn năn sao kịp. Cổ ngữ có câu: "Họa phúc không riêng ai, chỉ tự mình kiếm lấy"(19a). Cái lẽ lành, dữ, cái cơ lui tới, xin túc hạ nghĩ cho kỹ".

Bùi Thế Đạt sai bọn Thông sự Hà Tất Tố cùng với Nguyễn Mậu Dĩnh đến đóng ở Đô Lương (huyện Nam Đường) đem trước tờ dị văn này tìm cách chuyển đến cho Lê Duy Mật, đợi trả lời.

20. Sai Trấn Lĩnh hầu Nguyễn Đình Khoan đốc suất một chi thủy binh đến An Quảng đóng 200 chiếc thuyền có bao lan, để chuyển bị vận tải.

21. Cho Nguyễn Nghiễm vẫn giữ Hành tham tụng Trần Danh Lâm(21a), Nguyễn Hoản, Vũ Miên đều Hành Bồi tụng. Nguyễn Xuân Huyên làm Tri Lại phiên. Phan Lê Phiên Tri Hộ phiên. Đào Huy Điển Tri Hình phiên, Vũ Huy Đĩnh Tri Công phiên.

22. Lấy 6 điều răn bảo thần dân, sai Nguyễn Nghiễm tuyên bố dụ này ở sân phủ đường **[tờ 41b]**. Sáu điều là: 1. Các thân huân đại thần và tôn thất nên vì nước giữ đạo công bằng, theo đúng quy củ. 2. Quan võ nên tìm hiểu học tập các phương lược [trong binh pháp], chăn nuôi vỗ về binh dân. 3. Các quan văn võ chức ty trong ngoài không được im lặng, dựa dẫm, tranh dua, tham lam hà khắc. 4. Các quan nội giám nên giữ gìn cẩn thận, trung thực khoan hòa. 5. Quân sĩ trong ngoài nhất nhất phải tuân theo kỷ luật. 6. Nhân dân trăm họ giữ gìn luân thường(22a) siêng năng nghề nghiệp.

(21a) Bản trục chép nhầm là: "Trần Danh Ninh". Sự thực Danh Ninh đã chết từ tháng ba. A.1210 chép: Nguyễn Nghiễm vẫn làm tham tụng, Nguyễn Hoản, Vũ Miên đều vào bồi tụng. Khôi phục Nguyễn Bá Lân điều hành công việc bộ Lại, kiêm Đô ngự sử. Trần Tiến làm Thự phó đô ngự sử. Đoàn Nguyễn Thục làm Thự thiêm đô ngự sử".

(22a) Nguyên văn bản trục là: "Ngũ luân" tức là 5 quan hệ: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè. A.1210 chép là "Ngũ giáo" (5 đạo) nghĩa cũng thế.

23. Khảo duyệt văn thuộc 2 phủ Trạch Các để sung vào 6 phiên, còn thừa thì cho dợi đâu khuyết thì bổ.

24. Ngày Quí Mùi sao Thái bạch hiện ra ban ngày(2-1a).

25. Khảo xét công tội các phiên thần ở trấn ngoài. Phong tước cho thổ tù Châu Mai xứ Hưng Hóa là Hà Công ứng tước Mai Phong hầu, thổ tù sách Đâu Sùng là Đinh Công Hổ tước Sùng Nham bá, cả hai người đều được ban cáo mệnh. Bấy giờ tướng "giặc", năm Canh Thân, còn sót lại là Hoàng Công Thư (cũng gọi là Chất) trốn ở động Mãnh Thiên, mấy lần cướp vùng thượng du Hưng Hóa, có nhiều người đi theo. Bọn Ứng họp chúng chống cự giữ được các "sách" trong châu của mình. Lưu thủ là Hoàng Phùng Cơ tâu dâng công trạng về triều. Bèn bàn khen thưởng. Lại sai quan đến tuyên dương yên ủi, cho các phiên thần ai nấy thăng phẩm trật.

26. Định rõ lệ về kiện tụng (cho đương sự làm khải xét lại). Phàm án nào trước đã xử, mà đương sự chưa chịu phục tình, thì đến ngày chúa ra coi việc được phép đến quỳ kêu. Nếu sự tình có thiệt hại bức thiết thì cho phúc thẩm, phúc thẩm mà vẫn còn chưa được tỏ rõ lý lẽ, thì cho đánh mõ mà kêu. Ai kêu vượt cấp thì bác không di xét.

27. Ngày 24 [19-VII-1767], chúa Trịnh Sâm sai Trị Trung hầu Nguyễn Bá Khanh (do hoạn quan làm chức Tri Lại Phiên) dúc 26 quả ấn. (ấn Tả, Hữu **[tờ 42b]** Tiền Hậu tướng quân 4 quả, ấn Đốc vận thủy đạo một quả, ấn Đồng lý lương hướng một quả, ấn Đốc vận quan phòng 10 quả, Lương đồn 1 quả). Đợi đến kỳ chinh tiễu đem các ấn ấy ban hành.

28. Trương tập vệ binh khỏe mạnh của bốn trấn. Ai nấy đều sắm áo, quần, mũ nón tề chỉnh, chia lệ thuộc quan cai quản các quân. Cấp quân khí, huấn luyện cho am hiểu kỷ luật.

29. Bấy giờ Bùi Thế Đạt ở Nghệ An dâng khải nói: "Lương quân cần dùng: thóc 250 vạn bát công. Năm ngoái mới tải đến được 225 vạn bát. Xin phát thêm 25 vạn bát nữa cho đủ quân lương". Bèn sai lấy thóc công các kho Phù Ninh, Kinh Bắc mà cấp.

(31a) A .1210 chép thêm một việc: "Định ngạch dân 4 châu Cao Bằng. Trước đó Mạc Danh Tông bổ thuế dung có gò ép, nặng hơn trước, dân không kham nổi. Đến bây giờ thu sổ thuế thiếu thì dân đem nhau đến mà kêu. Đốc trấn Nguyễn Trọng Hoàng tâu lên. Sai quan thuộc cung ấy sửa lại theo sổ thuế năm Nhâm Dần [1722]".

30. Chúa Trịnh Sâm cho Tham Lĩnh hầu Vũ Tá Đoan hành quân có nhiều sai trái, bèn cho rút về giữ dinh trấn Nghệ An. Sai Nguyễn Nghiễm là Hiệp đốc suất, Nguyễn Đình Huấn làm Hiệp mưu, đem quân trước đến Hương Sơn, hội cùng Bùi Thế Đạt đốc các quân tiến đánh Lê Duy Mật. Nhân đó xét **[tờ 42b]** rõ tình hình biên giới và địa thế vùng Nam Hà(30a), chia đặt đồn canh. Phàm các việc trong quân, đều được tùy nghi quyết định, từ Phó tướng trở xuống ai dũng cảm, ai nhút nhát, ai có công, ai có lỗi, đều được quyền thưởng phạt. Lại đem 40 điều quân lệnh bình Tây năm Canh Ngọ(30b) tuyên bố yết thị cho tướng sĩ. Quan quân tiến đóng Hương Sơn, chia đường đánh chặn. Đảng Lê Duy Mật bèn bỏ đồn Đặng Phủ, Nậm Nhi lui chạy, quan quân bắt được quận công ngụy tên là Côn, đóng cũi giải về kinh sư. Bấy giờ nhiều người bàn nên đánh gấp lấy Trấn Ninh. Chúa Trịnh bảo tả hữu rằng: "Đảng Mật đã chạy, thế tất không dám lại dòm ngó Hoan Ái. Nghịch Chất nhiều lần quấy nhiễu vùng thượng du Hưng Hóa để thanh viện cho Mật. Ta thấy cơ nghi đánh dẹp tất phải có nơi hoãn, nơi cấp, nơi trước, nơi sau. Nay nên liệu để lại một số binh mã để phòng thủ án ngữ. Còn đại quân thì rút về, đem toàn lực dánh miền Tây, đợi Hưng Hóa dẹp xong, thừa thắng đi dánh Trấn Ninh ắt là lấy được. Bèn xuống chỉ triệu bọn Nguyễn Nghiễm đem quân bản bộ về kinh, liệu để lại một số thuộc hiệu chia làm 3 [tờ 43a] chi đóng chặn các nơi xung yếu. Sai Bùi Thế Đạt tuyển thêm thổ binh ở Nghệ An lấy 4200 người hãy tạm cho về làm ruộng, đợi có việc thì gọi ra dùng để tăng thêm thế quân(30c).

31. Mùa thu tháng bảy, Mật Chất họp đảng chia quân xuống các địa đầu Quan Gia, Cẩm Thủy, Lang Chánh, Thụy Nguyên cướp bóc châu ấp, Lưu thủ Thanh Hoa là Hiệu Trung hầu Nguyễn Đình Diễn xin thêm quân. Chúa truyền chỉ cho điều động lính bản trấn tùy nghi ngăn chặn, đợi cuối mùa thu mới phát binh hội đánh(31a).

(30a) Nam Hà: đất Đàng Trong (miền Nam) sông Gianh do chúa Nguyễn cát cứ.

(30b) Bình Tây năm Canh Ngọ: Chỉ việc đàn áp Nguyễn Danh Phương.

(30c) A .1210 chép thêm một việc vào trước tháng 7: "Sai Phạm Nguyễn Đạt làm Hiến sát sứ Nghệ An điều tra xét núi sông hình thế các vùng Cao [Châu], Quì [Châu], Trà Lân báo lên. Vì lẽ sắp có việc Trấn Ninh.

(31a) A.4 chép thêm:

Tháng bảy, thân sức các điều lệ về kiện tụng giao cho Ngự sử đài và nha môn các xứ tuân hành.

Sai quan bộ Lễ đăng ký trật tự cho bách thần.

32. Sai Trấn thủ Nghệ An kiêm Đốc suất châu Bố Chính là Tả đô đốc quân dinh Trấn Ninh, thái bảo Đoan quận công Bùi Thế Đạt làm Thống lĩnh đạo Nghệ An, chức Thảo tặc đại tướng quân, cho một lá cờ, một quả ấn. Cử Hàn lâm thị giảng Khánh Xuyên bá Nguyễn Thưởng, Giám sát ngự sử Ngô Trần Thực làm tán lý, Đô cấp sự trung Nguyễn Lệnh Tân, Hàn lâm hiệu thảo Uông Sĩ Điển (trước họ Giang vì tránh húy chúa Trịnh nên đổi ra họ Uông) làm tham mưu **[tờ 43b]** đốc suất tướng hiệu là bọn Nguyễn Bá Khanh, Trịnh Phòng, Nguyễn Đình Đống gồm 78 viên cùng quân sĩ cơ, hiệu, đội của 60 dinh tiến đi đánh Trấn Ninh. Công việc trong quân cho được tiện nghi thi hành. Lại sai Thái thường tự khanh Đoàn Nguyễn Thục làm Giám quân đạo Nghệ An. Cấp cho ấn "Giám sát quân vụ". Phàm tướng sĩ lâm trận dũng cảm hay nhút nhát, ai có công, ai có tội, đều cho coi xét ghi chép. Lại đưa thư cho nước Ai Lao (nay là Vạn Tượng) cùng Mường Thuộc (ba động Ngàn Sâu [Thâm Nguyên], Yên Sơn, Mộng Sơn châu Quỳ Hợp) ai nấy đều đem quân ngăn chặn các đường then chốt đi lại với Trấn Ninh (Trấn Ninh phía Nam thông với Ai Lao, phía Tây thông ra Ba thục, phía đông thông với Mường Thuộc suốt đến Quảng Nam). Lúc bọn Đoàn Nguyễn Thục ra đi, chúa Trịnh Sâm có ban yến và dụ rằng: "Quỷ kế của Duy Mật chẳng qua có 3 điều: Hoặc giữ chỗ hiểm, ngăn trở quân ta đó là một. Hoặc dựa thành cố giữ để bắt ta phải đóng quân lâu, là hai. Hoặc bỏ đồn chạy xa, ta đi nó lại về, là ba. Nếu nó giữ chỗ hiểm thì ta cho chính binh chống nhau, cho kỳ binh bí mật theo đường khác đánh úp. Nếu nó dựa vào thành mà chống giữ, thì ta ngày đêm đánh liên tục, quấy rối nó [tờ 44a]. Hoặc tranh chiếm núi phía trước, giữ địa thế. Hoặc cho người làm gián điệp, chia rẽ kẻ tâm phúc của nó. Hoặc tránh chỗ mạnh đánh chỗ yếu, cốt cho thần tốc. Nếu nó lui chạy thì ta đuổi cho đến cùng, bắt lấy đầu sỏ để nộp. Như thế mới cho kể làm công trạng. Nếu chỉ phá tan sào huyệt thì không kể. Nếu nó cậy nhiều voi, thì ta đã có hỏa ngạch[32a] có thể chế ngự". Các tướng sĩ nhận mệnh, ngày 29 [13-VIII-1767] tiến đi.

33. Giam phò mã Văn Đình Cung vào ngục. Cung là con Quán quận công Văn Đình Úc, lấy em gái chúa là Trịnh Thị. Có người nhà là tên Kỳ nhân việc gì đấy kiện Cung. Ngự sử bèn phát giác việc Cung ngầm thông với ngụy Thai. Việc giao xuống cho Đài quan Lê Doãn Giản tra xét dâng lên. Đình thần bàn xử Cung vào tội giảo. Chúa Trịnh cho Cung khỏi chết.

[32a] Hỏa ngạnh: nghĩa là "cành lửa" chưa rõ loại vũ khí gì.

34. Trời lâu không mưa, chúa Trịnh Sâm thân đi cầu mưa ở lầu Kính Thiên. Cho thần dân trong ngoài dâng thư kín nói việc, [Lễ Trạch hầu][34a] Nguyễn Bá Lân dâng lời nói rằng: Chính sự của vua chúa cảm thông đến trời... nay chúa mới coi chính sự, nên chuộng quan hậu, xin lại **[tờ 44b]** dùng Lê Quý Đôn, Phan Cẩn[34b] để cân nhắc người bị khuất trệ đã lâu. Khoan thu tiền chuộc tội, tiền phạt phải tội lấy, chẩn cứu dân lưu tán, ban ơn cho gia thần, bổ dùng những người mới đỗ thư toán, để thu phục nhân tâm và tạ lỗi với trời. Chúa đều nhận lời. Lại dùng Đôn làm Thị thư, Cẩn làm Cấp sự, còn các khoản khác giao cho chính phủ bàn thi hành. Tiếp đó sai các viên Trưng phủ ở các phủ ai nấy trình bày tình trạng dân nghèo phiêu dạt, tật khổ. Sai Hiến ty các trấn khám những ruộng dân không cày được và ẩn tình của dân sở tại tâu lên. Lại liệu xá thuế điền các ruộng bị tổn thất 4 phần 10 trở lên. Chỉ thu tiền gia tô được tiền hơn 14 nghìn quan, thóc 3 nghìn thúng.

35. Miễn các thuế thiếu từ năm Kỷ Mão [1759] trở về trước.

36. Tháng tám trời mưa.

37. Nguyễn Bá Lân dâng lời nói về sự thế Hưng Hóa và trình bày mưu kế đánh "giặc", xin tự cầm đầu, với vài đội quân, và quyền chuyên chế một đạo Đà Giang, không quá 2 năm, thì đầu "nghịch" Chất có thể đem dâng ở cửa khuyết. Chúa Trịnh khen giỏi, cho Lân làm Tuyên phủ sứ đạo Hưng Hóa, cho cai quản cơ Tả Nhuệ **[tờ 45a]**. Lại cho em là Nguyễn Kim Luyện quản đội Tiền Dũng, con nuôi là Vũ Văn Uyên quản đội Hậu Kính, lệ thuộc theo đi để sai phái. Cho lấy dân các sách Trung Hà, huyện Bất Bạt [Sơn Tây] lệ thuộc để điều khiển. Cho lấy thuế ở tuần ty Trình Xá mỗi tháng 450 nén bạc để chi dùng[37a]. Sai cùng với Thạc Vũ hầu[37b] hội cùng đánh giặc. Chưa được bao lâu, Lân vì em là Luyện chết ở trong quân, và già yếu khó làm nổi việc, xin từ chức Tuyên phủ.

38. Sai lưu thủ Thanh Hoa, Đô đốc đồng tri Nguyễn Đình Diễn làm chính đốc lãnh Thanh Hoa, Thảo tặc tướng quân. Cử Hàn lâm thị thư,

---

[34a] Câu trong ngoặc vuông theo A.1210 và A.4 chép việc này cùng các việc khác như nhắc điều lệ khám kiện và cấm kêu kiện vượt cấp vào tháng 8.

[34b] A.1210 nói rõ: "Lê Quý Đôn đỗ Đình nguyên bảng nhãn, phạm lỗi chỉ vì lời sớ thô sơ, còn Phan [Huy] Cẩn thì đỗ Hội nguyên tiến sĩ vì tội không rõ rệt phải làm chức nhàn tán".

[37a] A.4: "Cho phép tùy ý lấy tiền ấy cấp phát cho tướng sĩ?

[37b] A. 1210: "Cùng với Lưu thủ Hoàng Phùng Cơ đánh "giặc" [Thạc Vũ hầu là tước Hoàng Phùng Cơ]. Em Lân là Kim Luyện đốc suất quân thủy lệ thuộc theo đi đánh".

Dĩnh Thành bá Lê Quý Đôn làm Tán lý, Hiệu thảo Mai Thế Uông làm Tham mưu, đem lính 9 cơ 19 đội của bản đạo, cùng thổ binh của các tù trưởng Lạc Thổ Cầm Thủy, Lang Chánh đi từ thượng du sông Mã tiến lên giữ Hưng Hóa. Tham đốc Hoàng Đình Thể làm Đốc lĩnh đạo Hưng Hóa, bình tặc tướng quân, Chi huy **[tờ 45b]** thiêm sự Tình Xuyên hầu Nguyễn Trọng Hoành làm Tán lý, đốc suất lính 5 cơ 6 đội của bản đạo cùng thổ binh phiên thần 2 xứ Tuyên [Quang], Hưng [Hóa] tiến đến thượng du Hưng Hóa. Quan quân 2 đạo ấy đều lên đường đi trước, bí mật đến sát địa giới Trấn Ninh, chia nhau ngăn chặn các đường trọng yếu, đề phòng bắt những đồ đảng của Lê Duy Mật vỡ chạy. Tiếp đó lại cho Án trấn Thanh Hoa Thiếu phó Phan Phái hầu Nguyễn Phan thay Nguyễn Đình Diễn (Nguyễn Phan xuất thân trong quân đội, có nhiều chiến công, khoảng bốn năm, phải giữ chức nhàn tản ở phía nam Lương Giang, làm thú thần nơi xa, nay nghe mệnh lệnh thì mừng quá, đến ngay cửa quân để thu xếp). Cho Nguyễn Phan, Hoàng Đình Thể mỗi người một thanh gươm vàng và dụ rằng: "Thuộc tướng trở xuống, ai không theo mệnh lệnh, chớ tiếc gươm này, công việc trong quân, cho tùy tiện xử lý". Lại cấp phát cho 2 đạo quân ấy mỗi đạo 4000 lạng bạc, để dự bị lương quân. Lại sai Hàn lâm thị thư Tham chính Trần Văn Trứ làm Giám quân đạo Hưng Hóa. Sai Ngô Đình Hoành đem một thanh gươm vàng và một đạo sắc để trắng cùng lệnh để trắng, thẻ bạc, bài vàng cho Bùi Thế Đạt [tờ 46a] lĩnh để làm việc quân, và truyền chỉ úy lạo hỏi han. Cho Nguyễn Bá Khanh làm Tả tướng quân, Nguyễn Đình Luyện làm Tiền lương quân, Nguyễn Đức Thân làm Hữu tướng quân, Trịnh Phóng làm Hậu tướng quân, cho đều chuẩn bị quân nhu, đợi ngày tiến quân. Cho Vũ Tá Đoan làm quan Đồng lý lương hướng, cho Nguyễn Xuân Nam làm quan Thủy đạo đốc vận bốn quân[380] và Đồng lý đốc vận. Các viên trên đều được ban cờ, ấn.

39. Có sao sa (lưu tinh) dài hơn một trượng, từ phía bắc đi về phía nam, sáng rực trời, tiếng vang như sấm.

40. Tháng chín, chúa Trịnh Sâm nghe tin tỉnh Vân Nam, Trung Quốc có giặc Miến Điện. Mật truyền cho các trấn Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang dò thăm duyên cớ. Lại nghĩ Trấn Ninh gần kề với Thuận Quảng, sợ có gián diệp thông tin, sai quan sở tại bí mật dò thám tâu lên.

---

[380] Tức là Tiền, Hậu, Tả, Hữu vừa kể trên.

41. Tháng chín năm 1767 A.4 còn thêm một số việc sau:

a) "Tháng chín xuống chỉ cho các xứ: dường sông, bãi bồi hoặc có chỗ nào phù sa mới nổi, cho phép dân xã sở tại trình cụ thể với quan huyện đến khám, trong hai tháng chuyển đệ lên trên, vẫn sai quan đến khám thực, lậu định lệ thuế.

b) Nước sông dột ngột dâng lên cao đến hơn hai trượng hai ngày sau mới rút.

c) Mặt trăng phạm vào ngôi sao giữa [Trung] của chòm sao Tâm. Tư thiên giám tâu lên: "Sao giữa là tượng vua. Mặt trăng phạm vào sao giữa là điềm bề tôi lấn tiếm vua".

42. Tướng của Mật là các tên Bản, tên Tấn, tên Vĩnh, tên Thực ra thượng du Hưng Hóa đánh phá châu Mộc, tràn sang sách Đâu Sùng, châu Mai, sang sông tràn vào Thanh Hoa chiếm cứ châu Lang Chánh, tràn xuống các sách Biện Thượng, Biện Hạ huyện Cẩm Thủy và địa phương [tờ 46b] Đan Nê, Hoa cáo [28-X-1767] huyện Yên Định, ngày mồng 8 [8- X-1767] Nguyễn Phan tiến quân đến huyện Yên Định, chia quân đánh nhau với quân dảng Mật ở trên dưới Đan Nê, bắt và giết được rất nhiều địch. Quân của Duy Mật thua chạy. Tin thắng trận báo về, chúa thưởng Nguyễn Phan, Lê Quý Đôn mỗi người một chiếc thẻ bài bạc.

43. Bọn Nguyễn Mậu Dĩnh ở Đô Lương ủy người cùng đi với thông sự Hà Tất Tố đến đưa sắc chỉ, dụ văn tới Trấn Ninh. Vì gặp nước lụt không đi được, phải trở về. Cho triệu bọn Dĩnh về, còn sắc chỉ thì giao cho Bùi Thế Đạt lưu để trong quân, tùy nghi chiêu dụ. Lại đôn đốc quan quân các đạo đến tuần tháng chín thì tiến đánh.

44. Tướng của Lê Duy Mật là Quận Bản, Quận Giám chiếm giữ đồn Mông Sơn [huyện Cẩm Thủy], Quận Nghĩa giữ động Nhân Trầm (huyện Thọ Xương), Nguyễn Phan chia quân đánh đuổi được, rồi dẫn quân về đóng ở An Trường. Chúa Trịnh hạ lệnh cho tiến gấp đến sào huyệt ở Trấn Ninh, gộp sức đánh kẹp lại.

45. Tù trưởng Châu Mộc là Xa Văn Khoa đem thổ binh vào Trình Hoạt bắt được 4 du binh của Mật, giải nộp ở nơi dóng quân, Hoàng Đình Thể tâu lên, chúa thưởng cho Khoa làm phòng ngự [tờ 47a] thiêm sự. Đồ đảng của Mật tụ họp ở đồn Trình Ban, động Khang Chính [châu Lang Chánh] Nguyễn Phan đánh đuổi đi. Bèn cùng Lê Quý Đôn, Mai Thế Uông chia đường tiến đánh các đồn giặc ở Nhân Kỷ (huyện Cẩm

Thủy), Ái Trợ, Phù ứng[45a], đều chiếm được, quan quân về đóng ở xã Hải Lịch (thuộc huyện Lôi Dương).

46. Sai tri Hộ phiên Trương Hổ đem 150 nén bạc đi giao cho đạo quân Hưng Hóa cấp phát cho thổ binh Tuyên Quang gồm 1500 người, mỗi người một lạng.

47. Quan quân đạo Nghệ An đều tập hợp ở đồn Sa Nam huyện Nam Đường. Bùi Thế Đạt, Ngô Trần Thực, Uông Sĩ Điển đem ba cánh quân từ Đô Lương theo đường chính tiến đi. Nguyễn Thưởng, Nguyễn Lệnh Tân đem hai cánh quân lên đánh My Sơn (chỗ giáo giới hai huyện Thanh Chương, Hương Sơn) hạ trại đóng quân chờ đợi.

48. Chúa Trịnh Sâm cho triệu quan hai ty của các trấn đến gặp mặt. Nguyễn Bá Tử được đình thần chọn bổ làm Hiến sứ Thanh Hoa, vào tâu đối trái ý chúa. Bèn sai phụ thần cử người khác.

49. Chúa Trịnh đem các khoa sự sách khảo **[từ 47b]** hạch các quan văn võ ở sân Trạch Các. Lấy [Xuân quận công] Nguyễn Nghiễm làm khảo quan, bọn Lê Quý Đôn 6 người dự trúng cách[49a].

50. Định rõ lệ khám đường đê cửa cống: mỗi năm cứ đến tháng tám (trọng thu) thì quan huyện đi khám, trình lên Trấn ty và Thừa ty. Tháng chín (quý thu) Trấn ty đi khám lại, trình lên Chính đường. Tháng mười một (trọng đông) chia nhau đi khám lại [Rồi mới khởi công. Lại định lệ khám đường sông: Quan huyện khám trước, Trấn ty, Thừa ty khám lại][50a]. Đánh thuế những bãi đã thành ruộng.

51. Tháng chín nhuận, chúa lại đem khoa sự sách khảo hạch quan văn võ và nội thần ở phủ đường. Bọn Nguyễn Trọng Đang [ba người] được trúng cách.

52. Thiệu quận công Trịnh Lệ (em chúa Trịnh Sâm) mưu phản, việc phát giác, sai giam lại. Giết đồ đảng của y là Phạm Huy Cơ (Cơ người xã Đông Bình, huyện Gia Định nay là Gia Bình, đỗ tiến sĩ khoa Đinh Sửu [1757] đời Cảnh Hưng) và thưởng cho người cáo giác. Lệ là người thông tuệ mưu trí. Lúc còn Ân Vương, Lệ thường có chí cướp ngôi đích. Trước Lệ học Phạm Huy Cơ. Cơ có tội bị mắt quan, mang lòng oán hận, ngầm

---

[45a] Ái Trợ, Phù Ứng: Có lẽ là Ái Chử (tên động thuộc châu Quan Gia), Thiết Ứng (tên sách thuộc huyện Cẩm Thủy).

[49a] A.1210: "12 người dự trúng cách". Khoa sự sách: chưa rõ là môn gì.

[50a] Những đoạn trong ngoặc vuông là theo A.1210.

xui Lệ làm việc trái phép, dựng bè đảng vây cánh, dẫn tiến sĩ Dương Trọng Khiêm[52a], giải nguyên Nguyễn Huy Bá[52b] làm gia khách, mưu định đến ngày 24 tháng ấy khởi sự. Khiêm và Bá [tờ 48a] bèn đến nhà nội giám Thiều Trung hầu Phạm Huy Đĩnh[52c] tố cáo. Đĩnh lập tức đến nói với chúa Trịnh Sâm. Chúa sai họp các quan đại thần hội họp tra tấn. Cơ biết không thể thoát tội được, thú nhận. Lệ dâng tờ khai còn che đậy, nhưng sự tình làm phản đã bị lộ cả. Chúa vốn thương yêu em, làm thư dẫn dụ, lời rất khẩn thiết. Lệ thẹn và sợ, xin chịu chết. Đình thần bàn cho Lệ chịu tội chết chém. Cơ phải tội giảo bêu xác. Án đã làm xong, chúa xuống chỉ cho Lệ khỏi chết, chỉ giam tù thôi. Phạm Huy Cơ phải tội chém. Dương Trọng Khiêm trước vì khiển trách bị bãi chức, đến nay được thưởng phục chức lại thăng 2 cấp. Bá thăng 5 cấp.

Đoàn Nguyễn Thụ họp các quan ngự sử lại, hặc tội Trọng Khiêm trước đã cùng với Lệ và Cơ tư thông, về sau mới cáo giác, đem công bù tội, không nên thưởng cho thăng cấp. Chúa bèn tước 2 cấp thăng của Trọng Khiêm, thưởng cho Thục 30 lạng bạc[52d].

53. Định phép bổ dùng người tôn thất. Sai quan coi công việc phủ Tôn nhân xét duyệt người để bổ đi nhận chức trị dân, đưa cho bộ Lại, bổ dùng mỗi năm không quá 5 người. Những công [tờ 48b] thần được trao thực chức không đúng cách đều bãi đi. Bởi thế hai cái tệ cầu may và mạo nhận công dần dần đổi bỏ.

54. Hạ lệnh: khi Nội các bàn việc, cho sử quan theo ghi vào lấy lời nói và việc làm.

55. Chúa Trịnh Sâm nghĩ rằng nhân dân từng bị điều hao, mà số các viên phủ huyện vẫn cứ y như cũ, thì không tránh được cái tệ [nhiều] quan phiền nhiễu dân. Bèn giao cho chính phủ bàn thi hành: gộp [phủ huyện] lại. Cộng 27 huyện[55a], cho tùy nghi kiêm lý phủ huyện gần đó, đợi đến khi dân trở lại trù mật sẽ lại theo lệ cũ. (4 phủ gồm ở Thanh Hoa 2: phủ Tĩnh

---

(52a) Dương Trọng Khiêm : có tên khác là Tế người xã Lạc Đạo, huyện Gia Lâm, Hà Nội, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1754).

(52b) Nguyễn Huy Bá: người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội.

(52c) Phạm Huy Đĩnh: người xã Cao Mỗ, huyện Thần Khê, Thái Bình.

(52d) Bản A.4/5 (tờ 41a) và bản A.1210 chép hơi khác nhau, lời văn có bám sát nguyên văn tờ sớ luận tội Trọng Khiêm do Đoàn Nguyễn Thục dâng. Nhưng về nội dung cũng giống như bản trục. Cuối cùng bản A.4/5 nói thêm: do đó Thục nổi tiếng đương thời.

(55a) A.1210: "4 phủ, 32 huyện châu", nhưng không kể tên phủ huyện. CM: 4 phủ, 29 châu huyện" nhưng cụ thể không khác gì bản trục.

Gia kiêm lý phủ Thanh Đô[55b]; phủ Hà Trung kiêm lý phủ Thiên Quan[55c]. Ở Nghệ An 1: phủ Anh Sơn[55d] kiêm lý phủ Diễn Châu. Ở Sơn Tây 1: phủ Lâm Thao kiêm lý phủ Đoan Hùng). 27 huyện gồm Thanh Hoa 3 huyện: Vĩnh Phúc[55l] kiêm lý Thạch Thành; Cẩm Thủy kiêm lý Quảng Bình[55e]; Phụng Hóa kiêm lý Lạc Thổ[55g] và An Hóa. Nghệ An 1 huyện: Nghi Xuân kiêm lý Chân Phúc[55h]. Sơn Nam 7 huyện: Sơn Minh[55i] kiêm lý Hoài An; Kim Động kiêm lý Thiên Thi[55k], Phù Dung[55j] kiêm lý Tiên Lữ; Thanh Liêm kiêm Lý Kim Bảng; Duy Tiên kiêm lý Bình Lục; Vọng Doanh[55m] kiêm lý Ý Yên; Mỹ Lộc kiêm lý Thượng Nguyên. Sơn Tây 5 huyện là Đông Lan[55n] kiêm lý Tây Lan[55o]; Bất Bạt kiêm lý Minh Nghĩa[55p]; Thạch Thất kiêm lý Mỹ Lương; Hạ Hoa[55q] kiêm lý Hoa Khê[55r]; Tam Dương kiêm lý Sơn Dương và Dương Đạo[55s]. Kinh Bắc 4 huyện gồm Hữu Lũng kiêm lý Yên Thế; Giá Định[55t] kiêm lý Lang Tài; Bảo Lộc kiêm lý Lục Ngạn; Võ Giàng kiêm lý Quế Dương. Hải Dương 3 huyện gồm: Gia Phúc[55u] kiêm lý Thanh Miện; Thanh Lâm kiêm lý Chí Linh; Thủy Đường kiêm lý An Lão. Thái Nguyên 4 huyện châu gồm: Đại Từ kiêm lý Phú Lương; Phổ Yên kiêm lý Bình Tuyền[55v]; Đồng Hỷ kiêm lý Võ Nhai; Định Hóa[55x] kiêm lý Văn Lãng.

[55b] Phủ Thanh Đô: Gồm các huyện châu miền núi trong đó có Thọ Xuân, sau này đổi là phủ Thọ Xuân.

[55c] Phủ Tiên Quan: Gồm 3 huyện miền núi thuộc đạo Thanh Bình, sau này đổi là phủ Nho Quan, đạo Ninh Bình (1821).

[55d] Phủ Anh Sơn: Lúc này chưa có cái tên Anh Sơn mà chỉ là Anh Đô. Có lẽ người chép đã tự tiện sửa chữa.

[55l] Huyện Vĩnh Phúc: Sau này đổi là Vĩnh Lộc.

[55e] Huyện Quảng Bình: Sau này đổi là Quảng Tế.

[55g] Huyện Lạc Thổ: Sau này đổi là Lạc Hóa.

[55h] Huyện Chân Phúc: Sau đổi là Chân Lộc, nay là Nghi Lộc.

[55i] Huyện Sơn Minh: Sau đổi là Sơn Lãng.

[55k] Huyện Thiên Thi: Sau đổi là Ân Thi.

[55j] Huyện Phù Dung: Sau đổi là Phù Cừ.

[55m] Huyện Vọng Doanh: Sau đổi là Phong Doanh.

[55n] Huyện Đông Lan: Sau đổi thành Hùng Quan.

[55o] Huyện Tây Lan: Sau đổi là Tây Quan.

[55p] Huyện Minh Nghĩa: Sau đổi là Tùng Thiện.

[55q] Huyện Hạ Hoa: Sau đổi là Hạ Hòa.

[55r] Huyện Hoa Khê: Sau đổi là Cẩm Khê.

[55s] Huyện Đương Đạo: Sau đổi là Đương Đạo.

[55t] Huyện Gia Định: Sau đổi là Gia Bình.

[55u] Huyện Gia Phúc: Sau đổi là Gia Lộc.

[55v] Huyện Bình Tuyền: Sau đổi là Bình Xuyên.

[55x] Huyện Định Hóa: Sau đổi là Định Châu.

56. [từ 49a] Nghiêm sức các quan trong ngoài trừ bỏ các tệ[56a] trong việc khám kiện tụng.

57. Nguyễn Nghiễm xin từ việc Tri Binh phiên, chúa ưng cho. Sai Hàn lâm thị thư Lê Quý Đôn làm Thiêm sai tri Binh phiên.

58. Tham chước định điều lệ và quy cách khám kiện: tranh chấp ruộng đất từ 3 sào trở lên, đánh nhau bị trọng thương hoặc phạt tiền từ 10 quan trở lên, cho được đến Ngự sử kêu xin xét lại. Tranh chấp ruộng đất từ 10 mẫu trở lên, hay của cải đáng giá 100 quan phạt tiền từ 60 quan cho được làm tờ khải xin phúc thẩm, còn những vụ lặt vặt cho quan huyện xét xử.

59. Cho con trưởng Nguyễn Nghiễm là Nguyễn Lệ tước bá, thăng chức Hàn lâm thị giảng. Các con [Nguyễn Nghiễm] cũng đều xuất thân tước bá.

60. Định lại lệ bảo đảm chức nhiệm, bộ Lại cùng các ty tiền bảo đảm nhẹ bớt đi.

61. Lưu thủ Thái Nguyên Bùi Thế Khanh nói: "Các huyện Đại Từ, Văn Lãng dân điêu hao quá, xin tạm bỏ chức nhậm huyện đi, đợi 10 năm, dân đông sẽ bổ quan. Lại các viên cai khám đòi, bắt, gây nhiều tệ phiền phức nặng nề, trong việc trưng thu sai [tay chân đi] làm việc riêng trái lệ, cưỡng lấy của dân, bắt nộp tiền. Việc trạm dịch, lại làm khổ thêm cho dân, xin đều cấm chỉ [các khoản nói trên], chúa nghe theo.

62. Sai Nguyễn Nghiễm làm tri Quốc tử giám, Vũ Miên kiêm Tế tửu, Lê Quý Đôn. [Phan] Lê Phiên đều làm Tư nghiệp.

63. Chúa Trịnh Sâm muốn làm cuộc chấn hưng lớn về văn trị[63a], Sai các quan Tế tửu, Tư nghiệp ngày ngày đến nhà thái học hội các học trò giảng sách sử. Định: cứ ngày mồng một, ngày rằm thì tập làm văn, cứ đến bốn tháng tứ trọng[63b], thì khảo duyệt y theo phép thi, ai trúng cao

---

(56a) Dịch chữ "Loát".

(63a) A. 1210 có chép thêm một đoạn mở đầu mà bản trục không có: Chúa dụ các bề tôi rằng: "Trường học là đất nuôi dưỡng nhân tài. Từ xưa đế vương không ai không lấy đó làm việc đầu tiên. Nước nhà ta các bậc vua thánh nối tiếp nhau, phép giáo dục rất đầy đủ, chọn người hiền, cất nhắc người đức hạnh được khá nhiều. Ít lâu nay thể văn dần dần biến đổi, đẽo gọt tô vẽ câu văn đã thành thói. Nay nghĩ cách thay đổi thói lệ, khen thưởng nuôi dưỡng cho có thành tựu để thu lấy công hiệu là được nhân tài."

(63b) Bốn tháng trọng: tháng hai (trọng xuân), tháng năm (trọng hạ), tháng tám (trọng thu), tháng mười một (trọng đông).

thì kê tên tâu lên, cất nhắc trao chức vụ[63c]. Các xứ ngoài, cho Đề đốc học chính các Thừa ty sức các Hiệu quan[63d] thường [cho học trò] tập, đến bốn tháng trọng thì khảo, cũng theo phép thi khảo ở nhà Quốc học[63d]. Những kẻ trúng tuyển: là sinh đồ làm cử nhân, là học sinh thì đợi kỳ thi và đã là sinh đồ thì không bị truất nữa. Hiệu quan thì xem ai siêng hay lười mà thăng giáng. Bởi thế nho phong dần dần được chấn hưng.

64. Chúa sai Đô đốc thiêm sự Thế Trung hầu Nguyễn Đình Thạch làm Giáo thụ võ học. Tiếp đó lại sai bọn các ông Nguyễn Xuân Huyên, Hoàng Đình [tờ 50a] Bảo tham biện [việc dạy võ].

65. Mùa đông tháng mười, nghịch Chất cướp bóc hai châu Mai, Mộc xứ Hưng Hóa. Lại xâm lược sang các sách cổ Lũng, Quan Gia, Thiết ứng, Ái Trợ[65a], Bất Một xứ Thanh Hoa. Lại mưu đánh úp huyện Hưng Hóa, nhân đó chiếm giữ Khang Chinh, để dòm ngó An Trường. Quân "giặc" đông đến hơn vạn người.

66. Chúa Trịnh sai thêm bọn Thiếu phó Phòng Nghĩa hầu Trịnh Phòng, Tham đốc Phác trung hầu Đinh Văn Phục, chỉ huy đồng tri Thể Trung hầu Hoàng Đình Thể, đi Hưng Hóa; Hội Vũ hầu Nguyễn Đức Thân, Huy Bân hầu Nguyễn Đình Huy, Thể Đình hầu Lê Trọng Thể cùng Khoan Trung hầu đi Thanh Hoa, ai nấy đều đem lính bộ thuộc, cho đặt dưới quyền điều khiển của quan trấn. Lại sai Hiệu điểm Hân Trung hầu Nguyễn Phương Đĩnh, Phó tri Hộ phiên Nguyễn Trọng Đang đến Nghệ An, Đô chỉ huy sứ nội giám Lê Đình Châu, Tri công phiên Phan Chính Lễ đến Thanh Hoa, dò xét số lính và quân nhu ở đó, tình hình hư thực của giặc, và sự nghi quan quân đánh giữ ra sao, để tâu lên.

67. Bấy giờ, quan quân 3 đạo **[tờ 50b]** cùng tiến, hai đạo quân Thanh Hoa, Hưng Hóa đi nhờ qua 12 "đãn" đất nước Lào, có dân, có thể phục dịch, có lương thực, có thể cho quân ăn, không đến nỗi quá thiếu thốn. Duy đạo quân Nghệ An từ Trầm Hương đi lên, qua những xứ

(63c) A. 4 chép: tóm tắt cả đoạn như sau: "Sai quan Tri quốc tử giám ra bài cho học sinh luyện tập. Hỏi về đạo cai trị xưa nay, không chuộng lời văn mới lạ, cốt lấy người biết thuật kinh luân chính sự, chứ không cầu văn chương đẽo gọt. Có người nào học vấn giỏi sở trường, văn chương thuần thục thông suốt, thì kê tên tâu lên, sẽ cất dùng không kể thứ tự."

(63d) Hiệu quan: tức các chức học quan ở phủ huyện như Giáo Thụ, Huấn Đạo.

(63d) Quốc học: cùng gọi là Thái học, tức là ở trường Quốc tử giám (nhà Văn Miếu Hà Nội bây giờ).

(65a) Ái Trợ: Xem chú 45a.

hoang tàn không có người ở. Chỉ ở Thành Nam, Vàng Lộc[67a] có dăm ba nóc nhà của thổ dân làm ở ven sông. Ngoài ra cây đá núi khe lam chướng nặng nề, quân di lương chở hơi khó.

68. Ngày 27 [17-XII-1767], quan quân đạo Nghệ An tiến đóng Chấp Mộ, gặp phu vận lương đến đồn Cánh Kiền, đem chứa vào kho ở trường sở Cẩm Trang.

69. Ngày 28 quan quân đạo Thanh Hoa tiến đóng ở động Trình Ban châu Khang Chính. Quân của Mật bỏ các đồn Trình Lao, Trình Rồng và Sầm Tớ, lui về Trấn Ninh.

70. Đàm Xuân Vực mất[70a].

71. Cho Bồi tụng Trần Danh Lâm làm Phó đô ngự sử[71a].

72. Sai các trấn vẽ hình thế dân cư, núi sông, đường thủy, đường bộ của trấn mình thành đồn bản dâng lên.

73. Cho Nghiêm Vũ Trừng làm Tham Chính Thanh Hoa, Nguyễn Mậu Dĩnh làm Tham chính Nghệ An.

74. Định thê chế áo mũ nghi trượng thờ thần trong dân gian.

75. **[tờ 51a]** Ngày mồng 3, tháng mười một [23-XII-1767] Đạo quân Nghệ An tiến đóng đồn Cánh Kiền, có người bản thổ[75a] là Lang Văn Khuê báo rằng: "Tìm được ở bên tả khe Kiền có một con đường đi đến Mường Tiếp, lại vượt qua núi Vịnh Siền, đến Na Thôn, sang sông Mộ, qua Bạn Phụ đến Bạn Bon vượt qua núi Bộ sở, núi Xà Nữ đến Kèm Chuồn. Từ đấy đến đồn giặc ở Trình Quang người bản thổ đi hết 5 canh. Đường ấy gần mà dễ đi. Y đã đem người bản thổ Mường Tiếp và người phủ Trà Lân là Cao Nghĩa Lược cùng đón để làm hướng đạo. Nhưng quân giặc chỉ chú ý đường chính, không biết có đường tắt này. Nay có thể nhân sơ hở lẻn tiến vào, dẫu phải lội qua nhiều khe suối, nhưng núi không cao lắm, vận lương cùng tiện. Lại từ Mường Tiếp qua Bạn Phụ, Bạn Bon đến Kèm Chuồn đều có dân cư. Từ Kèm Chuồn đi đường chính đến Xà Dầu, Xan Nội, các mường gần đấy có nhiều kho thóc của giặc

---

[67a] Thành Nam: nay thuộc huyện Con Cuông, Nghệ An, nơi đây đã từng là chỗ lưu đày Phùng Khắc Khoan. Vàng Lộc: chưa rõ địa điểm.

[70a] A. 1210: "Vực Trung hầu Đàm Xuân Vực mất, được gia phong phúc thần".

[71a] A. 1210: "làm Đô [ngự] sử".

[75a] Người bản thổ: Dịch chữ "thổ nhân", chỉ người thiểu số. Những từ "lính thổ" dùng ở dưới cũng vậy.

chứa, có thể lấy ăn được. Huống gì dân Bồn từ lâu đã chán ghét quân giặc tàn ngược, đương mong quân ta. Quan quân đến nơi tất họ đem cơm nước tranh nhau đón mời, không lo **[tờ 51b]** thiếu thốn. Bùi Thế Đạt cùng Nguyễn Lệnh Tân nghe y nói tường tận. Bèn ủy Trịnh Bàng chia quân tải lương đến Đồng Khê. Lại làm kế nghi binh, ban ngày thì treo cờ, ban đêm thì đánh trống, cho giặc ngờ là đại quân tất đi đường chính, đem hết quân ra chống giữ. Mà quan quân vẫn đi đường tắt, cuốn cờ im trống, bí mật đến Đồng Khê, liền tiến đến Chấp Cập, đều đặt đồn lương tiếp vận. Rồi kéo vào Mường Tiếp đóng quân.

76. Quan quân đạo Hưng Hóa theo đường tiến lên phía trước. Một cánh quân đi từ Mường Chanh, Bản Phù, châu Mai Sơn. Một cánh quân đi đường xóm Húc, Muội Nội, châu Sơn La, đều tiến đến Nậm Công. Có ngụy tổng binh Mường Thanh là bọn tên Lộc từ Trấn Ninh trốn về, đến cửa quân xin hàng. Quan quân tiến đi qua Nậm Hôn đến Trấn Ninh đánh chiếm lào Ta Hạng. Ngày thứ 2 qua các lào Ta Cò, Chấp Cập đến lào Mường Phiên, cùng hội với quân của thổ tù Hưng Hóa là Hà Công Ứng. Xứ này núi tốt, nước trong, đất ráo, ít lam chướng. Các tù trưởng của người Man như phì, xã, siển, quảng[76a] và then lòng của người Xá Cẩu[76b] **[tờ 52a]** ai nấy đều đem lính thổ cung đốn lương thực và phục dịch.

77. Bấy giờ có bọn tù tướng giặc ở Mường Sơn là Chưởng cơ Dạo Tiềm, tập hợp lính thổ lập đồn chống giữ. Trước đó Hoàng Đình Thể ủy cho thủ hạ cùng người thổ là Phi Cao đi đến nơi, tùy nghi chiêu hàng hoặc đánh. Ngụy chưởng cơ sợ hãi lập tức đem súng, ngựa, khí giới cùng dân đinh 114 người đến xin hàng.

78. Chúa Trịnh Sâm sai phát tiền trong kho 12 vạn quan, mua các thứ thuốc chữa bệnh, cấp cho đạo quân Hưng Hóa.

79. Hoàng Đình Thể do thám biết dỗ dành của Hoàng Công Chất có một chi trốn đến cư trú ở địa phận Nậm Ban huyện Xa Hồ. Bèn ủy người đi lấy dân thổ Nùng ở hai châu Thủy Vĩ, Văn Bàn làm lính, tiến đến châu Chiêu Tấn, báo cho thổ tù Điêu Chính Văn đem lính ở châu đến Nậm Hùng hiểu dụ, dành giặc là bọn tên Dung, tên Diệu, tên Cốt, tên Uẩn đem hơn 400 quân ra hàng. Ngụy tổng binh là tên Lộc tên Lại cùng đều quy thuận. Thuộc tướng của Hoàng Đình Thể là Phác Trung hầu

---

[76a] Phì, xà, siển, quảng: người Thái gọi tù trưởng của họ thứ nhất là phì, thứ 2 là xà, thứ 3 là siển, thứ tư là quảng. Then lòng: cũng có nghĩa tương tự.

[76b] Xá Cẩu: một dân tộc thiểu của nước ta, hiện nay thường ở lẫn với người Thái.

Hoàng Nghĩa Phác cùng Tùy **[tờ 52b]** sai Chiêu Vũ Bá đánh úp được đồn Trình Rồng của giặc. Giặc bỏ các đồn Lào Lao, Sầm Tớ, lui về Trấn Ninh. Thổ dân 10 châu ở Hưng Hóa bị bắt ép đi theo, trốn về xin quy thuận được hơn 300 người.

80. [Quan quân] đạo Thanh Hoa đã đánh phá được đồn giặc Lò Thượng, Trình Môn, bèn từ Mường Tài lên đường trèo qua núi Phi Đới qua Lào Lao, Trình Lạc, qua đường núi Bồ Xá, Bồ Tùng, đem đóng quân ở Lao Na. Sáng hôm sau qua núi Bồ Khám, Bồ Hót đến Nậm Ba. Trước mắt có núi Bàn Lâu rất cao, chỉ có một đường đi qua được. Bấy giờ tướng của Mật bày quân ở cửa núi đón đánh. Quan quân tiến đánh, phá tan được. Tiến qua thôn Nà Khôi sang sông Bái, qua ngọn núi, thẳng đến sát cửa núi Bàn Lâu. Tướng của Mật đốt dồn rút đi. Quan quân thu được 12 cót thóc, đem làm lương quân.

81. Tháng mười hai, ngày mồng một [20-I-1768], quân đạo Nghệ An tiến đóng Xà Môn. Bấy giờ tướng của Mật là Quận Điền đóng ở trạm Mãn, Quận Sen đóng ở Chấp Tạ. Bùi Thế Đạt đánh úp giết được. Đến nay đại quân kéo vào cõi, Mật vẫn chưa biết, mà người Bồn cũng không báo cho Mật. Mật vội vàng sai người đốt những **[tờ 53a]** thóc chứa trữ mà trốn đi. Hàng nghìn người Bồn nghinh.

82. Ngày mồng 4, Bùi Thế Đạt lưu quận tả chi đóng giữ Xà Môn, tự mình đem 3 chi quân: tiền, trung, hữu lên đường qua núi Hô Nhượng, thẳng đến Bạn Khống hạ trại. Đại quân đi đường bằng phẳng, không một người nào ngăn trở. Bấy giờ Mật sai tướng đem đồ đảng 1000 người, voi 100 con, ra chỗ đồng bằng ở Trình Cù bày trận để đợi. Ngày mồng 5, Đạt sai tiền chi Nguyễn Đình Đống đánh mặt chính, hữu chi Nguyễn Đức Thân tiếp chiến, trung chi nối theo tiếp ứng. Đống dẫn quân chiếm lấy núi bên tả, Thân chiếm núi bên hữu. Quân của Mật thu lại, lên cả trên núi. Quan quân chia đóng 6 đồn, duy đồn quân tiền chi đóng ở chỗ thế núi phẳng thấp, rào lũy chưa được kiên cố. Nửa đêm quân Mật đến cướp trại, trong đồn sợ hãi. Đông chi một voi, cầm gươm xông vào trong đoàn voi giặc xung đột đâm chém. Tướng giặc nhiều tên bị trọng thương, chúng lui về Trình Quang, đêm đó không dám ra nữa. Thế Đạt cho Nguyễn Đình Đống canh phòng không nghiêm, phạt giáng một trật. **[Tờ 53b]** Mật sau quan nội Tả cơ Nguyễn Đình Dĩnh phòng thủ hơi sơ sài, [cũng phạt] giảm một nửa số lộc binh dân. Quản tượng Đoàn Đình Xuyền bỏ voi chạy trước, bị chém bêu đầu cho mọi người biết. Chúa Trịnh Sâm lo Đạt quá thận trọng, lâm sự không nhanh nhẹn, nhân bảo Hoàng Ngũ

Phúc rằng: " Quan quân đạo Nghệ An nếu có thể tiến sát sào huyệt giặc, đánh một trận thành công, thì ta không phải bận tâm trù hoạch. Nếu lũ giặc cầm cự lâu chưa đánh lấy được, thì nên lựa quân giỏi, chọn ủy thuộc tướng, cùng thổ binh Ai Lao cầm cự với giặc, rồi rút đại quân ra chỗ đất thuận tiện nghỉ ngơi. Đợi sang thu mát mẻ tanh ráo, sẽ chọn tướng khác có trí dũng đem quân tiến đánh, để thu toàn thắng". Đạt thấy chi chúa như thế, sợ quá, bèn cùng các quan văn võ họp bàn rằng: "Việc binh dù vụng mà nhanh, còn hơn khéo mà chậm. Bọn ta đem quân vào đất lạ, đã qua vài tháng làm việc mà không thu được thành công nhanh chóng, để chúa phải lo nghĩ. Nay nên dốc hết sức căm thù, hẹn ngày diệt giặc, để tỏ lòng trung thành". Ngày 17, sai quân tiền chi dời đến đóng đồn ở địa phận Bạn Xung, Thạc Vũ hầu Hoàng Phùng Cơ đem lính 2 cơ [tờ 54a], Tả tiệp, Hậu thắng, Tuân Thọ hầu Phạm Nguyễn Ninh đem lính cơ Hậu Ninh, Quyền Trung hầu Hoàng Nghĩ Hồ đem lính cơ Tả nhuệ, đắp lũy cắm cọc ở trên 2 núi Bình Thọ, Bình Khang, Hội Vũ hầu Nguyễn Đức Thân đem quân Tả chi bày trận ở lưng núi. Mật chia thành 2 chi đến nơi đón đánh. Một chi giữ cầu Đình Sung, một chi ra xứ Bồ Chông, bày trận ở Bạn Xung. Quan quân cố sức đánh phá tan cả, tiến sát đến sào huyệt giặc ở Trình Quang. Mật thu quân cố thủ, không ra đánh nữa. Thế Đạt sai người đem những sắc chỉ văn dụ trước dây dưa cho Mật, chiêu dụ quy thuận. Mật cho người đem sắc chỉ văn dụ ấy đến chân núi Bồ Chông đốt cả đi. Đồ đảng của Mật cùng những dàn ông dàn bà bị bắt ép đi theo, lục tục trôn về quy thuận, có đến hàng nghìn người.

83. Quân đạo Thanh Hoa từ núi Bản Cường qua núi Bò Trực tiến đóng ở Nậm Kẽm, nhân đi tắt đến Hỗn Sanh, trèo qua núi Bồ Nhị, Bồ Bình, qua Làng Mãn, Vụng Ban đến Bản Phác. Quân của Mật đã bỏ đồn rút về động Trình Lĩnh.

84. Quân đạo Hưng Hóa từ Mường Phên tiến đến Mường Kiệm đường núi đi khó nhọc, không có dân cư, gạo ít, nước độc. Ngày 20 tiến đóng ở Chàng Lam, chuyển tin báo cho đạo quân Nghệ An biết, một mặt khải lên Chúa [tờ 54b].

85. Chúa Trịnh truyền chỉ rằng: "Nếu thiếu gạo ăn, thì tạm dùng củ mài, măng, rau, ăn lẫn với gạo, đợi đánh tan đồn Trình Quang, đảng của Mật chạy ra đường nào thì tùy thế đón bắt. Nếu vì thủy thổ quá độc, ăn uống không nổi, cho tùy tiện rút quân về, cũng tha thứ cho. Hoàng Đình Thể bèn rút quân, thong thả trở về, chia nhau đón bắt những lính của Mật chạy trốn.

86. Bấy giờ chư quân đi đánh giặc xa. Những đám giặc nhỏ ở Sơn Nam ngầm muốn nổi dậy. Trấn thủ Nguyễn Phương Đĩnh khải lên. Bèn sai Hoành Phái hầu Ngô Phúc Hoành làm Kinh lược sứ đạo Thanh Hoa đốc suất luồng[86a] thuyền Ngũ hậu cùng quan lính các đội Hùng hậu, Vân hải phòng ngự địa phương Trường Yên đóng đồn ở Vân Sàng[86b] để trấn áp nhân dân, ngăn chặn bọn giặc. Lúc ra đi, chúa Trịnh tự tay phê vào mật dụ với ý kín đáo dặn đừng tiết lộ. Lại truyền bảo viên Án trấn Thanh Hoa là Lê Nguyễn Các lấy đinh tráng chia ra phòng thủ cho vững chỗ trọng địa.

87. "Nghịch" Chất họp quân chiếm giữ Bao La. Đạo quân Hưng Hóa đóng ở Hạ Thôn, đạo quân Trường Yên đóng ở Đồng Bãi, đều cách "giặc" không xa. Đình thần đều xin cho hai quân ấy đánh kẹp lại. Chúa Trịnh [tờ 55a] nghe theo, nhưng Lưu thủ Hưng Hóa là Hoàng Phùng Cơ nói: "Bao La rất hiểm, đánh giáp công chưa tiện. Nếu nhổ được đồn ấy, "giặc" lại theo đường Mai Châu trốn đi, thành ra đi không về không, xin chọn quan kiêm thống lĩnh bốn đạo, chia đường cùng tiến, trước sau chẹn đánh để thu toàn thắng". Gặp lúc Nguyễn Bá Lân có em là Luyện ốm chết, xin giải binh, từ chức Tuyên phủ, vì có mệnh [chúa y cho] nên lời bàn đánh giáp công bèn bỏ[87a].

88. Nguyễn Gia Dung xin đổi sang ban văn, chúa ưng cho, bổ kém xuống làm Hữu thị lang[88a] bộ Công[88b].

[86a] Luồng: bản trục chép chữ Nôm là, bè di biển dùng để đánh cá ghép bằng tre, có thể tạm dùng vào quân sự.

[86b] Vân Sàng: tên làng thuộc huyện Yên Khang nơi đóng lỵ sở của phủ Trường Yên (nay thuộc thị xã Ninh Bình).

[87a] Sự việc này ở trên đã có nói đến, đưa vào đây dường như không được khớp lắm.

[88a] A.1210 và CM: "Tả thị lang". CM còn cho biết thêm "Gia Dung xin nhận chức kém xuống 2 trật".

[88b] Năm 1767 các dị bản còn chép thêm các việc sau:

A.4: "a) Sai quan văn là Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Bá lân làm Tổng tài, Nguyễn Hoãn, Đào Xuân Lan, Vũ Miên, Lê Quý Đôn, Phan Lê Phiên [chép sai là Duy Phiên] Vũ Huy Đĩnh, Nguyễn Khiêm, Đào Huy Điển làm Toàn tu soạn thuật quốc sử, chép từ năm Bính Thìn niên hiệu Vĩnh Trị [1676] trở về sau, biên soạn xong thì dâng chúa xem, ban ra khắc in tiếp, cho hoàn thành điển chương lớn [của nhà nước]. Cuối cùng không kết quả. b) Sai các quan văn võ ai nấy để cử người sáo thông về địa đạo, dẫn vào phủ đường khảo hạch. Lấy được bọn Vũ Đình Diệm 6 người. Diệm là người xã Xuân Niễu, huyện Tứ Kỳ, 63 tuổi".

A.1210: "cho Phạm Ngô Cầu kiêm Trấn thủ Hưng Hóa và Sơn Tây, cho Nguyễn Địch Bàn kiêm Trấn thủ Hải Dương và An Quảng. Đỗ Thế Dận làm Trấn thủ Sơn Nam". [Khảo chú năm 1768]

Mậu Tý Cảnh Hưng năm thứ 29 [1768] (Thanh, Kiền Long thứ 33)

1. Mùa xuân tháng hai, chúa Trịnh Sâm bàn chọn Thống tướng dẹp "giặc". Đình thần cử Nguyễn Đình Huấn. Chúa nghĩ Huấn làm việc nhanh nhẹn, nhưng tính nóng nảy. lại không có phương lược. Muốn chọn người mềm dẻo cẩn thận để giúp việc. Bèn sai Huấn làm thống lĩnh các đạo Thanh Hoa, Sơn Tây, Hưng Hóa. Gọi Tạo Cơ hầu Phạm Ngô Cầu ở Hải Dương về cho làm Hiệp thống lĩnh, kiêm Trấn thủ Sơn Tây, đem quan quân các đạo tiến đi đánh "giặc" Chất ở Thanh Châu (tức là Mường Thanh thuộc châu Ninh Biên, phủ Điện Biên bây giờ) Tri Lại phiên Nguyễn Xuân Huyên làm Tán **[tờ 55b]** lý, Ngô Phúc Lâm làm Hiệp đồng, tham quyết quân vụ[1a] [1a]Huấn đã nhận mệnh lệnh, chúa làm thơ tặng cho, có câu rằng: "khôn tam duy cựu trưng tài lược, sư xuất ư kim thí lệnh thân" [Nghĩa là: quẻ khôn hào tam[1b] đã biết tài lược từ trước, ngày nay xuất quân thử xem hiệu lệnh thế nào].

2. Lại cho Nguyễn Đình Khoan, Trịnh Bảng làm chức Đà hà dời lĩnh quan[2a] sai đốc vận lương hướng. Chúa bảo rằng thuyền tải lương đã sai Tri phiên Nguyễn Trọng Miện lấy 100 thuyền độc mộc ở bến sông. Các kho thóc công ở Sơn Tây đã có số thóc Hải Dương là 25 vạn hộc, cần vận chuyển đi chứa để cung cấp lương quân nay giao cho các người biện lý, chớ để chậm, lỡ việc. Chúa lại sợ Thanh Hoa cách Hưng Hóa hơi xa, sợ lỡ quân cơ. Bèn cho Lưu thủ Thanh Hoa Nguyễn Đình Diễn làm Đốc lĩnh đạo Thanh Hoa. Đốc đồng Nguyễn Mậu Đĩnh làm Hiệp mưu. Những việc đánh giặc cho được tùy tiện xử lý, chỉ những việc lớn mới do quan Thống lĩnh giải quyết.

3. Sai án trấn Tuyên Quang Thọ Trung hầu chọn thổ binh luyện tập, đợt điều dụng.

[1a] Bản A.1210 chép hơi khác như sau:
Tháng 2, sai Huấn Trung hầu Nguyễn Đình Huấn làm kiêm thống 2 trấn Sơn Tây và Hưng Hóa. Tạo Cơ hầu Phạm Ngô Cầu làm Hiệp thống lĩnh đánh động Mãnh Thiên [đánh Hoàng Công Chất].
A.4: ... "Phan Lê Phiên làm Tán lý, Nguyễn Xuân Huyên làm Hiệp đồng, cùng Chánh thống lãnh Nguyễn Đình Huấn đem quân 4 đạo tiến đánh" .

[1b] Quẻ Khôn hào tam: Quẻ Khôn ở Kinh Dịch hào Lục tam có câu "lục tam hàm chương trình" nghĩa là kẻ làm tôi phải giấu kín diệu hay của mình đi, có công lao thì quy về cho vua, như thế sẽ được lâu bền, không bị tội lỗi. Ở đây ý nói "người có tài, ta đã biết từ trước".

[2a] Đà hà dời lĩnh: thống lĩnh một dải sông Đà(?).

4. Viên quan bản[4a] ở xứ Mường thuộc châu Quy Hợp trấn Nghệ An cho hai người con họp dân trong châu, đi theo đảng Lê Duy Mật, đánh cướp các ấp bên cạnh, lại lấn át xứ Lạc Hoàn. Bùi Thế Đạt **[tờ 56a]** xin thêm quân tiến đánh. Chúa sai hãy đem uy đức triều đình mà phủ dụ. Sau tên quan bản mường ấy dâng sớ xin đổi lỗi, ra sức lập công chuộc tội[4b].

5. [Hữu tư giảng] Nguyễn Hoàn dâng sách "Tiềm long thực lục"[5a] lên chúa. Hoàn hầu giảng lâu ngày, từ lúc chúa còn làm thế tử, chúa vẫn gọi là "quốc sư". Hoàn lại tiến sách "Kim giám lục"[5b]. Chúa sai chép tiếp sách "Trí kính tập"[5c] dâng lên.

6. Chúa sai Phạm Huy Đĩnh thống kê số tiền 6 cung đã chi dùng từ năm Canh Thìn [1760] đến năm Đinh Hợi [1767],

7. Tháng ba, chúa Trịnh [Sâm] nghĩ: Vùng núi Nghệ An đã rộng lớn lại ở xa, giặc cướp ra vào nhiều ngả. Chỉ một viên tướng trông coi cả từ phía đông sang phía tây thì không xuể. Bèn cho Vĩnh Vũ hầu Nguyễn Đình Duống là Đốc lĩnh các đạo Quỳnh Lưu, Đông Thành, Nam Đường, Thành Chương, Quy Hợp, tùy nghi đánh dẹp và tiếp ứng lẫn nhau. Nếu có việc quân cơ khẩn cấp, mới báo quan Đốc suất đem binh hội đánh.

8. Định lệ thưởng bắt "giặc". Ai chém được một tướng "giặc [đầu sỏ] thưởng quan tứ phẩm, tước hầu, cho ăn lộc 4 xã và 100 mẫu ruộng tốt. Còn chém được những tỳ tướng trở xuống đều có từng bậc. Dụ "giặc" quy hàng thì thưởng cho một nửa giải thưởng kể trên. Lại phát giao cho quan Thống lãnh bài vàng bài bạc mỗi thứ 100 chiếc **[tờ 56b]** thẻ bạc 100 cái, sắc để trống, lệnh để trống[8a] 200 đạo, lưu sẵn trong quân để dự bị thưởng cấp. Đánh thắng to thì thưởng ngay tại trận một chiếc bài vàng, thăng chức hai "thứ". Thắng nhỏ thì thưởng một chiếc bài bạc, thăng chức một "thứ", ai

---

(4a) Quan bản mường: có lẽ là một chức thủ lĩnh nhỏ, người địa phương.

(4b) Bản A.4/5 chép thêm: Chuẩn định áo mũ nghi trượng cho các đền thờ thuộc loại thượng đẳng, trung đẳng, hạ đẳng có thứ bậc khác nhau.
Tháng ba, thi võ cử.

(5a) Tiềm long thực lục: Sách chép các lời nói, việc làm của Trịnh Sâm khi còn làm thế tử. Vì theo bản A.1210 chép thì Nguyễn Hoàn "bị lục tiềm đề sự vi thư dĩ tiến" (chép đủ việc ở "tiềm đề" thành sách dâng lên) "tiềm đề" là cung thế tử.

(5b) (5c) Kim giám lục, Trí kính tập: Hai sách này chưa rõ nội dung nói những gì (có tài liệu nói kim giám lục chép phả chúa Trịnh) A.1210 chép việc dâng sách Kim giám lục vào tháng hai năm 1769. Xem khảo chú số 2c năm 1769.

(8a) Nguyên văn: Bạch sắc, bạch lệnh: sắc và lệnh còn để trống chưa đề tên người được thưởng, đợi thưởng cho ai sẽ đề tên sau.

xông vào trước phá vỡ trận "giặc", thưởng sắc hoặc lệnh một đạo, còn những người lập công khác nhau đều thưởng có từng bậc. Sau khi "giặc" bại trận mà đuổi theo bắt được, thì thưởng bắt "giặc" tại trận.

9. "Giặc" ở động Mãnh Thiên là Hoàng Công Thư (tức Chất) chết. Con y là Công Toản tự xưng là Hoàng Quốc Công, tuyên bố sắc thư ngụy ở Mường Thanh, vẫn đem đồ đảng giữ đất ấy. Công Thư cũng có tên là Chất, lúc bé lông bông vô lại. Khoảng năm Canh Thân [1740] theo Nguyễn Cừ, từ khi Cừ thua, Chất bèn họp đồ đảng đóng quân ở miền đông bắc. Đi đến đâu đốt sạch phá sạch, vài nghìn châu huyện biến thành vùng hoang vu. Bắt được đàn ông, đàn bà, chúng lấy thóc bỏ vào mắt, khâu lại, rồi bắt phải chuộc tiền đến hàng nghìn vạn quan, mới tha. Nhân dân gọi là "giặc khâu mắt". Sau Chất bị quan quân đánh thua, chạy đến Mỹ Lương, nương dựa vào "giặc" Tương ở Vĩnh Đồng[9a]. "Giặc" Tương bị diệt, Chất lại cùng đồ đảng hơn 10 người chạy lên Hưng Hóa, giữ động Mãnh Thiên, đưa thư xin hàng, triều đình chưa kịp đánh, cho Trương Trung Bá đi chiêu dụ, ban cho y tước Khoản Trung hầu **[tờ 57a]**. Sau đó Chất lại giữ chỗ hiểm, tràn ra chiếm cứ đất 10 châu Hưng Hóa. Đến bấy giờ nghe đại quân đến đánh, lo sợ mà chết, dân man chạy đi báo cáo tin ấy, người đi đường ai nghe thấy cũng đều lấy làm tiếc là chưa được chém đầu "giặc" Chất.

10. Nhắc rõ chức vụ trăm quan[10a].

11. Khảo hạch quan lại trấn Thanh Hoa, các quan phủ huyện nhiều người tham ô, bị giáng chức[11a].

12. Sai trấn Lạng Sơn: những nơi giáp giới với Trung Quốc đều dựng cột gỗ để nêu địa giới, theo như lời xin của Đốc trấn Ngô Trần Thực.

13. Cho Thượng thư bộ Binh Bái Xuyên hầu Trần Huy Bật vào chầu hầu kinh diên [giảng sách].

14. Mùa hạ tháng năm, cấm các trạm ven đường quấy nhiễu bắt dân ven đường chạy trạm. Chúa hạ lệnh từ đấy về sau những công văn, thư

[9a] "Giặc" Tương: Tương cầm đầu cuộc nổi dậy ở xã Vĩnh Đồng và Ngọc Lâu huyện Mỹ Lương (Sơn Tây) bị Đàm Xuân Vực đánh bại năm 1752 (Xem các năm 1744, 1749, 1752).

[10a] Bản A.4/5 thêm: - Ra lệnh tìm mua sách "Thiên nam dư hạ tập". Hiến sát sứ Thanh Hoa là Ngô Thì Sĩ dâng sách ấy, được đặc ban 30 lạng bạc.

[11a] Bản A.4/5 thêm: "...Riêng Hiến sát sứ Ngô Thì Sĩ làm theo pháp luật, giữ lẽ công bằng, quan Thái phòng tâu bày thành tích lên, triều đình bàn cho thăng chức. Nhưng về sau vì lý do không hay dân hặc, bèn thôi không thưởng nữa".

trát ở kinh phát đi. Thì dùng lính kinh, ở ngoài thì dùng lính trấn. Không được bắt dân phải chạy trạm.

15. Đại hạn, dân Nghệ An đói, các lộ Tây, Nam, Bắc lúa ruộng tổn hại nhiều[15a]. Chúa triệu các đại thần bàn thi hành chính sách cứu đói. Sai quan trấn Nghệ An hiểu dụ dân giàu trong hạt: ai chịu nộp tiền nộp thóc thì trao cho quan chức, rồi đem tiền thóc ấy phát chẩn cho dân nghèo đói. Sai Hiến ty các lộ thăm hỏi sự cực khổ của dân gian tâu lên. Cấm các sở tuần, các bến đò ven sông thu thuế, bừa bãi[15b].

16. Sai dân giàu ở trấn Thanh Hoa quyên góp thóc, chứa vào kho Nghệ An, rồi trao chức cho họ có thứ bậc **[tờ 57b]**.

17. Tháng sáu, dân phiêu bạt ở Cao Châu[17a] theo về với ta. Sai lấy ruộng bỏ không của huyện Hương Sơn cấp cho họ cày cấy.

18. Mùa thu, tháng bảy, cạnh mặt trăng có quầng sáng như mặt trời.

19. Đốc trấn Cao Bằng Nguyễn Trọng Hoành xin từ chức, chúa ưng cho. Trước đấy Hoành ở trấn thu nặng của dân, dân các châu đến kinh tố cáo [quan chấp chính ra sức bênh vực, bèn được lưu nhiệm][19a]. Đến lúc Phan Lê Phiên hiệp hành trấn vụ, Hoành sợ, cáo ốm từ chức. Gặp lúc có việc quân sự ở Sơn Tây, chúa cho Hoành làm Tán lý, mà cho Phiên thay làm Đốc trấn.

20. Lại dùng Đoàn Nguyễn Thục làm Thự thiêm đô ngự sử. Thục cố từ, nên không dùng nữa, cho Vũ Miên thay[20a].

21. Đặt các châu vệ ở trấn Cao Bằng: mỗi châu một vệ, mỗi vệ hai hiệu quân, tham chước như phép vệ sở ngoại trấn từ năm đầu đời Hồng Đức [1470]. Đó là theo lời bàn của Phan Lê Liên.

22. Sửa sang quán Trấn Vũ.

23. Dựng kho thóc công ở Nghệ An, vận tải thóc công các trấn chứa vào đấy, để có thóc dự trữ ở biên giới.

(15a) A.4/5 thêm: "...giá gạo lên cao, hàng trăm tiền không được một suất ăn no, chúa rất lo lắng..."

(15b) A.4/5 thêm: "...do đó việc buôn bán không bị đình trệ, giá gạo hơi xuống, dân cho là hà tiện..."

(17a) Cao Châu tức Trịnh Cao, xem chú thích ở đoạn 12, tháng 2 năm 1746.

(19a) Đoạn trong ngoặc vuông là bổ sung theo A.4.

(20a) A.1210 chép thêm: Thục xin theo quân đi đánh miền Tây, được trao chức Giám quân.

24. Tháng tám, mặt trăng phạm vào vị trí sao Tuế tinh. Thống tướng đạo [Sơn] Tây, Hưng [Hóa] Nguyễn Đình Huấn dâng tờ khải nói: dưỡng vận lương khó khăn, xin giao đình thần họp bàn. Lại nói: Hai châu Mai, Mộc, nhiều lần theo "giặc", không sợ triều đình, việc nộp lương quân, trông vào dân là không chắc được. Đình thần bàn đều không cho là phải. Huấn cùng quan văn ở đạo ấy là Nguyễn Xuân Huyên, Ngô Phúc Lâm kháng nghị rằng: **[tờ 58a]** "giặc" Chất cậy chỗ hiểm xa, đắp thành lũy, chứa lương thực, gần 20 năm. Nay ta đem quân đi sâu vào, dưỡng vận lương rất khó, chưa dễ trong vài tuần vài tháng mà có thể đánh tan được. Xin lấy đồn Phù Hoa lập đồn điền ở sông Thao, sông Đà, khai hoang lấy thóc dự trữ, đợi kho thóc đã nhiều, có thể cấp đủ lương quân, rồi mới có thể đánh một trận dẹp yên được. Chúa Trịnh [Sâm] xem tờ khải không bằng lòng. Bảo tả hữu rằng: "giặc" già đang trốn tránh trừng phạt, ai cũng nghiến răng căm giận, triều đình luyện quân chứa lương 10 năm, chính là để dùng vào ngày nay. Nếu việc làm dở chừng mà thôi vừa mất thì giờ, lại nuôi sức "giặc", không phải là mình nối chí tiên vương hoàn thành công việc. Trước kia Đường Hiến Tông đánh Hoài Tây vì độc đoán mà được, chí ta đã nhất định rồi.

25. Nhân triều đình bàn công việc tiến đánh, Hoàng Ngũ Phúc, Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Hoàn, Phạm Huy Đĩnh, Vũ Miên bàn định cũng hợp ý chúa. Chúa bảo bọn Nghiễm, Hoàn rằng: Đình Huấn nhút nhát, Huyên, Lâm hèn kém, việc đánh giặc không thể ủy nhiệm được. Nghiễm, Hoàn nói: Nguyễn Phan có thể thay làm tướng được. Chúa nghĩ Phan ở Thanh Hoa đường xa, sợ 13 kỳ xuất quân, và lại thống tướng đã có mệnh lệnh rồi, không muốn vội dổi, bèn bãi chức tán lý Hiệp đồng của Huyên, Lâm. Đổi sai Vũ Huy Đĩnh làm Tán lý **[tờ 58b]** Nguyễn Trọng Hoành làm Hiệp đồng. Triệu Huấn về trao cho kế hoạch hành quân. Lại sai thêm bọn Nguyễn Đức Thân, Hoàng Đình Thể, Hoàng Nghĩa Phác, Trịnh Phòng, Nguyễn Đình Duy, Nguyễn Hữu Huân đem lính 12 đội đều giao cho Huấn điều khiển.

26. Đông các hiệu thư Đoàn Nguyễn Thục là người khảng khái có khí tiết, chúa Trịnh [Sâm] cho là tướng võ có phong độ nhà Nho. Lúc bấy giờ đương để tang mẹ, nhiều lần chúa triệu ra làm Thiêm đô ngự sử, Thục đều cố từ. Đến bây giờ triều đình định ngày ra quân. Thục bèn dâng sớ xin đi làm việc quân để báo ơn trước. Chúa mừng quá khen ngợi, lại cho khởi phục[26a] làm Giám quân các đạo Thanh Hoa, Sơn Tây, Tuyên Hưng.

[26a] Khởi phục: đã về nghỉ lại gọi là ra làm việc.

27. Tháng chín, đại quân chia đường tiến đi, quân thủy lục cộng hơn 50 đội. Y sĩ, thuật sĩ, thuộc chi, công nghệ, các thứ thuốc chữa bệnh và bạc trong kho đều cho mang theo quân để chi dùng. Chúa Trịnh lại nghĩ: Hai đạo Thanh, Hưng đi xa nhọc nhằn, ngoài lương tháng còn cấp thêm cho mỗi người hai quan tiền.

28. Tù trưởng huyện Lạc Thổ trấn Thanh Hoa là Quách Công Ảm, tù trưởng châu Lang Chánh là Lê Phi Văn đều tập hợp thổ binh, xin theo quan quân dẫn đường lập công. Chúa Trịnh [Sâm] muốn khen ngợi ghi công để lấy lòng người **[tờ 59a]** quy phục, bèn trao cho Ảm chức Quân đội hùng hữu, cho Phi Văn làm chức Phòng ngự đồng tri. Bởi thế phiên tù các châu cũng đem nhau đến chịu sự cai quản.

29. Mùa đông tháng mười, chúa bí mật sai Phó tri Binh phiên Bùi Phùng Hoán đến nơi đóng quân của đạo Hưng Hóa dò xét kỹ tình hình quân lính và công việc đánh "giặc". Hoán trở về đem 6 điều tâu lên.

30. Chúa sai làm kho chứa thóc ở Vĩnh Dinh và ở Sa Nam[30a] truyền cho các quan trấn Thanh, Nghệ, Sơn Nam đều lấy thuyền biển vận tải thóc ở các kho Lạc Trường, Chân Ninh cùng thóc công ở đồn điền hai trấn Đông, Bắc, hẹn đầu mùa xuân năm sau, đều chuyển đến Nghệ An, để việc dự trữ ở biên giới được đầy đủ.

31. Mở khoa thi Hương. Tăng thêm số trúng tuyển ở trường Sơn Nam[31a]. Khoa ấy cống sĩ các trấn vào châu. Có người tố cáo trường Nghệ An có Nguyễn Cơ không đáng đỗ mà đỗ. Chúa cho Cơ thi riêng ra, quả nhiên Cơ để quyển trắng không viết được chữ nào. Quan trường là Dương Sử, Nguyễn Duy Thức đều bị biếm chức.

32. Tháng mười một ngày rằm [23-XII-1768], nguyệt thực.

33. Nguyễn Đình Huấn tiến quân đóng ở cổ Pháp, nghe nói tướng của Lê Duy Mật là Miêu vây Thanh Châu, Huấn dùng dằng không dám tiến đánh **[tờ 59b]**. Chúa Trịnh sai sứ tới giục, mới tiến đóng Việt Sơn, chưa biết Miêu đã chết. Lại bắt dân Việt Châu phải nộp gạo, lương dân đều chạy trốn. Huấn sai tìm vét không được gì, lại ngờ có quân mai phục,

---

[30a] Vĩnh Dinh [nay là thành phố Vinh] và Sa Nam đều thuộc Nghệ An.

[31a] Bản A.1210, chỗ này còn thêm 1 đoạn: Theo lệ cũ ở trường Sơn Nam, kỳ thứ 3 lấy 100 người; kỳ thứ 4 lấy 100 người. Khoảng năm Chính Hòa [1680-17-5] vì có việc học trò phá trường nên bị tước bớt số đỗ kỳ thứ 3 chỉ lấy 200, kỳ thứ 4 lấy 200. Đến bây giờ, người huyện Thần Khê là Phạm Huy Đĩnh làm chức xuất nạp, được chúa yêu, bèn đề xuất cho xứ ấy. Chúa xuống chỉ cho theo như lệ cũ mà lấy.

càng sợ hãi, bàn bạc rút quân về, Vũ Huy Đĩnh không giải quyết được. Riêng Đoàn Nguyễn Thục cố can không nên rút quân về. Đình Huấn lập tức cho phi ngựa về dâng tờ khải nói rằng: "Giặc ở mường Lâm, cách đây sáu ngày đường, chúng bắt thổ dân làm kế vườn không nhà trống, chia quân mai phục, muốn đánh úp quan quân. Quân ta lương ăn không đủ, tiến lui đều khó, lại bị ốm nhiều, còn cần tìm thuốc chữa bệnh". Thục cũng tâu vạch 10 tội của Huấn là: Hiệu lệnh bất nhất, không có kế hoạch trước, liệu tính không khéo, phối hợp sai lầm, không cấm cướp bóc, chèn ép tướng hiệu, chiêu dụ chưa đúng mức, lấy lương vụn vặt, việc gì cũng chuyên quyết, không nghe lời hay. Chúa Trịnh nhận được tờ khải của Huấn đã không bằng lòng, cho triệu quan chính phủ vào bàn, sắp định ban lời quở trách. Lại thấy tờ khải của Thục. Chúa cả giận nói rằng: "Ta đã biết rằng Huấn là không dùng được, nay quả nhiên". Lập tức cho Thục kiêm thống lĩnh các đạo Sơn Tây **[tờ 60a]** thay Huấn điều khiển, đổi Vũ Huy Đĩnh làm Giám quân, Nguyễn Trọng Hoành làm Tán lý. Sai Ngô Đình Hoành đem chỉ dụ đến trong quân ban phát, mà triệu Huấn về kinh.

34. Tháng mười hai, Đoàn Nguyễn Thục tiến quân đến Nậm Cô đánh nhau với giặc, phá tan được. Trước đây lúc Ngô Đình Hoành chưa đến, Nguyễn Đình Huấn ở châu Mai Sơn, thổ tù là Cầm Nhân Quyến đến yết kiến, nộp một vạn hộc gạo và xin đi dẫn đường. Thổ mục các châu cũng đều tới xin hàng. Huấn biết giặc Miêu đã chết, đồ đảng của y rút xuống Mường Phiên. Bấy giờ Huấn mới khỏi lo, tiến quân đến đóng ở châu Tuần Giáo. Nghe nói Lê Duy Mật cùng con Chất là Toàn hợp quân kéo đến Mường Thanh chống giữ. Huấn vẫn còn do dự không dám tiến quân đi. Rồi đến khi Thục thay làm tướng, quyết kế tiến đánh. Thục cầm gươm ra lệnh cho chư tướng rằng: "Ai không theo mệnh lệnh thì liệu coi gươm này" Ba quân run sợ, trông về phía Mường Thanh mà tiến. Đi đến đâu không mảy may xâm phạm tới của dân. Giặc giữ Nậm Cô kháng cự, lại phục binh ở các nơi trọng yếu. Thục trước sai quân tinh nhuệ đánh úp, sai tiếp quân Tam Khuông Tiền chi đến tiếp binh theo lối tắt, chặn đường giặc chạy. Ba chi phục binh của giặc đều trỗi dậy **[tờ 60b]**. Quan quân cố sức đánh, đều phá tan được, bắt sống được rất nhiều.

35. Năm ấy người ngoài phủ Triều Châu, tỉnh Quảng Đông là Trịnh Quốc Hoa trú ngụ ở nước Xiêm, nối nghiệp cha làm chức "Chi tát trưởng", xưng là "Phi Nhã Tát". Nhân nước Xiêm không có vua, giặc cướp nổi lên khắp nơi, Quốc Hoa chiêu nạp những người làm phản, cũng

nổi lên tranh chiếm kiêm tính được tất cả đất nước Xiêm, rồi tự lập làm vua. Quốc Hoa dòi nước Cao Miên dâng lễ cống. Vua Cao Miên là Nặc Ông Tôn nghĩ rằng: Quốc Hoa không phải là dòng dõi nước Xiêm, bèn chống lại, không nhận lệnh.

Kỷ Sửu Cảnh Hưng năm thứ 30 (1769) Thanh, Kiền Long thứ 34

1. Mùa xuân tháng giêng, Đoàn Nguyễn Thục vào Mường Thanh. Lúc bấy giờ Hoàng Công Toàn bị thua trận ở Nậm Cô, bỏ dồn chạy sang Trấn Ninh, đồ đảng đều tan rã. Thục đem quân vào chiếm thành ấy, thu được rất nhiều lương thực và khí giới. Thục sai đào mả giặc Chất lên, phá quan tài băm xác rồi lấy hài cốt thiêu ra tro, đổ đi. Tin thắng trận báo về, chúa Trịnh [Sâm] vội sai quân đi đón mừng, úy lạo tướng sĩ. Chúa lại thưởng cho các đạo quân đã có công xông pha khó nhọc, đặc biệt bảo quan thống lĩnh để ý xem xét những lính ốm, lập tức cho phu trạm đưa về nơi nước lành điều trị, không để cho họ bơ vơ. Thục ở Mường Thanh phá hủy lầu chòi, san bằng hào lũy, xá tội cho những người bị bắt ép đi theo, tha tù phạm ra, chiêu dụ được **[tờ 69a]** 25 bản mường trở về lập nghiệp, đem những trâu bò lấy được của giặc, cấp cho dân làm ruộng. Động Mãnh Thiên được dẹp yên, Thục lưu quan quân các đội Phấn Trung, Phấn Tiểu chia nhau đóng đồn ở châu Mai, châu Mộc. Lại dặn thổ tù Mường Rộng chú ý phòng thủ. Ngày Bính Thân, Thục dẫn quân trở về.

2. Sai Phạm Ngô Cầu lưu lại làm Trấn thủ Sơn Tây.

Sai tam ty các trấn khám đất bãi, cứ thấy hiện trồng dâu, lúa, khoai, đậu thì ngạch thuế[(2a)].

3. Tháng hai, ngày mồng một [8-III-1769] có con hổ dữ vào thành Hà Tiên đi khắp các sảnh thự. Quan quân sở tại vây bắt. Hổ ấy hét to một tiếng, nhảy ra ngoài thành rồi không thấy bóng dáng đâu nữa.

4. Đoàn Nguyễn Thục về đến kinh sư, dâng sớ nói: "Mười châu Hưng Hóa, sau khi loạn lạc nhân khẩu hao giảm, dân Nùng dân Man phần nhiều dời đi nơi khác. Phiên mục bỏ mặc không ai cai quản, kẻ thì theo Lào, kẻ thì theo Trung Quốc, xin bàn gấp cách khu xử, lập lại điều lệ, khiến cho dân 10 châu ấy làm dân trong hộ tịch của ta mãi mãi".

(2a) Bản A.1210 chép thêm: Tháng hai Hữu tư giảng Nguyễn Hoàn dâng sách Kim giám lục. Bấy giờ chúa lưu ý tới sách vở. Hoàn tự thấy mình là người có chức sư phó, thường biên tập sách vở. Thấy điều gì có ích cho trị đạo thì biên chép dâng lên.

Chúa Trịnh [Sâm] sai đình thần họp bàn quy định làm 14 điều, Xá tội các tù trưởng, vẫn cho làm đầu mục. Miễn tô thuế năm nay cho dân 10 châu, cùng dân man các xã người Nùng Sơn Trang. Bỏ hẳn các thuế thiểu từ trước. Cấm không được buôn bán tự do với hai châu Mộc, Việt. Những dân theo về Trung Quốc đều phải nộp thuế cho quan trấn. Thổ binh các châu cứ liệu số suất mà gọi, rồi chia ra đóng đồn, tự phòng thủ lấy. Cấm dân Thái ở các châu Luân, Chiêu Tấn, Quỳnh Nhai không được mặc quần áo theo kiểu Trung Quốc và nộp tô thuế cho Trung Quốc. Sai quan trấn nghiêm cấm thổ tù không được quen thói cướp bóc, thù hằn giết nhau. Có điều gì oan khuất cho đi tố cáo, quan trấn sẽ tùy nghi phân xử. Con không được tùy tiện nối chức cha mà không xin mệnh triều đình. Cấm không được tùy tiện giết thổ dân trong hạt. Sai quan trấn ban lệnh cho các châu.

5. Lúc bấy giờ các thổ tù Phụ đạo theo quan quân đến kinh bái tạ, đều đem sản vật đến dâng. Lại lệ nộp tiền bồi hoàn về gạo lương đã lĩnh trước, trị giá 145 nén bạc. Chúa khen là thành khẩn, ban cho 15 nén bạc, lại trả lại số bạc để nộp ấy. Sai Tri lại phiên Nguyễn Xuân Huyên tuyên dụ, rồi cho về[5a].

6. Tháng ba, Xa Văn Ba ở Mộc Châu, tụ họp dư đảng "giặc" Mường Thanh, cướp bóc trong châu, và xâm phạm đến Vạn Diễn. Tướng đồn ấy là Lệ Vũ Bá bỏ đồn chạy. Chúa lại sai Đoàn Nguyễn Thục làm Thống lĩnh. Nguyễn Trọng Thân làm Tham tán quân vụ. Hoàng Đình Thể làm Đốc lĩnh, Nguyễn Trọng Hoành làm Tán lý [tờ 62a], Vũ Huy Đĩnh làm Giám quân, chia đường đi đánh. Công việc trong quân đều cho Thục tùy tiện thi hành. Quan quân cộng 10 cơ đội, chia đường nhằm Mai Châu, Thanh Châu tiến lên, đi hơn 10 ngày đến Trình Hằng, tướng "giặc" là bọn tên Uyên, tên Hồng, tên Xà Kiều nghe quan quân đuổi theo lối "giặc" chạy, bắt được 3 đứa, phạt tội đánh bằng trượng rồi tha ra. Đem những trâu bò bắt được ra khao thưởng quân sĩ và cho những nhà làm ruộng phủ dụ dân các châu rồi về.

7. Chúa Trịnh Sâm vu tội cho Hoàng Thái tử Lê Duy Vĩ rồi phế bỏ làm dân thường. Thái tử dung mạo đẹp đẽ, thông minh từ thuở nhỏ, tức

---

[5a] Bản A 4/5 (tờ 45a) chép thêm một việc:
- Tháng 3 vua xuống chiếu dụ quần thần, bảo Xuân quận công Nguyễn Nghiễm, Bái Xuyên hầu Trần Huy Bật mang kim sách và ngọc tỷ gia phong mỹ tự cho nhà chúa. Chúa được quyền: trong biểu tâu vua không phải xưng tên, vào chầu không phải lạy.

giận vì thấy nhà vua mất quyền, hăng hái có ý thu lại chính quyền. Xem rộng kinh sử[7a], yêu mến hiền sĩ, thần dân ai cũng quý mến. Lúc Sâm làm thế tử vẫn ghen ghét Thái tử. Chính phi (vợ) của Ân Vương Trịnh Doanh là Nguyễn Thị Vinh chỉ sinh một con gái là Trịnh Thị Nhuận, gọi là Tiên Dung công chúa, mới lên 10 tuổi. Ân vương rất yêu, Thị Vinh xin gả cho Hoàng thái tử để ngày sau làm Hoàng hậu. Doanh bằng lòng cho. Một hôm Thái tử cùng Sâm vào phủ, Doanh cho ăn cơm, cho con trai và con rể **[tờ 62b]** cùng ngồi một mâm. Thị Vinh ngăn lại, nói rằng: "Thế tử cùng Thái tử là danh phận vua tôi, há nên ngồi cùng một mâm", bèn cho Sâm ngồi mâm khác. Sâm giận đỏ mặt lên, bỏ đũa không ăn, rồi đi ra, bảo Thái tử rằng: hai người chúng ta phải một sống chết "để' ấy không thể cùng với "vượng" này chung sống. Thái tử tính hiền lành, không trả lời, mà đi về. Đến lúc Sâm lên ngôi chúa, bèn mưu cùng nội thần Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Huy Đĩnh vu tội cho Thái tử. Khi ấy Sâm vu cho Thái tử thông dâm với cung nhân của Ân Vương. Chúng đem sự trạng tâu vua, xin bắt Thái tử giam lại. Sâm sai Phạm Huy Đĩnh đem thân binh vào điện bắt Thái tử. Trước đấy giếng núi Tam Sơn ở sau cung điện bỗng có tiếng vang như sấm. Thái tử tin thuật số, biết là tất sẽ bị nạn, nói để vua biết. Vua cũng làm lễ cầu cho Thái tử thoát nạn. Đến bấy giờ Đĩnh đến, Thái tử biết tai họa đã xảy ra, Thái tử bèn vào trốn ở tẩm điện vua. Đĩnh vào Đông cung tìm Thái tử không được, bèn vào thẳng điện đình, kể tội trạng Thái tử và nói với nhà vua rằng: "Tôi nghe Thái tử ẩn ở trong điện, xin bắt giao cho tôi". Nhà vua ôm Thái tử hồi lâu không nỡ buông ra. Đĩnh quỳ mãi dưới sân, Thái tử biết không thoát được, khóc lạy ở trước giường vua, rồi ra chịu trói. Đĩnh đưa thái tử về trong phủ Chúa **[tờ 63a]**[7b]. Sâm sai giam, tra kết thành án, bắt vua ký vào, bèn phế thái tử làm dân thường.

8. Mùa hạ tháng tư sao Thái Bạch mọc ban ngày, cùng mặt trời tranh sáng.

[7a] Ở chỗ này bản A 4/5 (tờ 45b) Thêm: Thế tử ham chuộng nho thuật, thích xem sách Cương mục của Chu Tử. Từng nói với liêu thuộc rằng: cửu kinh đều là lời cách ngôn của thánh hiền, nhưng nhiều chỗ thuyết lý. Sách Cương Mục chép sự tích về trị loạn xưa nay, rõ ràng dễ hiểu khéo sát liên hệ, nên lấy sách này làm đầu.

[7b] Chỗ này bản A. 4/5 thêm: Về đến phủ chúa, Đĩnh bảo Thái tử bỏ mũ để chịu tội. Thái tử không chịu. Đĩnh đem lệnh vua ra vặn Thái tử. Thái tử nói: Phế lập thí nghịch là việc nhà ngươi quen làm, ta chẳng có tội gì hết, việc này đã có sử xanh nghìn năm ghi chép". Sâm bèn tâu vua, phế bỏ Thái tử làm dân thường, giam vào ngục.

9. Đoàn Nguyễn Thục dâng sớ xin từ chức Quản mục binh dân, xin ở nhà để tang hết hạn. Chúa ưng cho.

10. Sai các quan xử tội các tù binh, giết tỳ tướng "giặc" 2 người, còn 3 người vì "giặc" bắt ép phải theo đều tha cả.

11. Chúa Trịnh Sâm làm lễ yết kiến nhà Thái miếu và yết kiến vua ở điện Vạn Thọ, rồi đi ra nhà Quốc tử giám bái yết Tiên thánh tiên sư[11a], khảo học trò, cho làm bài văn sách lấy đề tài bình Trấn Ninh[11b], thưởng tiền cho học trò 500 quan.

12. Ngày ấy, Chúa lại đến chơi nhà Nguyễn Hoàn, ban ơn rất hậu, cho hẳn tòa biệt thự đang ở làm của riêng.

13. Thi Hội các người đỗ, lấy các ông Ngô Duy Viên 9 người trúng cách. Đến lúc thi Điện, cho Bùi Huy Bích tiến sĩ xuất thân, Phạm Công Chí đồng tiến sĩ xuất thân.

14. Đô đốc thiêm sự quyền phủ sự tuyên lực công thần Tảo quận công Nguyễn Đình Thạch hưu trí.

15. Tháng năm, bàn công tội trong chiến dịch đánh "giặc" ở Hưng Hóa. Đình thần bàn rằng: "Đoàn Nguyễn Thục làm thống tướng, tiến đánh có công, nhưng lúc đã phá được "giặc" lại không đuổi bắt kỳ hết, đến ngày rút quân về chia quân đóng đồn lại điều khiển có nhiều chỗ sai trái. Tán lý Nguyễn Trọng Hoành biết đem quân **[tờ 63b]** tiến tước, ngầm đi dò xét địch tình nhưng trước giúp Nguyễn Đình Huấn không giải quyết được việc, để cho chần chừ, sau giúp Thục điều khiển lại không biết bàn bạc. Nguyễn Đình Huấn trước làm Thống tướng, quân luật không nghiêm, lại nhiều lần muốn rút quân về, sau đến lúc "giặc" trốn không biết đuổi bắt, xếp đặt nhiều chỗ chưa đúng, nhưng tiến đến sào huyệt "giặc", cũng có công lao. Vũ Huy Đĩnh trước không biết giúp đỡ kế hoạch, sau lại kể công không đúng. Đốc lĩnh Nguyễn Đình Diễn điều khiển còn có sơ suất, nhưng đi đường tắt tiếp ứng, cũng có chút công". Bèn định: Thục đáng thăng ba thứ, giảm đi một, chỉ thăng Tự khanh. Hoành đáng thăng hai thứ, giảm đi một, chỉ trao chức Đô đốc đồng tri. Nguyễn Đình Huấn giáng xuống Thiếu bảo, tước bỏ sổ lộc binh dân. Phạm Ngô Cầu đáng giáng bốn cấp, đặc cách miễn hai cấp, bãi chức Trấn

---

(11a) Tiên thánh tiên sư: chỉ Khổng Tử, được thờ ở Văn miếu Quốc tử giám.

(11b) Bình Trấn Ninh: dánh dẹp cuộc nổi dậy của Lê Duy Mật. Chỗ này bản A.4/5 chép thêm: Lấy bọn Lê Thế Toại 2 người trúng tuyển.

thủ Sơn Hưng. Vũ Huy Đĩnh giáng xuống chức Đãi chế. Còn các tước hiệu cùng phiên tù, thuộc lại, y sĩ, thuật sĩ, binh sĩ, đều tùy theo công tội mà thăng giáng có từng bậc khác nhau.

16. Chúa Trịnh Sâm đến yết Võ miếu(16a).

17. Sao Thiên Cẩu đi suốt bầu trời, có tiếng vang như sấm **[tờ 64a]**(17a)

18. Chọn vệ binh 3 trấn, chia đặt đội ngũ. Lúc bấy giờ sắp đi đánh Trấn Ninh, đặc sai các trấn chiểu theo ngạch sổ vệ binh năm Canh Thân [1740] đưa đến bổ vào các đội, để sung làm quân vận tải(18a).

19. Tháng sáu, người Triều Châu Trung Quốc đến lưu ngụ [ở Đàng Trong] là Trần Thái họp quân ở núi Bạch Mã trấn Hà Tiên, mưu đánh úp trấn sở Hà Tiên, y bí mật hẹn với người đồng tộc của Mạc Thiên Tứ là bọn tên Sùng, tên Khoan, hẹn đến đêm 13 đốt lửa làm nội ứng. Việc tiết lộ ra, Thiên Tứ phục quân bắt được, đuổi đánh đảng ấy ở chùa Hương Sơn. Trần Thái trốn sang xứ Chân Bôn nước Xiêm.

20. [tờ 65a] Mùa thu, tháng bảy, chúa Trịnh Sâm đi thăm trấn Sơn Nam, hỏi han các bậc trưởng lão, khảo xét quan lại. Lúc bấy giờ họ ngoại nhà chúa Nguyễn Trọng Mỹ tự tiện đặt tuần ty trái lệ, bắt ức thu thuế dân buôn. Việc đến tai chúa, chúa giao xuống đình thần bàn, Thiêm sai Đào Xuân Lan bao che việc ấy. Chúa giận bảo phụ thần rằng: pháp lệnh phải thi hành từ chỗ gần trước. Há nên vì ngoại thích mà làm loạn phép công? Rồi giáng Mỹ xuống phẩm cuối cùng, thôi không cho Lan làm Thiêm sai nữa. Sau đó chúa hạ lệnh rằng: từ nay về sau các quan Chính dường phải cùng bàn bạc trước, nên thẩm xét thảo luận kỹ rồi mới được xin chỉ định đoạt.

21. Trấn thủ Sơn Nam Đỗ Thế Dận vì không làm nổi việc, cách chức, cho Hiệu diễm Nguyễn Phương Đĩnh thay làm Trấn thủ Sơn Nam.

22. Ban chỉ truyền: Thôi không bổ các quan ngành văn làm quan ngoài nữa.

(16a) A 1210 và A.4 chép thêm một việc: Truy phong Chiêu Nghi họ Hoàng làm Chính phi của chúa. Phi người xã Linh Đường, huyện Thanh Trì, làm "tần" đã lâu khi chúa còn chưa lên ngôi. Khi hà mắt, Ân Vương tặng là Thục Huấn, về sau tặng là Chiêu Nghi, lập phủ Khôn Trinh để thờ ở làng. Đến bấy giờ tiến phong lên ngôi "phi". Bản A.1210 chép thêm: đem việc đánh Trấn Ninh cáo với 6 quân. Trước đây Lê Duy Mật ra vào ở Sơn Tây, Thanh Hoa. Sau vào Trấn Ninh, dóng ở Trình Quang. Y lập cung phủ, đặt quan thuộc. Khi chúa mới lên ngôi, sai Nguyễn Mậu Đĩnh và Nguyễn Mậu Tiệp mang thư tới dụ nhưng không vào được. Lời bàn dùng binh bấy giờ mới dứt khoát.

(17a) (18a): Bản A.4/5 chép 2 việc này vào năm 1770.

23. Bão to.

24. Sao chổi mọc dài suốt trời, đuôi có sao mọc về phương tây[24a]. Lúc bấy giờ ở Thuận Quảng có quan Hàn lâm Nguyễn Quang Tiến nói với mọi người rằng: " Đất Quảng Nam chi trong vòng 5, 6 năm nữa tất có việc binh đao. Kinh đô Thăng Long ở phương đông bắc sẽ cầm chuôi sao chổi để quét phương tây nam, tây nam tất sẽ rối loạn đấy".

25. Tháng tám, vua sai Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Hoàn đem sách ấn tiến tôn Tĩnh Vương Trịnh Sâm làm Đại nguyên soái tổng quốc chính, thượng sư Tĩnh Vương **[tờ 65b]**.

26. Lập Hoàng tử Duy Cận làm Hoàng thái tử[26a].

27. Nước sông lên to, tràn vào Tây Hồ ở Lam Kinh[27a].

28. Ban ơn cho trăm quan, thăng thụ có từng cấp bậc khác nhau.

29. Chúa cho Nguyễn Hoàn làm Hữu thị lang bộ Binh[29a].

30. Cấm dân gian không được chứa binh khí.

31. Tháng chín, bộ tướng của Lê Duy Mật là bọn tên Bân, tên Tấn, tên Vĩnh, tên Hanh chiếm giữ Lang Chánh, bắt lấy thổ binh, tràn xuống các sách ở huyện Cẩm Thủy. Quan quân đạo Thanh Hoa đánh tan được, bắt sống và giết chết rất nhiều. Chúa được tin chiến thắng, thưởng cho Nguyễn Phan, Lê Quý Đôn mỗi người một bài vàng.

32. Mùa đông tháng mười, con Chúa Trịnh Tông [đến tuổi] ra ở các[32a]. Chúa cho đại học sĩ Nguyễn Lệ, giám sát ngự sử Lý Trần Thản,

---

[24a] A.1210 chép: chỉ về phương nam, 42 ngày mới hết.

[26a] A.4/5 thêm: Bấy giờ Thái tử [Duy Vĩ] đã bị tù. Duy Cận thứ ba mẹ Tĩnh Vương họ Nguyễn rất là kính cẩn, được ra vào trong phủ, xin làm Thái tử. Tĩnh Vương bèn tâu vua lập ông ta.

[27a] A.4/5 chép thêm 2 việc: Nước sông lên to, Lam Kinh bị lụt, Tây Hồ vỡ đê [Đại thủy Lam Kinh, Tây Hồ quyết].

[29a] Bản A. 1210 chép thêm việc đánh Trấn Ninh:
Cử trấn thủ Nghệ An là Đoan quận công Bùi Thế Đạt làm thống lĩnh, Nguyễn Thương, Ngô Trần Thực làm Tán lý. A. 4/5 chép: Nguyễn Phan, Hoàng Đình Thể làm đốc lĩnh Nguyễn Lệnh Tân, Uông Sĩ Diễn làm Tham mưu, Thái tường tự khanh Đoàn Nguyễn Thục làm Giám quân, đem đại binh đi đánh Trấn Ninh.

[29b] [Vẫn bản A.1210] chép: Sai lưu thủ Thanh Hoa Hạo Trung hầu Nguyễn Đình Diễn làm Đốc lĩnh đạo Thanh Hoa, Lê Quý Đôn làm Tán lý, Mai Thế Uông làm Tham mưu, Trấn thủ Hưng Hóa, Thể Trung hầu Hoàng Đình Thể làm Đốc lĩnh đạo Hưng Hóa, Nguyễn Trọng Hoàng làm Tán lý, chia đường cùng đánh Trấn Ninh.

[29c] [Vẫn A.1210] chép: Đổi sai án trấn Thanh Hoa, Phan Phái hầu Nguyễn Phan, thay Nguyễn Đình Diễn làm Đốc lĩnh, Trần Văn Trứ làm Giám quân đạo Hưng Hóa.

[32a] Ra ở các [xuất các]: Theo lệ, các con của chúa Trịnh lên 7 tuổi thì ra ở riêng, có người nuôi dạy, không ở với mẹ nữa, gọi là ra ở các.

làm Tả Hữu tư giảng để dạy bảo .Tông dung mạo tốt đẹp, tính thích việc rõ, không thích học. Lý Trần Thàn không bao lâu ốm chết, Nguyễn Lệ cũng đổi làm chức khác. Chỉ có 5, 6 người tùy giảng chiếu lệ thường đến giảng mà thôi. Năm Tông 12 tuổi, các quan có người viện lệ cũ xin cho ra ở các, chúa không cho. Chỉ cho đến nhà Nguyễn Phương Đĩnh chơi bời nghỉ ngơi. Mà ngôi thế tử vẫn để trống, hình như để đợi người khác. Năm Tông 15 tuổi, Vương phi Đặng Thị Huệ sinh con trai là Cán. Chúa yêu Cán mà ghét Tông. Sau này đến năm Canh Tý [1780], Tông 18 tuổi, chúa cũng cho ra ở các, mở phủ. Nhưng cũng năm ấy chúa cho giam Tông ở một cung khác, mà lập Cán làm thế tử.

33. Gia phong đại tư đồ Liêu quận công Vũ Đình Trác làm Liêu Trung công(33a). Cho Phạm Huy Đĩnh làm Thiếu phó, phong tước Thiều quận công.

34. Chúa cho Lê Quý Đôn làm Thiêm đô ngự sử **[tờ 66a]**.

35. Tháng mười hai, xã An Lệnh, trấn Sơn Nam mưa ra máu.

Canh Dần, Cảnh Hưng năm thứ 31 (1770) (Thanh, Kiền Long thứ 35)

1. Mùa xuân tháng giêng ngày mồng một, [27-1-1770] chúa Trịnh Sâm truyền chỉ hỏi Thống lĩnh đạo Nghệ An Bùi Thế Đạt rằng: "Gạo mua của dân và lương lấy được của giặc tính chi cấp cho quan quân 3 đạo, có thể ăn được bao nhiêu ngày? Lê Duy Mật dựa vào thành liều chết cố giữ, hay thế tất phải tan rã? Tướng sĩ đi đến đấy có được bình yên không?". Các điều trên cứ 5 ngày một lần làm khải trình lên.

2. Bọn Hoàng Đình Thể, Đốc lĩnh đạo Hưng Hóa trước ở Mường Ba có đưa thư cho nước Lao Lung và tặng họ đồ vật, sai họ ngăn chặn đường giặc chạy. Đến bấy giờ Án Nhự nước Lao Lung sai Sà Ôn đến cửa quân, dâng thổ sản. Xin nộp lễ cống và theo quân đi đánh giặc.

3. Bọn giặc Mường Thanh là các tên Bảo, tên Côn, tên Lập tên Thực họp nhau hơn 100 người xâm lược các sách biên giới châu Quảng Lăng. Hoàng Đình Thể sai nha hiệu đem lính thổ ở châu Chiêu Tấn tiến đánh, chém được tên Bảo, tên Côn, còn tên Lập, tên Thực xin hàng. Châu Quảng Lăng được dẹp yên.

(33a) Bản A.4/5 thêm: Trước đây Trác khởi thân ở Hoàng môn [hầu trong cung phủ] phụng sự triều trước, có tình thuần cẩn nên được yêu. Về sau lại coi giữ lăng của chúa trước [Trịnh Doanh]. Chúa khen ngợi lòng trung thành, nên có mệnh này.

4. Thổ tù Trấn Ninh là Lò Cầm Khâm, Lò Cầm Uẩn đến cửa quân yết kiến. Trước đây Lê Duy Mật chiếm giữ Trình Quang **[tờ 66b]** có bắt giam viên "tù sà" của họ là Lò Cầm Hương và người nhà của y là sắc kha la hạt Khâm. Khâm là cháu đích tôn của Trần quận công do Hương nuôi làm con, cũng bị giam vào năm.

Khâm dung mạo tốt đẹp, nhã nhặn, có khí sắc, Mật yêu quý cho ra chỗ mình. Khâm nhân đó xin dến nạp nhiều người Mường Then, cắt tóc làm sư. Mật không nghi ngờ gì. Khâm bèn kết nạp nhiều người Bồn Man, y được họ yêu chuộng. Bấy giờ Khâm đã 59 tuổi, mới đem 300 thổ binh đến nơi quan quân dóng, xin đi đánh Lê Duy Mật để báo thù. Còn Uẩn là chú tên Hương, chạy sang thành Viêng Chăn nương tựa Quốc vương Ai Lao, được dân đi theo đông tới hơn 1.000 người, Uẩn cũng cắt tóc làm sư, đến bây giờ đã 75 tuổi nhưng gân sức chưa suy yếu. Đại quân tiến đến Trình Quang, Bùi Thế Đạt đưa thư chiêu dụ. Uẩn từ Ai Lao đem quân về, cùng với Khâm ở lũy ngoài của Trung quân. Lúc bấy giờ các xứ man Lạc Hoàn, Cao Châu, Mường Hồ (tức là huyện Xa Toàn bây giờ) con em các "sà" cùng các "phì" đều đem lính thổ đến chỗ quan quân dóng để bái yết. Ai Lao cũng xin giúp sức đánh giặc. Bùi Thế Đạt đem uy đức triều đình truyền dụ cho họ nghe.

5. Quan quân đạo Thanh Hoa tiến đến "đãn" Hồ Phương (xứ này cách Nghệ An một tầm nhìn)[5a] tiến đóng ở núi Kiêu Sơn. Từ Kiêu Sơn quanh **[tờ 67a]** đến một dải núi Chông Vong đều đặt đồn hạ trại, vây sát đồn Trình Quang (đạo quân Thanh Hoa từ Bản Phác tiến đi, đường qua suối Hợp, khe Trình, suối Giang, suối Hòa, khe Kim, đi hết 16 ngày đêm mới đến động Trình Khâm. Lại qua Thiệu Kiệu núi Tín Tốc, huyện Trại Cát đến đãn Hồ Phương, đi mất 4 ngày đêm. Có người nói: từ Khang Chính tìm đường qua Trình Duy, Lò Thượng, Lò Hạ, Trình Lao, Nậm Ba, Lào Xầm Tớ, Bản Phác, Mường Vẹn, đến Trình Khâm không quá 15 ngày. Lại từ Trình Khâm qua đãn Hồ Phương đến Trình Quang hết 4 ngày đường).

6. Hoàng Đình Thể ở đạo Hưng Hóa liệu lưu lại một số đơn vị đã theo đi đánh giặc và một số lính thổ binh đóng ở Mường Ba để làm thanh thế và chặn đường giặc chạy. Còn bao nhiêu quân đều cho đến đồn

---

[5a] Nguyên văn là "nhất vọng": Một vọng là một tầm nhìn, trong tầm mắt. Cũng có người cho rằng nhất vọng là 15 ngày đường (Từ nguyên).

Trình Cù, Trình Hằng tiếp tế quân lương, đợi đỡ mưa lụt sẽ kép về Trúc Phê (lỵ sở trấn Hưng Hóa) là nơi đất tốt để nghỉ ngơi[6a].

7. Đại quân bao vây giặc rất chặt ở sào huyệt của chúng là Trình Quang. Lê Duy Mật tự thiêu mà chết. Xứ Trấn Ninh được dẹp yên. Mật bị thua to từ Bạn Xung co quân lại, liều chết chống giữ. Trong thành, những kẻ bị cưỡng bức đi theo ngày ngày bỏ trốn, thế quân dần dần tan rã. Con rể y là Lại Thế Thiều[7a] nhận được thư của mẹ, nghĩ kế bảo toàn sinh mệnh, có ý muốn ra hàng. (Thiều là người xã Quang Lãng, huyện Tông Sơn, là dòng dõi công thần họ Lại, chú y là Lại Thế Thiều đem y đi theo Lê Duy Mật đã 25 năm. Mật gả con gái cho, ngụy xưng là Phò mã Sáng quận công. Mẹ Thiều là Lê Thị Lư biết chữ, biết đọc sách. Sau khi Thiều đi theo Duy Mật, mẹ y cũng lấy chồng khác ở kinh thành. Mùa thu năm trước, Hoàng Ngũ Phúc dỗ mẹ Thiều viết thư khuyên con ra hàng, giao thư cho Bùi Thế Đạt sai người bí mật đưa cho Thiều). Thiều cũng ngầm đưa thư cho Bùi Thế Đạt xin về triều đình, gắng sức lập công. Trong đảng ấy có Lê Văn Bản (người xã Xuân Dương huyện An Khang làm thủ hạ ngụy Thái phó Lại Thế Thao, theo Mật nhiều năm, ngụy xưng là Thự phủ, vốn là đồng chí với **[tờ 67b]** Thiều, nghe Thiều đưa mật thư, cũng muốn hàng. Bùi Thế Đạt cùng Nguyễn Lệnh Tân bàn rằng: nay các đồn của Mật, đồn Chiêm Phiệt rất là quan trọng, lấy được đồn Chiêm Phiệt thì có thể bắt được Mật. Nên bảo Thiều dụ Bản dâng đồn Chiêm Phiệt để lập công, thì việc ta xong ngay. Bèn đưa thư bảo cho biết ý ấy. Thiều, Bản đều làm theo mệnh lệnh. Lúc ấy đạo quân Nghệ An, hai chi Trung, Hữu đã đóng ở đãn Khang Khánh, chắn lấy mặt sau Trình Quang. Quân tiền chi đã giữ núi Hồng Sầm chặn mặt trước Trình

---

[6a] Bản A.4/5 chép thêm một việc:

Cho Tri huyện Lê Thế Toại làm Tự tham nghị Thanh Hoa. Cho viên trúng thức Ngô Thì Nhậm làm Thự hiến phó Hải Dương. Bấy giờ Tĩnh Vương [Trịnh Sâm] có ý cho các chế độ của các triều trước là nhỏ hẹp muốn thay đổi. Phàm các việc phần nhiều không theo lệ cũ. Lệ cũ thì chức Tham nghị và Hiến phó do triều đình bảo cử. Căn cứ người ấy thi đỗ nhiều kỳ hay ít và số năm làm việc lâu hay mới, thành tích làm quan qua qua các khảo xét khá hay kém, mà bổ. Gặp lúc chức Tham nghị và Hiến phó ở Thanh Hoa và Hải Dương bị khuyết, triều đình bảo cử Lê Doãn Xương và Lại Thăng. Chúa không nghe. Sai lấy sổ ghi tên những người đỗ trong kỳ thi văn sách "Bình định Trấn Ninh" ra xem, rồi chúa cử Trần Văn Vĩ, Ngô Thì Nhậm thay. Vĩ từ chối không nhận, Nguyễn Hoàn nói với chúa cử Toại thay Vĩ. Chúa nghe theo, cho Toại. Còn Ngô Thì Nhậm thì trong bài văn sách có đề xuất phương châm "chú trọng mặt thuận lợi coi thường sự khó khăn (tiên dị hậu nan)" và "bỏ chỗ cứng, đánh chỗ rạn nứt. Chỗ rạn đã vỡ thì chỗ cứng cũng tự vỡ" (xả kiên công hà, hà giả phá tắc kiện tự hội).

Quang. Quân đạo Thanh Hoa đóng đồn ở núi Kiêu Sơn vây mặt phải và mặt núi Chông Vong, Bồ Chông, Hồng Sầm và sườn bên tả Trình Quang, bày dồn, đắp lũy, dựng lầu cao bắc thang cao gần đối diện với đồn của Mật, bắn vào mấy ngày liền[7a]. Đêm 21 lúc canh 2, Thiều và Bản dâng đồn Chiêm Phiệt, đem đồ đảng đàn ông, đàn bà gồm 200 người và voi ngựa khí giới mở cửa ra hàng. Ngày 22, tướng của Mật là bọn tên Mai cũng đem đồn Bồ Chông ra hàng. Lê Duy Mật đã mất 2 đồn, sức cùng thế cô, bèn chuẩn bị voi ngựa [tờ 68a] giả vờ sửa soạn khí giới, nhưng đem vợ con cùng đồ đảng là lũ tên Đài, tên Hào, tên Nhậm, tên Uyên, tên Vĩnh, tên Thìn xúm nhau họp cả trong một căn nhà, giải chiếu đặt tiệc ở trên đống thuốc súng, suốt ngày uống rượu say, đến đêm đốt lửa tự thiêu chết hết. Bọn ngụy Thống tướng Xa Văn Kiều, Đông các Nguyễn Thuật đem đồng đảng xin hàng. Quan quân đem đầu Lê Duy Mật đóng hòm để dâng. Xứ Trấn Ninh đều dẹp yên. Bùi Thế Đạt, Nguyễn Phan đưa thư báo tin thắng trận, trăm quan dâng khải chúc mừng[7c].

8. Bài khải mừng đại lược rằng: "quẻ Sư hào ngũ[8a] sai tướng ra quân để tỏ đạo chính nghĩa của thánh nhân là cứu nhân dân, trừng phạt kẻ có tội. Chữ "vũ" có bảy đức, trong đó ý nghĩa "dừng can qua là có uy vũ"[8b] đã tỏ rõ lòng nhân từ của nhà chúa cốt trừ bạo lực, dẹp việc binh. Lê Duy Mật kia, lọt lưới ra đất Ngọc Lâu, độc như nọc ong vò vẽ, làm tổ ở xứ Bồn Nhưỡng, đắp dồn như đất mùn giun[8c]. Tiếm loạt gây mối lăng loàn, cướp bóc cam làm tướng giặc. Tất cả bọn ngang ngạnh, trước sau đều quy phục triều đình mà riêng Quản Thái[8d] còn cố chống lại vua

---

[7a] Bản A.1210 chép là Lại Thế Triệu.

[7b] Bản A.1210 thêm: tiếng pháo nổ mấy ngày đêm không ngớt.

[7c] Bản A.1210 và A.4/5 thêm: Trước kia khi mới bàn chuyện dùng binh đánh dẹp, dư luận trong ngoài đều cho là khó khăn vì xa xôi hiểm trở. Riêng chúa một mình quả quyết sẽ thắng. Rồi cơ mưu phương lược đều do chúa định ra. Cuối cùng không tốn một mũi tên mà giặc lớn tự vỡ. Các xứ xa xôi hẻo lánh không dấu không chấn động. Riêng bản A.4/5 thêm: Người ta bàn bạc cho rằng sau cuộc bình định "giặc" Man đời Hồng Đức 200 năm, đến nay mới có một chiến dịch này là lớn.

[8a] Quẻ sư ở Kinh Dịch, hào lục ngũ nói: "Ruộng có thú dữ vào phá, phải đánh bắt đi", ở đây ý nói: trong nước có giặc phải đánh dẹp.

[8b] Nguyên văn: "chi qua vi vũ". Đây là lối chơi chiết tự: ghép chữ "chỉ" và chữ "qua" lại thành chữ "vũ". Chữ "chỉ qua" lại có nghĩa là dừng việc can qua, chữ "vũ" nghĩa là có uy vũ. Ghép 4 chữ ấy lại thành một câu có nghĩa là: "không dùng can qua là có uy vũ".

[8c] Như đất mùn giun: Ý nói tuy nhiều đồn mà không kiên cố (có ý coi thường).

[8d] Quản Thái: Quản Thúc và Thái Thúc là hai anh em của vua nhà Chu, được Chu Công đi coi Vũ Canh, Vũ Canh là con vua nhà Thương đã bị nhà Chu lật đổ, nhưng Quản Thái lại cùng Vũ Canh nổi dậy làm phản nhà Chu.

Chu. Hầu hết lũ kiêu hùng lần lượt bị quét trừ, mà Bồn Từ[8d]còn giả danh họ Hán. Tiên thánh ta: giận đứa bất nghĩ, dấy oai hổ quyết ra quân trừ diệt. Hậu phu[8e] nọ chấp mê không tinh ếch đáy giếng để ngoài lượng bao dung. Đắp gạo làm núi hang[8g] đồn giặc bày ra trước mặt; bày mưu trong màn trướng[8h] thế giặc nắm ở trong tay. Trời phô điềm gở, sao chổi là tượng quét trừ. Dân đón quân vua, mưa to thỏa khi đại hạn. Muôn đội quân đi, hăng hái đắp nấm kình nghê kình[8i] quán, hơn mươi ngày đã báo công to. Cửu trùng[8k] lượng vẫn bao dong, không muốn thiêu ngọc núi Công Cương[8l] đưa bức thư còn mong hối lỗi. Ngu tối như bị gông cùm khó cởi; tiễu trừ nên phải gươm giáo hành quân. Chiến sĩ đi suốt đem mưa, gà gáy đã đến cửa giặc[8m], hung đồ hoang mang tán loạn, lửa thiêu tổ yến mái nhà[8n]. Thiên Sơn[8o] đã thấy treo cung[8p]; Quế Hải không còn truyền hịch. Ba mươi năm từ Canh Thân [1740] trở lại, bọn giặc không còn vây cạnh, chốn biên cương tan hết phong trần. Vài trăm năm từ Hồng Đức đến nay, cõi xa lại thấy quan quân, chốn triều đình thêm vang uy lệnh. Nộp ba tên vào Thái miếu[8q], tấu công to, đông tây

---

[8d] Bồn Từ: người cuối cùng đời Vương Mãng, dấy quân làm loạn, mạo xưng là Lưu Bồn Từ (lấy họ vua nhà Hán) để mong thu phục lòng dân.

[8e] Hậu phu: Kinh Dịch quẻ Tỷ có câu "hậu phu hung, kỳ đạo cùng dã". Nghĩa là "đức hậu phu không biết hòa hợp, là đạo cùng quẫn đấy thôi".

[8g] Đắp gạo: Mã Viện nhà Hán lấy gạo làm sa bàn mô tả địa đồ nước Thục để Quang Vũ cho quân đi đánh Công Tôn Thuật.

[8h] Màn trướng: Chỉ huy sở hành quân (thường vây màn làm tạm ở ngoài trời) nên gọi là màn trướng.

[8i] Kình nghê kình quán: (nấm mồ to chôn xác cá kình cá nghê) vì kình nghê là loài cá dữ ví với quân giặc, nên mả giặc gọi là mả kình nghê.

[8k] Cửu trùng: Chỉ nhà vua.

[8l] Ngọc núi Côn Cương: Kinh thư, Thiện Dận Chính nói: "Lửa thiêu núi Côn, ngọc đều cháy. Ý nói lúc đánh nhau, người tốt người xấu đều chết cả".

[8m] Đêm mưa...đến cửa giặc: Lý Tố đời Đường đi đánh Hoài Tây, nhân đem mưa, đem quân đi, lúa gà gáy đã đến cửa nhà Ngô Nguyên Tế, Tế phải dẫn hang ngay.

[8n] Tổ yến mái nhà: Chim yến làm tổ ở mái nhà, nhà sắp cháy mà vẫn không biết.

[8o] Treo cung ở Thiên Sơn: Tiết Nhân Quý đời Đường đi đánh trận thắng lợi trở về qua Thiên Sơn, treo cung đó ở đó, tỏ ý đã dẹp giặc xong.

[8p] Quế Hải: Nước ta có nhiều quế tốt, cho nên người Trung Quốc gọi là Quế Hải.

[8q] Nộp ba tên vào Thái miếu: Vua Trang Tông nhà Hậu Đường tên là Lý Tồn Húc được cha là Lý Khắc Dụng khi sắp chết giao cho 3 tên nỏ, dặn báo thù nước Lương, nước Yên và Khiết Đan. Tồn Húc đánh đuổi Khiết Đan, dẹp nước Yên, dẹp nhà Lương, xong rồi rước 3 mũi tên vào dâng Thái miếu báo cáo thành công.

[8r] Múa can vũ ở hai thềm: Kinh Thư thiên Đại Vũ mô chép: Vua Thuấn đi đánh rợ Hữu Miêu, ban bố văn đức, bằng cách múa điệu can vũ ở hai thềm, Hữu Miêu tự nhiên đến hàng.

yên tĩnh; múa can vũ ở hai thềm[8r] ghi đời thịnh, nam bắc hòa bình. Nhạc Đại Vũ, ghi nhớ công cả toàn thành[8s]. Năm Nguyên Hòa[8t] ca tụng lòng trên quyết đoán".

9. [tờ 68b] Tháng ba, cho vệ binh tứ trấn về nhà làm ruộng.

10. Mùa hạ tháng tư, Bùi Thế Đạt biên những voi ngựa khí giới bắt được của giặc đem về dâng. Giết những kẻ đầu sỏ trong bọn Lê Duy Mật vài mươi người. Còn đều tha cho về quê sinh sống. Tạm giao cho Lò Cầm Khâm[10a] quản lý việc phủ Trấn Ninh, dặn phải vỗ yên dân Man, tiến cống như thường lệ. Những thủ lĩnh người và thổ binh đi theo đánh giặc đều giải tán cho về để tự giữ gìn địa giới. Quan quân rút quân, ca khúc khải hoàn. Tâu cáo thành công ở Thái miếu, dâng xác Lê Duy Mật bị thiêu lên sân chầu, sai đem đi thuyền báo cho các xứ biết.

11. Chúa Trịnh Sâm nghĩ tướng sĩ đánh giặc chịu lao khổ, bèn phát tiền kho ra ban yến. Chúa tự làm bài thơ quốc âm để úy lạo.

Thơ rằng:

Đã mấy năm nay áng chiến trường,
Nhọc nhằn thay bấy kẻ cần vương.
Cờ mao đủ nhuộm màu lam chướng,
Áo sắt thêm dày vết tuyết sương.
Nghìn dặm quét không hơi bụi thắm.
Muôn năm đặt khỏe thế âu vàng,
Thẻ ban đã tỏ công lênh ấy[11a],
Thể tất niềm Chu tả một chương[11b].

12. Tháng năm, ngày mồng một, nhật thực.

[8r] [8s] Đại Vũ: nhạc của Vũ Vương nhà Chu làm để ghi công đánh lấy thiên hạ của nhà Thương.

[8t] Nguyên Hòa [806 - 820] là niên hiệu mà Đường Hiến Tông đã bình định xứ Hoài Tây, Hàn Dũ làm bài "Tụng" nói: Nhờ nhà vua cùng Tể tướng là Bùi Độ có chí quyết đoán nên mới thu được lợi lớn ấy.

[10a] Bản A.1210 có thêm: Lò Cầm Uốn, Lò Cầm Khâm làm Xã chánh, Xã phó.

[11a] Thẻ ban: Hán thư chép: Hán Cao Tổ chẻ phù (thẻ tre có viết chữ, chẻ đôi mỗi bên cầm một nửa để làm tin) để làm bằng phong đất cho công thần, ở đây chỉ việc thăng thưởng chức tước sau thắng trận.

[11b] Thể tất niềm Chu: Sự thể của vua nhà Chu: Sau khi đánh thắng vua Trụ nhà Thương, Chu Vũ Vương sai quan làm lễ tế các tướng sĩ chết trận. Ở đây chỉ việc lễ tương tự.

13. Sai 2 ty ở tứ trấn khám lại đất bãi ven sông. Lệ cũ đất bãi ven sông, 6 năm một lần khám, huyện làm sổ xong, 2 ty Thừa Hiến khám lại chỗ lở chỗ bồi rồi định ngạch thuế. Đến nay lại sai thi hành[13a].

14. [tờ 69a] Tháng tư nhuận. Sai xét lại các quan chức được bổ thực thụ. Hưng Hóa, Tuyên Quang đã dẹp yên, dân gian nhiều người cầu cạnh mạo khai quân công, đến nỗi có người từ chân trắng nhận chức sắc vượt mức, văn bằng thực và giả lẫn lộn nhau, gian tệ lan dần. Bèn hạ lệnh rằng: từ nay về sau, bộ Lại bổ quan, trao cho chức phẩm, ở trong thì qua quan Chính đường[14a] xét thực, ở ngoài thì do quan Thừa ty, Huyện doãn duyệt lại, mới là văn bằng thực, còn ngoài ra cho là giả mạo, bắt tội.

15. Cho Nguyễn Hoàn làm Đô ngự sử (chánh tam phẩm). Lê Quý Đôn làm Phó đô ngự sử (chánh tứ phẩm). Vũ Miên làm Thiêm đô ngự sử (chánh Ngũ phẩm). Chúa Trịnh bảo Nguyễn Hoàn rằng: Ngự sử có trách nhiệm gương mẫu, các ngươi là kỳ cựu, ta chọn đã lâu, cho nên cho thăng vượt bậc. Phải nên hết lòng hết sức, làm cho các ty kính theo phép tắc.

16. Cho Lê Trọng Thứ làm Thự tả thị lang bộ Lễ, Vũ Trần Thiệu làm Hữu thị lang bộ Binh (Thị lang tòng tam phẩm) Trọng Thứ lại nhờ ấm của con là Lê Quý Đôn được thăng Tả thị lang bộ Công.

17. Tháng sáu, Đài phó Lê Quý Đôn vì nhiều lần đem số tiền của người bị kiện đút lót nộp vào quỹ công, nên được đặc cách thăng lên Hữu thị lang bộ Hộ.

18. Lễ Trạch hầu Nguyễn Bá Lân dâng tờ khải xin từ [tờ 69b] nhiệm vụ ở hai bộ Lại, bộ Binh, chúa y cho. Lân từ khi đánh giặc Hương Hóa không thành công, danh giá có bị sút kém, chúa còn nghĩ là người cố lão nên hậu đãi. Đến đây vì ốm xin nghỉ. Chúa bảo rằng: ngươi dẫu già, sức còn làm việc được. Và tìm được người nhậm chức ấy rất khó, ta đang chọn người có thể thay ngươi. Ngươi tại chức cũng có người nói nhảm, ta không nghe đâu. Nay ngươi dẫu từ nhiệm, nhưng nên lưu lại ở kinh để cho ta hỏi các công việc[18a].

[13a] Bản A.4/5 chép thêm một việc: Nêu khen người đàn bà tiết nghĩa họ Nguyễn ở xã Thạch Thán huyện An Sơn. Bà là vợ viên giám sinh ở bản xã. Chồng chết, bà mới 20 tuổi, nhưng ở nhà thủ tiết không tái giá đã hơn 30 năm. Viên trì phủ là Vũ Chiêu tâu lên. Chúa ban cho cái biển nêu khen "Tiết phụ môn".

[14a] Chính đường: Tức quan đứng đầu chính phủ.

[18a] Bản A.4/5 thêm một việc: Mùa thu tháng bảy truy tôn miếu hiệu và mỹ tự cho Nghị Tổ Ân Vương.

19. Mùa thu tháng bảy, sai quan khám hộ khẩu 2 xứ Thanh Nghệ, bổ ngạch lính cho quân bình. Lệ cũ ngạch binh 2 xứ này 5 đinh lấy 1, sau đó đổi: 3 đinh lấy 1 làm chuẩn, về sau nhân khẩu có làng tăng làng giảm. Các quan cứ theo ngạch cũ tuyển bổ, thành ra làng thì nặng, làng thì nhẹ. Đến khi hai xứ ấy có việc dụng binh, triều đình bắt lính trốn, đòi lính thiếu, thì dân điêu hao quá không có người đi lính, do đó số lính ngày càng thiếu. Các quan coi chính sự tâu xin xét thực, bổ theo lối bình quân. Bèn sai Bùi Thế Đạt khám bổ trong hạt Nghệ An. Lê Quý Đôn, Đoàn Nguyễn Thục khám bổ xứ Thanh Hoa.

20. Tháng sáu, bàn công dẹp giặc Trấn Ninh. Thống lĩnh đạo Nghệ An là Bùi Thế Đạt thưởng chức 22 "thứ", thăng Đại tư mã, thêm 2 chức "công thần". Tán lý **[tờ 70a]** Nguyễn Thương được thưởng chức 3 thứ, Tán lý Ngô Trần Thục cùng tham mưu Nguyễn Lệnh Tân, Uông Sĩ Điển, Giám quân Đoàn Nguyễn Thục đều thưởng chức 2 thứ. Chánh đốc lĩnh đạo Thanh Hoa là Nguyễn Phan được thưởng chức 8 thứ, thăng Thái tể. Tán lý Lê Quý Đôn thưởng 4 thứ; Tham mưu Mai Thế Uông thưởng 3 thứ, Giám quân Trần Văn Trứ thưởng chức 1 thứ. Đốc lĩnh đạo Hưng Hóa Hoàng Đình Thể thưởng 13 thứ, thăng Thiếu bảo; Tán lý Nguyễn Trọng Hoành thưởng 12 thứ, giám quân Lê Doãn Thân thưởng 2 thứ. Còn các thuộc tướng đạo Nghệ An là bọn Nguyễn Đình Đông 45 người, thuộc tướng đạo Thanh Hoa là bọn Chử Đỗ Khâm gồm 19 người, thuộc tướng đạo Hưng Hóa là bọn Hoàng Nghĩa Phác 10 người, đều thăng chức, thứ và chiếu lệ thưởng cho thêm lộc dân, lộc ruộng có cấp bậc khác nhau. Thuộc hiệu 3 đạo cùng lính vệ Ưu nhất, nghĩa chiến binh đều theo công trạng nhiều ít mà thăng thụ chức, thứ có cấp bậc. Lại cho tướng đầu hàng là Lại Thế Thiều cai quản đội Hậu Hãn, cho Lê Văn Bân 100 mẫu ruộng làm sản nghiệp đời đời. Hai người ấy đều được thăng chức tước.

21. Tháng chín, cho Nguyễn Hoàn làm Thượng thư bộ Công[21a].

22. Mùa đông tháng mười ngày Nhâm Ngọ [26-XI-1770] vua sai quan cầm cờ tiết đem sách tỷ tiến tôn chúa Trịnh Sâm làm Đại Nguyên soái Tổng quốc chính, Sư thượng thượng **[tờ 70b]** phụ Duệ đoán văn vũ vũ đức Tĩnh Vương. Truy phong Vương phi Hoàng Thị làm Chính phi.

[21a] Bản A.4/5 thêm việc: sao Kim Tinh phạm vào vị trí sao Nam Đẩu.

23. Chúa Trịnh vào phía tây tuần hành xứ Thanh Hoa, sửa lăng miếu, xem núi sông, coi trấn sở, xét quan lại, thăm hỏi ẩn tình của dân, khen thưởng úy lạo các quân, đến tháng hai về kinh[23a].

24. Tháng mười hai, định phép thuế tơ, thuế muối. Lệ cũ: hiệu Giáp, Ất thu thuế hiện vật bằng tơ để may áo lính, không đánh thuế đất bãi trồng dâu. Thuế muối thì không hỏi đến số ruộng làm muối, cứ theo số bếp nấu muối mà đánh thuế, về sau tơ chứa lâu, nát không dùng được, mà dân cũng nhiều người thiếu tơ nộp. Dân làm muối giàu nghèo không đều nhau, sinh ra kiện cáo nhau. Lại thu cả hai thứ thuế muối và thuế ruộng, người nấu muối không thể nộp đủ được, quan trưng phủ sớm chiều đi đốc thu mà thu không được một phần mười. Đến bấy giờ đình thần bàn xin tha cả số thuế thiếu ấy. Và từ nay về sau thuế tơ cứ số dệt mà chiết nộp bằng tiền[24a] thuế muối thì căn cứ số ruộng mà thu tô[24b]. Hộ phiên không đánh thuế thổ sản nữa.

25. Cho Nguyễn Nghiễm làm Thái tể. Trương Khuông[25a] làm Thái bảo, Trần Huy Bật làm Thượng thư bộ Lại, Nguyễn Hoàn làm Thượng thư bộ Hình, Nguyễn Bá Lân làm Thượng thư bộ Công, Vũ Trần Thiệu, Vũ Miên làm Thị [tờ 71a] lang còn dâu thăng thụ có từng cấp bậc. Đấy là kết quả bình công người đi hầu chúa, người ở nhà giữ kinh thành.

Tân Mão Cảnh Hưng năm thứ 32 (1771) (Thanh, Kiền Long thứ 36)

1. Mùa xuân tháng giêng. Định phép các quan phủ huyện mãn hạn

---

(23a) Bản A.4/5 (tờ 51a) chép rõ thêm như sau:

Chúa bắt đầu tuần hành xứ Thanh Hoa. Trước kia Thanh Hoa được gọi là ấp Thang mộc. Minh Khang Thái Vương [Trịnh Kiểm] và Thành Tổ Triết Vương [Trịnh Tùng], đều nhân vị kinh sư [Thăng Long] thất thủ mới hồi loan về Thanh Hoa. Từ đó về sau các chúa Trịnh đều có đưa các chúa cha đã mất về táng ở quê cũng đặc sai các quan chứ chưa có ai đi tuần du về Thanh Hoa. Đến khi Tĩnh Vương lên ngôi mới trở về thăm Thanh Hoa, bái yết và tu sửa các lăng miếu, xem xét núi sông, thị sát trấn thủ, xét việc lại tri, thăm hỏi ẩn tình của dân, thưởng lạo 6 quân. Trăm họ xa gần bảo nhau làm lều có bày các thứ thổ sản, dìu già dắt trẻ tụ tập đến để chiêm ngưỡng uy nghi. Họ đều khen đó là việc hiếm có từ đời Trung hưng trở lại đây.

(24a) Theo CM quyển 43 tờ 31. Tơ trắng mỗi dật 5 tiền, tơ vàng mỗi dật 3 tiền 20 đồng (mỗi dật 24 lạng).

(24b) Cũng theo sách trên, ruộng muối công mỗi mẫu 8 tiền, ruộng muối ở ngoại đê giảm đi 2 tiền. Ruộng muối tư mỗi mẫu 3 tiền.

(25a) Bản A.4/5 thêm: Hoàng Đình Thể.

Khảo chú năm 1971[1a] Tức: Hạn định là 6 năm, về tháng thì tính đến hết tháng mười hai của năm cuối cùng mới hết trách nhiệm ở địa phương ấy.

nhận bàn giao thay đổi: lấy năm nhậm chức đến hết tháng cuối mùa đông năm thứ 6 làm hạn[1a,1b].

2. Tháng hai quan hưu trí là đại tư đồ Khuê quận công Giáp Nguyễn Khoa mất. Khoa là gia thần hầu hạ trong phủ chúa, thanh liêm cẩn thận, có tâm trí. Từ khi nhà nước mới dùng binh, ông coi việc Hộ phiên, trải hơn hai mươi năm, khéo điều độ, biết liệu số thu mà chi, không mang tiếng bớt xén hà khắc, mà việc quân việc nước chi dùng thường thừa thãi. Đến bấy giờ mất, truy phong làm phúc thần.

3. Tháng ba, Chúa Trịnh dụ các quan trong chính phủ rằng: "Các người giữ chức ở cơ quan chủ chốt, có trách nhiệm làm tiêu biểu, đều nên giữ đúng pháp độ chức trách và đốc suất thuộc viên. Những điều gì có thể thay đổi tệ cũ, chấn chỉnh triều đình, làm rạng rỡ chính thể, được việc cho đời, đều cho phép bàn bạc suy tính mà làm". Bởi thế sai ngự sử chuyển sức cho các ty trong ngoài đều theo thể lệ quy định về chức vụ cũ từ năm Tân Mùi [1751], chớ nên sai trái.

4. Gia phong hai chữ "công thần" cho Hoàng Ngũ Phúc, Vũ Đình Trác, Bùi Thế Đạt, Phạm Huy Đĩnh. Khắc vào bài vàng ban cho họ.

5. Lại cho đặt các phủ huyện kiêm lý lẫn nhau. Trước đây gộp bớt các phủ huyện, đến bây giờ **[tờ 71b]** gần đến kỳ thi Hương, lại sai theo như cũ chia đặt các huyện để tiện khảo hạch. Duy các huyện châu ở vùng núi thì vẫn cho kiêm lý[5a] [5b].

6. Chúa Trịnh [Sâm] nghĩ: xã Yên Lãng huyện Thụy Nguyên tiếp giáp với An Trường là đất căn bản. Sai dời trị sở trấn Thanh Hoa đến xã Yên Lãng.

7. Sư chùa xã Quân Bác huyện Chân Định, trấn Sơn Nam dâng một cây cau 12 ngọn.

8. Ba huyện Kim Động, Nam Xương, Hoài An trấn Sơn Nam mưa ra đất.

9. Chúa sai bộ Lại: những người được dự thưởng công cùng được đặc ân, đều phải xét kỹ sự tích, mới được trao chức.

[1a,1b] Bản A.1210 thêm: Tháng hai, sai thượng thư bộ Hộ Nguyễn Hoàn kiêm đô ngự sử.

[5a] Kiêm lý: Nha môn hay quan lại ở huyện nọ kiêm nhiệm giải quyết các công việc ở huyện kia.

[5b] Bản A.4/5 thêm: Tháng ba, dân châu Tư Lãng ở Trung Quốc tranh chiếm xã Tịnh Gia ở châu Lộc Bình Lạng Sơn. Chúa sai đốc đồng Phạm Cố Hoàn cử người đến giải quyết, dân châu ấy dâng con ngựa để tạ lỗi.

10. Sứ giả của Lào Lung đến. Lào Lung này phía tây nam giáp Ai Lao, đông nam giáp địa giới Hưng Hóa, Trấn Ninh, đã lâu không đến. Đến bây giờ mới đi lại.

11. Sai Đô ty, Thừa ty trấn Sơn Nam lấp các cống thuộc huyện Kim Bảng và khai thông những nơi có ruộng úng thủy, cho tiện lợi việc làm ruộng.

12. Chính phủ dâng lời bàn rằng: gần đây bộ Lại thăng bổ các chức thủ lĩnh[12a] chỉ theo tư cách thâm niên khó nhọc mà không xét người ấy tốt xấu ra sao và việc bổ người tá nhị[12b] lại càng phức tạp. Cũng vì vậy nên quan trường chưa được trong sạch. Nên khảo duyệt kỹ, chỉ lấy những người đường tư cách xứng đáng, mà lời nói việc làm cũng xứng đáng [tờ 72a]. Hạn đến kỳ phúc tra, họp cả lại, duyệt thực rồi mới cho đi nhận chức. Chúa nghe theo[12c].

13. Tháng năm, Hiến sát sứ Nghệ An là Phạm Bá Ưng[13a] làm quan hà khắc nhũng nhiễu, chúa bắt miễn chức và dụ: Từ sau không ai được bảo cử viên ấy.

14. Cất nhắc Hàn lâm thị thư là Phan Lê Phiên làm Đông các đại học sĩ (tòng tứ phẩm).

15. Tháng sáu, dời chùa Tiên Tích ra làm tại ngoài cửa Đại Hưng.

16. Lê Quý Đôn, Đoàn Nguyễn Thục đi khám xứ Thanh Hoa, bày tỏ các việc hộ khẩu tăng giảm, cùng binh đinh nên tăng nên giảm và nên theo ngạch cũ. Lại xin khoan xá các thuế thổ sản, thủy sản, ruộng công các huyện và tha cả tiền thuế thân trốn, thiếu. Các khoản này đều được giao xuống Chính phủ thi hành.

17. Bồi tụng Vũ Miên dâng khải trình bày: Khoa này các huyện khảo hạch chưa tinh, nên cho những sĩ tử đã được chọn làm bậc khá, được phép chỉ trích nhau, cho thỏa nhân tình. Chúa nghe theo [tờ 72b].

18. Mùa thu tháng bảy Nguyễn Nghiễm nói: Lệ cũ đất công thuộc Quốc tử giám, chia cấp cho quan văn ở. Gần đây nhiều viên khác đến ở nhờ rồi lại đem bán cho người khác. Nay xin khôi phục thể lệ cũ. Chúa không trả lời.

(12a) Thủ lĩnh: danh từ chỉ chung các chức Viên ngoại lang. Tư vụ ở các bộ (hàng thất bát phẩm).

(12b) Tá nhị: chỉ chức lang trung ở các bộ (hàm lục phẩm).

(12c) Bản A.4/5 thêm: Có một vòng tròn bao quanh mặt trời. Ngoài xanh trong đỏ. Lại có một vòng trắng xuyên qua mặt trời như 2 vòng liên hoàn.

(13a) Bản A.1210 chép là Nguyễn Bá Ưng.

19. Tháng chín ngày Quý Sửu, nhật thực.

20. Mùa đông tháng mười, Thượng thư bộ Hộ, Đại tư không Tham tụng Xuân quận công Nguyễn Nghiễm xin hưu trí. Chúa ưng cho, lại cho thăng Đại tư đồ. Chúa lại cho bài thơ rằng:

Phiên âm:

Lũy triều túc vọng lão thành niên,
Bồ Tát phiêu phiêu lục địa tiên.
Giảng ác ốc tâm tương chính đại,
Quân khu điều hóa thích phương viên.
Dĩ hy Lão tử kim tri túc[20a],
Tằng niệm Chu thần tích tử kiên.
Tử dã nhất phu như vị hoạch,
Khả khan lâm hạ độc siêu nhiên.

Dịch nghĩa:

Tuổi lão thành, trải mấy triều có danh vọng,
Ngựa xe phơi phới như tiên trên cõi trần.
Trong màn giảng, rót vào lòng bề trên những điều chính đại.
Cầm cân điều khiển giáo hóa đúng cữ vuông tròn.
Ông đã theo được lời của Lão Tử, làm bậc tri túc[20a] đời nay.
Lại nhớ trách nhiệm bày tôi nhà Chu thuở xưa[20b],
Bốn phương còn một người chưa được nương tựa,
Há nên một mình thảnh thơi ở chốn rừng sâu[20c] [20d].

21. Cho trấn Sơn Nam khoa này được lấy đỗ tam trường sinh đồ 1000 người, tứ trường cử nhân 100 người. Rồi lại cho các xứ lấy đỗ thêm sinh đồ: Thanh Hoa 100 người. Nghệ An, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây đều 80 người; Phủ Phụng Thiên 20 người; An Quảng, Thái Nguyên, Tuyên Quang Hưng Hóa và châu Bố **[tờ 73b]** Chính cứ 10 người lấy thêm một người.

[20a] Lão Tử có câu: "Tri túc bất nhục" nghĩa là ai tự biết mình đã được đầy đủ thì không nhục.

[20b] Thành Vương nhà Chu nhận lời khuyên của bầy tôi, Kinh Thi có câu: "phật thời tử kiên", nghĩa là giúp đỡ trách nhiệm gánh vác.

[20c] Bản A.4/5 thêm: Chúa cho voi ngựa và sai quan hộ tống về quê.

[20d] Bản A.4/5 thêm: Thanh Hoa mưa lâu không tạnh, ở xứ Lưu Tinh sông Ngọc Hà vỡ đê.

22. Thi thư toán, cho những người thư tả ở 6 phiên, ai giỏi chữ Hán thì vào thi.

23. Sai quan chính phủ xét hạch chức sắc để răn người bậy bạ phức tạp.

24. Lại nhắc rõ luật cấm làm sắc, tỷ giả. Người làm việc thay đổi điên dảo và cho người ngoài mượn tỷ thư, sắc thư thì phạt tội đầy đi châu xa, kẻ dùng sắc giả để mưu cầu chức sắc và kẻ chủ mưu thì phạt tội đồ đi chăn voi.

25. Lê Quý Đôn đi khám Thanh Hoa về, đệ nộp lên chúa 100 nén bạc của dân hối lộ. Bèn được thăng [?] từ Hữu thị lang bộ Lại lên Hữu thị lang bộ Công.

26. Sứ nước Ai Lao đến.

27. Ngày mồng 3, quân Xiêm xâm phạm Hà Tiên. Trước đây vua Xiêm là Phi Nhã Tân đã đánh được Thiên Côn (thuộc quốc của Miến Điện), con Phong Vương là Chiêu Thúy ngụ cư ở đất Hà Tiên, sẵn có nhuệ khí, thân đem lính thủy bộ 2 vạn người, dùng đám kẻ cướp ở Bạch Mã là Trần Thái[27a] dẫn đường tiến đánh Hà Tiên. Lúc ấy lính trấn ở Hà Tiên có ít. Mạc Thiên Tứ giữ thành chống cự, đưa thư cáo cấp với tướng giữ đất Long Hồ. Thủy quân Xiêm chiếm cứ núi Tô Châu, đem súng lớn bắn vào thành, thế rất nguy kịch. Đêm mồng mười, kho thuốc súng ở núi Ngũ Hổ bốc cháy, trong thành sợ hãi. Đêm 12 [tờ 47a] quân Xiêm từ đằng sau thành, sấn vào đốt dinh. Quân trong thành tan chạy, thành vỡ (ba mặt thành đều chắn bằng gỗ lim, không đắp đất đá). Thiên Tứ đi thuyền chạy ra Giang Thành. Con là Hiệp trấn Hoàng Thắng và Thủy sư tham tướng là Dung đi đường biển chạy vào Kiên Giang đóng quân lại. Thuyền Thiên Tứ đi đến đạo Châu Đốc, tướng Xiêm là Chiêu Khoa Liên (Liên là người Triều Châu, họ Trần, làm mưu sĩ cho nước Xiêm, Chiêu Khoa là tên quan chức của nước Xiêm), đuổi theo kịp, Thiên Tứ sai Cai đội Sa là người dân tộc Chà Và[27b] chống đánh, đánh không nổi, (Sa có phép niệm thần chú, gươm giáo không phạm được vào người. Tục gọi là ông Đô Nhân). Bèn lui ra đạo Tân Châu ở Tiền Giang gặp Lưu thủ dinh Long Hồ là Tông Phúc Hợp đem quân đến cứu. Vội đem thuyền Hải đạo thẳng đến sông Châu Đốc. Quân Xiêm không biết đường đi, kéo vào

---

[27a] Trần Thái là Hoa kiều gốc người ở Triều Châu, Trung Quốc nổi lên cướp phá, đóng quân ở núi Bạch Mã trấn Hà Tiên (đã chép ở năm 1769).

[27b] Chà Và: Tức đảo Java thuộc Indônêxia ngày nay.

khúc sông cụt. Quân Phúc Hợp chặn đánh, chém được hơn 300 đầu giặc. Chiêu Khoa Liên bỏ thuyền lên bộ đi theo đường Châu Sâm chạy về Hà Tiên. Phúc Hợp thu được 5 thuyền của Xiêm bèn lưu lính lại để phòng thủ Châu Đốc. Rồi tự đem quân về Tân Châu, hộ tống Mạc Thiêu Tử tới đinh Long Hồ đóng ở đạo Đông Khẩu. Cai đội Nguyễn Hữu Nhân cũng đón đánh giặc Xiêm ở thủ sở thị thành trên sông Hậu Giang, liên tiếp thắng trận, thu được 10 thuyền của Xiêm. Quân Xiêm lên bộ chạy, bị chém chết, bị thương và giày xéo lên nhau chết đến quá nửa. Phi Nhã Tân bèn lưu Chiêu Khoa Liên ở lại giữ Hà Tiên, còn y tự đem quân sang Cao Miên, vua nước ấy là Nặc Ông Tôn chạy vào Chiêu Long Quật (sông Bát Chiêu là thượng lưu sông Hưng Hòa, là giới hạn cực bắc của tỉnh Định Tường, bờ tây sông ấy là thủ sở đạo Tuyên Uy) Phi Nhã Tân lại lập Nặc Ông Non làm quốc vương Cao Miên. Bèn đóng giữ phủ Nam Vang, có ý dòm ngó Gia Định (Trước đây người trong thành Hà Tiên thấy ở phương nam có hai chiếc cầu vồng đỏ giao nhau thành hình chữ thập (+) Lại ở trước chân lầu Bắc Đế có đống cát cao hơn một trượng, bỗng bị gió lốc tung lên giữa lưng trời, trong thành mờ tối, một chốc đám cát ấy rơi xuống đất thành hình chữ thập (+) người ta đoán đó là điềm tháng mười bị mất thành[27c].

28. Tháng hai, dựng kho Huy Thược để chứa thuốc súng.

29. Sai Nguyễn Hoàn vào chầu Kinh diên, lại sai làm chức Tri Quốc Tử giám. Quan Tư nghiệp Quốc Tử giám lại kiêm Kinh diên, bắt đầu từ Nguyễn Hoàn.

30. Lập bia "hạ mã" bằng đá ở cửa nhà Thái học. Hồ to ở trước mặt nhà Thái học gọi là ao Bính Thủy, trước kia người dân phố phần nhiều dựa lưng về ao mà làm nhà ở. Học quan xây bức tường bình phong để che xe ngựa. Đến khi ấy Nguyễn Hoàn trông coi Quốc Tử giám, đuổi phố xá đi, mà mở rộng ra, trồng cây lát đường làm cho cảnh nhà Thái học được nghiêm trang. Nhà Thái học có bia hạ mã bắt đầu từ đấy.

31. Lê Quý Đôn dâng khải trình 4 điều:

[27c] Bản A.1210 chép thêm 2 việc:

Tháng 2 sai Trung Huấn hầu Nguyễn Đình Huấn làm Kiêm nội các phụ tá.

Thi hương sĩ nhân các xứ. Sáu ty ở Thanh Nghệ làm sổ sáo thông bị chậm phá kỳ hạn, bị biếm và phạt có thứ bậc. Bấy giờ xứ Nghệ An kêu 2 ty khảo hạch không công bằng. Tham chính Ngô Thì Sĩ bị đoạt chức đuổi về.

1. Cống sinh nhiều [tờ 75a] người mạo cầu sắc chỉ trong nội cung ban ơn đặc cách để được bổ dụng vượt bậc, nay nên xét thực, bắt trở về bậc cũ.

2. Các chức Hiến phó, Tham nghị có cái tệ cầu cạnh để thăng chức Thị giảng[31a]. Nên sai triều đình bảo cử cho hợp lệ cũ.

3. Đất bãi ở các lộ nên dúng kỳ thì khám lại.

[31a] Bản A.4/5 chép là: "...cầu cạnh dãi mãn (đợ mãn hạn) như Hồ Phi Quỳnh, được thăng Tham chính Thanh Hoa, Trịnh Nguyễn thăng Hiến phó Nghệ An, đều là cạnh tranh. Xin thu hồi những nghị định ấy lại...".

[32a] Bản A.4/5 thêm việc:

[Chúa] đến chùa Tiên Tích mở hội lớn.

Luận tội Tham chính Ngô Thì Sĩ: đoạt chức, đuổi về chịu sai dịch với dân. Trước đây chúa Ân Vương mất, Tĩnh Vương nối ngôi, có lời sấm lan truyền rằng Hoàng Ngũ Phúc có mưu đồ khác. Chúa ngờ việc đó, sai Nguyễn Hoàn tìm lời sấm "Khảm phương hoàng giang [sông Hoàng ở phương Khảm] để tâu lên. Bấy giờ Nguyễn Lệnh Tán có nhà ở Hồ Tây gần kinh thành, một hôm các quan trong triều họp ở nhà Tán, nói chuyện về việc Hoàng Ngũ Phúc, nhân đó thả thuyền đi chơi hồ, làm thơ. Ngô Thì Sĩ có làm câu thơ: "Tĩnh vũ cánh nghi châu" [Nghĩa là: trời tạnh mưa, càng hợp với việc chơi thuyền]... đó là tức cảnh trong hồ. Sau đó lại đối là "Thảo mộc khủng phi Chu" [Nghĩa là: Sợ rằng cây cỏ không còn là cây cỏ nhà Chu nữa. Ý nói: chính quyền về họ khác]. Cuối cùng bài thơ ấy được đưa lên Chúa. Chúa lại từng nghe trong phủ có thư nặc danh nói rằng Triều Sĩ dâng khải nói: "Hoàng Ngũ Phúc phải nên đề phòng". Người bên ngoài dèm ra rằng Triều Sĩ tức là Thì Sĩ. Hoàng Ngũ Phúc giận lắm. Gặp lúc xứ Nghệ An có người kêu rằng 2 ty khảo hạch không công bằng. Các quan bàn phải bãi chức. Trước kia các ông Lê Quý Đôn, Phan Cẩn, tuất Đỗ Thế Giai xuống chức nhàn tản có nói riêng với Hoàng Ngũ Phúc rằng: Tôi hồi không khép hắn vào cái tội "bắt trở về làm dân". Lại cho hắn còn được mặc áo lương, đội mũ mạo lung, che lọng [vẫn mặc quan phục] đi đến nhà dân mà làm lễ đề chú [Đề chú: Đề tên người chết trong tấm thần chú - lễ này, nhà có tang thường mời người có quan hàm danh vọng làm. Ở đây chỉ việc được làm quan]". Đến bấy giờ Hoàng Ngũ Phúc bắt chước câu nói ấy mà xử Ngô Thì Sĩ. Bèn kết thêm 4 chữ [bắt về làm dân]. Người ta ai cũng cho là khắc nghiệt...

Giam lỏng quận phu nhân Nguyễn Thị Tần. Thị Tần là người xã Nguyễn Xá, huyện Thần Khê là vợ Liêu công Vũ Đình Trác. Bà là vú nuôi của Tiên quận chúa, con gái của Ân Vương. Khi Ân Vương còn sống, có đem Quận chúa gả cho Thái tử [Duy Vĩ], nhưng chưa thành hôn, Quận chúa đã chết, Thị Tần vì vậy ra vào Đông cung. Khi Thái tử bị giam, Thị Tần hầu hạ, tình, lễ vẫn như cũ. Bấy giờ bọn Lương Giản, Vũ Xương mưu cướp Thái tử ra để khởi binh. Có kẻ mật báo chuyện đó với Thiếu quận công [Phạm] Huy Đĩnh. Đĩnh lấy việc đó để đánh đổ Vũ Đình Trác. Trác biết chuyện, bí mật giam Thị Tần và theo kế của Hoàng Ngũ Phúc, phát giác việc đó ra trước. Trình bày dủ sự trạng Thị Tần chăm sóc thái tử ra sao. Chúa hạ chỉ bắt Thị Tần về làm dân. Huy Đĩnh mới phát giác việc của bọn Giản, Xương. Khi giao xuống tra hỏi. Vũ Đình Trác vì không liên can được miễn tội. Còn Thị Tần thì tha cho sống, bắt về giam ở bản quán

4. Trong số các hạng dân được miễn trừ [phú thuế tạp dịch] có nhiều người tra xét cải chính lại. Chúa nghe theo.

32. Sai hai trấn Thanh, Nghệ nghiêm cấm Hoa kiều không được ở lẫn lộn trong dân gian và ai bán trộm các thứ gỗ quý cho khách buôn Hoa kiều thì phải xử tội[32a].

33. Sai các trấn tìm bắt giặc cướp biển để thông đường đi lại buôn bán.

34. Cho Bồi tụng Vũ Miên, Thiêm sai Phan Lê Phiên đều được phong tước bá.

35. Định rõ lại thể lệ nội điện cấp sắc vàng phong tặng và thăng bổ.

36. Tháng mười hai, trên núi Hồng Đức Thạch Bi ở phủ Phú Yên chợt có một tiếng sét đánh, đá đen đều biến thành sắc trắng. Trông xa như một tòa bia đá dứng sững, trắng toát như vôi (một dải Phú Yên, trên từ đầu nguồn dưới đến bến biển có một quả núi cao hơn các núi khác. Năm đầu niên hiệu Hồng Đức [1470] vua Thánh Tông đánh lấy được nước Chiêm Thành, lập dòng dõi vua nước ấy làm Nam Bàn quốc vương. Cắt mảnh đất phía tây núi ấy cấp cho, bạt đá ở quả núi cao này, dựng bia ghi địa giới **[tờ 75a]**, nhân thế gọi là núi Hồng Đức Thạch Bi. Đá núi đều đen, núi quay lưng ra biển, trước mặt có đường cái to. Chữ ở trên bia lâu ngày đã mòn mất).

37. Tĩnh Vương Trịnh Sâm giết Thái tử cũ là Lê Duy Vĩ và các người liên can là bọn Trần Trọng Lâm, Nguyễn Hữu Kỳ... gồm 14 người, thu kim sách mệnh của Hoàng hậu của mẹ Duy Vĩ là Trần Thị, bắt các con của Vĩ là Duy Khiêm Duy Tụ, Duy Kỳ giam ở ngục sở Đề Lãnh[37a].

[37a] [37a] Bản A.4/5 chép việc này như sau:

Ngày 20 tháng 12 [24-1-1772] Trịnh Sâm giết Cố Thái tử Lê Duy Vĩ. Trước đây thái tử đã bị tù. Sâm muốn giết đi, nhưng chưa có cơ hội. Lúc bấy giờ Vũ Xướng là nho sinh trúng thức ở Đan Luân và Tự thừa Lương Giản người ở An Định mưu khởi binh cướp Thái tử ra khỏi ngục. Phạm Huy Đĩnh tố cáo với Chúa, vu cho Thái tử có dự định mưu này. Giản bỏ trốn, còn Xướng thì bị bắt và bị tra tấn tàn khốc bèn khai ra, liên can tới Nguyễn Lệ. Nguyễn Lệ nói: "Thái tử là người sắp nối ngôi vua, vô cớ bị tù bị nhục, mưu cứu Thái tử khỏi ngục là hành động chính nghĩa. Tuy nhiên tôi thực không tham dự việc này. Nếu nay vì bức bách mà khai bừa nhận bậy thì không phải là người có dũng khí. Nói không làm có là phi nghĩa. Và lại việc này nếu nói là do bọn Lệ tự bày mưu thì hoặc giả còn nghe được, chứ Thái tử đang bị giam, vợ con cũng không được ra vào. Bọn Lệ này làm sao gặp Thái tử để bàn mưu được. Lệ dành chịu chết thôi, không biết nói gì". Thân bị tra tấn nát da nhưng lời nói vẫn không thay đổi. Người nghe chuyện ông đều khen là can đảm. Đĩnh tự làm ra lời khai rồi trình lên. Chúa xuống chỉ buộc Thái tử vào tội giáo. Lệ và Xướng đều bị xử tử. Ngày hôm hành hình, bầu trời

38. (Dã sử chép rằng: lúc Thái tử Vĩ bị bắt, trong cung có một người đàn bà cùng đứa ở gái bế 3 đứa con trai bé ra cửa tây, đi ngay ban đêm, đến ngủ trọ ở nhà dân tại xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm. Người nhà ấy đêm trước mộng thấy có một người bảo rằng: nên quét dọn nhà cửa, Thiên tử và Thái hậu sẽ đến. Thức dậy lấy làm lạ. Ngày hôm sau đợi trông ở cổng, đến chiều thấy một người đàn bà cùng đứa ở gái bế 3 đứa con trai, trông cửa đi vào xin ngủ nhờ, chủ nhà bèn đón vào mời ngồi lên chiếu trên, lại nói chuyện mình nằm mộng như thế. Người đàn bà ấy nói rằng: chuyện chiêm bao sao có thể tin được, chớ nói bậy sẽ bị giết không cứu được. Sáng hôm sau cáo từ ra đi. Rồi thì quan quân tiến đến trấn Sơn Tây bắt được họ đem về kinh sư giam cầm. Ba người con trai ấy tức là Khiêm, Tụ, Kỳ. Khiêm về sau là vua Chiêu Thống).

39. Trước đây, Thái tử Vĩ bị vu oan, Sâm đã phế làm dân thường, mà giam lại[39a]. Đến bấy giờ bọn Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Huy Đĩnh theo ý chúa, cho người vu cáo Trần Trọng Lâm, Nguyễn Hữu Kỳ cùng nho sinh trúng thức Vũ Bá Xưởng (người xã Đan Luân, huyện Đường An) Lương Giản (người xã Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn) đồng mưu cướp ngục, đem Thái tử ra ngoài khởi binh làm loạn. Sâm giao việc này cho đình thần bàn, sai bắt họ để giam cầm tra hỏi. Giản trốn, Xưởng không chịu nổi sự tra tấn đánh đập, phải nhận bừa [tờ 76a]. Đình thần cũng theo ý chúa làm án, án thành. Sâm chuẩn y phép cho Thái tử Vĩ phải tội giáo (thắt cổ). Chiều 20 tháng ấy, Vĩ bị hành hình. Trời tối sầm lại, hơn một khắc mới sáng. Thiên hạ đều cho là oan. Có người làm bức thư nặc danh dán ở phố chợ. Thư ấy lại được nói rằng:

"Lời răn "vô tương"[39b] sách chép rất rõ. Cái tội bất đạo[39c] luật hình không tha. Loạn thần Hoàng Ngũ Phúc vốn là nông phu thất nghiệp,

---

u ám hơn một khắc mới thôi. Người nghe không ai là không rơi nước mắt. Cho rằng đó là một việc đại nghịch cực kỳ thảm khốc. (Lệ là người xã Thận Vi, huyện Thượng Nguyên).
Bản A.1210 chép việc này như sau:
Tháng mười hai chúa giết Cố Thái tử Duy Vĩ và môn khách của Thái tử là bọn Trần Trọng Lâm, Nguyễn Hữu Văn gồm 14 người. Trước đây, Thái tử đã bị phế bỏ. Bọn Lâm mưu tố cáo lên. Bèn buộc Thái tử vào tội thắt cổ. Bọn Lâm bị giết bêu ở chợ. Sau đó lại tước bỏ danh hiệu Hoàng hậu họ Trần.

(39a) Việc này xin xem lại năm 1769, đoạn 7.

(39b) Vô tương: Sách Tả Truyện có câu: "Nhân thần vô tương, tương tắc tất tru" nghĩa là bầy tôi không được tự ý làm bậy, tự ý làm bậy thì vua phải giết người ấy đi.

(39c) Bất đạo: Làm trái đạo lý, hoặc chê bai triều đình... Phép đời Hán: Ai "bất đạo" thì phải xử tử.

yêm hoạn[39d] xuất thân. Tòng quân may có công, khí thế lấn vua như Tào Tiết đời Hán[39e]. Chưởng phủ được cầm quyền, cơ mưu cướp nước như Sĩ Lương đời Đường[39g]. Áo đỏ ra dáng thượng công, nhà vàng âm mưu phò mã[39h].

Thảo nhất diên bát[39i] giả lời sấm để mong chấm dứt. Một lợn đuổi đàn dê[39k], mượn đồng dao lòe kẻ ngu si. Ai khác đảng thì giết đuổi, người cùng loại thì thăng quan. Gia nô lĩnh trấn quản binh, đồng mưu vây cánh, thuộc hạ đầy triều giữ chức, ngầm chứa vuốt nanh. Đều là gian hùng, chẳng hề e sợ. Thêu dệt tội trạng cho người ngay, vu cáo hoang dâm cho Thái tử... Giáng con vua làm thứ nhân. Nghe thấy ai cũng sợ run người; nói đến ai chẳng sa nước mắt. Nhớ ngày trước gươm thiêng dựng nước, nước Nam là thiên hạ nhà Lê; mà nay gươm Thái a đảo chuôi[39l] Bắc ty[39m] là triều đình Hoàng thị[39n]. Phép vua tất phải giết đi; người được thảy đều căm giận. Nhà vua dần mất uy quyền [tờ 76b] chỉ còn mong trời kia có mắt. Ngày nay bao nhiêu văn võ, há nên nuôi thằng giặc không râu[39o]. Xin chém đầu Hoàng Ngũ Phúc bêu lên phố chợ, để tạ hồn thiêng miếu xã, để thỏa lòng mong mỏi của thần dân".

40. Hoàng Ngũ Phúc ở xã Phụng Công, huyện Yên Dũng, do hoạn quan khởi quân, làm đến Đại tư đồ, Chưởng phủ sự, nuôi cháu gọi bằng chú bác là Hoàng Đình Bảo làm con nuôi. Đình Bảo dáng người thanh tú, có tài văn võ. Năm Ất Dậu [1765] đậu thi Hương đỗ trúng thức, khoa Bính Tuất [1766] thi võ đỗ tạo sĩ, Trịnh Ân Vương Doanh gả con gái cho, trao chức Phò mã, quản binh, ra làm Trấn thủ, phong tước Điển Thọ hầu.

[39d] Yêm hoạn: người thiến đi để làm quan trong cung vua chúa.

[39e] Tào Tiết đời Hán: Đời Hán Linh Đế [168 - 189] có hoạn quan là Tào Tiết. Cha con anh em làm quan đầy triều đình, đều tham lam ngang ngược.

[39g] Sĩ Lương đời Đường: Đời Đường Mục Tông, Cưu Sĩ Lương làm quan hoạn, đem 500 cấm binh bắt giết bọn Thừa tướng Vương Khai, Lý Huấn rồi nắm giữ binh quyền.

[39h] Phò mã: con nuôi Hoàng Ngũ Phúc là Hoàng Đình Bảo lấy Quận chúa là con gái chúa Trịnh Doanh, nên gọi phò là phò mã.

[39i] Thảo nhất diên bát: Theo phép chiết tự tức là chữ "Hoàng!".

[39k] Nguyên văn: "Một lợn đuổi dàn dê": Hoàng Đình Bảo tuổi Hợi, cầm tinh con lợn. Các chúa Trịnh Sâm, Trịnh Khải đều tuổi Mùi, cầm tinh con dê. Câu này ý nói Đình Bảo sẽ cướp quyền chúa Trịnh.

[39l] Gươm Thái a đảo chuôi: Chỉ người làm vua bị mất quyền.

[39m] Bắc ty: chỉ bọn hoạn quan (vì đời Đường Văn Tông [827 - 840], Nội thị sảnh ở phía Bắc cung Đại Nội. Sau bọn hoạn quan chuyên giữ binh quyền, khống chế cả triều đình).

[39n] Triều đình Hoàng thị: triều đình của họ Hoàng (Hoàng Ngũ Phúc).

[39o] Giặc không râu: chỉ Hoàng Ngũ Phúc (vì y là hoạn quan).

Sau lại thăng tước Huy quận công. Một nhà Hoàng Ngũ Phúc uy quyền ngày càng thịnh. Người ta ngờ y có hành động lật đổ, đều nói rằng: Quận Việp [chỉ Hoàng Ngũ Phúc] sẽ cướp nước, truyền cho Đình Bảo làm vua. Dân gian truyền ngôn lời sấm rằng: "Một lợn đuổi dàn dê". Ý nói các chúa Trịnh là Sâm, Khải đều tuổi Mùi, cầm tinh con dê, Hoàng Đình Bảo tuổi Hợi, cầm tinh con lợn. Lại truyền câu: "thảo nhất diễn bát" tức là chữ hoàng lại còn câu: "Thổ sất vân yểm nguyệt hoàng hoa nhật diệu hương[40a]" là chỉ vào chữ tế là con rể và chữ việp[40b]. Hoàng Ngũ Phúc lấy đó làm ngại, bèn sai Hoàng Đình Bảo đổi tên là Tố Lý.

41. Chúa Trịnh Sâm nghĩ: Phạm Huy Đĩnh có công phát giác, thăng cho chức Thái tể. Nguyễn Mậu Đĩnh phụ dạo Thái tử Vĩ có lỗi phải giáng làm Tự khanh.

42. Phúc thi Cống sĩ ở phủ đình [phủ chúa Trịnh][42a].

43. Trước đây sai quan Trấn Nghệ An xét hỏi sự khổ sở của hai phủ Trà Lân, Quỳ Châu cùng châu Quy Hợp. Đến bấy giờ cho các đơn vị sau đây xá thuế thiếu lâu năm, đợi đến năm Quý Tỵ [1773] sẽ liệu bỏ thuế. Các đơn vị ấy là: 4 huyện thuộc phủ Trà Lân (Kỳ Sơn, Hội Ninh, Tương Dương, Vĩnh Khang chiêu tập được 3 năm), hai huyện thuộc phủ Quỳ Châu (Trung Sơn, Thúy Văn chiêu tập 2 năm); châu Quy Hợp cũng thế (châu Quy Hợp thuộc phủ Lâm An, Hưng Hóa); ba động là Thân Nguyên, Yên Sơn, Mộng Sơn; năm sách là Minh Nông, Trú Cầm, Vụ Quang, Chúc Hà, Phù Lưu, cùng Động Dịch đều thuộc châu ấy [tờ 77a].

44. Sai chánh sứ Đoàn Nguyễn Thục, phó sứ Vũ Huy Đĩnh Nguyễn Dao (trước tên là Xuân Huyên) sang nhà Thanh[44a].

Nhâm Thìn Cảnh Hưng năm thứ 33 [1772] (Thanh, Kiền Long thứ 37)

1. Mùa xuân tháng giêng sứ nước Ai Lao đến.

2. Cấm lái buôn Trung Quốc chở trộm thóc gạo về nước.

3. Vợ viên quan trước tặng tham chính Nguyễn Mậu Khôi là Nguyễn Thị (người xã Thịnh Mỹ, huyện Lôi Dương) góa chồng sớm, thủ tiết không

---

[40a] Hai câu chữ Hán nghĩa là: "Con rể là đám mây che mặt trăng. Hoa vàng càng ngày càng tỏa hương thơm". Có ý ám chỉ phe cánh Hoàng Ngũ Phúc sẽ cướp ngôi, làm chúa.

[40b] Chữ Việp: tước phong của Hoàng Ngũ Phúc là Việp quận công.

[42a] Bản A.4/5 thêm: Phan Huy Dung đỗ đầu. (Dung người làng Tả Thanh Oai).

[44a] Việc này bản A.4/5 chép vào tháng 10 năm 1770.

lấy chồng nữa, được làng xóm khen, việc đến tai triều đình, đặc cách phong là Trịnh tiết lệnh nhân cho bản vàng "tiết phụ" để nêu khen.

4. Tháng hai ngày Canh Thìn nguyệt thực.

5. Lại dùng Nguyễn Nghiễm làm Nhập thị Tham tụng.

6. Định lại phép chạy trạm trên các đường[6a]

7. Vũ Trần Thiệu đi hậu mệnh[7a] ở Nam Quan về, trình bày tình hình thổ dân Lạng Sơn bị quấy nhiễu về việc chạy trạm. Chúa sai Lê Quý Đôn đi dò hỏi tình hình quan lại liêm hay tham, dân gian đau khổ thế nào đem về tâu. Đốc đồng Lạng Sơn là Lê Doãn Thân vì hà khắc quấy nhiễu, bị miễn chức **[tờ 77b]**.

8. Tháng ba ngày Canh Tuất, nhật thực.

9. Định lệ tiễn đưa quan văn võ về hưu trí.

10. Mùa hạ tháng tư, mưa[10a].

11. Sai các quan huyện sao chép thể lệ gọi và bắt người kiện tụng, đưa xuống dân gian, Bảo pháp ty sai khiến các huyện khi trình thiếp báo đến dân gian thì không được tự tiến đến nhà dân quấy nhiễu.

12. Trừ thuế cho ruộng ngoài đê[12a].

13. Tháng năm cấm dân gian chứa binh khí. Lưu thủ trấn Hưng Hóa là Hoàng Đình Thể dâng sớ nói: "Đất biên giới xa xôi, binh ngụ ngay trong nông dân, binh khí đều chế lấy mà dùng để tự bảo vệ. Nay nhất thiết cấm chỉ, sợ bọn thổ phỉ thừa cơ sơ hở, nổi lên quấy phá, thổ dân không có khí giới phòng bị". Tờ sớ dâng vào đến nơi, chúa cho các trấn ngoài vẫn theo tục cũ (không theo lệ cấm này). Riêng An Quảng cùng 6 trấn đều phải theo lệ cấm này[13a].

[6a] Bản A.4/5 chép rõ thêm: Bấy giờ nhiều bọn giả danh, dòi hỏi dân dọc đường cái quan phải tổng tiễn phục dịch, dân thiệt hại nhiều. Chúa sai: từ nay các việc công cán ở trong thì do Binh phiên cấp lính kinh, ở ngoài do quan Trấn thủ cấp lính trấn, không được bắt riêng dân phu phục dịch. Chỉ ban xuống cho các trạm phải yết lại ở các dịch đình và ven núi ven sông. Người nào làm trái, cho phép [xã] sở tại bắt giải lên trên.

[7a] Hậu mệnh: Chờ mệnh; ở đây là chờ đợi tiếp sứ Trung Quốc.

[10a] A.1210 và A.4/5 chép thêm một việc:

Tháng 4, rồng vàng hiện ra ở Trạch Các. Trăm quan dâng biểu chúc mừng.

[12a] Bản A.4/5 chép rõ thêm: Sai khám lại ruộng công và tư ở các xã ven sông. Bấy giờ mới đắp đê khác, hao tổn ruộng đất của dân. Nhiều nơi phải chịu thuế ruộng. Chúa nghe biết chuyện ấy, xuống chỉ sai khám đo lại, khai rõ rồi xét trừ bớt thuế.

[13a] Bản A.4/5 thêm: Sai Trấn thủ Sơn Nam: phàm khách buôn Trung Quốc còn ở lẫn trong hạt ấy đều phải đuổi về phố Triều (?) và cấm các nhà hào mục trong dân gian tàng trữ binh khí. Đó là theo lời của Hiến phó Nguyễn Mậu Dĩnh.

14. Tháng sáu, sắc cho quan chính phủ không được kiêm chức ngự sử đài, lấy đó làm lệ mãi.

15. Giáng Thượng thư bộ Lại Trần Huy Bật làm Thượng thư bộ Công. Trước đây gia ơn lạm đến 2.200 người[15a] chúa sai Nguyễn Đình Huấn, Lê Quý Đôn tra xét, lấy cớ Bật trước đây ở Kinh diên mà không biết uốn nắn cho vua nay **[tờ 78a]** giáng chức. Bởi thế Bật không được dùng nữa[15b],[15c].

16. Quan điều khiển Gia Định là Nguyễn Phúc Đàm tiến đánh giặc Xiêm, thắng trận. Trước đây vua Xiêm là Phi Nhã Tân đem quân vào cướp. Thống suất Nguyễn Phúc Khôi tham mưu Nguyễn Hữu Miên đóng quân không cứu, cho nên Hà Tiên bị mất.

17. Chúa Nguyễn sai Nguyễn Phúc Đàm làm Đốc chiến, Nguyễn Đại Tiến làm Tham tán đốc suất thủy binh bộ binh dinh Bình Khang, Bình Thuận gồm một vạn quân, 30 chiếc thuyền tiến đi. Đàm đi từ Tiền Giang tiến đến. Lưu Long Hồ, cai bạ Nguyễn Khoa Thuyên từ đường biển Kiên Giang tiến đến. Lưu thủ Tống Phúc Hợp từ Hậu Giang tiến giữ Châu Đốc, để tiếp ứng cho 2 đạo quân kia. Thuyên tiến đánh giặc Xiêm không thắng, lui về dạo Kiên Giang. Đàm dùng người Cao Miên là Nhâm Lịch Tối làm tiên phong, tiến đến Nam Vang đánh phá giặc Xiêm, chém giết rất nhiều, thu lại các phủ Nam Vang, La Bích. Phi Nhã Tân chạy về Hà Tiên. Nặc Ông Non chạy về Cần Bột. Quốc vương Cao Miên là Nặc Ông Tôn lấy lại nước. Bọn Đàm thắng trận trở về, đắp thêm lũy đất phía nam từ Cát Ngang phía tây đến Lão Huệ, phía bắc giáp cửa trên sông Nghi Giang, kéo dài 15 dặm bao quanh dinh đồn Gia Định, chặn ngang **[tờ 78b]** con đường bộ, để làm kế chống giữ. Phi Nhã Tân đưa thư cho Mạc Thiên Tứ muôn hòa hiếu. Thiên Tứ không trả lời. Tân tự nghĩ mới lấy được nước Xiêm, sợ chỗ căn bản chưa vững, bèn để Chiêu Khoa Liên lại giữ Hà Tiên, tự mình đem quân về nước Xiêm, đến thành Vọng Các, đem các người bị bắt như con của Phong Vương là Chiêu Thúy cùng con trai con gái của Mạc Thiên Tứ giết hết đi.

(15a) Bản A.1210 chép là: 1200 người.

(15b) Bản A.4/5 chép: Bấy giờ Trần Duy Bật: ở Kinh diên, nhà vua quí trọng, đem công chúa gả cho con của Bật. Chúa ghét lắm. Lê Quý Đôn thừa chỉ hạc tội Huy Bật đã nhận nhiều sắc chỉ của nội cung, ban ơn quá rộng rãi, nên giáng chức.

(15c) Bản A.4/5 thêm một việc:

Mặt trăng và sao Kim đều đóng ở vị trí sao Liễu.

18. Mùa thu, tháng bảy, chúa cho Lê Quý Đôn làm Ngự sử, rồi lại cho Thự tế tửu Quốc Tử giám.

19. Cạnh mặt trời có đám mây: một đám quay lưng lại mặt trời, một đám ôm lấy mặt trời, đều có hai màu xanh và trắng, mà màu xanh thì thành ba vòng.

20. Cho Nguyễn Thưởng làm đốc trấn Lạng Sơn.

21. Tháng chín ngày Đinh Mùi, nguyệt thực. Sao Thái Bạch mọc ban ngày.

22. Mùa đông tháng mười, hội thi các người đã đỗ thi Hương, lấy bọn Hồ Sĩ Đông 13 người hợp cách[22a].

23. Thi khoa Bác cử [thi võ].

24. Nguyễn Nghiễm trình bày phép chạy trạm, từ Nghệ An đến Kinh Bắc. Lạng Sơn mỗi trạm lính trấn 18 người, liệt hiệu một người, ngựa hai con, công văn đi về lần lượt đệ chuyển. Chúa cho làm theo như thế **[tờ 79a]**.

25. Tháng mười hai thi Điện, cho Hồ Sĩ Đống, Nhữ Công Chân đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Trần Công Sán 2 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Quý Tỵ Cảnh Hưng năm thứ 34 [1773] (Thanh, Kiền Long thứ 38)

1. Mùa xuân, tháng giêng chúa Trịnh Sâm đi tuần phương tây tới núi Tản Viên.

2. Tả đô đốc quyền phủ sự hưu trí, Trung Phái hầu Nhữ Đình Toàn mất. Toàn giỏi văn học, mưu lược đủ dùng mà trước sau khiêm tốn, mỗi khi được bổ chức trọng yếu, liền nhã nhặn xin từ. Năm đã già xin đổi sang làm võ chức. Từ Thượng thư đổi làm Hữu Hiệu điểm, quản đội Nghiễm hữu, gia phong "Suy trung dực vận công thần". Đến bấy giờ mất, tuổi 72, tặng Thái bảo, ban thêm chữ "Quốc lão".

3. Thượng thư bộ Hình Lê Trọng Thứ lại hưu trí. Thứ thẳng thắn, dám nói, đầu năm Canh Thân [1740] khởi dụng từ lúc đương nhàn rỗi, bèn lấy việc can ngăn làm trách nhiệm của mình. Những việc quân việc

---

[22a] Bản A.4/5 chép thêm: Bấy giờ chúa Tĩnh Vương đẻ nên nhà vua không còn sợ gì nữa. Trong trường thi ngày thứ 3 thi trước mặt vua, lại ra đề: "Quân đức nhật tân" (đức của vua ngày càng đổi mới. Chữ Tân là miếu hiệu của vua Kính Tông Huệ Hoàng đế). Đến kỳ thứ 4, Lê Quý Đôn hầu đề lại có câu: "Đồ giang dư lương". Chữ Giang là tên húy của Dụ tổ Thuận vương.
Người đương thời cho rằng đó là điềm nhà vua nhà chúa không kiêng nể nhau.

nước quan trọng phần nhiều phơi bày sáng tỏ, bởi thế ngày càng được chúa biết đến. Chúa Trịnh thường viết thư khen là người trung thực. Trước vì mãn hạn nghỉ việc, lại được dùng lại trong 15 năm nữa. Đến bấy giờ 80 tuổi lại xin cáo lão. Chúa ưng cho. Từ đời Lê Trung hưng đến đấy, chỉ có 2 người là Đặng Đình Tướng và Lê Trọng Thứ là hai lần hưu trí **[tờ 79b]**. Đám văn thân đều cho là vinh hạnh.

4. Tháng ba, sai Phó đô ngự sử Nguyễn Khản[4a] kiêm làm đồn điền sứ lộ Trường Yên. Lúc bấy giờ ruộng biển ở lộ Trường Yên mỗi ngày một mở rộng thêm ra, đất màu mỡ, cấy lúa tốt, chúa sai Khản xem xét địa thế, đắp đê ngăn nước, mộ dân đồn điền, thu thóc đặt kho ở núi Dục Thúy để chứa.

5. Định ngày làm việc. Lúc bấy giờ đình thần bàn rằng chính sự nhà nước cần bàn định kỹ rồi mới thi hành. Nên mỗi tháng cứ mồng một, các quan ở phủ đài đều vào "các" bàn việc, để bày tỏ kiến thức của mình cho thấu suốt tình dân, thông đạo trị nước. Chúa nghe theo[5a].

6. Mùa hạ tháng tư, đại hạn, hồ giếng đều cạn, chúa Trịnh Sâm cứ mật đảo[6a] ở trong phủ, bớt thức ăn, bỏ ca nhạc, sai quần thần tìm những chính sự thiếu sót, miễn thu thuế thân, tha thuế thiếu đã lâu, bãi việc làm cung điện, xét hình ngục, sai tam ty bày tỏ sự đau khổ của dân tâu lên. Lệnh chỉ ban xuống, trăm họ vui mừng. Ngày hôm sau mưa to nhu trút nước, chúa làm bài thơ mừng mưa đưa cho các quan xem.

7. Cho Phạm Huy Đĩnh làm Thự phủ sự, Lê Quý Đôn Nhập [tờ 80a] thị bồi tụng[7a].

(4a) Bản A.4/5 chép là Nguyễn Lệ. Chú ý không nên lầm Nguyễn Lệ bị giết vì liên quan với Duy Vĩ, ở đoạn 37 năm 1771.

(5a) Bản A.4/5 chép: chúa sai phủ Liêu và đại quan đến ngày mồng một hàng tháng vào "các" bàn việc. Mọi người đều trình bày ý kiến của mình, cho thông suốt tình hình ở dưới và đạo cai trị. Do đó lễ chầu ở nội điện [điện vua Lê] bèn bị bãi bỏ.

(6a) Mật đảo: bí mật cầu đảo.

(7a) Bản A.4/5 thêm các chi tiết sau:
Trước kia khi Tĩnh Vương ở Nam phủ, Phạm Huy Đĩnh rất được quý mến. Hoàng Ngũ Phúc làm A bảo, Nguyễn Công Thái làm Bảo phó. Nguyễn Hoàn làm Hữu tư giảng. Kế đó Công Thái bị Hoàng Ngũ Phúc và Đỗ Thế Giai ghét, họ nói với Minh Vương [Doanh] đoạt chức Bảo phó của Công Thái. Do đó quyền hành ở Nam môn phủ đều quy về tay Ngũ Phúc. Cung nhân của Tĩnh Vương là họ Hoàng hay làm điều lấn vượt. Minh Vương rất bực mình. Hoàng Ngũ Phúc quy tội ấy cho Phạm Huy Đĩnh. Đến lúc này Đĩnh lại báo thù. Muốn kéo Lê Quý Đôn vào tham dự chính quyền. Khi Đôn mới vào chính phủ rất hay công kích người khác. Mọi người đàm luận sôi nổi. Chúa trách Đĩnh. Đĩnh hối hận về nói với gia khách là Trần Công Thước rằng: "Tôi tiến cử Lê Quý Đôn với chúa. Chúa tín nhiệm ông ta. Tôi đã từng khuyên can mà ông ta không nghe.

8. Thái những chức phẩm do cầu may lạm nhận. Từ năm Thân [1740] năm Dậu [1741] về sau có việc đánh giặc, trăm họ nhiều người vì có quân công, được trao chức, về sau họ đắt dẫn nhau cầu cạnh, ngày càng phức tạp, đến một nửa số bạch đinh xưng là chức sắc. Triều đình nhiều lần bàn dẹp bớt đi, mà không làm được. Chúa Trịnh đã biết tệ ấy. Sai quan kiểm tra kỹ càng, ai có quân công thì cho theo quan tịch, ai nhận vượt mức, cầu cạnh thì có giấy cáo thân đều thu hồi tiêu hủy. Số người được cấp bằng lại chỉ còn độ hai, ba phần mười. Yết thị ở cửa "các". Xa gần truyền nhau sao chép đều lấy làm khoái. Đốt những văn bằng giả mạo, không thể đếm xiết.

9. Chúa cho Hoàng Ngũ Phúc, Nguyễn Đình Huấn chưởng đốc binh chính, Nguyễn Khản, Nguyễn Đĩnh, Lê Quý Đôn chưởng đốc dân chính. Chúa Trịnh Sâm hăng hái làm việc, chán thói cẩu thả từ trước, mong có biến thông, cố vũ thực hành chính sự đổi mới[9a]. Bởi thế đại thần đều làm chức phận của mình, các chế độ đều sáng sủa.

10. Lúc bấy giờ bàn rằng: Huyện lệnh có trách nhiệm thân dân, nên cẩn thận chọn người. Bèn sai các quan tam phẩm trở lên được cử người mình biết, cho bổ đi nhậm chức Tri huyện **[tờ 80b]**.

11. Tháng năm, chúa cho Nguyễn Bá Lân làm việc bộ Lễ. Nguyễn Vĩ làm việc bộ Lại. Nguyễn Hoàn kiêm Đô ngự sử[11a].

12. Định lệ gọi và bắt người bị kiện tụng, lệ thu tiền phạt, nhận tiền tiễn[12a].

Làm thế nào bây giờ". Thước nói: "Giả sử dưới trướng của ngài có người không cần biết đúng sai cứ thấy việc là nói. Thế thì dẫu có kẻ muốn dối trá để mưu lợi riêng cũng phải sợ người ấy mà không dám làm. Mà ngài cũng biết hết được công việc ở ngoài của nhà mình. Còn lời nói ấy có đúng hay không ta có nên làm theo hay bỏ đi là do tự ta có chủ trương, người khác làm sao có thể thêm bớt được. Lê Quý Đôn đối với nhà Chúa cũng như thế. Ngài nên nói điều đó với Chúa, hà tất phải khuyên can Lê Quý Đôn". Đĩnh cho là đúng, bèn nói với Chúa. Do đó chúa càng tín nhiệm Đôn, không dao động, mà Đĩnh với Đôn càng thêm thân mật.

[9a] Từ chỗ này, bản A.4/5 chép khác như sau:
- Nhưng việc binh và việc tài chính quy về thuộc cung, đều có chỗ nắm giữ cả. Nếu thay đổi thì bọn Hoàng Ngũ Phúc và Nguyễn Nghiễm không thích. Mọi người ngờ rằng Lê Quý Đôn muốn điều tra sổ dân nên giả thác hai mục binh, tài xin cùng các đại thần cùng làm. Cho nên mới có mệnh này. Gặp lúc có bức thư nặc danh phỉ báng Lê Quý Đôn. Lời lẽ rất bực tức khinh mạn. Chúa biết lòng người không thích việc chia người đốc thúc. Việc đó bèn thôi.

[11a] Bản A.4/5 thêm: Lê Doãn Giản làm Hữu thị lang bộ Lễ. Trước kia Lân vì già xin từ chức, chúa chấp thuận. Vì Lân là cựu thần của triều trước, thông thạo điển cũ, nên có đặc chỉ cho lưu lại ở nhà tại kinh sư để phòng hỏi đến. Tới bây giờ lại có mệnh này.

[12a] Tiền tiễn: Theo Lịch triều hiến chương loại chí (Bản dịch của Nxb Sử học, 1961, tập III, tr.80) thì cứ 100 quan tiền tang có 2 quan tiền "tiễn".

13. Định điều lệ trưng thu thuế ruộng, thuế thân[13a].

14. Chúa Trịnh Sâm nghĩ: Quân lính nhiều người không đủ ăn, bèn định cuối năm cứ tháng cuối xuân, giữa thu đem tiền kho cho vay, ưu binh mỗi người 2 quan, đến tháng cuối hạ, tháng giữa đông phải nộp trả lại đúng hạn. Lại sai quan võ kiểm soát binh lính do mình cai quản, cấm cờ bạc, bớt khao vọng, giảm yến tiệc thiết đãi bạn bè lãng phí. Ai có tội lỗi đáng lẽ bị phạt tiền thì phạt thay bằng roi vọt, hay là hạ truất cấp bậc.

15. Làm lại sổ hộ tịch. Lúc bấy giờ thái bình đã lâu, hộ khẩu sinh sôi nhiều. Chúa Trịnh muốn biết rõ nhân số để thu thuế, phân bổ sai dịch cho công bằng. Bèn sai đại thần bàn phép làm sổ hộ tịch. Dụ rằng: "Nhà nước mới trung hưng, chiểu theo lệ cũ, hộ tịch 3 năm một lần làm hại. Năm Cảnh Trị mới định lệ "quân bình"[15a] không thể tăng giảm, trải hơn 50 năm, dần dần có nhiều sai suyễn. Năm Bảo Thái [1722] làm lại, vẫn lần nữa dựa theo ngạch cũ, không tiếp tục sửa, đến nay lại đã hơn 50 năm, ngẫu nhiên gặp binh lửa, cũng có làng điêu tàn. Tiên vương ta nhân sâu ân hậu, nuôi dưỡng tốt, nên dân sinh sôi này nở, hộ khẩu ngày càng thêm nhiều, mới biết điều lợi hại chưa kịp sửa chữa. Ta từ lúc thân nắm chính quyền đến nay, lưu tâm giữ dân, chỉ mong thi hành chính sự nhân nghĩa, cốt cho diêu dịch công bằng, thuế khóa vừa phải. Nếu hộ khẩu nơi nhiều nơi ít chưa điều tra, tức là sự nặng nhẹ còn chênh lệnh. Bèn sai so sánh đời xưa, châm chước ngày nay, mà định lệ thuế, xét thực nhân số, sửa lại hộ tịch, tùy liệu sức dân, quân bình thuế khóa sai dịch, bớt những đòi hỏi ngoài thuế, bỏ những đóng góp trái thời. Dùng quan to làm chưởng đốc, hạ lệnh cho trăm họ đều [tờ 81a] khai thực dinh khẩu nộp tại huyện, huyện dâng lên Chính phủ thống kê lưu trữ: Việc tăng giảm do dân tự liệu số nhân khẩu mà nhân số hộ, bỏ những hạng cầu may, lạm nhận, bớt những người theo lệ được miễn trừ, làm đủ vào sổ sách". Đại khái hộ khẩu cũng có xã tăng xã giảm, có xã bình thường. Số thuế mỗi nhân suất phải chịu hơi nhẹ hơn ngạch thuế năm Nhâm Dần niên hiệu Bảo Thái [1722], Nhân dân đều cho là tiện[15b].

[13a] Bản A.4/5 thêm các việc:
Nhắc lệnh cấm đối với binh lính ở ngoài.
Nghiêm cấm việc đúc trộm tiền.
Đòi xứ Thanh Hoa nộp lính trốn.

[15a] Quân bình: Lấy mức trung bình cố định, có người sinh ra thêm cũng không tính, người chết đi không trừ.

[15b] Bản A.4/5 chỗ này chép như sau:

16. Xét: Triều Lê từ đời Hồng Đức [1470-1497] đến khoảng đời Thịnh Đức [1653-1657], Vĩnh Thọ [1658-1661], Hộ tịch 3 năm một lần tiểu tu, 6 năm một lần đại tu: sai quan duyệt tuyển, sai xã dân xếp loại, kê khai hộ chính, hộ ngụ, chia làm hạng tráng, hạng dân, hạng quân, hạng cố, hạng cùng. Lão nhiêu tàn tật thì biệt tính (biệt tính tức là hạng miễn sai), người phiêu bạt thì dể ra ngoài sổ. Trưởng thành đến tuổi thì biên vào sổ. Người ngụ cư thì biên vào sổ phụ. Mỗi xã làm 4 bản: một bản dâng lên triều đình, một bản nộp bên bộ Hộ, một bản nộp Thừa ty, một bản đưa huyện giữ làm lưu chiểu, thu thuế chọn lính cứ theo sổ này mà tính toán tra xét, không đến nỗi có cái tệ chênh lệch nặng nhẹ quá đáng. Khoảng năm Cảnh Trị [1663-1672], triều đình nghĩ: duyệt tuyển là phiền phức, đáng chán. Mới sai quan **[tờ 16b]** chia nhau đi khám thực, cộng chung số nhân đinh, ruộng nương, tài sản của các xã liệu bổ số suất rồi lập ra lệ "quân bình", người sinh ra không kể, chết đi không trừ, do đó phép cũ bị thay đổi hết.

17. Còn hai xứ Thuận [Hóa] Quảng [Nam] từ đời Lê Quang Thuận [1460-1469] đến khoảng Quang Thiệu [1516-1522] Thống Nguyên [1522- 1527] còn thuộc sổ sách Thừa tuyên. Đến đời Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế ta[17a] kiêm trấn đất ấy, tiếp đến các chúa thánh nối nhau, khai thác ngày càng rộng, lập riêng thành một khu vực lớn, việc binh dân thuế khóa đều nắm giữ. Sáu năm một lần duyệt tuyển, tháng giêng sai quan, tháng sáu mở trường [duyệt tuyển].

(Ba huyện Hương Trà, Phú Vang, Quảng Điền làm một trường. Ba huyện Đăng Xương, Hải Lăng, Minh Linh làm một trường. Hai huyện Khang Lộc, Lệ Thủy cùng châu Nam Bố Chính làm một trường). Các chức được cấp bằng có dấu đỏ thì gọi là lánh ngoại[17b], sinh đồ, nhiêu học cho miễn đi lính và sai dịch, còn đều chiếu nhân số tăng giảm mà chọn lính, thu

---

Sau Nguyễn Nghiễm, Nguyễn Phương Đình, Lê Quý Đôn coi việc ấy. Nghiễm và Đình chỉ là danh nghĩa. Mọi việc do Lê Quý Đôn chủ trì. Việc kê khai tra xét làm rất nghiêm khắc, khảo lược rất thảm độc. Dân đều nghiến răng. Có người làm thư nặc danh dán ở cổng phủ, xin bãi chức Lê Quý Đôn mà dùng Hoàng Ngũ Phúc. Lời lẽ rất khích thiết. Chúa sai Hoàng Ngũ Phúc, Nguyễn Nghiễm cùng với Lê Quý Đôn chưởng đốc việc dân chính. Hoàng Ngũ Phúc xin theo điều lệ năm Cảnh Trị [1663-1671] mà thi hành. Chúa nghe theo. Công việc đơn giản mà nhanh chóng. Chỉ trong vài tháng làm sổ xong. Người ta cho là tiện.

(17a) Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế: chỉ Nguyễn Hoàng trấn thủ ở Thuận Quảng từ 1558 đến 1612. Đoạn này chắc chắn mới được thêm vào trong thời Nguyễn.

(17b) Lánh Ngoại: loại đặc biệt, riêng biệt [được miễn thuế].

thuế. Đấy cũng là dựa theo lệ đời Hồng Đức, không có gì thay dổi. Gần đây xem hộ tịch các năm Kỷ Sửu [1769] Quý Tỵ [1773] niên hiệu Cảnh Hưng, của Thuận Quảng, thì xứ Thuận Hóa: Hai phủ Triệu Phong, Quảng Bình có 8 huyện 1 châu (phủ Triệu Phong có 5 huyện là Hương Trà, Phú Vang, Quảng Điền, Hải Lăng, Đăng Xương. Phủ Quảng Bình có 3 huyện là: Khang Lộc, Lệ Thủy, Minh Linh, 1 châu là: Nam Bố Chính). Nhân số [của Thuận Hóa] 126.857 người. Xứ Quảng Nam có 9 phủ là: Điện Bàn, Thăng Hoa, Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên, Diên Khánh, Bình Khang, Bình Thuận, Gia Định, cộng 9 phủ, 24 huyện, 1 châu (phủ Điện Bàn có 4 huyện là: Hòa Vang, An Nông, Diên Lộc, Tân Phúc. Phủ Thăng Hoa có 3 huyện là Duy Xuyên, Lễ Dương, Hà Đông. Phủ Quảng Ngãi có 3 huyện là Bình Sơn, Chương Nghĩa, Mộ Hoa. Phủ Quy Nhơ có 3 huyện là Bồng Sơn, Phù Ly, Tuy Viễn. Phủ Phú Yên có 2 huyện là Đồng Xuân, Tuy Hòa. Phủ Diên Khánh có 3 huyện là Phúc Điền, Vĩnh Xương, Hoa Châu. Phủ Bình Khang có 2 huyện là Quảng Phú, Tân Định. Phủ Bình Thuận có 2 huyện là An Phúc, Hòa Da. Phủ Gia Định có 3 dinh là Trấn Biên, Phiên An, Long Hồ, 2 huyện là Phúc Long, Tân Bình, 1 châu là Định Viễn). Nhân số cộng 165.079 người, còn ngoài ra các dân man ở đầu nguồn, bờ suối, bãi bồi, dân rẻo cao sống du canh du cư không kể vào trong số ấy. Hai phủ thuộc Thuận Hóa ruộng đất là hơn 265.507 mẫu 4 sào. Trong số ruộng ấy thực cày hơn 153.181 mẫu. Chín phủ thuộc Quảng Nam ruộng thực trưng là hơn 270.000 mẫu. Còn ngoài ra, ruộng đồn điền, trang điền của các quan, ruộng ngụ lộc, ruộng mới khẩn, đều không kể vào trong số ấy.

18. Xét: khoảng năm Kỷ Dậu (?) niên hiệu Cảnh Hưng, hai phủ thuộc xứ Thuận Hóa số lính 41.486 người. Xứ Quảng Nam từ Điện Bàn đến Phú Yên 5 phủ, số lính là 91.386 người, phủ Gia Định 3 dinh, cùng châu Định Viễn, số lính là 38.092 người. Còn lính coi kho, lính thuộc [thuộc binh] và 3 phủ Diên Khánh, Bình Khang, Bình Thuận không kể vào số lính ấy. Lại 2 phủ thuộc xứ Thuận Hóa, mỗi năm nộp tiền sai dư[18a] cộng 153.000 quan 5 tiền, thóc thuế 3619.283 thăng 65 hợp, gạo 63.659 thăng 5 hợp, phụ tiền 319 quan một tiền. Tiền thuế hoa châu[18b] 1497 quan 2 tiền 26 đồng. Nộp thay tiền cót ở kho 2.672 quan 4 đồng. Sáu phủ thuộc xứ Quảng Ngãi mỗi năm nộp tiền sai dư, tiền thường tân[18c] **[tờ 82b]**

(18a) Sai dư: Thuế thân thu thêm ngoài nghĩa vụ sai dịch người dân phải gánh vác.

(18b) Thuế hoa châu: chưa rõ là thuế gì.

(18c) Thường tân: Tức lễ "cơm mới". Hằng năm dân phải nộp tiền lễ "Thường tân" cho triều đình, cho các trấn thủ.

tiền sắm tết[18d], các hạng tiền nộp thay sản vật công 24.3899 quan 4 tiền 28 đồng. Thóc thuế 6.048.526 thăng, gạo 61.040 thăng. Lại từ Điển Bàn đến Phú Yên 5 phủ, tiền khoán cho 15.592 quan 4 tiền 49 đồng. Tiền cót 2822 quan 15 đồng. Lại tiền thuế núi, chằm, cửa ải. bến đò, thuế đò, thuế chợ cộng 76.467 quan 2 tiền 40 đồng. Còn thì vàng, bạc, trầm, quế, đồi mồi, kỳ nam, ngà voi, tê giác, gân hươu, yến sào, vây cá, ô mộc (gỗ mun), hồ tiêu, chiếu hoa, chiếu trắng, sợi mây, nhựa trám, dầu thắp đèn, hương, sáp, mật, đường, sa, gấm, lụa màu, các thức ăn quý, của cải, đều có cung nộp, kho vựa chứa đầy, nhà nước dùng thường thừa thãi.

19. Chúa Trịnh Sâm nhắc nghiêm quân lệnh, dụ quân dân đến xứ Thanh Nghệ rằng: "Tiền triều miễn sai dịch thuế khóa cho 2 xứ ấy là để lấy người 2 xứ ra làm lính, mặc áo giáp làm nanh vuốt cho nhà nước. Gần đây, lính trong sổ có nhiều người bỏ trốn. Số lính thiếu, ít nộp đủ: dân ương ngạnh lẩn tránh, lâu dần thành thói quen.Nay cho đại thần chưởng đốc. Sai quan các trấn tra bắt bọn lính trốn thiếu. Các nơi đều nên tuyển đinh mà ứng duyệt, đều phải vui vẻ vào lính, ai giả mạo đi thay, quyết không tha thứ". Bèn sai quân quan kê khai rõ quân số thực còn dưới quyền mình giữ nghiêm kỷ luật đối với lính trốn: dùng 3 bậc trị tội. Ai che dấu thì trị tội nặng. Bởi thế chính sách quân đội được nghiêm chỉnh.

20. Sai trăm quan tra kê sổ tài sản thuế khóa cả nước thu nộp tiêu đi còn lại bao nhiêu.

21. Lại cấm 7 điều: 1) Cấm lính dồn không được [tờ 83a] đánh thuế người qua lại buôn bán. 2) Nhân dân không được tổ bậy ruộng lậu thuế. 3) Người cai quản không được bắt xử việc kiện tụng. 4) Nhà quan không được chiếm bậy ruộng của dân. 5) Việc án mạng không được tự tiện xử hòa. 6) Đường đê nếu không bị sụt lở, đất bãi nếu không có bồi nhiều thì không được khám đo. 7) Các bến đò, các chợ trước không có lệ thuế thì không được tự tiện thu thuế. Đây là theo lời xin của Tam ty các lộ mà làm[21a].

22. Định phép về thời hạn các quan nhậm chức ở ngoài.

23. Cho Nguyễn Khản làm Nhập thị bồi tụng.

24. Cấm đúc trộm tiền. Ai có công tố cáo ra kẻ đúc trộm thì thưởng chức tước 2 bậc.

(18d) Nguyên văn là "tiết liệu" (tiền sắm tết)? Dân cũng phải nộp như trên.

(21a) Bản A.4/5 thêm một việc: Nước lũ, đê Đông Trạch vỡ. Ba phủ Thường Tín, Ứng Thiên, Lý Nhân nhà cửa trôi dạt, lúa má chìm ngập.

25. Tháng tám, cho Nguyễn Hoán làm Thiếu phó.

26. Tha các tô thuế bỏ thiếu đã lâu và tiền chuộc tội.

27. Hạ lệnh cho nhà giàu nộp của để trao chức. Lúc bấy giờ đê sông sạt lở, bồi đắp tốn nhiều tiền. Đình thần bàn rằng: công trình đắp đê to lớn, tất phải lấy của dân. Nhưng lấy của dân cũng phải có cách nào. Nên đem chức tước mà thu hút của cải của nhà giàu, thì nhà giàu sẽ không tiếc của. Tài và lực hai cái đều thừa thãi, thì việc đắp đê có thể xong được. Chúa nghe theo.

28. Tháng chín, cho các lộ Tây, Nam, Bắc, giảm một nửa thuế gia tô[28a] về năm sau.

29. Lại cấm đạo Hoa Lang (đạo Cơ Đốc). Hạn 2 tháng phải đổi hết thói cũ, ai trái **[tờ 83b]** lệnh này thì trị tội. Phường xã không tố giác mà có ý buông tha đều phải tội lây. Ai tố giác ra thì cho miễn sai dịch 3 đời.

30. Cho Phạm Huy Đĩnh làm Trấn thủ Sơn Nam.

31. Mùa đông tháng mười, định lệ nhiêu ấm đối với công thần.

32. Đại tư đồ Liêu quận công Vũ Đình Trác mất. Trác là người xã [Tiên] Kiều, huyện Kim Động, làm quan đến Hữu nạp ngôn, Cai cơ, Phó tri Hộ phiên, lĩnh trấn thủ Tuyên Quang, Trác chầu hầu 2 triều, ra vào cửa cấm. Vì có đức trung thành thuần cẩn được chúa yêu, đến khi mất, truy tặng làm phúc thần.

33. Năm ấy tháng sáu, Nguyễn Văn Nhạc ở Tây Sơn giữ thành Quy Nhơn "làm loạn". Nhạc người thôn Tây Sơn, huyện Phù Ly, Phủ Quy Nhơn, trước làm nghề buôn gánh và đánh bạc. Nhận giấy sai của Quốc phó Trương Phúc Loan làm Biện lại, thu thuế tuần ty chợ Trầu ở Na Sơn. Vì tiêu mất tiền thuế, bèn vào núi giữ chỗ hiểm làm "giặc". Thủ hạ có hơn 100 người đi cướp bóc những ấp lân cận. Tướng trấn thủ ở đó không trị nổi. Đến khi ấy Nhạc tự xưng là Tây Sơn Vương. Những kẻ mạnh bạo ở địa phương đều đi theo. Nhạc vốn dũng cảm, tự chui vào xe cũi, sai thủ hạ chuyển đệ lên quan, nói rằng: "Bắt được Biện Nhạc đem nộp để lấy thưởng". Tướng giữ Quy Nhơn mừng lắm, nhận ngay, đến đêm Nhạc cùng thủ hạ phá cũi ra **[tờ 84a]** giết lính canh ngục, tha tù ra, bắt viên tướng trấn thủ ở đó giết đi. Rồi giữ thành ấy, xua dân làm lính, sai em là Nguyễn Văn Bình (tức Nguyễn Văn Huệ), Nguyễn Văn Lữ chia

---

[28a] Gia tô: Ngoài chính tô mà còn bổ thêm thuế điền gọi là gia tô.

quân đi đánh cướp các thành ấp Phú Yên, Diên Khánh, Quảng Ngãi. Cõi nam vì thế rối động. Lúc ấy 2 xứ Thuận, Quảng vì thái bình lâu ngày, tướng sĩ không từng trải chiến trận. Nghe nói sai đi đánh "giặc", họ đều sợ hãi, [xin Trương Phúc Loan] miễn cho. Trương Phúc Loan lại ăn của đút, đổi sai người khác đi thay. Người bị sai sau, tìm người khác thay, không được, đều oán giận, hễ đánh trận là chạy ngay, lại không bị khép vào quân luật, bởi thế cứ thua mãi. Nhạc thừa nhuệ khí đánh phá dinh Quảng Nam. Những kẻ vô lại và khách buôn là tên Tập, tên Lý đều lấy quân đi theo. Một đứa xưng là Tập Đình hầu, đội quân của y xưng là đạo Hòa Nghĩa, lại lấy đinh tráng Quảng Nam làm lính, sai cạo đầu kết tóc gọi là người Trung Quốc [Đường Nhân]. Mỗi khi ra trận thì uống rượu say, cởi trần, cổ đeo vàng mã, tỏ ý liều chết. Quân Thuận Hóa nghe tiếng đã chạy tan. Từ đèo Hải Vân trở về nam đều bị Nguyễn Văn Nhạc chiếm cứ. Lúc bấy giờ xứ Thuận Hóa liền mấy năm mất mùa, dân bị đói. Lại gặp biến loạn, việc điều tướng phát binh liên tiếp không ngơi. Quân dân khổ **[tờ 84b]** vì đánh dẹp, họ đều có lòng muốn làm loạn. Nhạc dùng kẻ phản gián: làm giả thư của Trương Phúc Loan, trong đó nói Loan sai Nhạc làm loạn, đưa cho quân đến giữ ở Thuận Quảng là Tham mưu Tá. Tá đem thư báo cho Chưởng cơ Văn Đức hầu (là anh của Duệ Tông Nguyễn Phúc Thuần) tâu lên chúa. Loan cố cãi là không làm thư ấy và so điểm chỉ thấy không đúng, chúa Nguyễn mới không bắt tội. Loan ngờ thư ấy là do Tham mưu Tá làm ra, bèn đòi Tá về tra tấn. Tá không nhận, Loan giết Tá đi. Loan lại sai người vu cáo Văn Đức hầu thông mưu với "giặc" Nhạc, bắt giam vào ngục. Vài tháng sau Văn Đức hầu trốn ra được, đến ở trong rừng châu Bố Chính. Lại bị người tố giác ra. Loan sai người đi tìm, bắt được Văn Đức hầu, đem về dìm xuống vụng Tam Giang. Người ta ai cũng thương Văn Đức hầu chết oan.

34. [Tháng mười hai, định lệ nhiêu ấm cho các công thần][34a]

[34a] Đoạn trong ngoặc vuông là bổ sung theo bản A.4/5.

HIỂN TÔNG VĨNH HOÀNG ĐẾ

(Tiếp theo)

Giáp Ngọ, Cảnh Hưng năm thứ 35 [1774] (Thanh, Kiền Long thứ 39)

1. Mùa xuân tháng giêng, đầu mục Thuận Quảng là chúa Nguyễn sai Lưu thủ dinh Long Hồ là Kinh Thận hầu Tông Phúc Hợp làm Đốc suất, hợp cùng Cai bạ Hiến Chương hầu Nguyễn Khoa Thuyên đốc lĩnh tướng sĩ 5 dinh: Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ, gồm 2 vạn quân thủy quân bộ, tiến đến địa phận Phú Yên, điều khiển trú phòng[1a] để chống quân Tây Sơn. Tống Phúc Hợp đem quân bộ đóng ở Chợ Gò, Nguyễn Khoa Thuyên đem quân thủy đóng ở cửa cảng Vụng Lầm.

2. Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc trước dưa thư giả hàng, rồi sai em là Nguyễn Văn Huệ đem đại binh đến đánh úp, thừa thắng đuổi tràn đến Ba Non, bắt được Cai cơ Triệu Văn Hầu, các tướng [tờ 1b] thu quân lui về giữ Ô Tính, Nguyễn Văn Nhạc về Quảng Nam được tin cấp báo, cho triệu Huệ đem quân vê Quy Nhơn, chi lưu tướng quân đạo Hòa Nghĩa đem lính bản đạo đóng đồn Phú Yên để giữ đằng sau.

3. Tháng hai, Nghệ An đói, dân nhiều người bị chết. Quan cầm quyền bàn phát chẩn, cho vay và đem 3 điều của Bồi tụng Lê Quý Đôn thi hành[3a]. Bèn lưu những diền sản[3b] của phủ hộ nộp vào để lại ở trấn để phát chẩn, bãi thuế tuần trong hạt; nghiêm việc phòng giữ mặt biển. Hoãn việc truy bắt lính trốn; hoãn việc xét xử kiện tụng; nghiêm trách Hiến ty phải xét kỹ các điều đau khổ của dân, tâu lên để cứu cấp cho dân[3c].

(1a) Trú phong: quân được chia đi đóng các nơi cần thiết để phòng giữ.

(3a) Bản A.4/5 chép rõ thêm: "Chúa mệnh cho quan cầm quyền bàn thi hành việc cứu chẩn. Trong 6 điều Lê Quý Đôn dâng lên, chúa chọn lấy 3 điều thích hợp và cho Chính dường [Phủ liêu] ban thi hành phép phát chẩn".

(3b) Bản A.4/5 chép: tiền và thóc.

(3c) Bản A.4/5 và Cương mục thêm một câu: "Nhưng những việc ấy cũng chỉ là giấy má mà thôi".

4. Tháng ba[4a], sai Trấn thủ Sơn Nam là Thiều quận công Phạm Huy Đĩnh, Bồi tụng Dĩnh Thành hầu Lê Quý Đôn khám đạc ruộng ngoài quanh ven biển xứ Sơn Nam, đắp đê, mộ dân đến cày cấy.

5. Tháng tư, mùa hạ, cho Đại tư đồ Chưởng phủ sự Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc là Quốc lão, gia phong 2 chữ "công thần" [tờ 2a], cho về hưu trí (do năm ấy [Ngũ Phúc] 62 tuổi, có biểu xin hưu[5a]).

6. Sứ thần là bọn Đoàn Nguyễn Thục từ nước Thanh về. Chúa thăng Thục làm Phó đô ngự sử; Vũ Huy Đĩnh làm Thừa chính sứ Sơn Nam, Nguyễn Xuân Huyên[6a] làm Hàn lâm thừa chí. Thục tự nghĩ đi sứ không được công trạng gì, xin từ chức. Chúa ưng cho. (Trước kia dư đảng của [Hoàng Công] Chất là Hoàng Công Toán[6b] trốn sang đất Thanh được quan tỉnh Vân Nam che chở cho. Triều đình ta nhiều lần tư đòi mà họ không trả. Gặp lúc bọn Thục đi sứ, chúa dặn biện bạch việc ấy ở triều đình nhà Thanh. Vua Thanh không nghe. Cho nên Thục vì cớ ấy mà từ chối[6c] [6d].

7. Làm xong hộ tịch. Trước đây quan huyện dâng sổ đinh khẩu, việc tăng giảm nhiều ít, nhiều nơi làm chưa đúng, dân đến tố cáo ồn cả lên. Chúa sai quan kinh chia nhau đi xét lại. Đến bây giờ số hộ tịch hoàn thành, dâng lên.

8. Tháng năm, chúa cho Thượng thư bộ Lại, Bồi tụng Nguyễn Hoàn làm Tri Hàn lâm viện sự.

[4a] Chỗ này bản A.1210 chép thêm một việc: "Ra lệnh cấm không được mạo chít khăn lương" (Lục phiên, phó thiên tri, câu kô cho đội khăn thanh cát {khăn vải đen}, lụa nam để phân biệt với kẻ sĩ trong triều. Còn các viên Tham tụng, Hiến phó đều cấm).

[5a] Bản A.1210 và A.4/5 đều chép chi tiết hơn: Chưởng phủ sự Đại tư đồ Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc xin hưu. Chúa ưng cho. Theo quy chế cũ: các bề tôi đến 70 tuổi mới được về hưu, sau đó lấy 65 tuổi làm hạn, duy có Trịnh Liễu vì là bậc nguyên cữu {cậu của nhà chúa} nên 60 tuổi được về. Giáp Nguyễn Khoa vì theo hầu chúa từ khi chúa lên ngôi cũng xin theo lệ ấy {hơn nữa} được nhiều người tả hữu nói giúp, cho nên Chúa đồng ý.

Đến đây Ngũ Phúc tuổi 62, nhiều lần dâng sớ xin về, chúa cho là bậc huân cựu [bề tôi cũ có công lao] đối đãi khác người: thuận theo lời thỉnh cầu, ban hiệu Quốc lão, gia phong hai chữ "công thần". Sự ân sủng so với các bề tôi khác có phần hơn.

[6a] Bản A. 1210 và A.4/5 đều chép là Nguyễn Đao.

[6b] Bản A.1210 và A.4/5 chép: Trước kia Công Toán con của Hoàng Công Thư [tức Chất] sau thất bại ở Thanh Châu.

[6c] Bản A.4/5 chép thêm việc: Nội giám Liêu công Vũ Đình Trác vâng mệnh hầu hạ hai triều. Y thường ra vào cung cấm, được sủng ngộ đặc biệt. Đến nay chết, được truy phong đại vương.

[6d] Bản A.1210 chép thêm: Cho Đỗ Thế Hoàng tiến triều

9. Trấn thủ Nghệ An là Đại tư mã Đoan quận công Bùi Thế Đạt (người xã Tiên Lý, huyện Đông Thành) dâng khải nói: "Chủ trại Tây Sơn là Nguyễn Văn Nhạc dấy quân làm loạn, y đã đánh lấy được Quy Nhơn, rồi tiến sát đến núi Hải Vân. Chúa Nguyễn nhiều lần sai tướng đi đánh, chưa dẹp yên được". Lúc ấy quận Việp đã xin hưu trí nhưng chưa kịp về nhà. Chúa Trịnh Sâm đặc sai đội 23 dinh và **[tờ 2b]** thủy binh các đạo Thanh, Nghệ trở vào Nam, đi trước đến Nghệ An xếp đặt việc ngoài biên. Lại sai Đại học sĩ Phan Trọng Phiên, Uông Sĩ Điển tham biện quân vụ. Cho Thiêm đồ ngự sử Đoàn Nguyễn Thục làm Đốc thị Nghệ An(9a) (9b) (9c).

10. Bùi Thế Đạt xin: trước hãy đưa thư hỏi thăm yên ủi đầu mục Thuận Quảng để dò la tình hình, Chúa Trịnh [Sâm] nghe theo, viết trát báo cho Hoàng Ngũ Phúc rằng: "Ngươi đến trấn sở Nghệ An, lập tức định liệu, làm thư đưa cho chúa Nguyễn nói: Nếu đã dẹp xong Tây Sơn thì xin phúc thư báo lại. [Việc quân ta đến đây] chỉ là chặn đường quân Tây Sơn chạy trốn thôi. Đưa thư nói rõ ý rồi về, chớ để cho họ sinh nghi, gây ra sự hiềm hấn ở biên giới".

(9a) Bản A. 1210 và A.4/5 thêm ý phê phán chính sự của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Bản A.4/5 chép: Cho Việp quận công Hoàng Ngũ Phúc làm Bình Nam thượng tướng quân, thống suất các đạo binh mã tiến đánh Quảng Thuận. Trước kia Nam Hà từ Nguyễn Hoàng chiếm cứ đã hơn 100 năm, trải qua các triều đều đặt nó ra ngoài. Riêng Tĩnh Vương [Trịnh Sâm] có chí muốn mở mang. Gặp lúc Nguyễn Phúc Thuần nhu nhược, bọn quyền thần Trương Đạt (*) chuyên nắm quyền bính, trong nước [lòng người] xa lìa. Đốc suất Nghệ An là Bùi Thế Đạt đem sự việc đó tâu lên, Tĩnh Vương ra lệnh cho Ngũ Phúc đến biên giới xem xét thời cơ chiêu dụ hoặc đánh dẹp. Phúc bấy giờ đã về hưu nhưng chưa kịp về nhà. Chúa bèn dựa vào lệ cũ cho khởi phục, lại trông coi công việc.

(*) Trương Đạt: Một tên khác của Trương Phúc Loan, Loan đã từng được phong là Đạt quận công.

(9b) Bản A.4/5 có chép thêm: Lập phép vận chuyển [Hương]. Chia đặt ba trường sở lương thực. Trường sở Sơn Nam đặt ở xã Vị Hoàng, huyện Mỹ Lộc; cho Nguyễn Đình Diễn quản lĩnh việc chi thu tiền. Lệnh cho quan từ trấn đong thóc trong hạt xay giã thành gạo đem đến nộp ở trường sở Vị Hoàng. Giao cho Đình Diễn theo đường thủy chuyển vận gạo ấy vào Nghệ An. Nghệ An đặt trường sở ở huyện Hưng Nguyên, cho trấn quan quản lĩnh, hợp với số thóc gạo mua của các nhà giàu có trong hạt và số lương của trường sở Nam đưa vào. Rồi theo đường thủy hoặc đường bộ chuyển vận vào Thuận Hóa, Thuận Hóa đặt trường sở ở Đông Hải (*). Sai Nguyễn Ngô Đao cho chuyển tất cả số lương đến đại quân. Việc chuyên vận đều được sắp xếp có thứ tự. Muôn bếp đều có ăn. Số lương thực thường dư, không thiếu.

(*) Đông Hải: đây là nói sau khi quân Trịnh đã chiếm được Lũy Thầy. Động Hải thuộc Nam Bố Chính, Quân Trịnh đắp đồn Đông Hải sau khi đã san bằng lũy (Theo Lịch triều hiến chương loại chí).

(9c) Định thuế ruộng ngoại ngạch ở Sơn Nam. Trước đây sau đo đạc ruộng ven biển được hơn 90 mẫu. Ra lệnh tùy theo đại phận mà định thuế nhiều hay ít có khác nhau.

11. Đô đốc thiêm sự Nguyễn Đình Thạch (người xã Hoa Duệ, huyện kỳ Hoa), Thái tể Nguyễn Phan (người xã Hà Dương, huyện Hoằng Hóa), Thừa chính sứ Vũ Huy Đĩnh (tiến sĩ năm [1754] người xã Mộ Trạch, huyện Đường An) đều vì tiêu lạm tiền công quỹ phải giáng chức.

12. Tháng sáu, Định lệ thuế mỏ đồng Tụ Long xứ Tuyên Quang, mỗi năm thu thuế đồng đỏ 1 vạn cân[12a] [12b].

13. Ngày 11 [19-VII-1774] Hoàng Ngũ Phúc tiến đến Nghệ An, cùng Bùi Thế Đạt bàn: sai người bí mật lẻn vào châu Bố Chính trở vào nam dò thăm tình hình, ngầm kết giao với tướng lại giữ biên giới [của chúa Nguyễn].

Bèn chia quân thành 5 chi: Hoàng Ngũ Phúc cầm quân [tờ 3b] Trung chi, Bùi Thế Đạt cầm quân Tả chi, Tiền tượng hiệu Bùi Đình Châu cầm quân Hữu chi, Dĩnh Vũ hầu Nguyễn Đình Đông cầm quân Tiền chi, Trân lĩnh hầu Nguyễn Đăng Khoan cầm quân Hậu chi, đều chiểu theo trận đồ thao diễn.

14. Lại sức cho Bùi Thế Đạt bắt lấy 50 chiếc thuyền ở cửa biển trong hạt chia cấp cho thủy quân ra biển tập. Lấy trước 7.164 dân phu đợi kỳ ra quân để vận chuyển lương thực.

15. Hoàng Ngũ Phúc sai soạn bài văn hiểu thị bằng chữ Nôm phổ biến cho dân các xã, huyện, trấn Nghệ An đều biết [bài hiểu thị] đại lược rằng:

"Nước lấy dân làm gốc, khi bình cư chi có phiền dân; Dân lấy nước làm lòng, phen hữu sự xá tua[15a] vì nước.

Nay vua ngự trị: cõi Việt đồng xuân.

Trong triều đình khuya sớm chỉnh tu[15b], từng đã mỗi giềng trăm việc, ngoài biên tái xa xăm kinh hoạch[15c] muôn cho chăn chiếu muôn dân[15d].

[12a] Bản A.1210 và A.4/5 thêm câu: Tháng 6 cho Nguyễn Trạch tiến triều (Trạch là con Hoàn).

[12b] Bản A.4/5 thêm 2 việc:

1) Nhà Thanh sai sứ đến hỏi về đầu mối việc binh. Quan coi biên giới ở Lạng Sơn phải mau chạy trạm về tâu lên.
2) Chúa sai sứ đến thăm hỏi, an ủi quận Việp Hoàng Ngũ Phúc rằng: "Ngươi là bậc cựu thần có công lao, há có thể tạm lìa tả hữu. Duy việc đánh một nước là việc lớn, không thể không gánh lấy sự khó nhọc này". Lại hiểu dụ các tướng sĩ rằng: "Ngày xưa tháng sáu, thường không dấy binh. Nhưng việc binh cốt được thời cơ, thời cơ không thể để mất. Bọn các ngươi mỗi người đều đem hết tâm lực để hoàn thành công lớn".

[15a] Xá tua: phải nên.

[15b] Chỉnh tu: tu sửa cho ngay ngắn, nghiêm chỉnh.

[15c] Kinh hoạch: Kinh doanh, trù hoạch.

[15d] Chăn chiếu muôn dân: đưa nhân dân đến chỗ yên ổn như nằm trong chăn chiếu.

Trên cao xa đêm tuyết đã băn khoăn. Dưới tuổi tác ải sương vâng giống giả.

Trăm tướng ba quân dấy dức, việc cần vương nắng hạ nào từ. Ngàn non muôn suối ruổi rong, lòng tuất chúng [tờ 3b] hào thu[15d] chẳng phạm.

Nảy thác[15e] hằng lo xứng chi. Toán dường vậy phải tòng nghi.

Khải hành dự trò sư kỳ, giúp chiến đã sẵn đoàn giáp sĩ. Điều khiển trước toan binh thực. Tê lương[15g] nên phiền sức dân phu.

Ích binh ắt muốn cương binh. Động chúng há rằng dộc chúng.

Kìa thuở Trấn Ninh tiến tiễu, thiên trùng bao xiết kể hiểm nguy. Bây giờ nha suất vận lương, bốn xứ cũng chẳng từ khó nhọc.

Cung dịch xa còn nhường ấy. Phục lao[15h] gần lại lòng nào.

Vả xứ ta kế đất long hưng, thuở tái tạo vốn một lòng ứng nghĩa, Tự tiết trước chen hàng hổ hám, phen tứ chinh từng mấy chốc tuyên lao?

Trong ngoài đành cậy vuốt nanh. Sau trước hẳng gìn sắt đá.

Sinh lý chinh hiềm địa tịch[15i], thám dân tình nào dược thuở doanh dư. Lưu hành lại gặp tuế hung, phu huệ chính, chưa chút vầy tư tức[15k].

Ưu niệm ngửa theo đức ấy. Chu tuân[15l] thêm xót dân nàn.

Ngẫm bấy nay lánh suất thế sung, thường ngạch vốn đà mãnh miễn[15m]. Huống rày lại dân đinh trưng phát, tha dao bao nỡ trọng phiền[15n]. [tờ 4a] Lòng này tính chẳng nghĩ ra. Sự ấy vốn chăng hay chớ.

Chớ chớ lệ tôn công tốc của, nẻo[15o] biên mưu chưa cẩn thì dân ta gối binh vẫn chưa yên. Đường đừng hiềm xa cửa xa nhà. Nẻo ngoại trị đã tường thì dân ta ắt đến xuân càng thỏa.

(15d) Truất chúng: thương dân; Hào thu hay thu hào: cũng như tơ hào: mảy may (nhỏ bé như sợi long mùa thu) cũng không thèm xâm phạm.

(15e) Nảy thác: Trao quyền phó thác.

(15g) Tê lương: Vận chuyển lương thực.

(15h) Phục lao: Phục vụ bằng lao dịch.

(15i) Địa tích: Đất xấu, kém màu mỡ.

(15k) Tuế hung: Năm dói. Phu huệ chính... Tư dức chưa được ban ơn để giúp dân qua lúc đói kém (tuế hung).

(15l) Chu tuân: Lời thăm hỏi.

(15m) Lánh suất: suất lính. Thuế sung: nộp dủ thuế; mãnh miễn: phải cố gắng đảm bảo.

(15n) Tha đao: Dao dịch khác, Trọng phiền: nặng nề phức tạp.

(15o) Nẻo: Thuở, khi.

Dù nghĩ đến nhất lao cửu dật[15p]; Nào ngại chi bách tính giai binh.

Tôn nhân vốn tạc lòng xưa, thấy việc cũng nặng tình dục tức[15q]. Hàm dưỡng hằng ghi ơn nặng, giúp công nên gìn chữ vong lao[15r].

Hồ tương[15s] còn nô nức thở nghinh sư; Lương thảo há ngại ngùng khi phó dịch.

Phận dương trung chin vậy, người nhà vương nên gánh việc nhà vương; Tình tưởng hậu dường nào, dân đất nước phải đỡ binh đất nước.

Sớm tới quân môn ứng hậu. Kịp theo binh ngũ tiến hành.

Dân nào hay tuân hiểu ứng thừa[15t], hiền thưởng hẹp gì ân nước. Dân nào dám thị thường hoãn khiếm[15u], nghiêm hình đành có phép quân.

Lời này há phải nghe chơi. Ai nấy miễn cung[15v] răn rõ".

16. Ngày 26, [3-VIII-1774] Hoàng Ngũ Phúc giao cho bọn Phan Trọng Phiên, Uông Sĩ Điển... viết thư đưa cho đầu mục Thuận Quảng [tờ 14b] là chúa Nguyễn. Thư đại lược rằng:

17. "Tháng trước, viên trấn mục Nghệ An có dâng khải nói: địa phương Quảng Nam có "giặc" Tây Sơn khởi binh đánh cướp, chúng đã chiếm lấy dinh Quảng Nam và dương tranh núi Hải Vân.

Trộm nghĩ: Hai xứ ấy là nơi để tiên triều hậu đãi con cháu ngoại tổ Chiêu Huân công [Nguyễn Kim] và làm phên che ngoài cho nhà nước. Nay Quảng Nam là nơi làm ra nhiều tiền của, thế khóa, đã bị "giặc" giày xéo, và dựa thân với Lạc Hòn, là nước nhỏ yếu không đủ sức giúp[17a]. Thế càng rất ngặt, Chúa tôi há nỡ coi như Tần với Việt mà không lo ngại? Sai tôi đem quân đến đây, xem sự cấp bách của Quảng Nam mà dẹp yên nạn ấy. Nay đại binh đã đến trên cõi. Trộm sợ đường xá phao đồn, hoặc nói rằng triều đình thừa nguy đánh úp. Các hạ chưa hiểu ý tôi, đem lòng ngờ vực. Cho nên đưa thư này nói rõ với mọi người tả hữu. Duy đất Thuận Quảng này cũng là đất nhà vua. Từ Đoan quốc công [Nguyễn

---

(15p) Nhất lao cửu dật: Một lần vất vả mà nhàn nhã lâu dài.

(15q) Dục tức: Muốn nghỉ binh (để nuôi sức dân).

(15r) Vong lao: quên vất vả khó nhọc.

(15s) Hồ tương: Nói tắt của câu "dan tự hồ tương": dân mang giỏ cơm bầu nước tiếp tế cho quân đội.

(15t) Tuân hiểu ứng thừa: Thân theo hưởng ứng lời hiểu dụ này.

(15u) Thị thường hoãn khiếm: Coi thường trễ nải, không làm trọn nghĩa vụ.

(15v) Miễn cung: Cố gắng.

(17a) Ngày ấy Lạc Hòn còn là một tiểu quốc độc lập ở phía tây Trị Thiên ngày nay.

Hoàng] là người thân thích có công, lĩnh tiết trấn, sau dầu hoặc sinh hiềm hấn, cũng vẫn còn là chỗ thân. Khang Vương [Trịnh Căn] ta nghĩ đến bậc thân thích có công, dẹp việc binh, sửa hòa hiếu, đã làm lời dạy dặn con cháu rằng: "Ngoại tổ ta là Chiêu Huân công [Nguyễn Kim] đức cao công lớn, con cháu nên được đất chia. Nên để đất [tờ 5b] Thuận Quảng này cho đời đời thờ phụng tiên công, từ nay về sau chớ nên lấn cướp. Nếu có sự cần kíp cũng nên lấy lòng thành mà giúp nhau. Nếu một khi thế suy sức yếu không thể tự giữ được, thì nên thu lấy đất cũ, chớ để họ khác chiếm cứ. Lại khiến cho dòng dõi tiên công cùng đất nước hưởng phúc, không mất phú quý, để không bỏ việc cúng tế tiên công". Từ đấy các thánh nối nhau không quên, không trái [lời dặn này], dẹp việc binh, bỏ hiềm hấn, cùng yên vô sự đã hơn 100 năm.

Ngày nay đem quân đến, cũng vì chúa ta theo lời dạy của tổ tiên "khi nguy cùng chia mối lo, cùng chống kẻ thù chung". Để không bỏ lời dạy của tiên vương, vì thế ta vâng mệnh đến đây, trước hãy hỏi thăm rồi mới chỉnh đốn quân voi và thuyền, nghiêm chỉnh để đợi. Các hạ nếu đã đánh lui quân "giặc", thu lại bờ cõi, không để sa sút cơ nghiệp của tiên công thì thật đáng mừng. Tôi sẽ rút quân về kinh, không phải làm gì nữa. Nếu các hạ cùng "giặc" hai bên chống nhau chưa rõ được thua, các hạ xem cơ, lượng sức, đến cầu cứu, thì lập tức tinh binh mãnh tướng đều đã chuẩn bị đủ để cứu ứng, tôi cũng xin giúp một tay. Hoặc "giặc" đã thắng thế [tờ 5a] giết hại nhân dân, làm cho các hạ phải lo, thì đất cũ của nhà nước, không thể ngồi trông cho chìm đắm. Tôi lập tức đem quân sang sông tiễu trừ "giặc", lấy lại bờ cõi và cứu vớt nhân dân. Còn như việc nối ngôi giữ gìn, chép ở lời dạy quý báu, triều đình tự có đạo trung hậu mà đối xử. Còn như câu nói rằng: "Nay chẳng may gặp sự tai biến, thừa lúc gian nguy, toan đến đánh úp" thì người nhân không nỡ làm. Nếu không phải thế, thì ngay bây giờ có thể thừa cơ, việc gì còn nhàn nhã hỏi han, đưa thêm một phen giấy tờ cho uổng phí. Quân tử cao minh xin chớ hiểu lầm.

Ngày thư này đến nơi, các hạ nên thể tất lòng chân thành áy náy của chúa ta. Và tin lời tỏ bày gan ruột của ta, nên chọn mọi cách đã nói ở trên, xét kỹ mà làm cho khéo, để không bỏ mất cõi đất tiên vương phong cho, không phụ cái nghĩa triều đình hậu đãi người thân, là nguyện vọng của ta đấy". (Thư này giao phó Tham tá Lê Quốc Đống, cựu tri nhị phiên

Phạm Công Thủ sai đến sông Gianh [Đại Lãnh] châu Bố Chính đưa cho thủ tướng[17b], khiến họ chuyển đạt).

18. Mùa thu tháng bảy, Hoàng Ngũ Phúc nghĩ: Nghệ An gạo đắt, xin hoãn thu tiền quân lính vay mùa xuân, để lính có lương ăn, chúa ưng cho.

19. Chúa cho Bùi Thế Đạt kiêm chức Đốc suất, liệu cùng Hoàng Ngũ Phúc xếp đặt việc ngoài biên. Trước đây, lúc Hoàng Ngũ Phúc đem quân đi, có xin chúa cho một người làm phó tướng [tờ 6b] nên mới có mệnh này.

20. Hạ lệnh cho quan các trấn miền đông, nam mua 50 vạn hộc thóc tải đến nơi đóng quân ở Nghệ An.

21. Sai Nguyễn Đình Huấn, Phạm Huy Đĩnh (Huấn người xã An Thường, huyện Đông Ngạn. Đĩnh người làng Cao Mỗ, huyện Thần Khê, đều là hoạn quan xuất thân) định lại lệ cấp phát tiền thóc cho các quân trong ngoài.

Lệ cũ: lính Thị hậu. Nhưng nhất là trên hết, thứ đến Nội nhưng; thứ nữa đến Tứ thị, Tứ nhưng, Tứ kiệu[21a]; lại thứ nữa đến Tứ nội. Khuông, Dực, Chấn. Thắng, Ưu Siêu, Trạch, Tuyển, 8 cơ 2 vệ[21b] đều là thân binh, lính Nhưng nhất, [hiệu nhất][21c] mỗi người phần tiền 15 quan, thóc thì lấy tiền làm chuẩn. Còn thì từ Nội nhưng trở xuống cứ theo thứ tự mỗi bậc giảm đi một quan, giảm đến 8 quan là cùng. Còn lính các dinh, cơ, vệ[21d] đội, cùng lính thuộc trấn đều là ngoại binh, tiền lương mỗi người 7 quan[21d]. Thân binh thì được ăn thừa thãi, mà ngoại binh thì ăn không đủ. Bởi thế sai định lại ngạch [tiền, thóc] cân nhắc kỹ càng, lấy bên nọ cho bên kia, rút bên nhiều bù bên ít, cho lương lính được bình quân.

(17b) Thủ tướng: tướng đóng giữ một đồn lũy.

(21a) Bản A.1210 chép là: Nội thị. Trong cương mục không có Tứ thị mà có Tứ nội bộ, Tứ nội thủy.

(21b) Bản A.1210 chép là: Nghiêm, Dực, Chấn, Uy, Ưu, Hậu, Tuyển, Trạch, 8 cơ 2 vệ.
Bản A.4/5 chép là: Nghiêm, Dực, Chấn, Thắng, Ưu, Siêu, Tuyển, Trạch, 8 cơ 2 vệ.

(21c) Chữ "Hiệu nhất" là lấy theo bản A.4/5.

(21d) Bản A.4/5 và A.1210 chép là: Cơ, thuyền.

(21d) Bản A.4/5 và Cương mục chép thêm: ... cứ 6 tiền lấy 1 thúng thóc, định lệ mỗi thúng thóc là 70 bát quan đồng, đều chiếu theo số phải chịu mà liệu lượng cấp cho lính lấy ở dân. Về việc trưng thu, chia cấp, thì khẩu phần của thân binh đều do dân [xã trù phú] cấp thóc, họ bắt ức dân đong nặng mỗi thúng thường đến hơn 100 bát. Còn ngoại binh thì lệ định cấp tiền đã ít, lại phần nhiều do dân nghèo khổ xơ xác cấp cho, thậm chí có xã không thể nào nộp được. Vì thế nên thân binh thường thừa ăn mà ngoại binh thì khổ sở vì thiếu thốn. Đến nay, hạ lệnh cho Nguyễn Đình Huấn và Phạm Huy Đĩnh chiếu theo ngạch lính và số dinh, bớt chỗ nhiều thêm chỗ ít, châm chước cân nhắc san sẻ lại cốt làm cho được quân bình, nhưng cũng không thể nào thay đổi hết tệ cũ.

22. Chúa cho Bồi tụng Vũ Miên làm Phó đô ngự sử. Miên từng làm Tán lý quân vụ Hưng Hóa, có công bắt được giặc Thành[22a] lại hầu lâu trong chính phủ. Đến bây giờ vào đại sảnh, kiêm bộ Lại và bộ Binh như cũ.

23. Quyền thần Thuận Quảng là Trương Phúc Loan **[tờ 6b]** tự xưng làm Tả thừa tướng, lĩnh Đại tư mã, Đại tư không quản Ngự lâm chư dinh, Bình chương quân quốc nội ngoại thứ sự, Tả phủ Đại đô đốc, Quốc phó, trấn thủ chưởng phủ sự, Thái phó Đạt quận công, trả lời thư của Hoàng Ngũ Phúc rằng: "Hạ tuần tháng sáu tiếp được thư, chúa tôi ủy cho tôi rửa tay nâng đọc, biết rõ thượng quốc Trịnh Vương hậu với người thân, hòa với họ hàng, yên với người xa, thương láng giềng, thành khẩn thể hiện ra ngoài lời nói, không phải coi nhau như Tần với Việt, như Lỗ với Vệ[23a]. Cảm kích biết là chừng nào, cảm từ lúc tiên vương ấp nhỏ, ở tả hữu vua, hết nghĩa giúp nước, được cắt đất phong cho, ý cũng muốn cùng nhau liên lạc, thống nhất núi sông. Nhưng sông to đã ngăn ra, nam bắc đều yên vô sự, mà bánh xe văn tự cũng vẫn như xưa, há phải đợi cùng thề ước rồi sau mới cùng diệt thù sao? Vừa rồi "con trẻ" Tây Sơn múa giáo vũng ao[23b]. Ta đã nhiều phen sửa văn đức, múa can vũ ở hai thềm, nhưng "giặc Miêu" còn ương ngạnh, bẩy tuần rồi mà chưa đến hàng[23c]. Ngờ đâu tin tức đồn xa khiến Đại vương thượng quốc phải lo nghĩ. Nay nếu dùng binh lực của ấp nhỏ mà quyết trừ bọn ấy, thì khác nào lửa mạnh đốt lông, nước sôi **[tờ 7b]** dội tuyết, chẳng đến mươi ngày. Nhưng lại nghĩ binh khí là của gở, chiến tranh là việc nguy, trong khi tiếp chiến giao phong, nhân dân tàn hại biết là dường nào. Cho nên bẩy lâu suy nghĩ, chỉ mong dẹp yên mà gươm không dính máu mới là tốt. Khôi phiền đến thượng quốc trèo đèo lội suối đem quân đến đây. Kính đọc thư có mấy câu "Khang Vương [Trịnh Căn] nghĩ đến tình thân thích công lao, cho đất Thuận Quảng để thờ cúng, từ nay về sau không được lấn cướp". Ngẫm các lời ấy dẫu sau trăm nghìn năm còn có tình cảm sâu xa. Lại có câu nói: "ấp nhỏ nếu đã đánh lui "giặc", lấy lại đất cũ, thì thượng quốc rút quân về kinh, không làm gì nữa. Nếu "giặc" còn thắng thế thì

(22a) Thành: Nổi lên ở Hưng Hóa, hoạt động cả ở vùng biên giới Việt - Trung vào năm 1761.

(23a) Tần, Việt, Lỗ, Vệ là những nước đời Xuân Thu (Trung Quốc) ở rất xa nhau, nên không có quan hệ gì với nhau.

(23b) Múa giáo vũng ao: Ý nói đám giặc nhỏ, không đáng kể.

(23c) Múa can vũ ở hai thềm: Kinh thư, thiên Đại vũ mô chép: vua Thuấn sai ông Vũ đem quân đi đánh tộc Hữu Miêu không đánh được. Sau đó Thuấn tỏ văn đức, múa quạt lông, múa thuẫn ở thềm, thì Hữu Miêu đến hàng. Ở đây ý nói dùng nhân đức mà cảm hóa, thuyết phục.

đem quân sang sông tiễu trừ "giặc" ấy, còn việc nối giữ nghiệp cũ, tự có đạo thường, không phải có lòng mừng khi thấy có tai họa". Đó thực là việc làm của bậc chân nhân quân tử, như thấy dược gan ruột, lại còn ngờ gì. Việc làm như thế, tình nghĩa như thế, cũng nên cởi áo giáp nghi quân. Đợi xem bình định, sớm báo công lớn để cho người rất thân mừng rỡ. Kính đưa lễ mọn, yên ủi nỗi nhọc nhằn của quân nhà vua. Từ nay về sau, nếu Tây Sơn còn ngang ngạnh không chịu hàng, nếu thượng quốc không có lòng đến cứu, cũng nên khúm núm đi lại **[tờ 7b]** nữa là người có lòng dạ, chỉ mong xét rõ" (Ngày 21 tháng ấy thư này đến Nghệ An).

24. Lúc bấy giờ, Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc đánh phá dinh Quảng Nam, thế rất dữ dội. Thủ tướng là Du quận công[24a] thua mãi. Chúa Nguyễn sai anh thứ là Thành quận công Nguyễn Kính[24b] coi việc giữ dinh Phú Xuân, còn mình thân đem thủy quân cùng Trương Phúc Loan ra đóng ở cửa biển Tư Dung để chống "giặc". Và sai Trường Lộc hầu[24c] làm Thống suất dinh, Lưu Đồn (gọi là dinh Mười) giữ Lũy Thầy cửa bắc Nhật Lệ, Tiệp Tài hầu[24d] làm Trấn thủ dinh Bố Chính (gọi là dinh Ngói) giữ thuộc[24d] Mao Sơn sông Gianh (Đại Linh).

25. Hoàng Ngũ Phúc tiếp được thư trả lời của Trương Phúc Loan cho là lời chc dậy. Bèn cùng chư tướng nghị bàn: trước tiên làm thư dưa cho các thủ tướng bờ nam sông Gianh dể chiêu dụ họ. Lúc ấy có Ngân Quang hầu ngầm sai con là Nguyễn Văn Nguyên lén đến nơi đóng quân trình bầy đầy đủ tình hình Thuận Quảng[25a].

26. Tháng tám ngày mồng 1 [6-IX-1774] nhật thực.

27. Hoàng Ngũ Phúc lại có thư đưa đến chúa Nguyễn, đại lược rằng: "Các hạ định dùng văn dức khuất phục kẻ làm phản, không phiền đến binh, dấy cũng là [hành động của] bậc nhân giả, đáng quý **[tờ 8b]**. Nhưng Tây Sơn là "giặc" hung ác, đốt cướp làng mạc, xua đuổi nhân dân, lại còn tiến sát Hải Dinh, dòm ngó Phú Xuân, chắc cũng là "giặc" đến cửa sân, không như dám xa xôi ở Động Đình, Bành lãi [tức là Hữu

---

(24a) Du quận công đức Nguyễn Cửu Dật.

(24b) Nguyễn Kính tức Tôn Thất Kính (cũng đọc là Cảnh) Kính là con thứ 7 Nguyễn Phúc Khoát mà Nguyễn Phúc Thuần là con thứ 16.

(24c) Tức Tống Hữu Trường.

(24d) Tức Tôn Thất Tiệp

(24d) Thuộc: Đơn vị hành chính lớn hơn thôn và phường (theo Phủ biên tạp lục).

(25a) Theo Đại Nam thực lục tiền biên, thì lúc ấy có Tôn Thất Văn con Tôn Thất Dục vì oán Trương Phúc Loan, nên dã "mách việc nước" cho bên Trịnh biết.

Miêu], không chịu đến hàng đâu. Vừa nghe từ năm ngoái đến mùa thu này, múa can vũ cũng đã lâu rồi, mà kẻ ương ngạnh ấy còn chưa đổi mặt, dân ngoài biên lầm than, ngày qua tháng lại há nên một mực lần chần ngại việc chinh chiến, nỡ để dân một phương ấy ra ngoài ư? Nay các hạ sợ phiền đến quân nhà vua, tự nghĩ có thể ngồi đấy mà xong việc, thì việc báo thành công chưa biết ngày nào, chính tôi đang mong đợi, tưởng nên khích lệ quân mã chỉnh đốn quân đội thẳng đến ải Hải Vân, quyết đánh một trận. Tôi sẽ đem đại quân đến châu Bố Chính để làm thanh thế ứng cứu: sớm đánh một trận dập tắt bọn "giặc" Tây Sơn bần thỉu đi, cho dân đem cả cõi ấy được thoát khỏi cảnh treo ngược. Mấy năm chinh chiến cũng sẽ được nghỉ ngơi, chỉ đợi ngày dẹp yên "giặc", sớm báo tin thắng trận. Tôi lập tức rút quân về kinh, kết thúc chuyến công cán này. Lại nữa bọn "giặc" nhỏ tụ tập ở trong cõi của các hạ, cũng là kẻ thù chung **[tờ 8b]**, chưa rõ quán chỉ nó ở đâu? Tên họ là gì? Tuổi nó bao nhiêu? Gọi là danh hiệu gì? Người nó trí dũng thế nào? Tụ họp những người xứ nào? Hiện tại quân lính, ngựa, voi, súng đạn, tầu thuyền ước có bao nhiêu? Lũ đó cậy mạnh về cách nào? Hiện nay đóng ở địa phương nào? Cách Hải Vân mấy dặm đường? Mong hãy chiếu từng khoản báo cho tôi hay để tôi biết mà sắp đặt. Nếu có cần kíp đến cứu, ngõ hầu mau chóng thành công, vả lại, tôi lần này đến đây là đem hậu tình hỏi han, thế mà các hạ chỉ cho bậc phụ tá trả lời, tôi chưa dám đệ đạt lên trên. Từ nay về sau, các hạ nếu có văn thơ trả lời, nên tự biên tên họ quý ngài, đem nhã ý để đạt, để tôi đệ tâu lên bề trên soi xét".

28. Hoàng Ngũ Phúc lại sai viên quan văn coi việc giấy tờ đối đáp, làm bài hịch dụ bằng chữ Nốm, dụ quân dân 2 xứ Thuận Quảng rằng:

29. "Binh là hung khí, đem đi đánh tội[29a] để vì dân. Người có lương tri, nghĩ phải vệ nhân mà lánh ngược[29b].

Hai xứ trong ấy:

Tôi con liệt thánh. Bờ cõi thừa tuyên.

Tự tiên triều **[tờ 9a]** nẩy thác[29c] thân huân, sông nên đôi dải. Tuy lũy thế [nhiều đời] xa xôi thanh giáo, trời cũng một vầng.

Bên rừng góc bể, nửa vách cũng yên. Thước đất tấc dân, trăm năm ít việc.

[29a] Đánh tội: Đánh kẻ có tội.

[29b] Vệ nhân: Bảo vệ điều nhân nghĩa, lánh ngược: xa lánh hành vi bạo ngược.

[29c] Nẩy thác thân huân: Trao quyền cho người thân thích, có công lao.

Nào hay Tả tướng Trương thị;

Phụ ơn cố thủ. Theo ý phụ nhân.

Trăn nết gian tà. Một tay uy phúc.

Ngôi đích thứ riêng lòng giết, lập, hươu ngựa dù chi trái thét ngang[29d]. Chốn khuê vi đầy tội dâm trưng muông chim xá e cười sợ nói[29d].

Lìa người thân cố. Hại kẻ trung lương.

Dùng dứa tiểu nhân. Tin loài dàng ác.

Chả đoái quân là nanh vuốt, mục lương bớt xớ, ba bữa chả đầy hai. Chẳng thương dân là chân tay, thuế lệ nặng nề, mười nhà đà đốc chín.

Hình rất thảm, rước sầu mua oán. Chính hà nghiêm, gây dữ cẩu loàn.

Nên Tây Sơn đoàn ong kiến bời bời, mười tám huyện bay tro bửa trúc. Khắp Nam Hà tiếng nhạn hồng ong óng hai ba thu bui cát lầm than.

Đạn tài khuất lực[29e] đã nhiều phen. Chiết tướng tổn binh từng lắm trận.

Cơn cớ kết nên họa ấy, tượng bởi họ [tờ 9b] Trương. Tiếng tăm nghe đến ngoài này, nỡ xem người Việt.

Nay vâng đức hoàng thượng.

Lượng bằng xuân hải. Nhân khắp tế bàn[29g]

Màng biên thư xót tới Đường Trong, khiến tướng ra quân ruổi rong ngàn dặm. Rệt đức[29h] ấy, thu về đất cũ. Yên nghèo[29i] dẹp loạn giúp vớt muôn dân.

30. Ta:

Vâng nầy[30a] chỉ huy. Tiến vào cứu ứng.

Từng đã ngỏ bày lai ý, để cho quốc thích tỏ nguồn cơn. Thể liền nối thấy hồi thư, riêng mặc quyền thần trao miệng lưỡi.

[29d] Hươu ngựa: Triệu Cao, tướng nhà Tần, có uy quyền, dắt con hươu ra trước sân điện, bảo dấy là con ngựa, quần thần đều nói theo dấy là con ngựa, không ai dám bảo là con hươu. Ở đây nói Trương Phúc Loan lộng quyền.

[29d] Dân trưng: Kẻ dưới thông dâm với người trên. Muông chim do câu: Cầm độc vô lễ, phụ tử tụ bưu nghĩa là chim muông không có lễ nghĩa gì, cho nên cha con chung nhau con cái.

[29e] Đạn tài khuất lực: Dốc hết của cải sức lực.

[29g] Tế bàn: Do câu "Thượng tế vu thiên, hạ bàn vu dịa", Tế bàn là trời đất.

[29h] Rệt đức: Làm cho sáng tỏ đạo đức tốt,

[29i] Yên nghèo: Cứu nguy đưa vượt qua tình trạng hiểm nghèo.

[30a] Vâng nầy chỉ huy: Vâng được trao chức chỉ huy.

Người thấy rõ ai cho rằng cẩn. Giặc tới gần một lấy làm yên.

Hãy còn lừ mắng Chiêm Đồ[30b], che ngược dấu xuôi, rắp ngăn quân viện. Chẳng qua lung lao Mãng Trác[30c] bưng trên mờ dưới, bui dụng ý riêng, làm mưu mấy họ có ngay gì. Nuôi giặc cho dân sao nỡ thế.

Nước gieo đá chẳng thấm lời can cách[30d]. Thế nguy nghi đành đứng thấy nảo lâu.

Lửa cháy thành còn lây họa sinh linh. Lòng trắc ẩn nỡ ngồi xem để lặng.

Vậy phải:

Tắt chừng Giang Hán. Ruổi đội tỳ hưu.

Vào Phú Xuân hỏi tội quyền gian. Qua Hải Vân dẹp [tờ 10a] loài hung ác. Vì quan họ sửa sang giềng mối, nối mối tơ cho hương lửa tiên công; Vì quân dân trừ rẫy chông gai, khỏi mũi nhọn lại chiếu chăn cố thổ[30d].

Lòng này nay thực. Ai nấy xá tin.

Ai hay mở cửa ra đầu, quân nhân nghĩa ắt chả điều xâm phạm. Ai biết quay đầu về mệnh, đức tuy hoài[30e] đành được chốn yên vui.

Hễ là thuận với nhà Lê. Cũng bởi trung cùng chúa Nguyễn.

Bằng ai:

Mếch tin Trương nghiệt. Dám chống vương sư.

Trận lửa hồng ngọc đá cũng hoài, ăn năn nào kịp. Cơn gió cả héo khô cùng bẻ, trốn lánh khôn qua.

Lẽ cát hung họa phúc nhủ hay. Đường tỵ tựu tòng vi liệu đấy[30g].

Một lời chẳng lại. Hai xứ còn nghe.

Nay dụ."

31. Chúa Trịnh Sâm sai Hoàng Ngũ Phúc lấy tiền thông kinh[31a] xứ Nghệ An cấp cho quân sĩ đi lần ấy mỗi người 2 quan để làm lương ăn.

(30b) Chiêm đồ: là nước Chiêm Thành, nước Bồ Đà (tức Java).

(30c) Lung lao Mãng trác: Nuôi dương Vương Mãng, Đổng Trác (đều là loạn thần đời hán).

(30d) Can cách: là gan ruột.

(30đ) Chiếu chăn cô thổ: Làm cho dân vùng đất cũ của nhà vua được sống trong cảnh yên ấm như nằm trong chiếu chăn.

(30e) Tuy hoài: Vỗ về yên ủi.

(30g) Tránh đi, tựu: đến với; tòng: thuận theo; vi: làm ngược lại.

(31a) Tiền thông kinh: Tiền thí sinh nộp thay cho khảo hạch. Năm Cảnh Hưng thứ 1 (1750) lấy tiền thông kinh trường thi Hương. Ai nộp 3 quan thì được miễn khảo hạch cho vào thi.

32. Hoàng Ngũ Phúc báo cho lưu thủ trấn Thanh Hoa là Trương Huyên đem lính bản dạo đến nơi đóng quân để tùy ý điều khiển.

33. Tháng chín, chúa Trịnh Sâm sai thêm Chưởng cơ Thị nội là Điển **[tờ 10b]** Thọ hầu Hoàng Đình Bảo[33a] (cháu điệt[33b] Hoàng Ngũ Phúc, sau đổi tên là Tố Lý) Quản cơ Nhất Hùng Kiều Nhạc hầu Nguyễn Khản[33c] đều theo Hoàng Ngũ Phúc đi đánh miền Nam. Tri Lại phiên Mai Thế Uông, Hàn lâm thị độc Nguyễn Lệnh Tân xin đi theo Nguyễn Khản ra sức [chuộc tội]. Chúa ưng cho.

34. Triều thần vâng định lệ thuế phủ Trà Lân: 10 phần trưng thu 2 phần. Theo ngạch cũ, trong 4 huyện phủ ấy (Kỳ Sơn, Hội Ninh, Vĩnh Khang, Tương Dương) mỗi năm nộp 90 dật vàng[34a]. Từ lúc Lê Duy Mật chiếm cứ Trấn Ninh, thuế ấy lâu không nộp. Sau khi Mật chết, dân phủ ấy đã về sum họp. Đến bây giờ liệu lượng trung thu thuế ấy

35. Phúc khảo học trò các xứ. Phủ doãn cùng hai ty Thừa, Hiến nhiều người bị giáng chức. Phép thi Hương: trước do huyện khảo, học trò có kẻ bị bỏ sót [tên], nên đến Phủ doãn và quan Thừa, Hiến kêu xin xét. Phủ doãn, Thừa, Hiến lấy, bỏ chưa đúng, cho phúc khảo ở phủ đường. Lấy số trong ngoài lấy dỗ, đánh hỏng nhiều ít làm mức thưởng phạt, về sau Phủ doãn. Thừa, Hiến chấm lại quyển văn của những người xin xét lại ấy, những quyển văn "vừa phải" đều lấy dỗ. Những quyển hơi kém đều đánh hỏng. Bởi thế học trò không kêu ca nữa, phép khảo khóa cũng không có chỗ mà thi thố. Triều đình biết rõ **[tờ 11a]** tệ ấy, sai khảo lại thì văn lý của sĩ nhân hay dở cách nhau xa. Thế mà cho đỗ bừa đi, hoặc đánh hỏng bừa đi. Bèn đem những người làm việc vì cảm tình mà lấy đỗ hay đánh hỏng ấy ra trách, phạt, giáng chức. Duy 2 trấn Thanh Nghệ văn bài của sĩ nhân quyển nào hay thì đều lấy đỗ, quyển nào dở thì đều đánh hỏng cho nên không ai bị khiển trách. Lúc ấy Phủ doãn và quan hai ty là Lê Văn Bưu (trước tên là Doãn Giai), Đào Duy Điển, Trần Văn Trứ, Dương Trọng Khiêm, Vũ Cơ, Lý Trần Quán đều do khảo hạch làm bậy, bị giáng chức.

(33a) Bản A.1210 chép là Điển Thọ hầu Nguyễn Đình Tuyên.

(33b) Cháu diệt; cháu gọi mình chú hoặc bác.

(33c) A.1210 chép: Kiều Nhạc hầu Nguyễn Lệ.
[Lệ là một tên cũ của Nguyễn Khản. Khản là con Nguyễn Nghiễm, đậu tiến sĩ năm 1760, lúc này đang phục vụ quân đội].

(34a) Bản A.1210 và A.4/5 đều chép: 19 dật vàng. Cương mục chép: 190 lạng vàng. Bản A.1210 và A.4/5 và Cương mục chép thêm câu: và 500 dật diêm tiêu.

36. Mùa đông tháng mười[36a] ngày mồng một [5-X-1774], đầu mực Thuận Quảng là chúa Nguyễn sai người đến khảo quân (bấy giờ trấn thủ dinh Bố Chính là Nguyễn Tiệp[36b] thấy quận Việp đem quân đến cõi, nói với chúa Nguyễn xin khao quân để mong hoãn binh. Chúa Nguyễn bèn sai Cai đội Quý Tôn hầu, Câu kê Kiêm Vụ tử đem 30 con trâu, 30 vò rượu, 30 bao gạo nếp đến nơi đóng quân ở Bố Chính khao quân. Hoàng Ngũ Phúc nhận. Bọn cai đội ấy lại trình nộp một lá thư trả lời của Trương Phúc Loan. Thư rằng:

37. "Trời sinh ra dân tất có người đầu mục. Có cái gì chặn ngang vật, tất sấm sét đánh cho tan, có cái gì làm ngáng trở dân, cũng ra uy mà đánh. Há chuyên việc múa can vũ ở hai thềm **[tờ 11a]** mà thôi. Vườn nhà hàng xóm có chim ăn, kẻ láng giềng còn chẳng nỡ làm ngơ. Muôn con đỏ sa hầm tai vạ, thì người chăn dân sẽ làm thế nào? Bến Mạnh Tân phô quân sẽ lại có ước hẹn, trận Mục Dã[37a] thu công không cồ định kỳ. Hiện nay đã sai quan quân đồn dinh **[tờ 11b]** đem quân cần vương đi như rót chĩnh nước mà xuống, đã thu phục các phủ mười phần được 8, 9; đốt lông đội tuyết[37b] chính là lúc này, chỉ còn một vài chỗ hiểm, giặc dương cậy dựa, sớm tối cũng sẽ thu phục toàn khu, sẽ báo công to. Đến nay bọn đầu sỏ "giặc" chẳng còn bao lâu rồi sẽ bắt được. Há để cho sao chổi sáng lòe, kình nghệ lọt lưới? Chắc lũ ấy thế cùng sức kiệt, chuyển vận của ăn cướp được trốn đi nơi khác. Tôi lại sai các xứ phiên thuộc nước phụ dung[37c] đem man binh các sách đến thẳng thượng đạo sào huyệt Tây Sơn, quét sạch hết đi một thể. Lại lũ "giặc" này thường thường thay đổi danh hiệu, giả tạo chức tước. Chưa biết hư thực, há nên vội nói mập mờ, khiến cho các dân binh dân man người Trung Quốc đến đâu chuyên việc lừa dối nạt lôi kéo mọi người. Hoặc giả có tên nọ họ kia vào cõi người khác lấy của cải, lấn cả thành trì, có thể nỡ chịu bó tay ngồi bên coi chúng làm bậy, thì người làm cha mẹ dân phải nghĩ thế nào? Vả Trịnh Vương cùng ấp nhỏ này đều thờ công to của tiên tổ, phong cho đất đai, con cháu đời đời không bỏ chính sóc **[tờ 12a]**. Nếu có phải là chiếu

---

(36a) Có lẽ là tháng chín (vì đến việc số 50 ở dưới lại chép tháng mười). Do đó chúng tôi chú ngày dương lịch theo tháng chín âm lịch.

(36b) Tức Tôn Thất Tiệp, tước Tiệp Tài hầu.

(37a) Mạnh Tân, Mục Dã đều là tên đất thuộc tỉnh Hà Nam (Trung Quốc) nơi Chu Vũ Vương đánh trụ.

(37b) Đốt lông dội tuyết: Tức là lấy lửa đốt lông, lấy nước sôi dội tuyết, ý nói: đánh dễ dàng, chắc thắng.

(37c) Phụ dung: Nước nhỏ phụ thuộc vào nước lớn.

chỉ của vua Lê, lệnh dụ của Trịnh Vương thì ấp nhỏ này há dám cho bậc phụ tá trả lời sao? Từ đời xưa chư hầu đều có 5 bậc như Vệ công, Lỗ hầu, Trịnh nam, Sở tử cho đến phụ dung, đất nước rộng, hẹp, số binh giáp, số cỗ xe, thuế khóa, xuất nhập, lớn nhỏ tuy khác nhau; mà về nghĩa vua tôi, cha con, lẽ trời, đạo người rõ ràng không bao giờ mất. Lại xét việc này, anh em đồng bào cùng chống kẻ thù, ghi nhớ chớ quên, đàn sáo đương vui, có ngờ đâu lại so nhau hơn kém. Cổ nhân có câu: "Anh em cãi nhau trong nhà, nhưng có người ngoài xâm phạm thì lại chống đỡ cho nhau". Lời nói ấy thật không sai vậy. Nhưng tạm đợi bờ cõi lại như cũ, vết sẹo lại lành, sẽ báo tin thắng trận và dâng lễ [tỏ lòng thành], trên để đáp lòng nhân của hoàng vương bao dung che chở, dưới để thỏa lòng quốc lão đã khó nhọc trèo đèo lội khe. Còn như ý tốt hậu với người thân, xin nhớ lời thề Thái Sơn Hoàng Hà. Lời ấy vẫn như khi trước. Xin kính cẩn phúc đáp".

38. Quận Việp xem như thấy đâu là lời lẽ của Trương Phúc Loan, bèn giả cách giận mắng. Bọn Quý Tôn, Kiêm Vụ trông nhau sợ hãi. Đến lúc chúng đi ra rồi, quận Việp sai Phạm Công Thủ đến hỏi. Kiêm Vụ nói rằng: "Đường không đi [tờ 12b] không đến, chuông chẳng đánh chẳng kêu". Quận Việp biết ý, nhân dặn họ làm nội gián. Bọn Quý, Kiêm từ biệt ra về. Quận Việp không viết thư nữa, chỉ dặn rằng: "Tây Sơn lấn cướp vẫn như trước. Phúc Loan lại nói là đã bình định được rồi, lũ người về bảo chúa Nguyễn lập tức sai người thân tín đến đón quan quân. Nếu nói rằng "giặc" Tây Sơn đã dẹp yên, thì phải bắt Trương Phúc Loan đến cửa quân bày tỏ sự trạng đánh "giặc", mới có thể tin được. Lũ người về, trong 12 ngày phải có trả lời, nếu không thì ta sẽ sang sông". Bèn cấp tiền lệ phí cho bọn Quý Tôn, Kiêm Vụ về.

39. Tháng ấy[39a] thi Hương, học trò trấn Thanh Hoa đốt phá trường thi. Quang trường là bọn Nguyễn Bá Dương (người xã Nguyên Xá, huyện Thần Khê, đỗ tiến sĩ khoa Bính Tuất đời Cảnh Hưng [1766]), Nguyễn Duy Thức (người xã Vọng Nguyệt huyện Yên Phong, đỗ tiến sĩ hội nguyên khoa Quí Mùi đời Cảnh Hưng [1763]) điều phải giáng một cấp[39b].

40. Thi võ học sinh ở võ sở.

41. Ngày 17 [21-X-1774], quân của Việp vượt sông Gianh. Dân sở tại đến mừng đều chi tên, oán Trương Phúc Loan. Quận Việp bèn làm tờ

[39a] Bản A.4/5 chép việc này vào tháng mười một.

[39b] Bản A.4/5 và A.1210 chép thêm việc: Sông Kỳ Hoa có hòn đá lớn tự nhiên đời từ trong sông trèo lên núi, đi qua đến đâu đều để lại dấu vết rõ ràng đến đấy.

hịch kê tội ác của Trương Phúc Loan, nói là nên vì dân trừ thằng giặc ấy. Tờ hịch đại lược rằng: [tờ 13a]

'Đức vua hạ lệnh, để trừ bạo, là nhân. Chủ trương ra quân thực là hành binh có cớ.

Việc binh cách vốn không thể dừng được. Đứa gian ác, thì tất phải giết đi.'

Duy nhà nước ta:

Có cả cơ đồ. Trị khắp đất nước.

Nghĩ xứ Thuận Quảng này, cũng thuộc bờ cõi.

Từ Đoan Quốc công vì là huân thích đại thần, được tiên thánh tổ ủy cho trọng trách.

Kế tập đã đến mấy đời liền. Vô sự được hơn trăm năm lẻ.

Nhưng bây giờ:

Ý trời bất thường. Quyền thần chuyên chế.

Trương Phúc Loan:

Khí lượng như đấu rá. Tà tâm như quỷ ma.

Lần mò thân thích khuê phòng. Trộm giữ chính quyền then chốt.

Tin dùng gian ác. Hãm hại trung lương.

Xa người cũ, lìa người thân, chỉ mưu lập đảng.

Giữ lấy quyền ăn của đút, muốn béo một mình.

Tự tiện giết, lập[41a], ở kẽ nách mà độc như sài lang. Cậy quyền gian dâm, đội mũ áo mà nết như cầm thú.

Đánh thuế nặng dân, hút hết máu mủ. Bớt lương của lính, tự cắt vuốt nanh.

Chính sự cấp bách như lửa đốt lông mày. Hình phạt thảm khốc đến dùng dao khoét mắt.

Làm cho dân oán nên nổi loạn lên.

Nay Tây Sơn là lũ dân cày, nổi lên như ong kiến. Chiếm Quảng Nam là đất màu mỡ [tờ 13a] xông xáo như hổ lang.

[41a] Tự tiện giết, lập: Trương Phúc Loan giết Văn Đức hầu là anh Phúc Thuần, rồi lập Phúc Thuần làm chúa.

Than ôi:

Cơ đồ gây dựng nên, khó nhọc của tiên công trước: Ngày nay lung lay rối loạn bởi quyền gian này.

Chúa Trịnh ta: Lòng mến họ hàng, chí lo dân chúng.

Kíp dùng nghĩa Xuân Thu[41b]. Cho ruổi quân Lục nguyệt[41c].

Lão phu này:

Trên theo đức ý, đã đưa tờ như mở tỏ lòng thành.

Đến để cứu dân, dóng quân dự bị, sắp đi dẹp nạn.

Ngà đâu đứa dại làm sự bất trung.

Ta muôn thông ý với quốc thích. Nó bèn trả lời bằng thư mình.

Đã đón "giặc" đến tận cửa sân. Còn nói dối là múa can vũ[41d].

Nghĩa chưa nên tuyệt, ân cần lại gửi thư sang. Nhưng vẫn mê muội không chừa, chuyên nghiệp vẫn còn thói cũ.

Ý vẫn hoài nghi. Trả lời dối trá.

Quảng Nam đành đã mất, nói dối rằng đã lấy lại tám chín phần.

Nguyễn Nhạc vẫn hoành hành, phủ cũ mất lại nói rằng chỉ còn một hai xứ.

Trả lời chỉ là hàm hồ. Ý nói đều không thành thực.

Tội đã gây nên loạn ác, lại dám dối trời.

Nay ta:

Giúp đỡ họ ngoại, mong xứng đáng với sự ủy thác của cửu trùng. Nếu không trừ diệt hung tàn **[tờ 14a]** sao dẹp nổi loạn ly cho hai xứ.

Trách nhiệm ra ngoài cõi không thể từ. Đội quân diệt loạn nên đi gấp.

Vì vậy:

Nhân lúc dân chúng đón chờ. Phải ruổi đội quân sinh lực.

Thuyền hạm ngang sông, gió đưa con chèo quyết thắng.

Tinh kỳ rợp bóng, sương lòa ngọn giáo trừ hung.

Trước giết tôi gian, sau trừ giặc dữ.

(41b) Nghĩa Xuân Thu: Ý nói giết bọn loạn thần.

(41c) Lục nguyệt, Kinh Thi, Tiểu nhã có thơ Lục nguyệt nói việc Chu Tuyên Vương sai Doãn Cát Phủ đi đánh giặc Hiểm Doãn, ở đây chỉ vào việc đánh Trương Phúc Loan.

(41d) Can Vũ: Xem chú thích số (23c) ở phần trên.

Trừ tàn khử bạo, đỡ quốc thích lúc gian nan. Chắp mối nối ngôi, để tiên công còn hương khói.

Cứu nạn thực là việc nghĩa. Thừa cơ không có lòng tham.

Lũ quan viên hào mục hai xứ Thuận Quảng:

Đều là tôi con của nước; Lại là danh vọng trong dân.

Trông nhà ngươi mắc nạn, cùng mong định loạn trừ nguy.

Thấy quân ta đến nơi, phải thực lòng quy thuận.

Chuyển cùng báo cáo. Đều tự hăng say.

Đem giỏ cơm bầu nước để đón quân. Đưa hàng ngũ bạn bè mà làm việc.

Người khỏe dâng sức. Người tài dâng mưu.

Một buổi sẽ báo công to. Vượt mức tất được thưởng hậu.

Những người quân tử, đều cùng một lòng.

Nếu ai bỏ lỡ cơ hội, lạc lối lầm đường.

Tức là lũ bất kính **[tờ 4b]**, tất can tội không tha.

Xin xem cơ thành bại an nguy. Sớm tỏ đường cát hung họa phúc".

42. Ngày 18 [22-X-1774] Hoàng Ngũ Phúc đặt kho lương ở xã Cao Lao Hạ[42a] cho quan cơ Trung Kiên Hoàng Lĩnh hầu giữ kho ấy, bí mật truyền lệnh cho chư quân ngậm tăm tiến đi, không mở cờ đánh trống, làm như không tiến đánh. Ngày ấy Đoan quận công [Bùi Thế Đạt], Dĩnh Vũ hầu [Nguyễn Đình Đống] tiến lấy được dinh Thiên Lộc (gọi là Đồn Mới). Cai cơ Siêu Lương ra hàng.

43. Ngày 19 [23-X-1774] Hoàng Ngũ Phúc tiến đến trang Điền Phúc, Trấn thủ Tiệp Tài hầu [Tôn Thất Tiệp] cùng Ký lục Bảo Quang hầu lui vào lũy Đồng Hồi[43a] (tục gọi Cống Thượng lũy Thầy).

44. Ngày 20 [24-X-1774] tiến đến thôn An Lão, thuộc tướng ở dinh Bố Chính là lũ Chử Tài hầu đón hàng. Thủ tướng lũy Thầy mưu đóng thành chống giữ, nhưng quân lính không theo.

45. Ngày 21 [25-X-1774], tiến đến dinh Bố Chính. Đóng trại chưa yên, thì lính Mã đội ở Thuận Hóa là lũ tên Triệu, tên Trưng, tên Bính,

---

(42a) Cao Lao Hạ: tên xã thuộc Bắc Bố Chính.

(43a) Đồng Hồi: Lũy này ở phía Bắc sông Nhật Lệ cũng gọi là lũy Nhật Lệ hay lũy Trấn Ninh, từ núi Đâu Mâu chạy ngoằn ngoèo đến biển. Trước đây quân Nguyễn nhiều lần chặn đứng được quân của Trịnh tại đây.

tên Lưỡng đến xin làm nội ứng, mở cửa lũy. Quận Việp sai Thể Trung hầu [Hoàng Đình Thể] đem quân dinh Trung Khuông và lính đội Tứ cảm. Xán Trung hầu Bùi Đình Châu đem lính Hữu chi tiến đi trước [tờ 15a] Dĩnh Vũ[45a] hầu [Nguyễn Đình Đống] đem lính Tiền chi, Kiều Nhạc hầu Nguyễn Khản đem lính cơ Nhất hùng tiếp theo. Giờ Thân ngày ấy. Thể Trung hầu tiên đến ngoài lũy Trấn Ninh (tục gọi lũy Thầy Cống Thượng). Cửa lũy mở to. quan quân đánh trống reo hò mà vào. Chia nhau đóng giữ. Thủ tướng là Luận Chính hầu, Thành Tín[45b] hầu đều ra hàng.

46. Ngày 22, [26-X-1774], Đoan quận công tiến vào lũy Đồng Hồi. Lúc ấy quân sĩ thuộc hạ của Thế Trung hầu cướp bóc của dân, không ngăn cấm được, nhân dân rất thất vọng. Hoàng Ngũ Phúc nghe biết giận lắm, lập tức sau Uông Sĩ Điển đến nơi tra xét, đem những đồ vật ấy trả lại cho dân, vì thế không ban thưởng công lấy lũy Thầy.

47. Ngày 23, [27-X-1774], Chúa Trịnh Sâm sai các quan trấn các xứ đông, nam tìm mua thóc của dân đem xay ra gạo. Cho Phạm Huy Đĩnh coi việc ấy, rồi chuyên chở đem cấp cho quân.

48. Hoàng Ngũ Phúc sai Nguyễn Bảo Trà, Trịnh Nhuận cùng đi với hàng tướng là Chử Tài hầu đến Phú Xuân đưa thư cho chúa Nguyễn. Thư rằng: "Ta đem quân vào Nam chỉ là vâng ý tốt của chúa Trịnh, hậu tình với người thân, ra lệnh đem quân cứu nhau, cốt dẹp yên nạn ấy. Trước đây đã bầy tỏ lòng thành thực, ân cần đạc đạt, mong các hạ tin, cùng nhau đi lại để tỏ nghĩa [giận] kẻ thù chung [tờ 15b] chứ không phải có lòng mừng thấy có tai nạn. Nếu không phải thế thì: giáp binh và đất đai một nhúm Thuận Quảng cũng là thống thuộc triều đình, mà Quảng Nam là nơi thuế khóa nhờ vào đấy, đã về tay giặc. Một đạo Thuận Hóa liền mấy năm chinh chiến, nhân tài vật lực phỏng được bao nhiêu. Giặc kia đã quấy nhiễu phía nam, triều đình nếu đem đại binh đánh phía bắc, còn phía đông đem thủy quân chiến hạm theo đường biển đánh vào giữa bụng, phía tây diều Ai Lao, Trấn Ninh theo đường núi đánh vào đằng sau, thì một khu đất bằng bàn tay, bốn mặt bị đánh, sự phòng bị đều cũng. Như vậy dầu có núi sông hiểm, thì cũng xoa bàn tay là san bằng ngay, cần gì ta phải cặn kẽ hiểu dụ, chần chừ nhiều ngày. Các hạ chưa hiểu ý ấy, ngăn trở lần hồi, chỉ sợ nuôi dưỡng cho "giặc" lan tràn, rút cục thành ra phí sức.

[45a] Chữ "Vũ" sách chép nhầm ra chữ "Thành" vì tự dạng giống nhau. Dĩnh Thành hầu lại là tước của Lê Quý Đôn

[45b] Theo Đại Nam thực lục tiền biên là Thành Tính.

Ta vâng mệnh ra cõi, muốn cùng các hạ làm cho xong việc này. Nếu "giặc" Tây Sơn chưa trừ xong, đất Quảng Nam chưa lấy lại được, sao có thể ngồi yên không làm gì, lỗi ấy rồi ai nhận cho. Vì thế ta cũng không thể dừng được. Các hạ nếu giữ ý hồ nghi, một bề đùn đẩy, thì quân đến cứu nạn chuyển thành quân tìm cố mà đánh. Các hạ tự chuốc lấy mối lo ấy, chớ bảo là lão phu này nói dối. Nay đại quân đã vào lũy Thầy, cũng như tên trên lẫy nỏ, cái cơ an nguy họa [tờ 16a] phúc cách nhau không đầy sợi tóc. Các hạ thử lượng lực đọ lý: dẫu bị đại quốc giận nhưng còn có thể giữ được vạn phần, không cần nghĩ đi nghĩ lại nữa.

Nếu không thể thì các hạ kíp sai người thân tín đến đón quân và sai quan sở tại sửa sang cầu đường để quan quân tiến trước thẳng đến cửa Hải Vân dẹp tan "giặc" Tây Sơn, thu lại đất cũ, cứu vớt nhân dân. Không những ta làm xong việc công này, mà các hạ nhờ uy đức triều đình, chuyển nguy thành an, đời đời hưởng tước lộc, cùng đất nước cùng hưởng phúc, há chẳng phải là việc tốt cả hai bề ru? Các hạ nên tin mà nghe theo".

49. Hoàng Ngũ Phúc từ lũy Thầy tiến đánh thôn Trường Dục[49a]. Sai người đưa thư đi dụ bọn Ngoại tả[49b] Hoán quận công[49c] bảo bắt Trương Phúc Loan giải nộp tại nơi đóng quân.

50. Mùa đông tháng mười, ngày mồng 4, [7-XI-1774] Hoàng Ngũ Phúc tiến đến dinh Quảng Bình[50a].

51. Ngày mồng 8 [11-XI-1774], chúa Trịnh Sâm thân đem các quân thủy bộ từ thành Thăng Long khởi hành lên đường đi tuần phía Nam.

52. Ngày mồng 9 [12-XI-1774] Hoàng Ngũ Phúc tiến đóng Hồ Xá[52a]. Trước đây thân thần[52b] Thuận Quảng là Thành Tri quận công Nguyễn Huống[52c] cùng Ngoại tả Hoán quận công mưu bắt Trương [tờ 16b] Phúc Loan cùng đồng đảng của Loan là Hộ bộ Thái sinh[52d] giam lại, đem giải nộp để mong thư nạn. Quân dân vui mừng đem nhau cướp phá nhà Trương Phúc Loan, lấy hết tài sản, lại mắng chửi, nhiếc móc. Thái Sinh buồn bực,

---

[49a] Trường Dục: Ở đây có lũy Trường Dục, bức thành thứ hai cũng do Đào Duy Từ cho xây dựng để ngăn chặn quân Trịnh, nếu họ vượt được lũy Nhật Lệ.

[49b] Ngoại tả: Chế độ chúa Nguyễn từ đời Nguyễn Phúc Khoát đặt ra Tả nội, Tả ngoại, Hữu nội, Hữu ngoại làm tứ trụ đại thần.

[49c] Hoán quận công tức Nguyễn Cửu Pháp.

[50a] Đinh Quảng Bình tức đinh Trạm.

[52a] Hồ Xá: xã thuộc huyện Minh Linh (Quảng Trị).

[52b] Thân thần: bầy tôi là họ thân thích nhà vua, chúa.

[52c] Nguyễn Huống: tức Tôn Thất Huống (theo Đại Nam thực lục, tiền biên)

[52d] Thái sinh tức Sinh Đức hầu.

chết ở trong ngục. Bấy giờ chúa Nguyễn mới có thư và sai Chưởng cơ Chiêm Đức hầu, Cai đội Tô Nhuận hầu đóng cũi nhốt Trương Phúc Loan giải đến nơi đóng quân ở Hồ Xá, xin hoãn tiến binh. Hoàng Ngũ Phúc sắp giải Trương Phúc Loan về kinh để dâng. Thuộc tướng là Huyến Thọ hầu[52d] xin tạm lưu y lại trong quân làm tin, để chiêu dụ đảng y. Hoàng Ngũ Phúc nghe theo. (Có người nói rằng: con Trương Phúc Loan đem 20 dật vàng đút cho nha hiệu quận Việp là tên Tạo Huyến nhờ nó giúp đỡ).

53. Ngày hôm sau, Chiêm Đức hầu, Tô Nhuận hầu cáo từ về.

54. Hoàng Ngũ Phúc gửi thư cho chúa Nguyễn rằng: "Ta lại đây, chính vì tiễu trừ giặc Nhạc, thu lại Quảng Nam, tất phải tiến đến Phú Xuân, gần gũi tin tức, tiện việc cứu viện. Nếu quốc thích đã giết hết bọn "giặc", không phiền đến quân vua, ta sẽ tùy tiện đóng quân, đem việc tâu lên, đợi lệnh chỉ, rút quân về. Hoặc quốc thích không cầm chế được thì đại binh ở gần cũng dễ cứu ứng. Huống chi hai xứ Thuận Quảng từ trước đến nay vẫn có nhiều người oán Trương Phúc Loan [tờ 17a]. Ta cùng quốc thích nên họp mặt nhau, xét rõ mối tệ, bàn bạc sửa đổi để cho dân khỏi khổ. Và của cải của Trương Phúc Loan đều là máu mỡ của dân hai xứ. Nay quốc thích đã niêm phong gia tài, nên cho người coi giữ, đợi ngày quan quân đến đem chia cấp cho dân nghèo. Vài việc ấy cũng là làm ơn cho quốc thích, một phen giúp đỡ, mong hiểu rõ cho ý này, chớ hoài nghi lại thành lỡ việc".

(Xét: con Hiếu Vũ [Nguyễn Phúc Khoái] là Nguyễn Phúc Vũ cùng Thường quận công[54a] Văn Đức hầu[54b] đều bị Trương Phúc Loan mưu giết. Họ hàng của họ là Nguyễn Huống, Nguyễn Phúc Triêm cùng lũ Hoán quận công đều căm giận. Nhưng Phúc Loan được chúa Nguyễn rất tin, uy quyền ngày càng được tôn lên. Bọn Huống thế kém, chưa trừ được Phúc Loan. Trong có Tây Sơn chiếm lấy Quảng Nam, ngoài thì quân chúa Trịnh đến sát cõi. Chúa Nguyễn đương hoang mang về việc chống giữ. Việc bắt nộp Phúc Loan để giải tai nạn, dâng vàng để hoãn tiến quân, tưởng đều bởi ý Nguyễn Huống, còn chúa Nguyễn thì chỉ cốt việc đánh giữ. Nhưng thư của quận Việp nói những gì chúa đều không tin. Khi giải Phúc Loan đi rồi, chúa Nguyễn mới ký tên trả lời và ủy dệ tờ khải, tờ tấu, cũng là bất đắc dĩ mà miễn cưỡng làm, không phải do tự lòng mình. Cho nên chưa bao lâu, khi nghe lời Cai đội Tô[54c] về báo thì quyết ý kháng cự. Quận Việp không thể tấn công bằng lời lẽ giấy tờ nữa).

(52d) Huyến Thọ hầu tức Trương Huyến.

(54a) Thường quận công là chú Nguyễn Phúc Thuần.

(54b) Văn Đức hầu tức Tôn Thất Văn.

(54c) Cai đội Tô tức Tô Nhuận hầu.

55. Ngày 17 [20-XI-1774] quân Hoàng Ngũ Phúc tiến đến thôn Á Tử (gọi là Dinh Cát). Lúc ấy chúa Nguyễn nghe Cai đội Tô [Nhuận hầu về, nói: "quân ngoài Bắc cũng ít, quân trang không ra gì, không đủ sợ nên đem quân mà chống lại". [Chúa Nguyễn] bèn quyết ý kháng cự. Trước sai một chi thủy quân ra chỗ ngã ba sông Duy[55a] đón chặn đường tải lương. Lại sai Thống tướng Chính Đức hầu [Nguyễn Văn Chính] đem quân bộ đóng đồn **[tờ 17b]** ở bờ Nam sông Phúc Giang. Thạc Thọ hầu làm tiết chế quân thủy tiến đóng ở bên sông Lương Phúc (tục gọi là sông Đục) đặt đồn đóng quân, trên từ làn Thác Ma, dưới đến vụng Tan Giang, quân thủy và bộ cùng liên thuộc với nhau để chống quan quân [của Đàng Ngoài]. Một mặt ủy sai Cai đội Tuyên Chính hầu, tham mưu Thành Đức hầu mang các thư trả lời, thiếp mừng, tờ tấu, tờ khải đến nơi đóng quân [của quận Việp] ở Dinh Cát để nộp, giả vờ xin hàng.

Hoàng Ngũ Phúc hỏi sơ lược về tình trạng chia quân đóng đồn [của Chúa Nguyễn], Tuyên Chính và Thành Đức kiếm lời dối trá để từ chối. Hoàng Ngũ Phúc trong bụng biết rõ là dối trá, bèn viết thư bảo rõ điều họa phúc đưa cho đem về, lại sai đem tiến nộp các thứ lễ vật: vàng tiền mừng 10 dật, vàng tiến dâng 50 dật cùng nguyên bản các tờ tâu khải của chúa Nguyễn về triều.

56. Ngày 29, [2-XII-1774] Hoàng Ngũ Phúc đem quân Trung Chi đến đóng đồn ở xã Phúc Lương.

57. Tháng mười hai, ngày mồng 6 [7-I-1775] Thống tướng Thuận Quảng là Chính Đức hầu [Nguyễn Văn Chính] tự đem 500 bộ binh, 20 voi khỏe, sang sông Lương Phúc, tiến giáp đồn Trung Chi mà đánh. Hoàng Ngũ Phúc lập tức sai thuộc tướng là Trấn Lĩnh hầu [Nguyễn Đăng Khoan], Thạc Vũ hầu, Điển Thọ hầu [Hoàng Đình Báo], Trấn Trung hầu đều đem quân giáp lại đánh cả bên tả bên hữu. Thuộc tướng của Chính Đức hầu là tiên phong Luận Chính hầu chết tại trận. Còn [tờ 18a] Đàm Ân hầu, Khang Lộc hầu đều bị quan quân bắt được. Quân lính và voi chạy tan cả. Chính Đức hầu chỉ chạy thoát được một mình.

58. Ngày mồng 8 [9-I-1775] chúa Trịnh Sâm tiến đến Vĩnh Dinh, dưa lệnh sai quan trấn Hải Dương mua thêm 30 vạn đấu gạo xay, giao cho quan đốc vận tải đến nơi đóng quân.

59. Chúa Trịnh Sâm nghĩ: Dân ven đường bị những kẻ giả danh đi lấy phu trạm quấy nhiễu, bèn ra lệnh rằng: từ nay về sau lấy phu trạm tù

(55a) Sông Duy, tức sông Mỹ Chánh đời sau.

nơi đóng quân về kinh phải dùng phiếu có đóng dấu của Binh phiên. Từ kinh đến nơi đóng quân phải dùng phiếu có dấu của quan coi giữ đường. Nếu ai trái lệnh ấy thì bắt giải nộp.

60. Lại sai Thự tham chính Nghệ An là Vũ Chiêu, Thự hiên sứ Trương Đăng Quỹ mua vét thóc của nhà giàu.

61. Chúa Nguyễn bí mật sai cai đội Phẩm Bình hầu đem thư đi dụ hào mục các huyện Khang Lộc, Lệ Thủy, Minh Linh, chiêu mộ quân dân ứng nghĩa, chia ra đóng đồn để quấy rối mặt sau quân miền Bắc.

62. Ngày 11 [12-I-1775] Hoàng Ngũ Phúc sai Hoàng Đình Thể làm tiền bộ tiên phong dem tướng hiệu là Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Nghĩa Phác, Nguyễn Trọng Vượng cùng bộ thuộc tiến di trước, mà tự mình đem quân Trung chi, Hữu chi nối tiếp sau. Sang sông Diên Kinh [tờ 18b] đánh ngay các đồn Phương Gia, Đa Nghi, Đan Quế, đều thắng trận. Phẩm Bình hầu bị quan thủy cơ Trần Xuân Huy bắt được.

63. Chúa Trịnh Sâm cho Hân Trung hầu Nguyễn Đĩnh làm chức Thự phủ sự Tri Hộ phiên, cho Nguyễn Đình Huấn làm Trấn thủ Thái Nguyên.

64. Ngày 15 [16-I-1775], Hoàng Đình Thể, Hoàng Nghĩa Phác đều đem quân bản chi đi đêm, theo đường chân núi tiến đi trước. Qua hai làng Thác Trầm, Thác Ma. Sáng hôm sau Hoàng Ngũ Phúc đến tiếp, tướng giữ đồn ven sông của chúa Nguyễn là Tường Quang hầu Doãn Đức hầu cố sức đánh, bị chết trận. Hiến Đức hầu bị quan quân bắt được. Quân các đồn ít, yếu, đều chạy trốn.

65. Thổ phỉ bên Trung Quốc tràn vào châu Phù Hoa trấn Hưng Hóa, cướp bóc nhân dân. Lại dân Lào ở thượng lưu sông Mã mưu phá hai châu Mai, Mộc. Tán lý là Nguyễn Trọng Hoành đem việc tâu lên. Chúa Trịnh Sâm làm trát sức ngay cho Hoành tùy tiện mà liệu lý. Nếu có trở ngại gì thì báo ngay cho quan giữ kinh sư thương nghị giải quyết. Nhân đó truyền báo cho quan giữ kinh xem xét các sớ tấu của các trấn trong ngoài có việc gì lớn mới được tâu lên, còn thì đều cho tùy liệu mà làm.

66. Binh hùng tướng mạnh của Thuận Hóa cùng voi, ngựa, chiến thuyền [tờ 19a] đều đem vào Quảng Nam để chống đánh Tây Sơn. Từ sông Hiền Sĩ trở ra ngoài, những biền binh đồn giữ phần nhiều là già yếu, hoặc mới chọn, không quen chiến trận cho nên quân ngoài Bắc đi đến đâu thì quân miền Nam lập tức vỡ chạy, chỉ có thống tướng Chính Đức hầu [Nguyễn Văn Chính] thu nhập các biền binh dưới quyền mình, nhiều phen chống lại quân Bắc để đợi cứu viện. Hoàng Ngũ Phúc cũng phải sợ.

67. Ngày 18 [19-I-1775], chúa Trịnh Sâm ở cảng Lạc Xuyên (thuộc huyện Kỳ Hoa) sai tiếp Nguyễn Nghiễm đem quân Trung Tiệp, cùng 10 đội thủy binh đi đến Thuận Hóa, họp bàn việc quân cùng Hoàng Ngũ Phúc, hẹn ngày tiến đánh và đem thư dụ úy lạo tướng sĩ, đem bạc đi khao thưởng quân. Ngày ấy chúa Trịnh tiến đến dinh trấn Nghệ An (gọi là Dinh Cầu) thấy số gạo lương có ít, mà thuyền tải 4,5 chiếc cũng chưa ra đến biển. Hỏi thì quan Kiêm lý lương hướng là Đoàn Nguyễn Thục thưa rằng: "Không thấy Việp công giục tải đến Chúa không vui lòng, lập tức sai trung quan là Phạm Huy Đĩnh làm Kiêm lý lương hướng, bắt đinh tráng và thuyền biển các huyện ở Nghệ An vận tải lương cả đường thủy đường bộ, đem đến nơi đóng quân của quận Việp. Lúc bấy giờ quân lương khẩn cấp mà việc trấn Nghệ An bề bộn lại bị bỏ bễ. Đốc thị là Đoàn Nguyễn Thục nhiều lần bị chúa Trịnh khiển trách **[tờ 19b]** lại cùng Phạm Huy Đĩnh tranh biện, có ý phẫn uất, bèn cố xin từ chức về quê. Chúa Trịnh cho về. Sai Trương Vi Tiệp làm Án trấn Nghệ An, lại sai Nguyễn Khản làm Kiêm lý lương hướng.

68. Thông tướng Thuận Quảng là Chính Đức hầu từ Phúc Giang dẫn quân về chiếm phía tây bờ sông Bái Đáp để chống quan quân (Từ Bái Đáp đến Phú Xuân hành quân chỉ hết hai canh). Hoàng Ngũ Phúc dời đồn đến xã Phù Ninh, quân tiền bộ của Hoàng Đình Thể đóng đồn ở bờ bắc sông Hiền Sĩ. Chúa Nguyễn sai em là Trí quận công Nguyễn Trí[68a] giữ chức Tiết chế bộ binh, ra giữ sông Thâm để chống quân miền Bắc và chặn đường vận lương. Huy bị thủy quân Đinh Văn Phục đánh gấp, lui vào vụng Tam Giang.

69. Ngày 28 [29-I-1775] Bùi Thế Đạt, Hoàng Đình Thể, Hoàng Nghĩa Phác đều đem lính bản chi ban đêm sang sông Hiền Sĩ đánh úp các đồn. Chính Đức hầu [Nguyễn Văn Chính] vội vàng lên voi, voi quỳ, không đứng lên được. Hoàng Đình Thể đem lính Tuyển phong xông lên chém ngay được, các đồn ven bờ sông đều chạy tan. Lúc ấy chúa Nguyễn bên trọng bị quân Tây Sơn đánh gấp, đương [tờ 20a] cần chống giữ, chưa thể lo về mặt bắc. Chợt nghe thấy Chính Đức hầu thua trận chết. Tiết chế là bọn Trí, Huy, không cứu ứng nổi, thì không còn biết làm thế nào nữa. Bèn sai gói phù tỷ [con dấu], vàng, bạc, châu ngọc, các của quý và tiền, gạo, lương thực, chứa vào các thuyền bầu. Chúa Nguyễn lập tức đem thân thuộc hơn trăm người, và thân binh vài trăm người chia nhau xuống các thuyền bầu bơi ra gần cửa biển để tránh. Sai các tướng tá, bề tôi thân tín đốc lĩnh quân voi, quân thủy, lưu giữ dinh thành kho vựa và tùy phương mà chống đánh.

[68a] Nguyễn Trí cũng gọi là Tôn Thất Trí.

70. Ngày ấy quân tiền bộ của Hoàng Đình Thể tiến đến ngoài thành Phú Xuân. Các quân lưu thủ chống lại không nổi. Hoàng Đình Thể thừa thắng xua quân vào thẳng trong thành, chia quân chiếm giữ bốn cửa, niêm phong các kho vựa. Đến lúc chiều tối, thủy sư Thuận Quảng bày thuyền ở sông Phú Xuân, bày hàng bắn súng vào thành, tiếng súng vang dội. Hoàng Phùng Cơ sai lính Tuyển phong nấp trong ụ bắn trả lại, từ đêm đến sáng. Quân Nam ham đánh không thôi, Hoàng Ngũ Phúc sai Hoàng Nghĩa Phác đem quân đến cứu ứng, quân Nam bèn lui. Hoàng Ngũ Phúc tiến đóng ở xã An Vân **[tờ 20b]** cho chạy thư về kính báo tin thắng trận.

[Xin so sánh với các đoạn (71a), (71h), (71l) ở phần khảo chú]

71. *Toàn bộ sự việc trong tháng mười và tháng mười một, mười hai, bản A.1210 và bản A.4/5 chép khác với bản trục, vì vậy chúng tôi xin tạm dịch cả hai bản đó, để bạn đọc tham khảo.*

(71a) Việc quân đội Lê Trịnh tấn công Thuận Hóa.

(71a1) Bản A.1210 chép như sau:

Quan quân vào Thuận Hóa. Trước đó viên cai đội dinh Bố Chính thuộc Thuận Hóa tên là Hoàng Văn Bật cùng bọn gồm 10 người đã tới đầu hàng ở cửa quân Hoàng Ngũ Phúc. Họ xin mở cửa thành và dẫn đường. Hoàng Ngũ Phúc sai Thế Trung hầu Hoàng Đình Thể, Xán Trung hầu Bùi Như Châu, Đình Vũ hầu Nguyễn Đình Đống, Kiều Nhạc hầu Nguyễn Lệ tiến sát lũy Nhật Lệ. Quân dân trong lũy mở cửa ra đón. Quan quân bèn chiếm lũy Nhật Lệ, rồi tiến tới Động Hải. Các dinh ở Quảng Bình đều tan vỡ, trước sau lần lượt xin hàng. Bắt được rất đông. Hoàng Ngũ Phúc dâng thư báo thắng trận. Lũy Nhật Lệ bắt đầu từ núi, chạy dài ra tới biển, hai bên đều là đồng lầy, là nơi thiên hiểm của Hóa Châu. Các triều đại đem quân chinh phạt, tới đây đều phải quay về. Dưới chính quyền Đàng Trong, họ theo dọc bờ sông mà đặt các "tuần". Từ núi ra tới biển có tới 100 sở. Súng pháo rất đầy đủ. Mỗi khi cảnh báo, tiếng súng nổ vang. Lại có đài đốt lửa. Họ đốt lửa để báo tin khẩn cấp nơi biên giới. Đến lúc này quan quân qua sông Linh Giang, thì hoàn toàn im lặng, không có một sự chống đối nào. [Đoạn văn này cho thấy bản A.1210 chép rất giản lược].

(71a2) Bản A.4/5 chép như sau:

Quan quân vào Thuận Hóa. Thượng tướng Hoàng Ngũ Phúc đóng quân ở Hà Trung (*) vài tháng, luyện tập quân sĩ, trinh thám tình hình địch, viết thư chiêu dụ Nguyễn [Phúc] Thuần, nói rõ mối họa, phúc, nhưng Thuần lại trả lời vốn không có ý hàng. Phúc biết rằng dân Thuận Quảng oán ghét Trương Đạt [Phúc Loan] bậy bạ chuyên quyền, bèn làm tờ hịch kể tội họ Trương và nói rằng sẽ ra quân, vì con cháu của tiên công mà trừ tên đại ác đó. Dân rất tin tưởng, ngày ngày mong đợi quan quân đến; Thuần mỗi khi ra lệnh cho dân do thám ta, dân lại trở về báo cáo với Thuần là ta không có ý gì khác. Vào canh tư đêm Tân Mão, tháng ấy, Phúc ngầm cho quân qua sông. Gần sáng thấy đều lên bờ đóng quân ở Cao Lao. Ra bảng chiêu an, dân phần lớn đến hàng. Phúc tuyên rõ đức ý, cấm không được cướp đoạt của cải, người cày bừa bỏ việc, đến xem. Quân đến lũy Nhật Lệ, dân mở cửa lũy cho quân tràn vào, thế như vũ bão. Thuần tự lượng không thể chống nổi, bèn thu quân chạy trốn. Lũy Nhật Lệ từ chân núi chạy ngang đến biển là thiên hiểm của Hóa Châu. Nhiều triều đại muốn đánh lấy nhưng mỗi khi đến đây, đều phải cho quân quay về. Phúc bèn ra lệnh san bằng lũy này. [Lời đoạn văn này cho thấy người viết đối lập với chúa Nguyễn].

(*) Hà Trung: tên xã thuộc huyện Kỳ Hoa (nay là Kỳ Anh là nơi trấn thành thường đóng quân).

(71b) Sai trấn thủ Thái Nguyên là Nguyễn Phương Đĩnh khu xử xưởng Tống Tinh. Trước kia đất Thái Nguyên là nơi sản xuất nhiều bạc. Thôn Linh Lang huyện Bạch Thông có xưởng Tống Tinh là to nhất. Người phương Bắc đến trú ngụ ở đây thường có đến hơn vạn người. Hằng năm nộp thuế vạn lạng bạc.

Đến đây vì họ người khách [người Tàu] là họ Trương, họ Cổ gây chuyện tranh giành, họ đắp ụ dựng trận đánh nhau như hai kẻ thù, thuế bạc không nộp. Đĩnh đem việc này tâu lên, Tĩnh Vương ra lệnh đem quân đi tiễu trừ. Đĩnh kéo quân đến bắt bọn cầm đầu đem về kinh sư chúng phải nộp thuế. Nhưng chỉ trị ngọn mà không trị gốc nên thuế khóa và bạc cũng ngày càng bị giảm.

(71c) Chiêu mộ nghĩa dũng cho cả nước. Tĩnh Vương cho rằng miền Nam chưa dẹp yên được, muốn mở cuộc thân chinh, ra lệnh cho bọn Phạm Huy Đĩnh, Lê Đình Châu chiêu mộ nghĩa dũng, chia đến cơ Tả Dũng sung vào các chi tiền phong.

(71d) Trưng dụng vệ binh từ trấn. Trước đây từ khi bình yên, lính các vệ đều cho về nhà làm ruộng; khi có việc ở Trấn Ninh lại trưng dụng, việc xong lại tha về. Đến bây giờ bàn việc thân chinh, cho rằng kinh sư vốn là vùng đất trọng yếu, nên tăng cường quân lính để bảo vệ. Bèn chiếu theo ngạch cũ trưng dụng [vệ binh] chia làm 24 cơ bảo vệ kinh thành. Tĩnh Vương tâu lên Hoàng thượng, hạ lệnh thân chinh Thuận Quảng. Đại lược rằng:

"Từ xưa các bậc thánh vương cai trị đất nước chỉ cốt tuyên bố đức phong, phô bầy văn học đến như phải gội gió dầm mưa lâm vào chiến trận cũng chỉ là để đặt dân vào nơi êm ấm và làm cho cương thường của nước được thẳng ngay. Việc trừ tàn khử bạo chỉ là bất đắc dĩ. Địa giới Thuận Quảng ở nơi bờ biển, đã lâu bị dòng dõi họ Nguyễn ngầm chiếm cứ, trải các triều đại đều có đi vỗ yên, tiễu trừ, để tỏ rõ sự trói buộc [của triều đình]. Tụ tập quân lính ở Kỳ Hoa, đóng dồn ở Bố Chính, định treo cờ trên ải mây cho ngựa uống nước sông, nhưng chưa có cơ hội, còn phải đợi chờ. Ta nối tiếp cơ đồ rộng lớn, nghĩ rằng bốn bể chưa yên, trăm họ chưa giàu, chỉ muốn được nghỉ ngơi, không muốn động binh. Nhưng vì kẻ phản nghịch Nguyễn Thuần ngu hèn vô tri, tên quyền gian Trương Đạt buông tuồng bậy bạ [thi hành] luật hình hà khắc, thuế má nặng nề, khiến dân chúng phản lại, thần thích lìa xa. [Vì vậy] thời cơ dẹp loạn, vỗ yên bờ cõi không thể bỏ qua. Đã mệnh cho Việp công làm thượng tướng, ngày 11 tháng mười, thống suất tướng sĩ qua sông. Ngày mồng 8 tháng này ta tự thân chỉ huy đại quân kế tiếp rầm rập tiến theo. Lệnh cho các tướng sĩ tiến thẳng đến Châu Ô sẽ bắt ngay bọn con cháu họ Nguyễn. Nhưng nghĩ thương vì nhiều đời có công lao, không bắt lỗi đã qua, mà cho nó được toàn vẹn sự sống. Cũng là muốn cho dân chúng được hòa bình yên ổn, mở rộng tín nghĩa. Từ đây binh lính được nghỉ ngơi hưởng cảnh thanh bình. Bá cáo cho dân chúng các nơi được nghe. Bèn làm tờ tấu dầy đủ lên cho Hoàng thượng biết, cáo với trời đất, tông miếu, bách thần, núi sông ngày nay ra quân".

(71d) Cho Tào quận công Nguyễn Đình Thạch hầu Nguyễn Hoàn, Huấn Trung hầu Nguyễn Đình Huấn, Dĩnh Thành hầu Lê Quý Đôn ở lại giữ kinh thành, cho tùy tiện thi hành mọi việc. Đến giờ Ngọ lên thuyền, lệnh cho Hữu thị lang bộ Hình là Liên Khê bá Vũ Miên tuyên dụ tướng sĩ các hiệu, Lê Quý Đôn tuyên đọc 24 điều quân lệnh. [Bản A.1210 chép: đọc 42 điều quân lệnh, lại dịch ra thơ Nôm] Ngày gió mang khí hóa, mưa nhỏ mưa nhuận. Khi Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành từng có điềm này, nay cũng như vậy, tất sẽ thành công". Bèn khởi hành đi đến cửa biển Hào Môn (thuộc huyện Ngọc Sơn) (*), nước ở đây cạn, thuyền không thể qua được. Đêm ấy bỗng nhiên nước dâng lên, đi ngược dòng mà vào. Gần sáng thì thuyền bè đều thông, mọi người đều cho là lạ. Tĩnh Vương nghỉ lại ở nhà Lê Đình Châu, ban cho Châu tước quận công.

(*) Cửa Hào Môn: tức Cửa Bạng.

(71e) Tháng mười hai, thượng tướng Hoàng Ngũ Phúc đem quân đến Lai Cách (*) Nguyễn [Phúc] Thuần bắt Trương Đạt [Phúc Loan] đem tới quân doanh và hiến 50 đặt vàng xin hoãn binh. Ngũ Phúc sai đưa tin đó tâu lên. [Bản A.1210 không có đoạn này].

(*) Lai Cách: tên xã thuộc tổng Minh Lương (Quảng Bình), ở đó có đền Lai Cách.

(71g) Lập miếu Trần Công Bách. Khoảng niên hiệu Vĩnh Thọ [1658-1661] đi chinh phạt phương Nam, Công Bách đi tiên phong đánh nhau với giặc ở Lận Sơn bị tử trận. Đến bây giờ chúa lên trên núi Dũng Quyết, nhìn ra chiến địa nhớ đến sự trung thành của ông ta, ra lệnh lập miếu thờ ở đó. [Đó là sự việc năm 1660. Hai bên Trịnh Nguyễn bấy giờ cố tranh hòn Lận Sơn (tức Rú Lần) thuộc Hồng Lĩnh. Trước mặt Trịnh Căn, Trần Công Bách xin xung phong đưa quân đi chiếm ở bên kia sông Lam thuộc Bến Thủy, cũng là nơi Trịnh Căn bấy giờ làm thống lĩnh quân Trịnh, bày trận].

(71h) Hoàng Ngũ Phúc cùng Nguyễn [Phúc] Thuần đánh nhau ở nơi ngòi rãnh, [Thuần] bị thua. Trước kia đại quân đã vượt qua lũy Nhật Lệ, Thuần thu quân ngầm chạy trốn, nhưng còn nghĩ rằng: Phúc đóng quân trên đất lạ tất không thể vào sâu. Kịp khi đã bắt nộp Trương Đạt [Phúc Loan] và hiến vàng, mà thấy quân lính vẫn tiến không dừng thì bắt đầu lo sợ, bèn dựa vào sông làm nơi cố thủ, đóng đồn dựng dậu để chống giữ. Quan quân đến sông, đội tiền phong áp sát bờ dàn trận. Thuần dời pháo lên núi đất, lợi dụng nơi cáo phóng đạn xuống. Phúc sai đào hầm đất để tránh, chia quân lên thượng lưu làm cầu nổi, rồi dũng sĩ thừa lúc đêm tối qua sông, thẳng đến dinh của Thuần, quân Thuần tan vỡ, bắt được rất nhiều [Bản A.1210 không có đoạn này].

(71i) Tĩnh Vương đến trấn Nghệ An trú quân. Đốc thị Nghệ An là Đoan [Nguyễn] Thục xin về quê nhà. Chúa ưng cho. Trước đây chúa sai Phúc làm công việc ngoài biên, võ tướng Bùi Thế Đạt, văn thần Phan Lê Phiên trở xuống đều với tư cách là đại thần đi theo mà không đặt chức danh. Cốt để cho Phúc tùy tiện sai khiến. Phúc dừng lại ở trấn Nghệ An chọn ngày ra quân, cho đốc suất Bùi Thế Đạt cùng đi, muốn đưa Thục thay Đạt giữ trấn. Thục nói rằng: "Thục tôi ở trấn sánh chi là cho đủ vị, còn nhiệm vụ chính của tôi là khám thính [khám đạc, xét hỏi], ngoài ra các việc khác tôi chưa được nghe mệnh". Phúc lặng im không nói gì, cho chạy trạm về tâu với Tĩnh Vương hẹn cho Thục giữ trấn. Bấy giờ quân trấn Nghệ An đều theo Thế Đạt đi chinh phạt. Thục tuy lĩnh trấn nhưng không có một [đơn vị] quân lệ thuộc nào. Phúc ở đồn Động Hải, Lai Cách dâng khải xin sai Thục vận chuyển lương thực đến. Chúa sai Phạm Huy Đĩnh cùng đi với Thục. Bấy giờ kho thóc đã hết, Đĩnh thỉnh cầu về việc đó, sắc mặt và lời nói đều rất khó chịu. Thục nói rằng: "Thục tôi giữ chức ở trấn, thực không có người lính nào thuộc quyền cả. Tuy lo việc lương hướng cũng chỉ là dùng ngòi ngữ mà sai khiến người đến nỗi không phát huy được chức vụ của mình, như thế há là lỗi của Thục chăng? Nếu coi việc đó là tội thì đáng nên từ chức". Đĩnh nói rằng: "Đừng nên nói chuyện từ chức. Người làm quan mà không phát huy được chức vụ của mình, như thế sẽ có pháp luật". Thục cả giận nói, "Nếu có sự khiển trách thì chỉ bề trên mới có quyền. Sao ông có thể đem lời gay gắt đó ra nói với nhau được". Lập tức dâng khải nói: "Thần không xứng đáng với chức vụ này, tự thấy nên hưu, nếu như được ban cho trở về làm ruộng thì tuy [đó là] ngày chết mà cũng như năm sống. Nếu không như thế thì hoặc là trốn hoặc là bị giết cũng không dám chối từ". Đĩnh để đạt lên trên. Chúa không vui than rằng: "Biên thùy đang có việc, chính là lúc các bậc nhân thần phải cùng nhau mưu tính, suy nghĩ, thế mà nay cứ động một tý là xin đi, há có thể giữ lại được". Bèn chấp thuận.

(71k) Quan quân đánh lấy thành Phú Xuân, dẹp yên vùng Thuận Hóa. Trước đó Ngũ Phúc đã quan sông Gianh, [Đại Linh]. Chúa Trịnh thấy rằng Phúc một mình trơ trọi đem quân vào quá sâu, bèn quyết kế thân đi tuần chinh làm thanh thế viện trợ cho Phúc. Trước đó Nguyễn [Phúc] Thuần còn đem quân ra chống cự, đến khi nghe tin chúa Trịnh thân chinh đến Nghệ An, bắt đầu lo sợ. Phúc đến sông Bái Đáp cho bắc cầu nổi, đưa quân qua sông. Thuần đem gia quyến theo đường biển chạy trốn. Phúc chấn chỉnh quân kéo vào thành. Tộc thuộc quan lại của Thuần ra hàng hơn 50 người. [Bản A.1210 chép là hơn 5000 người], thu được vô số của cải, khí giới. Nghe tin thắng trận. Tĩnh Vương bảo với liêu thuộc rằng: "Thấy cảnh loạn lạc mất mát [của họ Nguyễn] mà giật mình kinh sợ, việc dùng người không có thể xem thường được. Người xưa nói rằng: "được người là thịnh vượng" há chẳng đúng sao, thành vàng ao nóng sao đủ cậy dựa?".

72. *Xét:* Quảng Thuận do Nguyễn Hoàng kiêm lĩnh, rất được lòng dân. Vào năm Thuận Đức nguyên niên [1638], Hoàng trốn về chiếm cứ đất ấy trong 14 năm, hưởng thọ 89 tuổi. Người con thứ 6 là Phúc Nguyên lên nối ngôi, truy phong Hoàng làm Gia Dụ Thái Vương. Nguyên ở ngôi được 23 năm thì người con thứ ba của ông là Phúc Lan lên tiếp nối, truy phong cha là Hiếu Văn Vương, Lan ở ngôi 14 năm, thọ 48 tuổi, người con thứ 2 của Lan là Phúc Tần lên nối ngôi, truy phong cha là Hiếu Chiêu Vương. Tần lên ngôi, đi đánh Chiêm Thành lấy được đất ấy, đặt làm hai phủ Bình Khang và Diên Khánh, Tần ở ngôi 40 năm, thọ 68 tuổi. Tiếp đó con thứ 3 của Tần là Phúc Trăn lên, truy phong cha là Hiếu Triết Vương. Trăn ở ngôi 5 năm, thọ 43 tuổi. Người con trưởng của Trăn là Phúc Chu nối ngôi, truy phong cha là Hiếu Nghĩa Vương. Phúc Chu lên ngôi tự lấy hiệu là Thiên Túng Đạo Nhân. Lại đi đánh Chiêm Thành, lấy được thành của họ đặt ra làm phủ Bình Thuận... Lại lập ra phủ Gia Định gồm hai huyện Phú Long, Tân Bình. Chu ở ngôi bao lâu thì chưa rõ, sau khi Chu mất, người con lớn là Phúc Chú lên nối ngôi truy phong cha là Hiếu Minh Vương. Chú ở ngôi 14 năm thọ 44 tuổi.

Tiếp đó, con trưởng là Phúc Khoát lên thay, truy phong cha là Hiếu Ninh Vương. Khoát lên ngôi tự lấy hiệu là Từ Tế đạo nhân. Dựa theo lời sấm: "Nam Hà sau 7 đời trở về kinh đô", bèn thay đổi áo mũ, phong tục để cùng với đất nước đổi mới... lập ra phủ Viễn Định. Năm Giáp Tý niên hiệu Cảnh Hưng thứ 5 [1744] tiếm phong ngôi vương. Trước đấy nhiều đời, đều tự phong là "Quốc chủ", phàm có làm những văn thư gì đưa xuống thì dùng ấn của Tống trấn tướng quân. Các bề tôi có việc gì tâu lên còn viết là "Thân", nơi ở gọi là "phủ", đến đây bắt đầu xưng "Quốc vương", đúc ấn vàng của Quốc vương, các bề tôi có việc gì thưa lên đều viết là "tấu", nơi ở gọi là "điện", có việc với thuộc quốc tự xưng là "Thiên vương". Phúc Khoát, ở ngôi 28 năm, thọ 56 tuổi. Con thứ hai là Phúc Thuần lên nối ngôi, truy phong cha là Hiếu Vũ Vương. Thuần lên ngôi tự hiệu là Khánh Phủ đạo nhân, dựa vào cơ nghiệp cũ, nhiều đời thừa hưởng thái bình, của cải chất cao như núi, quyền thần Trương Đạt [Phúc Loan] chuyên nhiếp lộng quyền uy phúc, việc võ bị bỏ lơi. Phúc Thuần ở ngôi 11 năm thì bị tiêu vong. Kể từ Nguyễn Hoàng chiếm cứ cho đến Nguyễn Phúc Thuần bị thất thủ, gồm 9 đời, 178 năm [xem thêm đoạn 28, 29, 30 năm 1744].

[Đoạn 72 ở trên và (73a) dưới đây chỉ có ở bản A.4/5].

PHỤ CHÉP

(73A) ĐỊA DƯ VÙNG QUẢNG THUẬN

[QUẢNG THUẬN DƯ ĐỊA CHÍ]

Xét: Địa hình vùng Quảng Thuận [kéo dài] như cái đai lưng. Phía tây liền với núi, phía đông giáp biển. Không rộng mà lại hẹp. Tuy đất hẹp nhưng hiểm trở và vững chắc, có thể cậy dựa được. Chỉ cần một năm bùn dắp chặn đinh đèo, dẫu có nghìn bầy ngựa chiến cũng không thể nào vượt được. Hoặc chỉ mấy hàng cọc cắm nơi cửa biển, thì dẫu có hàng vạn chiến hạm cũng không thể lọt qua. Núi thì sản ra bạc vàng, biển thì sinh ra châu ngọc. Các thứ hương thơm của lạ, đá quý, ngà voi, sừng tê, đường mật, gấm đoạn [rất nhiều]. Đó là nơi khách buôn tụ tập, hàng hóa dồi dào, ruộng đất màu mỡ, vật lực phong phú. Cũng là một nơi đô hội nhỏ ở biên giới phía nam nước ta. Đó là cơ sở để cho các quốc gia cổ Chiêm Thành, Chân Lạp có thể dựng nước.

Xứ Thuận Hóa trước kia gồm 2 phủ là Tiên Bình và Triệu Phong. Tiên Bình gồm 2 huyện là Khang Lộc, Lệ Thủy và 2 châu là Minh Linh, Bố Chính, Phủ Triệu Phong gồm 6 huyện: Vũ Xương, Đan Điền, Hải Lăng, Kim Trà, Tự Vinh, Điện Bàn và 2 châu Thuận Bình, Sa Bôi. Cộng 2 phủ có 8 huyện 4 châu, 554 xã, 44 thôn, 3 trang, 12 nguồn, 10 động, 124 sách.

Huyện Khang Lộc có 73 xã, 7 sách, 4 nguồn.
Huyện Lệ Thủy có 27 xã, 3 trang.
Châu Minh Linh có 58 xã, 3 trang, 3 động, 3 nguồn.
Châu Bố Chính có 58 xã, 3 động, 2 nguồn.
Huyện Vũ Xương có 88 xã, 2 thôn, 4 động, 1 trang, 1 châu, 1 nguồn.
Huyện Đan Điền có 60 xã, .14 thôn, 4 sách, 4 nguồn.
Huyện Hải Lăng có 52 xã, 20 thôn, 3 nguồn.
Huyện Tư Vinh có 69 xã, 4 sách, 1 thôn.
Huyện Điện Bàn có 47 xã.
Châu Thuận Bình có 17 sách, 3 động.
Châu Sa Bôi có 80 sách, 11 trang, 7 động.

Xứ Quảng Nam có 3 phủ Thăng Hoa, Tư Nghĩa, Hoài Nhân. Phủ Thăng Hoa có 3 huyện Lê Giang, Hà Đông, Hy Giang. Phủ Tư Nghĩa có 3 huyện Bình Sơn, Mộ Hoa, Nghĩa Giang. Phủ Hoài Nhân có 3 huyện Bồng Sơn, Phù Ly, Tuy Viễn. Cộng 3 phủ 9 huyện 78 xã.

Huyện Lê Giang có 9 xã.

Huyện Hà Đông có 8 xã.

Huyện Hy Giang có 8 xã. Huyện Bình Sơn có 17 xã.

Huyện Mộ Hoa có 15 xã.

Huyện Nghĩa Giang chưa rõ.

Huyện Bồng Sơn và huyện Tuy Viễn đều có 7 xã.

Huyện Phù Ly 8 xã.

Đó là thời Hồng Đức định bản đồ đã như thế. Từ khi họ Nguyễn chiếm đất này thì tên và số huyện có thay đổi. Xứ Thuận Hóa có 2 phủ: phủ Tiên Bình đổi thành Quảng Bình. Phủ Triệu Phong có 5 huyện là Hương Trà, Phú Vinh [Phú Vang], Quảng Điền, Hải Lăng, Đăng Xương, cộng 389 xã, 23 thôn, 122 phường, 8 giáp, 5 sách, 1 châu, 1 ấp, 3 tộc [họ]. Phủ Quảng Bình gồm 3 huyện là Minh Linh, Khang Lộc, Lệ Thủy, và 1 châu là Nam Bố Chính. Cộng 200 xã, 20 thôn, 18 phường, 11 trang.

Xứ Quảng Nam có 2 phủ là Điện Bàn, Thăng Hoa. Phủ Điện Bàn có huyện Hòa Vinh [Hòa Vang], An La, Diên Khánh, Tân Phúc, Phú Xuyên. Cộng 197 xã, 19 thôn, 7 giáp, 205 phường, 86 châu. Phủ Thăng Hoa có 3 huyện là Lễ Dương, Hà Đông, La Xuyên. Có phân biệt "Chính" và "mới đặt". Cộng 228 xã, 27 thôn, 10 phường. Họ đặt làm ấp, làm tộc, làm vạn, rồi lại đổi thành giáp, thành trại, nơi nào cũng có. Địa đồ xứ Quảng Nam so với thời Hồng Đức không rõ đã nhiều lên gấp bao nhiêu lần. Lại các phủ mới đặt là Hoài Nhân, Quảng Nghĩa, Bình Khang, Diên Khánh, Gia Định, không kể vào đây.

Ất Mùi, Cảnh Hưng năm thứ 36 (1775), (Thanh, Kiền Long thứ 40)

1. Mùa xuân tháng giêng. Ngày mồng 1 [31-I-1775]. Vua nghĩ: chúa Trịnh đi tuần phương Nam chưa về, sai quan giữ kinh là Nguyễn Hoàn thay làm lễ tế Giao[1a].

[1a] Lễ tế Giao: tế trời, lúc bấy giờ do chúa Trịnh đứng ra tế vì vua còn chưa hết tang thái hậu. Bản A.4/5 chép việc tế giao vào ngày mồng 3.

2. Ngày mồng 2 [1-II-1775] Hoàng Ngũ Phúc tiến đến thành Phú Xuân. Bề tôi thân cận của chúa Nguyễn ở Thuận Quảng là bọn Thăng quận công, đem bộ thuộc gồm hơn 100 người đến cửa quân xin hàng. Còn ngoài ra các tướng lại văn võ còn ngờ sợ, đem nhau trốn tránh.

3. Ngày mồng 3 [2-II-1775] Hoàng Ngũ Phúc nghe tin thuyền quân chúa Nguyễn còn ở cửa biển Hoán Hải, lập tức sai Hoàng Đình Thể, Hoàng Nghĩa Phác đem thủy binh đuổi theo.

4. Ngày mồng 5 [4-II-1775] thuyền chúa Nguyễn bơi đến cửa biển Tư Dung, trái gió không đi được, phải đỗ thuyền, lại sợ quân chúa Trịnh đuổi kịp, bèn cùng bề tôi thân cận là bọn Nguyễn Huống, Nguyễn Kính, Nguyễn Trí bỏ thuyền lên bộ, theo đường núi đi gấp. Qua núi Hải Vân, tạm đóng ở trong chùa, được 3 ngày, các người đi theo đều tẩu tán hết. Quân Bắc thu được 30 chiến thuyền do chúa Nguyễn bỏ lại, họ tranh nhau lấy của cải tiền gạo, không đuổi theo nữa, rồi đem các thuyền bắt được trở về nơi đóng quân ở Phú Xuân.

5. Trước đây chúa Nguyễn vì thấy Tây Sơn thế mạnh, sai tướng là Du quận công Trấn thủ **[tờ 21a]** Quảng Nam sửa trước cung điện và sai Nghiễm quận công, Thận quận công đem quân thủy bộ hơn một vạn quân, đóng ở địa phương Quảng Nam, để chống Tây Sơn. Đến lúc bấy giờ Phú Xuân bị mất, chúa phải đóng tạm ở chùa núi Hải Vân, sai người mật báo cho Tả quân Nguyễn Hữu Du đem quân bộ thuộc đến để đón tiếp. Bèn tiến vào Quảng Nam đóng lại, rồi cùng bọn Nghiễm quận công bàn kế chống giữ.

6. Hoàng Ngũ Phúc đóng quân, thu nhặt của cải trong kho và binh lính, chọn lấy những thứ quý, sai quan dưa dâng lên chúa Trịnh. Còn thì đều niêm phong lại. Sai người đi Quảng Nam báo tin cho chúa Nguyễn và chiêu dụ bọn tướng Du quận công, Thận quận công quy thuận[6a].

7. Chúa Trịnh sai Cấp sự trung Nguyễn Quýnh đem trát đến bảo Hoàng Ngũ Phúc rằng Thuận Hóa dẹp yên rồi thì Quảng Nam cũng nên kịp thời bình định, các việc điều khiển xếp đặt: đánh hay chiêu hàng đều cho tùy liệu thi hành. Lại sai truyền dụ kỳ lão hào mục xứ Thuận Hóa, cho phép họ được trình bày sự lợi hại của dân gian và việc quân cơ đánh giữ, nộp lên quân trấn thủ chuyển tâu, triều đình sẽ tùy tài sử dụng. Và

[6a] Bản A.1210 chép thêm: cho Hoàng Ngũ Phúc làm chức Đại thống suất Trấn phủ Thuận Hóa. Phàm các việc ngoài biên đều cho được tùy ý thi hành. Ban cho ông 500 lạng vàng. Mỗi khi chúa giáng tỳ thư đều gọi ông là "quốc lão" chứ không gọi tên. Về sau lại ban cho các tướng sĩ 5.000 lạng bạc.

khoan miễn tô thuế, tạm hoãn tuyển binh và sai dịch. Lại sai Nguyễn Khản, Nguyễn Đình [tờ 21a] Diễn tính số gạo do đường thủy đường bộ vận tải đến, báo cho Hoàng Ngũ Phúc biết.

8. Ngày mồng 10 [9-II-1775] chúa Trịnh Sâm thắng trận trở về, sai quan tứ trấn lại mua thóc 500 vạn đấu để dự bị lương quân[8a].

9. Diên Thọ hầu Hoàng Tổ Lý (trước tên là Đăng Bảo) dâng khải xin từ chức án trấn Thuận Hóa, xin về kinh dưỡng bệnh. Chúa ưng cho.

10. Tướng "giặc" Tây Sơn là Tập Đình hầu, nhân đinh Quảng Nam phòng thủ chưa vững, bèn đem lính bản đạo chia nhau dùng thuyền chiến, theo đường biển vào cửa biển Đại Chiêm. Nguyễn Văn Nhạc cũng đem bộ binh theo đường chân núi ra nguồn Thu Bồn, ra sức đánh mạnh. Tướng giữ ở đó là Nguyễn Hữu Du thua chạy. Chúa Nguyễn cùng cháu là Nguyễn Phúc Dương bỏ dinh Quảng Nam lui đóng đồn ở Câu Đê để chống giữ.

11. Tháng hai, chúa Nguyễn nghĩ: "giặc" Tây Sơn thế đương mạnh, định vào Gia Định lấy lương, điều binh, để toan chống đánh. Bèn tạm lập Nguyễn Phúc Dương làm Đông cung[11a]. Chia quân cho, sai đóng giữ đồn Câu Đê, để phòng giữ "giặc" Tây Sơn.

12. Ngày mồng 2 [3-III-1775] nhân có viên tướng giữ Gia Định là Hiến Đức hầu đem thuyền binh theo đường biển đến đón. Trong lúc vội vàng, chúa Nguyễn không kịp sai người đi đón mẫu hậu và phi, thiếp. Chỉ dùng bề tôi thân cận gồm [tờ 22a] 8, 9 người và thân binh bảo vệ vài trăm người, chia nhau xuống các thuyền, ra biển đi vào nam. Vừa ra khơi gặp gió dữ, thuyền chúa Nguyễn dạt vào Vụng Lầm phủ Bình Khang. Còn các thuyền chở bọn Nguyễn Huống, Nguyễn Kính, Nguyễn Hữu Du, gồm hơn 10 chiếc đều chìm xuống biển chết cả.

(8a) Bản A.4/5 và A.1210 chép rõ thêm: cho Hữu thị bộ Binh Nguyễn Lệ làm Thanh lĩnh xứ Nghệ An, mua vét thóc gạo của dân giàu có ở Nghệ An. Lệ là người xã Nghi Xuân Huyện Tiên Điền, giỏi văn học. Tĩnh Vương lúc còn chưa lên làm chúa, rất yêu quý ông. Khi lên ngôi rồi thì cất nhắc Lệ và cha Lệ cũng vào chính phủ. Cho ra vào cung cấm tự do như bọn nội giám. Đến bây giờ cho làm chức Tham lĩnh. Theo lệ cũ, hễ làm Tham lĩnh thì không bao lâu sẽ được làm Đốc suất. Khi Lệ nhận mệnh, bọn dưới trướng ông ta liền ỷ thế hoành hành. Việc ấy đến tai chúa. Chúa sai Tuân Sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân và tri Lại phiên Vũ Lục tới khám, gọi Lệ về kinh, biếm 3 "thứ".
Bản A.1210 chép: Việc mua gạo ấy là để giúp cho quân đội. Và thêm: Chúa về đến Thanh Hoa, bái yết lăng miếu, đãi yến các phụ lão ở làng Biện Thượng. Ban thưởng rất hậu. Cho dân Thanh Hoa 3.000 quan tiền, cho dân Nghệ An 2.000 quan tiền. Cho các quân di theo hộ tùng là 5.000 lạng bạc.
Tháng 2 chúa về tới kinh (Bản A.4/5 chép là tháng 3 chúa về Kinh). (Xem thêm việc số 14 dưới đây).

(11a) Đông cung: Tức là thế tử, con trưởng của chúa, chuẩn bị nối ngôi.

13. Ngày 25 [26-III-1775] thuyền chúa Nguyễn đến Gia Định, tướng trấn giữ ở đó là Tống Phúc Hợp, Nguyễn Khoa Thuyên đều đến hầu. Trấn mục Hà Tiên là Tông Đức hầu Mạc Thiên Tứ cũng đến hành tại[13a] bái yết. Bèn tạm làm dinh phủ ở Bến Nghé để làm chỗ chúa trú chân. Chúa phong cho Thiên Tứ làm Quốc lão Đô đốc, ban tước quận công. Cho con là Mạc Hoàng làm Chưởng cơ, Mạc Thượng làm Cai cơ, Mạc Dung làm Tham tướng, đều cho về trấn tập hợp dân lưu tán và tàn quân Hà Tiên để đợi thời cơ.

14. Tháng ba ngày mồng 2, [1-IV-1775] chúa Trịnh Sâm trở về đô thành Thăng Long. Ngày mồng 4 làm lễ cáo tạ trời đất thần thánh.

15. Ngày mồng 5, [4-IV-1775] tâu cho vua Lê biết và cung tiến một hốt vàng.

16. (Xem khảo chú).[16]

17. Hoàng Ngũ Phúc lưu Bùi Thế Đạt giữ thành Phú Xuân. Lại chia quân làm 5 chi, qua núi Hải Vân [tờ 22b] tiến sát đến đồn Câu Đê. Lúc bấy giờ nhân dân Quảng Nam đã bị "giặc" Tây Sơn quấy phá cướp bóc, nghe quân ngoài Bắc vào, nhiều người đến hàng phục.

18. Mùa hạ tháng tư, Nguyễn Phúc Dương bỏ đồn Câu Đê, đi một thuyền đơn độc bơi tắt ra cửa biển, bị Lý tướng quân của đảng "giặc" Tây Sơn bắt được. Một tướng khác là Tập Đình hầu muốn giết đi, nhưng Lý tướng quân lại che chở, cho nên được vô sự.

19. Ngày mồng 5, [4-V-1775] đạo quân Nguyễn Đình Đống đánh phá đồn Hối Miệt ở dưới dèo Hải Vân. Thân thuộc chúa Nguyễn là Nguyễn Thị Cầu, Nguyễn Thị Kiều và Sai quận công đều bị bắt cả. Hai đồn Câu Đê, Trung Sơn đều bị mất.

Hoàng Ngũ Phúc nghĩ: quân sĩ xông pha mạo hiểm đã vài tuần liền, nhiều người cảm ốm, lương ăn lại hết, mà vận tải chưa đến. Địa phương Quảng Nam thóc gạo hết sạch, nhân đó đóng quân ở đồn Trung Sơn nghỉ ngơi đợi lương.

[13a] Hành tại: Nơi vua chúa ở tạm khi phải ra khỏi cung điện.

[16] Bản A.4/4 chép thêm một việc về Đặng Thị Huệ:

- Sách phong Tiệp thư của chúa là Đặng Thị làm Tư dung. Đặng Thị là người làng Phù Đổng, có sắc đẹp, làm nữ tỳ cho bà Tiệp thư họ Hoàng. Chúa trông thấy thì yêu, nhân đó tư thông với nàng và rất sủng ái nàng. Chúa cho nàng ở chung trong chính tẩm, các xe cộ quần áo của nàng đều theo mẫu như của Chúa. Nàng có can dự vào các việc chính sự bên ngoài. Bọn dựa thế phần nhiều hùa theo nàng.

20. Thủ lĩnh Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc đóng quân ở phố Hội An, nghe quân Bắc đến, lập tức cùng Tập Đình hầu đem hết quân đến sông Cẩm Lệ chống giữ.

21. Ngày 20, [19-V-1775] Hoàng Ngũ Phúc sai Hoàng Đình Thể, Nguyễn Đình Đống tiến quân đi trước, còn mình cùng Nguyễn Nghiễm, Bùi Đình Châu nối tiếp theo sau. Lính tiền bộ đến Bầu Trĩ, thấy quân Tây Sơn từ trong bụi rậm xông ra **[tờ 23a]**, mà đằng trước có khe sâu. Hoàng Đình Thể chỉnh đốn trận địa để đợi. Quân Hữu chi cũng đến tiếp. "Giặc" lội qua khe sang, xông vào đánh, súng không kịp bắn. Hoàng Đình Thể, Hoàng Phùng Cơ, Hoàng Nghĩa Phác cùng Vị Phái hầu, Lý Trung hầu, Cơ Trung hầu, Dực Phượng bá, đều thúc voi xông lại đánh. Nguyễn Đình Đống từ bên hữu tiếp ứng: "Giặc" bị voi xông đánh, vội chạy xuống khe, chết đuối cũng nhiều. Quan quân thừa thắng đuổi theo, giết được quân "giặc" 84 người bắt sống được 16 người.

22. Ngày 22, [21-V-1775] năm chi quân Bắc, 2 đầu cùng tiến, Nguyễn Văn Nhạc cùng Tập Đình hầu họp quân đón đánh. Lại phục binh quanh ra đằng sau Cẩm Sa (thuộc Hòa Vang), Hoàng Đình Thể cấp tốc đem quân Trung Khuông, Tuyển Phong cùng lính đội Tứ cảm đến ứng cứu. Quân "giặc" đều cởi trần, đội khăn đỏ, đeo giấy vàng mã, tay cầm khiên mây, dao lớn xông vào hỗn chiến, súng không kịp bắn. Lính đội Tứ Cảm nhiều người bị thương. Nha hiệu là Quế Vũ Bá chết trận. Thể Vũ Bá, Giai Vũ Bá, thúc voi cùng lại đánh, giết được hơn 20 tên địch. Bàn Trung hầu (tức là Nguyễn Đình Quyền, quản cơ Hậu tiệp) Viêm Lĩnh hầu cũng đem quân tiếp đến, quân "giặc" hơi lui. Hoàng Đình Thể thừa thắng đánh mạnh, chém được **[tờ 23b]** một tướng và 93 tên địch, cướp được 2 con voi, 10 lá cờ to. Lính Hậu chi tiến đến Bầu Mang, phục binh của địch bật dậy, Nguyễn Đình Đống đánh chém được 19 tên. Đến đấy quân địch đều tan chạy, tranh nhau sang qua cầu phao, chết đuối rất nhiều. Thủy binh của Tập Đình hầu lui ra cửa biển Đại Chiêm (thuộc Diên Phước). Bộ binh của Nguyễn Văn Nhạc cũng trông đường Quảng Ngãi mà trốn đi. Thủy quân của Nghi Trung hầu cũng bắn phá được 2 thuyền địch, cướp được 3 thuyền, bắt sống được 70 tên lính địch. Quan quân lại tìm cách bắt được 59 tên địch chạy trốn. Tiến đến Thành Hà rồi về.

23. Ngày ấy, Hoàng Ngũ Phúc tiến đến dinh Quảng Nam đưa thư về kinh báo tin thắng trận. Trận này những người chém và bắt được quân của Tập Đình hầu, đều thưởng một hốt bạc, bắt chém được quân "giặc" Tây Sơn đều thưởng một lạng bạc.

24. Lúc bấy giờ địa phương Thăng Hoa, Điện Bàn, bị "giặc" giày xéo, điêu tàn gần hết, xác người chết đói cũng nhiều. Hoàng Ngũ Phúc ra lệnh cấm cướp bóc, sai tướng hiệu chiêu phủ dân ly tán, dân 2 phủ 11 huyện đều rất vui mừng.

25. Nguyễn Văn Nhạc trước dựa vào 2 đạo quân Trung Nghĩa, Hòa Nghĩa. Đến trận thua ở Cẩm Sa, Tập Đình **[tờ 24a]** hầu trốn đi, Lý tướng quân cũng trở mặt lìa bỏ, những hào kiệt khác thì quá nửa không chịu phục tòng. Ngày 25 tháng ấy, Nhạc sai thuộc hạ là Tán lễ Vũ Tín đem tờ thư cùng với ngựa vàng ngọc đến dinh Quảng Nam xin hàng. Xin nộp đất 3 phủ là Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên. Khẩn khoản xin tâu lên cho y làm tiểu tướng, làm tiền khu cho đại tướng đi đánh các địa phương Gia Định, Hà Tiên. Hoàng Ngũ Phúc sai người làm bài hiểu dụ, đại lược nói về "lý" về "thế" để dụ Nhạc tìm cách bắt giết bọn quan gian ác là Tập Đình hầu, Lý tướng quân, đệ lên dâng công, thì sẽ lập tức ban sắc lệnh cho cầm quyền, quyết nhiên không tiếc gì hết. Dụ văn này giao cho Tán lỗ Vũ Tín đem về.

26. Tháng năm ngày mồng 2, [30-V-1775] chúa Trịnh Sâm nghe nói Hoàng Ngũ Phúc ốm. Lại có ngôi sao lạ phạm vào mặt trăng. Người chiêm nghiệm nói rằng: điềm này, tướng ở ngoài phải nên đề phòng. Chúa bèn tự tay viết trát, báo cho Hoàng Ngũ Phúc cần phải giữ mình cẩn thận.

27. Ngày ấy Nguyễn Văn Nhạc lại sai Tán Vũ [tức Tán lễ Vũ Tín] đem 3 con ngựa khỏe đến dâng. Hoàng Ngũ Phúc đã nhận vào cho hàng, cho nên không vội tiến quân.

28. Ngày mồng 4, [1-VI-1775] người huyện Hải Lăng xứ Thuận Hóa tên là Ca Lâm và Huyên Mộc nổi loạn ở **[tờ 24b]** trong núi Sái Thuyền thuộc miền thượng du Cát Dinh, giả xưng là họ Nguyễn tập họp dư đảng họ Nguyễn, dụ dỗ được nhiều kẻ hào mục ở các huyện Hải Lăng. Đăng Xướng, Minh Linh, đi theo. Chúng đóng đồn ở chợ Cam Lộ, chặn đường ăn cướp. Quan đội Nội Thủy trước là Hồng Lĩnh hầu Văn Đình Kinh vận tải lương đến cảng Lam Thủy, không tiến đi được. Thần Trung hầu thuộc đạo Thanh Hoa đóng đồn tại Lai Cách. Đoan quận công [Bùi Thế Đạt] đóng đồn ở Phú Xuân, đường liên tục của họ bị cắt đứt giữa quãng.

29. Ngày mồng 5, [2-VI-1775] chúa Trịnh Sâm sai Nguyễn Đình Diễn đem chỉ dụ đến khen ngợi úy lạo Hoàng Ngũ Phúc cho và thưởng 300 lạng bạc, cho quân sĩ một nghìn lạng bạc. Chỉ dụ đại lược nói rằng:

"Ông là vị đại thần già cả có đức vọng, kiêm cả ngôi tướng văn tướng võ, rong ruổi chiến trường đã mấy năm nay, đốc suất ba quân san bằng hiểm trở. Công trạng đời xưa nói ở thơ Thái dĩ, thơ Xuất xa[29a] cũng không hơn được. Ta nghĩ tới nơi xa xôi muôn dặm, lúc ăn lúc nghỉ không bao giờ quên. Nghĩ đến công siêng năng vất vả, hết sức khen ngợi. Vừa rồi ta xem tờ khải bầy tỏ, thực đã thích hợp với công việc, vừa đúng với cơ hội. Hiện nay Tây Sơn chưa dẹp yên. Cũng nên thừa binh uy này trừ ngay lũ giặc bẩn thỉu ấy đi, san bằng lũy "giặc", bình định miền [tờ 25a] Hải Nam[29b] để đáp ứng ý trừ loạn cứu nguy cho ta, cho trọn vẹn lòng tận trung báo nước của ông. Cố gắng lên nhé".

30. Ngày mồng 7, [4-VI-1775] Đoan quận công Bùi Thế Đạt sai quản cơ Tiền Thắng là Tương Đông hầu Nguyễn Xuân Phú (người xã Tương Đông, huyện Giao Thủy), quan Hậu Nhất thủy đội là Bích Vũ hầu đi đánh bọn "giặc" Cam Lộ. Nguyễn Xuân Phú tiến quân đến Phúc Giang, cách đồn Trường Sinh của "giặc" hơn một dặm, đóng quân lại, xin thêm quân. Đoan quận công không cho, lại giục phải tiến đánh "giặc" ngay. Ngày 12, Nguyễn Xuân Phú chuyển theo đường hạ đạo tiến lên, gặp "giặc" Cam Lộ. Đoan quận công giận quá, cho rằng bọn "giặc" ấy chỉ là đám dân ô hợp, đánh gấp là tan ngay, cần gì phải bàn chuyện đông quân hay ít quân. Thế mà Nguyễn Xuân Phú cứ lừng chừng không tiến quân, lại phô trương thế "giặc" lên. Bèn tâu với chúa xin giáng chức Nguyễn Xuân Phú 5 bậc, thu cả những ấn và bài bạc đã thưởng khi trước. Lại sai Tuân Thọ hầu chi huy hiệu Hậu Ninh, Kiên Kim hầu Vũ Tá Kiên chỉ huy cơ Tả Thắng đi đánh "giặc" Cam Lộ. Hơn mười ngày bọn bày tiến đến nơi thì Tương Đông hầu Nguyễn Xuân Phú đã phá xong 2 đồn Trung Đan và Diên Sinh. Thời Trung hầu cũng từ đồn Lai Cách dẫn quân đến. Các đám "giặc" ở Sùng Thị Câu Ngao [tờ 25b] đều bỏ đồn chạy về Cam Lộ, nghe đại quân đến, trốn vào rừng sâu và tản đi các nơi. Bọn Tuân Thọ hầu chia quân đi tìm bắt, các địa phương đều yên, lại dẫn quân về Quảng Nam.

31. Ngày 19, [16-VI-1775] chúa Trịnh Sâm nghĩ: vì có việc dùng binh ở miền Nam, nên có nhiều người đi lại qua đường, cũng giả mạo sai phái công đề bắt phu trạm, làm nhiễu dân. Chúa bèn sai bàn định phép

---

[29a] Thơ Thái dĩ trong Kinh Thi nói Chu Tuyên Vương trung hưng, sai Phương Thúc đi đánh Kinh Man, thắng trận trở về, làm bài thơ này ca ngợi chiến thắng. Thơ Xuất xa trong Tiểu Nhã ở Kinh Thi là lời yên ủi người lính thắng trận trở về.

[29b] Hải Nam: Ở đây chỉ xứ Đàng Trong.

tắc nhà trạm: Từ kinh kỳ quan Sơn Nam, Thanh, Nghệ đến Thuận Quảng, các huyện dọc đường ở gần chỗ giáp giới, đều đặt một trạm, liệu lấy dân xã sở tại canh trực. Cho quan huyện kiêm coi việc nhà trạm. Mỗi huyện cấp cho 4 cái bài bằng đồng, do quan huyện giữ. Khi nào phát lệnh dùng phu trạm cho đem con so, cùng bài đồng làm tin. Ai giả mạo sai phái công việc, đến quấy rối phu trạm thì chiếu luật xử nặng. Từ đấy ven đường được trong sạch nghiêm trang [31a], [31b].

32. Tháng ấy, Hoàng thái hậu Đào Thị mất, đặt tên thụy là Như Thận[32a].

33. Chúa cho bọn Phan Chính Lễ, Trương Hỗ, Ninh Tốn, Đặng Liên tiến triều (Chính Lễ người xã Đông Ngạc, huyện Từ Liêm; Ninh Tốn người xã Côi Trì, huyện Yên Mô; Đặng Liên người xã La Nội, huyện Từ Liêm, đều là nho sinh trúng thức, Trương Hỗ là người xã Như Kinh, huyện Gia Lâm).

34. Thự hiến sát sứ Sơn Nam Đỗ Thế Hoành (là chân tiến triều) ăn của đút, việc phát giác **[tờ 26a]** phải xóa tên trong sổ quan chức.

35. Tháng sáu, ngày mồng 2 [29-VI-1775] Nguyễn Văn Nhạc sai thuộc hạ Phan Văn Tuế đem thư đến dinh Quảng Nam dâng 2 con voi, 5 con ngựa, một đoạn hương kỳ nam, xin ban cho sắc mệnh và binh phù, để được làm tiền khu cho đại quân, lập công nơi biên giới. Hoàng Ngũ Phúc nhận lễ. Và sai làm văn hiểu thị, đại lược nói rằng: "Nguyễn Văn Nhạc đã có lòng thành quy thuận. Bản đạo được quyền tùy nghi trao chức, cho làm Tráng tiết tướng quân, Tây Sơn trưởng hiệu, cho được trên nhờ oai trời thi hành hiệu lệnh ở sơn trại, chỉ huy đội quân mạnh đi đánh giặc. Bản đạo cũng liền ngày đem quân đến gần đấy. Sau này tướng quân nếu có việc khẩn cấp, lập tức đến báo để tiện chi bảo". Văn hiểu thị này giao cho Phan Văn Thể lĩnh về và hẹn ngày cho đến lĩnh các mệnh, Hoàng Ngũ Phúc đóng quân để đợi.

[31a] [31b] Bản A.4/5 chép thêm 2 việc:

- Lấy Tạo Cơ hầu Phạm Ngô Cầu làm Giám đốc lương hướng. Bấy giờ vận tải lương bằng thuyền không có thông thuộc. Khi cần đến thì lại bộ trễ. Đình thần bàn rằng: Năm Hồng Đức đi đánh Chiêm Thành có đặt chức "Chuyển du tướng quân" và các chức Giám đốc, Ký lục. Nay nên phỏng theo chế độ cũ ấy. Cho Phạm Ngô Cầu làm Giám đốc và cho quan văn làm Ký lục.
- Cấm bắt tràn lan các thuyền buôn. Bấy giờ lại viên phần nhiều giả danh tải lương của nhà nước, cưỡng mướn thuyền của dân. Người buôn thuyền bị mất nghiệp, cho nên cấm việc đó.

[32a] Cương mục ghi; Thái hậu người xã Bảo Vực, huyện Văn Giang.

36. Chúa Trịnh Sâm sai Thiêm tri phiên Nguyễn Trọng Hàn đem tỷ thư đến Quảng Nam, khen và úy lạo Hoàng Ngũ Phúc, cho 5 hốt vàng. Lại đưa thêm một ngàn lạng bạc để thưởng tướng sĩ có công.

37. Ngày mồng 5, [2-VII-1775] chúa Trịnh Sâm nghe địa phương Cam Lộ [tờ 26a] thượng du Thuận Hóa có bọn giặc thừa cơ nổi lên. Lập tức sai trung quan Phạm Huy Đĩnh đem quân binh Trung Thắng đi đến Cát Dinh, và dốc suất quan binh đạo Thanh Hoa đến đây hiệp cùng Bùi Thế Đạt đánh giặc. Đĩnh đến Cát Dinh, bọn giặc là Ca Lâm, Huyền Mộc còn trốn ở hang núi, ra vào cướp bóc. Đĩnh đem quân vào sâu dò tìm, bắt được Ca Lâm, Huyền Mộc và dồ đảng vài trăm người, đều chém cả đi. Địa phương đó được yên.

38. Ngày 26, [23-VII-1775] Nguyễn Văn Nhạc sai thuộc hạ là Đỗ Phú Tuấn Phan Văn Thể, đến dinh Quảng Nam dâng 2 con voi đực, 10 con ngựa, 2 hốt vàng, 10 hốt bạc, một tấm đoạn hoa, và đợi đón sắc mệnh. Hoàng Ngũ Phúc trả lại vàng bạc, sai quan từ hàn tùy nghi làm sắc. Sai nha hiệu Dực Phượng bá, Tự thừa Nguyễn Hữu Chỉnh cùng đem ấn, cờ, gươm chiêng trống, áo mũ, đến trại Tây Sơn ban cho Nguyễn Văn Nhạc.

(Nguyễn Hữu Chỉnh người xã Đông Hải, huyện Chân Phúc, trấn Nghệ An, phong tư đẹp đẽ, có trí tuệ, lúc bé học lối cử tử, 16 tuổi đỗ hương tiến. Khi trước cha Chỉnh buôn bán làm giầu, gia tư có hàng vạn, thường ra vào cửa Hoàng Ngũ Phúc. Chỉnh theo cha vào yết kiến, Hoàng Ngũ Phúc thấy, cho là kỳ tài tán dương để bạt nên được làm Tự thừa. Chỉnh hay làm thơ văn chữ Nôm, từng làm bài phú "Quách lệnh công" được người ta truyền tụng. Tính lại hào phóng, trong nhà tân khách thường có đến vài mươi người uống rượu ngâm thơ, tả tình tỏ chí. Nhà nuôi con gái múa hát có đến hơn mười người. Tự soạn ca khúc **[tờ 27a]** phổ vào đàn sáo ngày đêm vui chơi, là gia đình phong lưu đệ nhất ở kinh thành).

39. Lúc bấy giờ quân ngoài Bắc lặn lội khó nhọc lâu ngày, không quen thủy thổ, bị ốm đến hơn 600 người. Hoàng Ngũ Phúc cũng ăn uống ngày càng kém, thân thể gầy còm. Bèn mật khải xin chúa cho một viên làm phó để hiệp lực bàn việc quân[39a].

[39a] A 4/5 chép thêm một việc như sau:

Tháng 6, định phép chọn vệ binh từ trấn và đặt quân hiệu. Bấy giờ chúa cho rằng xứ Thuận Hóa đã bình định, bãi hết các cơ vệ về làm ruộng. Bàn thực hiện pháp cứ 10 đinh chọn một. Các đơn vị như 10 "Phấn", 5 vệ ở Sơn Nam, 5 "Uy" ở Kinh Bắc, 5 "Chấn" ở Sơn Tây, 2 "Dũng" ở Hải Dương, gồm 24 cơ. Hễ có việc thì trưng phát. Miễn dịch cho họ. Khi vô sự thì cho về làm ruộng, lại chịu sai dịch. Đó là có cái ý như phủ binh trước vậy.

40. Chúa Trịnh Sâm sai phát tiền công chẩn cấp cho người tù đồ, sức bảo ngục lại rửa sạch gông cùm[40a].

41. Chúa cho Nguyễn Hoàn tước Hoàn quận công. Lúc chúa Trịnh Sâm làm thế tử, Hoàn vẫn giảng sách cho nghe. Sâm có viết 7 chữ "Thượng thư quốc sư Hoàn quận công". Đến bấy giờ Hoàn đem mấy chữ ấy trình chúa. Chúa bèn cho lấy tên Hoàn phong tước làm Hoàn quận công.

42. Trả lại chức Hàn lâm hiệu lý cho Ngô Thì Sĩ. Trước đây Sĩ làm Tham chính Nghệ An. Học trò ở đó kêu là khảo hạch thiên tư, bị bãi chức. Đến khi ấy chúa lại dùng[42a].

43. Chúa sai làm quốc sử. Từ năm Vĩnh Trị thứ nhất [1676] về sau chưa có tục biên. Chúa bèn sai Nguyễn Hoàn, Lê Quý Đôn, Vũ Miên kiêm chức Tổng tài và các nho thần làm Toản tu: Ngô Thì Sĩ, Phạm Nguyễn Du, Ninh Tốn, Nguyễn Sá đều dự làm quốc sử.

44. Mùa thu tháng bảy, chúa cho Nguyễn Thương làm Hành thiêm đô ngự sử, Lê Trọng Thứ làm Đốc trấn Lạng Sơn. Nguyễn Duy Thức **[tờ 27b]** làm Đốc đồng Cao Bằng.

45. Chúa cho Bùi Phùng Ninh, Nguyễn Trọng Miện, Lê Quý Hằng (con Lê Quý Đôn) tiến triều[45a].

46. Vua ban sắc bảo các quan xin dâng mỹ tự cho Trịnh Vương Sâm, chúa tâu lại có mấy câu rằng: "Nhờ ơn trời đất ban phúc cho, nhờ đức các thánh ngầm giúp. Há dám nhận là mình có mưu lược, dẹp giặc được yên. Nay nếu vâng lời vua ngợi khen công trạng thì làm sao xứng đáng".

[40a] Bản A.4/5 chép rõ thêm; gồm 254 người, phát tiền công quỹ để chẩn cấp cho họ.

[42a] Bản A.4/5 chép rõ thêm: Khởi dụng Ngô Thì Sĩ làm hàn lâm hiệu lý. Sĩ vì tài văn chương mà nổi danh, được Ân Vương biết. Khi Tĩnh Vương chưa lên ngôi, hữu tư giảng Nguyễn Hoàn tiến cử Sĩ làm tùy giảng. Chúa từng lấy đề tài "chim phượng hoàng" ra đề cho Sĩ làm thơ. Sĩ làm xong trong nháy mắt. Chúa thân hành phê điểm và yêu chuộng lời văn của ông. Khi chúa nối ngôi, Sĩ ở chức phó khổn (tức Đốc đồng) Thái Nguyên, thăng làm Án Sát sứ Thanh Hoa, rồi Tham chính Nghệ An. Tới đâu cũng trước tác để thơ ngâm vịnh. Chúa đi tuần miền Tây, xem thơ ông càng trọng tài ông. Đến bấy giờ có đặc chỉ khởi dụng.

[45a] Bản A.4/5 chép rõ hơn như sau:
Cất nhắc bọn Bùi Phùng Ninh, Nguyễn Trọng Miện, Lê Quý Hằng, Nguyễn Huy Bá tiến triều. Theo lệ cũ: quan văn tiến triều chỉ những người hầu chúa từ lúc chưa lên ngôi, lâu ngày, có nhiều công lao, lại giỏi văn chương, có danh tiếng, trải làm việc ở trong ngoài, hiện giữ chức quan, mới được chọn tuyển. Đến khi Đỗ Thế Giai chuyên chính, dẫn tiến nhiều người vượt cách. Tĩnh Vương không thích. Khi chúa nối ngôi 10 năm không hề bàn đến. Đến khi Phạm Nguyễn Du vì có tài văn học được cất nhắc, rồi Ninh Tốn nối gót, thì họ là tuổi trẻ, nhưng có danh vọng. Đến bây giờ bọn Bùi Phùng Ninh, không thể nào sánh với Phạm Nguyễn Du được. Dư luận đương thời cho là "quá lạm".

47. Thượng thư bộ Công, Thái tử thái phó Kế Thiện hầu hưu trí là Nguyễn Vĩ mất, tặng hàm Thái bảo[47a].

48. Hoàng Ngũ Phúc nghĩ: Nguyễn Văn Nhạc từ trận Cầm Sa thua to, nhiều lần sai người đưa lễ xin mệnh lệnh. Nhưng bên trong thực hay giả thì chưa rõ, muốn tiến quân vào Quảng Ngãi, mượn tiếng đi kinh lược để xem sự cơ mà hành động. Ngày mồng 4 tháng ấy đem các quân thủy bộ tiến đi. Ngày mồng 8 đến giáp[48a] Hoành Độ (tức gọi là Bến Ván) huyện Lâm An, chợt phát bệnh tê, bèn đóng quân ở đấy, sai các quân tập đánh trận ban đêm.

49. Ngày 15, [10-VIII-1775] Nguyễn Văn Nhạc đã nhận sắc mệnh. Sai thuộc hạ làm 2 bản tấu và khải tạ ơn, lại sai bộ thuộc Nguyễn Văn Yún theo sứ giả đệ đến nơi đóng quân trình nộp và xin dâng đất 3 phủ là Quảng Ngãi, Phú Yên, Quy Nhơn, lại xin ban cho một bộ mũ áo giáp **[tờ 28a]**.

50. Ngày 17 [12-VIII-1775] Hoàng Ngũ Phúc tiến quân đến Châu Ô, chân tê liệt quá, đi đứng phải có người nâng đỡ. Bèn bí mật đem bệnh tình tâu lên. Lúc ấy Nguyễn Nghiễm cũng bị ốm, người gầy guộc, tướng hiệu cũng nhiều người ốm, quân sĩ bị cảm bệnh đến hơn 300 người.

51. Ngày 21, [16-VIII-1775] bọn Dục Phượng bá cùng đem Nguyễn Văn Yến từ Tây Sơn trở về, trình nộp các bản tạ ơn của Nguyễn Văn Nhạc. Bản tạ ơn đại lược nói rằng: "Tôi sinh ở biên giới xa xôi, vào vùng hẻo lánh. Lòng thành hướng theo bóng mặt trời không bao giờ nguôi. Vừa rồi vì Phúc Loan chuyên quyền, kỷ cương đảo ngược, phía đông phía tây đều nổi lên làm loạn. Tôi thừa thời xướng nghĩa, họp các người hào kiệt trong làng, định cứu vớt dân một phương này. Từ khi nghe quân vua qua núi Hải Vân lập tức nhiều lần sai người tới xin xưng thần nộp lễ. Vâng được Thượng tướng quân Quốc lão Việp công biết cho lòng trung thành. Thượng tuần tháng ấy cho Dục Phượng bá Bằng Vũ đến trại Tây Sơn trao cho một đạo sắc, phong làm Tráng tiết tướng quân, mũ đơn diệp[51a] áo phú hậu[51b] mỗi thứ một cái và cờ, trống, ấn, gươm, để cho tôi được dâng sức khó nhọc. Tôi lạy nhận rồi khôn xiết sợ hãi. Đáng lẽ phải tự mình chỉnh đốn hành **[tờ 28b]** trang, thân đến cửa khuyết mà bái tạ

(47a) Bản A.4/5 chép thêm một việc:
Thượng thư bộ Công, Bái Xuyên hầu Trần Huy Bật.

(48a) Giáp ở đây là một đơn vị hành chính như kiểu xã, xóm, làng, chứ không phải là giáp giới.

(51a) Mũ Đơn diệp (mũ lá đơn theo LTHCLC - Lễ nghi chí: là thứ mũ dùng cho quan võ (quan văn dùng mũ lá kép) - chưa rõ hình thức nào.

(51b) Áo phú hậu: Áo có tấm che đằng sau lưng.

ơn trời. Nhưng vì Gia Định chưa dẹp yên. Tôi xin khoan cho kỳ hạn, tôi sẽ đem quân bộ thuộc của bản trại làm quân tiền khu cho quân nhà vua dẹp tan đám giặc ấy, thu lại đất cũ. Khiến cho dân biên giới đều thấm nhuần giáo hóa nhà vua. Sau khi thanh bình, tôi xin thân đến cửa khuyết, ngửa trông mặt trời. Đấy là nguyện vọng của tôi"[51c].

52. Hoàng Ngũ Phúc nhận thư, cho đưa tâu lên. Lại cho Nhạc một bộ mũ áo trận. Làm tờ hiểu dụ để khen. Bài hiểu dụ đại lược nói rằng:

"Nay tiếp người sai đến, đem đệ các biểu trần tạ, tình lễ, ý tứ đều là chu đáo. Bản đạo vâng mệnh Hoàng, Vương[52a] đem quân vào Nam, chính là để cứu vớt nhân dân, thu phục đất đai. Nay tướng quân đã quy thuận triều đình, dâng hiến 3 phủ là Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên, lại xin làm tiền khu cho đại quân tiến đánh Gia Định, chí và nghĩa thật đáng khen. Bản đạo lập tức chuyển đạt, chắc được soi xét đến. Còn các phủ Quảng Ngãi, Quy Nhơn, Phú Yên nay đã dâng làm nơi thuộc triều đình. Bản đạo sẽ một phen đi kinh lược, cho thỏa lòng dân mong muốn. Nhưng nay dân đinh sơn trại Quy Nhơn, Phú Yên nhiều người tòng quân [tờ 29a]. Tướng quân cũng đương sắp sửa ra trận, nếu đại quân vào cõi, thì việc cơm nước, tiếp đón, lương thực tiễn đưa chẳng khỏi phiền phí. Bản đạo bàn tạm đóng ở Quảng Ngãi vỗ yên nhân dân, sau sẽ đi kinh lược, cũng chẳng muộn gì. Tướng quân nên đem ý ấy hiểu dụ nhân dân hai phủ này, cho thỏa lòng mong mỏi. Nay có mũ trận, áo trận, nhân tiện ban cho, để tướng quân mặc khi ra trận. Lại lính tiền bộ của tướng quân qua núi Thạch Bài, tiến đến đất Bình Khang. Lập tức nhân cơ hội đắc thắng, tiến thẳng đến Gia Định, chỉ cần mang lương một tháng, cũng có thể đến nơi được. Đã đến Gia Định tức là nơi giầu có, gần đây buôn bán không lưu thông, lúa thóc còn đó đầy rẫy. Quân sĩ đi đấy, lo gì thiếu ăn, mà còn xin thêm một tháng lương? Nếu đến địa phương ấy, còn có chỗ thiếu thốn, nên trình báo ngay. Lại chiếu trong lời của tướng quân có nói: em út của tướng quân là Nguyễn Văn Bình, đem sức khỏe gắng công khó nhọc, nhiều lần đánh phá các tướng trấn giữ, chiếm được [tờ 29b] 12 đồn lũy, đuổi thẳng đến Bình Khang, công ấy đáng khen. Bản đạo nhân tiện cấp cho một đạo chứng chỉ[52b] tạm giao Nguyễn Văn Bình làm Tây Sơn hiệu Tiền phong tướng quân. Giao cả cho người phái đến đưa về để tỏ khuyến khích".

[51c] Tức là đến bái yết vua.

[52a] Hoàng: chỉ hoàng đế (vua Lê), Vương: chỉ chúa Trịnh.

[52b] Chứng chỉ nguyên văn là "phù tứ": giấy tờ cấp tạm trong khi hành quân, ở đây dịch thoát.

53. Chúa Trịnh Sâm tay viết trát dụ Hoàng Ngũ Phúc rằng: "Ông là cột đá của nhà nước, ta dựa làm tâm phúc, thân như ruột thịt. Bất đắc dĩ phải sai đi đánh "giặc", cũng bởi không có ai thay được. Cuối mùa hạ đầu mùa thu khí trời nóng nực. Ông khó nhọc ở ngoài đã lâu. Việc quân bề bộn, ăn ngủ hơi kém. Ta rất quan ngại. Nay tiếp thư về nói đủ bệnh tình. Hoặc giả lòng trời chưa muốn thông nhất mà xui nên thế chăng? Còn việc chọn người làm phó, rất khó tìm người. Nếu bệnh ông chưa khỏi, ông nên chọn các viên đi đấy. Ai là người ông biết sẵn, tạm ủy cho đóng giữ Châu Ô rồi tạm ra dinh Quảng Nam hoặc Phú Xuân thong dong điều dưỡng. Sang xuân sẽ đi đánh giặc cũng được".

54. Lúc ấy Hoàng Ngũ Phúc ở Châu Ô[54a] ngày càng suy yếu, vẫn cố gắng làm việc. Nguyễn Văn Nhạc dẫu biết Phúc ốm, nhưng vẫn sợ không dám làm gì[54b].

55. [tờ 30a] Tháng tám, lại dùng Nguyễn Phan, Trịnh Hữu[55a] làm đốc trấn đạo Hưng Hóa và Thanh Hoa (Phan xuất thân võ tướng làm đến chức Thái Tể; Hữu là họ chúa, làm quan đến Đô tổng binh sứ, đều đã hưu trí) tiến đến Mãnh Động[55b] đánh án Nhự, đuổi nó chạy đi. Trước đây án Nhự[55c] bị dân Man đuổi trốn đến ở Mãnh Động. Đốc đồng Nguyễn Điều Huyễn[55d] thổi phồng thế giặc để tâu lên. Chúa sai Huyễn đi đánh. Huyễn lừng chừng không tiến đánh, cáo ốm về kinh, bị chúa mắng quở, mới lại đi, rồi chết ở đường. Đến lúc Lý Trần Thản làm trấn thủ Hưng Hóa, lại xin phát binh tiến đánh, chúa bèn cho Phan, Hữu đi ra biên giới, Thản làm Tán lý. Khi các người ấy đến xứ ấy, thì án Nhự đã trốn đi rồi, quân sĩ cũng ốm, nhiều người chết, Thản cũng chết.

56. Tháng chín, Hoàng Ngũ Phúc nghĩ tướng sĩ khó nhọc đã lâu lại bị khí đất nung nấu, bệnh dịch sinh ra, nên bí mật định kế rút quân (ở Thuận Quảng) về. Lúc ấy quan văn là Nguyễn Lệnh Tân xin cùng Nguyễn Đình Đống lưu giữ Châu Ô, Hiệp tán Nguyễn Nghiễm cũng muốn đóng quân ở Quảng Nam, đặt quan trấn thủ đất ấy. Hoàng Ngũ Phúc đều không nghe, lập tức làm tờ khải dâng về báo chúa. Rồi mật

---

(54a) (54a) Cương mục chua: Châu Ô ở huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

(54b) Bản A.4/5 chép thêm 1 việc: Tháng tám vua sai quan sách phong mẹ chúa Trịnh Sâm là Nguyễn Thị làm "quốc mẫu".

(55a) Bản A.4/5 chép là Trịnh Thực.

(55b) Mãnh Động tức là Động Mãnh Thiên (Mường Thanh, Điện Biên Phủ ngày nay).

(55c) Bản A. 1210 chép là Án Nhược, Bản A.4/5 là Án Nhự.

(55d) Bản A. 1210 và A.4/5 chép là Nguyễn Trọng Hoàng.

truyền chủ tướng, đem trước bệnh binh về Phú Xuân, thủy quân hộ vệ thuyền lương đi trước. Ngày 22 tháng ấy, Hoàng Ngũ Phúc từ Châu Ô rút quân về. Cho Hoàng Đình Thể **[tờ 30b]** đi sau cùng. Ngày 27 chúa Trịnh Sâm nhận được giấy xin rút quân về. Tay viết trát bảo cho rút quân về. Từ đấy đất Thăng Hoa, Điện Bàn lại về Nguyễn Văn Nhạc chiếm cứ **[tờ 31a]**.

57. Mùa đông, tháng mười, hội thi những người đã trúng cử (thi Hương). Lấy bọn Phan Huy Ích 18 người trúng cách. Khoa ấy ở Thanh Hoa có giám sinh Đinh Thì Trung đổi quyển làm văn cho Lê Quý Kiệt (con Lê Quý Đôn). Việc bị phát giác. Thì Trung phải tội đi đầy nơi xa. Quý Kiệt bị bắt về dân làm đinh tráng (lúc bấy giờ người kinh đô có câu rằng: "Thì Trung đi đầy nơi xa, nổi tiếng văn phong Đông Hải. Quý Kiệt cho về làng cũ, thêm một suất đinh Diên Hà)[57a].

58. Tháng mười, trong phủ chúa Trịnh Sâm có hoa sen nở, chúa đem phô với các phụ thần. Sai mọi người vịnh thơ.

59. Chúa cho Bồi tụng Lê Quý Đôn làm Hành dô ngự sử, Vũ Miên làm Bồi tụng[59a].

60. Ngày mồng 1 tháng ấy [24-X-1775] Hoàng Ngũ Phúc về đến Thanh Hà tế các tướng sĩ chết trận, chết ốm, thu hài cốt đem về. Ngày 2 về đến dinh Phú Xuân.

61. Ngày 24, [16-XI-1775], Phúc dâng khải nói rằng: "Điều tai họa của thiên hạ chẳng gì lớn hơn là sức không đủ mà cố làm. Thuận Hóa đã dẹp yên, thế cũng đủ nguôi giận. Nay quân sĩ liền mấy năm bị sai phái mãi, nào vận lương, nào đánh giặc, người ở nhà, người ra đi đều mỏi mệt. Xin để Quảng Nam ra ngoài sự suy nghĩ, để sau sẽ tính. Chọn sai trấn thần, liệu lưu quan quân giữ đạo Thuận Hóa. Khiến cho binh dịch nhẹ

[57a] Bản A.1210 và A.4/5 chép như sau: Thi Hội những người đã đỗ hương cống. Lấy bọn Phan Huy Ích 8 người hợp cách. Đày giám sinh Đinh Thì Trung ra châu xa. Giam Lê Qúy Kiệt vào ngục. Quý Kiệt là con của Lê Quý Đôn, thi Hội vào kỳ thứ 4, đã mượn Đinh Thì Trung làm bài thay. Việc bị phát giác, Lê Quý Kiệt bị "cấm không được dự thi" (bất đắc ứng thí). Thì Trung bị đày đi châu xa. Thì Trung đánh chuông kêu oan, đưa thư riêng của Quý Kiệt và tờ lá số do Lê Quý Đôn gửi cho cùng thư riêng có ghi 3 chữ "Tử Kiệt dã" (con là Quý Kiệt đỗ), để nói rằng, Lê Quý Đôn chủ mưu. Chúa cho rằng Lê Quý Đôn là đại thần, bỏ qua không hỏi tới. Xuống chỉ cho: Thì Trung vẫn phải tội như đã định, còn Quý Kiệt thì bị giam vào ngục.

[59a] A. 4/5 chép: Cho Lê Quý Đôn làm Hành dô ngự sử, Ngô Thì Sĩ làm hành Thiêm đô ngự sử.

gánh, nhân dân nghi vai. Sau một vài năm, lòng người ở Thuận Hóa đã ổn định, tài lực có thể dùng, bấy giờ mưu đánh Quảng Nam [tờ 31b] mới có đủ sức". Chúa nghe theo. Lúc bấy giờ Hoàng Ngũ Phúc ốm nặng xin về kinh uống thuốc. Lại xin cho Thiều quận công làm Hiệp đốc suất, cùng Đoan quận công xếp đặt việc ngoài biên.

62. Ngày 26 [18-XI-1775] Hoàng Ngũ Phúc nghĩ: các trận Cẩm Lệ, Cẩm Sa liên tiếp đánh thắng, thưởng cho Hoàng Đình Thể 2 bài vàng. Còn ngoài ra thưởng cho những người khác bài bạc, thẻ bạc có cấp bậc.

63. Tháng mười một ngày mồng 4 [26-XI-1775], chúa sai Thiêm tri Bình phiên Đoan Trung hầu đem hiệu binh Thị Tuyển đi đón Hoàng Ngũ Phúc. Chúa tự tay viết trát dụ rằng: "Ông là trọng thần của xã tắc, quan hệ đến sự an nguy của Nhà nước. Nhiều lần muốn đón điều dưỡng. Chỉ vì Thuận Hóa mới yên, nhân dân mới theo, việc đánh giữ và vỗ yên cần phải nhờ mưu hay của ông. Nếu không phải là người đức vọng tài trí, chưa dễ trấn phục được. Tìm người thay ông cũng khó. Nay ta tiếp được thư ông gửi về. Lòng rất ngại. Ông hãy ở lại mươi ngày hay một tháng. Những việc xếp đặt đồn trại, liệu tính lương thực, khu xử binh dân, thu dụng hào kiệt, tất cả các việc cần quy hoạch xong xuôi, chỉ thị cho các quan viên tuân theo [tờ 32] diệu kế để lại, liệu lưu quan quân, ủy phó các viên làm thay việc quân, cho ta khỏi phải lo về phương nam. Việc xong nên lập tức về kinh".

64. Ngày 17 [8-XII-1775], Thượng thư bộ Hộ, Đại tư đồ, Tham tụng, Trung Tiệp dinh Tả tướng đã về hưu trí lại khởi phục làm Hiệp tán Thuận Quảng quân vụ, tước Xuân quận công Nguyễn Nghiễm mất. Trước đây Nghiễm ở Châu Ô ốm nặng, xin về bản quán ở Nghệ An điều dưỡng, chúa ưng cho, vì vậy được chết ở nhà, lúc ấy Nghiễm 68 tuổi. Chúa cho truy phong làm Trung đẳng phúc thần[64a].

Chúa cho con cháu Nguyễn Khản xuất thân tước bá. Con trưởng là Sá thăng Đô cấp sự trung. Cho Nguyễn Đĩnh tước quận công.

65. Tháng mười một nhuận, ngày mồng 8 [30-XII-1775], Chúa Trịnh Sâm viết trát dụ Hoàng Ngũ Phúc rằng: "Đoan quận công ơn nhiều hơn uy, khi gặp việc hơi chậm chạp, khó làm việc một mình. Thiều quận công ốm chưa dậy được, biết ngày nào ông mới về kinh điều dưỡng. Cột đá của nhà nước có thể không coi trọng sao? Việc biên phòng có thể không cẩn thận sao? Hai việc ấy đều khó, ông nên nghĩ cho kỹ".

[64a] A .1210 chép rõ: Nguyễn Nghiễm mắc bệnh khi đi đánh miền Nam và chua: Quê ở xã Tiên Điền huyện Nghi Xuân.

66. Ngày 18 [9-I-1776], Thiếu quận công Phạm Huy Đĩnh mất **[tờ 32b]**. Trước Đĩnh ốm ở Cát Dinh, tạm ra Nghệ An uống thuốc. Chúa Trịnh Sâm theo lời của Hoàng Ngũ Phúc, cho Đĩnh là Hiệp đốc suất đạo Thuận Hóa. Đến khi ấy, mất ở trấn sở Nghệ An. Chúa thương tiếc lắm; truy tặng tước công hai chữ, gia phong là Trung đẳng phúc thần(66a).

Hoàng Ngũ Phúc lúc đi đường, nghe tin Đĩnh mất. Bèn tâu xin cho Nguyễn Đình Đống làm Đốc trấn phối hợp Đoan quận công làm thay việc quân.

67. Tháng mười hai, chúa cho Dĩnh Vũ hầu Nguyễn Đình Đống làm Đốc lĩnh trấn, Phan Lê Phiên làm Tán lý, Uông Sĩ Điển làm Hiệp đồng. Nguyễn Lệnh Tân làm Tham mưu, hợp sức với Đốc suất Đoạn quận công chuyên làm việc quân. Sai Hoàng Ngũ Phúc giao phó công việc xong thì về kinh trực hầu.

68. Vua xuống sắc bảo các quan làm khải xin dâng mỹ tự tiến tôn chúa Trịnh Sâm. Chúa phê rằng: "Nghiêu Thuấn là bậc chí thánh đời xưa, xưng tên chỉ gọi là Nghiêu là Thuấn mà thôi. Vừa rồi nhân có thời cơ tốt mà thu lại được đất cũ. Tướng sĩ khó nhọc, công to chưa đền, mà ta vội nhận danh hiệu đẹp, lòng ta sao yên? Người xưa đã dạy "quý sự thực, ghét tiếng hão" các ông nên nghĩ kỹ".

69. Chúa cho Bồi tụng Nguyễn Hoàn **[tờ 33a]** làm Hành tham tụng phù liêu. Nguyễn Thưởng làm Tham trấn Nghệ An. Chúa cho triệu Nguyễn Khản về(69a).

70. Ngày 18 [7-II-1776], Hoàng Ngũ Phúc từ Phú Xuân đem quân về kinh.

Bính Thân Cảnh Hưng năm thứ 3 5 (1776) (Thanh, Kiền Long thứ 41)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày Ất Hợi [21-II-1776], Trịnh Tĩnh Vương Sâm làm lễ yết điện Nam Giao. Lúc ấy thời hạn để tang Nhu Thân Hoàng thái hậu chưa hết. Vua sai các quan đến phủ, khải trình xin

---

(66a) Bản A.4/5 chép: "Nội giám đại tư đồ Thiếu quận công Phạm Huy Đĩnh mất, tặng tước công hai chữ, phong là đại vương. Đĩnh là người đố kỵ, hà khắc, thâm độc vì ác ngầm mà được chuộng. Y nhiều lần gây ra các vụ án lớn. Việc giết Thái tử năm trước cũng do tay y mà ra.

Bản A.1210 chép sơ lược hơn: "Tháng mười một nhuận, Thự phủ sự Thiếu quận công Phạm Huy Đĩnh mất. Truy phong phúc thần... Đĩnh người xã Cao Mỗ, huyện Thần Khê".

(69a) Bản A.1210 và A.4/5 chép thêm: Thi điện, cho bọn Ngô Thế Trị đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

chúa thay vua làm tế Giao. Làm lễ xong, các quan lạy mừng, chúa ban cho 200 quan tiền.

2. Mua vét thóc của nhà giàu ở Nghệ An. Trước kia chúa sai vay thóc của nhà giàu Nghệ An, tính ra thành tiền mà cấp cho lệnh chi. Ai không thích lấy lệnh chi thì trả bằng tiền. Người giữ việc không biết thể theo ý bề trên, không ủy nhiệm được người tốt, nhân thế bớt xén kiếm lợi, dân gian kinh động oán thán. Chúa biết hết tình tệ, bèn cho bãi việc ấy.

3. Xá tiền thuê phụ (thuế gia tô) năm nay cho dân 3 xứ ven biển là Sơn Nam, Hải Dương, An Quảng, có từng bậc. Mùa thu năm ngoái bão to, nước biển tràn ngập, thóc ruộng chìm mất cũng nhiều, Hiến ty đem việc ấy tâu lên. Bèn bàn thi hành việc khoan tha.

4. Nhà thờ họ Trịnh, lệ cũ **[tờ 33a]** nhà thứ nhất thờ 2 vị là Thái Vương Trịnh Kiểm, Triết Vương Trịnh Tùng. Nhà thứ 2 thờ tả chiêu hữu mục[4a]. Cứ đến ngày sinh, ngày giỗ thì đến trước bài vị mà tế. Còn ở giữa một gian để không. Đến bây giờ chúa Tĩnh Vương để ý đến điển lễ, sai phụ thần châm chước định lại: từ nay, đến ngày sinh, ngày giỗ thì rước bài vị của vị chính phối ở hàng chiêu hàng mục đến gian giữa nhà thứ hai mà tế, xong lại đem thần vị về chỗ cũ, riêng bài vị của các bà phi thì vẫn để như cũ.

5. Ngày 17 [6-III-1776], Hoàng Ngũ Phúc mất ở trên thuyền tại Vĩnh Dinh trấn Nghệ An[5a]. Tin về đến kinh, chúa Trịnh Sâm thương khóc mãi không thôi. Nghỉ chầu 3 ngày. Sai quan đem 5 thuyền đến hộ tang về Bắc an táng. Cho tên thụy là Trung Chính. Cấp cho số tiền thuế của 5 xã, mỗi năm một nghìn quan để thờ cúng. Gia phong là "Ưu vọng tài trí thượng đẳng phúc thần", lại cho thờ phụ ở miếu đình.

Hoàng Ngũ Phúc làm tướng, tư thế oai phong cẩn trọng, xử sự quả quyết, đãi người một lòng trung tín. Tướng sĩ tuân theo mệnh lệnh, hành quân có kỷ luật, ai vi phạm ắt bị trừng trị không khoan thứ. Các việc trong quân không kể lớn nhỏ đều tự mình xem xét, cốt cho tươm tất chu đáo. Từ khi đi đánh miền Nam, chúa Trịnh Sâm càng yêu quý hơn **[tờ 34a]** thường viết trát hỏi han sự ăn ở, đi đứng; nhiều lần sai trung sứ

(4a) (4a) Tả chiêu hữu mục: Chế độ phong kiến, nhà thờ tiên tổ bên tả là hàng chiêu, bên hữu là hàng mục, tiên tổ thờ gian ở giữa. Hàng chiêu thờ tổ đời thứ 2, thứ 4, thứ 6, hàng mục thờ tổ đời thứ 3, thứ 5, thứ 7.

(5a) Bản A.4/5 chép: Tháng giêng, Đại tư đồ quốc lão Bình Nam đại tướng quân Việp công mất trong quân. Cử Đoan quận công Bùi Thế Đạt thay.

đến nơi đóng quân thăm hỏi, cho nhân sâm đến vài mươi lạng, ngoài ra còn cho vật quý, đồ mặc, đồ dùng, nhiều lần sai ngựa trạm đưa đến nơi đóng quân ban cho, ân ban đãi ngộ không ai sánh bằng. Đến bây giờ mất, chúa Trịnh báo đền càng hậu hơn nữa.

Trước kia vua Cảnh Hưng cho Hoàng Ngũ Phúc Kiêm trấn thủ 2 xứ Đông Bắc có ban sắc rằng: "Vâng diềm trời mà trị vì, mong mở cõi bờ quy thuận, ban sắc mệnh để đền báo, bèn làm điển lệ vô tư. Nghĩ đến công trạng phi thường, nên ban ơn vinh vượt mức. Ngày lành đã chọn, sắc mệnh bèn ban. Ông là lâm lang ngọc lành[5b], dự chương gỗ tốt[5c] Giùi mài văn võ lược thao, hiểu được phép bầy thiên màu nhiệm[5d]. Thấm nhuần cổ kim thư sử, xem đủ sách Tứ khố toàn thư[5d]. Từ khi gặp chúa, thỏa chí làm quan. Quản lĩnh quần thủy quân bộ, đủ nhân nghiêm trí dũng để cầm quân: Theo hầu chính phủ Bình phiên, lấy cẩn thận trung thành mà làm việc. Truyền đạt đều tin, sai bảo được việc. Ở trong làm nội thần giúp sức, ra ngoài làm lương tướng lập công. Vừa rồi góc biển sóng cồn[5e] một buổi năm lần thư báo cấp, bèn đem bộ đội đi đánh, đến nơi ba quân phải giật mình. Trước sau tùy cơ điều khiển, đông nam lần lượt dẹp yên. Ngang đường phất roi ngựa, ra tay quét sạch hang cáo cầy; giữa dòng gõ mái chèo, quyết chí dẹp yên sóng kình ngạc. Mưu quyết thắng hơn người, rất là huyền bí. Lòng tinh trung báo nước, sáng như mặt trời. Cửa biển gội gió bão mà lên đường, dậy oai thần ở cửa Lân muôn dặm. Bờ sông nhân đêm tối mà mai phục, phá quân giặc ở Kim Đới, Tuyết Giang. Chia hợp khéo léo mà chư quân hăng hái. Thưởng phạt công minh mà tướng sĩ đua tài. Thừa thắng tiến lên, đã đánh được, Thái Bình, Vị Xuyên, Nhị Khê, Bình Lãng, một tháng bốn lượt dâng tù. Hưởng Đại, Cập Thượng, Chi Quan, Lâu Khê, một ngày hai lần hiến tiệp. Đã thừa thắng như chẻ tre. Lại hẹn ngày phá tổ giặc. Đầu non bộ tốt tinh kỳ, quân đi như trên trời xuống, cửa càng thủy sư thuyền rải, quân nhiều như lấp biển khơi. Tình hình giặc rõ như bầy trước mắt, phép bầy trận chắc như cầm trên tay. Thắng giặc dùng kế "lên cao thì trông được

---

(5b) Lâm Lang: tên hai thứ ngọc quý.

(5c) Dự chương: tên hai thứ gỗ tốt.

(5d) Bày thiên (cũng gọi là "bày thư"): Bày sách kinh điển về quân sự của Trung Quốc gồm các sách Tôn Tử, Ngô tử, Lục thao, Tư mã pháp, Tam lược, Uất liệu tử, Lý Tinh vấn đáp.

(5d) Tứ khố: đời Thanh vua Kiền Long mở quán Tứ khố toàn thư chứa các loại sách.

Nguyên văn là: "Hải ngung khổng cức" nơi góc biển có chuyện khẩn cấp (ở đây dịch thoát lấy âm điệu).

xa" từ Đồ Sơn mà đánh đến Ngọc Tuyền, đến Sa Điện, như từ cao rót nước xuống. Đón giặc dùng kế chặn đường quay về, nhân mệt mỏi, từ Hồng Môn mà đánh đến Bắc Đẩu, đến Dương Huy [tờ 34b] như phủi bụi bằng phất trần. Tiếng chim tiếng gió giúp thế đánh Tần[5g]. Tiếng vịt, tiếng ngan giúp quân hạ Sái[5h]. Đông đạo vừa về, ruồi rong còn mệt; Bắc đạo cáo cấp, lại cố gắng đi. Nặng nhọc vẫn gánh một mình; khẩn cấp đâm đương bốn mặt. Lúc quân giặc bức ở phía bắc Đức Giang, có tin quân ông đến mà khúc hát Hàn Kỳ[5i] truyền tụng. Lúc quan quân đóng ở phía nam sông Mã, chỉ một mình một ngựa giặc tin như Quách Tử Nghi[5k]. Quắc mắt lên thì Thanh Sơn, Cơ Mễ giặc tan; chỉ tay vào thì Trâu Lỗ, Bình Ngô giặc vỡ. Hoàng Mai, Hùng Lãm, My Điền, đánh không trận nào khó; An Khê, Phấn Trì, Phú Dã, quân không phải đóng lâu. Đánh trận nào ầm ầm như sấm sét. Quân đến đâu cuồn cuộn như nước sông. Biết thế thắng thì thành hào cao sâu cũng đánh, nửa đêm đốt lũy giặc ở Thọ Xương; Gặp cơ hội thì đường đi gai góc không từ, buổi sáng đem ngay quân về Lạc Đạo. Đánh cuốn chiêu mà tan giặc Nam Sách, Kinh Môn; Bắc thang cao đốt tổ giặc Chân Châu, Hạc Động. Ruổi rong nam bắc, đông tây; trèo lội núi rừng sông biển. Trò đám giặc năm năm ngang dọc, hẹn ngày bắt làm tù; khiến bọn giặc bốn bề hung hăng, nghe tiếng đều tan chạy. Xem chiến công như thế; biết quân luật càng nghiêm. Quân đến đâu giỏ cơm bầu nước[5l] đầy đường, thỏa lòng dân mong ngóng. Giặc tan rồi già trẻ gái trai yên vách, thỏa lòng chúa muốn yên. Trẫm rủ áo chắp tay nhờ nghiệp cũ; siêng năng lo lắng mong trị bình. Nhờ nhà chúa cầm quyền quân chính, chỉ báo mưu mô; khen tướng quân sớm lập võ công, thỏa lòng ủy thác. Bàn xét công lao, phong tước cũng đáng; dạ người đã thỏa, lòng trẫm tiếc gì. Hơn nữa thời buổi cần nhân tài, việc dùng người tư cách há nên câu nệ; Lại muốn lấy kỳ cương

---

(5g) Tiếng chim... đánh Tần: Tạ Huyền đời Tấn đánh quân Tần Bồ Kiên, quân Tần thua chạy, nghe tiếng chim tiếng gió đều nghi là quân Tần.

(5h) Tiếng ngan... hạ thành Sái: Lý Tố đời Đường ban đêm đem quân vào thành Sái, khua đàn vịt ở ao, cho kêu lên che lấp tiếng quân đi, Ngô Nguyên Tế không biết quân Đường đến, nên bị bắt.

(5i) Hàn Kỳ đời Tống có uy tín lớn. Trong quân có bài hát: "quân trung hữu nhất Hàn, tây tặc văn chi tâm đởm hàn". Nghĩa là: trong quân có tướng họ Hàn, giặc nghe tiếng sợ vỡ mật.

(5k) Quách Tử Nghi đời Đường đi đánh "giặc" Hồi Hột. Lột mũ cho giặc xem mặt, "giặc" đều xụp xuống lạy. Rồi xin giảng hòa.

(5l) Giỏ cơm bầu nước: Ý nói được nhân dân yêu quý, họ đem giỏ đựng cơm, đem bầu đựng nước đón đường đưa cho quân sĩ ăn uống.

giữ nước, khuyến khích người cũng phải phân biệt vàng thau. Vậy nên vinh gia tước công kiêm quyền lĩnh trấn. Là để đền khó nhọc, là để tỏ ơn to. Hỡi ôi, miền đông bắc cũng đồng bào ta, đã được nhờ tài chăn dắt; cả trong ngoài đều là trong chức, còn mong giúp việc an hòa. Lòng ta vui một buổi; ông được tiếng muôn đời".

6. Ngày 24 [13-III-1776], chúa Trịnh Sâm nghĩ: tướng sĩ đạo Thuận Hóa đánh giặc, đóng lại lâu ngày, khó nhọc, sai làm bài văn chữ Nôm, sai Tuân Sinh hầu Nguyễn Khắc Tuân đem đi Phú Xuân tuyên dụ tướng sĩ và khao các tướng 300 lạng bạc, khao quân sĩ 2000 lạng[6a] bạc. Lại đem một bài văn tế, giao cho **[tờ 35a]** quan Trấn phủ Thuận Hóa. Đặt bàn tế các tướng sĩ chết trận, chết bệnh và thu những hài cốt đem về tận nhà[6b].

7. Lúc bấy giờ chúa Trịnh đương để ý lo việc Thuận Quảng, truyền cho Bùi Thế Đạt xem xét tất cả các công việc Hoàng Ngũ Phúc dặn lại, tùy phương tiện mà tuân làm, tiếp tục tâu lên. Còn như công việc trong quân, cho mười ngày một lần khải về. Các ống công văn trong ngoài đều theo số hiệu từng kỳ đánh dấu là phong thứ mấy, ống thứ mấy, để phòng chậm trễ và tiện tra cứu.

8. Sai Nguyễn Khắc Tuân cùng Hàn lâm hiệu lý Vũ Đài dò hỏi xem quân lại Nghệ An, ai giỏi ai kém và sự đau khổ của dân, đem sự thực khải cho chúa biết.

9. Cấm lính chăn voi không được lấy mía và hoa quả, thực phẩm của dân. Lại nghĩ: mỗi năm phát tiền cỏ voi, nhiều đến hàng vạn, mỗi con voi 20 người chăn, cũng là phiền phí. Bèn đặt tầu nuôi voi ở huyện Mỹ Lương. Đặt một tượng cơ cho thuộc vào trấn Sơn Tây. Chọn những con voi tốt, nuôi để luyện tập, còn con nào già yếu thì thả vào rừng.

10. Chúa cho Vũ Đài làm Thiêm tri Hộ phiên, Phan Huy Ích làm Thiêm tri Lại phiên, Vũ Duy Đình làm Thiêm tri[10a] phiên. Nhữ Công Điển [cũng đọc là Công Chân] làm Đốc **[tờ 35b]** đồng Hải Dương. Hồ Sĩ Đông làm Thự hiến sát sứ Hải Dương.

(6a) Bản A.1210 chép: Khao quân sĩ 1.000 lạng bạc.

(6b) Bản A.4/5 chép: Xứ Thuận Hóa giá gạo cao vọt. Trước đây từ năm Giáp Ngọ quân đi đánh miền Nam; thóc gạo ở 4 trấn và Thanh Nghệ chở vào Động Hải [Đồng Hới], Thuận Hóa, vì gặp trời mưa, nắng bất chợt, đã bị mục nát, không ăn được, phải đổ quá nửa. Thóc chứa trong dân gian không còn nhiều như trước. Một hợp gạo (như 1 bơ, 1 ống đời sau) trị giá 9 đồng tiền. Dân bị đói.

(10a) Trong bản nền chỗ này sót mất một chữ.

11. Chính phủ vâng truyền cho quan đạo Thuận Hóa rằng: năm trước lấy được ở Thuận Hóa những súng đồng, hỏa môn[11a] rộng quá không dùng được, cùng những đồ đồng lớn nặng không dùng được, và những thứ không thể vận tải đi được, nên lập tức phá hủy ra để đúc tiền. Mỗi đồng tiền nặng một đồng cân, dùng 4 chữ "Cảnh Hưng thuận bảo". Đúc được bao nhiêu tiền thu chứa rồi khải lên để dự bị cho biên giới.

Đoạn quận công sai quan Tả tượng cơ Thể Trung hầu Giáp Nguyễn Thể coi việc đúc tiền, mở lò ở bên hữu trấn dinh, cho cai đội cũ là Luận Bình hầu Văn Thế Nghị trông nom đôn đốc. Lấy những người biết đúc tiền ở các xã làm thợ. Những dinh, sanh, thùng thu được ở Phú Xuân rộng từ bảy tám thước cao ba bốn thước, nặng bảy tám cân trở xuống, đều tiêu hủy ra để đúc tiền.

12. Lúc Lê Quý Đôn vào Thuận Hóa, trên đường đi qua xã An Định, có người học trò tên là Lê Duy Trinh 52 tuổi đón đường dâng 2 bài thơ, một bài rằng[12a].

13. Bài thứ hai

Phiên âm:

Nam bắc hân chiêm dĩ hỗn đồng,
Nhẫn giao tuyền hóa bất lưu thông.
Thương Vương[13a] nhược chú tân viên tệ,
Xuân khố[13b] ưng tiêu cựu khí đồng.
Vật giá tự vô đẳng dũng hoạn,
Dân sinh thứ lạc thái bình phong [tờ 36a],
Cứu thời nguyện triển lương y thủ,
Bệnh xứ tiền tòng cấp xứ công.

Dịch:

Nam bắc mừng nay họp lại cùng,
Tiền tiêu nỡ để chẳng lưu thông.

(11a) Nguyên văn viết là "hỏa môn", có lẽ là lỗ kim hỏa.

(12a) Không thấy bài thứ nhất(?)

(13a) Thương Vương: Vua nhà Thương là Thành Thang lấy đồng núi Trang Sơn đúc tiền cho dân tiêu.

(13b) Xuân khố: kho ở Phú Xuân, lúc ấy lấy đồ đồng ở trong kho Phú Xuân của chúa Nguyễn, đem phá ra đúc tiền.

Tiền Thương kiểu mới nay cần đúc,
Đồ Nguyễn ngày xưa phá lấy đồng.
Vật hạng không còn cao vọt giá,
Dân sinh tự khắc thỏa thuê lòng.
Cứu thời xin trỏ tay thầy giỏi,
Chỗ gấp trừ ngay bệnh mới hòng.

Đến bấy giờ triều dình bàn sai quan đúc tiền. Cũng đúng như lời Lê Duy Trinh đoán trước.

14. Sau quan Trấn ty khám xét những kẻ giả danh sai phái việc công đi mua thóc quấy nhiễu dân và các nhà quyền thế bắt lính trốn. Trước đây dân ở vùng ven biển ven sông thường có một số kẻ giả danh là được sai phái việc công thu thuế thủy sản. Dân không phân biệt được giả hay thực, thường chịu thiệt hại. Các đạo mua thóc, thì các viên lại dịch ỷ thế kiếm lời riêng, dân gian khổ lắm. Lại những hoàng thân quyền thế có lính tùy hầu trốn ra, đi trộm cướp, tai hại đến một làng. Hiến sát sứ Sơn Nam là Ninh Tốn biết hết các tệ ấy khải lên, nên ra lệnh nghiêm cấm các việc ấy.

14B. Lúc bấy giờ chúa Nguyễn [Phúc Thuần] đóng ở dinh Phiên trấn để mưu khôi phục. Chia sai các tướng tá chiêu quân đóng giữ đất 3 phủ là Bình Thuận, Bình Khang, Gia Định để chống Tây Sơn.

15. Tháng hai, Nguyễn Văn Nhạc chiếm giữ thành Đồ Bàn (cũng gọi là Xà Bàn tức là thành phủ Quy Nhơn) bắt dân dinh phủ Quy Nhơn tất cả phải vào lính. Ngày mồng 8, Nhạc sai em là Nguyễn Văn Bình làm Tiết chế, đem quân thuyền đánh phủ Bình Thuận.

16. Ngày mồng 9 [28-III-1776] gặp tiết Diên thọ[16a], chúa Trịnh Sâm miễn triều thần không phải mừng **[tờ 36b]**. Vì cớ Hoàng Ngũ Phúc chết, bãi chầu.

17. Tha vệ binh bốn trấn cho về quê làm ruộng. Chỉ dụ đại lược nói rằng: "Phép tỉnh điền đời Chu, phép phủ binh đời Đường, đều là binh nông hợp nhất. Có việc thì gọi ra làm lính, vô sự thì về làm dân. Tiên triều đặt phủ vệ, cũng theo ý tốt nuôi dân của nhà Chu nhà Đường. Khi cuốn khi mở, khi căng khi chùng, đều hợp thời cơ. Bởi thế lúc đi đánh nơi xa, tạm thời lấy thêm quân. Nay Quảng Nam đã yên, muốn cho dân

---

[16a] Diên thọ: Mừng sinh nhật chúa.

nghi ngơi. Vậy các vệ binh bốn trấn nhất thiết cho về quê". Chỉ dụ này ban xuống, xa gần đều vui mừng.

18. Chúa Trịnh Sâm triệu phụ thần vào Nam cung mật bàn việc Thuận Quảng.

19. Chúa cho Đô tổng binh sứ Trịnh Hữu làm Trấn thủ trấn Hưng Hóa.

19B). Ngày 18 [6-IV-1776], cho Đốc suất Đoan quận công Bùi Thế Đạt là Đại tướng quân kiêm trấn thủ Thuận Hóa, được tùy nghi làm việc. Đốc lĩnh [Dĩnh][19Ba] Vũ hầu Nguyễn Đình Đống làm Phó tướng quân kiêm Tán lý. Tứ Xuyên[19Bb] bá Phan Trọng Phiên làm Hiệp hành trấn phủ Thuận Hóa. Lại sai Tả thị lang bộ Hộ Dĩnh Thành hầu Lê Quý Đôn làm Tham thị Thuận Hóa, Hiệp trấn phủ, Tham tán quân cơ. Thừa chính sứ Nguyễn Mậu Dĩnh làm Phó đốc **[tờ 37a]** thị, Tham hiệp nhung vụ. Sai[19Bc] khoa cấp sự trung Dương Nguyễn Huống đem cờ ấn tướng quân đến nơi đóng quân ban cho.

20. Mộ các nhà buôn, ai tình nguyện tải lương của nhà nước thì cho được phụ cấp lương chi dùng, người xã Lý Hòa, huyện Bố Chính ứng mộ. Chúa cho làm.

21. Chúa dụ các quan rằng: "Nên vì nước quên nhà, chớ nên chi cốt tránh hiềm nghi để giữ lộc nuôi thân, ai ngay thẳng mà bị dèm rồi cũng được xét rõ. Ta đương xét kỹ, ai có điều thiện ta đều biết. Các người đều nên hết lòng trung thành cho vẹn đạo làm tôi".

22. Bớt số tiền lương cấp cho các nhà đã có ruộng ăn lộc. Lệ cũ: ruộng thế nghiệp, ruộng tự sự, huệ lộc, ngụ lộc[22a] của người đi sứ và ruộng ngụ lộc của các quan đều cấp bằng ruộng. Các nơi cấp quá số, có nơi cấp gấp đôi lên, cho nên thuế ruộng một nửa về nhà tư, mà kho của nhà nước không có dự trữ. Quan cai trị đốc thúc lại thành nhiễu dân. Đình thần bàn rằng: nay vận tải ra ngoài biên cũng nhiều, việc chi dùng của nhà nước chưa được thư nhàn, nên rút bớt số ruộng lộc đi, để ruộng đó thu thuế cào kho nhà nước và cũng nên bỏ cái lệ thu riêng thuế

(19Ba) Nguyên bản bị sót chữ Dĩnh, chúng tôi căn cứ theo đoạn trên đó bổ sung.

(19Bb) Nguyên bản viết lầm là Tứ Châu, chúng tôi sửa theo đoạn trước.

(19Bc) Nguyên bản mất một chữ.

(22a) *Ruộng thế nghiệp:* Ruộng đất cấp cho vương hầu và các quan to, đời mình và con cháu được hưởng.

Ruộng tự sự: Ruộng thờ cúng các quan to đã chết.

Huệ lộc: Lộc cấp cho quan hưu trí.

Ngụ lộc: Các suất hộ cấp để theo hầu các quan văn gọi là ngụ lộc (Cương mục Q.35,1.14).

ruộng. Bởi thế nay xét những ruộng lộc không hợp lệ đều bớt đi. Những ruộng lộc vẫn được cấp thì không cho đi thu thuế riêng. Mỗi mẫu mỗi năm chi dùng tiền nhà nước cấp thay cho 2 quan tiền.

23. Nước Lạc Hòn vào tiến cống. Lạc Hòn ở phía tây nam thượng du Nghệ An [tờ 37b]. Đất giáp Vạn Tượng, Trấn Ninh, Cao Châu, ở sau lưng Thuận Hóa, đã lâu không vào cống hiến. Đến bấy giờ mới sai bề tôi là Chiêu Thác Khoa[23a] đem sản vật địa phương và voi đực đến châu Quy Hợp, xin quan châu là Nguyễn Khản đến kinh sư triều cống. Khản tâu lên chúa ưng cho.

24. Cấm nhà quyền thế chiếm ruộng tư của dân làm trang trại.

25. Trấn ty Kinh Bắc bắt đứa yêu phụ[25a] người xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm. Chúa cho giam vào ngục.

26. Đô đốc đồng tri Thự phủ sự Nhượng quận công Trương Hối, Thiếu phó Phòng Nghĩa hầu Trịnh Phòng, Thiêm đô Ngự sử Đào Xuân Lan đều hưu trí.

27. Thăng Phó tri Công phiên Phạm Nguyễn Du làm Hàn lâm hiệu thảo, Thiêm sai tri Hình phiên[27a] Phạm Nguyễn Du dâng khải trình bầy cách xếp đặt công việc ở Thuận Quảng. Đại lược nói: "sách Chu Dịch chép: quẻ Sư rồi liền đến quẻ Tỷ[27b]. Nay nên để Quảng Nam ra ngoài sự suy nghĩ mà coi Thuận Hóa làm trọng, chọn danh thần cho cai trị. Lại nên ban ơn để cứu dân xiêu tán, mộ dân làm đồn điền tại chỗ để giảm bớt sự vận tải lương thực". Bản khải ấy dâng lên nên mới được thăng chức.

28. Tiếp tục làm sách Quốc triều hội điển. Trong năm Vĩnh Hựu, sai biên chép chính sự đương thời. Chia làm môn loại: lại, hộ, lễ, binh [tờ 38a] hình, công, biên thành sách. Đến bấy giờ lại tiếp tục làm nối.

29. Chúa cho Vũ Trần Tự làm Phó đô ngự sử, Phan Huy Ích làm Hiệp đồng đồn Động Hải xứ Thuận Hóa.

30. Ngày 22 tháng ấy [10-IV-1776], Phú Xuân đúc tiền xong. Bọn Giáp Nguyễn Thể, Văn Thế Nghị đốc thợ đúc tiền ấy.

(23a) Chiêu Thác Khoa: Cương mục chép là: Thiều Mang Khoa.

(25a) Yêu phụ: Người đàn bà dùng yêu thuật phù chú làm kế mê hoặc nhân dân.

(27a) Bản A. 1210 chép: Cất nhắc Phó tri Công phiên Phạm Nguyễn Dụ tiến triều.

(27b) Quẻ Sư, quẻ Tỷ: Kinh Dịch quyển 3, quẻ Sư nói về việc đem quân đi đánh giặc. Lại tiếp liền đến quẻ Tỷ, nói việc dựng nước, thân chư hầu. Nên Phạm Nguyễn Du dâng sách để nói: đã lấy được Thuận Hóa, nên chỉnh đốn việc cai trị.

31. Tháng ba, Tây Sơn Nguyễn Văn Bình đem thuyền quân thẳng vào Thuyền Áo (tục gọi là Vũng Tầu, nay thuộc trấn Biên Hòa) đi qua Lôi Lạp (tục gọi là Cửa Lạp), cửa biển Cần Thơ (đều thuộc Phiên An) đánh phá các đồn thủy, đến thẳng Sài Gòn đốt dinh trại, chia quân chiếm giữ đất 3 dinh Phiên Trấn, Trấn Biên, Long Hồ. Lúc bấy giờ ở Gia Định quân phòng thủ ít và yếu. Quân Nguyễn Văn Bình đột nhiên vào đánh, đi đến đâu, quân chúa Nguyễn đều chạy tơi bời. Chưởng cơ Tông Phúc Hựu đem gấp thân binh và những người hầu cận hộ vệ chúa Nguyễn đi ra núi Trấn Biên. Rồi lại dời đến sống ở Đồn Lam (tức là Hải Đồng, cách Biên Hòa về phía đông bắc 227 dặm rưỡi).

32. Chúa Trịnh Sâm sai các trấn mộ dân khai khẩn ruộng hoang, cho mỗi người 5 mẫu ruộng. Cấp trâu cày, nông cụ và 15 quan tiền. Mỗi năm bắt nộp 250 đấu thóc, trấn sở tại làm kho chứa thóc ấy lại.

33. Chúa cho Hoàng Đình Thể làm Trấn thủ Nghệ An. Nghiêm Vũ Đăng làm Đốc [tờ 38b] đồng (Đăng trước tên là Chiêu).

34. Sai 3 trấn là Sơn Nam, Thanh, Nghệ đặt nhà trạm, chuyển đưa công văn, cứ nửa ngày đường đặt một trạm, cho lấy lính ở trấn, tiếp nhau đưa công văn, không được tự tiện bắt dân làm phu trạm nữa.

35. Đòi 2 xứ Thanh, Nghệ nộp bù những suất lính thiếu đã lâu.

36. Cấm các quan trong khu điện (kinh thành) không được bắt ức dân trong kinh kỳ làm việc riêng.

37. Chúa sai Bùi Thế Đạt cho người bí mật đi dò la tin tức chúa Nguyễn cùng Nguyễn Văn Nhạc và vẽ địa hình vùng Tây Sơn, Gia Định dâng lên.

38. Chúa cho Châu quận công Lê Đình Châu làm Kỳ nội đề lĩnh. Nguyễn Đình Quản làm phó.

39. Răn các trấn quan không được quấy nhiễu dân. Lúc bấy giờ trấn thủ Kinh Bắc Phạm Ngô Cầu đặt nhiều sở tuần thu thuế buôn bán và bắt nhân dân ở núi rừng đi săn hươu. Hiến ty Vũ Huy Trác tố cáo việc ấy, được thưởng thăng một cấp. Phạt Phạm Ngô Cầu 50 quan tiền. Đến bấy giờ nghiêm sức cho các trấn. Chỉ cho đặt một hai sở tuần ở chỗ trọng yếu, còn các sở tuần khác đều bỏ đi.

40. Người Thuận Hóa là Vũ Văn Thạc trước kia lúc mới thấy đại quân sang sông, đến nơi đóng quân quy thuận trước tiên. Đến bây giờ Thạc tới kinh, chúa cho vào yết kiến. Ban cho chức tước mũ áo, cho về theo quan Trấn phủ sử dụng.

41. Chúa cho Vũ Đài **[tờ 39a]** làm Thiêm sai tri Lại phiên. Bùi Hồng Tân Thiêm sai tri[41a] phiên. Phan Chính Lễ làm Đốc đồng trấn Sơn Tây. Đặng Liên làm Đốc đồng trấn Thái Nguyên.

42. Cấm đánh thuế chợ, thuế đò.

43. Ngày 23 [10-V-1776] Hiệp đồng đạo Thuận Hóa là Uông Sĩ Điển xin về kinh tâu bày công việc, chúa ưng cho.

44. Lúc bấy giờ Tây Sơn Nguyễn Văn Bình đã lấy Gia Định. Chúa Nguyễn đóng ở Đồng Lam sai người đi gấp tới các dồn Bình Thuận, Bình Khang tuyên triệu viên Đốc suất Kính Thận hầu Tông Phúc Hợp, Cai bạ Hiến Chương hầu Nguyễn Khoa Thuyên đều đem lính thủy bộ sở thuộc đi nhanh về Đồng Lam để bảo vệ chúa và đánh giữ. [Chúa Nguyễn] thăng Phúc Hợp làm Hữu phủ Kính quốc công, Khoa Thuyên làm Tham chính. Lại chia sai triệu mộ lính cần vương các đạo. Đến bây giờ Ngoại hữu thuyền cai đội Phương Danh hầu Đỗ Thanh Nhân hô hào các tướng đạo Đông Sơn là Nguyễn Hoàng Đức, Trần Hy, Đỗ Hoàng, Đỗ Cấy, Vũ Nhàn, Đỗ Bàng cùng hơn 3.000 quân, đều mặc áo hoa vẽ mặt, đẵn cây làm giáo, dựng cần tre làm cờ từ Ba Chàng tiến đến ứng mộ, thế rất hăng hái (Địa hạt Đình Tường, trên có Triệu Chàng, giữa có Lã Chàng, dưới có Kiến Định Chàng, Ba "chàng" **[tờ 39b]** ấy là chỗ tướng sĩ đạo Đông Sơn tụ tập). Đỗ Thanh Nhân tự xưng là Đông Sơn thượng tướng quân. Chúa Nguyễn thu nạp vỗ về, dựa làm nanh vuốt. Bèn dời đến đóng ở núi Bà Rịa (núi ở đầu cõi Biên Hòa. Vách đá cao ngất, rừng cây um tùm. Dưới thì bóng mát, hai bờ dựng đứng như bức tường. Giữa có đường xe ngựa đi được).

45. Mùa hạ tháng tư, tướng giữ đồn Hải Vân là Huỳnh Vũ hầu Trương Công Phụng (Phụng là tướng cũ của Nguyễn Văn Nhạc quy hàng, Hoàng Ngũ Phúc cho thống suất lính cơ Quảng Nhất, cho đóng giữ đồn núi Hải Vân) qua cửa ải vào địa phương Bến Bản thuộc Quảng Nam, cho quân đi cắt lúa. Nguyễn Văn Nhạc nghe Hoàng Ngũ Phúc đã chết, bèn mượn cớ Huỳnh Vũ hầu quấy nhiễu, đem quân đến đánh. Lại sai một chi quân ngăn chặn đường về. Huỳnh Vũ hầu chạy thoát về trú ngụ ở Vịnh Sảng. Nhạc sai tướng tên là Toàn trấn thủ dinh Quảng Nam, chia quân giữ các cửa biển Đại Chiêm, Đà Nẵng, Câu Đê.

46. Quan nha môn trấn thủ Thuận Hóa sức cho các quan huyện Hương Trà, Phú Điền, Quảng Điền, Đăng Xương, Minh Linh, Hải Lăng, Lệ Thủy, Khang Lộc trong hạt, cùng quan châu Nam Bố Chính truyền

---

(41a) Nguyên bản chép thiếu một chữ.

báo cho các tông xã bản hạt đều lược khai số ruộng đất công tư bỏ hoang, thực trưng, cho cấp trên biết rõ. Đại khái không cần kê rõ xứ sở **[tờ 40a]** dẳng hạng. Sổ sách làm xong, tổng cộng ruộng đất của tám huyện một châu xứ Thuận Hóa là 265.507 mẫu 4 sào. Trừ các diện tích rừng, gỗ, mộ địa, vườn, nhà, chợ, phố, bãi sỏi, dầm ao, đất công, đất chùa và chỗ khô cằn phải bỏ hoang, còn ruộng thực cày chịu thuế cộng 153.181 mẫu 1 sào hơn.

47. Chúa Trịnh nghĩ: Thuận Hóa, Hưng Hóa, Thái Nguyên bị sai phái đánh dẹp liên miên, tướng sĩ nhiều người chết, thực đáng thương xót. Đặc mệnh đặt đàn tế độ ở chùa Sương Long. Mời các nhà sư đến làm lễ minh độ. Chúa Trịnh đến đàn xem, tờ sớ cầu Phật có câu rằng: "Tưởng nhớ ai vâng mệnh ra quân mè rìu gãy búạ, chịu khó chịu khổ chỉ vì vương gia. Chợt nghĩ lại sự tình chua xót, vợ góa con côi, nhận lỗi ai ngơ cho chúa". Đấy là lời của chúa Trịnh làm ra. Ngày hôm ấy truyền chỉ ở trên đàn: truy tặng cho tướng sĩ chết trận và nhiêu ấm cho con đẻ hoặc thân thuộc của tử sĩ mỗi người một suất.

48. Chậu lan trong phủ chúa Trịnh Sâm nở một cành 2 bông hơn 10 cánh. Chúa đem khoe với phụ thần. Mọi người đều làm thơ, vịnh "lan nở hoa".

49. Thăng Tham trấn Nghệ An Nguyễn Thưởng làm Hiệp trấn.

50. [tờ 40b] Cấm mua bán ruộng công đất bãi.

51. Ngày 22 [8-VI-1776], quan nha môn trấn phủ Thuận Hóa, hiểu thị cho dân bản hạt 8 điều:

1- Những ruộng công dã bán đoạn không cứ ngày tháng lâu hay gần, đem bán qua tay mấy chủ, đều chiếu theo văn khế chuộc về, chia đều cho dân làm sản nghiệp. Người tậu ruộng không được cố giữ. Đã chuộc về rồi, không được đem bán nữa. Ai không tuân theo thì người mua, người bán ruộng đều phải tội.

2- Những ruộng công do cả xã đem cầm cố, từ một mẫu trở lên, nếu chưa mãn hạn hủy tiền, đều rút đi một nửa hạn, trả ruộng cho dân, để giúp dân sinh sống. Các dân xã ấy chiếu theo văn khế cầm ruộng đem trả một nửa tiền nguyên phần cho người mua ruộng. Văn khế có giao hẹn sẽ chuộc lại thì phải cho chuộc. Còn ruộng công khẩu phần của từng người mà đem cầm cố vay nợ cũng theo lệ này. Sau này có cầm cố vay nợ, định cho từ 1 năm đến 3 năm làm hạn, không được nên hạn quá lâu.

3- Người nào có đất công khẩu phần, hoặc đất nhà ở nếu đã bán đứt cho người ta, đã làm thành nhà cửa, trồng trọt cây cối, thì không được viện lẽ là ruộng công mà đòi chuộc.

4- Số ruộng đất hương hỏa thờ cúng: cứ giấy di chúc của ông cha để lại có **[tờ 46a]** biên rõ mới được chuộc. Còn ruộng kỷ phần[51a] của cha ông để lại đã bán đoạn rồi không được nói dối là ruộng hương hỏa mà bắt ép phải cho chuộc. Lại những ruộng của chú, bác, cô, cậu, chị, em đã bán cho người khác, cũng không được viện là thân thích mà đòi chuộc.

5- Những ruộng đất bán đoạn không được chuộc. Nếu trong văn khế có giao hẹn ngày tháng đến chuộc thì cho chuộc đúng hạn, nếu quá hạn thì không cho chuộc. Nếu văn khế giao hẹn chung là ngày sau cho chuộc, nhưng đã quá hơn 20 năm thì không được chuộc.

6- Những ruộng đất bán điền mại (bán mà còn giữ quyền chuộc lại) thì chiếu năm tháng giao hẹn mà cho chuộc, quá hạn thì không cho chuộc. Nếu văn khế chỉ nói là ngày sau cho chuộc, mà đã ngoài 30 năm cũng không được chuộc nữa.

7- Lệ (hạn ngày) chuộc ruộng chiêm thì ngày 15 tháng chín, ruộng mùa thì ngày 15 tháng ba. Quá hạn ấy thì không cho chuộc. Nếu trong kỳ hạn đã đem tiền đến chuộc, có người chứng kiến, mà chủ mua cố ý dằng dai để cho quá hạn thì mất tiền lợi tức mà vẫn được chuộc.

8- Những ruộng đất của con trai 16 tuổi, con gái 20 tuổi trở lên, bị người trong họ ở, hoặc cầy cấy quá 30 năm hoặc người ngoài ở hoặc cầy cấy quá 20 năm **[tờ 41b]** thì không được cưỡng nhận. Nếu qua khi binh hỏa chiến tranh, cùng siêu tán mới về, thì không theo luật này.

52. Tháng năm, Kính quốc công Tống Phúc Hợp từ dinh Bình Khang dẫn quân về gấp, đánh nhau với quân Tây Sơn giành được thắng lợi lớn, đóng quân ở dinh Trấn Biên, bảo vệ và ứng tiếp các nơi. Đỗ Thanh Nhân đem lính đạo Đông Sơn, tiến đánh lấy dinh Phiên Trấn. Quân Tây Sơn đánh 3 trận đều thua. Nguyễn Văn Bình vừa nghe tin anh là Nhạc triệu về, bèn cướp bóc nhân dân Gia Định lấy thóc gạo đem xuống 200 thuyền đi đường biển về Quy Nhơn. Đỗ Thanh Nhân thu phục được Gia Định. Lập tức sai thuộc tướng bộ hạ đón chúa Nguyễn về hành cung ở Bến Nghé. Chúa Nguyễn nghĩ: Đỗ Thanh Nhân có công to thu phục, đặc cách thăng thụ làm Ngoại hữu chưởng, phong tước quận công.

53.Tống Phúc Hợp cùng Lý tướng quân đạo Hòa Nghĩa đều đem lính thuộc hạ đến hành tại Bến Nghé bái yết. (Lý tướng quân là người Phúc Kiến, trước theo Nguyễn Văn Nhạc, cùng quân miền Bắc đánh

---

(51a) *Ruộng kỷ phần:* Ruộng riêng của bản thân người ấy.

nhau ở Cẩm Sa, thua chạy. Từ đấy Nhạc bạc đãi, Lý tướng quân nhân Nhạc sai giữ Phú Yên, bèn đem lính bản đạo đến nơi đóng quân của Tông Phúc Hợp quy thuận). Đến đấy cũng về Gia Định đầu hàng. Lính đạo quân ấy đều là người Trung Quốc.

54. Chúa Trịnh Sâm bàn công, thưởng **[tờ 42a]** Đoan quận công Bùi Thế Đạt, thăng Chưởng phụ sự. Khoản Vũ hầu Nguyễn Đình Đống, Trấn Lĩnh hầu Nguyễn Đình Khoan đều thăng tước quận công. Còn ngoài ra đều thăng chức, có thứ bậc. Những quan và lính đi tòng chinh dù không được thưởng cũng đều cho thăng một "thứ".

55. Vua sắc bảo các quan lại làm khải xin tiến dâng mỹ tự cho chúa Trịnh Sâm, chúa phê rằng: "Việc bình định miền Nam này, trên nhờ sự thiêng liêng của liệt thánh, dưới nhờ sức tướng sĩ. Nên thể tất ý ta, không nên xin rờm". Rồi bàn công người giữ kinh thành (khi chúa đi miền Nam). Nguyễn Đình Huân, Nguyễn Hoàn đều được thăng chức.

56. Sửa chữa đền Thượng đền Hạ núi Tản Viên và điện Lăng Sương (Lăng Sương ở Thanh Thủy là quê hương Nguyễn Văn Tuấn, thần núi Tản Viên). Cho Nguyễn Đình Huấn trông coi làm việc ấy.

57. Nguyễn Văn Nhạc lại sai em là Nguyễn Văn Lữ đốc thủy quân vượt biển vào đánh Gia Định.

58. Tháng sáu, Đốc thị đạo Thuận Hóa Nguyễn Mậu Dĩnh nghĩ: Nguyễn Văn Nhạc lại sai chiếm giữ đất hai phủ Thăng Hoa, Điện Bàn. Bèn mật khải xin sai Tự thừa Lương Giản đến trại quân Tây Sơn làm kế phản gián. Chúa ưng cho. Dĩnh bèn cùng Đoan quận công làm hai bức thư: một bức hỏi việc Gia Định, một bức dụ nên về với triều đình. Giao cho Giản mang đi, theo đấy mà chỉ bảo **[tờ 42b]**.

59. Đỗ Thanh Nhân cùng Lý tướng quân không hòa thuận với nhau. Lý từ lúc Tống Phúc Hợp chết, mất chỗ nương tựa, lòng vẫn ngờ vực, bèn đem quân bản đạo giữ núi Chiêu Thái làm phản.

(Núi Chiêm Thái ở phía nam cách hạt Trấn Biên hơn 11 dặm. Núi này cao, chỗ trồi lên chỗ thấp xuống, cây to tươi tốt, chuyển về phía đông, quanh hạ lưu Phúc Giang, đến Gò Công thì thôi, phía bắc núi này có thôn Long Thành, Long Tuy, đông dân cư trú).

Lúc bấy giờ trấn mục Hà Tiên là Mạc Thiên Tứ thường nghĩ mình trong tay không có binh quyền, ngồi xem quốc nan, thường đấm ngực nghiến răng buồn bực thở dài

60. Bãi việc Hiến ty các lộ đi liêm phóng Lệ cũ: Hiến ty hàng năm đi trong hạt hỏi sự đau khổ của dân tâu lên. Về sau quan không tự đi cho nha lại đến dân sách nhiễu ăn uống, chuyển thành phiền nhiễu, mà đến lúc trình bầy đều nói phiếm việc thường, ẩn tình của dân không để đạt được, mà tệ bọn nha lại càng quá. Đến bấy giờ mới sai Hiến ty treo bảng ở chỗ nhiệm sở, cho dân đem sự tình kêu bầy, bãi bỏ việc sai nha lại đi xét.

61. Sức đòi những lính trốn ở Thanh Hoa.

Chúa dụ rằng: ấp thang mộc (nơi quê vua chúa) các triều tha cả diêu dịch, tha cả thuế chính, để xuất lực làm lính, làm nanh vuốt cho nhà nước. Gần đây qua cơn binh hỏa đã sai quan đếm thăm hỏi cân nhắc, cứ đinh suất tăng giảm xét định ngạch lính, cho nặng nhẹ đều nhau, cốt cho dân được tiện. Nay sổ binh để thiếu nhiều. Nhân tình ương ngạnh giả dối. Ta rất thương đấy. Vậy cho hoãn việc kiện vặt cùng các việc nhận ruộng, đòi nợ, cho được chuyên sức góp lính.

62. Sai Ngô Đình Hoành làm Lưu thủ Thanh Hoa, Đỗ Thế Dận làm Trấn thủ Sơn Nam.

63. Chúa Trịnh Sâm triệu phụ thần **[tờ 43a]** vào "các" bàn việc, dụ cho ngày đêm liệu tính trước các công việc để dự bị.

64. Cấm dân thường không được mang binh khí. Sai quan các trấn xem xét.

65. Dựng 150 tòa kho chứa thóc ở bờ sông Vị Hoàng.

66. Ngày 20 [3-VIII-1776], tiền ở Phú Xuân đúc xong, thành tiền 30.362 quan. Trong số ấy phát khẩu lương cho thợ đúc tiền 5.593 quan. Lại mua than gỗ, nhựa trám hết 799 quan. Chỉ còn 23.970 quan. Quan Trấn phủ Thuận Hóa thu tiền chứa vào kho làm tờ khải dâng lên. (Lúc ấy hủy 799 tạ đồ đồng, mỗi tạ 100 cân, thêm thiếc 50 cân, 12 lạng, chì 43 cân, 10 lạng, đúc thành tiền, mỗi tạ 38 quan. Do hao mỗi tạ 39 cân, thành tiền mỗi tạ được 38 quan).

67. Mùa thu, tháng bảy, không mưa. Chúa Trịnh Sâm mật đảo ở lầu Kính Thiên. Sai ba ty các lộ lễ cầu mưa. Sáng hôm sau mưa to. Triều thần vào mừng. Chúa Trịnh dụ rằng: "Trời làm đại hạn, để răn bảo, ý giả chính sự có thiếu sót. Ta ngày đêm lo sợ, không biết làm thế nào. Nhận lỗi trách mình để cầu phúc trời. Nay được mưa to, là trời giúp dân. Ta có đức gì mà được hòa khí ấy. Ta còn đương tu tỉnh, để báo đáp lòng trời. Vậy chớ mừng". Quần thần lại dâng lời nói rằng "Việc có sai lầm **[tờ 43b]**

là lỗi tại lũ tôi không làm hết chức vụ, há dám không hết lòng hết sức. May ra bổ ích được một phần vạn".

68. Chúa Trịnh Sâm truyền chỉ cho Bùi Thế Đạt giải tông Nguyễn Thị Cầu và Trương Phúc Loan về kinh.

69. Cho Nguyễn Huy Bá tiến triều (Bá là người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, dỗ đầu xứ Kinh Bắc).

70. Sai Hiệp trấn Nghệ An là Nguyễn Thưởng kiêm Đốc đồng xứ ấy, triệu Nghiêm Vũ Đăng về.

71. Tháng tám, ngày 11 [23-IX-1776] chúa Trịnh Sâm nghĩ: Quảng Nam chưa dẹp yên. Dân Thuận Hóa lại bị đói dữ, trộm cướp nổi lên nhiều. Bùi Thế Đạt ở trấn hơn một tuần không trình bày việc gì. Gặp lúc Lê Quý Đôn ốm xin về kinh. Bèn triệu Đôn cùng Bùi Thế Đạt, Phan Lê Phiên về kinh chầu hầu. Mười ba hiệu cơ đội đi đấy cho rút về kinh. Sai cơ hiệu đội của dinh 10 đi vào Thuận Hóa thay phiên đóng giữ. Sai trấn thủ Sơn Nam là Tạo Cơ hầu Phạm Ngô Cầu làm Bình Nam đại tướng quân, kiêm Đốc suất xứ Thanh Nghệ, đông nam, An Quảng, kiêm lĩnh trấn phủ Thuận Hóa, tùy nghi làm việc. Lại sai Nguyễn Lệnh Tân làm Hiệp đồng kiêm phó Đốc thị. Nguyễn Mậu Dĩnh vẫn làm Đốc thị. Lại sai Tả thị lảng bộ Lại và Vũ Trần Tự[71a] đem cờ tinh tiết [từ 44a] đến trong quân ban cho và đem chi dụ ban cho tướng hiệu 200 lạng bạc, tùy hiệu mỗi người 2 quan tiền, thuộc viên mỗi người 1 quan 5 tiền. Lính mỗi suất một quan. Lúc Cầu ra đi, chúa Trịnh dụ bảo ân cần rồi đến dinh Vọng Hà xem xuất quân, Cầu lạy từ, chúa lại giao cho một thanh gươm, ban yến và cho của rất hậu. Lúc ấy Tán lý Uông Sĩ Điển ốm, lưu ở kinh.

72. Cho Nguyễn Mậu Quận làm Thiêm sai tri Lễ phiên, Vũ Huy Đĩnh làm Thiêm sai tri Binh phiên, Phan Huy Ích làm Thiêm sai tri Hình phiên. Cho Lê Nguyễn Thường làm đốc đồng Sơn Nam.

73. Lê Công Trấn người Thuận Hóa, lúc Hoàng Ngũ Phúc đi đánh miền Nam, đến quy phụ trước, bắt được tướng giữ thành giải đến cửa quân; Đến bấy giờ lại đến cửa khuyết trình bầy tình trạng Quảng Nam có thể đánh lấy được, xin về mộ thổ binh đánh giặc. Chúa Trịnh khen ý tốt, cho tước Nghĩa hầu, cho quản lính đội Tiền Hán theo đi đánh giặc. Lại có Mai Quang Chân[73a] cũng người Thuận Hóa, dâng thư nói hình thế Quảng Nam, chúa ban thưởng hậu rồi cho về.

[71a] Vũ Trần Tự còn có tên là Vũ Trần Thiệu.

[73a] Bản A.1210 chép là Mai Quang Đạt.

74. Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc đã lấy được Quảng Nam, bèn tiếm xưng là Thiên vương, sửa thành Đồ Bàn để ở. làm cung điện thật to, đặt tên quan như chế độ chúa Nguyễn [tờ 44a] đến bây giờ tiếp thấy Lương Giản đem thư đến dụ và hỏi việc ngoài biên. Nhạc bèn sai thuộc hạ làm bản tấu, bản khải trình bày. Đại lược nói rằng: "Tôi vốn là một người áo vải trại Tây Sơn, há dám cầu may làm sự trái phận. Trước đây nhân Trương Phúc Loan chuyên chế tàn nhẫn, tôi từ tay trắng khởi binh, cùng bởi lòng trung phẫn kích thích. Đến lúc nghe đại binh đến đánh, thu lại đất cũ. Tôi nghĩ ngay: mình ở đất vua, làm tôi vua, đem lòng thành xin theo mệnh lệnh. May được quốc lão thể theo đức ý bề trên, thương dân ngoài biên, đã trao quan chức, tấm lòng được đổi mới, lại ủy cho trọng nhậm, khuyến khích cố gắng báo đền. Lại còn hẹn ngày khải hoàn ban cho cờ tiết. Nhờ ơn che chở, biết lấy gì báo đáp. Tôi dẫu không nhanh nhẹn, cũng xin gắng dốc sức hèn, lập tức đem thuộc hạ đến thẳng Phú Yên, Diên Khánh, Bình Khang, Bình Thuận cùng địa phương khác. Nay cũng đánh được vài trận, nhưng thắng chưa quyết, còn đương cầm quân chống nhau. Không ngờ quốc công đã từ Châu Ô rút quân về. Ở khoảng Quảng Ngãi, Thăng Hoa, Điện Bàn cũng không lưu quân đóng giữ. Nhưng giặc cỏ ở vùng ấy tụ hợp thành đàn. Dân tàn 3 phủ đều bị quấy rối. Tôi bất dắc dĩ vừa nghe tin báo, tạm đem quân đến nã bắt [tờ 45a] giặc ấy, đương mong cho nhân dân được yên ổn. Đến lúc nghe tin quốc lão công đã từ Phú Xuân về triều. Chút tình bề tôi nhỏ mọn đương mong có đường thấu tới bề trên, để đợi mệnh trời, hàng ngày trông mong chiếu chỉ. Không ngờ quốc lão công chưa kịp về triều, đã mất ở Hoan Châu. Trộm nghĩ cửu trùng xa cách, muôn dặm mây che. Chân tình muốn tôn phù, biết cậy ai dâng thấu. Tôi đã làm bản khải, bèn tấu sai thủ hạ mang lễ vật kính dâng. Vừa mới lên đường, lại gặp Huỳnh Vũ hầu[74a] họp bọn người Hoa xấu, phao đồn là vâng mệnh triều đình thu phục Quảng Nam, cướp bóc nhân dân, làm ngăn trở đường đi. Cho nên đường đi sứ cách trở, đình trệ không thông. Tôi lúc ấy cũng tưởng là thực có mệnh lệnh triều đình, nên thoái binh rút khỏi sự phòng thủ, không dám ngăn trở. Đến lúc biết là Huỳnh Vũ hầu sinh sự lấn chiếm cầu công. Tôi đem quân đến đánh, nó lập tức vỡ tan. Dân 3 phủ chỉ còn thoi thóp thở, bị nó đốt cướp, vét sạch sành sanh, tai họa càng dữ. Tôi đoán Huỳnh Vũ vốn là bộ thuộc cũ của tôi, nó chưa chắc đã dám bội ơn cầu công. Nữa là tôi lòng thành quy thuận, duy [tờ 45b] quốc lão công đã biết sẵn. Nay quốc lão

---

[74a] Huỳnh Vũ Hầu: Xem điều (45) ở trên.

công không còn nữa, không có ai biết rõ tôi, cho nên lời nói của Huỳnh Vũ có lối mà lẻn vào. Cửa chúa xa ngàn dặm, không tỏ được lòng thành, tôi cũng không khỏi nghi ngờ sợ hãi. Kịp đến tháng năm năm nay tôi nghe biết chúa Nguyễn tập họp các tướng sĩ, thế nó dần mạnh lên. Tôi lập tức sai em là Nguyễn Văn Lữ thân đem thủy sư vượt biển thẳng vào Gia Định đánh, thì chúa Nguyễn lại vào rừng, không biết đi đâu. Dầu có [thu được] thóc gạo và súng, chỉ đủ cho quân đội dùng. Và đất Đồng Nai, hiện nay 6 tướng tranh nhau (chúa Nguyễn, Lý tướng quân, Nữ chủ, Xiêm La, Cao Miên, Hà Tiên) thế bị phân tán, đường đất lại xa, tôi cũng chưa thể chia quân đóng giữ được hết. Còn những trận thắng nhỏ, không dám coi là công lao, chưa dám tâu lên. Đến nay may có thượng sứ từ xa đến, đem thư hỏi việc ngoài biên, mới biết lượng trời đất bao dong, bèn tan hết sự hoài nghi trước. Tôi đáng lẽ đến kinh đợi mệnh, để tỏ lòng thành. Nhưng kẻ bề tôi của chúa Nguyễn là Tống Phúc Hợp vốn là tướng giữ Đồng Nai, nó tự nhận lấy việc thu phục, chiếm cứ Bình Khang, Bình Thuận, xâm chiếm Phú Yên, Hà Tiên, rất đỗi hung hăng. Tôi được giữ nơi trọng yếu tiếp giáp với giặc **[tờ 46a]** chưa thể một ngày xa lìa dinh quân mà đi đâu được. Tôi xin sửa lễ, ủy cho người thân tín là Đỗ Phú Tuấn, Bùi Đắc Mân, thay đến chầu cửa khuyết, gọi là lễ mọn tỏ tình. Xin để cho tôi một vài năm rồi cũng thu phục được các đất Khang, Thuận, Gia Định đem dâng. Duy có tính chất phác lỗ mãng của người biên giới, dợi có chút công mới dám tự đến chầu. Còn như Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Ngãi khói bếp còn thưa thớt[74b]. Quy Nhơn, Phú Yên giáp với cõi giặc. Tôi thể theo chính sự nhân nghĩa của triều đình, nên tô thuế của Thuận Hóa vẫn còn chưa thu. Hơn nữa dân 5 phủ mất mùa, điêu đứng, tôi cũng chưa có thể đốc thúc thu thuế. Xin để cho một vài năm nữa, dần dần hồi phục, sẽ ban xuống lệ thu thuế, chuẩn định lệ cống, tôi xin thu nộp. Lại: ân mệnh triều đình, danh phận trọng đại, tôi may được lòng người chịu thống thuộc, trên nhờ đức lớn quốc gia, được dự công nhỏ, hơi đáp được cái ý bề trên đòi hỏi lập công. Tôi ở chốn xa xôi quê kệch, bày tỏ chí tình. Khôn xiết sợ hãi. Kính đem tờ tấu, tờ khải dâng lên, kính mong xét cho.

Sau đây là lễ thượng tiến[74c]: kỳ nam nặng 1 cân 15 lạng 4 đồng cân, vàng mười hai tuổi hốt (Lễ cung tiến[74d] kèm theo tờ khải: kỳ nam nặngcân 13 lạng 6 đồng cân, vàng tuổi cũng 2 hốt). Hai bản tấu, khải

---

[74b] Khói bếp còn thưa thớt: ý nói dân còn ít.
[74c] Lễ thượng tiến: Lễ vật dâng vua Lê.
[74d] Lễ cung tiến: Lễ vật dâng chúa Trịnh.

này cùng với kỳ nam và vàng đều giao cho thuộc viên là Đỗ Phú Tuấn, Bùi Đắc Mân lĩnh đưa theo sứ thần Lương Giản cùng đi".

75. Tháng chín ngày 10 [21-X-1776] Nhạc sai bọn Đỗ Phú Tuấn đến Phú Xuân, xin cửa khuyết dâng lễ vật và xin ban ân mệnh. Đoan quận công đem việc tâu lên. Lưu bọn Tuấn ở trấn đợi chỉ.

75B. Chúa Trịnh Sâm sai ban mũ áo cho bọn Nguyễn[75c] 16 người và trao chức tước rồi cho về.

76. Sai quan 4 trấn mua gạo, y giá trả tiền, không được ức hiếp nhà giàu.

77. Nam cung trong phủ chúa làm xong, có lầu Cần Chính, hiên Lạc Thiện, triệu quan văn võ vào chầu, ăn yến.

78. Mùa đông tháng mười, thi trường Bác cử[78a].

79. Hoãn việc đòi suất lính trấn ở Nghệ An.

80. Phép cũ ở chính đường treo một cái chuông. Những lời nói trung thực, mưu kế tốt, cùng người có oan muốn kêu thì cho làm đơn dán kín, rồi gõ chuông dâng lên. Quan Lại phiên nhận thư dâng lên ngay. Gần đây người nói việc phần nhiều nói phiếm, nói bậy, không cần thiết, mà giữ việc cũng dằng dai [tờ 47a] để chậm, dù có ai oan khuất cũng ít được bẩy tỏ lên trên. Đến bấy giờ bèn chữa cái tệ ấy, lại làm cho theo phép cũ.

81. Sai trấn ty Thanh Hoa xét quan lại ai hay ai dở và dân tình đau khổ, cùng những sự tệ hại đã lâu, nay cần sửa đổi, tâu lên.

82. Chúa Trịnh Sâm nghĩ: Nguyễn Văn Nhạc cầu phong, vốn không phải là lòng thành. Nhưng nay là lúc cho binh dân nghỉ ngơi, nhân đó mà chiêu nạp cũng là hợp thời. Bèn sai làm tỷ thư [giấy có đóng ấn ngọc tỷ] để ban cho. Đại lược nói rằng: "Các xứ Thuận Quảng vốn thuộc dư đồ nhà nước, từ Gia Dụ Thái Vương trấn phủ đất ấy, truyền nối đến nay đã hơn trăm năm rồi. Gần đây nhân vì kẻ quyền gian làm Hại chính sự, đến nỗi dân ngoài biên bị chìm đắm, dân đương mong đến cứu. Ta trên thuận theo lòng trời, dưới vì dân mong đợi, sai tướng ra quân, dẹp yên Ô, Lý, tạm dẹp yên địa phương Thăng Hoa, Điện Bàn. Ngươi biết sợ uy mến đức, nộp lễ ở cửa quân. Quốc lão công đã tùy nghi ban cho sắc mệnh ấn gươm, khuyến khích lập công. Ta đương hậu đãi, cho người tự dâng sức. Nay xem người ta bày tỏ lòng thành từ trước đến nay và sự tình ngoài

---

[75c] Nguyên bản bị mất một chữ.

[78a] Bác cử: Thi võ lấy đỗ võ cử và tạo sĩ.

biên giới đều đã hiểu rõ. Ta **[tờ 47b]** giữ đức hiếu sinh của trời đất, cho nên đem quân đánh dẹp, chỉ lấy lại bờ cõi, cứu dân phương này. Người đã thuận mệnh dốc một lòng thành, tức là ở trong vòng che chở nuôi nấng, còn hiềm nghi gì. Vậy sai quan đem chỉ cho người làm "Tây Sơn trưởng hiệu - Tráng Tiết tướng quân, thăng thụ tam phẩm, Tuyên úy đại sứ, Kiêm trấn thủ xứ Quảng Nam", ban thêm cho gươm vàng và chiêng vàng mỗi thứ một cái, để cho mệnh lệnh yêu quý thêm long trọng. Thuộc Bình Nam đại tướng quân Tạo quận công Phạm Ngô Cầu điều khiển. Liệu đất chia đồn, khiến cho trong ngoài liền nhau, để tỏ ta coi như một, không phân biệt gì. Còn 4 hốt vàng, cho trả lại để giúp quân nhu. Riêng kỳ nam thì thu nhận để yên lòng ngưỡng mộ. Ngươi phải dốc lòng trung trinh, càng bền thần tiết[82a], tuân theo mệnh lệnh triều đình, kính giữ chức phận phiên phong. Nếu có sự tình gì, cho đến báo với Tạo quận công xét rõ chuyển đạt. Nếu biết giữ chức phận, ngày mở rộng biên cương, thì sẽ được hưởng phúc lâu dài cùng sông núi, lệ khuyến khích đã có, cần cố gắng để giữ trọn danh tiết. (Thư này cùng gươm vàng ủy sai Thiêm tri hình phiên Phan Huy Ích đem đi, giao cho Tạo quận công chuyển ban) **[tờ 48a]**.

83. Chúa nghĩ: về khoản Nguyễn Văn Nhạc xin sắc mệnh, chưa nên vội cho. Bèn sai Phó đốc thị Thuận Hóa Nguyễn Lệnh Tân làm sứ giả đi dụ Nhạc đợi ngày có công, mới ban sắc mệnh, như thế mới có danh nghĩa. Việc ấy giao Tạo quận công tính kỹ sự thế, tùy nghi xử trí. Tạo quận công sợ Nhạc tráo trở khó tin. Giữ Tân lại không cho đi, để phái viên của Nhạc là bọn Đỗ Phú Tuấn ở trong thành. Chọn lấy một người là Nguyễn Tín đem thư của ty trấn phủ về báo cho Nhạc. Đỗ Phú Tuấn, Bùi Đắc Mân cùng các người đi theo đều được cấp cho bạc, tiền, vải có thứ bậc.

84. Chúa Trịnh Sâm nghĩ: Lương Giản làm được việc, cho miễn tội trước (Giản là người xã Tào Sơn, huyện Ngọc Sơn là nho sinh trúng thức năm Kỷ Sửu [1769], Thiều quận công cho người vu cáo Giản mưu đem hoàng tử đi làm loạn. Chúa sai bắt để trị tội, Giản trốn thoát) và cho Giản đi theo Tạo quận công sai phái.

85. Đông cung Nguyễn Phúc Dương (là con của Chưởng dinh Nguyễn Phúc Vũ, cháu nội Hiếu Vũ Vương và là cháu gọi Hiếu Định Vương bằng chú. Năm trước Phú Xuân bị mất, Hiếu Định Vương chạy ra Quảng Nam. Lại đi Gia Định, lập Dương làm Đông cung lưu giữ đồn Câu Đê) năm trước ở Câu Đê thua trận, bị Lý tướng quân dạo Hòa Nghĩa của

---

(82a) Thần tiết: Tiết nghĩa của kẻ bầy tôi.

Tây Sơn bắt được, Lý không nỡ giết, đến bấy giờ, từ Quy Nhơn giả làm người dân thường di biển, ngày 8 tháng ấy, đến Gia Định gặp chúa Nguyễn đóng ở hành cung Bến Nghé [tờ 48b].

Dương sai tham nghị Khoáng Điển hầu Nguyễn Luận đến núi Chiêu Thái dụ Lý tướng quân về. Lý cố ý tôn phù Dương, lập tức sai thuộc tướng là bọn Đoán Quan, Hiền Nam gần 40 người đem lính bản bộ thẳng đến Bến Nghé bái yết, đón Dương về đồn Du Miệt. Lính đạo Đông Sơn vì thế chạy cả về xứ Ba Chàng cũ. Chúa Nguyễn ở Bến Nghé chỉ có và mươi người bề tôi thân tín bảo vệ mà thôi. Lúc ấy Thế Tổ Cao hoàng đế[85a] biết rõ thời thế, đến Ba Chàng chiêu phủ binh tướng đạo Đông Sơn để dự bị điều dụng.

86. Chúa cho bọn Trần Văn Trứ làm thái phỏng sứ các đạo.

87. Sai ngự sử dài sức cho các ty khám xét kiện tụng. Lê Quý Đôn xét các vụ kiện tụng dể dọng lâu: Cho Nguyễn Đình Nghi làm Lưu thủ Tuyên Quang. Lại dùng Trần Danh Lâm (Thượng thư hưu trí) làm việc bộ Lại.

88. Cho Lê Quý Đôn làm Đô ngự sử. Bỏ bớt nha môn Thừa ty trấn Thái Nguyên, đem công việc dồn cả cho quan trấn thủ. Cho Trương Đăng Quỹ làm thự tham chính Thanh Hoa. Đào Vũ Hương làm Thự tham chính Sơn Nam. Dương Nguyễn Huống làm Hiến sát sứ Hải Dương.

89. [tờ 49a] Tháng mười một, ngày mồng 4 [14-XII-1776], Lý tướng quân đạo Hòa Nghĩa đem Đông cung Nguyễn Phúc Dương về Bến Nghé nhận ngôi do chúa Nguyễn truyền cho ở chùa Kim Long. Đông cung cho Lý tướng quân làm chức bảo giá[89a]. Lúc ấy lính đạo Hòa Nghĩa là người Trung Quốc, rất hung hãn tàn ngược, đi đến dâu dân không chịu được.

90. Trời không mưa. Chúa Trịnh Sâm đưa ra tờ biểu thị cầu lời nói thẳng. Đại lược nói rằng: "Ta nghe người xưa dạy: Chăm xét lời nói gần, hỏi đến cả người hái củi cắt cỏ. Thánh vương đời xưa hỏi han rộng, là để hiểu tình dân mà biết đạo trị nước. Ta kính vâng nghiệp lớn, nối theo mưu xưa, sớm trưa chăm chăm nghiên cứu việc trị nước, chỉ mong dưới yên lòng dân, trên hợp ý trời, nhưng gần đây chưa được hòa khí, mùa thu năm nay lúa thóc được ít, nay đến kỳ cấy chiêm trời lại không mưa,

---

(85a) Thế Tổ Cao hoàng đế: Chỉ Nguyễn Ánh tức vua Gia Long sau này. Người viết sách dùng danh hiệu ấy để chỉ Gia Long chứng tỏ sách được chép hoặc sửa vào đời Nguyễn.

(89a) Bảo giá: Bảo vệ xa giá của vua.

ruộng đất khô nẻ, trồng trọt không được. Cớ sao đến thế, lỗi ấy chưa rõ. Sớm tối sợ hãi chưa lúc nào nguôi. Hoặc có sự sai sót chưa sửa, làm việc chưa đáng. Hình ngục chưa xét xong, thưởng phạt chưa công bằng, mưu việc binh chưa tinh, kế giữ nước chưa tốt, ơn trạch chưa xuống đến dân, tình dân chưa thấu lên trên. Đến nỗi dân tình chưa thỏa, phạm đến hòa khí. Nay muốn mở rộng tầm nghe, thu lấy [tờ 49b] nhiều lời nói thẳng để sửa chữa những chỗ ta không kịp nghĩ đến. Thần dân trong ngoài hãy đều nói hết ý, kiến. Những điều quan hệ đến chính sự của triều đình, việc biên giới, tình hình u ẩn của dân, cho làm thư phong kín dâng lên, đều nói cho hết, không nên kiêng tránh. Nơi mà dùng được, thì ta liệu tính thi hành, không tiếc khen thưởng".

91. Chúa Trịnh Sâm đến chùa Báo Thiên lễ cầu mưa.

92. Quyền phủ sự nhận lĩnh Trấn thủ Thái Nguyên là Đĩnh dâng khải trình bày tình hình thuế khóa nhà nước, tình hình ngoài biên và sự đau khổ của dân trong hạt, cộng 5 điều. Chúa sai chính phủ tham khảo chước lượng thi hành.

93. Nội thần Nguyễn Đình Liễn có tội, phải phát lưu ra châu xa.

94. Ngày 28 [7-I-1777], sai nội Tả tướng Điển Trung hầu Nguyễn Kim Điền làm Án sát đạo Thuận Hóa, khám xét tướng sĩ đạo ấy ai mạnh ai nhác, ai siêng ai lười, hành trạng công lỗi, cùng kho lương, lương quân đi thiếu thế nào, đều đem sự thực tâu lên.

95. Tháng mười hai, vì trời đại hạn, tha thuế thiếu và tiền chuộc tội tiền phạt tội cho cả nước, từ năm Mậu Tý [1768] đến năm Nhâm Thìn [1772], tha tiền điệu năm sau cho dân ven đường và tha cả các việc đắp đê đào ngòi.

96. Chúa cho Phan Trọng Phiên làm Nhập thị bồi tụng. Uông Sĩ Điển làm Nhập thị thiêm sai. Nguyễn Quýnh làm thự Phụng Thiên phủ Doãn.

97. Chúa Trịnh Sâm ban công theo hầu xe chúa **[tờ 50a]** và công đốc vận lương, cho mỗi người đều thăng chức một cấp. Cho hữu thị lang bộ Hình là Nguyễn Khản làm Tả thị lang bộ Lại. Khản lúc mới vào Thuận Hóa dụ được tướng trấn giữ ở đấy mở cửa lũy ra hàng. Đình thần bàn nên kể cả công hầu xe chúa và công vận lương. Bèn được thăng chức ấy.

98. Chúa cho Vũ Đài làm Đốc trấn Lạng Sơn, Trương Hỗ làm Đốc đồng. Thác quận công Hoàng Phùng Cơ làm Trấn thủ Kinh Bắc (Hỗ người xã Như Kinh, huyện Gia Lâm, dỗ nho sinh trúng thức tiến triều. Cơ là người xã Vân Cốc huyện Bạch Hạc).

Đinh Dậu Cảnh Hưng năm thứ 38 (1777) (Thanh, Kiền Long thứ 42)

1. Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1 [8-II-1777], sai Tri kinh diên Nguyễn Hoàn đi tế điện Nam Giao.

2. Ngày mồng 5 [12-II-1777] ban cho Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc làm trấn thủ Quảng Nam, tuyên úy đại xứ, tước Cung quận công. Sai Tạo quận công tùy nghi làm sắc và làm chỉ dụ, sai người đem đi ban cho. Trước đây Đỗ Phú Tuấn thấy triều đình chưa cho ân mệnh. Tự bầy tỏ rằng: Nhạc một lòng quy thuận, chưa được mệnh lệnh của triều đình, lòng vẫn không yên. Tuấn xin đem con em làm bảo đảm, chứng nhận Nhạc về sau không có ý khác. Tạo quận công đem việc ấy khải lên.

Lúc ấy chúa Trịnh Sâm đương muốn chiêu phủ, để cho quân nghi, nhân thế ban sắc cho.

3. Chính phủ nói: Thuận Hóa đã qua 3 năm **[tờ 50b]** nên liệu bỏ thuế đinh, suất đinh, lương ruộng, làm thành sổ. Chúa Trịnh Sâm nghĩ: bọn Lê Quý Đôn, Phan Trọng Phiên, Uông Sĩ Điển đều từ Thuận Hóa về, biết rõ dân tình, chính trị. Ngày mồng 6 tháng ấy, sai bọn Lê Quý Đôn chiếu tra sổ đinh khẩu, ruộng đất, ngạch binh ở Thuận Hóa chước lượng tình dân và phong tục địa phương, định lệ tô thuế, khải lên đợi chỉ. Bọn Đôn bàn giảm các tiền lễ cơm mới, lễ sắm Tết, tiền sai dư và thóc tô ruộng chỉ lấy 2 phần 10, thổ binh chỉ lấy một phần ba. Chúa sai giao xuống cho Tạo quận công tham xét mà làm, chúa giao cho các đại thần họp bàn, thêm bớt, định làm chuẩn, giao xuống cho nha môn trấn phủ Thuận Hóa tùy liệu mà làm. Chúa Trịnh Sâm lo việc lương quân ở Thuận Hóa, sợ gần đến mùa gió nam, vận tải đường biển không tiện. Mà đi đường sông con thì lại chậm. Không thể không liệu tính trước, chúa bèn sai đôn đốc quan coi giữ kho lương kịp thời đốc thúc vận tải, hẹn cho theo đường biển và sông con cùng vận tải, cho lương quân được thường xuyên đầy đủ và lại cấm không được bắt hiếp những thuyền nhỏ luôn bán đi vận tải lương quân.

4. Chúa sai Nguyễn Khản đem lính Vân Hải **[tờ 51a]** sửa cung Dục Thúy. Khản nói: trước đây đắp đê biển chưa xong. Nay đường ấy đi qua Trường Yên. Xin cùng Thự tham chính Thanh Hoa Trương Đăng Quỹ, Thự hiến sát sứ Sơn Nam Ninh Tốn cùng đi đôn đốc bồi đắp cho xong. Lại xin lấy dân ven đường cùng đi đắp đê biển. Chúa đưa tỷ thư dụ rằng: "Triều đình nghĩ: dân ven đường chạy trạm khó nhọc, tha cho công việc đắp đê năm nay, ơn huệ chưa được hưởng, nếu lại bắt xây đắp thì dân mất lòng tin. Và lại việc đắp đê biển là vì khuyến khích việc nông. Lệnh khoan xá đã ban hành. Không nên lại dùng sức dân nữa". Khản lại xin lấy dân xã Bồng Hải, huyện An Khang đi làm việc. Chúa ưng cho.

5. Sai các quan văn võ kê khai lý lịch xuất thân, quan chính phủ xét định, người nào làm chức nào, xếp loại thành sách tiến trình.

6. Chúa sai Lê Quý Đôn, Hoàng Tố Lý thống kê số thóc thu vào, phát ra từ năm Giáp Ngọ (1774) trở lên tâu lên. Từ lúc dụng binh, diều phát ngày thêm nhiều, hoặc sai dân cung tiến thóc, hoặc mua vét thóc của nhà giàu, hoặc trưng thu ở kho thóc công của các lộ, trước sau sai tổng lý giám đốc vận tải đường thủy đường bộ vận chuyển qua nhiều chặng. Những người làm việc thu phát, phần nhiều những lạm, che dấu lẫn cho nhau **[tờ 51b]**, tệ ấy không kể xiết. Đến bấy giờ sai tra xét cho ra.

7. Chúa sai Lê Quý Đôn, Mai Thế Uông khám ruộng bỏ hóa của dân ở ven biển.

8. Lê Quý Đôn dâng khải nói: trấn Thái Nguyên thuộc đất biên giới xa xôi, nhiều rừng núi, dân thì Thổ, Nùng ở lẫn, các quan phủ, huyện đóng riêng một nơi, người sai đến dân dễ làm phiền nhiễu. Nay Thừa ty đã dồn về trấn, thì 5 huyện, châu là: Bạch Thông, Cảm Hóa, Văn Lãng, Đại Từ, Võ Nhai của phủ Thông Hóa xin cho dồn về trấn cho tiện. Chúa nghe theo, bèn rút cả các quan phủ châu huyện ở trấn Thái Nguyên đi.

9. Chúa sai nội thần Nguyễn Lệnh Tân đi Thuận Hóa diễm duyệt quân số.

10. Tháng hai ngày 15 [24-III-1777], Phạm Ngô Cầu nghĩ: Việc phòng bị ngoài biển hơi thư, xin chỉ lưu lính các dinh hiệu cơ đội là 5.253 người, còn thì đều cho rút về trấn sở Thanh Nghệ nghỉ ngơi đợi sai, cho bớt phải vận lương. Chúa Trịnh Sâm nghe theo.

11. Trước đây chúa nghĩ: Lương quân tốn nhiều, sai quan Binh phiên liệu thu tiền khẩu phần của lính đi ra trận, giao cho quan coi việc lương mua gạo chuyển cấp. Đến bấy giờ cho miễn thu tiền khẩu phần ở lính. Cho đều lấy tiền khẩu phần [do nhà nước cấp, mua gạo][11a] vận tải đi làm lương ăn. Số suất binh lưu lại Thuận Hóa là bao nhiêu, sai Phạm Ngô Cầu phát thêm gạo công **[tờ 52a]**, mỗi suất lính mỗi tháng 15 bát công.

12. Lúc bấy giờ Nghệ An gạo đắt. Các quân tụ họp ở cả đó mà ăn thì không tiện. Bèn cho triệu hiệu binh 4 cơ là Thi trung tiền, Nghi nội tiền, Hậu tiệp, Tiền dũng, về kinh. Còn lính 6 đội là Thị trung hậu, Thị trung hữu, Hữu hùng, Trung hùng, Tả hùng, Tiểu hùng về đóng ở xã Dương Xá trấn Thanh Hoa, cho Ngô Đình Hoành cai quản. Duy một nửa quân

---

[11a] Nguyên văn viết không rõ lắm chúng tôi tạm bổ sung cho rõ.

dinh Ninh Trấn và 7 cơ đội là Hữu nhuệ, Tả ninh, Hậu ninh, Tiền[12a], Hậu, Tả, Hữu Hãn, cho tạm đóng ở Nghệ An thuộc quyền chỉ huy của Thể quận công. Hai đạo tin tức thông nhau, làm thanh thế từ đằng xa cho đạo quân Thuận Hóa. Lại sai Sán Trung hầu Bùi Đình Châu đem lính cơ Tiền tượng và lính hai cơ Ninh đóng đồn ở địa phận xã Lù Đăng, châu Bố Chính khẩn trương thao diễn để đợi điều khiển.

13. Lễ cầu mưa ở lầu Kính Thiên. Chúa Trịnh Sâm chăm lo việc dân, mỗi khi đại hạn thì nghiêng mình sợ hãi, thành tâm mật khẩn, sai tam ty các đạo đặt đàn cầu mưa. Cho nha môn trong ngoài hoãn việc khám tra các vụ kiện vặt và thu tiền phạt, nã bắt, làm nhiễu dân. (Chúa viết câu đối ở phủ đường rằng: "Thiềm thượng hữu thanh thiên, thiên thị thính tự dân thị thính. Thành trung giai xích tử, tử cơ hàn diệc ngã cơ hàn".

Dịch nghĩa:

Trời xanh trên nóc, trời trông nghe tự dân có trông nghe.
Con đỏ trong thành, con đói rét bởi ta làm đói rét.

(13b-13m)

(12a) Nguyên văn là Ninh Hậu, có lẽ viết lẫn, xin tạm sửa là tiền hậu cho hợp lý.

(13b-13m) Bản A.4/5 và A.1210 chép thêm các việc sau đây:

Sai trấn các xứ khai khẩn ruộng hoang. Bấy giờ ở các xứ có nhiều ruộng hoang, dân nghèo thì phiêu tán, ít người cày cấy. Đến bây giờ cho người nào tình nguyện canh tác. Ba năm thành ruộng rồi mới khám thực bổ thuế. Nếu ai muốn lĩnh tiền vốn công (công bản), thì y như lệ tiền vốn công mà nộp thuế.

(13c) Cho miễn hẳn tiền thuế điệu trong năm nay của 4 trấn. Nơi nào đã thu nộp thì cho trừ vào vụ xuân năm sau.

(13d) Sai các quan 2 ty [Thừa, Hiến] và hiệu quan ở phủ huyện tìm những người có tài bị bỏ sót. Bấy giờ Chúa tự cật tài của mình, cho rằng thiên hạ không có thời nào là thời không thể cai trị; Giặc đã bốn phương không nơi nào là không tiêu diệt được. Cho nên mọi sự đều coi là dễ dàng. Tuy có mệnh này nhưng chúa lại chưa từng lưu ý thu dụng nhân tài. Nguyễn Thiếp ở La Sơn được triệu đến kinh, nhưng không trao chức sự gì lại bãi về.

[Chú ý: Giọng văn phê phán của chúa Trịnh này, chỉ chép riêng ở bản A.4/5. Còn bản A.1210 chép sơ lược hơn, như sau: Sai 2 ty và các hiệu quan ở phủ huyện tìm hỏi những người có tài mà bị bỏ sót. Gọi Nguyễn Thiếp người huyện La Sơn đến kinh, nhưng không trao chức sự gì báo về].

(13d) Cất nhắc Tứ Xuyên bá Phan Trọng Phiên làm bồi tụng Hữu thị lang bộ Công. Vì ông đã theo Việp quận công đi dánh miền Nam có công.

(13e) Thượng tướng quân đạo Thuận Hóa là Đoan quận công Bùi Thế Đạt mất. Cử Phạm Ngô Cầu làm đại tướng quân thay lĩnh trấn Thuận Hóa.

(13g) Cho quyền phủ sự Điển Thọ hầu Hoàng Tố Lý làm trấn thủ Nghệ An, Bùi Huy Bích làm Đốc đồng. Tố Lý là cháu gọi Hoàng Ngũ Phúc bằng chú. Đỗ trúng cách thi Hương khoa Kỷ Mão [1759], đỗ tạo sĩ Bính Tuất [1766], Chúa Ân Vương [Trịnh Doanh] đem con gái thứ 2 gả cho. Uy quyền của Hoàng Ngũ Phúc ngày càng cao. Những kẻ hiếu sự

14. Trấn phủ Thuận Hóa là Phạm Ngô Cầu dâng sớ nói: "Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc sai bộ thuộc đến Phú Xuân [tờ 52b] tiếp lĩnh ân

---

đặt câu sấm "Thảo nhất điền bát" để phao tin. Đó là chỉ vào chữ "Hoàng". Lại tung ra câu "Thổ sắt vân gian nguyệt; Hoàng hoa ánh nhật hương". Chữ "Thổ sắt" tức là con rể, chỉ Hoàng Tố Lý. Chữ Hoa và Nhật là chữ Việp. Chỉ vào Hoàng Ngũ Phúc [có nghĩa là đề phòng Hoàng Tố Lý, là cháu quận Việp cướp ngôi - việc này xem thêm năm 1771, đoạn 39]. Lại: Tố Lý tên cũ là Đăng Bảo (lên ngôi báu). Do đó Hoàng Ngũ Phúc tự hiềm về hình tích của mình, bảo y đổi tên đi, rồi lấy cớ đau mắt từ chức. Hoàng Ngũ Phúc đi đánh miền Nam cho Tố Lý đi theo. Tố Lý nhờ uy lực của Ngũ Phúc, được các tướng tá sợ phục, lại khéo thu dụng nhân tài, các hào kiệt đều vui vẻ dốc sức cho y. Nhiều lần lập công phá giặc, tiếng tăm ngày càng nổi. Khi Ngũ Phúc chết. Tĩnh Vương [Trịnh Sâm] cho Tố Lý làm quyền phủ sự, thay quyền thống lĩnh quân đội của Hoàng Ngũ Phúc. Đến lúc này, xứ Nghệ An đói, giặc dã nổi lên. Chúa thử dùng Tố Lý, cho nên có mệnh này. Tố Lý xin cho Bùi Huy Bích giúp việc. Chúa ưng cho.
[Việc 13g này bản trục chép vào tháng 6 - Xem đoạn 79, 80 ở dưới].

(13h) Xét lỗi những người thiếu hụt tiền công quỹ, biếm truất có khác nhau. Bấy giờ Dĩnh Thành hầu Lê Quý Đôn làm việc cơ mật ở Hộ phiên, kiểm tra các viên thiếu tiền, kê đủ dâng lên chúa. Chúa giao cho đình thần bàn, Phan quận công Nguyễn Phan, Thạc quận công Hoàng Phùng Cơ, Đình Trung hầu Bùi Đình Giám, Hiệu thư Bùi Đình Dự, hiệu lý Nguyễn Duy Thức đều vì thiếu nhiều ít mà bị biếm và đoạt tước khác nhau [đoạn 13h chỉ có ở bản A.4/5].

(13i) Viên thổ tù ở mỏ đồng Tụ Long là Hoàng Văn Đồng làm phản, vây trấn Sơn Tây và Tuyên Quang. Trấn thủ Sơn Tây là Nguyễn Khản đánh bại y. Đồng là thổ tù nối đời kế tập cai quản mỏ đồng Tụ Long, chịu nộp thuế đồng. Tri Hộ phiên Lê Quý Đôn, Xuất nạp [tên chức quan] là Chu Xuân Hán giam y, mãi không tha, bắt nộp hối lộ quá nhiều. Đồng dút lót cho người cai ngục, trốn thoát về, dấy binh làm phản. Vây Tuyên Quang, thừa hư kéo thẳng đến tam Kỳ, trấn quan là Nghi Trung hầu (thiếu tên) đóng cửa thành chống giữ. Chúa sai Nguyễn Khản cứu viện Tuyên Quang. Đồng thua chạy, Khản sai người dụ Đồng quy hàng. Đồng trình bày tố cáo với Khản việc Lê Quý Đôn đòi hỏi quá gắt. Khản tâu lên. Bọn Lê Quý Đôn bị biếm chức và bị phạt theo thứ bậc khác nhau.

(13k) Bấy giờ liên mấy năm mất mùa, dân phần nhiều lưu tán. Xác chết đầy đường. Hạ lệnh phát tiền ở kho nhà binh, sai quan đặt chỗ ở trong thành nấu cơm, cháo để phát chẩn, lại sai trấn quan các xứ khuyến khích dân các xã người giàu giúp người nghèo. Cấm dân giàu không được bẻ nhập tích trữ thóc. Điều mục tuy nhiều, nhưng trên dưới dua nhau, chỉ làm giấy tờ qua loa cho xong chuyện. Dân chết vô ích. Riêng trấn Nghệ An, thì Hoàng Tố Lý ra lệnh ghi những người nghèo vào sổ, sai người có thể lực lĩnh về nuôi, hoặc tùy tiện giao việc rồi chu cấp cho, hoặc chiếu số miệng ăn mà cấp phát tiền cho. Vì thế cứu sống được rất đông.
[Đoạn 13k chỉ có bản A.4/5]

(13l) Thăng Hữu thị lang bộ Binh, tước Liên Khê bá Vũ Miên, làm Tả thị lang bộ Binh, tước hầu.

(13m) Con trai thứ của chúa tên là Cán ra đời, do nàng Tư dung Đặng Thị sinh ra [Bản A.4/5 thêm: Chúa rất yêu quý, lấy tên là Cán là tên của mình lúc bé đặt cho, lấy ý là con giống mình]. Năm ấy thi Hương kỳ thứ 3, chúa ra đề là: "Sơn xuyên anh dục, hà hải tú chung" (nghĩa là Tinh anh của núi non sông biển chung đúc lại - gợi ý cho thí sinh làm văn ca ngợi, chúa mừng).
Các quan đón ý chúa cùng nhiều người lấy câu "Tinh huy hải nhuận" (sao sáng biển nhuần, có ý ca ngợi: đó là điềm lành của nước) để mừng.
Kẻ thức giả biết thế nào cũng sinh vạ từ anh em nhà chúa.

mệnh. Tôi đã vâng ban cho sắc chỉ dồ vật, trả lại số vàng họ dâng. Bộ thuộc là Đỗ Phú Tuấn, Nguyễn Linh Tâm, tôi đã sai nha hiệu Nguyễn Đình Khoan hộ tống về trại Tây Sơn và sai Lương Giản cùng đi đến nơi, tuyên bố uy đức của triều đình và bí mật xem xét tình hình "giặc".

Tỷ thư của chúa bảo cho cầu chiêu phủ các man Lạc Hòn, từ từ quan sát tình thế Tây Sơn, để liệu kế tiến đánh dóng giữ. Chưa bao lâu Lạc Hòn đem dâng 2 con ngựa, các tù trưởng Ai Lao dâng 2 con voi. Cầu đem việc tâu lên.

15. Trấn thủ Hải Dương là chi huy đồng tri Điện Lĩnh hầu Nguyễn Địch Bàn xin triều đình đặt đồn hải ở tuần Phượng Hoàng để phòng thủ. Đến bấy giờ vẫn có trộm cướp, Chúa Trịnh sai Bàn cùng quan trấn An Quảng hợp sức cùng đánh bắt.

16. Đình việc bắt lính các trấn đi làm việc, cho bớt phiền nhiễu.

17. Giảm bớt các việc sai dịch đóng thuyền ở Nghệ An. Trước đây chúa sai nội thần Nguyễn Đình Tiếp đóng thuyền ở trang Nghệ An. Tiếp đôn đốc rất cấp bách. Nhân dân các huyện Châu Lộc, Hưng Nguyên khổ lắm. Việc đến tai chúa. Chúa sai liệu dùng sức dân phải có chừng mực.

18. Trịnh Kê (người họ Chúa) dâng lời nói: 4 huyện Thạch Thành, Cẩm Thủy, Quảng Xương, Tống Sơn thuộc trấn Thanh Hoa, nhiều ruộng bỏ không. Xin lĩnh tiền "công bản"[18a] cấp cho dân nghèo khai khẩn, chiêu tập dân lưu lạc, **[tờ 53a]** phòng bắt kẻ trộm, cướp. Triều đình bàn ưng cho làm. Cho cùng với quan trấn phủ cùng đảm nhiệm việc ấy.

19. guyễn Khản trình bày 4 điều cứu dói cho trấn Nghệ An. Một là dời dân dói đến Thanh Hoa khai khẩn ruộng hoang, hai là mở cửa biển bắt thuyền buôn vận tải. Ba là mở đường châu Quy Hợp cho dân buôn bán với Trấn Ninh. Bốn là cho người Tàu chở gạo đến đổi chác và mở trường đúc tiền ở Vĩnh Dinh, đổi tiền cổ của dân gian. Đình thần bàn rằng: "Việc mở trường đúc tiền không phải sớm chiều làm ngay được. Sai Trấn ty lấy tiền công bản 36.500 quan đổi tiền cổ. Còn các khoản đều cho làm như lời Khản xin.

20. Ban ngân tiền[20a] cho bọn Phạm Ngô Cầu ở đạo Thuận Hóa gồm người theo thứ bậc. Họ nhận lĩnh cảm kích lạy tạ.

[18a] Nguyên văn là "công bản tiền". Có thể hiểu là: "tốn tiền công".

[20a] Ngân tiền (tiền đúc bằng bạc, nguyên bản viết là Ngân triều, vô nghĩa, có lẽ do viết lầm. Tra trong Cương mục q44t43 là ngân tiền. Chúng tôi xin sửa theo Cương mục.

21. Sai quan trưng phủ báo cáo số dân nghèo bỏ thiếu thuế đinh thuế điền nhiều lần.

22. Sai trấn ty Sơn Nam khám xét tiền kẽm và bạc giả ở Thuận Hóa đem đến. Lúc bấy giờ Thuận Hóa có hơn 100 thuyền buôn đến xứ ấy, chở tiền kẽm giả làm bạc vào Vị Hoàng, Sơn Nam trao đổi mua bán lẫn vào. Cho nên sai xét bắt cấm đi.

23. Sai Thự phu sự Nguyễn Đình Huấn, Nguyễn Dĩnh lập danh sách con em tôn thất công thần, chia thành 4 tích: nhất, nhị, tiền, hậu để quản lý, thường xuyên xem xét tài năng người nào khá có thể dùng được thì đề cử.

24. Chúa cho Mai Thế Tông (tiến triều) làm tri Lại phiên, trưng phủ phủ Thiên Trường **[tờ 53b]**.

25. Tháng ba, cấm các người tự tiện đi thượng du mua bán tre gỗ.

26. Sai Thự hiến sát sứ Nghệ An Nguyễn Đình Trạc khai nộp những hồ sơ kiện tụng đã nhận bậy để xét. Lúc bấy giờ, về việc kiện chi có án mạng, trộm cướp, ức hiếp, mới được nhận xử. Cũng có đứa côn đồ điêu toa đem những việc nhỏ mọn cho là ức hiếp mà kêu kiện lôi thôi. Hiến ty cũng vì lợi mà nhận cả để đòi xét, thành ra phiền nhiễu dân. Xứ Nghệ An là tệ nhất. Hiệp trấn là Nguyễn Thưởng đem việc này trình lên, nên mới có lệnh này. Liền lại sức bảo cả các Hiến ty khác và triệu Nguyễn Đình Trạc về kinh.

27. Tham tụng Nguyễn Hoàn hưu trí. Hoàn 65 tuổi, viện lệ xin về hưu. Chúa Trịnh Sâm nghĩ là người kỳ cựu. cầm bút phê ràng: "Tạm hứa cẩm toàn, trùng đăng hoàng các" (nghĩa là: tạm cho mặc áo gấm về làng, rồi lại ra làm tể tướng). Cho nên ân điển có đặc cách ngoài lệ thường. Lúc sắp về, ban cho làm "quốc lão tham dự triều chính". Ngày ra thành, cho đặt tiệc tiễn tại nơi ở. Triều thần hội tiễn. Chúa sai trung sứ đến trông coi. Lại sai quan thưởng cho một cỗ xe êm, 2 lá cờ to, viết sáu chữ lớn "Đặc tứ tiến sĩ vinh hương"[27a]. Lại ban cho áo gấm, áo da, khăn vuông mỗi thứ một chiếc, ngựa, voi, mỗi thứ một con. Cho hai hiệu binh thuyền Hải Mã đưa về. Vua và chúa Trịnh đều cho một bài thơ.

28. Quan thái phỏng sứ 4 trấn đem sự trạng **[tờ 65a]** quan lại có kẻ hay người dở tâu lên. Thăng truất thưởng phạt có phân biệt. (Bọn Trịnh Tự Quyền 6 người đều thăng một cấp. Bọn Nguyễn Tế Mỹ 3 người đều

---

[27a] Nghĩa là đặc ân ban cho tiến sĩ vinh dự trở về làng.

được thưởng tiền 30 quan, bọn Nguyễn Cẩn 8 người bị đình nhiệm. Hoàng Nguyễn Hàm bị phạt tiền 50 quan. Các đề lại bị đình nhiệm tới 40 người).

29. Sai các trấn phát tiền công chia cho lính thú khai khẩn ruộng bỏ không. Phát tiền 68.000 quan, mỗi năm nộp thóc 83 vạn hộc, chứa vào kho Vị Hoàng để chi lương quân.

30. Người trấn Thanh Hoa dâng thư tự nhận tội và xin tha tội khóa trước phá trường thi. Triều dình lại cho học trò trấn ấy được thi Hương.

31. Sai quan Hộ phiên trình việc xét ruộng đất bãi, ao bờ xấu tốt nặng nhẹ. Quan trưng phủ khám những ruộng xấu chua mặn làm sổ chuyển nộp.

32. Cấm giáo phường dân gian lạm dòi tiền thưởng.

33. Chỉnh đôn lệ tế tự. Trước dây các quan được phong làm phúc thần, mũ áo nghi trượng không có phân biệt. Đã sai châm chước lệ cũ, định làm ba bậc thượng, trung, hạ [dẳng]. Mà dân gian còn cố theo tục cũ, cho nên lại nghiêm cấm việc dùng nghi trượng lẫn lộn.

34. Chúa nghe Ngô Phúc Lâm làm Thiêm sai tri Binh phiên trưng phủ phủ Từ Sơn. Ngô Duy Viên Thiêm sai tri Lễ phiên trưng phủ phủ Quảng Oai. Trần Văn Trứ, Nguyễn Mậu Quán, Vũ Huy Trác làm Thự tham chính Sơn Nam, Kinh Bắc, Thanh Hoa **[tờ 54b]**. Lê Hữu Dung, Nguyễn Huy Vượng, Ngô Thế Dụng (trước tên là Trị) Thự hiến sát sứ Kinh Bắc, Thanh Hoa, Sơn Nam. Nguyễn Gia Vị (tiến triều), Đào Vũ Hương, Vũ Huy Đĩnh, Hoàng Bình Chính làm Đốc đồng các trấn Thanh Hoa, Sơn Nam, Cao Bằng, Hưng Hóa. Lúc ấy chúa Trịnh Sâm lưu ý việc dùng người, ức chế kẻ cầu cạnh. Mệnh lệnh đã dưa xuống, chúa sai chính phủ triệu các quan mới được bổ nhiệm đến, ban dụ chỉ khuyên họ làm cho hết chức vụ.

35. Chúa cho Trương Đăng Quỹ làm Phó đốc thị Thuận Hóa. Lúc bấy giờ triều dình bàn bạc cho rằng Thuận Hóa hơi yên, xin theo lệ cũ ở trấn Nghệ An, đặt Đốc thị và Phó đốc thị. Cho nhậm chức 3 năm là mãn hạn. Bèn cho Quỹ làm chức ấy.

36. Người Thuận Hóa là Văn Thế Nghị dâng thư nói: Tiền kẽm ở Thuận Hóa xấu, mỏng dân không ưa dùng, xin tự bỏ vốn riêng mua chì đúc tiền "Cảnh Hưng thuận bảo". Triều dình bèn giao việc này xuống cho ty Trấn phủ có thể làm được thì làm. Những tiền đúc ấy chỉ cho sử dụng trong trấn ấy, không được lưu hành ra trấn khác.

37. Nguyễn Đình dâng lời nói: chỗ giáp giới giữa Thái Nguyên và Kinh Bắc, núi rừng rậm rạp, thường có trộm cướp ra vào. Xin cho thổ hào Phạm Vĩ đi theo để điều khiển, tùy cách tìm bắt trộm cướp, lại xin cho bọn Hoàng Nghĩa Hồ, Trần Danh Hiển, Phạm Đình Phan cùng theo để sai phái **[tờ 55a]**. Chúa đều ưng cho.

38. Cách chức tri phủ phủ Đức Quang là Nhã Lượng, tri huyện Đan Phượng là Lưu Nguyễn Quyền, vì Lượng tự đến nhà dân đòi hối lộ. Quyền đi đôn đốc đắp đê, đòi tiền của dân, cho nên đều bị kết tội.

39. Bỏ lệ thưởng ruộng. Trước đây các quan được thưởng chức thường thưởng thay bằng ruộng, một lần cấp đến 20 mẫu ruộng. Đình thần bàn từ sau không được lấy ruộng thay chức. Duy thưởng chức từ Tư không trở lên thì mới theo lệ đặc biệt.

39b) Thăng Hữu thị lang bộ Hình là Vũ Miên làm Hữu thị lang bộ Binh, Hàn lâm thừa chi Phan Trọng Phiên làm Hữu thị lang bộ Công, đều phong tước hầu.

40. Chỉ dụ cho các quan cai quản phải răn cấm người nhà và quân sĩ. Trước Nguyễn Khản lấy thóc ở Nghệ An, người nhà ông ta ỷ thế hà khắc quấy nhiễu, có người oán, đem tố cáo ở triều đình. Chúa cho giáng Khản 4 cấp. Đến bấy giờ những người lính kinh quê ở Nghệ An tụ tập riêng tại chùa Tiên Tích, phao lời chê trách Khản. Việc ấy đến tai chúa, chúa sai người đến dẹp đám lính ấy. Và bắt Khản phải trả những tiền thuế thu lạm cho dân **[tờ 55b]**.

41. Trong kinh kỳ ban đêm có mưa to. Sáng hôm sau chúa Trịnh Sâm đến lầu Kinh Thiên làm lễ đáp tạ.

42. **[tờ 56a]** Trấn thủ Quảng Nam tuyên úy đại sứ, Tây Sơn trường hiệu Cung quận công, Nguyễn Văn Nhạc sai bộ thuộc là Nguyễn Y Cẩm, Nguyên Văn Chiêu đem bản khải tạ ơn ban sắc mệnh và kính dâng lễ vật, cùng đi với Tự thừa Lương Giản đến Phú Xuân, đợi chuyển đạt lời trần tạ.

Bài trần tạ đại lược nói rằng: "Tôi thẹn sinh ở cõi xa, cách nơi trung nguyên văn vật đã lâu, chưa rõ lượng to trời che đất chở. Vừa rồi được thượng sứ đến đưa truyền bảo dức y. Dẫu đã mười phần tin tưởng, còn có một điểm nghi ngờ. Dẫu lập tức đã sai người bày tỏ tâm tình, nhưng còn sợ mảnh giấy dâng lòng thành, khó bầy tỏ được hết. Ngửa đội ơn cửu trùng soi rọi thấu ngàn dặm xa, không chấp người quê kệch, nới rộng sự bó buộc bằng lễ phép, ban cho lời ngọc, trao cho của báu, và phong cho quyền trọng tước cao. Lúc ấy tôi đương ở Phú Yên là nơi trận mạc, chợt

nghe hành nhân về đem thư ấy, làm cho cả xứ được vinh quang, ba quân thêm khí sắc, tự thẹn mình dốt nát, nhận lĩnh sao xứng. Đáng lẽ phải cho người thân đến tận thần kinh bái tạ. Nhưng vì tháng mười năm ngoái **[tờ 56b]** tôi không phòng bị kỹ càng, cho nên Nguyễn Phúc Dương thoát được vào Gia Định, có nhiều kẻ theo hùa. Dù nay y chưa động binh, nhưng thế đang hung hãn. Lại có tên Chu Văn Tiếp là tay chân chúa Nguyễn trước, cũng tới họp đảng, hiện chúng đương quấy nhiễu địa phương Phú Yên. Thế rất hung dữ. Tôi đương thân đem các em tôi chia đường tiến đánh, từ tháng chạp năm ngoái đến nay, đương cùng quân địch chống nhau, mới thắng được vài trận nhỏ, chưa thu toàn thắng. Nếu có thắng to tôi cũng đến thẳng địa giới Bình Thuận để làm cho quân uy vang dội và đập tan trước cái nhuệ khí của bọn giặc Đồng Nai. Ba đạo quân của tôi phải chống đỡ cho nhau, không tiện triệt một đạo về. Vì thế chưa sai người đi được, thực cam chịu cái tội thiếu sót. Nghĩ đến ơn to ban xuống, sao dám lặng yên. Lại trộm nghe bể trên trả lại số vàng đã dâng, thì biết triều đình không trọng tiền của. Lấy gì mà tạ ơn. Xin kính chọn những thứ năm ngoái thu được của chúa Nguyễn là: 4 con voi khỏe, 4 khẩu súng to, giao cho người thân tín là Nguyễn Y Cẩm, nhờ Tự thừa Lương Giản đem dâng lễ tạ để tỏ lòng thành. Tôi dâu dám không ghi xương khắc cốt, quyết tâm báo đáp, hẹn ngày mở đất rồi về chầu cửa khuyết. Như thế **[tờ 57a]** họa chăng có thể phần nào đền đáp lượng bể bao dung, ơn trời cao rộng. Mặt rồng tuy xa, vẫn như trong gang tấc. Kính mong nhà chúa soi xét tâu lên, khiến cho tình kẻ xa muôn dặm, may được tỏ bày; thì không những tôi được phúc nhiều, mà còn dỗ dân đen còn sót lại ở Quảng Nam đều được yên ở mà sống còn mãi mãi".

43. Chúa Trịnh Sâm hạ lệnh cho quân lưu lại đóng giữ đạo Thuận Hóa. Chiếu lệ cũ mỗi một cơ đội đều tự gắng sắm sửa một chiếc thuyền để vận tải riêng gạo lương chi dùng, quan tư không thu phát nữa. Lại phát thêm lương tháng cho quân đồn thú mỗi người 15 đấu gạo.

44. Tây Sơn Nguvyễn Văn Huệ lại dẫn quân thủy bộ vào đánh Gia Định. Đông cung Nguyễn Phúc Dương thân đốc tướng sĩ dưới quyền cùng binh tướng đạo Hòa Nghĩa hợp sức chống đánh. Thủy binh của Tây Sơn đặt trấn ở Bến Nghé để đợi bộ binh từ thượng đạo Trấn Biên qua xuống Hóc Môn. Hòa Nghĩa tướng quân đón đánh giết ngụy tuần sát tên là Nghi. Quân Sơn Tây lui giữ Bến Than, gặp thuộc tướng của chúa Nguyễn là chưởng cơ Văn Đức hầu Trương Phúc Thận từ Cần Bột dẫn quân đến Sài Gòn tiếp ứng. Quân Hòa Nghĩa ngờ là quân địch ở Đông

Sơn đến đánh úp phía sau bèn bỏ Hóc Môn lui về Bến Nghé đóng giữ [tờ 57b], Quân Tây Sơn thừa thế đuổi theo, thủy bộ giáp đánh, quân Hòa Nghĩa thua chạy, Lý tướng quân và lính đạo ấy là người Trung Quốc, đều tan vỡ, quân Đông Sơn đón giết chết hết. Chúa Nguyễn chạy đến Trấn Giang, Nguyễn Phúc Dương trôi dạt đến Ba Việt.

45. Mùa hạ tháng tư, chúa Nguyễn đóng ở lỵ sở đạo Trấn Giang. Trấn mục Hà Tiên, Mạc Thiên Tứ đến đón chầu hầu.

46. Xứ Nghệ An động đất. Lúc bấy giờ Nghệ An mấy năm liền đói khát, xác người chết đói nằm liền nhau ngoài đường. Hiến ty tâu lên. Chúa Trịnh Sâm sai bọn Nguyễn Đình Diễn, Ngô Phúc Lâm đi đến nơi, đem tiền 15.000 quan, thóc 15.000 hộc, đi đến đâu phát chẩn đến đó.

47. Tạo sĩ mới đỗ (khoa Ất Mùi 1775) là Vũ Đình Khang trong ngày phúc duyệt đã mang sách vào trường, bị bắt. phải xóa tên.

48. Sai các trấn đắp đê để phòng nước lụt.

49. Cho trấn Thanh Hoa miễn nộp tiền cửa đình bỏ thiếu từ năm Mậu Tý [1768] đến năm Nhâm Thìn [1772],

50. Quan kho lương Vị Hoàng là Nguyễn Thế Dận, Nguyễn Thế Cơ. Đào Vũ Hương đều bị giáng một cấp. Lúc bấy giờ 2 họ xã Phù Đổng nộp 50 vạn bát để giúp lương quân, quan giữ kho không thu ngay. Cho nên bị giáng chức.

51. Mẹ đẻ chúa Nguyễn là Nguyễn Thị và thiếp là Trương Thị năm trước [tờ 58a] bị bắt làm tù, giải đến kinh, được cấp lương cho ăn. Đến bấy giờ chúa Trịnh Sâm thương là bị giam giữ, cho về Phú Xuân được sống tự do.

52. Hân quận công Nguyễn Đĩnh coi các hộ quế, đã thu đủ thuế, được thưởng thăng một cấp.

53. Phạm Ngô Cầu xin mở trường thi Hương ở Thuận Hóa, cho học trò Quảng Nam phụ thi. Sai khảo hạch trước, làm sổ dệ lên. Đến kỳ thi, sai quan kinh trông nom việc ấy. Rồi Cầu lại nói: Thuận Quảng trải qua binh hỏa đã lâu, học nghiệp bỏ bễ. Đã niêm yết giấy hiểu thị nhiều ngày, chưa thấy một người nào nộp quyển thi. Xin làm việc tòng quyền: tùy theo sở trường của nho sĩ bản địa, tạm có ai không văn thơ và nói được thời sự, thì tập hợp họ lại, khảo thí, liệu chọn lấy một số hương cống, sinh đồ, để cổ động người học tập. Triều đình bàn cho ty trấn thủ khảo một lần, ra bài thơ phú, văn đoạn, chọn lấy quyển văn nào khá hơn thì cho

làm hương cống, còn người trung bình thì cho làm sinh đồ, ban tỷ thư báo cho Cẩu thi hành.

(Xét: xứ Thuận Hóa từ Gia Dụ đại vương vào trấn, truyền đến Hiếu Ninh Vương là 7 đời, cứ trong 5 năm, sai học trò các huyện dều tới dinh trấn quan dự thi, một ngày làm một bài thơ, một bài văn, quan tri phủ tri huyện làm sơ khảo, ký lục bản dinh làm phúc khảo. Lấy đỗ bao nhiêu người, khai đủ họ tên nộp cho quan cai bạ, phó doán sự, cho làm nhiêu học, miễn nộp tiền gạo và sai dịch trong 5 năm, đó gọi là "Xuân thiên quận thi"(53a). Trong 9 năm học trò các phủ huyện đều tới dinh Phú Xuân dự thi. Thi 3 ngày: ngày thứ nhất, thi tứ lục 3 bài. Ngày thứ hai, thi thơ phú 2 bài. Ngày thứ ba, [tờ 58b] thi văn sách một bài, dùng văn chức, tri phủ tri huyện làm sơ khảo; cai bạ, ký lục làm phúc khảo, vệ úy quan làm giám phúc(53b). Ngoại tà, ngoại hữu quan làm giám thí. Lấy đỗ bao nhiêu, làm danh sách dệ nộp lên chúa Nguyễn; chúa phê định 3 hạng: hạng giáp làm hương cống, bổ tri phủ, tri huyện; hạng ất làm sinh đồ, bổ nho học huấn dạo. Hạng bính cũng gọi là sinh đồ, hoặc bổ làm lễ sinh, hoặc cho làm nhiêu học suốt đời. Treo bảng ở trước công đường gọi là "thu vi hội thi"(53c). Chúa Nguyễn lại cho thi làm một bài thơ, theo tài cao thấp mà bổ chức, người ta cũng gọi đó là thi Đình. Duy đời Hiếu Triết Vương [Nguyễn Phúc Trăn 1687-1691] mới thi lấy nhiêu học. Hiếu Minh Vương [Nguyễn Phúc Chu 1691-1725] mở trường thi lấy nhiêu học chi một khóa. Học trò bàn sôi nổi. Chúa sai đến công đường chính dinh phúc thí, học trò đều không vào thi, mà ra về. Chúa bèn truất bỏ cả, không lấy đỗ một người nào. Hiếu Vũ Vương [Nguyễn Phúc Khoát 1738-1765] mới lên ngôi, đổi gọi Cai bạ là Hộ bộ, ký tục làm Lại bộ, Vệ úy làm Lễ bộ, Văn chức làm Hàn lâm viện, về phép thi cũng theo chế độ thi Hương (tiểu tỷ) 3 năm một khoa. Đến năm Canh Tý, không có thi quận, chỉ có thi mùa thu, kỳ đệ nhất thi tứ lục 3 bài, ai đỗ cho làm "nhiêu học tuyển trường", miễn nộp tiền thóc phu dịch 5 năm". Kỳ đệ nhị: thi thơ phú 2 bài, kỳ đệ tam thi kinh nghĩa 2 bài, ai đỗ thì cho làm "nhiêu học thi đỗ", miễn sai dịch suốt đời. Kỳ đệ tứ thi văn sách một bài, ai đỗ thi gọi là "hương cống" bổ các chức tri phủ, tri huyện, huấn dạo. Đời Hiếu Định Vương, [Nguyễn Phúc Thuần 1765-1777] khoa Mậu Tý [1768] cộng 30 năm, chỉ có 2 khoa. Hoa văn học sinh cũng thế).

(53a) Xuân thiên quận thí: Thi ở quận vào mùa xuân.

(53b) Giám phúc có lẽ là giám sát phúc thảo.

(53c) Trường thi Hội mùa thu.

54. Định thưởng phạt về việc các trấn nộp thóc. Nguyễn Đình Huấn nộp thóc dược 38 vạn lộc, thưởng thăng một cấp, Nguyễn Đình nộp thóc 40 vạn hộc, được thương 100 lạng bạc. Nguyễn Duy Thức thiếu 10 vạn hộc giáng một cấp. Đỗ Thế Dận thiếu 51 vạn hộc, Trịnh Hữu thiếu 127.100 hộc đều phạt 100 lạng bạc. Còn bọn Phạm Ngô Cầu, Ngô Đình Quý, Hoàng Đình Thể, Lê Trọng Thứ **[tờ 59a]** Nguyễn Địch Bản, Nguyễn Đình Nghi đều bị phạt bạc khác nhau.

55. Châu Bố Chính, bờ bắc sông Đại Linh có 3 tổng và 80 xã thôn nguyên trước thuộc Nghệ An, bờ Nam sông ấy có 2 tổng, một thuộc và 60 xã, thôn, phường, trước thuộc Thuận Hóa. Đình thần bàn hợp nam bắc Bố Chính châu làm một, cho thuộc vào phủ Hà Hoa trấn Nghệ An. Chúa nghe theo.

56. Nghiêm cấm giết thịt trâu bò. Dụ rằng: trâu bò dùng để giúp việc nhà nông, lạm sát quá lệ, có hại cho đời sống. Từ nay các lễ vui mừng, nhà quan nhất phẩm cho giết thịt 6 con trâu bò, quan nhị phẩm 5 con, quan tam phẩm 4 con, quan tứ phẩm 3 con, quan lục phẩm 2 con, thất phẩm trở xuống một con, thường dân cũng một con. Cho quan sở tại kiểm soát thi hành.

57. Triệu Nguyễn Hoãn đến kinh, cho làm Phụng thị ngũ lão.

58. Cho Sán Trung hầu Bùi Đình Châu làm giám quân đạo Thuận Quảng.

59. Lại dùng Vũ Duy, Trương Nhai, Trịnh Đống, Nguyễn Đình Thạch, Văn Hùng, Nguyễn Bá Lân đều cho làm phụng thị ngũ lão.

60. Răn các quan không được lấy tước làm trọng, người dưới phải nhường người trên **[tờ 59a]**.

61. **[tờ 59b]** Tháng năm, chúa Trịnh Sâm cho rằng Thuận Hóa đã yên, Quảng Nam gần định, làm lễ cáo trời đất tôn miếu, và tâu cho vua biết, dâng 30 nén vàng, 20 con voi khỏe.

62. Tha tiền thuế diệu năm nay cho 4 trấn là Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương. Những thuế thiếu từ năm Quý Tỵ [1772] đến năm Bính Thân [1776] đều hoãn thu. Các thuế thổ sản bỏ thiếu từ năm Ất Mùi [1776] trở về trước của 2 xứ Thanh Nghệ đều cho miễn cả. Các biền binh thuộc các dinh cơ đội trong ngoài đều cho tiền nhiều ít tùy theo cấp bậc (lính thị trung mỗi suất 1 quan 2 tiền, còn ngoài ra ai có chấp kích thì mỗi suất một quan, không chấp kích thì 6 tiền).

63. Chúa cho Nguyễn Lệnh Tân làm Thự tham chính Sơn Tây. Trước Tân làm Hiệp đồng và Phó đốc thị đạo Thuận Hóa, đã nói "giặc

Sơn Tây nên kíp đánh", bị Trấn Phủ Phạm Ngô Cầu ngăn cản. Tân khải về triều rằng: Cầu bèn nhát làm lỡ việc. Thuận Quảng tất mất ở tay người ấy. Xin chém đầu đi, mà dùng tướng khác, may ra có thể giữ được Thuận Quảng. Chúa Trịnh Sâm nghĩ Thuận Quảng mới định, mừng Cầu là người trầm tĩnh thận trọng, cứ để Cầu làm việc, mà triệu Tân về. Đến bấy giờ chúa thương Tân có công khó nhọc, cho nên mới bổ làm Tham chính Sơn Tây.

64. Đình thần vâng mệnh chước [tờ 60a] định phép Văn tuyển Võ tuyển. Cho quan 2 ty Thừa Hiến và Hiệu quan ở phủ huyện, tìm hỏi những người hiếu dễ đức hạnh, học thuật tài năng, không cứ đã làm quan hay chưa, đều cứ người mình biết. Quan phủ huyện thì dâng lên Thừa, Hiến. Mỗi năm cứ tháng giữa thu, Thừa, Hiến dâng lên chính đường. Các quan văn nhậm chức ở trong kinh đều có cử người ra. Chính phủ chọn người khá giỏi cho đến yết kiến, đối đáp trước mặt, có thực tài thì lập tức cất nhắc bổ dụng các chức thiêm phủ 6 phiên và tham nghị, hiến phó, không hạn chế tư cách. Còn người bậc thứ, thì đưa sang bộ bổ dĩ làm việc ở bộ thự phủ huyện, gọi là văn tuyển. Quan võ thì cứ những người có phương lược tài nghệ phẩm cách, dẫn đến thi võ nghệ, ai giỏi thì bổ ngay, người bậc thứ thì cho đợi dùng, ai tình nguyện khảo hiệu cũng cho. Gọi là Võ tuyển. Hai phép cùng đem thi hành. Lại chỉ dụ: người trong nước ai có tài lược văn võ hơn hẳn người thường chịu ra ứng cử, sẽ sai người đem lễ đến mời.

65. Các quan chính phủ dâng lời nói: Huyện lệnh rất là gần gũi với dân, nếu **[tờ 60b]** không được người khá, thì dân bị hại. Lệ cũ các quan phủ, châu, huyện do bộ Lại lấy người trúng trường, di sứ, cùng những người làm việc có công lao tài năng mà bổ dùng. Triều đường phúc duyệt xong mới đi nhậm chức. Đến cuối năm, hai ty Thừa, Hiến, đem mọi người nhậm chức ra xét xem làm nổi việc hay không, công trạng giỏi hay kém, chia làm 3 bậc, Ngự sử dài nhận sổ ấy, đệ lên chính đường bàn định giáng chức hay thăng chức. Viên nào đã bị phạt tiền từ 10 quan trở lên thì phải nghỉ việc, thay người khác vào. Người hèn kém không công trạng thì không xét. Nhưng các quan giữ việc ít người làm đúng pháp. Bộ Lại thì theo tư cách mà không xét đến người ấy tính hạnh tốt hay xấu. Thừa Hiến chỉ bằng vào văn án mà không xét lòng dạ người ấy ngay hay gian, người hiền đạt thì vì tình nghĩa mà được suy cử, đứa gian hoạt thì vì nói khéo mà khỏi lỗi. Ngự sử thì mấy năm không bàn xét đến người nào, đứa hời hợt vẫn được dùng, thể cách không phân biệt, thực giả

lẫn lộc, người khá người hư không phân biệt, chính trị chưa tinh, đều bởi thế. Nay nên làm nghiêm chỉnh phép tuyển bổ phúc duyệt. Xem xử kiện phải hay trái, dân tình yêu hay ghét mà xét đoán, lấy điều công bằng không nhiễu dân làm trước hết, 3 lần xét, tính cộng giỏi kém mà định thăng, giáng **[tờ 61a]**, thưởng đáng, phạt đúng, khuyên răn rất nghiêm, thì chức ty trong ngoài, cùng khuyến khích nhau. Chức thú lệnh được người khá, mà tệ trước có thể đổi được, chính đạo có thể thành được.

Chúa Trịnh Sâm cho lời nói ấy phải, nhưng cũng không phân biệt tinh được, quan trong ngoài đều không xứng chức.

66. Bàn xếp đặt công việc vận tải. Phụ thần xin duyệt số dân phu ven biển của 3 trấn là Thanh, Nghệ và Sơn Nam, đặt làm "quan đội" binh, cấp khẩu lương. Chọn người quen thuộc đường biển cai quản, cho xen thủy binh vào, lấy thuyền cho lần lượt đi vận tải. Cho diễn tập thủy chiến. Đặt trường ở Vị Hoàng để trông coi đôn đốc công việc. Chúa Trịnh Sâm theo lời bàn ấy.

67. Ngày mồng 9 [14-VI-1777], sắc phong mỹ thụy cho các đền thần xứ Thuận Hóa (Thượng đẳng 41 đền, trung đẳng 11 đền, hạ đẳng 4 đền). Trước đây Hoàng Ngũ Phúc vào Thuận Hóa, điều tra nắm được những ngôi đền cổ, linh thiêng, có tất cả là 56 nơi, đã tùy nghi cho làm lễ tế. Đến bấy giờ nghĩ rằng Vũ công đã bình định, mới cử hành lệ phong sắc cho bách thần.

68. Làm quan Tế sinh ở thôn Ái Mộ trấn Kinh Bắc (thôn Ái Mộ ở bờ bắc sông Nhị Hà, thuộc huyện Gia Lâm) chúa Trịnh Sâm lưu ý đến việc dân. Nghĩ rằng dân phiêu bạt dắt nhau đi kiếm ăn, không trông vào đâu được. Chúa cho dựng quán, họp các dân phiêu bạt lại, hàng ngày phát gạo nấu cháo cho ăn và phát cho thuốc bắc 1 vạn 3 [tờ 61b] cân để chữa bệnh cho người bị ốm.

69. Hiệp trấn xứ Nghệ An Nguyễn Thưởng vì ốm xin về kinh, chúa cho về.

70. Cho Uông Sĩ Điển làm Hữu thị lang bộ Lễ.

71. Sai Phan Trọng Phiên soạn sách Bình Nam lục.

72. Thự phủ sự Nguyễn Đình dâng lời nói: Thần trấn thủ Thái Nguyên phần nhiều là vùng thượng du, có nhiều người nam bắc ở lẫn[72a]

[72a] Chỉ người Trung Quốc và người Việt Nam.

tranh giành nhau không thôi. Trước đây tôi sai lính trấn đến xưởng Tổng Tinh dốc thu thuế, có tên Trương Chất thiếu thuế nhiều, không nộp đủ được, đem 3 con chạy trốn, định cùng người Thiều Châu hợp đảng làm "giặc". Thần muốn ngăn chặn trước khi việc xảy ra. Sai Phạm Thư Toại đem lính Tiền nhuệ đi thú Đồng Mỗ để trấn áp. Chúa ưng cho.

73. Sai quan Đề lĩnh chinh đôn trong kinh kỳ, và đặt ra khu, diện, từng nơi, để khám xét. Những người không có chức sự không được ở ngụ hỗn độn.

74. Định rõ lệ các quan trấn, phủ, châu, huyện đến nhậm chức, dân sở thuộc đến lễ mừng (mừng quan trấn thì một buồng cau, mừng quan phủ, huyện, châu thì xã to 6 tiền, xã vừa 5 tiền, xã nhỏ 4 tiền).

75. Sai các thiêm sai hàng ngày vào công sở làm việc. Người lại thị biên tên, để xét người siêng người lười.

76. Tháng sáu, chúa Nguyễn từ Trấn Giang dời đến đóng ở Long Xuyên. Sai đô đốc Mạc Thiên Tứ lưu giữ địa phận Kiên Giang (đạo Long Xuyên từ hai bên lạch Cai Điều, đến Kinh Hào, giáp [tờ 62a] mương đào Thông Tế làm địa giới. Đạo Kiên Giang từ Phong Đồng Bài đến ngã ba sông Cai Huệ, Chàng Trình, Cai bé, Lạch Suối, Lạch Giá, Lạch Tràng, Tân Chông, giáp Đồng Giang Bài làm địa giới. Hai đạo này sau này đổi làm hai huyện, thuộc trấn Hà Tiên).

77. Chúa Trịnh Sâm cho quyền phủ sự Điển Thọ hầu Hoàng Tố Lý làm Trấn thủ Nghệ An (Lý trước tên là Đăng Bảo, là cháu gọi Hoàng Ngũ Phúc bằng chú bác. Phúc nuôi làm con thừa kế, đỗ tạo sĩ, đem quân theo Ngũ Phúc đi đánh phía nam có công, tham thể ngày càng to, có người đem hai chữ Đăng Bảo chỉ trích. Phúc dành hiềm nghi mới cho đổi tên là Tố Lý). Cho thiêm sai tri Hộ phiên Bùi Huy Bích làm Đốc đồng xứ ấy[77a].

78. Sai Hoàng Đình Thể đem lính đội Ngũ cơ đóng đồn ở xã Lũ Đăng huyện Bố Chính thuộc đạo Thuận Hóa. Lúc bấy giờ Phạm Ngô Cầu nói: Nguyễn Văn Nhạc cùng chúa Nguyễn giao binh ở khoảng Bình Thuận, Gia Định. Cõi nam nên có chuẩn bị. Nghệ An dân đối tụ hợp nhiều nơi. Chúa Trịnh Sâm muốn chọn quan tốt làm mục thú. Bèn cho Tố Lý làm Trấn thủ Nghệ An mà sai Thể dẫn quân về đóng ở phía Hà Bắc, để tiếp ứng với Cầu. Sai trấn Thanh Hoa và hai trấn đông, nam cho quân sĩ thao diễn để đợi điều khiển.

[77a] Việc này bản A.1210 và A.4/5 chép vào khoảng tháng 2 (xem khảo chú 13g ở đoạn trước).

79. Chúa cho Uông Sĩ Lãng (trước tên là Điển) làm Tri hộ phiên trung phủ phủ Bắc Hà. Nguyễn Đình Huấn từ xa coi lĩnh Trấn thủ Sơn Nam, Đỗ Thế Dận coi lĩnh Trấn thủ Sơn Tây. Ít lâu sau lại cho Điển, Huấn cùng Trấn thủ Nghệ An theo Hoàng Tố Lý tùy nghi làm việc dò xét quan lại trong hạt hay dở ra sao và tất cả các việc gây lợi trừ hại, được làm trước tâu sau.

80. **[tờ 62b]** Cho Trần Công Thước (trước tên là Sán) làm Thự tham chính Nghệ An. Nguyễn Gia Vỵ làm Thự hiến sát sứ Nghệ An. Lê Quý Hằng làm Thự hiến sát sứ Sơn Tây. Phan Huy Ích làm Thự đốc đồng Sơn Nam.

Cho Nguyễn Đình Huấn giữ việc tiền tài thuế khóa, vẫn làm việc Hộ phiên như cũ.

81. Cấm dân kén chọn tiền đồng. Lúc bấy giờ dân tục gọi tiền "nguyên thông" là tiền "thư". Tiền cũ Tống triều là tiền "Lão"[81a] đều chê bai không tiêu, mà Nghệ An càng tệ hơn. Hơn nửa năm mất mùa đói, dân gian sử dụng ứ dọng không thông. Đến bấy giờ sai Đề lĩnh cùng quan các trấn xem xét. Mỗi chợ đặt người coi, người chê tiền cũng sợ, nhưng cũng chưa thay đổi được.

82. Đình việc Hình khoa mỗi năm bắt các nha môn nộp tiền án kiện các việc nhỏ.

83. Đặt đàn làm chay, tha tù tội nhẹ cho 10 người.

84. Sai các trấn cấm việc giả danh quan sai. Lúc bấy giờ những đứa vô lại phần nhiều tự xưng là người của quan ty sai đi, đến quấy nhiễu dân, đã nhiều lần sai Hiến sát sứ coi xét. Hễ bắt được sự thực lập tức giải quyết. Rồi lại sai các Trấn ty nghiêm cấm việc này. Cấm tự tiện bắt người vào thành bán hàng. Gần đây tuần binh giữ cửa Đại Đô và các điếm đề lĩnh, nhiều đứa mượn cớ khám xét, bắt những người bán hàng rong nộp thuế. Mỗi khi thấy người mang hàng hóa **[tờ 63a]** thì bắt mở hòm, đãy, khám, đánh mắng huyên náo, dân tình sợ hãi kêu than. Đến bấy giờ mới ngăn cấm việc này.

85. Sai Trấn ty Sơn Nam đóng thuyền đi biển vài trăm chiếc. Thao diễn phép đánh trận trên biển.

86. Thăng Thái tể Nguyễn Đình Huấn làm Đại tư mã. Quan thái phòng nói: Huấn thúc ở Sơn Tây, xếp đặt đúng mức. Lại lúc các trấn mua thóc công, Huấn mua được nhiều nhất. Cho nên mới thăng chức ấy.

[81a] Chú "thư" nghĩa là con mái (chim mái); chữ "lão" nghĩa là già. Chưa rõ ở đây có nghĩa gì.

87. Mùa thu tháng bảy, chúa sai Hiến ty ức chế những nhà quyền thế hào cường và xét việc các tuần ty lấy thuế đò, thuế chợ của những người qua lại.

88B) Cho Phạm Nguyễn Du làm Thiêm sai tri Hình phiên trưng phủ phủ Tiên Hưng. Trước Du cùng Nguyễn Huy Bá tòng quân tại đạo Thuận Hóa. Đến bấy giờ ngoài biên đã xong, triệu về, bèn cho làm chức này.

88. Cho Ninh Tôn làm Thiêm sai tri Công phiên, trưng phủ phủ Đoan Hùng.

89. Mưa to. Từ mùa thu năm ngoái đến mùa hạ năm ấy, đại hạn luôn, mỗi khi cầu mưa, chỉ mưa nhỏ, chưa mưa to, dân gian cấy trồng rất khó khăn. Chúa Trịnh Sâm sai các trấn kiêm làm quan khuyến nông, bàn việc khuyên bảo dạy dân trồng trọt. Chúa có ý khẩn thiết lo lắng vì thời tiết bất thường. Chúa hỏi han về mưa nắng của nhà nông, sai cho 3 ngày một lần báo lên. Lại sai các Trấn ty, Thừa ty **[tờ 63b]** xét thế nước, thế đất trong hạt, chỗ nào có thể lấy nước tưới ruộng được, cho dân đào ngòi lấy nước, để tiện việc làm ruộng. Đến bấy giờ, chúa lại xin Kính Thiên mật đảo, ngày hôm ấy mưa to. Xa gần vui mừng, qua vài ngày lại mưa suốt đêm như rót nước xuống. Chính phủ đem các quan vào lạy mừng. Chúa truyền chỉ miễn mừng và dụ rằng: "Gần đây việc nông đang cần mà không mưa. Ta ngày đêm xót ruột nghĩ rằng: chính sự có điều gì không phải, nên thương tổn hòa khí. Một mình ta sai trái, chứ trăm họ có tội gì, nếu dân đói tức là ta làm cho dân đói, vì thế vẫn lo ngay ngáy. Nay trời cho mưa to, may ra vụ lúa mùa có thể trông mong được. Nếu là trời thương dân, ta có dám nghĩ là do mình chí thành mà trời cảm cách đâu. Ta đương cùng các người cùng tu sửa việc trời để đáp phúc trời". Rồi thì các lộ đều báo tin được mưa, dân cấy trồng được. Mùa đông năm ấy vụ mùa thu hoạch cao.

90. Sai Hiến ty Kinh Bắc đem tình trạng cướp, trộm trong hạt tâu lên. Lúc bấy giờ đói, dân phần nhiều tụ họp làm "giặc". Trấn thủ Hoàng Phùng Cơ nhiều lần xin thêm quân. Chúa sai Trương Tuân đem lính Thị nội Tả cơ đi đánh, nhưng cũng không dẹp bắt được hết. Có tỳ thư mắng quở. Cơ bắt cả "giặc" thật, "giặc" giả đem dâng lên.

91. Chúa sai quan thiêm sai hàng tháng, vào ngày mồng một, ngày rằm chia đi coi các nhà ngục. Xét việc oan uổng, răn không được nhiễu lạm **[tờ 64b]**. Lệnh cho thời thường rửa các gông cùm, cho tù nhân được dệt vải cấy trồng để nuôi miệng. Người giữ ngục không được ngược đãi họ.

(Trước đây đã sai quan phúc nghiệm thân duyệt bọn tù và sai ba ty ở các trấn xét những tù nên giảm, lập tức tâu lên, Nhưng người tội nhẹ thì xét xử cho xong ngay. Đến bấy giờ lại có lệnh như trên).

92. Động đất.

93. Tháng tám, Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ chiếm cứ phủ Gia Định. Sai quân dò bắt chúa Nguyễn càng dữ. Chúa Nguyễn [Phúc Thuần] chạy ra Long Xuyên. Đông cung Nguyễn Phúc Dương đòi đến Ba Việt (cũng gọi là Ba Lấy) đều bị Tây Sơn bắt được, đem về hành cung Bến Nghé. Rồi đều bị hại. Long Xuyên là chỗ vua ở, trời giúp thánh thần, lịch số ở mình, người theo như mây, không phải lũ đuôi hươu nhỏ mọn phạm đến được. Tin buồn ấy vào đến Long Xuyên, thế Tổ Cao hoàng đế ta lúc đó vẫn còn ẩn náu đợi thời truy thụy chúa Nguyễn [Phúc Thuần] là Hiếu Định Vương, Nguyễn Phúc Dương làm [Mục Vương][93a].

94. Chúa Trịnh Sâm sai quan khuyến nông dạy dân dùng lúa ba giăng, lúa bát nguyệt, lúa thu, cấy cho kịp thời.

95. Chúa cho Trấn thủ Nghệ An là Điển Thọ hầu Hoàng Tố Lý phong tước Huy quận công. Trước đây Tô Lý vâng mệnh đến trấn, gặp lúc đám "giặc" ở hai huyện Đông Thành, Quỳnh Lưu nổi lên. Trấn thủ Thuận Hóa [tờ 64b] là Phạm Ngô Cầu đưa thư cho Trấn thủ Thanh Hoa Ngô Đình Hoành hợp quân đến đánh dẹp. Tố Lý dương di trên đường nghe tin ấy. Ngăn Hoành không cho đem quân đến. Đến lúc Tố Lý đến Nghệ An đặt mưu đánh được tướng "giặc" xưng là Trung Thiên đại tướng. Đám giặc ấy đều tan, trong hạt được yên. Cho nên thưởng tước quận công.

Tô Lý xin tạm lấy thóc công giảm giá bán cho dân nghèo, đợi sau khi thu hoạch về trả lại. Chúa nghe theo[95a].

96. Chúa ra lệnh cho ty Trấn thủ Thuận Hóa cứ 15 ngày đem việc quan cơ, thế giặc, tình hình ngoài biển tâu lên.

97. Hải Dương nước biển tràn vào, ngập mất lúa ruộng. Thanh Hoa bão, hại lúa.

98. Trí sĩ khởi phục thượng thư bộ Hình bồi tụng Du Lĩnh hầu Trần Danh Lâm mất. Tặng Thiếu bảo.

[93a] Theo chúng tôi đoạn văn trong ngoặc vuông được chép thêm vào đời Nguyễn.

[95a] Cả đoạn (96) Cương mục chép việc này vào mùa xuân tháng hai năm 1778.

99. Tháng chín, Trấn mục Hà Tiên Mạc Thiên Tứ nghe biến, bèn đem Xuân quận công chạy đến La Soang (chỗ Hà Tiên giáp giới với Xiêm La). Quốc Vương Xiêm La là Phi Nhã Tần nghe tin sai người Cao Miên là Bò Ong Giao đến dụ, tỏ ý tốt, đến mùa xuân, quận công cùng Mạc Thiên Tứ vào ở nước Xiêm, họ hậu đãi và cho lưu ở đó.

100. Tây Sơn Nguyễn Văn Huệ đem quân về thành Quy Nhơn. Lưu bộ binh tổng đốc Chu Hổ tướng quân **[tờ 65a]** là Hãn, Thủy binh tư khấu là Uy, điều khiển là Như đóng giữ Gia Định.

101. Chúa Trịnh Sâm đến cung Vọng Hà, xem thủy binh bơi thuyền thi. Triệu các phụ thần đến dụ rằng nên cùng lòng giúp đức, ngày đem bàn tính, điều tệ bỏ đi, điều hay thì làm, bàn định rồi xin chỉ thi hành.

102. Thi thư toán ở bãi giữa sông Nhị Hà. Chúa Trịnh Sâm đến cung Vọng Hà xem thi. Từ năm Nhâm Ngọ [1762] đến đấy 16 năm chưa mở khoa thi. Nay Trung thư giám viện xin mở thi, bèn bàn cho thi. Trước sai hai ty các trấn sát hạch làm sổ đệ lên chính đường. Đến bấy giờ mở trường thi chung, trúng tuyển được 1.320 người. Sai Lê Quý Đôn, Phan Trọng Phiên sát hạch lại kỹ càng. Chọn lấy người giỏi bổ làm chức lại ở 6 phiên. Từ đó về sau cứ 3 năm, lại thi một lần.

103. Sai biên chép các lệ kiện tụng của các triều làm một quyển sách. Trước đây điều lệ xử kiện ở các ty cứ tùy thời, điều thì theo cũ, điều thì đổi mới, quan giữ việc lấy ý xử đoán, có điều giống nhau, có điều trái nhau, chưa có gì làm chuẩn. Đến bấy giờ chúa sai Chính phủ cùng đài quan họp bàn, châm chước thêm bớt, biên chép thành sách để làm luật pháp nhất định.

104. Chúa cho Nguyễn Đình làm a bảo Hoàng thái tử[104a].

105. Trả lại chức đại tư mã cho Hoàng Đình Thể **[tờ 65b]**, cho làm đốc trấn đạo Thuận Hóa. Sai Hoàng Thúc Nhị[105a] đem cờ tiết, sắc ấn đến nơi đóng quân ban cho. Lại cấp cho 200 đạo sắc đóng dấu sẵn để thưởng chiến sĩ. Trước đây Thể bị Nguyễn Huy Trạc kiện, bị giáng chức. Gặp lúc hai huyện Khang Lộc, Lệ Thủy có "giặc" nổi lên, đường đi bị ngăn trở, ống công văn của ty Trấn phủ mấy ngày không đi được. Đồn thủ Động Hải là Ngô Phúc Oánh, Hiệp đồng là Phan Huy Ích cấp báo về triều

---

[104a] Có lẽ là a bảo thế tử (làm a bảo cho con chúa) đúng hơn. A bảo là chức quan bảo vệ chăm sóc.

[105a] Hoàng Thúc Nhị: Người xã An Dồng, huyện La Sơn, đỗ hương cống (theo lời chua của Cương mục).

đình. Chúa sai Thể đi đánh dẹp, hai huyện lại được yên. Bèn bàn thăng thưởng. Từ bấy giờ công văn ngoài biên mới thông suốt được. Đốc lĩnh Thuận Hóa là Nguyễn Đình Đống khải nói: Phạm Ngô Cầu lúc tháng bảy dò biết tin "giặc". Chia sai bọn Đống cùng Thể quận công đánh dẹp lại. Triều đình mới biết việc ấy. Lúc bấy giờ Bùi Đăng Châu ở trấn, sai bọn Bùi Lê Chiểu chọn lính, thu thuế, đốc trách tham nhũng, dân không chịu nổi, khích động thành binh biến. Triều đình bàn quở, mắng Cầu và tước quyền binh dân của Chiểu mà sai Đốc đồng Nghệ An Bùi Huy Bích đến khám xét.

106. Chúa Trịnh Sâm nghĩ: Thuận Hóa lòng dân chưa yên. Muôn bá cáo khiến cho đều thay lòng mà hướng theo giáo hóa, bèn sai làm bài dụ bằng chữ Nôm, giao cho ty Trấn phủ truyền bảo **[tờ 66a]** ân tín, cấm chỉ hà khắc bạo ngược, lòng dân lại yên.

107. Phạm Ngô Cầu dâng lời nói: Năm trước cùng năm nay thóc công vận tải đến và thóc trưng thu thuế ruộng công tư ở Thuận Hóa, đem chứa ở thành Phú Xuân 4.289.900 hộc, chứa ở Cát Dinh 1.200.000 hộc. Chứa ở đồng Mường Luật 623.000 hộc, chứa ở đồn Hồ Xá 36.000 hộc, chứa ở đồn Động Hải 540.000 hộc. Lại còn gạo 70.813 đấu, xin đem phát lương cho quân bắt đầu từ tháng bảy năm nay, may ra quân mới đủ lương ăn.

108. Chúa Trịnh Sâm đến cung Long châu.

109. Mùa đông tháng mười, Thế Tổ Cao hoàng đế ta[109a] từ Long Xuyên cất quân, sai tiền quân Dũng quận công Nguyễn Quân tiến giữ xứ Ba Chàng ở Định Tường. Phương quận công Đỗ Thanh Nhân đem quân đạo Đông Sơn đi giúp việc "cần vương", binh lính đều đội khăn trắng, cờ dùng sắc trắng, vì cớ Hiếu Định Vương và Mục Vương vừa bị hại. Nhưng tất cả văn thư dưa xuống đều viết niên hiệu Cảnh Hưng.

110. Vua nước Cao Miên là Nặc Ông Vinh giết anh là Nhị vương Nặc Ông Tôn. (Cao Miên xưa là nước Chân Lạp, đời Minh hoặc xưng là Cam Bô Chia, hoặc xưng là Cam Phá Già). Sau đời Vạn Lịch lại gọi là Giản Phố Trại. Vua đều xưng là Nặc Ông. Ông cha, con cháu cùng tên, không kiêng tránh. Tước vương gọi kèm có từ 11 chữ đến 23, 24 chữ. Vua thì có tên gọi là Chính vương, Nhị vương, Tam vương. Bởi vì lúc bắt đầu lập quốc họ gồm cả Thủy Chân Lạp, Lục Chân Lạp mà chia các vua ra để cai

---

(109a) Thế Tổ Cao hoàng đế ta: Chỉ Nguyễn Ánh, vì đoạn này được sửa vào đời Nguyễn nên xưng hô như vậy.

trị. Năm Cảnh Hưng Đinh Sửu [1757] Nặc Ông Tôn là Vương Non chạy sang Xiêm. Năm Kỷ Sưu [1769] vua Xiêm là Phi Nhã Tân đưa Non về nước, không cho được vào nước Xiêm nữa. Năm Ất Mùi Ông Tôn truyền ngôi cho em là Vinh làm Chính vương, mà tự giáng xuống lạm Nhị vương, Thâm làm Tam vương. Năm Bính Thân [1776] Vinh cự mệnh chúa Nguyễn, chúa Nguyễn sai Xi quận công làm tiết chế đem quân đi phòng vệ biên giới. Năm Đinh Dậu [1777] Vinh giết Thân. Tôn bực tức ốm chết.

111. Chúa Trịnh Sâm từ cung Long Châu về kinh.

112. Trấn thủ Thuận Hóa Phạm Ngô Cầu dâng lời nói: Thuận Hóa lúa mùa hơi tốt, bọn giặc trốn đã bắt dần hết. Mùa đông nay bị mưa lụt mấy tuần liền, lúa muộn có phần kém. Quảng Nam sự thể cũng gần giống thế. Ngày trước tôi đã nghiêm sức viên giữ đồn Hải Vân để ý phòng bị, để đợi thời cơ.

Trước đây chúa có mật chỉ sai Cầu chỉnh bị binh mã tùy cơ khu xử. Rồi lại sai Hoàng Tố Lý điểm duyệt binh số ở Nghệ An để ứng tiếp với Cầu. Đến bấy giờ Cầu lại đem việc ngoài biên tâu lên... Và lại nói rằng Bản đạo bắt được tướng giặc, đã xử quyết rồi. Duy những đứa dư đảng bị ức hiếp đi theo xin chia làm hai hạng: Những đứa tình tội nặng thì phân phối phục dịch, đi làm đồn điền. Những đứa tình tội nhẹ thì thích chữ vào mặt, giao về cho dân quản thúc, chịu sai dịch". Chúa nghe theo.

113. Mở trường thi Hương cho sĩ nhân các xứ. Trước đây trường thi, quan sở khảo phúc khảo phần nhiều hợp đảng làm gian. Trước sau tỷ thư đã huấn sức rất là nghiêm ngặt, rốt cuộc không thay đổi được. Chúa biết [từ 67a] ý ấy, khoa này hạ lệnh: kỳ tam trường, tứ trường đổi hết quan sơ khảo phúc khảo. Quan trường thi Thanh Nghệ và tứ trấn, đổi lẫn cho nhau đi chấm thi. Bởi thế kẻ gian mất cả.

Mậu Tuất Cảnh Hưng năm thứ 39 (1778) (Thanh, Kiền Long thứ 43)

1. Nghệ An có "giặc cỏ" nổi lên. Trấn phủ là Hoàng Tố Lý đánh dẹp yên ngay.

2. Tháng ba, thi Hội các cống sĩ trong thiên hạ, lấy bọn Ninh Tốn 4 người trúng cách, sang tháng sau thi Điện, cho bọn Nguyễn Quân đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Ninh Tốn có văn học, đã được tiến triều, làm quan đến Thiêm sai Tri Công phiên, đến bấy giờ lại thi đỗ tiến sĩ.

3. Tháng năm, đói to.

4. Tháng bảy, thi văn tuyển, bổ các chức quan ngoài[4a].

5. "Giặc" biển ở đông nam đều nổi lên. Lúc bấy giờ mấy năm liền mất mùa, dân đói, nhiều người họp nhau làm "giặc". Đầu mục là lũ Thục, Toại [Người An Quảng, đều không biết họ] và Nguyễn Kim Phẩm, Trần Xuân Trạch[5a] [người Sơn Nam] 4 người tụ họp tới vạn người vây hãm trấn An Quảng bắt được Án trấn Đặng Đình Viện[5b]. Bèn ra biển xâm lấn Sơn Nam. vào cửa Lạc đến sông Giao Thủy, thế "giặc" lớn. Trấn quan là nội giám Hoành Trung hầu [Ngô Đình Hoành] đánh nhau với giặc ở Ngô Đồng[5c] "giặc" vờ thua chạy, Hoành đem hết quân đuổi theo, quân mới đến được một nửa, thì "giặc" quay lại đánh. Hoành thua to, chỉ chạy thoát được một mình **[tờ 67b]**. "Giặc" thừa thắng đến Thận Vi[5d], chia quân cướp bóc các vùng ven sông, dân sở tại náo động. Chúa hỏi các quan ai có thể làm tướng [đi đánh "giặc"] được. Nội giám Hào Trung hầu Thân Xuân Thự xin đi. Chúa cho Thự làm thủy đạo Đốc lĩnh, Mai Thế Uông[5d] làm Giám quân kiêm Tán lý. Lại dùng Nguyễn Phan làm Tả hà bộ đạo Đốc lĩnh. Hoàng Phùng Cơ làm Hữu hà bộ đạo Đốc lĩnh, tùy nghi đánh dẹp. Thự lúc trước được tên lính "giặc" đầu hàng nói cho biết rằng: "giặc" có thể chiêu hàng được, cho nên hăng hái xin đi đánh "giặc". Đến lúc ra quân, thấy "giặc" không có ý hàng, mà cướp bóc ngày càng dữ. Thự thu quân không dám ra đánh. "Giặc" mưu đánh úp Hiến Dinh. Chúa Trịnh Sâm nghe tin, sai Thái Đình hầu Trịnh Tự Quyền[5e] làm Thủy đạo Hiệp đốc lĩnh. Viên Lĩnh hầu Phạm Nguyễn Điều[5g] làm tuyển phong, đem hết thủy binh các đạo đốc sức

---

(4a) Bản A.4/5 chép rõ hơn: Tháng bảy thi văn tuyển cho các cử nhân ở phủ đường, cho Nguyễn Danh Hiển 14 người đỗ, đưa đi bổ nhậm các chức quan ở ngoài (Hiển người xã Hoa Cầu, huyện Văn Giang).

(5a) Nguyễn Kim Phẩm, Trần Xuân Trạch ở bản trục viết không rõ họ, đây là dựa theo Cương mục mà viết họ vào. Kim Phẩm người huyện Thượng Nguyên.
Trần Xuân Trạch người huyện Nam Chân (nay thuộc Hà Nam Ninh) sau này cả hai đều vào Gia Định theo chúa Nguyễn, được trao chức Tả chi và Hữu chi chưởng cơ rồi bị chết trận. Khoảng năm Gia Long đều được truy tặng Chưởng doanh, quận công, liệt vào hàng thờ ở miếu công thần (theo lời chua trong Cương mục).

(5b) Đặng Đình Viện: Người xã Lương Xá, huyện Chương Đức. Bản A.4/5 và Cương mục chép thêm: Viện bị bắt, Điện Lĩnh hầu Nguyễn Địch Bàn kiêm lĩnh trấn thủ Hải Dương, An Quảng cứ chần chừ xem thế "giặc" [không dám tiến quân]. Chúa bèn cho Quản vũ hầu Nguyễn Đăng Đàn lên thay Đình Viện làm trấn thủ An Quảng, Đàn cho rằng thế "giặc" đang hăng nên đóng quân lại cố giữ thành, "giặc" không sao phá nổi.

(5c) Ngô Đồng: Thuộc địa giới huyện Giao Thủy, trấn Sơn Nam.

(5d) Thận Vi: Tên xã thuộc huyện Thượng Nguyên, trấn Sơn Nam.

(5d) Mai Thế Uông: do chân hương cống tiến triều, là con Mai Thế Chuẩn, người xã Thạch Giản, huyện Nga Sơn (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa).

(5e) Bản A.4/5 và A.1210 đều chép lầm là Trịnh Tự Thái, Trịnh Tự Quyền người xã Phù Lỗ, huyện Kim Anh.

(5g) Bản A.4/5 và A.1210 đều chép là Phạm Ngô Cầu.

chiến đấu. Quyền tiến quân gặp "giặc", "giặc" lui ra ngoài biển, nhưng chúng vẫn tụ họp liên kết ra vào bất thường. Trong đám "giặc" phần nhiều là thuộc hiệu của Hoàng Ngũ Phúc.

6. Lúc bấy giờ Hoàng Tố Lý cùng Nguyễn Khắc Tuân, Nguyễn Lệ[6a] đều chia bè đảng. Tố Lý ở Nghệ An, "giặc" ngờ Tố Lý có mưu khác, ngầm sai đưa thư cho Lý, tôn Lý làm minh chủ. Lý viết thư trả lời cho "giặc", rồi đem thư của "giặc" và thư của mình dâng lên chúa **[tờ 68a]**, chúa khen là người trung thành. Cho Lý làm Thống lĩnh, đem thủy sư Nghệ An ra biển, tùy cơ đánh dẹp. "Giặc" nghe Lý đến đều tự chạy tan. Dĩnh Thành hầu Lê Quý Đôn cho người đi dụ hàng. Tướng "giặc" là Toại, Thục đều hàng, đám "giặc" biển đều dẹp yên.

7. Bàn tội thua trận nhút nhát. Chém tướng tiền bộ là Thức Vũ bá. Đầy Hoành Trung hầu Ngô Đình Hoành đi châu xa. Đoạt chức tước của Điện Lĩnh hầu Nguyễn Địch Bàn, thu lại binh dân đã cấp. Giáng Hào Trung hầu Thân Xuân Thự xuống 5 thứ. Thăng thưởng Nguyễn Phạn, Hoàng Phùng Cơ và tùy tướng thuộc hiệu cấp bậc có khác nhau.

8. Chúa cho Trịnh Tự Quyền làm Trấn thủ Hải Dương.

9. Chúa cho Hoàng Tố Lý làm Trấn thủ Sơn Nam, quản Trung Nhuệ quân doanh, Thự phủ sự, mà ngồi ở xa coi cả việc trấn Sơn Nam. Trước kia Lý ở Nghệ An[9a] rất được lòng người, đặt ra các danh hiệu tả hữu tòng sự ở dưới cờ. Người trong ấp hơi có ý ngờ, các quan văn võ tâu nhiều mật khải nói với chúa, đem những sự trạng Lý làm việc trái phép nói ra. Trấn thủ Kinh Bắc là nội giám Nguyễn Khắc Tuân nhiều lần đem việc ấy nói ở trước mặt chúa, gặp có người cáo rằng: Người xã Phụng Công là Tú Bạch ở Hữu Lũng tự xưng là chân nhân. Chúa sai Tuân cùng đốc đồng Ngô Thì Sĩ[9b] đánh bắt được. Bởi thế chúa ngờ Lý có lòng mưu phản, ngày ngày cùng lũ Tuân **[tờ 68b]** mưu giết Lý[9c], vợ Lý là

(6a) Bản A.4/5 và A.1210 đều chép là Nguyễn Khản (Nguyễn Khản người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Nghệ Tĩnh là con tả tướng Nguyễn Nghiễm và là anh ruột nhà thơ Nguyễn Du. Khản cũng có tên là Lệ).

(9a) Bản A.4/5 và A.1210 và Cương mục có nói rõ việc Tố Lý ở Nghệ An sở dĩ được lòng người vì dũ dẹp được trộm cướp, ngăn được kiện tụng, cấm việc chọn tiền (để lưu thông tiền tệ), chẩn cấp dân nghèo đói, ngăn chặn cường hào...

(9b) Bản A.4/5 và A.1210 chép là Ngô Thì Nhậm có lẽ đúng hơn.

(9c) Barn A.4/5 chép thêm: Chúa ngày ngày cùng lũ Tuân mưu giết Lý. Họ nói với nhau câu ẩn ngữ rằng: "Vi a thập đoàn" chữ thập với chữ nghệ gần giống nhau đó là chỉ vào trấn Nghệ An vậy (nơi Tố Lý nhậm chức).

quận chúa họ Trịnh được ra vào trong cung, thờ phụng Đặng Thị[9d]. Đặng Thị đem việc ấy bảo cho Lý biết, bởi thế Lý không yên tâm, khải xin về triều. Chúa ưng cho. Lý là người cơ trí, nghĩ rằng: Đặng Thị dù được chúa yêu, nhưng con là Cán còn bé, dựa vào Đặng Thị không chắc được yên thân. Lý đã vào yết kiến con chúa là Trịnh Tông (tức Trịnh Khải) rồi đem 100 lạng vàng, 10 tấm đoạn dâng cho Tông, Tông không nhận lễ và không tiếp, lại nói riêng với người hầu rằng: Thằng giặc này sao không ở trấn mà làm phản, sao vội về triều. Sau này ra sẽ tịch thu cả nhà nó, cần gì lấy đồ lễ này. Đặng Thị biết Lý không được Tông dung nạp. Bèn cố kết với Lý. Ngày đêm nói với chúa rằng: Lý trung trực, ngày sau có thể gửi con bé, giao mệnh lệnh được. Chúa Trịnh Sâm tin, bởi thế càng yêu Lý lắm[9d]. Lý đã vào chính phủ, quyền nghiêng trong ngoài, những Quản binh Trấn thủ đều là môn hạ[9e] của y. Duy trấn Sơn Tây có Nguyễn Khản, trấn Kinh Bắc có Nguyễn Khắc Tuân, Xuất nạp Chu Xuân Hán cùng Lý đối lập. Cái thế bè đảng đã thành rồi[9g].

10. Chúa cho Liên Khê hầu Vũ Miên, Tứ Xuyên hầu Phan Trọng Phiên làm Hành tham tụng.

[tờ 69a] Kỷ Hợi Cảnh Hưng năm thứ 40 (1779) (Thanh, Kiền Long thứ 44)

1. Mùa xuân tháng hai, nghiêm sức Ngự sử đài và tam ty các xứ phải làm việc hết chức vụ. Lúc ấy các quan làm việc trễ nải. Bọn Vũ Miên mới cầm quyền. Đình thần bảo rằng: từ trước chức vụ các ty cùng điều lệ khám xét đã nhiều lần chuẩn định, mà mọi người ít biết kính theo. Xin nhắc rõ phép xét thưởng phạt, cứ đến cuối năm phân biệt người giỏi kém mà thăng truất để khuyến khích kỷ luật làm quan[10a]. Chúa nghe theo.

[9d] Đặng Thị tức Đặng Thị Huệ, người xã Phù Đổng, huyện Tiên Du Bắc Ninh, là vợ yêu của chúa Trịnh Sâm.

[9d] Bản A.1210 chép thêm: Kịp khi dẹp yên giặc biển, vì công trạng ấy Lý được thăng chức.

[9e] Môn hạ: người vào ra dưới cửa.

[9g] Bản A.4/5 chép rõ thêm: Duy có Nguyễn Khản ở Sơn Tây làm Tả tư giảng cho thế tử, Nguyễn Khắc Tuân ở trấn Kinh Bắc làm a bảo thế tử và con nuôi là Hân quận công, cha nuôi là Xuất nạp Chu Xuân Hán cùng Lý đối đáp.

[10a] Bản A.4/5 chép thêm: Trấn quan lấy việc dẹp hết trộm cướp, khiến dân địa phương yên ổn làm công trạng. Thừa ty vì là tiêu biểu cho phủ huyện, phải lấy việc luận xét công lao xác đáng gia thuộc biết vâng theo pháp luật và đơn từ kiện tụng giảm nhiều, làm công trạng. Hiến ty thì lấy việc dẹp yên bọn quyền hào gian, khiến dân không bị quấy nhiễu và việc luận xét công tội xác đáng làm thành tích...

Triệu ngự sử đài và tam ty vào phủ đình, tuyên dụ rằng: "Đặt quan cốt để làm việc. Tiền triều dã định chức vụ các quan: Trấn quan thì khống chế giặc, Thừa ty thì tiêu biểu cho phủ, huyện, Hiến ty thì đàn áp quyền hào, đều là trọng nhậm một phương diện. Sự lợi hại của dân quan hệ ở đấy. Ngự sử là tai mắt của chúa, rường mối của tam ty. Trong ngoài cùng tiếp nhau, chia giữ công việc, đốc suất thuộc hạ đều cốt để trị dân. Gần đây, ta đã nhiều phen sức rõ, chép ra thành sách. Những người có chức vì ít biết tuân theo, phần nhiều quên nhãng, ơn trạch không xuống đến dân, dân ngày thêm cùng khốn. Nay một phen chấn chỉnh, bỏ thói lần lữa cẩu thả. Các quan đều phải làm hết chức vụ, không được coi lời dụ này làm lời nói chiếu lệ. Kỷ cương nhà nước có thưởng, có phạt **[tờ 69b]**, bắt đầu từ nay, theo thể mà làm, đều tự tu tỉnh, chớ để sau phải hối hận". Lại thân dụ cho 2 ty sao chép đưa dụ này cho các quan huyện, vì quan huyện rất gần gũi với dân, cho nên lại dụ cả đến cấp huyện.

2. Chúa cho Hành tham tụng Phan Lê Phiên làm Nhập thị tham tụng, thăng Tả thị lang bộ Binh, phong tước hầu.

3. Tháng ba, chúa Trịnh Sâm sai Phủ doãn, Hiến ty gia ý đàn áp bọn hào cường. Lúc bấy giờ Tu dung Đặng Thị thế mạnh, cùng Hoàng Tố Lý trong ngoài giao kết, con em hai nhà ấy thừa thế lấn át bình dân. Phủ doãn, Hiến ty đều là môn thuộc của chúng. Những người quyền quý thuộc về phe đảng họ Đặng, họ Hoàng cho việc gì đến quan phủ thì người giữ việc trông nhau đun đẩy, ngậm miệng đi mà thôi[3a]. Chúa Trịnh

---

[3a] Sự việc này ở bản A.4/5 chép chi tiết hơn như sau:

Tháng 3 chúa mệnh cho quan Phủ Doãn đi tuần hành trong kinh kỳ, quan Hiến ty đi tuần hành trong địa hạt của mình để tra xét xem có việc bắt bớ, đánh thuế ngang ngược, câu sai những lạm, giả mạo ấn tín v.v... nếu có thì không cần đợi có người tố cáo, lập tức đến nơi sở tại bắt quả tang, nếu là người mang khí giới thì cho Phủ doãn được tùy tiện lấy dân đinh đưa về bản ty tra xét. Có việc gì quan hệ đến nha môn nào nên tra xét cẩn thận. Quan ở hai huyện Quảng Đức, Thọ Xương chiếu xét các phố phường thuộc địa phận, quan các huyện thì chiếu xét các dân xã sở thuộc, thân hành đi xem xét phát giác. Thấy có bọn quyền quý ức hiếp những nhiễu dân cũng cho được tùy tiện bắt giữ người ấy ở phường xã sở tại. Hai huyện Quảng Đức, Thọ Xương báo lại cho quan Ngự sử. Các huyện báo lại cho quan Hiến ty, sai điều tra luận tội. Quan huyện có thể bắt giữ báo rõ sự thực, không để cho thói tệ phát triển. Cứ mỗi năm, Ngự sử ở hai huyện Quảng Đức, Thọ Xương phải tâu khải đầy đủ, các huyện, quan lại ai có công được thăng chức, ai vì nể sợ tránh mà im chuyện đi, khi việc phát giác ra, nhẹ thì bị phạt, nặng thì bãi chức đuổi về. Bấy giờ trong nước thừa hưởng thái bình lâu ngày, lệnh cấm có phần lỏng lẻo, các nhà thế gia, quyền quý tha hồ làm những việc phi pháp, chúa có hơi biết đến thói tệ ấy cho nên muốn một phen sửa lại cho đúng đắn...

Sâm sai quan hai ty đem hết cả các việc cùng nhân vật tốt hay xấu, chính sự phải hay trái, viết thư dán kín dâng chúa.

4. Chúa Trịnh Sâm dụ đại thần trong chính phủ rằng: "Từ xưa các bậc vua chúa thánh hiền tuy giáo hóa tốt đẹp cùng không thể bỏ pháp luật mà cai trị được. Ta kế thừa nghiệp lớn, chăm chăm về đường lối trị nước, trên theo phép cũ của tổ tông, kính cẩn không sai, may ra pháp lệnh đúng từ trên, đức trạch thấm đến dưới. Có thể thịnh trị được. Các người dự ở nơi then chốt **[tờ 70a]**, ta dùng làm chân tay, tâm phúc, mọi việc lớn nhỏ đều có phép cũ, phải tuân theo làm, để xướng suất cho các quan. Phép đặt ra thế nào chớ vì ơn oán mà thay đổi, chớ vì uy quyền, hối lộ mà lừng chừng. May ra triều đình nghiêm túc, thiên hạ thái bình. Hán Văn Đế biết rộng dung, thần hạ giữ phép, cho nên được trị an. Ta cũng muốn lũ ngươi hết lòng giữ phép. Kỷ cương của nhà nước có thưởng có phạt. Từ nay về sau dùng bỏ răn khuyên, đều theo phép mà làm. Quyết nhiên không vì tình mà nể nhau. Các ngươi cố gắng nhé".

5. Chúa lại dụ các quan văn vũ thị nội lớn nhỏ rằng: "Điều mà bậc đế vương đời xưa dùng để nắm được nhân tâm, chỉnh đốn phong tục là đạo và pháp mà thôi. Nhà nước ta đặt quan chia chức, người lớn người nhỏ, ai giữ việc ấy. Ai cũng có phép tắc. Gần đây chức vụ ban hành, ngành ngọn đủ cả. Mà nhân tình dễ quên, ít chịu noi theo. Ta chỉ giữ phép luật, xét thành công, may được thịnh trị. Đã sức cho các quan chính phủ giữ phép cũ cho thần dân bắt chước. Những người có quan chức đều nên cố gắng giữ phép cẩn thận, cho bõ ý tốt của ta chấn chỉnh dạy bảo. Nếu còn chây lười như thế ta sẽ đem luật pháp thi hành. Ngay như đại thần thân quý, có viên nào bị đàn hặc cũng giao xuống pháp quan, quyết nhiên không thể [đứt lót] cầu may cho thoát tội được **[tờ 70b]**. Phép là phép công của thiên hạ, ai có thể thiên tư được. Tất cả các người có quan chức kính cẩn nhé".

Đây là theo lời chính thần Phan Lê Phiên. Lúc bấy giờ tệ cũ có đã lâu, việc chính sự trong cung cấm chia ra nhiều ngả, tuy đã nghiêm sức rõ nhiều lần, mà thói tệ vẫn như cũ.

6. Tháng sáu định rõ lại quy chế việc dạy và học. Hạ lệnh cho quan Quốc tử giám cùng quan Đề đốc học chính các xứ (do viên quan Tham chính bản xứ làm chức ấy), trước hết dạy các sĩ nhân có đức hạnh thực tế, rồi sau mới đến văn từ. Học sinh chia làm hai hạng (trúng thức giám sinh là một hạng, nho sinh, sinh đồ là một hạng) biên vào sổ học, hàng

ngày học trò tới nghe giảng sách, học quan biên họ tên và thời thường hỏi han khuyên nhủ chăm học. Những người ghi trong sổ học có ai có học hạnh tài phẩm thì kê tên dâng lên, chính dường xét bổ dụng để làm việc nhà nước[6a].

7. Tháng bảy, Hoàng Văn Đồng ở Tụ Long lại làm phản. Chúa sai Trấn thủ Sơn Tây Hồng Lĩnh hầu Nguyễn Khản làm Thống lĩnh các đạo Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn. Cho Phan Phái hầu Nguyễn Phan làm Hiệp đốc lĩnh, hợp quân đến đánh. Đồng từ sau trận thua ở Tam Kỳ. Lui giữ Tụ Long hội họp dư đảng làm kế cố thủ[7a]. Nay

---

(6a) Việc này Bản A.4/5 và A. 1210 chép thêm:
Tháng 6... trước đó Chúa bảo với các bề tôi trong chính phủ rằng: việc học cốt ở thực dụng, gần đây đã nhiều lần sức rõ như vậy để chấn chỉnh việc học tập của kẻ sĩ. Nhưng kẻ học giả vẫn quen thói cũ, chưa có thể biến đổi được, phải nên một phen định rõ lại quy chế việc học, khiến cho người đi học trước tiên tìm hiểu cho kỹ rồi sau mới thực sự làm đúng được. Lấy việc tu, tề trị, bình [nghĩa là tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ] làm gốc.
Đến đây lệnh cho quan Quốc tử giám cùng... dạy dỗ học trò: trong quan hệ thầy giáo bạn bè phải lấy lễ đối xử với nhau, không được nhờn quen tranh cạnh, làm huyên náo, phàm vào học phải kính trọng người lớn. Những ngày học trò rỗi rãi không phải nghe giảng thì thường tới dạy thêm về đạo lý. Tùy theo tính nết từng người mà dụ bảo, khi tiến lui, đi đứng nói năng đều phải theo đúng lễ nghĩa, hợp pháp độ. Lại thường hỏi về phép nhà binh, đường lối chính sự... để học trò tập khảo xét, định liệu công việc. Đối với các học trò lại tìm biết lai lịch, hỏi han quê quán bạn hữu, người thân, xem có người nào hiếu để, đức hạnh, tài năng thì ghi riêng vào một sổ để dâng tiến, người nào làm nhiều việc xấu, bất hiếu, hay chơi bời phóng đãng... đánh bạc uống rượu... thì đuổi về không cho vào học... điểm trong sổ xem có bao nhiêu kẻ sĩ có đức hạnh, tài phẩm, văn học, bao nhiêu quan viên công sĩ, nho sinh, sinh đồ, tâu khải đầy đủ nạp tại công điểm để căn cứ vào đó mà khảo xét.
Lại sức rõ cho huấn đạo các phủ chiếu theo điều lệ năm trước lưu ở bản hiệu. Kẻ sĩ học tập cốt yếu ở sự chuyên cần. Số ruộng học cho quan Đề đốc học chính tính đủ. Có bao nhiêu huấn đạo, bao nhiêu con em học tập, mỗi năm vào tháng hai kê vào sổ, nộp cho quan Đề đốc học chính để thời dường thường khuyên khích và cứ cuối năm phân loại khải lên để căn cứ vào đó động viên khuyên khích. Lại lệnh cho quan Quốc tử giám cùng quan Đề đốc học chính từ nay về sau cho kẻ sĩ học tập Tứ thư ngũ kinh, cốt yếu ở chỗ đọc thuộc, học kỹ, ý tứ tinh vi, giảng cứu nghĩa lý. Tư trị thông giám cương mục và Quốc sử nên nghiên cứu; chính sự đổi thay, thế vận hưng suy, nhân vật tốt xấu, của các triều đại, cần lĩnh hội cho thông suốt để có thể biết theo đó mà noi gương hay cảnh giới, để hiểu việc đời. Hàng ngày giảng đọc phải phân tích nghĩa lý, dạy dỗ học trò không chỉ dừng lại ở việc xem xét lời văn mà chủ yếu là biết đem hết tâm sức đặt vào sự nghiệp. Khi ra đầu đề nên dùng ý nghĩa lớn trong kinh, truyện, bình luận nhân vật hiền ngu, chính sự tốt xấu xưa nay, không nên trích dẫn những câu vụn vặt, lời văn cốt ở sự hồn hậu, bình dị, nghĩa lý rõ ràng... Thi Hương, thi Hội thi Đình cũng phỏng theo lệ này để chọn được người thực tài cho đất nước.

(7a) Bản A.4/5 thêm: ... cố thủ... Triều đình cũng cho rằng "giặc" biển vừa yên, chưa vội đi đánh dẹp, vì thế Đồng càng hung hăng bừa bãi. Đến đây chúa hạ lệnh đi đánh dẹp.

phía đông nam "giặc" biển nổi lên. Đồng càng hung hăng tự xưng làm Tân Vương.

8. [tờ 71a] Tháng mười một, Chúa Trịnh Sâm mở thịnh khoa[8a] thân thí công sĩ thiên hạ ở Bãi Cát lấy bọn Phạm Nguyễn Du 15 người trúng cách[8b].

9. Tháng mười hai, thi Điện. Ngày hôm sau thi ở phủ chúa. Quyển thi Điện không được đọc tới, chỉ chấm những quyển văn thi ở phủ chúa chia làm giáp ất, cao thấp[9a]. Chúa cho Lê Huy Trâm[9b] Phạm Nguyễn Du đỗ tiến sĩ xuất thân. Phạm Quý Thích[9c] 13 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Chúa tâu vua xin làm bảng vàng. Vua cho treo bảng đỗ tiến sĩ ở ngoài cửa nhà Thái học. (Phạm Nguyễn Du tức là Phạm Vĩ Khiêm, có tiếng hay chữ được tiến triều, làm quan đến Thiêm sai tri Hình phiên, đến bấy giờ lại thi đỗ tiến sĩ. Sau làm Đốc đồng Nghệ An. Nước loạn, chạy vào trong rừng không chịu ăn rồi chết).

Canh Tý, Cảnh Hưng năm thứ 41 (1780) (Thanh, Kiền Long thứ 45)

1. Mùa xuân tháng hai, Nguyễn Khản tiến quân đến Tụ Long, Hoàng Văn Đồng đem hết quân giữ chỗ hiểm. Khản sai em là Điều Nhạc hầu Nguyễn Điều đi mượn đường từ Trung Quốc, thẳng đến sào huyệt

---

[8a] Bản A.4/5 chép: Mùa đông tháng mười chúa mở Thịnh khoa thi cống sĩ thiên hạ, ân điển giống như thi hội. Trước kia chúa Trịnh đã bàn nghị để mở ân khoa, nhưng chưa quả quyết cử hành. Đến bấy giờ chúa mới đặt khoa gọi tên là Thịnh khoa [Như thế là] có ý khinh thường chế độ của các triều trước.

[8b] Bản A.4/5 thêm: treo bản ở Nam cung ở phủ chúa.

[9a] Bản A.4/5 thêm: theo quy chế cũ khi thi Hội chúa đến điện Giảng Võ trước, sau đó vua ngự giá tới, chúa cùng các bề tôi ra chầu lạy, tôn kính như cha. Vua ban cho không phải xưng danh, không phải lạy, về sau mới được miễn lạy. Đến ngày thi Điện vua thân ra xem thi, ban cho bậc đỗ [cao, thấp]. Khoảng niên hiệu Vĩnh Hựu [1735- 1740] toàn là chúa ra lệnh cho thi hội. Những người hợp cách đến thi ở phủ chúa, mọi người bàn luận cho đó là đầu mối của sự "loạn chính".
Đến bấy giờ Tĩnh Vương [Trịnh Sâm] lệnh cho những người hợp cách nên theo chế độ cũ, trước hết đến thi Điện, nhưng văn bài không thêm học tới. Ngày hôm sau lại lệnh cho thi ở phủ đường, phép thi cùng quan coi thi đều dựa theo Điển lệ so sánh [chấm những bài thi ở phủ] để định rõ cao thấp, xong việc rồi mới để xin vua ban sắc cho đỗ.

[9b] Lê Huy Trâm người xã Bối Khê, huyện Thanh Oai đỗ năm 38 tuổi.

[9c] Phạm Quý Thích người xã Hoa Đường, huyện Đường An [Hải Dương] nhà ở phường Báo Thiên, huyện Thọ Xương, làm quan đến chức Thiêm tri Công phiên. Khoảng năm Gia Long được trao hàm Thị trung học sĩ, lãnh chức đốc học phủ Hoài Đức.

đánh quân Đồng, phá tan cả, Đồng trốn đi xa. Quan quân đuổi không kịp. San bằng cả lũy đồn, rồi về. Chúa cho Nguyễn Điều làm trấn thủ Tuyên Quang. Sau Đồng tạ tội xin hàng, triều đình xá tội cho[1a].

2. Định phép thi Bác cử (thi võ)[2a].

3. Định lại lệ cấp ruộng cho cai mục[3a].

4. Mùa thu, tháng chín[1a], chúa Trịnh Sâm bỏ con trưởng là Tông làm con út. Trấn thủ Kinh Bắc Nguyễn Khắc Tuân, xuất nạp Chu Xuân Hán tự sát. Trấn thủ Sơn Tây là **[tờ 71b]** Nguyễn Khản bị giam vào ngục. A bảo là Hân quận công Nguyễn Phương Đĩnh bị đoạt mất chức đuổi về.

Lệ cũ, con chúa lên 7 tuổi thì ra ở nhà riêng đọc sách. Con trưởng chúa thì 13 tuổi được mở phủ và phong làm thế tử. Tông không được chúa yêu, lên 9 tuổi mới đi học, chúa cho Nguyễn Khản, Lý Trần Thản làm Tư giảng. Được ít lâu Thản chết, Khản ra làm Trấn thủ, Tông không được học luôn, đến ở nhà riêng Nguyễn Phương Đĩnh, cả năm không

---

(1a) Bản A.4/5 và A. 1210 thêm việc: Định rõ việc lấy thuế ruộng tư ở Thanh Nghệ. Hàng năm ruộng hai mùa nộp một tiền, ruộng một mùa nộp 36 đồng. Trấn quan chuyển đưa xuống cho dân các xã, cho xã trưởng thu lấy để cấp phát cho binh dinh trong xã. Ruộng tư của binh dinh vẫn được miễn thuế.

(2a) Bản A.4/5 và A.1210 chép thêm hai việc:

1- Phép thi võ cử: Kỳ thứ nhất thi giương cung, múa đao. Kỳ thứ hai thi đi bộ bắn cung, bắn 25 mũi tên và bắn 20 phát súng. Kỳ thứ ba trước tiên khảo xét môn phi ngựa, bắn 5 mũi tên, ngựa cách bia 50 thước, sau khảo đến môn ngựa, cầm mâu, tiếp đó đến môn đi bộ đấu đao, khiên, đâm mâu, trường kiếm. Cho võ sinh được cầm một thứ vũ khí tùy theo sở trường. Trong 6 môn trên, trước tiên là múa, sau mới đấu với nhau khoảng 40 hiệp, hai bên vừa đấu vừa đỡ. Viên quan giữ việc khảo xét phải xét kỹ về các phép đánh đam khá hay kém, tiến lui nhanh hay chậm, khí lực mạnh hay yếu, che đỡ kín hay hở để định hơn kém. Khảo xét xong, tính gộp các môn trong 3 kỳ, xếp loại để đạt lên, tên nào đứng đầu, tên nào trúng cả 3 kỳ, cho chiếu theo số mà xướng danh, lệnh cho đến nơi ở của phủ. Người nào võ nghệ giỏi hay kém, hoặc bị xếp hạng dưới hoặc được dự trong số v.v... đều cho tâu khải đầy đủ để so sánh... đợi xem xét thẩm định lại rồi mới treo bảng. Người nào phần lớn các môn đều giỏi mà chỉ có một môn kém, hoặc người nào dẫu giỏi nhưng vũ dạo bình thường cũng lấy đỗ. Kỳ thứ 4 thi một bài văn sách.

2- Lệnh sức rõ lại điều khám xét đoán án: Phàm về tội đáng khép vào ngũ hình nhưng xét về tình con có chỗ đáng ngờ, theo luật nên cho chuộc tội thì mới được nghị bàn chuộc, còn ngoài ra đều phải căn cứ vào luật pháp mà luận xét.

(3a) Bản A.4/5 chép thêm hai việc:

1- Lệnh cho cai mục cấp ruộng công cho dân thuộc địa phận mình cai quản. Xét theo [lệ] năm Vĩnh Thịnh thứ 7 [1711] mà quy định không được vượt quá.

2- Quy định điều lệ giết thịt trâu bò: trong kinh kỳ chỉ cho hai chợ Hoành Đình (Đình Ngang) và Nam Môn (Cửa Nam), ngoài kinh kỳ chỉ cho chợ Kiêu Kỳ (được giết thịt trâu bò còn ngoài ra đều phải triệt bỏ hết).

(1n) Bản A.4/5 chép là tháng bảy.

được giáp mặt chúa. Năm Tông đã lớn tuổi, Đài quan Vũ Huy Túc[4b] (tức Đĩnh) vì việc xin lập thế tử, bị giáng chức. Đến lúc sinh được Cán, chúa rất yêu, mẹ Cán là Đặng Thị lập cũng lập dàng, có chí cướp ngôi thế tử. Tông sợ sẽ không an toàn, cùng gia thần Đàm Xuân Thụ và tiểu hiệu là tên Vĩnh, tiểu giám là tên Thể, tên Thẩm ngày đêm lo tính, không biết làm thế nào. Gặp lúc chúa Trịnh ốm, Tông đến cửa thăm bệnh, nhiều lần bị nội thị ngăn trở không cho vào. Người ngoài lại đồn rằng chúa ốm nặng. Tông cùng lũ gia thần bàn rằng: "Chúa ốm nặng, ta không được chầu hầu, nếu có biến như Triệu Cao, Lý Tư[4c] ta không thể ngồi mà chịu chết được, phải làm thế nào?" Bọn gia thần xin bí mật sắm binh khí chiêu mộ dũng sĩ, đợi khi trong cung có sự chẳng lành thì đóng cổng thành lại giết Hoàng Tố Lý [tờ 72a] giam Tu dung Đặng Thị, cho người đi báo hai trấn tây, bắc đem quân vào bảo vệ, lập lên làm chúa. Tông nghe mưu ấy, phao tin rằng: Thế tử sắp có lệnh đi đánh miền Nam. Phải sắm sửa binh giáp. Mật sai Chu Xuân Hán dò xem chúa ăn ở thế nào. Nhưng chúa lại khỏi. Việc tiết lộ ra. Cấp sự trung Nguyễn Huy Bá là người giáo hoạt vì tham tang bị bãi chức. Vợ Bá làm cung tỳ cho Đặng Thị, nhắc những sự Tông chơi đùa nói lại với Đặng Thị rồi lại ngầm sai người thân tín đến làm môn hạ cho Tuân, Khản, Bá dò biết được đại lược, bèn vào mách Đặng Thị. Đặng Thị sai đem sự trạng ấy tâu với chúa. Chúa xem tờ khải giận quá. Gọi Hoàng Tố Lý và bảo cho biết, muốn bắt trị tội ngay. Lý can rằng: con chúa thực có lỗi, nhưng tuổi trẻ chẳng chắc dám làm việc to tát ấy, hai trấn thủ tây, bắc tất dự mưu này. Nay họ cầm quân ở ngoài, trị ngay sợ xảy ra biến, không bằng trước triệu họ về triều, giam ở phủ rồi sau dần dần phát giác sự trạng đem ra mà trị tội. Nhưng Tuân, Khản nếu cùng triệu một lúc, e rằng có thể chúng nghi ngờ, vậy nên triệu một người trước, một người sau. Chúa cho là phải, bèn cho triệu Nguyễn Khản[4d], Khản đến, chúa hỏi han yên ủi có phần hơn trước, vài ngày sau bắt được đồ đảng, lập tức triệu Khản cùng Nguyễn [Phương] Đĩnh giam lại[4d]. Lúc ấy Đốc đồng Kinh Bắc Ngô Thì Nhậm trước kia làm việc hàng ngày giảng sách cho Tông [tờ 72b]. Học trò Nhậm là tiểu

---

(4b) Bản A.4/5 chép thêm Nguyễn Thưởng.

(4c) Triệu Cao, Lý Tư: Triệu Cao là hoạn quan, Lý Tư là Thừa tướng nhà Tần, lúc Thủy Hoàng chết, Cao, Tư làm giả chúc thư của Thủy Hoàng, bắt Thái tử là Phù Tô phải tự tử, mà lập con thứ là Hồ Hợi làm Hoàng đế nhà Tần (xem ở Sử ký).

(4d) Nguyễn Khản: Các chữ Nguyễn Khản ở việc này trong sách Cương mục đều chép là Nguyễn Lệ.

(4d) Bản A.4/5 chép thêm: Một mặt cho triệu ngay Tuân về.

giám Hà Như Sơn làm người giữ sách cho Tông, biết Tông cùng bọn ấy có âm mưu, nói với Nhậm. Nhậm sợ quá, mật khuyên Tuân cùng Đĩnh thôi việc ấy đi, nếu không thôi được thì sẽ phát giác, mà đổ lỗi cho đám tôi tớ. Tuân không nghe, đến bấy giờ, Tuân cũng bị triệu về[4e]. Thấy Khản, Đĩnh đã bị giam, Tuân xin vào yết kiến chúa để chịu tội, không được vào. Chúa sai nội thần trách Tuân rằng: "Cậu cùng thằng Tông làm giặc, cậu cứ đi mà dẫy quân, ta đã có tướng giỏi để đối chọi". Tuân đi ra gặp Nhậm ở cửa các, nắm lấy tay Nhậm than rằng: "Tôi thờ chúa từ lúc chúa lọt lòng ra đến nay, nay chúa gọi là giặc; Ngày trước tôi nghe ông nói tưởng việc cũng dễ dàng, bây giờ làm thế nào?".

Nhậm lập tức đến nhà Tả Xuyên[4g], gặp Khản và hỏi Khản duyên cớ tại sao? Khản nói rằng: họa sinh ra tự cha con chúa, lũ Khản bị dèm đã lâu, biện bạch cũng vô ích, không gì bằng đem sự trạng của Tông nói ra để cho chúa biết việc tự dám tôi tớ. Thế là dùng thuốc độc chữa bệnh độc. Lập tức nói với thị nội giám Phong Triều hầu Phạm Huy Thức đem thư của Khản kể tội Tông dâng lên. Tuân cũng làm thư nói việc trước và dẫn lời nói của Nhậm vào, lại nói tôi cũng định phát giác, nhưng chưa kịp làm đấy thôi. Tờ khải vào đến nơi, chúa mắng rằng: người ta bảo cho nói mà không nói, chả phải dự mưu là gì? Chúa không xét, cho Tuân Thọ đem thư ấy ra xé ở trước mặt Tuân, Tuân lại quỳ xuống mà nhặt lấy. Do đấy [tờ 73a] chúa lại càng giận, lại cho bắt cả Chu Xuân Hán. Giao cho Ngô Thì Nhậm cùng Phong Triều hầu tra xét, phát giác được hết cả sự trạng của lũ tôi tớ. Gặp lúc Nhậm có tang cha xin từ chức.

Chúa sai Lê Quý Đôn tra lại. Đôn vẫn thù Khản, làm dào lộn đi, lấy đến người vô tội rất nhiều, án đã xong, chúa giao cho đình thần bàn. Họ bàn: Những người phạm tội này đều xử tử, duy Vương Thế tử không dám bàn. Việc ấy dâng lên. Chúa phê rằng: Theo phép Xuân Thu, luật nên xử nặng. Nhưng ta nghĩ cha con là tính trời, tình con không nỡ. Cho truất Tông làm con út. Nguyễn Khắc Tuân phải xử tử, Khản, Hán đều là người có công lao với chúa khi ở tiềm để, cho miễn tội chết, giam lại. Đĩnh vì giả thực thà không dự mưu, miễn tội chết, được tự do. Lệnh chúa ban xuống, Tuân tự sát. Còn Hán thì giao cho Thân Xuân Thự coi. Thự làm Hán khổ nhục quá, Hán uống thuốc độc chết. Lúc bấy giờ triều đình và dân gian đều nói là họ Đặng họ Hoàng âm mưu hại Thế tử. Hoàng Tố Lý

[4e] Bản A.4/5 chép thêm: Nhậm ngờ việc đã bị phát giác. Theo Tuân về kinh.

[4g] Bản A.4/5 chép: Nhà Tả Xuyên, bản trục là Cổ Xuyên.

vẫn ghét Ngô Thì Nhậm muốn đổ tiếng cho Nhậm. Chúa bàn công phát giác việc này, thăng Ngô Thì Nhậm làm Hữu thị lang bộ Công và thăng Nguyễn Huy Bá làm Đông các đại học sĩ, Hà Như Sơn xuất thân làm quản binh. Nguyễn Phương Đĩnh than rằng: Nhậm như người trên bờ vớt người dưới ao, lại bị lũ gian hùng làm nhơ nhuốc, thực đáng giận.

[tờ 73b] Tân Sửu, Cảnh Hưng năm thứ 42 (1781) (Thanh, Kiền Long thứ 46).

1. Mùa xuân tháng giêng, thượng thư bộ Hình hưu trí, Lê Trọng Thứ mất, Thứ lúc mới vào triều, có tiếng là người nói thẳng. Đến lúc thôi việc, già lẫn, vì có thinh giác trong việc xử kiện, danh vọng giảm đi nhiều, lúc ốm gần chết, còn làm tờ khai để lại, xin chúa lập Cán làm thế tử để ổn định lòng người. Người lúc bấy giờ đều chê cười[1a].

2. Giết đứa rồ dại là Nguyễn Nhã Lượng[2a]. Lượng mất nói với Hoàng Tố Lý viện dẫn phù sấm, xui Lý làm phản, Lý bắt Lượng và đem sự trạng tâu với chúa. Chúa sai giết đi.

3. Tháng tư, mưa mãi không tạnh, chúa Trịnh Sâm hạ lệnh cho quan dân nói hết việc đúng việc sai của triều đình.

4. Chúa cho huấn đạo Nguyễn Danh Bá tiến triều. Bá làm môn khách của Hoàng Tố Lý, tầm thường không có tài năng gì. Y dâng thư nói 8 điều, lời lẽ đều nông cạn bỉ ổi. Lý tâng bốc lên mới được đặc cách cất dùng.

5. Hội thi Cống sĩ thiên hạ. Lấy trúng cách hai người là Nguyễn Cầu, Nguyễn Tân, tháng sau thi Điện, cho 2 người ấy đều đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

6. Tháng mười, khảo hạch các người ở Khâm thiên giám, cùng sĩ nhân và dân thường, lấy người biết phép làm lịch[6a].

[1a] Bản A.4/5 và A.1210 chép thêm: Thứ mất năm 93 tuổi.

[2a] Bản A.4/5 và A.1210 chép thêm: Nhã Lượng người Tứ Kỳ, Hạ Hồng, tính gian trá giảo quyệt, nhờ tiền của mà được bổ chức Tri phủ Đức Quang, sau vì tham tang bị bãi chức. Tự xưng là học được bí quyết của tiên gia, được Viện quận công Nguyễn Hoản tin dùng cho làm gia khách.

[6a] Bản A.1210 và A.4/5 con chép thêm hai việc nữa:

1- Tha tiền chuộc phạt từ 7 năm trở lên. Nhưng những kẻ ăn cướp giết người cũng làm sắc lệnh giá thì thay đổi lại, khép vào chính hình (những hình phạt thích đáng). Quan lại phạm tội được chuộc phạt không được ở trong lệ tha này.

2- Định rõ lại hành nghi phẩm phục của nữ quan.

7. Chúa Trịnh Sâm xin vua sách phong Trịnh Cán làm Thế tử. Cán lúc mới sinh **[tờ 74a]** người mập mạp[7a] rồi sau bị ốm, điều trị mãi không khỏi. Đến lúc Tông bị tội, Cán hơi khỏi bệnh. Trong ngoài nhiều người khuyên chúa lập Cán làm thế tử. Chúa nghe theo. Bà Thái phi[7b] nói với chúa rằng: Tông, Cán đều là cháu tôi, tôi không riêng yêu ai. Nhưng Tông đã lớn mà Cán còn bé, lại có bệnh[7c]. Xin hãy để trống ngôi thế tử đấy. May ra Tông biết hối cải. Nếu không thì đợi Cán trưởng thành sẽ lập lập làm thế tử cũng chưa muộn gì.Chúa nói rằng Tông, Cán là cháu của mẹ cũng là con của con, người đời xưa có nói: biết con, chả ai bằng cha. Tôi chưa đến nỗi ngu tối sao lại bỏ con lớn lập con bé[7d]. Nhưng nhà nước là trọng đại, cần phó thác cho người khá. Nếu thằng Cán ốm không khỏi được, thì lập Phùng để trả ngôi chúa cho ngành trưởng, chứ không đành lòng phó thác cho đứa con bất hiếu. (Phùng là con Trịnh Giang, nguyên Trịnh Cương có 2 con là Giang và Doanh, Giang làm chúa bị ốm, em là Doanh nhiếp chính rồi tự lập làm chúa, truyền ngôi cho con là Sâm. Cho nên Sâm nói lập Phùng làm chúa, trả ngôi chúa cho ngành trưởng chứ không truyền ngôi cho đứa con bất hiếu là Tông). Bởi thế Thái phi không dám nói nữa. Chúa sai triều đình xin mệnh vua lập Cán làm thế tử.

8. Chính cung của chúa là Đặng Thị có em là Lân phải tội đi dày châu xa. Lân tính hung ngược, người đẹp trai[8a] Đặng Thị nói với chúa gả quận chúa thứ hai cho Lân; tiền hồi môn có đến hàng vạn, Lân càng bừa bãi. Nội thần Nguyễn Bá sử bảo hộ quận chúa có việc trái ý Lân, Lân giết Sử, việc phát giác ra, chúa sai Lân giao cho đình thần bàn, ghép vào tội xử trảm **[tờ 74b]** Đặng Thị khóc xin chúa cho khỏi tội chết, cho đi đầy châu xa.

(7a) Bản A.4/5 và A.1210 chép thêm: ... biết nói năng ứng đối rõ ràng minh bạch. Trong số bề tôi văn võ có người vào yết kiến một lần, rồi sau đó một năm mới lại đến mà Cán còn có thể nhớ cả họ tên người ấy. Chúa thường mệnh cho từ thần là bài tụng 16 chữ sai A bảo đọc truyền miệng cho nghe, đọc qua một lần là Cán đọc lại được.

(7b) Bản A.4/5 và A.1210 chép: Mẹ chúa là bà Nguyễn Thị.

(7c) Bản A.1210 và A.4/5 chép thêm: Mong chúa hãy nghĩ đến tông miếu...

(7d) Bản A.1210 và A.4/5 chép thêm: Huống triều đình đã công nghị như thế, chẳng phải là tôi yên con nhỏ ghét con lớn...

(8a) Bản A.1210 và A.4/5 chép thêm: ... thường cướp của, cưỡng dâm phụ nữ trong kinh đô giữa ban ngày, phóng ngựa cưỡi voi nghênh ngang, tính hung ác không phục ai...

Nhâm Dần, Cảnh Hưng năm thứ 43 [1782] (Thanh, Kiền Long thứ 47)

1. Tháng sáu, hành Tham tụng Tả thị lang bộ Binh, Liên Khê hầu Vũ Miện mất. Truy tặng hàm thượng thư, ban thụy là Ôn Cẩn[1a].

2. Mùa thu tháng chín, ngày 13, chúa Trịnh Sâm mất. Thọ 41 tuổi. Thế tử Cán lên nối ngôi chúa. Sâm mấy năm cuối đời bị bệnh trĩ, rất sợ nắng gió, ở trong kín, ban ngày cũng thắp đèn. Không phải ngày triều hội lớn thì chưa từng ra tiếp các quan. Đến khi ốm nặng, Đặng Thị ngày đêm chầu hầu, đại thần Hoàng Tố Lý cùng Châu quận công Nguyễn Quang Châu, Diệm quận công Nguyễn Diệm, Thùy Trung hầu Tạ Danh Thùy được ra vào. Mẹ chúa cùng con gái chúa cũng ít được tiếp kiến. Đặng Thị nói với chúa rằng: "Thiếp thờ chúa, được quý mến, lắm người ghen ghét, chẳng biết ngày sau mẹ con thiếp nương thân vào đâu?" Chúa an ủi: "Thế tử đã được chính ngôi đông cung, nước là nước của nó, khanh ngày sau sẽ làm mẹ cả thiên hạ, còn lo gì" **[tờ 75a]**. Chúa lại trông vào mặt Lý bảo rằng: ngày sau ngươi hãy bảo hộ Thái tử. Lý tâu rằng: "Tôi đâu dám không hết lòng, dù phải chết. Nhưng xin ngay bây giờ cho Thế tử nối ngôi và sách phong chính cung làm phi, cùng trông nom chính sự, cho có mệnh lệnh đúng đắn". Chúa nói rằng: "Phải, ngươi cố gắng giúp nhé". Lý lại nói rằng: "Nhận cố mệnh, giúp chính sự tôi không dám nhận một mình. Khanh quận công Trịnh Kiều là chí thân của nhà chúa. Hoàn quận công Nguyễn Hoàn là sư phó đại thần. Châu quận công Bùi Đình Châu, Tứ Xuyên hầu Phan Trọng Phiên, đều ở chính phủ, sẵn có danh vọng; Diệm quận công Nguyễn Diệm là A bảo, Thùy Trung hầu Tạ Danh Thùy là bảo vệ đều là bày tôi thân tín, xin cho cùng nhận cố mệnh". Chúa nghe theo, sai Phan Trọng Phiên làm tờ cố mệnh, Nhữ Công Chân làm chế sách phong cho Tuyên phi. Viết xong,

---

[1a] Bản A. 1210 và A.4/5 chép thêm: Lúc Miên bị bệnh nặng chúa sai trung sứ đến nhà riêng bởi những điều Miên muốn nói. Miên tự tay viết tờ khải nói: con út [tức Trịnh Tông] vì khí huyết chưa ổn định, bị bọn tiểu nhân mê hoặc đến nỗi phạm thượng, [bị chúa] giận. Thế tử [tức Trịnh Cán] tuổi ấu thơ lại mắc bệnh, nếu trời bảo vệ giúp đỡ cho chúa được hưởng thọ muôn năm, khi Thế tử trưởng thành lên nối ngôi trị vì thì đó là điều may mắn cho xã tắc tôn miếu. Vạn nhất mà biến cố xảy ra bất thường ắt có một phen họa lớn. [Việc này] thần tôi vẫn áy náy lo thầm, đến chết cũng không nhắm mắt được. Cúi mong chúa thượng hãy cắt đứt tình yêu nơi chăn gối mà định thứ tự con lớn con nhỏ cho đúng đắn thì may mắn cho thiên hạ lắm.
Tờ khải vừa vào đến tay chúa thì Miên chết, Miên được truy tặng hàm Thượng thư, ban thụy là Ôn Cẩn và đặc biệt cho con trưởng của Miên là Tham nghị xứ Hải Dương được tiến triều.

Lý đem vào xin chúa ký tên. Lúc ấy chúa đang hấp hối[2a]. Bèn triệu Trịnh Kiều, Nguyễn Hoãn vào nhận cố mệnh. Chúa nói: "Cháu ốm chết, thế tử Cán nối ngôi, nhờ chú cùng các quan giúp cho qua lúc gian nan". Lý đưa thư cố mệnh tiến trình, chúa lấy tay xua đi; Lý xin rằng: "Giấy cố mệnh còn để trống họ tên, xin người thân nhà chúa là Khanh quận công [Trịnh Kiều] viết thay". Chúa gật đầu **[tờ 75b]** Kiều viết xong tiến trình. Chúa đã nhắm mắt lại không nói gì nữa và mất. Lý đem thư cố mệnh cùng sách văn lập Tuyên phi giao cho Thùy truyền khắp, đệ ra chính phủ. Sai các quan xin mệnh vua lập Cán làm Điện Đô Vương, Đặng thị làm Tuyên phi, cùng trông coi chính sự, truy phong Tĩnh Vương làm Thịnh Vương, hiệu là Thánh Tổ.

3. Mùa đông tháng mười[3a], chư quân làm loạn, giết Huy quận công Hoàng Tố Lý, bỏ Điện Đô Vương Cán, lập con út là Tông nối ngôi chúa[3b]. Từ khi Cán lên ngôi chúa, Đặng thị cho Tông vào ở nhà nách bên tả, cho lính bốn đội giam cầm[3c]. Mẹ Tông là Dương Thị sai người đến kêu van với Lý, Lý khóc, nói rằng: "Tôi thờ chúa trước rất được tôn quý. Con út cũng là con chúa, tôi có lòng nào thì trời tru đất diệt". Từ đấy mật sức cho lính 4 đội, cho Tông thỉnh thoảng ra vào. Lúc ấy Cán bị bệnh. Đặng thị vì ton hót cướp ngôi của Thế tử cho con mình, nên lòng người không phục. Quân mưu phản, hoặc nói Cán ốm nặng sắp chết và Đặng thị cùng Lý mưu giết Thế tử. Lời đồn bay khắp nơi, cấm cũng không nổi **[tờ 76a]**. Gia thần của Tông là Dự Vũ thấy quân tình tức giận, bèn lấy mệnh của Tông mật dụ chư quân giết Lý, bỏ Cán, lập Tông; hẹn

---

(2a) Bản A.4/5 chép thêm: Mẹ chúa là Nguyễn Thị vào thăm. Đặng Thị vực chúa ngồi dậy, chúa trào nước mắt nói rằng: con chẳng may không được chọn đời thờ phụng mẹ, nghĩ rằng chưa làm tròn đạo hiếu. Lòng con đau như dao cắt. Xin mẹ cứ trở vào cung ăn nghỉ thong dong, đừng nghĩ gì đến con. Bà Nguyễn Thị nức nở hồi lâu, có điều muốn nói [với chúa, còn đang chần chừ] thì chúa [lại] nói: "Con trông thấy mẹ càng thêm thương tâm, không thể nhắm mắt được, cúi xin mẹ trở về cung". Bà Nguyễn thị dằn nuốt nước mắt trở ra. Đặng thị ngồi trước chúa nghẹn ngào khóc lóc, dứt sợi tóc thề rằng: "Tự vương [chỉ Trịnh Cán] đã yên định ngôi vị, ý nguyện của thiếp đã xong, nếu vạn nhất chúa thượng mất đi, thiếp nguyện đem tấm thân tuẫn tiết theo chúa thượng, quyết chẳng sống một mình". Chúa ngoái lại bảo Thùy rằng: "Sau khi ta mất, khanh hãy khéo léo khuyên giải, an ủi chính cung. Ví bằng chính cung cứ quyết chí không ngăn được, thì nên sắm sanh chở cùng một thuyền đem về táng bên mộ ta".

(3a) Bản A.4/5 và A. 1210 chép: ngày 25 tháng 10.

(3b) Bản A.1210 chép thêm: Bấy giờ Điện Độ Vương [lên nối ngôi] tuổi còn ấu thơ lại thêm bị bệnh, dân tình trong nước rất hoang mang.

(3c) Bản A.4/5 chép thêm: Lại ngầm sai nội giám, Nguyễn Đình mang kiếm giết Tông. Đình đến nơi giam,bị quân lính canh gác ngăn hỏi [việc bị lộ], Tông rất lo sợ.

nghe tiếng trống hiệu lệnh ở phủ đường làm hiệu. Chư quân bàn định đã xong. Viên ngoại lang Bùi Bật Trực biết mưu, đem mệnh mật bảo "ngày mai làm ngay cũng được". Chư quân đều cho là phải. Cho người đến nói với Quốc cữu là Diệm, đem báo quốc sư Hoàn. Hoàn muốn bảo Lý làm như việc cũ của Ân Vương [Trịnh Doanh] cho Tông nhiếp chính, Diệm nói với Thái phi [mẹ Trịnh Sâm]. Thái phi cho người bảo Lý. Lý khóc nói rằng:(3d) "Chúa trước chỉ có 2 con, chúa mới ốm không khỏi, ngôi chúa sẽ về con út [là Tông]. Còn việc nhiếp chính là dần dần đến cướp ngôi. Tôi nhận lời chúa trước phó thác, không dám lấy sống chết mà đổi tiết, vì nguy nan mà thay lòng, đầu tôi chưa rơi xuống đất, việc ấy không dám làm". Diệm sợ việc hở ra bị tai họa, lại bàn với Hoàn, Hoàn nói: "Việc đã như thế, mặc kệ cho chư quân làm". Thiêm tri Binh phiên là Nguyễn Nhưng soạn bài hịch "Chư quân phù chúa", dán ở trong vệ. Bởi thế trong kinh đồn rầm cả lên rằng: Chư quân tất làm loạn(3d), có người bảo Lý, Lý nói rằng: "Tôi nhận [tờ 76b] di mệnh của tiên chúa, sống chết cũng liều". Lý ngủ ở trong phủ, không dự bì gì(3e).

4. Sáng hôm sau, quan lại là Nguyễn Bằng đánh trống làm hiệu(4a), chư quân nghe tiếng trống đều cầm binh khí vào phủ, cửa đóng không

---

(3d) Bản A.1210 và A.4/5 chép thêm: Viên ngoại lang Bùi Bật Trực biết mưu ấy, bèn bảo với chư quân rằng: "Việc này có quan hệ rất lớn, nên nhờ Quốc cữu tâu rõ lên Thánh mẫu. Vạn nhất quận Huy biết chuyện còn có thể vin vào mật mệnh [mệnh lệnh bí mật] mà nói, rồi làm một cách minh bạch là hơn. Chư quân cho là phải. Bèn đến Nguyễn Trọng Chiểu bảo Chiểu trước tiên đem sự việc cáo với cha là Diệm. Diệm là em của Trịnh Thái phi Nguyễn thị. Diệm gạt đi, Chiểu nói rằng: chúng sĩ đã mưu tính xong, sự việc nhất định sẽ nổ ra không thể ngăn được". Diệm bất đắc dĩ phải mệnh cho người cháu là Nguyễn Trọng Kiêm bí mật bàn với Thái phi. Thái phi vốn cho việc bỏ trưởng lập thứ là không đúng, lại nghe quân chúng đêm pha huyên náo, trong lòng cũng nghi ngờ Lý. Chỉ sợ việc bại lộ vạ lây đến Diệm. Lệnh cho Kiêm mưu với Hoàn muốn bảo Lý bắt chước việc cũ của Minh Vương, lệnh cho Tông tạm giữ chính quyền. Hoàn nói: "Lão phu thiển kiến cũng không nghĩ tới việc này. Nhưng xin ban chỉ dụ bảo Lý, lão phu này sẽ xin ở giữa tán thành", Kiêm lại bảo với Nguyễn Thị, Nguyễn Thị sai người đến bảo Lý.

(3d) Bản A.4/5 thêm: Chư quân biết việc đã bị tiết lộ, quyết định lấy ngày 25 thì cử sự. Bấy giờ là ngày 24, gia nhân của Lý đem việc đó nói với Lý...

(3e) Bản A.4/5 thêm: Lý nói rằng: "Từ xưa đến nay, thế gian thường hay đồn ngoa chứ chưa thật đã có việc đó. Giả sử có đi nữa thì dần dần cũng sẽ xét ra chứ bọn chúng chẳng trốn đi đâu được. Nếu như sự biến xảy ra gấp quá mà tôi không chống đỡ nổi thì tôi cũng liều sống chết vì đã nhận di mệnh của tiên vương". Đêm ấy, Lý ngủ ở trong phủ chỉ đem theo số đầy tớ tùy tùng như thường lệ, tuyệt không phòng bị gì.

(4a) Bản A.4/5 chép chi tiết: Sáng hôm sau, vào chầu điện lễ xong, chư quân ngậm lệnh cho Nguyễn Nộn đánh trống. Nguyễn Nộn lên gác đánh được vài tiếng trống rồi ngừng.

vào được, họ hò hét dậy đất. Lý bảo Lê Đình Châu rằng: "Cậu giữ chức Binh phiên, để cho tam quân như thế, cậu không cấm được, tôi sẽ tâu chúa chém đầu cậu đi". Châu sợ hãi **[tờ 77a]** chạy ra, Lý lập tức tự tay làm tờ khải rằng: "Tôi nhận tiên chúa phó thác, phò giúp chúa. Nay tam quân nổi biến, kinh động cung khuyết. Tôi xin vâng lệnh chúa đem quân giết chúng đi. Nếu đánh được là do oai linh của chúa, nếu không đánh được, tôi xin liều chết để báo với Tiên chúa ở dưới đất". Khải làm xong giao cho Xuất nạp tiến trình, xin nhận gươm báu của chúa để đánh giặc, gươm dưa ra, Lý quỳ nhận, rồi cưỡi voi ra đánh. Châu đứng ở cửa bên tả các, cách tường, dụ tướng sĩ rằng: Quân phải có lễ phép, nay tử cung[4b] Tiên chúa đương còn quàn tạm, không được huyên náo. Có việc gì muốn nói nên làm tờ khải để đạt. Chư quân thét vang lên rằng: "Cậu cùng quận Huy làm phản à? Không mở cửa ra, chư quân trèo tường vào. Cậu sẽ bị tan xác ngay". Châu sợ, mở cửa ra, chư quân chen vai mà vào. Lý tuốt gươm lên voi đứng ở giữa sân phủ đường, chư quân xô lại vây quanh voi. Lấy gạch đá ném vào Lý, Lý cầm cung bắn thì dây cung đứt, giở súng ra nạp đạn thì lửa không cháy. Chư quân lôi người quăn voi xuống giết, Lý múa giáo đâm bị thương được vài người, chư quân đến càng nhiều, Lý bị thương, thúc voi theo cửa Tuyên Vũ đi ra. Cái chốt cửa vướng cào bành voi **[tờ 77b]** bành voi đứt, Lý ngã xuống, chư quân xúm lại đánh chết và giết cả em Lý là Hoàng Lương, kéo xác ra bỏ ở ngoài cửa. Chư quân cùng rước Tông lên ngôi ở giường phủ đường, lạy mừng, tuyên đọc chỉ của Thái Phi do Tông nối ngôi chúa. Ngày hôm ấy, vua sắc phong Tông làm Đoan Nam Vương. Phan Trọng Phiêm làm khải cho Cán xin nhường ngôi, giáng phong làm Cung quốc công.

5. Trịnh Vương Tông chỉ dụ rằng: Những môn hạ đồ đảng Đặng Tuyên phi, Hoàng Tố Lý, nhất thiết đều không xét hỏi[5a]. Duy 5 người là Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Huy Bá, Nguyễn Đình Án, Hà Như Sơn, Hoàng Đình Vượng, không được vào điều lệ tha tội, đấy là theo lời xin của kiêu binh. Lúc ấy Ngô Thì Nhậm về nhà chịu tang, đã đi về rồi, Nguyễn Đình

---

Tiệp báo biện lại là Bằng Vũ từ đằng sau đoạt lấy dùi trống đánh luôn ba hồi 9 tiếng. Lý sai người ra đóng cửa các môn, bắt trói Bằng, toan đem chém thì Thùy [Trung hầu] can rằng: "Mưu toan làm việc này nhất định không phải là một người, nếu đem chém đi thì đảng gian sẽ lọt lưới mất, chi bằng đem tống giam, tra xét kỹ để trừ hẳn mầm loạn". Lý cho là phải.

[4b] Tử cung: Chỉ quan tài Trịnh Sâm chưa chôn cất.

[5a] Bản A.1210 và A.4/5 chép thêm: Những người đã làm quan [trước đó] đều cho giữ tước vị như cũ

Án bị kiêu binh đánh chết trước, Nguyễn Huy Bá, Hà Như Sơn, Hoàng Đình Vượng đều trước sau bị bắt giết cả. Có người nói xin tìm bắt Ngô Thì Nhậm, Tông không trả lời. Nguyễn Khản, Nguyễn Phương Đĩnh cũng ngăn đi, Ngô Thì Nhậm được vô sự.

6. Nguyễn Hữu Chỉnh chạy vào Quảng Nam[6a]. Trước Chỉnh là môn hạ Hoàng Ngũ Phúc, tòng quân vào đánh miền Nam, làm thư ký. Hoàng Tố Lý yêu Chỉnh có tài nhanh nhẹn. Đến lúc Phúc chết, có người tố cáo Chỉnh lấy trộm của công, có dính cả đến Lý. Khi bắt Chỉnh hạ ngục, tra khảo, Chỉnh không cung xưng gì cả, Lý càng thêm yêu quý Chỉnh. Khi Lý làm Trấn thủ Nghệ An, Chỉnh làm Hữu tham quân. Lý sai Chỉnh đem thủy quân đi đánh **[tờ 78a]** "giặc" biển, thắng trận luôn, người vùng biển gọi Chỉnh là con cắt biển. Lý đổi làm Trấn thủ Sơn Nam, Chỉnh quân Tuần hải binh, ít lâu sau lại đổi về trấn Nghệ An.

Lúc trong kinh có biến loạn, môn hạ của Chỉnh là Hoàng Viết Tuyển từ biển về đến Đông Hải đem việc nói cho Chỉnh biết. Chỉnh về trấn bàn với Trấn thủ Phạm Đình Dao[6b]. Dao nói: "Bây giờ làm thế nào?" Chỉnh nói: "Bản trấn tiếp giới với Thuận Hóa, Phó tướng Phú Xuân là Hoàng Đình Thể, đồn thủ Động Hải là Khôi Thọ hầu, đều là thuộc tướng của tiên công (Hoàng Ngũ Phúc) cùng tôi là người đồng chí. Nay ta đưa mật thư cho Thể quận công, dùng kế giết đại tướng mà giữ lấy thành Phú Xuân. Khôi Thọ hầu tất đem Động Hải mà hưởng ứng với ta. Ông cứ giữ Nghệ An, cùng làm môi răng, chẹn đường Hoàng Mai lại, đóng trọng binh ở Quỳnh Lưu, làm kế cố thủ. Còn việc phòng thủ mặt biển, tôi tự đương lấy. Năm trước Siêu quận công Nguyễn Như Châu trong đời Vĩnh Hựu cũng dùng kế ấy, được khỏi nạn. Ông làm được như thế, không những khỏi nạn, tương lai hẳn còn kỳ công" Dao nói: "Tôi không làm được việc ấy, nên nghĩ kế thứ hai". Chỉnh nói rằng: "nếu không làm được như thế, chỉ có bỏ nước mà đi thôi". Dao nói: "Đi thì đi đâu?" Chỉnh nói: "Thiên hạ vạn quốc **[tờ 78b]** lo gì không có chỗ đi được". Dao chần chừ chưa quyết bảo Chỉnh rằng: "Để ta nghĩ kỹ xem". Chỉnh nói rằng: "Nay sự biến ở phút chốc, đợi ông nghĩ kỹ, lính bắt đã đến nơi rồi". Chỉnh bèn từ biệt về. Nói phao rằng: "Trấn quan sai đi tuần biển". Rồi đem cả gia quyến đi vào Quảng Nam. Nguyễn Văn Nhạc đãi Chỉnh làm thượng khách.

[6a] Bản A.4/5 và A.1210 chép thêm: Chỉnh người Đông Hải huyện Chân Phúc [Nghệ An].

[6b] Phạm Đình Dao: theo Cương mục chính là Vũ Tá Dao, em rể Hoàng Tố Lý.

7. Chư quân đón Hoàng trưởng tôn Duy Kỳ về nội điện[7a]. Trước đây lúc Cố thái tử Vĩ bị bắt. Hoàng trưởng tôn lên 6 tuổi, cùng với em là Duy Tụ, Duy Chi bị an trí ở trấn Sơn Tây. Sau đưa về kinh sư giam ở ngục Đề Lĩnh, đến bấy giờ [Hoàng trưởng tôn] tuổi đã 17.

8. Tháng mười một, Trịnh Cán chết[8a]. Trước đây tam quân làm biến. Gia thần của Cán đều chạy trốn. Duy có Diệm bế Cán cùng đi với Đặng thị lui ở cung khác. Cán càng ốm nặng, Tông[8b] hạ dụ nói ai chữa được Cán thì thưởng 100 lạng vàng và phong tước hầu. Nhưng không có ai đến chữa bệnh cho Cán. Đến bấy giờ Cán chết, chôn ở Mông Kiều[8c].

9. An táng Thịnh Vương, gọi tên lăng là Thịnh Phúc.

10. Ngày 15, trong không trung có một tiếng vang to, hơn một khắc mới im.

11. Sách phong mẹ Trịnh Tông là Dương Thị làm Thái phi, bà là Nguyễn Thị làm Thánh từ thái tôn.

12. Sách phong hoàng trưởng tôn **[tờ 79a]** Duy Kỳ làm[12a] Hoàng thái tôn[12b]. Giáng phong thái tử Duy Cận làm Sùng Nhượng công. Trước đây, lúc Duy Cận được lập làm Thái tử[12c], Thái tôn Nguyễn thị[12d] tán thành. Đến bấy giờ Hoàng trưởng tôn lại về nội điện. Nhân tâm đều có ý quy phục. Thánh từ thái tôn sai Liêm Tăng bắt Hoàng thái tôn [Duy Kỳ] đến. Hoàng thái tôn chối không được, vừa khóc vừa đi[12d]. Bị lính đi tuần ngăn trở lại. Đến bấy giờ tam quân nói rầm lên, đòi tra xét ra ai mưu giết Hoàng thái tôn. Lính tìm bắt Diêm Tăng không được, ngờ là Thái tử [Duy Cận] chủ mưu. Gặp lúc Thái tử [Duy Cận] vào chầu bà Thánh từ Thái tôn, có nghi trượng dặt ở dưới cửa phải, bị chư quân phá tan cả. Thái tử [Duy Cận] sợ, mặc áo thường trốn về được. Trịnh Vương Tông biết việc ấy do bà Thánh từ Thái tôn, bèn dụ tam quân không được huyên náo. Lập tức sai triều thần bàn lập Hoàng trưởng tôn chính vị

(7a) Bản A.1210 và A.4/5 thêm: Trưởng tôn là cháu đích tôn, con của cố Thái tử Duy Vĩ.

(8b) Bản A.4/5 chép là: Đoan Nam Vương.

(8c) Bản A.1210 thêm: Ban Thụy là Trung cẩn.

(12a) Bản A.1210 chép là Duy Khiêm [Khiêm là tên khác của Duy Kỳ sau là vua Chiêu Thống. Xin xem thêm các đoạn 36, 37, 38, năm 1771 và đoạn 7 trên đây].

(12b) Bản A.4/5 và A.1210 chép là: Hoàng tự tôn.

(12c) Việc này xin xem lại năm 1769, đoạn 26.

(12d) Bản A.4/5 chép thêm: Phu võng cưỡng ép bắt nằm vào võng đưa đi, Hoàng Tôn ở trong võng kêu khóc.

đông cung, lệnh cho Thái tử Duy Cận nhường ngôi và giáng phong Cận làm Sùng Nhượng công.

13. Chúa Trịnh Tông lại mời Nguyễn Khản hồi ban, thăng chức thượng thư bộ Lại phong tước là Toàn quận công, ra làm trấn thủ Sơn Tây. Cho cậu là Dương Khuông[13a] làm quản binh, phong tước hầu. Bãi chức Tham tụng của Phan Lê Phiên. Cho Bồi tụng Bùi Huy Bích làm Tham tụng, phong là Kế Liệt hầu, cho Thao Đường bá Uông Sĩ Lãng, Kinh Dương bá Hồ Sĩ Đống[13b], Luyện Giáng **[tờ 78b]** bá Trần Công Sán làm Nhập thị bồi tụng[13c].

Quý Mão, Cảnh Hưng năm thứ 44 [1783] (Thanh, Kiền Long thứ 48)

1. Giáng Tuyên phi Đặng Thị làm dân thường. Trịnh Kiều, Phan Lê Phiên, Nguyễn Diệm, Tạ Danh Thùy, Nhữ Công Chân đều bãi chức đuổi về. Lúc bấy giờ chúa Trịnh Tông đem thư cố mệnh ra xem, trong có chữ [bà Thánh Từ thái tôn] phê bằng son nói rằng: "không phải bút tích của tiên chúa, không đủ làm căn cứ". Phạm Nguyễn Du làm bài "Quốc thị luận" có câu rằng: "Việc lập Điện Đô Vương và sách phong Tuyên phi cùng thư cố mệnh đều là loạn mệnh[1a] của Tiên chúa, không thể cho là phải[1b] Thánh mẫu (tức là Thái tôn Nguyễn thị) lấy danh nghĩa là mẹ mà sửa đổi việc con làm, thực là sự lý đúng đắn. Nên truy xét cái tội theo hùa phụ họa mà xử cho sáng tỏ". Bởi thế mới bỏ Đặng Thị làm dân thường, Phan Lê Phiên phải tội tự tiện thảo di mệnh, [Trịnh Kiều] phải tội vì thay chúa viết tên, Chân phải tội vì tự tiện thảo sách phong Tuyên phi, Thùy bị tội tự tiện phổ biến sách thư. Diệm vì A bảo của Cán, đều phải bãi chức.

2. Chúa [Trịnh Tông] cho Nguyễn Khản làm Nhập thị tham tụng, Dương Khuông làm Quyền phủ sự.

3. Từ khi chư quân lập chúa xong rồi, cậy công kiêu ngạo làm càn, ngày ngày tụ họp bàn chính sự, đòi bàn ơn. Triều quan ai giữ phép mà bài bác, thì chúng bèn phá nhà, đánh chết. Triều đình bàn: nên bàn

---

[13a] Dương Khuông là em trai Dương Thị Ngọc Hoan, mẹ Trịnh Tông, quê ở Phong Phú, huyện Thạch Hà (Hà Tĩnh).

[13b] Bản A.1210 chép là: Dao Hải bá Hồ Sĩ Đống.
Bản A.4/5 chép là: Dao Đình Bá Hồ Sĩ Đống.

[13c] Sự việc 12, 13 sách Cương mục chép vào năm 1783.

[1a] Loạn mệnh: Mệnh lệnh ra từ lúc khỏe mạnh tỉnh táo là trị mệnh. Mệnh lệnh ra vào lúc gần chết, mê man là loạn mệnh.

[1b] Xem lại năm 1782, đoạn 2.

công phong tước để tỏ sự đền công cho [tờ 80a] mãn nguyện, rồi sau sẽ buộc và khuôn phép. Chúa Trịnh Tông cho là phải, cho quân lại là Nguyễn Bằng làm Suy công dực vận công thần xuất thân, phong tước hầu. Quản Thị hậu binh là Viêm quận công Nguyễn Trọng Viêm trở xuống, đều phong Tuyên lực công thần, thăng chức xuất thân có cấp bậc khác nhau. Lại cho 30 người khởi hội làm nhóm Trung nghĩa, thăng thưởng đặc biệt. Còn ngoài ra các quân thủy bộ trong ngoài đều cho thăng chức một bậc và ban thưởng ngân tiền, nhiều ít có khác nhau và cấp cho mỗi người một dạo sắc lưu không (để trống tên, có thể nhường chức cho người khác lấy tiền). Chư quân nhận thưởng xong, chúa Trịnh Tông ra lệnh dụ cho mọi người đều phải giữ phép, cùng vui thái bình. Bởi thế mới hơi yên.

4. Bồi tụng Hồ Sĩ Đông vì có tang phải nghỉ việc, chúa cho được dùng lại, đổi nhận vào ban võ làm Nhập thị đồng tham tụng, phong tước hầu[1a].

Giáp Thìn, Cảnh Hưng năm thứ 45 [1784] (Thanh, Kiền Long thứ 49)

1. Tháng giêng nhuận, ngày 15, chư quân làm loạn, phá nhà Nguyễn Khản, Dương Khuông, giết Thị hậu Nguyễn Chiêm.

Từ khi Khản, Khuông vào chính phủ, việc gì cũng mạnh bạo tiến hành, không lo nghĩ gì. Cùng nhau mưu bàn ức chế kiêu binh. Gặp có 4 người giả danh là đồng đội đến bắt ức mượn tiền của lái buôn Đông Hà, bị đội trưởng [tờ 80b] phát giác, đều bị xử chém. Quân chúng dù giận là nghiêm khắc quá, nhưng trót đã tự đội trưởng phát giác, cũng đều chịu im. Lũ Khản nghĩ thế là quyền cương đã hơi vững. Bảo nhau rằng: từ nay về sau có thể cứ thế mà làm[1b]. Lúc bấy giờ trong chư quân những

---

[1a] Bản A.4/5 và A.1210 chép thêm: Mệnh cho quan bộ Lễ thăng phẩm trật cho bách thần.

[1b] Bản A.4/5 chép thêm: có tên Trì huyện Mai Doãn Khuê muốn tăng công với chúa, bí mật mách bảo với Khản rằng: triều đình cho rằng kiêu binh đã hơn yên, nào biết đâu chúng đang sắp làm những việc không thể tưởng tượng được. Tôi nghe chúng nói rằng, Hoàng tự tôn là do chúng đón về, nay hoàng thượng tuổi đã cao mà Tự Tôn thì đã trưởng thành, chúng định hội họp nhau lại tâu xin Hoàng thượng nhường ngôi, khiến cho ngôi vua ngôi chúa đều là do quân sĩ định đoạt để cho công lao càng thêm to lớn. Trong số đó có kẻ lại mưu tôn phò nhà vua lên giữ quyền nhất thống. Kẻ ấy làm thành được thì các ông sẽ đặt mình vào đâu?" Khản nói lại với chúa, chúa sai Khuê chui vào trong đám quân kiêu binh để tìm bới [kẻ âm mưu], Khuê nói Nguyễn Siêu, cháu gọi Phan Trọng Phiên bằng cậu cũng có dự mưu. Tuy sự giao xuống tra xét không đi đến đâu nhưng triều đình vẫn cho Khuê là thẳng thắn, cầm tù Siêu ở bản quán, phong cho Khuê tước Khuê Lĩnh bá và làm Quản nội điện thị hậu binh kiêm chức giảng quan cho Hoàng tự tôn. Cho Khuê ở trong nội điện để rình mò xét nét...

đứa có công lớn đón Hoàng tự tôn về, bèn lên điện tâu vua xin phong ấm. Vua cho vào điện Vạn Thọ tuyên chi úy lạo. Có người chạy đến tâu chúa rằng: "Kiêu binh tụ ở nội điện mưu tôn phù nhà vua lên giữ quyền nhất thông". Chúa lập tức cho triệu Khản đến bàn mưu kế. Khản xin cho quân đến bắt, giết đi. Chúa bèn sai Chiêm đi, Chiêm ra cửa phủ tuốt gươm ra, lấy tay sờ lưỡi gươm nói rằng: "Gươm sắc lắm, đem chém đầu kiêu binh thì tốt lắm đây". Bèn dẫn quân đến điện vây bắt được 7 người kiêu binh, chúa cho triệu bách quan đem 7 người ấy tra hỏi. Mọi người bàn phần nhiều có ý che đỡ, chỉ có Khuông hăng hái nói rằng: Không cần xét hỏi, chỉ là quen tụ họp không chừa, nên chém, còn phải bàn gì. Chúng cậy đông người mà kiêu, không thể một chốc giết hết đi được, chỉ đứa nào phạm tội thì không tha. Ví như một mớ đũa, cứng không bẻ được, bẻ một vài cái một, lâu cũng tự hết. Ngày trước đã chém 4 đứa, 4 đứa ấy chết, chả thấy chúng bắt đền ai. Triều đình bèn chiếu luật: "Vượt vào [tờ 8la] hoành thành đền xử tội chém bêu đầu". Lời bàn ấy dâng lên, ngay hôm ấy xử quyết.

Trong ngoài truyền khen cho là "khoái". Bởi thế chư quân phẫn uất, họp nhau đến vây nhà Khản, Khuông, Chiêm. Khuông, Chiêm trốn vào phủ chúa. Gia tướng nhà Khản cùng chơ quân đánh nhau ở ngoài cửa. Khản thay quần áo đi đường tắt chạy thoát. Chư quân phá nhà Khản, Khuông, Chiêm. Chư quân biết lũ Khuông ẩn trong phủ chúa, họ kéo nhau vào phủ đường. Thái phi Dương Thị xin chuộc tội cho Khuông, chư quân đòi bắt Chiêm. Chúa Trịnh Tông cũng đồng tình không cho bắt. Chúa lại vào báo tin đó cho Chiêm. Chiêm nói rằng: "Chết thì chết. Tôi xin hai tay hai gươm đánh nhau với chúng một trận, giết chúng vài trăm người rồi tôi cũng chết, để chúa hả giận". Tông nói: "Như thế thì kinh động đến thái phi, mà ta cũng không tự bảo toàn được". Chiêm ném gươm xuống đất nói rằng: "Như thế biết làm thế nào? Ta chỉ chết uổng mạng thôi!". Chúa khóc cho Chiêm đi. Chiêm lạy tạ rồi đi. Chư quân nắm lấy Chiêm hỏi rằng: "Gươm sắc của mày thế nào?" Chiêm nói rằng: "Tao không lấy được gươm này chém đầu chúng bay. Sẽ có người khác đến chém chúng mày". Chiêm cầu đá ngồi yên. Chúng lấy đá đánh vào đầu Chiêm, máu chảy qua mặt, Chiêm không động thân, lấy [tờ 81b] tay áo chùi mặt cười nói rằng: "Ta không thi trường bác cử, mà còn thi gan dạ". Một người đứng sau lấy giáo dài, đâm Chiêm chết.

2. Trấn thủ Sơn Tây Điều Nhạc hầu Nguyễn Điều, Trấn thủ Sơn Nam là Thạc quận công Hoàng Phùng Cơ khởi quân đánh kiêu binh không được. Nguyễn Khản chạy đi Thái Nguyên, đến Sơn Tây thì Nguyễn Điều bảo Khản rằng: "Dân tứ trấn oán kiêu binh đến xương tủy, nay lấy danh nghĩa lấy kiêu binh, hô một tiếng ai chẳng hưởng ứng. Trấn Sơn Tây này ở đất thượng du. Anh kiêm trấn Hưng Hóa, thổ tù đều là thuộc hạ cũ [của anh] Trấn Mục Tuyên Quang Diễn quận công Hoàng Văn Đồng giàu mạnh hơn cả thiên hạ, năm trước được anh chiêu dụ. Đưa một bức thư đến, tất họ theo lệnh ta. Trấn Sơn Nam có Hoàng Phùng Cơ là tướng bách chiến, vốn được coi là vô địch. Trương Tuân ở trấn Kinh Bắc Trịnh Tự Quyền[2a] ở trấn Hải Dương cũng đều là tướng có tài trí. Nay lấy mệnh chúa bí mật truyền bảo họ ngầm nuôi nghĩa sĩ thu lấy trấn dinh, đều theo anh điều khiển. Anh là tể thần, kiêm phần sư phó, một lời nói ra, các trấn ai dám chẳng theo. Rồi sau lấy các tướng Bắc, Thái đi theo, chiêu tập thổ tù miền núi làm [tờ 82a] thế chống đỡ nhau, ước hẹn cùng ngày khởi sự, bốn phương tám mặt đánh trống reo hò mà vào thành. Kiêu binh không có đường chạy. Giết những đứa đầu sỏ gian ác, tha đứa tòng phạm mà buộc vào kỷ luật, không phải là việc khó đâu. Khản nói rằng: "Kẻ yếu rất hay, nhưng chúa ở trong tay chúng, ném chuột sợ vỡ lọ thì làm thế nào?" Điều nói: "Việc ấy rất dễ: trước sai người khải nói với chúa, mật báo Thạc quận công ngầm đem thuyền nhỏ đón chúa, chúa mặc áo thường dân lên thuyền, thuận dòng sông mà xuôi xuống đóng ở dinh trấn Sơn Nam. Rồi sau các trấn đều phát binh làm việc, thì không trở ngại gì". Khản nói: "Nếu không có chú thì tôi không biết làm việc này". Khản bèn khải với Tông, Tông mừng lắm, viết mật chỉ khen đáp. Mưu đã định, Cơ định đến ngày ấy[2b] đón chúa, mồng 1 tháng 2 các trấn khởi binh. Kinh sư sôi nổi, nói: "Trấn Sơn tây khởi binh vào thành, giết hết kiêu binh". Chư quân vào phủ, xin chúa đi đánh. Chúa bất đắc dĩ lên lầu úy lạo. Trong chư quân có đứa biết mưu ấy rồi, trách chúa rằng: "Chúa chớ lấy miệng lưỡi đưa đẩy lừa dối, đây đến cung Tây Long, chẳng quá một trăm bước đã có thuyền Thạc quận công trực đón ở đấy rồi". Chúa im lặng. Bởi thế chư quân ngày đêm canh giữ phủ chúa rất

---

[2a] Bản A.4/5 và A. 1210 chép là Trịnh Tự Thái.

[2b] Bản A.4/5 và A.1210 chép: ngày 28 tháng giêng.

ngặt, ai ra vào đều khám xét **[từ 82b]** Chúa sắp xếp kế đi ra ngoài thành, Thái phi cố can ngăn, chúa không dám trái ý, việc bèn thôi.

Ất Tỵ, Cảnh Hưng năm thứ 46 [1785] (Thanh, Kiền Long thứ 50)

Tháng ba, thi Hội lấy trúng cách bọn Nguyễn Bá Lan(1a)... 5 người, sang tháng thi Đình, cho Nguyễn Du(1b) đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Ngô Nho(1c) 4 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân(1d) - (1g).

Đầm Thịnh Liệt ở huyện Thanh Trì nước đỏ.

Đồng tham tụng Kinh Dương hầu Hồ Sĩ Đống mất.

Bính Ngọ, Cảnh Hưng năm thứ 47 [1786] (Thanh, Kiền Long thứ 51)

(1a) và (1b) (Xem khảo chú).

1. Mùa hạ tháng năm, Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc sai em là Nguyễn Văn Huệ lấy Thuận Hóa. Trấn thủ Tạo quận công Phạm Công Cầu đem thành hàng. Phó tướng Thể quận công Hoàng Đình Thể, Đốc thị Nguyễn Trọng Đang chết. Trước đây Nguyễn Hữu Chỉnh về với Tây Sơn, thường khuyên Nhạc đánh lấy Bắc Hà. Gặp có người nhà từ Nghệ

(1a) Nguyễn Bá Lan: Người thôn Ô Cách, xã Cổ Lĩnh, huyện Gia Lâm. 29 tuổi đỗ Hội Nguyên (theo LTTK).

(1b) Nguyễn Du: Người xã Văn Xá, huyện Thanh Oai, nhà ở xã Viên Ngoại, huyện Chương Đức, 32 tuổi đỗ (theo LTTK).

(1c) Ngô Nho Người xã Tri Chỉ, huyện Phú Xuyên, 50 tuổi.

(1d) Bản A.1210 chép thêm: Thi bác cử, cho Ngô Phúc Lâm đỗ tạo sĩ.

(1d) Cho Hoàng Phùng Cơ làm trấn thủ Sơn Tây.

(1e) Lệnh cho quan viên trăm họ nộp những tiền xấu và cho thăng chức cao thấp có khác nhau. Bấy giờ những người buôn bán trong dân gian tranh nhau kén chọn tiền, vì vậy việc giao dịch buôn bán không thông. (Triều đình) dù nhiều lần ngăn cấm mà không được, cho nên hạ lệnh đem nộp để hủy đi. Lại hạ lệnh cho phép thuế của dân xã được thu nhận tiền xấu.

(1g) Tháng 12, phát sinh nạn sâu keo, trong nước đói to, "giặc" cướp nổi lên rất nhiều. Chúa lệnh cho mỗi huyện đặt 2 viên phủ dụ đi tuần hành trong huyện đôn đốc dân thôn đoàn kết nhau lại dựng đồn để ngăn "giặc" cướp.

(1a) Bản A.1210 chép thêm: Bấy giờ giá gạo cao vọt. Chúa mệnh cho quan Phủ doãn trong kinh cùng tam ty các xứ chia nhau đi xem trong hạt mình phàm người nào có của cải thì cấp sắc lệnh cho được nhậm chức, rồi liệu lượng thu lấy tiền, thóc để chẩn phát cho dân nghèo.

Ra lệnh mở kho Vị Hoàng, quân bình giá cả, dân đỡ khổ.

Bấy giờ việc chi dùng trong nước rất lớn, kho phủ rỗng không. Chúa bèn ra lệnh cho bách quan văn võ cùng các chức tạp lưu dâng tiền, tùy theo số tiền nhiều ít mà thăng chức có khác nhau.

An vào, đem mật chỉ của triều đình triệu Chỉnh về. Chỉnh nói sự trạng Bắc Hà. Người nhà kể việc Đoan Nam Vương giết tay chân của Huy quận công và các việc binh kiêu, tướng hèn, chính sự phiền hà, dân oán thán... Chỉnh bảo Nhạc lấy Thuận Hóa trước. Nhạc bèn sai Huệ làm tiết chế các quân thủy bộ. Và sai tướng khác là Vũ Văn Nhậm đem Tả quân, **[tờ 83a]** Nguyễn Hữu Chỉnh đem Hữu quân, chia đường thẳng tiến đến Phú Xuân.

Lúc bấy giờ Phạm Ngô Cầu chỉ chuyên nghề buôn bán, Người Thuận Hóa đã chán. Những người sai khiến phụ giúp như Nguyễn Phu Như, Vũ Vĩnh Thành đi dụ Nguyễn Văn Nhạc, lại đem việc nước bảo cho "giặc". Bởi thế Nhạc viết hết sự hư thực của thành Phú Xuân. Quân địch qua núi Hải Vân, tướng coi đồn là Quyền Trung hầu Hoàng Nghĩa Hồ ra đánh, bị chết. Cầu còn đương làm đàn cúng Phật, tướng sĩ phục dịch ngày đêm không được nghỉ, quân "địch" chợt đến không ai chống đánh gì cả. Phó tướng Hoàng Đình Thể một mình đem lính bản bộ lên đánh "giặc", súng hết đạn, cha con 3 người đều chết tại trận. Huệ đưa quân vào thành, cầu xe quan tài ra hàng. Đốc thị Nguyễn Trọng Đang bị loạn quân giết chết. Lính thú trong thành cùng dân ông dân bà chết đến hơn 3 vạn người (?) Huệ sai tướng khác đi đánh đồn Động Hải, tướng giữ đồn là Vị Phái hầu[1c] nghe phong thanh, ban đêm trốn đi ngay. Tin đến nơi, triều đình kinh sợ. Bàn bỏ Thuận Hóa, sửa lại lũy cũ Nghệ An để lưu đồn, mà mọi người bàn mỗi người một khác, không làm được việc gì nữa.

2. Huệ đã lấy được Thuận Hóa, hội chư tướng bàn sửa đồn Lũy Thầy. Chỉnh bàn rằng: 'Minh công đánh một trận mà **[tờ 83b]** lấy được Thuận Hóa, uy danh vang thiên hạ, đạo dùng binh một là thời hai là thế, ba là cơ, biết dựa vào ba điều ấy thì đã đi là tất thắng. Nay ở Bắc Hà binh kiêu, tướng hèn, triều đình không có kỷ cương gì, ta nhân đại thắng mà đánh lấy. Đúng như câu: "Đánh kẻ yếu, lấn kẻ ngu, lấy nước loạn khinh nước mất". Đấy là cơ và thời không nên bỏ lỡ". Huệ nói: "Nhân tài Bắc Hà rất nhiều, chưa nên khinh thường". Chỉnh nói: "Nhân tài Bắc Hà chỉ có một mình tôi. Tôi đã đi là nước trống không. Xin minh công chớ ngờ". Huệ cười nói: "Người khác không ai đáng ngờ, đáng ngờ chỉ là ông thôi". Chỉnh sợ tạ lỗi, Huệ lại nói rằng: "Bắc Hà dựng nước 400 năm. Nay ta cướp mà lấy, người ta gọi quân ta là quân gì?" Chỉnh nói: "Bắc Hà có vua có chúa là sự loạn biến tột bực xưa nay. Họ Trịnh tiếng gọi là Phù

[1b] Cho Hiệp trấn Kinh bắc Nguyễn Trọng Kiêm làm Đốc trấn Lạng Sơn.

[1c] Bản A.1210 chép thêm: và Đốc đồng Ninh Tốn.

Lê, kỳ thực là hiếp chế. Vả khí số họ Trịnh đã hết. Tôi nghe kiểu đất họ Trịnh rằng: "Phi đế phi bá, quyền khuynh thiên hạ, tộ truyền nhị bách, tiêu tường khởi họa[2a]". Tính từ Thái Vương [Trịnh Kiểm] đến Tĩnh Vương [Trịnh Sâm] đã đủ số 200 năm rồi[2b]. Nếu minh công lấy việc diệt Trịnh phù Lê làm danh nghĩa thì thiên hạ ai chẳng hướng phục. Đấy là cơ hội nghìn năm có một". Huệ nói: "Đây thật là việc tốt [tờ 84a]. Nhưng ta vâng mệnh đi lấy Thuận Hoá, không phải là vâng mệnh đi đánh đất người ta. Sao dám trái mệnh". Chinh nói rằng: "Truyện Xuân Thu có câu "Trái cái nhỏ mà công to là có công". Mà có trái gì đâu? Minh công há chẳng nghe câu "tướng tại ngoại, quân mệnh hữu sở bất thụ"[2c]. Huệ là người quả quyết. Nghe Chinh nói đúng hợp ý mình. Bèn sai Hữu Chinh đem thuỷ binh Tuyên phong ra cửa biển Đại An còn Huệ tự thống lĩnh quân vượt biển tiến theo.

3. Tháng sáu, Nguyễn Hữu Chinh đến Vị Hoàng: tướng dồn này bỏ dồn chạy. Tin ấy báo đến, kinh thành sợ hãi quá. Chúa Trịnh Tông sai Trịnh Tự Quyền làm thống lĩnh, đem lính 27 cơ hiệu, tiến đến Nghệ An chống địch. Lúc ấy kiêu binh đều không có chí chiến đấu, Quyền cũng nhát sợ chần chừ, được lệnh đã mươi ngày mà không tiến quân, ngầm đem bạc lương chôn giấu ở vườn nhà, định làm kế chạy. Đến lúc quân ra khỏi thành vài mươi dặm, thì được tin quân Nguyễn Huệ đã tiến đến bến sông Vị Hoàng rồi. Trước đây, Huệ hẹn với Chinh đến trước ở sông Vị Hoàng đốt khói lửa làm hiệu, để tiện nhận rõ. Ở cửa biển gặp khí gió nam nổi to, Huệ đem hàng ngàn thuyền vượt biển thuận gió đi như bay. Không mấy ngày đến sông Vị Hoàng, cờ xí gươm giáo [tờ 84b] sáng loáng cả trên bờ, dưới sông, nhân tình sợ hãi. Chúa thay đổi lệnh, sai Quyền đem quân chống giặc ở Sơn Nam. Lại sai thêm Liên Trung hầu Đinh Tích Nhưỡng đốc lĩnh thuỷ binh đón đánh, cùng Quyền chống đỡ cho nhau. Nhưỡng bày thuỷ binh ở cửa sông Canh Nông. Thuỷ sư của Huệ ngược dòng nước mà bơi lên, hai quân gặp nhau bắn đạn như mưa, Huệ sai thuyền máy vừa bắn vừa giương buồm tiến lên, trong thuyền bày bù nhìn, đều cầm gươm cầm giáo. Quân Nhưỡng ở bến sông, thấy thuyền máy thì bắn loạn xạ, không thấy trong thuyền động dạng gì. Đến

---

(2a) Tiêu cường: chỉ nơi thân cận tức là trong nhà cha con anh em với nhau.

(2b) Bốn câu kiểu đất họ Trịnh nghĩa là: "Chẳng phải là vua, chẳng phải là bá, uy quyền nghiêng cả thiên hạ, truyền ngôi 200 năm, tai họa nổi lên từ ngay trong gia đình.

(2c) Tướng tại ngoại, quân mệnh hữu sở bất thụ: Tướng ở ngoài, có khi không cần theo mệnh vua.

lúc biết người trong thuyền máy đều là bù nhìn, thì súng đạn bắn đã hết, bèn bỏ thuyền lên bộ. Chợt nghe bên thuyền địch có một tiếng súng bắn ra gãy cây cổ thụ bên đường. Lính của Nhưỡng đều sợ chạy. Tướng Tây Sơn thúc quân lên bộ đuổi theo đánh, quan quân chết chồng lên nhau. Nhưỡng chỉ chạy thoát được một mình.

Trấn thủ Sơn Nam Trương Trung hầu Đỗ Thế Dận bỏ trấn mà chạy. Quân của Tự Quyền đóng ở Kim Động, cũng không đánh chác gì mà tự tan vỡ. Đại binh của Huệ gần đến kinh kỳ, quan viên văn võ trong thành nghe tiếng đều chạy trốn từ ban đêm. Không một người nào tự nhận việc đánh "giặc". Chúa ghét Tham [tờ 85a] tụng Bùi Huy Bích làm việc trong chính quyền mà không có công trạng gì, bèn cho đi đốc chiến và triệu Hành tham tụng Trần Công Thước mật bàn kế chống "giặc" hoặc "đánh giặc". Thước bàn rằng: "Giặc" đem quân vào sâu [trong đất ta] điều ấy phép nhà binh vẫn kiêng kỵ. Nên dử "giặc" vào chỗ gần, đánh một trận mà giết đi. Kinh sư là nơi cỗi rễ của đất nước không nên xa lìa. Nếu có nguy cấp cũng nên dựa lưng vào thành mà đánh một trận". Lúc bấy giờ Hoàng Phùng Cơ trấn thủ Sơn Tây. Chúa Trịnh Tông lập tức cho triệu về, vào chầu, Cơ nói rằng: "Cha con tôi 9 người xin liều chết báo ơn nước, thề không cùng sống với "giặc". Chúa khen tốt. Cho 5.000 lạng bạc làm quân nhu. Cơ bầy trận ở sông Thuý Ái. Quân của Huệ áp đến, quân của Cơ đương giải áo giáp ngồi ăn cơm. Huệ chia quân làm tả hữu dực, xông lại đâm chém, đuổi đến hồ Vạn Xuân, chết không biết bao nhiêu mà kể. Cơ cùng 8 con cố sức đánh, 6 con chết tại trận. Duy 2 con hộ vệ cho Cơ cướp lấy đường mà chạy. Quân Huệ đến Tây Long, chúa Trịnh Tông bày quân ở trước lầu Ngũ Long, mặc áo trận cưỡi voi chỉ huy bộ binh tiến lên. Chư quân nghe tiếng trống giục, trống hiệu cờ phất mà chỉ đứng im không động, "giặc" dùng súng hỏa hổ bắn vào [tờ 85b]. Chư quân tan vỡ. Chúa Trịnh Tông thúc voi về phủ, thấy ngoài cửa phủ đã cắm cờ Tây Sơn, bèn đem quân voi hơn 100 người theo cửa An Hoa chạy đi Sơn Tây. Huệ đưa quân vào thành, thu hết vàng ngọc gấm vóc ở phủ chúa Trịnh đem khao thưởng quân sĩ, hạ lệnh chiêu an trăm họ. Chúa Trịnh chạy lên phía Tây, cũng không ai đuổi theo.

4. Chúa Trịnh chạy đến Yên Lãng, hào mục xã Hạ Lôi là Nguyễn Văn Trang bắt đưa về kinh thành, chưa đến nơi chúa tự đâm cổ chết. Tri Lại phiên Lý Trần Quán chết theo.

Lúc Trịnh Sâm qua sông chạy về phía Tây, có Nguyễn Viện là con Phó đô ngự sử cũ Nguyễn Thưởng, đón ở đường, xin dẫn hương binh bảo

vệ, chúa Trịnh ngờ, hỏi vùng này có tiến sĩ nào ở đấy không? Viện nói có Lý Trần Quán là phủ dự Yên Lãng. Chúa Trịnh vội tìm đến với Quán. Quán sai Trang hộ vệ chúa Trịnh, lại nói rằng: "Đây là Tham tụng Kế Liệt hầu đi đến đây, mày đưa đi qua khỏi địa giới". Trang biết là chúa Trịnh, bắt đem về kinh. Quán nghe có biến cố ấy, vội đến đem đại nghĩa vua và thầy để trách Trang. Trang nói rằng: "Sợ thầy không bằng sợ giặc, yêu chúa không bằng yêu thần **[tờ 86a]**, tôi không để ông làm lỡ việc". Quán đến trước chúa lạy khóc nói rằng: "Ôi trời ôi, tôi giết chúa tôi, trời biết hay không". Chúa Trịnh úy lạo rằng: "Lòng trung thành của khanh ta đã biết rồi, không phải tự oán mình làm gì". Chúa bị Trang dẫn đi. Đến giữa đường, vào hàng cơm nghỉ, chúa lấy được con dao con của nhà hàng cơm, tự đâm vào cổ, dao nhỏ, vết thương nông, bèn lấy tay móc chỗ bị thương xé ra, chúa khát, uống nước rồi chết. Trang đưa xác chúa về kinh. Huệ sai khâm liệm, cho đưa cất tông táng theo lễ vương giả, đem chôn chung vào mả Trịnh Cán. Phong Trang làm Tráng Liệt hầu, cho giữ chức Trấn thủ Sơn Tây.

Lý Trần Quán đã bị Trang lừa phỉnh, trong lòng phẫn uất, về bảo người nhà trọ rằng: "Ta làm bề tôi mà làm lỡ chúa, không biết không tỏ lòng ta với trời đất được". Bèn cho mua quan tài, đào vườn sau chỗ ở làm huyệt, đặt quan tài xuống huyệt, mặc mũ áo hướng về phía nam lạy hai lạy, bỏ mũ đi, lấy áo trắng làm khăn đội đầu, lưng thắt đai to, nằm yên trong quan tài, miệng đọc một câu đối rằng: "Tạm niên chi hiếu dĩ hoàn, thập phần chi trung vị bạch"[4a], dặn người nhà trọ về bảo con viết câu đối ấy ở vách nhà thờ. Rồi sai người nhà trọ dậy nắp quan tài [tờ 86b] lấp đất lên. Đấy là việc xảy ra sau khi chúa mất 3 ngày. Quán có hiếu hạnh, tính người giản dị, chất phác. Đến khi ấy chết theo chúa. Ai nghe biết chuyện này cũng thương[4b].

[4a] Câu đối: "Tam niên chi hiếu dĩ hoàn, Thập phần chi trung vị bạch", nghĩa là:

"Để tang 3 năm, vừa xong đạo hiếu
Thờ chúa mười phần, chưa tỏ lòng trung".

(4b) Bản A.1210 chép: Trong trận Thúy Ái có viên tiểu tướng là Quản Tiền trạch đội họ Ngô (tức Ngô Phúc Hoàn người Trào Nha, Thạch Hà, Hà Tĩnh) tuổi ngoài 70 ra đứng ở đầu thuyền giao chiến với "giặc", bị trúng đạn ngã xuống sông chết. Có người thiếp là Lưu thị [có sách chép là Phan thị] đi vòng quanh sông gào khóc chồng vài ngày rồi nhảy xuống sông tự tử. Về sau Yến Đô Vương lên ngôi, phong cho là "Tiết nghĩa phu nhân". Người đời sau có câu đối vãn rằng: "Binh đao trên sông Nhị đã khiến giọt lệ cương thường phải dầm sa; Sóng gió bến Thúy Ái làm cho tấm thân tiết nghĩa được nổi bật".

5. Mùa thu, tháng bảy, vua bị mệt, Nguyễn Huệ vào triều yết ở điện Vạn Thọ. Vua sai đặt một giường ở bên cạnh giường vua, cho Huệ ngồi, úy lạo. Huệ tâu rằng: "Tôi vốn là người áo vải trại Tây Sơn, thừa thời nổi dậy, chóng làm nên công, tuy không được bệ hạ ban cho cơm áo, nhưng tôi ở trong nơi mọi rợ vẫn kính cẩn ngửa trông thánh đức đã lâu. Ngày nay được trông mặt rồng, đủ thỏa lòng thành. Chúa Trịnh vô lễ, lăng loàn bức bách nhà vua nên trời mượn tay tôi giết họ Trịnh để tỏ rõ quyền uy của bệ hạ. May mà thành công, thực bởi phúc đức bệ hạ. Cho kẻ tôi ở xa này được nhờ phúc". Vua Lê nói: "Minh công trèo dèo lội suối từ xa đến, quà nhân không biết lấy gì tặng, lòng thực áy náy". Huệ tâu rằng: "Tôi lần này đến đây là bởi ý trời. Và như quân chúng tàu thuyền của tôi rong ruổi đến được đây cũng như việc nước lụt rút xuống, gió nam nổi lên, có phải sức tôi làm được đâu. Trời cho bệ hạ thống nhất bờ cõi, tôi [tờ 87a] sao dám mưu lợi kể công". Huệ lại sai Nguyễn Hữu Chỉnh vào yết kiến, vua cũng úy lạo. Huệ dã cáo lui. Chỉnh đến triều đường, thấy các quan thưa thớt. Bèn biên tên những triều thần ngày thường thân cận vua là bọn Nguyễn Hoàn, Phan Lê Phiên, Trương Đăng Quỹ, Uông Sĩ Lãng, Trần Công Thước, Nhữ Công Chân xin vua giáng chỉ triệu đến. Lúc ấy các quan tránh loạn ở ngoài thành, thấy triệu, cùng lục tục đến. Duy Nhữ Công Chân lấy cớ là bị bệnh điên, từ chối không đến. Vua sai các quan tùy việc đối đáp với Nguyễn Huệ. Bọn Hoán cũng dựa dẫm vào đấy, việc gì cũng do Chỉnh quyết định mà thôi.

6. Huệ xin vua đặt lễ đại triều ở điện Kính Thiên. Vua cố gượng ra coi triều. Huệ đem tướng sĩ bản bộ triều yết và dâng sổ sách binh dân, xin sai quan chia trị. Vua sai làm sách phong Huệ làm Nguyên soái phù chính dực vũ Uy quốc công. Huệ nhận sách rồi bảo Chỉnh rằng: Bắc Hà một tấc đất, một người dân, đều là của ta, nếu ta xưng đế vương, làm gì chả được, cái sắc Nguyên soái quốc công có ích gì cho ta. Các quan Bắc Hà muốn lấy hư danh lung lạc ta ư? Ta tạm nhận lấy [tờ 87b]. Chớ bảo ta là mọi rợ, được thế đã vui đâu". Chỉnh khuyên vua gả công chúa thứ 9 là Ngọc Hân cho Huệ, Huệ thích lắm. Lại xin vua ngự điện nhận lễ nhất thống chầu mừng. Các hoàng tử nâng vua ngồi lên ngự tọa, ban chiếu thư nhất thống. Ngày hôm sau vua ốm nặng, qua hai ngày thì mất ở điện Vạn Thọ. Năm ấy Vua 70 tuổi.

7. Vua tính sâu sắc trầm lặng, thành thực, hay biết trước. Ngày thường thường nói với cung nhân rằng: "Trẫm đến tuổi già tất thấy có sự nhất thống, nhưng đây không phải là phúc của Hoàng gia". Đến bây giờ

Huệ tôn phù, vua tuy ngoài mặt thì mừng mà bên trong thì lo. Những việc phù tiếp đều miễn cưỡng. Đến lúc ốm nặng, bảo Hoàng tự tôn rằng: "Ta chi sớm tối sẽ buông gánh nặng, công việc ở cháu, cháu phải nghĩ". Lúc sắp mất lại nói rằng: "Sau khi ta nhắm mắt, binh khách[7a] còn ở đây, việc truyền ngôi là việc lớn, nên việc gì cũng bẩm qua chủ soái(7b) không nên vội làm tắt". Nói xong, vua mất. Huệ hỏi công chúa rằng: "Các hoàng tôn ai khá hơn". Công chúa nói: "Sùng Nhượng công Duy Cận hơn cả" Huệ muốn hoãn lễ lên ngôi vua, để chọn lập người khác, triều thần đều sợ, không biết làm thế nào. Họ nhà vua đều trách công chúa làm lỡ việc lớn của xã tắc. Công chúa sợ, về bảo Huệ cho lập Hoàng tự tôn. Các quan bèn rước Hoàng tự tôn lên ngôi hoàng đế, lấy sang năm sau làm Chiêu Thống năm thứ 1.

Táng vua [Hiển Tông] ở lăng Bàn Thạch.

8. Tháng tám, Nguyễn Văn Nhạc dẫn binh đến kinh sư, đem em là Huệ về nam.

Khi Huệ lấy được kinh thành, sai chạy giấy báo cho Nhạc biết. Nhạc sợ Huệ giữ Bắc Hà, bèn đem thân binh 500 người vội đến thành Phú Xuân, lấy thêm lính đi gấp ra Bắc. Nhạc đã đến kinh, vua đem các quan ra đón ở cửa Nam Giao. Nhạc thúc quân đi nhanh, mà cho người xin vua về kinh, đợi ngày khác sẽ vào yết kiến. Lúc bấy giờ tướng sĩ Nam Hà đóng lâu nhớ nhà muốn về. Tả quân Vũ Văn Nhậm cũng ghét Chỉnh chuyên quyền đã lâu, nói xấu Chỉnh với Huệ rằng: "Chỉnh là đứa có tội, trốn đến với ta, muốn hả giận với nước cũ, mượn sức ta làm thành cái thế cho nó. Nay lại buộc vài vạn quân ngồi ăn không ở đây, làm vây cánh cho nó. Tả chả dại gì. Và nó thường nói: nhân tài Bắc Hà chỉ mình nó. Chẳng gì bằng ta bỏ nó ra về. Dân Bắc Hà vô cùng oán ghét nó, ta mượn tay họ giết nó đi. Nó chết, ta lấy Bắc Hà lại càng [tờ 88b] gọn tay". Huệ tin lời Nhậm, bèn cố ý bỏ Chỉnh lại. Chợt gặp lúc Nhạc đến, ngày đêm bàn kế về Nam, Chỉnh không hề biết. Nhạc biết lòng người chưa chán nhà Lê, xin vào yết kiến. Đến nơi, vua xin cắt đất khao quân. Nhạc nói dối rằng: "Tôi giận đứa nào cường thần hiếp chế, cho nên làm việc tôn phù. Nếu là đất đai của họ Trịnh thì một tấc cũng không để lại. Nếu là đất đai của nhà Lê, thì một tấc cũng không lấy đi". Vua tin, xin Nhạc ở lại để bảo vệ. Nhạc ngoài mặt làm ra dáng nhàn hạ, xin vâng. Sai Chỉnh

---

(7a) Chỉ binh lính Tây Sơn.

(7b) Tức Nguyễn Huệ.

chọn ngày làm lễ yết Thái Miếu. Chinh vẫn tưởng Nhạc chưa đi. Chợt một đêm vào lúc trống canh ba, trong phủ chiêng trống im lặng, sáng sớm Chinh ra xem thì Nhạc đã đem Huệ cùng tướng sĩ Nam Hà xuống thuyền thuận dòng đi rồi. Chinh sợ hãi không biết làm thế nào. Vội thuê thuyền đi đuổi theo quân Nam. Người kinh thành chạy theo lấy gạch đá ném. Chinh đâm mấy người, mới đi được thoát.

9. Quân Nam đã đi, vua sợ hãi, vội triệu các quan vào chầu bảo rằng: "giặc" đem một nước trống rỗng để lại cho ta, nếu có sự nguy cấp, thì lấy gì mà chống đánh". Bèn làm giấy báo cho nhà bề tôi cũ khởi binh vào bảo vệ. Bởi thế những hào mục sở tại, chiếm giữ châu thành [tờ 89a], triệu tập binh mã, đều lấy danh nghĩa là bảo vệ vua. Trong nước rối ren, bọn vô lại đánh giết lẫn nhau, không thể ngăn cấm được.

10. Bắt đầu đặt Bình chương sảnh, Cơ mật viện. Vua [Chiêu Thống] sai triều đình bàn định tên quan: Bình chương sảnh có Bình chương, Tham tri, Thiêm thư. Khu mật viện có Phó sứ, Thiêm thư, đại lược giống quan chế đời Tống.

11. Lúc bấy giờ họ Trịnh, Đoan quận công Trịnh Lệ (con Trịnh Doanh) ẩn ở Gia Lâm. Côn quận công Trịnh Bồng (con Trịnh Giang) ẩn ở Chương Đức. Ở Như Kinh[11a], họ ngoại thì Trung hầu Trương Tuân, Văn thần Dương Trọng Tế, đều đem hương binh rước Trịnh Lệ sang sông vào thành. Đêm đánh trống làm hiệu, họp các quan phò Lệ lên ngôi chúa, nhưng lúc ấy thì vội vàng nên không ai đến cả. Vua [Chiêu Thống] nghe tin, cho người trách Tuân, Tế rằng: "Sao không xin mệnh vua mà tự tiện lập chúa". Tuân chưa biết trả lời thế nào. Tế sai người xé tờ chiếu của vua và nói rằng: "Ta chẳng thấy triều nào đời nào lập chúa mà vua ngăn trở như thế. Tất là lũ mấy đứa hàng "giặc", sợ lập chúa Trịnh, chúa tất hỏi tội, cho nên xui vua [tờ 89b]. Ta cần gì phải cầu xin, chỉ muốn đem quân đến bắt hết những kẻ xúi giục kia, chỉ để trơ tượng gỗ ra đấy, xem vua có đứng được hay không". Vua nghe nói giận quá. Gặp lúc Trịnh Bồng dâng biểu xin về chầu, lời lẽ rất khiêm tốn, vua xem tờ tâu rất hài lòng, vội ban chỉ nhận cho Trịnh Bồng. Triều thần đều biết việc Tuân, Tế làm là sai trái, đều bỏ Lệ mà kéo cánh theo Bồng. Bồng đến cầu Nhân Mục, Tuân, Tế đem quân ngăn trở.

Trước kia hồi còn Tĩnh Vương Sâm, Tế đã tố cáo Lệ mưu phản, nay dù ủng hộ Trịnh Lệ nhưng ngầm có lòng phản. Đến bấy giờ Tế sai gia tướng đón để xin hàng Bồng mà Tuân không biết. Lúc Bồng sắp đến gần

---

[11a] Bản A. 1210 chép thêm câu: Khi quân Tây Sơn kéo về nam.

thành, Tuân thấy đi tiền lộ đều là quân của Tế, quân của Tuân bèn chạy tan, Tuân đem Lệ chạy về phía Bắc. Vua giận Tế hỗn láo, nên phàm những quân của Tế ở cửa tây thành chưa kịp đi đón Bồng, vua sai giết hết đi. Tế sợ vua không tha, cũng chạy sang Kinh Bắc. Bồng vào yết kiến vua. Vua úy lạo bội phần(11b). Bộ hạ của Bồng bắt hiếp Bồng lưu ở phủ chúa, để dần dần kháng cự vua. Bồng nhu nhược không chế ngự được kẻ dưới. Từ đấy vua cùng Bồng có hiềm khích.

12. Trấn thủ Sơn Tây Trương Trung hầu Đỗ Thế Dận bắt được Nguyễn Trang đóng vào cũi giải đến kinh sư, vua [Chiêu Thống] sai chém Trang ở trước mả Trịnh Tông **[tờ 90a]** cắt lấy đầu làm lễ tế. Gia phong Lý Trần Quán làm phúc thần.

13. Vua [Chiêu Thống] cho viết sách phong Bồng làm Nguyên soái tổng quốc chính Yến Đô Vương. Đặt Chương phủ, Tham tụng, Bồi tụng, Thiêm sai, đều như quan chế cũ. Trước đấy vua muốn phong Bồng làm tước công, cho ăn nhiều lộc mà không dự chính quyền. Nhưng rồi Bồng cầm quân ở phủ, đình thần sợ ức chế, tâu xin phong làm Tiết chế, theo tước vị Trịnh Tráng lúc mới phong. Ý vua không muốn để ngày sau Bồng lại viện lệ tấn tôn. Bèn sắc phong Bồng làm Tiết chế thủy bộ chư dinh, Bình chương quân quốc trọng sự Côn quận công cấp cho 3.000 người lính, ruộng lộc 5.000 mẫu. Dân lộc 200 xã, đời đời nối phong tước công để thờ cúng các chúa trước. Sai đem sắc thư tuyên bố rõ cho thiên hạ biết. Gặp khi Liễn Trung hầu Đinh Tích Nhưỡng vâng chiếu khởi binh vào bảo vệ, đem bộ thuộc 3.000 người ở xã Bát Tràng nói phao lên là ba vạn quân, thuyền có 300 chiếc đóng ở bên sông Thuý Ái, nói phao lên là 3.000 thuyền. Cờ đề chữ là Đông Giang, thanh thế hống hách. Vua cho triệu Nhưỡng vào chầu, ý Nhưỡng cốt phù Trịnh, mà bề ngoài nói là bảo vệ nhà vua, vua tin **[tờ 90b]** phong Nhưỡng làm Liễn quận công. Sai trung sứ dụ Nhưỡng nên một lòng với nhà vua, tán thành nghiệp nhất thống. Liễn trả lời với sứ giả: xin cố hết sức giúp vua. Chỉ nhận lỗi đã làm sai luật, hại quân và từ chức quận công không nhận. Rồi sau lại hội triều thần bàn lại rằng: "Họ Trịnh đời đời có công lớn, nên nối tước vương". Triều thần theo ý Nhưỡng, đến hội quá một nửa. Chỉ có Phan Lê Phiên là không đến hội, bàn ngược lại rằng: "Chúa đã hiếp chế vua hơn 200 năm cho nên quân địch mượn cớ ấy mới có nạn năm Bính Ngọ vừa rồi. Nay nên tôn thờ hệ thống nhà vua, khiến cho quyền thu về

(11b) Bản A.1210 chép thêm: Bồng xin trở về phủ sảnh để bái yết gia miếu, vua thuận cho.

một mối, may ra trên hợp lòng trời dưới thoả lòng dân". Bèn vào tâu vua xin vâng chỉ đến bảo Bồng hạ lòng khiêm tốn. Phiên đến nói với Bồng, Bồng đun đẩy cho Nhưỡng. Phiên biết việc không xong, bèn tâu xin từ chức. Bấy giờ Nhưỡng đem ý triều thần tâu xin phong Bồng làm tước vương, mà chính quyền quy về nhà chồng nhau với Nhưỡng. Nhưng Cơ thấy Bồng đã xưng vương, trong lòng không dám nghiêng ngửa về bên nào, Nhưỡng dã trót nói xin vua cầm quyền, không dám lại xin chính quyền **[tờ 91a]** về phủ chúa. Bèn ngầm kết với Cơ. Lại họp triều thần bàn chính quyền do đâu. Thiêm sai Ninh Tốn biết ý Nhưỡng, đề nghị rằng: "Vua chúa đã là thống nhất, nay tên quan mới định, nên để cả tên cũ. Xin lấy Bình chương kiêm Tham tụng, Thiêm thư sảnh sự kiêm nhập thị thiêm sai, Đô cấp sự trung kiêm lục phiên Tri phiên. Võ thần Chưởng phủ, Thự phủ kiêm gia ngũ quân đô đốc phủ tả hữu Đô đốc. Nghị sự đường vẫn đặt ở ngoài cửa phủ chúa. Khi bàn chính sự trước khải chúa rồi sau vua quyết định". Cơ mừng quá, đem lời bàn ấy vào tâu. Vua biết Nhưỡng, Cơ đều không trông cậy được, bèn chấp nhận lời tấu ấy. Bởi thế Bồng thân giữ chính sự, cho Phan Lê Phiên làm Bình chương sự kiêm Hành tham tụng, Bùi Huy Bích, Phan Cận (Khuê Phong hầu) đều làm Đồng bình chương sự kiêm Hành tham tụng. Phiên, Bích từ chối không nhận chức. Hoàng Phùng Cơ làm Trung quân Đô đốc phủ Tả đô đốc, gia tước Thạc Vũ công. Đinh Tích Nhưỡng làm Đông quân Đô đốc phủ Hữu đô đốc, Thự phủ sự gia tước Liễn quận công. Thiêm sai Ngô Trọng Khuê, Ninh **[tờ 91b]** Tốn đều làm Tham tri chính sự kiêm Bồi tụng. Phàm các quan lại trong phủ chúa đều theo như cũ. Nội điện dù có tên Bình trương, Tham tri, thực thì sự quyền về phủ chúa hết, vua rất tức giận.

14. Vua [Chiêu Thống] ban tên thụy cho Đoan Nam Vương Tông là Linh Vương.

15. Vua mật triệu Nguyễn Hữu Chỉnh khởi binh vào bảo vệ. Trước đây quân Nam rút về. Chỉnh đi theo thuyền buôn đến cửa biển Hội Thống, về quê quán, giả làm lệnh vua, chiêu mộ hào mục thu nhặt tàn quân, lấy danh nghĩa là diệt Trịnh phù Lê, trong mươi ngày một tháng, có quân đến hàng vạn. Vua đương giận Tích Nhưỡng hiếp chế, nghe nói Chỉnh khởi binh vào bảo vệ, tay viết tờ chiếu triệu Chỉnh. Lại mật dụ các hào mục Hải Dương đánh phá họ Đinh ở Hàm Giang. Nhưỡng bất đắc dĩ xin với Bồng[15a] cho làm Trấn thủ Hải Dương, An Quảng, tự đem quân

---

[15a] Bản A.1210 toàn chép là Yến Đô Vương chứ không gọi xách mé là Bồng như bản trục.

bộ thuộc về đóng ở Hạ Hồng, Nam Sách. Sĩ dân vùng ấy vẫn ghét Nhưỡng tàn bạo, đều cùng đoàn kết vây sát trấn thành. Nhưỡng phá vây lui về giữ Hàm Giang, Vùng đông bắc rất là náo động.

16. Trịnh Bồng cho Nhuận Trạch hầu Bùi Thì Nhuận làm Quyền phủ sự Bồi tụng. Mai Sĩ Uông[16a] Hành tham tụng. Nguyễn Đình Giản, Dương Trọng Tế[16b] làm Bồi tụng **[tờ 92a]**. Bồng cho gọi Trọng Tế bảo rằng: "ngươi mới vào thành lấy việc lập chúa làm việc thứ nhất. Dù Đoan quận [Trịnh Lệ] hỏng việc mà khí thế nhà chúa lại được mạnh là bởi sức ngươi. Nay việc nước rối ren hãy cố gắng ở chính phủ giúp chúa". Bèn cho Tế giữ tiền tài thuế khoá. Tế bảo Bồng đem quân vây Hoàng thành, bắt những triều thần nào theo vua đem giết hết đi, bỏ vua ấy, dựng vua khác. Bồng mật sai Bùi Thì Nhuận đem quân vào cửa tây, sai đồ đảng của Tế là Nguyễn Mậu Nễ đêm tiến vào cửa nam[16c]. Lúc bấy giờ Hoàng Phùng Cơ làm Đề lĩnh, nhà ở trong Hoàng thành. Bồng mật sai người hẹn Cơ làm nội ứng. Cơ vốn ghét nhân cách của Tế, liền đem quân bản bộ ra ngăn cấm, gặp Nguyễn Mậu Nễ ở cửa thành, ngăn lại, nói rằng: "Mày về ngay nếu không thì tao chém đầu mày". Nễ sợ bèn rút quân về phủ. Bởi thế vua chúa mưu làm hại nhau, dân tình sợ hãi, từ kinh thành chuyên chở đồ vật, dắt díu nhau về quê, không thể ngăn cấm được. Hoàng Phùng Cơ cũng đem quân bản bộ về giữ Sơn Tây. Bồng cùng Bùi Thì Nhuận và mấy người Tham tụng Bồi tụng mở phủ chúa, đưa văn thư xuống, gọi lấy binh lương, các châu huyện không ai đem đến cả.

17. Tháng mười một. lại dùng **[tờ 92a]** Ngô Thì Nhậm làm cấp sự trung Hộ khoa. Trước đây, khi có binh biến, Nhậm đổi họ tên ẩn ở Sơn Nam Hạ, giảng sách dạy học. Đến bấy giờ về triều. Lũ Phan Cận bàn nên trao cho chức lúc mới đỗ.

18. Trước đây[18a] Nguyễn Hữu Chỉnh đem đại quân vào bảo vệ. Trịnh Bồng cho Trấn thủ Thanh Hoa thị nội giám Mãn Trung hầu (không rõ họ tên) làm Tham lĩnh, Đốc đồng Phan Huy Ích làm Đốc thị. Triệu mộ những binh lính lưu tán ở Thanh Nghệ và hào mục sở tại, thổ binh để đánh Chỉnh. Mãn gặp quân Chỉnh ở huyện Ngọc Sơn, đánh bị thua, chết tại trận. Ích bị Chỉnh bắt. Chỉnh khinh thường Ích, tha cho

---

[16a] Bản A.1210 chép là Mai Thế Uông.

[16b] Bản A.1210 chép là Nguyễn Trọng Tế.

[16c] Bản A.1210 chép: Bùi Thì Nhuận đem quân vào cửa phía nam, Nguyễn Mậu Nễ đem quân vào cửa phía tây.

[18a] Bản A. 1210 chép là tháng mười.

không giết, chỉ bắt cùng đi. Chỉnh thừa thắng đuổi tràn đến Thanh Hoa. Bồng cho Dương Trọng Tế làm Trấn thủ Thanh Hoa đem quân đi chống đánh. Quân Tế đến chợ Bình Vọng, nghe tin Chỉnh đã sang sông Thanh Quyết, bèn chạy về Kinh Bắc, xin lĩnh chức Trấn thủ, triệu mộ hào kiệt để mong lại đi đánh giặc.

19. Tháng mười hai, quân Nguyễn Hữu Chỉnh đến kinh thành, các quan, cùng thị vệ, quân sĩ của chúa nghe tiếng đều chạy trốn. Trịnh Bồng sợ hãi không biết làm thế nào, đương đêm chạy sang Kinh Bắc nương nhờ họ Nguyễn ở Quế Dương. Lúc trước Bồng tranh quyền với vua, có người bảo Bồng rằng: "Hữu Chỉnh ở Nghệ An(19a), diệt được Chỉnh **[tờ 93a]** thì lập được công nghiệp trung hưng, thành công mà về, đại quyền còn về ai nữa. Nay để "giặc" ra ngoài sự lo ngại, mà ngày ngày tranh quyền với vua, một khi quân Chỉnh lại đến thì lấy gì mà chống đỡ cho được". Bồng không biết nghe, nên thành ra chuốc lấy thất bại.

20. Vua sai các quan ra ngoài thành đón Chỉnh, Chỉnh vào chầu, vua phong Chỉnh làm Bằng Trung công. Gia thêm chức Bình chương quân quốc trọng sự, còn bộ thuộc tướng sĩ đều cho thăng chức tước có cấp bậc khác nhau.

21. Vua lo Trịnh Bồng lại đến, có người nói nên đốt phủ chúa đi, cho mất đường về. Vua cho là phải. Cho đốt lầu gác phủ chúa, lửa khói bốc lên ngất trời hơn mười ngày chưa hết.

Xét: Họ Chúa Trịnh bắt đầu từ Thái Vương Trịnh Kiểm đến cuối cùng là Yến Đô Vương Trịnh Bồng năm Bính Ngọ cộng 11 chúa, 248 năm.

[tờ 94a]

CHIÊU THỐNG ĐẾ
(VUA CHIÊU THỐNG)

(Huý là Tư Khiêm, lại huý là Duy Kỳ, là con trưởng Thái tử cũ Duy Vĩ, ở ngôi 3 năm, chạy sang nước Thanh, chết ở Yên Kinh).

Vua trải qua biến cố dược dịch quốc(*) dựng lên làm vua, không biết khéo xử, cuối cùng chạy ra ngoài mà mất nước. Nhưng số trời việc đời hoặc giả xui nên như thế vậy.

Đinh Mùi, Chiêu Thống năm thứ 1 [1787], (Thanh, Kiền Long thứ 52)

1. Mùa xuân tháng giêng. Truy tôn Hoàng khảo Thái tử cũ Lê Duy Vĩ làm Hựu Tông Hoàng đế. Tấn tôn mẹ là Nguyễn Thị làm hoàng thái hậu.

2. Tháng hai, vua cho Phan Lê Phiên làm Bình chương sự, Trương Đăng Quỹ, Trần Công Thước làm Đồng bình chương sự, Nguyễn Huy Trạc, Phạm Đình Dư làm Tham tri chính sự. Mai Thế Uông làm Tri khu mật viện sự, Nguyễn Đình Giản làm Phó đô ngự sử. Trước đây, Giản nói với chúa Trịnh Bồng rằng: "Nguyễn Hữu Chỉnh có tội đem binh ngoài về phá nhà nước. Tôi thề không cùng sống với Chỉnh, xin về Thanh Hoa mộ quân đánh Chỉnh để giết thằng giặc của nước". Lúc ấy mọi người cho là giỏi, nhưng không cho làm. Đến bấy giờ Chỉnh sợ triều đình, nhân dân không để yên [tờ 94b]. Thuộc hạ của Chỉnh khuyên nên triệu dùng Giản, nói rất khiêm tốn khéo léo, hẹn sẽ tâu vua dùng làm quan to. Giản vui lòng đến, bèn trao cho làm chức trên.

3. Tháng ba, hạn, vua hạ chiếu cầu lời nói thẳng.

4. Tháng tư, vua sai Thượng thư bộ Công, đồng bình chương sự Trần Công Thước, Hộ khoa cấp trung Ngô Nho cùng với Hoàng thân Nghị quận công vào thành Phú Xuân đem quốc thư lễ vật xin đất Nghệ An. Lúc bấy giờ Nguyễn Huệ vào trong Nam, lưu tướng khác là Duệ quận công trấn thủ Nghệ An, Duệ quận công ngầm có chí khác, Nguyễn

---

(*) Địch quốc: Chỉ Tây Sơn.

Chinh cho là Nghệ An có thể lấy được, tâu vua sai sứ đưa thư cho Huệ. Đại lược nói rằng: "Nghệ An là đất căn bản thời Trung hưng, tướng mạnh binh tinh ở đấy, trung thần nghĩa sĩ ở đấy, nhà nước nuôi nấng vun trồng hơn 300 năm nay, một lúc đem bỏ ra ngoài, lòng cũng không lỡ. Xin trả lại đất ấy cho". Còn đưa lễ thù đáp thì tùy nghi mà làm. Thước trước là thầy học của Chinh, lúc Huệ tiến quân về kinh, Chinh dẫn Thước vào yết kiến Huệ. Huệ, Thước cùng nói chuyện rất vui thích. Đến bấy giờ Thước hăng hái xin đi, dẫn Ngô Nho cùng đi. Đến nơi, Huệ thấy thư giận quá **[tờ 95a]** giam bọn Thước cùng Nho lại rồi cho đem vứt xuống sông, mà tuyên cáo trong ngoài rằng: bọn ấy về thuyền chết đuối.

5. Tháng năm[5a], mới đặt 10 khoa để chọn học trò, chưa làm đã thôi[5b], [5c].

6. Nguyễn Nhạc lên ngôi [Hoàng đế] phong em là Huệ là Bắc Bình Vương ở thành Phú Xuân[6a].

7. Dương Trọng Tế khởi binh ở Gia Lâm kể tội vua đã đuổi chúa Trịnh và cậy dựa Nguyễn Chỉnh, dựa hịch đi các huyện lân cận, hẹn cùng dựng lại ngôi chúa. Chỉnh sai tướng là bọn Quang quận công Hoàng Viết Tuyển, Thái quận công Triệu Văn Thái đem quân đến đánh. Tế cùng cháu là Dương Vân đắp lũy ở Lạc Đạo tính kế từ thủ. Bọn Tuyển đem quân đánh bốn mặt bắn vào. Quân của Tế đều là đinh tráng, chưa qua chiến trận, bèn chạy tan tác. Vân mang Tế đang đêm đi trốn, bị người dân ở làng bên cạnh bắt được, đóng cũi giải về kinh sư. Vua ra chiếu kể tội trạng Tế phản nghịch, đem chém ở cửa nhà Thái học.

8. Tháng bảy, dâng miếu hiệu hoàng tổ gọi là Hiển Tông. Có người nói: Miếu hiệu nên đợi đến lúc [rước thần chủ] vào miếu sẽ làm, Phan Lê Phiên nói rằng: Việc thời sự chưa biết thế nào, nên định ngay miếu hiệu thôi.

9. Nguyễn Hữu Chỉnh cử đại binh đến đánh Yến Đô Vương Trịnh Bồng ở Quế Ổ[9a], Bồng chạy sang Hàm Giang **[tờ 95b]**, Đinh Tích

---

[5a] Bản A.1210 chép: Tháng 3.

[5b] Bản A.1210 chép: vơ vét tất cả tượng đồng, chuông đồng ở các chùa chiền để đúc tiền, đều là theo lời của Nguyễn Hữu Chỉnh.

[5c] Bắt đầu đặt chế khoa. Ban cho Trần Bá Lãm, Nguyễn Gia Cát hai người đỗ đồng chế khoa xuất thân.

[6a] Bản A.1210 chép: Mùa hạ, tháng năm Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc ngầm lên ngôi Hoàng đế ở Quy Nhơn, lấy niên hiệu là Thái Đức. Em của Nhạc là Nguyễn Văn Huệ đánh giặc phía bắc trở về, đem quân đánh Nhạc, bèn chiếm cứ Quảng Nam, Cần, Điện trở ra Bắc, ở thành Phú Xuân xưng là Bắc Bình Vương.

[9a] Bản A. 1210 chép: họ Nguyễn đem tất cả mọi người ra chống đánh nhưng không được.

Nhưỡng đem Bồng lui giữ Đồ Sơn. Bồng viết thư đưa cho Bình chương Trương Đăng Quỹ nói rằng: "Lúc trước không có ý giữ nước, bị tướng sĩ thúc bách, thành ra trái ý vua. Đến lúc quân khách vào kinh, bởi thế phiêu dạt sông biển, không dám về cung khuyết" và dặn Quỹ nói lót với vua. Quỹ tâu lên, vua sai Quỹ làm sứ tiếp dẫn đón Bồng về triều. Bồng đi đường biển qua Bác Trạch huyện Chân Định, Sơn Nam. Tộc tướng Lân Dương hầu (không rõ họ tên) đưa Bồng truyền hịch đi cho hào mục các phủ Thái Bình, Kiến Xương, Xuân Trường hẹn ngày khởi binh đi đánh Chỉnh. Thuyền bè san sát đi ngang sông mà lên, Quỹ không đón được. Bồng sai người đưa mật chỉ vào kinh tìm Bùi Thì Nhuận sai làm nội ứng. Việc phát giác ra, Chỉnh tâu vua giết Nhuận và vài mươi người đồ đảng. Lại sai Hoàng Viết Tuyển đem thuyền quân đến sông Ngô Đồng, Lân Dương hầu cùng Tích Nhưỡng đem thuyền biển đón đánh. Hai bờ đánh nhau, gặp gió đông nổi to, Nhưỡng cho quân bỏ thuyền lên bộ, muốn thừa cơ gió thuận bắn xuống, nhưng tướng sĩ đều là quân ô hợp không có trí chiến đấu, đã lên bờ tìm đường bỏ chạy, không ngăn cản được. Thuyền đều bỏ [tờ 96a] ở cửa sông. Nhưỡng chỉ chạy thoát được một mình. Lân Dương hầu cùng Trịnh Bồng chạy đến phủ Thái Bình. Hòa mục huyện Đông Quan là Trần Mạnh Khuông tập hợp lính trong huyện đưa Bồng vào ấp Bái Hạ, đắp thành, đào hào là kế cố giữ. Chỉnh sai Tuyển, Thái giáp công Đông Quan, đắp vòng vây dài để tuyệt lương của Khuông. Đồn mất Khuông cùng Lân Dương hầu đem Bồng chạy sang An Quảng[9b].

10. Tháng tám, vua sợ Nguyễn Hữu Chỉnh uy quyền to quá, bèn mưu cùng Nội hàn viện Cung phụng xứ Lê Xuân Hợp, Ngu Vi Quý triệu Chỉnh vào làm việc ở tiện điện[10a] đánh thuốc độc giết đi. Nội hàn Vũ Trinh cố can rằng: "Ngoài có nước thù địch mà vội giết cường thần, nếu một khi kẻ dưới của nó làm loạn, tất không có lợi cho xã tắc". Vua bèn thôi. Chỉnh biết mưu ấy, càng giận vua là người bạc bẽo. Bèn làm dinh thự to cũng như phủ chúa trước, từ đấy không triều yết vua nữa.

11. Thạc Vũ công Hoàng Phùng Cơ khởi binh vào bảo vệ. Truyền hịch đi các phủ huyện Quảng Oai, Quốc Oai, lấy danh nghĩa giúp vua giết Chỉnh[11a].

(9b) Bản A.1210 chép: Viết Tuyển vào Bái Hạ chém giết hết thảy đàn ông đàn bà không sót một ai.

(10a) Tiện điện: Chỗ điện dành riêng cho nhà vua nghỉ ngơi lúc thường.

(11a) Bản A.1210 chép: Trước kia Chỉnh lại đến, Cơ ở Sơn Tây án binh bất động. Chỉnh đã phá Quế Ô, Cơ mới bắt đầu dẫn quân xuống.

Chinh sai tướng là Nguyễn Duật đón đánh ở Đại Phùng, còn tự mình đốc đại binh tiếp chiến. Cơ cùng Duật đánh nhau [tờ 96b] Duật thua chạy. Các con Cơ khuyên nên thừa thắng đuổi tràn. Cơ nói: "Ta bắt Chinh như bắt đứa trẻ con, hãy cho quân sĩ tạm nghỉ, rồi đuổi cũng chưa muộn". Duật thấy quân Cơ không đuổi theo, bèn thu quân dàn trận, trở lại để đánh. Lính của Cơ đang ăn, kinh sợ vỡ tan. Cơ cùng con trơ trọi trên mình voi, cố sức đánh. Duật cho quân vây bốn mặt kéo bành voi xuống. Quân của Chinh ập đến. Cơ ngã từ trên bành voi xuống, bị Duật bắt được đóng cũi giải về kinh sư. Chinh sai triều sĩ bàn tâu xin chém vua. Vua nghĩ Cơ trước có công đuổi Nguyễn Mậu Nễ, cho Cơ uống thuốc độc chết.

12. Tháng chín, Nguyễn Huệ cho triệu Nguyễn Chinh về thành Phú Xuân. Chinh từ chối lấy cớ rằng tứ trấn chưa yên không về. Huệ giận quá, sai tiết chế Vũ Văn Nhậm đem quân ra bắc đánh. Chinh nghe tin sai Duật về Thanh Hoa đem quân chống đánh.

13. Tháng mười hội thi cống sĩ thiên hạ ở lầu Ngũ Long. Cho bọn Bùi Dương Lịch 15 người trúng cách.

14. Tiết chế Vũ Văn Nhậm mang quân đến Thanh Hoa. Nguyễn Duật nghe tiếng chạy trốn. Nhậm thừa thắng đến thẳng Gián Khẩu. Chinh sai Triệu Văn Thái đem quân chống đánh. Thái cùng Nhậm đánh nhau ở bên tả sông Gián Khẩu, Thái thua[14a] chạy [tờ 97a], Nhậm bắt được đem giết đi[14b].

15. Quân Cao Bằng nổi loạn, giết đốc đồng Nguyễn Hàn (Hàn người xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Hợi đời Cảnh Hưng).

16. Tháng mười một, thi Đình, lấy Bùi Dương Lịch, Nguyễn Đăng Đào[16a], Trần Danh Án 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân. Lấy Nguyễn Khuê 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

17. Nguyễn Hữu Chỉnh vào chầu, xin tự làm tướng đem quân đi đánh "giặc". Vua ngự ra điện Cần Chính, trao tiết việt cho Chỉnh làm

---

(14a) Bản A.1210 chép: Thái thua to chạy sang Sơn Minh.

(14b) Bản A.1210 chép: Nguyễn Hữu Chỉnh điều Hoàng Viết Tuyển đem thủy binh vào Thanh Hoa đánh "giặc" (chỉ Vũ Văn Nhậm), Tuyển không nghe. Trước đây Chỉnh cùng Tuyển cậy dựa vào nhau, buồn vui họa phúc không có cái gì là không cùng chia hưởng. Đến khi Chỉnh dắc chí, hơi ngầm có ý nghi ngờ, Tuyển bèn hai lòng cùng Chỉnh, Vũ Văn Nhậm đến Thanh Hoa. Bấy giờ Tuyển đang nắm giữ hơn trăm tầu thuyền và không dưới một vạn quân thủy tinh nhuệ, đóng đồn ở Sơn Nam. Chỉnh điều Tuyển vào Thanh Hoa, Tuyển không chịu, lui về đóng ở Hải Liêu.

(16a) Bản A. 121.0 chép là Nguyễn Đăng Sở.

tổng chỉ huy binh mã trong nước. Lại dụ rằng: "Ông đi lần này quan hệ đến việc an nguy của xã tắc, hãy sớm báo công to, cho yên lòng trẫm". Chỉnh tâu rằng: "Tôi vốn biết tình hình "giặc". Vũ Văn Nhậm không phải là đối thủ của tôi. Tôi chỉ đốc chiến, sai kẻ thiên tỳ (tướng nhỏ) đánh lấy cũng đủ. Xin bệ hạ chớ lo ngại". Bèn cho con là Bái Đình hầu Nguyễn Hữu Du đem quân đi trước đến sông Thanh Quyết đắp lũy ở ven sông, làm kế cố thủ. Vũ Văn Nhậm sai người ban đêm đi bè sang sông đến lũy đặt súng bắn vào dinh của Du. Quân Du tan vỡ, chạy về Châu Cầu. Chỉnh thấy Du thua, thần sắc tê tái. Đám thuộc hạ đều nói: "Vũ Văn Nhậm thanh thế đang hăng, chưa có thể đánh được, nên về ngay [tờ **97b]** kinh thành, đem vua chạy sang Kinh Bắc, ngăn sông to tự giữ". Chỉnh cho là phải, đêm chạy về kinh, quân sĩ chạy trốn mất quá nửa. Vua nghe tin sợ quá, vội đến nhà Chỉnh. Chỉnh lập tức đem vua ban đêm sang sông Nhị Hà, đóng ở Gia Thụy. Hoàng thái hậu, các phi tần, tôn thất vội vàng theo vua đi. Mũ áo bỏ rơi ra đường, kêu khóc rầm trời, thuyền đò bơi không kịp, nhiều người chết đuối. Kinh thành rối loạn. Những đứa vô lại ở phố đua nhau vào cung điện cướp lấy hết của cải. Chỉnh đem vua đến trấn sở Kinh Bắc, đi trước sang sông Như Nguyệt. Vua cùng các phi, công chúa đi sau, Bộ tướng của Chỉnh là trấn thủ Kinh Bắc Vũ Trọng Lịch theo lột áo vua, vua ứa nước mắt, cởi áo đưa cho nó, mới được sang sông. Chỉnh đem vua chạy đến Như Thiết. Vũ Văn Nhậm vào thành Thăng Long, sai bộ tướng Nguyễn Đình Hòa đuổi theo kịp, con Chỉnh là Du chống đánh, bị giết chết. Tiến sĩ Nguyễn Khuê cũng bị quân địch giết chết. Chỉnh cưỡi ngựa, ngựa quỳ xuống, quân "giặc" đến xúm lại đâm. Chỉnh kêu to rằng: "Xin bắt sống để nộp". Chúng bèn trói Chỉnh đóng cũi giải về kinh sư. Vũ Văn Nhậm kể tội Chỉnh bất trung, cho đem xé xác ra.

18. Tháng mười hai, vua chạy đến **[tờ 98a]** huyện Bảo Lộc. Hào Mục Nguyễn Linh[18a] đem dân chúng rước vua vào rừng, đem dân đinh 7 tổng Yên Dũng giữ sông Nguyệt Đức. Vũ Văn Nhậm đem quân đến đánh. Đàn ông, đàn bà 7 tổng Yên Dũng chết vô kể. Vũ Văn Nhậm đưa thư bảo Linh đưa vua đến nộp. Linh do dự chưa quyết. Vua ngờ Linh hai lòng. Bèn chạy sang huyện Gia Định (tức là huyện Gia Bình) dựa vào hào mục Trần Quang Châu. Vua cho Châu làm Trấn thủ Kinh Bắc, phong tước là Dao quận công.

[18a] Bản A.1210 chép là Nguyễn Linh Tuấn. Cương mục chép: Dương Đình Tuấn.

Mậu Thân, Chiêu Thống năm thứ 2 [1788] (Thanh, Kiền Long thứ 53)

1. Mùa xuân, tháng giêng, vua ở huyện Gia Định. Lúc bấy giờ những người đi theo vua chỉ có tiến sĩ Trần Danh Án, Nội hàn viện Vũ Trinh, (cháu Vũ Miên) Ngô Thì Chí (con Thì Sĩ) vài người mà thôi.

2. Tháng hai, xe vua đến huyện Chí Linh, Trương Đăng Quỹ cùng con là Xuất nạp Trương Đăng Thụ[2a] cùng Ngô Thì Chí đi đường tắt đến thượng du Kinh Bắc, Lạng Sơn, chiêu mộ phiên thần thổ mục dấy quân đi giúp vua. Lúc bấy giờ Đinh Tích Nhưỡng dâng biểu xin đem quân đến nơi vua trú bảo vệ. Vua ngờ không cho. Do đó những người hào mục Hải Dương có hiềm khích với Nhưỡng, đều xin đi đánh Nhưỡng, Nhưỡng bèn sai tướng là Ninh Biên hầu tên là Liên đón hàng Vũ Văn Nhậm, đem quân vây chặt chỗ vua ở. Vua chạy sang **[tờ 98b]** Thán Sơn, quân vỡ, vua đi về phía Nam.

3. Tướng cũ của Chỉnh là Hoàng Viết Tuyển đóng quân ở Sơn Nam. Đem thuyền quân đón vua đến đóng ở huyện Chân Định, lấy nhà Trương Đăng Quỹ làm hành cung. Lúc bấy giờ tả hữu theo hầu vua chỉ có cha con Đăng Quỹ và Ngô Thì Chí làm thủ phụng văn thư. Vua yêu Chí văn từ rộng rãi, cho làm Thiêm thư bình chương sành sự.

4. Tháng ba, Hoàng Viết Tuyển đem thủy sư tiến đóng Kim Động. Vũ Văn Nhậm Tư mã Ngô Văn Sở tiến đánh ở sông Xích Đằng. Viết Tuyển thua, rước vua lui ra cửa biển. Quân "giặc" tiến đánh bắt được Tuyển đem chém đi. Vua chạy vào Thanh Hoa.

5. Yến Đô vương Trịnh Bồng chạy đến Lạng Sơn. Phiên thần là Sưởng quận công Hà Quốc Hoa, Biểu quận công Nguyễn Khắc Trần rước Bồng về Đoàn Thành (Lạng Sơn) luyện quân, làm kế đánh giữ. Dân 7 châu Lạng Sơn làm loạn, đuổi Bồng và giết lũ Hoa, Trần. Bồng chạy về châu Hữu Lũng trấn Kinh Bắc. Từ đấy Bồng trốn ẩn ở núi rừng không biết đi đâu mất.

6. Tiết chế Vũ Văn Nhậm lấy nhiều dân đinh đắp thành Đại La. Tư Mã Ngô Văn Sở vốn hiềm khích với Nhậm, tố với Huệ. Huệ giận quá **[tờ 99a]** tự đem quân đến thành Thăng Long bắt Nhậm giết đi.

7. Tháng năm, Nguyễn Huệ đem quân về Nam. Sai Sùng Nhượng công Lê Duy Cận trông coi việc nước.

[2a] Bản A. 1210 chép là Trương Đăng Thụ, bản trực chép là Trương Đăng Viện

8. Huệ cho triệu các quan văn võ của triều cũ đều đến yết kiến. Huệ chọn lấy văn ban là Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, theo về Phú Xuân mà lưu bọn Ninh Tốn, Nguyễn Gia Phan (trước tên là Thế Úy), Nguyễn Du, Nguyễn Bá Lan theo Ngô Văn Sở ở lại Bắc. Còn từ Nguyễn Hoàn trở xuống đều theo chức tước, bộ Lễ phát văn bằng cho về quê quán. Những người ẩn trốn, không ra chỉ có Nguyễn Đình Giản, Lê Duy Đản, Nguyễn Duy Hợp 3 người mà thôi.

9. Vua lại về Kinh Bắc, đóng ở Lạng Sơn, lấy nhà Tham tri Dao Khê hầu Phạm Đình Dư làm hành cung. Sai Trần Danh Án, Lê Duy Đản, mang thư của vua đi Trung Quốc. Đến Nam Ninh, không đi được, lại trở về.

10. Hoàng thái hậu cùng tôn thất, quyến thuộc 62 người chạy đến ải Đầu Áo trấn Cao Bằng. Sai Đốc đồng Nguyễn Huy Túc đưa thư sang Long Châu, Bằng Tường. Xin nước Thanh sang cứu. Tôn Sĩ Nghị đem sự trạng ấy tâu xin nhà Thanh phát hịch bá cáo, lấy việc khôi phục nhà Lê làm danh nghĩa. Vua Thanh nghe theo. Nghị bèn phát hịch cho hào mục Tuyên, Hưng, Thái, Lạng và tứ trấn, ở đâu cũng triệu mộ nghĩa dũng, hẹn ngày đi đón quân Trung Quốc, và tìm Tự tôn về nước.

11. Đại tư mã Ngô Văn Sở cho triệu cả văn võ triều cũ cùng hào mục các xứ, lấy tên Sùng Nhượng công Lê Duy Cận ký tên, đưa thư sang đốc phủ Lưỡng Quảng, làm kế hoãn binh[11a].

12. Tháng bảy, Ngô Văn Sở sai Nguyễn Gia Phan, Lưu Tiệp, Nguyễn Du, Nguyễn Bá Lan đến thành Phú Xuân.

13. Tháng tám, tướng Ngô Văn Sở sai bọn Nguyễn Kha, Trần Bá Lãm. Vũ Huy Tấn và võ ban Dục Phượng hầu Nguyễn Đình Khoan, Trâm Vũ hầu Lê Duy Trâm, Quán Vũ hầu Nguyễn Đăng Đàn đem thư của Sùng Nhượng công và tờ bẩm của hào mục các xứ đến cửa quan đưa sang cho đốc phủ Lưỡng Quảng xin hòa. Bọn Nha đi đến Kinh Bắc. Đường nghẽn không **[tờ 100a]** đi được.

14. Nguyễn Văn Huệ cho Ngô Thì Nhậm làm tả thị lang bộ Lại, phong tước Tĩnh Xuyên hầu. Cho Phan Huy Ích làm tả thị lang bộ Hình, phong tước Thụy Nham hầu. Sai về Bắc cùng với Ngô Văn Sở làm việc giấy tờ.

15. Tháng chín, vua Thanh sắc dụ tổng đốc Lưỡng Quảng Tôn Sĩ Nghị hỏi bọn Nguyễn Huy Túc về tình hình An Nam. Bọn Nguyễn Huy

---

(11a) Bản A.1210 chép: Nguyễn Huy Túc người làng Kim Lũ, huyện Thanh Trì, là con tham tụng Nguyễn Công Thái

Túc nói: Bản quốc các xứ Diễn châu, Hoan Châu và Sơn Nam; Sơn Tây, Hải Dương cùng 2 phủ Kinh Môn, Nam Sách, các quận thuộc Tuyên Quang, Hưng Hóa đều không chịu hàng "giặc". Những nơi hàng "giặc" chỉ có Mục Mã (Cao Bằng) và các quận ở Lạng Sơn, Thái Nguyên. Còn như Lê Tự tôn hiện ở nơi nào đều không có tin tức gì. Vua Thanh xem tờ tấu, lại dụ Tôn Sĩ Nghị rằng: Lê Tự tôn là người lên nối ngôi. Trước nhân tờ sớ xin bổ cấp ấn triện[15a] nhưng chưa sai sứ báo tang, thể chế không hợp, bởi thế chưa cấp sắc ấn. Nay Tự tôn bị "giặc" chiếm, mà trong thần dân vẫn còn hướng mộ họ Lê. Tự tôn nếu biết triệu tập nghĩa binh cố mưu khôi phục, thì lập tức cho dón về nước. Tôn Sĩ Nghị lại tâu rằng: Tự tôn nhà Lê hèn kém, tương lai tất không giữ được nước, nay phiêu dạt cầu cứu, triều dình nên cứu vớt. An Nam là đất cũ của Trung Quốc. Sau khi dựng lại nhà Lê nhân đó mà đem quân đóng thú, thì việc dựng lại nhà Lê mà lấy An Nam càng là được cả hai bề. Tôn Vĩnh Thanh dâng sớ nói ngược lại rằng: Triều dình đem quân sang dựng lại nhà Lê. Sau vì họ Lê không giữ nổi, lại sai quan sang cai trị nước ấy, thành ra trước vì nghĩa mà sau thành vì lợi. Nay Lê - Nguyễn tranh nhau, Lê tất bị kiêm tính. Chẳng gì bằng ta cứ đóng quân không làm gì. Vua Thanh theo lời tâu của Sĩ Nghị. Sai đem đại binh 4 lộ là Lưỡng Quảng, Vân Nam, Quý Châu vào ải Nam Quan. Sai bọn Nguyễn Huy Túc về đón tự tôn về kinh. Tôn Vĩnh Thanh lấy cớ không hợp với Tôn Sĩ Nghị, cáo ốm không đi.

16. Tháng mười, Tôn Sĩ Nghị dẫn quân vào cửa ải Trấn Nam Quan. Trấn thủ Lạng Sơn là Đô đốc Nguyễn Văn Điện lui về. Ngô Văn Sở sai Đô đốc Phan Văn Lân đem quân đi chống đánh. Lân tiến đến sông Nguyệt Đức. Cùng quân Thanh cách sông bày trận. Tôn Sĩ Nghị đóng quân ở núi Tam Tầng. Lân đóng quân ở **[tờ 101a]** Thị cầu. Lân sai quân đang đêm sang sông, rét quá, quân bơi đến giữa sông bị cóng không sang được, có người nào sang được đều bị quân Thanh giết chết. Tám người bộ tướng của Lân đều chết trận, quân Lân ở Thị cầu không đánh mà tự vỡ. Đến sáng mai, quân Thanh sang sông, đại tiến. Lân lui về thành Thăng Long. Ngô Văn Sở sai Thủy đạo Thống lĩnh là Đặng Văn Chân đem thủy sư vượt biển vào giữ Biện Sơn. Còn Sở đem lính bản bộ về Thanh Hoa, dựa vào núi Tam Điệp cố giữ, rồi cho chạy giấy vào thành Phú Xuân cấp báo. Huệ giận quá, hạ lệnh đại cử thân chinh.

17. Tháng mười một, Nguyễn Văn Huệ lên ngôi Hoàng đế ở thành Phú Xuân, đổi niên hiệu là Quang Trung. Trước đây, Nguyễn Văn Nhạc

---

[15a] Bổ cấp ấn triện: cấp bổ sung con dấu cho vua mới.

chia Quảng Nam, Thăng Hoa, Điện Bàn trở ra Bắc cho Huệ cai trị. Đến khi ấy quân Thanh sang. Chư tướng khuyên Huệ sớm định vị hiệu để ràng buộc lòng người Bắc Hà. Huệ nghe theo. Cho đắp đàn ở núi Bình Sơn ở cõi Nam, lên ngôi Hoàng đế, rồi mới ra quân.

18. Các quan theo vua trốn đi, đã đón vua về kinh. Tôn Sĩ Nghị tuyên sắc thư của vua Thanh phong vua làm An Nam quốc vương, ban ấn vàng. Trong sắc thư có câu nói rằng: "Xét việc mở mang bờ cõi hai mươi sáu đạo[18a], không phải vì tham đất đai **[tờ 101b]** mà vì nhớ tới chức cống hơn hai trăm năm, há chẳng nghĩ đến tổ tiên của họ". Đấy chỉ là lời giả dối của nhà Thanh mà vua ta lại quá tin. Những văn thư ban xuống không dám đề niên hiệu Chiêu Thống chỉ viết niên hiệu Kiền Long. Tôn Sĩ Nghị cũng kiêu ngạo, người trong nước dần dần không phục.

19. Tháng mười hai, vua bàn công cho những người đi theo hộ giá giúp đỡ. Cho Phạm Đình Dư làm Thượng thư bộ Lại, Bình chương sự, Vũ Trinh làm Tả thị lang bộ Lại, Tham tri chính sự. Trần Danh Án làm Phó đô ngự sử, Ngô Thì Chí chết ở huyện Gia Định được truy tặng Hàn lâm viện đãi chế. Còn ngoài ra đều thăng thụ chức tước có cấp bậc khác nhau. Cho Trường Phái hầu Lê Quýnh tước Trường quận công.

20. Vua tính hẹp hòi nóng nảy, hay báo ân báo oán. Bàn tội các người theo "giặc"[20a] Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, vì nhậm chức của "giặc" đều truất làm hạng dân. Bãi chức tước của Nguyễn Hoàn, giáng Phan Lê Phiên làm Đông các đại học sĩ. Trương Đăng Quỹ làm Tư huấn. Ngoài ra [những người theo "giặc"] đều bị giáng cả.

Giết Trấn thủ Tuyên Quang Đáp Lĩnh hầu Phạm Như Toại, giam Nguyễn Nha, Trần Bá Lãm, Vũ Huy Tự vào ngục, duy Nguyễn Đình Khoan là võ thần và phò mã Bành Trung hầu vì không biết thì được miễn. Con gái tôn thất **[tờ 102a]** lấy chồng là tướng Nam Hà có thai thì bắt mổ bụng ra. Chặt chân 3 người em gái vua, ném xuống giếng ở trong cung. Bởi thế nhân tình sợ hãi nghi ngờ. Lính nước Thanh ở kinh thành tha hồ cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ. Dân càng chán, lại mong quân Nam đến. Triều đình đòi lấy binh lương, không ai chịu nộp. Tôn Sĩ Nghị bắt

---

[18a] Bản A.1210 chép: Mười sáu đạo.

[20a] Bản A.1210 chép thêm: Thiêm đô ngự sử Nguyễn Đình Lượng xin giết hết các bề tôi hàng "giặc" vua nói rằng: Ta không thể giữ được nước sao nỡ đòi hỏi kẻ thần tử, bèn đưa xuống cho triều đình nghị tội. Chỉ bãi chức hoặc hạ chức thôi...

lấy thuyền, vua bèn sai lấy thuyền buôn. Dân gian giấu kín, không lấy được chiếc thuyền nào. Sĩ Nghị làm mặt giận, hạ lệnh rút quân về. Vua nghe tin càng sợ, đến cửa quân cắn cỏ xin lưu lại[20b]. Việc nước không làm gì được nữa.

21. Nguyễn Huy Túc rước Hoàng thái hậu từ Cao Bằng về. Thái hậu thấy vua làm nhiều việc trái phép, yêu ai thì thưởng, ghét ai thì giết. Thái hậu giận quá, nói rằng: ta khổ sở xin được quân về. Nhà nước qua được mấy lần đền ân báo thù phá hoại này, chả mấy ngày nữa mà mất nước thôi. Rồi kêu khóc không vào cung. Nguyễn Huy Túc khuyên giải mới thôi.

Vua nghĩ Nguyễn Huy Túc có công hộ giá, cho thăng Tả thị lang bộ Binh, Đồng bình chương sự.

22. Tiền bộ quân Nguyễn Văn Huệ qua núi Tam Điệp. Tin báo đến, vua lo sợ, không biết làm thế nào. Sai người đến hỏi Tôn Sĩ Nghị. Nghị vênh váo tự cho mình là giỏi, nói rằng: "Ta lấy quân nhàn rỗi đợi kẻ nhọc mệt, không cần vội đánh. Giặc gầy ta hãy nuôi cho béo, rồi nó đưa thịt đến cho ta xơi"[22a]. Quân Nam đuổi tràn mà tiến ra Bắc, không có một người nào kháng cự cả.

[20b] Bản A.1210 chép thêm: Trước kia khi nhà vua đã khôi phục được nước, trước thiên hạ người trí dũng đua nhau kéo đến cùng xin ra sức làm việc, nhưng vua chỉ chủ yếu dựa vào người Thanh, người trong nước được cất dùng thì toàn là những kẻ tham lam, xu nịnh. Người nhà Thanh kiêu căng với chiến công của mình, phàm gặp người nước ta thì thóa mạ làm nhục, bắt cầm binh khí tòng quân, mọi người đều không chịu nổi. Nhà vua phân đặt chức tước chỉ trao cho các bề tôi tòng vong và theo hầu ở hành tại, còn các cựu thần và hào kiệt đều không được dùng, do đó nhân tình chán nản rời rạc, cái cơ thành hay bại chỉ tùy thuộc vào người Thanh mà thôi.

[22a] Bản A.1210 chép thêm: Quân Nguyễn Văn Huệ đến Thanh Hoa, trước tiên sai người đuổi ngựa đưa thư cho Tôn Sĩ Nghị, lời lẽ trong thư giả vờ khiêm tốn nhũn nhặn đưa hịch báo Huệ sẽ đem quân về Thuận Hóa... Trước đây khi Tôn Sĩ Nghị đưa quân qua cửa ải, thừa thắng [đến đâu được đấy] trong lòng có ý khinh địch. Lấy được Thăng Long rồi tự cho là đã xong việc, không có ý truy thảo nữa. Những người "ứng nghĩa" ở trấn Thanh Nghệ hàng ngày đến xin Nghị tiến quân, nhưng đều bị bỏ qua không hỏi đến.
Kịp khi được thủ chiếu của vua Thanh ra lệnh cho Nghị phải tiến quân khôi phục hết đất đai của vua Lê mới được rút quân về. Nghị mới bắt đầu tính đến mưu kế tiến hành.
Huệ từ khi phát binh ở Phú Xuân vừa đi vừa lấy thêm lính, đến Thanh Hoa, quân số đến hơn 8 vạn người. Cho quân làm lễ thề ở Thọ Lạp rồi đi gấp đường mà tiến: Đã đến Sơn Nam, bèn viết thư chửi Sĩ Nghị là thằng Tôn cuồng. Nghị bèn sai quân chia ra đóng đồn ở Thanh Trì, Thượng Phúc để giữ Thăng Long, chọn ngày mồng 5 tháng giêng xuất quân.

Kỷ Dậu, Chiêu Thống năm thứ 3 [1789] (Thanh, Kiền Long thứ 54)

Mùa xuân tháng giêng. Nguyễn Văn Huệ tiến quân đến thành Thăng Long. Tôn Sĩ Nghị ra chống đánh bị thua chạy về nước qua ấn Nam Quan. Vua Chiêu Thông chạy sang Yên Kinh[1a].

HẾT

[1a] Bản A.1210 chép thêm: Mùa xuân tháng giêng Nguyễn Văn Huệ cùng quân Thanh đánh nhau ở Thượng Phúc, quân Thanh thua to, Tôn Sĩ Nghị phải chạy về nước, vua [Chiêu Thống] chạy sang Thanh. Trước đó quân của Huệ đến Thượng Phúc, mỗi khi gặp quân Thanh, đánh nhau, đều thua, vì thế quân Thanh có ý coi thường. Đến ngày mồng 5, khi trời chưa sáng, Nguyễn Huệ tự thân đốc chiến, đem hơn 200 voi khỏe đi trước, quân mạnh đi theo sau, đánh nhau rất lâu. Kỵ binh của quân Thanh cưỡi ngựa, chợt thấy bầy voi, ngựa đều hí nên quay đầu chạy. Bộ binh bị voi dẫm dạp lên, bèn chạy vào trong lũy, cố thủ, bắn súng ra. Quân Nguyễn Huệ xua voi đem những tấm bia đỡ, đạp lũy mà vào. Đề đốc nhà Thanh là Hứa [Thế Hanh] và tiên phong Trương [Sĩ Long] đều bị chết trận, quân lính tan vỡ. Sĩ Nghị chỉ huy trung quân, đang đi trên đường, được tin thua trận, bèn hạ lệnh triệt binh, đến bến đò phía bắc, vượt qua cầu phao, cầu gẫy, làm vài trăm người chết. Tri phủ Điền Châu nhà Thanh là [Sầm Nghi Đống] dóng dồn ở trường Võ Cử, quân Huệ tấn công, Sầm cùng khốn phải thắt cổ tự tử. Vua mật sai người đến đón Thái hậu và nguyên tử, rồi lại chạy sang nhà Thanh. Nhà Lê bèn mất.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu 5

QUYỂN XX

HY TÔNG CHƯƠNG HOÀNG ĐẾ 15

QUYỂN XXI

DỤ TÔNG HÒA HOÀNG ĐẾ 60

QUYỂN XXII

HÔN ĐỨC CÔNG 119

Ý TÔNG HUY HOÀNG ĐẾ 156

HIỂN TÔNG VĨNH HOÀNG ĐẾ (1740-1753) 180

HIỂN TÔNG VĨNH HOÀNG ĐẾ (tiếp theo) (1754-1766) 256

HIỂN TÔNG VĨNH HOÀNG ĐẾ (tiếp theo) (1767-1773) 318

HIỂN TÔNG VĨNH HOÀNG ĐẾ (tiếp theo) (1774-1786) 386

PHỤ CHÉP: (73A) ĐỊA DƯ VÙNG QUẢNG THUẬN 415

CHIÊU THỐNG ĐẾ
(VUA CHIÊU THỐNG) 508

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com
Điện thoại: (024) 39260024 * Fax: (024) 39260031

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ
TỤC BIÊN
(1676-1789)

*

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc
BÙI VIỆT BẮC
Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập
LÝ BÁ TOÀN

Biên tập:
ThS. NGUYỄN KHẮC OÁNH
Trình bày:
BẢO LỘC
Vẽ bìa:
STAR BOOKS

Liên kết xuất bản:
CÔNG TY CỔ PHẦN TRI THỨC VĂN HÓA SÁCH VIỆT NAM
(VINABOOK JSC)
Địa chỉ: 44 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (028) 35140632 * Fax: (028) 35140635

In 500 bản, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty Cổ phần In Scitech
Địa chỉ: D20/532H Nguyễn Văn Linh, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 2550 - 2018/CXBIPH/34 - 53/HĐ.
Số quyết định xuất bản: 0126/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 15/08/2018.
Mã số quốc tế - ISBN: 978-604-89-4825-2.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.

ĐẠI VIỆT SỬ KÝ TỤC BIÊN

(1676-1789)

Giá: 300.000 Đ

8 935075 943865

ISBN: 978-604-89-4825-2

9 786048 948252